VICHTƠ HUYGÔ

NHỮNG NGƯỜI KHỐN KHỔ

TIỂU THUYẾT
TẬP 1



vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN NƯỚC NGOÀI
• VĂN HỌC PHÁP

VICHTO HUYGÔ

NHỮNG NGƯỜI KHỐN KHỔ

Tiểu thuyết

TẬP I

(Trọn bộ 2 tập)

(In lần thứ VI)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Hà Nội — 2001

Người dịch: HUỲNH LÝ, VŨ ĐÌNH LIÊN
LÊ TRÍ VIỄN, ĐỖ ĐỨC HIẾU
Người xem lại toàn bản dịch: HUỲNH LÝ

LỜI GIỚI THIỆU

VÍCHTO HUYGÔ (Victor Huygo) là nhà văn lãng mạn lớn nhất của nước Pháp, thế kỷ XIX. Cuộc đời chiến đấu không ngừng của ông, những tác phẩm văn chương của ông phản ánh trung thành những biến cố lịch sử lớn lao, những cuộc cách mạng của nhân dân Pháp suốt thế kỷ XIX. Tác phẩm của ông tiêu biểu cho ý chí tự do, lòng tha thiết yêu hòa bình, lòng tin tưởng cao cả vào con người lao động. Bởi vậy, ngày nay ở mọi nước, người ta đều công nhận Vích to Huygô là một nhà văn tiến bộ không những của nước Pháp mà còn là của toàn thể nhân loại.

Năm 1952, nhân dân khắp thế giới đã tổ chức long trọng lễ kỷ niệm ngày sinh nhật lần thứ 150 của Huygô tại Viên, thủ đô nước Áo. Tác phẩm của ông đã được dịch ra rất nhiều thứ tiếng trên thế giới.

Vích to Mari Huygô sinh ngày 26 tháng 2 năm 1802 ở Bơdăngxông, một tỉnh nhỏ ở miền đông nước Pháp. Bố ông là một sĩ quan cao cấp thời kỳ Napôlêông đệ nhất. Mẹ ông thuộc một gia đình theo chủ nghĩa quân chủ, và ngoan đạo. Lúc còn nhỏ, Huygô sống với mẹ, chịu ảnh hưởng tư tưởng của mẹ. Nhưng từ thời thơ ấu, ông đã ở Pari "quê hương" của ông, quê hương của cách mạng Pháp, nên ông sớm hấp thụ những tư tưởng cách mạng, tinh thần dân chủ. Những năm còn nhỏ tuổi, Huygô theo bố mẹ sang Ý rồi sang Tây-ban-nha. Cảnh vật chói lọi ở những nước này sẽ để lại trong thơ văn của ông những hình ảnh tươi sáng, những kỷ niệm sâu sắc. Từ năm lên mười, Huygô ở hẳn Pari, học tại trường trung học Luilơ Gơrăng. Năm mười bốn tuổi, Huygô bắt đầu làm nhiều thơ, năm mười lăm tuổi được giải thưởng thơ của Viện Hàn lâm Pháp. Năm mười bảy tuổi, ông bỏ học để chuyên sáng tác.

Những tác phẩm đầu tiên của ông gợi lại thời kỳ Trung cổ phong kiến, biểu hiện tư tưởng quân chủ rõ rệt, nhưng đồng thời cũng đã có mầm mống của tư tưởng nhân đạo, chống đối lại chế độ nô lệ lúc bấy giờ.

Từ 1820 đến 1830, Huygô liên lạc với nhóm nhà văn lãng mạn và trở nên lãnh tụ của nhóm này. Ông mang hết thiên tài lỗi lạc và trái tim nồng nhiệt đấu tranh cho một nền văn học mới, tự do, chống đối lại thứ nghệ thuật gò bó, giả tạo của chủ nghĩa cổ điển lúc ấy đã lỗi thời. Năm 1827, ông viết vở kịch *Cơromuen*; bài tựa vở này được coi như bản tuyên ngôn của phái lãng mạn. Huygô chủ trương phá bỏ tất cả những luật lệ cổ điển, khắt khe và đòi hỏi phải tôn trọng hiện thực, đòi hỏi tự do tưởng tượng. Vở kịch *Hécnani*, diễn năm 1830, gây ra những cuộc chiến đấu và những cuộc tranh luận kịch liệt giữa phái cũ và phái mới. Nghệ thuật lãng mạn hoàn toàn thắng lợi. Trên những nguyên tắc hoàn toàn mới về kịch, Huygô viết một loạt những vở kịch lãng mạn: *Mariông Đơlormơ* (1829), *Luycơrét Borgia* (1833), *Mari Tuyđo* (1833) và đặc biệt *Ruy Bơla* (1838). Ông đưa lên sân khấu những hoàn cảnh vĩ đại, những con người đầy nhiệt huyết, những mâu thuẫn gay gắt nóng bỏng, những trái tim nồng cháy. Người ta chú ý nhất đến vở *Ruy Bơla*, trình bày nhân vật chính là một người đầy tớ có tâm hồn cao thượng và yêu tha thiết hoàng hậu Tây-ban-nha. Đó là cả một cuộc cách mạng về quan niệm kịch của Huygô, trái hẳn lại với quan niệm kịch cổ điển.

Từ sau 1830, bắt đầu một giai đoạn mới trong cuộc đời, cũng như trong sáng tác của Huygô. Phong trào cách mạng Pháp càng ngày càng mạnh mẽ. Từ 1830 đến 1832 tại một số thành phố lớn ở Pháp, nhất là ở Pari và Lyông, nhân dân lao động nổi dậy chống chính quyền tư sản phản động, Huygô có cảm tình đặc biệt với phong trào cách mạng. Trong bài tựa cuốn *Luycơrét Borgia* (1833), ông tuyên bố nhà văn phải "sáng tác đồng thời phải đấu tranh chính trị". Từ 1830, Huygô không ngừng sáng tác và không ngừng tích cực tham gia đấu tranh chính trị. Phái lãng mạn, thành hình từ 1810, đã có sự chia rẽ: một bên chủ trương nghệ thuật vì nghệ thuật, đứng đầu là Têôphin Gôchiê; một bên chủ trương nghệ thuật phục vụ dân sinh; Victo Huygô là người sáng lập ra dòng sau này. Đến năm 1859, ông viết cho thi sĩ Bôđơle: "Không bao giờ tôi chủ trương nghệ thuật vì nghệ thuật; bao giờ tôi cũng nói: nghệ thuật phải phục vụ cho tiến bộ". Huygô viết để phục vụ đấu tranh, phục vụ quần chúng. Trong tư tưởng của ông, đã có một chuyển hướng quyết định. Chế độ phản động của Lui XVIII, cuộc cách mạng 1830,

1832 là những nguyên nhân sâu sắc của sự biến chuyển trong tư tưởng của nhà văn.

Năm 1831, ông viết cuốn tiểu thuyết lịch sử vĩ đại *Nhà thờ Đức Bà Pari*, một cuốn tiểu thuyết lãng mạn tích cực điển hình. Ông đả kích kịch liệt bọn quý tộc, đề cao tấm lòng cao thượng, trong sáng của người bình dân. Cũng năm 1831, ông xuất bản tập thơ *Lá thu* trong đó ông viết: "Ta yêu tự do vì hoa và trái của tự do". Từ 1830 đến 1840, các tập thơ của ông đều thấm nhuần lòng xót thương thấm thía những kẻ khốn cùng, lòng tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân, lòng hy vọng vào tương lai loài người. Trong tập *Ngày cuối cùng của người tội nhân* (1829) và trong truyện ngắn *Cơlốtđơ, thằng cùng*, Huygô phản đối thống thiết tội tử hình trong luật pháp lúc bấy giờ.

Vào khoảng 1840, Huygô bỗng nhiên ngả về phái hữu. Ông bênh vực chế độ quân chủ chuyên chế, bênh vực tên vua trùm tư sản Lui Philíp, chống lại tư tưởng dân chủ. Năm 1841, ông được bầu vào Hàn lâm viện Pháp và năm 1845 được phong bá tước.

Nhưng sau 1848, trước sự phản bội của bọn quý tộc và bọn đại tư bản, Huygô trở nên chiến sĩ số một của tự do, dân chủ, của chế độ cộng hòa Pháp cho đến ngày cuối cùng. Từ cuộc đảo chính ngày 2 tháng chạp 1851, lật đổ chế độ cộng hòa, Huygô phải đầy ra nước ngoài, thoạt tiên ở Bỉ, rồi ra ở đảo Giécxây và Ghécnơxây suốt thời gian mười tám năm trời dưới chế độ đế chế thứ II. Ông cực lực chống lại Napôlêông III. Thời kỳ này, ông sáng tác những tập thơ và những bộ tiểu thuyết có giá trị nhất. 1852, ông viết *Napôlêông tiểu đế* và xuất bản tập thơ *Trừng phạt* năm 1853; ông lên án gay gắt sự phản bội, sự áp bức của triều đình Napôlêông III. "Người ta biết rằng Huygô rời bỏ nước Pháp và từ những hòn đảo của Anh-cát-lợi trong biển Măngsơ, ông đã nhóm ngọn lửa đấu tranh chống Napôlêông tiểu đế" (1). Huygô thực sự đã trở thành một chiến sĩ cách mạng, mang cả cuộc đời mình, thiên tài của mình để phục vụ cách mạng. Những tập thơ trên mở đầu cho giai đoạn thứ ba trong sự nghiệp sáng tác của ông.

Trong thời kỳ ở đảo Giécxây và Ghécnơxây, Huygô viết mấy bộ tiểu thuyết lớn: *Những người khốn khổ* (viết xong năm

(1) Aragông: *Bạn đã đọc Victo Huygô chưa?* (Nhà xuất bản *Les éditecurs Francais Réunis, 1952*).

1861), *Những người lao động ở biển* (1866) và đoạn đầu tập thơ *Thiên anh hùng ca của nhân loại* (1857-1883).

Những người khốn khổ là một cuốn tiểu thuyết xã hội hiện đại, một thiên anh hùng ca bằng văn xuôi. Huygô diễn tả cuộc đời trăm ngàn khổ cực và tâm hồn vô cùng cao thượng của một người tù khổ sai là Giăng Vangiăng, của một thiếu phụ bị xã hội tư bản tàn bạo chà đạp là Phăngtin, của một trẻ thơ anh dũng là Gavơrốt. Trong cuốn tiểu thuyết vĩ đại này, Huygô đứng hẳn về phía quần chúng, khi mô tả cuộc chiến đấu hùng tráng của nhân dân cần lao Pari nổi dậy năm 1832 chống lại chính quyền phản động lúc bấy giờ.

Trong bộ tiểu thuyết *Những người lao động ở biển*, Huygô mô tả cuộc đấu tranh của chàng đánh cá Giliát với biển cả và sự hy sinh cao quý của chàng cho hạnh phúc của người chàng yêu tha thiết, Đêruysét.

Thiên anh hùng ca của nhân loại gồm những bài thơ hào hùng ca ngợi sự tiến bộ của loài người từ bóng tối nguyên thủy tiến lên một tương lai rực rỡ.

Năm 1859, Napôlêông III ân xá cho Huygô, nhưng Huygô không chịu trở về nước Pháp. Ông nói: "Giữ trọn lời thề với lương tâm, tôi chịu đến cùng số phận của Tự do. Tự do đã bị trục xuất khỏi đất Pháp, khi nào Tự do trở về đất nước, tôi sẽ trở về cùng với Tự do".

Năm 1870, đế chế thứ II sụp đổ, Huygô trở về Pari. Tuy đứng về lý tưởng xã hội, ông không tán thành Công xã Pari, nhưng ông thông cảm sâu sắc với giai cấp công nhân nổi dậy làm cách mạng và khâm phục họ. Sau khi phong trào bị dập tắt, ông đứng dậy phản kháng những sự trả thù, khủng bố trắng trợn của bọn thống trị phản động. Ông đòi ân xá cho tất cả những người tham gia Công xã và cho một số người trốn ở nhà ông tại Bỉ. Cuộc cách mạng vĩ đại này là nguồn cảm hứng cho một tập thơ có giá trị lớn của ông là tập *Năm khủng khiếp* (1870-71). Ở đây, thi hào ca ngợi con người vô sản đứng lên làm cách mạng và kết án những kẻ nhúng tay vào biển máu để trả thù những người yêu nước. Năm 1874, ông hoàn thành cuốn tiểu thuyết *Chín mươi ba*, bắt đầu viết từ những năm còn ở ngoài đảo. Ông mô tả lại cuộc cách mạng 1789-1794, coi đó như một sự kiện lớn nhất trong lịch sử thế giới hiện đại.

Những năm cuối cùng, ông viết *Nghệ thuật làm ông*, đầy tình thương yêu con trẻ và hoàn thành tập thơ *Thiên anh hùng ca của nhân loại*.

Vichto Huygô chết ngày 22 tháng năm 1885, được toàn thể nhân dân Pháp thương tiếc. Ngày đưa tang ông được coi như ngày quốc tang. Những cựu chiến sĩ cách mạng Công xã Pari kêu gọi mọi người tưởng nhớ đến nhà đại văn hào đã hết lòng ủng hộ những người lao động tham gia Công xã.

*

* *

Cuộc đời của Huygô nằm suốt cả trong thời kỳ bão táp cách mạng của Pháp và của châu Âu, thế kỷ XIX. Ông sinh trước ngày đế chế thành lập và chết sau Các Mác hai năm. "Tác phẩm của ông ra đời trên đống gạch đổ nát của ngục Baxti và chấm dứt khi những nghiệp đoàn thợ thuyền sắp sửa tuyên bố rằng mùa xuân sẽ thuộc về họ ngày 1 tháng năm tại Sicagô. Vichto Huygô là tấm gương phản chiếu cách mạng Pháp" (1).

Quả vậy Huygô đã tiến từ xu hướng quân chủ đến tư tưởng dân chủ xã hội, từ nghệ thuật lãng mạn đến xu hướng hiện thực.

Cuộc đời và tác phẩm của ông tiêu biểu cho cuộc phấn đấu không ngừng cho cách mạng, cho tự do dân chủ, cho hòa bình hữu nghị giữa các dân tộc.

Năm 1849, ở Đại hội quốc tế lần thứ nhất, những người Bạn của Hòa bình họp tại Pari, Huygô có nói: "Tư tưởng hòa bình là ở khắp thế giới, là tài sản của tất cả các dân tộc, mọi người đòi hỏi hòa bình vì hòa bình là hạnh phúc tối cao của họ". Huygô đã hết sức bênh vực Giôn Brao, người lãnh tụ phong trào đòi hỏi tự do cho người da đen ở Mỹ, bị chính phủ Mỹ kết án tử hình. Huygô ủng hộ cuộc cách mạng ở Iếclăng, ủng hộ nhân dân đảo Síp khởi nghĩa chống bọn thống trị Thổ-nhĩ-kỳ, ủng hộ cuộc khởi nghĩa của nhân dân Cuba chống bọn thực dân Tây-ban-nha.

Là lãnh tụ của phái lãng mạn, ông luôn luôn trung thành với những tư tưởng lãng mạn tích cực, chống đối lại xu hướng lãng mạn tiêu cực, thoát ly. Ông chế giễu bọn nhà văn hô hào nghệ thuật thuần túy và đòi cho được nghệ thuật phải phục vụ chân lý, phản ánh thực tế. Huygô đề ra nhiệm vụ của nghệ

(1) Aragông. Sách dẫn trên.

thuật là phải phục vụ lợi ích của nhân dân; sức mạnh của văn chương là ở mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân.

Chủ nghĩa lãng mạn của Huygô thấm nhuần tinh thần nhân đạo chủ nghĩa. Nó rất gần chủ nghĩa hiện thực. Aragông gọi Huygô là "nhà thơ hiện thực". Tác phẩm của Huygô phản ánh đời sống cùng cực của nhân dân dưới chế độ tư bản, phản ánh tâm địa xấu xa bỉ ổi của bọn quý tộc, bọn tư sản thống trị của thời đại. Tác phẩm của ông cũng mô tả được những con người lao động vùng dậy làm cách mạng.

Tuy vậy, cũng phải thấy ngay rằng Víchto Huygô chịu ảnh hưởng nặng của tôn giáo và mức tư tưởng cao nhất của ông là một thứ chủ nghĩa xã hội không tưởng kiểu của Xanh Ximông, Phuriê (1) hồi đầu thế kỷ XIX. Thế giới quan của ông, bởi thế bị hạn chế rất nhiều. Ông không nhận định được quy luật phát triển của xã hội. Ông tin tưởng rằng chỉ có tư tưởng mới có thể giải phóng được loài người. Bởi vậy, những nhân vật ông xây dựng thường là những nhân vật có tâm hồn cao thượng, đầy lòng hy sinh nhưng ít chiến đấu tính. Tiểu thuyết của ông thường có những đoạn lý thuyết về luân lý, đạo đức, tôn giáo. Ông rất sợ những cuộc cách mạng đổ máu.

Cuộc đời của Víchto Huygô là cuộc đời đấu tranh không ngừng cho chính nghĩa, cho tự do, hòa bình, dân chủ. Tác phẩm của ông thấm nhuần tư tưởng nhân văn chân chính.

Ngày nay, nhân dân các nước rất ham đọc tác phẩm của Víchto Huygô. Ở Pháp, cách đây ít lâu, báo *Nhân đạo* đã đăng lại bộ tiểu thuyết *Những người khốn khổ* có minh họa. Trong

(1) *Saint Simon* (1760-1825) là một nhà nghiên cứu khoa học, người Pháp, có lòng yêu tha thiết loài người, căm ghét bọn quý tộc địa chủ và bọn tư sản đầu cơ. Ông chủ trương cải tạo xã hội tư sản và xây dựng xã hội không có người bóc lột người, nhưng Saint Simon chưa thấy rõ những mâu thuẫn giai cấp trong xã hội tư bản, nên chủ trương của ông đi đến thất bại hoàn toàn.

Chales Fourier (1772-1837) là một nhà kinh tế học người Pháp, lên án kinh doanh vô tổ chức trong kinh tế tư bản. Ông bênh vực thợ thuyền là "người làm ra tất cả mà chịu sống đời sống khổ cực". Ông chủ trương một nền kinh tế có kế hoạch, nhưng thủ tiêu đấu tranh giai cấp, nên cũng chỉ đi đến thất bại.

thời gian phát xít Đức chiếm đóng nước Pháp, một đội du kích Pháp đã lấy tên Gavơrốt làm tên đội.

Ở Việt Nam trước kia đã có nhiều người dịch thơ của Huygô và Nguyễn Văn Vĩnh đã dịch bộ "*Những người khốn khổ*" với nhan đề bản dịch là "*Những kẻ khốn nạn*".

*

* *

NHỮNG người khốn khổ là một bộ truyện lớn nhất mà cũng là một tác phẩm có giá trị nhất trong sự nghiệp văn chương của Víchto Huygô. Ông suy nghĩ về tác phẩm này và viết nó trong ngót ba mươi năm và hoàn thành năm 1861.

Ngay từ năm 1829, Huygô đã có ý định viết một cuốn tiểu thuyết về người tù khổ sai. Sau 1830, Huygô đặc biệt chú ý đến những vấn đề xã hội, nhận xét những bất công trong xã hội. Ông nhận thấy những kẻ tội phạm, những con người sa đọa về tinh thần tựu trung cũng chỉ là nạn nhân của xã hội tư bản tàn ác. Ông tin tưởng rằng những con người ấy có thể cải tạo được bằng đường lối giáo dục nhân đạo. Ông nhận thức được rõ ràng nhiệm vụ cao quý của nhà văn là phải góp phần cải tạo xã hội, đấu tranh cho tự do, hạnh phúc của loài người.

Cũng vào những năm 1830, trước phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân lao động, một phong trào viết tiểu thuyết xã hội dâng cao ở Pháp, Giôocgiơ Xăng cho ra đời cuốn *Lêlia*, năm 1832; năm 1842, Ogien Xuy đăng tập truyện *Bí mật thành Pari*.

Víchto Huygô bắt tay vào công việc sưu tầm tài liệu và bắt đầu viết bộ tiểu thuyết này, thoạt đầu gọi là *Những cảnh cùng khổ*, vào năm 1840. Năm 1854, *Những cảnh cùng khổ* đổi thành *Những người khốn khổ*. Sau một thời gian gián đoạn, Huygô hoàn thành bộ truyện năm 1861. Đến năm 1862 thì bộ truyện xuất bản đồng thời ở Bơruýchxen (Bỉ) và ở Pari. Trong bốn tiếng đồng hồ đầu tiên ngày phát hành tập I, đã bán tới 3.500 cuốn.

Những người khốn khổ là bức tranh của cả một xã hội. Nó đề cập đến những vấn đề lớn lao trong xã hội Pháp đầu thế kỷ XIX, mà cũng là của tất cả các xã hội tư sản. Đó là một bản hùng ca của thời đại. Víchto Huygô sau khi hoàn thành bộ tiểu thuyết này đã nói: "Quyển truyện này là một trái núi". Quả

thế, "một trái núi", không những vì số trang của nó, vì những vấn đề to lớn nó bàn tới, mà chính là vì nó thấm nhuần những tư tưởng nhân đạo, vì nó ca ngợi đạo đức cao cả của nhân dân lao động, ca ngợi tự do, dân chủ chống lại cường quyền, chống lại áp bức, bóc lột. Đó là lòng thương cảm sâu xa đối với những con người bị xã hội chà đạp, lòng tin vào tâm hồn cao thượng của họ. Giăng Vangiăng bị xã hội tư sản bóp nghẹt, chăng lưới bao vây, lùng bắt cho đến chết, vẫn sống một cuộc sống hy sinh cao quý vì những kẻ bị xã hội ruồng bỏ. Phăngtin bị xã hội đạp xuống, vẫn là một tâm hồn thanh cao, là một tấm gương sáng của tình mẹ con. Gavơrốt là một đứa trẻ bị vứt trên lề đường Pari, vẫn là một tâm hồn thơ ngây, yêu đời, dũng cảm, nghĩa hiệp. "*Những người khốn khổ*" còn là một bản phản kháng đối với cái trật tự của xã hội tư sản nó đè bẹp những người nghèo khổ như là một thứ "định mệnh nhân tạo" và biến những người vì miếng cơm manh áo mà làm tên lính bảo vệ nó, thành những cái máy mù quáng, tàn nhẫn.

Những người khốn khổ là một tác phẩm chan chứa tinh thần lãng mạn cách mạng. Huygô là một nhà văn lãng mạn. Ông thường dùng phương pháp xây dựng những hình tượng to lớn để mô tả những tâm hồn siêu việt, những đột biến cao cả trong lòng người, gây những ấn tượng hùng vĩ cho người đọc. Những nhân vật chính diện đều sáng ngời đức hào hiệp, hy sinh.

Những người khốn khổ còn ghi lại những nét hiện thực về xã hội Pháp vào khoảng 1830. Cái xã hội tư sản tàn bạo được phản ánh trong những nhân vật phản diện như Giave, Tênácđiê. Tình trạng cùng khổ của người dân lao động cũng được mô tả bằng những cảnh thương tâm của một người cố nông sau trở thành tù phạm, một người mẹ, một đứa trẻ sống trong cảnh khủng khiếp của cuộc đời tối tăm, ngạt thở. Dưới ngòi bút của Huygô, Pari ngày cách mạng 1832 đã sống dậy, tưng bừng, anh dũng, một Pari nghèo khổ nhưng thiết tha yêu tự do.

Ưu điểm lớn nhất của Huygô là khi diễn tả xã hội tư sản, ông không chỉ diễn tả một số nhân vật độc ác, tàn nhẫn, vô lương tâm mà ông trình bày chế độ như một thực thể nhất trí trong việc áp bức, bóc lột, ruồng rẫy những người cùng khổ, đè lên người họ như một thứ định mệnh khốc liệt với các thứ công

cụ ghê tởm như tòa án, tổ chức cảnh binh, quân đội, nhà tù, với báo chí, dư luận, thành kiến, tập quán.

Trong *Lời nói đầu* bộ *Những người khốn khổ*, Huygô đã nhấn mạnh ý nghĩa sâu xa của tác phẩm. Ông nói rằng trong cái xã hội văn minh ngày nay mà còn những địa ngục đày đọa con người thì "những quyển sách như loại này còn có thể có ích". Với quan niệm nghệ thuật phục vụ đời sống như vậy, Huygô đã sáng tạo có ý thức một tác phẩm có ảnh hưởng lớn trong công cuộc đấu tranh chung của loài người chống áp bức và bóc lột.

Nhưng cũng như tất cả những người chưa nắm được chủ nghĩa xã hội khoa học, con đường thoát của xã hội mà ông tưởng tượng ra rất là duy tâm, không tưởng. Lý tưởng của ông là làm sao cho con người được như giám mục Mirien quên mình vì kẻ nghèo khổ, như ông Mađơlen (Giăng Vangiăng) kinh doanh công nghiệp để cho thợ có chỗ làm ăn, tiền lời dùng một phần quan trọng vào việc cải thiện đời sống cho thợ, tổ chức y tế, cứu tế trong xưởng, đề cao thuần phong mỹ tục. Làm sao cho con người trở nên tốt như thế? Ông Mirien toàn thiện là nhờ đức tin, Giăng Vangiăng trở nên tốt là cũng nhờ sự cảm hóa của Chúa, gián tiếp qua ông Mirien. Giăng Vangiăng là một điển hình nạn nhân xã hội khi anh nghèo đói, khi anh bị tù tội cũng như khi anh bị săn đuổi, tấm lòng nhân ái, hào hiệp vô biên của Vangiăng là một biểu tượng đẹp đẽ của tư tưởng nhân đạo của con người. Nhưng con đường cải tạo mà tác giả nghĩ ra cho anh thì lại quá cá biệt, gần như vô lý. Làm sao giải thích được chỉ một cử chỉ nhân đạo của giám mục Mirien đã dắt dẫn con người tối tăm ấy ra ngay chỗ ánh sáng rực rỡ, trong chốc lát biến một anh trộm cướp quen tay nên một người lương thiện, thay đổi một con người vì mười chín năm lao lý mà hóa ra thù hằn xã hội thành ra một con người yêu đời, bác ái, làm sao giải thích được sự biến chuyển đột ngột và triệt để ấy nếu không viện lẽ thần bí của Chúa?

Đối với Huygô, Chúa ở khắp nơi. Tuy có thấy một đôi điều ngớ ngẩn, giả dối, ngu dốt trong tu viện và óc danh lợi, tính xa hoa của đa số bọn giám mục, giáo chủ, Huygô không một phút

nào nghĩ ngờ tôn giáo và đặt câu hỏi về Chúa. Trong *Những người khốn khổ*, không có dấu hiệu nào chứng tỏ rằng ông bắt đầu đoán thấy tôn giáo đã thành một công cụ của thống trị trong khi ấy ông thấy về cảnh binh, tòa án, quân đội tư sản khá rõ. Trái lại ông cho "đức tin là lành" và Chúa là sự giải đáp cho tất cả. Trong truyện, người Giacôbanh già đã đả phá cường quyền, lên án chuyên chế khi nói đến Chúa cũng nhất trí với viên giám mục và chịu phép ban phúc khi từ trần. Huygô cũng không nhận định được rõ bản chất tư sản phản động của đế chế Napôlêông đệ nhất và chế độ Lui Philíp, nên trong tác phẩm, nhiều lúc ông ca ngợi những người đại diện của hai chế độ ấy. Thuật lời lẽ và ý nghĩ của nhân vật, tác giả lồng vào nhiều ý kiến về nhân sinh quan và vũ trụ quan của mình, trong ấy có nhiều điểm độc đáo, tiến bộ, nhưng cũng có một số điểm người đọc ngày nay cần lấy lập trường khoa học mà xét lại.

Cách mạng ở chỗ chống áp bức bóc lột, đòi tự do, đòi công lý, Vích to Huygô vẫn là cải lương ở giải pháp. Với ông, làm cách mạng là để thay người xấu bằng người tốt, ban bố các quyền tự do, cải cách xã hội, mở trường học, dựng một chính quyền lấy tôn giáo chân chính làm hướng đạo, lấy yêu nước, dân chủ và nhân đạo làm châm ngôn. Vấn đề xóa bỏ trật tự cũ, thủ tiêu giai cấp chưa được bàn tới. Ông tin tưởng nồng nhiệt vào luật tiến hóa xã hội, nhưng theo ông, yếu tố chủ yếu của tiến hóa là sự cải tạo tư tưởng của con người. Ngày nay ai cũng biết là lý tưởng xã hội theo như ông muốn không thể thực hiện được bằng cuộc cách mạng như ông quan niệm. Chỉ có giai cấp công nhân dẫn đầu nhân dân lao động đứng lên lật đổ tư bản đế quốc, kiến thiết xã hội xã hội chủ nghĩa, mới có thể đem lại công ăn việc làm, tự do, kiến thức đầy đủ cho tất cả mọi người; và cái mộng cải tạo tư tưởng con người của ông cũng chỉ thực hiện được khi chính quyền đã ở trong tay giai cấp vô sản.

Mặc dù có mấy nhược điểm ấy, *Những người khốn khổ* vẫn là một bộ tiểu thuyết lớn của thế giới, thấm nhuần một tinh thần nhân đạo cao cả, tiến bộ rõ rệt và có giá trị lâu dài.

NHÓM BIÊN DỊCH

Khi pháp luật và phong hóa còn đầy đọa con người, còn dựng nên những địa ngục ở giữa xã hội văn minh và đem một thứ định mệnh nhân tạo chồng thêm lên thiên mệnh; khi ba vấn đề lớn của thời đại là sự sa đọa của đàn ông vì bán sức lao động, sự trụy lạc của đàn bà vì đói khát, sự cằn cỗi của trẻ nhỏ vì tối tăm, chưa được giải quyết; khi ở một số nơi đời sống còn ngạt thở; nói khác đi và trên quan điểm rộng hơn, khi trên mặt đất, dốt nát và đói khổ còn tồn tại thì những quyển sách như loại này còn có thể có ích.

Hôtơvin-haodơ ngày 1-1-1862

PHẦN THỨ NHẤT

PHĂNG TIN

QUYỂN THỨ NHẤT

MỘT CHÍNH NHÂN QUÂN TỬ

I

ÔNG MIRIEN

Năm 1815, ông Sáclơ Frăngxoa Biêngvơnuy Mirien làm giám mục ở Đinhơ. Đó là một ông lão chừng bảy mươi lăm tuổi, được cử về đây từ năm 1806. Điều sau đây chẳng dính dáng tí gì đến nội dung câu chuyện chúng tôi kể, nhưng nêu ra đây những tiếng đồn, những lời bàn tán về ông lúc ông đến địa phận, có lẽ cũng không đến nỗi vô ích, dù chỉ là để cho mọi việc được chính xác. Đúng hay sai, miệng thế thường chiếm trong cuộc đời, nhất là trong vận mệnh người khác, cũng nhiều chỗ bằng công việc họ làm. Ông Mirien là con một vị bồi thẩm ở tòa thượng thẩm Etxơ, dòng quí tộc văn thần. Người ta kể rằng, ông thân sinh định dành cho ông thừa kế chức vụ mình, nên đã kiếm vợ cho ông rất sớm, từ lúc ông còn mười tám đôi mươi gì đấy, theo một thói tục khá phổ biến trong các gia đình tư pháp. Sáclơ Mirien đã có vợ rồi đấy, nhưng theo dư luận, vẫn làm cho người ta nói về mình khá nhiều. Ông ta tầm vóc hơi thấp bé, nhưng dáng người cân đối lại phong nhã, duyên dáng, hóm hỉnh: cả quãng đời thanh niên chỉ dành cho việc giao du và trò ong bướm. Cách mạng xảy đến, sự biến dồn dập, các

gia đình tư pháp bị tổn vong, xua đuổi, truy lùng, tản mát mọi nơi. Ngay từ những ngày đầu Cách mạng, Sáclơ Mirien đã di cư sang ý. Vợ ông ta chết bên ấy vì một bệnh phổi mắc sẵn từ lâu. Hai vợ chồng không có con. Sau đó cái gì xảy ra trong thân thế Mirien? Sự sụp đổ của xã hội cũ, sự sa sút của chính gia đình mình, những cảnh tượng bi thảm năm 93 (1), có lẽ càng ghê sợ hơn đối với những kẻ di cư, vì đã hoảng hốt mà ở xa thì nhìn cái gì cũng thành phóng đại, tất cả những cái đó phải chăng đã gieo vào trí ông ta những ý nghĩ từ bỏ công danh, mến đời ẩn dật? Có phải, giữa những cuộc vui chơi và những tình cảm choán hết cuộc đời, bỗng dưng ông bị giáng một đòn thần bí, kinh khủng, ngón đòn có khi chỉ vì đánh trúng tim nên quật đổ con người mà lâu nay các tai họa công cộng đánh vào cuộc sống và tài sản không sao lay chuyển nổi? Không một ai có thể trả lời được. Chỉ biết một điều là khi từ ý trở về, ông ta đã là một cố đạo.

Năm 1804, ông Mirien làm cha xứ ở Brinhôn. Ông đã già và sống cuộc đời ẩn dật.

Vào khoảng lễ đăng quang, ông phải lên Pari vì có chút việc của nhà xứ, việc gì thì không ai nhớ nữa. Trong số những nhà quyền thế mà ông đến nhờ vả cho con chiên của ông, có đức giáo chủ Phêch. Một hôm hoàng đế đến thăm cậu, ông linh mục có đức độ ấy đang đợi ở phòng khách nên gặp ngài lúc ngài đi qua. Ngài thấy ông già nhìn mình có vẻ tò mò, liền quay lại đột ngột hỏi:

(1) 1793: Năm Cách mạng Pháp trấn áp kẻ thù dữ dội nhất và xử tử cả vua Lui XVI. Cũng có những vụ trừng trị sai lầm nhất định. (Những chú thích trong bản dịch này đều là của người dịch, trừ một vài chú thích có ghi "của nguyên bản").

II

ÔNG MIRIEN THÀNH ĐỨC CHA BIÊNGVƠNUY (1)

Dinh giám mục thành Đinhơ ở sát ngay nhà thương. Đó là một tòa biệt thự to lớn và lịch sự, xây toàn bằng đá từ đầu thế kỷ trước. Người xây dựng nó là đức cha Hăngri Puygiê, tiến sĩ thần học trường đại học Pari, viện trưởng tu viện Ximo, từ năm 1712 làm giám mục thành Đinhơ. Tòa biệt thự này quả là một lâu đài lãnh chúa. Chỗ nào cũng uy nghi, nhà riêng của giám mục, phòng khách, phòng ngủ, sân chơi rộng rãi với những lối dạo có vòm cuốn, theo kiểu Phơlorăngxơ thời xưa, vườn thênh thang đầy những cổ thụ. Phòng ăn cao rộng, đẹp đẽ, ở ngay từng dưới, trông ra vườn. Ở đấy ngày 21 tháng bảy 1714, đức cha Hăngri Puygiê đã thết tiệc trọng thể các đức cha Sáclơ Bruyla đơ Giangli, tổng giám mục - hoàng thân ở Ămbroong, Ăngtoan đơ Mêgrinhi, tu sĩ dòng thánh Frăngxoa, giám mục ở Grát, Philíp đơ Văngđôm, Pháp quốc lễ thần, viện trưởng tu viện Thánh Ônôrê đơ Lôranh, Frăngxoa đơ Béctông đơ Griông, giám mục - nam tước ở Văngxơ, Xêda đơ Xabrăng đơ Forcankiê, giám mục - thống đốc ở Glăngđơve, và Giăng Xôanen, linh mục giảng viện, giảng sư bình thời của nhà vua, giám mục - thống đốc ở Xơnê. Gian phòng bày chân dung bảy nhân vật cao quí ấy, còn cái ngày đáng ghi nhớ, ngày *29 tháng bảy 1714*, thì được khắc bằng chữ vàng trên một cái bàn cẩm thạch trắng.

(1) *Bienvenu* là tên đệm của ông Mirien nhưng cũng có nghĩa là "*người được mong đợi*".

Nhà thương là một ngôi nhà thấp, chật hẹp có độc một tầng gác với một mảnh vườn nhỏ.

Vừa đến Đinhơ được ba hôm, đức giám mục sang thăm nhà thương. Thăm xong, ông cho mời viên giám đốc đến nhà riêng.

- Ông giám đốc bệnh viện, lúc này ông có bao nhiêu bệnh nhân?

- Bẩm có hai mươi sáu người.

- Đúng, tôi cũng đã đếm.

- Giường họ nằm kê sát nhau quá, -viên giám đốc nói tiếp.

- Tôi cũng đã nhận thấy vậy.

- Phòng dưỡng bệnh chỉ là những buồng con, không khí tù hãm.

- Tôi cũng thấy hình như thế.

- Lại còn cái vườn khí nhỏ quá, không đủ chỗ cho những người mới hồi phục ra chơi khi trời nắng ấm.

- Tôi cũng nghĩ vậy.

- Vào hồi có bệnh dịch, như năm nay vừa có dịch thương hàn, năm kia có dịch sốt phát ban, người đến chữa có lúc hàng trăm, chúng tôi chẳng còn biết xoay xở ra sao.

- Tôi cũng đã lo có điều như vậy.

- Bẩm Đức cha, cũng đành thôi, chứ biết làm thế nào -viên giám đốc nói.

Hai người nói chuyện ở ngay chỗ phòng ăn rộng lớn dưới nhà. Ông giám mục trầm ngâm một lúc rồi quay phắt lại hỏi viên giám đốc:

- Này, ông thử tính xem riêng phòng này kê được bao nhiêu giường ?

Viên giám đốc sửng sốt kêu:

- Phòng ăn của Đức cha !

Ông giám mục nhìn quanh nhà, như ước lượng, rồi lẩm bẩm:

- Dễ kê được đến vài chục giường! -Rồi ông ta nói to: Này, ông giám đốc, tôi nói điều này: theo tôi thì có lẽ có sự nhầm lẫn gì đây. Các ông đến hăm sáu người, mà xếp vào năm sáu căn buồng con. Còn chúng tôi ở đây có ba người mà chiếm cả một ngôi nhà có thể chứa sáu chục. Đúng là người ta nhầm. Các ông đã chiếm nhà tôi, còn tôi thì lại ở nhà các ông. Xin ông trả lại nhà cho tôi. Nhà của các ông là ở bên này đây.

Ngay hôm sau, hai mươi sáu bệnh nhân nghèo được sang ở dinh giám mục và ông giám mục dọn đến ở bên nhà thương.

Ông Mirien chẳng có của cải gì. Cha mẹ ông đã bị phá sản trong thời kỳ cách mạng. Bà em có món thực lợi chung thân mỗi năm hưởng năm trăm phơrăng tiền lời đủ cho bà chi dùng riêng về phần mình. Lương đồng niên giám mục được mười lăm nghìn phơrăng. Ngay hôm dọn sang ở bên nhà thương, ông quy định một cách cố định việc chi dùng số tiền ấy.

Chúng tôi chép lại dưới đây sổ chi tiêu đó, do chính tay ông viết lấy:

Bản ghi những khoản chi tiêu trong nhà:

Cấp cho tiểu chủng viện	1500 phơrăng
- Hội giảng đạo	100 -
Cấp cho Nhà tu dòng Laza ở Mông đi đi ê	100 -

- Trường tu sĩ hội Truyền giáo nước ngoài ở Pari	200	-
- Hội đức Thánh Thần	150	-
- Cơ sở giáo hội ở Đất thánh	100	-
- Nhà dục anh	300	-
Cấp riêng cho nhà dục anh ở Aclơ	50	-
Công cuộc cải thiện nhà lao	400	-
Công cuộc ủy lạo tù nhân và phóng thích tù nhân	500	-
Để phóng thích những gia trưởng bị tù vì nợ	1000	-
Phụ cấp các thầy giáo ít lương trong địa phận	2000	-
Cấp cho kho lúa nghĩa thương vùng Thượng Anpơ	100	-
Cấp cho các trường con gái nghèo của Hội từ thiện ở Đinhơ, Manôxcơ và Xixtơrông	1500	-
Cấp cho kẻ khó	6000	-
Khoản chi tiêu riêng cho mình	1000	-
Tổng cộng:	15000 phơrăng	

Suốt thời gian ở Đinhơ ông không hề thay đổi một khoản nào trong bản dự toán đó. Thế mà ông bảo là đã *dự toán các khoản chi tiêu trong nhà* rồi đấy.

Cách sử dụng đồng tiền như vậy được cô em tuyệt đối tuân theo. Đối với người đàn bà đức hạnh, ông giám mục vừa là bậc anh, vừa là Đức cha. Trong gia

đình ông là người bạn, theo phép nhà thờ ông là bậc bề trên. Ông nói thì cô cúi đầu nghe. Ông làm thì cô em hưởng ứng. Chỉ có người đầy tớ già, bà Magơloa, là có kêu ca chút ít. Vì, như ta đã thấy, ông giám mục chỉ giữ lại cho mình có một nghìn phơrăng, cộng với số tiền dưỡng lão của cô Baptistin, vị chi một nghìn rưỡi phơrăng một năm, mà cả ba người ăn tiêu đều phải trông vào đấy cả.

Thế mà lần nào có một cha xứ ở dưới làng lên, ông giám mục cũng cứ giữ lại thết cơm. Được như thế là nhờ ở tính tiết kiệm nghiêm khắc của bà Magơloa và cách quản lý khéo léo của cô Baptistin.

Một hôm, bấy giờ ông đã làm giám mục ở Đinhơ được ba tháng, ông bảo:

- Như thế này thì ta cũng túng lắm nhỉ!

Bà Magơloa kêu lên:

- Làm gì mà không túng! Đức cha quên cả không xin lĩnh món tiền nhà nước cấp cho tòa giám mục làm tiền xe trong thành phố và tiền lộ phí kinh lý trong hạt. Đó là lệ của các giám mục ngày trước.

- Thế à ? Bà nói phải đấy.

Và ông làm giấy đòi khoản tiền đó.

Ít lâu sau, hội đồng hàng tỉnh, lưu ý đến đơn của tòa giám mục, bỏ phiếu chuẩn cấp cho ông món tiền hàng năm ba ngàn phơrăng theo khoản: *Chi cho đức giám mục về tiền xe ngựa và trạm phí, lộ phí kinh lý trong hạt.*

Việc này làm cho bọn tư sản trong tỉnh kêu ầm cả lên. Các vị nguyên lão nghị viên trước kia có cháu ở Viện Ngũ bách (1) và tán thành cuộc đảo chính ngày 18 tháng Sa mù (2) lại được hưởng một thái ấp lớn ở gần vùng Đinhơ, viết cho thượng thư bộ lễ, ông Bigô đơ Prêamơnơ, một bức thư mật giọng bực tức.

Xin trích nguyên văn một đoạn:

"... Tiền xe? Làm gì phải cần đến tiền xe ở một tỉnh chưa đến bốn nghìn dân? Lại tiền trạm phí và lộ phí kinh lý nữa? Đi kinh lý làm gì đã chứ? Mà đi xe trạm thế nào được trong xứ núi non này? Đường sá làm gì có. Chỉ có đi ngựa thôi. Đến như cái cầu trên sông Đuyrăng ở Satô Acnu cũng còn khó khăn mới cho nổi chiếc xe bò đi qua. Cái bọn cha cố đều như thế cả. Tham lam và keo bẩn. Lão này lúc mới đến cũng làm ra vẻ chân tu lắm, nay thì cũng y như bọn khác. Cũng đòi xe với kiệu! Cũng đòi xa hoa như các giám mục thời trước. Gớm cho bọn tu hú này! Thưa bá tước, bao giờ hoàng đế trừ xong cho dân ta cái nạn bọn áo dài đen này thì mọi sự mới được ổn thỏa. Đả đảo giáo hoàng! (Khi ấy triều đình đang có xích mích với tòa thánh La-mã). Về phần tôi, tôi chỉ biết có hoàng đế v.v..."

Việc ấy trái lại, làm bà Magoloa mừng rơn. Bà ta thì thào với cô Baptistin: "Có thế chứ! Đức cha chỉ quen nghĩ đến người khác, nhưng rồi cũng phải nhớ đến mình chứ. Các khoản làm phúc đã có đủ cả rồi. Ba nghìn

(1) Viện dân biểu gồm 500 người thời Cách mạng tư sản dân quyền Pháp, bị Bônapac giải tán năm 1799.

(2) Cuộc đảo chính 18 Brumaire của Bônapac (1799) thiết lập thể chế Tổng tài (Consulat) mà y là Tổng tài đệ Nhất, chuẩn bị cho nền Đế chế I.

phơrăng này là ba nghìn của chúng ta đây".

Ngay tối hôm ấy, ông giám mục đưa cho bà em tờ kê sau đây:

Chi tiêu về xe ngựa và lộ phí kinh lý trong hạt:

Cấp cho nhà thương để nấu xúp thịt cho bệnh nhân	1500 phơrăng
Cấp cho Hội dục anh ở Exơ	250 -
- Hội dục anh ở Đraguynhăng	250 -
- Nhà nuôi trẻ bỏ rơi	500 -
- Nhà nuôi trẻ mồ côi	500 -
Cộng...	3000 phơrăng

Đó là ngân sách của ông Mirien.

Còn những khoản thu bất thường của tòa giám mục như hủy đăng ký kết hôn, miễn trừ, rửa tội tạm, giảng kinh, công nhận nhà thờ, nhà nguyện, cưới xin v.v... thì cần làm phúc cho kẻ nghèo bao nhiêu ông ráo riết thu của người giàu bấy nhiêu.

Sau một thời gian ngắn, tiền quyên cúng đem đến rất nhiều. Người có, kẻ túng đều đến gõ cửa nhà ông: người này đến xin tiền mà kẻ kia vừa đem lễ. Thành ra chưa đầy một năm, ông giám mục hóa ra người thủ quỹ chung của các nhà hảo tâm và phát ngân viên của những người cùng khốn. Tính những món tiền qua tay ông thật là nhiều. Vậy mà cách sống của ông vẫn không hề thay đổi, không hề có thêm một khoản gì ngoài những cái tối cần thiết.

Hơn thế nữa, cũng vì trong xã hội, ở dưới có nhiều cảnh khốn cùng mà ở trên thì ít lòng bác ái, nên có thể nói thường tiền cúng chưa kịp vào đã phải phát ra; như gió vào nhà trống, tiền ông có thu vào mà chẳng bao giờ còn sót một đồng dính tay. Thành thử ông phải dốc túi ra.

Theo tục lệ, trên đầu giấy má, thư từ, các vị giám mục thường nêu tên thánh của mình. Nhân đó, những dân nghèo trong xứ, vì lòng kính mộ tự nhiên, đã chọn trong các tên và họ của ông, một tên theo họ là có ý nghĩa, và chỉ gọi ông là Đức cha Biêngvơnuy. Chúng tôi bắt chước họ và gọi ông như thế khi cần. Thực ra cách xưng hô ấy làm ông vừa ý. -Tôi thích cái tên ấy, ông nói. Chữ Biêngvơnuy làm cho chữ Đức cha bớt cách biệt.

Chúng tôi không dám cho bức chân dung mô tả đây là thực, chúng tôi chỉ xin nói là nó giống.

III

GIÁM MỤC GIỚI THÌ ĐỊA PHẬN KHÓ

Ông giám mục không phải vì đã đem tiền xe cộ ra làm phúc cả mà ít đi kinh lý. Cái xứ Đinhơ này quả là một địa phận vất vả. Đồng bằng thì ít, núi non thì nhiều, đường sá hầu như không có, trên kia đã thấy rồi; lại đến ba mươi hai xứ, bốn mươi mốt họ, và hai trăm tám mươi lăm chi. Đi thăm hết thẩy bấy nhiêu là cả một vấn đề. Ông giám mục vượt qua được tất cả. Gần thì ông đi bộ, đường đồng bằng thì ông đi xe bò, leo núi thì ông ngồi ghế cho la thồ. Hai bà già theo

ông cho có bạn. Chuyến đi nào đối với các bà quá khó nhọc thì ông đi một mình.

Một hôm ông đi lừa đến Xơnê, một thành phố xưa kia có tòa giám mục. Dạo ấy, túi tiền hầu như rỗng không, ông không thể đi lại cách nào khác. Viên thị trưởng ra đón ông ở cửa tòa giám mục và nhìn ông từ trên mình lừa bước xuống, ra vẻ khó chịu. Có mấy tên nhà giàu cười khúc khích chung quanh. -"Thưa ông thị trưởng, và cả các ngài tư sản nữa, tôi hiểu vì sao các ông bực bội rồi. Các ông cho là một thầy tu quèn phải hợm mình lắm mới cưỡi lừa như đức Chúa Giêsu trước kia! Thưa thật với các ông, tôi không hề có ý kiêu căng mà chỉ vì cần thiết quá".

Trong các chuyến kinh lý, ông tỏ ra độ lượng và hiền hòa, chuyện trò nhiều hơn là thuyết pháp. Ông không bao giờ đặt một đức tốt nào vào một chỗ mà không ai với tới được. Ông cũng chẳng bao giờ phải tìm xa những lý lẽ và những hình mẫu cho lời nói của mình. Nói chuyện với dân xứ này, ông nêu gương dân xứ bên cạnh. ở những tổng mà người ta hẹp lòng đối với kẻ túng bấn, ông nói: -"Hãy xem người Briăng-xông. Họ cho người nghèo, đàn gà góa, trẻ mồ côi quyền được cắt cỏ ở các đồng cỏ của họ trước mọi người khác ba ngày. Nhà cửa có bị đổ nát thì họ cất dùm lại cho, không lấy tiền. Vì thế, xứ ấy là một xứ được Chúa ban ân. Suốt một thế kỷ, một trăm năm nay, không hề có lấy một kẻ giết người".

Ở những làng chỉ biết có đồng tiền và hạt thóc, ông nói: -"Hãy xem người Ămbroong. Vào ngày mùa, người nào có con trai tại ngũ, con gái bận công việc nhà nước ở trên tỉnh, mà lại đau ốm hoặc gặp khó khăn, thì cha xứ đem ra nói với con chiên vào lúc giảng kinh. Thế là,

chủ nhật, xem lễ xong, hết thảy dân làng, đàn ông, đàn bà, trẻ con kéo đến ruộng con người đáng thương nọ, gặt hái hộ và mang cả thóc lẫn rơm rạ về tận nhà". -Gặp những gia đình chia rẽ vì chuyện tiền bạc và gia tài, ông bảo: - "Hãy trông dân vùng núi Đơvônny, một vùng hoang dại đến nỗi năm mươi năm không nghe họa mi hót một lần. Thế mà, bố chết, con trai liền đi tứ phương tìm kế sinh nhai, còn của cải thì nhường lại cho con gái để con gái dễ kiếm chồng". - Ở các tổng ưa kiện tụng, có nhiều tá điền suy sụp vì chạy theo các thứ đơn từ, ông nói: -"Hãy xem nông dân thung lũng Quâyra, họ rất thuần hậu. Họ có ba nghìn người ở đó. Trời! Cứ như một nước cộng hòa nho nhỏ. Họ chẳng hề biết đến thẩm phán, mõ tòa là gì. Mọi việc, xã trưởng làm tất. Ông phân bổ thuế khóa, từng nhà theo lương tâm mình, giải quyết không các vụ tranh chấp, chia hộ gia tài không lấy công, xử án không lấy án phí; và mọi người nghe theo, vì ông ta là một người công minh sống giữa những con người chất phác". Đến những làng không thấy có thầy học, ông cũng kể đến dân vùng Quâyra: -"Bà con có biết họ làm như thế nào không? Thường một xóm mươi lăm nóc nhà thì không nuôi nổi một thầy học, cho nên họ có những thầy giáo do cả xứ đài thọ, các thầy giáo đó đi hết xóm này đến xóm nọ, một tuần nơi này, mươi ngày nơi kia, đến đâu dạy đó. Các ông giáo hay đến các phiên chợ, tôi gặp họ ở đấy. Thấy họ dắt bút lông ngỗng trên băng mũ thì nhận ra ngay. Ai chỉ dạy đọc thì một lông, ai dạy đọc dạy tính thì hai lông, ai dạy đọc, dạy tính, dạy cả la tinh nữa thì ba lông. Những vị đó là những nhà đại thông thái. Còn dốt nát thì xấu hổ biết bao nhiêu! Bà con ta nên làm như người Quâyra".

Ông nói chuyện như vậy, nghiêm túc và thân tình, thiếu ví dụ sống thì dùng ngụ ngôn, đi thẳng vào đích, ít lời mà nhiều hình ảnh: đó là lối hùng biện của Chúa Giêsu, đầy tin tưởng và sức thuyết phục.

IV

NÓI SAO LÀM VẬY

Ông nói chuyện thân mật và vui vẻ. Sống với hai bà già suốt đời ở cạnh ông, ông khéo chọn lối ăn nói cho vừa tầm họ. Khi ông cười, cái cười của ông hồn nhiên như của một cậu học sinh.

Bà Magơloa thích gọi ông là *Ông lớn*. Một hôm ông đang ngồi trên ghế, đứng dậy ra chỗ ngăn tủ tìm một quyển sách. Sách để ở tận ngăn trên. Ông vốn thấp bé nên không với tới. Ông gọi bà Magơloa bảo: *Bà mang cho tôi cái ghế. Tôi tuy "lớn" nhưng vẫn không lớn tới tấm ván kia.*

Ông có một bà họ xa, bà bá tước Lô. Bà này không bao giờ bỏ lỡ dịp đem khoe khoang trước mặt ông những cái mà bà ta gọi là những "ngưỡng vọng" của ba cậu công tử con bà ta. Bà ta có những ông chú bà bác đã già lắm lại vô tự, gia tài, tước lộc, về sau thế tất là về tay ba người con bà. Cậu út rồi sẽ được hưởng đến mười vạn quan lợi tức của một bà cô; cậu thứ hai rồi sẽ được ấm phong tước công của ông bác; cậu cả rồi sẽ được kế chân quốc lão của ông nội. Ông giám mục thường vẫn ngồi lặng yên nghe chuyện bà tả, coi đó là một cái tật vô hại của các bà hay khoe con. Duy có một lần, trong khi bà ta đang kể đi kể lại tỉ mỉ những chuyện kế tự và những "ngưỡng vọng" đó, thì ông giám mục trông có vẻ thẫn thờ hơn mọi bận. Bà ta hơi bực mình, ngừng lại hỏi:

- Kìa ông anh! Ông đang nghĩ đi đâu thế?

Ông đáp:

- Tôi đang nghĩ đến một câu sách cũng hơi kỳ, hình như trong sách của thánh Ôguytstanh, như thế này:

"Hãy đặt ngưỡng vọng của ta vào người nào mà ta không thừa kế gì cả".

Một lần khác, ông nhận được tờ cáo phó của một nhà quí tộc trong xứ, trong đó kê đặc cả một trang giấy những chức tước của người đã khuất, lại còn la liệt những phẩm hàm chức tước của bọn con cháu họ hàng nữa. Ông bảo: Cái chết thế mà khỏe lạ! Mang nhẹ nhàng cả một mớ nặng chức tước! Kể người đời cũng tài thật, lợi dụng đến cả cái thây ma để khoe khoang hợm hĩnh!

Đôi khi ông có những lời giễu cợt nhẹ nhàng mà có ý nghĩa sâu sắc. Mùa chay năm nọ có ông phó xứ trẻ tuổi lên tỉnh giảng thuyết ở nhà thờ lớn về lòng từ thiện. Ông ấy giảng khá hùng hồn. Nội dung bài giảng là lòng từ thiện. Ông tả cảnh địa ngục thật ghê rợn và tô điểm thiên đường thành cảnh êm đẹp ai cũng thèm ước, và ông khuyên người giàu nên bố thí cho kẻ nghèo để được lên thiên đường, khỏi phải xuống địa ngục.

Trong bọn người nghe có một nhà phú thương tên là Giêbôrăng, đã nghỉ kinh doanh, song vẫn còn cho vay lãi nặng, trước đây chỉ chuyên dệt các loại len, dạ mà kiếm được dăm chục vạn. Cả đời hắn chẳng bố thí cho ai bao giờ. Từ hôm nghe giảng, chủ nhật nào cũng thấy hắn ném một xu cho mấy bà lão ăn mày ở cửa nhà thờ. Một xu mà đến sáu người phải chia nhau! Một hôm thấy lão ta đang làm phúc kiểu đó, ông mỉm cười bảo cô em:

- Kìa cô xem, ông Giêbôrăng đang mua một xu thiên đường đấy!

Trong công việc từ thiện không bao giờ ông nản chí. Người ta có khăng khăng từ chối, ông cũng tìm

được lời hay, bắt người ta phải suy nghĩ. Lần nọ ông khuyến quyên trong một phòng khách ở tỉnh. Một tay quý tộc đã già, vừa giàu lại vừa kiệt, hầu tước Săngtecxiê, hôm ấy có mặt ở đấy. Hắn ta vào loại nhân vật kỳ lạ mà một thời người ta đã thấy xuất hiện, vừa có đầu óc bảo hoàng hơn vua, vừa có tư tưởng phóng khoáng hơn cả Vônte([1]).

Khi đến gần hầu tước, ông giám mục kéo tay hắn: *"Hầu tước ạ, ngài phải cho tôi một cái gì mới được"*. Hắn quay lại, trả lời nhạt nhẽo: *"Thưa Đức cha, tôi đã có kẻ nghèo của tôi"*. Ông giám mục nói: *"Thì hãy cho tôi những kẻ nghèo đó!"*

Một hôm ở giáo đường, ông giảng đạo như sau:

"Các giáo hữu, các bạn thân mến! Hiện nay ở nước Pháp có một triệu ba mươi hai vạn cái nhà nông dân chỉ có ba cửa, một triệu tám trăm mười bảy ngàn nhà có hai cửa, một cửa ra vào, một cửa sổ, và còn ba mươi tư vạn sáu ngàn túp lều chỉ có một cửa là chỗ ra vào thôi. Cái đó là do một thứ mà người ta gọi là thuế cửa. Bắt những gia đình nghèo từ già đến trẻ phải chui rúc trong những chiếc nhà ấy thì tránh sao khỏi làm mồi cho sốt rét và bệnh tật ! Than ôi! Thượng đế đã cho người ta không khí để thở thì luật pháp lại bắt họ phải mua! Tôi không kết án luật pháp, tôi chỉ tạ ơn Chúa.

Trong hạt Ide, hạt Varơ, trong hai xứ thượng, hạ Anpơ, nông dân không có đến cả cái xẻ cút-kít, họ phải cõng phân ra ruộng. Họ không có nến, họ phải thắp bằng những que nhựa và những khúc dây

(1) *Voltaire*: một nhà văn và nhà triết học nổi tiếng thế kỷ XVIII ở nước Pháp, có tư tưởng tự do.

thừng nhúng vào dầu nhựa. Khắp miền núi xứ Đôphinê đều thế cả. Họ phải làm bánh ăn dự trữ sáu tháng. Họ đốt lò bánh bằng phân bò phơi khô. Mùa đông, họ dùng rìu bổ bánh, ngâm vào nước một ngày một đêm mới ăn được. Hỡi các giáo hữu! Hãy mở lòng nhân! Hãy xem chung quanh các bạn người ta khổ như thế nào".

Vốn sinh ở Prôvăngxơ, ông rất dễ làm quen với các thổ âm miền Nam. Khi cần ông có thể nói: *"Eh bé! Moussu, sès sagé?"* như người ở Lăngguđốc hạ, *"Onté anaras passa?"* như người Hạ Anpơ, cũng như *"Puerte un bouen montou embe un bouen froumage grase"* như người ở Đôphinê thượng. Điều đó làm dân chúng thích và giúp ông gần gũi mọi người khá nhiều. Vào nhà tranh vách đất hay lên chỗ núi non, ông cũng tự nhiên thoải mái như ở nhà mình. Nói những điều cao cả nhất ông cũng nói được bằng những lời lẽ thông tục nhất. Nói năng như mọi người nên cũng đi được vào lòng tất cả.

Tuy vậy, đối với hạng thượng lưu cũng như đối với dân chúng ông vẫn là một.

Ông không bao giờ buộc tội một cách vội vã mà không tính đến hoàn cảnh xung quanh. Ông nói: -Phải xét xem tội lỗi đã đi tới bằng con đường nào.

Vì vui vẻ tự cho mình là *nguyên tội nhân*, ông không hề nghĩ đến một kiểu dốc cheo leo nào của chủ nghĩa khắc nghiệt, và không cau mày nhăn mặt như những ông thiện, ông ác, ông chỉ lớn tiếng truyền bá một học thuyết có thể tóm tắt như sau:

"Con người ta có thể xác, nó vừa là gánh nặng vừa là nguồn quyến rũ. Con người kéo lê thể xác nhưng cũng chiều nể nó.

"Phải trông coi, uốn nắn, trấn áp, cùng kế lắm mới nghe theo nó. Nghe theo như vậy cũng còn có thể có tội; nhưng làm được như thế thì tội cũng nhẹ. Ngã, nhưng là ngã quì thì có thể chuyển sang cầu nguyện.

"Thành thánh thì ngoại lệ; thành người chính trực là qui tắc. Lầm lạc, sa ngã, phạm tội cũng được, nhưng phải là người chính trực.

"Càng ít tội lỗi càng tốt, đó là luật của người. Không tội lỗi nào cả, đó là mơ ước của thiên thần. Đã thuộc trái đất này thì thoát sao khỏi tội lỗi. Tội lỗi cũng như luật hấp dẫn, chi phối mọi người".

Có lúc ông thấy mọi người gào thét dữ tợn và phẫn nộ quá nhanh:

- Ồ! Ồ! - Ông vừa cười vừa nói - rõ ràng đấy là một tội ác lớn mà mọi người đều mắc phải. Đó chính là những kẻ đạo đức giả bị kinh động nên vội vàng phản kháng để che thân.

Đối với đàn bà và dân nghèo là những kẻ chịu nhiều áp bức xã hội nhất, ông rất độ lượng. Ông bảo: "Tội lỗi của đàn bà, của con trẻ, của kẻ tôi tớ, của người yếu hèn, của đám nghèo khổ và dốt nát, chính là tội lỗi của những bực làm chồng, làm cha, làm chủ, những kẻ quyền thế, những người giàu có và có học thức".

Ông lại nói:

"Phải cố gắng dạy cho người không biết càng nhiều điều càng hay. Xã hội mà không thực hiện được giáo

dục không mất tiền là xã hội có lỗi. Nó phải chịu trách nhiệm về tình trạng tăm tối do nó sản sinh. Con người có tối tăm mới gây nên tội lỗi. Cho nên kẻ có tội không phải là người đã lầm lỗi mà chính là kẻ đã gây nên tối tăm".

Ông đã có một lối xét đoán sự việc theo cách riêng của mình, khá lạ lùng như thế đấy. Tôi ngờ là ông đã học ở sách Phúc âm.

Một hôm ông được nghe kể ở phòng khách một vụ án đã thẩm cứu và sắp đem xử. Có một người đàn ông khốn khổ, vì thương người bạn tình của mình và đứa con mà chị đã có với anh ta, và cùng quẫn quá, nên làm bạc giả. Thuở ấy luật pháp còn xử những người làm bạc giả vào tội tử hình. Người đàn bà vừa mang đi tiêu thụ đồng bạc giả đầu tiên do người yêu làm ra thì bị bắt. Tóm chị nhưng cũng chỉ có tang chứng đối với chị mà thôi. Chỉ khi nào chị ta xưng thú thì người yêu của chị mới mắc vòng pháp luật. Chị chối. Người ta tra gạn. Chị cũng một mực chối cãi. Bấy giờ viên biện lý nghĩ ra được một kế. Hắn bày đặt một câu chuyện phụ tình và khéo nhặt nhạnh chắp nối một ít mẩu thư từ đưa ra khiến cho người đàn bà khốn nạn kia tưởng mình bị người yêu lừa dối thật. Nổi cơn ghen cùng cực, chị ta khai hết, thú hết với đủ mọi chứng cớ. Vì thế người đàn ông bị bắt và nay mai sẽ bị đem ra xử ở Etxơ cùng với đồng loã. Người ta thuật chuyện và trầm trồ khen ngợi viên biện lý có tài vận dụng lòng ghen tuông để phục vụ công lý. Ông giám mục im lặng ngồi nghe, cuối cùng mới hỏi:

- Người ta đem xử người đàn ông và người đàn bà ấy ở đâu?

- Ở tòa đại hình.

Ông hỏi thêm:
- Thế còn viên biện lý thì xử ở đâu?

Ở Đinhơ xảy ra một việc bi thảm. Một người bị xử tử hình vì can tội sát nhân. Người bất hạnh ấy không hẳn là người có học mà cũng không hẳn dốt nát, hắn ta từng làm trò ở chợ và làm thầy ký viết thuê. Vụ án làm thành phố khá bận tâm. Trước ngày hành hình, cha tuyên úy nhà ngục bị ốm. Cần một cha cố để giúp đỡ tội nhân trong những phút cuối cùng. Người ta chạy tìm cha xứ. Ông này hình như từ chối: "Việc đó liên quan gì đến tôi. Tôi cần gì cái việc khổ sai đó và cái tên xiếc khỉ ấy! Tôi, tôi cũng ốm đây: với lại, chỗ tôi không phải ở đấy". Người ta đem câu trả lời ấy thuật lại với ông giám mục, ông nói: *-"Ngài cha xứ nói đúng. Không phải chỗ của ngài đâu, của tôi đấy".*

Lập tức ông tới nhà ngục, xuống buồng giam của "tên xiếc khỉ", ông gọi tên người ấy, cầm tay hắn và nói chuyện. Cả ngày lẫn đêm ông ở bên cạnh hắn, quên ăn quên ngủ, chỉ cầu xin Chúa cứu vớt linh hồn cho người bị tội và cầu xin người bị tội tự lo cứu vớt lấy linh hồn mình. Ông nói hắn nghe những chân lý tốt đẹp nhất mà cũng là giản dị nhất. Như một người cha, một người anh, một người bạn; còn giám mục là chỉ để ban phúc mà thôi. Ông dạy hắn đủ điều, đem lại cho hắn vừa lòng tin vừa sự an ủi. Trước hắn nghĩ chết tuyệt vọng. Cái chết đối với hắn như một vực sâu; run rẩy trước cái bờ u thẳm ấy, hắn lùi lại kinh hoàng. Hắn không tối tăm quá để đến nỗi tuyệt đối dửng dưng. Bản án làm chấn động sâu xa, chừng như đã xô vỡ từng chỗ chung quanh hắn cái bức tường ngăn cách chúng ta với cõi bí mật của mọi vật mà chúng ta gọi là cuộc sống. Từ những lỗ thủng tai hại ấy hắn không ngớt nhìn ra thế giới này và chỉ thấy

toàn bóng tối. Ông giám mục đã đem lại cho hắn ánh sáng.

Hôm sau, lúc người ta đến tìm nạn nhân, ông giám mục có mặt và đi theo hắn. Quần chúng thấy ông mặc áo choàng tím, đeo thánh giá giám mục, đi bên cạnh người khốn khổ bị trói. Ông cùng hắn bước lên xe bò, ông cùng hắn bước chân lên máy chém. Hôm qua hắn âu sầu rũ rượi hết sức mà hôm nay thì mặt mày lại rạng rỡ. Hắn cảm thấy linh hồn được trở về với Chúa và hắn hy vọng ở Chúa. Ông ôm hôn hắn và lúc lưỡi dao sắp rơi, ông bảo: - "Kẻ bị loài người giết chết, Chúa Trời sẽ cho sống lại; kẻ bị anh em xua đuổi sẽ gặp lại được Cha. Cầu nguyện đi, tin đi, và bước vào cuộc hằng sống! Đức Chúa Cha đang ở đó". Khi ông bước từ máy chém xuống, trong mắt ông có cái gì làm mọi người phải tránh ra, đứng ngay ngắn lại. Không biết cái gì đáng kính phục hơn cả, da mặt trắng bệch hay vẻ người trong sáng! Trở về ngôi nhà tầm thường mà ông gọi là *lâu đài của mình*, ông nói với bà em: *"Tôi vừa làm lễ một cách long trọng"*.

Việc cao cả thường là việc ít được người hiểu, cho nên trong thành phố có kẻ bình luận hành động của ông giám mục, lại cho rằng ông ấy đóng kịch thôi. Thực ra đó chỉ là câu chuyện phòng khách. Còn dân chúng thì vốn không có ác ý nghi ngờ các hành vi thiêng liêng, họ lấy làm cảm kích và hết sức kính phục.

Về phần ông giám mục, nhìn thấy máy chém làm ông xúc cảm đột ngột, khiến ông khá lâu mới hồi tỉnh được.

Đúng là cái máy chém, khi nó đã ở đó, dựng lên và đứng sững, thì nó có cái gì ám ảnh người ta thật. Thường người ta có thể có chút gì bàng quan với tử hình, chẳng có ý kiến gì, phải cũng được mà không cũng được, chừng nào chưa thấy tận mắt một cái máy chém. Nhưng nếu đã gặp rồi thì xúc động thật là mãnh liệt, phải quyết định dứt khoát đứng về phía này hay về phía kia. Kẻ thì ca ngợi như Đơ Metstơrơ; người thì nguyền rủa như Bécaria. Máy chém là sự kết tụ của luật pháp, là *sự trừng trị*; nó không trung lập, và không cho phép ai trung lập. Ai thấy nó đều lên một cơn run bí ẩn nhất. Mọi vấn đề xã hội đều dựng lên bao nhiêu dấu hỏi chung quanh lưỡi dao của nó. Máy chém là một ảo tượng. Máy chém không phải là một giá gỗ, máy chém không phải là một cỗ máy, máy chém không phải là một thứ máy móc cứng đờ bằng gỗ, sắt và dây. Hình như nó là loại sinh vật có một cái gì như một sáng kiến đen tối. Hình như cái giá gỗ ấy biết nhìn, cái cỗ máy ấy biết nghe, cái máy móc ấy biết hiểu, các thứ gỗ, sắt, dây ấy đều có ý chí. Trong cơn ác mộng do sự có mặt của nó gieo vào tâm hồn con người, máy chém hiện ra dữ tợn, tự nhúng tay vào công việc nó làm. Nó là đồng loã với đao phủ; nó ăn người; nó nuốt thịt sống, nó uống máu tươi. Máy chém như một loài quái vật do thẩm phán và thợ mộc dựng lên, một bóng ma sống một cách đáng sợ bằng những cái chết nó tạo ra.

Vì thế ấn tượng của nó ở trong tâm trí ông giám mục thật là ghê rợn và sâu xa. Hôm sau ngày hành hình và nhiều hôm sau đó nữa, ông như thất thần. Dáng thanh tĩnh gần như mãnh liệt của phút giây bi

thảm đã biến mất; bóng ma của công lý xã hội ám ảnh người ông. Con người mà thường ngày đi hành đạo về với vẻ bằng lòng rạng rỡ trên mặt, lần này hình như có ân hận. Có lúc, ông tự nói với mình, và lúng túng thì thầm từng tràng độc thoại ảo não. Đây là một trong những độc thoại ấy bà em đã nghe được một buổi tối và ghi lại: -"Ta không ngờ việc ấy lại ghê rợn đến thế. Để hết tâm trí vào luật lệ của Chúa đến mức không còn nhìn thấy luật lệ của người đời nữa thì thật là sai lầm. Cái chết chỉ thuộc quyền Chúa. Quyền gì mà loài người động chạm đến cái việc không một ai được biết ấy?".

Với thời gian những cảm tưởng ấy mờ dần và chắc rồi phai hẳn. Tuy vậy, người ta vẫn để ý thấy ông giám mục, từ đó, tránh đi qua chỗ pháp trường.

Nhà có người ốm và người hấp hối thì lúc nào cho mời ông Mirien cũng được. Ông biết đó là nhiệm vụ và công việc quan trọng nhất của ông. Gia đình nào vợ góa con côi thì không cần mời, ông cũng đến. Ông khéo ngồi im lặng hàng giờ bên người chồng mất vợ, hay bên người mẹ vừa mới chết con. Ông khéo biết lúc nào nên im lặng, và cũng biết lúc nào cần phải nói. Ông an ủi người ta mới tài tình làm sao! Ông không tìm cách làm cho người ta quên đau thương mà làm cho người ta hy vọng, vì hy vọng khiến cho đau thương trở nên cao cả và đáng kính. Ông thường nói: "Đối với người quá cố, khéo chẳng lại thành ra bất kính. Đừng có nghĩ đến cái thể chất đang thối nát mà hãy nhìn trực thị trời xanh, ở đấy có ánh hào quang lấp lánh của người thân đã khuất". Ông biết rằng đức tin là lành, nên ông thường nêu gương nhẫn nại để an ủi người thất vọng và ông tìm cách biến sự đau khổ tuyệt vọng

hướng về mộ địa, thành sự đau khổ tin tưởng nhìn lên trời cao.

V

ĐỨC CHA BIÊNGVƠNUY DÙNG ÁO LÂU QUÁ

Đời tư của ông Mirien cũng cùng chung một số nguyên tắc như đời công. Với kẻ được xem gần thì cái nghèo tự nguyện trong cuộc sống của ông giám mục thành Đinhơ là một cảnh tượng trang trọng và đáng yêu.

Như người già và phần lớn những người hay suy tưởng, ông ít ngủ, nhưng lại ngủ say. Buổi sáng ông tĩnh tọa một giờ rồi đi làm lễ, hoặc ở nhà thờ lớn hoặc ở phòng nguyện trong nhà. Lễ xong, ông ăn sáng một cái bánh mì bằng bột tiểu mạch dúng trong sữa bò nhà. Sau đó ông bắt đầu làm việc.

Làm giám mục bận rộn thật. Thường xuyên ông phải tiếp vị bí thư của tòa giám mục, thường là một chức sắc, và hầu như ngày nào cũng phải gặp các phó giám mục. Ông còn phải kiểm tra công việc các hội, phân phát các đặc ân này nọ, xem xét cả một thư viện nhà chung, nào sách xem lễ, nào sách bổn, sách kinh v.v... rồi thảo các thư từ hành đạo, chuẩn y các bài thuyết pháp, giải hòa các vụ xích mích giữa cha xứ và xã trưởng, rồi còn một mớ thư từ giao dịch về phần đạo, về phần đời, một bên là nhà nước, một bên là tòa thánh, thôi thì trăm công nghìn việc.

Thì giờ còn lại ngoài những công việc bề bộn ấy và những buổi lễ, những giờ đọc kinh, dành cho kẻ khó,

người ốm đau, sầu muộn. Dành cho kẻ khó, người ốm đau, sầu muộn còn thừa, ông dùng vào lao động. Khi thì ông cuốc đất trong vườn nhà, khi thì ông đọc và viết. Hai công việc nhưng ông chỉ dùng một tên gọi: *làm vườn*. "Trí óc cũng là một cái vườn", ông nói.

Đến trưa, ông ăn cơm. Bữa trưa cũng giống như bữa sáng.

Quãng hai giờ chiều, hôm trời tối, ông ra khỏi nhà, dạo xem phong cảnh thôn dã hoặc phố phường, nhiều lúc ghé thăm các túp lều tranh. Ông đi một mình suy nghĩ trầm ngâm, mắt nhìn xuống, tay chống gậy dài, trên mình chiếc áo lụa lót bông, ấm, màu tím, dưới chân đôi giầy thô với bít tất tím, và trên đầu chiếc mũ dệt có ba góc để thòng xuống ba quả găng vàng viền hạt cườm.

Chỗ nào ông có mặt cũng vui như hội. Có thể nói ông đi qua ở đâu là đem theo đó một cái gì ấm áp và sáng sủa. Trẻ con, người già dắt nhau ra tận cửa đón ông giám mục cũng như đón ánh mặt trời. Ông ban phúc cho mọi người và mọi người cầu phúc cho ông. Bất kỳ ai có cần việc gì, người ta đều chỉ đến nhà ông.

Chốc chốc ông dừng chân, hỏi chuyện các em bé trai và gái, mỉm cười với các bà mẹ. Trong túi hễ còn tiền thì ông đến thăm kẻ khó; không còn đồng nào thì ông đến thăm các nhà giàu.

Mấy cái áo thụng ông giữ dùng rất lâu nhưng lại không muốn người ngoài trông thấy điều đó, nên ra phố ông không bao giờ mặc gì khác ngoài cái áo lụa lót bông màu tím. Cái đó cũng có chút bất tiện cho ông lúc mùa hè.

Buổi tối, tám giờ rưỡi thì ông ăn cơm tối với bà em, bà Magơloa đứng đằng sau phục vụ cho cả hai. Bữa ăn cực kỳ thanh đạm. Tuy vậy, nếu ông giám mục giữ một cha xứ lại dùng cơm tối thì bà Magơloa nhân cơ hội đó dọn cho Đức ông một món cá sông tuyệt vời hay một món thịt rừng đặc biệt. Bất kỳ cha xứ nào cũng là một cỗ ăn tươm; ông giám mục biết nhưng để mặc. Những ngoại lệ ấy trừ ra, bữa cơm thường chỉ có rau củ và canh nấu với tí mỡ. Do đó hàng phố người ta bảo: *Khi ông giám mục không ăn cơm cha xứ, thì ông ăn cơm người khổ tu.*

Ăn tối xong, ông chuyện trò với cô Baptistin và bà Magơloa độ nửa tiếng; xong ông về buồng mình và lại viết, khi thì trên giấy rời, khi thì ở rìa một trang sách nào đó. Ông là người hay chữ và ít nhiều thông thái. Ông còn để lại năm sáu bản thảo khá lạ, trong đó có một thiên biện luận về đoạn Sáng thế: *Ban sơ tinh thần Chúa bồng bềnh trên mặt nước*. Ông đối chiếu với ba bản khác: bản tiếng A-rập thì viết: *Bốn phương gió Chúa thổi*; bản Phơlaviuyt Giôdep thì chép: *Một ngọn gió từ trên cao đổ xuống mặt đất*, và cuối cùng câu dịch xuôi ra tiếng Canđê của Ôngcơlốt lại là: *Một ngọn gió từ Chúa đến, thổi qua mặt nước*. Trong một thiên biện luận khác, ông nhận xét về các công trình thần học của Huygô, giám mục ở Ptôlêmai, ông cố chú của kẻ viết sách này, và ông chứng minh nhiều tiểu phẩm khác nhau xuất bản thế kỷ trước, dưới bút danh Baclâycua, là của vị giám mục này viết.

Có khi đang đọc sách, bất cứ là sách gì, bỗng dưng ông trầm tư rồi tỉnh lại để ghi vài dòng ngay vào trang sách đó. Những dòng này thường chẳng liên quan gì đến cuốn sách. Trước mắt chúng tôi có một đoạn ghi chép ở rìa cuốn sách nhan đề: *Thư tín của ngài Giecmanh trao đổi với các tướng Colintơn, Cornoalit và các đô đốc của trạm châu Mỹ. Ở Vecxây, hỏi ông Poangxố, hàng sách, và ở Pari, hỏi ông Pitsô, hàng sách, bến Ôguytstanh.*

Đoạn ghi chép đó như sau:

"Ôi, đấng đang tồn tại:

"Người của nhà thờ gọi Người là Quyền lực vô thượng, người Măccabê xưng Người là Tạo hóa, Luận thư cho người Ephe lại gọi Người là Tự do, Baruysơ gọi Người là Vô biên, Thánh ca gọi Người là Đạo đức và Chân lý, thánh Giăng gọi Người là ánh sáng, các Vua gọi Người là Chúa thượng, Thiên Di cư xưng Người là Cứu thế, người Lêvi xưng Người là Thánh nhân, Etđơrat xưng Người là Chính trực, sự sáng tạo gọi Người là Chúa Trời, người đời gọi Người là Cha. Nhưng Xalômông thì gọi Người là Thương xót, và đó là tên đẹp nhất trong mọi tên của người".

Đến chín giờ tối hai bà già cáo lui và lên buồng riêng trên gác, chỉ còn một mình ông giám mục ở dưới nhà.

Đến đây cần cho mọi người có một ý niệm chính xác về chỗ ở của ông giám mục.

VI

ÔNG MIRIEN GIAO NHÀ CHO AI GIỮ

Chúng tôi đã giới thiệu nhà ông giám mục ở có một tầng dưới và một tầng gác. Nhà dưới ngăn làm ba, trên gác có ba phòng và trên nữa là gác xép. Sau nhà là một mảnh vườn nhỏ mấy thước. Hai người đàn bà ở tầng trên. Ông ở tầng dưới. Phòng ngoài trông ra phố là buồng ăn; phòng thứ nhì là buồng ngủ; phòng thứ ba là phòng nguyện. ở phòng nguyện muốn ra ngoài phải qua buồng ngủ và từ buồng ngủ muốn ra ngoài phải qua buồng ăn. Trong phòng nguyện có một ngăn đóng kín, kê một chiếc giường phòng khi có khách. Mỗi lần các cha xứ ở địa phương ra tỉnh có việc, ông giám mục vẫn mời vào ngủ ở đó.

Ngôi nhà ngang nhỏ trong góc vườn, trước dùng làm kho thuốc cho nhà thương, nay sửa thành nhà bếp và buồng chứa rượu.

Lại còn có chuồng bò nguyên là nhà bếp của nhà thương trước kia. Ông giám mục nuôi được hai con bò cái, mỗi ngày vắt sữa được ít hay nhiều, ông đều sẻ ra một nửa đưa sang bên nhà thương cho bệnh nhân. Ông bảo: *"Đây là phần tô của tôi nộp"*.

Phòng ngủ của ông có phần quá rộng, mùa rét khó mà đốt lò sưởi cho đủ ấm. ở Đinhơ củi đắt lắm, nên ông nghĩ ra một cách là ngăn bớt chuồng bò thành một gian có vách bằng gỗ ván che kín. Hôm nào lạnh quá, ông xuống ở đó và gọi đó là *phòng khách mùa đông*.

Trong "phòng khách" ấy cũng như trong buồng ăn, đồ đạc chỉ có chiếc bàn vuông gỗ tạp và bốn chiếc ghế

độn rơm. Buồng ăn còn có thêm cái tủ bát đĩa đã cũ sơn màu hồng nhạt. Phòng nguyện cũng có cái tủ như thế, phủ những khăn trắng và diềm đăng-ten giả, tạm coi được, ông dùng làm án thờ.

Các bà nhà giàu đến xưng tội và các bà từ thiện trong thành phố đã nhiều lần chung tiền nhau đưa đức cha sắm một bộ bàn thờ mới cho phòng nguyện, nhưng lần nào nhận tiền ông cũng đem làm phúc cho kẻ nghèo tất cả. Rồi ông bảo: "Cái bàn thờ đẹp nhất là linh hồn kẻ khốn khổ được cứu giúp đang cảm tạ Chúa".

Trong phòng nguyện có hai cái ghế nguyện độn rơm và bên phòng ngủ cũng có cái ghế bành độn rơm. Nhỡ khi phải tiếp một lúc bảy tám người khách, ông tỉnh trưởng, hay tướng chỉ huy khu, hoặc ban tham mưu của trung đoàn trú phòng hay một số học sinh tiểu chủng viện thì lại phải xuống chuồng bò lấy ghế ở "phòng khách mùa đông", vào phòng nguyện lấy ghế nguyện và vào cả phòng ngủ lấy chiếc ghế bành. Làm thế cũng có thể có được đến mười một ghế cho khách ngồi. Có điều mỗi lần có khách đến thêm lại phải khuân rỗng một phòng.

Có khi cả chủ và khách đến những mười hai người, tình thế thực là khó xử. Để khỏi lúng túng, nếu nhằm mùa rét thì ông đến đứng trước lò sưởi, còn mùa hè thì ông mời khách ra vườn dạo quanh một vòng.

Trong buồng ngăn dành để khách ngủ, cũng còn một chiếc ghế nữa đấy, nhưng nó đã lòi cả rơm và chỉ còn có ba chân, phải để tựa vào tường mới ngồi được. Còn chiếc ghế tựa lớn bằng gỗ, xưa vốn thếp vàng và bọc vải hoa, ở phòng cô Baptistin, thì vì cầu thang hẹp

quá không đi lọt, trước phải đưa nó lên qua cửa sổ, nên không thể mỗi lúc cần đến lại khuân lên khuân xuống.

Cô Baptistin chỉ mong ước làm thế nào sắm được cho ông anh một bộ bàn ghế tiếp khách bằng gỗ đào hoa tâm có bành tựa dáng cổ ngỗng và bọc bằng nhung vàng hoa tròn, có đủ cả tràng kỷ. Nhưng bộ đồ như thế giá ít nhất cũng năm trăm phơrăng, mà suốt năm năm trời cô chỉ dành dụm được có bốn mươi hai phơrăng mười xu nên cuối cùng phải bỏ qua chuyện đó. Thôi cũng đành vậy, vì ở đời dễ mấy ai đã được như nguyện?

Buồng ngủ của ông giám mục thì không có gì dễ hình dung hơn! Một cái cửa sổ lớn trông ra vườn. Ngay chỗ cửa sổ là giường ngủ, một thứ giường sắt của nhà thương, trên có diềm màn bằng vải xanh. Trong bóng tối chiếc giường, sau một tấm màn, có vài thứ đồ dùng để trang điểm, nhìn đến còn biết được những thói quen làm dáng của con người thanh lịch trước kia. Hai cửa thông, một cái gần lò sưởi đi sang phòng nguyện, một cái gần tủ sách sang buồng ăn. Tủ sách là một chiếc tủ kính lớn chứa đầy sách. Lò sưởi bằng gỗ sơn giả đá hoa chẳng mấy khi đốt lửa, trong lò sưởi một đôi giá đỡ củi bằng sắt trang hoàng bằng đôi lọ viền hoa và xoi con lươn, xưa kia từng dát bạc, theo cách làm sang của các tòa giám mục; phía trên, ở chỗ thường đặt gương soi, một cây thánh giá bằng đồng, lớp bạc mạ ngoài đã bong gần hết, gắn vào một miếng nhung đen đã sờn trong một khung gỗ sơn vàng màu đã bạc. Gần cửa sổ lớn một chiếc bàn rộng với lọ mực, chất giấy má lộn xộn và nhiều cuốn sách dầy cộp.

Trước bàn, chiếc ghế bành độn rơm. Bên giường, một ghế cầu kinh mượn của phòng nguyện.

Hai bức chân dung đóng khung bầu dục treo trên vách ở hai bên giường. Cứ dòng chữ vàng nhỏ chua trên nền vải bên cạnh hình vẽ thì các bức chân dung này một là của tu viện trưởng Saliô, giám mục ở Xanh Cơlốt, còn cái kia là của tu viện trưởng Tuốctô, giám mục dự khuyết ở Acđơ, viện trưởng ở Gơrăng Săng dòng Xitô, địa phận Sactơrơ. Ông giám mục tiếp thu buồng này của các bệnh nhân nhà thương, đã thấy sẵn các bức chân dung ấy ở đây và cứ để nguyên chỗ cũ. Họ là nhà tu hành, chắc cũng là những ân nhân đã tư trợ bệnh viện, vậy thì có hai lý do để ông giữ nguyên các bức chân dung ấy. Tất cả những gì ông có thể biết về hai nhân vật ấy là họ đều do nhà vua cử nhậm chức vụ của mình vào cùng một ngày, 27 tháng tư năm 1785. Nhân bà Magơloa hạ các bức vẽ ấy xuống để lau bụi, ông giám mục mới đọc được chi tiết đặc biệt ấy ghi bằng một thứ mực trăng trắng trên một vuông giấy con lâu ngày đã ngả màu vàng, dán chặt bằng bốn mẩu xi sau lưng bức chân dung của viện trưởng ở Gơrăng Săng.

Ở cửa sổ, một bức màn xưa bằng len to sợi lâu năm đã thành quá cũ nát, nhưng để đỡ phải thay tấm mới tốn tiền, bà Magơloa buộc lòng phải khâu mấy đường dài ngay chính giữa. Đường khâu lại hình chữ thập. Ông giám mục hay chỉ mọi người xem. -Cái này hay quá! Ông nói.

Từ dưới lên trên, buồng nào cũng quét vôi trắng như kiểu nhà thương và trại lính. Tuy vậy, những năm gần đây, bà Magơloa lại tìm ra, dưới lớp giấy quét vôi, những bức tranh sơn trang trí cho phòng

riêng của cô Baptistin, -tìm ra như thế nào thì về sau sẽ rõ. Nhà này vốn là câu lạc bộ của bọn tư sản trước khi thành nhà thương, do đó mới có sự trang trí như vậy.

Các buồng lát gạch đỏ, tuần nào cũng cọ rửa. Trước các giường có những thảm rơm bện. Nói chung, trong nhà thờ có tay hai người đàn bà nên chỗ nào cũng sạch như chùi. Chỉ có mỗi lối xa hoa ấy là ông giám mục cho phép thôi. Ông nói: *"Như vậy không thiệt cho kẻ nghèo đồng nào"*.

Tuy nhiên cũng nên biết là ông giám mục còn giữ được trong số của cải xưa một bộ đồ ăn sáu người bằng bạc và chiếc môi xúp lớn. Hàng ngày, bà Magơloa sung sướng ngắm bộ đồ bạc choáng lộn trên chiếc khăn bàn lớn bằng vải trắng. ở đây định tả ông thật hệt như ở ngoài, nên phải thêm rằng đã nhiều lần ông thú thật: "Duy có thói quen dùng đồ bạc mà ăn là ta khó chừa".

Nói đến bộ đồ bạc ấy thì phải kể thêm đôi cây đèn đúc đặc bằng bạc là của thừa tự của một bà cô để lại. Đôi cây đèn ấy thường xuyên có cắm hai cây nến sáp và bày trên lò sưởi trong phòng ông. Hôm nào có khách ăn cơm, bà Magơloa thắp đôi nến và mang bày ra bàn ăn.

Trong phòng ngủ của ông giám mục, ngay chỗ đầu giường có một cái ô tường nhỏ, mỗi tối bà Magơloa đem bộ đồ ăn và chiếc môi cất vào đó. Ô tường có khóa, nhưng chẳng bao giờ cất chìa khóa đi cả.

Mảnh vườn vì có những ngôi nhà nói trên dựng không đẹp mắt lắm, nên cũng mất cả vẻ mỹ thuật. Vườn có lối đi ngang dọc hình chữ thập, giữa có bể cạn. Chung quanh có lối đi vòng theo bức tường vôi. Giữa các lối đi là bốn khoảnh đất vuông chung quanh

trồng hàng giậu xanh. Ba khoảnh bà Magoloa trồng rau, khoảnh thứ tư ông giám mục trồng hoa. Đây đó lại còn có một vài cây ăn quả.

Có lần bà Magoloa bảo ông một cách tinh nghịch:

-"Thưa Đức ông, cái gì Đức ông cũng tính cho thật có lợi, thế mà vuông đất này thì phí quá! Thà để kiếm những mớ rau còn hơn là những bó hoa". Ông trả lời: "Bà Magoloa, bà lầm rồi! Cái đẹp cũng có ích như cái có ích". Im một lát, ông lại thêm: "Có lẽ còn có ích hơn".

Mảnh đất gồm chừng ba bốn luống, nhưng ông giám mục cũng bận rộn với nó như với sách vở của mình. Ông sẵn sàng ra đấy một vài giờ, hết cắt lại cào rồi từng quãng lại chọc lỗ, tra hạt. Ông không đủ thù ghét sâu bọ như một người làm vườn mong muốn. Nói cho đúng, ông chẳng có tham vọng gì về khoa thực vật. Ông không biết nhóm nọ, thuyết kia, ông cũng không hề nghĩ đến việc phải quyết định theo Tuôcnơpho hay theo phương pháp tự nhiên. Ông không đứng về phía những thông nang để chống phía những tử diệp, mà cũng không đứng về phe Giuytxiơ để chống Linnê. Ông chẳng nghiên cứu gì cây cỏ, ông chỉ thích hoa. Ông rất kính trọng người thông thái, ông còn kính trọng kẻ ngu dốt nhiều hơn, và trong khi luôn luôn thủ lễ với hai đối tượng ấy, mỗi chiều hè, ông lại tưới các luống cây của mình với cái thùng tưới sắt tây sơn màu xanh.

Trong nhà ông không hề có cái cửa nào có khóa. Cửa phòng ăn thông ngay ra trước nhà thờ, ngày xưa vẫn chằng chịt then sắt, khóa sắt như cửa nhà tù. Ông giám mục sai tháo hết những then khóa sắt ấy đi. Từ đó, ngày đêm chỉ cài bằng chiếc cựa gà. Ai qua đường

bất cứ vào giờ nào, muốn vào, cứ đẩy cửa ra là được. Lúc mới đến ở, hai người đàn bà cứ lo ngay ngáy về cái cửa lúc nào cũng bỏ ngỏ ấy. Nhưng ông giám mục bảo: "Nếu các bà thích vậy thì cứ đặt lấy then sắt vào cửa buồng của các bà". Hai bà đành phải tin tưởng như ông, hay ít ra cũng làm ra vẻ tin tưởng như ông. Duy có bà Magơloa đôi khi còn hốt hoảng. Về phần ông giám mục thì ý nghĩ của ông đã diễn tả hay ít nhất cũng ghi rõ trong ba dòng chữ chính tay ông viết bên rìa một trang thánh kinh: "Chỉ khác nhau tí này thôi: cửa nhà thầy thuốc thì không bao giờ được đóng, còn cửa nhà tu hành thì bao giờ cũng phải để ngỏ".

Trong một cuốn sách khác nhan đề là *"Triết lý y học"*, ông có ghi: "Ta chẳng phải là người thấy thuốc như họ sao? Ta cũng có những khách bệnh đấy chứ. Trước hết, là khách của họ mà họ gọi là những người ốm đau; sau nữa là khách riêng của ta mà ta gọi là những người khốn khổ".

Ở chỗ khác ông lại còn viết: "Đừng nên hỏi tên họ kẻ đến xin ngủ nhờ nhà ta, phần nhiều kẻ lúng túng về cái tên của mình mới cần có chỗ trọ".

Một hôm có một cha xứ đáng kính, không nhớ rõ là cha ở Kulubru hay cha ở Pôngpieri, chắc do bà Magơloa xui, đánh bạo hỏi ông giám mục rằng để nhà cửa bỏ ngỏ cho ngày đêm ai muốn vào thì vào như thế, đức cha có chắc là không phần nào bất cẩn không, và đức cha không sợ nhà cửa hoang toàng

như vậy có thể xảy ra sự không may sao? Ông giám mục để tay lên vai của cha xứ rồi nghiêm trang và khoan từ và nói: *"Nhà mà Chúa chẳng giữ cho mình, thì mình có muốn giữ kín bao nhiêu cũng hoài công"* (1). Xong ông nói sang chuyện khác.

Ông nói một cách khá thích thú: "Có sự dũng cảm của nhà tu hành cũng như có sự dũng cảm của người chỉ huy kỵ binh". Có điều, ông nói thêm, "sự dũng cảm của ta phải lặng lẽ".

VII

CƠRAVÁT

Tới đây tự nhiên phải dành chỗ cho một sự việc không thể nào bỏ qua được vì đó là một trong các sự việc tốt nhất để hiểu ông giám mục là người thế nào.

Bọn cướp của Gatpa Be trước đây thường quấy nhiễu các hẻm núi vùng Ônliun. Sau khi chúng bị tiêu diệt, một trong các tay đầu mục, Cơravát, lẩn tránh vào núi. Y cùng một số lâu la, dư đảng của Gatpa Be, ẩn náu một thời gian tại quận Nixơ, rồi tràn sang vùng Piêmông, và đột nhiên lại xuất hiện ở địa phận nước Pháp, phía Bácxơlônét. Người ta thấy

(1) Nguyên văn la-tinh. Những câu mà từ bằng tiếng la-tinh hay một thứ tiếng nước ngoài mà không phải là danh ngôn, ngạn ngữ, tục ngữ, thành ngữ, câu tụng niệm v.v... sẵn có từ trước, thì chúng tôi không ghi lại nguyên văn.

ca miền núi với những ống sáo sáu lỗ nhỏ xíu. Thỉnh thoảng họ cũng cần nghe nói tới Chúa. Vậy mà một ông giám mục yếu bóng vía thì họ sẽ cho là thế nào? Tôi mà không đi thì họ còn coi ra gì?

- Nhưng mà, thưa Đức cha, có cướp! Sợ Đức cha gặp cướp!

- À này -ông nói- tôi vừa nghĩ đến đấy. Ông nói có lý. Tôi có thể gặp họ lắm. Họ nữa, họ nhất định cũng cần nghe nói tới Chúa.

- Thưa Đức cha, nhưng mà chúng là một lũ cướp! Một bầy chó sói!

- Ông xã trưởng ạ, có lẽ chính vì bầy thú ấy mà Chúa Giêsu cho tôi làm kẻ đi chăn. Ai biết đâu đường nẻo của đấng Cứu thế?

- Thưa Đức cha, chúng sẽ cướp hết đồ đạc của Đức cha.

- Tôi chẳng có gì cả.

- Chúng giết Đức cha mất.

- Giết một ông cha cố vừa đi vừa niệm kinh? Chà chà! Để làm gì mới được chứ?

- Lạy Chúa! Rủi Đức cha gặp chúng thật!

- Tôi sẽ xin họ làm phúc cho kẻ khó của tôi.

- Đức cha đừng đi, xin Đức cha, nguy đến tính mệnh mất.

- Thưa ông xã trưởng, dứt khoát chỉ có thế thôi à? Tôi có mặt trên thế gian này không phải để gìn giữ tính mệnh mình mà để chăn giữ các linh hồn.

y ở Giôdiê rồi ở Tuylơ. Y ẩn nấp trong hang hốc trên núi Giu đơ Legơlơ, và từ đó y mò xuống xóm làng theo các vực Uybay và Uybaydet. Có lần y dám tiến tận Ămbroong và đang đêm xông vào nhà thờ vơ sạch đồ lễ. Cả vùng tàn hại vì những mẻ trộm cướp của y. Cảnh binh được giao trách nhiệm lùng bắt, nhưng vô hiệu. Lần nào y cũng trốn thoát, cũng có lúc y chống cự mãnh liệt. Rõ là một tên khốn kiếp táo tợn. Đương cơn kinh hoàng đó thì ông giám mục tới. Ông đi hành hạt. Đến Sattơla, ông xã trưởng tới tìm ông và đề nghị ông trở lui. Lý do là Cơravát đang chiếm cứ vùng núi đến tận Acsơ và quá nữa. Đi sẽ nguy hiểm cho dù có hộ tống. Vì như thế có thể phải hy sinh một cách vô ích ba bốn người sen đầm bất hạnh.

- Do đó -ông giăm mục nói- tôi định không lấy người hộ tống.

- Đức cha lại nghĩ thế à? -ông xã trưởng kêu lên.

- Tôi nghĩ thế lắm, cho nên tôi nhất định không lấy sen đầm, và một giờ nữa thì tôi đi.

- Đi?

- Đi.

- Một mình?

- Một mình.

- Thưa Đức cha, Đức cha đừng làm như vậy.

- Trên núi -ông giám mục tiếp lời- có một xóm nhỏ chỉ bấy nhiêu, mà đã ba năm nay tôi chưa đến thăm. Những người chăn dê hiền lành và lương thiện ấy, họ là những người bạn tốt của tôi. Cứ ba mươi con dê họ chăn thì của họ chỉ có một. Họ tết những chiếc thừng bằng len đủ màu trông rất xinh, họ véo von nhiều điệu dân

Đành phải để mặc ông. Ông ra đi, chỉ có một em bé tình nguyện đi theo dẫn đường. Cái việc ông khư khư đòi đi ấy đồn đại khắp xứ làm người ta vô cùng hoảng sợ.

Ông không muốn cho bà nào theo cả, bà em cũng không, bà Magoloa cũng không. Ông cưỡi con la, đi suốt qua núi chẳng gặp một ai, và đến với những người chăn dê "bạn tốt" của ông một cách bình an. Ông ở lại với họ nửa tháng, giảng đạo, xức dầu thánh cho người hấp hối, dạy chữ, nói chuyện đạo lý.

Hôm ông sắp từ biệt xứ này, ông quyết định tổ chức một buổi lễ *Ngợi Chúa* với nghi thức giám mục chủ lễ. Ông ngỏ ý với cụ xứ. Nhưng làm thế nào? Chẳng có đồ lễ của tòa giám. Chỉ có thể đem cho ông dùng một bộ đồ lễ nhà xứ nghèo nàn với mấy chiếc áo choàng lụa đã sờn đính tua vàng giả.

- Không sao! -ông nói- Cụ xứ ạ! Đến giờ giảng chúng ta cứ báo tin về buổi lễ đi. Mọi việc rồi sẽ đâu vào đấy.

Người ta lùng ở các nhà thờ xung quanh vùng. Tất cả các thứ sang trọng ở các xứ đạo nghèo này nhập lại cũng không lọc ra được một bộ lễ phục tạm coi được cho một thầy hát thánh ca ở nhà thờ lớn, đừng nói cho một vị giám mục.

Đương lúng túng như vậy thì hai người đi ngựa lạ mặt mang đến cho ông giám mục một hòm to, đặt ở nhà cha xứ rồi đi ngay. Mở hòm ra thì thấy trong đựng một áo choàng bằng dạ vàng, một chiếc mũ lễ nạm kim cương, một thánh giá tổng giám mục, một chiếc gậy thánh tuyệt đẹp, tất cả phẩm phục mất trộm một tháng trước ở kho nhà thờ Đức bà Ambroong. Trong hòm còn

có một mảnh giấy đề mấy chữ: *Cơravát gửi Đức cha Biêngvơnuy.*

- Tôi đã nói là mọi việc rồi sẽ đâu vào đấy mà! - ông nhắc- Xong lại thêm: Người bằng lòng cái áo chẽn cụ xứ thì Chúa lại gửi đến cái áo choàng tổng giám mục.

- Thưa Đức cha -cụ xứ lắc đầu, mỉm cười nói nhỏ- Chúa, hay quỉ sứ.

Ông giám mục nhìn thẳng cha xứ, nói lại giọng nghiêm nghị: -Chúa!

Khi ông trở về Sáttơla cũng như suốt dọc đường người ta nghe nói đến điều kỳ lạ, đổ ra xem. Đến nhà cha xứ, ông gặp cô Baptistin và bà Magơloa đang chờ ở đấy. Ông bảo cô em:

- Nào, tôi nói có đúng không? Người thầy tu nghèo đến với dân nghèo miền núi, lúc đi tay không, lúc về đầy túi. Tôi ra đi đem theo chỉ có lòng tin ở Chúa, lúc trở về tôi mang cả kho của cho một nhà thờ.

Buổi tối trước khi đi ngủ, ông còn nói:

- Không nên sợ kẻ trộm cướp, kẻ giết người bao giờ. Có nguy hiểm thì đó là cái nguy hiểm bên ngoài, nhỏ nhặt. Chúng ta phải biết tự mình sợ mình. Thành kiến là trộm cướp đó, tật xấu là giết người đó. Những mối nguy lớn dều ở trong ta. Sá gì cái đe dọa tính mệnh tài sản ta! Chỉ nên nghĩ đến cái uy hiếp linh hồn ta mà thôi.

Sau đó ông quay sang phía bà em:

- Cô ạ, đã là người tu hành thì không bao giờ còn đề phòng đối với đồng loại. Đồng loại làm gì là có

Chúa cho phép. Chỉ nên biết cầu Chúa khi nghĩ rằng có tai biến đang đến với ta. Hãy cầu Chúa, không phải cho ta, mà cho đồng loại khỏi mắc tội nhân trường hợp ta.

Nói cho đúng, những sự biến coi như rất hiếm trong cuộc đời ông giám mục. Chúng tôi chỉ kể những cái mình biết được, còn bình thường thì ông sống theo nề nếp là giờ nào việc ấy. Một giờ trong ngày cũng giống một tháng trong năm, chẳng khác gì.

Riêng "kho của" của nhà thờ Ămbroong về sau ra sao, nếu có ai hỏi, chúng tôi sẽ lúng túng hết sức. Bao nhiêu là của đẹp, khá hấp dẫn "cuốn đi" cho người khốn khổ thì rất tốt. Vả, nó cũng đã bị "cuốn đi" rồi kia mà. Sự tình kể cũng đã xong một nửa; chỉ còn đổi hướng "đi" và cho nó đi nốt mấy bước nữa về phía kẻ nghèo. Tuy nhiên, sự việc ra sao, chúng tôi chẳng dám nói chắc. Chỉ có điều là trong giấy má của ông giám mục thấy có ghi mấy chữ hơi khó hiểu, có lẽ có liên quan đến việc này, xem chữ nghĩa thì như sau: *Vấn đề là phải xem cái đó nên đưa về nhà thờ hay về bệnh viện.*

VIII

TRIẾT LÝ SAU BỮA ĂN

Ông thượng nghị sĩ nói đến trên kia là một người thông minh, linh lợi. Ông đã bước đi trên đường đời với một nguyên tắc cứng rắn là không thèm để ý đến những trở lực có khi vấp phải mà người ta gọi là lương tâm, công lý, bổn phận, lời thề danh dự. Ông đã đi thẳng đến đích, không một lần nào chệch khỏi

con đường thăng quan tiến lộc. Ông ta nguyên là một biện lý, say sưa với sự hanh thông, tính tình cũng không đến nỗi nào, được thì giúp ích chút đỉnh cho con, cho rể, cho bà con, cả cho bạn bè nữa. Quả là ông đã khéo chọn phía tốt của cuộc đời, các dịp may, các dịp hiếm có. Còn lại, ông coi như là ngu ngốc cả. Tính ông ta hóm, hiểu biết sách vở đủ để tin mình là đồ đệ của Epicuya, kỳ thật có lẽ chỉ là một sản phẩm của Pigôn Lơbrăng. Ông sẵn sàng chế giễu một cách ý vị những cái gì vô biên, vĩnh viễn, những "chuyện hão huyền của ông cụ già giám mục". Có lúc, ông đem ra cười cợt, với một vẻ tin tưởng dễ thương, trước mặt chính ông Mirien để ông này nghe.

Trong một dịp lễ nửa công nửa tư gì đó, bá tước... (ông thượng nghị sĩ) và ông Mirien phải dùng cơm ở nhà ông tỉnh trưởng. Đến lúc tráng miệng, ông thượng nghị sĩ, vui miệng, mặc dù vẫn giữ đúng tư thế, nói to:

- Hay quá, ông giám mục à, ta nói chuyện đi. Thượng nghị sĩ và giám mục nhìn nhau khó mà không chớp mắt. Ông với tôi như hai thầy bói. Tôi có một điều muốn thú thật với ông. Tôi có triết lý riêng của tôi.

- Ông nói đúng -ông giám mục đáp lại- Người ta vừa nằm vừa triết lý. Ông đang nằm trên nệm tía đó, thưa ông thượng nghị sĩ.

Được khuyến khích, ông thượng nghị sĩ tiếp:

- Xin nói chuyện thật tình.

- Thật bụng nữa -ông giám mục nói.

- Tôi xin nói với ông -ông thượng nghị sĩ nói lại- rằng hầu tước Acgiăng, Pirông, Hốpbơ và Negiông không phải là những thứ tầm phơ. Trong tủ sách nhà tôi có đủ các triết gia tôi thích, đều gáy mạ vàng cả.

- Cũng như ông vậy, ông bá tước ạ -ông giám mục ngắt lời.

Ông thượng nghị sĩ nói tiếp:

- Tôi ghét Điđơtô, ông ta là một nhà duy ý, một tay cao đàm, một người cách mạng, xét kỹ là có tin Chúa và sùng đạo hơn Vônte. Vônte thì chế nhạo Nitham và như thế là sai lầm, vì những con lươn của Nitham chứng minh rằng Chúa chẳng có ích lợi gì hết. Một giọt dấm đổ vào một thìa bột, tức là *sáng thế* (1) rồi chứ gì nữa. Giả dụ cái giọt to hơn và cái thìa lớn hơn, thì chúng ta có thế gian. Con người, chỉ là con lươn. Thế thì cần gì có Chúa vĩnh viễn? Thưa ông giám mục, giả thuyết Giêhôva chán lắm. Chẳng qua nó chỉ tạo ra được những bộ xương rỗng tuếch. Đả đảo cái Tất cả cao siêu, nó chỉ làm rầy người ta! Muôn năm cái số không vì nó để cho người ta được yên tĩnh! Từ ông đến tôi, và để nói thật hết, với lại để được xưng tội với vị cha linh hồn như lẽ thường, tôi thú thật với ông là tôi có lương tri. Tôi không mê cái ông Giêsu nhà ông lúc nào cũng khuyên khổ hạnh và hy sinh. Đúng là khuyên thằng khố rách phải hà tiện. Khổ hạnh! Tại sao phải khổ hạnh? Hy sinh! Hy sinh cho cái gì? Tôi chưa hề thấy con chó sói nào chịu hy sinh

(1) Nguyên văn la-tinh: *fiat lux*

cho hạnh phúc con chó sói khác. Hãy sống theo luật tự nhiên vậy. Chúng ta là vật thượng đẳng, chúng ta nên có triết lý thượng đẳng. Ở trên cao mà làm gì, nếu không nhìn được xa hơn sống mũi kẻ khác? Chúng ta nên sống vui vẻ. Sống là tất cả. Còn cái chuyện người ta còn có một tương lai khác, ở chỗ khác, ở trên cao kia, hay ở dưới ấy, đâu đấy, tôi cóc tin tí nào. Ối dào! Người ta căn dặn tôi hy sinh và khổ hạnh, tôi phải chú ý mọi việc tôi làm, tôi phải nát óc vì cái thiện cái ác, vì cái đúng cái sai, cái nên cái không nên. Vì sao? Bởi vì tôi phải trả lời về hành vi của tôi. Lúc nào? Sau khi tôi chết. Thật là hão huyền! Tôi chết rồi, có thánh mà chộp được tôi. Thử bảo một bóng bàn tay vốc lấy một vốc tro xem. Nói hẳn cái có thật, chúng tôi là những kẻ hiểu đời, chúng tôi đã từng biết chuyện đời, không có gì là thiện là ác cả; chỉ có sự sống. Chúng ta phải tìm cái có thật. Phải đào sâu, tìm đến cùng chứ! Phải biết đánh hơi chân lý, bới đất lên và chộp lấy. Có thế mới thật là vui thích. Và bấy giờ tha hồ mà khoe tài, đắc chí. Tôi vốn là một người dứt khoát. Thưa ông giám mục, vấn đề bất tử của con người là một chuyện phỉnh trẻ con. Ôi chao! Lời hứa hấp dẫn làm sao! Ánh cứ tin tưởng. Số ông Ađam thật là may! Bây giờ là linh hồn, mai kia là thiên thần, có cánh màu xanh ở xương vai. Nào, ông giúp tôi với, có phải Tectuyliêng nói rằng những kẻ hưởng phúc đời đời sẽ chu du từ hành tinh này sang hành tinh khác không? Vâng, cứ coi là thế. Người ta sẽ trở thành châu chấu giữa các vì sao. Và, người ta gặp Chúa Trời. Chà chà chà! Tất cả các thứ thiên đường ấy đều nhảm nhí tuốt. Chúa Trời là một trò đùa khổng lồ. Nhất định

thưa với ông, ông giám mục ạ, rằng tôi có triết lý của tôi, và triết gia của tôi. Tôi không bị mê hoặc bởi những lời nói nhảm nhí. Cố nhiên, rồi cũng phải có một cái gì cho kẻ ở dưới, những người chân đất, những người mài dao, những kẻ khốn khổ. Người ta tọng cho họ nuốt những thần thoại, những ảo tưởng, nào linh hồn bất tử, nào thiên đường, các vì sao. Họ cứ mà nhai các thứ ấy, cứ mà phiết lên mẩu bánh không. Kẻ không có gì cả thì đã có Chúa Trời. Đúng đó là phần ít ỏi nhất. Tôi không ngăn trở điều đó, nhưng tôi giữ cho tôi ông Negiông. Chúa trời là cái rất tốt cho dân chúng.

Ông giám mục vỗ tay:

- Nói như thế mới là nói! -ông reo lên- Quí hóa biết bao, thật là tuyệt diệu cái duy vật ấy! Chả phải ai muốn là có được đâu. A! Có nó thì không bao giờ còn bị lừa nữa, không còn khờ dại mà để bị đày biệt xứ như Catông, bị ném đá như Êchiên, càng không để bị thiêu sống như Gian Đác. Kẻ nào tạo được cho mình cái duy vật quí hóa ấy sẽ lấy làm vui thấy mình chẳng chịu trách nhiệm về cái gì cả. Mình có thể nuốt tươi tất thảy, không chút băn khoăn, những chức vụ, những nghề ăn không ngồi rồi, những tước vị, những quyền hành tóm được chính đáng hay không chính đáng, những cách nói lời rồi lại ăn lời để hốt bạc, những sự phản bội bổ ích, những cuộc đầu hàng ý vị của lương tâm. Và cuối cùng thì bước xuống mồ, sau khi dạ dày đã tiêu sạch mọi thứ. Thật là thú vị! Những điều đó, không phải là tôi nói ông đâu, ông thượng nghị sĩ ạ. Tuy nhiên, tôi không thể nào mà không khen ngợi ông. Các ngài quyền cao chức cả, chính miệng các ngài nói ra, các ngài có triết lý riêng của mình và cho mình, một thứ triết lý hay ho, tế nhị, chỉ riêng người giàu sang

là tôi không nói cái đó trên tờ *Người huấn luyện* đâu, nhưng trong bạn bè thì chúng tôi cứ rỉ tai nhau. Interpocula hy sinh cuộc sống trần tục để cầu thiên đường thì chẳng khác nào thả mồi bắt bóng. Để cho vô biên lừa phỉnh, dại gì! Tôi không gì cả. Tên tôi là bá tước Hư vô, thượng nghị sĩ. Trước khi tôi sinh, có tôi không ? Không. Sau khi tôi chết đi, còn tôi không? Không. Tôi là gì? Một nhúm bụi dính nhau trong một Chịu đau khổ hoặc hưởng thụ. Chịu khổ sẽ đưa tôi đến đâu? Đến hư vô. Nhưng tôi đã chịu khổ. Còn hưởng thụ thì sẽ đưa đến đâu? Cũng đến hư vô. Nhưng tôi đã được hưởng thụ. Tôi đã chọn rồi đấy. ở đời hoặc phải ăn hoặc phải bị ăn. Tôi thì tôi ăn. Làm trâu tốt hơn làm cỏ. Cái đạo đức của tôi là thế. Còn sau nữa nước chảy thuyền trôi, cửa mồ rộng mở, điện Păngtêông (1) cho tất cả chúng ta. Tất cả đều rơi tõm xuống cái hố huyệt lớn. Thế là chấm dứt. *Finis*. Thanh toán hoàn toàn. Đây là bắt đầu chỗ tiêu tan. Chết là hết, tôi nói đúng như thế. ở chỗ này mà có kẻ còn muốn nói với tôi một điều gì, chỉ nghĩ đến điều đó thôi tôi đã thấy buồn cười. Chuyện bịa của vú em. Ngoáo ộp cho trẻ con, Giêhôva cho người lớn. Không, mai sau của chúng ta thuộc về đêm tối. Đằng sau ngôi mộ, chỉ còn có những hư vô ngang nhau. Anh đã là Xacđa-napan (2), anh đã là Vanhxăng đơ Pôn (3), cái đó cũng thành con số không như nhau. Đó là cái có thật. Vậy thì hãy sống, sống trên hết. Hãy dùng lấy cái tôi khi nó còn trong tay anh. Nói thật, tôi xin

(1) Păngtêông (*Panthéon*): điện thờ danh nhân, xây dựng ở Paris vào thế kỷ XVIII.

(2) *Sardanapale*: nhân vật truyền thuyết của thành quốc Babylone, nổi tiếng hư hỏng và hèn nhát.

(3) *Saint Vincent de Paul*: Thánh tử vì đạo trong thế kỷ I ở La Mã, nổi tiếng là người đạo đức, đã viết nhiều chương trong Tân ước.

mới hiểu nổi, và dùng nấu món gì cũng được, nhất là để nêm tiêu muối cho các khoái lạc ở đời thì càng tuyệt. Cái triết lý ấy lấy từ đáy sâu và có những nhà thám hiểm đặc biệt moi móc lên. Nhưng các ngài cũng có lòng từ thiện, các ngài không đến nỗi cho là xấu cái việc dân chúng lấy việc tin vào Chúa làm triết lý của mình, giông giống như món ngỗng hầm hạt dẻ là món gà nhồi nấm của người nghèo.

IX

CÔ EM TẢ ÔNG ANH

Để mọi người có được một ý niệm về cuộc sống gia đình của ông giám mục và cách hai bà phụ nữ đem mọi hành động, mọi ý nghĩ, cả mọi bản năng phụ nữ rất hay giật thót của mình, phục tùng những thói quen và những ý định của ông giám mục, mà không cần ông phải mất công nói ra lời, chúng tôi thấy không gì tốt hơn là sao lại đây bức thư của cô Baptistin gửi cho bà tử tước Boasơvrông, người bạn từ thời thơ ấu của mình, bức thư ấy hiện chúng tôi đang giữ.

"Đinhơ, 16 tháng 12 năm 18...

Bà chị kính mến, không ngày nào chúng tôi không nhắc đến bà chị. Cái đó kể ra đã thành thói quen, nhưng cũng còn có một lý do nữa. Bà chị cứ tưởng tượng dùm cho là bà Magơloa trong khi chùi rửa, quét bụi trần nhà và cái bức vách, lại có những phát hiện đấy. Hai buồng chúng tôi đều phất giấy cũ quét vôi trắng, giá ở trong một lâu đài như của bà chị chắc

cũng không đến nỗi làm cho nó xấu đi. Bà Magoloa đã xé tất cả chỗ giấy. Bên dưới có nhiều thứ. Cái phòng khách của tôi, ở đấy chẳng có bàn ghế gì, chúng tôi dùng để phơi quần áo vừa ngâm xong, cao năm thước và rộng trên năm thước, có trần xưa kia quét sơn, dát vàng với nhiều xà ngang như ở nhà bà chị. Hồi nhà này còn là nhà thương, chung quanh phòng đều lót vải. Có cả những bức chạm gỗ thời bà cụ nội chúng ta. Nhưng chính là phải xem buồng của tôi kia. Bà Magoloa đã tìm thấy dễ thường dưới mười lớp giấy dán chồng nhau, nhiều bức tranh sơn, không đẹp lắm nhưng coi được. Có bức hình Minecvơ phong kỵ sĩ cho Têlêmac, có bức cũng hình Têlêmac trong vườn cây. Tôi quên mất tên. Cái nơi các bà người La-mã cùng đến trong một đêm. Tôi nói gì với bà chị nữa nhỉ? Tôi có đủ những đàn ông, đàn bà La-mã (chỗ này có một chữ không đọc được) và một đám tùy tùng. Bà Magoloa đã lau rửa sạch sẽ tất cả các thứ ấy, và mùa hè này bà ấy sẽ chữa lại đôi chỗ hư hỏng tí chút, rồi sơn lại một loạt, thế là cái buồng của tôi trở thành một nhà bảo tàng thật sự. Bà ấy cũng tìm được trong một xó kho thóc hai cái bàn chân quỳ kiểu xưa. Thợ họ đội 2 ê-quy sáu phơrăng mới sơn lại, nhưng tốt hơn là để tiền ấy cho kẻ nghèo; với lại cái bàn ấy trông cũng xấu xí, tôi thích một cái bàn tròn bằng gỗ đào hoa tâm hơn.

Tôi thấy mình luôn luôn được sung sướng. Ông anh tôi tốt quá. Ông đem tất cả cho kẻ khó và người ốm đau. Vì thế chúng tôi khá lúng túng. Xứ này mùa đông lại gay gắt, mà cũng phải làm một cái gì cho những kẻ thiếu thốn. Chúng tôi chỉ còn vừa đủ tiền

củi sưởi và dầu đèn. Bà chị thấy không? Như thế cũng rất dễ chịu!

Ông anh tôi lại có cái thói quen riêng. Lúc chuyện trò, ông nói rằng một ông giám mục phải như thế mới được. Bà chị cứ hình dung cho là nhà chẳng bao giờ đóng cửa. Muốn vào thì cứ vào và một bước là ở ngay trong buồng ông ấy. Ông chả sợ gì cả, ban đêm cũng vậy. Ông cho đó là đũng cảm riêng của ông.

Ông không muốn tôi sợ giùm cho ông, mà cũng không muốn cho bà Magoloa phải sợ. Ông xông pha mọi thứ nguy hiểm nhưng lại không muốn chúng tôi có vẻ để ý đến. Cũng phải biết cái lối của ông ấy là thế.

Trời mưa ông cũng đi, gặp nước ông cũng lội, mùa đông, ông vẫn đi xa. Ông chẳng sợ gì đêm tối, đường sá không an toàn ông cũng mặc; ông cũng chẳng ngại gì đụng đầu với những tên vô lại.

Năm ngoái, ông đi một mình đến một vùng trộm cướp. Ông không muốn đem chúng tôi theo. Ông vắng biệt những nửa tháng. Lúc ông trở về, hóa ra chẳng có chuyện gì xảy ra cả, người ta tưởng ông chết thì ông lại rất khỏe mạnh. Ông nói: "Người ta đã cướp bóc tôi như thế này đây!" Và ông mở chiếc hòm đựng đầy các bảo vật của nhà thờ Ămbroơng, mà bọn cướp đã tặng ông.

Lần ấy, trên đường về, chẳng là tôi cùng một số bạn bè của ông đã đi hai dặm để đón ông, tôi không kìm mình được nên có cằn nhằn ông một chút, nhưng đã chú ý chỉ nói lúc chiếc xe kêu lạch cạch để không một ai nghe thấy.

Thời gian đầu tôi tự bảo: "Không có nguy hiểm gì làm ông chùn bước, ông này tợn thật". Bây giờ thì rồi

tôi cũng quen đi. Bà Magoloa có định cản trở ông thì tôi ra hiệu bảo bà ấy đừng. Mặc ông muốn xông pha nguy hiểm thì ông cứ làm. Phần tôi, tôi kéo bà Magoloa đi, rồi tôi về buồng mình, tôi cầu nguyện cho ông và tôi thiếp đi. Tôi vẫn yên tâm, vì tôi biết rằng nếu có tai biến gì xảy đến cho ông thì đời tôi cũng chấm dứt. Tôi sẽ đi về với Chúa cùng ông anh và đức giám mục của tôi. Bà Magoloa thì có vất vả hơn mới làm quen được với cái mà bà gọi là sự bất cẩn của ông. Nhưng bây giờ thì đã thành nếp rồi. Hai chúng tôi cùng cầu kinh, cùng sợ với nhau, và cũng cùng nhau ngủ thiếp đi. Quỉ có vào nhà cũng mặc xác nó muốn làm gì thì làm. Nói cho cùng, chúng tôi còn sợ cái gì trong nhà này? Luôn luôn chúng tôi đã có một người nào đó bên cạnh và người đó lại là người có quyền lực nhất. Quỉ có thể tạt qua, còn kẻ ở thường trực lại là Chúa.

Như vậy đối với tôi là đủ. Bây giờ ông anh tôi cũng chẳng cần nói với tôi một tiếng nào. Ông không nói tôi cũng hiểu, và chúng tôi phó mình cho thượng đế.

Đó là cách cư xử với một con người có cái vĩ đại trong đầu óc.

Bà chị ạ, tôi đã hỏi ông anh tôi để tìm hiểu về dòng họ Phô mà bà chị có nhờ tôi. Bà chị rõ là cái gì ông cũng biết và ông cũng nhớ nhiều kỷ niệm lắm, vì ông luôn luôn vẫn trung thành với nền quân chủ. Đúng đó là một thế gia Noócmăng rất xưa trong quận Căng. Cách đây năm trăm năm trong gia đình ấy đã có một vị là Raun đơ Phô, một vị là Giăng đơ Phô và một vị là Tômat đơ Phô, cả ba đều là quí tộc: trong

đó có một là lãnh chúa ở Rơsopho. Người cuối cùng trong họ là Ghi Êchiên Alêchdăng, chỉ huy trung đoàn và cũng giữ chức vụ gì đó trong kỵ binh của Brơtanhơ. Con gái ông này là Mari Luidơ lấy Adriêng Saclơ đơ Gramông, con trai công tước Lui đơ Gramông, đại tá vệ binh và chuẩn tướng trong quân đội. Tên họ này có thể viết nhiều cách khác nhau nhưng cũng là Phô cả.

Bà chị quí mến ơi, mong bà chị trình với Đức Khâm mạng trong hàng thân thích tôn kính của bà chị, nhớ giùm tên chúng tôi trong lời cầu kinh của ngài. Còn cô Xinvani yêu quí của bà chị, cô ấy đã làm một việc đúng là không dùng những phút ngắn ngủi cô ấy được gần bà chị mà viết thư cho tôi. Cô ấy sức khỏe, học hành vừa ý bà chị và vẫn yêu tôi luôn luôn. Đó là tất cả những điều tôi mong muốn. Nhờ bà chị mà tôi nhớ đến cô ấy. Tôi lấy làm sung sướng dạo này sức khỏe tôi không đến nỗi tồi lắm, nhưng cứ ngày càng gầy thêm. Đến đây, bút cùn mực cạn, xin từ biệt bà chị. Kính chúc bà chị mọi sự tốt đẹp. Kính chào.

Baptistin

T.B. - Cô em dâu của bà chị vẫn ở đây với gia đình mình. Cậu cháu trai của bà chị kháu lắm. Bà chị chắc không ngờ là cậu ta sắp lên năm nhỉ! Hôm qua cậu ta thấy một con ngựa đi ngang qua, đầu gối quấn bao vải, cậu ta nói: con ngựa có cái gì ở đầu gối thế nhỉ? -Cậu bé ngoan quá! Em trai cậu kéo lê một cái chổi cùn quanh phòng như kéo xe và nói: "Nào! Nào!".

Cứ cái thư này thì thấy rõ hai người đàn bà đã biết khuôn mình theo cách ăn ở của ông giám mục với cái biệt tài của người phụ nữ, nó giúp họ hiểu người đàn ông hơn cả người đàn ông. Ông giám mục có cái vẻ người hiền lành, hồn nhiên, không bao giờ thay đổi, nhưng có lúc lại có những hành động lớn lao táo bạo và hết sức đẹp đẽ mà chính ông hình như

cũng không ngờ đến. Hai bà run sợ nhưng cứ để tự nhiên. Cũng có khi bà Magoloa thử có đôi lời trách móc trước khi ông làm, nhưng khi ông đang làm và làm xong thì không bao giờ bà có lời nào. Tuyệt nhiên không ai làm rầy ông, khi việc đã bắt đầu, dù chỉ bằng một dấu hiệu. Một đôi lúc, ông chẳng cần nói, có lẽ ông cũng không có ý thức rõ rệt, vì đức giản dị của ông quá hoàn toàn, hai bà cảm thấy một cách mơ hồ rằng ông đang hành động như một giám mục chân tu; và như thế hai bà chỉ còn như hai cái bóng đi lại trong nhà. Hai bà phục vụ ông một cách ngoan ngoãn và nếu phục tòng là giấu mặt thì hai bà luôn luôn giấu mặt. Nhờ có một năng khiếu tinh tế rất đáng phục, hai bà biết rằng có những sự săn sóc nào đó lại làm người ta khó chịu. Vì vậy mà ngay lúc cảm thấy ông đang lâm nguy, hai bà hiểu rất rõ, không phải chỉ ý nghĩ mà bẩm chất của ông, nên không còn giữ gìn cho ông nữa mà phó thác cho Chúa.

Với lại cô Baptistin cũng từng nói, như trên đây đã thấy, hễ ông anh bà có mệnh hệ nào thì bà cũng không sống nữa. Bà Magoloa thì không nói ra, nhưng bà cũng hiểu như vậy.

X

ÔNG GIÁM MỤC ĐỨNG TRƯỚC MỘT ÁNH SÁNG KHÁC LẠ

Sau bức thư nói trên kia được ít lâu, ông giám mục làm một việc, theo dư luận thành phố, còn liều lĩnh hơn việc đi qua vùng núi non của bọn lục lâm nữa.

Ở vùng nông thôn kế cận thành Đinhơ, có một ông già sống đơn độc. Người ấy, xin nói ngay cái tiếng ghê gớm, nguyên là một tay có chân trong viện Quốc ước ! ([1]). Tên ông ta là G.

(1) Nguyên văn: *Conventionnel*, nghĩa là một dân biểu trong viện Quốc ước (Convention). Viện này đã thiết lập chế độ cộng hòa, phế và xử tử Lui thứ XVI, thi hành chuyên chính để bảo vệ cách mạng, bảo vệ nước Pháp.

Xã hội nhỏ bé thành Đinhơ nói đến G. một cách ghê tởm. Một tay cách mạng, các ngài tưởng tượng được chăng? Ngữ ấy sống ở cái thời người ta mày tớ với nhau, và gọi nhau là công dân kia công dân nọ. Có thể nói hắn là một con quái. Chính tay hắn không bỏ phiếu giết vua, nhưng cũng gần như thế. Hắn là một con người ghê gớm. Tại sao, lúc các vị hoàng thân chính thống về nước, người ta lại không lôi nó ra tòa án đặc biệt mà xử? Đã đành là không xử tử, vì có chính sách khoan hồng, nhưng ai cấm không giáng cho nó một cái án chung thân phát vãng! Cũng phải làm một cái gì để răn người chứ!... Vả lại, hắn là một tên vô thần chủ nghĩa, cũng như cả bè lũ chúng -Bầy ngỗng bàn tán về con kên kên.

Nhưng G. có phải là con kên kên không? Đúng là một con kên kên, nếu như người ta nhìn đến cảnh cô độc cục cằn của hắn. Hắn không biểu quyết xử tử vua nên không bị đầy biệt xứ. Hắn được ở lại nước Pháp.

Hắn ở thành phố độ bốn mươi lăm phút, xa làng mạc, xa đường cái, trong một nếp thung lũng hẻo lánh, hoang vu. Người ta bảo là ở đấy có một mảnh đồng, giống như một cái ổ, một thứ sào huyệt. Không có láng giềng, cũng chẳng bao giờ có khách tạt qua. Từ khi hắn đến ở đó thì con đường mòn qua lại cũng bị cỏ che lấp. Người ta ghê rợn nói đến chỗ ấy cũng như nói đến cái nhà của một tên đao phủ.

Nhưng ông giám mục nghĩ đến hắn và thỉnh thoảng nhìn về phía lùm cây ở chân trời là chỗ thung lũng hắn ở, ông nói: "ở nơi kia có một linh hồn hiu quạnh".

Và trong thâm tâm ông nghĩ: "Ta cần phải đi thăm hắn".

Phải nhận rằng cái ý ấy lúc đầu có vẻ rất tự nhiên, nhưng lâu dần, càng suy nghĩ ông càng thấy kỳ quặc, phi lý, có phần ghê tởm nữa. Bởi vì, nói cho đúng, ông không thoát khỏi cảm tưởng chung của mọi người. Đối với người cách mệnh ấy ông muốn xa lánh, nghĩa là ông gần như thù hắn ta, nhưng điều này tự ông không nhìn thấy rõ lắm.

Ghẻ của con chiên có làm cho người mục đồng xa lánh nó không? Nhưng con chiên này nó thế nào ấy!

Ông giám mục băn khoăn lắm. Một đôi khi, ông dời bước đi về phía ấy, rồi thình lình, ông quay gót.

Thế rồi một hôm, người ta xì xào là cậu bé mục đồng giúp việc cho tên sát nhân già kia ra phố mời thầy thuốc, là hắn bị bệnh bại liệt sắp chết, có lẽ không qua được đêm nay.

Một đôi người thêm: may mắn làm sao!

Ông giám mục lấy gậy, khoác áo dạ ngoài vì chiếc áo thâm của ông quá sờn cũ và gió đêm sắp thổi lạnh, rồi ông ra đi.

Trời đã ngả về chiều, mặt trời sắp lặn, ông giám mục mới đến nơi bị loại bỏ. Khi nhận ra là đã đến gần miệng ổ, ông không thể giữ cho trống ngực khỏi đánh. Ông bước qua một cái hào, đi hết một hàng giậu, nâng một giàn nho lên vào một khu vườn hoang tàn, mạnh dạn bước mấy bước, và ở cuối vườn, sau một bụi cây rậm, cái hang ổ hiện ra đột ngột.

Đó là một túp lều thấp, nghèo nàn, bé nhỏ mà sạch sẽ, mặt trước có một giàn nho.

Trước cửa, trong chiếc ghế xe cũ kỹ, loại ghế nông dân, một ông già tóc bạc đang ngồi mỉm cười với mặt trời.

Bên cạnh ông già có một chú mục đồng. Nó đưa cho ông một bát sữa.

Trong lúc ông giám mục lặng lẽ nhìn, ông già nói với chú bé:

- Cám ơn chú, ta không cần gì nữa hết.

Ông không cười với mặt trời nữa, quay sang mỉm cười với chú bé.

Ông giám mục bước tới. Nghe tiếng động, ông già quay lại và mặt ông tỏ vẻ ngạc nhiên, với cái lượng ngạc nhiên còn lại sau một cuộc đời dằng dặc. Ông nói:

- Từ khi tôi về đây đến nay, lần này là lần đầu tiên có người đến nhà tôi. Thưa ông, ông là ai?

Ông giám mục đáp:

- Tôi là Biêngvơnuy Mirien.

- Biêngvơnuy Mirien! Tôi đã nghe nói đến tên ấy. Ông có phải là người mà dân chúng gọi là đức cha Biêngvơnuy đó chăng?

- Chính tôi.

Ông già cười nụ:

- Thế thì ông là ông giám mục của tôi?

- Hình như thế.

- Mời ông vào.

Người cách mạng đưa tay, nhưng ông giám mục không bắt. Ông chỉ nói:

- Tôi lấy làm sung sướng nhận thấy rằng người ta đã dối tôi. Ông không ốm đau gì thì phải.

- Tôi sắp khỏi rồi.

Ông già nghỉ một tí, rồi nói tiếp:

- Ba tiếng đồng hồ nữa thì tôi chết.

Ông lại nói:

- Tôi cũng hơi biết nghề làm thuốc ít nhiều. Tôi biết người thế nào là sắp chết. Hôm qua tôi chỉ thấy lạnh ở hai bàn chân; sáng nay lạnh lên đến gối; bây giờ tôi cảm thấy nó lên đến thắt lưng rồi; khi nó lên đến tim thì tôi ngừng sống. Mặt trời đẹp quá phải không ông? Tôi bảo đẩy tôi ra đây để nhìn vạn vật một lần cuối. Ông cứ nói chuyện đi, nghe chuyện không làm cho tôi mệt đâu. Ông đến xem một con người sắp chết là tốt đấy. Lúc chết mà có một người làm chứng cho mình thì cũng hay! Ai cũng có những tật riêng. Tôi, thì tôi muốn gắng đến sáng hãy đi, nhưng xem ra chỉ còn được sống ba tiếng nữa là cùng. Tôi sẽ nhắm mắt vào lúc đêm tối. Nhưng cần quái gì! Chết là một chuyện đơn giản, cần gì phải có ánh bình minh mới chết được! Đành thế! Tôi sẽ nhắm mắt dưới ánh sao.

Ông già quay về phía chú mục đồng:

- Con đi ngủ đi con. Con đã thức đêm hôm qua, hôm nay con phải mệt.

Chú bé bước vào trong lều.

Ông già nhìn theo nó nói một mình:

- Khi nó ngủ thì tôi chết. Cũng là giấc ngủ cả; có thể ở bên cạnh nhau lắm chứ!

Ông giám mục không cảm động như ở mọi trường hợp khác. Ông cảm thấy không có Chúa trong cái lối chết này. Vả lại, cũng cần phải nói hết, nói cả những mâu thuẫn vụn vặt trong những tâm hồn vĩ đại! Ông giám mục hơi phật ý vì không được gọi bằng Đức cha, tuy cũng có khi ông đem tiếng Ông lớn ra cười cợt. Ông toàn gọi người cách mạng già là: công dân. Ông thoáng có ý muốn sỗ sàng cộc lốc, như nhiều thấy thuốc và cố đạo, tuy ông không quen cái lối ấy. Chung qui, con người ấy, tay cách mạng ấy, tay dân biểu ấy, đã một thời lẫy lừng quyền thế; cho nên, có lẽ lần đầu tiên trong đời, ông giám mục muốn có thái độ nghiêm khắc.

Người cách mạng thì đối với ông chân tình và khiêm nhượng; trong thái độ của ông, người ta cảm thấy vẻ khiêm tốn của một người biết mình sắp trở thành cát bụi.

Ông giám mục thường tránh tọc mạch vì ông cho tọc mạch cũng gần như xúc phạm người ta. Nhưng ông không thể không chú ý quan sát người cách mạng. Ông chú ý nhưng không phải vì có cảm tình cho nên đối với một người nào khác mà ông chú ý như thế tất lương tâm ông sẽ cắn rứt. Nhưng một tên cách mạng theo ông thì còn luật lệ nào che chở cho, cả đến luật nhân ái nữa.

Ông G. bình tĩnh, nửa thân trên vươn thẳng, giọng nói sang sảng. Ông thuộc về cái hạng ông già tám mươi cứng cáp làm các nhà sinh lý học kinh ngạc. Cách mạng đã có nhiều người như thế, những người cũng to lớn như thời đại. Nhìn ông, người ta cảm thấy đó là một con người đã qua trăm rèn nghìn luyện. Cử chỉ dáng điệu của ông là của con người khỏe mạnh, tuy ông sắp

chết trong giây lát. Tia mắt trong sáng, giọng nói chắc nịch, cái nhún vai hùng mạnh của ông làm cho thần Chết thất vọng, làm cho quỉ sứ đi bắt vong phải quay trở về vì ngỡ mình lầm cửa. Ông G. chết hình như là vì ông vui lòng muốn chết thôi. Trong cái hấp hối của ông, có sự chủ động. Chỉ có chân ông là cứng đờ: U minh nắm ông ở đôi chân ấy. Hai bàn chân chết lạnh nhưng đầu vẫn sống một cách mãnh liệt, chói ngời ánh sáng. Trong giờ phút nghiêm trọng ấy, ông G. giống như ông vua trong chuyện cổ tích đông phương nọ, phần trên người là xương thịt, phần dưới là đá hoa.

Ông giám mục ngồi lên phiến đá bên cạnh. Đoạn khai đề khá đột ngột ([1]) ông khen mà giọng như là khiển trách:

- Tôi mừng cho ông. Dẫu sao, ông đã không bỏ phiếu xử tử hoàng thượng.

Nhà cách mạng có vẻ không để ý đến những gì chua chát ẩn đằng sau hai tiếng "dẫu sao". Ông không cười nụ nữa. Ông trả lời:

- Ông chớ nên quá khen tôi. Tôi đã bỏ phiếu kết liễu bạo chúa.

Giọng nghiêm lạnh đối lại giọng nghiêm khắc.

- Ý ông định nói gì? -ông giám mục hỏi.

- Tôi muốn nói rằng con người có một bạo chúa đó là sự ngu dốt. Tôi đã bỏ phiếu kết liễu tên bạo chúa đó. Tên bạo chúa đó đã đề ra chế độ quân chủ; quân chủ là uy thế xây dựng trên sai trái, tri thức là uy thế xây dựng trên cái đúng, cái chân. Chỉ có tri thức

(1) Nguyên văn la-tinh: *ex abrupto*.

mới xứng đáng điều khiển con người.

- Và lương tâm -ông giám mục thêm.

- Cũng là một. Lương tâm là cái lượng tri thức bẩm sinh ở mỗi chúng ta.

Ông giám mục nghe luận điệu quá mới mẻ này thì hơi ngạc nhiên.

Nhà cách mạng nói tiếp:

- Còn việc giết Lui thứ XVI thì tôi bỏ phiếu chống. Tôi nghĩ rằng tôi không có quyền giết người. Nhưng tôi có nhiệm vụ tiêu diệt cái xấu. Tôi bỏ phiếu thủ tiêu bạo chúa, nghĩa là thủ tiêu chế độ mãi dâm đối với đàn bà, thủ tiêu chế độ nô lệ đối với đàn ông, thủ tiêu đêm tối đối với con trẻ. Biểu quyết cho chính thể cộng hòa, tôi đã biểu quyết cái đó. Tôi biểu quyết cho bác ái, cho đồng tâm, cho bình minh! Tôi góp sức đánh đổ các thành kiến và sai lầm. Thành kiến và sai lầm đổ xuống thì hào quang hiện lên. Chúng tôi đây là những người lật đổ thế giới cũ là một hũ chứa đau khổ, cái hũ ấy đổ úp lên nhân loại thì thành một bình chứa niềm vui trong lành.

- Trong lẫn đục.

- Ông nên gọi là niềm vui bị vẩn đục, và ngày nay sau cái năm 1814 ([1]) mà người ta gọi là sự hồi phục ngược lại của dĩ vãng, niềm vui tan biến. Than ôi! Công trình dang dở! Thật vậy, chúng tôi đã phá chế độ cũ trong việc làm nhưng chúng tôi không tiêu diệt được nó hoàn toàn trong tư tưởng. Tiêu diệt các tệ hại chưa đủ, phải thay đổi cả phong tục. Cái cối xay gió không còn, nhưng gió vẫn tồn tại.

- Các ông đã hủy phá tất cả. Hủy phá có thể có ích, nhưng tôi không tin sự phá hủy trong giận dữ.

---

(1) Năm phục hưng quân quyền ở Pháp sau thời kỳ Cách mạng và thời kỳ đế chế.

- Thưa ông giám mục, công lý có lúc phải phẫn nộ, và sự phẫn nộ của công lý là một yếu tố của tiến hóa. Người ta muốn nói gì thì nói, mặc, cách mạng Pháp vẫn là bước tiến vĩ đại nhất của nhân loại từ khi chúa Giêsu ra đời. Dang dở, đúng, nhưng mà tuyệt vời. Nó đã phát hiện tất cả những bài toán xã hội. Nó đã làm cho trí não con người dịu đi: nó vỗ về, trấn tĩnh, soi sáng; nó dội lên mặt đất từng dòng suối văn minh. Nó là một điều hay. Cách mạng Pháp là lễ tức vị của nhân loại.

Ông giám mục không thể không lẩm bẩm:

- Thật vậy ư ? Còn năm 93 ! ([1])

Nhà cách mạng ngồi thẳng người lên với một vẻ nghiêm trang hầu như ảm đạm. Ông lấy hết hơi sức của một người sắp chết, thét lên:

- Ồ! Tôi biết mà! Năm 93! Phải đấy, tôi đợi ông nói lên cái tiếng ấy. Một đám mây mù vẩy vẩn đằng đẵng một nghìn năm trăm năm. Thế rồi sau mười lăm thế kỷ nó bị đánh tan. Ông, ông muốn lên án tiếng sét đánh tan mây mù.

Ông giám mục cảm thấy mình có một chỗ yếu nào đó đã bị đánh trúng. Cố để không nao núng, ông đáp:

- Quan tòa nhân danh công lý mà nói, cố đạo vì nhân ái mà nói; nhân ái không gì khác là hình thái công lý tối cao. Sấm sét không nên đánh lầm.

Ông nhìn đăm đăm vào mặt nhà cách mạng, hỏi tiếp:

- Thế Lui XVII ([2]) ?

Nhà cách mạng đưa tay ra nắm lấy cánh tay ông giám mục:

(1) Năm viện Quốc ước thi hành chuyên chính cao độ để bảo vệ chế độ cộng hòa mới xây dựng và lãnh thổ nước Pháp bị uy hiếp. Bọn phản đối lấy cớ là có nhiều máu đổ để công kích cách mạng và tranh thủ bọn không lập trường.

(2) Con Lui XVI, cháu nội Lui XV là một ông vua bị dân chúng ghét nhất. Lui XVII bị giam trong ngục và chết lúc lên 10 tuổi.

- Lui XVII? Xem nào! Ông thương khóc ai? Thương khóc em bé vô tội à? Thế thì được. Tôi cũng thương khóc với ông. Hay là ông thương khóc hoàng tử Lui? Hãy để cho tôi xem lại. Đối với tôi, đứa bé em thắng Cactut ([1]), một thằng bé vô tội bị buộc qua nách treo lên ở pháp trường cho đến chết, chỉ vì cái tội là em Cactut, đứa bé ấy cũng đáng thương xót như đứa cháu vua Lui XV là một thằng bé vô tội bị hành hạ trong ngục Tăngpơlơ, vì cái tội ác duy nhất là cháu nội Lui XV.

- Thưa ông, tôi không thích người ta so sánh như thế.

- Cactut? Lui XV? Ông kêu thiệt thòi cho Cactut hay cho Lui XV đấy?

Yên lặng trong giây lát. Ông giám mục gần như hối tiếc là mình đã trót đến đây, tuy nhiên ông lờ mờ cảm thấy mình nao núng, nao núng một cách khác thường.

Nhà cách mạng lại nói:

- Ồ! Ông cố đạo không ưa nghe nói trắng sự thật. Nhưng Chúa Giêsu ngày trước lại ưa. Chúa cầm một cái roi đập bụi cho điện thờ. Cây rơi chớp hào quang của Chúa nói sự thật nên không vị nể. Khi Chúa kêu: Để trẻ đến với ta ([2]). Chúa không phân biệt những đứa trẻ con. Chúa không ngần ngại ghép con của Barabat với con của Hêrốt ([3]). Thưa ông, sự trong trắng tự nó đã là một chiếc mũ

(1) *Cartouche*: một tên tướng cướp lừng danh.
(2) Nguyên văn la-tinh: *Sinite Parvulos*.
(3) Barabas: một tên sát nhân, cũng bị giam với Giêsu.
Herode: vua Duyđê đã kết án Giêsu.

bình thiên, sự trong trắng không cần đến cúi trước điện hạ.

Sự trong trắng rách rưới cũng tuyệt vời cao quý như sự trong trắng khoác long bào.

Ông giám mục nói khẽ:

- Đúng thế.

- Tôi nhấn thêm nữa. Ông nhắc đến Lui XVII. Chúng ta hãy thống nhất với nhau. Chúng ta có khóc tất cả những người vô tội, tất cả những kẻ tử nạn, tất cả những trẻ em, bất kỳ là thường dân hay quí tộc không ? Khóc thế thì tôi tham dự. Nhưng như thế thì phải đi ngược dòng lịch sử tận trước năm 93, trước Lui XVII để bắt đầu thương xót. Tôi khóc con vua chúa với ông nếu như ông chịu khóc con dân nghèo với tôi.

- Tôi khóc tất cả những đứa bé ấy.

Ông G. la lớn:

- Đồng đều như nhau! Mà nếu cán cân cần phải nghiêng về một bên nào, tôi mong rằng nó sẽ nghiêng về bên dân chúng. Dân chúng đã chịu khổ lâu hơn.

Lại yên lặng. Rồi người cách mạng cất tiếng trước. Ông chống khuỷu tay, nhổm người lên, beo một chút thịt bến má như người ta thường làm một cách vô tình khi người ta hỏi cung hay là kết án. Cặp mắt tập trung tàn lực, ông chất vấn ông giám mục. Cuộc chất vấn thật là nẩy lửa:

- Thật thế, thưa ông, dân chúng đau khổ đã lâu đời lắm rồi. Nhưng thôi, đó không phải là vấn đề.

Tôi muốn hỏi ông, ông đến đây chất vấn tôi và nói chuyện Lui XVII để làm gì? Tôi không quen biết ông. Từ khi đến xứ này tôi luôn luôn ở trong khu vườn nhỏ này, chỉ một mình, không bước chân ra ngoài, chẳng trông thấy ai ngoài chú bé giúp việc cho tôi đó. Tên tuổi ông, tôi có phong phanh nghe đến thật, và tôi công nhận rằng những tiếng đồn về ông không đến nỗi xấu. Nhưng cái ấy cũng vị tất có nghĩa lý gì. Những người khôn khéo có bao nhiêu cách lấy lòng dân đen ngay thật! Nói đến đây mới nhớ rằng tôi không nghe tiếng xe của ông đến, có lẽ ông để xe ở ngoài khu rừng, ở chỗ rẽ chăng? Tôi nhắc lại là tôi không biết ông. Ông nói ông là giám mục, nhưng cái ấy cũng không làm cho tôi biết gì hơn về nhân phẩm của ông. Tóm lại, tôi nhắc lại câu hỏi của tôi: Ông là ai? Ông là một vị giám mục, tức là một bậc vương tước trong giáo hội, một khách lầu son gác tía có gia huy, có lợi tức, có bổng lộc rất hậu. Tước giám mục thành Đinhơ lĩnh mười lăm nghìn phơrăng lương chính, mười nghìn phơrăng lộc, tổng cộng hai vạn rưỡi. Ông có bồi bếp phục dịch, có quân hầu áo nâu, trên bàn ăn toàn là cao lương mỹ vị, thứ sáu thì xơi chim cuốc, cái hạng mũ áo nghênh ngang, đi xe ngày hội, có kẻ hầu tiền hô hậu ủng, có dinh thự, cái hạng lên xe xuống ngựa nhân danh Chúa Kirixitô đi chân đất! Ông là một vị trọng chức trong giáo hội. Bổng lộc, dinh thự, ngựa xe, kẻ hầu người hạ, mỹ vị cao lương, tất cả những thứ khoái lạc của cuộc sống, ông đều có như những vị trọng chức khác và ông cũng hưởng thụ như họ. Tốt lắm,

nhưng các cái ấy nói nhiều hoặc chưa nói đủ. Nó không giúp tôi thấy sáng cái giá trị chính, cái giá trị thực chất của ông, là người có lẽ có tham vọng đến đây để dạy khôn cho tôi. Tôi đương nói chuyện với người nào đây ? Ông là ai vậy ?

Ông giám mục cúi đầu, đáp:

- Một con giun đất (1).

Nhà cách mạng lẩm bẩm:

- Hừ, giun đất đi xe tứ mã !

Bây giờ đến lượt nhà cách mạng kiêu hãnh, mà ông giám mục thì nhún nhường.

Ông giám mục dịu dàng nói luôn:

- Cũng được. Nhưng xin ông giải thích cho tôi điều này: Xe của tôi đỗ đằng sau lùm cây vài bước, bàn ăn của tôi có cao lương mỹ vị, có chim cuốc ngày thứ sáu, bổng lộc của tôi đến hai mươi lăm nghìn phơrăng, tôi có dinh thự, có kẻ hầu người hạ, tại sao những thức ấy lại chứng minh rằng lòng thương người không phải là một đức tốt, lượng bao dong không phải là một nghĩa vụ, và năm 93 không phải là đã quá tàn nhẫn?

Nhà cách mạng đưa tay qua trán như để xua một đám mây mù:

- Trước khi trả lời ông, tôi tha thiết xin ông thứ lỗi cho tôi. Tôi vừa có lỗi. Ông vào nhà tôi, ông là khách. Tôi có bổn phận phải đối xử lịch sự với ông. Ông không thừa nhận ý kiến tôi, lẽ ra tôi chỉ cần bác bỏ các luận điểm của ông mà thôi. Sự giàu sang, hưởng

(1) Nguyên văn la-tinh: *Vermis sum.*

thụ của ông là những ưu thế cho tôi trong cuộc tranh luận, nhưng không dùng đến cái ưu thế ấy mới là lịch sự. Tôi hứa sẽ không dùng đến nữa.

- Xin cám ơn ông.

Ông G. lại nói:

- Bây giờ thì chúng ta hãy trở lại cái việc ông yêu cầu tôi giải thích. Chúng ta đã dừng lại ở chỗ nào nhỉ? Ông đã nói thế nào? Rằng năm 93 quá tàn nhẫn phải không?

- Tàn nhẫn, đúng. Việc Mara (1) vỗ tay hoan nghênh cái máy chém, ông nghĩ thế nào?

- Ông nghĩ thế nào đối với việc Bôtxuyê (2) hát bài Tụng chúa (3) cho bọn lính đầu rồng chém giết tín đồ đạo Cải cách?

Câu trả lời thật là độc địa, nó xỉa ngay vào đích như một mũi kiếm thép. Ông giám mục rùng mình. Ông không biết đánh trả thế nào, nhưng ông thấy phật ý vì cái cách nói về Bôtxuyê. Những người sáng suốt nhất vẫn có những thần tượng của họ, và khi luận lý của người khác xúc phạm đến những người họ sùng bái thì họ cảm thấy như đau.

Nhà cách mạng bắt đầu thở dốc. Đàm suyễn của người hấp hối chen lấn vào những hơi thở cuối cùng làm cho lời nói bị đứt quãng. Nhưng nhìn vào cặp

---

(1) Mara (*Marat*): một trong những lãnh tụ trứ danh của cách mạng Pháp. Chí công vô tư, không nhân nhượng đối với kẻ thù của cách mạng, Mara rất được dân chúng tin yêu.

(2) Bôtxuyê (*Bossuet*): giám mục ở triều đình Lui XIV, xuất thân đại quý tộc. Bôtxuyê đã có nhiều bài giảng và điếu văn văn hoa và đầy hình ảnh, làm cho văn học sử Pháp kể ông vào hàng nhà văn.

(3) Nguyên văn la-tinh: *Te Deum*

mắt, người ta thấy tinh thần của ông hoàn toàn minh mẫn. Ông nói tiếp:

- Tôi còn muốn nói một đôi câu đây đó nữa. Nói chung cách mạng là một sự tự khẳng định vĩ đại của nhân loại; than ôi! 93 là một đòn trả miếng. Ông thấy 93 tàn nhẫn, nhưng còn tất cả thời kỳ quân chủ thì thế nào, thưa ông? Cariê là một tên tướng cướp, còn Môngtrơven (1) thì ông gọi là gì? Phukiê Tanhvin là một thằng khốn, nhưng đối với Lamoanhông Bavin, ông nghĩ thế nào? Mayda xấu xa, nhưng còn Xô Tavan? Lão Đuysên hung tợn, thế thì ông định dùng tiếng gì để gọi lão Lơtenliê? Giuôcđăng-chặt-đầu-người là một con quái vật, tuy thế hắn còn ít quái hơn là hầu tước Luvoa. Ông ơi, tôi thương hại Mari Ăngtoanet (2) đại công tước và hoàng hậu, nhưng tôi cũng thương người đàn bà khốn nạn theo đạo Cải cách dưới triều vua Lui XIV kia: Năm 1685 người đàn bà có con đương bú ấy bị lột trần đến rốn, trói vào một cây trụ, con chị bị giữ lại cách xa ở trước mặt chị; vú chị ứ đầy sữa, tim chị ứ đầy đau thương. Đứa hài nhi xanh xao đói khát càng thấy vú càng kêu la giẫy chết. Tên đao phủ bảo với người đàn bà, người mẹ, người vú sữa ấy: "Bỏ đạo của mày đi !". Như thế là nó bắt chị hoặc bỏ con chết hoặc bỏ tín ngưỡng. Dùng cái khổ hình của Tăngtan (3) đối với

(1) Trong câu này và mấy câu sau, tên đầu chỉ một nhân vật thời cách mạng, tên sau chỉ một nhân vật thời quân chủ, đều có tên trong lịch sử.

(2) *Marie Antoinette*, vợ Lui XVI, ăn chơi, phung phí của công, chống cách mạng triệt để và tư thông với kẻ thù của nước Pháp. Bị tòa án Cách mạng xử tử.

(3) Theo thần thoại Hy-La, thì Tăngtan vì xúc phạm thần linh, bị thần linh phạt mãi mãi đứng bên một dòng sông, dưới cái cây đầy quả. Đói khát quá, đưa tay hái quả thì cành cây nhích lên cao, cúi xuống uống nước thì dòng sông cạn.

một người mẹ như thế, theo ý ông là thế nào? Thưa ông, ông nên nhớ rằng Cách mạng Pháp có những lý lẽ của nó. Đời sau sẽ tha thứ cho cơn phẫn nộ của nó. Kết quả đem lại là một thế giới tốt đẹp hơn. Nó sát phạt ghê gớm nhưng kết quả là nhân loại được vỗ về an ủi. Tôi nói vắn tắt thôi. Tôi xin dừng, bởi vì chân lý ở về phía tôi rõ rệt quá. Vả lại tôi thấy người tôi sắp chết rồi.

Ông không nhìn ông giám mục nữa; ông kết thúc ý kiến bằng mấy lời bình tĩnh sau đây:

- Những vùng vẫy thô bạo của tiến hóa là những cuộc cách mạng. Qua rồi, người ta nhìn thấy điều này: là nhân loại đã bị giày vò nhưng nhân loại đã tiến lên.

Nhà cách mạng không ngờ rằng mình vừa lần lượt hạ hết các đồn lũy trong tư tưởng ông giám mục. Tuy thế, Đức cha Biêngvơnuy cũng còn một vị trí cố thủ cuối cùng, và từ vị trí ấy ông phóng ra một câu cũng nghiệt ngã như lúc ban đầu:

- Tiến hóa phải tin ở Chúa. Không thể làm điều lành mà không tin Chúa. Một người hướng đạo của nhân loại mà theo chủ nghĩa vô thần là một người hướng đạo hỏng.

Vị dân biểu già không trả lời. Ông run run. Ông nhìn lên trời và một giọt lệ tụ dần trong khoé mắt. Khi giọt lệ đã đầy mắt, nó chảy xuống cái má trắng nhợt; ông nói khe khẽ, nói một mình, gần như bập bẹ, mắt đăm đăm vào cõi sâu thẳm xa xôi:

- Lý tưởng ơi! Chỉ có mày là có thật!

Ông giám mục thấy trong người rung động một cách khó nói.

Sau giây lát im lặng, ông già chỉ một ngón tay lên trời, nói:

- Có vô biên. Vô biên ở đấy. Nếu vô biên không có bản ngã, thì bản ngã đã là giới hạn của vô biên; nghĩa là vô biên sẽ không là vô biên nữa, hay nói một cách khác, không có vô biên. Nhưng vô biên tồn tại. Như thế là nó có bản ngã. Bản ngã của vô biên là Chúa.

Ông già hấp hối nói mấy câu ấy rất to tiếng, giọng rung lên vì ngây ngất say mê, y như thấy một người nào hiển hiện. Ông nói xong thì nhắm mắt lại. Ông đã gắng quá nên kiệt sức. Rõ ràng là trong giây phút ấy, ông đã sống hết cả mấy giờ còn lại của số mệnh ông. Những lời ông vừa nói kéo ông lại gần với Đấng ở thế giới bên kia. Giờ phút tối hậu đã đến.

Ông giám mục biết thế. Thời giờ rất là khẩn trương mà ông, ông đến với tư cách là một cố đạo. Từ chỗ cực kỳ lãnh đạm lúc ban đầu, ông đã dần dần hóa ra cực kỳ xúc động. Ông nhìn cặp mắt nhắm, ông nắm bàn tay già, nhăn nheo lạnh buốt, ông nghiêng đầu xuống mặt người hấp hối:

- Giờ phút này là giờ phút của Chúa. Ông có thấy rằng chúng ta gặp nhau mà không được việc gì thì rất đáng tiếc hay không?

Nhà cách mạng mở mắt. Mặt ông vừa nghiêm trang vừa có vẻ sầm tối. Ông nói chậm rãi, chậm rãi vì phẩm cách tâm hồn hơn là vì kiệt sức:

- Thưa ông giám mục, tôi đã trọn đời suy nghĩ, học hành, chiêm niệm. Khi tôi sáu mươi thì tổ quốc gọi tôi và ra lệnh cho tôi tham gia việc nước. Tôi đã tuân lệnh. Đời có tệ hại, tôi đánh đổ

tệ hại; có cường quyền, tôi tiêu diệt cường quyền; có công lý và chính nghĩa, tôi tuyên dương và truyền giảng công lý và chính nghĩa. Lãnh thổ tổ quốc bị xâm lấn, tôi chiến đấu bảo vệ lãnh thổ; nước Pháp bị uy hiếp, tôi đem ngực tôi hiến cho nước Pháp. Trước kia tôi không giàu; bây giờ tôi nghèo. Tôi đã là một trong những người cầm đầu nhà nước; kho tàng công khố lúc ấy đầy ứ tiền, đến nỗi phải mang gỗ chống đỡ các bức tường chỉ chực vỡ tung vì trọng lượng vàng bạc; nhưng tôi vẫn ăn cơm ở phố Cây Khô mỗi bữa hăm hai xu. Tôi cứu người bị áp bức, tôi vỗ về người đau khổ. Tôi đã xé khăn phủ bàn thờ Chúa, đúng thế, nhưng là để băng bó những vết thương của tổ quốc. Tôi luôn luôn ủng hộ nhân loại tiến lên ánh sáng và một đôi khi tôi đã chống những bước tiến chà đạp lên nhân tình. Cũng có khi tôi bênh vực cho chính kẻ thù của tôi, là các ông đấy. Ở Phơlăngđrơ, nơi vua chúa Mêrôvanhgiêng dựng lầu nghỉ mát, có một tu viện; tôi đã bảo toàn cho tu viện ấy năm 1793. Tôi đem hết sức tôi để làm nhiệm vụ, và làm việc phải. Sau đó tôi bị đuổi đi, bị săn, bị truy, bị lùng, bị khủng bố, bị bôi nhọ, bị chế giễu, bị phỉ nhổ, bị nguyền rủa, bị khai trừ ra ngoài vòng pháp luật. Đã bao năm rồi tôi cảm thấy có khối người tưởng là có quyền khinh bỉ tôi, mặc dù đầu tóc tôi bạc phơ. Quần chúng tối tăm nhìn mặt tôi như nhìn mặt một tội nhân dưới địa ngục. Tôi không thù hằn ai, tôi cam nhận cảnh cô độc người ta đã tạo ra cho tôi vì thù ghét. Ngày nay tôi đã tám mươi sáu tuổi; tôi sắp chết. Thế thì ông đến đây để yêu cầu tôi cái gì?

- Được ban phúc cho ông -ông giám mục nói.

Rồi ông qùy xuống.

Khi ông ngẩng đầu lên thì vẻ mặt nhà cách mạng trông rất oai nghiêm. Ông đã qua đời.

Về nhà, ông giám mục đăm chiêu suy nghĩ. Suốt đêm ông cầu nguyện, sáng hôm sau một đôi người tò mò đánh bạo hỏi chuyện ông về nhà cách mạng G., ông giám mục không nói, đưa tay chỉ lên trời. Từ độ ấy ông càng yêu thương săn sóc người dân cùng và những kẻ đau khổ.

Ai nói xa nói gần đến "tên vô lại G." cũng làm cho ông băn khoăn một cách kỳ dị. Không ai có thể nói được sự gặp gỡ giữa bộ óc ấy và bộ óc ông, giữa trái tim lớn ấy và trái tim ông có giúp phần nào cho ông đi đến cái đạo đức hoàn hảo ngày hôm nay không.

Việc đi thăm ấy tất nhiên là một đầu đề cho các cuộc họp ngồi lê đôi mách ở địa phương.

Họ bảo với nhau:

- "Một con người như thế chết, có đáng cho một giám mục đến bên giường để an ủi không? Quân ấy tất nhiên còn biết cảm hóa theo Chúa là cái gì mà mong! Cả cái lũ cách mạng ấy là đồ tà đạo. Thế thì còn đến làm gì? Ông đến để xem cái gì ở đấy? Phải công nhận rằng ông giám mục quả thật là tò mò, ông muốn biết cái cách quỷ sứ bắt linh hồn như thế nào".

Một hôm, một bà quả phụ quý tộc, thuộc cái loại hỗn xược mà tưởng là mình hóm hỉnh, nói với ông câu mỉa mai này:

- Bẩm Đức cha, người ta muốn biết bao giờ thì Đức cha đội mũ chụp đỏ.

- Ồ! Ồ! Đó là một mầu sắc to lớn -ông giám mục đáp- Cũng may mà những kẻ khinh bỉ cái màu đỏ trên mũ chụp lại sùng thượng cái màu đỏ trên mũ có vành ([1]).

XI

MỘT ĐIỂM GIỚI HẠN

Từ đó, nếu kết luận rằng Đức cha Biêngvơnuy là "Một ông giám mục triết gia" hay là "Một cụ xứ yêu nước" thì có nguy cơ sai lầm. Cuộc gặp mặt, hay hầu như có thể nói việc giao tiếp giữa ông với nhà cách mạng G. đã để lại cho ông một sự ngạc nhiên khiến ông càng hiền lành hơn. Thế thôi.

Ông giám mục chẳng hề là một chính khách. Nhưng ở đây có lẽ cũng nên nói qua ít lời về thái độ của ông trong các biến cố hồi bấy giờ, cứ giả định rằng có lúc ông nghĩ phải nên có một thái độ.

Hãy lùi lại mấy năm về trước.

Một thời gian sau khi ông Mirien được nhắc lên chức giám mục, hoàng đế phong cho ông tước nam của đế chế, một lần cùng với nhiều giám mục khác.

Mọi người biết, giáo hoàng bị bắt giam tối ngày 5 rạng ngày 6 tháng bảy 1809; nhân dịp ấy ông Mirien

(1) Mũ chụp đỏ (*bonnet rouge*) là mũ của những người làm cách mạng 1789 đội. Mũ đỏ có vành là mũ của các giáo chủ, chức vị ở trên chức giám mục.

được Napôlêông mời dự hội nghị các giám mục hai nước Pháp và ý triệu tập ở Pari. Hội nghị mở tại Nhà thờ Đức Bà và họp lần đầu tiên ngày 15 tháng sáu 1811 dưới quyền chủ tọa của Đức giáo chủ Phếch. Ông Mirien là một trong chín mươi lăm giám mục đã đến dự. Nhưng ông chỉ dự một phiên họp toàn thể và ba bốn cuộc họp chuyên đề. Vốn là giám mục một địa phận núi non, gần gũi thiên nhiên, quen sống quê mùa và nghèo khó, hình như ông đã đem đến giữa những nhân vật thượng lưu kia nhiều ý nghĩ làm thay đổi thời tiết của hội nghị. Không mấy ngày sau ông đã trở về Đinhơ. Có người hỏi vì sao ông về sớm thế, ông đáp:

- Có tôi phiền cho các ngài ấy. Không khí bên ngoài theo tôi và đến với các ngài. Tôi có vẻ như một cái cửa mở.

Một lần khác ông nói:

- Tôi chịu thôi, các ông lớn ấy là những ông hoàng, còn tôi, tôi chỉ là một anh giám mục nông dân hèn hạ.

Sự thật là người ta không thích ông. Ngoài những chuyện kỳ dị khác, hình như có một tối ở nhà một đồng nghiệp tiếng tăm, ông đã buột mồm kêu lên:

- Đồng hồ đẹp quá! Thảm lót đẹp quá! Kẻ hầu người hạ đồng phục đẹp quá! Sao mà chói mắt thế! Chao ôi! Ước gì những thứ thừa thãi kia khỏi nheo nhéo mãi bên tai: Còn có bao nhiêu người chịu đói! Còn có bao nhiều người chịu rét! Còn biết bao kẻ khó! Biết bao kẻ khó!

Xin nói qua là thù ghét sang trọng không phải là một sự thù ghét thông minh. Vì thù ghét như thế hàm ý là thù ghét nghệ thuật. Tuy nhiên, đối với kẻ tu hành, ngoài sự tiếp khách và các lễ lạc, thì sa hoa là sai lầm. Dường như nó phơi bày ra những thói

quen ít thật sự thương người. Là cố đạo mà giàu sang thì ngược đời. Nhà tu hành phải ở bên cạnh kẻ khó. Có thể nào gần gũi mãi cả ngày lẫn đêm, tất cả mọi nguy khốn, mọi bất hạnh, mọi sự nghèo hèn, mà không dính trên mình một tí gì của cái khốn khổ thiêng liêng kia như bụi đất của lao động được chăng? Có ai hình dung được một người đứng cạnh bếp lửa mà không thấy nóng? Có ai hình dung được một người thợ luôn luôn làm việc bên lò than, mà không hề có lấy một sợi tóc sém, một móng tay dính bụi, một giọt mồ hôi, tí tro trên mặt? Một cố đạo, nhất là một ông giám mục mà thương người thì bằng chứng thứ nhất là ông ta nghèo.

Đó có lẽ là cách suy nghĩ của ông giám mục.

Xin đừng nghĩ rằng ông ta tán thành ở một số khía cạnh tinh vi, cái mà chúng ta gọi là "tư tưởng của thời đại". Ông ít xen vào các cuộc tranh cãi về giáo lý thời bấy giờ, và không phát biểu ý kiến gì về các vấn đề mà Nhà thờ và Nhà nước đang dính vào; nhưng giá thúc ép lắm thì lại hình như sẽ thấy ông là người theo giáo hội La-mã hơn là người theo giáo hội Pháp. Chúng tôi đang mô tả người ông và không muốn giấu một cái gì cả, nên chúng tôi đành nói thêm rằng, đối với Napôlêông lúc suy, ông tỏ ra lãnh đạm. Bắt đầu từ 1813, ông tham gia hoặc tán thành tất cả các biểu hiện phản đối. Lúc hoàng đế từ đảo Enbơ trở về, ông từ chối không ra bệ kiến khi người đi ngang qua vùng, và trong thời kỳ "Bách nhật" (1), ông không ra lệnh cầu kinh cho hoàng đế trong địa phận mình.

Ngoài cô Baptistin là em gái ra, ông còn hai người

(1) Napôlêông sau khi bị ngoại xâm và nội phản bức bách phải thoái vị năm 1814 thì ra ở đảo Enbơ. Năm 1815 ông lại trở về đuổi vua Lui XVIII và làm vua lại được 100 ngày. Bại trận ở Oateclô, ông mới mất hẳn ngôi.

em nữa: một làm tướng, một là tỉnh trưởng. Ông thường hay viết thư cho cả hai. Với người thứ nhất, một độ ông tỏ ra nghiêm khắc. Lý do là vì ông em này nhân có nắm quyền chỉ huy ở Prôvăngxơ vào lúc Napôlêông đổ bộ lên Cannơ, đã dẫn một đạo quân một nghìn hai trăm người đuổi theo hoàng đế theo lối đuổi để cho người ta thoát. Trong thư từ gửi cho ông em kia, ông tỏ ra thân yêu hơn, ông này trước kia làm tỉnh trưởng, nay thì là một người tốt, đứng đắn, ở ẩn ở Pari, phố Catxet.

Bản thân Đức cha Biêngvơnuy như vậy là cũng có lúc thiên vị, có lúc buồn nản, tâm hồn như có mây che. Bóng tối của những ham mê từng lúc lướt qua đầu óc hiền lành và vĩ đại, thường xuyên chăm lo những vấn đề của vĩnh viễn. Lẽ ra một người như thế đúng là không nên có chính kiến. Xin đừng hiểu lầm về ý này, chúng tôi không lẫn lộn cái gọi là "chính kiến" với hoài bão sâu xa về tiến bộ, với lòng tin tưởng cao quí ở tổ quốc, dân chủ và nhân đạo, những cái mà ngày nay phải làm cơ sở cho mọi tấm lòng bác ái. Không đi sâu vào những vấn đề không liên quan trực tiếp đến chủ đề của sách này, chúng tôi chỉ nói đơn giản như sau: tốt đẹp hơn, nếu Đức cha Biêng-vơnuy không phải là người bảo hoàng và mắt ông đừng một phút nào rời bỏ sự chiêm ngưỡng thanh tĩnh; ở đó, vượt qua những bóng mây giông tố lớp lớp lại qua của cuộc đời trần tục, vẫn sáng tỏ như ban ngày ba ánh sáng tinh thần là Chân lý, Chính trực và Nhân đạo.

Dù công nhận Chúa không sinh giám mục Biêng-vơnuy ra để làm chính trị, chúng ta vẫn có thể hiểu ông và khâm phục ông, giá như ông phản kháng và chống đối Napôlêông thuở hùng cường, phản kháng vì

tự do và chính nghĩa, cũng như chống đối một cách kiêu hãnh và chính đáng nhưng nguy hiểm. Nhưng điều ta thích khi điều đó được áp dụng đối với kẻ đang lên, ta lại không thích nếu áp dụng đối với người rơi xuống. Chúng ta chỉ thích đấu tranh chừng nào đấu tranh còn nguy hiểm. Và bao giờ cũng vậy, chỉ riêng những chiến sĩ buổi đầu mới có quyền làm người thanh toán giờ chót. Ai chưa từng là kẻ buộc tội gay gắt đối phương trong thời thịnh vượng của nó, thì khi nó sụp đổ, nên làm thinh. Chỉ có kẻ tố cáo sự thành công mới xứng đáng làm người phán xử hợp pháp sự sụp đổ? Về phần chúng tôi, khi đấng Cứu thế can thiệp và trừng phạt thì chúng tôi cứ im lặng để cho Người làm. Cứ chứng kiến năm 1812 là chúng tôi thấy không muốn đánh người ta nữa rồi (1). Đến năm 1813, cơ quan lập pháp xưa nay ít nói bỗng nhiên lên tiếng một cách hèn nhát vì đã được những tai họa của đế chế khuyến khích. Đó là một việc chỉ đáng khinh bỉ, cho nên vỗ tay hoan hô là sai. Năm 1814, trước lũ thống chế phản bội, trước cái thượng nghị viện ngã từ đống bùn nhơ này sang đống bùn nhơ kia, tôn thờ đó rồi chửi bới đó, trước sự sùng bái vừa rút lui vừa phỉ nhổ lên thần tượng, bấy giờ bổn phận ta là phải làm ngơ. Năm 1815, trong khi những đổ vỡ cuối cùng như đang treo trên đầu, cả nước Pháp rùng mình cảm thấy nó đang đến gần một cách dễ sợ, trong khi có thể lờ mờ nhìn thấy Oateclô đang mở chờ Napôlêông, thì quân đội và nhân dân mà có hoan hô một cách đau xót con người đã bị số mệnh lên án, cái đó cũng chẳng có gì đáng cười. Và, sau khi đã có ý kiến về kẻ độc tài, người có trái tim như ông giám

(1) Năm 1812, dấu hiệu suy sụp của Napôlêông bắt đầu hiện rõ với cuộc đại bại ở Nga.

mục thành Đinhơ không thể nào không biết rằng, ngay trên bờ vực thẳm, mà một con người vĩ đại và một quốc gia vĩ đại còn ôm chặt nhau như thế thì cái đó phải nói là cao cả và cảm động.

Trừ cái đó ra, ông vốn là thế và lúc nào cũng thế: trong bất cứ việc gì cũng công bằng, chân thật, phải chăng, thông minh, khiêm tốn và đứng đắn; hay làm điều lành và độ lượng, mà độ lượng cũng là một kiểu làm điều lành. Đúng là một nhà tu hành, một nhà hiền triết, một con người. Cũng cần phải nói rằng, ngay trong cái chính kiến mà chúng tôi vừa chê trách và sẵn sàng phê phán một cách nghiêm khắc, ông cũng rộng lượng và dễ dãi, có lẽ còn hơn chúng tôi, người đang kể chuyện đây. -Người gác cổng nhà hội hương là một người được hoàng đế bổ dụng. Ông ta là một hạ sĩ quan già trong đoàn cựu vệ binh, một lính xung kích ở Auxteclit, trung thành với Bônapac cũng như con phượng hoàng trên cán cờ đế chế. Gặp dịp, ông già khốn khổ này bật ra nhiều câu nói thiếu suy nghĩ mà luật pháp hồi đó gọi là *ngôn ngữ phiến loạn*. Từ khi cái hình nghiêng của hoàng đế vắng bóng trên huân chương bắc đẩu bội tinh, ông ta không bao giờ chịu mặc *lễ phục* như ông nói, để khỏi phải đeo chiếc huân chương của mình. Ông ta đã thành kính tự tay mình cạy đi hình ảnh ấy trên chiếc huân chương mà Napôlêông đã trao cho mình, khiến cho chiếc huân chương bị thủng một lỗ, nhưng ông không muốn thay vào đó một cái gì cả. *Thà ta chết -ông nói- chứ nhất định không mang trên trái tim ta ba con cóc* (1). Ông sẵn sàng chế giễu công khai Lui XXIII. *Thằng già thấp khớp đi ủng Anh!* -ông ta nói- *cho nó chuồn*

(1) Ba cái họa huệ khắc trên mặt huân chương, biểu trưng của vương triều Buốc bông.

sang Phổ với món của cải của nó đi! Ông ta lấy làm sung sướng được tóm thu cả hai cái mà ông ghét nhất, nước Phổ và nước Anh trong cùng một lời chửi. Ông ta hăng quá đến nỗi mất việc làm. Thế là bị vứt ra vỉa hè với cả vợ lẫn con, không kế sinh nhai. Ông giám mục gọi đến, quở trách nhẹ nhàng và xếp ông ta vào chân gác cổng nhà thờ lớn.

Ông Mirien đúng là người chăn chiên, người bạn của tất cả mọi người trong địa phận mình.

Trong vòng chín năm, nhờ những việc làm phúc đức, cách cư xử hiền hòa của Đức cha Biêngvơnuy cho nên đối với Đức cha, trong thành phố như tràn đầy một niềm tôn kính dịu dàng của con cháu đối với ông cha. Thái độ của ông đối với Napôlêông cũng được công nhân và nhân dân mặc nhiên thể tình cho ông về khoản đó, vì vốn là một đàn cừu yếu đuối, họ tôn thờ hoàng đế nhưng cũng kính yêu Đức cha của họ.

XII

SỰ CÔ QUẠNH CỦA ĐỨC CHA BIÊNGVƠNUY

Chung quanh một ông giám mục hầu như bao giờ cũng có một đám tu sĩ mới vào nghề, cũng như chung quanh một tướng lĩnh bao giờ cũng có một đoàn sĩ quan trẻ. Chính họ là những người mà thánh Phơrăngxoa đơ Xan đáng yêu đã gọi ở một chỗ nào đó là "những nhà tu hành mới gạy mỏ". Nghề nghiệp nào cũng có những kẻ tập sự kéo từng đoàn theo sau những người thành đạt. Chả một thế lực nào mà chẳng có tả hữu; chả một cửa phú quí nào mà không có người chầu hầu. Bao nhiêu kẻ tìm kiếm tương lai

quay cuồng chung quanh cái hiện tại huy hoàng. Bất cứ đô thành nào cũng có bộ tham mưu. Bất kỳ ông giám mục có thế lực nào cũng có bên cạnh mình đoàn trẻ thơ của chủng viện. Bọn này tuần tra và giữ gìn trật tự trong lâu đài giám mục, cũng như canh hầu chung quanh nụ cười của Đức cha. Được lòng đức giám mục là bàn đạp danh vọng cho một thầy tu trẻ, ở đời cũng phải biết cách tiến thân; truyền đạo mà thêm nhiều bổng lộc càng tốt.

Ngoài đời có những người áo dài thì trong đạo cũng có những kẻ mũ cao. Đó là những giám mục đắc sủng, giàu có, nhiều lợi tức, khôn khéo và được xã hội quyền quý chấp nhận. Họ biết cầu kinh, hẳn thế, nhưng cũng biết cầu cạnh và chẳng ngại ngùng gì trong việc bắt cả một địa phận phải chầu chực mới gặp được mình. Họ là dấu nối giữa nhà thờ và ngoại giao, tu sĩ hơn là giáo sĩ, chức sắc tòa thánh hơn là giám mục. Hạnh phúc thay những ai được đến gần họ! Là những người được tín nhiệm và có quyền thế, họ vung tay ban phát tứ tung cho mọi kẻ xun xoe, cầu cạnh, mọi kẻ được sủng ái, cho tất cả đám người trẻ trung biết mua lòng họ, những xứ béo bở, những chức vị có bổng lộc, có quyền xét xử, những chức tuyên úy, những chức phục dịch nhà thờ, trong khi chờ đợi các chức vị ở tòa giám mục. Họ vừa tiến lên lại vừa kéo mọi kẻ xoay quanh mình cũng tiến lên, y như một thái dương hệ đang vận chuyển, ánh sáng rực rỡ từ người họ nhuốm đỏ cả đoàn tùy tùng. Giàu sang của họ chia thành miếng nhỏ cho bao nhiêu kẻ trong hậu trường, mỗi người được thăng quan tiến chức tí chút. Chủ, địa phận to hơn, thì tớ yêu, xứ cũng lớn hơn. Và La-mã cũng gần thôi. Một ông giám mục biết cách để lên tổng giám mục, một ông tổng giám mục biết cách để lên giáo chủ, họ sẽ lôi ngài đi dự đại hội tuyển cử giáo hoàng và ngài bước vào

thẩm viện, ngài có giải quàng trắng, ngài ngồi ghế dự thính, ngài thành hầu cận giáo hoàng, ngài thành đại chức sắc tòa thánh và từ giám mục lên giáo chủ chỉ có một bước, và từ giáo chủ lên giáo hoàng cũng chỉ nhoáng qua một cuộc bỏ phiếu. Bất kỳ giám mục nào cũng có thể mơ ước làm giáo hoàng. Và ngày nay, người cố đạo là người độc nhất có khả năng lên làm vua một cách hợp thức. Mà lại là vua tối cao. Do đó, còn vườn ươm khát vọng nào tốt hơn một chủng viện! Bao chú bé phụ lễ còn hổ thẹn trước mọi người, bao tu sĩ còn trẻ măng, mà đã có trên đầu một lọ sữa của Peret ([1])! Vì tham vọng dễ dàng đội lốt của thiên hướng cho nên ai mà biết được? Có khi là thực tâm và mình tự lừa dối mình, vì vốn là ngoan đạo kia mà!

Đức cha Biêngvơnuy, khiêm tốn, nghèo nàn, biệt lập, nên không được dự vào hàng những vị mũ cao. Điều đó rất rõ vì chung quanh ông không hề thấy bóng một nhà tu hành trẻ trung nào cả. Người ta đã từng thấy hồi lên Pari "ông không chịu cắn câu". Vì thế không một ai muốn có tương lai lại đến ghép mình với một ông già cổ độc. Không một mầm tham vọng nào lại dại đột muốn mọc xanh tươi dưới bóng cớm của ông. Các chức sắc tòa giám mục cũng như các linh mục quan trọng của ông đều là những cụ già hiền hậu, ít nhiều bình dân như ông, đóng khung mình trong cái địa phận không có đường lên hàng giáo chủ, họ cũng giống ông giám mục của họ, chỉ khác một điều là họ thì yên phận, còn ông thì yên vui. Người ta đều thấy rõ không tài nào có thể lớn lên được bên cạnh ông, đến nỗi, vừa chân ướt, chân ráo ra khỏi chủng viện, các thanh niên được ông phong chức, đều chạy chọt nhờ người giới thiệu với các đại giám mục ở Etxơ hay ở Oscơ, rồi vội vã lánh đi. Bởi vì,

(1) Liên hệ bài thơ ngụ ngôn nổi tiếng của La Fonten.

xin lặp lại điều này, người ta đều muốn được dấy lên. Một ông thánh ưa sống trong cảnh hy sinh khắc khổ, thì ở gần ông là nguy hiểm; ông ta có thể san cho mình theo cách truyền nhiễm cái bệnh nghèo khó không chữa được, làm tê dại các khớp xương cần thiết để bước tới, tóm lại nó truyền nhiễm nhiều thứ từ bỏ hơn mình muốn. Cho nên người ta đều lánh xa thứ đạo đức hay lây như vậy. Do đó mới có cảnh cô quạnh của Đức cha Biêngvơnuy. Chúng ta đang sống trong một xã hội đen tối. Đạt được mục đích, đó là bài học rơi xuống từng giọt từ sự thối nát sừng sững như núi.

Cũng nói qua một lời rằng thành đạt là một điều khá xấu xa. Bên ngoài kẻ thành đạt có vẻ giống người có tài năng nên người ta dễ lầm lẫn. Đối với quần chúng, thành công nhìn nghiêng cũng có dáng như lỗi lạc. Thành đạt, mặt mày tương tự như tài ba, và có một kẻ bị nó lừa dối: đó là lịch sử. Chỉ Giuyvênan và Taxit là kêu ca phản kháng. Nhưng trong thời đại chúng ta, một thứ triết học gần như chính thức đã vào làm gia thần cho nó, mặc đồng phục của nhà nó và làm kẻ thường trực ở phòng chờ. Hãy đạt cho được mục đích; đó là tất cả các học thuyết. Thịnh đạt có nghĩa là Khả năng. Anh trúng số tức anh là người khôn khéo. Kẻ nào chiến thắng, kẻ ấy được trọng vọng. Anh cứ sinh ra đủ mũ mão, tất cả là chỗ đó. Có số đỏ là rồi có tất; anh mà sung sướng thì người ta sẽ cho là anh cao thượng. Chỉ trừ năm hay sáu ngoại lệ vĩ đại mà ánh sáng chói rực cả thế kỷ, còn thì sự khâm phục của thời đại chẳng qua chỉ là cận thị. Núc nác thì thành vàng tâm. Vô danh tiểu tốt cũng không sao, miễn là thành danh. Kẻ tầm thường là một anh Nácxit già tự mình khen ngợi mình và tán thưởng

cái tầm thường. Cái khả năng vĩ đại làm nên Môidơ, Etsin, Đăngtơ, Miken Lăng hoặc Napôlêông, rất đông người đem nó tặng một cách đương nhiên và còn hoan hô thêm những ai đạt đến đích trong bất kỳ công việc gì. Hãy xem: một chưởng khế đổi dạng thành nghị viên; một anh giả Coocnây viết ra *Tiriđat*; một hoạn quan đi đến chỗ chiếm đoạt hậu cung; một viên tướng tầm thường ngẫu nhiên thắng được trận quyết định của một thời; một anh bào chế dược liệu làm được đế giày các tông cho quân đoàn Xămbrơ và Mơđơ, và do chỗ bán mạo các-tông làm da ấy, tạo ra cho mình một khoản lợi tức bốn mươi vạn phơrăng; một tên buôn chạy lấy nghề cho vay cắt cổ mà đẻ ra được những bảy tám triệu; một thày giảng trở thành giám mục nhờ giọng nói ngạt mũi; một tay quản gia vừa thôi việc thì giàu đến nỗi được cử làm bộ trưởng tài chính. Người đời gọi thế là Thiên tài, cũng như họ gọi khuôn mặt của Mutscotông là Thần đẹp và cái cổ của Colốt là Chí tôn. Quả là lẫn lộn tinh tú thăm thẳm trên trời với hình sao do chân vịt in trên đất bùn lầy lội.

XIII

ÔNG TIN GÌ

Về phương diện tư tưởng chính thống, chúng tôi không phải thăm dò ông giám mục thành Đinhơ. Trước một tâm hồn như vậy, chúng tôi cảm thấy chỉ có một xu hướng là tôn kính. Nói đến lương tâm một bậc chính trực là ta phải tin. Vả lại, đối với một số bản chất nhất định, chúng tôi công nhận rằng tất cả những vẻ đẹp của đạo đức con người đều có khả năng phát triển được trong một lòng tin khác với lòng tin của chúng tôi.

Ông giám mục nghĩ gì về tín điều này hay về bí ẩn nọ? Những điều bí mật trong thâm tâm ấy chỉ có thể biết được ở trong mồ vì khi bước xuống mồ mọi linh hồn đều trần trụi. Điều mà chúng tôi chắc chắn là, với ông, không bao giờ những mắc míu về đức tin lại biến thành một thái độ giả dối. Đã là kim cương thì không còn có thể nói đến thối nát được. Ông tin được chừng nào thì ông cố gắng tin chừng ấy. *Hãy tin ở Chúa Cha* ([1]) là câu ông thường nói ở cửa miệng. Bởi vì ông đã tìm thấy trong những việc làm phúc đức của mình một sự thoả mãn đầy đủ cho tâm hồn, nó luôn thì thầm bên tai ông: Chúa Trời ở bên cạnh ngươi.

Điều chúng tôi thấy cần ghi là, ông giám mục có một lòng yêu thương quá mức, có thể nói ngoài đức tin và xa hơn đức tin. Chính từ chỗ ông "đã yêu nhiều" ([2]) đó mà các "bậc đứng đắn", các "bậc trang nghiêm", các "vị biết điều" đều đánh giá ông là có nhược điểm. Những danh từ trên là cách nói ưa chuộng trong cái xã hội đáng buồn của chúng ta, ở đó lòng vị kỷ lại nói cái giọng của kẻ lên mặt hiểu biết. Thương yêu quá mức ở đây là cái gì? Đó là một sự ân cần trong sáng, tràn qua giới hạn loài người, như chúng tôi đã có lúc nói qua, và gặp dịp thì trùm lên cả sự vật. Ông sống dễ dãi. Cái gì là sáng tạo của Chúa, ông đều khoan dung. Trong con người, dù là con người rất tốt đi nữa, cũng có một chút khắc nghiệt, không tự giác dành cho loài vật. Các nhà tu hành đặc biệt có thứ khắc nghiệt, nhưng ông giám mục thành Đinhơ lại không hề có. Ông không đến nỗi như thầy tu Bà-la-môn, nhưng hình như ông có nghiền ngẫm lời này trong sách

(1) Nguyên văn la tinh: *Credo in Patrem*.

(2) Nguyên văn la-tinh: *Quia multum amavit*

kinh: "Ai biết linh hồn thú vật sẽ đi về đâu?". Dáng hình xấu xí, bản năng kỳ dị, không làm ông bận tâm, cũng không làm ông phật ý. Nhìn thấy thế ông cảm động, gần như mủi lòng. Có vẻ như ông trầm tư suy nghĩ, bỏ qua cái bề ngoài để tìm đến cái nguyên nhân, cách giải thích hoặc lời thanh minh. Có lúc dường như ông cầu Chúa xin một số đổi thay. Với con mắt của nhà ngôn ngữ lần mò từng nét bản thảo trên da thú thời xưa, ông bình tĩnh xem xét bao nhiêu cái hỗn độn hiện còn trong tạo vật. Cách suy tưởng mơ màng ấy nhiều lúc làm ông bật ra những lời kỳ lạ. Một buổi sáng ông đang ở ngoài vườn; ông tưởng chỉ có một mình, không ngờ có cô em đi phía sau mà ông không biết; đột nhiên, ông đứng lại và nhìn xuống đất: một con nhện to tướng, đen thui, lông lá xồm xoàng ghê tởm đang nằm trên mặt đất. Cô em nghe rõ ông nói:

- Ồ, con vật đáng thương! Không phải lỗi của nó.

Những cử chỉ từ bi có vẻ là trò trẻ con mà gần như thiêng liêng ấy, tại sao lại không nói đến? Trẻ con, vâng; nhưng thứ trẻ con cao cả ấy chính là của thánh Phơrăngxoa Đatxidơ và của Mác Ôren. Một hôm ông bị sai khớp chân vì không nỡ giẫm lên một con kiến.

Con người chính nhân quân tử ấy sống cuộc đời như thế đó. Thỉnh thoảng, ông lại ngủ ngay ngoài vườn, và những lúc ấy trông ông không còn có gì đáng tôn kính hơn.

Có những lời người ta kể về thời niên thiếu, cả về thời trai tráng của ông thì Đức cha Biêngvơnuy đã từng là một con người say đắm, có thể là dữ dội nữa. Lòng thương mênh mông ở ông chẳng phải là một

bản năng tự nhiên mà là kết quả của một lòng tin vững chắc cao cả, lọc qua cuộc đời, và từng ý nghĩ, từng ý nghĩ, đọng lại trong trái tim ông. Bởi vì, trong tính cách một con người cũng như trong một tảng đá, cũng có thể có những lỗ sâu do nước giọt mãi mà tách ra. Thứ hang hốc như thế không bao giờ mất; cách hình thành như vậy không gì tiêu hủy được.

Năm 1815, tưởng như chúng tôi đã nói điều này rồi, ông đã bảy mươi lăm tuổi, nhưng trông ông không quá sáu mươi. Người ông không to, có hơi phát phì một tí; và để chống lại, ông thường hay đi bộ xa; bước chân hãy còn chắc và lưng chẳng gù mấy tí, điều này chúng tôi chẳng dám kết luận là gì cả, vì Grêgoa thứ XVI, tám mươi mà người vẫn đứng thẳng, mặt mày vẫn tươi cười, nhưng cái đó chẳng cấm ông ta là một giám mục tồi. Dân chúng cho là Đức cha Biêngvơnuy có "cái đầu quí", nhưng vì nó dễ yêu quá nên người ta quên rằng nó đẹp.

Lúc nói chuyện, tính ông vui như trẻ con, đó là một nét đáng yêu ở ông mà chúng tôi đã nói đến. Và những lúc như vậy người ở gần ông đều thấy dễ chịu, vì từ cả người ông như toát ra một niềm vui. Mặt mày hồng hào và tươi tắn, miệng cười để lộ hàm răng còn nguyên và trắng trẻo, làm cho ông có vẻ cởi mở và dễ gần. Cái vẻ như thế ở một người đứng tuổi thì người ta bảo: thật là một người dễ thương, còn ở một người già thì người ta lại bảo: thật là một cụ già phúc hậu. Mọi người còn nhớ, Napôlêông lúc gặp ông đã có cảm tưởng ấy. Mới gặp và tiếp xúc lần đầu, người ta cũng chỉ thấy ông là một cụ già phúc hậu mà thôi. Vậy mà ngồi bên ông chừng ít tiếng đồng hồ và chỉ cần thấy ông suy tưởng, thì ông cụ già phúc hậu biến đổi dần dần và

có một cái gì hùng vĩ. Vừng trán rộng và nghiêm, có mớ tóc bạc làm thêm vẻ cao cả, càng trở nên cao cả vì sự trầm tư. Vẻ uy nghi toát ra từ sự phúc hậu, mà sự phúc hậu cũng không ngừng ngời sáng. Người ta cảm thấy xúc động như đứng trước một thiên thần tươi cười, vừa thong thả dang to đôi cánh vừa không ngớt mỉm cười. Một niềm kính mến khó tả, từng bước như thấm vào người chúng ta, dâng lên trái tim, và chúng ta cảm thấy đứng trước một tâm hồn mãnh liệt, từng trải và bao dung, trong đó tư tưởng vĩ đại đến mức chỉ còn có thể là hiền từ.

Như mọi người đã thấy, cầu kinh, hành lễ, làm phúc, an ủi kẻ đau buồn, trồng trọt một mảnh vườn, lòng bác ái, tính thanh đạm, mến khách, từ chối xa hoa, lòng tin tưởng, học hỏi, làm việc, tất cả những cái đó làm cho ngày nào trong đời ông cũng đầy ắp công việc. *Đầy ắp*, nói như thế mới đúng, bởi vì quả nhiên, ngày đó tràn đầy những ý nghĩ tốt đẹp, những lời nói tốt đẹp, những hành động tốt đẹp. Tuy nhiên, như vậy cũng chưa là trọn vẹn nếu vì thời tiết lạnh hay trời mưa mà tối đến ông không ra dạo vườn một hoặc hai giờ trước khi đi ngủ và sau khi hai bà phụ nữ đã về buồng mình. Suy tưởng trầm ngâm trước những cảnh tượng hùng vĩ của bầu trời ban đêm rồi mới ngủ yên, việc đó hình như đã thành một nghi lễ đối với ông. Đôi khi, vào lúc trời đã về khuya, hai bà mà không ngủ được, thì lại nghe bước chân ông chậm rãi trên các lối đi. Ông ở đó một mình với bóng, tĩnh tâm, thanh thản, thành kính, đem so cái thanh tĩnh của lòng mình với cái thanh tĩnh của không trung, xúc động trong bóng tối trước mọi huy hoàng trông thấy được của

tinh tú và mọi huy hoàng không trông thấy được của Chúa Trời, tâm hồn rộng mở cho mọi tư tưởng rơi xuống từ cõi Không tên. Trong những lúc ấy, đem dâng trái tim mình vào giờ phút các hoa đêm toả hương thơm, sáng ngời như một ngọn đèn giữa đêm sao, hòa mình say sưa giữa cảnh chói sáng mênh mông của tạo vật, chính ông cũng khó lòng nói được cái đang xảy ra trong tâm trí mình. Ông có cảm tưởng như có gì bay khỏi người mình và cũng có gì giáng hạ vào đó. Đúng là những sự trao đổi thần bí giữa những hố sâu của tâm hồn với những hố sâu của vũ trụ!

Ông nghĩ đến sự vĩ đại và sự có mặt của Chúa; đến cái vĩnh viễn sắp đến, bí mật kỳ lạ; đến cái vĩnh viễn đã qua, bí mật còn kỳ lạ hơn; đến tất cả những cái vô biên đang chìm sâu trước mắt ông trên khắp hướng; và, không tìm hiểu cái không hiểu được, ông chỉ đưa mắt nhìn. Ông không nghiên cứu Chúa Trời, ông tự để cho mình lóa mắt nhìn Chúa. Ông chiêm ngưỡng những sự kết hợp rực rỡ của các nguyên tử, nó đem lại sắc hình cho vật chất, nó phát hiện ra các lực lượng, nó tạo ra các cá tính trong sự thống nhất, các kích thước trong không gian, cái vộ số trong vô hạn, và do ánh sáng mà làm ra vẻ đẹp. Những sự kết hợp này hợp rồi tan liên tục; từ đó sinh ra sự sống và cái chết.

Ông ngồi trên một chiếc ghế gỗ kê áp vào cái giàn đã mục, và nhìn trời sao qua hình bóng khẳng khiu, cằn cỗi của các cây ăn quả. Mấy thước đất trồng trọt quá sơ sài, lổm nhổm những lều lán, rất thân thiết đối với ông và ông lấy thế làm đủ.

Còn có gì cần thêm cho ông già ấy nữa, khi ông đem thì giờ rỗi rãi trong cuộc đời, đã rất ít rỗi rãi của ông, ra chia cho việc làm vườn ban ngày và việc chiêm ngưỡng ban đêm? Khoảng vườn rào kín, chặt hẹp này, có trời xanh làm trần trên đầu, há không đủ để ca ngợi Chúa lần lượt trong những công trình đẹp đẽ nhất và những công trình cao cả nhất chăng? Như thế chưa phải là tất cả hay sao? Còn đòi gì hơn nữa? Một mảnh vườn con để dạo chơi, và cõi bao la để mộng tưởng. ở dưới chân là những cái có thể trồng trọt và thu hoạch; trên đầu là những cái có thể nghiên cứu và suy tưởng; một ít hoa dưới đất và tất cả sao trên bầu trời.

XIV

ÔNG NGHĨ GÌ?

Một lời cuối cùng.

Loại chi tiết nói trên, đặc biệt trong thời gian chúng ta đang sống đây, có thể đem đến cho ông giám mục thành Đinhơ một dáng dấp, "phiến thần", theo cách nói hiện nay đang thịnh hành. Điều đó khiến người ta hoặc chê hoặc khen, nhưng đều nghĩ rằng ông có một trong những thứ triết học, riêng chỉ thời đại chúng ta mới có, và thỉnh

thoảng thấy nẩy mầm trong những bộ óc cô độc, bám rễ vào đó và lớn lên dần đến mức thay thế cho các tôn giáo. Chúng tôi xin nhấn mạnh điều này là không một ai trong số những người có biết Đức cha Biêngvơnuy lại dám cho rằng mình có thẩm quyền để nghĩ như vậy. Ngọn lửa soi sáng con người này là trái tim. Trái tim đã tuôn ra ánh sáng để làm nên đức độ của ông.

Chẳng có học thuyết nào cả, chỉ có nhiều hành động. Những thuyết lý cao xa, khó hiểu làm cho người ta choáng váng; chẳng có dấu hiệu gì là ông đem trí óc dấn vào những thứ viễn tưởng mù mờ. Người tông đồ có thể bạo phổi, nhưng ông giám mục cần phải dè dặt. Chắc chắn là ông đã tự bảo mình phải thận trọng đừng đi quá sâu vào một số vấn đề có lẽ chỉ dành cho những đầu óc lớn và táo tợn. Dưới cổng tò vò của bí điều có sự ghê sợ linh thông; những cửa ngõ tối om ấy mở toang hoác đấy, nhưng có gì như nói với ta, những kẻ bộ hành trên đời, rằng không nên vào đó. Ai vào đó sẽ gặp tai họa. Trong chỗ cao sâu khôn tả của trừu tượng và thuyết lý đơn thuần, những thiên tài, có thể nói là đứng lên trên các giáo điều, đề nghị ý mình lên Chúa. Lời cầu Chúa của họ đồng thời là một lời đề nghị táo bạo xin tranh luận. Sự tôn sùng của họ cũng là cách chất vấn. Đó là tín ngưỡng trực tiếp, đầy lo âu và trách nhiệm của những ai muốn thử trèo những đỉnh cao chênh vênh của tôn giáo.

Sự suy nghĩ trầm tư của con người không có giới hạn nào. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về công việc của mình, nó phân tích và đi sâu vào sự bừng sáng của chính mình. Có thể nói rằng, do một thứ phản lực tốt đẹp, nó làm cho cả tạo vật cũng chói lòa; thế giới bí ẩn chung quanh ta hễ nhận cái gì là có trả lại, cho nên có phần chắc là những người chiêm ngưỡng, lại được người ta chiêm ngưỡng. Dù sao, trên đời cũng có những con người- phải chăng đó là những con người ? - nhìn thấy rất rõ ở chân trời sâu thẳm của sự mơ màng những đỉnh cao của tuyệt đối, và có một hình ảnh dữ dội về quả núi vô biên. Đức cha Biêngvơnuy chẳng phải là người như thế, ông không phải là một thiên tài. Chừng như ông e sợ các thứ cao siêu vì từ đó một đôi người, có khi là những người vĩ đại, như Xuơđăngboóc và Patscan, đã rơi vào điên loạn. Nói cho đúng, những sự suy tưởng mãnh liệt ấy có giá trị đạo đức, và bằng những con đường gay go như thế người ta cũng đến gần sự toàn thiện lý tưởng. Về phần Đức cha Biêngvơnuy, ông đi theo con đường nhỏ gần hơn: kinh thánh.

Ông không muốn cho áo lễ của mình mang những nếp gấp trên áo khoác của Êli, ông không chiếu một tia sáng tương lai nào lên cảnh nhấp nhô tăm tối của mọi biến cố, ông cũng không tìm cách tập trung lửa trời của sự vật thành đuốc sáng, ông chẳng có tí gì của nhà tiên tri và của nhà hướng đạo. Tâm hồn giản gị ấy yêu thương, thế thôi.

Cho là ông có mở rộng sự cầu nguyện đến một khát vọng siêu phàm, điều ấy có lẽ; nhưng người ta không thể cầu nguyện nhiều quá cũng như không thể yêu thương nhiều quá. Và nếu cầu nguyện quá lời kinh là tà tín thì nữ thánh Têredơ và thánh Giêrôm đã là những người tà đạo rồi.

Ông nghiêng mình xuống những ai rên rỉ và những ai đang chuộc tội. Thế gian hiện ra trước mắt

ông như một cõi bệnh tật bao la. Ở đâu cũng cảm thấy có cảm sốt, ở đâu ông cũng chẩn đoán ra sự đau đớn, và không tìm cách đoán biết bí ẩn, ông cố gắng băng bó vết thương. Cảnh tượng đáng sợ của mọi vật trời sinh làm cho lòng trìu mến của ông càng phát triển. Chỉ một điều làm ông bận là cố tìm cho mình và gợi ý cho người khác cách tốt nhất để thương xót và đỡ đần. Mọi cái tồn tại trên đời, đối với nhà tu hành hiền từ và hiếm có này, là một duyên cớ thường xuyên để ông buồn và tìm cách an ủi.

Có những người cày cục khai thác vàng; ông thì ông chuyên chú khai thác lòng thương. Nỗi khốn khổ bao la của thế gian là hầm mỏ của ông. Bất kỳ ở đâu, đau khổ cũng chỉ là một cơ hội cho từ tâm. *Các người hãy thương yêu nhau*; ông cho lời nói ấy là đầy đủ, cũng không mong ước gì hơn; và đó là tất cả học thuyết của ông. Một hôm, cái người tự cho mình là "triết gia", cái ông thượng nghị sĩ ấy, mà trên kia đã nhắc đến, nói với ông giám mục: -"Nhưng xin ông nhìn thử cảnh tượng của thế gian; ai cũng đánh nhau giết nhau; kẻ mạnh nhất thì là kẻ tài trí nhất. Cái *"các người hãy thương yêu nhau"* của ông là một sự nhảm nhí.

- *Thế thì* -Đức cha Biêngvơnuy đáp lại một cách ôn tồn- *nếu đó là sự nhảm nhí, thì linh hồn cần náu mình trong đó như hạt ngọc trong con trai vậy"*.

Ông ẩn mình trong đó, sống trong đó, và lấy làm thỏa mãn hoàn toàn. Vì ông đã cẩn thận gạt qua một bên những vấn đề to lớn vừa hấp dẫn vừa làm cho người ta hoảng hốt, những chiều xa không tới nổi của trừu tượng, những vực sâu của siêu hình học, tất cả những vấn đề thăm thẳm qui vào một hướng, và dẫn kẻ tông đồ đến Chúa trời cũng như

dẫn kẻ vô thần đến hư vô. Đố là Vận mệnh con người, thiện và ác, sinh vật xâu xé nhau, lương tâm con người, bản năng trầm tư ở thú vật; vấn đề chết rồi đi đâu, nằm dưới mồ thì ôn lại kiếp sống ra sao, bao nhiêu mối tình nối tiếp nhau tháp ghép một cách khó hiểu bên cái tôi cố định; vấn đề cái tinh hoa và cái thể chất, sông Nin và sông Ăngxơ, linh hồn và tạo vật, tự do và tất yếu. Toàn những vấn đề chót vót, những tầng tầng đáng sợ: bao nhiêu thiên tài vĩ đại của trí tuệ con người đã vùi đầu vào đó. Toàn những vực sâu kinh khủng mà Luycrét, Manu, thánh Pôn và Đăngtơ từng ngắm với con mắt nẩy lửa: nhìn đăm đăm vào cõi vô biên thì hình như lại làm nở ra ở đó những vì sao sáng.

Đức cha Biêngvơnuy chỉ đơn giản là một con người nhìn các vấn đề bí ẩn từ bên ngoài chứ không xoi mói, không lay động tới, cũng không để cho tâm trí mình rối loạn, một con người thâm tâm biết kính trọng bóng tối một cách tôn nghiêm.

QUYỂN HAI

SA NGÃ

I

SAU MỘT NGÀY ĐƯỜNG

Vào thượng tuần tháng mười năm 1815, một giờ trước lúc mặt trời lặn, có một người khách đi bộ vào thành phố Đinhơ nhỏ bé. Dăm ba người hàng phố khi ấy còn đứng ngoài cửa sổ, hoặc ở ngưỡng cửa, đưa mắt nhìn người bộ hành, vẻ nghi ngại. Khó mà thấy một người đi đường tồi tàn hơn thế! Hắn ta khoảng trên bốn mươi lăm tuổi, người tầm thước, to ngang và vạm vỡ trông đương sung sức. Chiếc mũ cát-két có lưỡi trai bằng da sụp xuống trán che khuất một phần khuôn mặt sạm nắng nhễ nhại mồ hôi. Chiếc sơ-mi vải thô màu vàng, cổ cài mỏ neo bạc, để lòi ra một cái ngực đầy lông. Chiếc cà-vạt vặn lại như mẩu thừng. Cái quần bằng vải to màu xanh đã cũ nát, một bên gối bạc phếch và một bên bị thủng. Cái áo khoác cũ màu xám, rách mướp một bên khuỷu tay và một miếng dạ xanh khâu bằng dây gai. Trên lưng một chiếc ba lô quân đội còn mới nguyên đầy ắp và buộc kỹ lưỡng. Tay cầm chiếc gậy gộc có đốt, chân không tất đi một đôi giầy đinh. Đầu húi trọc, râu để dài.

Con người đã tồi tàn như thế lại cuốc bộ ngoài nắng mồ hôi mồ kê ướt đẫm, bụi bậm đầy mình, nên càng thêm vẻ ghê tởm.

Đầu thì húi trọc, nhưng tóc lổm chổm vì mới mọc mà hình như gần đây không được húi.

Chẳng ai biết rõ hắn ta. Cố nhiên hắn chỉ là một kẻ qua đường. Nhưng hắn ở đâu tới? Từ miền Nam. Có lẽ là từ miền bể. Vì hắn vào thành phố Đinhơ cũng bằng con đường mà bảy tháng trước đây Hoàng đế Napôlêông đã đi qua khi từ Can đến Pari. Chắc hắn đã cuốc bộ suốt ngày nên coi vẻ mệt nhọc lắm. Mấy người đàn bà ở phố cũ phía Nam đã thấy hắn nghỉ lại dưới rặng cây ở đường Gatxăngđi và vục nước máy ở đầu đường mà uống. Hẳn là hắn khát lắm, vì lũ trẻ con đi theo thấy hắn lại dừng lại cách đấy hai trăm bước, ở máy nước sân chợ và uống nữa.

Đến góc phố Poasơve hắn rẽ sang trái và tiến về phía thị sảnh. Hắn vào và mười lăm phút sau lại ra. Một người lính sen đầm ngồi trên tấm ghế đá cạnh cửa ra vào, chiếc ghế mà hôm mồng bốn tháng ba tướng Đơruô đã trèo lên để tuyên đọc cho quần chúng nhân dân thành Đinhơ đang kinh hoàng tờ tuyên ngôn của Napôlêông làm ở vịnh Gioăng. Hắn bỏ mũ khúm núm cúi chào. Người lính không chào lại, chăm chú nhìn hắn, trông theo hắn một lúc rồi bỏ đi vào trong công quán.

Ngày ấy ở Đinhơ có một hàng cơm lịch sự là hiệu *Croa đờ Cônba*. Chủ quán, Giacanh Laba cũng là một tay được vị nể trong thành phố vì y có họ với một anh Laba khác, anh này là chủ hàng cơm *Troa Đô phanh* ở Grơnốp và đã từng phục vụ trong đội quân hướng đạo. Dạo hoàng đế đổ bộ lên đất liền, trong xứ người

ta đồn nhiều điều về hàng cơm *Troa Đô phanh* này lắm. Có người kể rằng tướng Bectrăng (1), cải trang làm phu xe bò, vào tháng giêng năm ấy, thường hay đi lại trong vùng và phân phát nhiều huân chương cho lính tráng và từng vốc bạc cho bọn thị dân. Sự thật là khi Napôlêông vào Grơnốp, ngài đã từ chối không đến ngự ở thị sảnh. Ngài cám ơn ông thị trưởng và nói: *"Tôi đến nhà một người tốt mà tôi quen biết"*, rồi đi đến quán cơm *Troa Đô phanh*. Cái vinh dự của anh Laba ở hàng cơm *Troa Đô phanh* chiếu xa ngoài hai mươi dặm đến tận cái anh Laba ở quán cơm *Croa đơ Cônba*. Hàng phố người ta thường chỉ trỏ: *"Ấy, ông này là em họ của ông Laba ở Grơnốp đơ"*.

Anh chàng đi về phía hàng cơm ấy là nơi chứa trọ tốt nhất miền. Hắn bước thẳng vào bếp ngay cạnh đường. Tất cả các hỏa lò đang đỏ rừng rực; trong lò sưởi củi cháy ngùn ngụt. Chủ quán vừa là đầu bếp, hết thổi lửa lại xem các xoong chảo, đang tíu tít sửa soạn bữa cơm ngon cho bọn phu xe tải hàng đang cười nói ầm ĩ ở buồng bên. Ai đã từng đi nhiều đều biết rằng chẳng có khách hàng nào háu ăn ngon bằng đám phu xe tải. Một chiếc xiên dài có con cu li béo, hai bên kèm một dây gà gô và gà rừng, đang quay trên lò lửa. Trong nồi hai con chép lớn hồ Lôze và một con cá quả hồ Alôzơ đang âm ỉ.

Nghe cửa mở và có khách mới vào, chủ quán mắt không rời bếp, hỏi:

- Ông cần gì?

- Ông cho ăn cơm và ngủ lại.

---

(1) *Bertrand*: Tướng phụ tá của Napôlêông, rất trung thành đã theo Napôlêông trong bước suy vong cho đến lúc cuối cùng và đã mang di cốt của vua mình về nước Pháp.

- Vâng, dễ thôi -Bấy giờ chủ quán mới quay ra, nhìn người khách từ đầu đến chân một lượt rồi thêm:

- Chỉ cần trả tiền.

Khách thò tay vào túi áo khoác lấy ra một chiếc ví da to:

- Tiền đây.

- Thế thì xin có.

Khách bỏ ví da vào túi, bỏ chiếc ba lô ra, đặt xuống đất gần bên cửa rồi xách gậy đến ngồi trên chiếc ghế đẩu gần lò sưởi. Thành phố Đinhơ ở miền núi, đêm tháng mười thường lạnh.

Trong khi ấy, chủ quán vừa đi đi lại lại vừa ngắm kỹ khách.

- Đã sắp có cơm chưa? -Khách hỏi.

- Lát nữa.

Trong khi khách ngồi sưởi, quay lưng lại thì viên chủ quán Laba móc túi lấy cây bút chì, xé một tờ báo cũ trên chiếc bàn con cạnh cửa sổ, viết một vài dòng gì đó vào chỗ mép trắng rồi gấp lại đưa cho một chú bé, chừng vừa là phụ bếp vừa là người đánh xe. Chủ quán ghé vào tai thằng bé nói thầm một câu, thằng bé liền cắm đầu chạy về phía thị sảnh.

Khách không hay biết gì cả, lại hỏi:

- Đã gần có cơm chưa?

- Một lát nữa.

Thằng bé cầm mảnh giấy trở về. Chủ quán đang nóng chờ câu trả lời, vội vàng mở ra xem. Hắn ra vẻ chăm chú đọc, rồi lắc đầu suy nghĩ một lúc. Rồi hắn

bước lại gần người khách đang trầm ngâm, ra dáng lo lắng, âu sầu:

- Này ông, tôi không tiếp ông được.

Khách giật mình nhổm lên:

- Sao vậy? Anh sợ tôi không có tiền trả à? Hay là tôi đưa trước cho anh nhé? Tôi đã nói tôi có tiền mà.

- Không phải thế.

- Thế thì tại làm sao?

- Ông có tiền...

- Phải.

- Nhưng tôi thì tôi không có phòng.

Khách ôn tồn bảo:

- Cho tôi xuống chuồng ngựa vậy.

- Không được.

- Sao thế?

- Chuồng ngựa đầy ngựa rồi.

- Thôi thì một xó trên gác xép cũng được. Một ổ rơm là đủ mà. Ăn xong rồi ta sẽ hay.

- Tôi không thể dọn cơm ông ăn được.

Câu trả lời khoan thai, nhưng cứng cỏi, làm cho khách biết có gì nghiêm trọng đây. Khách đứng dậy:

- Thế à! Nhưng tôi đói lả rồi đây này. Cuốc bộ những mười hai dặm, từ sáng sớm đến giờ. Tôi có quịt đâu, tôi cần ăn mà.

- Trong nhà chả còn thức gì cả?

Khách phì cười, quay sang phía lò sưởi và chỗ bếp:

- Không còn gì! Thế những cái kia?

- Đấy là của người ta đặt trước.

- Ai đặt?

- Các ông phu xe tải hàng đây.

- Họ có bao nhiêu người?

- Mười hai.

- Đến hai mươi ăn cũng đủ nữa là.

- Nhưng họ đã giữ hết và trả tiền trước cả rồi.

Khách lại ngồi xuống, ôn tồn:

- Đây là hàng cơm, tôi đói, tôi cứ ở lại.

Chủ quán bèn ghé vào tai khách, nói bằng một giọng làm cho khách phải giật mình:

- Đi ngay đi.

Lúc ấy khách đang cúi xuống, lấy đầu gậy bịt sắt vun mấy cục than hồng trong lò lửa, bỗng quay ngoắt lại. Khách vừa mở miệng định trả lời thì chủ quán nhìn chằm chằm vào mặt, vẫn thấp giọng nói tiếp:

- Này đừng nhiều lời nữa. Anh có muốn tôi nói tên anh ra không? Anh là Giăng Vangiăng. Anh còn muốn tôi lôi lý lịch anh ra ư? Lúc anh thoạt vào, tôi đã hơi ngờ ngợ, tôi sai người ra hỏi ngoài thị sảnh, thì người ta đã trả lời rồi đấy. Anh có đọc được không?

Chủ quán vừa nói vừa giơ cho khách xem mảnh giấy mở sẵn vừa mới từ hàng cơm đưa ra thị sảnh và

từ thị sảnh trở về hàng cơm. Khách đưa mắt nhìn qua. Chủ quán đứng lặng một lát rồi bảo:

- Tôi đây vẫn quen đối xử nhã nhặn với mọi người. Mời anh đi cho.

Khách cúi đầu, nhặt chiếc ba lô để dưới đất rồi bước ra.

Hắn cứ dọc theo đường phố lớn đi thẳng một mạch về phía trước, chẳng biết mình định đi đâu, men sát theo các tường nhà, như người bị sỉ nhục và buồn rầu. Ở cửa hàng cơm, anh chủ quán, có bọn khách trọ và người qua đường vây quanh, đang đứng trông theo và chỉ trỏ, nói năng huyên thuyên. Người kia không hề ngoái cổ. Giá hắn ngoái cổ trông lại thì cứ nhìn vẻ mặt nghi ngờ và kinh hãi của cả đám người ấy, có lẽ hắn đoán biết rồi đây chả mấy chốc cả thành phố sẽ nhốn nháo lên vì hắn.

Hắn không nhìn thấy gì về cảnh ấy cả. Người đang đau khổ có quay nhìn lại sau lưng bao giờ! Họ biết thừa rằng thời vận đen vẫn theo đuổi họ.

Hắn cắm đầu đi như thế trong hồi lâu, lang thang hết phố này sang phố khác, chẳng biết đâu là đâu, quên cả mệt nhọc, như một người đang cơn buồn bực. Bỗng nhiên hắn thấy bụng đói cồn cào. Trời lại sắp tối. Hắn đưa mắt nhìn quanh xem may chăng có nơi nào trọ được.

Hàng quán lịch sự thì đã cấm cửa hắn rồi; hắn định tìm một quán rượu nào thật tồi tàn, thật xơ xác.

Vừa lúc ấy, một ánh lửa loé lên ở đầu phố; một cành thông treo lủng lẳng trên cái cần sắt (1) in rõ lên nền trời hoàng hôn màu trăng trắng. Hắn ngắm hướng đó đi tới.

Thì ra đúng là một quán rượu, quán rượu ở phố Sapphô.

Hắn dừng lại một lúc, đưa mắt nhìn vào bên trong qua cửa kính. Căn phòng thấp của ngôi hàng đang có chiếc đèn con trên bàn và lửa cháy rần rật trong lò sưởi chiếu sáng. Vài ba người đang uống rượu. Chủ quán ngồi sưởi. Một chiếc nồi sắt treo trên lò lửa sôi sùng sục.

Quán rượu này đồng thời là quán cơm. Vào ra có hai cửa, một cửa trông ra đường cái, một cửa thông ra cái sân con đầy ắp phân tro.

Hắn không dám vào cửa trước. Hắn lẻn vào trong sân, tần ngần một lúc rồi khe khẽ nâng then lên, đẩy cánh cửa. Chủ quán hỏi:

- Ai đấy?

- Một người muốn ăn cơm và nghỉ trọ.

- Được. Ở đây có cả chỗ ăn và chỗ ngủ.

Hắn bước vào. Bọn khách đang đánh chén quay cả lại. Hắn đứng giữa, một bên có ánh đèn chiếu sáng, một bên có ánh lửa. Trong khi hắn loay hoay bỏ chiếc ba lô trên vai xuống thì mọi người đều nhìn ra hắn chăm chú.

Chủ quán bảo:

- Lò sưởi đây, bữa tối trong nồi kia. Anh bạn lại

(1) Đó là dấu hiệu một quán trọ.

mà sưởi cho ấm.

Hắn đến ngồi sát bên lò sưởi, duỗi thẳng đôi chân đi bộ đau dừ ra trước đống lửa. Trong nồi mùi thức ăn bay ra thơm phức. Trên khuôn mặt khuất sau chiếc mũ lưỡi trai đội thụp xuống, phảng phất một vẻ gì khoan khoái lẫn trong cái dáng đau thương của con người từng quen khổ nhục.

Thực ra, nhìn một bên, nét mặt hắn rắn rỏi, cương quyết và rầu rầu. Kể ra cũng phức tạp: thoạt trông thì hình như khúm núm, nhìn kỹ lại như nghiêm nghị. Hai con mắt sáng quắc dưới bộ lông mày, trông chẳng khác gì ánh lửa dưới bụi rậm.

Trong bọn khách đang ngồi ở quán có một anh hàng cá, trước khi đến quán này đã qua nhà hàng Laba để gửi ngựa. Tình cờ xui khiến y gặp người lạ mặt khả nghi này lúc ban sáng đang thất thểu ở quãng đường từ Bradat đến... (tôi quên mất tên chỗ này, hình như là Etcublông thì phải). Chả là khi gặp y, người bộ hành, đã có vẻ mệt nhọc lắm rồi, có xin y cho ngồi nhờ sau yên ngựa: y chẳng nói chẳng rằng, cứ ra roi thúc ngựa. Nửa giờ trước đây, y lại có mặt trong đám đông vây quanh Giacanh Laba và chính miệng y đã thuật lại việc gặp gỡ bực mình ban sáng cho mọi người ở cửa hàng *Croa đơ Cônba* nghe. Y ngồi yên tại chỗ, ra hiệu ngầm cho chủ quán. Chủ quán ghé lại gần, hai người thì thầm với nhau một vài lời. Người khách lạ đang thừ người ra nghĩ ngợi.

Chủ quán trở lại chỗ lò sưởi, đột ngột đặt bàn tay lên vai hắn, bảo:

- Mày đi ngay ra khỏi nhà này.

Hắn quay lại nhẹ nhàng đáp:

- A! Hóa ra anh cũng biết ư?

- Phải.

- Bên nhà hàng kia không tiếp tôi.

- Và nhà hàng này thì đuổi mày đi.

- Ông bảo tôi đi đâu bây giờ?

- Đi chỗ khác.

Người lạ mặt cúi nhặt chiếc gậy và xách ba lô đi. Mấy đứa trẻ con đi theo hắn từ nhà hàng *Croa đơ Cônba* vẫn đứng chờ ở ngoài, thấy hắn bước ra thì nhặt đá ném theo. Hắn nổi giận quay trở lại, giơ chiếc gậy ra dọa, lũ trẻ mới chịu chạy tản ra như một bầy chim.

Hắn đi qua nhà lao. Cổng nhà lao có treo một sợi xích buộc vào một cái chuông. Hắn nắm dây giật. Một cửa con mở ra. Hắn bỏ mũ kính cẩn:

- Ông gác ơi! Ông làm ơn mở cửa cho tôi vào và cho tôi trọ đỡ đêm nay.

Có tiếng trả lời:

- Nhà pha không phải là quán trọ. Anh cứ làm cho người ta bắt giam anh đi. Tôi sẽ mở cửa cho.

Cửa con đóng lại.

Hắn rẽ sang một phố nhỏ có nhiều khu vườn. Có nơi bên ngoài chỉ có hàng rào cây trông cũng vui mắt. Giữa quãng vườn tược, rào giậu ấy, hắn nhìn thấy một ngôi nhà nhỏ một tầng, gác có ánh sáng chiếu lọt qua cửa sổ. Hắn lại dòm qua cửa kính như lúc đứng trước quán rượu ban nãy. Bên trong là một căn

phòng rộng quét vôi trắng, một chiếc giường có trải nệm bọc vải hoa, một chiếc nôi trẻ con ở góc nhà, mấy cái ghế gỗ và khẩu súng săn hai nòng treo trên tường. Giữa phòng, bàn ăn đã bày sẵn. Ánh sáng cây đèn đồng tỏa lên tấm khăn bàn vải thô màu trắng, chiếu lên cái bình thiếc lấp loáng như bạc đựng đầy rượu và liễn xúp màu nâu khói lên nghi ngút. Bên bàn, một người đàn ông trạc độ bốn mươi, nét mặt tươi vui, đang đùa với đứa con nhỏ nhún nhảy trên đùi mình. Bên cạnh, người vợ trẻ măng vạch áo cho một đứa trẻ khác bú. Anh chồng cười, đứa con cười, chị vợ mỉm cười.

Người lạ mặt mơ màng ngắm cảnh gia đình đầm ấm ấy một lúc lâu. Hắn đang nghĩ ngợi gì vậy? Riêng chỉ có hắn biết được mà thôi. Có lẽ hắn cho rằng gia đình vui vẻ này hẳn là hiếu khách và ở một nơi tràn đầy hạnh phúc như thế hắn sẽ tìm được một chút tình thương chăng.

Hắn gõ khẽ vào cửa kính.

Không ai nghe tiếng.

Hắn gõ lần nữa.

Có tiếng người vợ bảo chồng:

- Này mình, hình như có ai gọi cửa.

Chồng đáp:

- Đâu có.

Hắn lại gõ lần thứ ba.

Người chồng đứng dậy, cầm đèn ra mở cửa.

Chủ nhà người cao lớn, nửa ra vẻ nông dân, nửa ra vẻ thợ thủ công. Anh khoác một chiếc tạp dề rộng

bằng da, bên trái che lên đến ngang vai. Phần trên tạp dề bỏ đồ đạc cộm lên như một cái túi có chiếc nịt da ở lưng giữ lại: một cái búa, một chiếc khăn tay đỏ, một bao thuốc súng và đủ thứ linh tinh nằm trong đó. Anh nghiêng đầu ra phía sau, chiếc sơ mi cổ rộng trễ xuống để lộ ra cái cổ trần, lực lưỡng và trắng nõn. Anh có đôi lông mày rậm, bộ râu quai nón đen nhánh, cặp mắt lồi, cái cằm nhọn, vẩu và trên tất cả là cái dáng thoải mái của con người đang ở nhà mình, một dáng điệu rất khó tả.

Người bộ hành nói:

- Thưa ông, xin lỗi ông. Ông có thể cho tôi một đĩa xúp nhỏ và một xó trong nhà xe ở ngoài vườn kia để ngủ qua đêm nay không? Tôi xin gửi tiền hầu ông. Thưa ông, có được không? Tôi xin trả tiền ông.

Chủ nhà hỏi:

- Anh là ai?

- Tôi ở Puy Moatxông đến đây. Tôi đi bộ suốt từ sáng đến giờ, kéo bộ hàng mười hai dặm đường. Thưa ông, có được không? Tôi xin trả tiền mà.

- Người lương thiện xin trọ mà lại trả tiền khá thì việc gì mà từ chối? Người nông dân đáp -Nhưng sao anh lại không vào nhà hàng?

- Nhà hàng không còn chỗ.

- Không còn chỗ à? Có lý nào. Hôm nay có phiên chợ chính hay phiên chợ xép gì đâu. Thế anh đã vào Laba chưa?

- Đã.

- Thế sao?

Người lạ mặt lúng túng:

- Không biết tại sao, họ không chịu tiếp tôi.

- Anh đã lại nhà hàng anh gì ở phố Sapphô chưa?

Người lạ mặt lại càng thêm lúng túng. Hắn ngập ngừng:

- Ở đấy họ cũng không tiếp.

Chủ nhà sinh nghi, nhìn người lạ mặt từ đầu đến chân, rồi bất thần kêu lên, giọng như rít:

- Dễ thường anh là cái người mà...

Anh đưa mắt nhìn người lạ mặt lần nữa, rồi lùi lại ba bước, đặt cây đèn xuống bàn, với tay lấy khẩu súng trên tường.

Nghe tiếng chồng kêu: *"Dễ thường anh là cái người mà..."* chị vợ vội đứng dậy, ôm lấy hai con chạy đến nấp sau lưng chồng, không kịp kéo áo che ngực, cặp mắt hốt hoảng, nhìn về phía người lạ mặt, miệng lẩm bẩm:

- *Quân cướp đạo.*

Bấy nhiêu việc hình dung ra thì dài song chỉ xảy ra trong chốc lát. Chủ nhà dò xét người lạ mặt một lúc như người ta quan sát một con rắn lục, rồi trỏ ra phía cửa bảo:

- Cút đi.

- Van ông, xin ông một cốc nước.

- Có họa một phát súng!

Nói xong, anh đóng sập cửa lại. Người lạ mặt nghe rõ anh ta kéo cả hai cái then lớn cài cửa. Một lát sau,

cửa sổ cũng đóng nốt và có tiếng gióng sắt chặn cửa vang ra ngoài.

Trời mỗi chốc một thêm tối. Gió núi thổi về lạnh buốt. Trong ánh sáng lờ mờ của ngày tàn, người lạ mặt thấy trong một khu vườn gần đường có cái gì giống một cái lều đắp bằng đất cỏ. Hắn quả quyết trèo qua hàng rào gỗ đi vào trong vườn. Đến gần thì thấy lều chỉ có một lỗ nhỏ ra vào ở sát đất, trông giống túp lều của phu lục lộ thường dựng dọc đường cái. Thôi đích là cái lều của phu lục lộ, có lẽ hắn nghĩ thế. Bấy giờ hắn vừa đói lại vừa rét: đói thì hắn đành ôm bụng chịu vậy, nhưng rét thì ít nhất cũng tạm ẩn vào đây được, vì lều của phu lục lộ thì ban đêm thường bỏ không. Hắn bèn nằm sấp xuống chui vào. Trong lều ấm lắm, lại có cả cái ổ rơm khá êm. Hắn nằm duỗi dài trên ổ, mệt quá không cựa quậy nổi. Một chốc sau, thấy cái ba lô ở sau lưng vướng víu khó chịu, hắn nghĩ nếu đem kê làm gối thì hay quá nên với tay cởi dây đeo. Bỗng có tiếng gầm gừ dữ tợn vang lên. Hắn nhìn ra thì thấy đầu một con chó kếch xù hiện ra trong bóng tối ngay chỗ lỗ ra vào.

Thì ra đó là một cái ổ chó.

Hắn vốn lực lưỡng và là một tay không vừa. Hắn vớ lấy cây gậy, giơ ba lô lên làm cái khiên, rồi cố lách ra khỏi chuồng, mặc cho quần áo bị tươm nát thêm. Hắn cũng luồn ra khỏi vườn, nhưng vừa lùi vừa hoa cây gậy theo thế võ mà bọn nhà nghề mệnh danh là *thế che hoa* để dọa con chó.

Khi chật vật lắm mới vượt được hàng rào gỗ ra ngoài đến đường cái, hắn lại càng thấy mình trơ vơ không nhà, không cửa, không nơi nương tựa, thậm

chí chui vào một cái ổ chó khốn nạn nằm lên rơm của chó, mà cũng bị chó đuổi ra. Hắn ngồi phịch xuống một hòn đá. Hình như lúc ấy có người đi qua nghe thấy hắn than thở:

- Thân ta thật không bằng một con chó!

Một lát sau hắn lại đứng dậy bước đi. Hắn đi ra khỏi thành phố, hy vọng tìm được gốc cây hay đống rạ ngoài đồng để trú tạm.

Hắn cắm đầu đi một lúc lâu. Khi đã thấy xa nơi nhà cửa có người ở rồi, hắn mới ngước mắt nhìn quanh một lượt. Thì ra hắn đang ở giữa cánh đồng. Trước mặt là một quả đồi thấp gặt xong, còn trơ gốc rạ trông như cái đầu húi trọc.

Chân trời tối mịt. Đêm đã đến. Lại thêm những đám mây rất thấp, trông như tựa trên đỉnh đồi và đang lan ra, tỏa dần khắp trời. Trăng sắp mọc, ngang trời cũng còn mơ hồ chút ánh sáng thừa của hoàng hôn, nên từ các vòm mây, ánh sáng heo hắt ấy lại tỏa xuống cánh đồng.

Mặt đất thành ra trông rõ hơn nền trời, và cái đó gây ra một cảnh tượng ghê rợn. Quả đồi trơ trọi mảnh mai in hình mờ nhạt lên chân trời tối sẫm trước mặt. Quang cảnh thật gớm ghiếc, bé nhỏ, não nề, chật chội. Dưới ruộng, trên đồi không còn cái gì khác ngoài một thân cây hình dáng kỳ dị đang quằn quại run rẩy ở ngay gần người rảo bước.

Cố nhiên hắn không phải là một con người thông minh, tế nhị, quen cảm xúc trước những vẻ bí ẩn của tạo vật, nhưng trong cảnh trời, cảnh đồi, cảnh đồng ruộng, cả hình dáng gốc cây ấy lúc bấy giờ đều như có cái gì tiêu điều vô hạn, khiến hắn phải lặng người

đi, mơ màng một lúc rồi bỗng quay gót trở lại. Lắm khi thiên nhiên cũng có vẻ thù ghét con người là thế.

Hắn quay lui về đường cũ. Bấy giờ cổng thành đã đóng. Đinhơ trước kia, hồi chiến tranh tôn giáo, đã nhiều lần đương đầu với nhiều cuộc bao vây, nên đến năm 1815 hãy còn giữ những tường lũy cũ, với các lô cốt vuông đã bị phá từ dạo ấy. Hắn trèo qua chỗ tường đổ trở vào trong phố.

Lúc ấy vào khoảng tám giờ tối. Đường xá không thuộc nên hắn lại vẫn lang thang như trước. Đi mãi đến dinh tỉnh trưởng rồi đến chủng viện. Khi qua quảng trường nhà thờ lớn, hắn hằn học giơ quả đấm lên nhà thờ.

Ở góc quảng trường có một nhà in. Đây là nơi in đầu tiên các bản tuyên cáo của hoàng đế và của quân ngự lâm gửi cho quân đội. Các bản tuyên cáo này từ đảo Enbơ mang về và do đích thân Napôlêông đọc cho người ta chép.

Cuối cùng thấy trong người rã rời, lại hết phương mong mỏi, hắn đến nằm lăn trên chiếc ghế đá trước cửa nhà in.

Một bà già từ trong nhà thờ đi ra, thấy hắn nằm trong bóng tối, cất tiếng hỏi:

- Ông bạn kia làm gì ở đấy?

Hắn nổi xung gắt:

- Phúc đức chưa! Bà không thấy à? Nằm ngủ chứ còn làm gì nữa!

Bà già là hầu tước phu nhân R. vốn là người phúc đức thật. Bà tiếp:

- Nằm trên ghế đá này à?

- Mười chín năm nằm đệm gỗ, nay nằm nệm đá cũng được chứ sao?

- Trước anh đi lính à?

- Phải, đi lính.

- Sao lại không vào quán trọ?

- Tôi không có tiền.

- Rủi quá -bà R. nói- tôi chỉ còn có bốn xu trong ví!

- Không hề gì, cứ cho tôi.

Hắn cầm tiền. Bà R. lại bảo:

- Bấy nhiêu thì cũng không đủ trả tiền trọ đâu. Nhưng anh đã hỏi thử chỗ nào chưa ? Chứ nằm cả đêm trên ghế này thế nào được ! Chắc anh đang đói và rét. Người ta cũng có thể làm phúc cho anh ngủ nhờ chứ ?

- Tôi đã gõ cửa hết cả mọi nhà rồi.

- Thế sao ?

- Đâu họ cũng đuổi.

Bà già phúc đức, chạm tay người lạ mặt, chỉ cho hắn ngôi nhà thấp nhỏ ở bên kia quảng trường, cạnh dinh giám mục:

- Anh bảo anh đã gõ cửa khắp cả các nhà rồi phải không?

- Phải.

- Vậy anh đã gõ cửa nhà kia chưa?

- Chưa.

- Đến gõ đấy xem.

II

KHUYÊN NGƯỜI HIỀN PHẢI ĐỀ PHÒNG

Tối hôm ấy, ông giám mục thành Đinhơ đi dạo phố về lại ngồi làm việc trong phòng mãi. Ông lo soạn một bộ sách về *Những bổn phận*. Công việc còn đang dở dang.

Ông nghiên cứu kỹ lưỡng tất cả những gì mà các Cha cố và các Nhà thông thái đã nói về vấn đề trọng đại. Cuốn sách gồm hai phần: phần thứ nhất nói về bổn phận mọi người, phần thứ hai về bổn phận cá nhân, tùy theo hoàn cảnh từng tầng lớp. Bổn phận mọi người là quan trọng nhất. Có bốn cái mà Thánh Mathiơ đã chỉ rõ: bổn phận đối với Chúa (*Matth*, VI), bổn phận đối với bản thân (*Matth*, V, 29,30), bổn phận đối với đồng loại (*Matth*, VII, 12), bổn phận đối với sinh linh (*Matth*, VI, 20, 25). Về các bổn phận khác, ông cũng đã thấy có nơi vạch ra và khuyên làm; của nhà vua và của bề tôi thì trong khuyến thư cho người La-mã; của quan tòa, của kẻ làm vợ, làm mẹ, của thanh niên thì trong lời Thánh Pi-e; của người làm chồng, làm cha, làm con, làm gia nhân cho kẻ khác thì trong Khuyến thư cho dân Ephe; của người đi đạo thì trong Khuyến thư cho người Ebơrơ; của trinh nữ, trong Khuyến thư cho dân Côranhtơ. Ông cẩn thận đem tất cả những lời khuyên kia sắp xếp thành một bài luân lý cân đối hài hòa để trình bày cho mọi người.

Tám giờ rồi ông vẫn còn ngồi lom khom viết vào những mẩu giấy vuông nhỏ, trên đùi đặt một cuốn sách to. Như thường lệ, mụ Magơloa bước vào lấy bộ đồ bạc

trong ô tủ gần đầu giường. Một lúc sau, đoán chừng bữa ăn đã dọn xong và cô em có lẽ đang đợi, ông gấp sách đứng lên bước sang phòng ăn.

Phòng ăn là một căn buồng hình bầu dục có lò sưởi, cửa chính quay ra đường (như trên đã tả) và cửa sổ trông ra vườn.

Bữa ăn vừa dọn xong, bà Magoloa vừa bày bàn vừa nói chuyện với cô Baptistin.

Cây đèn để trên bàn; bàn lại kê bên lò sưởi. Trong lò củi cháy khá đượm.

Người ta có thể dễ dàng hình dung được hai bà phụ nữ, bà nào tuổi cũng ngoại sáu mươi: Bà Magoloa thì thấp người, đẫy đà, lanh lẹ; cô Baptistin thì dịu dàng, dáng gầy và lêu khêu, so với ông anh có cao hơn một tí; cái áo lụa bà mặc màu nâu thẫm, bà giữ mãi đến bây giờ là sắm ở Pari từ hồi 1806, lúc ấy màu đó rất được mọi người ham chuộng. Nếu mượn cách nói thông tục nó có cái hay là một chữ có thể diễn đạt được một ý mà có khi cả một trang văn chương cũng chưa chắc đã nói đầy đủ bằng, thì bà Magoloa có vẻ là một bà *nhà quê*, còn cô Baptistin thì ra dáng một *phu nhân*. Bà Magoloa thì trên đầu đội cái mũ vải trắng chung quanh cuộn tròn thành ống, cổ đeo một cây thánh giá nhỏ bằng vàng, thứ nữ trang duy nhất trong nhà. Cái khăn quàng của bà thật trắng lòi ra ngoài cái áo dài đen, tay ngắn và rộng, bằng len thô. Cái tạp dề bằng vải kẻ ô xanh đỏ, buộc ngang hông bằng các dải màu lục. Trước bụng thêm miếng vải gấp ngược lên thành túi cài hai kim băng ở hai góc trên. Chân đi giày rộng với bít tất

vàng như phụ nữ Macxây. Chiếc áo dài của cô Baptistin cắt theo mẫu 1806, cỡ ngắn, thân hẹp, tay bồng, có giải buộc và đính cúc. Mớ tóc lốm đốm bạc, bà thu vào trong một bộ tóc giả uốn theo kiểu *thiếu niên*. Bà Magoloa có vẻ thông minh, lanh lợi, tốt bụng; hai khoé miệng không cân nhau, môi trên dày hơn môi dưới, trông ở bà có cái gì cộc cằn và độc đoán. Ông giám mục mà còn làm thinh thì bà nói năng mạnh dạn với thái độ vừa kính nể và tự do; nhưng hễ Đức cha lên tiếng, thì, điều này mọi người đã biết, bà phục tòng ngoan ngoãn, cũng giống như cô Baptistin vậy. Cô này thì lại như không nói năng gì. Cô chỉ vâng lời và làm theo cho ông anh vui lòng. Ngay hồi còn trẻ, người cô cũng không xinh, đôi mắt to xanh, hơi lồi, sống mũi dài và gù; có điều khuôn mặt cũng như cả con người, như chúng tôi đã nói ở đầu sách này, đều toát lên một vẻ hiền từ vô hạn. Cô vốn sinh ra để làm con người hiền đức; nhưng đức tin, tình bác ái, lòng hy vọng, ba đức ấy lại nhẹ nhàng sưởi ấm tâm hồn làm cho trái tim hiền đức kia lại dần dần nâng lên thành trái tim thánh đức. Tạo vật chỉ đúc cô làm một con cừu, tôn giáo đã biến cô thành một thiên thần. Tội nghiệp người con gái thánh đức! Một hình ảnh êm dịu đã mất!

Không biết bao nhiêu lần cô Baptistin đã kể lại việc xảy ra trong dinh giám mục buổi tối hôm ấy, cho nên nhiều người hiện nay còn sống hãy còn nhớ rõ các chi tiết.

Khi ông giám mục bước vào, bà Magoloa đang chuyện trò có vẻ hăng lắm. Bà ta bàn với cô Baptistin câu chuyện bà đã thuộc lòng và ông giám mục nghe cũng đã quen tai, câu chuyện cái then chỗ cửa ra vào.

Nghe đâu lúc chiều đi mua thức ăn, bà đã nghe thấy chỗ nào cũng xì xào nhiều chuyện lắm. Nào chuyện có một tên trộm vặt hình dạng kỳ dị, một tên du đãng khả nghi vừa xuất hiện, đang còn lẩn lút trong các phố, đêm nay ai mà về khuya, chắc sẽ gặp những chuyện chẳng lành. Nào chuyện tuần phòng bị bỏ bê, lơ là vì ông tỉnh trưởng và ông thị trưởng không ưa nhau, cố tìm cách làm xảy ra việc nọ việc kia để hại nhau. Ai khôn hồn thì tự liệu mà giữ lấy thân, giữ lấy của, nhà cửa phải liệu mà rào trước chặn sau, *đóng then gài chốt cho thật kỹ*.

Bà cố ý nhấn mạnh mấy tiếng sau cùng. Song ông giám mục vừa ở phòng bên sang, đang rét, nên đến thẳng chỗ lò sưởi ngồi sưởi rồi nghĩ vơ vẩn đến chuyện khác. Ông không có hưởng ứng gì về câu nói bóng gió của bà, khiến bà ta phải lắp lại. Cô Baptistin muốn chiều ý bà mà không làm phiền ông anh, nên đánh bạo hỏi khẽ:

- Thưa anh, anh có nghe bà Magơloa vừa nói gì đó không?

Ông giám mục đáp:

- Có, tôi có nghe loáng thoáng.

Ông quay ghế lại, để hai tay lên đầu gối, ngẩng nhìn bà ở già. Ánh lửa từ dưới chiếu lên khuôn mặt dịu dàng và vui vẻ:

- Nào, có chuyện gì thế? Đang có chuyện gì nguy hiểm lắm phải không?

Bà Magơloa lại kể lại đầu đuôi câu chuyện, và vô tình thêm thắt ít nhiều. Nào là có một tên cầu bơ cầu

bất, một thằng khố dây, một tên ăn xin nguy hiểm, nó đã lọt vào trong tỉnh. Nào nó đến xin trọ ở nhà hàng Laba nhưng người ta không chứa. Nào lúc nhá nhem tối, người ta còn thấy nó ở đại lộ Catxăngđi đang rình mò trong các phố. Một tên đầu trộm đuôi cướp mặt mày dễ sợ lắm.

Ông giám mục nói:

- Thật ư ?

Thấy ông giám mục đã chịu khó hỏi han, bà phấn khởi, đoán chừng câu chuyện đã làm ông hơi lo, nên đắc thắng nói tiếp:

- Vâng, thưa Đức cha, đúng thế. Đêm nay trong tỉnh thế nào cũng có chuyện chẳng lành. Ai cũng bảo thế cả. Đã vậy, việc tuần phòng lại lơ là thế nào ấy (câu nhắc cần thiết)! Ai lại ở xứ rừng núi thế này mà đêm hôm phố xá chẳng có đèn đóm gì cả! Bước ra khỏi nhà thì cứ như là chui vào hũ nút. Thưa Đức cha, có cô Baptistin đấy, cô cũng đồng ý với con là...

Cô này vội ngắt lời:

- Không, tôi có nói gì đâu. Anh tôi làm thế nào cũng phải cả.

Bà Magoloa làm như không có lời chối cãi ấy, cứ tiếp:

- Chúng tôi bàn với nhau là cái nhà này cửa ngõ không chắc chắn gì cả. Đức cha cho phép thì con đến lão thợ khóa Pôlanh Muyzoboa bảo lão đến tra ngay bộ then cũ vào cửa; hãy còn đủ cả đấy, chỉ một chốc là xong. Thưa Đức cha, thế nào cũng phải có then, dù là chỉ một đêm nay thôi. Chứ cửa gì mà lại cửa ở bên ngoài kéo cái cựa gà là mở ngay, ai muốn mở lúc nào cũng được, đến lạy khiếp. Đã thế Đức cha lại quen tính hễ nghe gõ là bảo cứ vào, nửa đêm gà gáy cũng

chẳng cần xin phép xin tắc gì cả, thực chẳng còn trời đất nào nữa...

Giữa lúc ấy có một tiếng đập cửa khá mạnh. Ông giám mục bảo:

- Cứ vào

III

DŨNG CẢM NHẮM MẮT VÂNG LỜI

Cửa mở ra.

Cửa mở toang ra thật mạnh như có người đẩy thốc vào một cách quả quyết.

Một người bước vào.

Người ấy, chúng ta biết là ai rồi. Chính là người khách bộ hành lạng thang tìm chỗ trọ ban nãy.

Hắn bước vào một bước rồi dừng lại, cứ để cửa mở toang ở đằng sau. Hắn đeo ba lô trên vai, tay cầm gậy, mắt đầy vẻ thô lỗ, táo tợn, mệt nhọc và phũ phàng. Ánh lửa trong lò sưởi rọi vào hắn. Trông hắn thật gớm chết. Chẳng khác gì ma quỉ hiện hình.

Bà Magơloa giật nẩy mình, sợ hết vía, bủn rủn cả người, chỉ đứng há hốc mồm không kêu nổi tiếng nào.

Cô Baptistin quay ra thấy người lạ mặt vào thì hoảng hốt nhổm người lên, nhưng dần dần ngoảnh mặt về phía lò sưởi, nhìn kỹ ông anh, nét mặt cô lại trở lại bình tĩnh và trong sáng.

Ông giám mục bình tĩnh nhìn khách.

Ông vừa định cất tiếng hỏi khách muốn gì thì người lạ mặt chống cả hai tay lên đầu gậy, đưa mắt nhìn hết ông già đến hai người đàn bà, và không chờ ông hỏi, lớn tiếng nói:

- Thế này này, tôi tên là Giăng Vangiăng, tù khổ sai. Tôi đã ở mười chín năm trong nhà lao. Tôi được thả bốn hôm nay và bây giờ tôi đương đi về Pôngtacliê. Bốn ngày nay tôi đi bộ từ Tulông về đây. Ngày hôm nay đi những mười hai dặm. Lúc chập tối đến đây, tôi vào một hàng cơm, họ đã đuổi tôi vì tấm thông hành màu vàng tôi đưa trình ở thị xã. Không đưa trình sao được! Tôi lại đến một quán khác, chỗ nào họ cũng bảo: "Cút đi!" Chẳng ai muốn chứa tôi cả. Tôi đến đằng chỗ nhà giam, người gác không chịu mở cửa. Tôi chui vào một cái ổ chó, chó cũng cắn tôi và đuổi tôi y như người vậy, ý chừng nó cũng biết tôi là người thế nào. Tôi bỏ ra ngoài đồng định tìm chỗ ngủ dưới ánh sao trời. Trời lại tối đen, không có sao. Tôi sợ mưa. Có Đức Chúa nào tốt để ngăn khỏi mưa đâu, nên tôi lại trở vào tỉnh tìm một xó cửa. Đến quảng trường, tôi đã định ngủ trên ghế đá thì có một bà già phúc đức trỏ nhà ông và bảo: "Cứ gõ mà vào". Thế là tôi gõ cửa. Đây là đâu? Có phải là một quán trọ không? Tôi có tiền. Tiền lưu công đấy. Một trăm linh chín phơrăng mười lăm xu, tiền công của tôi làm trong mười chín năm ở tù. Tôi sẽ trả tiền. Có hề gì đâu! Tôi có tiền mà. Cuốc bộ những mười hai dặm, bây giờ tôi mệt quá rồi và đói lắm. Ông có cho tôi ở lại đây không?

Ông giám mục gọi:

- Bà Magơloa, dọn thêm một người ăn nữa.

Người lạ mặt bước tới gần cây đèn để trên bàn. Hình như hắn chưa hiểu ra sao cả nên nói tiếp:

- Này, không phải thế. Ông đã nghe rõ chưa? Tôi là một thằng tù khổ sai, một thằng trọng phạm vừa đi đày về.

Hắn rút trong túi một tờ giấy vàng rộng khổ, mở ra:

- Đây, giấy thông hành của tôi đây, ông xem, màu vàng đấy. Cũng vì nó mà ở đâu người ta cũng xua đuổi tôi. Ông có muốn đọc không? Tôi cũng biết đọc đấy. Học ở trong tù mà. Họ có mở lớp cho ai muốn học thì học. Đây này, người ta ghi vào giấy thông hành như thế này: "Giăng Vangiăng, tù khổ sai được mãn hạn, sinh tại... -cái này ông chẳng cần biết làm gì...- đi đày mười chín năm. Năm năm vì tội ăn trộm có trèo tường bẻ khóa. Mười bốn năm vì tội toan vượt ngục bốn lần. Tên này rất nguy hiểm". Đấy, ai cũng tống cổ tôi ra ngoài. Còn ông, ông có chịu chứa không? Đây có phải là quán trọ không? Ông có cho tôi ăn và ngủ lại không? Có cái chuồng ngựa nào không?

Ông giám mục lại gọi:

- Bà Magơloa, lấy tấm khăn trắng trải lên giường khách.

Bà Magơloa vâng lời bước ra. Cách hai bà già trong nhà này vâng lời ông giám mục như thế nào, chúng tôi đã trình bày rồi. Ông giám mục lại quay sang phía khách:

- Kìa ông, ngồi xuống đây mà sưởi cho ấm. Một lát nữa chúng ta sẽ ăn cơm. Trong khi ăn sẽ có người dọn giường để ông nghỉ.

Đến đây khách mới thật hiểu. Nét mặt hắn từ nãy đến giờ tối sầm và khắc khổ bỗng lộ vẻ kinh ngạc, vui sướng, nghi ngại và trở nên kỳ lạ. Hắn lắp bắp như một người điên:

- Thật thế à? Ông chứa tôi à? À, ông không đuổi tôi, một tên tù khổ sai! Mà ông lại gọi tôi bằng *ông*! Chứ không gọi thằng nọ thằng kia. Chả bù với thiên hạ, họ chỉ quát: "Đồ chó, xéo ngay!" Ban nãy tôi cũng tưởng rồi ông sẽ đuổi tôi nên tôi phải nói ngay tôi là ai cho ông biết. Chao ôi! May làm sao mà lại gặp cái bà quí hóa, bà chỉ cho tôi vào đây! Tôi có cơm ăn! Lại có giường nằm! Cả chăn đệm nữa! Như tất cả mọi người! Những mười chín năm nay, tôi có hề được nằm giường bao giờ đâu! Hóa ra thật tình ông bằng lòng cho tôi ở lại đây. Các ông các bà phúc đức quá. Vả lại, tôi có tiền cơ mà. Tôi xin trả sòng phẳng cả. Ông bỏ lỗi cho, tên ông là gì nhỉ, ông chủ quán? Ông tính bao nhiêu tôi cũng trả. Ông tử tế lắm mà. Ông là chủ quán có phải không ?

Ông giám mục nói:

- Tôi là một người tu hành, nhà ở đây.

- Một nhà tu hành! Ồ, một nhà tu hành phúc đức! Thế thì ông không bắt tôi trả tiền à? Té ra ông là cha xứ phải không? Cha xứ ở cái nhà thờ to lớn này? Ừ mà thật, ngốc quá, tôi lại không trông thấy cái mũ ni của ông chứ!

Vừa nói hắn vừa xách ba-lô và cây gậy để vào một góc nhà, cất giấy thông hành vào túi, rồi lại ghế ngồi. Cô Baptistin hiền từ nhìn hắn. Hắn nói tiếp:

- Cụ xứ ạ, cụ nhân đức thật. Cụ không khinh người. Một nhà tu hành nhân đức kể cũng quí thật. Thế thì cụ không cần tôi trả tiền à?

- Không, ông cứ giữ lấy. Ông có bao nhiêu nhỉ? Lúc nãy ông bảo có một trăm linh chín phơrăng phải không?

- Với mười lăm xu nữa.

- Một trăm linh chín phơrăng mười lăm xu. Thế ông làm lụng bao lâu mới kiếm được số tiền ấy?

- Mười chín năm.

- Mười chín năm?

Ông giám mục thở dài não nuột. Khách lại nói:

- Số bạc ấy tôi vẫn còn giữ nguyên chưa đụng tới. Bốn hôm nay tôi mới tiêu hết có hai mươi lăm xu, lại là tiền công tôi dỡ hộ mấy xe hàng ở Gơrát. Cụ là nhà tu hành thì tôi cũng xin nói là ở trong tù chúng tôi cũng có một cha tuyên uý. Một bận tôi còn được trông thấy một ông giám mục nữa. Ai nấy đều gọi là Đức cha. Ông giám mục ấy ở nhà thờ Majo ở Macxây. Chừng ông ta là cụ xứ ở trên tất cả các cụ xứ thì phải. Cụ bỏ lỗi cho, tôi không biết nói thế nào cho rõ, nhưng đối với tôi, ông ấy xa xôi quá! Bận ấy ông ta đến làm lễ ở giữa trại giam. Ông ta đội một cái gì hình nhọn bằng vàng. Ban trưa trời nắng, trông nó nhấp nha nhấp nhánh. Chúng tôi xếp thành hàng đứng ra ba bên. Một lô súng thần công, mồi đốt sẵn, chĩa vào trước mặt. Chúng tôi chẳng nhìn rõ. Ông ta có nói chuyện, nhưng lại đứng tít tận trong cùng, chẳng nghe thấy gì cả. Đấy, ông giám mục như thế đấy.

Trong khi khách nói, ông giám mục ra khép cánh cửa từ nãy vẫn mở toang. Bà Magoloa vào, mang theo một bộ thìa nĩa bày ra bàn.

Ông giám mục dặn:

- Bà xếp cho ông khách ngồi gần lò sưởi nhé, càng gần càng tốt.

Ông quay sang phía khách:

- Ở vùng núi Anpơ này, ban đêm, gió buốt tợn. Ông hẳn là rét lắm nhỉ ?

Mỗi lần ông giám mục gọi đến tiếng *ông*, giọng nói ôn tồn, trang trọng và rõ là thân mật, gương mặt khách lại rạng rỡ hẳn lên. Một thằng tù mà được gọi bằng *ông*, khác nào người đắm tàu sắp chết khát trên cái bè lênh đênh giữa biển được người ta cho cốc nước ngọt? Kẻ bị ô nhục thường khát khao được trân trọng là thế.

Ông giám mục lại nói:

- Cái đèn này không được sáng lắm.

Bà Magoloa hiểu ý. Bà sang buồng ngủ ông giám mục, lấy đôi cây đèn bằng bạc ở trên lò sưởi thắp lên và đem đặt lên bàn.

Khách nói:

- Thưa cụ xứ, cụ tốt quá. Cụ không khinh tôi. Cụ lại tiếp đón tôi như khách. Cụ lại sai đốt bạch lạp cho tôi được sáng. Mặc dầu tôi đã nói thật với cụ tôi ở đâu đến và tôi là một kẻ khốn cùng như thế nào.

Ông giám mục ngồi bên se sẽ chạm tay khách:

- Ban nãy, ông không cần xưng danh cho tôi biết ông là ai cũng được. Đây không phải là nhà của tôi, mà là nhà của chúa Giêsu. Cửa nhà này không hỏi khách vào nhà có tên không, mà chỉ hỏi có nỗi đau khổ gì không. Ông là người đang đau khổ; ông lại đang đói khát; thì mời ông cứ vào. Xin đừng nói đến ơn với huệ, đừng nói rằng tôi tiếp ông ở nhà tôi. Chẳng ai có quyền coi nơi này là nhà riêng của mình, trừ những người đang cần chỗ trú. Ông là khách qua đường, tôi nói rõ như vậy, nhà này là của ông hơn là của tôi. Tất cả cái gì trong nhà này bây giờ là của ông cả! Như thế, có cần gì tôi phải biết họ tên ông? Vả lại, trước khi ông xưng danh, tôi đã biết tên ông sẵn rồi.

Khách giương mắt nhìn, ngạc nhiên:

- Thật à ? Cụ đã biết tên tôi là gì trước rồi ư ?

- Vâng, ông tên là người anh em của tôi.

Hắn kêu lên:

- Này, cụ xứ ! Lạ quá, lúc mới vào thì tôi đói thế, mà thấy cụ tốt quá, bây giờ tôi không biết tôi ra làm sao nữa, hết cả đói, cụ ạ.

Ông giám mục nhìn khách, hỏi:

- Ông đã từng chịu đau khổ nhiều phải không ?

- Chao ôi! Áo tù màu đỏ, đeo tạ ở chân, một tấm ván làm giường, rồi nóng bức, rét mướt, lao công khổ dịch, roi vọt! Hợi một tí là xích cả hai chân. Lỡ một tiếng là ngục tối. Ốm liệt giường cũng xích cũng cùm.

Nghĩ kiếp con chó, con chó còn sướng hơn. Mười chín năm trời! Bốn mươi sáu tuổi rồi. Đến giờ lại phải đeo cái giấy thông hành vàng! Cái kiếp của tôi nó thế đấy.

- Vâng. Ông vừa ở một chốn sầu khổ ra. Tôi nói ông nghe. Trên trời sẽ dành cho gương mặt đẫm lệ của một người hối lỗi nhiều hạnh phúc hơn cho chiếc áo trắng tinh của hàng trăm người chính trực đó ông ạ. Nếu ông từ nơi đau khổ ấy bước ra với những tư tưởng hằn thù và căm giận đối với người đời, ông là một người đáng thương; nhưng nếu ông từ đó ra với những tư tưởng độ lượng và hiền hòa, thì chúng tôi không ai bằng ông được.

Lúc ấy, bà Magơloa bưng thức ăn lên. Một món xúp nấu với dầu, bánh mì và muối, mấy lát mỡ, một miếng thịt cừu, mấy quả vả, một miếng phó mát tươi và một cái bánh mì lớn. Bà còn tự ý thêm vào bữa ăn thường nhật ấy một chai rượu vang cũ xứ Môvơ.

Nét mặt ông giám mục bỗng dưng tươi vui hẳn lên, cái tươi vui riêng của những người hiếu khách. Ông nói to:

- Nào, ta ăn đi!

Theo thường lệ những khi nhà có khách ăn cơm, ông mời khách ngồi phía bên phải mình. Cô Baptistin điềm tĩnh và tự nhiên, ngồi sang phía bên trái.

Ông đọc kinh, rồi vẫn như mọi ngày, thân múc xúp ra. Khách bắt đầu ăn ngốn ngấu.

Bỗng ông giám mục bảo:

- Chừng như trên bàn này còn thiếu một thứ gì.

Thì ra bà Magơloa chỉ bày có ba bộ thìa nĩa bạc vừa đủ cho ba người thôi. Song lệ nhà xưa nay hễ có mời khách, thì phải bày cả sáu bộ, kể cũng là một cách phô trương vô tội. Trong cái gia đình êm ả và nghiêm nghị mà mọi người

coi sự thanh bạch như là danh giáo này, chút phù hoa ấy vẫn có gì ngây thơ, đáng mến thật.

Bà Magoloa hiểu ngay câu trách ấy, lẳng lặng quay ra và mấy phút sau thì ba bộ thìa nĩa còn lại, mà ông giám mục hỏi, đã được bày sáng trưng trên bàn, đối diện với ba người ngồi ăn.

IV
CHI TIẾT VỀ NHỮNG XƯỞNG PHÓ MÁT Ở PÔNGTÁCLIÊ

Đến đây chúng tôi xin sao lục một đoạn trong bức thư của cô Baptistin gửi cho một bà bạn kể lại tỉ mỉ mà hơi ngây ngô câu chuyện giữa ông giám mục và người tù khổ sai, để hình dung quang cảnh bữa ăn tối hôm ấy:

. . . . . .

"... Người ấy không chú ý đến ai cả. Anh ta ăn ngốn ngấu như người sắp chết đói. Tuy thế dùng xong món xúp, anh ta nói:

- Cụ xứ của Đức Chúa lành ạ, các món ăn này đối với tôi đã là quá ngon, nhưng thật tình thì cái bọn phu xe tải ban nãy không muốn cho tôi cùng ăn, cái bọn ấy họ còn ăn sướng hơn cụ nhiều.

Chỗ chị em tôi nói riêng với bà là câu nói đó, tôi thấy có hơi trái tai. Anh tôi trả lời:

- Họ làm ăn vất vả hơn tôi.

Khách đáp:

- Không phải, họ có nhiều tiền hơn. Cụ thì nghèo, tôi thấy rõ. Có lẽ cụ chưa được đến chức cha xứ. Cụ đã được đến chức cha xứ chưa? Ồ, sao lại vô lý như thế nhỉ! Chúa mà công minh thì cụ phải lên cha xứ rồi mới phải.

Anh tôi đáp:

- Chúa còn hơn là công minh đấy, ông ạ.

Một lúc sau anh tôi lại thêm:

- Ông Giăng Vangiăng, ông đi Pôngtacliê phải không?

- Vâng, hành trình, họ lại định trước cho nữa đấy.

Tôi nhớ hình như anh ta nói thế. Rồi anh ta lại tiếp:

- Mai, tang tảng sáng tôi lại phải đi ngay. Đi đường lúc này vất vả lắm. Đêm lạnh mà ngày thì nóng bức.

Anh tôi nói:

- Vùng ông đi về là một vùng dễ sống đấy. Hồi Cách mạng, gia đình tôi sa sút, lúc đầu tôi có lánh sang Phorăng Côngtê và sống bằng lao động chân tay ở đấy ít lâu. Tôi có chí. Tôi tìm được việc làm. Kể ra thì tha hồ mà chọn. Ở đấy, nào là nhà máy giấy, nhà máy thuộc da, nhà máy rượu, nhà máy dầu, xưởng chế tạo đồng hồ hàng loạt, xưởng nấu thép, đúc đồng, ít nhất là hai mươi nhà máy luyện sắt, mà bốn nhà ở Lốt, Satiông, Ôđanhcua và Bơ thì thật là đồ sộ...

Có lẽ tôi không nhớ sai đâu, anh tôi đã kể đến tên tất cả các xứ đó rồi ngừng lại hỏi tôi:

- Này cô, ta có ai là bà con ở xứ ấy không nhỉ?

Tôi đáp:

- Trước kia có đấy, như ông Luyxonê chỉ huy đạo quân phòng thành ở Pôngtacliê hồi còn chế độ cũ.

Anh tôi nói:

- Phải, nhưng hồi 93 thì chẳng còn thân thích nào nữa, mình chỉ còn cậy vào sức mình. Tôi đã ra sức làm việc. Ông Vangiăng này, ở xứ Pôngtacliê mà ông sắp đến, có một nghề gia truyền thật là dễ ưa, cô nhỉ! Cái nghề làm phó mát ấy mà - Anh tôi

vừa tiếp cơm khách, vừa cắt nghĩa cho nghe tỉ mỉ về những xưởng làm phó mát ở Pôngtacliê. Có những hai loại: những xưởng to của nhà giàu, nuôi đến bốn năm mươi bò sữa, sản xuất ra mỗi vụ hè từ bảy đến tám nghìn bánh phó mát; những xưởng hợp tác thì thuộc người nghèo. Nông dân nghèo ở lưng chừng núi đem bò nuôi chung rồi chia nhau sản phẩm. Họ chung nhau thuê một người thợ làm phó mát. Người này thu sữa của các xã viên một ngày ba lần và đánh dấu số lượng trên một miếng gỗ, vào cuối tháng tư thì các xưởng làm phó mát bắt đầu hoạt động, đến giữa tháng sáu thì những người thợ phó mát lại đánh bò lên núi.

Ăn vào, nét mặt khách dần dần tươi tỉnh lại. Anh tôi cứ rót rượu mời khách, thứ rượu vang cũ xứ Môvơ ấy, chứ riêng mình thì không nếm đến, cho đó là rượu đắt tiền. Anh tôi nói chuyện vui vẻ, lưu loát như bà đã từng biết, đem kể mọi chi tiết cho khách nghe, thỉnh thoảng lại quay nhìn tôi một cách thân mến. Anh tôi nhắc đi nhắc lại chuyện làm phó mát như có ý mong để khách hiểu, chứ không lấy lời trực tiếp và cứng cỏi khuyên anh ta rằng đó là nơi có thể dung thân được. Có một điều làm tôi ngạc nhiên. Người khách ấy là người thế nào thì tôi đã nói với bà rồi. Thế mà trong suốt bữa cơm, suốt cả buổi tối, ngoài mấy câu về chúa Giêsu lúc khách mới vào, anh tôi không hề có một lời nhắc khách nhớ lại khách là người thế nào, và nói rõ cho khách biết anh tôi là ai. Bà tính, rõ ràng đó là cơ hội để giảng một chút về đạo lý và lấy đức độ ông giám mục ấn mạnh lên tâm hồn anh tù đó

để anh ta ghi nhớ mãi buổi gặp gỡ này. Một người khác gặp được kẻ khốn khổ như thế, tất đã vừa cho thần xác ăn uống no nê lại vừa cho phần hồn được nghe những lời phê bình, có mùi vị khuyên bảo, răn dạy, hoặc những lời thông cảm thương hại kèm theo mấy câu khuyến khích người ta sửa chữa về sau. Anh tôi thì không hề hỏi một câu về quê quán, lai lịch của khách. Vì trong lai lịch ấy tất nhiên có tội lỗi đã qua, cho nên hình như anh tôi có ý tránh không muốn nhắc cho khách nhớ đến. Thậm chí, khi nói chuyện về người miền núi Pôngtacliê họ *làm ăn thoải mái ở những vùng cao gần trời và họ rất sung sướng vì tâm hồn họ trong trắng*, anh tôi bỗng ngừng bặt, sợ câu nói lỡ lời đó có điều gì làm phật lòng khách chăng. Nghĩ kỹ ra, tôi mới đoán được bụng anh tôi. Ý hẳn anh tôi thấy rằng con người ấy - anh ta tên là Giăng Vangiăng - tâm trí lúc nào cũng nghĩ ngợi đến nỗi khốn khổ của mình rồi, tốt hơn hết là làm cho người ta khuây khỏa, và làm cho người ta tin tưởng, dù chỉ trong chốc lát, rằng người ta cũng là một con người như mọi người khác vì thấy mình đối xử với người ta cũng tự nhiên như đối với mọi người. Có phải như thế là hiểu đúng nghĩa chữ thương người không nhỉ? Có phải cách anh tôi giữ gìn ý tứ tuyệt nhiên không nói gì đến đạo lý, nhân nghĩa, không nói gì xa xôi bóng gió cả, cách ấy có cái gì thật là tế nhị, thật là từ bi không bà chị? Có phải cách thương người thắm thiết nhất khi đứng trước một người đau khổ là đừng đả động gì đến điều đau khổ ấy phải không? Theo tôi, hình như thâm ý của anh tôi hôm ấy là thế. Dù sao,

tôi chỉ thấy một điều rất rõ là dù anh tôi có nghĩ như vậy chăng nữa, anh tôi cũng chẳng hề tỏ ra cho ai biết cả, với tôi cũng thế. Suốt buổi tối hôm ấy anh tôi vẫn một thái độ như thường ngày, ngồi ăn với cái anh Giăng Vangiăng ấy vẫn niềm nở, trân trọng như ngồi ăn với ông Lơ Prêvô hay với cụ xứ bản hạt vậy.

Lúc gần xong bữa, ăn đến món vả thì có người gõ cửa. Mụ Giécbô ẵm đứa con nhỏ vào. Anh tôi hôn vào trán đứa bé, hỏi vay tôi mười lăm xu đưa cho mụ. Lúc ấy, khách không hề để ý đến gì hết, chẳng nói chẳng rằng, ra dáng mệt mỏi lắm. Mụ Giécbô ra rồi, anh tôi đọc kinh cầu nguyện rồi quay bảo khách: "Chắc ông cần nghỉ lắm rồi!" Bà Magơloa thu dọn bàn thật nhanh. Tôi hiểu là phải cáo lui để khách đi nghỉ nên bà Magơloa và tôi đều lên gác ngay. Sau đó, tôi sai bà Magơloa đem xuống cho khách một tấm chăn da hươu vẫn để trong phòng tôi, vì tháng ấy đêm lạnh lắm, đắp nó mới đủ ấm. Chỉ hơi phiền một tí là cái chăn đã cũ, sờn hết cả lông. Anh tôi mua từ hồi còn ở Tôtlingien, gần nguồn sông Đanuyp, bên nước Đức ấy, một lần với con dao cán ngà tôi vẫn thường dùng.

Bà Magơloa xuống một chốc rồi trở lên ngay; chúng tôi cùng cầu nguyện ở chỗ căn phòng thường phơi quần áo, rồi ai về phòng nấy không trò chuyện gì với nhau cả".

V

TĨNH MỊCH

Ông Mirien chúc cô em ngon giấc, cầm một cây đèn bạc trên bàn lên, đưa cây kia cho khách và nói:

- Nào, tôi xin đưa ông về phòng.

Khách bước theo.

Như đã nói ở đoạn trên, ta biết rằng theo cách bố trí trong nhà ấy, hễ muốn đi vào phòng nguyện trong đó có ngăn kê giường khách hay muốn từ đó ra ngoài là phải qua buồng ngủ ông giám mục.

Giữa lúc hai người đi qua chỗ phòng ngủ ấy, bà Magoloa đang xếp cất bộ đồ bạc vào ô ở chỗ đầu giường. Bữa nào, trước khi đi ngủ, bà cũng nhớ làm công việc thu dọn cuối cùng ấy.

Ông giám mục đưa khách vào tận chỗ ngủ. Ở đấy giường đã trải khăn trắng tinh. Khách đặt cây đèn xuống chiếc bàn con. Ông giám mục bảo:

- Thôi, chúc ông ngủ cho ngon giấc. Sáng mai, trước khi lên đường, mời ông xơi một cốc sữa thật nóng, bò nhà nuôi.

- Cảm ơn cha.

Vừa nói xong câu nói hòa bình ấy, đột nhiên hắn thay đổi một cách lạ lùng, không ngờ được. Giá bấy giờ có hai bà già hiền lành ở đấy thì hai bà hẳn đến chết khiếp. Cho đến ngày nay chúng tôi cũng khó mà hiểu cái gì đã khiến hắn như thế. Hắn muốn báo trước hay là muốn đe dọa? Hay là hắn chỉ nghe theo một sức mạnh gì của bản năng mà chính hắn cũng không sao hiểu được? Hắn quay phắt về phía ông già, khoanh tay lại, giương đôi mắt dữ tợn nhìn trừng trừng vào mặt ông ta và cất giọng khàn khàn:

- Ồ, như thế này thật à? Để tôi ngủ trong nhà ở ngay cạnh ông thế này à?

Hắn ngừng lại, cười một cách ghê rợn, rồi tiếp:

- Ông đã nghĩ kỹ chưa? Ai bảo ông rằng tôi không phải là kẻ sát nhân?

Ông giám mục ngước mắt lên trần nhà, đáp:

- Điều ấy đã có Chúa lo.

Nói đoạn, ông nghiêm trang giơ hai ngón tay bên phải lên làm phép ban phúc cho khách, miệng lẩm bẩm như người cầu kinh hay tự nói với mình. Nhưng khách vẫn đứng yên không cúi đầu. Xong, ông trở về phòng mình, không hề quay đầu nhìn lại.

Mỗi khi nhà chái có khách nghỉ, một tấm màn vải rộng ngăn đôi phòng nguyện che kín bàn thờ. Qua trước tấm màn, ông giám mục quì xuống, đọc một đoạn kinh ngắn.

Một lúc sau, ông ra vườn đi đi lại lại, vừa nghĩ vơ vẩn, vừa ngắm cảnh, tâm trí để cả vào bao nhiêu vẻ lớn lao huyền diệu của trời đất bày ra dưới mắt người thao thức lúc đêm khuya.

Còn khách thì mỏi mệt quá đến nỗi chẳng nghĩ đến chăn đệm sạch sẽ, ấm áp nữa. Hắn phồng mũi thổi đèn theo thói quen của tù khổ sai rồi cứ để nguyên quần áo lăn vào giường ngủ như chết.

Ông giám mục ở ngoài vườn bước về phòng mình thì đồng hồ gõ mười hai tiếng.

Ít phút sau, trong nhà ngủ im cả.

*

* *

VI

GIĂNG VANGIĂNG

Vào khoảng nửa đêm, Giăng Vangiăng thức giấc dậy.

Giăng Vangiăng sinh ra ở một gia đình nông dân nghèo xứ Bri. Lúc nhỏ, anh chẳng được học hành gì.

Lớn lên, anh làm nghề xén cây ở Phavơrôn. Mẹ anh là bà Gian Machiơ, cha là ông Giăng Vangiăng, hoặc là Vơla Giăng, có lẽ do chung quanh gọi đùa là Voala Giăng (1) mà thành tên ấy.

Giăng Vangiăng tính hay tư lự mà không buồn; chỉ những người giàu tình cảm mới như thế. Nói đúng ra, nhìn bề ngoài thì thấy anh ta cũng lừ đừ và chẳng có gì xuất sắc. Cha mẹ anh mất từ hồi anh còn nhỏ dại. Mẹ anh chết vì một cơn sốt xuống sữa mà không biết cách thuốc thang. Cha anh trước cũng làm nghề xén cây, sẩy chân nên thiệt mạng. Vangiăng chỉ còn một người chị góa chồng, trên tay bảy đứa con dại, vừa trai vừa gái. Bà chị ấy đã nuôi Giăng và lúc sinh thời ông anh rể, Giăng vẫn ăn ở trong nhà chị. Ông anh rể chết. Lũ con, đứa lớn nhất mới lên tám, đứa út mới đầy năm. Giăng năm ấy vừa đúng hai mươi lăm tuổi. Thế là Giăng thay anh rể đi làm giúp chị nuôi các cháu. Rất là giản dị: anh coi đó là một bổn phận phải làm, nhưng vẫn càu nhàu vì bản tính. Cả thời trai trẻ, anh làm quần quật suốt ngày, mới tìm nổi cái ăn nên chẳng nghe nói anh ta có nhân tình nhân ngãi gì, vì thời giờ đâu mà nghĩ đến chuyện yêu đương.

Tối đến đi làm về mệt nhoài, anh lẳng lặng ngồi ăn xúp. Bà chị thỉnh thoảng lại chọn những miếng ngon trong đĩa anh, miếng thịt, lát mỡ, cái nõn cải, lấy đút cho con. Còn anh, anh để tóc xoã cả ra quanh đĩa, che kín cả mắt, cứ cắm đầu ngồi ăn, mặc kệ, làm như không thấy gì. Ở Phavơrôn, gần nhà Vangiăng, phía bên kia đường đi, có nhà chị tá điền Mari Cơlốt. Lũ trẻ nhà Vangiăng ngày nào cũng ăn đói. Đôi khi chúng chạy sang bên nhà chị ta, nói dối là mẹ sai sang vay ít sữa rồi đem nhau lại

(1) *Voila Jean*, có nghĩa là: Giăng đấy.

chỗ sau hàng rào hoặc ở đầu ngõ, tranh giằng nhau húp vội húp vàng làm sữa đổ cả ra quần áo. Bà Gian mà biết được thói vụng trộm ấy thì mỗi đứa cũng được trận đòn. Giăng có nóng nảy, cau có, nhưng lại giấu chị, đến trả chỗ tiền sữa cho chị Mari Cơlốt và như thế là các cháu khỏi phải đòn.

Về mùa xén cây, anh kiếm được mỗi ngày hai mươi bốn xu. Hết mùa, anh quay ra đi gặt thuê làm mướn, chăn bò, khuân vác, gặp việc gì làm được thì làm. Phần bà chị cũng cố gắng làm lụng, nhưng một nách bảy đứa con dại thì làm được mấy nỗi? Cảnh nhà thật thiểu não, quanh năm túng thiếu và mỗi ngày một nghèo ngặt thêm. Một năm, trời làm rét quá, Giăng không có việc làm. Trong nhà không có lấy một mẩu bánh. Đúng y như thế. Không một mẩu bánh mà những bảy đứa trẻ thơ.

Một buổi tối chủ nhật, trong nhà lão Môbe Ydabô chủ hàng bánh mì ở trước nhà thờ Phavơrôn đã dọn dẹp sắp đi ngủ. Chợt thấy có tiếng đập mạnh ở chỗ mặt ngoài cửa hắng có chăng lưới thép và lắp kính. Lão chạy ra và kịp thấy một cánh tay thò qua chỗ kính vỡ và dây thép đứt, đang vơ lấy một chiếc bánh và lôi ra ngoài. Lão vội chạy ra: tên ăn trộm sải chân chạy trốn; Lão đuổi theo và tóm được. Tên trộm đã vứt bánh đi nhưng cánh tay còn máu me đầm đìa. Thì ra chính là Giăng Vangiăng.

Việc ấy xảy ra năm 1795. Giăng bị đưa ra tòa truy tố về tội "ăn trộm ban đêm có phá cửa trong một nhà có người ở". Anh lại có một khẩu súng săn và bắn rất giỏi, thỉnh thoảng vẫn đi bắn trộm chim chóc trong rừng. Điều ấy làm hại anh thêm. Đối với kẻ đi săn trộm chim muông, người ta vẫn có thành kiến và

thành kiến là đúng, vì kẻ đi săn trộm cũng như người buôn lậu thì không xa bọn kẻ cướp là mấy. Có điều nhân tiện cũng nên nói rằng giữa hạng người này và bọn giết người cướp của đáng ghê tởm ở thành thị vẫn khác nhau một trời một vực. Kẻ săn trộm chim sống trong rừng, tay buôn hàng lậu sống ở trên núi hoặc dưới biển. Thành thị làm cho con người thối tha, do đó trở nên độc ác. Còn núi rừng, biển cả thì có tạo ra những con người man rợ, có phát triển phần hung dữ, nhưng không thủ tiêu phần nhân tính họ.

Tòa án tuyên bố Giăng Vangiăng có tội. Luật lệ đã rành rành ra đấy, không có cách gì khác. Trong xã hội văn minh của chúng ta có những giờ phút đáng sợ, là những lúc luật pháp tuyên án đẩy người ta vào một cuộc trầm luân. Còn gì thê thảm bằng cái giây phút mà xã hội lánh xa và dứt khoát vứt bỏ một con người biết suy nghĩ! Giăng Vangiăng bị kết án năm năm khổ sai.

Ngày 22 tháng tư năm 1796 người ta loan báo khắp Pari tin chiến thắng Môngtơnốt của đạo quân đánh ở Ý. Thông điệp của Hội đồng đốc chính gửi cho Viện Ngũ bách (1) ngày 2 tháng hoa nở (2) năm Cộng hòa thứ tư gọi người tổng chỉ huy đạo quân ấy là Buyônapác. Cùng ngày ấy, ở nhà ngục Bixết người ta đã xích xong một dây xích tù thật lớn. Giăng Vangiăng bị khóa vào dây xích đó. Một người lính canh ngục cũ, năm nay đã gần chín mươi tuổi, còn nhớ như in con người đáng thương ấy bị cùm vào cuối dây người thứ tư ở góc phía bắc sân nhà ngục. Anh ta

(1) Bấy giờ viện Ngũ bách (500 đại biểu) là viện lập pháp Hội đồng đốc chính (5 đốc chính) là cơ quan hành pháp tối cao.

(2) Tức tháng 5, theo lịch mới của chế độ Cộng hòa.

ngồi bệt xuống đất như mọi người khác. Chừng như anh cũng không hiểu tình cảnh mình ra làm sao nữa, chỉ biết là kinh khủng quá. Trong ý nghĩ lờ mờ của con người ù ù cạc cạc với tất cả mọi việc như anh, có lẽ anh cũng mang máng thấy rằng trong việc đó có cái gì quá đáng.

Trong khi người ta quai mạnh búa để tán chiếc đinh trên cái gông cổ ở phía sau gáy, anh khóc lên, nghẹn ngào không nói lên lời, chốc chốc mới thốt được một câu: *"Tôi làm nghề xén cây ở Phavorôn"*. Rồi anh vừa nức nở vừa giơ tay lên, hạ xuống bảy lần, mỗi lần mỗi hạ thấp hơn, trông như anh đang lần lượt sờ đầu bảy đứa trẻ lớn nhỏ khác nhau. Trông cử chỉ ấy người ta đoán biết anh đã làm điều phi pháp gì đó cũng là vì miếng cơm manh áo của bảy đứa bé con.

Anh bị giải đi Tulông. Hai mươi bảy ngày ròng rã trên một chiếc xe bò, xiềng xích luôn mang trên cổ. Đến Tulông, anh thay áo tù khổ sai. Cả quãng đời của anh trước đấy đều bị xóa mờ, xóa mờ đến cả tên tuổi; anh không còn là Giăng Vangiăng nữa, anh là con số 24.601. Còn bà chị anh rồi ra sao? Bảy đứa bé rồi ra sao? Ai là người chăm lo cho cái gia đình ấy? Cái cây non đã cưa mất gốc, nắm lá sẽ ra thế nào?

Thì ra chuyện đời cứ vẫn thế. Những con người đáng thương ấy, những sinh linh của Chúa ấy, từ đây không nơi nương tựa, không kẻ dìu dắt, không chỗ trú chân, lang thang trôi giạt, rồi biết đâu sẽ không mỗi người mỗi ngả, dấn mình dần dần vào cái đám sương mù lạnh lẽo đã làm chìm đắm bao nhiêu kiếp người cô đơn, cái cõi tối tăm thê lương đã làm mất bóng bao nhiêu cuộc đời bất hạnh trong bước đường âm u của nhân loại! Họ bỏ làng ra đi. Cái gác chuông

ở nơi gọi là làng cũ quên họ đi. Cái bờ ruộng ở nơi gọi là cánh đồng làng quên họ đi. Sau vài ba năm trong tù, ngay cả Giăng Vangiăng cũng quên nốt họ đi. Vết thương trong lòng anh đã thành sẹo. Thế là hết. Trong cả thời gian ở Tulông, chỉ có mỗi một lần anh được nghe qua tin tức bà chị. Hình như là vào khoảng cuối năm thứ tư sau khi anh vào tù. Cũng không rõ tin tức ấy đã đưa đến bằng cách nào. Chỉ biết có người trước kia có quen anh ở quê nhà một lần có gặp bà chị. Bà ở Pari, trong một xóm nghèo gần nhà thờ Xanh Xuynpit, phố Gianhđơrơ. Bà chỉ còn đem theo có mỗi một đứa con, thằng con trai út. Còn sáu đứa kia hình như chính bà cũng không biết chúng ở đâu nữa. Sáng sáng bà đến một xưởng in phố Xabô, số nhà 3, làm việc gấp giấy và đóng sách. Mùa đông trời chưa sáng, sáu giờ đã phải có mặt. Trong xưởng có một trường học. Đứa bé lên bảy, bà đem theo gửi học ở đấy. Có điều, sáu giờ bà đã vào xưởng mà đến bảy giờ trường mới mở cửa, nên thằng bé phải chờ ngoài sân ngót giờ đồng hồ, phải, ngót giờ đồng hồ ngoài trời mùa đông trong lúc còn tối mịt. Người ta không muốn cho nó vào xưởng, bảo là làm vướng bận công việc. Thợ thuyền sáng sớm qua đó, thấy thằng bé ngồi xổm ngoài hè, ngủ gà ngủ gật, có khi thiếp đi trong xó tối, gập người trên chiếc giỏ mây. Gặp hôm trời mưa, bà cụ gác cổng thương hại, nhặt nó vào trong túp lều của bà. Trong lều độc có một cái phản, cái guồng quay sợi và hai cái ghế gỗ. Thằng bé ngủ lăn ra ở một xó nhà, tay ôm lấy con mèo cho đỡ rét. Đến bảy giờ trường mở cửa, nó mới vào học.

Người ta nói với anh có bấy nhiêu. Nhưng lúc anh nghe mấy lời ấy, thì dường như trong phút giây,

trong chớp mắt, có cánh cửa sổ nào bỗng dưng đã mở toang cho anh nhìn thoáng thấy cuộc đời của mấy người thân yêu, rồi sau đó lại khép lại, tối tăm mù mịt. Từ đó anh chẳng còn nghe tin tức gì về những người thân yêu ấy nữa. Mà cũng chẳng bao giờ anh thấy lại họ, chẳng bao giờ anh còn gặp họ. Ở những đoạn tiếp theo của câu chuyện thương tâm này ta cũng không còn tìm thấy họ nữa.

Vào khoảng cuối cái năm thứ tư ấy thì đến lượt Giăng Vangiăng vượt ngục. Ở chốn lao tù sầu thảm này, bọn đồng cảnh vẫn thường giúp đỡ nhau việc đó. Anh trốn ra được và lang thang hai ngày ngoài cánh đồng. Nếu tự do nghĩa là: sau lưng có người truy nã, lúc nào cũng phải ngoái cổ nhìn lại, hơi có tiếng động là giật mình thon thót, thấy cái gì cũng sợ, từ mái nhà tỏa khói, người đi qua đường, tiếng chó sủa, tiếng ngựa phi, tiếng chuông đồng hồ, đến ban ngày vì ban ngày người ta nom rõ, ban đêm vì ban đêm không trông thấy gì, đến con đường lớn, cái lối mòn, đến bụi cây, giấc ngủ, cũng đều sợ tuốt thì hai ngày ấy anh ta được tự do. Đến tối ngày thứ hai thì anh bị bắt lại, sau ba mươi sáu tiếng đồng hồ chẳng ăn chẳng ngủ gì. Sau đó, tòa án thủy quân phạt thêm ba năm khổ sai về tội vượt ngục. Thế là thành tám năm khổ sai. Năm thứ sáu lại đến lượt anh được vượt ngục; anh nắm ngay cơ hội nhưng trốn không trót lọt. Điểm danh thấy thiếu, người ta bắn phát súng đại bác báo hiệu và đến đêm thì lính tuần tìm được anh trốn dưới chiếc vỏ tàu đang đóng dở. Lúc bị bắt anh chống cự lại với lính coi ngục. Thế là cái tội vừa vượt ngục vừa kháng cự kẻ thừa hành ấy, theo hình luật đặc biệt,

phải xử gia thêm năm năm nữa trong đó có hai năm phải đeo xiềng đôi. Cộng là mười ba năm. Đến năm thứ mười lại đến lượt anh trốn nữa và anh cũng không bỏ lỡ cơ hội. Nhưng lần này cũng không may gì hơn. Lại ba năm nữa thành mười sáu năm. Sau cùng, hình như đến năm thứ mười ba, anh lại thử một lần chót nữa nhưng chỉ ra ngoài được bốn tiếng đồng hồ thì bị bắt lại. Ba năm nữa vì bốn tiếng đồng hồ ấy. Cả thảy mười chín năm. Anh vào tù từ năm 1796 mà mãi đến tháng mười năm 1815, anh mới được thả ra. Như thế chỉ vì anh đập một miếng kính và lấy một cái bánh mì.

Đến đây cần mở một dấu ngoặc. Trong khi xét về hình luật và việc luật pháp đày đọa con người, lần thứ hai tác giả gặp một vụ trộm bánh mì xuất phát điểm của một kiếp trầm luân. Cơlốt Gơ đã lấy trộm một chiếc bánh. Giăng Vangiăng cũng lấy trộm một chiếc bánh. Một thống kê Anh cho biết trong năm vụ trộm, có bốn vụ trực tiếp do đói mà ra.

Lúc vào tù Giăng Vangiăng run sợ, khóc lóc; đến khi ra, anh thành người thản nhiên, trơ như đá. Lúc vào, lòng anh tuyệt vọng, nay ra, lòng anh đen tối. Cái gì đã xảy ra trong tâm hồn anh?

VII

BÊN TRONG TUYỆT VỌNG

Ta thử phân tích xem.

Xã hội có nhiệm vụ phải thấy rõ những điều đó vì chính xã hội đã gây ra.

Như chúng ta đã biết, Giăng Vangiăng là một kẻ vô học, nhưng không phải là người ngu ngốc. Trong

con người anh vẫn có thứ ánh sáng của thiên bẩm. Đau khổ cũng có cái ánh sáng của nó, làm cho tâm trí còn mơ hồ của anh được sáng sủa thêm lên. Trong cuộc đời đày ải, khi roi vọt, xiềng xích, lúc nằm ngục, lao dịch, khi ở ngoài nắng thiêu đốt, lúc nằm trên tấm phản của nhà tù khổ sai, anh thường tự hỏi lương tâm và suy nghĩ.

Anh tự coi mình như quan tòa.

Và anh bắt đầu tự xét xử.

Anh công nhận rằng anh không phải là một kẻ vô tội vị xử oan. Anh tự thú nhận đã trót làm một việc cùng quẫn đáng chê trách. Anh mà ngửa tay xin chiếc bánh kia thì chưa hẳn người ta không cho. Dù sao đi nữa, tốt hơn là phải dằn lòng mà chờ cho có bánh, hoặc do lao động mà có, hoặc của người ta thương hại mà cho. Còn nói: "đói ăn vụng, túng làm càn" thì không phải là một lý sự cứng đến không bẻ lại được. Bởi vì trước hết thực sự vì đói mà chết thì cũng hiếm có; sau nữa, bản chất con người ta lại có thể chịu đựng rất lâu và rất nhiều mọi thứ đau khổ về tinh thần và thể chất mà không chết, cái ấy không biết là một cái may hay là một cái rủi. Cho nên phải biết nhẫn nại. Nhẫn nại thì tốt hơn, tốt cho cả lũ trẻ thơ kia nữa. Chứ dám đem sức vóc yếu ớt của mình mà hùng hổ tóm lấy cổ cả một xã hội và tưởng rằng có thể thoát khỏi cảnh đói rét bằng trộm cắp, thì thật là một hành động điên cuồng. Nói gì thì nói chứ cái cửa để ra khỏi đói rét mà cũng dẫn vào ô nhục thì rõ là cái cửa tối. Tóm lại, anh có sai lầm thật.

Rồi anh tự hỏi: Phải chăng chỉ có mình gây ra cho mình kiếp sống oan nghiệt này?

Trước hết, một người lao động như anh mà phải thất nghiệp, một người siêng năng như anh mà phải đói khát thì phải đó là một hiện tượng nghiêm trọng không? Sau nữa, đã mắc lỗi lầm mà biết thú nhận, thì trừng trị như thế có độc ác và quá đáng không? Có phải như thế là trong việc trừng phạt, luật pháp có đi quá trớn hơn là kẻ phạm tội quá trớn khi lầm lỗi không? Có phải cán cân công lý đã quá nghiêng về phía bắt đền tội không? Xử phạt nặng như thế có phải là để kẻ phạm chuộc tội không? Hay là lại đưa đến kết quả đảo ngược vai trò, biến cái sai lầm của kẻ phạm tội ra cái sai lầm của người trấn áp, biến thủ phạm thành nạn nhân, biến con nợ thành chủ nợ, và cuối cùng đem công lý đặt về bên kẻ đã xâm phạm vào công lý? Phải chăng hình phạt ấy, cái hình phạt liên tiếp gia nặng thêm vì các lần toan vượt ngục, cuối cùng chỉ là một thứ ức hiếp của kẻ mạnh đối với kẻ yếu, một tội ác của xã hội đối với cá nhân, một tội ác hàng ngày tái diễn và kéo dài đến mười chín năm trời?

Anh tự hỏi xã hội sao lại có quyền bắt con người phải chịu đựng, một mặt là cái thối không phòng xa phi lý, một mặt là cái lối đề phòng quá tàn nhẫn của nó? Sao lại có quyền ép một người xấu số vào cái thế hiểm, giữa một cái thiếu và một cái thừa, thiếu việc làm và thừa hình phạt? Đối với những phần tử vì rủi ro mà chịu thiệt thòi nhất trong sự phân phối của cải, đáng lẽ họ phải được chiếu cố nhất, lại đối xử với họ như thế, có phải là quá đáng không?

Các câu hỏi ấy đặt ra và giải quyết xong, anh xét xử và lên án xã hội.

Xã hội trở thành mối căm thù của anh.

Anh cho là xã hội phải chịu trách nhiệm về số phận anh đang chịu và định bụng một ngày kia sẽ hỏi tội nó. Anh nhận định việc anh làm thiệt hại cho người ta chẳng bắc đồng cân được với cái việc người ta làm thiệt hại cho anh. Và anh kết luận rằng, cái án của anh, thật ra không phải là oan uổng nhưng rõ ràng là bất công.

Giận dữ thì có thể mất trí và vô lý. Người ta có thể nổi nóng sai. Nhưng khi người ta căm phẫn thì xét cho cùng người ta đã nắm lẽ phải ở chỗ nào đấy. Giăng Vangiăng cảm thấy căm phẫn.

Vả lại, xã hội chỉ làm hại anh. Luôn luôn anh thấy xã hội chỉ có một bộ mặt giận dữ là hình án. Bộ mặt ấy, nó luôn luôn giương ra cho những kẻ nó đem ra trừng trị! Còn mọi người chung quanh thì họ động đến anh là chỉ để giày vò. Mỗi lần tiếp xúc với họ là một vố đau đớn. Từ nhỏ đến giờ, anh chưa từng biết một lời nói thân mật, một cái nhìn thương mến, kể cả đến của mẹ và chị trong nhà cũng thế. Hết đau khổ này đến đau khổ khác, dần dần anh tin quyết rằng đời là một cuộc chiến tranh và trong cuộc chiến tranh ấy anh là kẻ chiến bại. Anh chỉ còn một thứ vũ khí là lòng căm thù. Anh quyết chí mài giũa nó thật sắc trong tù để khi ra thì đem theo.

Ở nhà tù Tulông có một lớp học do một số tu sĩ mở để dạy những điều thường thức cho trong tù ai có chí thì học. Anh cũng ở trong số người có chí ấy. Bốn mươi tuổi anh mới vỡ lòng đi học, học đọc, học viết, học tính. Anh nghiệm rằng học để mở mang trí não tức là rèn luyện thêm cho lòng căm hờn của mình. Có những trường hợp, học thức và ánh sáng lại nối giáo cho cái ác.

Nói ra thật là buồn! Sau khi lên án cái xã hội đã làm anh đau khổ, anh lại xét xử đến trời vì trời đã sinh ra cái xã hội kia.

Và anh cũng lên án trời nốt.

Ấy, mười chín năm giam cầm và đày đọa, linh hồn anh vừa cao lên vừa rơi xuống thấp là như thế! Ánh sáng lọt vào được bên này thì bên kia bóng tối cũng lấn đến.

Như ta đã thấy, bản chất Giăng Vangiăng không phải xấu. Khi mới vào tù, anh vẫn còn là con người tốt. Lên án xong xã hội, anh thấy mình trở thành độc ác, và lên án đến cả trời thì anh thấy mình trở thành vô đạo.

Đến đây khó mà không suy nghĩ một lúc.

Bản chất con người có thể thay đổi tất và hẳn như vậy chăng? Con người Chúa sinh ra lương thiện thì xã hội lại có thể làm cho độc ác chăng? Có thể nào tâm hồn lại bị số phận uốn nắn lại từ đầu chí cuối và trở nên xấu xa, khi gặp số phận xấu xa? Có thể nào trái tim lại biến dạng xấu xí và mắc phải những tật nan y do sức ép của một tai họa quá to, như cột sống bị gò dưới một vòm nhà quá thấp? Có chăng trong tâm hồn của con người, nói chung, trong tâm hồn của Giăng Vangiăng nói riêng, một tia lửa đầu tiên, một yếu tố thiêng liêng, ở thế giới này thì không sao hủy hoại được, còn ở thế giới bên kia thì bất tử. Tia lửa ấy, yếu tố ấy, điều thiện có thể nuôi lớn lên, thổi đượm, thắp sáng, đốt cháy bùng lên và làm tỏa ánh sáng rực rỡ ra chung quanh, và điều dữ không đời nào có thể hoàn toàn dập tắt được?

Thật là những vấn đề nghiêm trọng và bí hiểm. Riêng vấn đề cuối cùng, thì bất kỳ nhà sinh lý học nào chắc cũng trả lời *không* mà chẳng cần ngập ngừng gì cả, nếu đã nhìn thấy ở Tulông, vào giờ nghỉ, đồng thời cũng là giờ mơ màng của anh, chính Giăng Vangiăng ngồi trên tay quay của một tời đứng nào đó, tay vòng trước ngực, một đầu dây xích nhét vào trong túi để nó khỏi kéo lê. Những lúc ấy, anh tù khổ sai mặt mày ảm đạm, nghiêm nghị, tính yên lặng và tự lự ấy, con người bị pháp luật hất ra ngoài xã hội ấy, nhìn loài người với cặp mắt giận dữ, con người bị đày đọa của xã hội văn minh ấy nhìn trời một cách nghiêm khắc.

Nói cho đúng, và chúng tôi cũng không muốn giấu làm gì, nhà sinh lý học biết quan sát chắc cũng thấy ở đó một nỗi khốn khổ không còn cứu vãn được, ông ta cũng có thể thương xót cho con bệnh mà pháp luật đã làm nên nông nỗi, nhưng chắc hẳn là không hề thử nghĩ đến việc cứu chữa. Trong tâm hồn này có những thương tích gì thì ông ta có hé thấy cũng làm lơ; và giống như Đăngtơ đứng trước cửa địa ngục, ông ta chắc cũng xóa khỏi cuộc đời ấy cái chữ mà ngón tay Chúa đã ghi lên trán mọi người: *Hy vọng*!

Trạng thái ấy của tâm hồn Giăng Vangiăng, chúng tôi đã thử đem ra phân tích. Không biết nó đã rõ với anh chưa, như chúng tôi đã cố làm cho nó rõ với độc giả sách này? Tất cả những nhân tố làm nên nỗi khổ tinh thần của anh, không biết anh có thấy rõ khi nó đã hình thành, và trước đó đã thấy rõ nó khi nó đang hình thành không? Con người cục cằn và vô học ấy có nhận ra được rành rọt các ý nghĩ nối tiếp nhau trong tâm trí mình và từng bước đưa mình đến

những cảnh tượng thảm sầu, nó đã trở thành, từ bao nhiêu năm nay, chân trời bên trong của trí óc? Anh có biết chăng tất cả những gì đã xảy ra trong người anh và tất cả những gì đang cựa quậy trong đó? Những điều ấy, quả là chúng tôi không dám nói; và chính là chúng tôi cũng không tin. Trong Giăng Vangiăng, ngu tối còn nhiều quá, đến nỗi, đã trải qua nhiều tai ương là thế, mà không phải không còn nhiều những cái mơ hồ. Có lúc, anh cũng không thật hiểu anh đang cảm thấy điều gì. Anh sống trong tối tăm, anh đau khổ trong tối tăm, anh thù ghét trong tối tăm, có thể nói là anh thù ghét cái gì ở đằng trước anh. Anh quen sống trong bóng đen ấy, dò dẫm như một người mù và như một kẻ đang mơ. Tuy nhiên, từng lúc, do từ ngoài đến hay từ bản thân gây ra, anh rùng mình giận dữ, đau nhói lên bội phần. Một ánh chớp mờ nhạt thoáng qua thắp sáng cả tâm hồn anh, làm cho những vực sâu kỳ quái và hình dáng tối đen của số phận, hiện ra đột ngột khắp nơi chung quanh anh, đàng trước cũng như đàng sau, trong một ánh sáng vô cùng thê thảm.

Ánh chớp biến đi, bóng tối lại ập xuống, anh đang ở đâu đây? Anh không biết nữa.

Cái lối trừng phạt, trong đó nổi bật sự tàn nhẫn, nghĩa là điều làm cho người ta đần độn đi, chỉ đưa đến kết quả tệ hại là biến dần dần con người thành thú rừng có khi thành thú dữ. Bao nhiêu lần Giăng Vangiăng cố vượt ngục đi vượt ngục lại, đủ chứng tỏ cái tác hại lạ lùng của pháp luật đối với tâm hồn con người. Mà có dịp anh sẽ còn thực hiện nữa việc vượt ngục vô ích và điên cuồng ấy, chứ không cần nghĩ đến có thành công hay không, cũng không cần nhớ

đến những kinh nghiệm đau đớn các lần trước. Như con chó sói thấy chuồng mở, anh lồng lộn chạy đi. Bản năng bảo: "trốn đi !". Nếu suy tính thì lương tri đã ngăn: "ở lại !". Nhưng, trước sự cám dỗ quá mạnh, lý trí đã bay mất và chỉ còn có bản năng. Chỉ còn con thú dữ trong người anh hành động. Và đến khi bị bắt lại, các hình phạt nghiêm khắc mới chỉ làm cho nó thêm hung tợn.

Có một chi tiết không bỏ sót là sức anh rất khỏe, trong tù không ai bì kịp. Lúc làm việc nặng, như dòng dây cáp, quay tời, anh làm khỏe bằng bốn người. Có lúc anh kê vai nhấc bổng hay lấy lưng đỡ những vật nặng hàng mấy tạ và khi cần thì thay thế cả cái dụng cụ gọi là cái kích, ngày xưa gọi là cái oócgơi, nhân đó có phố tên là Môngtoócgơi gần chợ lớn Pari. Bạn bè gọi đùa anh là thằng Giăng kích. Có lần người ta đang chữa cái bao lơn nhà thị sảnh Tulông thì cái cột trụ đá chạm kiểu Puygiê rời xa và xuýt đổ. Giăng Vangiăng có mặt ở đấy vội lấy vai đỡ chiếc cột, nhờ thế mà thợ kịp đến chống lại.

Anh khỏe đã như thế, anh nhanh nhẹn mềm dẻo lại còn hơn. Có những người tù thường xuyên nghĩ đến vượt ngục, đã phối hợp sức mạnh với sự nhanh nhẹn đến mức một khoa học thực sự, khoa học về gân cốt. Những con người muôn đời ước muốn có cái cánh như con ruồi con chim ấy, ngày ngày họ vẫn đem ra tập dượt cả một nghệ thuật huyền bí về leo trèo. Leo theo chiều thẳng đứng, chân bám vào những nơi chỉ hơi thấy gợn một tí, thường chỉ là trò chơi đối với Giăng Vangiăng. Chỉ có một góc tường mà lấy gân lưng và bắp chân, dùng khuỷu tay, gót chân bíu vào những chỗ vôi đá ráp rỗ, là anh trèo lên đến gác ba

như một trò quỉ thuật. Có khi anh cứ leo như thế lên đến tận nóc nhà ngục.

Anh ít nói, không cười. Cả năm họa chăng một hai lần có cảm xúc gì thật mãnh liệt mới làm anh bật lên tiếng cười, cái cười ghê rợn phảng phất như của ma quỉ. Trông anh lúc nào cũng có vẻ đang nhìn một cái gì ghê rợn.

Đúng là tâm trí anh đang bận.

Qua những nhận xét không lành mạnh của một bản chất dở dang không phát triển, và của một đầu óc lẩn quẩn, anh cảm thấy mơ hồ như có một vật gì cổ quái đang đè lên người mình. Anh đang bò giữa vùng tranh tối tranh sáng ấy, và mỗi bận ngoái cổ lại, thử vươn tầm mắt lên cao, anh lại vừa hoảng sợ vừa căm giận mà thấy tầng tầng lớp lớp đáng sợ nào là sự vật, nào là luật pháp, thành kiến, nào là người và việc, tất cả đều dựng sững, chồng chất đến tận mây xanh, chỗ lồi chỗ lõm một cách ghê rợn, tất cả đều mơ hồ không rõ đường nét, nhưng khối to như núi làm anh hốt hoảng. Thật ra đó chỉ là cái tháp kỳ diệu mà chúng ta gọi là văn minh. Đây đó trong cái mớ lúc nhúc, dị hình ấy, lúc thì sát ngay bên cạnh, lúc thì ở tận những nơi xa không sao với tới, anh lại nhìn thấy một nhóm, một chi tiết nào đó sáng bật lên. Đó là tên lính gác ngục với chiếc dùi cui, hoặc tên sen đầm với chiếc kiếm dài, rồi là ông đại giám mục mũ cao, và tận chót vót, như trong ánh hào quang chói lọi, hoàng đế mũ áo chỉnh tề, rực rỡ. Anh có cảm tưởng là mọi thứ huy hoàng xa xôi kia, không những không xua tan đêm tối mà còn làm cho nó thê lương và mù mịt thêm. Pháp luật, thành kiến, sự

việc, con người, đồ vật, tất cả những thứ đó, đi đi lại lại trên đầu anh, theo sự vận động phức tạp và bí ẩn của văn minh mà Chúa điều khiển lấy; tất cả bước đi và chà đạp lên người anh, độc ác mà bình thản, lạnh lùng mà ác liệt, không sao tả nổi. Như bị rơi xuống cảnh cùng cực nhất trên đời, như bị đày xuống tầng sâu nhất của địa ngục để không còn mắt mà nhìn nữa, những kẻ bị pháp luật đầy đọa đều cảm thấy đè nặng lên đầu mình tất cả sức nặng của cái xã hội loài người, nó quả thật vô cùng to lớn đối với ai đứng ngoài mà nhìn, và đối với người bị nó đè lên thì lại vô cùng kinh khủng.

Giăng Vangiăng suy tưởng trong tình trạng như thế. Sự suy tưởng của anh có thể có tính chất như thế nào?

Giá như hạt gạo trong cối xay mà biết suy nghĩ thì chắc nó sẽ nghĩ như anh đang nghĩ.

Tất cả những cái đó, những hiện thực đầy bóng ma, những bóng ma đầy hiện thực ấy, dần dần đã tạo nên trong anh một tâm trạng khó tả.

Đôi khi, đang làm lao dịch, anh dừng tay suy nghĩ. Tâm trí anh vừa già dặn vừa rối loạn hơn xưa, bỗng vùng lên tức tối. Tất cả cái gì đã xảy đến cho anh đều vô nghĩa, tất cả sự vật chung quanh anh đều phi lý. Anh tự nhủ: Thật chẳng khác gì chiêm bao. Anh nhìn tên gác ngục cách anh mấy bước, trông nó như một bóng ma; đột nhiên bóng ma lại nện anh một dùi cui.

Đối với anh, thiên nhiên trước mắt hình như không có nữa. Không có mặt trời, không có ngày hè đẹp, không có bầu trời rực rỡ, không có buổi sớm mai tháng tư mát dịu, nói như thế tưởng cũng đúng với

anh thôi! Ở trong anh chỉ nhờ nhờ, một thứ ánh sáng xó buồng.

Cuối cùng để tóm tắt những gì có thể tóm tắt được trong tất cả những điều đã kể ra trên kia và nêu thành kết luận cụ thể, chúng ta chỉ cần nhận định rằng, sau mười chín năm "hun đúc" trong tù, Giăng Vangiăng, cái anh thợ xén cây hiền lành ở Phavơrôn, sau là tên trọng phạm đáng sợ ở Tulông, đã trở thành kẻ có gan làm hai thứ việc xấu xa: một là có những manh động đột nhiên, mù quáng, không suy nghĩ, hoàn toàn do bản năng sai khiến, như là để trả thù cho những đau khổ đã đày đọa mình; hai là có những hành động xấu xa nghiêm trọng, có đắn đo cân nhắc, có trù tính, dựa vào những ý nghĩ sai lầm mà đau khổ vừa qua đã gieo vào đầu óc mình. Những việc trù tính của anh thường qua ba giai đoạn liên tiếp: lý luận, quyết tâm và kiên trì, ba việc mà chỉ những tay can trường mới làm nổi. Sự bất bình thường xuyên, nỗi chua xót trong lòng, niềm uất ức sâu xa vì các thứ bất công phải cam chịu, và sự phản ứng đối với cả những người tốt, người vô tội hay người công minh, đều là động cơ của anh. Mỗi lần anh suy nghĩ, anh đều xuất phát từ lòng căm thù luật pháp của loài người và cuối cùng, rồi cũng lại quay về cái đích đó. Nếu không có cái gì may mắn ngăn lại thì rồi có lúc, lòng căm thù ấy sẽ biến ra lòng căm thù xã hội, căm thù loài người, căm thù cả tạo hóa, và thể hiện ra thành cái ý muốn mơ hồ, dai dẳng và tàn bạo là làm hại, bất luận ai, quí hồ đó là một sinh vật. Xem đó thì biết, không phải là không căn cứ mà giấy thông hành của Giăng Vangiăng lại cho anh ta là *người rất nguy hiểm*.

Năm này qua năm khác, tâm hồn ấy khô héo dần, chầm chậm nhưng không gì ngăn nổi. Tim khô nên mắt cũng khô. Lúc ra khỏi nhà lao, tính ra suốt mười chín năm trời, anh chưa hề rỏ một giọt nước mắt.

VIII
BIỂN CẢ VÀ ĐÊM TỐI

Có người rơi xuống biển!

Mặc! Tàu không dừng lại. Đang có gió, chiếc tàu vô tình phải tiếp tục hành trình định sẵn. Nó cứ lướt tới.

Người kia mất hút rồi hiện ra, chìm xuống lại ngoi lên, kêu cứu, rồi giơ tay vẫy, nhưng chẳng một ai nghe cả. Chiếc tàu rùng mình trước cơn bão, mọi người đang ra tay lèo lái. Thủy thủ và hành khách không ai còn thấy người đang bị sóng vùi nữa: cái đầu anh ta chỉ là một chấm nhỏ trên mặt biển sóng to.

Anh ta kêu lên mấy tiếng tuyệt vọng giữa khoảng biển trời thăm thẳm. Ôi! Cánh buồm đang bỏ đi, sao mà như một bóng ma! Anh nhìn nó, nhìn nó điên say. Nó lùi ra, mờ đi, nhỏ dần. Mới ban nãy anh còn ở trên ấy, anh còn đứng trong hàng thủy thủ, anh đi đi lại lại trên boong với mọi người, anh có phần không khí và ánh sáng của mình, anh đang sống. Bây giờ, thì việc gì đã xảy ra? Anh đã trượt chân, ngã xuống, và thế là hết.

Chung quanh anh bây giờ chỉ có làn nước dữ tợn. Dưới chân anh chỉ thấy cái gì chảy trôi và sụp đổ.

Những ngọn sóng gió xé rách bươm, ghê tởm bao vây lấy anh, những cuộn nước xoáy lôi anh đi, mặt biển tả tơi vùng vẫy quanh đầu anh, sóng nước như một đám người thô bỉ đang nhổ vào mặt anh, nhiều ngõ ngách mập mờ như đang nuốt anh mất nửa người; mỗi lần anh dấn xuống sâu, anh lại hé thấy những vực thẳm tối om; bao nhiêu rong rêu xa lạ tóm lấy anh, quấn chân anh, và lôi anh về với nó; anh có cảm giác như mình cũng hóa thành vực sâu, cũng là bèo bọt; sóng biển chuyền nhau dồi dập anh, anh hớp lấy đắng cay, đại dương hèn nhát ra sức dìm anh, mênh mông đang đùa với cơn hấp hối của anh. Hình như tất thẩy sóng nước là hằn thù!

Tuy vậy, anh vẫn vùng vẫy, cố thử tự vệ, cố thử đứng vững, cố lên hết sức để bơi. Nhưng anh, anh chỉ là một sức lực đáng thương trong chốc lát đã kiệt quệ, mà lại dám đương đầu với cái bất tận.

Chiếc tàu ở đâu rồi? Đằng kia, mờ mờ trong bóng tối nhàn nhạt ở chân trời.

Từng cơn gió to nổi lên; tất cả các thứ bọt bèo dập xuống người anh. Anh ngước mắt lên và chỉ thấy mây mù ảm đạm. Đang hấp hối, anh lại chứng kiến biển cả lên cơn điên dại. Anh như bị cơn điên kia xử nhục hình. Văng vẳng bên tai anh những tiếng động xa lạ đối với con người, những tiếng động như đến từ bên kia trái đất, từ một cõi ngoài nào đó kinh khủng làm sao.

Trên mây cao có nhiều chim cũng như thường có thiên thần trên những khốn khó của con người,

nhưng chim và thần có thể giúp gì được cho anh? Những thứ đó bay, lượn và ca hát, còn anh, anh rên rỉ sắp lìa đời.

Anh cảm thấy mình như bị liệm trong cả hai thứ vô biên: biển cả và trời cao; biển là mồ, trời là vải liệm.

Đêm đến dần. Anh bơi không biết bao nhiêu giờ rồi, sức anh đã cạn. Con tàu, cái vật xa xôi trên đó có người, đã khuất bóng. Chỉ còn một mình anh trong hố sâu thăm thẳm của hoàng hôn. Anh chìm xuống, anh lấy gân, anh quằn quại, anh nghe thấy dưới chân những đợt sóng cổ quái của vô hình; anh cất tiếng kêu.

Chẳng còn người. Vậy chúa ở đâu?

Anh kêu. Ai cứu tôi! Ai cứu tôi với! Anh kêu mãi.

Chân trời vắng lặng. Trời cao vắng lặng.

Anh van vỉ quãng rộng, sóng nước, rong rêu, ghềnh đá: tất cả đều câm điếc. Anh van xin bão tố, nhưng bão tố vô tình chỉ vâng lệnh vô biên.

Chung quanh anh chỉ còn bóng tối, sương mù, cô quạnh; chỉ còn tiếng sóng vô tình gào thét và mặt nước hung tàn không ngớt nhăn nheo mãi mãi. Trong người anh chỉ còn ghê rợn và mệt mỏi. Dưới chân anh chỉ còn chìm đắm. Không còn chỗ bám víu nữa. Anh nghĩ đến bước phiêu lưu tăm tối của thây ma trong bóng đêm vô hạn. Cái lạnh không bờ làm anh tê dại. Hai bàn tay anh co quắp nắm lại và chỉ vơ được hư không. Gió, mây, bão tố, trăng sao vô dụng! Biết làm

thế nào? Người tuyệt vọng đành buông xuôi, kẻ chán chường đành tìm cái chết, anh mặc cho số phận lôi đi, anh buông tay, và thế là anh mãi mãi đắm chìm trong những hố sâu thảm đạm.

Ôi! Bước đi không gì cản được của xã hội loài người! Giữa đường có bao nhiêu người, bao nhiêu linh hồn bị bỏ rơi! Một đại dương, để đón mọi cái mà luật pháp gạt ra! Không còn một sự cứu vớt nào, đáng sợ làm sao! Chao ôi! Cái chết tinh thần!

Biển cả ở đây là đêm tối cay nghiệt của xã hội, nơi pháp luật vứt bỏ những nạn nhân của mình. Biển cả, đó là sự khốn khổ mênh mông.

Linh hồn, trôi dạt trong vực sâu ấy, có thể trở nên một thây ma. Ai là kẻ làm cho nó sống lại?

IX

LẠI GẶP BẤT CÔNG

Mãn hạn tù, khi nghe bên tai mấy tiếng lạ lùng: *Mày được tự do*! Thật là những phút không ngờ, khó tả, đối với Giăng Vangiăng. Một tia sáng chói lòa, thứ ánh sáng thật sự của người sống đột nhiên chiếu vào tâm hồn anh. Khốn nỗi, chẳng bao lâu tia sáng ấy lại mờ đi. Ban đầu Giăng Vangiăng quả thực đã quáng mắt khi nghĩ mình được tự do. Anh tin tưởng ở một cuộc đời mới. Nhưng anh lại thấy ngay giá trị thứ tự do của kẻ mang tờ giấy thông hành vàng.

Ngay từ phút đầu ấy đã có bao nỗi chua cay! Anh đã nhẩm tính số tiền để dành suốt thời gian ở tù thế

nào cũng phải đến một trăm bảy mươi mốt phơrăng. Phải nói cho đúng là tính như thế anh quên không khấu những ngày chủ nhật và ngày lễ bắt buộc phải nghỉ, mười chín năm tức phải trừ mất đi ngót hai mươi bốn quan. Dù sao, số tiền ấy đã bị khấu đi nhiều khoản thu linh tinh, chỉ còn một trăm linh chín phơrăng mười lăm xu, lúc anh ra tù người ta đem tính trả cho anh.

Anh chẳng hiểu tại sao lại chỉ còn có thế, và đinh ninh là mình bị ngắt ngọn, hay nói toạc ra, bị đánh cắp.

Hôm sau ngày được tha, đến Gơrat, anh thấy trước cửa xưởng cất nước hoa cam người ta đang dỡ những bao hàng to. Anh lại xin làm giúp. Việc đang cần, người ta đồng ý ngay. Anh bắt tay vào việc. Anh thông minh, người khỏe và lanh lợi, lại làm hết sức nên người chủ ra dáng bằng lòng. Một người lính sen đầm đi ngang qua, thấy anh đang làm, để ý, dừng lại hỏi giấy. Xong lại tiếp tục làm việc. Trước đó, anh có hỏi thử đám phu làm như thế tiền công mỗi ngày được bao nhiêu, họ cho anh biết là ba mươi xu. Tối đến, anh đến tìm người chủ xưởng để xin lĩnh tiền công vì hôm sau phải lên đường sớm. Hắn chẳng nói năng gì, xỉa cho anh hai mươi lăm xu. Anh đòi thêm, hắn bảo: *Mày mà được bấy nhiêu là tốt quá rồi!* Anh nài nữa. Hắn lườm và bảo: *Liệu không lại vào nhà đá!*

Một lần nữa, anh cho mình đã bị đánh cắp.

Xã hội, nhà nước, bớt tiền để dành của anh là ăn cắp mẻ to. Bây giờ đến lượt cá nhân ăn cắp của anh từng mẻ nhỏ.

Phóng thích chưa phải là giải thoát, và ra tù chứ không ra khỏi hình phạt.

Đó, ở Gơrat, anh đã gặp câu chuyện như thế. Còn đến Đinhơ người ta đối xử với anh như thế nào, chúng ta đã biết.

X
THỨC DẬY

Chuông đồng hồ nhà thờ đánh hai giờ, Giăng Vangiăng thức giấc dậy.

Cái giường êm quá đã làm anh tỉnh dậy. Đã gần hai mươi năm anh không hề được nằm giường, nên, tuy không thay quần áo, cái cảm giác cũng quá lạ làm anh không ngủ yên được.

Anh đã ngủ quên được hơn bốn tiếng đồng hồ. Bao nhiêu mệt mỏi như đã trút sạch. Vả anh cũng quen chẳng nghỉ ngơi nhiều.

Anh mở mắt, nhìn một lúc lâu trong bóng tối quanh mình rồi nhắm mắt ngủ lại.

Ban ngày cảm xúc miên man, tâm trí nhiều điều lo nghĩ, đến đêm ngủ thiếp đi thì dễ dàng, chứ đã thức giấc thì khó mà ngủ lại được. Giăng Vangiăng đêm ấy có thế thật. Anh không sao nhắm mắt trở lại được, đâm ra nghĩ vơ vẩn.

Đầu óc anh như mờ mịt, rối bời, ý nghĩ qua lại chằng chịt. Chuyện xa, chuyện gần đều như lềnh bềnh lộn xộn, giao nhau, lẫn lộn với nhau, khi thì mờ nhạt khi thì hiện lên to, rồi bỗng nhiên vụt biến đi như chìm xuống dưới làn nước bùn đang xáo động. Nhiều ý nghĩ hiện ra, nhưng chỉ có một ý thường xuyên quấn quít trong óc anh, lấn át tất cả: Anh nghĩ về bộ đồ ăn bằng bạc và chiếc môi to tướng bà Magoloa bày trên bàn ăn, nó đã làm cho anh để ý lúc đầu hôm.

Bộ đồ bạc ấy như ám ảnh anh. Nó ở ngay kia thôi, cách có mấy bước. Lúc từ buồng bên sang đây, anh thấy bà ở già cất nó vào chỗ ô ở đầu giường. Anh đã chú ý đến chỗ ô tường đó. Ngay phía bên phải chỗ cửa từ buồng ăn sang. Bộ đồ bạc, rõ là bằng bạc ròng. Mà lại là bạc cũ. Kể cả chiếc môi, có thể bán ít ra là vài trăm phơrăng. Gấp đôi món tiền anh làm trong mười chín năm trời. Thật ra thì anh có thể kiếm được nhiều hơn thế nếu nhà nước không ăn cắp của anh.

Anh nghĩ tới nghĩ lui, giằng co suốt giờ. Cũng có chút ít do dự và tranh đấu bản thân. Bỗng đồng hồ đổ ba tiếng. Anh mở choàng mắt, ngồi nhổm dậy, với tay sờ cái ba lô quẳng trong xó, rồi thả hai chân xuống đất, ngồi nhổm lên giường lúc nào không biết. Anh ngồi yên như thế một lúc lâu, trong trí suy nghĩ vẩn vơ. Ai thấy anh bấy giờ một mình ngồi thức trong đêm tối khi cả nhà ngủ yên, chắc phải lấy làm ghê rợn. Bỗng anh cúi xuống, tháo giầy đặt nhẹ lên giường, rồi lại ngồi thừ ra nghĩ ngợi.

Việc xấu xa ấy lại bắt anh suy nghĩ miên man. Bao nhiêu ý nghĩ đã nói trên kia lại xáo trộn cả tâm trí, khi ẩn, khi hiện, như đắn đo, cân nhắc. Và rồi

chẳng biết vì sao, hình ảnh thằng Brêvơ, một bạn tù anh đã biết ở nhà lao với cái quần có độc một dây treo đan bằng sợi, lại đến với anh, lần khân một cách vô cớ như lệ thường khi người ta mơ màng. Hình ảnh các ô vuông trên cái dây treo quần ấy cứ lởn vởn mãi trong óc.

Không có đồng hồ gõ một tiếng báo khắc hay báo nửa giờ gì đó, có lẽ anh sẽ ngồi mãi như thế cho đến sáng. Hình như tiếng chuông ấy thúc giục: Cương quyết đi!

Anh đứng dậy, ngần ngại một lát và nghe ngóng: trong nhà im phăng phắc. Anh rón rén bước lại chỗ cửa sổ anh thoáng thấy hé mở. Trời không tối lắm. Từng đám mây lớn bay theo gió trên không, lúc che, lúc để lộ vừng trăng rằm. Cảnh vật bên ngoài lúc sáng lúc tối; còn trong nhà thì như một thứ hoàng hôn. Ánh hoàng hôn ấy không đều do mây lúc ẩn lúc hiện, nhưng cũng đủ để nhận được lối đi. Nó giống như thứ ánh sáng tờ mờ ở trong một cái hầm mà trước cửa thông hơi có người qua lại. Ra đến cửa sổ, Giăng Vangiăng chú ý nhận xét. Cửa không chấn song, quay ra vườn và theo thói quen ở địa phương, chỉ cài cái then nhỏ. Anh mở ra, nhưng vì một luồng khí lạnh ùa vào trong phòng, anh vội đóng lại ngay. Anh nhìn ra vườn bằng cặp mắt xem xét hơn là nhìn ngó. Quanh vườn, một bức tường thấp quét vôi trắng trèo qua rất dễ. Bên kia tường, trông rõ những ngọn cây cách khoảng đều nhau. Rõ ràng bên này là vườn, còn bên kia là đường phố hoặc một ngõ con có trồng cây.

Nhìn xong, anh quả quyết bước lại chỗ giường nằm, xách ba lô lên, mở ra, móc lấy ra một vật gì để lên giường, nhét đôi giầy vào túi, buộc ba lô lại đeo lên vai, chụp cái mũ lưỡi trai lên đầu và kéo sụp xuống tận mắt. Anh lần mò tìm cây gậy đem dựng ở cạnh cửa sổ rồi trở lại chỗ giường nằm nhặt lấy cái vật kia; một cái gì giống như một thanh sắt ngắn, một đầu vạt nhọn như cái cọc.

Trong tối không làm sao nhận được thanh sắt ấy rèn ra để làm gì. Một cái đòn bẩy chăng? Hay là một cái dùi cui?

Ra ngoài sáng thì có thể nhận rõ đó chỉ là cái chân đèn của phu mỏ. Thời ấy, thỉnh thoảng người ta sai tù phạm đi lấy đá trên các quả đồi cao quanh Tulông, nên họ cũng thường có trong tay những dụng cụ phu mỏ. Cái chân đèn đúc bằng sắt đặc, đầu dưới nhọn để có thể đóng vào đá được.

Tay phải cầm thanh sắt, anh nín thở, rón rén đi ra phía cửa phòng ngủ ông giám mục bên cạnh. Cửa mở hé. Ông giám mục lúc đi ngủ đã không khóa cửa.

XI

HÀNH ĐỘNG

Giăng Vangiăng nghe ngóng. Yên lặng như tờ.

Anh lấy đầu ngón tay đẩy khẽ cánh cửa, nhẹ nhàng, lén lút và ngại ngùng như con mèo muốn tìm lối vào. Cánh cửa êm ái và lặng lẽ hé rộng thêm một tí.

Chờ một lát, anh lại đẩy thêm cái nữa, lần này mạnh tay hơn.

Cửa lại lặng lẽ mở rộng thêm, đủ cho anh lách mình qua. Nhưng gần đó lại có cái bàn con chìa ra làm vướng lối đi.

Giăng Vangiăng thấy khó khăn. Phải cố làm cho cửa mở rộng hơn nữa.

Anh quả quyết, đẩy cánh cửa lần nữa mạnh hơn hai lần trước. Chiếc bản lề khô dầu tự nhiên kẹt lên một tiếng dài trong đêm tối.

Giăng Vangiặng giật nẩy mình. Tiếng kẹt cửa vang vào tai anh nghe to và ghê rợn như tiếng kèn hiệu lệnh ngày phán xét cuối cùng.

Trong phút đầu tiên ấy mọi sự đều phóng đại một cách kỳ quái; anh tưởng chừng như chiếc bản lề vừa tỉnh dậy và đột nhiên do một sức sống đáng sợ, đang sủa lên như chó để báo có trộm và đánh thức mọi người.

Anh đứng sững lại, run rẩy, hoảng hốt, bàn chân đang nhón bỗng xịu xuống đất. Mạch máu hai bên thái dương giật như búa bổ, ngực thở phì phò như tiếng gió lùa trong hang núi. Anh đinh ninh thế nào tiếng rít ghê gớm của cái bản lề giận dữ ấy cũng sẽ làm rung chuyển cả nhà cửa như một trận động đất: cánh cửa bị đẩy đã kêu lên để báo động; ông già sắp trở dậy, hai bà già sắp hô hoán lên, xóm giềng sẽ đến tiếp cứu; chỉ mươi mười lăm phút, cả thành phố sẽ náo động, cảnh sát sẽ được huy động. Trong giây lát, anh thấy mình nguy đến nơi.

Anh đứng trơ ra như pho tượng, không dám cử động.

Mấy phút trôi qua. Cánh cửa đã mở toang ra rồi. Anh liều nhìn vào trong phòng. Vẫn yên lặng cả. Anh

lắng tai nghe. Không có tiếng cựa quậy. Tiếng kẹt cửa không làm ai thức giấc cả.

Cơn nguy hiểm đầu tiên đã qua, trong lòng anh còn hồi hộp lạ thường. Nhưng anh không lùi. Ngay những lúc nguy ngập nhất, anh có bao giờ chịu lùi đâu. Anh chỉ tính làm thế nào cho chóng xong. Anh tiến lên một bước, vào hẳn trong phòng.

Trong phòng im lặng như tờ. Chỉ thấy rải rác chỗ này chỗ kia những hình lờ mờ không rõ. Ban ngày thì rõ đó là mớ giấy tờ bày la liệt trên bàn, những pho sách lớn mở rộng, những chồng sách dày xếp trên chiếc ghế đẩu, chiếc ghế bành chất đầy quần áo, chiếc ghế nguyện, nhưng lúc này chỉ thấy toàn là những khoảng tối tối và những chỗ trăng trắng. Giăng Vangiăng lần từng bước một, giữ gìn để khỏi đụng vào đồ đạc. Anh nghe rõ hơi thở đều đặn và bình thản của ông giám mục đang ngủ ở cuối phòng.

Bỗng anh dừng lại. Không ngờ anh đã đến sát cạnh giường nhanh đến thế.

Nhiều khi tạo hóa khéo đem những hiện tượng và cảnh tượng thiên nhiên xen vào công việc của người đời rất đúng lúc, như hiểu biết ý người một cách thâm trầm và như có ý muốn làm cho người ta phải suy nghĩ. Đã nửa giờ nay, một đám mây to che khắp trời. Vừa lúc Giăng Vangiăng đến trước giường, đám mây như có dụng ý trước, bỗng hé ra một quãng trống. Ánh trăng xuyên qua cửa sổ, đột nhiên chiếu thẳng vào khuôn mặt trắng của ông giám mục. Ông đang ngủ yên giấc. Đêm ở miền núi trời lạnh nên cả người ông gần như quấn trong chiếc áo len màu nâu dài tay. Đầu ông ngửa trên gối với một dáng điệu nghỉ ngơi thoải mái. Bàn tay có chiếc nhẫn, cái bàn tay phúc đức ấy, lại bỏ

thõng ra ngòai. Vẻ mặt có cái gì khoan khoái, tin tưởng và vui đạo làm cho sáng hẳn lên. Trông vào thấy có cái gì tươi hơn một nụ cười, gần như là một vẻ vui thích rạng rỡ. Vừng trán lại như phản chiếu một thứ ánh sáng vô hình khó tả. Rõ ràng là linh hồn người chính trực trong giấc ngủ được chiêm ngưỡng một cảnh trời huyền bí.

Một tia sáng của cảnh trời ấy hiện ra ở nét mặt ông giám mục.

Tia sáng ấy đồng thời cũng là hào quang tỏa từ trong người ông ra chính vì cảnh trời ấy là ở lòng ông, nó là lương tâm của ông.

Lúc ánh trăng như hòa hợp với thứ ánh sáng bên trong ấy, tòan thân ông giám mục đang ngủ yên vụt hiện ra như trong một vùng hào quang. Không chói sáng nhưng mờ mờ, êm dịu vô cùng. Vừng trăng trên cao, cảnh vật im nghỉ, khu vườn không một rung động, ngôi nhà yên tĩnh, lại vào giờ ấy, lúc ấy, sự tĩnh mịch ấy, tất cả đều như thêm vào giấc ngủ đáng tôn kính của vị hiền triết kia một cái gì trang nghiêm khó nói, và làm cho mớ tóc bạc phơ, đôi mắt nhắm nghiền, khuôn mặt tràn đầy hy vọng và tin yêu, cả cái đầu của bậc già nua đang ngủ giấc ngủ yên lành của trẻ con, như rực lên trong một vòng ánh sáng uy nghi và trong suốt.

Trong con người ông quả như có cái uy nghi của thần linh mà chính ông không biết.

Giăng Vangiăng vẫn đứng trong bóng tối, tay cầm chiếc chân đèn sắt, sững sờ, bàng hoàng trước cảnh ông già sáng rỡ ấy. Chưa bao giờ anh trông thấy một

con người như thế. Nét mặt tin cậy ấy làm anh khiếp sợ. Với tâm trạng bối rối và lo sợ, sắp sa ngã vào một hành động tội lỗi, anh lại chiêm ngưỡng giấc ngủ của một bậc chính nhân, tưởng trong thế giới tinh thần, chưa có cảnh tượng nào lớn lao bằng!

Giữa nơi thanh vắng và bên cạnh một kẻ như anh, giấc ngủ ấy có cái gì cao cả, anh chưa hiểu rõ được, nhưng cảm thấy một cách mãnh liệt.

Không ai biết được tâm trạng anh lúc đó như thế nào. Cả anh cũng vậy. Phải tưởng tượng một cái gì phũ phàng nhất đối lại với một cái gì dịu dàng nhất, mới hình dung được tâm trạng ấy. Nhìn vào nét mặt anh thì không nhận thấy gì có thể nói chắc được. Một thứ kinh ngạc lơ láo. Anh đứng sững mà nhìn, thế thôi. Nhưng anh đương nghĩ gì? Khó mà đoán ra được. Điều chắc chắn là anh xúc động và hốt hoảng. Nhưng thứ cảm xúc ấy bản chất là cảm xúc gì?

Mắt anh không rời hình ảnh ông giám mục già. Cử chỉ và nét mặt để lộ rõ một sự rụt rè lạ lùng. Có thể nói là anh đang lưỡng lự trước hai vực thẳm, một nơi làm người ta sa ngã và một nơi giúp người ta thoát nạn. Hình như anh đương sẵn sàng hoặc đập vỡ sọ ông già hoặc ôm lấy tay mà hôn.

Một lúc sau, anh từ từ giơ tay trái lên ngang trán và giở mũ ra, rồi lại bỏ cánh tay xuống. Anh lại đứng yên, tay trái cầm mũ, tay phải cầm dùi cui, tóc lởm chởm dựng ngược trên cái đầu dữ tợn, mắt ngắm sững ông già.

Ông giám mục vẫn cứ ngủ thiêm thiếp trước cái nhìn đáng sợ ấy. Ánh trăng soi mờ mờ lên cây thánh giá trên lò sưởi. Người ta có cảm giác như tượng Chúa đang dang tay đón lấy cả hai người, để ban phúc cho người này và xá tội cho kẻ kia.

Bỗng Giăng Vangiăng chụp mũ lên đầu, rảo bước lần theo cạnh giường, không nhìn ông giám mục, đến thẳng chỗ ô tường mờ mờ ở đầu kia; anh giơ cái chân đèn sắt lên để nạy khóa; thìa khóa cắm ngay trong ổ; anh mở ra, thấy ngay cái giỏ đựng bộ đồ bạc; anh bê ra, bước vội qua phòng, chẳng cần giữ gìn, không sợ tiếng động, lách ra khỏi cửa, trở về phòng nguyện; mở cửa sổ, vớ lấy cây gậy, trèo qua bậc cửa, bỏ bộ đồ bạc vào ba lô, vứt cái giỏ đi, chạy qua vườn, vượt qua tường như con cọp, rồi cắm đầu chạy.

XII
ÔNG GIÁM MỤC LÀM VIỆC

Sáng hôm sau, mặt trời vừa mọc, ông giám mục đã ra đi bách bộ ngoài vườn. Bà Magoloa hớt hải chạy đến:

- Đức cha, thưa Đức cha, Đức cha có biết cái giỏ đồ bạc ở đâu không?

- Có.

- Lạy chúa! May quá! Con đang không biết nó chạy đi đâu.

Ông giám mục vừa nhận được cái giỏ ở trên luống hoa. Ông đưa cho bà.

- Giỏ đây.

- Ô hay! -bà Magoloa kêu- Cái giỏ không! Thế còn bộ đồ bạc?

- À, ra bà tìm bộ đồ bạc à? Thế thì tôi không biết.

- Trời đất ơi! Bị mất trộm hết rồi! Chính cái thằng tối hôm qua nó lấy rồi!

Và thoáng một cái, bà chạy vụt vào phòng nguyện, đến chỗ giường khách, rồi đảo trở ra. Ông giám mục đang cúi xuống bồn hoa nhìn mấy cây hoa bị cái giỏ quăng phải đè gẫy. Nghe tiếng bà Magoloa kêu, ông ngẩng người lên.

- Thưa Đức cha, nó đi rồi! Đồ bạc bị mất trộm rồi!

Vừa kêu lên như thế, bà lại nhìn thấy ở góc vườn có vết người mới trèo qua tường làm lở cả bờ vôi.

- Đây này! Nó trèo qua lối này đây. Nó nhảy ra lối phố Cơsophilê! À, quân khốn kiếp! Nó lấy trộm bộ đồ bạc của nhà ta rồi còn gì.

Ông giám mục yên lặng một lát, ngẩng nhìn bà Magoloa một cách nghiêm trang và ôn tồn bảo:

- Nhưng này, bộ đồ bạc ấy có phải là của nhà ta không đã?

Bà Magoloa ngẩn người ra. Hai người đứng lặng yên một lát, ông giám mục lại nói tiếp:

- Bà Magoloa này, lâu nay ta cứ giữ mãi bộ đồ bạc ấy là sai đấy. Nó là của kẻ khó. Mà người ấy là hạng người nào? Chính là một kẻ khó mà.

- Chao ôi! Lạy Chúa! Tôi với cô Baptistin thì nói làm gì. Chúng tôi thế nào cũng xong. Nhưng còn Đức cha: từ nay thì Đức cha ăn bằng gì?

Ông giám mục nhìn bà, dáng ngạc nhiên:

- Ô hay! Thế không có thìa nĩa thiếc à?

Bà Magơloa so vai:

- Thiếc ăn có mùi tanh.

- Thế thì dùng đồ sắt.

Bà Magơloa nhăn mặt lại:

- Sắt có vị han.

- Nếu thế thì dùng đồ gỗ vậy.

Một lúc sau, ông ăn sáng ở ngay cái bàn chỗ Giăng Vangiăng ngồi hôm trước. Vừa ăn, ông vừa vui vẻ nói chuyện. Cô em trầm tĩnh ngồi nghe và bà Magơloa thì lẩm bẩm càu nhàu một mình. Ông bảo: Chấm miếng bánh vào sữa thì cần gì phải thìa nĩa, dù là bằng gỗ đi nữa.

Bà Magơloa vừa đi đi lại lại vừa lẩm bẩm:

- Đời thuở nhà ai lại đi tiếp rước một thằng như thế vào nhà bao giờ! Lại còn cho nó nằm ngay bên cạnh phòng mình. Phúc đức làm sao mà nó lại chỉ mới có lấy của mà thôi! Trời ơi là trời! Cứ nghĩ đến mà rùng mình!

Hai anh em ăn xong sắp đứng dậy thì có người gõ cửa. Ông giám mục bảo:

- Cứ vào.

Cửa mở. Một tốp người kỳ quặc hùng hổ kéo nhau vào. Ba người túm cổ một người. Ba người ấy là lính sen đầm; người kia là Giăng Vangiăng.

Một người đội, ý chừng chỉ huy cả bọn, đứng gần ở cửa. Y bước vào, tiến đến gần ông giám mục, giơ tay chào:

- Bẩm Đức cha...

Nghe thấy thế, Giăng Vangiăng đương lầm lì và có vẻ thất vọng, ngẩng lên nhìn, kinh hoàng. Anh lẩm bẩm:

- Đức cha à? Vậy ra không phải là ông cụ xứ...

Một tên lính quát:

- Im! Đây là Đức giám mục.

Lúc ấy, ông giám mục mặc dầu cao tuổi cũng cố bước nhanh tới bên anh. Ông nhìn vào Giăng Vangiăng:

- A, anh đấy à! Thấy anh tôi mừng làm sao! Nhưng mà này, tôi còn cho anh cả đôi chân đèn nữa kia mà, cũng bằng bạc đấy, có thể bán được hai trăm phơrăng. Sao anh lại không mang cả đi một thể với bộ đồ ăn?

Giăng Vangiăng giương mắt nhìn con người đáng kính ấy. Vẻ mặt anh bây giờ tưởng không còn ngôn ngữ nào có thể tả rõ được. Viên đội nói:

- Bẩm Đức cha, hóa ra tên này nó nói thật? Chúng tôi gặp nó đang đi như có ý chạy trốn. Chúng tôi bắt giữ lại để khám thì thấy có bộ đồ bạc này...

Ông giám mục cười, ngắt lời y:

- Và anh ấy nói rằng đêm hôm qua anh ấy ngủ ở nhà một ông cố đạo già và ông ấy đã cho anh chứ gì? Tôi đoán ra thế. Rồi các ông giải anh ta đến đây phải không? Lầm rồi.

- Nếu vậy, chúng tôi có thể tha cho hắn đi chứ?

- Hẳn rồi.

Bọn lính buông Giăng Vangiăng ra. Anh lùi lại ngơ ngác như người mơ ngủ, lắp bắp nói không ra tiếng:

- Tha cho tôi thật à?

Một người lính nói:

- Phải, tha cho mày đấy, mày không nghe thấy à?

Ông giám mục lại nói:

- Này, anh cầm nốt hai cây chân đèn rồi hãy đi nhé! Đèn đây.

Ông đến chỗ lò sưởi, lấy hai cây đèn và đem lại cho Giăng Vangiăng. Hai người đàn bà lặng yên đứng nhìn không nói không rằng, không có một cử chỉ nào muốn ngăn trở ông giám mục.

Giăng Vangiăng run bần bật. Như cái máy, anh giơ tay cầm lấy đôi đèn, mặt mày ngơ ngác. Ông giám mục nói:

- Thôi, chúc anh lên đường bình yên. Nhân thể, lần sau anh có trở lại đây, nhớ không cần phải qua phía vườn. Cứ cửa lối ra phố mà đi. Ngày đêm lúc nào ra vào cũng được, cửa chỉ cài có cái then thôi.

Rồi ông quay về phía bọn cảnh sát:

- Thôi, các ông có thể về được rồi.

Bọn lính đi ra.

Giăng Vangiăng như người sắp ngất.

Ông giám mục lại gần, khẽ bảo:

- Đừng quên, đừng bao giờ quên rằng anh đã hứa với ta sẽ dùng chỗ tiền này để trở thành con người lương thiện nhé.

Giăng Vangiăng không nhớ có hứa với ông giám mục điều gì hay không. Anh cứ đứng ngây người ra. Ông giám mục đã nhấn mạnh vào câu mình nói. Bây giờ bằng một giọng thật trang nghiêm, ông lại nói thêm:

- Giăng Vangiăng, người anh em của tôi ơi, từ nay anh không còn là kẻ ác nữa, anh thuộc về phía người lương thiện rồi. Linh hồn của anh, ta đã mua đây, ta đem nó ra khỏi cõi hắc ám, ra khỏi tư tưởng sa ngã, ta đem dâng nó cho Chúa.

XIII
BÉ GIECVE

Giăng Vangiăng vội vàng rời bỏ Đinhơ như một tên tù sổng. Anh đi về phía cánh đồng, gặp đường ngang ngõ tắt nào cũng đi bừa theo, không biết có lúc đã lộn trở lại con đường vừa mới đi qua. Anh cứ lang thang như thế suốt cả buổi mai, chẳng ăn uống gì mà cũng không thấy đói. Nhiều cảm xúc mới làm anh xao xuyến cả tâm hồn. Anh thấy mình bực tức vô cùng, chẳng biết là giận ai. Anh cũng không hiểu là mình xúc động hay là hổ thẹn. Có lúc anh thấy lòng mình dịu xuống một cách kỳ lạ và cố chống lại bằng cách nghĩ đến hai mươi năm bị đày ải để cho lòng lại rắn lên. Tâm trạng ấy làm cho anh mệt nhọc. Anh lo lắng thấy cái bình tĩnh mà cảnh tù tội bất công đã đem lại cho tâm hồn anh lâu nay, cái bình tĩnh ghê sợ ấy đến nay đã bị lay chuyển. Anh tự hỏi rồi đây cái gì sẽ thay vào đấy? Có lúc nghĩ, giá cứ nằm trong tù với bọn cảnh sát lại hóa hay chứ không thích sự việc lại xảy ra như thế. Tuy tiết trời đã về thu, song ở các hàng rào vẫn còn lác đác đôi ba bông hoa nở chậm, thoang thoảng hương thơm, khiến lúc đi

ngang qua, anh lại nhớ đến những ngày thơ ấu. Các kỷ niệm xa xưa ấy làm anh rất khó chịu vì đã lâu lắm anh không hề nhớ tới nữa.

Suốt cả ngày hôm ấy, những ý nghĩ miên man, khó tả như vậy cứ chồng chất mãi trong đầu óc anh.

Mặt trời sắp lặn. Bóng mỗi hòn sỏi nhỏ cũng in dài trên mặt đường. Giăng Vangiăng ngồi sau một bụi cây, giữa cánh đồng rộng màu hung, bốn bề vắng ngắt. Đằng xa về phía chân trời chỉ trơ trọi có dãy núi Anpơ. Tuyệt nhiên chẳng thấy gác chuông nào của một làng ở xa. Anh đã đi khỏi Đinhơ có đến ba dặm. Một con đường xuyên qua cánh đồng đi ngang sát bên bụi cây. Vẻ mặt trầm ngâm làm cho bộ áo quần tả tơi của anh thêm ghê rợn, ai trông thấy cũng phải khiếp. Giữa lúc ấy có tiếng nói cười vui vẻ vang đến.

Anh quay đầu nhìn ra phía đường. Một thằng bé mười tuổi, người sứ Savoa, vừa đi vừa hát, bên sườn lủng lẳng chiếc đàn con và sau lưng đeo cái hòm gỗ nhỏ. Những đứa trẻ rách rưới nhưng hiền lành và vui tính như thế người ta thấy lang thang kiếm ăn từ vùng này đến vùng khác là thường.

Thằng bé hát luôn miệng, thỉnh thoảng lại dừng lại, tung mấy đồng tiền trong tay lên chơi chuyền. Trong số tiền, có lẽ tất cả vốn liếng của thằng bé, có một đồng hào bốn mươi xu.

Nó đứng lại bên bụi cây, nhưng mải chơi chuyền, không trông thấy Giăng Vangiăng. Mọi lần nó khéo bắt trên mu bàn tay không để một đồng nào rơi, nhưng lần này đồng hào bốn mươi xu nẩy ra ngoài và lăn vào bụi cây đến tận chỗ Giăng Vangiăng ngồi.

Giăng Vangiăng đặt chân lên trên.

Nhưng thằng bé nhìn theo đồng tiền lăn, đã trông thấy. Nó không tỏ vẻ gì ngạc nhiên, đến thẳng chỗ anh ngồi. Bốn bề cảnh vật thật là hoang vắng. Nhìn xa đến chân trời cũng không thấy bóng người trên cánh đồng hay trên con đường nhỏ. Chỉ văng vẳng có tiếng một đàn chim đang bay ngang trời cao tít.

Thằng bé quay lưng lại phía mặt trời. Ánh nắng chiều gieo từng sợi vàng lên mái tóc và phủ lên khuôn mặt dữ tợn của Giăng Vangiăng một màu đỏ bầm như máu. Với vẻ tin cậy của một đứa trẻ thật thà và ngây thơ, thằng bé kêu lên:

- Ông ơi! Đồng hào của tôi đâu?

Giăng Vangiăng hỏi lại nó:

- Mày tên gì?

- Thưa ông, tôi là Bé Giecve.

- Cút đi!

- Ông trả tôi đồng hào đã.

Giăng Vangiăng cúi đầu không nói gì. Thằng bé lại đòi:

- Đồng hào của tôi, ông!

Giăng Vangiăng vẫn cúi nhìn xuống đất. Thằng bé lại kêu:

- Đồng hào của tôi! Đồng hào trắng của tôi đâu? Trả tiền của tôi lại cho tôi.

Giăng Vangiăng vẫn lặng thinh như không nghe thấy. Thằng bé nắm lấy cổ áo anh lay mạnh. Đồng

thời nó cố hết sức đẩy cái chân đi giầy đinh đang giẫm lên đồng hào của nó.

- Trả tiền tôi đây! Trả đồng hào bốn mươi xu của tôi cho tôi! -Thằng bé vừa đòi vừa khóc. Giăng Vangiăng ngẩng đầu lên nhưng vẫn ngồi. Đôi mắt anh đục ngầu. Anh nhìn chằm chằm thằng bé, ra vẻ ngạc nhiên lắm, rồi giơ tay vớ lấy cây gậy, miệng thét to:

- Đứa nào đấy?

- Tôi đây, ông ơi! Bé Giecve đây. Tôi, tôi đây! Xin ông trả tôi đồng hào bốn mươi xu. Xin ông nhấc bàn chân lên cho!

Tuy nhỏ xíu, thằng bé cũng phát cáu lên gần như muốn nạt nộ:

- Thế nào ! Ông có bỏ chân ra không ? Bỏ chân ra đi!

- A, vẫn mày à?

Giăng Vangiăng vùng đứng thẳng dậy, chân vẫn giẫm lên đồng hào:

- Mày có xéo đi không?

Thằng bé sợ hãi, giương mắt nhìn, bỗng cả người nó phát run lên. Nó ngơ ngác một lúc rồi ba chân bốn cẳng bỏ chạy, không dám quay cổ lại, không dám kêu lên lấy một tiếng.

Chạy được một quãng xa, thằng bé hết hơi phải dừng lại. Giăng Vangiăng trong cơn mơ màng nghe thấy tiếng nó nức nở khóc.

Một lúc sau thằng bé mất hút.

Mặt trời đã lặn.

Bóng tối bao trùm chung quanh Giăng Vangiăng. Cả ngày hôm ấy anh chưa ăn uống gì. Chắc anh đương lên cơn sốt.

Từ lúc thằng bé bỏ chạy, anh vẫn đứng ngây người, không cử động. Ngực anh phập phồng, hơi thở dài và không đều. Mắt trân trân nhìn xuống đám cỏ cách mươi bước, hình như chú ý nhận xét và ngấm nghía hình thù miếng mẻ sành màu lam rơi trong đó.

Bỗng anh rùng mình: hơi lạnh hoàng hôn bắt đầu thấm vào người.

Anh kéo sát mũ xuống trán, thờ thẫn khép hai vạt áo ngoài và cài cúc lại, bước lên một bước và cúi nhặt cây gậy dưới đất.

Lúc ấy, anh chợt trông thấy đồng hào bị gót giày gần vùi xuống đất đang lấp lánh trong cát sỏi.

Trong người như bị điện giật. Anh lẩm bẩm trong miệng:

- Cái gì thế này?

Anh lùi lại ba bước, rồi đứng sững lại, mắt không rời khỏi chỗ vừa mới giẫm chân xuống, tưởng chừng như cái vật lấp lánh trong bóng tối kia là một con mắt đang nhìn mình chòng chọc.

Mấy phút sau, anh run rẩy nhảy đến chỗ đồng tiền, cầm lên, đứng dậy rồi đưa mắt ra tận đằng xa, nhìn quanh cánh đồng một vòng. Cả người anh run rẩy như con thú dữ sợ hãi đương tìm chỗ ẩn.

Nhìn mãi chẳng thấy gì. Trời đã tối. Cánh đồng lạnh lẽo và lờ mờ. Từng đám sương mù tim tím bốc lên trong ánh hoàng hôn.

Anh "à" một tiếng rồi rảo bước đi về phía thằng bé bỏ chạy. Đi độ trăm bước anh đứng lại nhìn. Vẫn không thấy gì hết.

Anh bèn gọi thật to:

- Bé Giecve! Bé Giecve.

Gọi xong anh đứng yên chờ. Không thấy ai thưa cả.

Cánh đồng vắng ngắt và quạnh hiu. Chung quanh là quãng trống mịt mù. Chỉ có bóng tối, mắt nhìn chẳng thấy gì. Bốn bề yên lặng, tiếng gọi tan vào thinh không.

Cơn gió lạnh lẽo thổi làm cho cảnh vật thêm thê lương. Những cành cây trụi lá in hình những cánh tay gầy guộc vung vẩy cuống cuồng như muốn dọa nạt đuổi bắt ai.

Anh lại đi, rồi vùng chạy, thỉnh thoảng đứng lại, gọi thét lên trong khoảng vắng, nghe kinh khủng, thảm thiết lạ lùng:

- Bé Giecve! Bé Giecve!

Nếu thực thằng bé có nghe thấy tiếng gọi như thế, nó cũng hết vía, chẳng dám thò mặt ra, nhưng chắc chắn là nó đã đi xa rồi.

Gặp một ông cố đạo cưỡi ngựa đi qua, anh chạy theo hỏi:

- Cụ xứ ơi! Cụ có thấy thằng bé nào đi qua đây không?

- Không.

- Một thằng nhỏ tên là Bé Giecve mà?

- Tôi không gặp ai hết.

Anh móc trong bọc ra hai đồng năm phơrăng đưa cho ông:

- Thưa cụ, cụ cầm món này để giúp kẻ khó. Cụ ạ, thằng bé ấy độ mười tuổi, hình như lưng có đeo chiếc hòm gỗ và cây đàn. Nó đi khắp nơi. Một thằng bé đi rong làm mướn ấy mà. Cụ biết chứ?

- Tôi không thấy thằng bé ấy.

- Thằng Bé Giecve mà? Nó không phải là người làng nào vùng này sao cụ? Cụ bảo hộ cho.

- Như lời anh vừa nói thì thằng bé ở vùng xa đến. Nó đi ngang qua đây thôi. Ai mà biết được.

Giăng Vangiăng hấp tấp móc thêm hai đồng năm phơrăng nữa:

- Để ông làm phúc.

Rồi anh ngơ ngác bảo:

- Cụ linh mục ơi! Tôi là một thằng ăn cướp. Nhờ cụ cho bắt tôi đi.

Ông cố đạo thất kinh, thúc ngựa phóng thẳng.

Giăng Vangiăng lại cứ lối ban nãy cắm đầu chạy. Cứ như thế một thôi dài, vừa nhìn, vừa gọi, vừa kêu, nhưng chẳng thấy một ai. Hai ba phen thấy cái gì như bóng người nằm hay ngồi xổm, anh băng đồng chạy đến. Nhưng đến gần thì chỉ là bụi cây hay tảng đá nổi trên mặt đất. Sau hết, đến một chỗ ngã ba đường, anh đứng lại. Trăng đã lên. Anh đưa mắt nhìn đằng xa và gọi một lần cuối: "Bé Giecve! Bé Giecve! Bé Giecve!" Tiếng gọi chìm vào trong sương mù, không có một tiếng vọng lại. Anh còn phều phào thêm: "Bé Giecve!" Nhưng giọng đã đuối và không rõ

nữa; anh đã kiệt sức. Hai chân bỗng nhiên khuỵu xuống, như cả cái khối nặng tội lỗi vô hình đè giúi lên người. Thể xác rã rời, anh buông mình xuống một tảng đá lớn, hai tay túm lấy tóc, mặt cúi gằm vào giữa hai đầu gối, miệng kêu rú lên:

- Ta là một thằng khốn nạn!

Trái tim như vỡ ra, anh khóc rưng rức. Mười chín năm trời, bây giờ anh mới khóc lần này là lần đầu.

Ở nhà ông giám mục ra, như mọi người đã biết, Giăng Vangiăng thấy mình như xa lạ với tất cả những điều anh suy nghĩ từ trước đến giờ. Anh không hiểu nổi trong anh đã có chuyện gì xảy ra. Anh cố làm cho lòng mình rắn lại để chống chế với cử chỉ thiêng liêng với những lời hiền từ của ông cụ: "Anh đã hứa với ta sẽ trở thành con người lương thiện. Linh hồn của anh, ta mua đây, ta đem nó ra khỏi tư tưởng lầm lỗi, ta đem dâng nó cho Chúa". Những lời ấy chốc chốc lại vang lên bên tai. Để cưỡng lại lòng bao dung vời vợi ấy, anh viện đến lòng tự kiêu, nó như là pháo đài của tội lỗi trong ta. Anh mơ hồ cảm thấy lời tha tội của nhà tu hành như một đợt xung phong dữ dội, một trận tấn công quyết liệt nhất đến bây giờ vẫn còn làm choáng váng; nếu anh cưỡng lại đức độ lượng kia được, thì lòng anh sẽ trơ như gỗ đá suốt đời; còn nếu anh chịu nghe, thì anh phải xua đuổi nỗi căm hờn bao nhiêu kẻ khác đã gieo vào lòng anh trong bấy nhiêu năm, mà anh lại lấy làm thích thú; lần này thì thắng hay bại phải quyết tâm chọn một, bởi vì cuộc giao tranh đã mở ra rồi, một cuộc giao tranh khổng lồ có tính chất quyết định, giữa một

bên là tính độc ác của anh và bên kia là đức nhân từ của ông cụ.

Trước những tia sáng như vậy, anh bước đi như người say rượu, mắt nhìn lơ láo. Anh có nghiệm ra rằng câu chuyện xảy ra ở Đinhơ sẽ đem lại cho anh kết quả gì chăng? Anh có nghe thấy chăng những lời thì thầm bí ẩn như cảnh cáo, như quấy rầy lương tâm người ta những lúc nào đó trong đời? Có ai bảo nhỏ bên tai rằng anh vừa trải qua cái giờ nghiêm trọng nhất của số phận không? Rằng từ nay anh không còn lừng chừng được nữa, hễ không là người tốt nhất thì là người xấu thậm tệ, hoặc anh lên cao hơn cả ông giám mục, hoặc anh rơi xuống thấp hơn cả tên tù khổ sai, rằng nếu muốn trở nên người tốt thì anh phải làm bậc thiên thần, còn nếu muốn khư khư làm kẻ ác thì anh phải làm một con quái vật?

Đến đây lần nữa lại phải đặt lại những câu hỏi chỗ khác đã từng đặt ra. Vậy anh có thu nhận vào tâm trí anh chút gì về tất cả những cái này không, dù chỉ là mơ hồ? Đành rằng, điều này chúng tôi đã nói, khổ quá thì rồi cũng hóa khôn; nhưng anh mà đã có thể lần được những điều chúng tôi vạch ra đây thì hãy còn đáng ngờ lắm. Ví thử các ý nghĩ này có đến với anh thì anh cũng chỉ mới hé thấy thôi, chứ chưa có thể nhìn ra rành rọt được, và như thế nó chỉ được mỗi một việc là làm cho anh bối rối đến nỗi không sao chịu được và gần như là đau đớn. Anh mới vừa ra khỏi cái nơi kỳ quái và đen tối kia mà người ta gọi là nhà tù khổ sai, thì tâm hồn như bị ông giám mục làm cho đau buốt, tựa như cặp mắt vừa ra khỏi bóng đêm phải nhức nhối trước ánh sáng chói lòa. Cuộc sống

mai sau, cuộc sống có thể được hiện ra trước mắt anh thanh khiết và rực rỡ vô cùng, khiến người anh không thôi rung động và bàng hoàng. Nói thật, anh cũng không hiểu anh đang ra làm sao. Chẳng khác gì con cú đột nhiên nhìn thấy mặt trời, người trong tù là anh cũng lóa mắt như mù trước ánh sáng của đạo đức.

Điều chắc chắn, mà anh không ngờ tới là anh không còn như trước, trong người anh hết thảy đã thay đổi, và dù sao ông giám mục cũng đã chuyện trò với anh, cũng đã làm anh xúc động, anh có muốn cũng không xóa điều đó được.

Tâm trí anh đang ở vào tình trạng như thế thì anh gặp Bé Giecve và cướp của nó đồng bốn mươi xu. Sao lại thế! Thật anh không giải thích nổi; tác dụng cuối cùng, vùng vẫy sau rốt của những ý nghĩ xấu xa mang từ nhà ngục về chăng? Một chút sức đẩy bên trong còn sót lại, một thứ *quán tính* như người ta thường nói trong tĩnh học chăng? Đúng là thế và có thể tệ hơn thế. Nói ngay không phải là anh đã ăn cướp, không phải con người mà con vật trong anh, vì tập quán, vì bản năng mà làm cái việc ngu xuẩn là đặt bàn chân lên trên hào bạc, trong lúc trí tuệ đang vật vã giữa bao nhiêu ám ảnh mới mẻ, khó tả. Khi trí tuệ sực tỉnh và nhận ra hành động kia của con vật, anh hoảng hốt giật lùi và rú lên ghê sợ.

Quả là một hiện tượng kỳ lạ và chỉ có thể xảy ra trong tình hình bấy giờ. Bởi vì, khi cướp đồng hào kia của đứa bé, anh đã làm một việc mà anh không còn đủ sức làm nữa.

Dù sao đi nữa, hành động xấu xa cuối cùng này cũng có ý nghĩa quyết định đối với anh. Nó đã vụt qua cảnh ngổn ngang trong tâm trí anh, dẹp tan nó đi, rạch ra một bên là những lớp bóng đen dày đặc, một bên là ánh sáng, tác động lên tâm hồn anh trong tình thế bấy giờ, như một chất hóa học tác động vào một dung dịch đục ngầu, làm cho một nhân tố kết tủa và nhân tố kia trong lên.

Trước tiên, chưa kịp có thì giờ suy nghĩ, xem xét lại mình, anh đâm hoảng và như người tìm đường chạy trốn, anh cố sức tìm lại em bé để trả lại cho em đồng hào; cho đến khi thấy cố bao nhiêu cũng vô ích, anh mới dừng lại tuyệt vọng. Và lúc anh kêu lên: ta là một kẻ khốn nạn! Thì đúng là lúc anh vừa nhận ra mình là người thế nào; anh đã xa rời con người cũ của mình đến mức có cảm tưởng mình chỉ là một bóng ma, còn trước mặt mình là tên tù khổ sai Giăng Vangiăng đáng tởm, nó lại bằng xương bằng thịt, tay cầm gậy, mình mặc áo tù, trong xắc chứa đầy các thứ đồ ăn trộm, bộ mặt lầm lì và cả quyết, trong óc đầy những tính toán xấu xa.

Như chúng tôi đã lưu ý, vì cùng khổ quá mà anh dễ sinh ảo tưởng. Vừa rồi cũng như một sự hiển hiện. Rõ ràng là anh nhìn thấy Giăng Vangiăng, nhìn thấy bộ mặt đáng sợ ấy trước mặt. Anh gần như đến lúc tự hỏi mình kẻ đó là ai, và trong lòng lấy làm kinh tởm.

Trí óc anh bấy giờ như đang ở vào một thời khắc dữ dội, nhưng lại yên tĩnh một cách đáng sợ. Anh như chìm sâu vào mơ màng, sự thật cuộc đời đều như tan biến. Không còn thấy những sự vật xung quanh, mà lại thấy hiện ra bên ngoài nhiều dáng hình ở trong đầu óc.

Có thể nói là anh tự ngắm lấy mình, mặt đối mặt. Và ngay lúc ấy, trong cơn ảo giác, anh lại trông thấy từ cõi xa bí ẩn, một thứ ánh sáng mà thoạt tiên anh tưởng là một ngọn đuốc. Nhìn kỹ thêm thứ ánh sáng hiện lên trong lương tâm ấy, anh lại thấy nó có hình người và ngọn đuốc kia là ông giám mục.

Ý thức anh lần lượt nhìn hai con người đứng trước mặt mình, ông giám mục và tên Giăng Vangiăng. Phải có đến lửa thiêng của vị này mới luyện dịu được tên kia. Do tác dụng kỳ lạ của cơn say sưa này, anh càng mơ màng thì trước mắt anh, ông giám mục càng to lên, sáng rỡ, còn Giăng Vangiăng thì bé lại và phai mờ đi. Đến một lúc hắn chỉ còn mơ hồ như cái bóng ma. Đột nhiên hắn biến mất. Chỉ còn một mình ông giám mục.

Tâm hồn con người khốn khổ này, nhờ ông mà tràn trề ánh sáng lộng lẫy.

Giăng Vangiăng khóc lâu lắm. Nước mắt ràn rụa, tiếng khóc nức nở, yếu đuối hơn đàn bà và sợ hãi hơn trẻ con.

Nước mắt tuôn ra, đầu óc dần dần sáng sủa lên, một thứ ánh sáng lạ lùng, vừa rạng rỡ lại vừa kinh khủng. Cuộc đời dĩ vãng, cái tội ăn trộm bánh ngày xưa, cảnh sống tù tội đằng đẵng mấy mươi năm, cái vẻ ngây độn bề ngoài, cõi lòng cứng rắn bên trong, ngày phóng thích thấy vui lên vì bao nhiêu kế hoạch trả thù đã xếp đặt, chuyện xảy ra ở nhà ông giám mục, cái việc vừa mới làm xong, tức việc ăn cướp đồng hào của thằng bé, cái tội thực là hèn nhát, thực là xấu xa vì nó phạm vào ngay sau lúc được ông giám mục tha thứ, tất cả những cái đó lần lượt hiện ra trong óc anh rõ rệt, dưới một thứ ánh sáng anh chưa

từng được thấy bao giờ. Anh nhìn lại cuộc đời của anh mà ghê sợ. Anh nhìn lại linh hồn anh, thấy ghê tởm. Tuy vậy, hình như dưới ánh sáng của Thiên đường, anh đã nhìn rõ mặt quỷ Xatăng.

Anh khóc như vậy bao nhiêu lâu ? Khóc rồi anh làm gì? Đi đâu ? Về sau không ai biết cả. Chỉ biết rằng, đêm hôm ấy, người chủ xe thường chở khách đi Grơnốp, đến Đinhơ hồi ba giờ sáng, khi đi qua phố dinh giám mục, có thấy một người quì gối trên thềm trong bóng tối, trước cửa nhà Đức cha Biêngvơnuy. Hình như người ấy đang cầu nguyện.

QUYỂN BA

TRONG NĂM 1817

I

NĂM 1817

Ngang nhiên tự tại một cách đế vương và đầy kiêu hãnh, Lui thứ XVIII gọi năm 1817 là năm thứ hai mươi niên hiệu mình. Năm ấy ông Bơruyghie đơ Xoocxôm đang nổi tiếng. Hết thảy các hiệu tóc giả quét vôi màu thanh thiên và vẽ hoa huệ đều mong chờ phấn thơm và con chim nhà vua trở lại. Cũng là thời mà bá tước Linsơ chủ nhật nào cũng ngồi nơi ghế hội đồng ở nhà thờ Xanh Giecmanh đê Pơrê đánh bộ lễ phục đình thần, với chiếc băng đỏ và cái mũi dài, và trông nghiêng thì có cái vẻ uy nghi riêng của người đã có một hành động vang dội. Hành động vang dội của ông Linsơ là thế này: ngày 12 tháng ba 1814, lúc ấy ông đang làm thị trưởng Boócđô, ông đã giao khí sớm quá thành phố này cho công tước Ăngguleme. Nhờ đó ông được vào thượng viện.

Năm 1817 cũng là năm đang thịnh hành cái mốt trẻ con năm sáu tuổi tùm hụp trong những cái cát két da rộng có miếng che tai giống giống người

Etkimô. Quân đội đều mặc đồng phục trắng theo kiểu quân Áo; các trung đoàn đều gọi là dũng đoàn; các đơn vị không gọi bằng con số mà bằng tên các quận. Napôlêông đang ở Xanh Êlen, chính phủ Anh không cấp dạ xanh cho ông, nên ông cho lộn áo cũ để mặc.

Năm 1817 người ta chuộng tiếng hát của Penlơgrini, điệu múa cô Bigôtini; Pôchiê bấy giờ làm chúa tể; Ôđơri lúc ấy chưa có. Bà Xaki nối nghiệp Phôriôđô. Đang còn có quân Phổ ở Pháp. Ông Đơlalô là một nhân vật. Chế độ chính thống vừa khẳng định mình bằng cách chặt tay, rồi chặt đầu Pơlenhiê, Cácbonnô và Tônlơ ông. Quận công Tanlêrăng nghi lễ đại thần, và tu sĩ Luy, bộ trưởng tài chính được chỉ định, nhìn nhau cười cái cười nước đôi; cả hai đã làm lễ Liên hiệp 14 tháng bảy 1790 ở quảng trường Săng đơ Macxơ Tanlêrăng với tư cách giám mục, còn Luy thì làm bồi tế.

Năm 1817, trong các lối đi của quảng trường ấy, còn nhìn thấy nhiều khúc gỗ to sơn xanh, mang hình ảnh mờ mờ của những con phượng hoàng và những con ong màu đã nhạt. Những súc gỗ ấy nằm phơi ngoài mưa nắng và đang mục dần trong cỏ. Hai năm trước đây, đó là chân bục của hoàng đế ở quảng trường Tháng Năm. Rải rác trên thân các súc gỗ hãy còn những chỗ sém do quân Áo đốt lửa nấu cơm trong khi đóng dã ngoại gần Gơrô Caiu. Vài ba cây cột đó đã biến mất trong lửa dã ngoại ấy để cho thân binh Phổ sưởi tay. Cuộc họp mặt Săng đơ Me có cái đặc biệt là họp vào tháng sáu và ở quảng trường Săng đơ Macxơ.

Trong năm 1817, hai cái nổi tiếng nhất: thuốc lá và hộp thuốc lá kiểu Hiến chương. Ở Pari, cái vụ mới

nhất làm người ta xôn xao là vụ Đôtăng ném đầu lâu anh mình vào bể nước ở Chợ Hoa. Ở bộ hải quân người ta bắt đầu điều tra về thảm họa của chiến hạm *La Mêđuydơ* cái tên sau này làm Sômaret bị ô nhục, còn Giôricô thì đầy vinh dự. Đại tá Xenvơ sang Aicập rồi làm tỉnh trưởng luôn bên ấy. Lâu đài Tecmơ, ở phố Hacpơ, có anh thợ đóng thùng đến dọn hàng ở đó. Trên sân thượng của lầu bát giác ở Cơluyni còn thấy cái lầu bằng ván là nơi dùng làm thiên văn đài cho Metxiê, nhà thiên văn của hải quân dưới triều Lui XVI. Bà công tước Đuyra họp ba bốn bạn trai trong phòng khuê của mình có bày nhiều ghế đẩu bọc xa-tanh màu da trời, đọc cho họ nghe cuốn truyện *Urica* chưa xuất bản.

Ở điện Luvơrơ người ta cạo các chữ N. Cầu Austeclit bị truất mất tên, đổi thành cầu Vườn ngự, cái hai lần khó hiểu, nó làm sai ý nghĩa cả cái cầu Austeclit lẫn cái vườn bách thảo. Lui XVIII, vừa lấy móng tay đánh dấu trong khi đọc Oratxơ, vừa chú ý đến những bậc anh hùng được lên làm vua cũng như những anh hùng guốc nhảy lên làm thái tử, nhưng trong bụng vẫn canh cánh hai mối lo: Napôlêông và Matuyranh Bơruynô.

Viện hàn lâm treo giải thưởng về đề tài: *Hạnh phúc trong học tập*. Ông Benla công khai là một nhà hùng biện. Dưới bóng ông đang nẩy mầm cái ông chánh án tương lai đơ Bơrô, để làm đối tượng giễu cợt cho Pôn Lui Cuariê sau này. Có một anh Satôbơriăng giả, tên là Macsănggi, trong khi chờ đợi có thể có một anh Macsănggi giả, là d' Alanhcua. *Cơle d' Anbơ* và *Malec Ađen* là những tuyệt tác; bà Côttanh được coi

là nhà văn số một đương thời. Học viện Pháp để người ta xóa trong danh sách tên viện sĩ Napôlêông Bônapac. Một đạo dụ nhà vua đưa Ăngguleme lên thành trường hải quân, bởi lẽ, công tước Ăngguleme làm đại đô đốc, thì nhất định thành phố Ăngguleme, về pháp lý phải có đủ tư cách là một hải cảng, không thế thì còn gì là uy quyền thiên tử? Hội đồng bộ trưởng thảo luận vấn đề có nên cho phép những con tem vẽ hình người leo dây thường thấy trên các áp-phích của Phơrăngcôri mà trẻ con lêu lổng hay xúm lại xem ngoài phố. Ông Pae, tác giả vở *Anhedơ,* người có khuôn mặt chữ điền với một nốt ruồi trên má, chỉ huy các buổi hòa nhạc thân mật ở nhà bà hầu tước Xatxonê, phố Vinlêvêc. Thiếu nữ đều hát bài: "*Ẩn sĩ Xanh Aven*", lời của Etmông Giêro. *Anh lùn vàng* đổi thành *Gương soi.* Quán cà phê Lămbơlanh về phe hoàng đế chống lại quán cà phê Valoa về phe dòng Buôcbông. Một quận chúa Xivin vừa được gả cho công tước Beri, ông này đã bị Luven rình từ trong bóng tối. Bà Xtan vừa mất được một năm. Lính thị vệ huýt còi chê cô Mac. Các tờ báo lớn đều ra nhỏ xíu. Khổ thu hẹp nhưng tự do thì rộng. Tờ *Hợp hiến* rất hợp hiến. Tờ *Minecvơ* gọi Satôbơriăng là *thăn bò nướng* (1). Bọn tư sản được dịp đem nhà văn hào ra cười khoái chí. Trên mặt một số tờ báo tay sai, những tên bồi bút lên tiếng chửi những người bị can năm 1815: Đavit không còn tài năng gì, Acnô không còn tài trí gì, Cacnô không còn trung thực nữa; Xun không chiến thắng trận nào; đúng là Napôlêông không còn thiên tài nữa.

(1) Tiếng Pháp: *Chateaubriand* (văn hào thế kỷ XIX) đọc như *chateaubriant* (thăn bò nướng).

Mọi người đều biết là thư từ cho người lưu vong gửi qua đường bưu điện chả mấy khi tới tay họ, vì cảnh sát đã thành kính làm cái nhiệm vụ chặn lại rồi.

Việc này chẳng có gì mới; ngày xưa, Đêcác bị đày cũng đã phàn nàn rồi. Cho nên, khi Đavit tỏ ý không bằng lòng trên một tờ báo Bỉ vì không nhận được thư từ gì người ta gửi cho mình, thì báo chí bảo hoàng cho là chuyện khôi hài và nhân đó mạt sát người biệt xứ. Nói: *quân giết vua* hay nói: *người biểu quyết*, nói: *quân địch* hay nói: *đồng minh*, nói: *Napôlêông* hay nói: *Buyônapac*, điều đó làm cho hai người cách biệt nhau trời vực. Hết thảy mọi người hiểu biết đều đồng thanh cho rằng kỷ nguyên cách mạng đã vĩnh viễn đóng lại với vua Lui XVIII mệnh danh là "tác giả bất hủ của hiến chương". Chỗ đầu Cầu mới, người ta chạm chữ *Sống mãi* (1) vào cái bệ đang chờ tượng Hăngri IV. Ông Piet bắt đầu phác họa cái hội kín của mình để củng cố cho chế độ quân chủ, ở ngôi nhà số 4 phố Têredơ. Các thủ lĩnh phái hữu bô bô trong các dịp quan trọng: "Phải viết thư cho Bacô". Các ông Canuyen, Ô Mahôny và Sappơđơlen, đã phần nào được Đức ông ủng hộ, bắt đầu một vài nét cái mà sau này trở thành "âm mưu bờ sông". Kim băng Đen về phần mình cũng tiến hành lập hội kín. Đơlavecđơri bắt tay với Tơrôgốp. Ông Đơcadơ, một đầu óc ít nhiều thuộc cánh tự do, chiếm ảnh hưởng lớn. Satôbơriăng, sáng sáng đứng trước cửa nhà số 27 phố Xanh Đôminic, bận quần bịt cả bàn chân, đi giày vải, đầu tóc hoa râm trùm một cái khăn lụa pha vải, mắt nhìn chăm chú vào gương soi, trước mặt cái hộp dụng cụ chữa răng đầy đủ mở toang, vừa chải bộ răng xinh đẹp vừa đọc đoạn khác biệt trong bộ *Chế độ quân chủ theo Hiến*

(1) Nguyên văn latinh: *Redivivus*.

chương cho người thư ký của mình, ông Ploocgiơ.

Giới phê bình có uy tín tỏ ra thích Laphông hơn là Tanma. Ông Phêlết ký bằng một chữ A, ông Hốpman lại lấy tên là Z. Saclơ Nôđiê viết Têredơ Ôbe. Luật ly dị bị xóa bỏ. Các trường Ly-vê đổi tên là Conlegi. Học trò các trường Conlegiơ, cổ áo đính một hoa huệ vàng, đánh nhau chung quanh câu chuyện vua La-mã. Cảnh sát phản gián của hoàng gia tố giác với đức bà Hoàng muội chân dung của công tước Ooclêăng, bày nhan nhản, ông này bận quân phục thiếu tướng khinh kỵ xinh hơn công tước Bery trong quân phục thiếu tướng long kỵ; thật là rầy rà. Thành phố Pari bỏ tiền thiếp vàng lại vòm cuốn điện Anhvalit. Những người đứng đắn tự hỏi, trong trường hợp này, trong trường hợp khác, ông Tơran cơlagơ sẽ làm gì. Ông Cơlôden đơ Môngtan, trên nhiều điểm, khác xa ông Côlôden đơ Cutxecgơ. Ông Xalabery không bằng lòng. Diễn viên Pica có chân trong Viện hàn lâm, nơi mà diễn viên Môlie không vào được; ông ta cho công diễn vở *Hai anh em Philibe* ở nhà hát Ôđêông. Trước mặt nhà hát này, ở trên cao, một dòng chữ đã gỡ đi nhưng vẫn còn trông thấy rõ: *Rạp hoàng hậu*.

Người ta hoặc ủng hộ hoặc chống lại Quyhêđơ Môngtaclô. Paviê thì chia rẽ. Bavu thì cách mạng. Ông hàng sách Pêixiê xuất bản một bộ Vônte, lấy tên là *Vônte toàn tập*, dưới có dòng chú "Trong Viện hàn lâm Pháp". "Như thế sẽ câu được khách", nhà xuất bản ngây thơ bảo thế. Dư luận rộng rãi cho ông Saclơ Lôixông là một thiên tài của thời đại; ganh tị bắt đầu cắn rứt ông ta, đó là dấu hiệu thành công; và người ta tặng ông câu thơ này:

Lôi xông mà có bay cao,
Thiên hạ trông vào vẫn rõ cẳng chân.

Giáo chủ Phếch không chịu từ chức, ông Pin, đại giám mục ở Am di, cai quản địa phận Lyông. Thụy Sĩ và Pháp bắt đầu tranh chấp thung lũng Đappơ, sau bản báo cáo của đại úy Đuyphua, sau này là tướng Đuyphua Xanh Ximông, bị bỏ quên, đang xây đắp giấc mơ cao cả của mình.

Ở Viện hàn lâm khoa học có một anh Phuriê nổi tiếng mà về sau chẳng ai biết đến, ngược lại, ở trong cái xó nào không rõ lại có một anh Phuriê khác vô danh nhưng hậu thế lại nêu danh mãi mãi.

Huân tước Bairơn bắt đầu xuất hiện. Một lời dẫn trong một bài thơ của Minlơvoa nói đến ông ta với độc giả Pháp gọi là "*Một huân tước Barông nào đó*". Đavit Đănggie thí nghiệm nhào cẩm thạch.

Tu viện trưởng Carông, chuyện trò với dăm ba học sinh chủng viện trong ngõ cụt Phơidăngtin, khen ngợi một nhà tu hành không mấy ai biết là Phêlixitê Rôbe sau này trở thành Lamenne.

Một vật gì vừa un khói vừa lạch bạch trên sông Xen như tiếng chó bơi, qua qua lại lại trước cửa điện Tuylơri, từ Cầu Ngự đến cầu Lui XV; đó là một thứ máy móc chẳng tích sự gì, một thứ đồ chơi, một giấc mơ phiếm của một anh phát minh vớ vẩn, một huyền tưởng: một chiếc tàu chạy bằng hơi nước. Dân Pari nhìn cái trò vô bổ ấy với con mắt lạnh lùng.

Ông Vôbơlăng đứng ra cải tổ Học viện Pháp bằng cách lật đổ, ra sắc lệnh phế truất và tiến cử người

hàng loạt, sau khi nổi tiếng đã đẻ được khá nhiều ông hàn thì bản thân mình lại chẳng được vào chân hàn lâm nào cả.

Vùng ngoại ô Xanh Giecmanh và khu Matxăng đều mong ước được ông Đơlavô làm quận trưởng cảnh sát vì ông nổi tiếng ngoan đạo. Đuypuytơren và Rêcamiê cãi nhau ở giảng đường trường đại học Y khoa về tính thiêng liêng của Giêsu đến nỗi đã giơ nắm tay dọa nhau. Quyviê vừa nhìn vào thiên Sáng thế vừa nhìn vào thiên nhiên, cố sức làm vừa lòng các đầu óc phản động giả đạo đức bằng cách làm cho các hóa thạch phù hợp với lời trong kinh thánh, và cho lũ voi cổ vuốt ve Môđơ. Ông Phơrăngxoa đơ Nơsatô, người có công vun xới cho hương hồn Pacmăngchiê (1), tìm hết cách để mọi người lấy cái tên Pacmăngchiê để gọi khoai tây mà không được. Tu sĩ Gơrêgoa, trước là giám mục, có chân trong quốc hội Quốc ước, thượng nghị sĩ, được các nhà tranh luận bảo hoàng mệnh danh là "tên Gơrêgoa chết giẫm". Cách nói *được mệnh danh là* ông Roađê Lôn a cho là từ tân tạo chứ trong ngôn ngữ không có.

Người ta còn nhìn rõ dưới nhịp thứ ba cầu Iêna cái phiến đá trắng, hai năm trước đây dùng để bít lỗ mìn mà Pơluyse cho đục để phá cầu.

Tòa án lôi ra vành móng ngựa một anh chàng vừa thấy bá tước Actoa bước vào nhà thờ Đức Bà, lại buột mồm nói tướng lên: *Mẹ kiếp! Tớ tiếc cái thời tớ thấy Bônapac và Tanma* (2) *khoác tay nhau bước vào Ban*

(1) *Parmentier* là nhà nông học (thế kỷ XVIII) đã mang giống khoai tây từ Mỹ vào nước Pháp và dạy cách trồng trọt, cải tạo giống -Neufchâteau (Nơsatô) muốn gọi khoai tây là *Parmentière* (pacmăngchiero)- nhân dân vẫn gọi là *pomme de terre* (có nghĩa là táo đất).

(2) Talma: Diễn viên kịch nổi tiếng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX ở Pháp.

Xôvagiơ. Giọng lưỡi phiến loạn. Sáu tháng tù. Nhiều tên phản bội phanh ngực ngạo nghễ: những kẻ chạy sang hàng ngũ giặc trước hôm đánh nhau, chẳng giấu giếm gì món phần thưởng được ban và nhơn nhơn bộ mặt vô sự ở ngoài đường ban ngày với tất cả sự sang giàu của mình; những tên đào ngũ ở Linhi, ở ngã tư, mà hành vi phản bội được giặc trả công đang còn sờ sờ ra đấy, chúng phô trương lòng trung thành với nhà vua một cách trắng trợn, chúng quên khuấy cái câu ở bên nước Anh người ta để trên vách trong nhà tiêu công cộng: *Nhớ cài quần trước khi đứng lên*.

Trên đây là một mớ lộn xộn những gì nổi lên mờ mờ trong năm 1817 mà ngày nay không ai còn nhớ cả. Lịch sử cũng không có cách nào khác, nên phải bỏ qua hầu hết những thứ tủn mủn như thế này. Nếu không thì nói bao giờ cho hết. Tuy nhiên những chi tiết đó mà gọi là nhỏ nhặt thì không đúng, vì trong nhân loại không có việc gì nhỏ hết, cũng như trong cây cối không có lá nào bé cả, cho nên nó đều có ích. Chính diện mạo từng năm làm nên diện mạo thế kỷ.

Năm 1817 ấy, bốn chàng trai Pari đã bày "một trò chơi ác".

II

HAI BỘ TỨ

Bốn chàng trai Pari ấy quê quán mỗi người ở một tỉnh, kẻ ở Tulu, người Limô, người thứ ba ở Caho, người thứ tư ở Môngtôbăng. Nhưng họ là sinh viên, mà đã là sinh viên thì là trai thủ đô; học ở Pari và sinh ở Pari.

Bọn họ chẳng có gì đặc sắc. Ai chả từng thấy những mẫu người tầm thường như thế; những con người không tốt không xấu, không giỏi không dốt, không phải là thiên tài cũng không ngu độn, nhưng đẹp phơi phới cái tuổi xuân hai mươi. Có thể gọi họ là bốn chàng Ôtxca nào đó, vì bấy giờ những chàng Actuya chưa xuất hiện. Lời tình ca đang réo rắt về Ôtxca: *Hãy vì chàng mà đốt lên các hương trầm thơm nhất. Kìa Ôtxca, Ôtxca đang đi tới, ta sắp nhìn thấy chàng*! Người ta vừa mới rời Ôtxiăng. Phép lịch sự đang theo mốt các xứ Xcăngđinavi, và Calêđôni. Còn cái kiểu Ăngiê thuần túy thì về sau mới thịnh hành. Và anh chàng Actơ đầu tiên, Oe lintơn, thì hầu như vừa mới thắng trận Oateclô thôi.

Các chàng Ôtxca ấy, một là Phêlit Tôlômiet, người Tuludơ; một là Lichtôliê, người Caho; một là Phamơi, người Limôgiơ; và người cuối cùng là Bala ơven, quê ở Môngtôbăng. Tất nhiên mỗi chàng có một nhân tình. Balasơven yêu Phavurit, cô này có sang Anh nên mới gọi như vậy; Lichtôliê mê Đalia ([1]), con người đã lấy tên một loài hoa đặt thành tên chơi của mình; Phamơi sùng bái Dêphin, đúng là Giêdêphin nhưng gọi tắt; còn Tôlômiet thì đã có Phăngtin, gọi là cô Tóc vàng vì đầu tóc nàng óng ả như ánh mặt trời.

Bốn cô thiếu nữ xinh đẹp, thơm tho, rực rỡ ấy hãy còn giữ được chút cốt cách con nhà thơ, vì họ chưa rời bỏ hẳn đường chỉ mũi kim. Trên gương mặt các cô còn phảng phất vẻ trong lành của người lao động; trong tâm hồn các cô còn thoang thoảng mùi hương trinh thục chưa bay hết khi mới sa ngã một lần.

Trong bốn cô, có một cô út, và một chị cả. Chị cả tuổi

(1) *Dahlia*: Hoa thược dược.

cũng chỉ mới hai mươi ba. Quả đáng tội ba cô chị có từng trải hơn, vô tư lự và phòng túng hơn. Cô út, cô Phăngtin tóc vàng, lần đầu xây mộng.

Đalia, Dêphin, và nhất là Phavurit, thì không thể nói như vậy được. Cô nào cũng có thiên tình sử của mình, tuy mới bắt đầu nhưng cũng đã được vài ba đoạn. Người bạn tình ở chương thứ nhất là Ađônphơ, thì sang chương thứ hai đã là Anphôngxơ và đến chương thứ ba thì lại hóa ra Guytxtavơ. Nghèo túng và ăn diện là hai tên quân sư tai hại: một tên gắt mắng, một tên dỗ ngọt: các cô gái bình dân xinh đẹp thường nghe cả hai thì thầm bên tai mình, mỗi tên một cách. Và những ai giữ mình không vững đều xiêu lòng. Từ đó sinh ra sa ngã và bị người ta ném đá, bị người ta làm tình làm tội bằng cách đem so với cái rạng rỡ của con người trinh bạch không với tới nổi. Chao ôi! Nếu Đức mẹ Đồng trinh cũng đói khát? Phavurit đã ở bên Anh, vì thế Dêphin và Đalia phục nàng lắm. Từ lâu, nàng đã có chỗ ở riêng. Cha nàng là một ông giáo già dạy toán, người cộc cằn và khoác lác, chưa từng lấy vợ, và dù tuổi già vẫn phải đi dạy giờ ở các tư gia. Hồi còn trẻ, một hôm ông ta trông thấy chiếc áo dài của cô gái hầu phòng mắc vào miếng sắt chắn than ở lò sưởi, sự việc ấy khiến ông đâm ra phải lòng cô gái, kết quả sinh ra Phavurit. Thỉnh thoảng Phavurit gặp bố mình, ông cụ chào con một cách trịnh trọng.

Một buổi sáng, một bà cụ có vẻ giả tu, vào nhà nàng và bảo: "Cô không biết tôi phải không? -Không- Ta là mẹ mày". Xong bà ta mở tủ thức ăn, lôi các thứ ra uống rồi ăn, lại cho khuân tới một chiếc đệm rồi ở lại luôn. Bà mẹ tính cáu nhàu và ngoan đạo ấy không

bao giờ chuyện trò gì với Phavurit, có khi suốt mấy giờ không nói một lời nào, nhưng sáng, trưa, tối, bữa nào cũng ăn như hùm như hổ, ăn xong lại xuống ngồi lê ở nhà người gác cổng và nói xấu con gái mình.

Về Đalia, cái gì đưa đẩy Đalia đến với Lichtôliê, chưa biết chừng đến với những anh chàng khác nữa, và đến cảnh ăn không ngồi rồi? Đó là bộ móng tay hồng quá xinh xắn của nàng. Làm sao bắt nổi những ngón tay ấy lao động? Mà muốn giữ đức hạnh thì không nên thương tiếc những bàn tay. Còn Dêphin, cái lối nói "Vâng, thưa ông" tinh nghịch và mơn trớn của nàng đã làm Phamơi say đắm.

Bốn chàng trai chơi với nhau nên bốn cô gái cũng trở thành bạn thân của nhau. Những cuộc tình duyên như thế luôn luôn kéo theo những tình bạn như thế.

Khôn là một đường, còn ngoan lại là một đường. Chứng cớ là, sau khi đã dè dặt về việc các cặp tạm bợ này ăn ở với nhau, vẫn phải cho là Phavurit, Dêphin, Đalia là những cô gái khôn, còn Phăngtin là một cô gái ngoan.

Ngoan, thiên hạ có cho thế là ngoan không? Còn Tôlômiet thì sao? Xalômông thì cho tình yêu cũng dự phần trong đức hạnh. Chúng tôi chỉ xin nói tình yêu của Phăngtin là mối tình đầu, mối tình duy nhất, mối tình chung thủy.

Phăngtin là người duy nhất không bị xưng hô anh em chung chạ.

Phăngtin là một bông hoa mọc lên từ trong quần chúng. Ở trong bóng tối dày đặc nơi đáy sâu xã hội nhô lên, nàng quả là một người không tên tuổi, không ai biết. Nàng sinh ở cảng Môngtơrơi. Cha mẹ là ai, ai biết?

Không ai thấy nàng có cha mẹ. Người ta gọi nàng là Phăngtin. Sao lại Phăngtin? Cũng không thấy nàng có tên nào khác. Khi nàng sinh ra, vẫn còn chế độ Đốc chính (1). Nàng không có tên họ, vì nàng không có gia đình. Nàng cũng không có tên thánh vì lúc bấy giờ làm gì còn nhà thờ nữa. Thuở nàng còn là một con bé đi chân không trên hè phố, khách qua đường ai muốn gọi tên nàng là gì thì gọi. Nàng hứng lấy một cái tên cũng như hứng nước mưa trên trời rơi xuống. Người ta gọi nàng là con bé Phăngtin. Chẳng có ai biết gì hơn nữa. Ấy, một sinh mệnh con người đã bước vào đường đời như thế đấy! Năm lên mười, Phăngtin rời bỏ thành phố đi ở cho một gia đình trung nông ngoại thành. Đến mười lăm tuổi, nàng lên Pari để "sinh cơ lập nghiệp". Phăngtin rất đẹp. Nàng cố giữ mình cho trong trắng mãi. Tóc nàng vàng óng; răng nàng rất đều. Nàng cũng có vàng ngọc làm của riêng như ai, nhưng vàng của nàng xếp trên mái tóc, ngọc của nàng giắt ở sau môi.

Nàng lao động để sống. Và cũng để sống, vì trái tim cũng cần yêu, nên nàng yêu.

Nàng yêu Tôlômiet.

Đối với Tôlômiet, đây chỉ là một thói quen phong nguyệt nhưng với Phăngtin, Phăngtin lại yêu say mê. Khu Latinh, nhan nhản những sinh viên và những cô thợ lơi lả, là nơi chứng kiến buổi đầu của mối tình thơ mộng ấy. Bao nhiêu cuộc tình duyên đã buộc vào rồi lại cởi ra ở đây. Qua các nẻo đường ngóc ngách,

(1) Một chế độ chính trị ở Pháp thời cộng hòa đệ nhất, sau cách mạng 1789. Trong chế độ này, quyền chấp chính trung ương ở trong tay năm vị đốc chính.

Phăngtin cũng đã lẩn tránh Tôlômiet mãi, nhưng lẩn tránh thế nào để cho rồi cũng gặp nhau. Thật vậy! Có một cách tránh nhau mà chẳng khác gì tìm nhau. Cho nên rút cục, thiên tình sử vẫn bắt đầu.

Balasơven, Lichtôliê, Phamơi, Tôlômiet, họp thành một nhóm do Tôlômiet cầm đầu. Tôlômiet là linh hồn của nhóm.

Tôlômiet là điển hình cổ điển của anh sinh viên lớn tuổi. Hắn giàu, hằng năm có đến bốn ngàn phơräng lợi tức. Ai có một gia sản như thế tức thì trở thành một đầu đề bàn tán cho khu sinh viên. Tôlômiet là một tay ăn chơi đứng tuổi, vẻ người trông đã sọm. Mặt hắn đã giăn gieo, răng có vài chiếc rụng. Đầu hắn đã có dạng hói, nhưng hắn đùa vui vẻ: *Ba mươi hói tóc, bốn mươi trọc lốc đầu gối.* Ăn uống, hắn đã thấy khó tiêu, một bên khóc thường chảy nước mắt. Tuổi xuân càng tàn, hắn càng châm ngọn lửa hoan lạc. Răng hắn khuyết nhưng chuyện khôi hài của hắn không thiếu; tóc hắn rụng, hắn càng nô đùa nhiều hơn; kém sức khỏe, hắn thay bằng tính mỉa mai châm biếm. Con mắt ướt rượt nước mắt của hắn lại luôn luôn cười cợt. Cơ thể hắn tiều tụy nhưng hắn hớn hở tươi cười. Tuổi thanh xuân của hắn tàn tạ quá sớm, nhưng nom hắn vẫn đường hoàng, hắn tháo lui có trật tự, tháo lui mà cười khanh khách, người ngoài chẳng ai biết đâu vào đâu. Trước hắn đã viết một vở kịch rạp hát không nhận diễn. Một đôi khi hắn cũng làm mấy câu thơ vớ vẩn.

Ngoài ra, hắn còn hoài nghi tất cả, hoài nghi một cách cao đạo. Nhờ thế, hắn rất có uy tín đối với bọn ngu hèn. Tóm lại, vì hói và mỉa đời, hắn được tôn làm trùm. *Iron* là một tiếng Anh có nghĩa là thép. Phải chăng *ironie* (1) từ tiếng ấy mà ra.

(1) *Ironie* tiếng Pháp, có nghĩa là tính mỉa mai, nói mát.

Một hôm Tôlômiet kéo ba bạn ra một chỗ, giơ tay làm hiệu như một bậc tiên tri, rồi nói:

- Đã một năm rồi, lũ các con Phăngtin, Đalia, Dêphin, Phavurit cứ vòi chúng ta làm quà cho chúng một cái gì bất ngờ. Chúng mình cũng đã trịnh trọng hứa hẹn. Chúng nó cứ nói đến mãi, nhất là với tớ. Ở Naplơ, các bà già thường kêu gọi thánh Giangviê: Hỡi gương mặt vàng vọt, hãy làm phép lạ đi (1). Ở đây chúng nó cũng thế, chúng nó cứ nhắc đi nhắc lại mãi: "Anh Tôlômiet, thế bao giờ anh đề ra được cái món bất ngờ ấy?". Phần thì ở nhà cứ viết thư giục chúng mình mãi. Hai đầu đều lải nhải. Tớ, tớ cho là cơ hội đã đến. Thế này này.

Nói đến đây, Tôlômiet hạ thấp giọng, bí mật thầm thì một chuyện gì chắc là thú vị lắm cho nên bốn cái miệng đều toét ra cười khoái trá. Balasơven kêu lên:

- Đó mới thật là một sáng kiến!

Cả bọn kéo vào một quán rượu mịt mù khói thuốc lá tiếp tục bàn tính kế hoạch.

Kết quả hội nghị là bốn chàng trai cùng mời bốn cô thiếu nữ dự một cuộc vui tưng bừng ngày chủ nhật sau đấy.

III

TAY TƯ VÀ TAY TƯ

Trai sinh viên rủ gái lẳng lơ về đồng quê chơi như thế nào hồi bốn mươi lăm năm về trước, ngày nay khó mà hình dung được. Những vùng chung quanh Pari nào còn như xưa! Bộ mặt của cuộc sống ngoại thành đã

(1) Nguyên văn tiếng Ý: *Faccia gialluta, fa o miracolo.*

hoàn toàn biến đổi từ nửa thế kỷ nay; nơi ngày xưa xe bò lóc cóc thì nay đã có xe lửa; chỗ ngày xưa thuyền gỗ lại qua thì nay đã có tàu thủy; ngày nay mà gọi Phêcăng thì cũng như xưa gọi Xanh Cơlu: Với Pari năm 1862, ngoại ô là cả nước Pháp.

Bốn cặp tình nhân rủ nhau tận hưởng mọi thú vui của đồng ruộng có thể có được hồi bấy giờ. Lúc ấy vừa vào dịp nghỉ hè, bữa đó là một ngày mùa hạ ấm áp, trong sáng. Hôm trước, Phavurít, người độc nhất biết chữ, nhân danh cả bọn bốn chị em, viết cho Tôlômiet như sau: "Đi sớm thú *nắm*". Vì thế mọi người đều dậy từ năm giờ sáng. Họ đáp xe ngựa đến Xanh Cơlu, nhìn dòng thác khô cạn và tặc lưỡi: "Chà, cái này mà có nước thì chắc đẹp lắm đây". Họ ăn sáng ở hiệu Đầu đen, nơi này lúc ấy Catxtanh chưa đặt chân đến. Họ bỏ tiền chơi phi ngựa giật vòng, dưới các hàng cây xen kẽ chỗ bể nước. Rồi leo lên tầng tháp Điôgien. Rồi quay số ăn bánh ngọt đầu cầu Xevơrơ. Qua Puytô thì hái hoa từng bó. Đến Nơidi lại mua sáo thổi. Còn bánh kẹp thì đến đâu cũng chén. Thật là sung sướng nhất đời.

Các cô gái cười cười nói nói, ríu rít như một bầy chim sổ lồng. Thật như ngây như dại. Chốc chốc các cô lại tát yêu một cái vào má các cậu con trai. Chao ôi! Cái tuổi trẻ say mê. Những năm tháng vô vàn quí mến! Cánh chuồn rung động! Ôi! Anh bạn, dù anh là ai anh có nhớ chăng? Đã lần nào anh băng qua bụi rậm, vừa đi vừa rẽ cành để khỏi vướng vào mái tóc xinh của ai đang lần bước theo sau anh chưa? Đã lần nào anh vừa cười vừa trượt trên triền cỏ ướt đẫm nước mưa cùng với người anh yêu, mà nàng thì cầm tay anh giữ lại và kêu lên nũng nịu: "Trời ơi! Đôi

giày mới toanh của em! Anh xem kìa, nó ra hình thù gì thế này!"

Xin nói ngay là chuyện gặp mưa vừa thích vừa khó chịu như vậy không xảy ra với đám người hớn hở này, mặc dù, lúc ra đi, Phavurít đã trịnh trọng và lấy giọng từ mẫu bảo mọi người: *"Có sên bò ra lối đi, điểm trời mưa, các con ạ"*.

Cả bốn cô đều xinh một cách kỳ lạ. Một nhà thơ cổ điển dễ thương, có tiếng hồi bấy giờ là ông cụ Labut, trong tư thất của mình cũng đã có một Tây Thi, thế mà buổi sáng hôm ấy, thơ thẩn dưới rặng dẻ vườn Xanh Cơlu, trông thấy bốn cô đi ngang qua lúc mười giờ, ông cụ liền nhớ đến ba cô trong tranh "Ba mỹ miều" và kêu lên: *Thừa mất một*. Phavurít, người yêu của Blasơven, cô chị cả hai mươi ba tuổi, chạy lên trước. Nàng luồn cành nhảy, phóng bừa qua các bụi rậm, dẫn đầu cuộc vui, hăng như một cô tiên núi. Dêphin và Đalia lại không rời nhau nửa bước. Chẳng phải vì thân nhau mà chính vì cả hai đều hơi điệu như nhau. Điều tình cờ là hai nàng đều đẹp, nhưng người nọ phải đứng bên cạnh người kia, người này bổ sung cho người nọ thì sắc đẹp mỗi người mới bật nổi thêm lên. Hai người kề vai nhau, dáng điệu mơ màng. Dạo ấy những tập ảnh kỷ niệm (1) đầu tiên vừa mới ra đời cái buồn vô cớ đang nẩy nở trong chị em, cũng như về sau cái sầu Bairơn (2) lan tràn trong nam giới, cho nên đầu tóc của phụ nữ cũng bắt đầu liễu rủ. Dêphin và Đalia thì đầu tóc đều uốn thành búp cuộn tròn. Lichtôliê và Phamơi đang cãi nhau về

(1) Nguyên văn tiếng Anh: *keepsakes*.

(2) *Byron*: Thi hào Anh, thơ sôi nổi, đau thương. Bairơn tình nguyện sang giúp cuộc khởi nghĩa của dân tộc Hy-lạp chống bọn thống trị Thổ và hy sinh (1788-1824).

các giáo sư của mình thì giảng giải cho Phăngtin hiểu ông Đenvanhcua khác ông Blôngđô như thế nào.

Blasoven thì có vẻ sinh ra chỉ để nâng tấm khăn san quàng lệch cho Phavurít ngày chủ nhật.

Tôlômiet đi sau rốt, dáng người cao hơn hết thảy cả bọn. Chàng hết sức vui vẻ nhưng ai cũng cảm thấy ở chàng con người điều khiển; chàng vui tươi mà có cái gì độc đoán đấy; chỗ làm dáng chủ yếu của chàng là cái quần chân tượng vải Nam-kinh màu gạch non, có dây choàng từ bàn chân lên bằng đồng bện chéo: trên tay một chiếc ba-toong bằng mây to bự giá đến hai trăm phơrăng, và trên môi một vật khá kỳ lạ: một điếu xì-gà. Chàng cho là chẳng có gì thiêng liêng sất, và chàng chẳng từ một thứ gì, kể cả hút thuốc. Anh em bảo: "Cái thằng Tôlômiet này, đặc biệt thật. Coi cái quần nó có hắc không? Cừ khôi thật!"

Riêng Phăngtin nàng vui thật sự. Hàm răng tuyệt mỹ của nàng, chắc hẳn Trời giao cho cái chức năng là cười. Chiếc mũ rơm nhỏ đính quai dài và trắng, nàng thích cầm tay hơn là đội. Mớ tóc dày vàng óng rất dễ sổ, nàng phải luôn luôn cặp lại, cái mớ tóc thường xuyên như muốn bồng bồng, tung bay ấy, hình như đặt trên đầu nàng tiên Galatê để cho nàng chạy dưới cành liễu thì mới phải. Đôi môi hồng thỏ thẻ như giọng oanh. Khóe miệng xếch lên, dáng say sưa, giống như các mặt giả thời cổ, nhìn vào có vẻ gì như khêu gợi những ý nghĩ sỗ sàng; nhưng hàng mi dài đen thẫm lại rủ cái bóng e ấp thùy mị xuống làn môi khóe miệng và cự tuyệt mọi cái ồn ào ở những chỗ này. Cách ăn mặc của nàng như có cái gì bừng bừng và thánh thót. Nàng mặc cái áo dài len màu hoa cà, chân đi đôi giày đế cao màu nâu đậm có ánh vàng,

mấy dây buộc đan thành những chữ X trên mặt bít tất trắng, mỏng và thưa. Nàng khoác thêm một chiếc áo đuôi én bằng len mút, kiểu này là sáng kiến của dân Macxây, họ đặt tên là áo "hé thử", theo cách xuyên tạc ở ngoài phố của chữ "hè thu" ([1]), có nghĩa là thời gian trời tốt, ấm áp, đang trưa. Ba cô kia, như chúng tôi đã nói, ít rụt rè hơn, thì đều mạnh dạn mặc áo hở vai, trên mũ lại đầy hoa: mùa hè, cách ăn mặc như vậy trông có duyên thật nhưng cũng nhiều khiêu khích. Bên cạnh lối trang điểm táo bạo ấy, chiếc áo hè thu trong suốt của Phăngtin tóc vàng vừa kín đáo vừa e ấp, mở cũng có mà khép cũng có, thật đáng coi như một sáng tạo có ý nghĩa thách thức của khoa lịch sự. Và cái câu lạc bộ tình yêu có bà chủ tịch là nữ tử tước đất Xét, có cặp mắt xanh màu nước biển, chắc hẳn sẽ tặng giải thưởng làm đỏm cho cái áo hè thu ấy vì nó đóng góp nhiều cho sự tiết hạnh. Té ra ở đời có khi thế: ngây thơ lại là thành thạo nhất.

Nhìn Phăngtin đằng trước thì lộng lẫy, nhìn một bên thì thanh tao. Cặp mắt xanh thăm thẳm, mí trên đầy đặn. Đôi chân thon và chắc, cổ tay cổ chân uyển chuyển. Nước da trắng mịn, đây đó thoáng lộ những mạch máu màu da trời. Gò má thơ ngây tươi mát, cái cổ tròn khỏe như tượng Giuynông, cái gáy chắc và mềm mại. Hai vai như do bàn tay Cutxtu nhào nặn, giữa lõm một lúm đồng tiền đến là say sưa, có thể thấp thoáng trông thấy dưới lần áo mỏng. Một nét vui tươi pha chút mơ mộng. Nhìn chung, mọi vẻ đều như tạc và vô cùng ý nhị. Ấy, Phăngtin như thế đó. Dưới mớ quần áo vải vóc kia là một pho tượng, và trong pho tượng là một tâm hồn.

---

(1) Nguyên văn *canezou*, đọc xuyên tạc những chữ *quinzeaout*.

Phăngtin đẹp nhưng không hề biết mình đẹp. Họa chăng có một đôi người hay suy tưởng, những đồ đệ âm thầm của cái đẹp, thường đem mọi vật ở đời so với cái tuyệt mỹ, thì mới hé thấy ở cô thợ bé nhỏ này, qua cái duyên dáng trong suốt của người con gái Pari, cái nét hài hòa thiêng liêng thời cổ. Cô gái hèn mọn này thế mà con nòi. Nàng đẹp ở hai phương diện: phong cách và nhịp điệu. Phong cách là hình thức của lý tưởng, còn nhịp điệu là sự vận động của lý tưởng ấy.

Chúng tôi đã nói Phăngtin là niềm vui, nhưng Phăngtin còn là sự trinh bạch.

Kẻ nào quan sát nàng một cách chu đáo sẽ thấy ở người nàng, từ tất cả cái say mê của tuổi xuân, của nắng hạ, của tình yêu, đều toát lên một vẻ dè dặt, khiêm tốn không gì thắng nổi. Nàng còn giữ chút ít ngạc nhiên. Chính cái ngạc nhiên trong trắng ấy là chỗ phân biệt Pxisê và Vệ nữ. Phăngtin có những ngón tay trắng và thon của một đạo cô đang lấy trâm vàng cời tro giữ ngọn lửa thiêng. Dù nàng chẳng hề từ chối một cái gì đối với Tôlômiet -cái điều ấy sẽ rõ- gương mặt nàng lúc thảnh thơi vẫn muôn vàn băng tuyết. Đôi khi một thứ tự trọng nghiêm chỉnh và hơi khắc nghiệt, bỗng dưng chiếm lấy người nàng. Vẻ vui tươi tự nhiên biến mất, khuôn mặt đang rạng rỡ bỗng đổi sang trầm ngâm, rười rượi. Những lúc ấy trông nàng, người ta phải lấy làm lạ lùng và ái ngại. Cái dáng nghiêm trang đột ngột ấy, có khi nghiêm khắc rõ rệt, na ná như vẻ kiêu hãnh của một nữ thần. Vừng trán, sống mũi, cái cằm có sự cân đối của đường nét, khác hẳn với sự cân đối hình dáng, làm cho

khuôn mặt nàng đều đặn, hài hòa. Ở quãng trống rất đặc biệt giữa mũi và môi, nàng hãy còn giữ cái nếp kín đáo rất dễ thương, cái dấu hiệu bí ẩn của sự tiết trinh. Chính cái nếp ấy đã từng khiến cho Bacbơrut đâm phải lòng một tượng nữ thần Đian tìm thấy trong di chỉ Icôn.

Tình yêu là tội lỗi: vâng -Nhưng Phăngtin lại là sự trong trắng nổi lên trên tội lỗi.

IV

TÔLÔMIET VUI QUÁ HÁT MỘT BÀI HÁT TÂY-BAN-NHA

Cả cái ngày hôm ấy từ đầu chí cuối chỉ có bình minh. Vạn vật vui như hội.

Vườn cảnh Xanh Cơlu thơm ngát ngọn gió sông Xen nhẹ rung lá biếc, cành cây nhún nhẩy múa may. Những con ong vàng xông lên cướp nhụy hoa nhài. Từng đàn bướm nô đùa trong cỏ dại. Trong cảnh vườn ngự tôn nghiêm có cả một lũ chim trời du đãng.

Bốn cặp thanh niên hòa mình trong ánh nắng, trong lúa đồng, trong hoa cỏ, cây lá, và cùng đua khoe thanh sắc.

Trong khung cảnh thiên đường, họ nói, họ hát, họ chạy nhảy, họ săn bướm, họ hái hoa bìm, họ dầm những đôi chân mang bít tất hồng vào cỏ ướt. Tươi lành, điên dại, dễ dãi, các cô nhận đây đó những cái hôn của cả bọn, trừ Phăngtin, nàng vẫn giữ cái dáng

phản kháng âm thầm, cái vẻ mơ màng cách biệt, vì nàng yêu! Phavurít bảo nàng: "Mày lúc nào mày cũng thế nào ấy!"

Họ vui như thế đó. Những lứa đôi đang yêu và sung sướng mà đi qua nơi nào thì ở đó thiên nhiên và sự sống dường như cũng bị lay động sâu sa và mọi vật đều sôi trào âu yếm và ánh sáng. Ngày xưa có một nàng tiên chỉ vì thương những người bạn tình mà làm ra cho họ bãi cỏ và chòm cây. Từ đó mà có cái trò muôn thuở "ngồi bụi cây" của những cặp tình nhân, cái trò luôn luôn diễn đi diễn lại cũng như trò "học trong bụi cây" ([1]) luôn tồn tại chừng nào trên đời còn có bụi cây và học trò. Cũng từ đó mà mùa xuân mới được các nhà tư tưởng mến yêu. Quí tộc cũng như dân đen, quận công cũng như không nhà, trong triều cũng như ngoài quận, tất cả đều làm tôi cho nàng tiên ấy. Người ta cười, người ta tìm nhau, trong không khí dường như có ánh sáng thần tiên rực rỡ. Chao ôi! Con người biến đổi biết bao khi người ta yêu! Một anh làm công quèn cũng tưởng mình như được lên tiên. Và những lúc đùa reo đuổi bắt nhau trên nội cỏ, bất thần tóm được lưng nhau; lời cục cằn thành điệu du dương, một ngữ khí, một âm thanh cũng tràn đầy yêu dấu; những lúc một quả anh đào mồm nọ cướp ở mồm kia, tất cả các phút giây ấy đều rực sáng và đi vào cõi thần tiên chói lọi. Các cô thiếu nữ xinh tươi quả đã đem tất cả hương sắc của mình ra phung phí một cách say sưa. Cảnh tượng đó người ta tin là không bao giờ chấm dứt. Triết gia, thi sĩ, họa sĩ ngắm nhìn những cảnh mê ly ấy mà đành chịu bất lực vì chúng nó chói lòa cả mắt. Oattô kêu: Đây

(1) Nguyên văn: *école buissonnière*, thành ngữ, có nghĩa là trường trong bụi.

là cảnh "Rủ nhau ra đảo tình yêu"; Lăngcơre, nhà họa sĩ bình dân, đành ngắm họ như ngắm đám trai gái thị thành của mình đang như bay bổng tận mây xanh; Điđơrô thì dang tay chào đón tất cả các cuộc tình duyên ấy, còn Đuyếcphê lại tả thêm vào cảnh đó mấy vị thầy mo.

Cơm trưa xong, cả bọn kéo nhau vào khu vườn ngự xem thứ cây lạ vừa mới đưa từ Ấn-độ sang. Cây tên gì ngày nay chúng tôi không nhớ ra, chỉ biết là hồi đó cả Pari đều đổ đến Xanh Cơlu để xem. Giống cây kỳ dị ấy thân nhỏ, thong thong, trông rất xinh, chẳng có chiếc lá nào, toàn một mớ vô số là cành rối bù, nhỏ như sợi chỉ, phủ đầy một lượt không biết cơ man nào là hoa trắng li ti, nom giống như một đầu tóc rắc phấn trắng. Ngày nào cũng khối người vây quanh trầm trồ ngắm nghía.

Xem cây xong, Tôlômiet vụt kêu lên: "Tớ cho các cậu đi lừa nhé!". Mặc cả với người cho thuê lừa đâu vào đấy, cả bọn ngồi lừa trở về theo lối Văngvơ và Itxi. Đến Itxi xảy ra một việc. Vườn cây, tài sản Quốc gia, lúc ấy thuộc quyền sở hữu của người chủ thầu quân nhu Buốcganh, hôm ấy ngẫu nhiên cổng lại mở toang. Họ đi thẳng vào vườn, đến thăm hình nhà ẩn sĩ trong hang đá, vào phòng trưng bày các loại gương, thử chiếu để xem các hiện tượng, các sắc màu kỳ lạ. Cái phòng trưng bày khá nổi danh vì những hình ảnh khêu gợi dục tình này chẳng qua cũng là thứ cần câu tiền rất xứng với một tay làm tiền trở thành triệu phú hoặc một tên bất lương trở thành vị thần vườn tược. Họ cũng đến chơi đưa võng chỗ chiếc lưới căng giữa hai cây dẻ. Các cô gái lần lượt leo lên võng, Tôlômiet cũng lần lượt ru. Lưới võng đưa mạnh

chiếc váy cũng tung bay. Cả bọn phá lên cười. Cái cảnh quần hồng phấp phới này, giá có Gơrơdơ thì nhà họa sĩ chúng ta cũng chộp được một nếp xiêm trong quần thanh thú. Tôlômiet, cái anh chàng có ít nhiều máu Tây-ban-nha trong người, vì Tuludơ có họ với một thành phố bên Tây-ban-nha là Tôlôda, mà chàng thì là người Tuludơ, Tôlômiet vừa đưa võng vừa cất tiếng hát theo điệu buồn buồn một bài dân ca cổ (1) mà cảm hứng chắc bắt nguồn từ hình ảnh một thiếu nữ xinh đẹp tung bay trên chiếc thừng chăng giữa hai hàng cây:

Anh là người ở quê xa

Vì tình nên phải bôn ba với tình

Đu bay, tung vấy cô mình

Da em băng tuyết cho anh thẫn thờ

Hồn dâng trong mắt ước mơ.

Riêng Phăngtin, nàng từ chối không đu võng. Phavurít thầm thì giọng khá chua chát: "Tớ không thích kiểu làm điệu như thế".

Họ bỏ lừa xuống thuyền. Lại một dịp vui mới. Họ ngồi thuyền qua sông Xen, rồi từ Patxi đi bộ về quảng trường Ngôi sao. Mọi người còn nhớ, họ thức dậy từ năm giờ sáng, thế mà Phavurít cứ bảo: *Mặc kệ, chủ nhật làm gì có mệt mỏi, ngày chủ nhật cái mệt cũng nghỉ việc*. Vào quãng ba giờ chiều, bốn cặp tình nhân, say mềm hạnh phúc, còn chơi trò trượt dốc ở các núi yên ngựa, một công trình xây đắp kỳ dị nằm trên các ngọn đồi Bôgiông, mà đường nét vòng vèo nhìn thấy nhấp nhô trên các ngọn cây quảng

(1) Trong nguyên văn bài hát này lời bằng tiếng Tây-ban-nha.

trường Săng Êlidê.

Chốc chốc Phavurít lại kêu:

- Thế còn cái món bất ngờ đâu? Đây muốn xem cái bất ngờ ấy.

Tôlômiet bảo:

- Hãy đợi tí nữa!...

V

Ở QUÁN BÔNGBACĐA

Chơi chán ở núi yên ngựa, họ nghĩ đến cơm chiều, và cả bọn tám người xem chừng đã mệt giạt vào quán Bôngbacđa. Quán này là chi nhánh đặt ở Săng Êlidê của chủ hiệu ăn nổi tiếng Bôngbacđa có cửa hàng chính ở phố Rivôli bên cạnh ngõ Đơlócmơ.

Một căn buồng rộng, xấu xí, trong cùng có ngăn kê giường. Chủ nhật quán đông nghịt, cả bọn đành phải bằng lòng một chỗ nghỉ chân vậy. Buồng cũng có hai cửa sổ có thể đứng ngắm cảnh sông bến bên kia rặng cây. Ánh hè rực rỡ phớt qua khung cửa. Hai cái bàn, một cái để mũ nón đàn ông, đàn bà, lẫn lộn với các bó hoa sặc sỡ chất cao như núi, một cái bày loạn xạ nào thức ăn, nào đĩa không, nào chai cốc, nào bốc bia, hồ rượu. Bốn cặp ngồi chung quanh. Trên bàn hơi lộn xộn, dưới bàn cũng chút ít rối ren. Đúng như lời thơ Môlie:

Dưới bàn ăn có tiếng gì kinh quá

Chân này đạp, chân nọ khoèo, loạn xạ!

Âu, tới bốn giờ rưỡi chiều thì cuộc vui diễn bắt đầu từ năm giờ sáng đã đưa đến chỗ đó. Trời về chiều, mọi người bụng đã no nê.

Quảng trường Săng Êlidê đầy nắng, người qua lại như mắc cửi, đúng là vinh quang, chỉ gồm có bụi và ánh sáng. Mấy con ngựa cẩm thạch của Macli như đang hí và lồng lộn trong bụi vàng. Xe tứ mã qua qua lại lại. Một đội vệ binh quân phục rực rỡ, kèn đồng dẫn đầu, rẽ đường xuống đại lộ Nơidi. Lá cờ trắng, phơn phớt hồng trong ánh hoàng hôn, phất phơ trên vòm nóc cung Tuylơri. Quảng trường Hòa hợp nay lấy lại tên cũ là quảng trường Lui XV, người đi dạo đông nghịt. Nhiều người ra vẻ đắc chí, lủng lẳng chiếc hoa huệ bằng bạc đính vào một cái dải bằng sa trắng gợn vân. Cái dải trắng này mãi đến năm 1817 hãy còn thấy lác đác ở cúc áo một số người. Đây đó một nhóm người qua đường dừng lại, vây quanh một toán em gái nhỏ đang múa hát, và vỗ tay tán thưởng. Các em gửi vào gió một điệu hát nổi tiếng hồi bấy giờ của người phái Buôcbông dùng để mạt sát cái chính quyền Bách Nhật mà điệp khúc là:

Trả cho ta bố xứ Găng (1) của ta,

Trả cho ta bố ta.

Từng đám đông dân ngoại ô súng sính quần áo ngày lễ, có người đeo cả hoa huệ như bọn thị dân, tản mác khắp các khu vườn hoa, chơi trò phi ngựa giật

(1) Bố xứ Găng (*père de Gand*) tức là Lui XVIII. Trong thời kỳ Bách Nhật, Lui XVIII trốn ở Gand, một thành phố thuộc nước Bỉ.

vòng hoặc ngồi quay trên lưng ngựa gỗ. Nhiều kẻ khác đang đánh chén. Một số là thợ nhà in đang học việc, mũ giấy đội đầu, từ xa đã nghe tiếng họ cười. Tất cả đều hớn hở. Thật là một đời thái bình thịnh trị. Chính hồi này quận trưởng cảnh sát Ăngơlet, trong bản mật tấu đặc biệt lên nhà vua về tình hình các vùng ngoại ô Pari, đã kết thúc bằng những lời lẽ như sau: "Xét cho kỹ, tâu bệ hạ, bọn người ấy chẳng có gì đáng sợ cả. Chúng nó vô lo và uể oải như mèo. Bọn dân đen các tỉnh mới hay rầy rà chứ ở Pari thì không. Bọn chúng bé nhỏ quá thể. Tâu bệ hạ, phải hai đứa chồng lên nhau thì mới cao bằng một anh pháo thủ trong cấm binh. Chẳng phải lo ngại tí nào về phía bọn dân ngu của thủ đô. Rất đáng để ý là từ năm mươi năm nay, vóc người họ cứ thấp dần; và ngày nay dân ngoại ô bé nhỏ hẳn đi so với hồi trước cách mạng. Chúng nó chẳng có gì nguy hiểm. Tóm lại cái lũ chó đẻ ấy mà ngoan".

Các ngài quận trưởng cảnh sát thì làm sao mà tin được mèo có thể hóa thành sư tử! Ấy thế mà có thật, và đó là phép mầu của dân chúng Pari. Còn giống mèo mà bá tước Ăngơlet khinh bỉ đến nước ấy, thật ra lại được các nền cộng hòa thời đó tín nhiệm. Trong mắt họ, mèo là hiện thân của tự do, và để cho tượng thần Minecvơ không cánh dựng ở Pirê khỏi phải trơ vơ, họ dựng tiếp ở quảng trường Côranhtơ tượng một con mèo khổng lồ bằng đồng hun. Ngành cảnh sát của chính quyền phục hưng kể cũng ngây thơ, họ nhìn dân chúng Pari hơi quá "hồng". Chẳng phải như họ tưởng, dân chúng Pari không hề là "lũ chó đẻ, mà ngoan". Dân Aten có vai

trò như thế nào trong người Hy-lạp thì dân Pari cũng có vai trò như vậy trong người Pháp. Chẳng ai ngủ bì họ, chẳng ai thật tình phù phiếm và lười biếng như họ, cũng chẳng ra vẻ hay quên bằng họ. Tuy vậy xin ai chớ tin vào đó; họ có vẻ sinh ra để chẳng thèm lưu ý đến bất cứ cái gì, ấy thế mà khi có vấn đề vinh quang nêu cao trước mặt thì họ có thể làm tất cả mọi việc hăng say, không ai sánh kịp. Đưa giáo cho họ, họ sẽ làm nên ngày 10 tháng tám; đưa súng cho họ sẽ có Auxteclit. Napôlêông lấy họ làm chỗ dựa, Đangtông coi họ là nguồn lực lượng. Tổ quốc lâm nguy ư? Họ sẵn sàng nhập ngũ; tự do lâm nguy ư? Họ sẵn sàng cạy đường lấy đá. Coi chừng! Tóc họ có thể vì căm thù mà dựng ngược: chiếc áo lao động của họ có thể biến thành chiến bào. Hãy cẩn thận. Bất kỳ phố xá ngõ ngách nào họ cũng có thể biến thành thiên la địa võng bắt quân thù phải hạ giáp. Cho nên đến lúc cần thì người dân ngoại ô ấy lại lớn lên, con người bé nhỏ ấy lại đứng dậy, mắt họ nhìn sẽ dữ tợn, hơi họ thở sẽ như bão táp, và từ lồng ngực mỏng manh của họ sẽ tuôn ra đủ giông tố để xáo trộn từng dòng khe mạch núi của dãy Anpơ. Chính nhờ người dân ngoại ô Pari mà cách mạng, xen lẫn vào các đạo quân, chinh phục châu Âu. Họ hát, đó là họ vui. Cứ so điệu hát cho vừa tầm với bản chất họ mà xem! Chỉ được lặp đi lặp lại có bài *Cacmanhôn* thì họ chỉ lật đổ nổi Lui XVI, cho họ hát bài *Macxâyde*, họ sẽ giải phóng cả thiên hạ.

Xong mấy lời ghi chú trên đây bên lề bản báo cáo của Ăngơlet, xin trở lại với bốn cặp bạn tình. Như trên đã nói, bữa cơm chiều vừa xong.

VI
THƯƠNG YÊU NHAU

Chuyện phiếm sau bữa cơm, chuyện phiếm về tình yêu, đều như nhau, chẳng đâu vào đâu; chuyện tình yêu thì như mây, chuyện sau bữa cơm thì như khói.

Phamơi và Đalia khe khẽ hát; Tôlômiet tiếp tục uống rượu; Dêphin và Phăngtin kẻ cười thành tiếng, người chỉ cười nụ. Lichtôliê lôi cái kèn gỗ mua ở Xanh Cơlu ra thổi. Phavurít đưa mắt nhìn Blasơven một cách âu yếm và nói:

- Anh Blasơven, em mê anh.

Thuận đà, Blasơven hỏi lại:

- Phavurít này, nếu anh không yêu em nữa thì em làm thế nào?

Phavurít kêu lên:

- Ấy, đừng nói thế, dù là nói đùa! Em ấy à? Anh mà không yêu em, thì em tóm lấy anh, em cấu này, em xé này, em thì trát tro vào mặt này và em gọi cảnh sát nhốt cổ anh lại.

Blasơven mỉm cười, cái cười khoái chí được nghe những lời nịnh nọt. Phavurít tiếp:

- Vâng, em nhất định kêu cứu vệ binh! Em lồng lên phải biết! Đồ chết tiệt!

Blasơven sung sướng quá, ngả hẳn người trên ghế, nhắm mắt, kiêu hãnh.

Đalia vừa ăn vừa nói nhỏ với Phavurít giữa tiếng ồn áo náo động:

- Mày sùng bái anh Blasơven của mày thật hở?

Phavurít vớ lại cái nĩa cầm lên, cũng đáp khe khẽ:

- Tao ghét nó. Nó kiệt. Tao thích cái thằng bé trước cửa nhà tao kia. Cậu ấy thế mà hay đáo để, mày có biết cậu ta không? Trông có thớ diễn viên lắm. Tao rất thích bọn diễn viên. Động thấy cậu ta về là bà cụ kêu lên: "Trời! Còn làm sao mà ở yên được nữa hở trời! Nó lại sắp gào lên rồi kia kìa. Này con. con làm mẹ điếc tai nhức óc ơi!" -Thì ra cu cậu chui vào nhà trong, tìm cái xó cái xỉnh nào trên gác, leo lên được đến đâu là cứ leo, rồi thì hát hò, ngâm nga, ai còn biết làm cái thứ quỉ gì, nhưng mà dưới nhà thì nghe rõ mồn một! Cậu ta lại còn chép đơn chép từ gì cho một tay thừa lại mỗi ngày một phơrăng nữa kia. Bố cậu ta ngày xưa là chân hát lễ trong nhà thờ Xanh Giăccơ ấy mà. Cậu ấy thế mà hay ra phết. Một hôm thấy tao nhào bột làm bánh, cậu ta bảo: "*Cô nàng ơi, cô nàng nhào luôn bít tất tay cô mà làm bánh, tớ cũng xin ăn*", mày tính thế thì cậu ta yêu tao biết chừng nào! Tao cho chỉ có nghệ sĩ mới nói được một lời như thế. Chà! Cậu ta hay thật. Tao đang mê mệt vì cái thằng bé ấy đây. Cũng chả sao, tao cứ nói với Blasơven là tao sùng bái hắn ta. Tao nói dối tệ mày nhỉ! Dối thật!

Phavurít ngừng một chốc, rồi nói tiếp:

- Đalia, mày biết không, tao buồn lắm. Suốt hè chỉ có mưa, còn gió nữa, gió chẳng chịu thôi gào thét.

làm tao phát bực. Anh chàng Blasơven thì kiệt chết cha chết mẹ, chợ búa gì khổ với sở mới có chút ít bơtiboa, chả biết ăn cái gì. Tao buồn vô cớ mày ạ, tao lên cơn *xplin* (1) như bên Anh họ nói ấy. Bơ sao mà đắt thế! À này, mày xem, đáng tởm không? Chúng mình đi ăn uống ở một nơi có cái giường ngủ, kiểu này làm tao chán đời.

VII

TRIẾT LÝ CỦA TÔLÔMIET

Một vài người hát, bọn còn lại thi nhau chuyện trò bô bô cả phòng ồn ào, huyên náo. Vừa lúc ấy Tôlômiet chen vào:

- Này, đừng có bạ gì nói nấy và nhanh như nhặt rau thế -anh chàng kêu lên- Suy nghĩ một tí cho nó có vẻ chứ. Cứ cương mãi thì chả mấy chốc là trơ ra ngay. "Dục tốt" là bất đạt. Xin quý vị hãy từ từ. Phải oai nghiêm khi nhậu nhẹt, mà chén thì phải trầm tĩnh; xin các ngài yến ẩm từ từ cho. Đừng có vội. Cứ xem mùa xuân kia kìa mùa xuân mà vội thì có mà cháy đứt đuôi, nghĩa là chết cóng. Chú đào chú mận nào mà hăng rấn lên một tí là đi đời. Bữa cơm ngon mà hăng quá thì cũng chẳng còn gì là thú vui tao nhã. Không cần hăng, các vị ạ! Các nhà sành ăn xưa nay đều cùng ý kiến như thế cả.

Một làn sóng phản đối ngấm ngầm trong cả bọn. Blasơven nói trước:

---

(1) *Spleen* tiếng Anh, có nghĩa là bệnh buồn chán vô cớ.

- Tôlômiet, xin cậu để yên cho chúng tớ.

Phamơi tiếp:

- Đả đảo độc tài!

Lichtôliê hét:

- Quán Bôngbacđa, ăn cho căng bụng, và chơi cho hết ga!

- Tuần lễ còn có chủ nhật chứ! -Phamơi nối lời.

- Chúng tớ biết điều độ chứ, -Lichtôliê thêm.

- Tôlômiet -Blasơven bảo- cậu xem tớ tỉnh táo đàng hoàng đây này.

- Cậu tỉnh táo bảo hoàng chứ lị -Tôlômiet đáp.

Bấy giờ bảo hoàng đang là cái mốt cho nên câu chơi chữ tầm thường như thế mà lại có tác dụng như hòn đá ném xuống ao. Ếch nhái đều câm bặt.

Tôlômiet như người nắm lại được thế điều khiển, lên giọng kẻ cả:

- Các bạn ạ, hãy bình tĩnh lại, không cần phải hoảng hốt dữ như thế trước câu đùa từ trên trời rơi xuống ấy. Những cái từ trên trời rơi xuống như vậy không nhất thiết phải được đón nhận nhiệt tình và trọng vọng. Trí tuệ bay bổng thì vãi ra cái trò bông lơn chơi chữ, còn câu đùa câu cợt thì bạ đâu rơi đó, và trí óc đẻ xong cái thứ vớ vẩn như vậy liền chui tụt lên mây xanh. Một vệt gì trăng trắng mà giáng xuống mõm đá thì làm sao cấm được đại bàng bay lượn! Cút đi những ai phỉ nhổ cái trò bông lơn chơi chữ! Tớ quí trọng nó là trong chừng mực nó được việc, có thế thôi. Tớ biết tất cả cái gì tôn nghiêm hơn

hết, cao cả hơn hết trong nhân loại và có lẽ cả ngoài nhân loại, đều từng chơi chữ. Giêsu Cơrit đã có một câu bông lơn chơi chữ về thành Pie. Môidơ cũng thế về Idac, Etsin thì về Pôlimit, Cơlêôpat thì về Ôctavơ. Nên nhớ rằng câu bông lơn chơi chữ của Cơlêôpat là có trước trận Actium và giá không có câu ấy thì chẳng ai còn nhớ đến thành phố Tôrin, theo tiếng Hy-lạp có nghĩa là cái thìa lớn. Các điều trên đây cũng khá mất thì giờ rồi đấy, bây giờ thì xin trở lại lời khuyên ban nãy. Các người anh em ạ, tớ nói lại, đừng hăng, đừng ồn ào, đừng thái quá, ngay trong lời hóm hỉnh, vui đùa, trong say sưa, chơi chữ. Anh em nghe tớ, tớ thận trọng như Amphiarot, tới lại có cái đầu hói của Xêda. *Cái gì cũng có hạn* (1). Trò chơi vặt cũng thế. Mà ăn cũng thế.

Các vị phu nhân, các vị thích bánh kẹp nhân táo, được nhưng đừng ham quá. Ăn bánh kẹp cũng phải có lương tri và nghệ thuật. Chứng tham ăn sẽ trừng phạt kẻ ăn tham. Cái cổ làm khổ cái bụng. Trời sinh chứng đầy bụng để dạy khôn cho dạ dày. Và, xin nhớ giùm cho điều này: mỗi tính ham mê của chúng ta, kể cả yêu đương, đều có một cái dạ dày mà chúng ta chớ nên cho chứa đầy quá. Bất kỳ cái gì cũng phải biết kịp thời chấm dứt, phải biết kiềm chế mình lúc tình thế khẩn cấp, bụng còn thèm đấy nhưng phải khóa cửa nhốt thèm thuồng, bắt giam thích thú, tự đưa mình đến bót cảnh sát. Kẻ khôn ngoan là kẻ đến một lúc nào đó biết tự trói mình nhận lỗi. Xin các bạn hãy tin tớ một tí. Chẳng gì tớ cũng võ vẽ học luật, các lần thi cử rõ ràng là thế mà. Với lại tớ cũng biết vấn đề chung cứu và vấn đề đương cứu khác

(1) Nguyên văn còn có câu Latinh: *Est modus in rebus* chơi chữ theo lối rebus cũng phải có hạn.

nhau như thế nào; tớ cũng đã bảo vệ một luận án bằng tiếng la-tinh về các cách xử nhục hình ở La-mã thời xưa, chưa kể hình như tớ sắp đỗ tiến sĩ, không nhất thiết vì thế mà tớ phải là một thằng ngu! Tớ khuyên các bạn nên ham mê có chừng mực. Điều đó là thật, cũng như tên tớ là Phêlit Tôlômiet, tớ không đùa đâu, tớ nói thật. Kẻ nào lúc cần, biết xử trí một cách dũng cảm và từ bỏ chức vị cao sang của mình như Xinla, hay Origien; kẻ ấy sung sướng thật!

Phavurít lắng nghe rất chăm chú. Nàng nói:

- Phêlit, chữ hay nhỉ! Mình thích cái tên ấy. Tiếng la-tinh đấy, có nghĩa là thịnh vượng mà.

Tôlômiet tiếp:

- Các bạn vương hầu bá tước của tôi ơi! Các bạn có muốn miễn sắm giường cưới, cóc cần tình yêu mà chẳng phải ngứa ngáy trong người tí nào không? Rất đơn giản. Bí quyết chỉ có thế này: uống nước chanh, tập tành cho quá một tí, làm việc nhiều, làm việc nặng cho mệt nhoài vào, đừng ngủ, thức cho khuya, tọng vào các thứ nước hơi, nước chát, ngậm các thứ đắng thứ cay vào, cứ thường kỳ nhịn đói thật nghiêm, nhịn đói cho rạc người ra, rồi thì tắm nước lã, lấy lá thuốc nịt bụng, buộc mảnh chì, bôi nước ôxyt chì, xát dấm pha loãng.

- Tớ thì thích đàn bà hơn -Lichtôliê nói.

- Đàn bà! Tôlômiet đáp lại- Đừng có tin đàn bà. Khốn thay cho những ai đặt lòng tin vào trái tim bất thường của người đàn bà! Đàn bà là quanh co, quỉ quyệt. Họ ghét rắn là vì họ ghen với kẻ cùng loại đó thôi. Rắn là cái cửa hiện trước mặt hiệu mình.

- Tôlômiet, cậu say rồi -Blasơven kêu lên.

- Cóc say! -Tôlômiet cãi.

- Vậy thì phải vui lên -Blasơven bảo.

- Tớ đồng ý -Tôlômiet đáp lại.

Chàng rót đầy một cốc rượu rồi đứng lên:

- Hoan hô rượu! Bây giờ, hỡi Bacchus, ta hãy uống đi ([1]). Xin lỗi các cô, tôi nói tiếng Tây-ban-nha. Chúng có đây này: dân xứ nào có cái đựng rượu xứ ấy. Thùng phuy ở Cattidơ chứa mười sáu lít, thùng tô-nô ở Alicăng chứa mười hai, ở Canari đến hai mươi lăm, ở Balêa hai mươi sáu, còn chiếc ủng của sa hoàng Pie thì những ba mươi. Ông vua Nga ấy vĩ đại, muôn năm ông ta, nhưng chiếc ủng của ông ta còn vĩ đại hơn, vậy muôn năm chiếc ủng! Thưa các vị phu nhân, đây xin có một lời khuyên tri kỷ: nếu các phu nhân thấy hay hay thì xin các phu nhân cứ nhầm người láng giềng cho. Tình yêu bản chất nó là lang thang. Yêu đương chốc lát thì chuyện gì ngồi chết một chỗ cho mụ người đi như một bõ già, gối chân gối tay chai sần lên tất cả. Đã là chuyện ong bướm thì dại gì, cứ bay lượn vui vẻ! Người ta bảo: nhầm là thuộc tính của tình yêu. Thưa các vị phu nhân, đây yêu tất cả các vị. Dêphin ơi, à Giôdêphin ơi, con người vẻ mặt sao mà nhàu nát quá thể, em sẽ đẹp bao nhiêu nếu em không bị lệch. Mặt em rất đẹp mà tưởng như có ai vô tình ngồi phịch lên trên, em ơi! Còn Phavurít, hỡi hằng nga, tiên nữ ơi! Các nàng có biết không? Một hôm Blasơven lội qua suối, anh chàng thấy một cô gái xinh đẹp xắn quần cao ống để hở cặp đùi lồ lộ. Cái màn đầu là lạ ấy, anh chàng ta thích, thế là yêu. Nàng tiên nữ ấy tức Phavurít.

(1) Nguyên văn: *Nunc te, Bacche canam*! *Bacchus*: Thần rượu, theo thần thoại Hy La.

Phavurít ơi! Em có đôi môi đẹp như tranh. Ngày xưa ở Hy-lạp có một họa sĩ tên là Ôphôriông. Ông ta được mệnh danh là nhà họa sĩ vẽ môi. Chỉ có ông ấy mới xứng đáng được vẽ cặp môi em. Tôi nói câu này nhé! Trước em, chẳng có ai xứng đáng là công trình sáng tạo của Chúa cả. Em chính là người sinh ra để nhận quả táo như Vệ nữ hay để cắn vào quả táo như Evơ. Có em, nhan sắc mới ra đời. Tôi vừa nói đến Evơ chứ gì? Em là người sinh ra Evơ đó. Em đáng được cấp bằng phát minh ra con người đẹp vậy. Phavurít ơi, tôi thôi không gọi em bằng em nữa, và tôi đang từ lĩnh vực thơ ca chuyển sang văn xuôi. Lúc nãy cô nhắc đến tên tôi, điều đó làm tôi cảm động lắm; nhưng cho dù chúng ta là người như thế nào đi nữa, chúng ta cũng đừng tin vào cái tên. Cái tên chẳng đúng tí nào. Tôi tên là "Thịnh vượng" nhưng tôi nào có sung sướng. Chữ nghĩa hay lừa dối lắm. Đừng có nhắm mắt nghe nó chỉ bảo. Thật là sai lầm, nếu viết thư đến thành phố Găng để mua găng tay (1) và đến Lyông để mua ly cốc (2). Cô Đalia ạ, tôi như cô tôi lấy tên là Hồng. Hoa phải thơm, cũng như phụ nữ phải thông minh. Còn Phăngtin thì tôi chả dám nói gì cả. Phăngtin là một cây nghĩ ngợi, một cây mơ mộng, một cây suy tưởng, một cây cảm xúc! Phăngtin là một bóng ma có lốt người tiên nữ, có đức e lệ của ni cô, nàng đi lạc vào cõi lả lơi và ẩn mình nơi ảo tưởng, nàng ca hát, nàng cầu nguyện, nàng ngước nhìn mây xanh mà cũng chẳng biết mình trông thấy gì, mình đang làm gì, và cứ thế, mắt để trên trời cao, nàng thẩn thơ qua một khu vườn ở đó chim chóc còn nhiều hơn trong thực tế! Phăngtin ơi! Em nên biết điều này: anh Tôlômiet của em là một ảo tưởng đây. Thế

(1) Nguyên văn: *Gand* và *gant*, đồng âm.

(2) Nguyên văn: *Liège* (thành phố) và *liège* (điển điển) đồng âm.

nhưng nàng có nghe thấy đâu, cô em tôi đang chỉ sống với ảo mộng! Dù sao, ở nàng cái gì cũng tươi mát, thơm tho, cũng son sẻ, dịu dàng như ánh ban mai. Phăngtin ơi! Em đáng được gọi là thủy tiên hay bích ngọc, em là con người của xứ sở thần tiên.

Thưa các vị phu nhân, tôi lại có một lời khuyên thứ hai: chớ có lấy chồng. Lấy chồng cũng tỉ như ghép cây, may thì tốt, rủi thì xấu, chi bằng tránh cái rủi may là hơn. Nhưng mà, ngốc! Tôi nói cái gì thế nhỉ! Tôi líu lưỡi mất rồi. Đàn bà, con gái, làm sao mà chữa cho họ lành được cái bệnh "mống chuồn" (1)! Những người hiểu biết như chúng ta có cái gì thì nói chứ làm sao ngăn các cô khâu đầm khỏi mơ ước một ông chồng giàu sụ? Thôi, cũng được. Nhưng mà các vị này, các vị nhớ cho: các vị ăn nhiều của ngọt quá. Phụ nữ các cô có mỗi một tội, các cô nhấm nháp lắm thứ ngọt. Ôi! Cái giới gặm nhấm kia, những chiếc răng trắng nhỏ xinh của các ngươi ưa thích đường lắm. Các cô nghe cho rõ, đường là một chất muối. Muối thì háo. Đường lại là loại háo nhất trong các chất muối. Nó hút chất nước trong mạch máu; do đó sinh ra máu đông, máu ứ; sinh ra sưng, ra tấy trong phổi; và thế là chết. Có thế bệnh đái đường mới dẫn đến bệnh lao. Cho nên các cô chớ có xơi của ngọt nếu các cô muốn sống lâu!

Bây giờ tôi xin nói chuyện với các vị đàn ông. Thưa các vị, các vị cứ chinh đông tảo bắc cho tôi. Các vị cứ cướp bóc người yêu của nhau đi, không cần ăn năn hối hận gì cả. Cứ đánh chéo góc đi, trên tình trường chẳng có bạn với bè gì hết. Có gái đẹp là có tranh chấp. Đánh đến cùng, không chừa, không tha

(1) Nói lái.

chi cả! Gái đẹp là một *cớ gây ra chiến tranh* ([1]): có bao nhiêu cuộc xung đột, quả tang là một người đàn bà đẹp! Xưa nay trong lịch sử các cuộc xâm lược đều do cái váy phụ nữ mà sinh ra cả. Đàn bà là quyền lợi của đàn ông. Rômuylut, Guyôm, Xêda đến đâu đều chiếm lấy gái ở đó. Kẻ không được yêu thì như con kên kên lượn trên nhân tình của kẻ khác. Tớ thì tớ hướng về những anh chàng "phòng không" xấu số ấy mà tuyên bố như Bônapac, tuyên bố một cách siêu hùng trước quân đoàn Itali của mình: "Hỡi binh sĩ, các ngươi thiếu thốn tất cả. Những gì các ngươi thiếu thốn, quân địch đều có". Tôlômiet dừng lại như hết hơi. Blasơven bảo:

- Tôlômiet, cậu nghỉ tí đã.

Cùng lúc đó, Blasơven có Lichtôliê và Phamơi giúp sức, cất giọng xót thương hát một bài hát thợ thuyền. Bài hát như ghép lung tung chữ nọ với chữ kia, có câu có vần rất chỉnh mà có câu không, nội dung vô ý nghĩa như gió thổi cây lay. Những bài hát như thế này, thợ thuyền vừa hút thuốc vừa đặt ra, cho nên nó cũng mau chóng bay đi và tan biến như khói thuốc lá. Đây là một đoạn đáp lại bài kêu gọi Tôlômiet:

Kìa các bác gà tây
Tung tiền cho tụi chân tay.
Lo cho cái ông Sấm sét
Được phong giáo hoàng ngày tết.
Nhưng nào có được chi đâu
Sấm sét nào phải thầy tu
Chân tay ta đành tất tưởi
Mang tiền trả các bác gà tây.

(1) Nguyên văn La-tinh: *Casus belli*.

Nhưng bài hát chẳng hề khiến cho dòng cảm hứng của Tôlômiet bớt sôi nổi. Chàng dốc cạn cốc rượu, rót đầy một cốc khác và nói tiếp:

- Đả đảo triết lý! Các vị hãy quên đi các lời tôi vừa nói. Chúng ta đừng nên cố chấp, đừng nên thận trọng, cũng đừng nên quá lành. Ta cứ vui chơi thoải mái, tớ muốn nâng cốc chúc mừng sự vui chơi thoái mái đây! Chúng mình phải biết ăn uống, biết ngông cuồng để bổ sung cho các bài luật học. Bội thực và Đigext (1) Giuytxtiniêng và Chè chén phải như đôi vợ chồng. Ấy cái vui nó ở sâu như vậy đó! Hỡi tạo vật! Hãy sống đi! Vũ trụ là một khối kim cương. Tôi thấy mình sung sướng. Chim chóc hân hoan lạ. Đâu đâu cũng như ngày hội! Chim họa mi réo rắt giọng danh ca. Nắng hè ơi! Ta chào ngươi. Hỡi vườn Luychxămbua xinh đẹp, hỡi những bản tình ca bên gốc cây bờ cỏ! Hỡi những anh lính mơ mộng! Hỡi những cô giữ trẻ xinh tươi, các cô vừa giữ trẻ thơ vừa chơi trò thai nghén trẻ thơ! Giá không có các vòm cửa uốn cong của rạp Ôđêông thì tôi thích những cánh đồng cỏ mênh mông ở Nam Mỹ biết bao nhiêu! Tâm hồn tôi đang bay bổng trên những thảo nguyên, những rừng nguyên thủy tận bên trời. Chao ôi! Cái gì cũng diễm lệ! Con ruồi vo ve trong ánh nắng. Mặt trời hắt hơi ra con chim đỏ lửa. Phăngtin ơi, hôn anh đi!

Chàng ôm nhầm phải Phavurít.

---

(1) Nguyên văn: *Digeste*, bộ sách luật tập hợp theo lệnh hoàng đế Giuytxtiniêng.

VIII

NGỰA CHẾT HẾT CHUYỆN

Dêphin bỗng dưng kêu lên:

- Ở hiệu Êđông cơm ngon hơn ở Bôngbacđa.

- Tớ thích đến Bôngbacđa hơn -Blasoven đáp.

- Ở đó sang hơn. Phương đông hơn. Hãy nhìn phòng dưới nhà. Có gương trên tường đấy.

- Tớ thích có gương (1) trong đĩa hơn -Phavurít nói.

Blasoven nhấn mạnh:

- Xem dao này. ở Bôngbacđa cán bạc, ở Êđông cán xương. Bạc thì quí hơn xương.

- Trừ những ai có cái cằm bằng bạc -Tôlômiet chữa lại.

Lúc này chàng đang nhìn vòm mái cong Anhvalit, qua cửa sổ quán Bôngbacđa.

Một phút im lặng trong phòng.

- Này, Tôlômiet -Phamơi nói to- ban nãy tớ và Lichtôliê vừa mới tranh luận đấy.

- Tranh luận, kia đấy -Tôlômiet đáp- cãi cọ hay hơn.

---

(1) Nguyên văn: *Glaces* vừa có nghĩa là gương vừa có nghĩa là kem.

- Chúng tớ tranh cãi về triết học.

- Được.

- Đêcac và Xpinôda, cậu thích ai hơn?

- Tớ thích Đêdôgiê -Tôlômiet đáp.

Tuyên bố xong điều đó, chàng nhấp một hớp rượu rồi tiếp:

- Tớ đồng ý phải sống. Trên đời này mọi sự chưa phải đã hết vì người ta còn có thể nói quấy nói quá được. Xin cám ơn các vị thần linh bất tử. Người ta nói dối đấy, nhưng người ta lại cười. Người ta khẳng định nhưng người ta lại nghi hoặc. Từ kiểu tam đoạn luận bật ra những cái bất ngờ. Hay lắm. Dưới gầm trời này hãy còn có người khéo biết dùng cái bất ngờ của ngụy biện! Thưa các vị phu nhân, rượu mà các vị được yên tĩnh nhấm nháp đây, là rượu Mađe, các vị nên biết, cái xứ sản xuất ra nó, Curanđa Frera ở cheo leo cách mặt biển những ba trăm mười bảy sải! Uống phải coi chừng! Ba trăm mười bảy sải chứ ít đâu! Và ông Bôngbacđa, nhà hàng ăn cừ khôi, lại đem cho ta ba trăm mười bảy sải ấy đổi lấy có bốn phơrăng rưỡi!

Phamơi một lần nữa ngắt ngay:

- Tôlômiet ơi, lời nói của cậu như là khuôn vàng thước ngọc cả. Vậy cậu thích nhà văn nào nhất?

- Béc...

- Canh? ([1])

- Không. Su ([2])

---

(1) Berquin (Béccanh): nhà văn Pháp thế kỷ XVIII.

(2) Berchoux (Becsu): nhà thơ Pháp (1765-1839).

Và Tôlômiet tiếp tục:

- Hoan hô Bôngbacđa! Ví thử ông ta làm sao mà dắt về cho tớ một vũ nữ Ai-cập hay Hy-lạp thì có thua gì các nhà hàng ăn nổi tiếng ở các xứ đó? Tớ nói thế, các vị phu nhân nhà ta có biết không? Ở các xứ ấy cũng có những ông Bôngbacđa như ở ta. Đó là theo lời Apulê. À, té ra bao giờ cũng bấy nhiêu chuyện, chẳng có gì mới cả. Trong vòng tạo vật mọi cái đều cũ hết ! Xalômông nói: *Chẳng có gì mới dưới ánh mặt trời* (1). Viêcgin nói: *Tình yêu là cái chung cho mọi người* (2). Cho nên công nhân gái thì theo sinh viên trai leo lên thuyền buồm ở Xanh Cơlu, cũng như nàng Atxpađi cùng theo Pêricolét trên hạm đội Xamôt. Xin có một câu cuối cùng. Các vị có biết Atxpađi là thế nào không? Atxpađi sống vào thời buổi mà đàn bà coi như không có tâm hồn, thế mà nàng là một tâm hồn rực rỡ, vừa hồng tươi vừa đỏ thẫm, còn nồng cháy hơn lửa, tươi mát hơn bình minh. Atxpađi là nơi gặp gỡ giữa hai cực của người đàn bà: nàng vừa là gái đĩ vừa là nữ thần. Xôcơrat cộng với Manông Lêcô. Nếu Pơrômêtê cần một gái ăn sương thì Atxpađi là người sinh ra để đóng vai ấy.

Tôlômiet đang đà thao thao, khó mà dừng lại được, nếu ngay lúc ấy một con ngựa không lăn đùng ra vệ đường. Nghe đánh sầm một cái là cỗ xe cũng như diễn giả liền đứng sững lại. Thì ra là một con ngựa cái già và gầy đến bật xương, đang kéo một chiếc xe ba gác nặng. Đến trước quán Bôngbacđa, con vật kiệt sức, không chịu bước đi nữa. Thấy lạ, một đám đông dồn lại. Người đánh xe nổi cáu, văng tục. Anh ta vừa

(1), (2): Nguyên văn La-tinh

giơ roi quật như trời giáng xuống lưng con vật, vừa nghiến răng bật ra tiếng chửi long trọng: "Con chó" thì con vật ngã quị luôn xuống đường, tắt thở. Nghe tiếng người ồn ào ngoài đường, các thính giả vui tươi của Tôlômiet bỗng ngoảnh nhìn ra ngoài. Tôlômiet nhân dịp chấm dứt bài diễn văn của mình bằng mấy vần buồn buồn sau đây:

Trăm năm trong cõi người ta

Số xe phận ngựa cũng là như nhau.

Trải qua một cuộc khổ đau

Cái thân ngựa khổ sống lâu được nào! (1)

Phăngtin thở dài:

- Tội nghiệp con ngựa!

Đalia kêu ngay:

- Coi kìa, cái con Phăngtin tin này nó lại đòi thương xót cả loài ngựa! Có ái mắ ngốc như thế hả trời!

Cùng lúc ấy, Phavurít vòng tay sau gáy, ngả đầu, nhìn thẳng vào Tôlômiet và nói:

- Thế nào? Còn cái món bất ngờ kia đâu?

- Chính là lúc đây. Thưa các ngài, đã đến cái giờ làm cho các quí nương đây ngạc nhiên. Thưa các vị phu nhân, các vị hãy vui lòng chờ chúng tôi một lát.

Blasoven nói:

- Trò này bắt đầu bằng một cái hôn.

Tôlômiet thêm:

(1) Nguyên văn tác giả nhại mấy câu thơ nổi tiếng của Malherbe.

- Trên trán.

Và mỗi chàng trai trịnh trọng hôn lên trán tình nhân mình. Xong họ nối đuôi nhau đi ra cửa, một ngón tay đặt lên môi. Thấy thế Phavurít vỗ tay:

- Chưa gì đã vui rồi đấy.

Phăngtin thỏ thẻ:

- Đừng có đi lâu nhé. Chúng em chờ các anh đấy.

IX

CUỘC VUI TÀN TRONG CẢNH VUI VẺ

Bọn con gái còn lại một mình bèn đem nhau ra cửa sổ. Cứ hai người một, họ tì tay lên bậc cửa, cúi nhòm ra ngoài, và tán gẫu, nói chuyện truyền từ cửa này sang cửa kia. Họ trông thấy bọn con trai từ quán Bôngbacđa khoác tay nhau đi ra. Chúng quay lại, vẫy tay cười, rồi đi lẫn vào đám đông đầy bụi bậm của những ngày chủ nhật ở quảng trường Săng Êlidê.

Phăngtin gọi với theo:

- Đừng đi lâu đấy nhé!

Dêphin hỏi bạn:

- Không biết rồi họ mang cái gì về cho chúng ta nhỉ?

- Chắc là đẹp lắm -Đalia bảo.

Phavurít thêm:

Tớ thì tớ muốn là một thứ đồ vàng.

Rồi họ xao lãng, vì cảnh tấp nập ở phía bờ sông, trông qua màn lá những cây lớn bên đường quá vui mắt. Lúc ấy đương là giờ khởi hành của các chuyến

xe thư và xe hành khách. Hầu hết các xe đi về nam và về tây đều qua Săng Êlidê. Phần lớn chạy dọc bờ sông rồi theo cửa ô Patxy ra khỏi thành phố. Cứ mỗi phút, một cỗ xe lớn sơn vàng và đen chở lặc lè, ầm ầm chạy qua, hình thù méo mó xộc xệch vì mang đầy những hòm, những bọc, những va-li, những đầu người thoáng hiện, thoáng khuất. Đá lát đường nát vụn dưới bánh sắt. Cỗ xe dáng giận dữ xông qua giữa đám người, như cả một cái lò bễ tóe lửa và bốc bụi lên như khói. Cảnh huyên náo làm cho các cô thích chí. Phavurít reo:

- Nghe loảng xoảng tợn nhỉ! Như từng đống xích sắt tung bay.

Có một lúc, các cô trông thấy lờ mờ qua màn lá, một chiếc xe dừng lại một thoáng rồi lại phóng lên. Phăngtin lấy làm lạ:

- Lạ chửa! Em cứ tưởng xe chuyến thì chẳng bao giờ đỗ lại.

Phavurít so vai:

- Cái con bé Phăngtin này thật là kỳ! Tao đến phải đi coi mày như một của lạ. Chẳng có cái gì là không làm cho mày ngạc nhiên. Đây nhé: tao là một hành khách; tao dặn người đánh xe: tôi đi lên trước, tôi đón anh ở đường bờ sông. Xe đi, xe trông thấy tao, xe đỗ lại cho tao lên. Ngày nào mà không có chuyện như thế! Em chẳng hiểu gì việc đời cả, em ạ.

Một lát. Bỗng Phavurít như tỉnh giấc:

- Ô này, món quà bất ngờ đâu nhỉ?

Đalia cũng nói:

- Ơ nhỉ! Cái món bất ngờ ghê gớm ấy đâu?

Phăngtin:

- Các anh ấy đi lâu thế!

Phăngtin vừa buông xong tiếng thở dài thì người hầu bàn khi nãy vào, tay cầm cái gì như là một phong thư.

Phavurít mau miệng hỏi:

- Cái gì thế?

- Các ông ấy trước khi đi có để cái giấy này lại cho các bà.

- Sao anh không đưa vào ngay?

- Vì các ông ấy dặn là phải chờ một tiếng đồng hồ rồi hãy đưa.

Phavurít giật tờ giấy trên tay người hầu bàn. Quả là một phong thư:

- Ô này! Thư không đề địa chỉ. Nhưng lại có mấy chữ:

Đây là món quà bất ngờ.

Cô vội vàng bóc thư mở ra đọc (cô biết đọc):

"Hỡi các em yêu dấu,

Các em nên biết rằng các anh có cha mẹ. Nói đến cha mẹ, các em chẳng hiểu là cái gì. Dân luật giải thích ngây thơ nhưng đúng: cha mẹ là cha sinh mẹ

đẻ. Ấy, cha mẹ của bọn anh đương than vãn, các ông già bà già ấy đương gọi các anh về, những con người chất phác ấy mắng các anh là đồ phá gia chi tử. Các cụ mong các anh về, các cụ hứa mổ bò ăn khao. Các anh vốn là những đứa con có hiếu nên phải tuân lời. Lúc các em đọc tờ giấy này cũng là lúc năm con ngựa hăng máu đang chở bọn anh về với các cụ. Bọn anh dùng chước "thừa cơ lẻn bước ra đi" như nhà thơ đã nói. Các anh đi đây, các anh đi thẳng. Các anh tẩu bằng xe, các anh bay bằng cánh. Chuyến xe Tulu đang kéo các anh ra khỏi vực thẳm, vực thẳm ấy chính là các em, hỡi các cô bé xinh đẹp! Các anh trở về với cha mẹ, với bổn phận, với nề nếp. Các anh phóng nước đại, tốc độ ba dặm một giờ. Tổ quốc muốn rằng các anh phải như thiên hạ, nghĩa là cũng làm quận trưởng, cũng lấy vợ đẻ con, cũng làm lính tuần phòng hay là bộ trưởng. Các em nên tôn thờ các anh. Các anh đã tự hy sinh đây. Các em hãy khóc các anh sơ qua một tí thôi, rồi liệu chong chóng tìm người thay chân các anh. Nếu lá thư này vò xé lòng các em thì các em vò xé trả. Thôi, vĩnh biệt nhé.

Trong ngót hai năm, các anh đã làm cho các em sung sướng. Vậy đừng nên oán thán các anh.

Ký tên: Blasoven
Phamơi
Lichtôliê
Tôlômiet

Tái bút: "Bữa cơm đã thanh toán"

Bốn cô nhìn nhau.

Phavurít lên tiếng trước:

- Thế nào! Gọi là một trò hí kịch cũng phải đấy chứ!

Dêphin:

- Buồn cười thật đấy!

Phavurít lại nói:

- Đây chắc là sáng kiến của anh chàng Blasoven. Nó làm cho mình càng say mê hắn. Cứ hễ người ta đi thì mình lại đâm yêu người ta, chuyện đời là thế!

Đalia cãi:

- Không đâu. Chính là ý kiến của Tôlômiet. Khó gì mà không nhận thấy.

- Nếu vậy thì -Phavurít lại nói- đả đảo Blasoven, hoan hô Tôlômiet!

Đalia và Dêphin hô theo:

- Hoan hô Tôlômiet!

Cả lũ phá ra cười.

Phăngtin cũng cười như các bạn.

Một giờ sau, khi về đến buồng riêng, Phăngtin khóc. Đây là mối tình đầu của nàng, ta đã biết. Phăngtin đã hiến thân hoàn toàn cho Tôlômiet như đối với một người chồng và tội nghiệp, nàng đã có con.

QUYỂN IV

GỬI TRỨNG CHO ÁC

I

MỘT NGƯỜI MẸ GẶP MỘT NGƯỜI MẸ

Ở Môngphecmây, gần Pari, khoảng đầu thế kỷ này, có một hàng cơm nhỏ ở ngõ Hàng Bánh, thứ hàng cơm nhỏ ấy ngày nay không còn nữa. Vợ chồng chủ quán tên là Tênacđiê. Trước cửa hàng có một tấm bảng đóng ngay vào tường, phía trên khung cửa. Trên bảng có vẽ hình cái gì như là hai người cõng nhau, người trên đeo lon vàng cấp tướng với nhiều sao bạc to. Nhiều vệt đỏ hình dung vệt máu. Chung quanh là khói, ý hẳn để diễn tả một cảnh chiến trường. Dưới bảng đề chữ: *Quán đội trưởng Oateclô.*

Một cái xe bò hay xe ba gác nằm trước một quán cơm thì có gì là lạ! Song cỗ xe, hay nói cho đúng, mảnh xe cổ quái này, đỗ trước hàng cơm Đội trưởng Oateclô một chiều xuân năm 1818 và chắn cả lối phố, thật đáng cho một nhà họa sĩ chú ý vì cái khối của nó.

Đó là nửa trước của một cỗ xe đại ở miền rừng dùng để chở gỗ. Cái nửa trước cái xe này gồm có một trụ sắt đặt tra vào một đòn dọc nặng, tất cả đặt trên hai bánh xe to tướng. Toàn bộ trông thấp lùn, nặng nề, xấu xí. Người ta nghĩ đó là giàn đế của một khẩu

đại bác khổng lồ. Đường lắm ổ gà đã khiến cho bánh, vành, moa-ơ, trục, đòn đều bết một lớp bùn vàng bẩn khó coi, tương tự như lớp vôi vàng người ta ưa quét lên tiền diện của nhà thờ lớn. Gỗ bị bùn che lấp, sắt bị gỉ phủ kín. Dưới trục xe lòng thòng một chiếc xích to bự, xứng đáng để xích Gôliat nếu hắn là tù khổ sai. Trông cái xích ấy, người ta không nghĩ đến những súc gỗ nó chở đi, mà nghĩ đến những con voi thái cổ có thể buộc vào ách. Nó có dáng của nhà tù, nhà tù nhốt bọn khổng lồ dị thường. Hình như nó được cởi ra từ mình một quái vật. Hôme có thể dùng nó trói Pôliphem còn Sêchxpia thì trói Calibăng.

Sao nửa chiếc xe chở gỗ ấy lại nằm ở đây? Trước hết là để cho vướng lối; sau nữa là để cho nó gỉ nát hẳn đi. Ở trong trật tự xã hội cũ kỹ của chúng ta, cũng có hàng mớ những thứ tổ chức nằm vướng vất ở lối đi, ngay giữa trời như vậy và cũng chẳng có lý do tồn tại gì khác thế.

Dưới trục xe có một cái xích sắt thòng xuống gần sát đất. Hai em bé gái ngồi trên khoảng vòng cung ấy như ngồi trên một chiếc võng đu. Em lớn, chừng hai tuổi rưỡi, em bé được độ mười tám tháng. Em bé ngồi trong lòng em lớn, hai đứa choàng cổ nhau, cảnh tượng trông rất đáng yêu. Một chiếc khăn tay khéo buộc giữ cho chúng khỏi ngã. Có lẽ khi trông thấy chiếc dây xích dễ sợ ấy, một bà mẹ đã tự nhủ: "À, có chỗ để cho con ta chơi đây!"

Áo quần của hai đứa bé rất xinh và cũng cầu kỳ đôi chút. Trông các em hớn hở như hai đóa hoa hồng giữa đống sắt gỉ. Mắt các em sáng rỡ, má các em tươi tắn như cười. Một em tóc hạt dẻ, một em tóc nâu. Gương mặt ngây thơ của các em sáng lên vì ngạc

nhiên và sung sướng. Một bụi cây nở hoa gần đó tỏa hương thơm, làm cho khách qua đường ngỡ là mùi thơm bay lên từ hai đứa trẻ. Em bé mười tám tháng ngây thơ phơi cái bụng trần xinh xắn; rõ thật là vô ý nhưng cũng thật là ngây thơ trong trắng. Hai cái đầu nhỏ nhắn như nặn bằng hạnh phúc, như tôi trong ánh sáng, nổi lên giữa khung xe to tướng đen sì gỉ sắt, ghê gớm, chằng chịt những đường cong đường gẫy, khom khom như một cửa hang. Cạnh đấy, bà mẹ ngồi xổm ở ngưỡng cửa đu đưa võng con bằng một sợi dây dài. Người mụ không có vẻ gì đáng ưa, nhưng thấy đôi mắt mụ như ôm ấp con, lo lắng sợ con ngã với bản năng của người mẹ, người ta cũng cảm động. Các vòng xích mỗi lần đu đưa lại kêu kin kít như giận dữ. Hai em bé thích chí. Ánh nắng chiều cũng xen vào cuộc vui. Không gì kỳ thú bằng cái cảnh ngẫu nhiên một cái dây xích sắt của bọn khổng lồ lại biến thành chiếc võng đào của một đôi ngọc nữ.

Người đàn bà vừa đưa võng ru con vừa hát một bản tình ca quen thuộc, giọng sai lạc:

"Âu phải thế" chàng trai thỏ thẻ.

Mải hát, mải ngắm con, mụ không chú ý gì đến hàng phố. Có người đi đến gần mụ. Khi mụ vào đoạn đầu khúc hát thì có tiếng ai nói một bên tai:

- Hai cháu bé của bà trông xinh quá!

Với cô Gin diễm lệ, đa tình

Mụ hát tiếp câu ấy, trả lời cho khách lạ, rồi mới quay lại nhìn.

Một người đàn bà đứng trước mặt mụ, cách vài bước. Chị ấy cũng bế một đứa con nhỏ. Chị còn mang một cái đãy lớn có dáng nặng lắm.

Con của chị đẹp như tiên đồng. Đó là một bé gái độ hai ba tuổi. Cách ăn mặc đỏm dáng của nó có thể địch với hai đứa trẻ kia. Mũ nó viền đăng-ten, áo ngoài có nhiều ruy-băng, dải mũ bằng hàng thượng hạng. Chiếc váy ngắn hếch lên để lộ cặp đùi trắng, bụ bẫm và chắc nịch. Trông nó thật là hồng hào, mạnh khỏe. Ai cũng muốn cắn vào hai bên má phinh phính như hai quả táo. Còn hai con mắt thì chưa thể nói rõ được, chắc là to lắm và có hàng mi dài rất đẹp. Em đang ngủ.

Em ngủ giấc ngủ tuyệt đối tin cậy của tuổi thơ. Tay mẹ là tay âu tay yếm, con nằm trong tay mẹ cứ việc ngủ say sưa.

Người mẹ trông nghèo nàn, buồn bã. Chị ăn mặc như một người thợ sắp quay trở về làm nông dân. Chị còn trẻ lắm. Đẹp hay xấu? Có lẽ đẹp. Nhưng ăn mặc thế thì ai biết được. Tóc của chị chắc là tốt lắm; có một mớ óng vàng đổ xuống, còn bao nhiêu nằm chặt trong chiếc mũ vải thô, xấu xí, chật hẹp, có dải buộc xuống dưới cằm. Có răng đẹp thì người ta hay cười để phô trương, nhưng chị không cười. Đôi mắt hình như vừa ráo lệ chưa được bao lâu. Người chị xanh xao. Chị có dáng mệt nhọc lắm và chừng như hơi đau yếu. Chị cúi nhìn đứa con đang ngủ trên tay với cái nhìn riêng biệt của người mẹ nuôi lấy con. Một chiếc khăn tay xanh rộng, giống như khăn thương binh, gấp chéo thành khăn quàng che lấp đường nét thân hình chị. Bàn tay rám nắng của chị lấm tấm những vệt đỏ. Ngón trỏ đầy vết kim châm sần sùi. Chị mặc một chiếc áo choàng nâu bằng len xấu, một chiếc áo dài vải thô và đi đôi giầy lớn. Đó là Phăngtin.

Chính Phăngtin. Thật khó nhìn ra. Nhưng nom cho kỹ nàng vẫn đẹp. Má bên phải của nàng có một nếp giăn buồn, có thể là một nét chán chường sớm hiện. Bộ cánh ngày nào, bộ cánh nhẹ nhàng làm bằng là lụa, nơ, băng, may bằng vui tươi, điên dại, bằng cung đàn, tiếng hát, bằng nhạc vàng và hoa xuân thơm ngát, bộ cánh ấy đã bay biến. Những giọt sương hoa lộng lẫy như kim cương dưới ánh mặt trời cũng tan biến như thế, để trơ lại cành cây đen sì.

Từ ngày cái trò hí kịch diễn ra đến nay đã mười tháng qua. Trong thời gian mười tháng ấy đã xảy ra những chuyện gì? Đoán cũng biết được.

Bị ruồng bỏ, Phăngtin lâm vào cảnh túng bấn. Bạn bè cũng mất hút. Tình duyên với bọn đàn ông đã đứt thì tình bạn giữa mấy cô cũng chẳng còn gì. Chỉ mười lăm ngày sau giả sử có ai nhắc lại trước đây, họ là những chị em cố kết thì hẳn họ phải lấy làm lạ lùng. Bởi vì còn lý do gì làm chị em với nhau nữa. Phăngtin còn trơ lại một thân một mình. Cha của đứa bé đã bỏ đi, -than ôi! Những đổ vỡ như thế có bao giờ được hàn gắn!- thì cô ả thật quả bơ vơ; đã thế tính cần cù làm ăn đã mất mà thú ăn chơi lại trót bén mùi. Từ ngày dan díu với Tôlômiet, nàng coi thường cái nghề hèn mọn của mình. Nàng đã bỏ bê khách hàng, khách hàng cũng hết cần nàng. Tuyệt lộ, Phăngtin võ vẽ đọc được chứ không biết viết: thuở nhỏ nàng chỉ học ký tên. Nàng cậy người viết một bức thư cho Tôlômiet, tiếp theo là bức thứ hai, rồi bức thứ ba. Tôlômiet không trả lời. Một hôm Phăngtin thấy mấy mụ láng giềng nhìn con mình mà

bàn tán: "Ai người ta nhìn những đứa trẻ ấy là con? Người ta nhún vai với chúng nó!" Nghe thế nàng hình dung Tôlômiet nhún vai với đứa con vô tội của mình và coi nó như một trò đùa. Lòng nàng thầm giận con người tệ bạc ấy. Nhưng bây giờ biết tính sao đây? Tứ cố vô thân, chẳng còn biết nương tựa vào đâu. Mặc dầu trót sa chân lỡ bước, song, như chúng ta biết, bản chất của Phăngtin đoan trang và chính đính. Nàng cảm thấy khốn quẫn đến nơi và không biết rồi còn tuột dốc đến đâu nữa. Cần phải dũng cảm! Nàng đã dũng cảm và đã quyết tâm. Nàng có ý định quay về quê hương là Môngtơrơi, may ra gặp được chỗ quen thuộc, thu xếp công ăn việc làm cho. Phải, nhưng cần giấu giếm đoạn đời sa ngã của mình. Nàng lờ mờ thấy trước một cuộc chia ly mới, còn đau đớn hơn cuộc chia ly trước đây: Lòng nàng se lại, nhưng đành phải quyết tâm. Phăngtin -chúng ta sẽ thấy- có cái can đảm cắn răng phấn đấu vì cuộc sống.

Nàng đã cương quyết từ bỏ các thứ trang sức, thay áo hàng mặc áo vải. Những thứ áo lụa, dải là, đăng-ten, nàng đem chữa tất cả cho con, hiện nay là cái nguồn kiêu hãnh độc nhất và thiêng liêng của nàng. Có cái gì nàng đem bán nhẵn, được hai trăm phơrăng. Trang trải công nợ vặt vãnh, trong lưng chỉ còn lại có tám mươi phơrăng. Một buổi sáng ấm áp mùa xuân, người thiếu phụ hai mươi hai tuổi ấy từ giã kinh thành, cõng con ra đi. Ai trông thấy cái cảnh bìu díu ấy cũng phải ái ngại cho hai mẹ con nàng. Trên đời, người đàn bà ấy chỉ

có đứa bé con ấy và đứa bé con ấy cũng chỉ có người đàn bà ấy. Phăngtin cho con bú nên ngực nàng suy yếu, nàng húng hắng ho.

Còn về Tôlômiet thì sau này chúng ta không có dịp nói đến nữa. Chỉ cần biết rằng hai mươi năm sau, dưới thời Lui Philip, hắn là một thừa lại lớn ở tỉnh nhỏ, có thế lực và khá giàu có. Là một cử tri ngoan, một hội thẩm nghiêm khắc, hắn cũng đồng thời là một tay ăn chơi như xưa.

Cả buổi sáng đi bộ, thỉnh thoảng để nghỉ chân, nàng lên cái thứ xe nhỏ ở ngoại ô, trả bốn xu đi một dặm. Giữa trưa Phăngtin đến Môngphecmây, và nàng dừng lại ở ngõ Hàng Bánh.

Khi đi qua quán hàng Tênacđiê, nàng trông thấy hai đứa bé gái chơi say sưa trên chiếc dây đu khổng lồ. Cảnh tượng vui vẻ ấy làm cho nàng lóa mắt, nàng phải dừng lại.

Có bùa mê. Hai em bé gái ấy là bùa mê đối với bà mẹ ấy.

Phăngtin đứng nhìn, trong lòng rất cảm động. Chỗ nào có thiên thần tức là chỗ ấy đã gần thiên đường. Nàng tưởng như nhìn thấy trên nóc quán ăn chữ: Đây huyền bí. Hai đứa bé trông có vẻ sung sướng làm sao! Nàng nhìn mãi, nàng khen mãi. Lòng nàng quá xúc động nên khi người mẹ ngừng lại giữa hai câu hát để lấy hơi thì nàng không thể nhịn không nói cái câu mà chúng ta đã đọc:

- Hai cháu bé của bà trông xinh quá!

Những giống vật hung dữ đến đâu đi nữa khi thấy người ta vuốt ve con mình cũng hóa hiền

lành. Người mẹ nhìn lên và cảm ơn, rồi mời khách ngồi lên tấm ghế gỗ kê ở trước cửa, còn mình thì vẫn ngồi nguyên ở bậc cửa. Hai người nói chuyện với nhau.

- Tôi là bà Tênacđiê. Vợ chồng chúng tôi là chủ cái quán trọ này.

Rồi mụ khe khẽ hát nốt đoạn bỏ dở:

Tướng dòng chi sá hy sinh
Đất Thiêng phải xuất tinh binh bảo toàn.

Mụ Tênacđiê là một mụ đàn bà tóc hung, to béo, vóc người thô lỗ, nom ra tướng một mụ vợ lính thất thế. Thế mà vì đọc nhiều tiểu thuyết, lúc nào mụ cũng làm ra dáng ẻo lả mới thật là kỳ quặc. Trông mụ, người ta tưởng là một người đàn ông làm duyên õng ẹo. Đó là kết quả của những cuốn tiểu thuyết quen thuộc của đám gái hàng cơm. Mụ cũng còn trẻ, chỉ trạc ba mươi. Giả sử mụ đứng thẳng dậy chứ không ngồi xổm thì có lẽ cái vóc người cao lớn, cái thân hình hộ pháp đáng làm diễn viên cho rạp xiếc lưu động ấy đã làm cho khách phải giật mình, ngần ngại mà không dám bày tỏ ý định. Số mệnh người ta thay đổi vì một người ngồi hay đứng là như thế.

Khách kể lại chuyện mình, có dối dá chút đỉnh:

Làm thợ, chồng chết, ở Pari không có việc làm, phải đi nơi khác kiếm ăn, đi về quê nhà; đi từ Pari lúc sáng, đi bộ mà lại cõng con nên cũng mệt, gặp chuyến xe đi Vinmômblơ, đã đáp một chặng đường; từ đấy lại đi bộ đến Môngphecmây; đứa bé cũng đi chút ít, đi ít thôi, nó còn bé lắm, rồi lại phải bế nó lên và "con chó con" ngủ thiếp suốt dọc đường.

Nói đến đấy, nàng say sưa hôn cọn một cái, làm cho nó thức dậy. Nó mở mắt, đôi con mắt to và xanh như mắt của mẹ nó, và nhìn. Nhìn gì? Chẳng nhìn gì cả mà lại nhìn tất cả, với cái vẻ trang trọng và có khi nghiêm nghị của con trẻ. Đó là sự huyền bí của tuổi thơ ngây tươi sáng bên cạnh đạo đức xế chiều của chúng ta. Tựa hồ chúng cảm thấy chúng là thiên thần mà biết chúng ta chỉ là bọn người tại phàm mắt tục. Thế rồi đứa bé bật cười và mặc cho mẹ nó cố giữ lại, nó cứ tụt xuống đất hết sức bướng bỉnh như mọi đứa trẻ thèm được chạy. Bỗng nó trông thấy hai đứa kia trên dây đu, nó đứng sững ngay lại, thè lưỡi ra khâm phục.

Mụ Tênacđiê cởi chiếc khăn cho hai đứa con xuống, rồi nói:

- Ba con cùng chơi với nhau đi.

Ở cái tuổi ấy làm quen với nhau rất chóng. Chỉ phút sau, hai đứa trẻ nhà Tênacđiê đã cùng với con bé mới đến chơi đào lỗ ở dưới đất, coi bộ thích chí lắm.

Con bé mới đến tính thật là vui -Cái vui của đứa trẻ là phản ảnh của lòng hiền từ ở người mẹ. Nó nhặt một que củi làm xẻng, mắm môi đào một cái hố chôn vừa một con ruồi. Cái công việc đào huyệt ở tay trẻ con cũng hóa ra việc vui vẻ.

Hai người đàn bà vẫn nói chuyện:

- Con bé nhà bà tên gì?

- Côdét.

Côdét tức là Ơphơradi. Con bé tên là Ơphơradi. Từ Ơphơradi, Phăngtin đã đổi thành Côdét. Các bà mẹ, cũng như nhân dân, vẫn có tính dịu dàng âu yếm, cho nên đặt đổi tên con theo tính ấy. Cách cải tên

của họ làm cho các nhà tầm nguyên học ngơ ngác. Chúng tôi biết có một bà nội đã tìm được cách biến tên cháu là Têôđorơ thành Nhông.

- Con bà lên mấy?

- Cháu sắp lên ba.

- Thế thì cũng bằng con cháu lớn nhà tôi.

Trong lúc ấy ba đứa bé đương chụm đầu vào nhau, lo ngại và thích thú. Vì có một biến cố xảy ra: một con giun to tướng vừa ở dưới đất chui lên. Thế là ba đứa sợ, và lại mê mẩn nhìn.

Ba cái trán sáng sủa kề gần nhau, trông giống ba cái đầu trong một vành hào quang.

Mụ Tênacđiê nói lớn:

- Trẻ con có khác, chóng thân với nhau thế! Ai chẳng bảo là ba chị em ruột.

Người mẹ kia ý chừng chỉ chờ đón cái tia lửa ấy. Nàng nắm ngay lấy tay mụ Tênacđiê, nhìn vào tận mặt mà hỏi:

- Bà có bằng lòng giữ hộ con bé cho tôi không?

Mụ Tênacđiê ngạc nhiên, làm một điệu bộ không ra nhận mà cũng không ra không.

Mẹ Côdét lại nói:

- Bà hiểu cho, tôi không thể đem cháu về quê được. Công việc làm ăn của tôi buộc phải thế. Có con mọn kè kè thì còn ai người ta dám mượn nữa. Ở cái xứ tôi họ gàn dở như thế đấy. Có lẽ lòng trời run rủi cho tôi đi qua đây. Khi tôi thấy được hai cháu bé của bà xinh đẹp, sạch sẽ thế, sung sướng thế, tôi rất xúc động. Tôi tự nhủ: bà này chắc

khéo nuôi con. Phải đấy. Chúng nó sẽ thành ba chị em. Với lại, chỉ ít lâu thôi tôi sẽ trở lại. Bà trông giúp hộ con bé cháu nhé?

- Để còn xem thế nào đã.

- Mỗi tháng tôi trả cho bà sáu phơrăng đấy.

Đến đây thì từ trong nhà hàng có tiếng đàn ông nói chõ ra:

- Kém bảy phơrăng không được. Và phải trả trước sáu tháng.

Mụ Tênacđiê tính:

- Sáu bảy, bốn mươi hai.

- Tôi xin trả đủ.

Tiếng đàn ông ở trong lại nói:

- Còn phải thêm mười lăm phơrăng nữa để chi trước những món lặt vặt.

Mụ Tênacđiê lại tính:

- Cộng tất cả là năm mươi bảy phơrăng.

Và qua những con số đó, mụ thì thầm hát:

"Âu phải thế"! chàng trai thỏ thẻ...

- Tôi sẽ đưa đủ, mẹ Côdét nói. Tôi có những tám mươi phơrăng. Tôi cũng còn đủ để về đến quê nhà nếu chịu khó đi bộ. Tôi sẽ đi làm, khi dành dụm được ít nhiều, thế nào tôi cũng đến đón cục vàng của tôi.

Tiếng đàn ông hỏi thêm:

- Con bé có xống áo gì không?

- Chồng tôi đấy -mụ Tênacđiê bảo.

- Hẳn chứ. Hòn ngọc của tôi sao lại không có xống áo. Tôi cũng đoán biết đấy là bác giai rồi. Bộ cánh

của con bé cứ ra phết đấy nhé! Một bộ cánh vô lý, cái gì cũng từng tá! Loại áo hàng, áo lụa như một bà quí phái vậy. Tôi để cả trong đãy này.

Tiếng đàn ông lại nói:

- Thế thì phải để lại cho nó.

- Không để lại, thì giữ làm gì? Có là điên mới để cho con trần truồng như nhộng ấy!

Lúc này chủ quán mới ló mặt ra:

- Được rồi.

Hai bên điều đình xong. Người mẹ tối hôm ấy ngủ trọ tại nhà hàng, trao tiền và gửi con. Sáng hôm sau nàng ra đi, thất lại cái đãy bẹp hẳn và nhẹ bỗng vì đã bỏ hết quần áo của đứa con ra. Nàng mong rằng chỉ ít lâu sau sẽ trở lại. Người ta bình tĩnh xếp đặt những chuyến ra đi như thế, nhưng bên trong người ta nát ruột nát gan.

Một bà hàng xóm nhà Tênacđiê gặp người mẹ ấy, về thuật lại:

- Tôi mới gặp một người đàn bà vừa đi vừa khóc ở ngoài phố, thật là thương tâm.

Mẹ Côdét vừa đi khỏi, chủ quán bảo vợ:

- Vừa may, ngày mai phải trả món nợ một trăm mười phơrăng, mà tôi còn thiếu năm mươi quan. Không có món này chưa biết mai đây xoay xở với lão mõ tòa làm sao? Mẹ mày thật là khéo đem hai đứa trẻ mà gài bẫy chuột.

- Mà có định bẫy đâu!

II

VÀI NÉT PHÁC HỌA ĐẦU TIÊN VỀ HAI BỘ MẶT KHẢ NGHI

Con chuột mắc bẫy chỉ là con chuột nhắt, nhưng với mèo thì đến chuột còm nó cũng thích.

Vợ chồng Tênacđiê là hạng người gì?

Hãy giới thiệu chúng ngay bằng vài nét, sau này sẽ bổ khuyết dần.

Những ngữ ấy thuộc về cái tầng lớp vô thừa nhận gồm có những người thô lỗ giàu xổi lên và những người khôn ngoan sa đọa. Tầng lớp này nằm giữa tầng lớp gọi là trung gian và tầng lớp dưới. Nó hòa lẫn một vài thói hư của lớp dưới với hầu hết những tật xấu của tầng lớp trung gian. Vì thế chúng không có cái nhiệt tình hào hiệp của người thợ mà cũng vẫn thiếu cái tính ngăn nắp lương thiện của anh tư sản thị dân.

Đó là một hạng người lùn không vươn lên được. Khi bị một dục vọng nào hun đốt thì họ dễ thành yêu quái. Con vợ bản chất thô bạo phũ phàng, còn thằng chồng thì là một thằng khốn kiếp. Cả hai đứa đều có triển vọng tiến không cùng trong tội ác. Trên đời có những con người giống như loài tôm tép chỉ muốn giật lùi và đi sâu mãi vào trong bóng tối chứ không muốn tiến lên chút nào. Chúng càng có kinh nghiệm càng thêm xấu xa, chúng tiến sâu vào con đường lầm lỗi, chúng đắm mình vào chỗ bùn đen ngày một dày đặc. Hai vợ chồng nhà ấy chính ở vào loại này.

Nhất là vẻ mặt lão Tênacđiê thì phải làm cho thày tướng băn khoăn. Có những người, ta mới trông là phải ngờ vực, đoán thấy đời họ có một cái gì mờ ám. Chúng thậm thọt lo sợ về phía sau lưng chúng và gầm ghè dọa nạt đằng trước mặt. Chúng có cái gì bí mật. Không ai có thể tin những hành động đã qua và bảo đảm những hành động sắp tới của chúng. Cái nhìn của chúng có một cái gì đen tối có thể tố cáo chúng. Nghe chúng nói một câu, thấy chúng làm một điệu bộ, người ta cũng phảng phất thấy thân thế của chúng có nhiều điều bí ẩn cũng như tương lai còn nhiều chuyện tối tăm.

Tên Tênacđiê này theo lời hắn khoe, đã có lúc ở lính, đóng lon đội. Hắn có tham gia các trận đánh năm 1815 và hình như cũng tỏ ra là gan dạ. Để sau này rồi ta sẽ thấy gan dạ thế nào. Cái biển treo trước quán cơm có ý khoe một chiến công của hắn. Hắn tự vẽ lấy, vì nghề gì hắn cũng biết qua một tí, đó điều là rất tồi.

Lúc ấy là thời kỳ những tiểu thuyết cổ điển tuy vẫn tả những nhân vật quí phái nhưng đã biến thành thứ văn chương dung tục, nung nấu tâm hồn đa tình của các chị gác cổng Pari và một phần nào các chị ngoại ô. Mụ Tênacđiê vừa đủ trí thông minh để đọc những sách đó. Những tiểu thuyết ấy đã thành món ăn của mụ. Tim óc mụ chìm ngập trong ấy. Vì thế, lúc còn xuân xanh, cả đến khi đứng tuổi, lúc nào mụ cũng có cái dáng điệu trầm ngâm mơ mộng bên cạnh chồng. Thằng chồng thì xỏ lá mà khá thông minh, hay chữ ở ngoài mép, thô lỗ nhưng lại tinh vi trong tình ái, đối với phụ nữ thì có thái độ một tên quỵch lễ độ và lịch sự. Con vợ kém thằng chồng chừng mười

hai, mười lăm tuổi. Đến khi cái mái tóc rũ như lệ liễu trong tiểu thuyết kia đã ngả màu hoa râm, khi người thiếu phụ đú đởn đã trở thành một người đàn bà tai nghiệt, một con nặc nô rồi, thì mụ chỉ là một con mụ béo xị, nanh ác với một mớ tiểu thuyết nhảm trong đầu. Đừng tưởng đọc những sách nhảm không hại! Vì sách nhảm, con gái đầu của mụ mang tên Epônin. Mụ toan gọi con em là Guynna cho trọn bộ tiểu thuyết, may sao mụ lại nghĩ ngay đến một quyển khác nên đặt tên cho nó là Adenma.

Cái thời ấy kể cũng lạ, như là có một sự đảo ngược trong cách đặt tên. Thật ra, không hẳn tất cả đều buồn cười và nông nổi. Như trên đây đã vạch ra, trong đó có màu sắc tiểu thuyết, nhưng bên cạnh còn thấy dấu hiệu xã hội. Ngày nay, không hiếm những anh dân cày có tên là Actơ, Anphơrê, Anphôngxơ, mà cũng có những bậc danh gia tử đệ -Nếu còn có những bậc danh gia tử đệ- lại lấy tên là Tômat, Pie hay Giăccơ. Bình dân mà đặt tên văn hoa, còn quí tộc lại lấy tên quê mùa, cục mịch, sự xáo trộn ấy chẳng có gì khác là một dư ba của phong trào bình đẳng. Ở đây cũng như mọi chỗ khác, ảnh hưởng của luồng gió mới không gì ngăn cản nổi. Bên dưới cái lộn xộn mặt ngoài ấy, là một sự kiện sâu xa, vĩ đại: cuộc cách mạng Pháp.

III

SƠN CA

Muốn làm giàu, độc ác cũng chưa đủ, cho nên hàng cơm của Tênacđiê ngày càng suy.

Nhờ có cái khoản năm mươi bảy phơräng của Phăngtin, Tênacđiê thanh toán chủ nợ và tránh lôi

thôi với mõ tòa. Tháng sau, hắn lại túng tiền. Mụ vợ đem xống áo của Côdet đi Pari, cầm được sáu mươi phơrăng. Khi tiêu hết món tiền ấy rồi, vợ chồng Tênacđiê dần dần coi Côdét như một con bé nuôi làm phúc và đối xử với nó như đứa ăn báo cô. Quần áo của nó đưa đi cầm cả rồi, nó phải mặc những đồ thải của hai đứa con mụ chủ, váy cũ, áo rách, toàn đồ tã. Ăn thì thí cho rặt cơm thừa canh cặn của cả nhà, có hơn con chó một chút nhưng kém con mèo. Vả lại thường thì nó vẫn ăn chung với chúng ở gậm bàn, cũng được dùng một cái bát gỗ như chúng.

Mẹ nó về ở Môngtơrơi cứ mỗi tháng viết một phong thư, hay nói cho đúng là thuê viết một phong thư để hỏi thăm con. Lần nào vợ chồng Tênacđiê cũng trả lời một điệu: con bé hay ăn chóng nhớn lắm.

Khi số tiền trả trước cho sáu tháng đã hết, từ tháng thứ bảy, Phăngtin đều đều tháng nào cũng gửi bảy phơrăng. Nhưng chưa hết năm Tênacđiê đã nói: "Nó làm như thi ân cho mình không bằng! Có bảy phơrăng thì làm được trò trống gì?" Rồi hắn viết thư đòi mười hai phơrăng. Mẹ thấy nói con ăn chơi mạnh khỏe lại chóng lớn thì cũng bằng lòng, và gửi số tiền mười hai phơrăng.

Đời có kẻ hễ có yêu thì đồng thời phải có ghét. Mụ Tênacđiê yêu tha thiết hai đứa con mình, cho nên mụ rất ghét con người ta. Thật là buồn khi thấy rằng tình yêu thương của người mẹ mà cũng có thể có những mặt xấu! Khốn nạn, con Côdét ở nhà mụ thì hết bao nhiêu chỗ, thế mà mụ làm như nó chiếm mất phần của con mụ, nó thở tranh mất không khí của con mụ. Mụ ấy, cũng như nhiều đứa cùng giống, hàng ngày đã hôn hít vuốt ve thì hàng ngày cũng phải chửi

bới đánh đập. Nếu không có con Côdet thì có lẽ mấy đứa con của mụ dù được yêu dấu thế nào đi nữa, tất cũng có lúc bị chửi bới đánh đập. Có Côdét ở đấy, Côdét đã gánh vác hộ cho chúng. Chúng chỉ lĩnh những cái hôn hít vuốt ve. Còn Côdét, mỗi lần Côdét động chân động tay là một lần bị phạt, bị mắng như tát nước vào mặt một cách thậm vô lý. Con bé hiền lành yếu ớt không hiểu gì về cuộc đời, về Chúa, chỉ thấy mình quanh năm bị phạt, bị mắng, bị hành hạ, bị đánh đập, mà ở cùng nhà, hai đứa nhỏ kia cũng như mình thì lại sướng như tiên!

Mụ Tênacđiê đã ác với Côdét, thì Epônin và Adenma cũng ác theo. Ở cái tuổi ấy, con là dập khuôn của mẹ, chỉ khác là con nhỏ, mẹ to mà thôi.

Một năm qua, rồi một năm nữa.

Trong làng người ta bảo nhau:

- Vợ chồng Tênacđiê thế mà phúc đức. Nhà đã không có lại còn nuôi thêm một con bé người ta bỏ đi.

Ai cũng tưởng Côdét là đứa con bị mẹ bỏ.

Lúc đó, không biết gã Tênacđiê hỏi dò ở đâu mà biết được rằng Côdet chắc chắn là con hoang nên mẹ nó phải giấu. Hắn bèn đòi phải đưa mười lăm phơrăng một tháng, nói rằng con bé lớn rồi và ăn *tốn* lắm, và dọa nếu không thì đuổi đi. Hắn gắt: "Đứng có trêu vào tay ông! Ông thì ông ném con ranh con về giữa chỗ chúng mày lánh mặt cho mà xem. Phải đưa thêm tiền cho ông". Thế là Phăngtin phải trả đủ mười lăm phơrăng.

Mỗi năm con bé một lớn lên thì những nỗi điêu khổ của nó cũng lớn theo.

Khi còn bé tí, Côdét là cái bung sung của hai đứa con nhà chủ; đến lúc lớn lên được một chút, nghĩa là chưa đầy năm tuổi, thì nó thành ra đứa đầy tớ cho cả nhà.

Năm tuổi, ai tin được! Than ôi, thế mà quả có như vậy. Khổ cảnh xã hội có từ gì con trẻ!

Chúng ta chẳng thấy vụ án Đuymôla vừa rồi đó sao? Tội phạm là một trẻ mồ côi nay đã biến thành kẻ cướp. Các tài liệu chính thức cho biết từ hồi lên năm em đã trơ vơ một mình, không thân không thích, phải "lao động và ăn cắp để sống".

Côdét phải đi các việc vặt, phải quét tước các buồng và sân, cổng, rửa bát, có lúc phải khiêng vác đồ nặng nữa. Gặp phải thời kỳ mẹ nó gửi tiền thất thường, trễ đi vài tháng, vợ chồng Tênacđiê được thể lại càng hành hạ nó.

Nếu Phăngtin trở lại Môngphecmây ba năm sau khi ra đi thì đến nàng cũng không thể nhận ra con mình nữa. Con bé khi vào nhà ấy xinh tươi là thế, mà đến nay thì gầy còm, xanh xao. Dáng đi lại rụt rè, sợ sệt, vợ chồng chúng nó bảo là "gian hiểm".

Chịu đựng bất công lắm nên con bé hóa ra càu nhàu, đói khổ quá nó hóa ra xấu xí. Cả người con bé chỉ còn có đôi mắt là đẹp. Ai trông thấy đôi mắt ấy cũng phải thương, vì càng to càng thấy mênh mông nỗi khổ.

Mùa rét, chưa sáng con bé không đầy sáu tuổi ấy đã ra đường quét tước. Nó run lẩy bẩy trong mấy miếng giẻ che thân. Hai bàn tay nhỏ xíu và đỏ nhừ ôm một cái chổi to tướng, trong mỗi khóe mắt, một giọt lệ ngập ngừng. Thật đã não lòng!

Quanh đấy: người ta gói nó là con Sơn ca. Người bình dân hay ví von, đặt cho nó cái tên như thế vì con bé không lớn hơn con chim, run lẩy bẩy, lúc nào cũng sợ sệt, giật mình, trong nhà và cả trong làng sáng tinh sương chưa có ai dậy, đã thấy nó ở ngoài đường hay ra đồng rồi.

Nhưng tội nghiệp con Sơn ca này không bao giờ hót cả.

QUYỂN NĂM

XUỐNG DỐC

I

QUÁ TRÌNH CẢI TIẾN NGHỀ LÀM THỦY TINH ĐEN

Cái người đàn bà bỏ con đó, theo lời bàn tán của người phố Môngphecmây, hiện bây giờ ra sao? Ở đâu? Làm gì?

Phăngtin đem Côdét gửi vợ chồng Tênacđiê rồi lại lên đường đi cho đến Môngtơroi.

Người ta vẫn còn nhớ là lúc ấy vào năm 1818.

Phăngtin rời bỏ tỉnh nhà ra đi đã được mười năm: Môngtơroi đã thay đổi nhiều. Nàng thì hết vận hạn này đến vận hạn khác ngày một lụn bại, nhưng tỉnh quê của nàng thì cứ thịnh vượng dần mãi lên.

Nguyên do là hai năm trước, ở đây đã có một biến chuyển công nghiệp, một sự kiện quan trọng ở tỉnh nhỏ.

Chi tiết này quan trọng, chúng tôi thấy cần phải nói rõ, có khi phải nhấn mạnh nữa.

Từ lâu đời, đất Môngtơroi vẫn có nghề riêng là làm huyền Ăngglê giả và đồ thủy tinh đen như của Đức. Công nghệ đó sống vất vưởng vì nguyên liệu đắt đỏ

ảnh hưởng đến nhân công. Vào khoảng Phăngtin trở về quê nhà, nghề làm đồ huyền và thủy tinh đen tự nhiên biến đổi một cách kỳ diệu. Số là khoảng cuối năm 1815 có một người không biết tự đâu đến Môngtơrơi tìm cách làm ăn. Người ấy nghĩ ra được một phương pháp mới, lấy cánh kiến thay cho nhựa làm nguyên liệu và trong cách làm vòng đeo tay đã dùng cốt bằng tôn khấp lại chứ không phải hàn liền. Thay đổi nhỏ ấy đã có giá trị như một cuộc cách mạng.

Thật thế, sự thay đổi nhỏ nhặt ấy đã làm cho giá nguyên liệu giảm xuống phi thường. Do đó, một là tiền công thợ được tăng, lợi cho dân tỉnh, hai là phương pháp chế tạo cải tiến, lợi cho người tiêu thụ, ba là bán đã rất rẻ mà tiền lãi còn gấp ba trước, lợi cho người chủ xưởng.

Như thế là một sáng kiến đã đem lại ba kết quả.

Chưa đầy ba năm, người phát minh kia trở nên giàu có, đó là một điều hay, anh lại còn làm cho mọi người chung quanh mình cũng được giàu có, điều đó lại càng hay hơn. Người ấy không phải là dân bản hạt. Chẳng ai biết quê quán anh ta ở đâu. Cũng chẳng ai biết lúc thiếu thời anh ta sinh sống như thế nào.

Nghe nói lúc mới đến Môngtơrơi, lưng vốn anh ta chẳng là bao, chỉ độ mấy trăm phơrăng là cùng.

Lưng vốn chỉ có thế, nhưng anh ta khai thác được sáng kiến ấy, lại làm ăn có ngăn nắp và có suy nghĩ nên không bao lâu anh đã làm giàu cho mình, lại làm giàu cho cả xứ.

Lúc anh ta mới đến, anh ăn mặc, đi đứng, nói năng như một dân thơ

Nghe đâu anh ta lủi thủi vào thị xã Môngtơrơi nhỏ bé này một buổi chiều tối tháng chạp, lưng đeo ba-lô, tay cầm một chiếc gậy gai. Giữa lúc ấy thì một đám cháy lớn xảy ra ở ngay nhà hội đồng thị chính. Chẳng quản nguy hiểm, anh ta đã lăn xả vào đám cháy cứu được hai đứa trẻ. Hai đứa trẻ lại chính là con viên đại úy cảnh sát trưởng. Thành ra không ai nghĩ đến việc xét giấy thông hành của anh ta. Sau đó người ta hiết tên anh ta. Người ta gọi là *bác Mađơlen*.

II

ÔNG MAĐƠLEN

Bác Mađơlen là một người tuổi độ năm mươi, có vẻ đăm chiêu mà lại hảo tâm. Người ta chỉ biết có thế.

Nhờ người ấy chấn chỉnh công nghệ làm huyền nên nghề ấy phát triển nhanh chóng. Đất Môngtơrơi trở thành một trung tâm thương mại phồn thịnh. Nước Tây-ban-nha tiêu thụ nhiều huyền, hàng năm đặt mua một số hàng rất lớn. Môngtơrơi hầu như cạnh tranh cả với Luân-đôn và Bá-linh về xuất khẩu huyền. Số tiền lời của bác Mađơlen lên nhanh đến nỗi chỉ mới năm sau, bác ta đã dựng được một nhà máy khá lớn, ngăn làm hai xưởng rộng cho đàn ông và đàn bà làm riêng. Ai túng đói cứ tìm đến đó, chắc chắn sẽ có việc làm và có cơm ăn. Bác Mađơlen chỉ đòi hỏi đàn ông phải lương thiện, có chí, đàn bà phải nết na đứng đắn, và mọi người đều phải ngay thẳng thật thà.

Bác cho đàn ông, đàn bà làm việc riêng cũng là cho đàn bà con gái có thể giữ được đức hạnh. Về

khoản này, không ai lay chuyển được bác. Có lẽ đó là điểm độc nhất bác có phần cố chấp. Bác nghiêm khắc như vậy rất có lý, vì ở Môngtơrơi có nhiều trại lính, cơ hội hư hỏng thật chẳng thiếu gì. Tóm lại, đối với người dân Môngtơrơi, bác trước là một ân nhân sau là một vị cứu tinh. Trước kia, ở đây đời sống tẻ ngắt, nay thì chỗ nào cũng làm ăn nhộn nhịp, không khí vui tươi lành mạnh. Một sự giao lưu tấp nập thổi nhiệt tình và thâm nhập khắp nơi. Không còn cảnh thất nghiệp, nghèo đói nữa. Không có cái túi áo xấu xí nào là không xủng xoảng ít tiền, không có nhà tranh tồi tàn nào là không có tiếng cười vui.

Bác thu dụng tất cả mọi người. Bác chỉ yêu cầu một điều: đàn ông phải lương thiện, đàn bà phải đứng đắn.

Bác Mađơlen làm nên giàu có giữa cảnh lao động tấp nập mà bác đã tạo ra và hiện đứng làm trụ cột. Nhưng có một điều lạ là bác không lấy việc làm ra tiền làm mục đích chính như tất cả những người kinh doanh khác. Hình như bác ta nghĩ đến người khác nhiều hơn. Người ta biết rằng đến năm 1820 bác ta đã để ra được một món tiền là sáu mươi ba vạn phơrăng gửi ở ngân hàng Laphit. Nhưng trước lúc để ra số tiền đó thì bác đã chi cho dân trong thành phố và những người nghèo khó đến hơn một triệu rồi.

Nhà thương trước kia thiếu thốn, bác ta quyên thêm cho mười giường bệnh nữa. Tỉnh Môngtơrơi có hai khu: khu thượng và khu hạ. Khu hạ, là chỗ bác ta ở, chỉ có một nhà trường đặt trong một căn nhà nát sắp đổ, bác dựng hai trường mới: một trường con gái và một trường con trai. Hai thầy giáo ở đấy được bắc trả thêm một khoản phụ cấp gấp đôi số lương ít

ỏi của chính phủ. Có người lấy làm ngạc nhiên thì bác bảo: "Hai hạng công chức quan trọng nhất của nhà nước là vú nuôi trẻ và thầy dạy học". Bác còn bỏ tiền ra lập một nhà phúc, có lẽ khắp nước Pháp chưa đâu có, và một quỹ cứu tế cho thợ già yếu và tàn tật.

Xưởng công nghệ của bác trở thành một trung tâm, chung quanh đó mọc lên một khu phố của những người nghèo khổ quây quần lấy bác. Bác tổ chức ở đấy một phòng phát thuốc làm phúc.

Buổi đầu, thấy bác bắt tay vào việc, những kẻ tử tế nói: "Tay này định làm giàu đây". Đến khi thấy bác lo làm giàu cho cả xứ trước rồi mới nghĩ đến mình sau, những người ấy lại nói: "Anh này muốn địa vị". Điều này càng có vẻ có lý khi người ta thấy bác cũng đi đạo và chủ nhật nào bác cũng đi lễ đều đặn. Chừng nào đó bác còn là người ngoan đạo nữa, mà hồi này người ta trọng người ngoan đạo lắm. Tình hình này làm cho ông dân biểu trong hạt quen nhìn đâu cũng thấy có người kình địch, chả mấy chốc đâm lo. Ông ta trước kia có chân trong việc lập pháp của đế chế và cùng một quan niệm về tôn giáo với một nhà tu hành bấy giờ được phong quận công là Fusê(1), ông này vừa là bạn vừa là kẻ tác thành cho ông ta. Trong chỗ bạn bè kín miệng với nhau, ai nói đến Chúa Trời thì ông ta cười khảy một cách nhẹ nhàng. Nhưng khi thấy nhà công nghiệp giàu có Mađơlen theo mọi người đi đọc kinh sớm, ông ta lại đánh hơi ông này có thể nay mai ra tranh cử với mình nên quyết tâm làm cho hơn hẳn. Ông ta mời

(1) *Fouché:* Nguyên là linh mục theo cách mạng Pháp, rồi đế chế, được cử làm bộ trưởng bộ An ninh và phong công tước. Khi thấy Napôlêông suy, hắn giao thiệp với giặc ngoài nổi tiếng vì xảo quyệt, tàn bạo, tham lam, cơ hội và phản phúc.

riêng một linh mục dòng Tên làm cha xưng tội, ông ta lại đi nhà thờ dự lễ lớn thật sớm và luôn cả lễ chiều. Thời bấy giờ tham vọng biểu hiện bằng cuộc chạy đua đi lễ. Thành thử vì ông ta hoảng hốt mà kẻo nghèo và Chúa lại được nhờ, bởi vì ông dân biểu đáng kính nhà ta bỏ tiền đặt thêm hai giường nữa ở bệnh viện, vị chi mười hai giường.

Năm 1819, một sáng nọ có dư luận là ông tỉnh trưởng đã tiến cử bác Mađơlen làm thị trưởng thành phố Môngtơơi, để tưởng lệ công lao của bác, và nhà vua cũng sắp bổ nhiệm bác. Những người trước kia cho bác là một "tay địa vị" chộp ngay lấy cơ hội và reo lên mừng rỡ: "Đó, thấy chưa? Nói có đúng không?". Tiếng đồn ầm cả thành phố. Miệng người thế mà có căn cứ. Vài ngày sau thì chỉ dụ bổ nhiệm đăng lên công báo. Nhưng hôm sau, bác Mađơlen từ chối.

Cũng năm ấy, những mặt hàng sản xuất theo phương pháp do bác sáng chế được đem trưng bày ở cuộc triển lãm công nghiệp. Căn cứ vào báo cáo của hội đồng giám khảo, nhà vua tặng thưởng bác huân chương bắc đẩu bội tinh. Lại một phen đồn đại. Coi nhé! Huân chương anh ta mới thích cơ! Nhưng bác lại từ chối.

Quả thật bác là người khó hiểu. Những kẻ hiền lành bí quá, phán liều: "Dẫu sao thì cũng là một loại giang hồ bạt tử thôi".

Cả tỉnh được nhờ bác ta nhiều, những người nghèo đói hoàn toàn nhờ bác ta mà được no ấm. Công đức như thế nên dù thế nào mặc lòng, cuối cùng người ta cũng phải kính nể. Hiền như thế thì dù thế nào người ta cũng đem lòng yêu. Nhất là thợ thuyền làm trong

xưởng thì thật quý mến bác ta. Bác ta nhận sự quí mến của họ một cách trang trọng nhưng trong sự trang trọng ấy có phảng phất vẻ u hoài.

Khi ai nấy đều biết rằng bác ta giàu rồi thì đám tai mắt hàng tỉnh vồn vã chào hỏi bác và gọi: "Ông Mađơlen". Thợ thuyền và trẻ con vẫn cứ gọi ông là *bác Mađơlen*, điều ấy mới thật sự làm cho ông vui sướng. Vận càng lên, thiếp mời càng bay đến như bươm bướm. "Xã hội" vẫy tay kêu gọi ông. Những phòng khách kiểu cách ở đất Môngtơrơi có lẽ không đời nào tiếp anh thợ lúc ban đầu, thì bây giờ mở toang cửa để chờ đón nhà triệu phú. Người ta săn đón ông bằng đủ mọi cách. Ông vẫn lảng tránh.

Lần này, những kẻ hiền lành không tiếc lời: "Tay ấy là dân hạ đẳng ngu dốt. Chẳng biết là con cái nhà ai. Chẳng biết cách giao thiệp trong giới thượng lưu đâu. Và hình như mù chữ thì phải".

Trước kia, thấy ông làm ra tiền, họ bảo ông là một chú lái buôn. Khi thấy ông đem tiền ra rắc vãi thì họ bảo là một thằng địa vị. Khi thấy ông từ chối địa vị thì họ bảo là một đứa giang hồ bạt tử. Bây giờ thấy ông lảng tránh cái xã hội thượng lưu thì họ bảo là một thằng thất phu.

Đến năm 1820, nghĩa là năm năm sau khi ông đến Môngtơrơi, công đức của ông ở đất đó to lớn quá, nguyện vọng của nhân dân nhất trí quá, nên triều đình một lần nữa lại cử ông làm thị trưởng thành phố. Lần này ông cũng lại từ chối. Viên tỉnh trưởng nhất định không chịu, hàng thân hào yêu cầu ông, nhân dân van xin ông ngay giữa phố, sự yêu cầu khẩn khoản quá nên cuối cùng ông phải nhận. Có người thấy một bà già dân nghèo đứng ngay giữa cửa

mà quát ông một cách gần như giận dữ: "Một ông thị trưởng tốt là lợi cho dân lắm chứ. Có dịp làm điều hay cho dân chúng sao bác lại từ chối hở ?". Hình như câu nói ấy đã làm cho ông dứt khoát nhận lời.

Ông lên bậc thang danh vọng thế là lần thứ ba. Bác Mađơlen đã thành ông Mađơlen. Ông Mađơlen nay thành ông thị trưởng.

III
TIỀN GỬI NGÂN HÀNG LAPHIT

Bao giờ ông Mađơlen cũng giữ tác phong giản dị như những ngày mới đến. Mắt nghiêm chỉnh, tóc hoa râm, da rám nắng như một người thợ nhưng vẻ mặt thì đăm chiêu như một triết gia. Thường ngày ông đội mũ rộng vành, mặc áo phủ ngoài bằng dạ thô, gài cúc lên đến cổ, ông giữ chức thị trưởng song ngoài giờ làm việc công, ông ở riêng một mình, không hay vui chuyện. Ông lẩn tránh sự vồ vập của kẻ khác, gặp ai ông chào qua, rồi tháo ngay. Ông mỉm cười để khỏi phải nói chuyện, và giúp đỡ ngay để khỏi phải mỉm cười. Đám phụ nữ gọi ông là "một con gấu lành". Ông chỉ thích đi dạo chơi ở ngoài đồng.

Ông ăn cơm một mình, mắt không rời quyển sách lúc nào cũng để trước mặt. Ông có một tủ sách khá đầy đủ. Ông rất ưa đọc sách; sách là những người bạn ít chuyện, tin cậy được. Càng giàu thì càng nhàn, ông dùng thời giờ nhàn rỗi để học tập. Người ta thấy rằng mỗi năm, cách ăn nói của ông mỗi thêm lịch sự, tinh tế và dễ ưa.

Khi đi dạo chơi, ông thường mang theo một khẩu súng nhưng ít khi dùng đến. Thỉnh thoảng có bắn một

phát thì ông bắn nhất định tin, ai cũng khiếp ông bắn cừ. Chẳng bao giờ ông giết một con vật vô hại, chẳng bao giờ ông bắn một con chim nhỏ.

Ông đã luống tuổi mà người ta đồn ông khỏe lắm. Ai cần đến việc gì ông cũng sẵn sàng giúp một tay: nâng một con ngựa quì lên, đẩy một chiếc xe sa lầy, nắm sừng giữ lại một con bò đực sổng. Ở nhà ra đi, túi ông đầy tiền hào, lúc quay về thì hết nhẵn. Ông đi qua thôn nào lũ trẻ con rách rưới cũng vui mừng chạy theo và quấn lấy ông như một đàn ruồi.

Người ta đoán là trước kia ông đã làm nghề nông cho nên mới có nhiều những kinh nghiệm quí để mách bảo cho người làm ruộng như thế. Ông bày cho họ rưới nước muối lên ván kho để trừ sâu lúa mì, treo hoa ooc-vi-ô trên tường và trên mái nhà để trừ mọt. Ông có những bí quyết để trừ tiệt nhiều giống cỏ làm hại lúa. Ông biết cách nhốt một con chuột chù trong chuồng thỏ để chuột cống thấy hôi phải lảng tránh, không vào ăn thỏ con.

Một hôm thấy người ta bận rộn nhổ dền gai, ông nhìn đống cây nhổ đã héo khô mà bảo:

- Hỏng rồi! Ấy, cây này nếu biết cách thì cũng dùng được. Lá dền gai non là một thứ rau rất tốt. Thân cây già có thể tước sợi như gai hay đay, vải dền cũng tốt như vải gai đấy. Cây dền bằm đi, gà vịt thích ăn, xay dập thì bò dê lại càng ưa lắm. Hạt dền rắc vào cỏ khô, đem cho thú vật ăn thêm mượt lông. Đun rễ dền pha với muối thì thành một nước nhuộm màu vàng trông rất đẹp đấy. Dền còn là một thức lương khô tốt cho súc vật, có thể cắt hai bận. Thế mà dền có đòi hỏi công phu gì mấy? Một ít đất thôi, chứ

không phải trồng trọt, không phải chăm nom. Chỉ có điều là hạt chín đến đâu rơi rụng đến đó nên khó hái. Thế thôi, chịu mất công một chút thì dền gai sẽ có ích. Người ta đã bỏ phế nó, cho nên nó hóa ra cỏ dại. Rồi người ta buộc phải giết nó. Bao nhiêu con người cũng giống như thứ dền gai ấy.

Ông ngừng một lát rồi nói thêm:

- Các bác ạ, các bác nên nhớ lấy điều này, là không có cỏ dại, cũng như không có người xấu. Chỉ có những người không biết trồng trọt chăm nom mà thôi.

Trẻ con còn thích ông vì ông biết lấy cọng rơm và sọ dừa làm ra các thứ đồ chơi xinh xinh.

Thiên hạ thích đi xem rửa tội, còn ông, ông hay đến viếng các đám tang. Cho nên, đi qua nhà thờ, hễ thấy trước cửa có treo vải đen là ông đi ngay vào. Cảnh góa bụa đau thương của kẻ khác cuốn hút ông vì ông có lòng thương người đằm thắm. Ông đến, ông hòa mình với bạn bè, thân quyến đang đau buồn, với các nhà tu hành đang cầu kinh rầu rầu, thảm thiết. Những bài ca điếu vong ấy, chứa đầy viễn ảnh về một thế giới nào khác. Dường như ông muốn lấy những bài ca ấy làm cơ sở để suy tưởng. Mắt nhìn lên cao, tâm trí như hút theo cõi vô biên huyền bí, ông lắng nghe những giọng buồn buồn kia đang như réo rắt trên bờ vực sâu của cõi chết tối tăm.

Ông làm vô khối việc thiện mà giấu giếm như người làm việc ác. Đợi nhá nhem tối ông mới lẻn vào nhà người ta, rón rén trèo lên thang gác. Có anh kiết xác đi cả ngày, tối chui về ổ, ngạc nhiên thấy cửa ngõ nhiều khi bị ẩy ra, trong lúc đi vắng. Tưởng có trộm, anh tức tối. Khi vào trong nhà, anh trông thấy một

đồng tiền vàng ai bỏ quên trên bàn. Tên kẻ trộm lẻn vào nhà đó là bác Mađơlen.

Tính ông ân cần nhưng sao buồn buồn thế nào ấy. Dân chúng bảo: "Ông này quả là một người giàu mà không kiêu, một người sung sướng mà không vui".

Đôi người nói liều rằng ông ta là một nhân vật bí hiểm, và quả quyết rằng chẳng ai được vào phòng ông bao giờ, phòng ông đúng là một chỗ ở của đạo sĩ, có bình cát chắp cánh và trang hoàng bằng những ống xương chân bắt chéo và những cái đầu lâu. Người ta truyền nhau điều này dữ quá, đến nỗi có mấy thiếu phụ sang trọng và láu lỉnh, một hôm phải kéo nhau đến nhà ông, đòi xem: "Thưa ông thị trưởng, xin ông cho chúng tôi xem phòng ở của ông, người ta bảo nó là một cái hang". Ông mỉm cười và ngay lập tức đưa các bà vào "cái hang" ấy. Các bà tò mò nhà ta thật đã được một mẻ hẫng. "Cái hang" chỉ là một căn buồng bàn ghế hẳn hoi có điều là loại bàn ghế gỗ xấu xí, và chung quanh tường đều phủ bằng thứ giấy rẻ tiền. Các bà nhà ta xoi mói mãi mà chỉ để ý thấy có một cặp chân đèn hình dáng rất cổ đặt trên lò sưởi và có vẻ là bằng bạc.

Mặc dù vậy, người ta vẫn cứ tiếp tục truyền nhau là chẳng ai được vào căn phòng ấy và nó chẳng khác gì một cái động ẩn sĩ, một cái gác mơ mòng, một hang tối, một ngôi mộ.

Thiên hạ còn thì thầm với nhau rằng ông có những món tiền rất lớn gửi ở ngân hàng Laphit với điều kiện là muốn lấy ra lúc nào cũng được. Với điều kiện ấy, bất kỳ lúc nào ông cũng có thể đến nhà ngân hàng, ký một tờ giấy biên nhận, thế là rút ra ngay hai, ba triệu, công việc làm xong trong mười phút.

Thực ra, số tiền hai, ba triệu người ta đồn ấy chỉ là sáu mươi ba hoặc sáu mươi tư vạn phơrăng mà thôi.

IV

ÔNG MAĐƠLEN ĐỂ TANG

Đầu năm 1821, các báo chí đăng tin ông giám mục thành Đinhơ là Mirien, tục gọi là *Đức Cha Biênguơnuy* tạ thế trong phép đạo, hưởng thọ tám mươi hai tuổi.

Các báo bỏ qua một chi tiết là ông giám mục bị mù đã mấy năm trước khi mất. Ông bị mù nhưng có bà em bên cạnh nên ông vẫn yên tâm.

Trong cuộc đời chẳng có gì hoàn bị này, mù lòa mà được kính yêu là một hình thức hạnh phúc lạ lùng và ý nhị nhất. Hỏi có hạnh phúc nào sánh bằng luôn luôn có bên mình một người đàn bà, một cô gái, một cô em, một con người đáng yêu, họ có mặt vì ta cần đến họ và vì họ không thể không có ta? Bằng biết ta không thể thiếu được đối với kẻ ta rất cần? Có hạnh phúc nào hơn thường xuyên đo được lòng thương yêu của họ đối với ta bằng ngày giờ họ có mặt bên ta, và tự bảo: "Họ bỏ hết thì giờ để chăm nom ta, ấy là ta chiếm hết trái tim họ"? Có gì sung sướng hơn nhìn được ý nghĩ họ khi không nhìn được gương mặt, biết lòng trung thành của họ đối với ta hãy còn sáng chói khi cả vũ trụ trước mắt ta đã tối sầm lại? Rồi cảm thấy tà áo họ sột soạt nhẹ nhàng như đôi cánh đang vỗ bay, nghe thấy được họ đi lại, ra vào, nói năng, ca hát, và nghĩ rằng ta là trung tâm chú ý của những bước đi ấy, những lời nói, những câu hát ấy, hằng

giây hằng phút chứng tỏ rằng ta có sức hấp dẫn, càng tàn tật ta càng có quyền lực, và tuy phải sống trong bóng tối nhưng chính lại nhờ bóng tối mà ta trở thành ngôi sao cho họ châu tuần chung quanh, thử hỏi trên đời được bao nhiêu niềm vui sánh kịp?

Hạnh phúc lớn nhất trong đời ta là tin chắc mình được yêu, được yêu vì bản thân mình, được yêu bất chấp cả mình! Ông giám mục mù mà có được niềm tin ấy. Bởi vì trong cơn hoạn nạn ông đã được đỡ đần chăm sóc, ông đã được trìu mến vuốt ve. Cho nên ông có thiếu thốn gì đâu! Ánh sáng ông cũng không mất vì ông đã có tình yêu, một thứ tình yêu cao quí biết bao, vì nó là của một trái tim vô vàn đức hạnh. Hễ đã tin chắc thì không còn mù được nữa. Tâm hồn dò dẫm đi tìm một tâm hồn và đã tìm ra. Tâm hồn đã tìm được, đã từng qua thử thách, đó là một người đàn bà. Ta cần một bàn tay nâng đỡ chăng? Có bàn tay của người. Môi ai hôn nhẹ lên trán ta? Đó là môi người. Ta nghe một hơi thở ngay cạnh ta, đó là người. Người cho ta tất cả, từ lòng thương yêu, đến niềm kính mến. Người có bao giờ rời ta, người đem tấm lòng nâng niu chiều chuộng cứu giúp ta, đem tấm thân liễu yếu mà vững như thành đồng cho ta làm chỗ dựa, người như đấng cứu tinh ta sờ được trên tay và ôm được trong lòng, chao ôi, ta ôm được người hay ta ôm được Chúa! Vui sướng biết là bao! Còn trái tim ta, đóa hoa âm thầm của trời cao, trái tim ta đang nở ra một cách huyền bí. Có cho ta tất cả ánh sáng trên đời ta cũng không đánh đổi cái bóng âm thầm ấy.

Người đàn bà kia, tâm hồn thiên thần kia đang còn đó, luôn luôn còn đó; có xa thì rồi lại gần; có tan đi trong mộng thì rồi lại hiện về trong cảnh thực. Ta thấy như hơi ấm từng bước từng bước lại gần ta, đó

là người đến. Ta thấy tâm hồn ta xiết bao thanh tĩnh, xiết bao vui thú, say xưa, ta thấy ta như mặt trời đang chói sáng trong đêm. Lại còn muôn vàn những chăm lo tỉ mỉ, những cái không đâu mà vô cùng to lớn trong cảnh trống không. Những uyển chuyển du dương của giọng đàn bà dịu dàng khôn tả vỗ như ru, như thay thế cho hết thảy những gì trong vũ trụ nay không còn trông thấy nữa. Không phải bàn tay âu yếm mà tâm hồn âu yếm. Không trông thấy gì, mà lại thấy được yêu thương. Thật là một cảnh thiên đường trong bóng tối.

Ông giám mục đã từ thiên đường này mà bước sang thiên đường kia. Tin buồn ấy được đăng lại trên tờ báo tỉnh Môngtơrơi. Hôm sau, ông Mađơlen bận đồ đen ra đường, trên mũ có cái băng tang.

Mọi người chú ý đến chuyện đó và bàn tán xôn xao. Người ta cho đó là một tia sáng rọi vào lai lịch ông Mađơlen. Chắc ông phải có họ hàng gì với ông giám mục đáng kính! Đám thượng lưu bảo nhau ở phòng khách: *"Lão để tang ông giám mục thành Đinhơ"*. Điều đó làm tăng uy tín của ông nhiều và tự nhiên thấy họ kính nể ông khác trước. Cái xã hội quí tộc nhỏ xíu ở các tỉnh nhỏ ấy thôi không làm cao với ông vì ông có họ với một vị giám mục. Gặp họ, ông Mađơlen thấy mình được các bà già nghiêng chào cẩn thận hơn và những bà trẻ niềm nở hơn. Một buổi tối, một bà phu nhân có tuổi tự cho mình có quyền thóc mách vì có tuổi, hỏi ông:

- Ông thị trưởng là em họ cụ cố giám mục thành Đinhơ đấy à?

- Thưa bà không ạ.

- Ông để chở cụ giám kia mà?

- Vì là hồi nhỏ tôi ở hầu trong nhà cụ.

Người ta còn nhận thấy một điều nữa là mỗi khi có một thằng bé Xavoa nào đến trong vùng hỏi thông ống khói thì ông Mađơlen cho gọi vào hỏi han tên họ và cho tiền. Bọn trẻ Xavoa bảo nhau qua lại nơi ấy rất đông.

V

CHÂN TRỜI CÓ DẠNG CHỚP

Lâu dần, những sự chống đối cũng tiêu tan hết. Lúc đầu, ông Mađơlen cũng bị người ta bôi nhọ, vu khống như thói thường đối với những người thành đạt trong xã hội, nhưng một thời gian thì chỉ còn những câu ác ý và sau đó thì là những lời nói kháy, nỏi mỉa, cuối cùng thì tất cả đều biến hết. Đối với ông, mọi người đều một lòng kính yêu sâu sắc.

Vào khoảng năm 1821, người ta đã nói tới ông thị trưởng Môngtơrơi với tất cả sự thành kính cũng như người ta đã nói tới ông giám mục thành Đinhơ vào khoảng năm 1815. Trong vòng mười dặm, nhân dân đều đến nhờ ông dạy bảo. Ông hòa giải những đám xích mích, ông ngăn ngừa những sự kiện tụng, ông giúp những kẻ thù làm lành với nhau. Ai cũng muốn nhờ ông phân xử hộ. Lòng chính trực của ông là một bộ luật tự nhiên.

Sự tôn sùng truyền từ người này sang người khác, trong sáu bảy năm đã lan tràn dần ra khắp xứ.

Cả tỉnh chỉ có một người nhất quyết không chịu nhiễm sự sùng bái ấy. Mặc cho ông Mađơlen làm gì thì làm, hắn một mực không phục, tựa hồ như có một

thứ linh khiếu nào vững chắc và khó lung lạc làm cho hắn luôn luôn cảnh giác và đề phòng.

Ở những con người nào đó hình như có một bản năng thú vật thật sự, thuần nhất, không thể pha trộn. Nó giúp con người biết lánh cái này và biết ưa cái kia, biết phân biệt dứt khoát bản chất này với bản chất nọ. Nó làm cho con người không do dự, không bối rối, không chịu im lặng và cũng không bao giờ chịu thay đổi ý kiến. Con người dựa vào nó mà tin mình luôn luôn sáng suốt, không sao có thể sai lầm, mọi người phải nghe mình chứ mình không bao giờ chịu nghe ai, dù đó là lời khuyên của trí tuệ, lời phản kháng của lý trí. Và mặc dù số mệnh có sắp đặt con người ở địa vị xã hội nào, thì bản năng này cũng giúp cho loại người này đánh hơi thấy kẻ gian, cũng như chó ngửi thấy hơi mèo, sư tử đoán biết có cáo.

Đó là một người cao lớn, mặc áo ngoài màu xám, cầm một chiếc can to tướng và đội một cái mũ cụp vành. Nhiều khi thấy ông Madơlen đi ngoài phố điềm tĩnh, ân cần, được mọi người trìu mến, hắn quay ngoắt lại, nhìn đăm đăm theo ông mãi cho đến khi khuất. Lúc ấy hắn khoanh hai tay lại, lắc lư cái đầu chầm chậm, dùng môi dưới đẩy môi trên lên tận mũi. Cái nhăn nhó này có ý nghĩa:

- "Quái thật, người này là ai? Rõ ràng ta đã gặp hắn ở đâu rồi. Dẫu sao ta cũng không mắc lừa hắn".

Con người ấy với cái vẻ nghiêm nghị gần như đe dọa, là hạng người nhác thấy một lần đã phải chú ý.

Tên hắn là Giave. Hắn làm việc ở sở cảnh sát.

Ở Môngtơrơi hắn giữ một chức vụ nặng nề nhưng ích lợi, là chức thanh tra mật thám. Hắn không được

chứng kiến những bước đầu kinh doanh của ông Mađơlen. Giave được giữ chức ấy là nhờ có quan thầy là ông Sabuiê bí thư của ông bộ trưởng bá tước Angơle, lúc bấy giờ là giám đốc sở cảnh sát Pari. Khi Giave đến Môngtơrơi thì người chủ xưởng đã trở thành triệu phú và bác Mađơlen đã trở thành ông Mađơlen rồi.

Có những tên sĩ quan cảnh sát trông tướng mạo khác biệt, trong đó có cái vẻ vừa hèn hạ, vừa oai nghiêm. Giave có cái tượng mạo ấy nhưng không có vẻ hèn.

Nếu linh hồn mà nhìn thấy được thì chắc rằng người ta sẽ nhận ra một điều kỳ lạ là mỗi con người lại ứng với một con vật, cũng như người ta sẽ nhìn được dễ dàng cái chân lý mà nhà tư tưởng chỉ mới hé thấy qua, là từ con sò đến chim phượng hoàng, từ con lợn đến con hổ, tất cả các loài thú đều chứa đựng trong con người và mỗi một con người đều chứa đựng một con vật. Có khi nhiều con vật một lần.

Thú vật chẳng qua là hình dáng của đức hay tật xấu chúng ta, lang thang trước mắt chúng ta, là bóng ma trông thấy được của linh hồn. Chúa bày ra cho chúng ta xem để chúng ta suy nghĩ. Chỉ có một điều thú vật chỉ là những cái bóng nên Chúa không muốn cho có thể cải tạo được. Vả chăng cải tạo để làm gì? Trái lại, linh hồn chúng ta là những cái có thật, có cứu cánh riêng biệt, cho nên Chúa đã ban cho trí thông minh, nghĩa là khả năng thụ giáo. Một linh hồn dù xấu đến đâu đi nữa, một nền giáo dục xã hội tốt cũng luôn luôn có thể rút ra từ đấy một cái gì có ích.

Tất nhiên trên đây chỉ giới hạn trong phạm vi cuộc sống trần tục bề ngoài mà nói, chứ không có ý kiến gì

về vấn đề kiếp trước kiếp sau của các sinh vật không phải là người. Cái tôi nhìn thấy trước mắt không cho phép nhà tư tưởng phủ nhận cái tôi tiềm tàng. Chỉ xin có lời dè dặt như vậy, và thôi.

Bây giờ, nếu mọi người chấp nhận chốc lát cái điều chúng tôi vốn đinh ninh là trong bất cứ người nào cũng có một con vật, thì chúng ta sẽ nói được rất dễ dàng tay nhân viên an ninh Giave là con người thế nào.

Nông dân vùng Atxtuyri quả quyết rằng lứa nào sói đẻ cũng có lẫn một con chó, đẻ ra là sói mẹ cắn chết ngay, nếu không, lớn lên chó sẽ ăn thịt hết sói con.

Con chó do sói đẻ ấy, cho nó một cái mặt người, thì đó là Giave.

Giave đẻ ra ở trong ngục, mẹ là một mụ bói bài tây, cha là một tên tù khổ sai phục dịch chiến hạm. Lớn lên, hắn tự cho là ở ngoài rìa xã hội và không còn hy vọng gì lại được vào trong xã hội sống như mọi người. Hắn nghiệm ra rằng có hai hạng người luôn luôn phải ở ngoài vòng xã hội, đó là những người xâm phạm nó và những người bảo vệ nó; hắn chỉ còn có một đường là chọn trong hai hạng người ấy. Đồng thời hắn tự thấy có một bản lĩnh cứng nhắc, đứng đắn và thẳng thắn, pha thêm một ác cảm cao độ đối với giống người du đãng trong ấy vốn có cha mẹ hắn. Vì thế, hắn vào làm cảnh sát.

Hắn đã thành công. Bốn mươi tuổi, hắn là thanh tra.

Lúc thiếu thời hắn đã là lính canh ngục ở miền Nam.

Trước lúc đi sâu vào câu chuyện, hãy đồng ý với nhau về cái nghĩa của từ mặt người sẽ đem dùng với Giave dưới đây.

Cái mặt người ấy ở Giave như sau:

Mũi Giave tẹt, có hai lỗ sâu hoắm; hai bên má hắn có hai chòm râu rậm mọc ngược lên đến chân mũi. Lần đầu nhìn hai cái rừng ấy và hai cái hang ấy, ai cũng thấy khó chịu. Khi hắn cười, -nghĩa là họa hoằn lắm và dễ sợ lắm- thì đôi môi mỏng dính dang ra, phơi bày nào răng nào lợi. Lúc ấy, chung quanh cái mũi là cả một vết nhăn nhúm man rợ, trông như mõm ác thú. Giave mà nghiêm nét mặt thì là một con chó dữ. Khi cười hắn lại là một con cọp. Lại còn cái trán hẹp, cái hàm bạnh, tóc tỏa xuống tận lông mày, giữa hai con mắt lúc nào cũng có một nếp nhíu trông như luôn luôn giận dữ, cặp mắt tối tăm, khó hiểu, miệng thì mím lại một cách khắc nghiệt đáng sợ, cả người hắn toát ra một thứ quyền uy tàn ác.

Người ấy trong tâm lý có hai ý thức rất đơn giản và có thể coi là tốt, nhưng vì hắn ta cường điệu lên quá cho nên lại thành xấu. Hắn tuyệt đối phục tòng cấp trên và thù ghét mọi hành động nổi loạn. Đối với hắn, trộm cắp, giết người, tất cả các tội trọng đều là những hình thức nổi loạn. Hắn tin tưởng tuyệt đối và mù quáng ở tất cả những người có giữ một chức vụ trong bộ máy nhà nước, từ ông thủ tướng đến bác tuần phiên. Hắn lại khinh bỉ, thù hằn và ghê tởm tất cả những ai trót một lần phạm vào luật pháp. Tính hắn rất là cực đoan, và không khoan thứ một ngoại lệ

nào. Một mặt hắn nói: "Người viên chức nhà nước không thể lầm, ông quan tòa không bao giờ xử vô lý", một mặt hắn bảo: "Đứa phạm tội thì trọn đời mãn kiếp là đồ bỏ đi. Không mong gì ở chúng được".

Hắn rất tán thành ý kiến của bọn cực đoan đã cho phép luật trần gian có quyền lực giúi người xuống địa ngục, và đã bày một cảnh Thập điện ở chỗ dưới cùng của xã hội chúng ta.

Lúc nào hắn cũng khắc khổ, nghiêm nghị, tư lự, kiêu hãnh mà hạ mình như những người cuồng tín. Cái nhìn của hắn xoáy vào da thịt người ta như một mũi khoan, vừa lạnh lùng, vừa xoi mói. Cả cuộc đời của hắn thu gọn trong hai chữ: tỉnh táo và canh phòng. Hắn thẳng như mực tàu ở một nhiệm vụ ngoắt ngoéo nhất, hắn biết công việc của hắn có ích cho người ta, hắn tôn thờ chức cụ của hắn, hắn làm mật thám một cách kính cẩn như người ta làm mục sư. Vô phúc cho kẻ nào rơi vào tay hắn! Ví thử cha hắn vượt ngục, hắn cũng cứ bắt; mẹ hắn phạm pháp, hắn cũng cứ tố cáo. Hắn làm các công việc ấy một cách đắc ý như người ta làm việc thiện. Thêm vào đó, một đời sống khổ hạnh, cô độc, quên mình, trong sạch, không bao giờ vui đùa. Hắn là hiện thân của nhiệm vụ cứng rắn, của an ninh khắc nghiệt, là một anh lính canh phòng không nể nang, là một thứ lương thiện đáng sợ, *là một tên tố giác lạnh lùng*, là công lý dưới mặt mũi một hung thần.

Tất cả con người Giave thể hiện sự rình mò, lén lút. Hồi bấy giờ, trên mặt báo chí của phái siêu bảo hoàng thường thấy gia vị những bài về lịch sử vũ trụ của một trường phái thần bí! Giá những bài ấy đề cập đến Giave thì chắc hẳn sẽ cho hắn là một biểu tượng. Không thấy trán vì cái mũ sùm sụp; không thấy mắt vì lông mày rậm, không thấy cằm vì chiếc khăn quàng quấn kín cổ, không thấy tay vì tay thọc vào túi áo rộng, không thấy gậy vì gậy giấu dưới áo. Nhưng khi cần thì đột nhiên mọi cái ấy từ trong bóng tối xông ra như một đoàn quân phục kích: cái trán hẹp và gồ, con mắt ác, cái cằm khiếp người, hai bàn tay hộ pháp và chiếc dùi cui tướng.

Những lúc rỗi rãi, mà Giave ít khi rỗi, hắn có đọc sách tuy hắn ghét sách vở. Bởi thế hắn không đến nỗi là người dốt lắm. Cứ nghe văn nói cầu kỳ của hắn thì biết.

Hắn không có một tật xấu gì, như ta đã nói. Khi nào đắc ý, hắn tự thưởng cho mình một mồi thuốc lá. Hắn còn có chút gần nhân loại là ở chỗ đó.

Giave là sự kinh hoàng của bọn người mà hồ sơ tư pháp gọi chung là *hạng lưu manh*. Nghe đến tên Giave là họ tháo chạy, nhìn thấy mặt Giave là họ chết đứng.

Đó là con người ghê gớm.

Giave như một con mắt luôn luôn dán lên người ông Mađơlen. Nghi ngờ và thóc mách. Ông Mađơlen cũng nhận thấy thế, nhưng hình như ông coi thường cái đó. Ông chẳng hề hỏi Giave; ông không tìm hắn cũng không lánh hắn, làm như không chú ý gì đến cái nhìn khó chịu và nặng nề của hắn. Ông đối xử với Giave cũng thoải mái và tử tế như đối với mọi người.

Vì mấy câu Giave lỡ lời nói hở, người ta đoán hắn đang bí mật dò xét hành tung trước kia của ông Mađơlen. Sự tò mò của hắn vừa là do bản năng, vừa là có ý thức. Có khi hắn nói úp mở là có người đã điều tra ở một nơi nào đó về một gia đình nào đó đã mất hút. Một lần, hắn lẩm bẩm nói một mình: "Ta chắc nắm được nó rồi!". Rồi hắn nghĩ ngợi rất lung trong ba ngày liền, không nói năng gì cả. Hình như cái đầu mối hắn tưởng nắm được lại đứt mất hay sao ấy!

Thật ra, trong con người, không có một năng khiếu nào là tuyệt đối không bao giờ lầm lẫn. Điều này là sự điều chỉnh cần thiết đối với những từ có nghĩa quá tuyệt đối. Tính chất của bản năng là có thể loạng choạng, lạc đường, mất dấu. Nếu không bản năng đã hợp lý trí, và vật đã hơn người !

Giave tất nhiên có ngại ngùng trước thái độ bình tĩnh hoàn toàn và rất thản nhiên của ông Mađơlen.

Thế mà một hôm cái điệu bộ lạ lùng của hắn đã làm ông Mađơlen chột dạ. Câu chuyện ấy như thế này.

VI

CỤ PHÔSƠLƠVĂNG

Sáng hôm ấy, ông Mađơlen đi qua một phố nhỏ không lát đá. Ông nghe tiếng ồn ào và thấy có đám đông. Đến nơi thì là một ông lão tên là Phôsơlơvăng bị cỗ xe đè lên người vì con ngựa kéo xe ngã quỵ.

Lão Phôsơlơvăng là một trong số rất ít người còn nuôi ác cảm với ông Mađơlen. Phôsơlơvăng nguyên là thư ký văn khố và là một nông dân biết chữ nghĩa. Lúc ông Mađơlen đến Môngtơơi, lão đương kinh doanh buôn bán nhưng bắt đầu thua lỗ.

Thấy cái anh thợ quèn ở đâu đến ấy làm giàu vùn vụt còn lão, hạng chủ, lại cứ lụn bại dần, lão đâm ra ghét cay ghét đắng ông Mađơlen. Lão không bỏ lỡ một dịp nào có thể làm hại ông. Sau Phôsơlơvăng bị vỡ nợ, tuổi già, vợ con chẳng có ai, cơ nghiệp chỉ còn sót lại có cỗ xe và con ngựa. Lão phải đánh xe chở thuê để nuôi thân.

Hôm ấy con ngựa bị gẫy hai bên đùi không thể đứng dậy được. Lão bị chẹt dưới gầm xe giữa hai bánh. Khốn khổ lão ngã xuống thế nào mà cả cỗ xe đè lên ngực lão. Xe thì xếp đầy hàng nặng. Lão đương kêu rên thảm thiết. Mọi người đã thử kéo lão ra nhưng vô hiệu. Vả lại, chỉ chuyển sai một cái, xê dịch vụng về một tí, hoặc đẩy không đúng chỗ là giết chết lão ngay. Muốn gỡ cho lão, chỉ còn mỗi một cách là nâng cái xe từ dưới lên. Giave cũng vừa đến đấy lúc xảy ra tai nạn; hắn đã sai người đi tìm một cái kích.

Ông Mađơlen đến, mọi người kính cẩn dãn ra. Lão Phôsơlơvăng vẫn kêu:

- Ai cứu tôi với. Ai là người tốt bụng làm phúc cứu già này.

Ông Mađơlen hỏi các người đứng quanh đó:

- Có kích không?

Một người nông dân đáp:

- Đã cho đi mượn rồi.

- Phải chờ bao lâu?

- Chỗ gần nhất là ở phố Phơlasô, có anh thợ đóng móng ngựa. Nhưng thế nào cũng phải mất mười lăm phút là ít.

Ông Mađơlen kêu lên:

- Mười lăm phút ư?

Hôm trước vừa mưa, đường đất lầy nhão, nên cái xe cứ lún dần xuống và ép ngực ông già. Trong năm phút nữa chắc chắn là lão sẽ gẫy hết xương sườn.

Ông Mađơlen quay lại:

- Không thể đợi mười lăm phút được đâu!

- Cũng phải đợi chứ biết làm thế nào?

- Đợi thì không kịp mất! Các bác không trông thấy xe mỗi lúc một lún sâu xuống đấy à?

- Có thấy chứ ạ!

- Thế này nhé. Ở dưới gầm xe còn vừa đủ chỗ cho một người chui vào và lấy lưng bẩy xe lên. Chỉ cần nửa phút thôi đủ kéo ông lão ra. Ở đây ai có lòng thương người và có sức khỏe? Tôi xin biếu năm đồng lu-i vàng.

Không ai nhúc nhích.

- Mười đồng.

Mọi người cúi mặt. Có ai lẩm bẩm:

- Phải là người khỏe ghê gớm lắm mới làm nổi. Không khéo lại chết bẹp theo nữa!

Ông Mađơlen lại bảo:

- Thế nào? Hai mươi đồng vàng đấy!

Vẫn im lặng. Có ai nói:

- Không phải là người ta không có bụng tốt.

Ông Mađơlen quay lại, trông thấy Giave. Lúc mới đến, ông không trông thấy hắn, Giave nói tiếp:

- Chỉ thiếu sức khỏe thôi. Lấy lưng mà nâng một cái xe nặng thế này, phi người nào có sức khỏe ghê gớm thì ai làm nổi.

Rồi hắn nhìn chòng chọc vào mặt ông Mađơlen và nhấn từng tiếng:

- Thưa ông Mađơlen, bình sinh tôi chỉ biết có mỗi một người có thể làm nổi cái việc ông nói đó.

Ông Mađơlen giật mình.

Giave thản nhiên nói tiếp, mắt không rời ông Mađơlen:

- Đó là một tên tù khổ sai.

- Thế à?

- Ở nhà lao Tu-lông.

Ông Mađơlen tái mặt.

Cỗ xe cứ từ từ lún xuống. Lão Phôsơlơvăng vừa rên vừa rú:

- Tôi chết chẹt mất! Tôi gãy xương ức rồi! Cho cái kích! Hay gì cũng được... Trời ôi!

Ông Mađơlen nhìn quanh lượt nữa:

- Không có ai muốn lấy hai mươi đồng vàng và cứu sống ông lão tội nghiệp này ư?

Không một ai cựa quậy. Giave lại nói:

- Suốt đời tôi chỉ biết có một người thay nổi cái kích. Đó là tên khổ sai kia.

Ông lão ở dưới xe kêu:

- Trời ơi! Nó nghiến bẹp tôi rồi!

Ông Mađơlen ngẩng đầu gặp con mắt vợ của Giave chòng chọc nhìn mình. Ông quay nhìn những người nông dân im ỉm và ông mỉm cười buồn bã. Rồi chẳng nói chẳng rằng, ông sụp quỳ xuống. Mọi người chưa kịp kêu lấy một tiếng thì ông đã luồn người vào dưới gầm xe.

Phút chờ đợi lặng lẽ và khủng khiếp.

Người ta thấy ông Mađơlen nằm rạp người sát đất ở dưới cỗ xe nặng. Hai lần ông lấy hết sức nhổm hai khuỷu tay và hai đầu gối sát nhau nhưng vô hiệu. Ở ngoài người ta kêu ầm lên: "Bác Mađơlen! Chui ra thôi!". Lão Phôsơlơvăng cũng bảo: "Ông Mađơlen, ông ra đi! Trời bắt tôi chết, ông thấy đó, để mặc tôi! Kẻo lại chết bẹp cả đôi bây giờ!". Ông Mađơlen không trả lời.

Công chúng phập phồng lo ngại. Đôi bánh xe cứ lún dần mãi xuống. Đã đến lúc ông Mađơlen có muốn chui ra cũng không ra được nữa.

Bỗng nhiên cỗ xe to lớn chuyển mình rồi nhích lên từ từ, nâng đôi bánh lên khỏi hố lầy được non nửa. Có tiếng người hổn hển kêu: "Mau lên! Hộ một tay!". Đó là ông Mađơlen đang cố sức lần cuối.

Ai nấy xô lại. Một người tận tâm đã làm mọi người thấy khỏe lên và hóa ra can đảm. Hai mươi cánh tay lực lưỡng bốc hẳn cỗ xe lên.

Lão Phôsơlơvăng thoát chết.

Ông Mađơlen đứng dậy, mặt tái mét, mồ hôi nhễ nhại, quần áo rách tơi và be bét những bùn. Người ta cảm động rơi nước mắt. Lão Phôsơlơvăng ôm gối ông mà hôn và gọi ông là đức Chúa lòng lành. Còn ông Mađơlen thì nét mặt thật là khó tả: vừa đau đớn vừa lộ một vẻ thoải mái cao cả. Cặp mắt của ông bình tĩnh nhìn lại mắt Giave từ trước vẫn đăm đăm trên người ông.

VII

PHÔSƠLƠVĂNG THÀNH NGƯỜI LÀM VƯỜN Ở PARI

Lão Phôsơlơvăng ngã bị sai mất một bên bánh chè. Ông Mađơlen sai người vực lão về bệnh xá dành riêng cho thợ. Bệnh xá ở ngay trong nhà máy, có hai bà phước phụ trách. Hôm sau, khi thức dậy, lão thấy trên đầu giường có một tờ bạc một nghìn phơrăng và mấy chữ của ông Mađơlen: *"Tôi mua lại ông cỗ xe và con ngựa"*. Cỗ xe thì gẫy nát và con ngựa đã chết.

Phôsơlơvăng khỏi bệnh nhưng đầu gối thành tật. Ông Mađơlen nhờ các bà sơ và cha xứ giới thiệu và

thu xếp cho lão vào làm vườn ở một nữ tu viện ở khu Xanh Antoan tại Pari.

Sau đó ít lâu, ông Mađolen được cử làm thị trưởng. Lần đầu tiên Giave thấy ông mang phù hiệu người đứng đầu chính quyền địa phương, hắn như một con chó dữ đánh thấy hơi sói trong người ông chủ mình. Từ đấy hắn cố tránh mặt ông. Khi nào công việc quá cần thiết đòi hỏi hắn phải gặp ông, hắn tỏ ra rất tôn kính.

Đất Môngtơrơi được phồn thịnh là nhờ có ông Mađolen. Ngoài những dấu hiệu phồn thịnh bên ngoài ai cũng trông thấy, còn một điểm khó thấy nhưng không kém ý nghĩa. Đó là một dấu hiệu rất chắc chắn. Lúc nhân dân chật vật, công ăn việc làm thiếu thốn, sự buôn bán đình trệ, thì thuế má thu khó khăn, vì người ta không có tiền đóng nên dây dưa, và chi phí của nhà nước về việc thu thuế rất lớn. Khi có công ăn việc làm, mọi người no đủ, thì thuế má thu được dễ dàng và phí tổn ít. Có thể nói phí tổn thu thuế là cái nhiệt biểu để lấy độ thịnh suy của nền kinh tế ở một vùng. Trong bảy năm, các khoản kinh phí thu thuế ở Môngtơrơi giảm đi được ba phần tư. Vì thế ông Vilen, Bộ trưởng Bộ Tài chính, thường nêu Môngtơrơi làm gương cho các tỉnh khác.

Đó là tình hình trong xứ khi Phăngtin trở về quê cũ. Không ai còn nhớ đến chị. May thay, cánh cổng xưởng ông Mađolen lại như một tấm lòng bạn. Khi chị đến xin việc thì được nhận ngay vào làm ở khu phụ nữ. Công việc chưa quen, chị làm tất nhiên không khéo, vì thế đồng lương công nhật cũng không là bao nhiêu. Tuy vậy cũng tạm đủ sống, thế là được rồi.

VIII

MỤ VITUYẾCNIÊNG TIÊU BA MƯƠI LĂM PHƠRĂNG VỀ KHOẢN ĐẠO ĐỨC

Phăngtin thấy có công việc làm ăn thì cũng vui được một độ. Sống lương thiện bằng hai bàn tay lao động, đó quả là một ân huệ trời ban. Lòng ham thích lao động trở lại với chị. Chị sắm một cái gương và sung sướng ngắm cái vẻ tươi trẻ, mái tóc óng ả, hàm răng xinh đẹp của mình. Chị quên nhiều nỗi cay cực trước đây, chị chỉ còn nghĩ đến con Côdet của chị và tương lai hứa hẹn. Chị thấy sung sướng rồi. Chị thuê một căn phòng, mua chịu một ít đồ đạc, hẹn lĩnh công trả dần, đó cũng là một tí tàn tích còn sót lại của cách sống bừa bãi trước kia.

Không thể nói là mình đã có chồng, chị cũng không dám nói là có con.

Những tháng đầu, chị gửi tiền trả vợ chồng nhà Tênacđiê sòng phẳng. Vốn chỉ biết ký mấy chữ tên, chị phải thuê người viết thư hộ.

Chị thuê viết thư luôn, làm nhiều người để ý. Ở bên xưởng đàn bà người ta bắt đầu xì xào rằng Phăngtin "hay gửi thư" và "có vẻ khả nghi".

Thiên hạ càng hay thóc mách những chuyện không can dự đến họ.

- Tại sao ông kia lại cứ tối tối mới lần mò đến nhỉ? Sao ông nọ cứ thứ năm thì không móc chìa khóa ở chỗ mọi bữa? Và ông ta lại cứ chọn phố nhỏ mà đi? Sao bà này lúc nào cũng xuống xe trước khi về đến

nhà? Sao cô kia còn khối giấy viết thư đã mua thêm cặp nữa?... Có người vì muốn khám phá những loại bí mật như trên, những việc hoàn toàn không dính dấp đến họ, đã tiêu phí nhiều tiền của, thời giờ, công sức hơn là làm mười việc từ thiện. Họ tò mò không vì gì cả, tò mò cho vui, tò mò chỉ vì thích tò mò thôi. Họ theo dõi cậu kia, cô nọ hàng ngày, đứng rình hàng giờ ở góc phố, xó tường, mặc đêm tối, mặc mưa phùn, gió rét. Họ cho tiền những đứa đem thư, đãi rượu anh xe, người ở, mua chuộc cô sen, bà vú, lấy lòng những người coi cổng. Để làm gì? Chẳng làm gì cả. Chỉ do cuồng ý muốn trông, muốn biết, muốn thông tỏ việc người. Chỉ do cái ngứa ngáy của tật mách lẻo. Nhiều khi biết được điều bí mật của người ta, thóc mách nói đi nói lại, phơi trần nó ra ánh sáng là đưa người ta tới đổ vỡ, đấu gươm, phá sản, gia đình tan nát, thân thể điêu linh. Gây hoạ như thế chỉ để khoái bụng là đã khám phá ra được mọi việc. Hại người ta vì tật thóc mách chẳng vì ích lợi gì! Thật đáng buồn.

Có những kẻ chỉ vì ngứa miệng ba hoa mà hóa ra độc ác. Họ tán gẫu trong phòng khách, họ thóc mách ở hành lang. Chuyện của họ giống như những lò sưởi xấu, phải bỏ vào rất nhiều củi. Củi ở đây là người khác, người chung quanh.

Thế là bọn ấy dò la Phăngtin.

Đã vậy, Phăngtin lại bị chúng ghen ghét vì chị có mớ tóc vàng, hàm răng trắng.

Họ nhận ra rằng, ở xưởng, đang làm với các chị em, Phăngtin thường quay mặt đi gạt thầm một giọt nước mắt. Những lúc ấy chị nhớ đến con, và biết đâu lại không nhớ cả đến tình xưa người cũ.

Thì ra cắt đứt với dĩ vãng đen tối là một việc vô cùng khó khăn và đau đớn.

Họ nhận thấy rằng chị gửi thư ít nhất mỗi tháng hai lần, gửi mãi cho một người và thư có dán tem. Họ lần mò tìm biết được địa chỉ: "Ông Tênacđiê, chủ quán ở Môngphecmây". Họ đưa người viết mướn đến quán rượu gợi chuyện. Lão già viết mướn ấy cứ "tửu nhập là ngôn xuất". Do đấy, họ biết Phăngtin có con. "Cũng lại là phường mèo mả gà đồng thôi". Họ bảo với nhau thế. Có một con mụ lắm chuyện thân hành đi đến tận Môngphecmây, thăm hỏi vợ chồng Tênacđiê, rồi trở về khoe: "Tôi mất ba mươi lăm quan, nhưng từ nay thì yên trí. Tôi đã trông thấy đứa bé!".

Con mụ ấy là một con yêu quái. Tên nó là mụ Vituyếcniêng. Nó là người canh cổng đức hạnh cho mọi người. Tuổi đã năm mươi sáu, vừa già vừa xấu. Giọng nói the thé, tính tình đồng bóng. Điều lạ là mụ cũng có thời son trẻ. Hồi ấy, ngay năm 93, mụ lấy một thầy tu bỏ tu đi theo cách mạng. Người mụ khô, cứng, gai góc, sắc nhọn, gần như độc ác, mặc dù mụ rất thương nhớ ông chồng thầy tu đã để mụ góa bụa và đã nghe lời ông mà tu tỉnh sửa chữa đi rất nhiều. Có thể nói mụ như cây gai-tua tủa mà chiếc áo cứng của ông thầy tu đã chà xát qua lại làm gẫy bớt đi nhiều. Đến thời Quân chủ phục hưng, mụ dốc tâm đóng vai một mụ già ngoan đạo, quyết chí đến mức các cha cố cũng phải bỏ qua cho mụ cái tội lấy ông thầy tu. Có một ít của cải mụ đem cúng cho một tổ chức tôn giáo và làm việc ấy khá ồn ào. Ở tòa giám mục Arát người ta khá vị nể mụ.

Chính mụ Vituyếcniêng này đã đi Môngphecmây về và nói: "Tôi đã trông thấy đứa bé!".

Công việc dò la thóc mách ấy cũng phải mất nhiều thời giờ. Phăngtin vào xưởng làm được một năm thì một buổi sáng, người nữ giám thị đưa cho chị năm mươi phơrăng nói là của ông thị trưởng biếu chị. Người giám thị cho biết là chị không được làm ở xưởng nữa, và theo lời dặn của ông thị trưởng khuyên chị nên đi xứ khác.

Lúc ấy cũng là lúc mà vợ chồng Tênacđiê trước đã tăng tiền tháng từ sáu lên mười hai phơrăng, nay lại đòi lên mười lăm phơrăng.

Phăngtin nghe thấy thế cũng bằng sét đánh. Chị không thể bỏ đi đâu được vì còn nợ tiền nhà, tiền bàn ghế. Năm mươi phơrăng không đủ để trả món nợ ấy. Chị lúng búng nói mấy câu van nài. Người giám thị bắt chị phải ra ngay khỏi xưởng. Vả lại Phăngtin cũng chỉ là một người thợ tầm thường thôi. Xấu hổ còn nhiều hơn là thất vọng, chị từ giã xưởng làm việc, đi về nhà. Vậy ra cái việc xấu của chị bây giờ ai cũng biết!

Chị thấy không còn đủ sức nói một lời gì nữa. Có người khuyên chị tìm đến ông thị trưởng mà van xin; chị không dám đi. Ông ta cho chị năm mươi phơrăng vì ông là người tốt, còn ông ta đuổi chị ra khỏi xưởng vì ông là người chính trực. Chị cúi đầu trước cái lệnh ấy.

IX
MỤ VITUYẾCNIÊNG THÀNH CÔNG

Cái mụ góa của ông thầy tu ấy mà được việc. Thật ra ông Mađơlen không biết gì về chuyện đó cả.

Những chuyện như thế thường thấy trong đời, do bao nhiêu sự việc tròng tréo nhau mà sinh ra.

Ông Mađơlen vốn không mấy khi lui tới chỗ phân xưởng phụ nữ. Ông giao bộ phận này cho một bà cao tuổi mà không chồng, do cha xứ giới thiệu. Ông tin cậy người nữ giám thị ấy, và bà này cũng là người đứng đắn, cương quyết, công bằng, liêm chính, giàu lòng từ thiện. Nhưng lòng từ thiện của bà ấy là thứ từ thiện chỉ biết bố thí mà không biết thông cảm cảnh ngộ và dung thứ lỗi lầm. Ông Mađơlen giao cho bà ta định đoạt mọi việc. Những người tốt nhất cũng nhiều khi bắt buộc phải ủy một phần quyền hành của mình cho người khác. Cũng vì sẵn có quyền tối cao đó và tin tưởng là mình làm đúng, cho nên bà giám thị đã thẩm tra xét xử, lên án và thi hành bản án Phăngtin.

Còn như số tiền năm mươi phơrăng thì bà ta trích ở quỹ ông Mađơlen giao cho để giúp đỡ các chị công nhân, không phải báo cáo lại.

Phăngtin đi xin ở mướn. Chị đi hết nhà này qua nhà khác mà chẳng có ai chịu mướn. Chị không thể bỏ đi đâu được. Lão lái đã bán chịu đồ đạc cho chị, - mà đồ đạc đâu có ra hồn đồ đạc- doạ chị là hễ chị bước ra khỏi đất ấy, thì lão sẽ đi thưa chị là người ăn cắp. Lão chủ nhà mà chị còn nợ tiền buồng bảo: "Chị vừa trẻ lại vừa đẹp làm gì mà không trả được nợ?". Chị đem số năm mươi phơrăng chia ra trả cho hai bên ấy, và hoàn lại ba phần tư đồ đạc. Chị chỉ giữ vài thứ quá cần thiết. Thất nghiệp, tay không, chị chỉ còn độc một chiếc giường và mang nợ quãng một trăm phơrăng.

Chị nhận khâu thuê sơ-mi lính bằng vải thô, kiếm được mười hai xu một ngày. Thế mà mỗi một khoản con chị cũng đã phải chi mất mười xu rồi. Đây là thời kỳ gửi tiền trả cho nhà Tênacđiê thất thường.

May sao cái bà già thường ngày vẫn đốt đèn cho chị lúc chị về khuya, lại dạy cho chị cách sống trong nghèo khổ. Bên lối sống với rất ít tiền, còn lối sống không có một trinh, một chữ. Đó là hai cái buồng: một buồng mập mờ, một buồng tối om.

Mùa đông Phăngtin tập bỏ hẳn sưởi lửa. Phăngtin dứt được với con chim con nuôi chơi, nó ăn hai ngày một trinh hạt kê; chị học cách lấy váy làm chăn và lấy chăn làm váy, cách ghé cửa sổ để ăn cơm dưới ánh đèn hàng xóm cho đỡ tốn nến nhà mình. Có ai biết với một xu, những con người yếu hèn sống già đời trong cảnh khốn cùng và lương thiện, đã tiêu dùng được những việc gì. Phải biết là tài tình! Thật là tài tình. Phăngtin đã học được cái tài đó, vì thế chị cũng bớt thất vọng phần nào.

Dạo ấy, chị nói với một bà láng giềng: -"Chà! Tôi nghĩ rằng cứ ngày ngủ năm giờ, còn thì ngồi mà khâu may, chẳng gì cũng kiếm được tạm đủ cơm ăn. Vả lại, đã buồn cả ruột thì ăn cũng chẳng là bao. Ôi chao! Những sự đau đớn và lo âu, phiền muộn cộng với ít bánh mì, thế cũng đủ sống rồi".

Trong cảnh cùng quẫn ấy, nếu có con bé bên cạnh thì hạnh phúc biết bao nhiêu. Chị nghĩ đến việc đưa con về. Nhưng về thế nào được! Về để cùng nhịn đói nhịn khát ư? Vả lại, còn thiếu tiền của Tênacđiê thì sao? Lấy gì mà trả? Còn tiền ăn đường, đào ở đâu ra?

Bà già dìu dắt Phăngtin trong cảnh nghèo nàn đó là một người đàn bà nhân hậu tên là Macgơrít. Bà một lòng ngoan đạo, thờ Chúa, bà nghèo nhưng hảo tâm với người khốn khó và cả với người giàu sang. Bà chỉ biết viết mỗi chữ tên, và tin Chúa, đó mới thật là tri thức chân chính.

Có rất nhiều những người đạo đức như thế ở các bậc thang thấp nhất trong xã hội. Một ngày kia họ sẽ lên trên, lên trời. Đời sống như thế ắt phải có hậu.

Những ngày đầu mất việc, Phăngtin xấu hổ quẫ, không dám đi đâu cả. Mỗi khi ra phố, chị cảm thấy ai cũng trông theo chị mà chỉ trỏ. Ai cũng giương mắt nhìn chị mà không thèm chào hỏi: sự khinh bỉ, chua chát, lạnh lùng của kẻ qua đường xoáy vào thịt da, tâm hồn chị, buốt như ngọn gió bấc.

Ở tỉnh nhỏ, người đàn bà xấu số thấy như mình đứng trần truồng trước những lời chế giễu và con mắt tò mò của mọi người. Ở Pari còn được một điều là chẳng ai biết đến ai; sự vô danh che thân ta như là quần áo. Chao ôi! Chị ao ước được về ở Pari biết bao! Nhưng không có cách.

Rồi chị cũng phải quen với sự khinh bỉ cũng như đã quen với cảnh túng đói. Lâu dần chị cũng dứt khoát. Hai ba tháng sau, chị rũ bỏ hổ thẹn, đi lại ngoài phố như không có chuyện gì xảy ra. Chị thầm bảo: "Cóc cần!" Và chị đi lại, đầu ngẩng cao, nụ cười ngạo ngán. Chị cảm thấy mình đương hóa ra trâng tráo.

Đôi khi mụ Vituyếcniêng tựa cửa nhìn chị đi qua. Mụ nhận thấy cảnh cùng đồ của chị. Mụ lấy làm khoái chí vì đã làm cho ngữ ấy không thể lộn sòng được. Cái khoái chí của lũ độc ác sao mà đen tối thế!

Phăngtin lao lực quá nên suy yếu đi, bệnh ho khan càng tăng. Chị thường bảo bà Macgơrít:

- Bà thử sờ xem, tay tôi nóng chửa!

Tuy thế, mỗi buổi sáng, khi chiếc lược sún chải vào mớ tóc vàng buông xoã óng như tơ, thì trong giây phút chị lại cảm thấy vui vui, vì đẹp.

X
HẬU QUẢ CỦA THÀNH CÔNG

Phăngtin bị đuổi ra khỏi xưởng vào một ngày cuối đông. Từ độ ấy, một mùa hè đã qua, rồi mùa đông lại trở về. Ngày ngắn, chị làm việc được ít. Mùa đông không có hơi ấm, không có ánh sáng, không có canh trưa, buổi chiều và buổi sáng liền nhau, lúc nào cũng có sương mù, lúc nào cũng như hoàng hôn, cửa kính mờ xám, không trông rõ ra ngoài nữa. Cả bầu trời như một cái cửa thông hơi dưới hầm, cả ngày bưng bít như trong một cái hũ. Mặt trời trông thiểu não như một người nghèo. Cái mùa ghê tởm! Nó biến nước trời và lòng người thành đá. Bọn chủ nợ giày vò Phăngtin.

Tiền chị kiếm ra quá ít ỏi. Nợ càng ngày càng nhiều. Thấy tiền gửi thất thường, vợ chồng Tênacđiê luôn luôn viết thư thôi thúc. Lời thư làm cho chị khổ tâm, bưu phí làm cho chị cạn túi. Một lần, chúng viết thư nói rằng trời rét thế này mà con Côdét của chị trần truồng rách rưới: cần sắm cho nó một cái váy len, vậy phải gửi ngay cho chúng mười phơrăng. Phăngtin nhận thư, cả ngày cầm trong tay đến nhàu nát. Buổi chiều chị đến một hiệu cắt tóc ở góc phố. Chị bỏ lược, mớ tóc vàng óng ả đổ xuống đến ngang lưng. Người thợ cạo trầm trồ:

- Ôi! Tóc đẹp quá!

Phăngtin hỏi:

- Ông trả tôi bao nhiêu?

- Mười Phơrăng.

- Ông cắt đi.

Chị mua một cái váy len gửi cho vợ chồng Tênacđiê. Nhận được váy, vợ chồng chúng tức điên ruột. Chúng muốn Phăngtin đưa tiền kia. Chúng đem váy mặc cho Epônin, còn con Sơn ca đáng thương thì vẫn rét run cầm cập.

Phăngtin nghĩ: "Con ta không rét nữa. Ta đã lấy tóc ta dệt cho con mặc rồi". Chị đội mũ chụp nhỏ để giấu cái đầu trụi tóc, tuy thế chị vẫn còn xinh.

Lòng người đàn bà ấy đang chịu những giày vò đen tối. Khi chị thấy không chải chuốt được nữa, chị đâm thù ghét tất cả. Cả đến ông Mađơlen mà chị cũng như tất cả mọi người, vẫn kính phục xưa kia, chị cũng phát ghét, ghét cay ghét đắng, ghét hơn ai hết, vì chị đã lặp đi lặp lại quá nhiều lần rằng ông đã đuổi chị, làm cho chị khốn khổ đến thế. Nhưng khi đi qua xưởng cũ có thợ thuyền đứng trông, chị vờ cười và hát to lên.

Một bà thợ già một hôm trông thấy chị cười và hát như thế, bảo: "Cái chị này rồi cũng chả ra gì".

Phăngtin lòng đầy uất hận, bất nhân tình bừa với một người, chẳng cân nhắc gì, người đầu tiên mà chị gặp, một người mà chị không yêu, như muốn trêu tức mọi người vậy. Người ấy là một thằng khốn nạn, một tên gảy đàn hành khất, một đứa vô nghề nghiệp nghèo khốn. Hắn đánh đập chị rồi chán chị, bỏ chị dễ dàng cũng như khi chị bất nhân tình với hắn.

Phăngtin vẫn yêu quí đứa con hết sức. Chị càng sa đoạ, cuộc đời chị càng đen tối, thì hình ảnh đứa con thơ ngây yêu dấu lại càng sáng chói trong tâm hồn chị. Chị tự bảo: "Bao giờ ta giàu, thì ta sẽ đón Côdét của ta về với ta", và chị cười sung sướng. Chứng ho cũ của chị vẫn không khỏi, lưng lại thường toát mồ hôi lạnh.

Một hôm, chị nhận được một bức thư của vợ chồng Tênacđiê như sau: "Côdét mắc một chứng bệnh đang phát triển ở địa phương, người ta gọi là bệnh sốt ban. Cần nhiều thứ thuốc đắt tiền để chữa, chúng tôi đã chạy chữa đến sạt nghiệp, bây giờ thì chúng tôi không còn tiền nữa. Trong vòng tám ngày, nếu chị không gửi cho bốn mươi phơrăng thì cứ coi như là con bé đi đứt". Phăngtin cười rộ lên như điên và nói với bà láng giềng:

- A, họ quí hóa thật! Bốn mươi phơrăng, có thế thôi! Nghĩa là hai đồng vàng! Đào đâu ra? Họ thật ngớ ngẩn, những người nhà quê ấy họ ngớ ngẩn thật!

Nhưng rồi chị đi ra phía cầu thang, ghé cửa sổ đọc lại bức thư. Và chị xuống thang gác, chạy ra phố, vừa chạy vừa nhảy vừa cười khanh khách.

Có người gặp chị hỏi:

- Có gì mà chị vui sướng thế hở?

Chị trả lời:

- Ở nhà quê họ vừa viết thư cho tôi. Thật là ngu ngốc. Họ đòi tôi gửi bốn mươi phơrăng. Nhà quê thật!

Khi đi qua quảng trường, chị thấy có đám đông xúm quanh một chiếc xe kiểu rất lạ. Trên sàn xe một người đàn ông mặc áo đỏ đang nói huyên thuyên. Đó

là một anh chàng nhổ răng dạo, đang giới thiệu với mọi người những hàm răng giả trọn vẹn, những ống thuốc đánh răng, những "nha thống thủy", "nha thống tán".

Phăngtin len vào đám đông và cũng cười như mọi người. Bài diễn thuyết của tên nhổ răng dạo đầy những tiếng lóng dành cho bọn vô lại và những chữ khó hiểu để cho khách tử tế. Thấy Phăngtin cười, hắn bỗng kêu lên:

- Cái chị đang cười kia, răng chị đẹp quá! Nếu chị bán hai cái bàn cuốc của chị thì tôi trả cho chị mỗi cái một đồng vàng.

Phăngtin hỏi:

- Hai cái bàn cuốc của tôi là cái gì?

- Hai cái bàn cuốc là hai cái răng cửa hàm trên ấy -anh nhổ răng nói.

Phăngtin kêu:

- Nói gì nghe ghê rợn thế!

Một mụ già móm đứng cạnh nói lầm bầm:

- Hai đồng vàng cơ à! Thật là sướng nhé !

Phăngtin bịt tai chạy trốn để khỏi nghe giọng nói khàn khàn của anh chàng ấy đuổi theo.

- Nghĩ kỹ đi, chị ơi! Hai đồng vàng được khối việc đấy. Nếu vừa ý, tối nay đến tìm tôi ở quán *Tilắc* nhớ.

Phăngtin về đến nhà, còn lầm bầm tức giận. Chị kể chuyện lại cho bà Macgơrít:

- Bà thử nghĩ xem có nghe được không? Sao lại có thằng cha đáng ghét thế! Sao người ta lại để cho những đứa như vậy đi dạo khắp nơi? Bẻ hai cái răng

cửa của tôi à? Thế rồi mặt mũi của tôi sẽ ghê gớm như thế nào? Tóc còn mọc lại chứ răng thì bao giờ! Gớm cái đồ yêu quái! Thà tôi đâm đầu từ trên tầng gác thứ năm xuống vỉa hè còn hơn. Hắn bảo tôi là tối nay hắn ở quán *Tilắc*.

Bà Macgơrít hỏi:

- Thế hắn trả bao nhiêu?

- Hai đồng vàng.

- Thế là bốn mươi phơrăng.

- Vâng, thế là bốn mươi phơrăng -Phăngtin nhắc lại.

Chị yên lặng, trầm ngâm rồi giở việc ra làm. Mười lăm phút sau, chị bỏ đồ khâu đấy và chạy ra cầu thang đọc lại cái thư của Tênacđiê. Khi trở vào, chị hỏi bà Macgơrít ngồi khâu bên cạnh:

- Bà nhỉ, sốt phát ban là gì nhỉ, bà có biết không?

- Có, đó là một thứ bệnh.

- Chữa bệnh này cần nhiều thuốc lắm phải không?

- Ồ, những thứ thuốc ghê gớm lắm!

- Bệnh ấy đau ở đâu nhỉ?

- Nó đau như thế đấy.

- Trẻ con hay mắc, phải không?

- Nhất là trẻ con, dễ mắc lắm.

- Có chết được không hở bà?

- Chết lắm chứ lị.

Phăngtin lại đi ra để đọc bức thư một lần nữa ở cầu thang.

... Đến tối, nàng ra phố và người ta thấy nàng đi về phía phố Pari là phố các quán cơm.

Hôm sau, trời chưa sáng, khi bà Macgơrit sang phòng Phăngtin để cùng ngồi khâu chung một ngọn nến thì bà ta thấy Phăngtin ngồi trên giường, mặt tái nhợt, lạnh lẽo, ghê rợn. Nàng không ngủ. Chiếc mũ chụp rơi xuống đầu gối, ngọn nến cháy cả đêm sắp tàn.

Trước cảnh tượng bất thường ấy, bà Macgơrít kinh ngạc đứng sững ở ngưỡng cửa như một pho tượng gỗ. Bà kêu:

- Lạy chúa! Cây nến cháy hết cả như thế kia! Có tai biến gì xảy ra, hở chị Phăngtin?

Rồi bà nhìn Phăngtin đang quay cái đầu trọc lốc về phía bà.

Mới một hôm mà Phăngtin già đi đến mười tuổi.

- Lạy chúa! Chị Phăngtin, chị làm sao vậy?

- Có gì đâu. Tôi vui thì có. Con tôi sẽ không chết về cái bệnh ác nghiệt ấy vì có thuốc rồi. Tôi rất hài lòng.

Phăngtin nói thế và chỉ cho bà Macgơrít hai đồng tiền vàng chói ngời trên mặt bàn.

- Ối chúa ơi! Cả một cái gia sản như thế! Chị làm gì mà có được những đồng tiền vàng ấy?

- Có đấy ạ.

Phăngtin trả lời thế thôi và cười. Ngọn nến chiếu rõ mặt chị. Nụ cười rớm máu. Một ít nước giãi đỏ dính ở hai mép, và ở miệng chị có một lỗ hổng đen! Hai cái răng cửa đã bẻ đi rồi.

Phăngtin gửi bốn mươi phơrăng ấy cho Tênacđiê. Thật ra thì vợ chồng Tênacđiê đã đánh lừa nàng để lấy tiền. Côđét không ốm.

Phăngtin ném gương qua cửa sổ. Từ lâu nàng không ở cái phòng ở tầng hai nữa mà lên ở trên gác xép sát mái nhà, chỉ cài bằng một cái then con, một cái xó mà mái gác chếch lên mặt sàn, ra vào đụng đầu. Kẻ nghèo khổ chui vào buồng mình ở cũng như đi sâu vào số mệnh, càng vào càng phải cúi rạp lưng xuống. Phăngtin không có giường nữa, nàng chỉ có một mảnh giẻ rách gọi là chăn, một cái đệm vứt xuống sàn và một chiếc ghế nát. Cây hồng con nàng vẫn trồng đã chết khô trong một góc buồng. Trong góc khác có một cái cóng đựng bơ nay dùng đựng nước: mùa rét nước đông lại, mỗi lần như thế, mặt nước để lại một vành băng trong lòng cóng. Phăngtin đã không cần biết xấu hổ là gì, đến nay nàng cũng không thiết làm dáng nữa. Đến thế là hết. Nàng đội những cái mũ chụp bẩn đi ra phố. Vì bận hay vì chán chường, nàng để mặc cho quần áo rách nát, không vá víu nữa. Khi gót bít tất thủng, nàng gấp vào trong giày làm cho bít tất có những nếp giăn dọc. Nàng đụp cái coóc-xê cũ nát bằng những mủn vải bở, hễ cựa một cái là toạc ra. Chủ nợ luôn luôn mè nheo, không để cho nàng yên lúc nào. Ở ngoài đường cũng thấy họ, về nhà cứ đến cầu thang lại đã thấy họ. Đêm nào nàng cũng nghĩ ngợi và khóc lóc. Mắt nàng sáng quắc lên; nàng luôn luôn đau nhói ở phía trên bả vai bên trái. Nàng ho nhiều. Nàng thù ông Mađơlen lắm, nhưng nàng không than thở. Nàng khâu mười bảy giờ một ngày. Nhưng một tên chủ thầu nhà pha lãnh thuê tù phụ nữ khâu giá rẻ, nên công khâu thuê ở ngoài cũng bị hạ xuống, chỉ được chín xu một ngày. Làm việc mười bảy giờ mà chỉ được chín xu! Bọn chủ nợ lại càng

nghiệt ngã hơn bao giờ hết. Người bán đồ cũ cho nàng đã bắt lại gần hết đồ đạc, thế mà lúc nào hắn cũng hỏi nàng: "Cái quần này lúc nào mày trả nợ tao?". Người ta còn muốn gì nữa, hở trời! Nàng thấy mình như một con vật bị người ta săn bắt, và đương hóa nên hung tợn vì bị đuổi cùng đường. Cũng lúc ấy, nhà Tênacđiê viết thư bảo nàng là chúng đã kiên nhẫn lắm rồi, đã tốt hết sức rồi, phải gửi ngay cho chúng một trăm phơrăng. Gửi ngay, nếu không chúng sẽ tống cổ Côđet ra cửa, mặc cho rét mướt, mặc cho lang thang, mặc cho vừa mới thoát khỏi cái bệnh ghê gớm, mặc cho đứa bé muốn ra, sao thì ra, có phải chết đường, chết chợ, cũng đành.

Phăngtin tự bảo: "Một trăm phơrăng! Tìm đâu ra một việc làm lương công nhật năm phơrăng? -Thôi! Đành bán nốt vậy".

Thế là người đàn bà xấu số ấy đi làm gái điếm.

XI
CHÚA GIẢI THOÁT CHÚNG TA (1)

Chuyện của Phăngtin là chuyện gì vậy? Chuyện xã hội mua một người nô lệ.

Mua của ai? Của cùng khổ.

Của đói khát, của rét mướt, của cô đơn, của hắt hủi, của trơ trụi. Cảnh mua bán quá thương tâm: một mẩu bánh đánh đổi một linh hồn. Cùng khổ đem bán, xã hội nhận mua. Luật Chúa thiêng liêng điều khiển văn minh thế giới, nhưng luật Chúa chưa đi sâu vào văn minh. Người ta bảo việc mãi nô không

(1) Nguyên văn la-tinh: *Christus nos Liberavit.*

còn ở châu Âu. Nói thế là lầm. Nó vẫn tồn tại, nhưng nó chỉ làm khổ người phụ nữ. Đó là chế độ mãi dâm.

Nó đè nặng lên người phụ nữ tức là đè nặng lên duyên dáng, yếu hèn, sắc đẹp, tình mẹ. Đó là một điều nhục nhã lớn cho bọn đàn ông.

Đến bước đường bi đát ấy, Phăngtin chẳng còn gì là cô Phăngtin ngày xưa nữa. Trở thành bùn dơ, nàng cũng hóa ra đá lạnh. Ai chạm phải nàng cũng cảm thấy buốt tay. Nàng là kẻ qua đường, chịu đựng anh, và không biết anh là ai. Nàng ô uế nhưng mà nghiêm nghị. Nàng đã đoạn tuyệt với cuộc đời, với trật tự xã hội. Cái gì có thể xảy đến cũng đã xảy đến với nàng rồi. Nàng đã nhận tất, chịu tất, thử thách tất, đau khổ nhất, mất tất, khóc thương tất: Bây giờ thì nàng cam chịu với dáng lạnh lùng, cũng như cái chết có dáng một giấc ngủ. Nàng không lẩn tránh cái gì nữa cả. Nàng không kiêng sợ cái gì nữa cả. Mưa rào cứ tuôn xuống người nàng đi, biển cả cứ giội lên người nàng! Sá gì! Nàng đã là một tấm giẻ đẫm nước.

Ấy là nàng tưởng thế. Nhưng thật là sai lầm khi tưởng tượng rằng mình đốc cạn hết đắng cay của vận mệnh và đạt tới được chỗ tận cùng của bất kỳ một cảnh huống nào.

Hỡi ơi! Những vận mệnh bị xô dồn như thế là thế nào nhỉ? Họ bị đẩy đi đâu? Vì sao lại thế?

Ai biết điều ấy tức là đã rõ cái tối tăm huyền bí.

Chỉ có một kẻ biết. Đó là Chúa.

XII

GÃ BAMATABOA VÔ CÔNG RỒI NGHỀ

Ở tỉnh nhỏ, nhất là ở Môngtơrơi, có một hạng thanh niên mỗi năm gặm nhấm một ngàn rưỡi phơrăng lợi tức cùng một kiểu cách như các cậu công tử ở Pari tiêu hai mươi vạn phơrăng. Đó là một hạng người vô nghĩa: không sinh lực, ăn bám, vô dụng, có chút ít ruộng đất và nhiều cái dại dột cộng với một ít thông minh. Vào các phòng khách lịch sự thì họ là người cục súc, mà ở quán rượu thì họ tự cho là quí tộc. Mở miệng thì nào là "đồng cỏ của tôi" nào là "rừng của tôi, điền tốt nhà tôi". Họ huýt còi các cô đào trong rạp để lên mặt ta là người thông thạo, họ gây gổ với sĩ quan để tỏ rằng mình cũng là khách kiếm mã. Họ cũng đi săn, hút thuốc lá, ngáp vặt, uống rượu, đánh bi-a, đứng xem người ta lên xuống xe, la cà chốn cao lâu tửu điếm. Họ có một con chó để gặm xương dưới bàn và một cô nhân tình để dọn cơm lên bàn cùng ăn. Họ tính toán chi li từng xu, họ học đòi theo thời trang không phải lối, họ hay đi xem bi kịch, họ lên mặt khinh thường phụ nữ, họ có những kiểu cách thị thành rởm. Cứ thế họ sống già đời ngu độn, không lao động, chẳng ích gì cho đời mà cũng chẳng hại bao nhiêu.

Phêrit Tôlômiet mà cứ ở tỉnh nhà, chẳng biết Pari là gì cả, thì sẽ là một kiểu người như thế.

Nếu họ giàu có hơn nữa thì người ta cho họ là kẻ sang trọng, mà nghèo kiết hơn nữa thì là đứa ăn hại. Thật ra họ chỉ là một bọn vô công rồi nghề. Trong đám, có kẻ bặng nhặng, có kẻ chán chường, có kẻ vẩn vơ và có kẻ lố bịch.

Thời ấy, bộ cánh của một gã sang trọng là một cái cổ áo cao, một cái cà-vạt to, một chiếc đồng hồ có dây lủng lẳng đồ chơi, ba cái gi-lê mặc chồng lên nhau, mỗi cái một màu, cái xanh trong cùng rồi đến cái đỏ, một cái áo màu ô-liu thân ngắn, đuôi xoè, đính hai hàng cúc bạc dày xít nhau, chạy lên tận vai, một cái quần cũng màu ô-liu nhưng nhạt hơn, đường may ở hai ống thêm những ngấn thêu cho đẹp, từ một đến mười một ngấn một bên, chứ không bao giờ quá và luôn luôn là số lẻ. Thêm vào đó còn có đôi giày cao cổ gắn cá sắt ở gót, cái mũ cao, hẹp vành, mớ tóc bờm xờm, cây ba-toong to tướng, và những câu bông lơn, bông phèng luôn luôn trên cửa miệng. Đặc biệt hơn cả là bộ cựa giày và bộ râu trên mép. Bấy giờ râu mép là dấu hiệu tư sản thị dân, còn cựa sắt (1) có nghĩa là người đi bộ.

Gã sang trọng tỉnh lẻ dùng cựa càng dài, và tỉa bộ ria càng dữ.

Bấy giờ các nước cộng hòa Nam Mỹ đang chống lại ách thống trị của vua Tây-ban-nha, Bôliva đang lãnh đạo quân cách mạng chống lại Môridô, tướng của nhà vua. Nhân đó, mũ hẹp vành là bảo hoàng và có tên là Môridô, còn những người phái tự do thì đội mũ rộng vành gọi là Bôliva.

Khoảng đầu giêng năm 1823, nghĩa là tám chín tháng sau những việc vừa kể, vào buổi tối một ngày mưa tuyết, một chàng công tử, một gã vô công rồi nghề kiểu trên, ăn mặc đúng thời trang, lại choàng một áo khoác thật ấm, đang tiêu khiển bằng cách trêu nghịch một gái điếm. Ả này đang lảng vảng trước tiệm cà-phê sĩ quan. Ả bận áo mỏng để hở ngực và vai, trên đầu giắt hoa. Tay công tử hút thuốc lá, cái mốt bấy giờ là

(1) Cựa sắt tra vào gót giầy những người cưỡi ngựa, để thúc ngựa.

thế.

Mỗi lần gái điếm lượn qua thì hắn lại phà khói xì-gà vào mặt ả và văng ra những lời trêu trọc mà hắn cho là hóm hỉnh: "Sao mày xấu như ma lem thế! -Hãy che mặt đi, con kia!- Mày là con móm!" v.v... Tay công tử ấy tên là Bamataboa. Người đàn bà trông như con ma dại trát phấn đi đi lại lại trên tuyết, không trả lời, không thèm nhìn hắn. Ả cứ yên lặng đi, lại, cách năm phút lại đến hứng những lời chế giễu một lần, y như một tên lính bị phạt đòn qua lại dưới trận mưa roi. Thấy châm chọc không kết quả, anh chàng đâm tức, bèn rình lúc chị kia quay lưng lại, khẽ rón rén đi theo, nhịn cười cúi xuống bốc một nắm tuyết bỏ tọt vào lưng áo hở vai của chị ta; chị rú lên một tiếng, quay lại, nhảy chồm lên như một con báo, xông vào cào cấu nát mặt thằng nghịch ác, miệng chửi rủa những lời ghê gớm nhất. Tiếng chửi rủa khàn khàn vì rượu văng ra từ một cái mồm đen ngòm thiếu hai cái răng, trông đến gớm. Người đàn bà ấy là Phăngtin.

Nghe náo động, bọn sĩ quan trong tiệm kéo cả ra ngoài, người đi đường cũng đứng lại, tụ tập thành đám đông vây quanh lấy đám đánh nhau mà cười, mà la ó, mà vỗ tay. Trong đám đánh nhau túi bụi như một cơn lốc, nhìn kỹ mới thấy một anh đàn ông đương chới với, mũ lăn dưới đất, một chị đàn bà vừa đấm, vừa đá, vừa rú thét, đầu trần, không răng, không tóc, mặt tái nhợt vì giận, nom thật ghê tởm.

Bỗng một người cao lớn từ đám đông tiến thẳng ra, tóm ngực áo xa-tanh đầy bùn của người đàn bà, ra lệnh:

- Đi theo ta!

Người đàn bà ngẩng lên. Tiếng thét bỗng nhiên nghẽn trong cổ. Hai con mắt chị đờ ra. Mặt chị đang tái nhợt bỗng hóa ra tái xanh và chị run lên vì kinh sợ. Chị đã nhận ra người ấy là Giave.

Cậu công tử nhân lúc lộn xộn chuồn mất.

XIII

GIẢI QUYẾT MẤY VẤN ĐỀ CẢNH SÁT THÀNH PHỐ

Giave rẽ đám đông, rảo cẳng đi về phía sở cảnh sát ở đầu phố, kéo người đàn bà khốn nạn lếch thếch theo sau. Chị ta để mặc cho hắn lôi đi như người mất hồn. Cả hai không ai nói một lời. Bọn người đi xem, thích thú cực độ, kéo theo sau, vừa đi vừa pha trò. Cảnh khổ não cùng cực vẫn là cơ hội cho những lời bông đùa tục tĩu.

Buồng giấy sở cảnh sát là một gian nhà thấp có lò sưởi, có bóp lính bảo vệ, cửa trông ra đường có kính và song sắt. Giave mở cửa đưa Phăngtin vào trong nhà rồi đóng cửa lại, làm cho bọn tò mò thất vọng. Họ kiễng chân nghển cổ nhìn qua tấm kính mờ chỗ bóp gác, để xem cho được. Anh tò mò giống như anh tham ăn. Được xem cũng như được nuốt.

Phăngtin vào đến buồng giấy, ngồi phệt xuống một xó không dám rỉ răng, không cựa quậy, thu bốn vó ý như con chó sợ đòn.

Viên đội coi ở đấy mang lại một cây nến đặt lên bàn.

Giave ngồi xuống, rút trong túi ra một tờ tín chỉ rồi bắt đầu viết.

Pháp luật chúng ta đã giao những hạng phụ nữ này cho cảnh sát được toàn quyền xử lý. Nó muốn làm thế nào thì làm, muốn phạt thế nào cũng được. Nó tự ý tước hai thứ đáng buồn mà họ gọi là nghề nghiệp và tự do của họ. Giave lạnh như tiền. Bộ mặt đĩnh đạc của hắn không biểu lộ chút tình cảm nào hết. Song hắn suy nghĩ chăm chú và nghiêm túc lắm. Đó là lúc hắn thi hành cái quyền lực đặc mệnh đáng sợ của hắn, với mọi sự thận trọng của một lương tâm nghiêm khắc, tuy không có ai kiểm soát. Lúc ấy hắn cảm thấy chiếc ghế đẩu cảnh sát viên của hắn là một công đường. Hắn đang ngồi xử án. Hắn luận án và hắn kết tội. Hắn vận dụng tất cả những kiến thức của hắn để làm cho tròn cái việc nghiêm trọng ấy. Càng xét việc đứa gái đĩ ấy, hắn càng thấy phẫn nộ. Không nghi ngờ gì hết, hắn vừa chứng kiến một tội ác. Thật thế, trước mặt hắn, ngay ngoài phố, một ả vô lại đã lăng mạ xã hội, đã xúc phạm xã hội trong con người một vị nghiệp chủ - cử tri. Một ả gái điếm dám xúc phạm một nhà tư sản. Cảnh ấy, chính mắt hắn, chính Giave, đã nhìn thấy. Hắn yên lặng cắm cúi viết.

Viết xong, hắn ký tên, gấp tờ giấy lại đưa cho viên đội gác mà bảo:

- Lấy ba người giải con này vào nhà giam.

Rồi quay sang phía Phăngtin:

- Mày đi tù sáu tháng.

Phăngtin rụng rời, kêu:

- Sáu tháng! Sáu tháng ở tù! Sáu tháng mỗi ngày chỉ được bảy xu! Thế thì Côdét rồi ra làm sao? Con ơi!

Con! Ông thanh tra ơi, tôi còn nợ nhà Tênacđiê những một trăm phơrăng nữa, ông có biết cho không?

Chị ta lết dưới sàn gạch lấm bùn giầy bọn lính, chị chắp tay, cứ quì cứ lê đầu gối đi và kêu van:

- Ông Giave ơi, ông sinh phúc cho. Tôi cam đoan với ông rằng không phải lỗi ở tôi. Nếu ông được chứng kiến ngay từ lúc đầu thì ông đã rõ! Tôi xin thề trước mặt Chúa là không phải lỗi ở tôi. Chính cái nhà ông tư sản ấy, nào tôi có quen biết đâu, ông ấy bốc tuyết bỏ vào lưng tôi. Khi lũ tôi đi đường không động chạm gì đến ai, thì người ta có quyền gì lấy tuyết nhét vào lưng chúng tôi như thế? Tôi bị cóng lạnh. Tôi lại đang ốm dở, ông xem đấy! Với lại trước đó ông ấy cứ nhạo báng tôi mãi. Nào là: mày xấu lắm! Nào là: mày không có răng! Tôi cũng biết là tôi không có răng thật. Tôi có làm gì đâu. Tôi tự nhủ: vị này bông đùa thôi. Tôi có dở ngón gì với ông ấy đâu. Tôi không nói không rằng. Giữa lúc ấy thì ông nhét tuyết vào người tôi. Thưa ông Giave, thưa ông thanh tra phúc đức! Quanh đấy lại không có ai làm chứng cho tôi là đã trông thấy đúng như thế ư? Có lẽ tôi cũng có trái vì đã nóng giận. Nhưng ông minh xét cho, trong lúc bất thần như thế, ai mà bình tĩnh được. Ai mà không phát bẳn lên. Vả lại bất thình lình không ngờ có người bỏ một vật lạnh như thế vào trong lưng thì ai mà nín được! Tôi cũng biết làm bẹp cái mũ dạ của ông ấy là trái rồi. Làm sao ông ấy lại bỏ đi ngay không để cho tôi xin lỗi! Trời ơi! Xin lỗi ông ấy thì xin chứ sao. Ông Giave ơi, xin ông tha cho tôi lần này, lần hôm nay thôi. Ông ơi, ông không biết cho rằng ở trong tù mỗi ngày chỉ kiếm được có bảy xu - cái đó hẳn là không phải lỗi ở nhà nước - nhưng chỉ kiếm được có bảy xu mà ông tưởng tượng xem, tôi phải trả

nợ những một trăm phơrăng, không có thì họ tống cổ con tôi đi. Ôi trời ơi! Tôi không thể để con tôi ở với tôi được. Cái nghề tôi làm xấu xa lắm! Ôi, Côdét con ơi, con yêu quý của mẹ, rồi con sẽ ra sao, hỡi con chó tội nghiệp của mẹ! Thưa ông, tôi nói bọn nhà Tênacđiê, bọn bán quán, bọn nhà quê, chẳng có nhân nghĩa gì. Chúng nó chỉ biết vòi tiền. Đừng bỏ tù tôi, ông ơi! Ông biết cho, nếu tôi ở tù thì con bé sẽ bị đuổi ngay ra đường, muốn ra sao thì ra, giữa mùa đông tháng giá thế này. Ông thương cháu bé bỏng với, ông Giave phúc đức ơi. Nếu nó nhớn nhao một tí, thì kệ nó tự đi mà kiếm ăn lấy, nhưng nó còn bé dại lắm, chưa biết gì đâu. Tôi vốn không phải là con người hư thân mất nết. Không phải tại tôi siêng ăn nhác làm gì. Sở dĩ tôi phải uống rượu là vì khốn khổ quá. Tôi có ưa rượu đâu, song uống vào cho nó quên lãng đi. Khi tôi còn được sung sướng, ai mở tủ tôi ra mà xem thì biết rằng tôi không phải là kẻ đỏm dáng bơ thờ đâu. Tôi trước có quần áo, nhiều lắm. Ông Giave ơi! Ông rủ lòng thương tôi với, ông!

Người gập lại làm đôi. Phăngtin vừa nói, vừa khóc nức nở, nước mắt ràn rụa, áo xoạc đến ngực, hai tay vặn vào nhau, thỉnh thoảng ho khan từng cơn ngắn; chị nói lắp bắp hổn hển, giọng yếu đuối như người hấp hối. Sự đau khổ cùng cực có khi như một ánh sáng thần diệu và ghê gớm làm đổi nét mặt con người. Phăngtin lúc ấy trở lại đẹp đẽ. Nhiều khi chị dừng nói, ôm lấy gấu áo của Giave mà hôn một cách thiết tha.

Trước cảnh tượng ấy dầu sắt đá cũng phải chuyển nhưng quả tim gỗ của tên mật thám không lay chuyển tí nào.

- Thôi, ta đã nghe rồi. Mày đã nói hết chưa? Bây giờ thì đi. Đi tù sáu tháng. Dẫu Chúa cứu thế xuống đây cũng không làm thế nào được!

Phăngtin nghe đến cái câu tận từ: *"Dẫu Chúa cứu thế cũng không làm thế nào được!"* thì hiểu rằng hắn đã nhất quyết như thế rồi.

Chị ngã sụp xuống, miệng lắp bắp:

- Tha cho tôi!

Giave quay lưng đi.

Bọn lính túm tay chị.

Trước đấy mấy phút có một người vào trong buồng giấy mà không ai để ý. Người ấy đã khép cửa và tựa lưng vào cửa, đứng nghe những lời van xin tuyệt vọng của Phăngtin. Đến khi bọn lính tóm lấy chị đàn bà khốn nạn, chị ta không chịu đứng dậy, thì người ấy bước ra khỏi chỗ tối bảo:

- Khoan đã.

Giave nhìn lên và nhận ra ông Mađơlen. Hắn bỏ mũ chào, dáng lúng túng như có ý bực mình:

- Thưa ông thị trưởng, xin lỗi ngài...

Mấy tiếng "Ông thị trưởng" làm cho Phăngtin như bị điện giật. Chị vươn đứng lên đột ngột như ma từ dưới mồ, lấy tay gạt mấy người lính ra, tiến thẳng đến trước mặt ông Mađơlen, những người chung quanh không giữ kịp. Chị nhìn trừng trừng vào mặt ông, bộ dạng như con người dại:

- A! Vậy ra mày là ông thị trưởng!

Chị cười lên khanh khách và nhổ một cái vào mặt ông.

Ông Mađơlen lau mặt rồi nói:

- Ông thanh tra Giave, ông hãy thả người đàn bà này ra.

Giave tưởng như mình sắp hóa điên. Cùng một lúc liền, hắn có những cảm xúc mãnh liệt và dồn dập chưa từng thấy. Mắt trông thấy một đứa gái điếm nhổ vào mặt một ông thị trưởng, đó là một điều quái gở, chỉ nghĩ là việc ấy có thể xảy ra thôi cũng đủ là bất kính rồi. Mặt khác, trí óc hắn lờ mờ liên hệ hình ảnh thật của ả gái điếm với hình ảnh ức đoán về ông thị trưởng kia, do đấy hắn kinh hoàng thấy rằng việc đại xúc phạm của Phăngtin vừa rồi cũng không có gì là lạ. Nhưng đến khi hắn thấy ông thị trưởng ấy, ông quan ấy, bình tĩnh chùi mặt và nói: *Hãy thả người đàn bà này ra* thì hắn choáng váng vì kinh khủng. Hắn đứng ngây ra không biết nói gì, không biết nghĩ thế nào. Chưa bao giờ kinh ngạc đến như thế, hắn nghẹn mồm như bị câm.

Lời ông Mađolen cũng làm cho Phăngtin ngạc nhiên không kém. Chị giơ cánh tay trần nắm lấy quả nắm cửa lò sưởi, như người sắp ngã. Và chị ngơ ngác nhìn quanh, miệng lẩm bẩm như nói một mình:

- Thả ra! Thả tôi ra à! Để cho tôi khỏi phải đi tù sáu tháng! Ai nói như vậy đó? Có thật có người nói như thế không? Tôi nghe lầm chăng? Chắc chẳng phải cái thằng thị trưởng trời đánh kia! Ông Giave nhân đức ơi, có phải ông bảo thả tôi ra không? Trời

ơi! Ông ơi! Tôi xin nói ông rõ rồi ông để tôi đi nhé! Cái thằng thị trưởng trời đánh này, cái thằng chó đểu già thị trưởng này, chính nó đã làm tôi trăm phần điêu đứng. Thưa ông Giave, ông nghĩ xem! Hắn đã đuổi tôi! Chỉ vì một lũ đàn bà mạt kiếp đã xầm xì trong xưởng. Thế có phải là kinh tởm không? Ai lại đi đuổi một đứa con gái nghèo khổ cần cù làm ăn! Bị đuổi tôi không kiếm đủ tiền nuôi con, cho nên mọi sự bất hạnh xảy đến. Tiện đây có một điều mà các ông ở sở cảnh sát nên để ý cải thiện, là đừng để bọn thầu khoán trong nhà tù làm hại bọn người nghèo. Ông ơi, tôi trình bày để ông rõ, công may sơ-mi đang là mười hai xu thì hạ xuống còn chín xu. Thành ra không thể sống được và phải mặc cho đời ra sao thì ra. Tôi còn con Côdét, túng thì phải tính nên hóa ra người hư. Bây giờ thì ông đã hiểu bao nhiêu tai ách của tôi đều do cái thằng thị trưởng ăn mày này gây ra cả. Tôi có xéo bẹp cái mũ dạ của ông tư sản trước tiệm cà phê sĩ quan. Nhưng ông ta đã ném tuyết làm hỏng cái áo dài của tôi. Nghề chị em chúng tôi, cả bộ cánh chỉ có chiếc áo lụa để diện buổi tối thôi. Ông xem, tôi có cố ý làm hại ai bao giờ đâu, có phải không, thưa ông Giave. Tôi thấy chán vạn đứa hung ác hơn tôi, thế mà chúng nó được sung sướng hơn tôi nhiều. Ông Giave ơi! Có phải ông bảo người ta thả tôi ra không? Đúng thế chứ? Xin ông cứ cho điều tra, ông hỏi chủ nhà tôi mà xem, bây giờ tôi đã trả tiền nhà sòng phẳng, ai cũng sẽ công nhận tôi là người thật thà. Ối! Trời ơi, xin

ông tha lỗi, tôi vô ý cầm phải quả nắm cửa lò sưởi làm khói bay ra ngoài.

Ông Mađolen chăm chú nghe nàng nói. Vừa nghe, ông vừa cho tay vào túi áo gi-lê lấy ra một cái ví, nhưng mở ra lại là ví không, nên ông lại bỏ vào túi. Ông hỏi Phăngtin:

- Chị nói chị còn nợ bao nhiêu nữa?

Đang hướng về phía Giave, Phăngtin quay lại:

- Tao nói với mày đấy à?

Rồi nàng nói với bọn lính:

- Này các bác, các bác có trông thấy tôi nhổ vào mặt nó thế nào đó không? À! Tên thị trưởng già khốn nạn kia, mày đến đây để doạ tao đó, có phải không? Nhưng tao thì tao không sợ mày đâu. Tao chỉ sợ ông Giave thôi. Tao kính sợ ông Giave phúc đức thôi.

Nói thế rồi chị quay về phía tên thanh tra mật thám:

- Thưa ông, nói thế thì nói, cũng phải cho công bằng chứ! Ông thanh tra ơi, tôi biết ông là người công minh. Đầu đuôi câu chuyện có gì đâu. Một người đàn ông đùa, bốc một dúm tuyết nhét vào lưng người đàn bà, việc ấy làm cho bọn sĩ quan cười. Đúng! Họ cũng phải đùa bỡn chứ. Mà đám chị em chúng tôi cũng là để mua vui cho thiên hạ. Về phần ông thì ông cũng phải giữ gìn trật tự chứ. Cho nên ông đến ông lôi con mẹ đàn bà có lỗi đi. Nhưng ông vốn là người nhân từ, khi nghĩ lại, ông bảo thả tôi ra. Thế là ông

thương đến cháu bé lắm đấy, vì rằng sáu tháng ở tù thì ai nuôi con cho tôi. Thế nhưng chớ có ai dại dột một lần nữa, con khốn! Lạy ông, tôi không dám thế nữa, ông Giave! Từ giờ thì ai muốn làm gì tôi thì làm, tôi không dám cựa quậy nữa. Nhưng ông ạ, hôm nay tôi trót làm toáng lên vì tôi cóng quá. Tôi không dè có cái vốc tuyết của ông ấy ở trong bụng. Tôi đã trình ông rõ là tôi đang ốm, tôi ho, trong dạ dày tôi có cái cục gì nóng như lửa. Ông lang bảo tôi phải chữa ngay đi. Đây này, ông sờ vào mà xem. Ông cứ đưa tay đây, đừng sợ, ở chỗ này này.

Phăngtin không khóc nữa, giọng chị mơn trớn vuốt ve. Chị nắm bàn tay to kệch của Giave áp vào chỗ ngực trắng mịn của chị, vừa nhìn hắn vừa cười.

Bỗng chị nắn lại sống áo lôi thôi, kéo cái gấu váy đã hếch lên tận đầu gối vì chị quì bò từ nãy. Rồi tiến ra phía cửa, chị gật đầu thân mật nói nhỏ với bọn lính canh:

- Các chú quyền ạ, ông thanh tra bảo thả cho tôi, tôi đi đây.

Chị đặt tay lên then cửa, chỉ một bước nữa thôi là chị ở ngoài đường.

Cho đến lúc ấy, Giave vẫn đứng yên, mắt nhìn xuống đất. Hắn ngây ra như một pho tượng đặt không phải chỗ, ở giữa quang cảnh đó. Nghe tiếng động cửa, hắn vụt tỉnh lại, ngẩng đầu lên với vẻ quyền hành vô thượng. Uy quyền càng ở người địa vị thấp càng đáng sợ. Uy quyền ở loài thú dữ là sự hung

tợn, uy quyền ở người hèn hạ thì không có gì khủng khiếp hơn. Giave thét:

- Đội trưởng! Anh không trông thấy con ấy nó đi ra à! Ai bảo anh để cho nó đi?

- Tôi bảo -ông Mađơlen nói.

Phăngtin nghe tiếng Giave thét thì rụng rời buông then cửa, như một tên kẻ cắp bị bắt thả rơi vật đã lấy. Đến khi nghe tiếng ông Mađơlen thì chị quay lại. Từ đấy chị đứng yên lặng, không dám thở mạnh, con mắt hết nhìn Giave lại nhìn ông Mađơlen tùy theo người này hay người kia nói.

Có lẽ Giave đã bị "trật bản lề" nên mới thét mắng viên đội như thế, mặc dầu đã có lời ông thị trưởng truyền tha cho Phăngtin. Có lẽ hắn quên rằng có ông thị trưởng ở đấy chăng? Có lẽ bụng bảo dạ rằng không có thể một "nhà cầm quyền" lại ra một cái lệnh như thế, hắn nghĩ chắc ông thị trưởng đã lầm lẫn, muốn thế này lại nói ra thế khác chăng? Hay là đã hơn hai tiếng đồng hồ chứng kiến những sự việc ngược đời quá đỗi, hắn nghĩ cần phải quyết liệt, người thấp phải nắm lấy quyền cao, người mật thám phải lên làm quan tòa, người cảnh binh phải làm quan án. Đến nước này thì hắn phải đại diện cho luật pháp, đạo đức, an ninh, đại diện cho nhà nước, đại diện cho tất cả xã hội nói chung.

Dẫu sao, khi ông Mađơlen nói "tôi bảo" thì viên thanh tra mật thám Giave quay lại phía ông thị

trưởng. Mặt hắn tái ngắt, môi tím lại, toàn thân rung khe khẽ, vẻ người nghiêm lạnh, con mắt thất vọng, và giọng hắn, lạ chưa! rắn rỏi tuy mắt hắn nhìn xuống:

- Thưa ông thị trưởng, không thể thế được.

- Sao vậy?

- Cái con khốn nạn này đã lăng mạ một người sang trọng.

Ông Mađơlen ôn tồn, đấu dịu:

- Ông thanh tra Giave này! Ông là một người chính trực, cho nên tôi sẵn lòng giải thích cử chỉ của tôi. Sự thật là thế này. Khi ông đưa người đàn bà này đi thì tôi cũng vừa đến chỗ đó, hãy còn thấy đám đông đứng bàn tán. Tôi có hỏi đầu đuôi và biết rằng chính anh tư sản có lỗi, lấy lẽ công bình mà nói thì phải bắt anh ta mới đúng.

Giave gượng gạo:

- Con khốn kiếp lại vừa xúc phạm đến ông thị trưởng.

- Đó là chuyện riêng của tôi. Riêng tôi bị nhục, chắc vậy. Thế thì xử trí thế nào cũng tùy tôi thôi.

- Tôi xin ngài thị trưởng tha lỗi cho tôi. Điều nhục ấy không phải thuộc riêng ngài mà là thuộc luật pháp.

- Ông thanh tra Giave, luật pháp cao nhất là lương tâm con người. Tôi đã nghe người đàn bà này nói. Tôi hiểu những việc tôi làm.

- Thưa ông thị trưởng, tôi thì tôi chẳng hiểu gì những việc tôi trông thấy.

- Thế thì ông hãy cứ chấp hành mệnh lệnh.

- Tôi chấp hành nhiệm vụ. Nhiệm vụ của tôi buộc phải giam tù con này sáu tháng.

Ông Mađơlen ngọt ngào:

- Ông nghe đây. Người này sẽ không phải tù một ngày nào.

Thấy lời nói kiên quyết, Giave dám nhìn ngay vào mặt ông thị trưởng, nhưng vẫn giữ giọng hết sức tôn kính mà nói:

- Tôi thật lấy làm khổ tâm vô cùng vì phải cưỡng lại lệnh của ông thị trưởng. Đây cũng là lần thứ nhất trong đời tôi. Xin ngài hạ cố cho phép tôi trình rằng việc này đúng là thuộc quyền hạn chúng tôi. Tôi xin theo ý ngài thị trưởng, chỉ xét việc anh tư sản bị xúc phạm thôi. Tôi có mặt tại đấy. Chính cái con này nó đã nhảy xổ vào túm lấy ông Bamataboa. Ông Bamataboa là cử tri (1) và là chủ tòa nhà to đẹp có bao lơn ở góc phố, nhà ba tầng gác dựng toàn bằng đá tảng. Ấy, ở đời có lắm việc như thế! Bẩm ngài thị trưởng, dù sao đi nữa thì việc này cũng chỉ là một vụ vi cảnh ngoài đường, thuộc phạm vi xét xử của chúng tôi. Vì thế tôi phải giam giữ con mụ Phăngtin.

Tức thì ông Mađơlen khoanh tay trước ngực và nói với một giọng nghiêm khắc chưa ai trong thành phố từng nghe thấy:

(1) Ở chế độ tư bản ngày xưa (hiện nay cũng còn nhiều nước như thế) phải đóng thuế sản nghiệp đến một mức nào đó hoặc có một chức vị cao trong xã hội mới được đi bầu. Khoảng Huy-gô đặt để câu chuyện, số cử tri rất là hạn chế.

- Sự việc ông nói đây là một vụ vi phạm luật cảnh sát thành phố. Chiếu theo các điều khoản 9, 11, 15 và 66 trong luật hình sự tố tụng thì quyền thẩm phán vụ ấy là ở tôi. Vậy tôi ra lệnh thả người đàn bà này ra.

Giave cố sức lần cuối:

- Nhưng, thưa ngài...

- Còn về ông thời tôi nhắc lại điều 81 trong đạo luật ngày 13 tháng 12 năm 1799 về việc bắt giam người trái phép.

- Thưa ngài, cho phép tôi nói...

- Không nói gì cả.

- Nhưng mà...

- Đi ra -ông Madơlen truyền lệnh.

Giave đứng nhận miếng đòn đánh từ trước mặt, vào giữa ngực, y như một người lính Nga ([1]). Hắn cúi rạp xuống tận đất chào ông thị trưởng rồi đi ra.

Phăngtin đứng tránh ra một bên và kinh hoàng nhìn hắn đi qua trước mặt.

Tâm trạng chị cũng đảo lộn lạ lùng. Chị vừa được thấy có hai thế lực đối kháng giành giật con người chị. Dưới mắt chị, có hai người đương đối chọi nhau, hai người cùng nắm trong tay đời sống của chị, tự do của chị, cả linh hồn của chị, và đứa con của chị. Một bên thì muốn xô chị vào chỗ tối tăm, một bên thì muốn kéo chị ra ngoài ánh sáng. Con mắt kinh hoàng của chị nhìn thấy cuộc đấu phóng đại lên và hai người hiện ra

(1) Người lính Nga dưới chế độ sa hoàng thường bị bắt, đứng nghiêm mà nhận đòn.

to lớn như hai hộ pháp: một là ông Thiện, một là ông Ác. Ông Thiện đã thắng ông Ác. Cái ý nghĩ đã làm cho chị run giật từ đầu đến chân là vị thiên thần che chở cho chị lại chính là cái người mà chị hằng ghét cay ghét đắng, cái ông thị trưởng mà chị cho là đã gây ra mọi oan trái, ông Mađơlen. Hơn nữa lúc chị lăng mạ ông ta một cách quá quắt như thế, lại chính là lúc ông ta cứu chị! Chị trông lầm, nghe lầm hay chăng? Từ đây chị phải thay đổi tất cả tâm hồn đi hay sao?... Chị không biết, chị run rẩy. Chị càng nghe càng bối rối, càng nhìn càng kinh hoàng. Mỗi lời nói của ông Mađơlen mỗi lần tiêu tan dần bóng u ám của sự hằn thù trong lòng chị và nẩy nở ra một cái gì đầm ấm, nó vừa là niềm vui mừng, lòng tin tưởng và tình yêu thương..

Khi Giave ra khỏi buồng rồi, ông Mađơlen quay sang phía chị, nói chuyện với chị. Giọng ông chậm rãi khô khan như cố cầm nước mắt:

- Tôi đã nghe cô nói. Những chuyện xảy ra trước kia, tôi có biết gì đâu. Tôi tin là cô nói thật, tôi cảm thấy là thật. Tôi cũng chẳng biết là cô đã nghỉ việc ở xưởng tôi. Tại sao lúc ấy cô không đến tìm tôi? Thôi, bây giờ thế này: tôi trả nợ cho cô; tôi cho người đi đón con cô về đây, hay là cô đến ở với nó, tùy ý cô. Cô muốn ở lại đây, hay là ở Pari, hay ở đâu nữa cũng được. Tôi sẽ trông nom cho cả hai mẹ con. Cô muốn đi làm nữa hay nghỉ việc cũng được. Cần bao nhiêu tiền tôi sẽ đưa. Cô sẽ lại sống cuộc đời lương thiện khi cô đã được ấm no sung sướng. Hơn thế, qua những lời cô nói, nếu là thật cả -tôi tin là thật cả- thì cô vẫn là người trinh chính và thanh cao trước Chúa, cô nghe rõ chưa? Tội nghiệp!

Những lời ấy, con người đang khốn khổ như Phăngtin nghe làm sao cho nổi. Được sống với con Côdét! Hết cái kiếp sống nhơ nhuốc này! Được sống tự do, đầy đủ, sung sướng, lương thiện, cùng với con Côdét! Giữa cảnh cùng cực, chị nhìn thấy hiện ra tất cả những mộng ước thiên đường! Chị ngây người nhìn ông Mađơlen và chỉ kịp bật lên mấy tiếng khóc nức nở: hu! hu! hu! Hai ống chân khụyu xuống, chị quì trước mặt ông Mađơlen. Ông ta chưa kịp ngăn, chị đã vồ lấy tay ông mà hôn.

Rồi chị ngất đi.

QUYỂN SÁU

GIAVE

I
BẮT ĐẦU YÊN NGHỈ

Ông Mađơlen sai người vực Phăngtin về bệnh xá thợ thuyền đặt ngay ở nhà riêng của ông. Ông giao chị cho hai bà xơ trông nom. Đặt chị vào giường nằm thì chị lên cơn sốt nặng. Một phần đêm chị mê sảng, nói huyên thuyên. Nhưng sau rồi chị cũng ngủ yên.

Mãi đến trưa hôm sau, Phăngtin mới tỉnh dậy. Nghe có tiếng người thở ở đầu giường, chị vạch màn trông ra thì thấy ông Mađơlen đang đứng yên nhìn vật gì ở trên đầu giường. Con mắt của ông đầy vẻ trắc ẩn và lo âu và hình như cầu khẩn. Chị trông theo thì thấy ông đương chăm chắm nhìn cây thánh giá đóng ở trên tường.

Trong tâm trí Phăngtin, hình ảnh ông Mađơlen đã khác trước. Trông ông như có ánh hào quang tỏa ra. Ông mê mải như đang cầu nguyện. Chị nhìn ông một lúc lâu không dám lên tiếng, mãi sau chị mới khẽ hỏi:

- Thưa ông, ông làm gì đấy?

Ông Mađolen đứng ở đó đã một tiếng đồng hồ. Ông chờ Phăngtin tỉnh dậy. Ông nắm lấy tay chị, nghe mạch rồi hỏi:

- Cô thấy trong mình thế nào?

- Thưa khá. Tôi ngủ được. Hình như khỏe hơn nhiều. Chắc không việc gì.

Bây giờ ông mới trả lời câu hỏi đầu tiên của chị, làm như vừa mới nghe ra:

- Tôi cầu nguyện Chúa khổ nạn ở trên kia.

Trong thâm tâm ông muốn nói thêm: Vì người đàn bà khổ nạn ở dưới này.

Cả đêm hôm qua và sáng hôm nay ông Mađolen đi dò hỏi về việc Phăngtin. Bây giờ ông biết rõ tất cả những tình tiết thương tâm trong đời chị. Ông nói tiếp:

- Cô là một người mẹ đau khổ. Thôi, không nên thở than nữa, cũng nhờ thế mà ngày nay cô mới hưởng quả phúc. Loài người làm nên thiên thần như thế đó. Không phải lỗi ở họ: họ có biết cách gì khác hơn đâu. Cô xem đấy, cảnh địa ngục cô vừa thoát khỏi chính là tầng thứ nhất của thiên đường. Phải qua đó trước.

Ông thở dài não ruột. Còn Phăngtin thì nhìn vào ông mỉm một nụ cười huyền diệu, tuy có khuyết hai chiếc răng.

Cũng trong đêm ấy, Giave viết một bức thư. Sáng sớm hôm sau hắn thân hành đến tận nhà bưu điện Môngtơrơi để gửi. Thư gửi đi Pari, đề: "Kính đệ ông Sabuiê, bí thư của ông giám đốc sở cảnh sát".

Cũng vì câu chuyện ở bóp cảnh vệ đồn đại ra ngoài nên bà phụ trách bưu chính và một vài người thóc mách trông thấy phong thư và nhận ra chữ Giave thì đoán là hắn đệ đơn xin từ chức.

Về phần ông Mađơlen, ông viết thư ngay cho vợ chồng Tênacđiê, Phăngtin nợ chúng một trăm hai mươi phơrăng, ông gửi cho chúng ba trăm. Ông bảo chúng trừ đi các khoản còn lại thì dùng làm chi phí để đưa con Côdét đến ngay Môngtơrơi, mẹ nó đang ốm cần được gặp nó.

Bức thư làm cho Tênacđiê lóa mắt. Hắn bảo vợ:

- Mẹ kiếp, chớ buông con bé ra! Ai ngờ con chim sâu lại sắp hóa ra con bò sữa. Tao đoán ra rồi. Chắc lại có thằng ngốc dại gái nào ăn phải bùa con mẹ nó đây chứ gì!

Nó phúc đáp bằng một tờ kê nợ năm trăm linh mấy phơrăng, làm rất khéo. Tờ kê có đính hai hóa đơn không ai có thể ngờ vực, một cái của thầy thuốc, một cái của hiệu bào chế. Cộng trên ba trăm phơrăng. Đó là những đơn thật trong dịp hai đứa con nó bị ốm một trận lớn, chứ con Côdét thì có đau ốm gì. Vấn đề là ở chỗ khéo chữa tên đi. Dưới tờ khai, Tênacđiê ghi chú: tạm nhận ba trăm phơrăng.

Ông Mađơlen lập tức gửi thêm ba trăm phơrăng với mấy chữ: "Đưa con Côdét sang ngay". Thấy thế, Tênacđiê lại bảo:

- Trời! Thế này thì lại càng phải giữ chịt lấy con bé.

Bệnh tình của Phăngtin vẫn không đỡ. Chị vẫn nằm ở nhà thương.

Khi nhận săn sóc cho "thứ gái đĩ ấy" các bà xơ có ý ghê tởm. Ai đã xem những bức khắc chìm ở Remxơ chắc còn nhớ hình các trinh nữ đoan chính bĩu môi trước những chị em lẳng lơ. Còn cái việc thời cổ thì những đạo cô thanh tâm khinh bỉ những hạng người lang chạ từ xưa chẳng qua là những phản ứng tự nhiên của lòng tự trọng sâu xa của phụ nữ. Các bà xơ cũng phản ứng như vậy nhưng mãnh liệt hơn vì các bà là những kẻ đi đạo Chúa. Nhưng chỉ vài ngày sau, Phăngtin đã lấy được cảm tình của các bà. Chị ăn nói dịu ngọt và khiêm tốn, nhất là tấm lòng mẹ của chị đã làm cho các bà cảm động. Một hôm các bà nghe thấy chị nói giữa cơn sốt nặng: "Tôi là một người tội lỗi, song lúc nào con tôi được đến với tôi thì tức là Chúa đã tha thứ cho tôi. Khi trước tôi còn là con người hư hỏng, tôi không dám đem con Côdét về nhà, tôi không nỡ để con tôi phải nhìn tôi ngơ ngác và buồn rầu. Thế nhưng lại chính vì chút máu rơi ấy mà thân tôi nên nông nỗi này. Chính vì thế mà Chúa tha thứ cho tôi. Bao giờ con Côdét ở đây, lúc ấy là lúc tôi chịu phúc Chúa ban cho. Tôi sẽ nhìn nó, nhìn cái mặt ngây thơ vô tội ấy thì lòng tôi cũng hồ hởi ra. Nó không biết gì hết. Nó đương còn là thiên thần, phải không các bà xơ? Ở vào tuổi ấy, cánh thiên thần đã rụng đâu!"

Ông Mađơlen mỗi ngày đến thăm Phăngtin hai lần, lần nào chị cũng hỏi:

- Con Côdét sắp về chưa?

Ông trả lời:

- Có lẽ sáng mai. Tôi chờ đón nó đây, không sớm thì chiều thôi.

Nét mặt xanh xao của người mẹ rạng rỡ lên:

- Ôi chao ôi! Tôi sẽ sung sướng biết là chừng nào!

Như trên đã nói, bệnh tình của Phăngtin không thuyên giảm, trái lại mỗi ngày một thêm trầm trọng. Nắm tuyết giá lạnh áp vào giữa hai xương bả vai làm cho mồ hôi không toát ra được, do đó chứng bệnh âm ỉ xưa nay vùng phát ra dữ dội. Người ta bắt đầu chữa bệnh phổi cho chị theo một phương pháp đang còn thí nghiệm.

Thầy thuốc nghe ngực Phăngtin rồi lắc đầu. Ông Mađơlen hỏi:

- Thế nào?

- Hình như người này có đứa con, chị muốn được thấy mặt?

- Vâng.

- Nếu vậy ông nên mau cho tìm con chị về.

Ông Mađơlen giật mình.

Phăngtin hỏi:

- Thầy thuốc bảo thế nào, thưa ông?

Ông Mađơlen gượng cười:

- Ông ấy bảo phải tìm ngay cháu bé về đây. Có nó cô sẽ khỏe ngay.

- Ồ, thật thế đấy! Nhưng không hiểu vì lẽ gì mà vợ chồng Tênacđiê cứ giữ mãi con Côdet thế nhỉ? Trời ơi! Nó sắp về rồi. Thôi, lần này thì hạnh phúc chẳng còn xa xôi gì nữa!

Nhưng tên Tênacđiê nhất định "không chịu buông con bé". Nó viện đủ mọi lý do, chẳng đâu vào đâu cả! Nào là con Côdét hơi ươn mình, như thế thì trời mùa đông thế này không thể lên đường được, nào là còn

mấy món nợ vặt kêu réo quá, nó đang lục tìm các hóa đơn v.v...

Ông Mađơlen bảo:

- Tôi phải cho người đi mang con Côdét về mới được. Nếu cần tôi sẽ đi lấy.

Phăngtin bèn đọc cho ông viết một bức thư rồi chị ký xuống dưới:

Ông Tênacđiê.

Ông giao con Côdét cho người này. Người ta sẽ trả đủ những khoản vặt vãnh còn thiếu. Trân trọng kính chào ông.

PHĂNGTIN.

Giữa lúc ấy lại xảy ra một biến cố nghiêm trọng. Cuộc đời của chúng ta như gọt trong một khối đá huyền bí, dù chúng ta có dày công mài giũa thế nào đi nữa, dạng vân đen của số mệnh cũng vẫn mãi mãi hiện lên.

II

THẾ NÀO MÀ GIĂNG LẠI HÓA RA SĂNG

Một buổi sáng, ông Mađơlen ở trong phòng giấy, đang giải quyết nốt mấy việc khẩn thiết của tòa thị chính, phòng khi ông phải thân đi Môngphecmây. Có người báo viên thanh tra cảnh sát Giave xin vào yết kiến. Nghe thấy nói đến Giave, ông Mađơlen không nén được một cảm giác khó chịu. Từ ngày xảy ra việc lôi thôi ở sở cảnh vệ, Giave càng lánh mặt ông và ông cũng không gặp hắn lần nào nữa.

- Cho vào.

Giave bước vào.

Ông Mađolen vẫn ngồi bên lò sưởi, tay cầm bút, mắt để vào tập hồ sơ mà ông vừa giở từng tờ vừa phê chú. Đó là những biên bản vi cảnh. Ông không bỏ công việc vì Giave. Thấy nói đến hắn, ông không thể không nghĩ thương cho Phăngtin, cho nên ông làm mặt lạnh.

Giave chào ông thị trưởng rất cung kính. Ông ngồi quay lưng về phía hắn, tay không ngừng ghi chú.

Giave bước lên hai ba bước và yên lặng chờ.

Người thầy tướng nào đã theo dõi tâm tính Giave, biết Giave là con người man rợ phục vụ văn minh là, sự hỗn hợp kỳ dị của người La-mã và người Spác (1), của người thầy tu và anh cai lính, là tên gián điệp không nói dối, thằng mật thám trong sạch, người ấy lại từng biết hắn có thành kiến ngầm từ lâu với ông Mađolen và đã xung đột với ông về vụ Phăngtin, nếu người thầy tướng ấy lúc bấy giờ lại trông thấy Giave thì hẳn phải tự hỏi: "Có việc gì xảy ra thế?"

Ai đã biết rõ Giave là người ngay thẳng, minh bạch, thành thực, liêm khiết, nghiêm khắc và ác liệt tất đoán ra là hắn vừa mới sống qua một diễn biến nội tâm lớn lao. Giave không có ý nghĩ gì mà không hiện ngay lên nét mặt. Hắn cũng như những người cục khác, dễ bốc nóng và cũng dễ lành. Nhưng không bao giờ lại thấy vẻ mặt hắn kỳ lạ và bất ngờ như lúc

(1) Người La-mã cương nghị, tôn trọng nhiệm vụ người Spác anh dũng và khắc khổ.

này. Lúc vào, hắn cúi chào ông Mađơlen, nét mắt không có chút gì là hờn oán, giận dỗi và nghi ngờ gì nữa. Hắn dừng lại cách ghế ông vài bước, và hắn đứng yên. Dáng điệu của hắn rất là phục tòng. Hắn vừa thô kệch, vừa thật thà, vừa nghiêm lạnh, như một người chưa bao giờ dịu ngọt, nhưng luôn luôn nhẫn nại. Hắn đứng chờ, hắn không nói, không nhúc nhích chân tay; hắn khúm núm một cách thành khẩn và kiên trì một cách bình tĩnh, mặc cho ông thị trưởng lúc nào muốn quay lại thì quay, tay hắn cầm mũ, mắt nhìn xuống, dáng người hắn vừa giống anh lính đứng trước người sĩ quan, vừa giống tên tội phạm đứng trước quan tòa. Bao nhiêu tính tình cũng như bao nhiêu ý nghĩ người ta thường gán cho hắn nay không thấy một tí gì cả. Khuôn mặt kín và thật như đá của hắn đượm một vẻ buồn bã vô hạn. Tất cả con người hắn là sự biểu hiện của sự hạ mình, sự kiên quyết và sự cam chịu can đảm.

Mãi sau, ông thị trưởng bỏ bút quay lại:

- Thế nào? Cái gì đó? Có việc gì thế, ông Giave?

Giave đứng lặng một hồi. Khi hắn trả lời thì giọng hắn trang nghiêm mà buồn buồn, nhưng vẫn thật thà đơn giản:

- Bẩm ông thị trưởng, có một việc vi phạm nặng.

- Việc gì?

- Bẩm có một viên chức cấp dưới vô lễ đối với quan trên, vô lễ rất nặng. Bổn phận tôi là phải báo cáo việc ấy với ngài.

- Viên chức cấp dưới ấy là ai thế?

- Là tôi.

- Là ông?

- Vâng, tôi.

- Thế vị quan trên kia là ai?

- Thưa ông, là ngài thị trưởng.

Ông Mađơlen ngồi thẳng người lên. Giave vẫn nghiêm khắc, vẫn cúi mặt nói tiếp:

- Thưa ông, tôi đến xin ông tư lên cấp trên cách chức tôi.

Ông Mađơlen kinh ngạc, há miệng toan nói, Giave không để ông nói, vẫn tiếp:

- Tôi biết thế nào ông cũng hỏi sao tôi không xin từ chức, nhưng từ chức còn nhẹ quá. Từ chức còn là danh giá. Tôi đã phạm lỗi thì phải chịu trừng phạt, nhà nước phải đuổi tôi về mới đúng.

Ngừng một tí, hắn lại nói:

- Thưa ông, hôm nọ ông nghiêm khắc với tôi một cách bất công. Hôm nay thì xin ông lấy công tâm mà nghiêm khắc cho.

Ông Mađơlen kêu lên:

- Thế nào mới được chứ? Cái gì mà lý sự khó hiểu thế? Như thế nghĩa là thế nào? Ông xúc phạm tôi ở chỗ nào? Ông đã làm gì tôi? Ông có lỗi gì đối với tôi? Ông tự buộc tội ông, yêu cầu thay ông...

- Đuổi về.

- Ừ thì đuổi về, đúng đấy. Nhưng tôi không hiểu gì cả?

- Thưa ông thị trưởng, để tôi xin nói rõ.

Giave thở dài não nuột. Vẫn buồn rầu, vẫn nghiêm nghị, hắn nói:

- Thưa ông, cách đây sáu tuần lễ, cái ngày có chuyện lôi thôi về người gái điếm ấy, tôi giận quá nên có đi tố cáo ông.

- Tố cáo!

- Vâng, tố cáo với ông giám đốc cảnh sát Pari.

Ông Madơlen vốn cũng như Giave, không mấy khi cười, nghe thấy thế cũng phải phì cười.

- Tố cáo thị trưởng đã xâm phạm quyền hạn của cảnh sát?

- Không. Tố cáo ngài là một tên tù khổ sai cũ.

Mặt ông thị trưởng tái nhợt.

Giave vẫn cúi đầu nói tiếp:

- Tôi cho là như thế. Từ lâu tôi tưởng tượng ra như vậy. Dáng người giống nhau, việc ông hỏi han tìm tòi ở Phavơrôn, cái sức khỏe của ông, chuyện ông cứu Phôsơlơvăng, tài bắn súng của ông, bước đi hơi khập khiễng của ông và còn gì gì nữa, biết bao nhiêu thứ! Toàn là nhảm nhí! Thế mà tôi đã đồ rằng ông là một thằng tên là Giăng Vangiăng...

- Một thằng tên là?... Ông nói tên là gì ?

- Giăng Vangiăng. Một thằng tù khổ sai mà tôi được biết hai mươi năm trước đây, khi tôi còn là cai ngục ở Tulông. Mãn hạn tù, hình như tên Giăng Vangiăng lại ăn trộm ở nhà một ông giám mục. Rồi hắn lại cầm khí giới cướp giật một thằng bé Xavoa giữa đường cái quan. Đã tám năm nay hắn trốn biệt, không biết bằng cách nào, tìm mãi không ra. Tôi thì cứ tưởng là... Thế rồi, tôi làm thật! Cũng là do tôi cả giận. Tôi đã tố cáo ông với ông giám đốc cảnh sát.

Ông Mađơlen từ nãy lại cầm tập hồ sơ xem. Hoàn toàn bình thản, ông hỏi:

- Thế người ta bảo làm sao?

- Là tôi điên.

- Thật ư?

- Người ta nói có lý, tôi điên thật.

- Cũng may mà ông tự biết.

- Bẩm không biết thế nào được, người ta đã bắt được chính tên Giăng Vanjăng rồi!

Tờ giấy ông Mađơlen đương cầm lìa khỏi tay. Ông ngẩng lên nhìn chằm chằm vào mặt Giave, nói giọng khó tả:

- À!

Giave vẫn nói:

- Thưa ngài, đầu đuôi thế này. Nghe như ở miền này, về phía Aidi Lơhôclôsê có một thằng cha người ta gọi là bác Săngmachiơ. Hắn nghèo khổ lắm, không ai để ý. Cái ngữ ấy chẳng biết chúng sống bằng cách nào. Mùa thu gần đây, lão Săngmachiơ bị bắt vì tội trộm táo ở vườn nhà tên... thôi cũng không cần nhớ làm gì. Đã xét nghiệm là trộm có trèo tường, bẻ cây. Người ta bắt lão Săngmachiơ, tay lão còn cầm một cành táo. Người ta giam lão lại. Đến đây chỉ mới là một vụ thường phạm thôi. Nhưng rồi mới biết quả thật có lưới Trời! Vì nhà giam đổ nát, quan dự thẩm cho đưa Săngmachiơ về nhà lao Arát. Ở nhà lao Arát có tên Bơrơvê vốn là tù khổ sai mãn hạn, nay không biết vì tội gì lại phải giam. Hắn tỏ ra biết hối cải nên được lấy lên coi cổng. Thưa ngài, vừa giải tên Săngmachiơ đến thì tên Bơrơvê đã kêu ngay lên: "Ơ

này! Tớ biết thằng này mà! Cùng bọn khổ sai trước cả đây. Nhìn tớ xem, nào! Cậu là Giăng Vangiăng!" Săngmachiơ làm bộ ngớ ngẩn:

- Giăng Vangiăng! Giăng Vangiăng nào nhỉ?

- Thôi đừng vờ vịt nữa. Mày chính là Giăng Vangiăng! Mày trước có ở ngục Tulông. Đã hai mươi năm nay rồi. Bọn mình ở với nhau mãi mà!" Thằng Săngmachiơ chối. Ối chà! Còn lạ gì. Người ta điều tra, người ta xoắn vào chuyện ấy và người ta tìm ra thế này: trước đây khoảng ba mươi năm, tên Săngmachiơ làm nghề xén cây ở nhiều nơi, nhất là ở Phavơrôn. Đến đây thì mất dấu vết nó. Mãi bao nhiêu năm sau mới lại thấy nó ở Ôvécnhơ, rồi ở Pari; nó khai rằng ở đấy nó làm nghề chữa xe và có một đứa con gái làm thợ giặt, nhưng chẳng có bằng chứng gì cả. Rồi nó đến ở xứ này. Thế còn Giăng Vangiăng trước khi vào tù vì tội trộm thì làm nghề gì? Cũng đi xén cây. Ở đâu? Cũng ở Phavơrôn. Lại còn một sự kiện nữa: thằng Giăng Vangiăng ấy, tên thánh nó là Giăng và tên họ mẹ nó là Machiơ. Có lạ gì! Đi tù về nó lấy tên họ mẹ nó để đổi tên nó thành Giăng Machiơ cho dễ trốn tránh. Thế rồi nó đến ở Ôvecnhơ. Ở đấy tiếng Giăng giọng địa phương đọc ra Săng cho nên mới gọi là Săngmachiơ. Nó cứ để vậy và thế là nó hóa ra Săngmachiơ. Thưa, ngài vẫn theo dõi câu chuyện đấy chứ? Người ta cho hỏi ở Phavơrôn, gia đình Giăng Vangiăng không còn ai. Chẳng biết là phiêu bạt đi đâu. Bẩm, ngài còn lạ gì, ở các tầng lớp hạ lưu ấy, những chuyện cả một gia đình tiêu biến đi không phải là hiếm. Tìm mãi mà chẳng thấy gì. Cái hạng ấy nếu không là bùn nhơ thì cũng là tro bụi thôi. Vả lại đầu mối câu chuyện cách đây

ba mươi năm, ở Phavorôn không còn ai biết Giăng Vangiăng nữa. Người ta hỏi ở Tulông. Ngoài tên Bơrơvê, chỉ còn hai tên khổ sai nữa có biết Giăng Vangiăng, hai thằng khổ sai chung thân Côsơpay và Sơniđiơ. Lôi hai thằng ra, đem đi nhận diện. Gặp nhau, chúng nó nhận ra ngay. Cả ba đều nói đó là Giăng Vangiăng. Cũng tuổi ấy, năm mươi tư; cũng vóc người ấy, cũng dáng điệu ấy. Nghĩa là đích thị nó. Giữa lúc ấy thì tôi gửi giấy tố cáo ngài ở vụ cảnh sát Trung ương. Họ trả lời tôi rằng tôi mất trí bởi vì tên Giăng Vangiăng hiện đang bị giam cứu tại Arát. Ngài tưởng tượng xem tôi ngạc nhiên như thế nào, vì tôi cứ đinh ninh rằng đã nắm cổ tên Giăng Vangiăng ở đây rồi! Tôi bèn viết thư cho ông dự thẩm. Ông ta cho đòi tôi đến và đem tên Săngmachiơ ra đối chứng...

- Kết quả thế nào?

Giave thẳng thắn và buồn rầu nói:

- Thưa ngài, chân lý vẫn là chân lý. Tôi bực lắm, nhưng quả thật thằng ấy là Giăng Vangiăng rồi. Tôi cũng nhận ra nó.

Ông Mađơlen khe khẽ hỏi:

- Ông có chắc không?

Giave cười một cách đau đớn, tỏ ra mình chắc chắn cả mười phần.

- Thưa, chắc.

Hắn đứng lặng một lát, dáng suy nghĩ, ngón tay tự nhiên mân mê đĩa mùn cưa thấm mực để trên bàn. Hắn nói tiếp:

- Hơn thế, bây giờ tôi được nhìn mặt chính tên Giăng Vangiăng rồi, tôi không hiểu làm sao trước kia tôi lại có thể lầm được. Thưa ông thị trưởng, xin ông tha lỗi cho tôi.

Kiêu hãnh như hắn mà chịu van xin khuất phục một người sáu tuần lễ trước đây đã làm hắn mất thể diện trước mặt bọn lính gác, và đã quát đuổi hắn ra khỏi cửa, Giave tỏ ra là người chân chất và có nhân cách, nhưng hắn đâu có biết thế. Ông Mađơlen không để ý tới lời cầu xin ấy; ông hỏi đột ngột.

- Thế người ấy khai thế nào?

- À vâng, thưa ngài, câu chuyện thành nghiêm trọng. Nếu phải là Giăng Vangiăng thì là tái phạm. Trèo tường, bẻ táo, nếu là do một đứa trẻ thì chỉ là một vụ phá phách ranh mãnh; nếu là một người lớn thì là một tội trừng trị; nếu lại là một tên khổ sai thì chính là một tội đại hình. Có leo trèo, có lấy cắp, có cả. Thế là không phải việc của tòa án trừng trị nữa, mà phải đến tòa đại hình. Không phải chỉ mấy ngày phạt giam mà là đi khổ dịch chung thân ở hải thuyền. Với lại còn cái vụ thằng bé Xavoa, tôi mong thế nào rồi cũng vạch ra. Ối chà! Còn là lắm chuyện làm cho phải vùng vẫy hoảng lên. Vâng, phải vùng hoảng nếu là một đứa khác. Nhưng Giăng Vangiăng là một thằng xảo quyệt. Ấy Tôi nhận đích ra nó cũng còn chính vì điểm ấy nữa. Kẻ khác thì thấy nóng đến đít, đã cuống quít lên, kêu trời kêu đất như chiếc ấm nước reo trên bếp lửa, đã thề sống thề chết là không phải Giăng Vangiăng v.v... Nhưng hắn thì có vẻ không hiểu, hắn chỉ nói: "Tôi là Săngmachiơ, tôi chỉ biết có chừng ấy!". Hắn làm bộ kinh ngạc, hắn giả vờ ngu si, thế mới khôn chứ. Ôi

chà! Thằng ấy láu đấy! Nhưng không sao, tang chứng đã rành rành ra đấy. Bốn người nhận được mặt nó. Thằng bợm già tránh sao khỏi tội. Việc đã đưa ra tòa đại hình Arát. Tôi sắp đi làm chứng nay mai. Tôi đã được giấy tống đạt.

Ông Mađơlen đã quay vào bàn giấy, cầm tập hồ sơ, điềm nhiên xem từng tờ, vừa đọc vừa viết như bận rộn lắm.

Ông nói với Giave:

- Được rồi ông Giave ạ. Thực ra, tôi cũng chẳng cần các chi tiết ấy làm gì. Chúng ta mất thời giờ vô ích. Chúng ta còn nhiều việc khẩn cấp hơn. Ông Giave, ông đến ngay nhà bà Buydôpiê bán lá thuốc ở góc phố Xanh Xôn. Ông bảo bà ấy đệ đơn kiện tên đánh xe Sếtnêlông. Tên ấy là một đứa vũ phu, nó suýt để xe đè chết hai mẹ con bà ta. Phải trừng phạt nó mới được. Rồi ông đến nhà ông Sácxenlê ở phố Săngpinhi xem việc ông ta thưa người hàng xóm để ống máng nước mưa chảy sang làm hỏng cả nền nhà ông ta như thế nào. Đoạn ông đến khám và lập biên bản về mấy vụ vi cảnh mà người ta mới báo cáo cho tôi, ở phố Guybua, tại nhà quả phụ Đôri, và ở phố Garô tại nhà bà Lơ Bôtxê. Nhưng có lẽ tôi giao cho ông nhiều việc quá. Ông sắp đi vắng kia mà? Có phải ông vừa bảo là tám chín hôm nữa phải đi Arát về việc ấy không?

- Thưa ông, phải đi sớm hơn.

- Hôm nào nhỉ?

- Bẩm hình như tôi đã trình với ông là đến mai tòa sẽ xử và nội đêm nay tôi phải đáp xe đi ngay.

Ông Mađơlen khẽ rùng mình:

- Xử mấy hôm mới xong?

- Chỉ một ngày là cùng. Chậm lắm là tối mai tuyên án. Nhưng tôi không cần chờ tuyên án, vì án ấy thế nào mà chẳng thành, khai xong, tôi về ngay.

- Được rồi.

Ông Mađơlen nói thế và giơ tay ra hiệu cho Giave lui ra.

Giave vẫn đứng yên.

- Bẩm, xin lỗi ngài.

- Gì đó nữa?

- Thưa ông thị trưởng, còn một việc nữa xin nhắc ông.

- Việc gì vậy?

- Việc cách chức tôi.

Ông Mađơlen đứng dậy:

- Ông Giave, ông là một người có nhân cách, tôi quí trọng ông. Ông phóng đại sự sai lầm của ông. Huống hồ việc này cũng lại là một vụ xúc phạm đối với riêng tôi thôi. Ông Giave ạ, ông đáng được thăng chức chứ không phải giáng đâu. Tôi muốn lưu ông lại.

Giave giương mắt nhìn ông Mađơlen. Trong con người trong sạch, người ta như thấy cái lương tâm của hắn, không sáng suốt cho lắm, nhưng đoan chính và cương trực. Hắn bình tĩnh nói:

- Thưa ông thị trưởng, tôi không thể ưng thuận như thế được.

- Một lần nữa, tôi nói là việc ấy chỉ can cập riêng tôi.

Vẫn theo đuổi ý nghĩ riêng của mình, Giave nói tiếp:

- Bảo là phóng đại thì tôi không phóng đại. Đây, tôi nghĩ như thế này. Tôi đã nghi ngờ ngài rất vô lý. Cái ấy không hề gì. Bọn chúng tôi vẫn có quyền được nghi ngờ, mặc dầu nghi ngờ người trên mình là quá lạm. Nhưng trong cơn nóng giận, để báo thù, tôi đã tố giác ngài là một tên tù khổ sai, mặc dù là chẳng có bằng cứ. Tố cáo một người đáng tôn kính, một ông thị trưởng, một quan thẩm phán là tù khổ sai, điều ấy mới là nặng. Nặng lắm. Tôi là viên chức chính quyền mà tôi lại xúc phạm vào chính quyền bằng cách xúc phạm ngài! Giả sử dưới quyền tôi, có kẻ nào trót làm như thế thì tôi tuyên bố ngay kẻ đó không xứng đáng làm viên chức nữa và tống cổ đi. Thế thì phải tính thế nào đối với tôi chứ? Bẩm ông thị trưởng, cho tôi nói một lời nữa. Trong đời tôi, tôi thường nghiêm khắc. Nghiêm khắc với người khác. Thế là đúng. Tôi làm thế là phải. Bây giờ nếu tôi không tự nghiêm khắc với tôi thì những việc tôi làm trước là đúng nay sẽ hóa ra không đúng nữa. Có lẽ nào tôi lại vị nể tôi hơn kẻ khác? Không thể được. Thế nào! Tôi chỉ biết trừng trị người ta mà không biết tự trừng trị mình ư? Chẳng hóa ra mình là thằng khốn nạn! Chẳng hóa ra những đứa đã gọi tôi là "thằng Giave bần tiện" lại có lý hay sao? Bẩm ngài thị trưởng, tôi không cầu mong ngài xử tốt với tôi. Cái tốt ấy khi ngài xử với kẻ khác đã làm cho tôi bất bình, cho nên tôi cũng không muốn ngài xử tốt đối với tôi. Cái tốt nó xử cho đứa gái điếm hơn ông tư sản, anh cảnh sát hơn ông thị trưởng, kẻ ở dưới hơn người ở trên, cái tốt ấy tôi cho

là cái tốt xấu. Cứ tốt với nhau kiểu ấy thì xã hội sẽ tan rã mất! Ôi chao! Tốt thì dễ, công bằng mới là khó! Ấy, nếu ngài mà quả là cái tên tù tôi đoán thì không bao giờ tôi thương hại ngài đâu! Nếu mà thế, thì ngài đã biết tay tôi! Thưa ông thị trưởng, tôi xử với người ta thế nào thì tôi phải xử với tôi thế ấy. Những khi tôi trừng trị kẻ làm sằng, khi tôi đàn áp bọn gian phi, tôi thường tự nhủ: "Còn mày đấy, nếu mày mà cũng làm láo, cũng phạm lỗi thì đừng có hòng thoát!". Tôi đã làm láo, tôi đã bắt được tôi phạm lỗi! Cho chết! Đuổi, cách, tống cổ về! Đúng lắm. Tôi có hai cánh tay khỏe, tôi về cày cuốc cũng được, không sao. Thưa ông thị trưởng, việc quan phải thế để răn người. Tôi yêu cầu chỉ có thế, là cách chức viên thanh tra Giave.

Giọng hắn vừa khiêm nhượng, vừa kiêu hãnh, vừa thất vọng, vừa tin tưởng khiến cho con người lương thiện khác thường ấy trở thành vĩ đại một cách kỳ quặc.

Ông Mađơlen bảo: "Để tôi xét sau" và chìa tay cho Giave.

Giave giật lùi và phản kháng:

- Thưa ông thị trưởng, xin lỗi ông, không thể thế được. Một ông thị trưởng không bắt tay một tên mặt thám.

Hắn lẩm bẩm nói thêm:

- Mật thám, đúng thế. Một khi ta đã lạm quyền cảnh sát thì ta chỉ còn là một thằng mật thám thôi.

Hắn cúi rạp xuống chào ông Mađơlen rồi đi ra cửa. Đến cửa hắn quay lại, mắt vẫn nhìn xuống:

- Thưa ngài thị trưởng, tôi xin cứ làm việc cho đến khi có người thay thế.

Hắn đi ra. Ông Mađơlen ngồi mơ màng lắng nghe bước chân rắn rỏi, vững chắc của Giave vang xa dần ở ngoài hành lang.

QUYỂN BẢY

VỤ ÁN SĂNGMACHIƠ

I

BÀ XƠ XEMPƠLIT

Những sự việc sắp kể sau đây không phải ở Môngtơrơi người ta đều biết hết. Nhưng chút ít phong thanh cũng đã để lại trong thành phố này một ấn tượng hết sức đặc biệt. Vì thế chúng tôi thấy phải kể tỉ mỉ, chi tiết, nếu không sách này sẽ có thiếu sót lớn. Trong các chi tiết ấy có đôi ba cái có vẻ vô lý nhưng cứ xin giữ nguyên cho đúng sự thật.

Buổi chiều hôm tiếp Giave, ông Mađơlen đến thăm Phăngtin như thường lệ.

Trước khi vào buồng bệnh nhân, ông cho mời bà xơ Xempơlit đến gặp ông.

Hai bà phước trông coi bệnh xá, bà xơ Pecpêtuy và bà xơ Xempơlit đều là những nhà tu hành từ thiện.

Bà xơ Pecpêtuy là một người đàn bà nhà quê giống **bao** nhiêu người đàn bà nhà quê khác, một bà phước **thô** vụng, vào cửa Chúa cũng như vào chợ. Bà đi tu cũng như người ta đi làm người nấu bếp. Hạng người như thế kể ra không hiếm. Các dòng tu thường sẵn

sàng đón nhận thứ đồ gốm nặng nề, cục kịch đó để dễ nắn theo khuôn khổ của dòng mình. Thực ra những người quê mùa ấy lại cần thiết cho những công việc nặng nhọc ở chỗ tu hành. Cho nên từ một anh chăn bò mà trở thành một nhà tu hành, việc biến đổi cũng chẳng vấp váp gì và cũng chẳng cần công phu là mấy. Ở làng bên hay ở nhà tu kín, cái căn bản dốt nát vẫn giống nhau, nên anh nhà quê có thể biến ngay thành nhà tu hành dễ dàng như đã được chuẩn bị sẵn. Cái áo lao động nới rộng ra một tý là có ngay cái áo tu hành vậy.

Bà Pecpêtuy là một người đẫy đà, quê ở Marin, gần xứ Pôngtoa. Bà nói giọng địa phương, lại luôn mồm cầu kinh và luôn mồm lầm bầm. Thuốc thang cho bệnh nhân bà cũng tùy người, xem mặt. Ai ngoan đạo thì chén thuốc sắc bà cho nhiều đường, ai giả dối thì bà cho ít. Đối với người ốm thì bà biết dịu dàng. Đối với người sắp chết thì bà càu nhàu cau có ném Chúa vào mặt người ta, còn cầu nguyện cho người sắp chết thì giọng giận dữ, nặng trình trịch, chẳng chút tôn trọng giờ phút lâm chung của họ. Tính bà lại táo tợn và ngay thẳng. Da mặt lúc nào cũng đỏ gay.

Bà xơ Xempơlit người lại trắng như bạch lạp. Hai bà đứng với nhau thì y như cây bạch lạp đặt cạnh cây nến mỡ bò. Thánh Vanhxăng đơ Pôn đã khéo ghi lại một cách tài tình hình ảnh các bà phước bằng những lời thật đẹp, ca ngợi cuộc đời phụng sự đầy kham khổ nhưng tự do, tự nguyện của các bà ấy: "Các bà sẽ coi nhà người bệnh là nhà tu, căn phòng trọ là buồng cấm, nhà thờ chung trong xứ là nhà nguyện, đường phố hoặc nhà thương là nơi tu kín. Tường lũy, song sắt là ở nơi các bà kính vâng lời Chúa, và chiếc khăn

che mặt cho các bà chính là đức khiêm tốn của các bà trước mọi người". Bà xơ Xempolit là hình ảnh vô cùng sinh động của lý tưởng ấy. Tuổi tác bà không ai có thể đoán đúng được. Hình như lúc trẻ bà cũng không ra trẻ và bây giờ bà có vẻ chẳng bao giờ già được nữa. Bà thật là một con người -tôi không dám nói là một người đàn bà- điềm đạm, khắc khổ, tiếp xúc với người thì dễ dãi, nhưng lạnh lùng, và chẳng bao giờ nói điều gì sai sự thực.

Bà dịu dàng đến mức tưởng như là mỏng mảnh dễ vỡ, thế mà lại rắn chắc hơn cả sắt đá. Bà săn sóc bệnh nhân với những ngón tay búp măng thanh khiết. Có thể nói trong lời ăn tiếng nói của bà có cả sự yên lặng! Bà chỉ nói đủ cái gì đáng nói. Giọng nói của bà lại có cái gì an ủi, có thể đem lại sự tin tưởng trong một phòng xưng tội và sự say mê trong một phòng tiếp khách. Con người thanh tao ấy mà chịu được chiếc áo vải thô chắc vì chiếc áo thô kệch đó nhắc nhủ mình thường xuyên nhớ đến trời, đến Chúa. Có một chi tiết cần nhấn mạnh là bà không bao giờ nói dối, không bao giờ vì một lợi ích gì, dù là vô can đối với mình đi nữa, bà lại chịu nói một lời trái với sự thật, sự thật thiêng liêng. Đó là đặc tính của bà, đó cũng là đặc điểm nổi bật trong đức hạnh của bà. Trong dòng tu, bà gần như nổi tiếng vì cái nết trung thực không gì lay chuyển đó.

Cha Xica nói về bà trong một bức thư gửi cho người điếc-câm Matxiơ như sau: Chúng ta dù thành thật, ngay thẳng, trong trắng đến đâu, cũng không khỏi có tí bợn trong lòng vì một đôi lần nói dối vặt vãnh, không hại gì. Nhưng bà thì dứt khoát không. Thật ra, có cái gọi là nói dối vặt vãnh, vô hại không? Nói dối là tuyệt đối sai rồi. Vậy thì có thể nào nói dối

tí chút được; đã dối là dối, dối là đi theo ma quỉ rồi. Vì quỉ Xa-tăng còn có tên là Lừa dối. Bà ta nghĩ vậy, và đã nghĩ vậy nên làm vậy. Vì thế mà người bà trắng như trên đã nói. Màu trắng sáng ngời cả trên môi và trên nét mặt làm cho nụ cười cũng trắng mà mắt nhìn cũng trắng. Lương tâm bà trong suốt như gương không tí mạng nhện, không mảy bụi nào. Bước vào dòng thánh Vanhxăng đơ Pôn bà lấy tên Xempơlit là có dụng ý riêng. Là vì đó là tên của một bà thánh. Bà này là người có tiếng trung thực, thà chịu khoét hai vú chứ nhất định không chịu nói sai quê quán của mình: giá đừng nhận là sinh ở Xiracuydơ, mà nói sinh ở Xêgiét, thì bà ấy đã khỏi bị giết. Bà xơ Xempơlit lấy tên bà làm tên thánh của mình thật là xứng đáng.

Hồi mới bước vào nhà dòng, bà có hai tật xấu là ham ăn quà và thích nhận thư từ. Hai tật xấu ấy về sau dần dần bà sửa chữa được. Sách vở bà chỉ đọc mỗi một quyển kinh bằng la-tinh in chữ thật lớn. La-tinh thì bà không hiểu gì nhưng quyển sách thì bà hiểu.

Người đàn bà từ tâm ấy cảm thấy Phăngtin là con người mà đức hạnh tiềm tàng, nên đem lòng thương và hết sức chăm sóc riêng cho chị.

Ông Mađơlen gọi bà ra một nơi dặn dò bà trông nom cho Phăngtin, giọng nói của ông có vẻ lạ lùng khiến về sau bà nhớ mãi.

Nói chuyện xong với bà xơ, ông lại gần Phăngtin.

Ngày nào Phăngtin cũng chờ ông Mađơlen đến thăm như người ta chờ một tia sáng mặt trời ấm áp và tươi vui.

Chị bảo các bà xơ:

- Tôi chỉ sống lúc có ông thị trưởng ở đây thôi.

Hôm ấy, chị sốt nhiều. Vừa thấy ông Mađơlen chị hỏi ngay:

- Côđet đâu?

Ông cười đáp:

- Nay mai.

Ông đến thăm Phăngtin cũng như mọi ngày. Có điều hôm ấy ông ở lại lâu đến cả giờ chứ không phải nửa giờ như mọi bận. Làm cho Phăngtin hết sức vui mừng. Ông dặn đi dặn lại mọi người đừng để cho chị phải thiếu một cái gì. Có lúc người ta thoáng thấy mặt ông sa sầm, nhưng hiểu ngay đó là tại ông thầy thuốc vừa ghé tai ông nói nhỏ:

- Chị ấy yếu đi nhiều.

Sau đó ông trở về thị sảnh, và người hầu việc thấy ông chăm chú xem xét bản đồ giao thông toàn quốc treo trong phòng, rồi lấy giấy ghi vài chữ số bằng bút chì.

II

SỰ TINH Ý CỦA NGƯỜI CHỦ XE XCÔPHƠLE

Ông đi từ thị sảnh đến chỗ đầu tỉnh, tìm vào nhà một người cho thuê xe ngựa. Lão ta người xứ Phơlăngđơrơ tên là Xcôphơle.

Con đường gần nhất là qua một phố ít người đi lại, ở đấy có nhà riêng cha xứ. Cha là người đạo đức đáng

kính và hay giúp đỡ ý kiến cho mọi người. Lúc ông Mađơlen đi ngang qua nhà cha xứ, ngoài đường chỉ có một người. Người ấy thấy như thế này: ông đã đi quá chỗ ấy bỗng dừng lại, đứng im một lúc rồi quay về trước cửa nhà cha xứ. Ông giơ tay nắm lấy chày gõ cửa, giơ lên rồi lại đứng im, suy nghĩ. Một chốc sau, đánh lẽ đập chày gọi cửa, ông lại nhẹ nhàng bỏ chày ra, rồi vội vã đi thẳng, không thong thả như ban nãy.

Ông Mađơlen đến nhà lão Xcôphơle, thấy lão đang chữa bộ yên ngựa.

- Ông Xcôphơle ơi, ông có con ngựa nào hay không?

- Thưa ngài, ngựa nhà tôi con nào cũng hay cả. Nhưng ngài cho thế nào là ngựa hay mới được chứ?

- Là ngựa đi nổi hai mươi dặm một ngày.

- Ối chà! Những hai mươi dặm!

- Phải.

- Đóng vào xe?

- Phải.

- Đi một chuyến như thế rồi thì phải nghỉ bao lâu?

- Hôm sau cần thì phải còn sức đi nữa.

- Cũng lại đi trở về con đường ấy?

- Phải.

- Chà! Chà! Lại những hai mươi dặm!

Ông Mađơlen móc túi lấy tờ giấy có ghi bút chì đưa cho chủ ngựa xem. Trong giấy có ghi mấy con số 5, 6, 8 rưỡi.

- Ông thấy không? Tổng cộng mười chính rưỡi, coi như là hai mươi dặm.

- Thưa ngài, tôi có thể thỏa mãn yêu cầu của ngài. Tôi có con ngựa bạch thấp bé. Chắc ngài đã một đôi lần trông thấy rồi. Giống ngựa miền Bulonne hạ đấy. Nó hăng vô cùng. Trước người ta định dùng làm ngựa cưỡi. Nhưng nó có chứng cất hậu, ai cưỡi cũng bị nó quăng xuống đất. Người ta tưởng nó bất kham, chẳng biết dùng để làm gì. Thế là tôi mua và đem đóng nó vào xe. Bẩm té ra đúng ý cu cậu; cu cậu trở nên lành như con gái và phi nhanh như gió. Ấy thế mà chớ dại trèo lên lưng cu cậu, cu cậu không ưng người ta cưỡi đâu. Ai chẳng có tham vọng riêng. Bắt kéo xe thì được, đem ra cưỡi thì không. Con ngựa này, hình như nó đã tự bảo thế thật đấy.

- Vậy nó đi được chứ?

- Hai mươi dặm của ngài, tôi cho là nó đi chưa đến tám tiếng đồng hồ đâu, mà cứ luôn luôn nước kiệu lớn đấy. Nhưng phải có những điều kiện như thế này.

- Ông cứ nói.

- Điều thứ nhất, đến nửa đường, ngài cho nó nghỉ xả hơi độ một giờ và cho nó ăn; lúc cho ăn, ngài phải đứng đó kẻo bọn làm công ở quán trọ nó ăn bớt, vì tôi thấy các quán trọ, lúa ngựa thường hay bị bọn làm công lấy đổi rượu uống chứ ngựa thì chẳng mấy khi được ăn.

- Tôi sẽ đứng đó.

- Điều thứ hai là... Bẩm xe để chính ngài dùng phải không?

- Phải.

- Bẩm thế ngài có biết cầm cương không?

- Có.

- Vậy thì ngài đi không thôi, đừng mang theo hành lý để cho ngựa kéo được nhẹ.

- Đồng ý.

- Nhưng ngài không đem ai theo thì xin ngài chịu khó đứng coi cho ngựa ăn.

- Được rồi.

- Ngài trả cho ba mươi phơrăng một ngày, kể cả ngày nghỉ. Không kém một trinh. Còn tiền lúa ngựa ăn thì về phần ngài chịu.

Ông Mađơlen mở túi lấy ra ba đồng tiền vàng Napôlêông đặt lên bàn:

- Tôi đặt tiền trước cho hai ngày.

- Điều thứ tư, đường trường như thế mà dùng xe có mui thì e nặng quá làm nhọc ngựa. Xin ngài bằng lòng dùng cỗ xe nhẹ của tôi đây.

- Tôi bằng lòng.

- Xe thì nhẹ nhưng không có mui.

- Không hề gì.

- Ngài có nhớ bây giờ là đang mùa đông không?

Ông Mađơlen không đáp. Chủ ngựa lại nói:

- Và trời đang lạnh lắm đấy.

Ông Mađơlen vẫn không nói gì. Xcôphơle tiếp:

- Lại có thể mưa nữa.

Ông Mađơlen ngẩng lên bảo:

- Sáng mai, bốn giờ rưỡi, ông mang xe và ngựa đến trước cửa nhà tôi.

- Xin y hẹn. -Lão Xcôphơle lấy móng tay cạo cạo cái vết đen trên mặt bàn, rồi nói tiếp, với cái vẻ vô tình mà dân Flamăng thường khéo xen vào cái tinh khôn của họ: "À! Từ nãy đến giờ tôi quên không nghĩ đến. Ngài thị trưởng chưa cho tôi biết ngài đi đâu. Vậy ngài đi đâu thế?".

Từ lúc bắt đầu câu chuyện, lão đã băn khoăn về việc đó rồi, nhưng không hiểu sao lão chưa dám hỏi.

Ông Mađơlen nói:

- Ngựa của ông hai chân trước có khỏe không?

- Bẩm khỏe lắm. Nhưng đến chỗ dốc thì ngài thong thả cho nó nhờ một tí. Con đường ngài đi có nhiều dốc không?

- Đừng quên sáng mai đến đằng nhà tôi đúng bốn giờ rưỡi sáng nhé! -ông Mađơlen trả lời thế rồi bước ra.

Lão chủ ngựa đứng "đực người" ra, đúng như lời lão tự nhận sau đó. Ông thị trưởng ra khỏi được ba bốn phút thì lại thấy cửa mở: vẫn là ông ta.

Trông ông vẫn có vẻ lạnh lùng và tư lự.

- Này ông Xcôphơle, con ngựa và cái xe ông cho tôi thuê, thứ nọ mang thứ kia, cả đôi đáng giá bao nhiêu?

Chủ ngựa cười ha hả:

- Thứ nọ kéo thứ kia chứ, bẩm ngài.

- Cũng được! Thế bao nhiêu?

- Bẩm ngài muốn mua lại hay sao?

- Không. Nhưng cứ phòng xa, tôi muốn đặt tiền ký quỹ cho ông. Khi tôi về, ông trả lại cho tôi. Cái xe và con ngựa ông định giá bao nhiêu?

- Bẩm ngài năm trăm phơrăng.

- Tiền đây.

Ông Mađơlen để tờ giấy bạc lên bàn rồi đi ra, lần này không trở lại nữa.

Lão Xcôphơle bứt đầu bứt tai tiếc rẻ mãi sao không nói một nghìn phơrăng. Thật ra cả cỗ xe và con ngựa chỉ đáng giá một trăm ê-qui thôi.

Lão gọi vợ ra kể lại đầu đuôi câu chuyện. "Quái, cái nhà ông này đi đâu thế nhỉ?". Vợ chồng bàn nhau. Vợ nói: "Ông ấy đi Pari". Chồng bảo: "Không phải". Ông thị trưởng để quên mảnh giấy có ghi bút chì trên lò sưởi, lão cầm lấy cố đoán xem. "Năm, sáu và tám rưỡi? Có lẽ đây là những trạm trên đường thiên lý". Lão quay lại bảo vợ: "Tìm ra rồi. -Thế nào? - Từ đây đến Hetxđanh năm dặm; từ Hetxđanh đến Xanh Pôn sáu dặm; từ Xanh Pôn đến Arát tám dặm rưỡi. Ông ấy đi Arát".

Lúc ấy ông Mađơlen về đến nhà.

Lúc trở về, ông đi theo con đường khác dài hơn, không đi ngang qua cửa nhà cha xứ nữa. Hình như ông sợ nó cám dỗ. Đến nhà, ông lên ngay phòng riêng và đóng cửa lại. Việc đó cũng thường thôi, vì có hôm ông cũng đi nghỉ sớm như vậy. Tuy thế, mụ gác cổng, đồng thời cũng là người hầu hạ duy nhất của ông, cũng để ý nhận thấy ông tắt đèn từ lúc tám giờ rưỡi, nên gặp người thủ quỹ về sau đi qua, mụ thuật chuyện lại và thêm:

- Ông thị trưởng ốm đau gì phải không? Tôi coi bộ ông ta làm sao ấy.

Người thủ quỹ ở ngay bên phòng dưới ông Mađơlen. Chẳng để ý gì đến lời mụ gác cổng, hắn đi nằm và ngủ ngay. Vào khoảng nửa đêm, hắn giật mình thức giấc. Trong giấc ngủ hắn nghe như có tiếng động ở tầng trên, hắn lắng tai nghe. Có tiếng chân người đi đi lại lại. Nghe kỹ thì là tiếng giầy của ông Mađơlen. Hắn kinh ngạc vì thường thì trước giờ ông dậy, trong phòng ông không bao giờ có tiếng động. Một lúc sau lại hình như có tiếng tủ mở ra rồi khép lại. Có tiếng bàn ghế dịch đi rồi im lặng, rồi lại có tiếng chân bước. Hắn ngồi nhổm dậy, tỉnh hẳn, nhìn qua cửa kính sang phía tường trước mặt, thấy có ánh sáng đo đỏ ở cửa sổ nào chiếu ra. Cứ cái hướng ánh sáng ấy thì đúng là cửa sổ phòng ngủ ông Mađơlen. Ánh sáng lung linh hình như là có ai đốt cái gì chứ không phải thắp đèn. Bóng sáng không in hình nẹp cửa kính, như thế nghĩa là cửa kính không đóng. Trời rét thế này mà mở toang cả cửa sổ cũng là một điều lạ. Hắn quay ra ngủ lại. Cách một vài giờ sau, hắn lại thức giấc. Vẫn cái bước chân chậm chạp đều đều đi lại ở ngay trên đầu hắn.

Ánh sáng chiếu sang bức tường vẫn còn, nhưng bây giờ nó mờ mờ và êm ả như ánh sáng một ngọn đèn hay một ngọn nến. Cửa sổ vẫn mở toang.

Sau đây là những việc xảy ra trong phòng ông Mađơlen.

III

MỘT TRẬN BÃO TÁP TRONG ĐẦU

Chắc độc giả đã đoán ra ông Mađơlen chính là Giăng Vangiăng rồi. Chúng ta đã có lần nhìn sâu vào lương tâm ông; bây giờ lại phải nhìn vào đấy một lần nữa. Làm việc này lòng khó mà bình thản, khó mà không run sợ. Vì có gì ghê rợn bằng cái việc quan chiêm đó! Biển đã rộng nhưng trời còn mênh mông hơn, trời đã mênh mông nhưng thấm gì so với lòng người vô biên vô tận! Nhìn vào đâu mà thấy nhiều ánh sáng hoặc nhiều bóng tối bằng nhìn vào lòng người! Nhìn vào đâu mà thấy rối ren, bí hiểm, miên man, đáng sợ bằng!

Một con người, dù là con người đáng kể đi nữa, đem tâm hồn họ mà viết thánh ca, thì đó là thiên hùng ca hay nhất, trọn vẹn nhất đúc lại trên mọi thiên hùng ca. Ôi! Tâm hồn con người, bao nhiêu thứ mơ ước hão huyền, bao nhiêu thứ lòng tham, ý định, chất chồng ở đấy! Bao nhiêu giấc mơ nung nấu, bao nhiêu ý nghĩ xấu xa ẩn nấp ở đấy! Ngụy biện: thanh minh ngự trị ở đấy, dục vọng xô xát nhau cũng ở đấy. Vào lúc một con người đang suy nghĩ, thử bỏ qua vẻ mặt lạnh lùng mà nhìn vào trong bóng tối, vào tâm hồn của họ mà xem. Bên ngoài có vẻ yên tĩnh mà ở đấy chính là cảnh những tráng sĩ khổng lồ đang đánh nhau như trong thơ Hôme, những rồng những rắn quần nhau bên cạnh vô số bóng ma như trong sách Mintơn, những vòng nọ vòng kia chật ních những linh hồn như trong tưởng tượng của Đăngtơ. Lương

tâm là một cõi vô biên ghê rợn. Con người ai cũng có và phải lấy đó để suy xét tất cả những ý muốn nảy ra trong đầu óc và tất cả những hành vi trải qua trong cuộc đời!

Ngày xưa có kẻ đã đứng trước cửa một nơi kia nhưng vì cửa rùng rợn quá mà ngập ngừng. Đây cũng có một cánh cửa, và chúng tôi cũng đang ngập ngừng. Nhưng thôi, cứ vào vậy. Từ khi Giăng Vangiăng gặp thằng bé Giecve, câu chuyện đã xảy ra như thế nào, độc giả biết cả rồi, không cần phải nói thêm nhiều. Chỉ biết từ hôm ấy trở đi, Vangiăng đã thành một con người khác. Ông giám mục muốn Vangiăng trở nên như thế nào, Vangiăng đã làm y như thế. Không phải là một sự thay đổi, mà thật tình là một sự lột xác.

Vangiăng tìm cách mai danh ẩn tích, bán món đồ đạc của ông giám mục đi, chỉ giữ lại có đôi chân đèn làm kỷ niệm. Vangiăng lén lút từ tỉnh này sang tỉnh khác, đi suốt nước Pháp đến cảng Môngtơrơi. Ở đây Vangiăng nảy ra sáng kiến đã nói trên kia và làm được những việc như ta đã biết, khiến cho mình thành người không ai bắt nổi và không ai dám ngờ tới. Vangiăng yên tâm ở Môngtơrơi, sung sướng thấy lòng mình không quên bài học đau buồn của dĩ vãng và cuộc đời mình về sau đã rửa sạch được vết nhơ của nửa đời mình ngày trước. Đời Vangiăng từ nay yên ổn; ông vững lòng và hy vọng. Bây giờ ông chỉ lo có hai điều là giấu kỹ tên tuổi và sống một cuộc đời được thừa nhận, thoát bàn tay người đời và trở về với Chúa. Hai ý nghĩ ấy gắn liền với nhau thành một trong tâm trí Vangiăng. Cả hai đều quyết liệt, chiếm hết tâm trí và chi phối tất cả hành động của Vangiăng. Thường thì hai ý nghĩ ấy thống nhất để

định cho Vangiăng cách xử thế, làm cho Vangiăng ưa cảnh sống tối tăm, biến Vangiăng thành người trung hậu, giản dị và cũng khuyên Vangiăng những lời giống nhau. Nhưng đôi khi cũng có mâu thuẫn. Lúc đó con người mà tất cả vùng Môngtơrơi gọi là ông Mađơlen đã hy sinh ý nghĩ thứ nhất cho ý nghĩ thứ hai, hy sinh sự an toàn của mình cho đạo đức. Cho nên, mặc dầu phải hết sức đề phòng và giữ gìn, Vangiăng vẫn giữ đôi chân đèn của ông giám mục, để tang cho ông ấy, cho gọi và hỏi han tất cả những trẻ người xứ Xavoa đi ngang qua tỉnh, điều tra về các gia đình ở Phavơrôn và cứ cứu mạng cho lão Phôsơlơvăng, chẳng kể gì đến những lời bóng gió đáng lo ngại của Giave. Hình như Vangiăng đã theo gương những bậc hiền nhân quân tử, và nghĩa vụ đầu tiên của ông không phải là vì mình.

Tuy vậy cũng phải nói rằng chưa bao giờ có việc như thế xảy ra. Chưa bao giờ hai ý nghĩ ấy, hiện ngự trị con người đáng thương mà ta đang kể lại cuộc đời đau khổ đây, lại xung đột nhau kịch liệt đến thế. Giave vào buồng giấy ông vừa thoạt nói mấy lời, ông đã lờ mờ hiểu ngay câu chuyện và đã thấy nó sâu xa. Lúc đột nhiên nghe đọc đến cái tên đã chôn vùi mấy lớp, ông như sững sờ choáng váng, vì thấy số mệnh sao lại có điều kỳ dị, kinh khủng đến thế. Qua phút sững sờ ông giật mình, cái giật mình báo hiệu những cuộc biến đổi lớn. Bỗng dưng ông cúi đầu như cây sồi trước cơn giông, như người lính trước trận xung phong. Ông thấy như mây đen, sấm sét đang kéo trên đầu mình. Nghe Giave nói, ông liền nghĩ đến việc đi ngay, chạy ngay đi tự tố cáo để cứu lão Săngmachiơ và ngồi tù thay cho lão. Lòng ông đau như dao cắt. Nhưng rồi ý nghĩ ấy qua đi, ông tự bảo

mình: "Sao lại thế! Sao lại thế!" Ông cố nén cái cử chỉ hào hiệp ban đầu ấy đi và lùi bước, không dám dũng cảm.

Tất nhiên, sau khi được nghe những lời đáng tôn kính của ông giám mục, qua bao nhiêu năm hối cải và nhẫn nhục, giữa lúc đang bắt tay vào việc chuộc tội một cách hiệu quả đáng lẽ người ấy, mặc dầu đứng trước một nỗi băn khoăn ghê gớm như lần này, nhất định không chịu chùn chân phút nào, cứ thẳng bước đến chỗ vực thẳm mà dưới đáy thì lại là trời, được như thế thì hay biết bao nhiêu. Nhưng nào có được thế. Chỉ biết là phải kể ra đây tất cả những diễn biến trong tâm hồn con người ấy. Và cũng chỉ kể được cái gì đã xảy ra thôi. Ban đầu ông bị bản năng sống còn lôi cuốn. Ông vội tập trung mọi ý nghĩ lại, cố nén cơn xúc động, để ý đến sự có mặt của Giave, mối nguy cơ lớn cho ông, hoãn những điều đã quyết định với cái liều lĩnh của người đang sợ hãi, thận trọng đến mệt óc trong mọi việc sắp làm và lấy lại cái thái độ bình tĩnh như người võ sĩ cúi nhặt lá mộc đánh rơi vậy.

Cả buổi tối hôm ấy, tâm trạng ông cứ như thế. Trong lòng rối như tơ vò mà bề ngoài vẫn cứ điềm nhiên, bình thản. Ông chỉ thực hiện những "biện pháp bảo lưu ([1])" thôi. Tất cả như mơ hồ và lộn xộn trong đầu óc ông. Lòng phân vân đến nỗi ông không thể có được một ý kiến gì cho rõ rệt. Ngay bản thân ông, ông cũng không hiểu như thế nào cả. Chỉ biết rằng mình vừa bị một vố nặng. Ông vẫn đến thăm Phăngtin ở phòng bệnh như mọi khi và nấn ná ở lại lâu hơn. Lòng thương người khiến ông thấy cần phải làm như thế và ông ủy thác chị cho hai bà sơ một

(1) Danh từ chuyên môn về tư pháp (N.D.)

cách cặn kẽ phòng khi ông phải vắng mặt. Ông mơ hồ nghĩ rằng có lẽ cần phải đi Arát, nhưng chẳng có ý gì quả quyết cả. Ông lại tự bảo như mình thì còn sợ gì ai nghi ngờ nữa, có tới đó cũng không hại gì, lại được xem sự thể ra làm sao. Và ông đã đến thuê xe ngựa của lão Xcôphơle, cũng là cách chuẩn bị đề phòng mọi sự bất trắc, thế thôi.

Tối hôm ấy, ông ăn cơm khá ngon miệng.

Vào phòng nghỉ, ông bình tâm suy nghĩ lại.

Ông nhận định lại tình hình và thấy thật là phi lý. Phi lý đến nỗi giữa lúc suy nghĩ vẩn vơ như thế mà cũng hình như có mối lo sợ gì khó tả, buộc ông phải đứng dậy ra đóng chặt cửa lại và cài then thật kỹ. Ông sợ còn có cái gì nó vào nữa. Ông chặn ngang cửa để chống lại với cái có thể đến.

Một lát sau, ông tắt nến đi. Ánh sáng làm ông khó chịu.

Hình như người ta có thể trông thấy ông được.

Người ta, là ai?

Khổ thay! Ông muốn đuổi nó ra ngoài thì nó đã vào, ông muốn che mắt nó thì nó đã nhìn ông. Nó là lương tâm ông.

Mà lương tâm ông tức là Chúa.

Dù sao, lúc đầu ông vẫn còn ảo tưởng, cho mình thế là yên trí, chỉ có một mình mình thôi. Cửa đã cài then không ai còn làm gì nổi mình; đèn đã tắt đi rồi, còn ai trông thấy mình nữa. Bây giờ ông mới nhìn kỹ vào mình. Gian phòng tối om. Ông tì khuỷu tay xuống bàn, đưa bàn tay đỡ trán, ngồi suy nghĩ.

"Ta nghĩ đến đâu rồi? -Ta không mơ ngủ chứ? - Họ đã nói gì với ta? - Có thật ta đã gặp tên Giave và nó đã nói với ta như thế không? Tên Săngmachiơ là thế nào? - Nó giống ta ư? - Có thể thế được không? Hôm qua ta còn được thảnh thơi và có ngờ đâu sự thể thế này! Hôm qua, giờ này ta đang làm gì nhỉ ? -Việc này nó thế nào? - Kết cục rồi ra sao? - Làm thế nào bây giờ ?"

Đấy, trong lòng ông xốn xang như thế đấy. Đầu óc không còn sức suy nghĩ minh bạch nữa, các ý nghĩ cứ xô đi như làn sóng, ông đưa hai tay ôm lấy đầu như để giữ lại. Tình trạng bời bời ấy làm cho tâm trí và nghị lực ông bị đảo lộn cả. Ông muốn tìm một cái gì đích xác, muốn có một sự quyết định, nhưng chỉ thấy có lo sợ. Đầu nóng bừng bừng. Ông ra cửa sổ, mở toang cả hai cánh ra. Trên trời không một bóng sao. Ông lại vào bàn ngồi.

Một giờ đồng hồ trôi qua như thế. Dần dần một vài đầu mối bắt đầu hiện ra và cố kết lại trong ý nghĩ, làm ông thấy hé ra một cách chính xác thực tế của cảnh ngộ mình, tuy chưa được bao quát song đã chắc chắn được đôi ba điều.

Ông bắt đầu nhận ra rằng dù cảnh ngộ ấy có kỳ dị và bấp bênh đến đâu đi nữa, ông cũng vẫn hoàn toàn làm chủ được tình thế.

Vì lẽ ấy, ông lại càng thấy thêm lo sợ...

Các việc ông làm đều nhằm mục đích sửa mình một cách nghiêm khắc, theo lời răn của Chúa. Nhưng đặt mục đích ấy ra một bên thì tất cả những điều ông làm, cầm bằng như ông đào một hố sâu để chôn chặt tên mình. Điều ông sợ nhất trong những lúc ông trầm ngâm tự vấn hoặc trong những đêm trằn trọc không ngủ, là có ai đọc đến tên ấy. Ông nghĩ rằng nếu việc ấy xảy ra

thì mọi sự coi như hỏng hết: cái tên ấy mà hiện ra thì nó sẽ làm tiêu tan cuộc đời mới của ông, và biết đâu nó lại không làm tiêu tan cả tâm hồn mới của ông nữa? Chỉ mới nghĩ việc ấy có thể xảy ra là ông đã rùng mình.

Giả dụ những lúc ấy có người đến nói với ông như thế này: có lúc cái tên ấy sẽ vang đến bên tai, cái tên Giăng Vangiăng ghê tởm ấy sẽ từ trong bóng tối hiện ra sừng sững trước mặt, nhưng luồng ánh sáng vĩ đại lâu nay đã xóa sạch cái màn bí mật chung quanh ông, bỗng dưng sáng rực cả lên, làm cho mọi người chói mờ không trông thấy gì. Cái tên vì thế không còn gì đáng sợ, cái màn bị xé lại tăng thêm sự bí mật, cái phút tưởng như trời sa đất sụt kia lại là phút làm cho nền móng ngôi nhà thêm vững. Và sự việc kỳ lạ kia chỉ đưa đến kết quả là làm cho cuộc đời ông càng thêm sáng tỏ đồng thời càng thêm khó hiểu, cái bóng ma Giăng Vangiăng đem đặt bên ông tư sản Mađơlen đáng kính, chỉ làm cho ông càng thêm vinh dự, càng thêm được kính mến, được yên tĩnh hơn bao giờ hết. Giả sử có ai nói với ông như vậy, ông cũng sẽ lắc đầu và cho là vô lý. Thế mà tất cả những cái đó vừa xảy ra, tất cả những cái không thể có đã có, và Chúa đã cho phép các thứ viển vông kia trở thành sự thật !

Suy nghĩ mãi cũng thấy sáng sủa dần ra. Mỗi lúc ông mỗi nhận rõ thêm cái thế của mình lúc này.

Ông thấy mình như vừa tỉnh một giấc mơ và đương trượt dần trên một con đường dốc trong đêm tối, đến bên bờ một cái vực sâu, cả người run lên mà không sao lui trở lại được. Ông nhìn thấy rõ ràng trong bóng tối ấy có một người lạ mặt mà số mệnh tưởng lầm là ông và đương đem xô xuống vực thay cho ông. Trong hai người, hoặc ông, hoặc người kia phải có một người ngã xuống thì vực mới khép lại được.

Ông cứ để cho việc xảy đến ra sao thì ra là yên. Giờ thì rõ ràng lắm rồi. Ông tự thú điều này: -Chỗ của ông ở trong nhà lao vẫn còn bỏ trống. Dù ông có muốn làm thế nào đi nữa, nó vẫn cứ chờ ông. Tôi ăn cướp tiền của thằng bé Giecve đã đưa ông trở vào đó, cho nên cái chỗ bỏ trống ấy, nó cứ chờ ông, lôi kéo ông, cho đến khi ông phải vào mới nghe. Đó là một việc không thể tránh được, thế nào cũng xảy tới. Và ông lại nghĩ:

- Hiện giờ ông đã có một người thay thế. Nghe đâu tên Săngmachiơ nào đó đã vô phúc gặp phải cái không may ấy. Còn ông thì từ nay trong nhà lao đã có tên Săngmachiơ thế chân, ngoài xã hội thì ông là Mađơlen, ông không còn phải lo gì nữa, quý hồ ông cứ để cho người đời đem cái tấm bia chung thân ô nhục kia đè lên đầu tên Săngmachiơ; cái tấm bia ấy giống như cái nắp mồ, đã sập xuống một lần thì thôi, không bao giờ còn nâng lên được nữa...

Tất cả những cái đó quá mãnh liệt, quá lạ lùng. Trong người ông như có một chuyển động gì khó tả, ít khi thấy nẩy ra trong một đời người. Hình như lương tâm đang vùng lên quằn quại, khuấy động tất cả những gì đáng nghi ngờ của trái tim. Hình như trong đáy sâu của cõi lòng có một tiếng cười phá đang vang lên, mà ý nghĩa gồm đủ mỉa mai, vui mừng, lẫn thất vọng.

Bỗng ông thắp nến lên, tự bảo mình:

- Ô hay, ta sợ cái gì chứ? Sao ta lại phải nghĩ ngợi phân vân như thế? Ta đã thoát nạn rồi. Xong cả rồi. Trước kia thì còn cái cửa bỏ ngỏ để dĩ vãng có thể lọt được vào cuộc sống hiện tại. Cái cửa ấy, giờ đã xây bịt lại rồi! Một cách vĩnh viễn! Cái thằng Giave ấy, lâu nay nó làm ta lo lắng, nó theo dõi ta khắp nơi, cái linh tính đáng sợ của nó hình

như đã đoán được ra ta mà đoán được ra rồi chứ còn gì nữa! Cái tên chó săn đáng tởm ấy, nó rình ta từng bước, nay thì nó lạc hướng rồi, lo chạy theo con đường khác rồi, hoàn toàn lạc mất dấu vết rồi. Nó đã mãn nguyện rồi, nó sẽ để cho ta yên, nó đã nắm được tên Giăng Vangiăng của nó rồi mà! Hình như nó lại muốn bỏ rơi đây mà đi! Và cái chuyện này xảy ra ta có biết đâu! Ta có can dự gì đến đó đâu! Nhưng mà này! Trong chuyện này có cái gì gọi là đáng trách được không? Những người gặp ta chắc sẽ tưởng ta vừa gặp tai nạn lớn! Chung qui lại, nếu có ai gặp tai họa phen này thì chẳng phải lỗi ở ta chỗ nào cả. Thôi thì cũng là tại trời cả. Có lẽ trời muốn như thế thật. Ta có quyền gì xáo trộn việc trời đã xếp đặt? Ta cầu mong gì bây giờ? Tại sao ta cứ chực xen vào việc này? Can dự gì đến ta đâu. Ô hay! Ta không bằng lòng sao? Mà ta đòi hỏi cái gì chứ? Cái mục đích lâu nay ta theo đuổi, cái điều hằng đêm ta mơ ước, điều mà ta đem cầu nguyện với trời là sự an toàn, thì ta đạt được rồi! Ý chúa là như vậy. Ta còn làm gì trái nổi ý Chúa được. Mà tại sao ý Chúa lại muốn như thế? Chính là để ta tiếp tục cái việc ta mới bắt đầu, để ta làm điều thiện, để ta có thể một ngày kia nêu tấm gương sáng cho người khác, để người ta thấy rằng kẻ đã biết hối quá, đã biết tu tỉnh thì cũng sẽ được hưởng phần hạnh phúc! Thật lạ, ta không hiểu tại sao ban nãy ta không dám vào nói hết câu chuyện với ông cha xứ đáng kính ấy, như một người xưng tội. Chắc hỏi ý kiến ông, ông cũng sẽ trả lời như ta nghĩ thôi. Nhất định rồi, cứ mặc cho công việc tiếp diễn! Để yên cho Chúa định đoạt!

Đó là lời ông tự nhủ. Lời nói vang lên từ tận đáy lòng khi ông cúi nhìn xuống cái có thể gọi là vực thẳm của lòng ông. Sau đó ông đứng lên, đi bách bộ trong phòng. -Thôi, đừng nghĩ đến việc đó nữa. Quyết định rồi mà! Nhưng trong lòng vẫn không thấy vui.

Trái lại nữa.

Người ta không sao ngăn trí óc trở lại với một ý nghĩ, cũng như không sao ngăn sóng bể lui ra rồi lại xô trở vào bờ. Với người thủy thủ, đó là thủy triều. Với kẻ có tội, đó là lòng hối hận. Chúa khuấy động linh hồn con người cũng như làm cho đại dương nổi sóng vậy.

Chỉ một lát sau, dù đã cố sức nén đi, ông lại phải trở lại với cuộc đối thoại đau khổ lát trước, mình nói rồi mình lại nghe. Nói lên những điều mình không muốn nói tới, rồi phải nghe những điều mình không muốn để vào tai. Đành để cho một sức gì huyền bí nó lôi cuốn và ra lệnh: "Nghĩ đi!" như nó đã ra lệnh cho một kẻ có tội khác trước đây hai nghìn năm! "Đi đi".

Trước khi kể tiếp xin nhấn mạnh một nhận xét cần thiết để mọi người hiểu đầy đủ câu chuyện.

Loài người biết suy nghĩ, ai cũng từng trải qua những phút mình nói với mình. Ngôn ngữ thật không bao giờ huyền diệu tuyệt vời, bằng khi ở bên trong con người, nó như con thoi chuyển từ trí tuệ đến lương tâm rồi từ lương tâm quay về với trí tuệ. Những chữ "*ông nói*", "*ông kêu lên*" thường gặp trong chương này, chính phải hiểu theo nghĩa ấy. Người ta tự nói với mình, tự bảo với mình, tự kêu lên với mình. Thật là ầm ĩ: cái gì trong ta cũng nói, chỉ miệng là không. Nhưng sự im lặng chung quanh không hề lúc nào bị ngắt quãng. Bao nhiêu hiện thực của tâm hồn, không trông thấy, không sờ mó được, nhưng vẫn là những hiện thực.

Ông hỏi mình suy tính đến đâu rồi. Ông tự vấn xem "quyết định như thế", thì rồi ra sao? Ông tự thú, công việc xếp đặt như thế là bất nhân. Cái lối để mặc cho công việc

xảy ra, để yên cho Chúa định đoạt là một lối rõ ràng ghê tởm. Cứ để mặc cho số mệnh và người đời nhầm lẫn, không ngăn cản nó lại, yên lặng để phụ họa với nó, không làm gì cả, tức là mình đã làm tất cả đấy! Đó là một việc gian giảo đê mạt nhất! Đó là một tội ác khốn nạn, hèn hạ, hiểm độc, đáng khinh, đáng tởm!

Suốt tám năm, lần này là lần đầu con người đáng thương ấy mới lại thấy cái vị cay đắng của một ý nghĩ xấu và của một hành động xấu. Ông kinh tởm, khạc nhổ nó đi.

Ông tiếp tục tự vấn. Ông nghiêm khắc tự hỏi mình định nói gì với câu "mục đích đã đạt"? Ông nhận rằng đời mình có một mục đích thực, nhưng mục đích gì? Giấu tên giấu tuổi à? Che mắt bọn cảnh sát à? Chẳng lẽ đã làm những việc như mình đã làm, là chỉ vì một điều nhỏ mọn như thế? Thế không còn một mục đích nào khác, cao cả, chân chính nữa sao? Cứu vớt lấy linh hồn, chứ không phải thể xác. Trở lại thành người ngay thẳng và nhân từ. Thành con người chính trực! Đó có phải là điều mình ước mong, và là điều độc nhất mà mình ước mong không? Đó có phải là điều ông giám mục khuyên bảo không? Đoạn tuyệt với dĩ vãng à? Trời ơi! Có đoạn tuyệt đâu, thế là nối lại đấy, bằng một hành động khốn nạ đấy! Thế là trở lại thành một thằng ăn cắp, thằng ăn cắp đáng khinh ghét nhất! Mình đã ăn cắp cái sinh mệnh của người ta, cả cuộc đời, cả sự yên ổn, cả cái chỗ đứng của người ta dưới ánh sáng mặt trời! Mình thành một tên sát nhân! Không phải giết bằng gươm đao, mà giết bằng tinh thần một con người khốn nạn. Buộc người ta phải chịu một cái chết thê thảm, cái chết dần chết mòn, chết không mồ không mả, ngay giữa cảnh thanh thiên

bạch nhật, tức là cảnh tù ngục. Trái lại, ra thú đi, cứu cho người ta khỏi cái tai ách bị lầm lẫn ghê gớm, lấy lại cái tên cũ, theo nghĩa vụ mà trở lại thằng khổ sai Giăng Vangiăng, đấy mới thực là hoàn thành việc tái tạo, và vĩnh viễn thoát khỏi chốn địa ngục là nơi mình mới vừa bước chân ra khỏi. Vào tù lại, trông thì như là sa trở vào địa ngục, nhưng thực tế thì thoát khỏi! Phải làm như thế mới đúng! Nếu không thì bao nhiêu điều đã làm đều coi như không có. Cả sự nghiệp trước thành vô ích, cả cuộc đời hối lỗi đều bỏ đi, mình chỉ còn tự bảo mình một lời: ích gì? Ông thấy hình như có ông giám mục ở trước mặt. Ông giám mục đã mất, nên nay lại càng hiện ra rõ rệt. Ông đang nhìn đăm đăm và bảo rằng ông thị trưởng Mađơlen có tiếng là đạo đức, té ra lại thật là bỉ ổi, còn tên tù Giăng Vangiăng thì sẽ lại trong sạch, đáng quí biết bao. Người đời chỉ trông thấy cái mặt nạ của ta, nhưng ông giám mục thì nom thấy rõ được mặt thật. Người đời chỉ nom thấy cuộc sống bên ngoài của ta, nhưng ông giám mục thì trông suốt đến cả lương tâm. Thế thì phải đi Arát giải thoát cho anh Giăng Vangiăng giả kia và tố giác tên Giăng Vangiăng thật! Than ôi! Đó là sự hy sinh cao cả nhất, một cuộc chiến thắng thương tâm nhất, cái bước sau cùng khó khăn nhất. Nhưng cần phải bước qua cái bước ấy. Đau đớn thay là số mệnh! Muốn thành người trong sạch trước mặt Chúa, lại phải chịu làm kẻ ô nhục trước mắt người đời!

"Dứt khoát rồi, phải theo con đường ấy! Phải làm bổn phận của mình. Phải cứu người ấy".

Ông cao giọng nói to câu ấy mà không biết.

Ông giở sổ sách ra, kiểm soát lại và sắp xếp cho gọn ghẽ. Ông lấy bó văn tự nợ của những người buôn bán nhỏ

túng thiếu ném vào lửa. Ông viết một bức thư, niêm phong lại và đề ngoài bì: "Gửi ông Laphit chủ ngân hàng phố Actoa Pari".

Ông mở ngăn bàn giấy lấy ra một cái ví đựng một ít giấy bạc và tờ thông hành ông vừa dùng đi bầu cử trong năm ấy.

Ai trông thấy ông làm các việc ấy mà nét mặt không thôi trầm ngâm tư lự, chắc thừa hiểu trong bụng ông đang suy nghĩ nhiều lắm. Chốc chốc thấy môi ông hơi mấp máy; có lúc ông lại ngước nhìn chăm chú vào một chỗ nào đó trên vách, dường như ở đấy có cái gì phải hỏi han, phải làm cho sáng tỏ.

Viết xong bức thư, ông bỏ cả thư và ví vào túi áo rồi lại đứng dậy đi bách bộ.

Dòng suy nghĩ của ông không hề chệch hướng. Ông vẫn thấy rất rõ bổn phận của ông được viết thành chữ sáng, đang rực chói trước mắt; nhìn đến đâu cũng thấy dòng chữ ấy: - *Đi ngay! Đến mà khai đi! Thú đi!*

Trước nay có hai ý nghĩ coi như hai nguyên tắc chi phối cuộc đời ông: cất giấu họ tên và tu dưỡng tâm tình. Lần này là đầu tiên ông thấy hai ý nghĩ ấy cựa quậy như những hình bằng xương bằng thịt và hiện ra khác nhau rành rọt, cách biệt hẳn nhau. Một ý trong đó hoàn toàn đúng, còn ý kia thì có thể trở thành xấu; ý này là vị tha, ý nọ là cá nhân; đây là vì *đồng loại*, đó là vì *bản thân*; cái này bắt nguồn từ ánh sáng, cái kia bước ra từ bóng đêm.

Hai lực lượng ấy tranh chấp nhau và ông là người chứng kiến. Ông suy nghĩ chừng nào thì nó lại lớn lên chừng nấy, và bây giờ thì nó to như núi; một bên là nữ thần, một bên là nữ khổng lồ, hai bên quần nhau trong

người ông, trong cái cõi vô biên vô tận, lẫn lộn vừa ánh sáng vừa bóng tối như trên đây đã nói.

Người ông hoảng hốt nhưng ông có cảm tưởng như phía ý nghĩ đúng thắng thế, và ông đang bước đến một phút quyết định cho lương tâm và cho số phận nữa đây. Trước kia ông giám mục đã mở đầu cho ông giai đoạn đầu của cuộc đời mới, đến nay thì lão Săngmachiơ này lại đánh dấu cho giai đoạn thứ hai. Cơn khủng hoảng to lớn đã qua, trận thử thách gian nan lại đến.

Cơn sốt trong người một lúc đã nguôi nguôi, nay dần dần trở lại. Muốn nghĩn ý nghĩ thoáng qua đầu nhưng chỉ làm cho ông vững tâm thêm trong quyết định của mình.

Ông tự bảo: "Mình xét việc quá ư nóng vội, cái lão Săngmachiơ ấy, xét cho cùng, cũng chả có gì đáng để ý, và thực ra lão có ăn trộm thật". Rồi ông lại tự trả lời: "Ví thứ lão ta có trộm táo đi nữa thì cũng chỉ một tháng tù. Từ đó đến khổ sai còn xa biết mấy. Với lại biết đâu đây? Lão có ăn trộm thật không? Có gì làm bằng? Cái tên Giăng Vangiăng đã làm chết lão, hình như người ta chẳng còn cần bằng chứng gì nữa. Các vị chưởng lý của nhà vua chẳng hay làm như thế là gì? Lão ta vốn là tù khổ sai, thì nhất định lão ta có ăn trộm".

Lúc khác ông lại nghĩ rằng, sau khi ông ra tự thú, rất có thể người ta sẽ chiếu cố đến hành vi dũng cảm của ông, xét đến cuộc đời lương thiện của ông trong bảy năm qua, và công lao của ông đóng góp cho xứ sở lâu nay, mà tha bổng cho ông. Nhưng giả thiết ấy tan mau như khói. Ông mỉm cười chua chát mà nhớ ra rằng ông cướp đồng hào của bé Giecve là mắc vào tội tái phạm, việc này nhất định sẽ bị lôi ra, và như

thế, đúng theo hình luật, ông sẽ bị khép vào tội khổ sai chung thân.

Ông xua tan mọi thứ ảo tưởng kia đi, tách mình dần ra khỏi cuộc đời thấp hèn và đi tìm cho mình sự an ủi và sức mạnh ở một nơi khác. "Nhất định ta phải làm theo bổn phận ta", ông tự bảo: "Làm xong bổn phận chắc gì đã khổ hơn là trốn tránh không làm? Nếu ông *cứ để mặc kệ*, và ông cứ ở Môngtơrơi, thì uy tín của ông, tiếng tăm của ông, những cống hiến của ông cho xã hội, lòng thương người, đức tính gần gũi mọi người, cuộc sống trong sạch, thậm chí sự giàu có của ông, rồi lòng kính yêu, trọng vọng của mọi người, tất cả những cái đó đều như pha trộn tội ác. Và những thứ cao quí kia mà lẫn với cái vật ghê tởm này thì mùi vị sẽ ra làm sao nữa! Trái lại, nếu ông dám hy sinh, thì dù thân có ở lao tù, xiềng xích, người có phải khổ sai tạp dịch, chẳng bao giờ được nghỉ ngơi mà luôn luôn bị quở phạt, dù đến thế đi nữa thì trong mỗi bước gian truân ấy vẫn bật lên một ánh sáng thần tiên!

Nhưng cuối cùng ông lại tự nhủ rằng sự việc hình như phải thế, số phận của ông trên trời đã định sẵn, ông không có quyền xáo trộn mọi thứ trên cao đã xếp đặt, mà chỉ được phép lựa chọn mà thôi: hoặc bên ngoài đạo đức mà bên trong xấu xa, hoặc bên trong cao quí mà bên ngoài nhục nhã.

Dằn vặt mãi với bao nhiêu ý nghĩ bi thảm, lòng can đảm của ông vẫn vững vàng, nhưng trí óc ông cảm thấy mệt mỏi. Bất giác ông bắt đầu nghĩ đến những điều khác, những điều không dính dáng gì đến việc kia.

Mạch hai bên thái dương đập dữ dội. Ông vẫn đi đi lại lại không ngừng. Đồng hồ điểm mười hai giờ phía thị sảnh rồi phía nhà thờ. Ông tẩn mẩn đếm theo từng tiếng hai cái đồng hồ ở hai nơi rồi lại so sánh tiếng chuông với

nhau. Ông sực nhớ mấy hôm trước ông thấy ở một cửa hàng đồ sắt một cái chuông cũ trên có đề cái tên: *Angtoan Anhbanh đơ Rômanhvin.*

Ông thấy lạnh, bèn đến bên lò nhóm một ít lửa, nhưng quên không nghĩ đến việc đóng cửa sổ lại.

Một lúc lâu, ông thấy đầu óc mình trở lại mụ mẫm. Phải cố gắng hết sức mới nhớ ra được mình đã nghĩ những gì trước lúc chuông đồng hồ đánh mười hai tiếng. Cuối cùng ông nhớ ra được và tự nhủ:

"À phải, lúc nãy ta đã quyết định đem ta ra tố cáo mà". Bỗng ông sực nghĩ đến Phăngtin:

"Ờ nhỉ! Còn người đàn bà tội nghiệp này nữa!"

Đến đây một cơn khủng hoảng khác lại nổ ra. Phăngtin bỗng dưng hiện ra trong tâm trí như đem đến một tia sáng bất ngờ. Mọi vật chung quanh hình như không còn cái cảnh sắc như trước nữa. Ông kêu lên: à, mà sao từ nãy đến giờ ta chỉ nghĩ đến mình ta? Ta chỉ tính toán đến những điều vừa ý ta thôi! Hoặc là cứ yên lặng, hoặc là ra tự thú, -ẩn núp cho yên thân hay là cứu vớt lấy linh hồn,- làm một ông thị trưởng đáng khinh mà được tôn trọng hay là một thằng tù khổ sai ô nhục mà lại đánh kính, đó vẫn là chuyện của ta, luôn luôn là của ta, độc một mình ta! Nhưng trời ơi! Đó chỉ là chuyện ích kỷ! Hình thức này hay hình thức khác đi nữa, cũng chỉ là ích kỷ. Sao ta không nghĩ đến người khác một tí? Nghĩ đến người khác là điều thiện đầu tiên. Nào, thử xét lại xem. Để riêng ta ra, quên hẳn ta đi, thì rồi sẽ ra sao? -Ta mà ra tự thú nhé! Thì họ bắt ta, họ thả tên Săngmachiơ ra, họ đưa ta đi đày, vậy là phải rồi. Rồi sao nữa? Ở đây sẽ xảy ra những việc gì? À, ở đây có cả một vùng, một thành phố, những xưởng máy, một nền công nghiệp, có bao nhiêu là thợ thuyền, đàn ông,

đàn bà, người già, trẻ con, những người thật đáng thương! Ta đã xây dựng nên tất cả, ta đã nuôi sống cho tất cả, chỗ nào có khói tỏa trên mái nhà là do chính tay ta đã đem củi cho mà đốt, đem thịt cho mà nấu; nhờ ta có sự no ấm, có sự giao lưu, có tiền của; trước ta, nào có gì đâu; ta đã phục hưng lại; làm sống lại; làm cho sầm uất, làm cho phồn thịnh, làm cho nhộn nhịp, làm cho giàu có cả một xứ; ta mà thiếu đi, là thiếu cả một linh hồn. Ta mà cất ta đi thì sẽ chết hết thảy. -Lại còn người đàn bà kia đã chịu bao nỗi đau khổ, đã có bao điều đáng quí trong bước sa ngã! Cuộc đời đau khổ của chị đều do ta vô tình gây ra cả. Lại còn đứa bé mà ta định đi tìm về, ta đã hứa hẹn với mẹ nó nữa! Đối với chị, ta lại không có chút gì để đền bù hay sao? Ta mà không còn ở đây nữa thì rồi sẽ ra sao? Người mẹ tất chết. Đứa con rồi ra sao thì ra. Đấy, nếu ta đi tự thú, thì rồi sẽ như thế đấy.

"Hay là ta đừng đi thú tội nữa? Xem nào, hay là ta đừng đi?"

Tự hỏi xong câu ấy, ông ngừng lại như có một phút rụt rè, run sợ. Nhưng phút ấy chỉ thoáng qua. Ông lại bình tĩnh tự trả lời:

- Được, lão ta đi tù khổ sai, điều đó có thật, nhưng có sao đâu, lão ta ăn trộm kia mà! Ta có cố tình nói lão không ăn trộm thì lão cũng đã ăn trộm rồi! Còn ta, ta cứ ở đây, ta tiếp tục công việc của ta. Mười năm nữa ta sẽ có mười triệu, ta sẽ đem mười triệu ấy rải ra khắp xứ. Ta chẳng giữ gì cho ta cả, có tiền hay không có tiền, điều ấy có hề gì? Có phải vì ta mà ta làm việc đâu? Khi ấy mọi người cứ càng sung túc lên, các công nghiệp bừng dậy và kích thích nhau, công xưởng nhà máy đông lên, mọi gia đình, hàng trăm, hàng nghìn gia đình được sung sướng; dân số trong vùng tăng lên, những chỗ nay mới là trại của

tá điền, sẽ có làng xóm mọc lên, những chỗ nay còn hoang vu sẽ có trại tá điền xuất hiện. Bấy giờ đói nghèo không còn nữa, và cùng với đói nghèo cũng mất luôn những tệ nạn trụy lạc, đĩ điếm, trộm cắp, giết người, tất cả những tật xấu thói hư, tất cả những tội ác! Ấy, cả một vùng sẽ trở nên giàu có và lương thiện! Và người mẹ tội nghiệp ấy có đủ điều kiện để nuôi con mình!

Ơ kìa, ta đã điên, ta đã quá vô lý, tại sao ta lại nói đến chuyện đi tự thú? Thật đấy, phải suy nghĩ cho kỹ, chớ có hấp tấp. Quái nhỉ! Chỉ vì ta muốn làm một kẻ vĩ nhân, một người nghĩa khí -trò tuồng thôi! Chỉ vì ta nghĩ đến ta, đến độc một mình ta: mà lạ thật! Chỉ vì muốn tránh hình phạt cho một tên trộm cắp vu vơ, chắc là ngốc nghếch nữa,- hình phạt có lẽ hơi quá đáng tuy về căn bản là đúng, -mà lại để cho cả một xứ phải điêu tàn! Để cho một người đàn bà đáng thương phải chết ở phòng bệnh! Một đứa con gái nhỏ phải chết đường chết chợ như chó chết. A, thật là tàn nhẫn! Mẹ không được thấy mặt con! Con không được biết có mẹ! Như thế chỉ vì một thằng lưu manh già đáng đi đày, không vì tội ăn trộm táo này thì rồi cũng vì tội khác! Thật là những tư tưởng đạo đức hão, đi gỡ tội cho kẻ phạm tội để hy sinh những người vô tội! Mà lão thì còn sống được vài năm nữa là cùng và có vào tù thì cũng chẳng khổ gì hơn chui rúc ở túp nhà nát. Hy sinh tất cả nhân dân một vùng, bao nhiêu người mẹ, bao nhiêu người vợ, bao nhiêu trẻ con, để đi cứu một lão già lang thang. Cả con Côdét tội nghiệp, chỉ còn trông mong có ta, chắc là lúc này nó đương rét tím người ở cái xó lều của vợ chồng Tênacđiê. Lũ này cũng là đồ chó chết đấy! Như thế là ta đã trốn nhiệm vụ đối với những con người khổ sở ấy! Ta lại nỡ tự đi thú à? Sao ta lại định làm cái việc khờ dại thế? Cứ cho là xấu xa hẳn đi! Thí dụ coi đó là một điều bất nhân, mà lương tâm ta rồi đây sẽ trách mắng. Vì lợi ích

của kẻ khác, mà chỉ mình mình chịu trách mắng, chỉ mình mình chịu làm điều xấu xa để thiệt riêng có linh hồn mình, thì như thế mới gọi là bác ái, mới gọi là có đạo đức chứ".

Ông lại đứng lên, đi đi lại lại. Lần này ông thấy như được thỏa mãn. Tìm kim cương phải đi sâu vào lòng đất, cũng như tìm chân lý phải đi sâu vào ý nghĩ. Dường như ông đã đi vào những tầng sâu như vậy, và sau một thời gian khá lâu mò mẫm ở những nơi tối nhất, ông đã tìm ra được một trong những hạt kim cương ấy, một trong những chân lý ấy, và ông đang giữ trong tay, ngắm nghía, sung sướng đến lóa cả mắt.

"Phải, ông nghĩ, như thế mới phải. Ta đã đi đúng đường, ta đã nắm được cách giải quyết. Mọi sự rồi ra cũng phải có một chỗ để mà dựa chứ. Ta đã quyết định rồi. Cứ để mặc! Không lung lay nữa, không lùi nữa. Đó là vì lợi ích của mọi người, không phải lợi ích riêng của ta. Hiện nay ta là ông Mađơlen, ta cứ giữ là Mađơlen. Còn đứa nào là Giăng Vangiăng thì mặc xác nó. Giăng Vangiăng không phải là ta nữa. Ta không biết hắn là ai, hắn là gì ta cũng không hiểu nữa. Bây giờ ai là Giăng Vangiăng thì kẻ ấy cứ mà lo liệu lấy, chẳng can cập gì đến ta. Cái tên ấy bây giờ như là một định mệnh, nó đang phất phơ trong đêm tối, nó có dừng lại và giáng xuống đầu ai cũng thây kệ nó!". Ông soi mặt vào cái gương con trên lò sưởi và nói: Té ra quyết định xong thực nhẹ cả mình! Bây giờ ta thấy khác hẳn lúc nãy.

Ông đi dăm bước nữa rồi đứng sững lại:

- Thôi, ta đã quyết thì dù có ra sao đi nữa cũng không nên trù trừ làm gì. Còn nhiều dây nhợ giữa ta với cái tên Giăng Vangiăng này đây. Phải cắt đứt nó đi! Ngay trong phòng này có mấy đồ vật có thể buộc tội ta, có những thứ

vô tri có thể lên tiếng làm chứng chống lại ta. Thôi dứt khoát, phải thủ tiêu tất cả.

Ông lục túi lấy bọc tiền, mở ra lấy chiếc thìa khóa con. Ông tra vào một cái ổ khóa bé tí lờ mờ lẫn vào giữa những nét vẽ tối sẫm phủ lên mặt giấy dán tường. Một khoảng trống trong tường hiện ra. Đó là một thứ tủ giả ẩn vào một bên là góc tường, một bên là lò sưởi. Trong lòng tủ giấu mấy cái quần áo rách, cái áo bành-tô cũ và cây gậy to hai đầu bịt sắt. Ai đã được thấy Giăng Vangiăng hồi tháng mười năm 1815 khi qua thành Đinhơ sẽ nhận ra được ngay những đồ cũ nát tồi tàn đó.

Ông đã giữ gìn những đồ vật ấy. Cũng như giữ gìn cả đôi đèn nến bằng bạc để luôn luôn nhớ đến ngày mình bắt đầu làm lại cuộc đời mình. Song ông lại giấu những thứ mang từ nhà tù ra, còn đôi đèn của ông giám mục thì ông đem bày ở giữa nhà.

Ông nhìn trộm ra cửa, sợ cửa đã cài then mà vẫn còn có thể mở được. Rồi không thèm liếc nhìn đến những thứ đồ vật mà bao lâu nay ông bất chấp cả nguy hiểm giữ gìn một cách thành kính, ông vội vàng hấp tấp ôm cả đống quần áo, ba-lô, gậy gộc kia vất cả vào đống lửa.

Ông khép cái tủ giả lại. Để được cẩn mật hơn -kể cẩn mật cũng vô ích, vì trong ấy không còn gì nữa- ông cũng cứ đẩy một cái bàn vào góc tường để che chỗ ấy đi.

Mấy phút sau, ánh lửa đỏ bập bùng chiếu sáng rực cả gian phòng và bức tường trước mặt. Tất cả đều bắt lửa. Cây gậy nổ lách tách và bắn tàn ra đến tận giữa phòng. Cái ba-lô đựng quần áo rách cháy thành tro, để lộ ra một cái gì sang sáng, cúi xuống thì có thể thấy rõ là một đồng hào. Chắc là đồng bốn mươi xu ăn cướp của thằng bé Giecve.

Nhưng ông không nhìn chỗ lửa cháy, mà cứ đi bách bộ đều đều. Bỗng ông trông thấy đôi chân đèn có ánh lửa làm lóe sáng ở trên lò sưởi.

- Kìa, dấu vết Giăng Vangiăng hãy còn rành rành ở cái này đây. Phải hủy nốt đi chứ.

Ông bèn cầm lấy đôi chân đèn. Đống lửa hãy còn đủ để làm cho nó mềm đi, dễ nắn thành một cục không còn phân biệt được hình thù gì nữa.

Ông cúi xuống sưởi một lúc, thấy ấm áp dễ chịu. Ông nói: -"Lửa ấm quá!". Rồi lấy một cây đèn cời than. Chỉ một phút nữa thôi là hai cây nến sẽ nằm giữa đống lửa.

Lúc ấy ông nghe hình như trong mình có tiếng gọi:

- Giăng Vangiăng! Giăng Vangiăng!

Ông rợn cả người, hoảng hốt như đang nghe một cái gì ghê gớm. Tiếng gọi tiếp:

- Ừ, phải đấy, làm nốt đi! Đã làm thì làm cho trót! Hủy những cây đèn này đi! Thủ tiêu vật kỷ niệm này đi! Quên ông giám mục đi! Quên hết đi! Mặc xác thằng Săngmachiơ cho nó chết! Hừ! Giỏi đấy. Mày tự khen mày đi! Thế là giải quyết rồi, nhất định rồi, xong rồi. Thế là người ấy, ông già ấy sẽ bị bắt, bị kết án thay cho mày và sẽ phải mang kiếp sống đầy ô nhục và khủng khiếp. Mà ông ta có hiểu đầu đuôi ra làm sao đâu, có lẽ ông ta cũng chẳng làm gì nên tội; ông ta chỉ bị oan. Chính cái tên mày đã gây nên tai vạ. Chính cái tên mày đã đè trĩu lên người ta như một tội lỗi nặng nề. Được đấy. Còn mày thì mày cứ ở yên mà làm người lương thiện. Cứ vẫn làm ông thị trưởng đáng kính trọng. Cứ làm giàu cho cả tỉnh để nuôi nấng những kẻ nghèo, trông nom những trẻ mồ côi. Cứ sống sung sướng đạo đức để cho mọi người ca ngợi. Trong khi ấy,

trong khi ở đây mày sống trong vui tươi và ánh sáng thì có kẻ phải mặc áo tù, phải đeo tên mày trong cảnh ô nhục, phải mang xiềng cho mày ở chốn ngục hình! Ừ! Thật khéo xếp đặt đấy. Đồ khốn nạn!

Mồ hôi chảy ướt cả trán. Ông giương mắt ngơ ngác nhìn đôi đèn. Nhưng tiếng nói bên trong vẫn chưa dứt. Nó tiếp tục:

- Giăng Vangiăng! Sau đây, chung quanh mày sẽ có bao nhiêu tiếng nói làm ầm lên, kêu to lên để ca tụng công đức của mày. Nhưng có một tiếng nói không ai nghe thấy cả, nó sẽ nguyền rủa mày trong bóng tối. Mày, nghe đây, đồ khốn kiếp! Bao nhiêu lời ca tụng ấy chưa lên đến trời đã rơi rụng hết, chứ lời nguyền rủa kia sẽ lên được tới tai Chúa.

Tiếng nói ấy từ trong đáy lương tâm mà ra. Ban đầu còn nhỏ nhưng dần dần rõ lên và ghê rợn như văng vẳng ngay bên tai. Hình như nó đã thoát ra khỏi người ông và bây giờ ông nghe nó từ bên ngoài nói lại. Câu sau cùng nghe rõ mồn một, khiến ông sợ hãi ngơ ngác nhìn quanh phòng và quát hỏi:

- Có ai ở đây không?

Rồi ông bật cười, cái cười ngây ngô của đứa ngốc.

- Mình rõ khỉ! Có ai vào đây được nữa.

Có người thật đấy, nhưng mà người mà con mắt trần không thể nhìn thấy được.

Ông lại đặt đôi đèn lên lò sưởi.

Ông lại trở lại điệu bách bộ đều đều và buồn thảm khiến cho con người đang ngủ ở bên trong ông bị kích động và choàng tỉnh dậy. Ông thấy vừa dễ chịu vừa có gì

say say. Hình như vào những lúc bối rối nhất người ta lại muốn cử động nhiều để may ra trong khi đi lại có thể tìm thấy một lời khuyên răn, mách bảo trong những gì mình gặp. Ông đi đi lại lại như thế một hồi, và không biết mình đã suy nghĩ đến đâu.

Ông đã lần lượt có hai quyết định khác nhau, nhưng bây giờ thì ông đâm sợ cả hai. Bởi vì cái nào xem ra cũng chẳng hay ho gì đối với ông -Trời ôi! Sao mà trớ trêu! Sao lại sinh ra cái chuyện lão Săngmachiơ này! Chúa như đã cho theo một con đường để đi tới tốt lành, nay bỗng dưng cũng trên con đường ấy lại bị xô xuống vực!

Có lúc ông thử nhìn về tương lai. Tự thú, tự nộp mình, trời ơi! Một niềm chán nản mênh mông như chiếm lấy tâm hồn ông. Biết bao nhiêu điều ông phải từ bỏ, biết bao nhiêu điều ông phải nhận lại! Ông phải từ giã cuộc sống tốt lành, trong sạch, tươi sáng biết bao! Từ giã luôn cả tự do, vinh dự, cả lòng tôn kính của mọi người! Ông sẽ không còn được đi dạo ngoài đồng, sẽ không còn được nghe chim hỏt đầu xuân, sẽ không còn có dịp được cho tiền trẻ! Ông cũng sẽ không còn được trông thấy những cặp mắt dịu dàng nhìn ông với lòng biết ơn và thương mến. Ông sẽ rời khỏi ngôi nhà do ông dựng lên, rời khỏi căn phòng này, căn phòng nhỏ hẹp này! Sao mà lúc này cái gì cũng đáng yêu! Ông cũng sẽ không còn được đọc ở những cuốn sách này, ông cũng sẽ không còn được ngồi viết ở cái bàn con bằng gỗ xấu này! Bà gác cổng, người giúp việc duy nhất của ông, mỗi sáng cũng sẽ không còn mang cà phê cho ông nữa. Thay vào tất cả những cái này, trời đất ơi! Là nhà giam, là gông xiềng, là áo tù, là xà lim, là phản gỗ, tất cả những thứ ghê người mà ông đã từng được nếm mùi vị!

Lại vào lúc tuổi ông đã cao, vào lúc ông đã có địa vị như hiện nay! Giá như còn trẻ thì lại là một nhẽ! Đằng này, có tuổi, mà bất kỳ ai cũng gọi thằng nọ thằng kia, lúc nào cũng bị cai tù lục soát được, đánh đập được, rồi phải xỏ chân vào giày đanh, sáng sáng chiều chiều phải chìa chân cho thợ sắt nện chiếc búa tạ vào xiềng để kiểm tra, phải cúi đầu chịu đựng những cặp mắt tò mò của những người xa lạ, họ lắng nghe bọn lính ngục chỉ mình mà nói: *Tên đó chính là cái tên Giăng Vangiăng ghê gớm, đã từng làm thị trưởng ở Môngtơơi*! Rồi chiều đến, cả người rã rời, mồ hôi nhễ nhại, chiếc mũ xanh trễ xuống tận mắt, từng cặp một cùng bạn tù lại leo lên chiếc thang dây của cái nhà lao bồng bềnh trên mặt nước, dưới làn roi của tên cai ngục! Trời ơi là khổ! Có thể nào số mệnh lại độc ác như một sinh vật có trí tuệ và tai quái như lòng dạ con người !

Ông vùng vẫy hết cách, nhưng không sao thoát khỏi cái song quan luận ở sâu dưới sự nghĩ ngợi hoặc ở lại thiên đường nhưng trở thành quỉ dữ! Hoặc bước xuống địa ngục nhưng lại trở nên thiên thần!

Biết làm thế nào, hở trời! Biết làm thế nào?

Cơn giày vò đau khổ, vất vả bao nhiêu ông mới thoát khỏi, lại một lần nữa ùn ùn kéo đến. Mọi ý nghĩ lại rối tinh lên. Trong lòng như thất vọng nên trí óc như thảng thốt, không còn suy nghĩ gì được nữa. Cái tên Rômanhvin cùng hai câu thơ trong một bài hát nghe tự ngày nào lại như văng vẳng bên tai. Trong trí ông Rômanhvin là một khu rừng nhỏ gần Pari, trai gái đang yêu nhau đến đó hái hoa vào buổi đầu xuân.

Ông lảo đảo ở thân thể cũng như cả trong đầu óc. Ông bước chuệnh choạng như đứa trẻ được thả cho đi một mình.

Có lúc ông cố sức cưỡng mệt mỏi, để lấy lại cái sáng suốt của mình. Một lần sau cùng, ông cố đặt lại và giải quyết dứt khoát vấn đề đã làm ông mệt mỏi đến gần như kiệt sức. Có nên đi tự thú không? Có nên yên lặng ngậm miệng không?

Ông cũng không phân biệt được cái gì rõ ràng cả. Những lý lẽ thoáng qua trong óc từ nãy đến giờ đều thành mờ ảo, lung linh và lần lượt tan dần đi như mây khói. Song ông cảm thấy dù mình có quyết định bề nào đi nữa thì trong người mình cũng có cái gì sẽ chết đi, nhất định là thế, không cách nào tránh được. Mình đang đi vào huyệt, cái bên trái hay cái bên phải thì cũng thế. Mình đang hấp hối đây, không biết là hạnh phúc của mình hay đạo đức của mình hấp hối. Trời! Thế là tất cả bao nhiêu băn khoăn lưỡng lự đều ùa lại chiếm lấy tâm hồn ông. Từ chập tối đến giờ chẳng thấy ông tiến được chút nào.

Ấy, con người khốn khổ ấy đã để tâm hồn mình vật vã trong kinh hoàng như vậy đó. Mười tám thế kỷ trước con người bất hạnh này, đấng thần bí hiện thân của tất cả những thanh cao và đau khổ của nhân loại cũng đã trải qua một cơn dằn vặt. Trong khi các rặng ô-liu run rẩy trước ngọn gió của vô biên phũ phàng, người cũng đã có lúc ngập ngừng khá lâu, đưa tay gạt ra cái cốc đáng sợ tràn đầy bóng tối và đêm đen trong những cõi thẳm sâu đầy tinh tú.

IV

NHỮNG HÌNH THÁI CỦA KHỔ ĐAU TRONG GIẤC NGỦ

Chuông đồng hồ đánh ba giờ. Tính ra ông đi lại mãi trong phòng như thế đã năm tiếng đồng hồ, không hề nghỉ. Bây giờ ông mới ngồi phịch xuống ghế.

Ông thiếp đi và chiêm bao.

Giấc mơ này cũng như phần lớn các giấc mơ khác, chỉ có cái gì đau xót và rủi ro là dính líu đến tình cảnh thực tại, nhưng nó đã để lại cho ông một ấn tượng thật sâu xa. Sau này ông phải ghi lại là vì thế. Nhưng dù giấc chiêm bao ấy như thế nào, câu chuyện đêm nay của ông cũng sẽ không đầy đủ nếu ta bỏ qua không nhắc đến giấc chiêm bao ấy. Chẳng qua đó cũng là câu chuyện bông lông của một tâm hồn đang đau ốm.

Đây là một trong những giấy tờ tự tay ông viết mà nay còn giữ được. Chúng tôi nghĩ cần lục sao ra đây một cách đầy đủ. Bài ghi ấy như sau. Ngoài bìa có mấy chữ: *Giấc chiêm bao của ta đêm hôm ấy.*

"Ta đang đi giữa một vùng nông thôn. Một vùng đồng nội buồn vì chẳng có màu xanh của cây cỏ. Ta cũng không có cảm giác là đã sáng hay đang đêm.

"Ta thơ thẩn dạo chơi với em ta, đứa em trai của thời thơ dại, lâu nay ta không bao giờ nghĩ đến và ta cũng đã bẵng quên, hầu như không còn nhớ đến nữa.

"Chúng tôi nói chuyện với nhau. Chúng tôi cũng gặp nhiều kẻ qua đường. Chúng tôi nói chuyện về một cô láng giềng ngày xưa. Từ ngày cô ra ở cạnh đường, cô thường để

cửa sổ mở rộng trong khi làm việc. Chúng tôi nói chuyện với nhau nhưng hơi thấy lành lạnh vì cái cửa sổ mở toang ấy.

"Trên cánh đồng chẳng có lấy một bóng cây.

"Một người đàn ông đi ngang gần chúng tôi. Hắn ta trần truồng, toàn thân xám như tro, cưỡi một con ngựa màu đất. Trên đầu hắn chẳng có sợi tóc nào, chỉ thấy có cái sọ và các mạch máu xanh. Trên tay hắn cầm một cái que mềm như một cành nho nhưng nặng như thỏi sắt. Hắn cưỡi ngựa đi qua, chẳng nói với chúng tôi một lời nào.

"Em ta bảo: Chúng mình đi vào con đường trũng này đi. Trước mắt chúng tôi là một lối đi thụt sâu xuống, chẳng bụi bờ, rêu rác gì. Ở đấy cái gì cũng xam xám màu đất, cả nền trời cũng vậy. Đi được vài bước, ta hỏi thì chẳng có tiếng trả lời. Ra em ta đã biến đâu mất. Ta đi vào một làng trước mặt. Ta có cảm tưởng đó là làng Rômanhvin (tại sao lại Rômanhvin? ([1])). Con đường đầu tiên ta bước chân đến thật vắng vẻ. Ta rẽ qua một con đường nữa. Chỗ ngã ba hai đường gặp nhau, một người đàn ông đang đứng sát bờ tường. Ta hỏi: Đây là xứ gì? Đây là đâu thế này? Người ấy không đáp. Ta trông thấy một ngôi nhà cửa mở, ta bước vào.

"Căn phòng đầu tiên vắng vẻ. Ta đi vào căn thứ hai. Đằng sau cánh cửa, một người đàn ông đang đứng sát vách. Ta hỏi: Đây là nhà ai? Đây là đâu thế này? Người ấy không đáp. Quanh nhà có vườn.

"Ta rời ngôi nhà đi thẳng ra vườn. Vườn vắng vẻ. Một người đàn ông đang đứng sau gốc cây đầu tiên. Ta hỏi:

(1) Ngoặc đơn này là tự tay Giăng Vangiăng ghi (chú thích ở nguyên bản).

Vườn gì thế này? Đây là đâu thế này? Người ấy không đáp.

"Ta đi vẩn vơ trong làng và bỗng nhiên nhận ra đây lại là một thành phố. Phố xá đều vắng ngắt. Cửa ngõ đều mở toang. Chẳng có bóng một sinh vật nào đi trên đường phố, qua lại trong nhà, dạo chơi các vườn. Nhưng đằng sau mỗi góc tường, mỗi cánh cửa, mỗi gốc cây lại có một người lặng thinh đứng đó. Và mỗi lúc cũng chỉ thấy có một người. Họ lặng lẽ nhìn ta đi qua.

"Ta rời khỏi thành phố bước đi trên cánh đồng.

"Một chốc sau quay lại ta thấy một đám đông người đi theo sau ta. Ta nhận ra đó là những người ta đã gặp trong phố. Trên đầu họ trông rất lạ. Họ không ra vẻ gì vội vã nhưng họ đi nhanh hơn ta. Bước chân họ im lìm không một tiếng động. Trong chốc lát đám người ấy bắt kịp ta và bao quanh lấy ta. Người nào người nấy gương mặt đều một màu đất.

"Bấy giờ, người đầu tiên ta gặp và hỏi đường khi vào trong phố, mới lên tiếng hỏi ta: Anh đi đâu? Anh không biết là anh chết đã lâu rồi sao?

"Ta há mồm định nói thì chợt thấy chung quanh ta chẳng còn ai nữa."

Lúc tỉnh dậy, ông thấy trong mình lạnh ngắt. Một luồng gió lạnh như gió sớm thổi vào đẩy quay đôi cánh cửa bỏ ngỏ. Lửa trong lò sưởi đã tắt ngấm tự bao giờ. Ngọn nến cháy gần tàn. Bên ngoài hãy còn tối đen như mực.

Ông đứng dậy đi ra phía cửa sổ. Trên trời vẫn không có sao. Từ trên cửa sổ ông trông thấy cả dưới sàn và đường

phố. Có tiếng gì bỗng nhiên lộp cộp trên mặt đất, khiến ông chú ý nhìn xuống.

Ông trông thấy hai ngôi sao đỏ đang lập loè trong bóng tối một cách kỳ dị. Lúc ấy tâm thần ông còn đương bàng hoàng chưa tỉnh hẳn giấc mơ. Ông tự nhủ:

Kìa, trời không sao. Bây giờ lại có sao ở dưới đất.

Phút loạng choạng ấy tan ngay. Một tiếng động như tiếng động ban nãy làm ông tỉnh hẳn. Ông nhìn kỹ và nhận ra hai ngôi sao ấy là đôi đèn xe. Nhờ ánh đèn ông mới nhìn rõ hình thù chiếc xe: một cỗ xe ngựa nhỏ không mui đóng một con ngựa trắng. Tiếng lộp cộp ông nghe ban nãy chính là tiếng chân ngựa trên đường lát đá.

- Xe nào thế nhỉ? Ai mà đến đây sớm thế?

Lúc ấy có tiếng gõ khẽ ở cửa buồng. Ông run từ đầu đến chân và thét lên:

- Ai đấy ?

Có tiếng trả lời:

- Thưa ông, tôi đây.

Ông nhận ra tiếng bà gác cổng.

- Chứ cái gì thế ?

- Thưa ông sắp năm giờ rồi:

- Thì việc gì đến tôi ?

- Thưa ông, có xe rồi.

- Xe nào ?

- Bẩm xe ngựa.

- Xe ngựa nào ?

- Thế ông không cho gọi một cái xe ngựa a ?

- Không.

- Sao anh đánh xe lại bảo đến đón ông thị trưởng ?

- Anh đánh xe nào ?

- Anh đánh xe nhà ông Xcôphơle.

- Ông Xcôphơle ?

Cái tên ấy làm ông giật mình như có tia chớp lóe ngay trước mặt.

- A phải, ông Xcôphơle.

Giá bà gác cổng nhìn thấy ông lúc ấy, chắc mụ phải hoảng kinh. Lặng yên một lúc lâu. Ông trân trân nhìn ngọn nến và lấy ngón tay vê những giọt sáp nóng bỏng chảy xuống chung quanh. Bà già vẫn đứng đợi.

Mụ đánh bạo hỏi lại:

- Bẩm, thế tôi phải trả lời người ta thế nào?

- Bảo là được rồi, tôi xuống ngay.

V

GẬY CHỌC BÁNH XE

Thuở ấy công việc bưu chính từ Arát đi Mông tơrơi Xuya Me còn dùng loại xe thư nho nhỏ thời Đế chế. Đó là những chiếc xe ngựa nhẹ, hai bánh, trong lót da vàng, dưới có lò so ống, hai chỗ ngồi, một cho nhân viên bưu chính, một cho hành khách. Bánh xe trang bị những moa-ơ dài thườn thượt rất đáng sợ làm cho các loại xe khỏe phải tránh xa. Loại xe này hiện nay bên Đức còn thấy dùng. Thư từ giấy má để vào một cái thùng bầu dục dài gắn chặt vào sau xe. Thùng sơn màu đen, còn xe thì màu vàng.

Ngày nay chẳng có gì giống loại xe ấy. Hình thù nó có cái gì kỳ dị, gù gù, nhất là lúc đứng xa trông nó đi qua và bò trên đường cái ở chân trời, thì hệt như con mối, thân hình đàng trước có một tí mà kéo theo đàng sau một cái mông to tướng. Tuy thế tốc độ của nó cũng khá nhanh.

Đêm nào cũng thế, chuyến xe thư Arát đợi chuyến xe từ Pari đến mới khởi hành vào khoảng một giờ sáng, thì gần năm giờ sáng đã đến Môngtơrơi Xuya Me.

Đêm hôm ấy, cái xe thư từ Hetđanh xuôi Môngtơrơi, lúc qua chỗ rẽ đầu phố để tiến vào trong tỉnh, lại đâm phải một cỗ xe nhỏ không mui có một con ngựa bạch kéo, đang đi ngược trở lại. Trên cỗ xe nhỏ có một người ngồi khoác chiếc áo tơi. Bánh xe của chiếc xe nhỏ bị húc khá mạnh. Người tải xe thư thét người kia đứng lại, song y không nghe thấy, cứ phóng nhanh.

- Nhà anh này đi đâu mà vội đến thế nhỉ?

Con người vội vàng đó chính là người mà ta vừa thấy quần quại một cách đáng thương trên kia.

Ông ấy đi đâu thế? Chính ông cũng không biết. Sao lại vội vàng thế? Cũng không biết nốt. Ông cứ nhằm đằng trước đi bừa. Đi đâu? Chắc là đi Arát. Hay là đi nơi khác cũng nên. Có lúc ông cảm thấy như thế và rùng mình.

Ông đi vào đêm tối, như vào một hang sâu. Có cái gì nó đẩy, nó lôi cuốn. Tâm trạng ông lúc ấy ra sao, không ai nói được nhưng rồi ai cũng sẽ hiểu cả. Trong đời người ta, ai mà chẳng có một lần vào qua cái hang tối tăm của sự huyền bí?

Thật ra ông chưa giải quyết gì, chưa định đoạt gì, mà cũng chưa quyết định gì, chưa làm gì cả. Chưa có một

mệnh lệnh lương tâm nào cho thật dứt khoát. Chưa bao giờ như lúc này ông lại thấy mình hoàn toàn giống lúc đầu, lúc chưa bước vào suy nghĩ.

Tại sao ông lại đi Arát?

Ông nhớ lại những lời ông tự nhủ lúc đi thuê xe của lão Xcôphơle:

- Chuyến này đi kết quả thế nào mặc dù, nhưng được trông tận mắt, nghe tận tai, được tự mình xét đoán việc mình, cũng chẳng có hại gì. Biết rõ cái gì đã xảy ra, vẫn là cẩn thận hơn: -Không được quan sát và nghiên cứu thì quyết định thế nào được.- Ở xa thấy cái gì cũng cho là trái núi được cả. Rút cục lúc đã thấy thằng cha Săngmachiơ cũng là tuồng khốn nạn thôi, thì lương tâm sẽ nhẹ nhõm đi, ông sẽ để mặc nó đi tù thay cho mình. -Thật ra sẽ có cả Giave và những tên Bơvơrê, Sơninđiơ, Côsơpay, những tù khổ sai có quen biết từ trước, nhưng bây giờ chắc hẳn là không thể nhận ra ông được nữa. -Chà, khéo lẩn thẩn! -Thằng Giave bây giờ thì đâu còn dám nghi ngờ ông nữa.- Mọi sự đoán phỏng, đồ chừng lại càng cứ đinh ninh.- Vậy thì còn ngại gì nữa.

Chắc chắn đây là một bước không may, nhưng rồi ông sẽ vượt qua. -Cuối cùng dù có xấu xa đến đâu đi nữa, đời ông, ông cũng đang nắm trong tay, ông đang làm chủ. Và ông bám riết lấy ý này.

Thực ra, trong thâm tâm, ông nghĩ giá đừng đi Arát thì hơn. Tuy vậy ông vẫn cứ đi.

Vừa suy nghĩ, ông vừa ra roi. Con ngựa vẫn chạy đều nước kiệu, mỗi giờ đúng hai dặm rưỡi.

Xe càng tiến, ông càng thấy lòng mình như có gì lùi lại. Trời hừng sáng thì ông đã ra đến ngoài đồng

rộng. Thị xã Môngtơrơi Xuya Me đã ở tít sau lưng. Ông nhìn chân trời trắng dần ra. Ông nhìn nhưng chẳng trông thấy gì mọi hình dáng lạnh lẽo của buổi sớm mùa đông đang hiện ra trước mắt. Sáng sớm cũng như chiều hôm vẫn có những hình bóng kỳ dị của nó. Ông không trông thấy, cũng chẳng hay biết gì, nhưng những hình cây, bóng núi thẫm đen kia như thấm vào người ông làm cho tình trạng hỗn loạn ác liệt trong tâm hồn ông càng thêm não nề, rùng rợn.

Mỗi lần xe đi qua gần một ngôi nhà chơ vơ hai bên đường, ông lại tự bảo mình: "Trong đó thế mà có người đang ngủ!".

Tiếng vó ngựa đi nước kiệu, tiếng nhạc ngựa, tiếng xe rít dưới mặt đường, hòa thành một thứ âm thanh dìu dịu, đều đều. Người vui nghe cũng hay hay, nhưng kẻ buồn lại thấy vô cùng ảo não. Sáng rõ thì đến Hetđanh. Ông dừng lại trước một quán cơm cho ngựa nghỉ hơi và mua lúa cho ngựa ăn.

Con ngựa ấy, cứ như lời lão Xcôphơle, là một giống ngựa nhỏ xứ Bulône, đầu lớn, bụng to, cổ nhỏ, nhưng được cái ức nở, mông rộng, đùi nhỏ và gân guốc, chân chắc nịch; giống ngựa này trông thì xấu dáng, nhưng dai sức và không bệnh tật. Đi một lèo hai giờ những năm dặm mà mông không có một giọt mồ hôi.

Ông không xuống xe. Người bồi ngựa ở quán hàng mang lúa cho ngựa ăn bỗng dưng cúi xuống ngắm chiếc bánh xe bên trái.

- Đi xa mà xe thế này, hở ông?

Ông đang mơ màng nghĩ đâu đâu, chỉ hỏi:

- Sao vậy ?

- Ông từ xa đến ư ?

- Cách đây năm dặm.

- Chà !

- Tại sao anh lại: Chà ?

Người bồi ngựa lại cúi xuống, lặng yên một lúc, nhìn kỹ chiếc bánh xe rồi ngẩng lên:

- Bánh như thế này đã đi năm dặm thì có thể được, chứ cứ thế này mà đi nữa thì chắc không đến một phần tư dặm nữa đâu.

Ông vội nhảy xuống đất:

- Anh bảo sao?

- Tôi bảo rằng ông đi những năm dặm đường mà cả người lẫn ngựa không lăn xuống cái hố sâu nào ở bên đường cái, thì là chuyện lạ thật. Này ông nhìn xem.

Quả thật bánh xe bị hư nặng.

Cái xe thư đã va vào làm nứt hai cái căm xe và toác mất cái trục, khiến chiếc đanh ốc đầu trục lọng cả ra.

- Ở đây có thợ chữa xe nào không anh?

- Thưa ông, có chứ.

- Nhờ anh đi gọi giúp cho một tí.

- Ông ấy ở ngay kia, cách mấy bước thôi. Này bác Buôcgaya!

Bác Buôcgaya, thợ chữa xe đang đứng ngay trước cửa hàng. Bác đến xem cái bánh xe rồi nhăn mặt lại như một nhà giải phẫu nhìn một cái chân gẫy.

- Bác có thể chữa ngay cái bánh xe này được không?

- Thưa, được.

- Bao giờ thì xong để lại đi được?

- Đến mai.

- Đến mai?

- Phải một ngày thẳng thắt mới xong. Ông vội lắm hay sao?

- Vội lắm. Có gì cũng một giờ nữa tôi phải đi ngay.

- Thưa ông, không thể được đâu.

- Ông lấy bao nhiêu tôi cũng đành cả.

- Bao nhiêu cũng chịu.

- Nếu thế thì hai giờ vậy.

- Nội ngày hôm nay thì không được. Phải thay hai cái nan và cái trục. Thế nào cũng phải đến mai ông mới đi được.

- Việc của tôi không thể chờ đến mai được. Hay là đừng chữa nữa, thay cái bánh xe ấy đi có được không?

- Thay thế nào?

- Bác làm nghề chữa xe phải không?

- Thưa ông, hẳn thế.

- Thế bác không có cái bánh xe nào để lại cho tôi được à? Thay bánh khác thì đi được ngay.

- Một cái bánh xe dự trữ?

- Phải.

- Làm gì có bánh xe làm sẵn cho cái xe của ông. Bánh xe thì phải có đôi, ngẫu nhiên thì làm gì có hai chiếc bằng y nhau được.

- Nếu vậy thì bán cho tôi cả đôi vậy.

- Thưa ông có phải bánh xe nào cũng vừa với trục nào đâu.

- Cứ lắp thử xem.

- Thưa, vô ích. Tôi chỉ bán có bánh xe bò thôi. Đây là một nơi quê mùa ông ạ.

- Bác có cỗ xe một ngựa nào cho thuê không?

Chỉ nhìn qua, bác thợ chữa xe cũng biết là xe cho thuê. Bác nhún vai:

- Xe người ta cho thuê mà ông làm như thế à ? Có xe tôi cũng không cho ông thuê đâu.

- Thế thì bán vậy.

- Nói thế, chứ tôi cũng không có.

- Sao! Không có cả đến một cái xe tập tàng à ? Xe nào tôi đi cũng được, đấy ông coi.

- Đây là nơi quê mùa. Trong chái nhà tôi cũng có một cỗ xe song mã cũ, của một ông tư sản ngoài tỉnh gửi giữ hộ mà chẳng bao giờ ông ta dùng đến. Tôi cũng muốn cho ông thuê, có thiệt gì đến tôi đâu ! Nhưng đừng để cho người có xe trông thấy. Vả lại đó là một cỗ xe song mã, phải đóng hai ngựa.

- Tôi lấy ngựa trạm.

- Ông đi đâu?

- Đi Arát.

- Và ông muốn tới nơi nội hôm nay sao?

- Chính thế.

- Đi bằng ngựa trạm?

- Chứ sao?

- Bốn giờ sáng mới tới nơi cũng được chứ?

- Nhất định không được.

- Vì rằng cần phải nói để ông biết là hễ lấy ngựa trạm... Ông có giấy thông hành không?

- Có.

- Thế này nhé, có đi bằng ngựa trạm chăng nữa cũng sáng mai ông mới đến Arát. Đây là con đường đi tắt. Trong các trạm cái gì cũng thiếu thốn, ngựa ở cả ngoài đồng. Vì đang mùa dùng cày lớn cần nhiều ngựa, nên ở đâu cũng đem ra dùng hết, cả ngựa trạm cũng thế. Đến mỗi trạm ông phải chờ ít nhất là ba bốn tiếng đồng hồ. Mà ngựa chỉ đi bước một vì đường lắm chỗ lên dốc quá.

- Thôi, tôi cưỡi ngựa vậy. Tháo hộ tôi cỗ xe. Quanh đây hẳn là có thể mua được một cỗ yên.

- Yên thì có. Nhưng con ngựa này có chịu để cho cưỡi không?

- Ừ nhỉ, bác nhắc tôi mới nhớ ra. Nó không chịu để cưỡi thật.

- Làm thế nào?

- Nhưng có thể thuê được một con ngựa khác ở trong làng chứ ?

- Một con ngựa để đi một mạch đến Arát !

- Phải.

- Cần một con ngựa như thế thì ở vùng này không có đâu. Nếu có thì ông phải mua chứ người ta biết ông là ai mà cho thuê. Nhưng làm gì có mà mua với thuê; ông

trả đến năm trăm phơrăng, một nghìn cũng không có đâu.

- Làm thế nào bây giờ?

- Tôi bảo thật nhé! Tốt hơn hết là để tôi chữa cho ông cái bánh xe và mai ông hãy đi.

- Mai thì chậm mất.

- Chà!

- Chứ không còn chuyến xe thư đi Arát à? Lúc nào nó qua đây?

- Tối mai. Hai chuyến xe thư đều chạy ban đêm cả, chuyến xuôi cũng như chuyến ngược.

- Thế nào? Chữa một cái bánh xe mà phải những một ngày à?

- Một ngày mà phải làm cật lực kia đấy.

- Nếu hai người thì sao?

- Có mười người cũng thế thôi.

- Hay là lấy dây thừng mà buộc nan hoa lại?

- Nan hoa thì được, nhưng trục xe thì sao? Còn cái vành bánh cũng chẳng ra sao nữa.

- Trong làng còn có ai cho thuê xe không?

Anh bồi ngựa và bác thợ chữa xe lắc đầu một lượt:

- Không.

Ông bỗng thấy trong lòng vui vẻ vô cùng.

Trong việc này hẳn là có trời dun dủi. Trời đã làm gẫy bánh xe để ông phải dừng lại ở dọc đường. Sự việc xảy ra như có vẻ buộc ông đầu hàng, nhưng ông không chịu. Ông vẫn cố hết sức để đi cho đến nơi. Ông đã thành thực và

cẩn thận tìm hết phương này đến phương khác. Ông không quản rét mướt, nhọc mệt và tốn kém. Không có điều gì để ông tự chê trách được mình. Không đi được xa hơn nữa có phải là tại ở ông đâu. Ông không có tội lỗi gì hết, lương tâm ông có muốn như thế đâu, đó là tại lòng trời. Ông thở đánh phào một cái. Từ hôm ông tiếp chuyện Giave, lần này là lần đầu ông thấy mình được khoan khoái và nhẹ nhàng.

Cái bàn tay bóp ngặt trái tim ông gần một ngày một đêm nay, bây giờ hình như ông mới thấy nó chịu buông ra.

Ông thấy Chúa như đã đứng về phía ông và cho biết rõ ý Chúa. Ông nghĩ mình đã cố gắng hết sức mình rồi. Bây giờ thì ông có thể bình tâm và quay trở về.

Nếu câu chuyện chỉ có hai người nói với nhau trong phòng trọ, không một ai chứng kiến, không một ai nghe thấy, thì có lẽ cũng chỉ kể đến thế thôi và chắc không còn phải kể thêm những việc xảy ra sau đây nữa. Nhưng câu chuyện lại nói với nhau ở giữa đường phố. Mà có người bàn bạc với nhau ở ngoài đường thì y như là có ngay đám đông xúm quanh lại nghe. Thiên hạ bao giờ cũng thích xem. Trong khi ông hỏi người thợ chữa xe, có hai ba người qua đường cũng dừng lại. Nghe được một lúc, một thằng bé, chẳng ai để ý đến, bỗng len ra khỏi đám đông và chạy vụt đi.

Vừa lúc ông cân nhắc xong định quay trở lại, thằng bé dắt một bà già đến. Bà già hỏi:

- Thưa ông, thằng con tôi có nói là ông muốn thuê một cái xe phải không?

Câu nói bình thường ấy ở miệng một bà già đi theo một đứa trẻ con, làm ông toát mồ hôi. Cái bàn tay vừa buông

ông, bây giờ ông lại thấy hiện ra trong bóng tối, chực túm lấy ông trở lại. Ông đáp:

- Phải, bà lão ạ! Tôi đang hỏi thuê một cái xe.

Rồi ông lại vội nói luôn:

- Nhưng ở đây không ai có.

- Có đấy -bà già nói.

- Ở đâu thế? -Người chữa xe hỏi.

- Ở nhà tôi.

Ông giật mình. Cái bàn tay tàn khốc đã lại túm lấy ông.

Bà già quả có một cái xe tồi đan bằng song, vẫn bỏ ở nhà trại. Người chữa xe và người bồi ngựa sợ mất món khách liền chen vào:

- Xe với pháo gì thứ ấy. Trục không lò so. Các tấm ván ngồi cũng có dây da treo vào thành xe đấy, nhưng để mãi ngoài mưa nắng, bánh xe đã han rỉ cả. Cũng chẳng đi xa hơn được cái xe của ông đâu. Thật là một cái xe tã. Ông chẳng nên đi chút nào, v.v...

Điều đó có thật, nhưng cái xe tồi ấy, cái xe tã ấy, cái vật ấy, gọi là gì thì gọi, vẫn lăn được với hai bánh và có thể tới Árát.

Ông trả theo giá họ đòi. Ông để lại cái xe độc mã cho thợ chữa, hẹn khi về sẽ lấy. Xong ông bảo dắt con ngựa trắng đóng vào cái xe mới thuê và lên đường.

Lúc xe chuyển bánh ông phải tự nhận với mình là một phút trước đây ông đã thoáng có ý vui mừng mình sẽ không đi đến nơi mình đã định. Ông xem xét lại nỗi vui mừng ấy, trong lòng thấy chừng như nổi giận, và

cho mình thậm vô lý. Tại sao lại vui nếu phải quay trở lại? Dù sao, đi đây là hoàn toàn tự nguyện, chẳng ai ép buộc cả.

Và, đúng như thế, ông mong chỉ gặp những điều ông ao ước, nhưng nào được như vậy.

Xe vừa ra khỏi Hetđanh ông nghe có tiếng gọi to:

"Đỗ lại! Đỗ lại!" Ông dừng xe lại một cách đột ngột dường như trong tay cương vẫn có cái gì run rẩy, co giật tưởng như đang có một ước vọng gì. Té ra là thằng bé con bà cụ già.

- Thưa ông -nó nói- tôi đã giúp ông chạy ra chiếc xe.

- Thì sao?

- Ông chưa thưởng gì cho tôi cả.

Vốn là người ai xin cũng cho và cho rất dễ dàng, thế mà lần này ông lại nghĩ là thằng bé đòi hỏi một cách vô lý, hầu như trâng tráo. Ông bảo:

- À, mày hả, nhãi con? Chẳng cho mày gì sất!

Ông ra roi giục ngựa và tế thẳng.

Ông đã dừng lại ở Hetđanh mất nhiều thời giờ nên muốn đi cho chóng để bù lại. Con ngựa nhỏ nhưng hăng, sức một mà như hai. Bấy giờ đang độ tháng hai, trời mới mưa, đường xấu lắm. Xe không phải là xe tốt, vừa nặng vừa xóc. Lại phải leo những dốc là dốc. Phải mất bốn tiếng mới đi được từ Hetđanh đến Xanh Pôn. Bốn giờ mà đi được có năm dặm.

Đến Xanh Pôn gặp hàng quán, ông cho tháo ngựa dắt vào tàu.

Ông y hẹn với lão Xcôphơle thân đứng lại trông người ta cho ngựa ăn. Trong trí lại vẩn vơ nhiều ý nghĩ buồn rầu, lộn xộn. Vợ người chủ quán bước vào hỏi:

- Thưa, ông có dùng cơm chăng?

- Ừ, phải đấy, tôi cũng đang đói bụng.

Ông theo người đàn bà mặt mũi tươi tỉnh, vui vẻ ấy đi vào một căn phòng thấp kê một dãy bàn phủ vải nhựa.

- Nhanh nhanh lên, tôi vội, cần phải đi ngay.

Một người ở gái to béo, người Phơlamăng, tất tả bày bàn. Ông ngồi nhìn, thấy trong người dễ chịu.

- À ra thế, ta chưa ăn tí gì cả.

Cơm dọn ra. Ông vồ lấy mẩu bánh, cắn một miếng rồi từ từ đặt xuống bàn và không đụng đến nữa. Ông bảo người phu xe đang ăn ở bên cạnh:

- Sao mà bánh của họ đắng thế nhỉ?

Người kia vốn là người Đức nên không hiểu ông nói gì.

Ông trở vào tàu ngựa.

Một giờ sau, ông ra khỏi Xanh Pôn và đi về phía Tanhcơ, là nơi chỉ còn cách Arát có năm dặm.

Trên quãng đường này ông làm gì? Nghĩ gì? Cũng như buổi sớm nay ông nhìn các rặng cây, các mái rạ, những thửa ruộng gieo trồng xong, những phong cảnh biến đi và tan vỡ ở mỗi khuỷu đường. Nhìn như vậy có khi cũng làm cho tâm hồn khuây khỏa, đỡ nghĩ ngợi. Muôn vật diễn qua trước mắt, cái nào cũng mới thấy lần đầu nhưng cũng là lần chót, hỏi có gì buồn và sâu sắc bằng! Đi đường là vừa sinh ra lại vừa chết đi từng giờ từng phút. Có lẽ trong chỗ mơ hồ nhất của tâm trí mình, ông đã đem so sánh những phong cảnh đổi thay trước mắt kia với cuộc đời. Mọi sự trên đời đều như mãi mãi kéo nhau chạy qua trước mắt ta. Tối và sáng lẫn lộn; sáng lòe đó rồi tối mờ đó. Người ta nhìn, người ta vội vã bước nhanh, người ta giơ tay giữ lại

cái đang trôi qua. Mỗi một sự biến xảy ra là một chỗ ngoặt. Và thình lình tuổi già kéo đến. Người ta có cảm tưởng như bị một cái xóc, rồi chung quanh đều tối om, chỉ nhận ra được một cái cửa tối; con ngựa ủ rũ của cuộc đời lâu nay lếch thếch kéo mình đi, bỗng nhiên dừng lại, và loáng thoáng có kẻ nào lờ mờ xa lạ đang mở ngựa ra trong bóng tối.

Tháng đông ngày ngắn. Trời xẩm tối. Lũ trẻ con đi học về, nhìn người khách này vừa đến Tanhcơ. Xe không dừng lại. Vừa ra khỏi đầu làng, người phu lục lộ đang rải đá trên đường, ngước lên nói:

- Con ngựa này mệt lắm rồi.

Quả thực, lúc bấy giờ, con ngựa chỉ còn đi được bước một. Người phu lục lộ lại hỏi:

- Ông đi Arát phải không?

- Phải.

- Cứ cái điệu này mà đi thì không tới sớm được đâu.

Ông kìm cương lại, hỏi:

- Từ đây đi Arát còn bao nhiêu đường nữa?

- Gần những bảy dặm.

- Sao thế? Trong sách của bưu chính chỉ ghi có năm dặm một phần tư kia mà.

- A! Chắc ông không biết là đường đang chữa? Chỉ đi khỏi đây độ mười lăm phút là nghẽn đường, không thể đi xa hơn được.

- Thế à?

- Ông rẽ sang trái theo con đường đi Carăngxi, ông qua sông và đi đến Căngbơlanh thì ông rẽ sang phải, đấy là đường đi từ Môngxanh Têloa đến Arát.

- Nhưng trời tối rồi, tôi lạc đường mất.

- Ông không phải là người vùng này sao?

- Không.

- Đã thế, đường đi lại ngang tắt. Này, ông này, tôi khuyên ông câu này nhé! Ngựa của ông nhọc lắm rồi, ông nên trở lại Tanhcơ. Ở đấy có chỗ trọ tốt. Nghỉ lại, mai hãy đi Arát.

- Tôi phải đến đấy ngay tối nay.

- Thế thì lại khác. Ông vẫn cứ nên trở lại quán trọ và tìm thêm con ngựa nữa. Người giữ ngựa sẽ theo dẫn đường cho.

Ông nghe lời người phu lục lộ quay trở lại. Và nửa giờ sau kèm thêm một con ngựa tốt, lại phóng xe trở qua chỗ đó. Người giữ ngựa đóng vai đánh xe, ngồi ở một bên càng xe. Ông cảm thấy mình đã để mất quá nhiều thì giờ.

Trời đã tối mịt.

Rẽ sang con đường ngang thì lại càng thảm hại, bánh xe hết lọt xuống ổ gà này lại rơi vào ổ gà khác. Ông bảo người đánh xe:

- Cứ cho đi nước kiệu nhé, tiền thưởng gấp đôi đấy.

Xe vồng lên một cái mạnh. Chiếc đòn ngang buộc ngựa gãy đôi.

- Thưa ông, gẫy mất đòn ngang rồi. Biết đóng ngựa cách nào bây giờ? Đường này xấu quá. Trời lại tối nữa. Hay là ông trở lại Tanhcơ nghỉ, mai đi Arát cũng đến được sớm, chẳng ngại gì.

Ông chỉ trả lời:

Chú có mẩu thừng và con dao nào không?

- Thưa có.

Ông chặt một cành cây làm đòn ngang.

Vì thế lại mất thêm hai mươi phút nữa, nhưng sau đó ông lại cho ngựa phóng nhanh hơn. Cánh đồng tối mịt. Sương mù từng đám đen là là trên các ngọn đồi và lên cao dần như khói. Trên cao, mây có những dạng sáng trắng mờ mờ. Gió bể thổi mạnh làm cho bốn phía chân trời nghe có tiếng ầm ầm như có ai đang xô đẩy bàn ghế. Trong cảnh vật thoáng thấy lờ mờ, cái gì trông cũng có dáng hãi hùng. Bao nhiêu vật đang rùng mình trong cảnh đêm gió lộng này!

Ông thấy hơi lạnh thấm vào người. Từ tối hôm qua ông chưa có hột cơm nào trong bụng. Ông mơ hồ nhớ lại cái đêm ông đi giữa cánh đồng rộng ngoại thành Đinhơ. Đã tám năm mà hình như mới hôm qua.

Có tiếng chuông điểm giờ ở nhà thờ nào đằng xa. Ông hỏi người đánh xe:

- Mấy giờ thế nhỉ?

- Thưa ông bảy giờ. Tám giờ ta tới Arát. Chỉ còn ba dặm nữa thôi.

Lúc ấy ông mới chợt nghĩ ra một điều và lấy làm lạ sao không nghĩ đến sớm hơn: Có lẽ vất vả thế này cũng vô ích; không biết tòa xử vào mấy giờ, điều ấy đáng lẽ phải hỏi đã chứ. Thật là gàn dở, cứ phóng bừa lên trước, không suy tính xem có ích lợi gì không. Rồi ông nhẩm tính trong bụng: Thường thì phiên tòa đại hình bắt đầu xử từ chín giờ sáng; mà việc này cũng chóng thôi; ăn trộm táo thì xử mấy tí; rồi chỉ còn có vấn đề lý lịch nữa thôi; bốn năm người khai chứng; luật sư cũng chẳng có gì lắm để nói; đến nơi thì có lẽ đã xong đâu vào đấy cả rồi.

Người đánh xe cứ ra roi. Xe đã qua sông và làng Môngxanh Têloa lùi lại sau xa.

Đêm mỗi lúc một tối thêm.

VI

BÀ XƠ XEMPƠLIT ĐƯỢC THỬ THÁCH

Giữa lúc ấy Phăngtin đang vui.

Đêm trước chị ngủ không yên. Ho xé phổi, sốt tăng gấp bội, suốt đêm mộng mị -Buổi sáng lúc thầy thuốc vào thăm, chị còn đương cơn mê sảng. Ông ta có vẻ lo ngại và dặn hễ ông Mađơlen đến thì cho gọi ông ta ngay.

Cả buổi sáng chị rầu rầu ít nói, tay gập gập cái khăn trải giường, miệng lẩm bẩm tính như đang ước lượng từng chặng đường. Hai con mắt sâu hoắm nhìn trừng trừng. Cái nhìn không còn tinh thần, song chốc chốc lại sáng lên, long lanh như ngôi sao. Hình như khi một giờ u ám nào đó sắp đến thì ánh sáng trên trời lại lùa vào những cặp mắt đã tắt hết ánh sáng của trần gian!

Mỗi lần bà xơ Xempơlit hỏi chị thấy trong người thế nào, chị lại trả lời vẻn vẹn một câu:

- Đỡ nhiều rồi. Tôi muốn gặp ông Mađơlen.

Mấy tháng trước, khi Phăngtin vừa mất sự e lệ cuối cùng, sợ xấu hổ cuối cùng và niềm vui cuối cùng thì chị là cái bóng của chị; đến nay thì chị đã hóa ra cái bóng ma của chị. Sự đớn đau thể xác đã hoàn thành sự nghiệp đau khổ tinh thần. Con người hăm lăm tuổi ấy thế mà trán nhăn, má chảy, cánh mũi lép kẹp, răng lồi, mặt chì, cổ xương xẩu, xương vai nhô lên, tay chân khẳng khiu, nước da sạm, trong mớ tóc vàng mọc lại đã lẫn nhiều sợi bạc. Than ôi! Bệnh hoạn làm nên tuổi già là thế đấy!

Đến trưa, thầy thuốc lại đến, dặn dò về thuốc thang rồi hỏi ông thị trưởng đã sang thăm chưa và lắc đầu.

Ông Mađơlen ngày nào cũng đến thăm Phăngtin vào lúc ba giờ chiều. Ông luôn giữ đúng giờ, đúng giờ khắc cũng là dấu hiệu của sự tốt bụng.

Gần đến hai giờ rưỡi, chị bắt đầu bồn chồn. Chỉ hai mươi phút đồng hồ, chị hỏi bà xơ đến hơn mười lần:

- Thưa bà, mấy giờ rồi?

Chuông đồng hồ đánh ba giờ. Đến tiếng thứ ba, Phăngtin lúc thường khó nhọc lắm mới trở mình được, bỗng dưng ngồi nhổm dậy. Chị lẩy bẩy, chắp hai bàn tay xương xẩu, vàng bủng lại, thở dài một tiếng như cố cất một cái gì đang đè xuống lồng ngực. Chị quay lại nhìn ra cửa.

Không có ai vào, cửa vẫn đóng chặt.

Chị ngồi như thế đến mười lăm phút, mắt dán vào cánh cửa, yên lặng, nhịn thở. Bà xơ chẳng dám hỏi han gì.

Đồng hồ nhà thờ đánh ba giờ mười lăm. Phăngtin gieo mình xuống gối. Chị vẫn không nói năng gì, ngón tay trở lại gấp gấp cái khăn trải giường.

Nửa giờ qua, rồi một giờ. Vẫn chẳng có ai đến cả. Mỗi lần chuông đồng hồ điểm giờ, chị lại ngồi nhổm dậy, nhìn ra cửa, rồi lại nằm phịch xuống.

Ai cũng nhìn thấy chị muốn gì, nhưng chị không hề nói đến tên ai cả, không phàn nàn, không oán trách. Chỉ có ho một cách ghê sợ. Hình như có cái gì ảm đạm sa xuống người chị. Mặt chị tái nhợt, đôi môi tím ngắt. Có lúc lại nhếch mép mỉm cười.

Chuông năm giờ. Bấy giờ bà xơ nghe thấy chị thì thầm một mình:

- Mai thì tôi đi rồi mà hôm nay ông ấy lại chẳng đến thì có hại không?

Bà xơ Xempơlit cũng ngạc nhiên tại sao ông Mađơlen mãi chưa đến.

Phăngtin nhìn lên đỉnh màn như cố nhớ lại điều gì. Bỗng chị cất tiếng hát, giọng yếu ớt như hơi thở:

Dạo chơi khắp phố ngoại thành,
Ta mua bao thứ xinh, xinh tuyệt vời!
Xanh, xanh biếc, hồng, hồng tươi,
Tôi yêu tôi quí những người tôi yêu.
Hôm qua bên bếp lửa nghèo,
Đức Mẹ mỹ miều ghé lại nhà tôi.
Bảo rằng: "Ta thể tình ngươi,
Đem cho đứa bé như lời ngươi xin".
- Em ơi, ra phố nhanh lên,
Mua ta cuộn chỉ, cây kim, xấp hàng.
Dạo chơi qua khắp phố phường,
Ta mua bao thứ phi thường là xinh.
Bên lò sưởi
Đặt chiếc nôi.
Nơ xanh đỏ
Nôi đẹp tươi.
Ví trời có đổi
Ngôi sao sáng ngời.

Tôi cũng không thích
Bằng đứa con tôi.
Đức Mẹ phúc đức!
Ơn mẹ không nguôi.
- Cô ơi! Vải làm gì đây?
- Vải mua cho bé, cắt may đi nào!
Xanh, xanh biếc, hồng, hồng tươi,
Tôi yêu tôi quí những người tôi yêu.
- Giặt vải đi,
- Giặt ở đâu?
- Giặt ở ngoài sông
Mà đừng làm bẩn,
Mà đừng làm hỏng,
Rồi may chiếc váy
Có dây đeo vai,
Để tôi thêu thùa,
Để tôi thêu hoa.
- Cô ơi! Bé có còn đâu,
Áo quần chi nữa mà khâu vải này?
- Em ơi! Đã thế em may
Cho ta tấm áo liệm thây ta cùng.
Dạo chơi khắp phố ngoại thành,
Ta mua bao thứ xinh xinh tuyệt vời!
Xanh, xanh biếc, hồng, hồng tươi,
Tôi yêu tôi quí những người tôi yêu.

Bài hát ấy là một bài ru con đã cũ lắm. Trước kia chị thường hát để ru con bé Côdet, nhưng năm năm nay vắng

con, chị không nghĩ đến nữa. Hôm nay chị lại hát, giọng buồn thảm và êm ru làm cho đến cả người tu hành cũng phải khóc. Bà xơ đã từng quen với khắc khổ cũng cảm thấy có một giọt lệ ứa lên khóe mắt.

Đồng hồ đánh sáu giờ. Phăngtin như không nghe thấy gì, chị không chú ý đến quanh mình nữa. Bà xơ Xempolit sai một bà hộ lý đi hỏi bà gác cổng nhà máy xem ông thị trưởng đã về chưa và ông có sang ngay bên nhà thương không. Một lát sau bà hộ lý trở về.

Phăngtin vẫn nằm yên, như đang theo đuổi những ý nghĩ riêng. Bà hộ lý khe khẽ kể lại cho bà xơ: ông thị trưởng đi đâu từ trước sáu giờ sáng ấy. Trời rét như thế này mà chỉ dùng một cỗ xe không mui đóng một con ngựa bạch. Mà lại đi một mình, không ai đánh xe cho cả. Chả biết ông ấy đi đường nào. Có người nói là thấy ông ấy rẽ sang con đường đi Arát, có người nói là gặp ông ấy ở con đường đi Pari. Lúc ra đi ông ấy vẫn dịu dàng nhỏ nhẹ như mọi ngày, chỉ dặn bà canh cổng là tối nay ông ấy chưa về thôi.

Trong khi hai người quay lưng lại phía giường thì thào với nhau, kẻ hỏi người đoán như thế, thì Phăngtin nhanh nhẹn nhỏm dậy, quì xuống giường, chống hai tay nắm chặt vào chiếc gối dài, nhô đầu lên khỏi diềm màn, cố ý lắng nghe. Người mắc bệnh nội thương, thân hình gầy róc như xác chết mà có khi đột nhiên cử động nhẹ nhàng như người khỏe mạnh là thế! Bỗng chị kêu lên:

- Ra các bà đang nói chuyện về ông Mađolen! Sao lại nói thầm? Ông ấy đang làm gì? Sao không thấy ông ấy đến?

Tiếng nói gay gắt, khàn khàn, nghe như tiếng đàn ông. Hai người đàn bà sợ hãi quay lại.

Phăngtin kêu lên:

- Trả lời cho tôi đi!

Người hộ lý ấp úng:

- Bà gác cổng bảo rằng hôm nay ông không đến được.

Bà xơ dỗ dành:

- Con ạ, cứ bình tĩnh nằm xuống đi.

Phăngtin vẫn cứ quì. Chị nói to, giọng như đòi hỏi thảm thiết:

- Ông ấy không đến được? Sao vậy? Các bà có biết vì lẽ gì không? Các bà vừa thì thầm với nhau đấy. Tôi muốn biết rõ mà.

Người hộ lý ghé vào tai bà xơ: -Bà cứ bảo ông đang bận họp hội đồng thành phố!

Bà xơ hơi đỏ mặt; người hộ lý vừa xui bà nói dối. Nhưng bà biết nói thật với Phăngtin cũng là một điều tai hại, có thể làm cho bệnh tình của chị thêm nguy kịch, trong lúc chị đang ốm nặng như thế này. Bà trấn tĩnh ngay được, đưa mắt nhìn chị, bình yên và buồn rầu:

- Ông thị trưởng đi vắng.

Phăngtin ngồi xổm lên, đôi mắt sáng quắc. Một nỗi vui sướng rạng rỡ hiện trên nét mặt đau đớn.

- Đi rồi à? Ông đi đón con Côdét đấy! -Chị thét lên.

Rồi chị giơ hai tay lên trời, vẻ mặt vô cùng sung sướng. Đôi mắt chị mấp máy. Chị lẩm bẩm cầu nguyện.

Cầu nguyện xong, chị nói: -Bà xơ ơi, tôi lại xin nằm xuống nghỉ. Bây giờ ai bảo gì tôi cũng xin theo. Lúc nãy tôi thật không phải, tôi xin lỗi bà, tôi đã nói to; nói to như thế là không nên, tôi cũng biết thế, nhưng bà biết cho, tôi vui quá mà! Chúa trời thật nhân từ, ông Mađơlen thật nhân từ, bà ơi, ông ấy đi Môngphecmây đón con Côđét nhà tôi đấy.

Chị nằm xuống, cùng bà xơ sửa lại cái gối, rồi hôn vào chiếc thánh giá nhỏ bằng bạc bà xơ cho chị, mà chị đang đeo trên cổ.

- Con ạ, bây giờ thì cố nằm yên mà nghỉ, không nên nói nữa.

Phăngtin giơ bàn tay ướt lạnh ra nắm tay bà xơ. Bà xót xa khi thấy bàn tay chị đầy mồ hôi.

- Ông ấy đi Pari sáng nay rồi. Mà thực ra không cần phải qua Pari làm gì.

Môngphecmây từ đây đến thì ở về phía bên trái. Bà có nhớ hôm qua, khi nói đến Côđét ông ấy có bảo tôi: "Nó sắp tới, nó sắp tới" không? Ông ấy muốn dành cho tôi một cái vui bất ngờ mà! Bà ạ, ông ấy bảo tôi ký một cái giấy cho vợ chồng Tênacđiê để đón con bé về. Họ không còn nói được vào đâu nữa bà nhỉ? Họ phải trả con Côđét thôi. Vì đã trả đủ tiền cho họ rồi mà. Trả tiền rồi mà còn giữ con tôi lại thì đã có nhà chức trách. Bà xơ ơi, bà để tôi nói, bà đừng ra hiệu bắt tôi im. Tôi sung sướng quá. Tôi đỡ lắm rồi. Tôi chẳng còn thấy đau đớn đâu cả vì tôi sắp được gặp con Côđét, tôi lại thấy đói, muốn ăn đây. Đã gần năm năm rồi không được trông thấy cháu. Bà ơi, bà không thể biết được lòng mẹ thương con như thế nào! Rồi bà xem, cháu nó khỏe lắm kia! Bà có biết không,

ngón tay nó thon thon hồng hồng, xinh đáo để! Đôi bàn tay ấy sẽ đẹp lắm. Mới đầy năm mà hai bàn tay trông mới dễ ghét chứ! Đẹp thế đấy! Giờ có lẽ nó đã lớn lắm. Bảy tuổi rồi còn gì. Một cô tiểu thư! Tôi vẫn gọi cháu là Côdét, nhưng chính tên nó là Ôphoradi kia... Trời ơi! Hàng bao nhiêu năm mà không nhìn gì đến con cái thế cũng không phải. Phải hiểu rằng đời người có phải vĩnh viễn đâu! Ô! Ông thị trưởng lại đi hộ tôi, thực ông ấy tốt bụng quá! Trời rét lắm phải không? Ông ấy có đem theo áo khoác chứ? Mai thì ông ấy về, phải không bà? Mai thì vui như hội, bà nhỉ! Sáng mai bà nhớ nhắc tôi đội mũ có đăng-ten nhé! Môngphecmây là một vùng rộng lắm đấy. Trước tôi đã đi bộ qua đó. Cũng xa lắm. Nhưng nay thì đã có xe đi nhanh hơn nhiều. Mai thì ông ấy về với Côdét. Đây đến Môngphecmây mấy cây số nhỉ?

Bà xơ chẳng rõ xa gần thế nào, đáp:

- Ờ, tôi chắc là đến mai thì ông ấy về.

- Mai! Mai tôi sẽ được thấy Côdét? Bà xơ ơi, bà xem đây này, tôi khỏi bệnh rồi. Tôi mừng điên đây này. Ai muốn, tôi nhảy múa cho mà xem.

Cách nhau có mười lăm phút, ai trông thấy Phăngtin lúc nãy và lúc này cũng phải lấy làm lạ. Giờ thì da dẻ chị hồng hào ra, tiếng nói nhanh nhảu tự nhiên, nét mặt tươi tỉnh. Có lúc lại cười và lẩm bẩm một mình. Cái mừng của người mẹ có khác gì cái mừng của con trẻ! Bà xơ bảo chị:

- Thôi, giờ thì thích rồi nhé, nghe tôi, đừng nói chuyện nữa.

Phăngtin đặt đầu xuống gối thì thầm: -Ừ, nằm xuống, sắp được gặp con rồi, phải ngoan lên nhé! Bà xơ Xempơlít nói phải. Ở đây ai nói cũng phải cả.

Chị nằm yên không động đậy, không quay ngang quay ngửa nữa. Mắt mở to nhìn khắp nơi, dáng sung sướng, chị không nói gì nữa.

Bà xơ buông cửa màn, mong chị sẽ ngủ thiếp đi.

Vào khoảng giữa bảy và tám giờ, thầy thuốc đến. Thấy im lặng, ông tưởng chị ngủ, rón bước vào đến gần bên giường. Ông mở hé cửa màn. Dưới ánh đèn chong, chị đang mở to hai mắt, bình tĩnh nhìn ông. Chị hỏi:

- Thưa ông, có phải người ta sẽ cho cháu cái giường để cháu ngủ cạnh tôi không?

Y sĩ tưởng chị nói sảng. Chị tiếp:

- Ông nhìn hộ xem, còn đủ chỗ đấy chứ!

Ông gọi riêng bà phước ra một chỗ hỏi bà về câu nói của Phăngtin. Bà cắt nghĩa rằng nhân việc ông Mađolen đi vắng một hai ngày, chị ta nghĩ rằng ông thị trưởng đi Môngphecmây; vì chưa rõ thực hư thế nào nên bà tưởng cũng không cần cho chị biết là chị lầm. Với lại biết đâu đoán như chị ta lại không đúng. Ông thầy thuốc cũng đồng ý vậy.

Ông đến gần Phăngtin. Chị lại nói:

- Ông này, có như thế, sáng dậy tôi mới hỏi han con chó con được, và ban đêm, không ngủ, tôi mới nằm nghe nó ngủ được, nó thở nhẹ nhàng làm sao, cứ nghe cũng đủ khoan khoái cho tôi rồi.

- Chị đưa tay đây tôi xem -người thầy thuốc bảo.

Chị vừa giơ tay vừa cười nói:

- A, này! Rõ ràng là ông chưa được biết nhỉ! Tôi khỏi rồi mà. Mai thì còn Côdét nó về đây.

Ông thầy thuốc ngạc nhiên. Trông chị khá lên thật. Thở đã dễ dàng. Mạch đi đã thấy mạnh. Một thứ sinh lực gì làm cho con người kiệt quệ này hồi tỉnh lại.

Chị nói tiếp:

- Thưa ông, có phải bà xơ nói với ông là ông thị trưởng đã đi tìm con bé?

Ông ta bảo phải giữ thật yên lặng và hết sức tránh những cảm xúc mạnh. Ông dặn cho uống nước Canh-ki-na nguyên chất sắc lên, và nếu ban đêm còn sốt nữa thì cho uống thuốc an thần. Ra về ông ta còn dặn bà xơ:

- Khá rồi đấy. Nếu phúc mà ngày mai ông thị trưởng đem con chị ta về thật thì biết đâu đấy? -Có những bệnh biến chuyển rất lạ, người ta đã thấy có kẻ mừng quá mà khỏi bệnh thật. Bệnh này là nội thương mà nặng lắm rồi. Nhưng biết đâu được những cái huyền bí ấy! Có lẽ cứu được chị ta cũng nên.

VII
VỪA ĐẾN ĐÃ CHUẨN BỊ ĐI NGAY

Gần tám giờ tối, chiếc xe đi trên đường khi nãy mới tiến qua cánh cổng lớn của nhà trạm tỉnh Arát. Người hành khách ta theo dõi từ lâu, bấy giờ bước xuống xe. Ông lơ đãng trả lời những câu mời mọc săn đón của bọn hàng quán, cho người đánh ngựa đưa con ngựa thuê sau về, thân dắt con ngựa bạch nhỏ xuống tàu ngựa. Rồi ông đẩy cửa bước vào một cái phòng chơi bi-a ở tầng dưới, kéo ghế ngồi, tì tay lên

bàn. Quãng đường ông tính chỉ đi hết sáu tiếng đồng hồ, ông đã đi mất những mười bốn tiếng. Nghĩ cho phải thì không phải lỗi tại ông, và ông cũng thấy vui vui về sự đến muộn đó.

Mụ chủ quán bước vào.

- Ông khách có ngủ lại không? Có ăn cơm tối không?

Ông lắc đầu.

- Người hầu ngựa nói rằng ngựa của ông nhọc lắm.

Bấy giờ ông mới lên tiếng:

- Sáng mai nó có thể lại đi ngay được không?

- Ồ, thưa ông phải để cho nó nghỉ hai ngày là ít.

- Có phải bàn giấy nhà trạm cũng ở ngay đây không?

- Thưa phải.

Mụ chủ quán dẫn ông lại chỗ bàn giấy. Ông đưa giấy thông hành ra và hỏi xem có thể đi xe thư về Mông tơrơi Xuya Me ngay đêm nay được không? Vừa may chỗ bên cạnh người chuyển thư hãy còn. Ông trả tiền và giữ chỗ ấy. Người thư ký dặn ông:

- Thưa ông, phải có mặt ở đây đúng một giờ sáng để xe chạy.

Xong xuôi, ông bước ra khỏi khách sạn, đi về phía các phố.

Ông chưa đến Arát bao giờ, đường phố lại tối, nên cứ đi liều.

Hình như ông cố tình không muốn hỏi thăm đường ai cả. Ông qua con sông Cơranhsông rồi lạc vào một khu toàn những phố nhỏ ngóc ngách.

Một người hàng phố cầm đèn đi qua. Lưỡng lự mãi, ông mới nhìn trước sau như sợ có người nghe thấy và quyết định hỏi:

- Thưa ông, nhờ ông trỏ giùm cho tòa án ở chỗ nào.

Người hàng phố đã có tuổi đáp:

- Ông không phải là người tỉnh này à? Vậy ông theo tôi, tôi cũng đi về phía tòa án đây, chỗ tỉnh đường mà. Hiện nay tòa án đang sửa chữa, chỗ xử án tạm đặt ở tỉnh đường đấy.

- Phiên tòa đại hình cũng xử ở đấy à?

- Tất nhiên. Đây này, tỉnh đường ngày nay nguyên là dinh giám mục trước thời cách mạng đó. Rồi năm 1782 ông Công diê làm giám mục có cho xây thêm một phòng khá rộng. Nay phiên tòa lập ở đó.

Đi nửa đường, người ấy lại nói thêm:

- Nếu ông muốn đến xem xử án thì hơi muộn. Thường thì các phiên tòa tan từ sáu giờ kia.

Lúc đến chỗ công viên, người ấy trỏ cho ông bốn cửa sổ dài còn đèn sáng ở mặt trước một ngôi nhà to lù lù trong bóng tối.

- May cho ông, vừa đến kịp. Ông có trông thấy bốn cái cửa sổ sáng kia không ? Chỗ tòa đại hình đấy. Còn đèn sáng, tất là chưa xử xong. Có lẽ việc kéo dài nên tòa họp cả phiên tối. Ông cần biết việc ấy sao? Có phải là một vụ đại hình không? Ông đến làm chứng à?

- Tôi không có việc gì ở phiên tòa cả. Tôi cần gặp một ông luật sư.

- Thế thì lại khác. Kia, cửa tòa kia. Người lính gác ở đấy. Ông cứ đi lối cầu thang lớn.

Ông làm y theo lời người hàng phố chỉ dẫn. Một lúc sau, ông bước vào một phòng rất đông người. Đây đó từng nhóm luật sư mặc áo dài đứng lẫn vào đám đông, đang thì thào với nhau.

Cái cảnh những người mặc áo dài đen tụm năm tụm ba ở ngoài cửa phòng án để to nhỏ với nhau vẫn làm cho người ta se lòng lại. Những lời họ nói chẳng mấy khi là những lời nhân từ và thương xót. Thường chỉ là những câu kết án nghĩ trước. Ai đang mơ màng qua đó, cũng tưởng đây là những tổ ong ghê rợn, chứa những bầy ma quái vo ve đang cùng nhau dựng nên đủ mọi thứ kiến trúc tăm tối. Căn buồng rộng chỉ có một ngọn đèn. Trước kia đấy là cái phòng đợi trong tòa giám mục; nay dùng làm chỗ tạm nghỉ. Một cái cửa lớn hai cánh đóng chặt ngăn với phòng xử án.

Trong phòng ánh sáng mập mờ, nên ông không ngần ngại hỏi ngay một luật sư vừa bắt gặp:

- Thưa ông, xử đến đâu rồi?

- Xong rồi.

- Xong rồi!

Ông nhắc lại bằng một giọng khác thường, khiến người luật sư phải quay lại.

- Thưa ông, tôi hỏi khí không phải, ông là người nhà người ta phải không?

- Không, tôi không quen ai ở đây cả. Thế có kết án không?

- Có chứ. Có cách nào khác được đâu.

- Khổ sai?...

- Chung thân.

Ông hỏi câu nữa, giọng nhỏ đi, chú ý mới nghe rõ:

- Lý lịch đã được xác định rồi à?

Người trạng sư đáp: Lý lịch gì? Có gì mà phải xác định lý lịch. Vụ án thực giản đi. Mụ ấy đã giết con, tang chứng đầy đủ. Tòa xét không phải là chủ tâm trước nên mới kết án chung thân

- Thế ra là một người đàn bà?

- Còn là gì nữa, mụ Limôđanh mà! Ông định nói việc nào?

- Không. Nhưng xong rồi sao phòng xử còn đèn sáng thế?

- Xử đến việc khác, đã bắt đầu được hai giờ rồi.

- Việc gì nữa?

- Ở việc này cũng rõ ràng lắm. Tên này là một tên đói khát, một tên tù khổ sai đi đày về, tái phạm về tội ăn trộm. Tôi chẳng nhớ tên nó là gì nữa. Trông mặt nó thực là tay đại bợm. Cứ cái bộ mặt ấy cũng đủ tống nó đi đày khổ sai rồi.

- Thưa ông, có cách gì vào được phòng xử án không?

- Có lẽ cũng khó đấy. Trong phòng đông lắm. Nhưng tòa vừa nghỉ, có nhiều người ra, khi nào tòa tiếp tục, ông thử vào xem.

- Vào lối nào?

- Lối cửa lớn này.

Người luật sư bỏ đi nơi khác. Trong phút chốc ông thấy trăm ngàn mối cảm xúc ùa đến một lần làm cho lòng ông rối bời. Lời nói của người ngoài cuộc kia đâm thẳng vào tim ông có lúc như những mũi kim lạnh buốt, có lúc lại như những lưỡi dao cháy bỏng.

Khi ông được biết là tòa xử chưa xong, ông thở đánh phào một cái. Song ông cũng không thể nói rõ thở phào như thế là vì ông bằng lòng hay là vì ông đau đớn.

Ông đến gần mấy đám đông người nghe xem họ nói gì. Phiên tòa kỳ này xử nhiều việc lắm; ông Chánh án phải đưa ra xử hôm nay cho xong hai vụ án giản dị và chóng vánh này. Bắt đầu là vụ giết con, giờ đến vụ tên tù khổ sai, tên tái phạm, tên "ngựa quen đường cũ". Thằng này có ăn trộm táo, song chứng cớ chưa chắc chắn; điều chắc chắn là nó đã từng đi đày ở Tulông. Cái ấy mới nguy cho nó. Vả tòa đã hỏi cung nó rồi, chứng tá cũng khai cả rồi; chỉ còn luật sư cãi và công tố buộc tội; nhưng chắc đến nửa đêm mới xong. Thằng ấy thì thế nào cũng bị rồi; ông chưởng lý tài lắm, không kẻ nào bị ông buộc tội mà thoát được! -ông lại là người tài hoa, biết cả làm thơ kia đấy.

Một người mõ tòa đứng gần cửa vào buồng xử án. Ông lại gần hỏi:

- Thưa ông, sắp mở cửa chưa?

- Cửa không mở nữa đâu.

- Sao thế? Sắp xử lại rồi mà cửa không mở à? Có phải tòa đang nghỉ không?

- Tòa vừa mới tiếp tục, nhưng không mở nữa.

- Tại sao?

- Tại trong phòng chật cả rồi.

- Sao? Không còn lấy một chỗ à?

- Không còn chỗ nào. Cửa đóng rồi. Không ai vào được cả.

Im lặng một lúc, người mõ tòa lại bảo:

- Cũng còn hai ba chỗ nữa sau ghế ông Chánh án, nhưng ông Chánh án chỉ dành cho những vị quan khách thôi.

Nói xong hắn quay đi.

Ông cúi đầu bước đi, qua phòng đợi, thong thả từng bậc một xuống cầu thang, dáng ngập ngừng. Chừng như ông đang tự hỏi xem nên làm gì. Cuộc tranh đấu bản thân gay go từ hôm qua đến nay vẫn chưa dứt và cứ mỗi lúc lại bắt sang một tình tiết mới. Xuống đến chân cầu thang, ông đứng tựa vào lan can, khoanh tay lại. Bỗng ông mở cúc áo ngoài, rút ví ra, lấy bút chì và mảnh giấy ghé vào chỗ đèn sáng viết vội vàng dòng chữ như sau: *Ông Mađơlen, thị trưởng Môngtơrơi Xuya Me*. Rồi ông bước nhanh lên thang gác, rẽ đám đông, đến thẳng trước mặt người mõ tòa, đưa cho hắn mảnh giấy và dõng dạc bảo:

- Đem cái này vào cho ông Chánh án.

Người mõ tòa cầm lấy mảnh giấy nhìn qua rồi đi vào.

VIII

ĐẶC CÁCH ĐƯỢC VÀO

Ông không ngờ rằng ông thị trưởng Môngtơrơi Xuya Me té ra cũng là người có chút tiếng tăm. Từ bảy năm nay, cái tiếng đạo đức của ông đã lan ra khắp vùng Bulône hạ, cuối cùng vượt cả khuôn khổ một miền nhỏ, truyền sang cả hai ba tỉnh chung quanh. Việc ông đứng ra chấn hưng nghề làm đồ huyền đã là một công đức to lớn đối với thị trấn ấy. Ngoài ra nội một trăm bốn mươi mốt xã trong quận không xã nào không đội ơn ông. Khi cần, ông lại biết cách giúp công nghiệp những quận khác phát triển sản xuất. Ông đã dùng uy tín và tiền bạc của mình

để nâng đỡ và giúp cho xưởng làm vải màn ở Bulônhơ, nhà máy lanh sợi ở Phơrêvăng và nhà máy dệt chạy bằng sức nước ở Bubê. Đi đến đâu cũng thấy người ta nói đến cái tên Mađơlen một cách thành kính. Hai thành phố Arát và Đue cũng phải ghen với cái thị trấn Môngtơrơi Xuya Me nhỏ bé mà có được một ông thị trưởng như thế.

Ông Chánh án phiên tòa Đại hình ở Arát hôm ấy, vốn là hội thẩm của tòa án Đue, cũng được biết như ai cái tên quen thuộc được mọi người tôn kính sâu sắc ấy. Khi người mõ tòa khẽ mở cái cửa thông từ phòng hội nghị sang chỗ xử án, đến chỗ sau ghế, cúi đưa mảnh giấy có dòng chữ vừa rồi và nói: "Ông này muốn dự buổi xử án", thì ông Chánh án đột ngột có một cử chỉ tôn kính, ông cầm bút viết mấy chữ vào quãng dưới mảnh giấy rồi trao lại cho người mõ tòa và nói: "Mời ông ấy vào".

Cái người khổ sở mà ta đang thuật chuyện đây, lúc ấy vẫn đứng nguyên ở bên cửa với cái dáng điệu không thay đổi từ khi người mõ tòa cầm giấy đi. Ông đang mơ màng thì thoảng nghe có người nói với mình: "Thưa ngài, tôi xin dẫn đường hầu ngài". Thì ra vẫn là anh mõ tòa khi nãy đã ngoảnh mặt làm lơ với ông và bây giờ lại cúi rạp xuống mà thưa gửi. Hắn trao cho ông mảnh giấy. Ông giở ra và nhân có đèn sáng, ông đọc: "Chánh án tòa Đại hình kính chào ông Mađơlen".

Ông vò nát tờ giấy trong tay. Mấy dòng chữ dường như có cái dư vị gì lạ lùng và cay đắng. Ông đi theo người mõ tòa. Mấy phút sau ông đã ở trong một căn phòng tường lát ván đầy vẻ trang nghiêm. Trên chiếc bàn phủ dạ xanh, hai cây nến đang cháy sáng. Bên tai ông còn văng vẳng lời người mõ tòa vừa bước ra khỏi phòng: "Thưa ngài, đây là

phòng hội nghị; ngài cứ xoay cái núm bằng đồng kia thì vào ngay phòng xử, đằng sau ghế ông Chánh án". Trong trí ông, những lời ấy lẫn lộn với hình ảnh mơ hồ của những hành lang chật chội, những cầu thang tối om ông vừa đi qua.

Người mõ tòa để ông ở lại trong phòng một mình. Giờ quyết định đã đến. Ông cố tĩnh tâm mà không được. Chính những khi cần suy nghĩ nhất về cái thực tế bi thảm ở đời thì những dây tư tưởng nó lại đứt lung tung trong đầu óc. Ông hiện ở ngay giữa chỗ mà bọn quan tòa đang thảo luận và kết án. Ông lặng yên ngắm người nhìn căn phòng tĩnh mịch và ghê gớm: Đây là chỗ đã làm cho tan nát biết bao nhiêu cuộc đời; đây là chỗ chốc nữa tên ông sẽ vang lên; đây là chỗ lúc này số mệnh đã dẫn ông đến. Ông nhìn bức tường rồi lại nhìn vào mình và ngạc nhiên sao lại là cái phòng ấy và sao lại chính là ông.

Một ngày một đêm rồi ông chưa ăn miếng gì, đi đường xe xóc vật vã là thế mà ông không thấy gì cả; hình như là ông đã mất hết cảm giác.

Ông lại gần tấm khung kính đen treo trên tường trong lồng một bức thư thủ bút của ông Pátsơ, đô trưởng Pari kiêm bộ trưởng, đề *ngày 9 tháng sáu* năm II, có lẽ là đề nhầm, trong đó ông Pátsơ gửi cho ủy ban cách mạng danh sách các bộ trưởng và đại biểu quốc hội bị họ giam giữ. Giá có ai nhìn thấy và theo dõi lúc bấy giờ, chắc phải cho bức thư đối với ông có nhiều điều kỳ lạ, vì thấy ông nhìn đăm đăm vào đấy và đọc đi đọc lại hai ba lần. Có điều đọc mà không biết mình đọc và cũng không để ý mình đọc những gì.

Ông đang nghĩ đến Phăngtin và Côdét.

Đương vơ vẩn như thế, ông quay lại và chợt trông thấy cái núm cửa bằng đồng mà ông đã quên khuấy

đi mất. Mắt ông dừng lại trên núm cửa và như dán hẳn vào đấy. Cái nhìn ban đầu còn bình tĩnh sau hóa ra đăm chiêu, sợ hãi và dần dần nhuốm vẻ hoảng hốt. Mồ hôi toát ra ở kẽ tóc và chảy dài xuống hai bên thái dương.

Có một lúc, ông ra vẻ quả quyết và như chống lại với mình. Ông có một cử chỉ rất khó tả nhưng nó nói lên rõ ràng: "Ô hay! Ai bắt ta mới được chứ?". Rồi ông quay phắt lại, nom thấy cái cửa vừa đi qua để vào đây ông đến mở cửa và bỏ ra ngoài. Ông đã ra ngoài đi trong một lối hẹp, nhỏ và dài, ngóc ngách khắp nơi, lủng củng những bậc và cửa ghi-sê. Dọc lối đi có mấy ngọn đèn tù mù như đèn trong phòng người ốm. Đó là lối ông vừa qua để vào phòng. Ông vừa thở vừa nghe: đằng trước đằng sau không có một tiếng động; ông vụt chạy trốn như có người đuổi theo.

Qua khỏi mấy chỗ rẽ, ông lại nghe ngóng nữa. Chung quanh vẫn yên lặng và tối mù. Ông mệt thở không ra hơi, lảo đảo phải dựa vào tường. Đá tường lạnh ngắt, mồ hôi trên trán cũng lạnh ngắt, ông rùng mình đứng thẳng người lên. Ông đứng một mình trong bóng tối. Người ông run lên vì rét và có lẽ cũng vì cớ khác nữa. Ông lại suy nghĩ.

Đã nghĩ cả đêm, lại nghĩ cả ngày, trong lòng chỉ nghe có một tiếng kêu: "Than ôi!"

Mười lăm phút qua. Sau cùng ông cúi đầu, thở dài não nuột, buông thõng hai tay xuống và đi trở lại, ông đi rất chậm, bước đi quá mệt nhọc, chẳng khác nào có người đuổi theo ông và bắt ông lại. Ông trở vào phòng hội nghị. Vật trông thấy trước nhất là cái núm cửa phòng xử án. Cái núm cửa bằng đồng tròn tròn nhẵn nhụi, bóng loáng, trông như một ngôi sao ghê rợn. Ông

nhìn vào núm cửa trông chẳng khác gì con cừu đang nhìn vào mắt hổ. Mắt ông không rời khỏi nắm cửa. Chốc chốc ông lại bước lên một bước, tiến đến gần cánh cửa. Giá ông tỉnh táo để ý, chắc đã nghe như có tiếng ồn ào lộn xộn từ phòng bên vẳng sang. Bỗng nhiên không hiểu vì sao, ông đã đứng ngay bên cửa. Ông đưa bàn tay run rẩy xiết cứng núm cửa. Cửa mở.

Ông đã ở trong phòng xử án.

IX

NƠI NGƯỜI TA ĐÃ BẮT ĐẦU TIN CHẮC

Ông nhích bước bước vào, thuận tay khép cửa lại rồi đứng yên nhìn quang cảnh trước mắt. Gian phòng khá rộng. Ánh đèn không đủ sáng. Trong phòng lúc huyên náo, lúc lại yên lặng như tờ. Cả bộ máy xử án của tòa Đại hình đương phơi bày ra giữa đám đông với vẻ uy nghi tầm thường và ghê rợn.

Ở một đầu buồng, nơi ông đang đứng là chỗ đám quan tòa ngồi nhấm móng tay hoặc lim dim con mắt, đang lơ đãng trong những áo thụng đen đã bạc màu.

Đầu kia là đám dân chúng, quần áo rách rưới, bọn luật sư đứng ngồi đủ kiểu, mấy người lính nét mặt lương thiện và cứng rắn. Tường lát gỗ lâu ngày đã hoen ố, cái trần nhà bụi bặm, những chiếc bàn chải dạ xanh đã ngả màu vàng, những cánh cửa đen sì vết tay người, những cây đèn vách tỏa nhiều khói hơn là ánh sáng. Mấy cây nến cắm trên các chân đèn bằng đồng đặt trên bàn. Quang cảnh tăm tối, ghê tởm, thảm đạm. Người ta có cảm tưởng như có gì vừa nghiêm nghị vừa cao cả. Bởi vì ở đây như thấy có

mặt cái việc to tát của loài người là luật pháp, cũng như cái việc vĩ đại của Chúa trời là công lý.

Chẳng một ai trong đám đông chú ý đến ông cả. Bao nhiêu con mắt đang đổ dồn về một phía, chỗ một chiếc ghế dài bằng gỗ dựa vào tường trước một cái cửa nhỏ ở mé bên trái ông Chánh án. Trên ghế có một người ngồi giữa hai tên lính sen đầm, ánh đèn chung quanh soi rõ mồn một.

Người ấy chính là người trên kia.

Không đợi phải tìm, ông đã trông thấy ngay người ấy. Tự nhiên mắt ông hướng vào chỗ đó, như đã biết trước người ấy ngồi ở đâu rồi.

Ông tưởng như mình đã trông thấy chính mình. Người có già đi, mặt mũi không hẳn là giống như đúc, song dáng điệu và hình thù thì không khác gì cả. Cũng bộ tóc lởm chởm ấy, con mắt dữ tợn và lấm lét, cũng cái áo bành tô ấy. Y như cái hôm bước vào thành Đinhơ, lòng đầy căm hờn và trí óc chất chứa không biết bao nhiêu ý nghĩ ghê gớm đã cóp nhặt trong mười chín năm trời ở nơi tù ngục.

Ông rùng mình và tự bảo: Trời ơi! Rồi ta trở lại như thế kia hay sao!

Cái người ấy trạc sáu mươi tuổi, trông vẻ người có cái gì cục mịch, ngớ ngẩn và kinh hoàng.

Nghe tiếng mở cửa, người ta nhích lại để ông đi vào. Ông Chánh án quay lại nhìn, biết ngay là ông thị trưởng ở Môngtơrơi Xuya Mê bèn gật đầu chào. Ông công tố viên đã nhiều lần đến Môngtơrơi vì công vụ cũng nhận ra ông và chào ông. Riêng ông chỉ hơi thoáng thấy những cử chỉ đó thôi. Ông như đang bị thôi miên và nhìn thẳng ra trước mặt.

Cảnh mấy ông quan tòa, một anh lục sự, mấy anh lính sen đầm, một lũ người hiếu kỳ một cách tàn ác, ông đã được thấy một lần rồi, cách đây hai mươi bảy năm. Những cảnh tai ương ấy, giờ ông lại thấy nó. Nó ở ngay trước mắt, nó cử động, nó tồn tại. Không phải vì nhớ mà tưởng thấy, không phải một ảo ảnh của trí tưởng tượng. Rõ ràng là những quan tòa có thật, những lính sen đầm có thật, một đám đông và những con người thật, có xương có thịt hẳn hoi. Thôi thế là xong, ông lại thấy hiện ra và sống lại xung quanh ông những hình ảnh ghê rợn của dĩ vãng với tất cả cái vẻ đáng sợ của sự thực phũ phàng.

Mọi sự việc đó mở toang hoác trước mặt ông.

Ông hoảng kinh nhắm mắt lại, kêu thầm trong trí: "Không bao giờ!"

Cái trò số mệnh bày ra khiến ông hoang mang cả tâm trí, gần như phát điên lên, cái trò ấy thật là bi đát: mình đứng đây mà rõ ràng người ngồi kia cũng là mình. Cái người đang bị đem xử kia, ai cũng gọi nó là Giăng Vangiăng!

Trước mắt ông là một cảnh tượng lạ lùng khó nói. Hình như đó là một màn kịch diễn lại cái phút ghê tởm nhất của đời ông xưa kia, mà người đóng trò là bóng ma của ông. Mọi thứ đều y như thế, cũng cảnh bày biện như vậy, cũng vào giờ đêm như vậy, cũng gần bấy nhiêu bộ mặt quan tòa, lính tráng, công chúng. Chỉ có cây thánh giá trên đầu ông Chánh án là khác xưa vì thuở ấy các tòa án chưa có thánh giá. Hồi ấy, khi người ta xử ông, Chúa Trời vắng mặt.

Đằng sau có một cái ghế, ông ngồi phịch xuống, kinh hoàng vì nghĩ rằng người ta có thể trông thấy mình. Ngồi yên rồi, nhờ có chồng hồ sơ trên bàn thẩm phán, ông giấu

được mặt mình và có thể nhìn khắp gian phòng không sợ ai trông thấy cả. Dần dần ông định thần lại và trở về với thực tế chung quanh. Một lúc lâu ông mới bình tĩnh để nghe rõ được mọi việc.

Trong số các hội thẩm thấy có ông Bamataboa.

Ông đưa mắt tìm Giave nhưng không thấy. Hàng ghế của các người làm chứng lấp sau cái bàn của viên lục sự. Vả lại như trên đã nói, trong phòng đèn thắp không được sáng.

Lúc ông mới vào, luật sư của bị cáo vừa cãi xong. Ai nấy đương hết sức chú ý theo dõi. Việc xét xử đã kéo dài ba tiếng đồng hồ rồi. Trong ba tiếng đồng hồ ấy tội trạng người kia dần dần hiện ra có cơ sở. Và người đi xem nhận thấy cái gánh nặng của cái vẻ thật ghê gớm ấy dần dần đè bẹp một con người, một tên vô danh, một hạng người khốn nạn, hoàn toàn ngớ ngẩn hoặc là hết sức tinh khôn.

Người ấy, như ta đã biết, là một tên lang thang bị bắt tại một cánh đồng, tay còn cầm một cành táo có quả chín, bẻ ở cây táo trong vườn gần đấy gọi là vườn Pierông. Người ấy là ai thế?

Một cuộc điều tra được mở ra. Chứng tá vừa cung khai xong.

Ý kiến mọi người thống nhất. Cuộc thảo luận đã làm lóe nhiều ánh sáng. Người ta buộc tội như sau: "Chúng ta đưa ra đây không phải chỉ là một tên ăn cắp hoa quả, một tên trộm vặt, mà chúng ta đã bắt được một thằng cường đạo, một đứa trốn án quản thúc, một tên khổ sai đi đầy, một kẻ gian ác tối nguy hiểm, một thằng lưu manh tên là Giăng Vangiăng mà pháp luật truy nã từ lâu. Tên này cách đây tám năm, khi ra khỏi nhà tù Tulông, đã phạm tội cướp đường có khí giới, chặn lấy tiền của một đứa bé

tên là thằng bé Giecve. Tội này trong hình luật điều thứ 383 có ghi rõ. Tòa sẽ truy tố sau, khi nào có đủ bằng chứng về lý lịch của nó. Nó lại vừa phạm tội ăn trộm. Thế là tái phạm. Xin hãy kết án nó về cái tội mới, còn cái tội cũ sẽ xin xử sau".

Nghe bị buộc tội như thế, lại thấy các chứng tá đều khai như nhau, bị cáo ngạc nhiên lắm. Khi thì hắn hoa tay lắc đầu, ra hiệu là không phải, khi thì hắn chỉ nhìn lên trần nhà. Hắn nói năng khó nhọc, trả lời lúng túng, nhưng từ đầu đến chân, cả người hắn đều chối cãi tất cả. Hắn như một thằng ngốc nghếch đứng trước cả một đoàn người khôn ngoan xếp thành thế trận tấn công hắn, và như một kẻ xa lạ đứng giữa một xã hội đang túm bắt hắn. Mà câu chuyện đối với hắn rồi đây có phải là vừa đâu! Mỗi lúc lại thêm chứng cớ. Hắn lo lắm, nhưng mọi người lại còn lo hơn khi thấy lời buộc tội kinh khủng đè nặng lên đầu hắn. Ngoài tội đi đày, không chừng lại đến tội tử hình, nếu lý lịch được chứng minh và nếu việc ăn cướp thằng bé Giecve lại bị kết án chồng thêm lên nữa. Người đó là thứ người gì? Cái lầm lì của nó là nghĩa làm sao? Ngu ngốc thật hay là xảo trá? Nó hiểu quá đi rồi, hay là nó chẳng hiểu gì cả? Quần chúng ngồi xem không ai đồng ý với ai, bọn quan tòa cũng không nhất trí. Trong vụ án này có phần ly kỳ mà cũng có phần làm cho người ta kinh hoảng. Tấn bi kịch không những ảm đạm mà còn có gì tăm tối nữa.

Người biện hộ cãi cũng đã khéo. Thứ tiếng địa phương ông ta nói, một thời gian khá lâu, đã làm nên ngôn ngữ hùng biện của tòa án mà giới luật sư đâu đâu cũng dùng. Loại ngôn ngữ ấy ngày nay đã thành cổ điển và chỉ nghe, thấy ở cửa miệng các luật sư

công tố viên, nó thích hợp với các ngài vì nó kêu, nó nghiêm trang và oai vệ. Trong ngôn ngữ ấy chồng được gọi là *phu*, vợ là *phụ*; Pari thì thay bằng *trung tâm văn hiến*, vua là *hoàng thượng*, giám mục là *sứ giả thánh đường*, công tố viên là *người phát ngôn hùng hồn của luật pháp*, lời cãi của trạng sư là *những giọng điệu biện hộ*, triều đại Lui XIV là *thế kỷ vĩ đại*, nhà hát là *đền nữ thần Menpômen*, dòng họ nhà vua là *kim chi ngọc diệp*, buổi hòa nhạc là *nhạc hội*, tướng tư lệnh trong tỉnh là *nhà quân sự trứ danh* v.v... rồi học trò chủng viện lại gọi là *những nhà tu hành thiếu niên*, những sai lầm của báo chí là *sự xảo quyệt xuất tiết độc tố vào cơ thể báo chương* v.v... Luật sư ấy bắt đầu bằng việc giải thích vụ ăn trộm táo, -dùng lời văn hoa mỹ mà nói chuyện ăn trộm kể cũng khó đấy, nhưng phải nhớ rằng ông Bôtxuyê ngày xưa, trong bài văn tế, có lần phải nhắc đến con gà mái mà còn nói lên được những lời châu ngọc nữa là! Luật sư giãi bày rằng việc ăn trộm táo không có bằng cứ đích xác. Khách hàng của ông -mà ông cứ nhất định gọi là Săngmachiơ- có ai trông thấy hắn trèo tường hay bẻ cây cối đâu. Người ta bắt được hắn tay cầm cành táo (mà ông ta thích gọi là nhánh hơn) nhưng hắn nói là thấy rơi ở dưới đất nên nhặt lấy thôi. Lấy gì làm bằng mà bảo hắn khai man? Chắc chắn là có kẻ trèo tường bẻ táo thấy động thì vứt lại đó; chắc chắn là có kẻ ăn trộm. Nhưng lấy gì làm bằng mà bảo đứa ăn trộm đó là Săngmachiơ? Chỉ có một điều. Cái tư cách là khổ sai về. Luật sư phải nhận là khó chối vì chứng cớ rành rành. Bị cáo có ở Phavơrôn; bị cáo làm nghề xén cây: cái tên Săngmachiơ rất có thể do chữ Giăng Machiơ mà ra; những điều ấy đều đúng cả, sau nữa có bốn người

làm chứng đều nhận ngay được hắn và quả quyết Săngmachiơ là tên tù khổ sai Giăng Vangiăng. Để chống lại những lời tố cáo ấy, những chứng cớ ấy, luật sư chỉ còn biết dựa vào lời chối cãi của khách hàng mình, lời phủ nhận có lợi cho mình. Nhưng giả thử hắn chính là Giăng Vangiăng thật, thì cái đó có phải là bằng chứng hắn ăn trộm táo không? Nói hắn ta ăn trộm táo chỉ là một mối nghi ngờ, không phải là một chứng cứ hẳn hoi. Đành rằng bị cáo đã dùng một phương pháp tự bào chữa tồi, điều này trạng sư biện hộ cũng phải thật thà công nhận như thế. Đó là cách khăng khăng chối cãi tất cả, nhất định mình không ăn trộm, mình không là tù khổ sai. Luật sư có khuyên lão ta nên thú nhận mình là tù khổ sai đi thì có thể có lợi hơn, và chắc chắn là sẽ được tòa án thương tình và rộng lượng; nhưng bị cáo nhất định chối, nghĩ rằng có thể tránh được tất cả nếu không thú nhận gì hết. Thật là sai lầm. Nhưng phải chăng cũng nên lưu ý đến việc lão ta ít thông minh? Lão ta rõ ràng là ngu đần. Bao nhiêu năm đầy đọa trong tù, bao nhiêu khổ sở ngoài tù đã làm cho lão ta mụ người đi v.v... Lão ta tự bào chữa một cách vụng về, có phải đó là lẽ để kết tội lão ta không? Còn vụ thằng bé Giecve thì trạng sư chẳng phải bàn cãi đến vì chẳng dính líu gì đến đây cả.

Luật sư kết luận xin tòa hễ nhận đích hắn là Giăng Vangiăng thì chỉ áp dụng luật vi cảnh đối với kẻ vi phạm án quản thúc chứ đừng khép vào tội ghê gớm của người tù khổ sai tái phạm.

Công tố viên đáp lại lời biện hộ, lời lẽ kịch liệt mà vẫn văn hoa. Các ông công tố bao giờ mà chẳng thế!

Ông tỏ lời khen ngợi đức tính "trung thực" của luật sư và khai thác tính "trung thực" ấy một cách tài tình. Chỗ nào mà luật sư chịu nhượng bộ là ông ta nhằm vào đấy để đánh vào bị cáo. Luật sư có vẻ công nhận bị cáo là Giăng Vangiăng. Công tố viên ghim lấy điều ấy, cho là một việc quả nhiên: người ấy đích là Giăng Vangiăng. Điểm này như thế coi là đã xác định và được dùng làm căn cứ buộc tội, không còn chối cãi lôi thôi gì nữa.

Đến đây, ông đi ngược lên nguồn gốc và nguyên nhân của việc phạm tội và lên giọng hùng hổ kết án trường phái lãng mạn là vô luân lý. Trường phái này hồi ấy mới ra đời và được các nhà phê bình của hai tờ "*Lá cờ*" và "*Nhật báo*" mệnh danh là "*Trường phái quỷ sứ*". Ông đổ cho ảnh hưởng của thứ văn chương xấu xa ấy -không hẳn là đổ bừa- cái tội đã gây ra vụ trộm của tên Săngmachiơ hay nói đúng hơn, của Giăng Vangiăng.

Xong tràng khái luận ấy, ông mới nói đến Giăng Vangiăng thật sự. Giăng Vangiăng là người thế nào? Ông mô tả Giăng Vangiăng. Hắn là một con quỉ sứ mà địa ngục đã khạc ra v.v... Cách mô tả này có mẫu mực trong cách kể của Têramen (1). Cách kể của Têramen thì chẳng ích gì cho vở bi kịch, nhưng lại thường xuyên rất được việc cho các nhà hùng biện ở tòa án.

Cử tọa và hội thẩm viên rùng mình. Mô tả xong, ông lại tiếp theo cái đà hùng biện đáng để cho ngày hôm sau tờ Công Báo địa phương hết lời ca ngợi: Chính cái tên như thế v.v... vừa là lưu manh, vừa là hành khất, vô nghề nghiệp v.v... -cái tên đã quen với

(1) Trong vở bi kịch Phêđrơ (*Phèdre*) của Raxin (*Racine*, thế kỷ XVII), nhân vật Têramen (*Théramène*), thầy của Hipôlit (*Hippolyte*), đã thuật lại cái chết của chàng một cách văn hoa và dài dòng.

những hành động tội lỗi của đời cũ, lại sống mấy mươi năm trong tù mà chẳng sửa chữa được gì, chứng cớ là việc chặn đường ăn cướp thằng bé Giecve v.v...- chính cái tên như thế bị bắt quả tang ăn trộm trên đường cái, cách chỗ hắn trèo tường có mấy bước, trên tay còn giữ vật vừa ăn trộm xong, mà còn dám chối cả quả tang, chối việc ăn trộm, chối việc trèo tường, chối tất cả, chối đến cả tên họ, cả lý lịch! Ngoài hàng trăm chứng cớ mà chúng tôi không nhắc lại làm gì, có bốn người đã nhận mặt y: ông Giave, thanh tra cảnh sát đáng tin cậy, và ba tên trước kia là bạn tù của y, những tên tù khổ sai Bơrơvê, Sơninđiơ và Côsơpay. Trước sự nhất trí mãnh liệt ấy, y chống chế như thế nào? Y chỉ có chối. Thật là đồ lì lợm! Thưa các ngài hội thẩm, yêu cầu các ngài cầm cân nẩy mực v.v...

Trong khi ông công tố nói thì bị cáo ngồi nghe, miệng cứ há hốc ra như vừa ngạc nhiên vừa có vẻ thán phục. Hắn lấy làm lạ lùng sao lại có người ăn nói được như thế. Thỉnh thoảng khi lời buộc tội đến chỗ "hăng hái" nhất, những chỗ lời hùng biện không thể kìm hãm nổi, đã nổ thành một tràng những tính từ thoá mạ đổ xuống đầu bị cáo như một cơn bão táp, hắn chỉ biết thong thả lắc đầu từ trái sang phải rồi lại từ phải sang trái. Đó là cử chỉ minh oan buồn rầu và lặng lẽ của hắn từ lúc bắt đầu xử đến giờ. Hai ba lần khán giả ngồi gần nhất nghe hắn nói nho nhỏ "Rõ ràng không hỏi ông Balu là như thế đó!" Ông công tố lưu ý ban hội thẩm rằng dáng điệu ngớ ngẩn của hắn là dáng điệu có tính toán trước, nó chứng tỏ không phải là sự ngu ngốc mà là sự tinh khôn, ranh mãnh, thói quen lừa gạt pháp luật, chính cái dáng điệu ấy đã bóc trần "bản chất xấu xa nhất" của tên này.

Ông kết luận tách vụ cướp thằng bé Giecve để lại sau, rồi đòi xử thật nghiêm khắc. Người ta còn nhớ đó là án khổ sai chung thân. Luật sư biện hộ đứng dậy, bắt đầu khen "ông công tố" về những "lời châu ngọc" của ngài, rồi mới cố chống đỡ thêm, những lý lẽ nghe chừng đuối dần, chỗ tựa lung lay lắm.

X

PHƯƠNG PHÁP CHỐI CÃI

Đã đến lúc kết thúc cuộc tranh cãi. Ông Chánh án gọi bị cáo đứng dậy và theo thủ tục hỏi: "Anh còn muốn nói thêm điều gì để bào chữa cho anh nữa không ?". Hắn đứng sững như không nghe thấy gì, hai tay cứ mân mê cái mũ vải bẩn thỉu đến ghê tởm.

Ông Chánh án lại nhắc câu hỏi một lần nữa.

Lần này hắn nghe rõ. Hình như hắn đã hiểu. Hắn có cái cử chỉ một người vừa bừng tỉnh dậy. Hắn đưa mắt nhìn chung quanh một lượt, nhìn đám đông, nhìn bọn sen đầm, nhìn ông luật sư biện hộ, những ông hội thẩm, các quan tòa. Hắn để nắm tay to tướng lên chỗ vành gỗ trước mặt, nhìn quanh lượt nữa rồi bỗng nhiên nhìn thẳng vào ông công tố, cất tiếng nói. Người ta có cảm tưởng là một hỏa sơn phun lửa. Hình như bao nhiêu lời nói đều muốn xô cả ra ngoài miệng một lúc, lủng củng, dồn dập, xô đẩy nhau, lẫn lộn. Hắn nói:

- Tôi xin nói như thế này. Rằng tôi trước làm nghề chữa xe ở Pari. Chính ngay ở hiệu ông Balu. Công việc nặng nhọc lắm. Cái nghề chữa xe bao giờ cũng phải làm ở

ngoài trời, trong sân, chủ tốt mới cho làm trong nhà trại, có bao giờ được ở trong xưởng cửa ngõ tử tế, vì cần phải có chỗ rộng, các ông ạ. Mùa đông rét quá phải đập vào cánh tay cho đỡ cóng, nhưng mà chủ không muốn thế, bảo mất thời giờ. Cầm, nắn sắt trong lúc giá đóng ngay trong kẽ đá lát sân, khổ lắm! Làm nghề ấy nó chóng già người đi. Chưa đến tuổi đã lụ khụ như ông lão rồi. Đến bốn mươi tuổi là kiệt sức. Tôi thì tôi đã năm mươi ba, nhiều gian truân lắm. Mà bọn thợ thuyền thì tai ác lắm! Thấy ai già yếu thì động một tí chúng gọi là con cốc già, con bò già. Tôi chỉ còn kiếm được mỗi ngày ba mươi xu; họ cố tình trả công rẻ mạt, họ lấy nê là mình già yếu mà. Tôi đã vậy, trước kia tôi lại còn đứa con gái làm nghề thợ giặt ở bến sông, nó cũng kiếm phần nó được một ít. Cả hai cha con ngày ấy làm ăn cũng tiềm tiệm đủ. Nó làm cũng cực nhọc lắm. Suốt ngày ngâm nửa mình trong bể giặt. Trời mưa, trời tuyết, gió bấc vun vút vào mặt như cắt thịt cũng mặc. Trời lạnh nước đóng thành băng cũng phải giặt. Lắm khách không có nhiều quần áo, đưa giặt chờ lấy ngay, nếu không làm thì mất khách. Gỗ ván ghép chẳng ra sao nên nước rỉ ra khắp chỗ. Áo quần ướt ngoài ướt trong, tất cả. Rét đến thấu xương. Con bé nó cũng có làm ở nhà giặt Con Đỏ, ở đấy có vòi nước, nên khỏi dầm vào bể. Mở vòi là giặt, rồi quay ra sau lưng mà xát. Làm việc chỗ kín nên ít lạnh hơn. Nhưng lại có hơi nước nóng cũng đáng sợ, vì nó xông lên hại mắt lắm.

Làm đến bảy giờ tối mới về, nhọc mệt lắm phải đi nằm ngay. Chồng nó lại còn đánh đập cho nữa. Nó chết rồi. Chúng tôi chẳng biết gì là sung sướng. Thật là một con bé đảm đang, không đi hội hè nhảy nhót bao giờ, ngoan ngoan dễ bảo, tôi nhớ có một ngày thứ ba béo, nó đi

ngủ lúc tám giờ. Thế đấy. Tôi nói thật đấy. Các ông cứ cho hỏi mà xem. À, đi hỏi? Tôi ngốc thật! Pari như một cái hố thẳm. Ai mà biết được lão Săngmachiơ là ai? Nhưng mà tôi bảo cứ hỏi ông Balu, cứ đến hỏi ông Balu. Ngoài ra, tôi không hiểu các ông muốn gì tôi.

Hắn lặng im và đứng sững đó. Hắn đã nói một thôi, nói to và nhanh. Giọng hắn sẵng và khàn khàn, có vẻ thực thà nhưng có pha tức giận và dữ tợn. Một lần hắn ngừng nói để chào một người nào đó trong đám đông. Bao nhiêu những lời hắn nói ra như để cho mọi người cùng đinh ninh với hắn, hắn như vứt ra lung tung trước mặt, thành từng tràng như những cơn nấc. Mỗi lời nói hắn lại kèm theo điệu bộ của thợ rừng bửa củi. Khi hắn dứt lời thì cử tọa cười rộ lên. Hắn nhìn đám đông thấy người ta cười, không hiểu làm sao, cũng cười theo.

Thật là quái gở.

Ông Chánh án vốn là người có ý tứ và tốt bụng bèn lên tiếng.

Ông nhắc "các ông hội thẩm" rằng "cái ông Balu, chủ nhà hàng chữa xe mà bị cáo khai là đã làm công ở đó, có nại ra cũng vô ích vì hắn đã vỡ nợ và bỏ đi, không biết nay ở đâu rồi". Quay về phía bị cáo, ông khuyên hắn nghe cho kỹ điều ông sắp nói rồi tiếp:

- Anh đang ở vào cái cảnh ngộ cần phải suy nghĩ cho chín. Anh đang bị nghi có nhiều tội có thể bị án nặng lắm đấy. Bị cáo, vì anh mà tôi hỏi lại anh một lần cuối cùng, anh phải phân giải rõ ràng hai điều này: Thứ nhất, anh có trèo tường vào trong trại Pierông bẻ cành và ăn trộm táo, nghĩa là phạm tội ăn trộm có trèo tường, có hay không? Thứ hai, anh có phải là tên tù khổ sai Giăng Vangiăng đi đày về, phải hay không?

Bị cáo lắc đầu có vẻ tự tin, như đã thực hiểu và biết là mình phải trả lời như thế nào. Hắn há miệng quay về phía ông Chánh án và nói:

- Trước hết...

Rồi hắn nhìn cái mũ, nhìn lên trần nhà và lặng im.

Ông công tố giọng nghiêm khắc:

- Bị cáo, coi chừng đấy. Anh không trả lời gì vào câu hỏi người ta hỏi anh. Lúng túng thế là gian rồi. Đích anh không phải là tên Săngmachiơ mà là tên tù khổ sai Giăng Vangiăng, trước còn đội tên Giăng Machiơ là họ đằng mẹ nữa. Anh đã đến đất Ôvécnhơ, anh sinh ra ở Phavơrôn và làm nghề xén cây ở đấy. Đích là anh đã trèo tường ăn trộm táo chín ở trong trại Pierông. Các ông hội thẩm sẽ nhận xét những sự việc ấy.

Bị cáo đã ngồi xuống. Thấy ông công tố nói thế, hắn lại đứng phắt dậy, kêu lên:

- Ông, ông độc ác thực! Tôi định nói thế này. Ban nãy tôi chưa nghĩ ra. Tôi không trộm cắp gì cả. Tôi nghèo đến nỗi nhiều hôm không có cái ăn. Tôi ở Ayli đến. Trời vừa mưa to xong, vùng tôi đi qua đều một màu vàng đục. Hồ ao cũng tràn đầy. Hai bên đường chỉ còn những ngọn cỏ li ti lòi lên mặt cát. Tôi thấy một cành cây gãy rơi dưới đất. Trên cành có quả táo. Tôi nhặt lên, có ngờ nó lại mang tai vạ đến cho mình đâu. Đã ba tháng nay tôi bị giam và bị người ta dằn vặt đủ điều. Thế mà tôi không nói gì được, họ vu vạ cho tôi và bảo tôi: "Trả lời đi!" Viên sen đầm thương hại tôi, thích vào khuỷu tay, khẽ giục tôi: "Trả lời đi chứ"! Tôi thì tôi không biết cách nói, tôi có học hành gì đâu, tôi nghèo khổ lắm. Đấy là chỗ các ông không xét cho tôi. Tôi không trộm cắp, tôi thấy rơi ở đường thì tôi nhặt. Ông bảo là Giăng Vangiăng, Giăng Machiơ! Tôi có biết những

người ấy là ai đâu? Đấy là bọn nhà quê. Tôi làm công cho ông Balu ở phố Nhà thương. Tôi tên là Săngmachiơ. Các ông biết được cả chỗ tôi sinh kể cũng tài thật. Chính tôi, tôi cũng không biết. Có phải ai cũng được cha mẹ đẻ ra trong nhà trong cửa đâu. Được thế thì hay quá. Tôi tin rằng cha mẹ tôi cũng là hạng cầu bơ cầu bất thôi. Thật ra tôi cũng chả biết. Lúc bé người ta gọi tôi là Bé, giờ người ta gọi tôi là Lão. Tên cúng cơm của tôi là thế đó. Các ông muốn cho việc ấy ra thế nào thì mặc ý. Tôi có ở Ôvécnhơ, tôi có ở Phavơrôn thì cũng được. Thế thì làm sao? Có lẽ nào đã ở Ôvécnhơ và đã ở Phavơrôn thì cứ phải là người đi đày về hay sao? Tôi bảo là tôi không ăn trộm. Tôi là lão Săngmachiơ. Tôi làm công cho ông Balu. Tôi có nơi ở hẳn nhiên. Các ông cứ nói bậy mãi làm tôi phát bực mình lên đây! Tại sao thiên hạ cứ đeo theo mà làm hại tôi thế này!

Ông công tố vẫn đứng. Ông ta nói với ông Chánh án:

- Thưa ông Chánh án, tên bị cáo khéo chối cãi, làm như mình là thằng ngốc nghếch, nhưng lúng túng không lừa được ai -Tôi nói cho nó biết thế đấy- Và đã thế thì tôi xin tòa lại cho đòi ba tên Bơrơvê, Côsơpay và Sơninđiơ cùng viên thanh tra cảnh sát Giave ra đây để đối cứu một lần nữa về lý lịch tên tù khổ sai Giăng Vangiăng.

Ông Chánh án đáp:

- Tôi xin nói để ông công tố biết rằng viên thanh tra cảnh sát Giave vì bận công vụ ở một quận gần đây, khi khai xong đã xin ra khỏi tòa và rời khỏi thành phố rồi. Chúng tôi đã chuẩn y sau khi được sự đồng ý của ông và của luật sư bên bị cáo.

Ông công tố tiếp lời:

- Thưa ông Chánh án, đúng như thế. Ông Giave hiện không có mặt ở đây, tôi thấy cần nhắc lại với các ông hội thẩm lời ông ta khai trước đây. Giave là một người được

tín nhiệm. Tính thẳng thắn tuyệt đối của ông ta trong khi thừa hành những chức vụ thấp nhưng quan trọng đã làm cho ông ta có nhiều uy tín đấy. Đây là lời khai của ông ta: "Tôi không cần phải nêu ra những suy luận lý trí và những tang chứng cụ thể để gạt bỏ những lời chối cãi của bị cáo. Tôi nhận được nó rõ ràng. Người này không phải tên là Săngmachiơ, nó là một thằng tù khổ sai cũ rất hung dữ, rất đáng sợ tên là Giăng Vangiăng. Người ta bắt đắc dĩ phải thả nó ra vì nó đã hết hạn tù. Nó đã bị mười chín năm khổ sai về tội trộm cướp. Đã năm sáu lần nó tìm cách vượt ngục. Ngoài tội cướp tiền của thằng bé Giecve và tội ăn trộm ở trại Pierông, tôi còn nghi nó là thủ phạm vụ trộm ở nhà Đức cố giám mục thành Đinhơ nữa. Tôi quen mặt nó vì trước đây tôi làm quản đề lao ở nhà ngục Tulông. Một lần nữa, tôi xin khai là tôi nhận được mặt nó rõ ràng".

Lời khai chứng rành mạch như thế làm cho công chúng và ban hội thẩm đều tin cả. Cuối cùng ông công tố lại yêu cầu không có Giave thì còn ba người làm chứng nữa là Bơrơvê, Côsơpay và Sơninđiơ, toà cứ cho gọi cả ra để nghe họ khai lại và để toà trịnh trọng hỏi lại họ lần nữa.

Ông Chánh án ra lệnh cho mõ toà, và một lúc sau cửa ở phòng chứng tá mở ra. Mõ toà, theo sau có một sen đầm sẵn sàng ra tay, đưa tù nhân Bơrơvê vào. Cử tọa trong phòng như ngừng thở và mọi trái tim đều hồi hộp.

Tên cựu tù Bơrơvê mặc thứ áo đen và xám của các nhà ngục. Hắn trạc tuổi sáu mươi, nét mặt giống hệt một anh chạy việc và dáng điệu chẳng khác một thằng lừa bịp. Hai tính cách ấy có lúc đi với nhau. Vì tái phạm nên hắn lại vào tù và ở đó hắn đã làm một thứ gác cửa ngục. Đúng là loại người mà cấp trên thường nói: "Hắn muốn tâng công". Các cha tuyên úy cũng làm chứng cho những thói ngoan đạo của hắn. Xin đừng quên là việc này xảy ra dưới thời quân chủ Phục hưng. Ông Chánh án bảo:

- Bơrơvê, anh đã bị nhục án nên không được phép tuyên thệ...

Bơrơvê cúi đầu nhìn xuống.

- Song, ngay con người mà pháp luật đã tước mất phẩm giá cũng có thể trời còn thương mà để lại cho chút ý thức về danh dự và công lý. Trong giờ phút nghiêm trọng này, ta kêu gọi chút ý thức còn lại ấy. Nếu nó còn, và ta mong rằng nó còn thật, thì anh hãy nghĩ kỹ đi rồi hãy trả lời. Hãy nhìn cho kỹ: một mặt, người ấy có thể do lời nói của anh mà bị tội vạ, nhưng mặt khác toà lại có thể nhờ lời nói của anh mà biết rõ trắng đen. Giờ phút này rất quan trọng. Anh còn thời giờ để phản cung nếu xét ra trước mình đã khai lầm. -Bị cáo đứng dậy!- Bơrơvê! Nhìn cho kỹ bị cáo, cố nhớ cho ra và nói cho đúng điều lương tâm anh bảo nói: có phải người này là Giăng Vangiăng, bạn đồng ngục với anh trước kia, như anh đã khai không?

Bơrơvê nhìn bị cáo, rồi quay về phía quan toà:

- Thưa quan Chánh án, đúng thế. Chính tôi đã nhận ra nó trước tiên và tôi vẫn giữ nguyên lời khai. Người này là Giăng Vangiăng. Bị tống ngục năm 1796 và được tha năm 1815. Tôi cũng được ra năm sau. Giờ thì coi bộ nó lù đù, có lẽ tại nó có tuổi nên mụ người đi. Trong tù nó là thằng tinh quái ngấm ngầm. Tôi nhận chính là nó đấy ạ!

Ông Chánh án nói:

- Cho anh về chỗ. Bị cáo, cứ đứng đấy.

Người ta lại dẫn tên Sơninđiơ chung thân khổ sai vào. Nhìn chiếc áo đỏ và chiếc mũ xanh đủ biết là hắn vẫn bị giam ở nhà lao Tulông, nay được đưa đến đây để làm chứng. Hắn vào khoảng trên dưới năm mươi tuổi. Người bé nhỏ, nhăn nheo, vàng bủng, nhưng có vẻ nhanh nhẹn,

trâng tráo, hấp tấp. Trông tay chân và toàn thâ: thì ốm yếu như có bệnh tật mà con mắt nhìn lại có một sức mạnh vô cùng... Bạn tù gọi hắn là thằng "Không có Chúa".

Ông Chánh án cũng nói với hắn những lời đại khái như đã nói với tên Bơrơvê. Khi ông ta nhắc lại cho hắn biết là tù phạm không được quyền tuyên thệ, hắn ngẩng lên nhìn thẳng vào chỗ công chúng. Ông Chánh án bảo hắn nên chú ý và cũng hỏi lại hắn xem lần này hắn vẫn nhận đúng bị cáo như lần trước không. Hắn phá lên cười:

- Còn gì nữa! Sao lại không biết! Hai đứa bị xích chung với nhau năm năm trời mà. Anh già, làm mặt giận đấy à?

Ông Chánh án truyền: -Cho anh về chỗ.

Mõ tòa dẫn Côsơpay vào. Tên tù chung thân này cũng bị đưa từ nhà lao đến và vẫn mặc áo đỏ như tên Sơninđiơ. Hắn vừa là nông dân xứ Luôcđơ, vừa là dân miền núi cục mịch xứ Pirênê. Trước hắn làm nghề chăn cừu trên núi và từ chăn cừu sa ngã thành kẻ cướp. Trông người cũng man rợ như bị cáo và còn có phần ngớ ngẩn hơn. Chẳng qua cũng là một hạng người khốn khổ, lúc sinh trời định nặn thành thú dữ, nhưng xã hội lại chuốc cho ra một tên tù khổ sai.

Ông Chánh án tìm cách lay động tên này bằng mấy lời cảm động và nghiêm trang rồi hỏi hắn như đã hỏi hai tên kia, rằng hắn còn nhất quyết nhận có biết rõ cái người đứng trước mặt hắn kia không. Côsơpay trả lời:

- Giăng Vangiăng chứ còn ai nữa! Chính người ta còn gọi nó là Giăng Kích vì nó khỏe lắm.

Những lời khẳng định của ba tên này cố nhiên là thành thực và vô tư. Trong chỗ công chúng có tiếng xì

xào. Thật là triệu chứng không tốt cho bị cáo. Tiếng xì xào ấy tăng thêm và lan rộng mỗi khi có lời khai mới thêm vào lời khai trước. Hắn đứng nghe, vẻ mặt ngạc nhiên. Theo lời buộc tội thì làm ra vẻ ngạc nhiên là cách chống chế chủ yếu của hắn. Tên thứ nhất khai xong, mấy viên sem đầm ngồi bên cạnh nghe hắn ta lầm bầm trong miệng: "Hay chưa, cái thằng!". Đến tên thứ hai, hắn ta lại nói rõ thêm một tí, giọng như người vừa ý: "Hay nhỉ!". Đến tên thứ ba hắn reo lên: "Giỏi thật!". Ông chánh án hỏi:

- Bị cáo, anh nghe rõ rồi đấy. Anh có gì nói không?

Hắn đáp:

- Tôi nói: Giỏi thật!

Sự ồn ào trong đám công chúng lan cả đến chỗ các viên hội thẩm. Việc rành rành ra rồi, bị cáo nguy mất rồi.

Ông Chánh án ra lệnh:

- Mõ tòa đâu, giữ trật tự. Việc thẩm cứu thế là xong.

Giữa lúc ấy có tiếng động ở ngay bên cạnh ông Chánh án. Có tiếng người hét lên:

- Bơrơvê, Sơninđiơ, Côsơpay! Nhìn đây.

Ai nghe thấy tiếng thét ấy cũng phải lạnh người, vì nó thảm đạm và ghê gớm làm sao! Mọi người quay cả về phía đó. Trong đám quan khách ngồi sau ghế thẩm phán có một người vừa đứng dậy, đẩy cái cánh cửa thấp ngăn chỗ quan tòa với vành móng ngựa, tiến ra đứng ngay giữa phòng xử án. Ông Chánh án, ông công tố, ông Bamataboa, đến hai chục người đều nhận ra người ấy và cùng kêu lên:

- Ông Mađơlen!

XI

SĂNGMACHIƠ MỖI LÚC MỘT THÊM NGẠC NHIÊN

Chính ông ta thật. Ánh đèn trên bàn viên lục sự chiếu rõ vào mặt. Tay ông cầm mũ, quần áo hoàn toàn chỉnh tề, cái áo khoác ngoài đóng cúc cẩn thận. Mặt ông tái xanh. Người ông hơi run run. Mái tóc trên đầu ông, lúc mới đến Arát hãy còn lốm đốm, nay đã bạc trắng. Mà chỉ trong một giờ ông ngồi đây.

Mọi người đều ngẩng lên. Cảm giác thực là khó tả. Công chúng ngơ ngác. Tiếng kêu thì thảm thiết, thế mà người đứng kia lại có vẻ điềm tĩnh lạ thường, mới đầu chẳng ai hiểu ra làm sao cả. Họ tự hỏi ai đã thét lên thế. Vì không thể tin được rằng cái người bình tĩnh kia lại đã kêu lên ghê rợn như vậy.

Nhưng người ta chỉ lưỡng lự có vài giây thôi. Ông Chánh án và ông công tố chưa kịp nói gì, cả bọn lính sen đầm và mõ tòa cũng chưa kịp có một cử động gì thì cái người mà lúc nãy hết thảy đều gọi là ông Mađơlen đã tiến đến chỗ ba tên làm chứng Côsơpay, Bơrơvê và Sơnindiơ:

- Các anh không nhận ra được ta à?

Cả ba đều ngẩn người ra, lắc đầu tỏ ra không biết. Côsơpay cuống lên, vội giơ tay chào theo kiểu nhà binh. Ông Mađơlen quay nhìn bọn quan tòa và bọn hội thẩm rồi ôn tồn nói:

- Các ông hội thẩm. Xin các ông tha cho người bị cáo đi. Ông Chánh án! Xin cho bắt tôi đi. Người mà ông đang truy nã không phải là người này, mà là tôi đấy. Tôi chính là Giăng Vangiăng.

Ai nấy đều nín thở. Phút choáng váng vì ngạc nhiên đã qua, trong phòng im lặng như nơi nhà mồ. Trong phòng vụt có không khí thiêng liêng. Mọi người cảm thấy sợ hãi một cách thành kính như đang chứng kiến một cái gì vĩ đại đang xảy ra.

Ông Chánh án thương hại và buồn rầu lộ ra nét mặt. Ông ra hiệu với viên công tố và nói nhỏ mấy lời với bọn hội thẩm rồi quay sang hỏi công chúng. Giọng ông có cái gì đặc biệt khiến mọi người đều thông cảm:

- Ở đây có ông thầy thuốc nào không?

Ông công tố lên tiếng:

- Thưa các ngài hội thẩm, việc xảy ra thật lạ lùng và bất ngờ làm náo động cả phiên tòa. Nhưng chúng tôi cũng như các ngài đều chỉ có một cảm tưởng như nhau, không cần phải nói ra làm gì. Các ngài đều biết, hay ít nhất cũng nghe tiếng vị này là ông thị trưởng Mađơlen ở Môngtơrơi Xuya Me. Trong hàng dự thính nếu có ai là thầy thuốc thì chúng tôi cũng xin đồng ý với ngài Chánh án yêu cầu lại xem giúp cho ông Mađơlen và đưa hộ ông ta về nhà.

Ông Mađơlen không để cho ông công tố nói hết. Ông lên tiếng ngắt lời, giọng rất từ tốn và dõng dạc. Sau đây là nguyên văn những lời ông nói, đúng như một người đã chứng kiến việc này, ở phiên tòa về là

chép ngay, cũng như nhiều người đã nghe ở đây còn như thấy văng vẳng bên tai mình, mặc dù từ đó đến nay đã gần bốn mươi năm.

- Xin cảm ơn ông công tố, nhưng tôi có điên đâu. Đây này. Ban nãy, xuýt nữa các ông phạm phải một điều sai lầm lớn. Xin các ông hãy thả người này ra. Tôi đến đây để làm một nhiệm vụ. Chính tôi mới là tên khốn nạn đó.

Ở đây, chỉ riêng tôi là biết rõ sự thật và tôi xin nói lên. Điều mà tôi đang làm đây có Chúa ở trên soi xét cho, thế là đủ. Tôi đã đến đây, các ông có thể bắt tôi đi. Dù sao, tôi đã dốc lòng tu tỉnh. Tôi đổi họ thay tên, tôi trở nên giàu có, tôi được làm thị trưởng; tôi muốn quay về với những người lương thiện. Hình như việc ấy khó thành thực. Kể ra có rất nhiều cái tôi không thể nói ra được, tôi không dám đem chuyện đời tôi để kể ra đây, một ngày kia rồi người ta sẽ biết. Tôi quả có ăn trộm nhà Đức giám mục; tôi quả có cướp tiền của thằng bé Giecve. Người ta bảo trước kia Giăng Vangiăng là một đứa cùng khốn rất độc ác, điều ấy cũng có thế. Mọi lỗi lầm có lẽ không phải đều do hắn cả. Vâng, thưa các ông thẩm phán, một kẻ đã sa ngã như tôi thì không còn được chỉ trích trời và dạy khôn người đời nữa. Nhưng các ông xem đấy, cái cảnh khổ nhục mà tôi đã tìm cách thoát khỏi là một sự tai hại. Chốn lao tù tạo ra những thằng tù. Có công nhận như thế hay không là tùy ở các ông. Trước khi phải tù, tôi là một kẻ quê mùa cục mịch, một đứa ngu ngốc; tôi đã biến cải ở trong tù. Trước thì ngớ ngẩn, sau thì thành độc ác. Xưa chỉ là cành củi khô, sau thì thành khúc gỗ cháy. Về sau, lòng quảng đại nhân từ đã cứu vớt tôi, cũng như trước kia

sự nghiêm khắc đã làm tôi hư hỏng. Nhưng mà xin lỗi các ông, các ông không thể hiểu những điều tôi vừa nói đâu. Các ông đến nhà tôi sẽ thấy trong đồng tro lò sưởi còn đồng hào mà tôi đã cướp của thằng bé Giecve bảy năm trước đây. Tôi nói thế là đủ. Bắt giam tôi đi. Trời ơi! Ông công tố lắc đầu, các ông chắc bảo: "Ông Mađơlen hóa điên rồi!" Các ông không tin tôi! Thật là đáng buồn. Ít ra cũng xin các ông đừng làm tội oan người này. Sao ! Bọn các anh này không nhận ra được tôi à? Ước gì có Giave ở đây nhỉ. Anh ta thì nhận ra tôi ngay!

Giọng nói của ông có cái gì buồn rầu, độ lượng và âm thầm rất khó tả.

Ông quay sang hỏi ba tên tù khổ sai:

- Tôi thì tôi nhận ra được các anh! Bơrơvê, còn nhớ không?...

Ông ngừng lại, lưỡng lự một tí rồi tiếp:

- Anh còn nhớ ở trong tù anh vẫn có cái đai quần đan ô vuông không?

Bơrơvê giật mình sợ hãi, nhìn ông từ đầu đến chân. Ông vẫn nói tiếp: -Sơninđiơ (1) anh vẫn tự xưng là thằng "Không có Chúa". Vai bên phải anh có vết bỏng lớn. Một hôm anh dí vai vào một cái hỏa lò than hồng để cố xóa mấy chữ KSCT (2) mà nó vẫn cứ rõ. Có phải thế không? Nói đi!

Sơninđiơ đáp:

---

(1) Nguyên văn *Chenidieu* đọc tương tự như *Je nie Dieu*: tôi không thừa nhận Chúa.

(2) Khổ sai chung thân (Nguyên bản 3 chữ: T.F.P: *travaux forcés a perpétuité*).

- Đúng thế.

Ông quay lại nói với Côsơpay:

- Côsơpay, cánh tay trái anh có trổ một hàng chữ màu xanh bằng thuốc súng: "Ngày 1 tháng 3 năm 1815" tức là ngày Đức hoàng đế đổ bộ lên bến Candơ. Vén tay áo lên xem nào.

Côsơpay vén tay áo lên. Bao nhiêu con mắt đều đổ dồn vào cánh tay để trần. Một người lính sen đầm cầm đèn soi gần vào: hàng chữ có thật.

Con người tội nghiệp ấy quay nhìn sang chỗ công chúng và chỗ quan tòa với một nụ cười trông đến não nuột, cái nụ cười đắc thắng mà cũng là cái nụ cười thất vọng.

- Đấy nhé, có phải chính tôi là Giăng Vangiăng không nào.

Trong phòng bấy giờ không còn ai là quan tòa, là công tố viên, là lính sen đầm nữa. Chỉ toàn những con mắt đăm đăm và những tấm lòng cảm động thôi. Người ta quên cả nhiệm vụ của mình phải làm lúc đó; công tố viên quên rằng mình phải buộc tội. Chánh án quên rằng mình đang ngồi xử, luật sư cũng quên rằng mình đến đây để biện hộ. Lạ lùng là không một ai hỏi gì, không một uy quyền nào lên tiếng cả. Những cảnh tượng vĩ đại nó như thế: Nó chiếm đoạt cả tâm hồn người ta và bắt người ta phải lặng yên mà chiêm ngưỡng. Có lẽ chẳng ai biết được mình đang có cảm xúc gì. Chắc cũng chẳng ai tự bảo là mình thấy ở đấy như có một ánh sáng gì đang chói lọi. Nhưng ai nấy đều thấy lòng mình rạng rỡ lên.

Rành rành trước mắt mọi người là Giăng Vangiăng. Điều đó chói rực lên. Con người này xuất hiện đã làm cho sự kiện vừa mới đây còn mù mờ, nay bỗng dưng sáng tỏ hẳn ra. Chẳng cần phải giải thích nữa, toàn thể quần chúng có mặt, trong một chớp sáng nhanh như điện, đều hiểu ngay và hiểu đầy đủ rằng đây là cảnh tượng đơn sơ nhưng cao cả của một con người tự bó tay nộp mình cho pháp luật để cho một người khác khỏi phải tù tội oan thay cho mình. Mọi thứ vụn vặt, mọi ngập ngừng, mọi sự chống đối linh tinh có thể có đều tan đi trước ánh sáng rực rỡ của hành vi lồng lộng này.

Lúc ấy cảm giác đó không có gì ngăn cản nổi, nhưng rồi nó qua rất nhanh.

Giăng Vangiăng nói tiếp:

- Tôi không muốn quấy rầy phiên tòa nhiều nữa. Các ông chưa muốn bắt tôi thì tôi xin đi đây. Tôi còn nhiều việc phải làm cho xong đã. Ông công tố đã biết tôi là ai rồi, biết tôi sẽ về đâu, lúc nào ông cho người đến bắt tôi cũng được.

Ông đi ra phía cửa chính. Không một ai lên tiếng, không một ai giơ tay ngăn ông lại. Hết thảy đều tránh cho ông đi. Bấy giờ ông như có cái gì thiêng liêng khiến đám đông muôn người phải bước lùi và nép mình trước một con người. Ông thong thả bước qua. Về sau cũng không ai biết được người nào đã mở cửa cho ông lúc bấy giờ, song ra đến cửa thì rõ ràng đã thấy cửa mở sẵn rồi. Trước khi bước ra ông còn quay lại nói:

- Thưa ông công tố, tôi xin đợi lệnh ông.

Và ông nói với công chúng:

- Các ông các bà có mặt ở đây, chắc ai cũng thấy ái ngại cho tôi có phải không? Trời ơi! Nhưng nghĩ lại cái việc

mà ban nãy xuýt nữa tôi đã làm thì tôi lại thấy bây giờ tôi đáng quí biết bao nhiêu! Dù sao, những việc như thế này đừng xảy ra thì vẫn tốt hơn.

Ông đi ra. Cánh cửa đóng lại như lúc nó mở ra. Vì khi người ta làm điều gì cao thượng, thì chắc thế nào trong đám đông cũng có kẻ sẵn lòng giúp đỡ mình.

Non một nửa giờ sau, tòa tuyên án tha bổng cho tên Săngmachiơ và tên này được thả ngay tức khắc. Hắn vừa đi ra vừa ngơ ngác, tưởng người đời đều điên hết và không hiểu việc hắn vừa nghe thấy ra làm sao cả?

QUYỂN TÁM

HẬU QUẢ

I

ÔNG MAĐƠLEN NHÌN TÓC MÌNH Ở CÁI GƯƠNG NÀO

Trời vừa hửng sáng. Phăngtin sốt và trằn trọc suốt đêm, nhưng trong mơ chập chờn toàn những cảnh sung sướng. Đến sáng chị mới ngủ yên. Bà xơ Xempơlit săn sóc cho chị cả đêm, bây giờ mới lựa được lúc chị ngủ để đi pha một liều thuốc Canh-ki-na nữa. Bà ở trong phòng thuốc của bệnh xá một lúc lâu, loay hoay với những thuốc, những chai. Mọi vật buổi sớm còn mờ mờ, phải nhìn sát mới trông rõ. Bỗng bà quay đầu lại và khẽ kêu lên. Ông Mađơlen vừa lẳng lặng đi vào đứng sững ngay trước mặt bà. Bà kêu lên:

- Ông thị trưởng đấy à?

Ông ta hỏi sẽ:

- Bệnh tình chị ấy ra sao?

- Bây giờ thì đã khá. Đã có lúc chúng tôi ngại quá đấy!

Bà kể lại cho ông nghe, hôm qua Phăngtin đã nguy lắm, nhưng nay lại đỡ nhiều vì chị ta tưởng ông đi Môngphecmây tìm con bé của chị. Bà xơ không dám hỏi thẳng ông, nhưng cứ nhìn dáng điệu ông, bà ta cũng biết ngay không phải ông ở đấy về.

Ông bảo:

- Thế cũng được. Bà cứ để chị ta tin như thế là phải.

- Vâng, nhưng thưa ông, bây giờ chị ta sẽ được gặp ông mà lại chưa được thấy con thì chúng tôi biết nói với chị ta thế nào?

Ông trầm ngâm một lúc rồi bảo:

- Có Chúa sẽ mách bảo cho ta.

Bà xơ thì thầm trong miệng:

- Nhưng lẽ đâu lại đi nói dối.

Trong phòng sáng hẳn lên. Ánh sáng chiếu thẳng vào mặt ông Mađơlen. Bà xơ vô tình, nhìn lên thấy rõ. Bà kêu:

- Trời ơi! Thưa ông, ông làm sao thế? Tóc ông bạc trắng cả.

- Bạc trắng à?

Bà xơ không có gương soi. Bà lục trong túi đựng đồ vặt, lấy ra một miếng kính nhỏ thầy thuốc vẫn dùng để thử xem người hấp hối đã tắt thở hẳn chưa?. Ông Mađơlen cầm miếng kính giơ lên soi đầu và bảo: Ờ nhỉ!

Ông lơ đãng nói thế, tâm trí như còn đang nghĩ đâu đâu.

Bà xơ lạnh cả người, cảm thấy có sự gì lạ lùng mới xảy ra. Ông lại hỏi:

- Tôi vào thăm chị ta được không?

Bà xơ rụt rè hỏi gặng:

- Thế ông thị trưởng không cho đón đứa con về cho mẹ nó sao?

- Có chứ, nhưng phải chờ vài ba hôm nữa.

Bà khẽ nài:

- Thế thì từ hôm nay đến hôm ấy đừng để chị ta gặp ông thị trưởng, chị ta sẽ không biết rằng ông thị trưởng đã về. Như thế dễ bảo chị ta dần lòng đợi. Khi đứa bé đã về rồi, thì chị ta yên trí là ông thị trưởng đã đi đón nó thực. Như vậy ta không phải nói dối.

Ông có vẻ suy nghĩ một lát rồi ôn tồn và nghiêm nghị bảo:

- Bà xơ ạ, không được. Tôi cần gặp chị ta ngay. Có lẽ tôi vội.

Hình như bà xơ không chú ý đến hai tiếng "có lẽ" nó làm cho lời nói của ông thị trưởng khó hiểu và lạ lùng. Bà cúi đầu cung kính đáp:

- Nếu vậy thì chị ta đang ngủ, nhưng ông thị trưởng cứ vào cũng được.

Ông nhắc bà xơ chú ý đến cánh cửa mở không được tốt, tiếng cọt kẹt có thể làm cho người ốm đang ngủ phải giật mình, rồi đi vào phòng của Phăngtin, đến gần chỗ chị nằm và vén màn lên. Chị đang ngủ. Hơi thở khò khè đặc biệt của bệnh phổi nghe rất thương tâm. Bà mẹ nào có con mang chứng nan y ấy mà ban đêm thức nhìn con ngủ, tất phải não lòng với tiếng thở khò khè bi đát

ấy. Chị thở khó khăn thế mà nét mặt vẫn tươi tỉnh lắm, trông khác hẳn lúc thức. Màu da xanh xao hóa trắng phau, hai má đỏ hồng. Hai hàng lông mi dài và ánh như tơ vàng là chút nhan sắc cuối cùng còn rớt lại của thời hóa niên trinh bạch. Hai mắt vẫn nhắm mà hàng mi cứ mấp máy. Toàn thân của chị khe khẽ rung như có đôi cánh đang vỗ nhè nhẹ và sắp bay bổng lên mang chị theo đi; đôi cánh vô hình mắt không trông thấy nhưng lòng ta cảm thấy rõ ràng. Nhìn vẻ người chị, chẳng ai dám bảo đó là một người bệnh đã đến lúc gần tuyệt vọng. Chị sắp cất cánh bay đi chứ không phải là sắp chết...

Khi có bàn tay lại gần và hái lấy hoa thì cành cây dường rung rung nửa như lẩn tránh, nửa như hiến dâng. Thân thể con người hình như cũng có chút rung rinh ấy khi những ngón tay huyền bí của tử thần sắp hái linh hồn để đem đi.

Ông Mađơlen đứng lặng yên bên giường một lúc lâu, hết nhìn người bệnh lại nhìn lên cây thánh giá, y như lúc hai tháng trước đây, ông đến thăm chị lần đầu tiên trong phòng này. Hôm nay trong phòng cũng vẫn hai con người ấy, trông cùng một dáng điệu như hôm xưa: chị thì ngủ, ông thì cầu nguyện. Có điều trong hai tháng vừa qua, tóc chị trở nên hoa dâm và đầu ông đã thành bạc trắng.

Bà xơ không theo ông vào. Ông đứng bên giường, ngón tay để lên miệng như ra hiệu cho một người nào khác im tiếng.

Phăngtin chợt mở mắt nhìn thấy ông. Chị mỉm cười bình tĩnh hỏi:

- Côđét đâu?

II

PHĂNGTIN SUNG SƯỚNG

Chị không tỏ vẻ ngạc nhiên hay vui mừng. Cả người chị là hiện thân của vui mừng. Chị chỉ hỏi một câu: "Côdét đâu?". Nhưng giọng chị tin tưởng sâu xa chắc chắn vô cùng, không lộ một mảy may lo âu ngờ vực, làm cho ông Mađơlen không biết nói sao. Chị lại bảo:

- Tôi biết ngay là ông đứng đấy. Tôi ngủ nhưng vẫn trông thấy ông. Tôi trông thấy ông từ lâu rồi. Tôi nhìn theo ông suốt đêm. Ông đứng giữa một áng hào quang và chung quanh ông có đủ mọi thứ thiên thần.

Ông nhìn lên cây thánh giá. Chị lại tiếp:

- Nhưng mà, Côdét đâu hở ông? Sao ông không đặt nó vào giường cho tôi để thức dậy tôi thấy nó ngay?

Ông lơ đãng trả lời một câu gì đó, về sau ông cũng không nhớ ra là mình đã nói gì.

May sao ông thầy thuốc được tin báo cũng vừa tới. Ông này đỡ lời hộ ông thị trưởng

- Chị cứ nằm yên, con cháu bé kia rồi.

Mắt Phăngtin sáng ngời, vẻ mặt rạng rỡ hẳn lên. Chị chắp hai tay lại với cái dáng điệu một người cầu khẩn thiết tha và dịu dàng nhất:

- Ồ! Ẵm cháu đến đây cho tôi.

Cảm động thay cái ảo tưởng của lòng mẹ! Chị vẫn cho là Côdét còn bé nhỏ phải ẵm đến. Ông thầy thuốc lại bảo:

- Chưa được. Hãy khoan đã. Chị còn hơi sốt đấy. Trông thấy cháu chị lại xúc động và ốm thêm. Chờ khỏi bệnh đã.

Chị cáu kỉnh ngắt lời:

- Tôi khỏi rồi cơ mà! Tôi bảo là tôi khỏi rồi! Cọn khỉ, cái nhà ông này! Ơ kìa! Tôi muốn gặp ngay con tôi mà.

- Đấy, có phải thế không, chị lại nóng nảy lên rồi. Chị mà chưa giữ được bình tĩnh thì tôi nhất định chưa cho gặp con vội. Không phải chỉ cốt trông thấy mặt con, mà còn phải sống để nuôi con nữa chứ. Bao giờ chị biết điều hơn, tôi sẽ tự tay dẫn nó vào với chị.

Người mẹ đáng thương ấy cúi đầu phục tùng:

- Thưa y sĩ, xin ông tha lỗi cho tôi. Tôi thành thực mong ông thứ lỗi cho tôi. Trước kia có bao giờ tôi dám nói như thế đâu. Đắng cay nhiều quá rồi, nên có đôi khi tôi nói càn mà không biết là mình đã nói gì. Tôi hiểu rồi, ông sợ tôi xúc động quá chứ gì. Tôi đợi đến bao giờ cũng được, nhưng tôi xin thề với ông là có được gặp mặt con tôi thì tôi cũng không làm sao đâu. Tôi đã trông thấy cháu rồi. Từ chiều tối hôm qua đến giờ, tôi không rời mắt nhìn theo nó. Ông ạ, giá có mang cháu đến cho tôi bây giờ, tôi cũng chỉ nhẹ nhàng hỏi chuyện cháu thôi. Có gì đâu. Đã cất công đến tận Mônghecmây đón cháu về cho tôi thì lẽ tất nhiên là tôi muốn được gặp nó ngay chứ sao? Tôi không nổi nóng đâu. Tôi biết là tôi sắp được sung sướng lắm. Cả đêm tôi mơ thấy những bóng trắng và những người mỉm cười với tôi. Khi nào y sĩ muốn dẫn con Côdét đến cho tôi gặp cũng được. Tôi không còn sốt nữa, tôi khỏi rồi cơ mà. Tôi cảm thấy trong mình chẳng còn bệnh tật gì nữa, nhưng tôi vẫn cứ phải làm như tôi còn ốm và phải nằm yên để chiều lòng các bà xơ ở đây. Bao giờ các bà ấy thấy tôi thật yên tĩnh, các bà chắc sẽ bảo: cho đứa bé vào với mẹ nó được rồi.

Ông Mađơlen ngồi xuống chiếc ghế đặt cạnh giường, Phăngtin quay mặt về phía ông. Rõ ràng là chị cố gắng làm ra vẻ bình tĩnh và "ngoan ngoãn" như chị nói, để cho mọi người thấy rằng chị đã bình tĩnh rồi thì không còn làm khó dễ nữa mà cho chị được gặp mặt con. Trong lúc ốm yếu người ta thường sinh ra trẻ con như thế. Chị muốn cố gắng nằm yên nhưng không khỏi hỏi ông Mađơlen hàng trăm câu hỏi.

- Thế nào, ông thị trưởng đi đường có được bình yên không? Thực là nhân đức quá, cái việc ông đi đón cháu về cho tôi, ông thị trưởng ạ. Xin ông cho tôi biết qua cháu nó thế nào? Cháu đi đường có mệt lắm không? Tội nghiệp! Chắc cháu chả nhận ra được tôi đâu. Đã bao lâu rồi còn gì! Khốn nạn, chắc cháu quên rồi! Trẻ em chóng quên lắm. Như loài chim ấy. Nay thấy thế này, mai thấy thế khác, chẳng lưu tâm đến một cái gì. Quần áo cháu có đủ mặc không? Cánh Tênacđiê có tắm rửa cho cháu sạch sẽ không? Chả biết họ cho ăn uống ra sao? Chao ôi! Trong cảnh bần hàn, mỗi khi tôi nghĩ đến những điều ấy thì lòng tôi đau như xé ông ạ! Giờ thì hết rồi. Tôi sung sướng quá! Trời ơi! Tôi muốn thấy con tôi quá! Ông thị trưởng ơi! Ông thấy cháu nó có xinh không? Nó trông xinh lắm có phải không ông? Đi đường ngồi xe chắc lạnh lắm! Có thể cho tôi gặp nó một lát thôi không? Rồi lại ẵm nó ra ngay mà. Ông là chủ nhân ở đây, ông cho phép nhé, nhé!

Ông cầm lấy tay Phăngtin:

- Côdét xinh lắm, Côdét khỏe mạnh. Rồi chị sẽ được thấy nó, hãy cứ bình tĩnh. Chị nói nhiều quá, lại thò cả tay ra ngoài giường, rồi lại ho đấy.

Thực vậy, chị vừa nói vừa ho rũ rượi.

Chị lặng yên, sợ nằn nì mãi thêm hỏng việc. Chị đang muốn mọi người tin ở chị. Và chị bắt sang những chuyện bâng quơ:

- Làng Môngphecmây cũng xinh đấy chứ? Mùa hè, đến đấy chơi được. Vợ chồng nhà ông Tênacđiê làm ăn có khá không nhỉ? Xứ ấy khách qua lại cũng chẳng nhiều gì. Quán cơm nhà ấy cũng là loại tồi thôi.

Ông Mađơlen vẫn nắm lấy bàn tay chị và nhìn chị, lo lắng. Ông đến thăm chị để nói những điều mà bây giờ đây ông lại băn khoăn không nỡ nói ra. Ông thầy thuốc thăm bệnh xong đã ra về, chỉ còn bà sơ Xempơlít ở lại trong phòng với hai người thôi.

Giữa cảnh tĩnh mịch ấy, bỗng Phăngtin reo lên:

- Tôi nghe thấy tiếng nó rồi! Trời ơi! Tôi nghe thấy tiếng nó rồi!

Chị giơ tay ra hiệu để mọi người yên lặng, cố nín thở và lắng tai nghe, có vẻ khoái chá lắm.

Bấy giờ có một đứa trẻ đang chơi ở ngoài sân, con của bà gác cổng hay của một người thợ nào đó. Cũng là một sự tình cờ như vẫn thường hay xảy ra do một bàn tay huyền bí cố tình xếp đặt trong những trường hợp bi thảm như vậy. Đứa bé, một em gái, đi đi lại lại, chạy nhảy cho ấm, vừa cười vừa hát véo von. Chao ôi! Còn có chuyện gì mà trò chơi trẻ con không xen vào? Chính Phăngtin đã nghe thấy con bé ấy đang hát.

- Trời ơi! Con Côdét nhà tôi! Tôi nhận ra được tiếng nó mà!

Thực vậy, chị vừa nói vừa ho rũ rượi.

Chị lặng yên, sợ nằn nì mãi thêm hỏng việc. Chị đang muốn mọi người tin ở chị. Và chị bắt sang những chuyện bâng quơ:

- Làng Môngphecmây cũng xinh đấy chứ? Mùa hè, đến đấy chơi được. Vợ chồng nhà ông Tênacđiê làm ăn có khá không nhỉ? Xứ ấy khách qua lại cũng chẳng nhiều gì. Quán cơm nhà ấy cũng là loại tồi thôi.

Ông Mađolen vẫn nắm lấy bàn tay chị và nhìn chị, lo lắng. Ông đến thăm chị để nói những điều mà bây giờ đây ông lại băn khoăn không nỡ nói ra. Ông thầy thuốc thăm bệnh xong đã ra về, chỉ còn bà sơ Xempơlít ở lại trong phòng với hai người thôi.

Giữa cảnh tĩnh mịch ấy, bỗng Phăngtin reo lên:

- Tôi nghe thấy tiếng nó rồi! Trời ơi! Tôi nghe thấy tiếng nó rồi!

Chị giơ tay ra hiệu để mọi người yên lặng, cố nín thở và lắng tai nghe, có vẻ khoái chá lắm.

Bấy giờ có một đứa trẻ đang chơi ở ngoài sân, con của bà gác cổng hay của một người thợ nào đó. Cũng là một sự tình cờ như vẫn thường hay xảy ra do một bàn tay huyền bí cố tình xếp đặt trong những trường hợp bi thảm như vậy. Đứa bé, một em gái, đi đi lại lại, chạy nhảy cho ấm, vừa cười vừa hát véo von. Chao ôi! Còn có chuyện gì mà trò chơi trẻ con không xen vào? Chính Phăngtin đã nghe thấy con bé ấy đang hát.

- Trời ơi! Con Côdét nhà tôi! Tôi nhận ra được tiếng nó mà!

Ông Mađơlen ngồi xuống chiếc ghế đặt cạnh giường, Phăngtin quay mặt về phía ông. Rõ ràng là chị cố gắng làm ra vẻ bình tĩnh và "ngoan ngoãn" như chị nói, để cho mọi người thấy rằng chị đã bình tĩnh rồi thì không còn làm khó dễ nữa mà cho chị được gặp mặt con. Trong lúc ốm yếu người ta thường sinh ra trẻ con như thế. Chị muốn cố gắng nằm yên nhưng không khỏi hỏi ông Mađơlen hàng trăm câu hỏi.

- Thế nào, ông thị trưởng đi đường có được bình yên không? Thực là nhân đức quá, cái việc ông đi đón cháu về cho tôi, ông thị trưởng ạ. Xin ông cho tôi biết qua cháu nó thế nào? Cháu đi đường có mệt lắm không? Tội nghiệp! Chắc cháu chả nhận ra được tôi đâu. Đã bao lâu rồi còn gì! Khốn nạn, chắc cháu quên rồi! Trẻ em chóng quên lắm. Như loài chim ấy. Nay thấy thế này, mai thấy thế khác, chẳng lưu tâm đến một cái gì. Quần áo cháu có đủ mặc không? Cánh Tênacđiê có tắm rửa cho cháu sạch sẽ không? Chả biết họ cho ăn uống ra sao? Chao ôi! Trong cảnh bần hàn, mỗi khi tôi nghĩ đến những điều ấy thì lòng tôi đau như xé ông ạ! Giờ thì hết rồi. Tôi sung sướng quá! Trời ơi! Tôi muốn thấy con tôi quá! Ông thị trưởng ơi! Ông thấy cháu nó có xinh không? Nó trông xinh lắm có phải không ông? Đi đường ngồi xe chắc lạnh lắm! Có thể cho tôi gặp nó một lát thôi không? Rồi lại ẵm nó ra ngay mà. Ông là chủ nhân ở đây, ông cho phép nhé, nhé!

Ông cầm lấy tay Phăngtin:

- Côdét xinh lắm, Côdét khỏe mạnh. Rồi chị sẽ được thấy nó, hãy cứ bình tĩnh. Chị nói nhiều quá, lại thò cả tay ra ngoài giường, rồi lại ho đấy.

như trước đợi ông Mađơlen về, qua đấy cầm lấy thìa khóa và cây đèn nến. Xong bà trở lại ngồi vào ghế, suy nghĩ miên man.

Mãi hơn hai giờ sau bà mới sực tỉnh, và kêu lên:

- Ơ kìa! Chúa tôi! Cứ quen treo thìa khóa vào đanh như mọi lần!

Giữa lúc ấy, cánh cửa sổ mở ra. Một bàn tay thò vào cầm lấy chiếc thìa khóa và cây đèn, ghé châm vào ngọn nến bên cạnh.

Bà gác cửa nhìn lên, miệng há hốc, muốn kêu nhưng giữ ngay tiếng lại trong cổ. Bà nhận ra được cái bàn tay ấy, cái cánh tay ấy, cái tay áo dài ấy. Chính là ông Mađơlen.

Theo lời về sau bà kể việc này thì bấy giờ bà kinh ngạc quá, một lúc lâu mới nói lên được:

- Trời ơi! Ông thị trưởng, tôi cứ tưởng ông...

Bà chợt nín lặng. Mấy tiếng sắp nói có thể là vô lễ, không hợp với mấy tiếng bắt đầu. Bà vẫn coi Giăng Vangiăng là ông thị trưởng. Ông tiếp ý mụ:

- Bị bắt giam. Phải, tôi bị bắt giam. Tôi vừa bẻ chấn song cửa sổ, nhảy từ trên nóc xuống và về đây. Tôi lên buồng đây, bà gọi hộ bà Xempơlít. Bà ta chắc đang ở cạnh người đàn bà xấu số ấy.

Bà gác vội vàng đi ngay.

Ông không cần dặn dò gì thêm, tin chắc rằng bà giữ gìn cho ông còn kỹ hơn là ông tự giữ gìn lấy mình. Không hiểu ông đã làm cách nào để vào sân mà không gọi mở cổng chính. Thường ông có một cái chìa khóa vạn năng có thể mở được cổng phụ bên cạnh, nhưng khi ông bị bắt chắc người ta đã lục trong người ông và tịch thu rồi. Điểm này đúng là chưa rõ.

Ông lên cái cầu thang đưa vào buồng riêng. Đến bậc trên cùng, ông đặt ngọn nến xuống, nhẹ mở cửa đi vào,

ở Arát cả. Cả ngày hôm ấy khắp tỉnh chỗ nào cũng bàn tán với nhau:

- Chưa biết à? Một thằng đi tù về đấy! - Ai kia? - Ông thị trưởng. - Sao? Ông Mađơlen ấy à? - Phải. - Thật à ? -Hắn không phải tên là Mađơlen, cái tên gì khó nghe lắm, Bêgiăng, Bôgiăng, Bugiăng gì đó.- Trời ơi! Lẽ nào! -Hắn bị bắt rồi.- Bắt rồi à? -Giam ở nhà ngục chờ giải đi.- Giải đi! -Sắp giải đi đấy mà!- Giải đi đâu? -Hắn phải ra trước tòa Đại hình về một tội cướp đường ngày trước.- Vậy à? Tôi đã bảo mà. Người ấy nhân đức quá, hoàn toàn quá, ngoan đạo quá. Từ chối cả bội tinh. Gặp nhãi con nào cũng cho tiền. Tôi vẫn đồ là trong đó thế nào cũng có cái gì mờ ám.

Đặc biệt giới thượng lưu đồn nhiều chuyện như thế nhất. Một bà lớn có tuổi, độc giả báo "Cờ trắng", ngẫm nghĩ thế nào rồi nói lên một câu mà không tài gì hiểu nổi ý nghĩa thâm thúy:

- Không sao cả. Cái đó là một bài học cho phe lũ Buyônapác!

Thế là cái bóng ma mà người ta vẫn gọi là ông Mađơlen ở Môngtơơi biến đi. Cả tỉnh chỉ còn độ ba bốn người là còn có cảm tình với ông. Trong số đó có bà già gác cổng nhà ông.

Buổi tối hôm ấy, bà già đáng kính ấy còn ngồi ở buồng gác, tâm trí hoang mang và buồn rầu nghĩ ngợi. Xưởng máy đóng cửa từ sáng, cổng chính khóa chặt, đường phố vắng tanh. Trong nhà chỉ còn hai bà xơ, bà Pécpêtuy và bà Xempơlít túc trực ở bên thi hài Phăngtin.

Vào giờ thường ngày ông Mađơlen trở về nhà, bà già ấy bỗng nhiên như một cái máy, vô tình đứng dậy, mở ngăn kéo lấy chiếc thìa khóa cửa buồng của ông treo vào cái đanh mọi khi và đặt ở cạnh đấy cây đèn nến ông vẫn dùng để lên phòng riêng. Bà quen

bà trông thấy rõ ràng một nụ cười không sao tả được hiện trên đôi môi nhợt nhạt và trong đôi mắt đờ đẫn, ngạc nhiên của chị.

Giăng Vangiăng lấy hai tay nâng đầu Phăngtin lên, đặt ngay ngắn giữa gối như một người mẹ sửa soạn cho con. Ông thắt lại dây rút cổ áo chị, vén gọn mớ tóc vào trong chiếc mũ vải. Xong, ông vuốt mắt cho chị.

Lúc ấy trông mặt Phăngtin như sáng rỡ lên một cách lạ thường.

Chết tức là đi vào bầu ánh sáng vĩ đại của Chúa.

Tay Phăngtin vẫn bỏ thõng ra ngoài giường. Giăng Vangiăng quì xuống khẽ nâng lên và đặt vào đấy một cái hôn.

Xong ông đứng dậy, quay về phía Giave:

- Giờ anh muốn làm gì thì làm.

V

CHỖ CHÔN THÍCH ĐÁNG

Giave giam Giăng Vangiăng vào nhà ngục của thành phố.

Việc ông Mađơlen bị bắt làm xôn xao cả tỉnh Môngtơơi, hay nói đúng ra là làm mọi người giật mình kinh hoảng. Thật là buồn cho tình đời! Chỉ nghe nói ông ấy "trước kia là một thằng tù", thế là ai nấy đều gần như lảng ra cả. Mới trong non hai tiếng đồng hồ mà bao nhiêu công đức của ông người ta đều quên sạch, và ông chỉ còn là "thằng tù" thôi. Nói cho đúng thì cũng chưa một ai biết rõ câu chuyện xảy ra

- Đừng có lôi thôi! Tao không đến đây để nghe lý sự. Dẹp những cái đó lại. Lính đứng sẵn cả dưới nhà rồi. Đi ngay, không thì ông cùm tay lại bây giờ!

Trong góc phòng có chiếc giường sắt cũ đã hư hỏng nhiều, để các bà xơ ngả lưng những đêm phải thức canh con bệnh. Giăng Vangiăng đến bên giường, trong chớp mắt giật gẫy cái gióng chính cầm lăm lăm trong tay. Việc ấy đối với sức ông không khó, cái giường vốn đã long sẵn. Ông trợn mắt nhìn Giave, Giave lùi ra phía cửa. Giăng Vangiăng tay vẫn cầm thanh sắt, từ từ đến chỗ giường Phăngtin. Đến nơi, ông quay lại nói với Giave, giọng rất khẽ, cố ý mới nghe rõ:

- Tôi bảo anh đừng có quấy rầy tôi lúc này.

Sự thật Giave run sợ.

Hắn định đi gọi lính, nhưng lại lo Giăng Vangiăng thừa cơ trốn mất. Hắn phải đứng yên đó, tay nắm lấy đầu gậy, lưng tựa vào khung cửa, mắt vẫn không rời Giăng Vangiăng.

Giăng Vangiăng tỳ khuỷu tay lên trụ đầu giường, bàn tay ôm trán, ngồi ngắm Phăngtin nằm dài không nhúc nhích. Ông ngồi như thế, mải miết, yên lặng, tâm trí rõ ràng chẳng còn nghĩ đến một điều gì ở trên đời này nữa. Trong nét mặt và dáng điệu ông chỉ thấy có mỗi một nỗi thương xót vô hạn. Mơ màng một lúc lâu, ông mới ghé lại gần và thì thầm bên tai Phăngtin.

Ông nói gì? Con người khổ sở ấy có thể nói gì với người đã chết? Những lời ấy là lời gì vậy? Người ở dương gian này không một ai được biết. Kẻ đã chết có nghe thấy không? Có những ảo tưởng rất cảm động, đồng thời lại có thể là những sự thực cao cả. Điều không ai nghi ngờ là bà xơ Xempolit, người độc nhất chứng kiến cảnh ấy, thường kể lại rằng lúc Giăng Vangiăng ghé vào tai Phăngtin thì thầm như thế, thì

- Con tôi! Đi tìm con tôi! Thế ra nó chưa đến đây sao? Bà xơ ơi! Cho tôi biết con Côdét đâu? Tôi cần gặp con tôi! Ông Mađolen ơi! Ông thị trưởng ơi!

Giave giậm chân:

- Giờ lại đến lượt con này nữa! Con khỉ, có câm họng không! Cái xứ chó đểu gì mà những thằng tù đi đày thì làm ông nọ ông kia, còn lũ gái điếm thì được chạy chữa như những bà hoàng? Nhưng mà rồi phải thay đổi lại hết: đã đến lúc rồi.

Hắn nhìn Phăngtin trừng trừng, túm lấy cổ áo và cavát của Giăng Vangiăng và thêm:

- Tao đã bảo không có ông Mađolen, ông thị trưởng nào cả. Chỉ có một thằng ăn cắp, một thằng kẻ cướp, một thằng tù khổ sai tên là Giăng Vangiăng! Tao bắt được thằng ấy đây này! Chỉ có thế thôi!

Phăngtin chống hai cánh tay gầy guộc vùng nhổm dậy. Chị nhìn Giăng Vangiăng, chị nhìn Giave rồi lại nhìn bà xơ. Chị há miệng như muốn nói gì. Cổ họng có tiếng nấc lên, hai hàm răng đánh vào nhau cầm cập. Chị hoảng hốt giơ tay lên, hai bàn tay cố sức mở ra tìm lấy chỗ bám như người ngã xuống nước đương chới với. Bỗng chị ngã vật xuống gối. Đầu chị đập vào *thành giường và gục xuống, miệng há hốc, hai mắt* trợn ngược và hết thần.

Phăngtin đã tắt thở.

Giăng Vangiăng để tay lên bàn tay Giave đương nắm cổ áo ông ta, gỡ tay hắn ra như gỡ bàn tay trẻ con và bảo hắn:

- Anh đã giết chết người đàn bà này rồi đó.

Giave phát khùng lên:

Hắn không làm như thường lệ. Hắn không mào đầu gì cả. Hắn không chìa tờ trát truy nã ra. Hắn coi Giăng Vangiăng như một kẻ đấu thủ bí hiểm và có tài lẩn tránh, một đô vật lạ lùng hắn đã ôm ghì được từ năm năm nay mà không đánh ngã nổi. Lần này bắt được không phải là bắt đầu mà là kết thúc vậy.

Hắn chỉ cần bảo: Mau lên!

Nói xong, hắn cứ đứng lì một chỗ. Cặp mắt hắn gắn chặt vào Giăng Vangiăng. Cái nhìn cứ như có móc, móc vào người Giăng Vangiăng. Chính với cái nhìn ấy hắn đã quen lôi vào tròng của hắn bao nhiêu kẻ khốn khổ !

Chính cái nhìn ấy hai tháng trước đây Phăngtin đã thấy đi thấu vào đến xương tủy của chị.

Nghe thấy tiếng Giave, Phăngtin lại mở mắt ra. Nhưng ông thị trưởng vẫn đứng đó. Chị còn sợ gì nữa?

Giave tiến vào giữa phòng và hét lên:

- Thế nào? Mày có đi không?

Người đàn bà khốn khổ nhìn chung quanh. Chỉ có bà xơ với ông thị trưởng thôi, ngoài ra không còn ai nữa. Thế thì nó mày tao thô bỉ với ai vậy? Tất cả là với chị thôi. Chị rùng mình.

Rồi chị còn trông thấy một sự vô lý, vô lý đến nỗi ngay trong những cơn sốt mê sảng hãi hùng nhất chị cũng không hề thấy có điều như vậy.

Chị trông thấy tên chó săn Giave tóm cổ ông thị trưởng và chị thấy ông thị trưởng cúi đầu. Chị tưởng như cả thế giới đang tan biến. Quả vậy, Giave đã túm cổ áo Giăng Vangiăng.

Chị kêu:

như mọi thằng ngu dốt đương đắc thắng mà thôi. Không gì xót xa và dễ sợ bằng bộ mặt trên đó bày rõ điều mà người ta có thể gọi là tất cả cái xấu xa của cái tốt

IV

NGƯỜI CẦM QUYỀN KHÔI PHỤC UY QUYỀN

Từ ngày ông Mađơlen gỡ cho Phăngtin thoát khỏi bàn tay Giave, chị không gặp lại hắn lần nào nữa. Lần này đầu óc ốm yếu của chị không hiểu được một cái gì cả, nhưng chị đinh ninh rằng hắn lại đến để bắt chị. Chị không thể chịu đựng bộ mặt gớm ghiếc ấy. Chị thấy như tắt thở. Chị lấy tay che mặt và kêu lên, giọng kinh hoàng:

- Ông Mađơlen, cứu tôi với!

Giăng Vangiăng - từ giờ chúng ta cứ cái tên này mà gọi - đứng dậy. Ông vẫn nhẹ nhàng điềm tĩnh bảo Phăngtin:

- Cứ yên tâm. Không phải nó đến bắt chị đâu.

Rồi ông quay lại nói với Giave:

- Tôi biết anh muốn gì rồi.

Giave đáp:

- Mau lên!

Trong điệu hắn nói lên hai tiếng ấy có cái gì man rợ, điên cuồng. Giave không nói: "Mau lên!" hắn nói: "Mau-u lêênh!" Không có vần nào ghi nổi giọng nói của hắn. Không phải là tiếng người nói mà là tiếng ác thú gầm.

công lý, của ánh sáng, của chân lý, những cái này có nhiệm vụ thiêng liêng tiêu diệt các thứ tội lỗi. Đằng sau hắn, chung quanh hắn là uy quyền, là lẽ phải, sự việc đã phán xét, là trách nhiệm của pháp luật, là yêu cầu trừng phạt của xã hội, những vì sao như ở một cõi nào hết sức sâu thẳm. Hắn là kẻ bảo vệ trật tự, hắn là người đem sấm sét của pháp luật trả thù cho xã hội, giúp sức đắc lực cho tuyệt đối. Người hắn như có hào quang bao quanh. Trong chiến thắng của hắn hình như còn chút ít thách thức và chiến đấu. Hắn đứng đó, kiêu hãnh, rạng rỡ, phơi bày lên nền trời xanh cái vẻ ác thú phi thường của một thiên thần hung ác. Công việc hắn làm có thêm một cái bóng đáng sợ, nó làm hiện rõ cái gươm rực lửa của xã hội trên nắm tay khép chặt của hắn. Vừa sung sướng vừa giận dữ, hắn dày dưới gót chân mình tội ác, tật xấu, sự nổi loạn, sự trụy lạc; tất cả xấu xa của địa ngục. Hắn tiêu diệt, hắn mỉm cười, hắn hớn hở, hắn là một thánh Misen quái đản, nhưng rõ ràng là cao cả.

Giave đáng kinh hãi thật nhưng không có gì bần tiện.

Tính ngay thẳng, chân thật, lòng trong trắng, tin tưởng, tinh thần trách nhiệm, là những cái, hễ lầm đường, có thể xấu xa thật, nhưng dù xấu xa cũng vẫn cao cả. Sự cao cả đó là đặc tính của lương tâm, nên dù rơi vào sai lầm ghê rợn cũng vẫn còn. Đó là những đức tốt đẹp chỉ có một vết xấu là lầm đường. Trong nỗi vui chính đáng nhưng nhẫn tâm của một tên cuồng tín đang nhúng tay vào một việc tàn bạo, vẫn giữ được vẻ rạng rỡ, đáng kính mặc dù có thê thảm.

Chắc hẳn Giave không ngờ! Trong niềm hạnh phúc dễ sợ của hắn quả thật hắn chỉ là một thằng đáng thương

Đến phòng Phăngtin, Giave vặn thìa khoá, đẩy cửa nhẹ nhàng như một người hộ lý hay một tên chó săn, rồi bước vào.

Nói cho đúng thì hắn không bước vào. Hắn đứng sững ở giữa cái cửa hé mở, đầu đội mũ, tay trái thu vào trong chiếc áo ngoài đóng khuy đến tận cằm. Chỗ khuỷu tay nom rõ cái chuôi bằng chì của cây gậy to tướng thu ở sau áo. Hắn đứng yên như vậy một lúc mà không ai biết. Bỗng Phăngtin nhìn lên trông thấy và ra hiệu cho ông Mađơlen quay đầu lại.

Vừa lúc cái nhìn của ông Mađơlen bắt gặp cái nhìn của Giave, thì hắn không nhúc nhích, không cử động, không bước tới, mà trông hắn vô cùng dữ tợn. Không một tình cảm nào của con người lại có thể trở nên ghê gớm như sự vui mừng.

Đó là cái mặt của tên quỷ sứ vừa mới túm lại được kẻ bị nó ám. Chắc chắn là phen này bắt được đúng Giăng Vangiăng. Điều đó làm hiện rõ lên nét mặt hắn tất cả ý nghĩ hắn ấp ủ trong lòng. Khuấy nước, bùn vẩn lên trên là thế. Hắn lấy làm nhục đã để gần mất dấu và trong chốc lát lại đi nhận nhầm phải tên Săngmachiơ. Bây giờ thì cái bẽ bàng ấy đã xóa nhoà trước sự kiêu hãnh cho là mình đã đoán đúng và đã có từ lâu một linh cảm không sai.

Cái vẻ đắc ý của Giave lộ liễu trong dáng điệu nghênh ngang của hắn. Trên cái trán hẹp của hắn loáng lên hình thù kỳ dị của sự chiến thắng. Cái bộ mặt mãn nguyện ấy phơi bày tất cả cái gì ghê tởm nhất.

Lúc này Giave sung sướng như được lên tiên. Hắn không hiểu được thật rõ ràng nhưng nhờ trực giác cũng cảm thấy mơ hồ vai trò cần thiết của mình và sự thắng lợi mình vừa thu được. Hắn, Giave, hắn là hiện thân của

Trên kia đã nói Giave khai ở tòa xong thì về ngay Môngtơrơi. Y vừa thức dậy thì người ta đem trát truy nã và áp giải cũng vừa tới. Người này vốn là một tên cảnh sát lành nghề, chỉ cần vài câu là đủ cho Giave biết rõ việc vừa xảy ra ở Arát. Tờ trát truy nã có chữ ký của ông công tố, viết như sau: "Thanh tra Giave phải bắt cho được tên Mađơlen thị trưởng Môngtơrơi, tên ấy tại phiên tòa hôm nay đã được nhận ra chính là tên tù khổ sai Giăng Vangiăng đi đày được tha về".

Ai không quen biết Giave mà lại gặp hắn đang đi vào hành lang nhà thương lúc bấy giờ thì không thể đoán ra được đã xảy ra việc gì, vì trông hắn vẫn ung dung như mọi ngày. Hắn lạnh lùng, bình tĩnh, nghiêm trang, mái tóc hoa râm chải thật mượt tận hai thái dương. Hắn cứ thói quen thong thả bước lên thang gác. Nhưng ai đã biết rõ tâm tính hắn và nhận xét kỹ hắn lúc ấy hẳn phải giật mình. Cái đai cổ áo bằng da, đáng lẽ đóng ở đằng sau gáy lại treo về phía tai trái. Điều đó chứng tỏ hắn đang bối rối phi thường. Giave có một cá tính đặc biệt, không bao giờ có sự thất thố trong nhiệm vụ, cũng như không bao giờ để có nếp nhăn trên bộ y phục cảnh sát, rất nguyên tắc đối với bọn độc ác cũng như rất tề chỉnh đối với bộ quần áo.

Thế mà hôm ấy hắn đóng cúc cổ áo cẩu thả như vậy, thì thế nào trong bụng hắn phải có điều gì xúc động ghê gớm lắm, có thể gọi được là một cơn động đất ngầm vậy.

Hắn đi một mình, khi qua bót canh gần đấy, hắn lấy theo một viên cai và bốn tên lính, nhưng để cả bọn đứng lại ở dưới sân. Hắn hỏi mụ gác cổng buồng nằm của Phăngtin. Mụ này không nghi ngờ gì cả vì vẫn thường quen thấy có lính tráng đến hỏi ông thị trưởng.

hội thẩm. Luật sư không phải khó nhọc gì mà cũng bác bỏ được lời cáo trạng ấy. Luật sư chỉ dựa vào lời phát giác của ông Mađơlen, tức là chính tên Giăng Vangiăng, để chứng tỏ rằng việc này đã thành đảo ngược hết cả rồi. Đứng trước tòa bây giờ chỉ là một người vô tội. Luật sư cũng rút ra từ sự việc này một vài kết luận hùng hồn nhưng sáo cũ về những lầm lẫn của tòa án. Viên Chánh án, trong lời tóm tắt thẩm kết, cũng đồng ý với luật sư và chỉ trong vài phút, tòa tuyên án tha bổng cho Săngmachiơ.

Nhưng viên công tố cần phải có một tên Giăng Vangiăng, nên không còn Săngmachiơ thì ông cho bắt Mađơlen.

Ngay sau khi tha tên Săngmachiơ, ông công tố và ông Chánh án hội ý với nhau về "sự cần thiết phải cho đi bắt ngay ông thị trưởng thành phố Môngtơrơi Xuya Me". Câu này là do tự tay ông ta viết trên bản nháp báo cáo gửi lên trên. Ông Chánh án, sau phút xúc động ban đầu, cũng không có ý kiến gì trở ngại. Dù sao pháp luật cũng phải theo con đường của nó. Với lại, nói cho cùng, ông Chánh án có là người tốt bụng và khá thông minh đấy, nhưng ông còn là một nhà bảo hoàng khá vững và khá hăng, cho nên ông thấy khó chịu khi ông thị trưởng Môngtơrơi Xuya Me nhắc đến cuộc đổ bộ ở Can, lại nói là *hoàng đế* chứ không gọi là *Buyônapác*.

Thế là trát truy nã được gửi ngay đi. Ông công tố sai riêng một người phóng ngựa một mạch đi Môngtơrơi giao cho viên Thanh tra Giave.

khủng khiếp, nhìn thẳng về đằng trước, phía cuối phòng, như có cái gì ghê sợ lắm. Ông vội hỏi:

- Trời ơi! Sao thế hở Phăngtin?

Chị không trả lời, mắt vẫn trân trân nhìn ra đằng trước, một tay nắm lấy tay ông, một tay ra hiệu cho ông nhìn lại phía sau.

Ông quay lại và trông thấy Giave.

III
GIAVE ĐẮC Ý

Đầu đuôi câu chuyện như thế này.

Ông Mađơlen vừa bước ra khỏi phòng xử án tòa Đại hình thì đồng hồ đánh mười hai giờ rưỡi. Ông về đến nhà trọ vừa kịp đáp chuyến xe thư ông đã giữ chỗ trước. Ông tới nhà lúc gần sáu giờ sáng. Việc trước tiên là đem gửi ngay phong thư cho nhà ngân hàng Laphit, rồi ông đến nhà thương thăm Phăngtin.

Lúc ông vừa ra khỏi phòng xử án Đại hình thì ông công tố cũng vừa qua cái phút kinh ngạc ban đầu. Ông lại lên tiếng phàn nàn cho cái cử chỉ điên cuồng của ông thị trưởng đáng kính của thành phố Môngtơrơi Xuya Me mà ông tuyên bố là nhận định của ông vẫn không có gì thay đổi. Cái việc xảy ra mới rồi sẽ xét sau. Bây giờ thì hãy xin kết tội tên Săngmachiơ này đã, và chính thật nó là Giăng Vangiăng. Sự cố chấp của ông công tố rõ ràng trái hẳn với ý kiến chung của công chúng, của các quan tòa và các ông

lần mò trong bóng tối đóng hết các cửa chớp, cửa kính lại, rồi mới trở ra đem đèn vào trong phòng.

Cẩn thận thế là đúng: mọi người còn nhớ từ ngoài phố có thể nom rõ được cửa sổ buồng ông.

Ông đưa mắt nhìn quanh phòng một lượt, cái bàn, cái ghế, cái giường gọn gàng đã ba hôm nay không có người nằm. Chẳng còn vết tích gì về chuyện xáo trộn đêm hôm nọ nữa. Bà gác đã dọn dẹp sạch sẽ. Và bà đã nhặt được trong đống tro hai mẩu sắt bịt đầu gậy và đồng hào bị đốt đen sì, đem để gọn ghẽ trên bàn.

Ông lấy một mảnh giấy, viết mấy dòng như sau: "Đây là hai mẩu sắt bịt đầu chiếc gậy của tôi và đồng hào tôi đã ăn cướp của thằng bé Giecve mà tôi đã khai ở phiên tòa Đại hình". Ông đặt những thứ đó lên tờ giấy để ở giữa bàn cốt cho ai thoạt bước vào cũng trông thấy ngay. Ông mở tủ lấy một cái áo lót mình đã cũ, xé thành mấy mảnh và gói hai cây đèn nến bằng bạc lại. Dáng điệu ông thong thả, bình tĩnh. Ông vừa gói đôi đèn nến của ông giám mục vừa gặm một mẩu bánh đen, chừng như là thứ bánh của nhà tù phát, mà ông đã đem theo khi trốn ra...

Chứng cớ là những vụn bánh mì người ta tìm thấy trên nền gạch khi nhà chức trách về sau đến khám xét trong phòng.

Có tiếng gõ sẽ ở cửa ngoài. Ông bảo:

- Cứ vào.

Đó là bà xơ Xempơlít.

Mặt bà xanh tái, hai mắt đỏ ngầu, cây đèn cầm ở tay run lẩy bẩy. Con người ta, dù tận thiện hoặc nguội lạnh với cuộc đời đến đâu nữa, khi gặp những cảnh phũ phàng của số mệnh, cũng thấy "bản chất người" của mình hiện lên từ đáy lòng sâu kín nhất. Qua bao nhiêu cảm xúc ngày hôm ấy, bà xơ đã trở lại là một người đàn bà và cũng khóc, cũng run sợ.

Giăng Vangiăng vừa viết xong mấy dòng chữ. Ông đưa tờ giấy cho bà và bảo:

- Thưa bà, bà đưa giúp cái này cho ông cụ xứ.

Tờ giấy còn để mở. Bà ghé mắt nhìn. Ông bảo:

- Bà có thể đọc được.

Bà đọc: "Tôi kính nhờ ông cụ xứ quản lý hộ tất cả tài sản tôi để lại ở đây. Phiền ông trích ra một khoản tiền để trả án phí cho tôi và để chôn cất cho người đàn bà chết hôm nay. Còn bao nhiêu thì ông cho người nghèo".

Bà xơ muốn nói gì nhưng nghẹn ngào mãi nói không nên lời. Sau bà mới nói được câu:

- Ông thị trưởng có muốn thấy mặt người xấu số ấy một lần cuối cùng không?

- Không. Họ đang tầm nã tôi. Tôi đến đấy họ sẽ bắt được tôi, lại thêm làm phiền đến người đã mất.

Vừa nói dứt lời thì ở cầu thang có tiếng ồn ào. Tiếng chân người ầm ầm lên thang và tiếng bà già gác cổng đang gào to, giọng lanh lảnh:

- Ông ơi, tôi xin thề rằng cả ngày hôm nay và suốt cả buổi tối không có một người nào ra vào nhà này cả, tôi có rời bên cửa lúc nào đâu.

Tiếng một người đàn ông đáp:

- Thế sao trong buồng kia lại thắp đèn?

Ai nấy đều nhận ra tiếng nói của Giave.

Cánh cửa căn phòng khi mở ra lại che khuất chỗ góc buồng bên phải.

Giăng Vangiăng thổi phụt ngọn nến và đứng nép vào xó ấy.

Bà xơ Xempơlít quì xuống bên cạnh bàn.

Cửa mở. Giave bước vào.

Bên ngoài có tiếng nhiều người xì xào và tiếng bà gác cửa phản kháng ở hành lang.

Bà xơ không nhìn lên. Bà cầu nguyện.

Ngọn đèn để trên mặt lò sưởi, ánh sáng lù mù.

Giave trông thấy bà xơ thì dừng lại, sững sờ.

Ta đã biết bản chất của Giave rồi. Con cá sống nhờ nước thì hắn sống nhờ sự tôn kính uy quyền. Tôn kính tuyệt đối, không một chút dè dặt, không một chút chống đối lại. Mà, theo hắn thì uy quyền nhà thờ lại là thứ uy quyền cao nhất. Hắn là một người tin đạo, vừa hời hợt vừa nghiêm chỉnh ở đây cũng như ở các vấn đề khác. Trong trí hắn, một giáo sĩ là một khối ốc không bao giờ lầm lẫn, một bà xơ là một người không bao giờ mắc một lỗi nhỏ. Đó là những linh hồn giam kín mình giữa thế gian, chỉ chừa có một cửa thông với ngoài mà cửa ấy chỉ mở để đưa ra ngoài những sự thật.

Vừa trông thấy bà xơ, hắn đã toan quay ra.

Nhưng một bổn phận khác giữ hắn lại, bức bách phải có hành động trái ngược lại, đứng lại và thấy ít nhất cũng phải thử hỏi một câu.

Chính hắn lại gặp bà xơ Xempơlit là người bình sinh không biết nói dối bao giờ. Giave biết vậy và đặc biệt kính trọng bà cũng vì thế.

- Thưa bà, trong phòng này chỉ có một mình bà thôi chứ?

Thật là giây phút ghê gớm! Bà gác cổng tội nghiệp tưởng mình sắp ngất đi.

Bà xơ nhìn lên đáp:

- Phải.

- Nếu vậy thì xin lỗi bà, tôi phải hỏi đi hỏi lại cũng là vì phận sự bắt buộc. Chiều tối hôm nay bà có trông thấy ai không, một người đàn ông? Nó vừa vượt ngục, chúng tôi đang đi tìm, cái thằng Giăng Vangiăng ấy mà, bà có trông thấy nó không?

Bà xơ đáp:

- Không.

Bà đã nói dối. Bà nói dối liền liền hai lần, không lưỡng lự, nhanh nhẩu, như khi người ta làm việc nghĩa.

- Vậy xin lỗi bà.

Hắn chào rất cung kính và lui ra.

Hỡi người con gái của Chúa! Từ lâu người không còn trên đời này nữa, người đã đi gặp các bà chị đồng trinh và các ông anh thiên thần, trong cõi ánh sáng nghìn năm. Mong rằng, trên thiên đường, lần nói dối này cũng được xét cho bà.

Giave thấy bà xơ trả lời quả quyết như thế nên tin ngay, không chú ý đến một sự lạ lùng là cây nến vừa bị thổi tắt hãy còn vương khói trên bàn.

Một giờ sau, trong cây cối và sương mù, có một người đi nhanh ra khỏi thành phố Môngtơrơi, tiến về hướng Pari. Người ấy là Giăng Vangiăng. Về sau có hai ba người phu xe tải hàng khai lại rằng có gặp ông ta, mình mặc một cái áo khoác công nhân, tay ôm một gói đồ. Ông ta nhặt được cái áo ấy ở đâu? Chẳng ai biết cả. Chỉ biết là cách đó vài ngày, có người thợ già nằm ở nhà thương của xưởng mới chết, đồ đạc để lại chỉ có một cái áo khoác công nhân. Có lẽ là cái áo ấy đấy.

Xin nói nốt một câu về Phăngtin.

Chúng ta ai cũng cùng một bà mẹ: đất. Người ta trả Phăngtin lại cho bà mẹ ấy.

Ông cụ xứ nghĩ rằng -và nghĩ như thế có lẽ đúng- phải dành hầu hết món tiền của Giăng Vangiăng cho kẻ khó. Vì nói cho cùng thì Giăng Vangiăng và Phăngtin là hạng người nào? Chỉ là một thằng tù và một con đĩ. Vì lẽ đó, ông hết sức đơn giản hóa việc tang ma Phăngtin, chỉ giữ cái mức cần thiết tối thiểu là chôn cất ở khu mộ chung.

Người ta chôn Phăngtin ở khu nghĩa địa bố thí, nơi đất chung của mọi người và chẳng là của ai cả, nơi vùi lấp những kẻ nghèo hèn. May mà còn có Chúa biết linh hồn ở đâu để tìm về. Người ta đặt Phăngtin vào bóng tối, bên cạnh những nắm xương vô chủ: xương chị đành chung chạ với xương người. Mồ của chị là cái mồ chung của mọi người, cũng như giường chị nằm trước kia.

PHẦN THỨ HAI

CÔ DÉT

QUYỂN THỨ NHẤT

OATECLÔ

I

NGƯỜI TA THẤY GÌ KHI ĐI TỪ NIVEN ĐẾN

Năm ngoái (1861), vào một buổi sáng tháng năm đẹp trời, người kể chuyện này từ Niven đến và đi về La Huynpơ. Anh ta đi bộ. Con đường rộng lát đá lượn mình băng qua nhiều quả đồi liên tiếp, lúc nhô lên cao, lúc tụt xuống thấp, nhấp nhô như những đợt sóng khổng lồ. Anh ta đi theo con đường ấy, giữa hai rặng cây bên lề. Đi qua Liloa và Boa Xenhơ Ixác, anh ta nhìn về phía tây thì thấy cái gác chuông lợp đá xám của nhà thờ vùng Bơron Lalơ, tròn tròn như cái chậu úp. Anh ta cũng vừa đi qua một cánh rừng trên một mỏm cao, và một cái quán rượu chỗ ngã ba một con đường tắt, bên cạnh một cái gì như một cái giá gỗ mục nát còn ghi mấy chữ: *Cổng cũ số 4*. Trước quán của biển đề: *Gió bốn phương Êsabô, quán rượu tư nhân.*

Cách quán không xa mấy, lại đến một thung lũng nhỏ, con đường vắt qua một cái cống vòm tròn, bên dưới có dòng nước chảy qua. Bên trái, một lùm cây thưa nhưng tán lá xanh um, phủ kín thung lũng; bên phải cũng lùm ấy mà lơ thơ lại rải rác trên các đồng cỏ, rồi duyên dáng và như lộn xộn chạy dài về Bơren Lalơ.

Quãng ấy, bên vệ đường, về tay phải có một hàng cơm. Trước cửa, một chiếc xe bò bốn bánh, một bó to những cành hubơlông, một cái cày, một đống gai khô bên cạnh hàng rào xanh, một mớ vôi đang tôi hãy còn bốc khói trong một hố vuông, một cái thang tựa vào vách đất một nhà kho cũ. Một thiếu nữ đang cuốc cỏ trong ruộng. Một tấm áp phích màu vàng,

chắc là của một đám làm trò chợ phiên nào, đang phất phơ trước gió. Bên góc quán, gần cái ao có đàn vịt bơi lội, một con đường hẻm lát đá lởm chởm chui sâu vào một vùng bụi rậm. Người khách rẽ vào lối ấy.

Đi quãng một trăm bước, men theo một dãy tường cổ, trên cao là đầu hồi nhọn vắt bằng gạch xây đối chiều, anh ta đứng trước một cổng tò vò lớn bằng đá, có cửa giả bên trên, theo kiểu kiến trúc nghiêm nghị đời Lui XIV, với hai bên hai bức phù điêu. Bên trong, là mặt trước của ngôi nhà, đồ sộ, cao ngất so với cổng vào. Một bức tường chạy dài từ mặt trước nhà đến gần sát cổng, làm thành một góc thẳng đột ngột. Trên bãi cỏ trước cổng, ba cái bừa bỏ nằm chơ vơ, các loại hoa xuân đã chen vào kẽ răng thanh gỗ, đua nhau tươi tốt. Cổng nhà im lìm. Trên hai cánh cửa ọp ẹp hãy còn chiếc búa gõ cửa gỉ nát làm thứ trang hoàng. Mặt trời ấm áp dễ chịu. Cành lá có gì xôn xao êm dịu của mùa xuân. Dường như không phải vì gió mà từ các tổ ấm trên cành truyền ra. Một con chim nhỏ dễ thương, chắc là si tình, đang hót mê mẩn trên ngọn cây cao. Người khách cúi xuống nhìn, ở phiến đá bên trái dưới chân cửa, cái lỗ thủng khá rộng và tròn như một lục bi. Vừa lúc ấy cánh cổng hé ra và một người đàn bà quê mùa bước ra. Chị ta trông thấy khách và hiểu khách đang nhìn gì:

- Đó là vết đạn đại bác của quân Pháp đấy.

Và chị ta tiếp:

- Phía trên một tí, ông nhìn thấy đó: trong cánh cửa, cạnh cái đanh, còn có vết đạn của súng cỡ to, nhưng đạn chưa xuyên qua gỗ.

Người khách hỏi:

- Đây là vùng nào?

- Hugômông -người đàn bà đáp.

Người khách đứng thẳng lên. Anh ta bước đi vài bước rồi đưa mắt nhìn qua đầu hàng giậu. Sau các rặng cây, về phía chân trời là một cái gò cao, và trên đỉnh gò một cái gì nhìn xa có hình thù như một con sư tử.

Người khách đang ở giữa chiến trường Oateclô.

II

HUGÔMÔNG

Hugômông là một nơi đau thương tang tóc, nơi bắt đầu mọi chướng ngại, nơi người thợ rừng vĩ đại của châu Âu mà người ta gọi là Napôlêông đã gặp sự kháng cự đầu tiên ở Oateclô, là cái mắt cứng đầu tiên dưới lưỡi búa. Ngày xưa đó là một lâu đài, bây giờ thì chỉ còn là một trại tá điền. Dưới mắt một anh bán đồ cổ thì Hugômông chỉ là *Hugômôngxơ*. Lâu đài này do chúa đất Xômơren là Huygô xây nên, chính ông cũng đã cúng cho tu viện Vile một phần đất lộc của tu viện.

Người khách đẩy cổng, lách qua một cỗ xe ngựa cổ dưới hành lang rồi đi vào sân.

Vật đầu tiên làm anh ta chú ý là một cái cửa rất cổ, nay trông như một cổng tò vò trong đền cổ, vì chung quanh mọi vật đều đổ nát hết. Cảnh hoang tàn thường làm nên vẻ hùng tráng của di tích. Bên cạnh cổng tò vò ấy có một cái cửa khác xây đá nghiêng theo kiểu thời vua Hăngri IV. Cửa trổ trên một bức tường, đằng sau cửa thấp thoáng một vườn cây ăn quả. Gần cửa là một hố phân, một mớ cuốc xẻng, mấy chiếc xe bò, một cái giếng cũ với phiến đá to và cầu quay bằng sắt, một chú ngựa con đang nhảy cỡn, một anh gà tây đang xòe đuôi, một nhà nguyện nhỏ có gác chuông trên nóc, một hàng lê áp vào vách đang ra hoa, đó là tất cả quang cảnh cái sân mà Napôlêộng đã ao ước chiếm cho được. Mẩu đất cỏn con này, giá ông chiếm được thì ông đã nắm cả thiên hạ trong tay. Một bầy gà mái bới bới mổ mổ, làm bụi bay mù mịt. Có tiếng gầm gừ: đó là một con chó kếch xù nhe răng, gác thay cho quân Anh không còn đây nữa. Hồi ấy quân Anh đóng ở đấy đáng khen thật. Bốn đại đội cận vệ của Cuốc đã đương đầu trong bảy

giờ liền với cuộc tấn công ráo riết của cả một quân đoàn.

Nhìn trên bản đồ theo bình diện hình học thì Hugômông cả nhà cửa lẫn vườn như một thứ hình chữ nhật không đều mà một góc đã bị vạt đi. Cổng phía nam ở vào góc này. Bảo vệ cổng là một bức tường, từ bức tường đó có thể bắn thẳng vào cổng, rất gần. Hugômông có hai cổng: cổng nam là cổng vào lâu đài, còn cổng bắc là cổng vào trại. Napôlêông đã điều em mình là Giêgiôm đến đánh Hugômông. Các sư đoàn Ghidôminô, Phoa và Basôluy đều bị chặn đứng ở đấy. Hầu hết binh đoàn của Rây vứt vào đấy nhưng chẳng làm được gì, đạn pháo của Kênlécman cũng đã trút sạch vào cái mảng tường anh dũng nọ. Cũng phải cả lữ đoàn Bôđuyanh mới chọc thủng được Hugômông ở mặt bắc, còn lữ đoàn Xoa thì chỉ công phá được nhiều ít ở mặt nam, mà không chiếm nổi.

Các dãy nhà trại vòng theo sân ở phía nam. Một miếng cửa bắc bị quân Pháp bắn gẫy, còn lủng lẳng trên tường. Đó là bốn mảnh ván ghép lại bằng hai thanh ngang, dấu vết trận tấn công còn in rõ.

Cổng phía bắc đã bị quân Pháp phá thủng. Tấm ván lủng lẳng trên tường đã được thay bằng một phiến gỗ. Cổng mở hé ở cuối dãy hành lang, về phía bắc sân. Nó được đục hẳn vào tường, phía dưới xây bằng đá, trên bằng gạch. Thật ra đó chỉ là một cái cổng cho xe bò vào ra, cũng như ở mọi nhà trại nông dân, mấy tấm ván ghép lại thành hai cánh thô sơ. Bên ngoài cổng là các đồng cỏ.

Hai bên đã tranh giành nhau rất ác liệt cái cổng này. Rất lâu về sau hãy còn thấy trên khung cửa đủ loại dấu tay vấy máu. Bôđuyanh chết ở chính nơi này.

Bây giờ nhìn vào khoảng sân này hãy còn như nghe thấy giông tố của trận đánh. Không khí ác liệt ghê gớm đương rành rành trước mắt. Cảnh quân lính quần nhau ẩu đả, nay đã hóa đá trong cảnh đổ nát hoang tàn. Sống đó; chết đó; mới như hôm qua. Tường vách hấp hối, gạch đá đổ rơi, phá khẩu kêu gào. Những lỗ thủng là vết thương. Cây cối ngả nghiêng, run rẩy dường như đang cố sức chạy trốn.

Hồi 1815 chung quanh sân này nhà cửa nhiều và kiên cố hơn bây giờ. Nhiều cái ngày nay đã triệt hạ nhưng lúc

ấy hãy còn và tạo ra rất nhiều những góc, những khuỷu, những mõm như những công sự. Quân Anh cố thủ ở đó. Quân Pháp lọt vào nhưng không bám chốt được. Bên cạnh nhà nguyện, toàn bộ lâu đài Hugômông chỉ một bên còn sót lại, nửa đứng nửa đổ, có thể nói là vỡ ra toang hoác. Lâu đài bấy giờ đã là đồn luỹ, nhà nguyện thành ra lô cốt. Hai bên hủy diệt nhau ở đây. Bị bắn từ khắp nơi, từ sau tường, trên gác, dưới hầm, qua các cửa sổ, các lỗ thông hơi, các kẽ đá, quân Pháp đem cành khô đến châm lửa đốt các bức tường và đốt luôn quân Anh. Súng đạn được đáp lại bằng đám cháy là như vậy.

Trong mảng nhà còn lại ấy, qua các cửa sổ có chấn song sắt, còn thấy các căn buồng đổ sạt nhám nhở của một dãy nhà bằng gạch. Bọn vệ binh Anh nấp trong các buồng này. Chiếc cầu thang xoáy trôn ốc, thủng, vỡ từ dưới đất lên đến tận nóc, hiện ra như một con ốc bị đập vỡ. Cầu thang có hai tầng, quân Anh bị vây trong cầu thang, dồn lại ở các bậc trên cao, đã phá đứt các bậc dưới thấp. Đó là những phiến đá xanh rộng đổ thành đống giữa vạt dền gai. Độ mươi bậc còn dính vào tường, bậc thứ nhất có khắc hình một cái đinh ba. Các bậc không leo lên được này còn gắn vững vào trụ. Phần còn lại thì như hàm răng rụng. Hai cây mọc trước kia hãy còn đó: một cây đã chết, cây kia bị thương ở gốc, đến tháng tư thì xanh lại. Từ 1815, nó lại lớn lên, đâm xuyên qua cầu thang.

Hai bên tàn sát lẫn nhau trong nhà nguyện. Ở đấy, bây giờ đã yên lặng và trông rất lạ lùng. Từ ngày có cuộc đổ máu, không làm lễ nữa. Tuy vậy, cái bàn thờ bằng gỗ vẫn còn nguyên, áp sát vào vách đá xù xì. Bốn vách quét

vôi, một cửa ra vào đối diện với bàn thờ, hai cửa sổ nhỏ có vòm cuốn. Trên cửa, một thánh giá to bằng gỗ, phía trên thánh giá, một lỗ thông hơi hình vuông, có một bó rơm nhét kín; trong góc, dưới đất, một khung cửa kính cũ vỡ nát. Pho tượng gỗ xưa của nữ Thánh Anơ đóng hẳn vào cạnh bàn thờ. Cái đầu của Chúa Giêsu hài đồng bị đạn bay mất. Quân Pháp làm chủ nhà nguyện một lúc, khi buộc phải rút ra ngoài đã châm lửa đốt. Thánh đường ngập lửa cháy như một lò than. Cửa ra vào cháy, sàn nhà cháy, nhưng tượng đấng Cơrít bằng gỗ lại không. Lửa chỉ thiêu các ngón chân, rồi ngưng lại, để trơ lại bên chân cụt ngón xám đen. Người trong vùng cho đó là một việc thần kỳ. Chúa hài đồng Giêsu, bị cụt đầu, cũng không may mắn gì hơn Chúa cứu thế.

Trên vách đầy chữ. Bên chân tượng Chúa cứu thế có tên: Hankinê. Rồi các tên khác: Riô Mackê, Anmagrô. Cũng có nhiều tên Pháp với dấu than đằng sau, biểu thị sự căm giận. Các quốc gia chửi nhau trên ấy. Đến năm 1849 các bức tường này đã được quét vôi lại.

Chính ở trước cửa nhà nguyện này người ta đã nhặt được xác một chiến sĩ trên tay còn ghì chặt cái búa. Đó là xác của thiếu úy Lơgơrô.

Ra khỏi nhà nguyện, về bên trái, có một cái giếng. Trong sân có những hai cái giếng. Người ta đặt câu hỏi: tại sao ở giếng bên trái này không có gầu và ròng rọc? Vì người ta không lấy nước ở đây nữa. Tại sao lại không lấy nước nữa? Vì trong đó đầy xương người.

Người cuối cùng còn múc nước ở giếng này là Ghiôm Văng Kinxơn. Ông ta là một nông dân chuyên làm vườn ở

Hugômông. Ngày 18 tháng sáu năm 1815, gia đình ông ta chạy trốn vào rừng.

Dân chúng khốn khổ trong vùng cũng chạy tan tác như vậy. Cánh rừng chung quanh tu viện Vile đã che chở cho họ suốt mấy ngày đêm liền. Ngày nay theo một số dấu vết còn nhận ra được, thí dụ các súc gỗ cháy sém, có thể tìm lại được những nơi mà đoàn người run sợ đã cắm lều nấp tạm giữa vùng gai góc.

Riêng Ghiôm Văng Kinxin lại ở lại Hugômông để "giữ tòa lâu đài". Ông ta thu hình trong một cái hầm rượu dưới nhà. Quân Anh phát hiện ra được. Chúng lôi ông ra khỏi hầm, và dùng bản kiếm đánh, bắt con người hoảng sợ ấy phải phục dịch. Chúng kêu khát thì ông phải mang nước đến. Nước lấy ở cái giếng này. Nhiều tên đã uống ngụm nước cuối cùng ở đây. Bao nhiêu kẻ chết đã uống ở giếng này, và cái giếng cũng phải chết theo.

Sau trận đánh, người ta vội vã chôn các xác chết. Cái chết thường có cách riêng của mình để báo hại chiến thắng, và sau vinh quang là dịch tễ. Thương hàn là cái đuôi của chiến thắng. Cái giếng khá sâu, người ta dùng luôn nó làm một ngôi mộ và vứt xuống đó ba trăm người chết. Vứt vội vứt vàng nên không chắc là đã chết cả. Tục truyền vẫn có người còn sống. Và nghe đâu, đêm hôm sau, trong giếng văng vẳng có tiếng người kêu.

Giếng nằm biệt lập giữa sân. Ba tấm vách nửa đá nửa gạch xếp lại như ba cánh bình phong, bọc ba mặt như một lô cốt hình vuông. Mặt thứ tư để hở, là nơi người ta đến múc nước. Trên tấm vách phía sau có một lỗ trống, có lẽ là do đạn pháo bắn thủng, nên chẳng ra hình thù gì cả. Lô cốt ấy nguyên có trần nhưng giờ chỉ còn trơ mấy chiếc xà ngang. Các thanh sắt đỡ tường bên phải xếp thành hình

một chữ thập. Bước vào giếng, cúi xuống nhìn, chỉ thấy vách gạch tròn và một hố sâu thăm thẳm tối om om. Chung quanh, dền gai mọc đầy phủ kín cả chân tường.

Đằng trước giếng cũng không có phiến đá to màu xanh làm cái bình phong như thói thường ở Bỉ. Thay vào đó là một súc gỗ nằm ngang làm chỗ gối đầu cho năm sáu đoạn gỗ hình thù xấu xí, đầy mắt, cứng đờ, như những xương người to tướng. Chẳng còn gầu, dây, ròng rọc gì cả nhưng cái chậu đá để đổ nước vào thì hãy còn, đọng đầy nước mưa. Thỉnh thoảng một con chim rừng đâu đó lại bay đến uống nước rồi vụt biến mất.

Giữa cảnh hoang tàn này, một ngôi nhà còn có người ở là ngôi nhà của người tá điền. Nhà này thông với sân. Trên cửa ra vào, gần ổ khóa kiểu xưa còn có quả nắm sắt chạm hình lá đỗ, bắt chênh chếch. Hồi đang đánh nhau, lúc viên trung úy người Đức là Uynđa, vừa đưa tay cầm quả nắm để mở cửa vào trốn trong nhà này thì một công binh Pháp vung búa chặt phăng bàn tay ấy.

Ông cụ làm vườn Văng Kinxơn qua đời đã lâu. Bây giờ người ở ngôi nhà này là con cháu của cụ, gọi cụ bằng ông. Một người đàn bà tóc đã hoa râm kể: "Hồi ấy tôi có ở đây. Tôi mới lên ba. Chị tôi lớn hơn tôi, chị tôi sợ, chị tôi khóc. Cả nhà đưa chúng tôi vào rừng. Mẹ tôi ẵm lấy tôi. Ai nấy đều ghé sát tai xuống đất để nghe ngóng. Còn tôi, tôi bắt chước tiếng đại bác, cứ "*bùm bùm*" luôn miệng".

Bên trái sân có cửa thông ra vườn cây ăn quả.

Vườn cây này mới thật ghê gớm.

Có ba phần, có thể nói là ba hồi. Phần thứ nhất nguyên là một mảnh vườn cảnh, phần thứ hai là vườn cây ăn quả, phần thứ ba là một khóm rừng. Cả ba phần đều có một

hàng rào chung phía đi vào lâu đài và nhà trại. Còn bên trái là một hàng giậu, bên phải là một bức tường bằng gạch, phía sau là một bức tường đá. Bước vào là đến khu vườn cảnh trước hết. Nó chiếm phần đất thấp, trồng dâu đất, nhưng đầy gai góc, đằng cuối có một cái nền đất cao đồ sộ chắn ngang, bằng đá tảng, có hàng bao lơn chạy bọc. Đây là một kiểu vườn vương giả ở nước Pháp trước khi kiểu vườn Lơnôt ra đời. Nhưng bây giờ thì chỉ còn hoang tàn và gai góc. Cột vôi đều có quả cầu trên đỉnh, giống như những quả đạn bằng đá. Trụ bao lơn còn được bốn mươi ba cái nguyên, bao nhiêu cái khác đều ngã nằm trong cỏ. Hầu hết đều có vết đạn sây sứt. Có một trụ gẫy nằm vật ngang nom như một cái chân người bị rời ra.

So với vườn cây thì khu này thấp hơn. Chính trong vườn này, sáu binh sĩ trong đoàn khinh binh số 1, lọt được vào nhưng không trở ra nổi. Bị vít lại và lùng đuổi như gấu trong hang, họ đã can trường chống lại với hai đại đội quân Đức, trong đó có một đại đội trang bị súng nhẹ bắn nhanh. Bọn Đức nấp dọc theo dãy bao lơn bắc từ trên cao xuống. Số khinh binh bắn trả lại từ bên dưới lên. Sáu người mà chống lại hai trăm, chỉ bằng dũng cảm, chỉ có những cây dâu đất để che mình. Thế mà đến một khắc mới chịu chết.

Bước qua một vài bậc đá thì sang vườn cây ăn quả. Chính trên khoảnh đất chỉ mấy thước này, một nghìn năm trăm người đã ngã xuống trong khoảng thời gian không đầy một tiếng đồng hồ. Nhìn lên vẫn thấy bức tường như đang sẵn sàng trở lại chiến đấu. Ba mươi tám lỗ châu mai do quân Anh đục trong đá ở đủ tầm cao thấp khác nhau, hãy còn nguyên đó. Hai ngôi mộ người Anh

bằng đá hoa cương nằm dài trước lỗ thứ mười sáu. Chỉ bức tường phía nam có lỗ châu mai. Đợt tấn công chính xuất phát từ phía bức tường có một hàng giậu cây xanh che khuất. Quân Pháp kéo đến, tưởng chỉ phải vượt qua có hàng giậu, không ngờ vấp phải bức tường. Vệ binh Anh lấy đây làm công sự, làm nơi phục kích, và từ ba mươi tám lỗ châu mai, nổ súng một loạt, đạn to đạn nhỏ bắn ra rào rào như dông như bão. Lữ đoàn Xoa thế là tan nát. Trận Oateclô bắt đầu như vậy.

Tuy nhiên quân Pháp vẫn chiếm được vườn cây. Không có thang, họ bám tay không để trèo. Hai bên đánh giáp lá cà trong lùm cây. Cỏ cây ở đấy đều đẫm máu. Một tiểu đoàn của Natxô ngã gục ở đây. Bên ngoài, hai khẩu đội pháo của Kenlecman chĩa thẳng vào bức tường làm cho nó sứt mẻ lỗ chỗ.

Mùa xuân, vườn cây này cũng xôn xao rung động như mọi vật trong bầu trời. Cỏ lên xanh tốt, hoa xuân đua nở. Mấy con ngựa cày gặm cỏ. Dây phơi quần áo chăng từ cây này qua cây nọ khiến người đi qua phải cúi đầu. Người ta bước đi trong cỏ dại, chân có lúc thụt xuống một hang chuột. Trong cỏ người ta nhận thấy một thân cây trốc gốc, nằm trơ đang nảy mầm xanh. Đây là nơi đại úy Bơlăcman ngồi tựa vào trước khi tắt thở. Dưới gốc cây to bên cạnh là nơi tướng Đức Guypơla ngã xuống, ông này là con cháu một gia đình người Pháp tị nạn sang Đức lúc thu hồi sắc dụ Năngtơ (1). Kề bên có cây táo già xiêu xiêu, có bệnh, được băng bó bằng rơm và đất sét. Hầu hết các cây táo

(1) Năm 1598, tại thành Năngtơ, vua Pháp Hăngri IV ban hành sắc dụ cho phép dân theo đạo cải cách. Gần 100 năm sau, Lui XIV thu hồi sắc dụ ấy.

đều già cỗi, và không có cây nào là không có vết đạn. Trong vườn còn bao nhiêu là cây chết khô, đứng sững như những bộ xương. Một bầy quạ đang bay trong cành. Đằng cuối, phía khu rừng, hoa viôlet mọc đầy.

Ở đây, Bôđuyanh tử trận, Phoa bị thương, Đuypơla tử trận, Bơlăcman tử trận. Ở đây người ta dùng lửa thiêu nhau, người ta chém giết nhau, tàn sát nhau. Ở đây, máu đã chảy thành sông, máu Pháp, máu Anh, máu Đức, lẫn lộn. Ở đây, một cái giếng sâu đã làm mồ chôn xác chết. Ở đây, trung đoàn Natxô, trung đoàn Bơrănguych bị tiêu diệt, vệ binh Anh bị thiệt hại nặng, hai mươi trên bốn mươi tiểu đoàn Pháp của quân đoàn Rây bị đánh tan tác. Đúng, ba nghìn người, trong cái túp lều Hugômông này, đã bị đâm, bị chém, bị chặt, bị bắn, bị thiêu. Và tất cả cái đó chỉ để cho ngày nay một ông dân địa phương trả lời khách qua đường: *"Thưa ông, nếu ông ưng nghe, ông cho tôi ba phơrăng, thì tôi xin kể cái chuyện Oateclô cho mà nghe!"*

III

NGÀY 18 THÁNG SÁU 1815

Xin trở lui về trước -người kể chuyện thường được phép làm như vậy- và đặt mình vào năm 1815, hơn thế nữa, vào trước lúc câu chuyện trong phần một sách này bắt đầu một ít.

Ví thử cái đêm 17 rạng ngày 18 tháng sáu 1815 mà trời không mưa thì tương lai châu Âu chắc không phải thế này. Quả là một vài giọt mưa thêm, bớt đã làm cho

Napôlêông nghiêng ngả. Té ra đấng cao anh chỉ cần thêm một ít mưa là trang sử vẻ vang bắt đầu từ Auxteclít đành chấm dứt ở Oateclô, và một đám mây trái mùa bay ngang bầu trời lại đủ làm suy đổ cả một thế giới.

Trận Oateclô đến tận mười một giờ rưỡi trưa mới bắt đầu được. Nhờ thế nên Bơluysơ mới có thì giờ đến kịp. Tại sao lại chậm thế? Là vì trời mưa, đất ướt, phải đợi cho đất se lại một tí thì pháo binh mới vận động được.

Napôlêông trước kia là sĩ quan pháo binh, ông cũng luôn luôn thấy mình là như vậy. Cái căn bản của nhà quân sự vĩ đại ấy, là con người, từ thời Đốc chính khi báo về trận Abukia, đã nói chính xác rằng: *quả đạn pháo này đã diệt sáu tên địch*. Ở con người này tất cả kế hoạch đánh trận đều phục vụ cho đường đi của đạn pháo. Nã tập trung pháo vào một điểm nhất định, đó bí quyết của chiến thắng. Ông coi chiến lược của tướng địch như một thành luỹ, và ông đánh thủng nó bằng pháo binh. Lâm trận, ông cho tập trung pháo vào chỗ bên địch núng thế; ông thắt trận đánh lại hay giải quyết trận đánh đều bằng đại bác. Trong thiên tài của ông có phần xạ kích. Chọc thủng các đội hình vuông, nghiền nát từng trung đoàn, chọc thủng các trận tuyến, đè bẹp, đánh tan những khối tập trung, tất cả chiến thuật của ông là dập, dập mạnh, dập không ngừng, và ông dùng đạn đại bác để dập địch. Thật là một chiến thuật đáng sợ. Chiến thuật ấy, đi kèm theo thiên tài quân sự, đã khiến cho người đô vật dữ dội ấy giữ cờ vô địch suốt mười lăm năm.

Ngày 18 tháng sáu 1815, ông lại càng tin cậy ở pháo binh vì so với địch ông nắm trong tay nhiều pháo hơn. Tướng Oenlintơn lúc bấy giờ chỉ có một trăm năm mươi chín khẩu pháo, còn Napôlêông có đến hai trăm bốn mươi tư.

Giả dụ bữa ấy đất khô, đại bác có thể lăn bánh được, và cuộc tấn công bắt đầu từ sáu giờ sáng thì trận đánh đã thắng lợi và kết thúc vào hai giờ chiều, nghĩa là ba giờ trước khi quân Phổ vào cuộc.

Trong cuộc thất bại này, liệu Napôlêông đã phạm bao nhiêu lỗi lầm? Thuyền chìm phải chăng do lỗi của người cầm lái?

Năm ấy sức khỏe của Napôlêông rõ ràng có sa sút, nhưng không biết tình trạng ấy có kéo theo một sự kém sút nào về mặt tinh thần không? Hai mươi năm chinh chiến có làm cho con người ấy hao mòn cả lưỡi cả vỏ, từ tâm hồn đến cơ thể hay không? Hay là tuổi già đã ảnh hưởng tai hại đến vị tướng chỉ huy? Tóm lại, như nhiều nhà sử học có tiếng đã khẳng định, thiên tài kia đã mờ đi chăng? Đã cuồng nhiệt đến mức tự lừa dối về sự sa sút của mình? Đã bắt đầu ngả nghiêng, mất hướng vì liều lĩnh, phiêu lưu? Đã phạm khuyết điểm nghiêm trọng của người cầm quân, là mất hết ý thức về tài hoa? Hoặc giả trong hàng ngũ những người vĩ đại mà người ta có thể gọi là những bậc khổng lồ trong hành động, có phải đến một tuổi nào đó thì thiên tài cũng trở nên cận thị chăng? Tuổi già chẳng làm gì nổi những hậc thiên tài của lý tưởng: đối với những Đăngtơ, những Mikenlăng già có nghĩa là lớn lên, còn đối với những Aniban, những Bônapac thì có nghĩa là bé lại chăng? Phải chăng Napôlêông đã mất đi trực giác về chiến thắng? Phải chăng ông đã đến lúc không còn nhận ra đâu là trở ngại, không còn đoán ra đâu là cạm bẫy, không còn phân biệt rõ đâu là bờ cheo leo trên vực thẳm nữa? Phải chăng ông không còn linh cảm gì về tai họa? Xưa kia ông là người đã từng thuộc mọi nẻo đường dẫn đến vinh quang, đã từng đứng trên cỗ xe sấm

chớp của mình, đưa ngón tay uy vũ mà chỉ những lối ấy cho mọi người, phải chăng con người ấy, bây giờ bỗng dưng nổi cơn hoảng loạn gớm ghê, dẫn những binh đoàn rầm rộ của mình lao đầu xuống vực thẳm? Con người ấy, bốn mươi sáu tuổi, đã mắc phải một cơn điên tuyệt độ chăng? Người đánh xe khổng lồ ấy của số mệnh phải chăng đã cố tình đâm vào nơi tự sát?

Chúng tôi không nghĩ như vậy.

Kế hoạch trận đánh của ông, theo ý kiến mọi người, là một kiệt tác. Đánh thẳng vào giữa trận tuyến quân đồng minh, chọc thủng một quãng ở đó, cắt nó ra làm đôi, đẩy một nửa là cánh quân Anh về Han, một nửa là cánh quân Phổ đến Tôngcơroi, chặt đại quân đồng minh ra thành hai đoạn, đoạn Oenlintơn và đoạn Bơluyse, giành Mông Xanh Giăng, chiếm Bơrúcxen, xô quân Phổ về sông Ranh và hất quân Anh xuống bể. Tất cả kế hoạch ấy, đối với Napôlêông đều ở trong trận này. Còn sau đó sẽ hay. Không cần phải nói là chúng tôi không định viết lịch sử chiến dịch Oateclô ở đây. Một trong những cảnh đẻ ra câu chuyện chúng tôi kể đây dính đến chiến dịch này. Nhưng lịch sử toàn chiến dịch thì không phải việc chúng tôi. Lịch sử ấy thật ra đã viết rồi, và viết một cách tay thầy, hoặc theo quan điểm Napôlêông hoặc theo một quan điểm khác, do một lô những nhà sử học ([1]). Về phần chúng tôi, chúng tôi xin để cho các nhà sử học tranh cãi với nhau; còn chúng tôi chỉ là một kẻ chứng kiến từ xa, một khách bộ hành đi qua cánh đồng, một người tìm tôi dừng lại trên mảnh đất trộn lẫn thịt người này. Có thể chúng tôi thấy bề ngoài mà nhận lầm là sự thật bên trong. Nhưng chúng tôi không có quyền, nhân danh khoa học, cưỡng lại một

(1) Oantơ Xcốt, Lamáctin, Vôlaben, Sarát, Kinê, Chie (chú thích ở nguyên bản).

loạt những sự kiện trong đó có thể có ảo ảnh. Chúng tôi không có thực tiễn quân sự, cũng không có thẩm quyền về chiến lược để có thể cho phép mình dựng lên một học thuyết. Theo ý chúng tôi, ở Oateclô, một chuỗi những ngẫu nhiên xoắn xít nhau đã tác động mạnh hơn những tính toán của hai người cầm quân hai bên. Và khi đã nói đến số mệnh, cái tên bị cáo huyền bí ấy, thì chúng tôi chỉ xin phán xét như dân chúng, người thẩm phán ngây thơ đơn giản.

IV

A

Muốn hình dung được rõ ràng trận Oateclô chỉ cần dùng trí tưởng tượng vẽ ra trên mặt đất một chữ A hoa. Vế trái là con đường đi Niven, về phải là con đường đi Giơnap, vạch ngang là lối trũng từ Ohanh đến Bơren Ladơ. Còn đỉnh là Mông Xanh Giăng, Oenlintơn đóng ở đó; chân vế trái là Hugômông, chỗ Rây và Giêrôn Bônapac đóng; chân vế phải là Ben Ialiăng, Napôlêông đóng. Phía trên chỗ vạch ngang gặp vế phải một chút là Hexanh. Giữa vạch ngang đúng là điểm quyết định cuối cùng trận đánh. Ở đấy bây giờ có đặt một còn sư tử, chắc là vô tình nhưng đã tượng trưng cho tinh thần anh dũng vô song của đoàn quân cận vệ.

Hình tam giác nằm giữa hai vế và vạch ngang là dãy đồi Mông Xanh Giăng. Giành giật dãy đồi này là diễn biến của cả trận đánh. Hai đạo quân dàn ra hai bên đường Giơnáp và Niven: quân của Đéclông đối diện với quân của Pictơn, quân của Rây đối diện với quân của Hin.

Đằng sau đỉnh của chữ A, sau dãy đồi Mông Xanh Giăng là cánh rừng Xoanhơ.

Còn bản thân cánh đồng thì cứ xin hình dung đó là một vùng đất rộng lượn sóng nhấp nhô, đợt sau cao hơn đợt trước, và lên dần cho đến Mông Xanh Giăng, rồi hòa vào khu rừng sau đó.

Hai đạo quân đối địch khi đã dàn trên một chiến trường thì giống như hai võ sĩ vật nhau. Bên này tìm cách làm ngã bên kia. Vì thế, gặp cái gì họ cũng bám; bụi cây, góc tường đều là chỗ tựa; một cái nhà tồi tàn có thể giúp cho một trung đoàn dựa vào và trụ lại; một vệt đất thấp, một lằn đất cao, một con đường tắt ngang đúng lúc, một khu rừng, một dòng khe, đều có thể kìm chân người võ sĩ khổng lồ mà người ta gọi là một đạo quân, và không cho nó lùi nữa. Trong trận đánh, ai ra khỏi chiến trường kẻ ấy thua. Cho nên, trách nhiệm của người chỉ huy là nhất thiết phải xem xét từng khóm cây bụi cỏ và đi sâu nắm vững mọi chi tiết địa hình.

Hai nhà cầm quân đã chăm chú nghiên cứu cánh đồng Mông Xanh Giăng, nay gọi là cánh đồng Oateclô. Từ năm trước, Oenlintơn, với cái khiếu viễn cảm của mình, đã tìm hiểu địa hình cả vùng, dự phòng một trận đánh to có thể xảy ra ở đấy. Tóm lại, về đất này và về chuẩn bị cho trận sống mái này, ngày 18 tháng sáu, Oenlintơn đứng ở thế thuận lợi, còn Napôlêông ở thế bất lợi. Quân Anh đóng phía cao, quân Pháp ở phía thấp.

Ở đây mà phác qua dáng dấp Napôlêông, tay cầm ống nhòm, ngồi trên mình ngựa ở ngọn đồi Rôtxôm, sáng sớm ngày 18 tháng sáu 1815 ấy, kể ra cũng thừa. Bởi bì chưa cần phải chỉ ra, mọi người đã thấy rồi. Nét mặt bình tĩnh ấy dưới chiếc mũ con con của trường võ bị Bơriên, bộ quân phục màu lá cây có ve trắng che khuất tấm huân chương, chiếc áo khoác màu xám phủ mất tua vai, góc chiếc băng đỏ dưới áo gi-lê, cái quần bằng da, con ngựa trắng với tấm phủ lưng bằng nhung đỏ thẫm, thêu hình chim ưng và

những chữ N cài mũ miện ở các góc, đôi ủng kỵ mã, bít tất lụa, đôi cựa bạc, thanh gươm ở Marănggô. Đó, toàn bộ hình dung của vị Xêda cuối cùng đứng sừng sững trong trí óc mọi người, mà có kẻ thì hoan hô, có kẻ thì lên án một cách nghiêm khắc.

Một thời gian khá lâu, con người ấy hiện lên hoàn toàn rực rỡ. Có lẽ vì chung quanh phần đông những bậc anh hùng thường có những thần thoại che khuất chân lý trong một thời gian. Nhưng ngày nay thì lịch sử cũng như chân lý đã tỏ tường cả rồi.

Lịch sử là thứ ánh sáng nghiêm khắc. Nó là ánh sáng, và chính vì nó là ánh sáng, nên mới có cái lạ lùng và thiêng liêng, là nó đặt bóng tối vào chỗ mọi người chỉ nhìn thấy tia sáng; nó chia cũng một con người ấy ra làm hai kẻ khác nhau, để cho kẻ này công kích và đánh giá kẻ kia, và để cho mọi thứ tối tăm của tay độc tài chống nhau với mọi thứ rực rỡ của vị tướng lĩnh. Chính từ đó mới có được cái mức đo đúng hơn trong sự đánh giá cuối cùng của các dân tộc. Việc giày xéo Babilôn làm giảm giá Alécdăng; việc chuyên chế đối với La-mã làm giảm giá Xêda và Giêruxalem bị chà đạp làm giảm giá Tituyt. Sự hung bạo đi theo bạo chúa. Khốn thay cho kẻ để lại sau mình bóng đêm mang hình dáng của chính bản thân mình.

V

TRẬN ĐÁNH CÓ ĐIỂM MỜ MỊT (1)

Mọi người đều biết giai đoạn đầu của trận đánh. Thật là bối rối, mơ hồ, ngập ngừng, nguy hiểm cho cả hai đạo quân, phía quân Anh còn nặng nề hơn phía quân Pháp.

Cả đêm hôm trước trời mưa rất to. Đất bị ướt sũng.

(1) Nguyên văn la-tinh: *Quid obseurum*.

Đây đó trên cánh đồng, nước mưa đọng lại các chỗ trũng như trong những chậu thau. Có nơi xe cộ của hậu cần nước ngập đến tận trục: từ những dây da quàng dưới bụng ngựa ở các cỗ xe, bùn lỏng chảy rỏ giọt. Giá không có lúa mì, lúa mạch bị xe cộ rộn rịp giày xuống lấp kín vết xe làm cái lót cho bánh lăn đi, thì bất kỳ xe pháo nào cũng không cử động được, đặc biệt ở các thung lũng mạn Papơlốt.

Trận đánh bắt đầu muộn. Như trên kia đã nói, Napôlêông có thói quen muốn nắm chắc pháo binh trong tay như nắm cây súng ngắn, để cần thì lúc chĩa vào điểm này, lúc chĩa vào điểm khác trên chiến trường, nên ông có ý đợi cho mặt trời lên và đất khô đi để các khẩu pháo có ngựa kéo có thể lăn bánh chạy ngang dọc tha hồ. Nhưng mặt trời không hiện ra. Thật chẳng còn như cảnh Austeclít (1). Khi phát đại bác đầu tiên gầm lên, viên tướng Anh là Côvin nhìn đồng hồ thấy đúng mười một giờ ba mươi lăm phút.

Cuộc tấn công của cánh trái quân Pháp vào Hugômông bắt đầu dữ dội, có lẽ quá dữ dội so với ý định của Napôlêông. Cùng lúc ấy, Napôlêông cho lữ đoàn Kiô xông lên He Xanh, đánh vỗ vào mặt giữa, còn Nê thì cho cánh phải tiến đánh cánh trái quân Anh đang lấy Papơlôt làm chỗ tựa.

Cuộc tấn công vào Hugômông có hàm ý nghi binh để nhử Oenlintơn nghiêng về phía cánh trái đó. Kế hoạch là như vậy. Ý đồ ấy có lẽ thực hiện được, nếu bốn đại đội vệ binh Anh và sư đoàn quân Bỉ dũng cảm của tướng Pécpôngse không giữ vững nổi vị trí này. Nhưng họ đã cố thủ được, và vì thế Oenlintơn, đáng lẽ phải dồn quân về đó, chỉ cần tiếp viện có bốn đại đội vệ binh khác và một

(1) Trong trận chiến thắng Austeclít (1805) mặt trời lên rực rỡ.

tiểu đoàn của Bơrănguých.

Cuộc tấn công của cánh phải vào Papolốt có tính triệt để hơn. Phải làm rối loạn cánh trái quân Anh, cắt đứt đường đi Bơruxen, chặn đường quân Phổ có thể kéo sang, đánh chiếm Mông Xanh Giăng, dồn Oenlintơn về Hugômông, từ đó về Bơren Lalơ và từ Lalơ đẩy luôn về Han. Kế hoạch như thế rõ như ban ngày. Trừ một vài sự biến nhỏ, cuộc tấn công này đã đạt được mục tiêu: chiếm được Papolốt và hạ được He Xanh.

Ở đây có một chi tiết cần ghi lại. Trong hàng ngũ bộ binh Anh đặc biệt trong lữ đoàn Căm, có khá nhiều tân binh. Đứng trước các chiến sĩ bộ binh đáng gờm của chúng ta, những tên lính trẻ ấy tỏ ra khá dũng cảm, và lòng dũng cảm ấy đã khiến cho sự thiếu kinh nghiệm của họ trở nên được việc. Họ biến thành những xạ thủ tài tình. Binh lính mà chiến đấu theo kiểu xạ thủ thì gần như độc lập hành động, chỉ có mình chỉ huy lấy mình: những tên lính trẻ ấy vì thế, tỏ ra có ít nhiều cái tính sáng tạo và sự hăng máu của quân Pháp. Loại bộ binh chưa có kinh nghiệm này rất là ưa bắn. Điều đó Oenlintơn không thích.

Sau khi He Xanh bị hạ, thì trận đánh chao đảo, thắng lợi không ở về bên nào rõ rệt.

Trong ngày hôm ấy, từ trưa đến bốn giờ chiều, có khoảng không rõ. Trận đánh có một quãng ở giữa gần như mờ mờ, hình như là cảnh hỗn chiến mù mịt. Trời đất như tối sầm lại lúc này. Trong đám sương mù ấy, nhiều đợt sóng dài chao qua đảo lại, một vùng màu sắc loạn xạ, vun vút, nhìn phát choáng váng. Đó là tất cả mớ quân áo, mũ mãng, giày dẹp, trong quân trang thời bấy giờ mà ngày nay không còn biết đến nữa: những mũ ống có chòm tua như ngọn lửa, những túi da lòng thòng, những dây da

mang chéo, những bọc lựu đạn, những áo thêu của kỵ binh, những đôi ủng đỏ đầy nếp, những chiếc mũ kỵ binh viền tua xoắn ốc; rồi bộ binh của Bơrăngiuých quân phục xám đen chen lẫn với bộ binh Anh quân phục đỏ tươi, cầu vai trắng thêu nổi trên áo lính Anh, cái mũ da tròn và dài quấn dây đồng, có bờm bằng lông màu đỏ của khinh kỵ Đức, rồi lính Êcốt để gối trần và mặc áo khoác ca-rô, lính cận vệ ta mang ghệt trắng: Tất cả những cái đó nhìn như những bức tranh, những sắc màu, hình khối cần cho một họa sĩ, hơn là những trận tuyến chiến lược, những vị trí, những người cần cho một tướng pháo binh.

Trong một trận đánh thường xen vào một lượng bão táp nhất định. Cái gì mù mờ, thì chỉ có đoán mới biết. Cho nên người chép sử tùy mình mà ghi thành một nét phang phác nào đó về những chỗ lộn xộn ấy. Bởi vì, dù các tướng cầm quân có tính toán như thế nào đi nữa, khi hai đạo quân chạm nhau nhất định sinh ra vô số những điều bất ngờ. Trong quá trình hai bên đánh nhau, hai kế hoạch tác chiến cài vào nhau, làm biến dạng lẫn nhau. Chỗ nào trên chiến trường tiêu hao nhiều chiến sĩ hơn chỗ khác, cũng như đổ nước lên đất thì có nơi đất hút nhanh, có nơi đất hút chậm, cho nên phải đổ bù quân vào đó quá mức mong muốn. Đó là những khoản chi không dự kiến! Chiến tuyến bềnh bồng quanh co -như một sợi chỉ, máu chảy thành dòng một cách không hợp lý, phòng tuyến các đạo quân nhấp nhô, các trung đoàn nơi thì lồi ra, nơi thì lõm vào thành những mũi, những vịnh, tất cả những dãy đá ngầm trên mặt bể kia cứ động liên tục trước mặt nhau. Chỗ nào là bộ binh trước kia thì pháo binh lúc này kéo đến; chỗ nào là pháo binh thì kỵ binh ùa lại; các tiểu đoàn trưởng như những đám khói. Hình như trong đó đang xảy ra

chuyện gì, người ta đang tìm, thì cái đó lại đã biến mất rồi. Mới thấy hé sáng chỗ này thì lại đã sáng sang chỗ khác. Bóng tối tiến lên, lùi xuống. Hình như có một ngọn gió của cõi âm đang nổi lên, xô đẩy, thổi căng, thổi giạt đi tất cả những đám đông bi hùng này. Hỗn chiến là gì? Là một sự chao đảo. Một kế hoạch dù chính xác như toán học đi nữa, đem ra thực hiện, có giữ nguyên không sai chạy tí nào là trong một hai phút chứ không thể trong một ngày được. Cho nên chỉ có những nhà danh họa biết tung hoành ngọn bút mới mô tả được một trận đánh. Và như thế Răngpơrăng hợp hơn Văngđe Mơlăng. Văngđe Mơlăng, họa cảnh chiến trường rất đúng vào giờ ngọ, nhưng người mục kích cùng chiến trường ấy vào giờ thân thì cho là vẽ láo. Ở lĩnh vực này cái gì chân phương hình học lại khiến người ta lầm lạc; trái lại phải linh hoạt, dữ dội như bão tố thì mới nắm được sự thật. Có lẽ vì vậy mà nhà chiến thuật ngày nay mới nói ngược lại nhà sử học ngày xưa được. Cũng xin nói lên rằng có lúc nào đó, trận đánh chỉ còn là những cuộc xung đột nho nhỏ, riêng biệt ở từng nơi, và phân tán ra vô vàn những sự biến vụn vặt, những cái này, theo cách nói của chính bản thân Napôlêông "thuộc tiểu sử của các trung đoàn nhiều hơn là lịch sử của đạo quân". Trong trường hợp này, người viết sử rõ ràng là có quyền tóm tắt. Bởi vì chỉ có thể nắm được những nét bao quát và chính yếu của trận đánh, chứ dù có cần cù đến đâu cũng không tài nào ghi dứt khoát và cố định hình dáng của một trận đánh, nó như một đám mấy rùng rợn luôn luôn biến đổi.

Đối với tất cả các cuộc giao tranh giữa hai đạo quân xưa nay, điều đó đã đúng, thì đặc biệt đối với trận Oateclô nói điều đó càng đúng hơn.

Tuy vậy, buổi chiều, đến lúc nào đó, trận đánh rõ ra.

VI

BỐN GIỜ CHIỀU

Đến quãng bốn giờ chiều, tình hình đạo quân Anh nghiêm trọng. Hoàng thân Orăng chỉ huy mặt giữa, Hin cánh phải, Pietơn cánh trái. Hoàng thân rối trí nhưng dũng cảm, thét lên động viên liên quân Hà-Bỉ: *"Nátxô! Bơrănguych! Nhất định không lùi!"*. Cánh quân của Hin đã núng thế, Hin phải đến tựa vào Oenlintơn. Còn Pietơn thì đúng vào lúc quân Anh cướp được của quân Pháp lá cờ của quân đoàn số 105, quân Pháp đã bắn chết ông ta bằng một viên đạn xuyên qua đầu. Oenlintơn có hai điểm tựa: Hugômông và He Xanh. Hugômông thì còn giữ được nhưng bốc cháy, còn He Xanh thì đã mất. Ở đấy, cả một tiểu đoàn Đức chống giữ, chỉ có bốn mươi hai người sống sót, tất cả sĩ quan đều bị giết hoặc bị bắt, chỉ còn năm người. Ba nghìn binh sĩ đã chém giết nhau trong cái kho thóc ấy. Một đội trưởng cận vệ Anh, chính là tay vô địch quyền Anh, nổi tiếng trong quân ngũ là bất khả xâm phạm, đã bị một chú thiếu niên lính kèn Pháp giết chết ở đấy. Bêrin bị tống ra, Onten bị chém chết cũng ở đấy. Rất nhiều lá cờ bị mất, trong đó có lá cờ của sư đoàn Onten và lá cờ của tiểu đoàn Luynơbua mà người cầm là một hoàng thân xứ Đơpông. Quân Êcốt xám không còn một ai, đoàn kỵ binh hộ pháp của Pônxônbi bị vằm nát. Họ khá dũng cảm nhưng đã bị kỵ binh giáo dài của Bơrô và kỵ binh thiết giáp của Tơrave đè bẹp. Trong số một nghìn hai họ chỉ còn sáu trăm; trong số ba trung tá, hai đã tử trận: Hamintơn bị thương, Matơ bị giết. Còn Pônxônbi cũng bị ngã, bị đâm đến bảy nhát giáo. Goócđơn chết, Mácsơ cũng chết. Hai sư đoàn năm và sáu bị tiêu diệt. Sau khi Hugômông bị lấn và He Xanh bị mất thì chỉ còn một mắt

cứng nữa là mặt giữa. Mắt cứng ấy giữ vững. Oenlintơn tăng quân củng cố, gọi Hun từ Mécbơren, gọi Sátxê từ Bơren Lalơ về.

Mặt giữa quân Anh: đóng thành vành hơi lõm, hàng ngũ đông đặc, ở vào một địa thế vững chãi. Nó chiếm cả cao nguyên Mông Xanh Giăng, đằng sau là làng xóm, trước mặt là sườn dốc hồi bấy giờ còn khá ngược. Nó tựa lưng vào một ngôi nhà vững chắc -bấy giờ là tài sản của quận Niven, nằm giữa ngã ba đường. Ngôi nhà này xây từ thế kỷ mười sáu, toàn bằng đá, làm nên một khối rất vững, đạn pháo bắn vào chỉ xước qua chứ không suy suyển nổi. Chung quanh cao nguyên, quân Anh đã cắt xén các hàng giậu, phát những lỗ trống trong các chòm hoa dại, giấu một họng đại bác giữa hai cành cây, biến các bụi gai thành công sự đặt súng. Pháo binh của họ đều phục như vậy trong bụi bờ cả. Công việc lừa gạt ấy được phép đem dùng vì trong chiến tranh có thể dùng cạm bẫy. Có điều họ làm khéo quá, đến nỗi, Napôlêông hồi chín giờ sáng, đã cho Haxô đi trinh sát pháo địch, chẳng trông thấy gì cả và trở về báo cáo là không có gì trở ngại cả, trừ hai chiến luỹ chắn ngang các con đường đi Niven và Giơnáp. Bấy giờ lúa cũng đã tốt; men theo bờ cao nguyên, quân Anh cũng đã cho tiểu đoàn 95 của lữ đoàn Căm, trang bị bằng súng nhẹ và nhanh, nằm phục sẵn trong lúa.

Sau khi đã chống đã chèn một cách bảo đảm như vậy, mặt giữa của đạo quân Anh-Hà coi như ở vào thế khá vững chãi.

Chỗ hở của trận địa này là khu rừng Xoanhơ, liền sát với chiến trường nhưng có các đầm nước Gơrônăngđaen và Boapho cắt ngang. Nếu phải lùi vào đó thì dù một quân đoàn cũng khó mà không tiêu tan, vì các trung đoàn lập

tức vỡ nát ngay, còn pháo thì chết chìm trong các đầm nước. Rút lui vào đó, theo ý kiến của nhiều người trong nghề -đành rằng có kẻ khác bác bỏ- chỉ là một cuộc tháo thân, mạnh ai nấy chạy mà thôi.

Oenlintơn rút từ cánh phải một lữ đoàn của Sátxô, từ cánh trái một lữ khác của Uyncơ, và sư đoàn Cơlintơn về tăng cường cho mặt giữa này. Quân Anh của các trung đoàn Hônket, lữ đoàn Mitsen, đội cận vệ Métlen, đóng ở giữa, phụ lực hai bên là bộ binh của Bơrănguých, của Nátxô, quân Hanôvơơ và quân Đức. Như vậy là Oenlintơn nắm trong tay hai mươi sáu tiểu đoàn. Và, như Sarát nói, *cánh phải* của đạo quân *đã bẻ cụp lại đằng sau mặt giữa*. Ở chỗ ngày nay gọi là "Bảo tàng Oateclô" là một khẩu đội pháo khổng lồ che khuất sau một đống bao đất. Ngoài ra, Oenlintơn còn có sau một nếp đất cao, đội kỵ binh cận vệ của Xômơcxét, gồm một nghìn bốn trăm ngựa, phần nửa của đoàn kỵ binh Anh nổi tiếng. Phần của Pônxônbi đã bị tiêu diệt, nhưng đoàn của Xômơcxét hãy còn đó.

Khẩu đội pháo nếu bố trí xong xuôi sẽ có thể hầu như là một công sự. Nó được đặt sau một bức tường thấp trong vườn, phủ vội lên một lớp bao cát và đắp nhanh một vành đất rộng và cao án ngữ. Công sự này chưa hoàn thành, vì không còn đủ thì giờ để rào ngăn chung quanh nữa.

Oenlintơn trong lòng băn khoăn nhưng không để lộ ra nét mặt. Suốt ngày ông ngồi trên mình ngựa, luôn luôn trong một tư thế không thay đổi, trước cái cối xay cổ của Mông Xanh Giăng, dưới bóng một cây du. Cối xay này hiện nay hãy còn, duy cây du thì một người Anh, vào loại những kẻ phá hoại mà tưởng mình nhiệt tình với lịch sử đã bỏ ra hai trăm phơräng để mua, rồi cưa và đem đi.

Oenlintơn đứng đó, anh dũng một cách lạnh lùng. Chung quanh, đạn pháo tới tấp như mưa. Goócđơn, viên sĩ quan phụ tá vừa ngã xuống bên cạnh. Hin trỏ một quả tạc đạn đang nổ, hỏi: "Thưa tướng quân, nếu ngài có mệnh hệ nào thì ngài định chỉ thị như thế nào và ra lệnh ra làm sao cho chúng tôi?" Ông ta đáp: "*Cứ làm như tôi*". Ông cũng nói vắn tắt với Cơlintơn: "*Giữ chỗ này đến người cuối cùng*!". Thế trận xấu đi trông thấy. Ông ta nhìn vào các chiến hữu của mình ở Talavêra, ở Vittôria, ở Xalamăng trước kia và lớn tiếng kêu gọi: *"Này các cậu! Làm thế nào mà nghĩ đến chuyện rút lui cho được? Phải nghĩ đến tổ quốc Anh lâu đời của chúng ta chứ!"*

Quãng bốn giờ chiều, bên trận tuyến quân Anh thấy có chuyển dịch về phía sau. Đột nhiên trên ngọn cao nguyên Mông Xanh Giăng chỉ thấy có pháo binh và các tốp lính bắn lẻ, còn tất cả đều mất hút. Thật ra bị pháo binh quân Pháp dập đuổi, họ phải lùi xuống một nếp đất sâu, chỗ có con đường ra vào của nhà trại ở Mông Xanh Giăng cắt ngang, đến nay hãy còn trông thấy. Một sự vận động chuyển về sau xuất hiện, trận tuyến quân Anh đã lẩn tránh mặt trước. Oenlintơn đã lùi. Napôlêông reo lên: "Bắt đầu rút lui rồi!"

VII

NAPÔLÊÔNG VUI VẺ

Hoàng đế đang ốm lại có chỗ đau trong người nên ngồi ngựa hơi khó chịu, nhưng chưa bao giờ người lại vui vẻ như cái hôm 18 tháng sáu 1815 ấy. Từ sớm hôm ấy người không lạnh lùng khó hiểu nữa, mà lại hay mỉm cười. Cái tâm hồn sâu sắc ấy như bọc vỏ cẩm thạch. Nhưng hôm đó tâm hồn ấy chẳng đắn đo gì, rạng rỡ hẳn ra. Té ra con

người trước kia ở Austéclít thì âm thầm, nay ở Oateclô lại vui vẻ. Những con người vĩ đại trời sinh trời phú cho những sứ mạng lớn lao, thường hay có những việc làm ngược đời như vậy. Những vui mừng của chúng ta mơ hồ như bóng tối. Chỉ có Chúa mới có được nụ cười tối hậu.

Binh lính thời La-mã nói *Xêda cười, Pôngpê khóc* (1). Nhưng Pôngpê lần này chưa phải đã khóc, mà Xêda thì chắc chắn là đã cười. Đêm hôm trước, hồi một giờ sáng, mặc dù mưa gió dữ dội, người đã cùng Béctơrăng đi thăm dò các quả đồi gần Rốtxôm. Nhìn thấy đèn đóm trong trại quân Anh thắp sáng một dãy dài phía chân trời, từ Phơritsơmông đến Bơren Lalơ, người thấy yên lòng và có cảm tưởng là cái số mệnh mà người hẹn ngày đến trên cánh đồng Oateclô này, đã đúng hẹn. Người đã dừng ngựa đứng im một lát, nhìn trời nhìn mây, rồi bỗng nhiên người ta nghe con người của định mệnh ấy thốt lên trong đêm tối một câu nói bí ẩn: "Chúng ta đồng ý với nhau". Không, người đã lầm. Số mệnh không đồng ý với người nữa đâu.

Đêm ấy người không chợp mắt tí nào. Mỗi phút qua đều như đánh dấu bằng một nỗi vui mừng. Người đã đi qua suốt hàng cận vệ, chốc chốc lại dừng lại trò chuyện với những người lính gác. Đến hai giờ rưỡi đêm, khi đến gần khu rừng Hugômông, nghe có tiếng một đoàn quân đang đi, trong chốc lát người đã tưởng là Oenlintơn rút lui. Người nói với Bectơrăng: *"Hậu vệ chúng nó đang vận động để chuồn. Ta sẽ bắt gọn lũ sáu nghìn vừa đáp bến Ôtxtăng đó"*. Người nói chuyện cởi mở, hồ hởi như hồi đổ bộ ngày mồng một tháng ba. Hồi ấy thấy một người nông dân ở vịnh Giuyăng nhiệt liệt đón mừng, người đưa tay chỉ cho đại nguyên soái và nói to: "Kia kìa, Bectơrăng, viện binh

(1) Nguyên văn la-tinh: *Ridet Coesar, pompeius flebit.*

đó rồi!". Ngay đêm 17 rạng 18 tháng sáu ấy, người cũng chế giễu Oenlintơn: *"Phải cho cái chú Anh-cát-lợi bé nhỏ này một bài học!"* Người cứ nói chuyện mà ngoài trời mưa càng to, sấm chớp càng dữ.

Đến ba giờ rưỡi sáng, cái ảo tưởng quân địch rút không còn nữa: nhiều sĩ quan phái đi trinh sát trở về báo là bên chúng chẳng động tĩnh gì cả. Tất cả đều im lìm, lửa trong các trại chẳng chỗ nào tắt. Quân địch đang ngủ. Mặt đất im lặng hoàn toàn, chỉ trên trời là ầm ĩ. Bốn giờ, lính canh dẫn đến trước mặt người một nông nô. Người này đã dẫn đường cho một lữ đoàn địch, chắc là lữ đoàn Vayviên, đến bố trí ở làng Ohanh, bên cực tả. Năm giờ, hai lính Bỉ đào ngũ đưa tin là họ vừa trốn khỏi trung đoàn họ, và quân Anh đang sẵn sàng chờ đánh nhau. Người nói to: *-Càng tốt, ta thích quật chúng hơn là đẩy chúng rút lui.*

Sáng hôm sau, người dừng lại ở bãi cỏ chỗ khúc ngoặt của Pơlăngxơnoa. Người rời lưng ngựa, bước xuống bùn, gọi lính lôi từ nhà trại Rốtxôm ra một cái bàn nấu bếp và một cái ghế cục mịch, giải một bó rơm làm thảm rồi đặt lên đó. Người ngồi xuống, mở bản đồ chiến trường ra trải lên bàn rồi vui vẻ bảo Xu: *Đẹp nhé! Như một bàn cờ!*

Đêm qua mưa, đoàn xe quân lương ì ạch mãi trong các ngả đường lầy lội, đến sáng vẫn chưa tới kịp. Quân lính suốt đêm bị mưa ướt, không ngủ được, lại phải nhịn đói. Thế mà người vẫn nói với Nê một cách vui vẻ, nhẹ nhàng: *Trăm phần chúng ta cầm chắc trong tay chín mười rồi.* Tám giờ, cơm sáng dọn ra. Người mời nhiều vị tướng quân cùng ăn. Vừa ăn, có người kể rằng đêm hôm kia, Oenlintơn có mặt ở dạ hội khiêu vũ tại nhà bà công tước Rích mông ở Bơruxen. Xu, vị tướng quân khắc khổ, có nét mặt của một ông giám mục, nghe thế, liền nói: "*Hôm nay mới thật là khiêu vũ đây!*" Nê tiếp: "*Oenlintơn có dại gì mà*

chờ bệ hạ!" Người liền chế Nê về câu ấy, đó cũng là thói quen của người. Phơlơri bảo với Sabulông: *Ông ấy đùa luôn miệng*. Guốcgô nói: *Căn bản ông ấy tính tình vui vẻ*. Còn Bengiamanh Công xtăng nói: *Ông ấy đùa nhiều nhưng có phần kỳ quặc hơn là hóm hỉnh*. Những phút vui đùa của các bậc anh hùng, kể ra cũng đáng nhấn mạnh một tí. Chính người đã từng gọi ưu binh của mình là "dân hay cáu", rồi xách tai, kéo râu họ. Và chính mồm họ lại có kẻ nói: *Ngài chỉ nghịch thôi*! Trong chuyến đi bí mật từ đảo Enbơ về đất Pháp, ngày 27 tháng hai, đương giữa bể khơi, chiếc thuyền buồm *Vô định* chở giấu Napôlêông gặp phải chiến hạm *Thanh phong* của hải quân Pháp. Chiếc *Thanh phong* hỏi chiếc *Vô định* tin tức về Napôlêông. Bấy giờ người đang đội mũ có băng nửa trắng nửa đỏ lốm đốm những hình ong (1) theo kiểu người đã nhận dùng lúc ở đảo Enbơ. Người liền vừa cười vừa chụp lấy ống loa, tự mình trả lời: *Hoàng đế mạnh khỏe*. Đùa được như thế kể phải quen với mọi biến cố lắm lắm. Bữa ăn sáng ở Oateclô hôm ấy, người đã có nhiều trận cười như vậy. Ăn xong, người trầm ngâm mười lăm phút. Sau đó, hai vị tướng quân đến ngồi trên bó rơm, người đọc cho họ chép lệnh ra quân.

Đến chín giờ thì đạo quân Pháp chuyển mình ra trận. Toàn quân triển khai thành năm cánh, các sư đoàn dàn thành hai hàng, pháo binh xen giữa các lữ đoàn, quân nhạc đi trước, cử điệu xuất quân, trống rung, kèn thổi. Một rừng mũ mãng, gươm giáo lấp kín cả chân trời. Thật là một cảnh tượng mãnh liệt, vui tươi, hùng vĩ. Lúc ấy, hoàng đế xúc động, reo đến hai lần:

- Tuyệt đẹp! Tuyệt đẹp!

Thực là khó tin nhưng chỉ từ chín giờ đến mười rưỡi là toàn bộ quân đội đã chiếm lĩnh trận địa, chia làm sáu tuyến, hình thành, theo lời của chính hoàng đế, "sáu chữ

(1) Phù hiệu quân đội và hải quân Hoàng gia Pháp.

V". Cùng lúc, người ra lệnh rút từ hàng ngũ của Đ'Éclông, Rây và Lôbô ba khẩu đội pháo gồm hai mươi bốn khẩu, để mở màn trận đánh bằng cách giã vào Mông Xanh Giăng, chỗ các đường đi Niven và Giơnáp gặp nhau. Mấy phút sau khi hàng trận bày xong, trong cái không khí im lìm nặng trĩu trước trận đánh cũng như trước một cơn dông, khi nhìn thấy các khẩu đội pháo kéo qua, người vỗ vào vai Haxô và nói: *Hai mươi bốn cô gái đẹp đó, tướng quân ạ.*

Đại đội công binh của đạo quân thứ nhất được người chỉ định sẽ chết tại Mông Xanh Giăng một khi chiếm được làng, đang diễu qua trước mặt. Người nhìn họ mỉm cười khuyến khích vì trong bụng người cầm chắc sẽ thắng. Tâm hồn người lúc bấy giờ hoàn toàn thanh thản, chỉ có một lần, người buông một lời thương hại kiêu kỳ. Đó là khi thấy bên cánh trái, ở chỗ ngày nay còn một ngôi mồ to tướng, đoàn kỵ binh Êcốt nổi tiếng, quân phục màu xám, người ngựa to khỏe, đội ngũ dày đặc, người thốt lên: *Thật phí quá* !

Sau đó, người lên ngựa, đến trước Rốtxôm, chọn một chỗ đứng quan sát. Đó là chỗ thứ hai người đứng trong trận này, một mô đất cỏ hẹp bên phải đường đi từ Giơnáp đến Bơruxen. Vào bảy giờ tối, người dời đến chỗ thứ ba, giữa Benlaliăng và He Xanh. Chỗ này đáng sợ quá. Nó là một mô đất khá cao, nay hãy còn đó. Đằng sau là đoàn vệ binh tập trung trên sườn dốc. Chung quanh mô đất, đạn pháo nhảy thia lia từ mặt đường đến tận chỗ người đứng. Trên đầu người đạn to đạn nhỏ vèo vèo như hồi ở Bơriên. Về sau, người ta nhặt được ngay dưới chân ngựa của người, nhiều quả đạn đại bác đã gỉ, những thanh gươm và mảnh đạn cách đây mấy năm chẳng còn hình thù gì nữa và gỉ ăn gần hết.

Người ta còn đào được một quả tạc đạn 60 ly, thuốc nổ còn nguyên, nhưng ngòi đã bị gãy sát vỏ. Chính ở trạm thứ ba này, trông thấy người nông dân dẫn đường Lacốt, vì có thể gây trở ngại nên bị trói ngồi sau lưng một kỵ binh, cứ hoảng hốt quay mặt mỗi lần đạn nổ, và cố sức nấp mình vào lưng kỵ binh này, người đã mắng: *"Đồ ngu! Xấu hổ chửa! Khéo không rồi lại bị bắn chết từ phía lưng giờ* !" Tự tay kẻ viết sách này cũng đã tìm thấy ở sườn dốc của một mô đất này, khi đào lớp cát rất tơi ở đây, vết tích của một quả bom chỉ còn có phần cuống, mà bốn mươi sáu năm mục gỉ đã làm nát vụn và một số những thanh sắt có thể lấy tay bẻ gãy như những que dút.

Những làn sóng đất nhấp nhô trên các cánh đồng và nghiêng đổ về các hướng khác nhau trước đây là nơi hai bên Napôlêông và Oenlintơn đấu sức, nay không còn như hồi 18 tháng sáu 1815 nữa, điều đó mọi người đều rõ. Vì muốn lấy ở mảnh đất tang tóc này vật liệu cần thiết để dựng lên một đài kỷ niệm, người ta đã làm thay đổi cả địa hình cũ. Cho nên, ngay lịch sử cũng ngẩn ngơ, không còn nhận ra đâu là đâu nữa. Muốn cho đất này được vẻ vang, người ta đã vạt cả mặt mũi nó đi là như vậy. Hai năm sau, Oenlintơn trở lại Oateclô buộc phải kêu lên: "*Cái chiến trường của tôi, người ta đã đổi khác hết*". Chỗ bây giờ là cái nền đất to hình tháp trên đặt con sư tử, ngày xưa còn có cái mỏm khá cao, thoai thoải về hướng Niven thành một lối bậc thang đi lại được, nhưng về phía nẻo đi Giônáp thì gần như là dốc đứng. Sườn dốc ấy cao bao nhiêu, ngày nay có thể đo bằng chiều cao của hai nấm mồ to tướng như hai gò đất ôm lấy con đường từ Giônáp đến Bơruxen: một cái dành cho lính Anh, một cái dành cho lính Đức. Không có cái nào cho lính Pháp cả. Đối với nước Pháp, tất cả cánh đồng này là mộ địa. Hàng nghìn hàng

vạn xe bò đất đã được đắp thành một gò chu vi nửa cây số, cao năm mươi thước, nhờ vậy cao nguyên Mông Xanh Giăng bây giờ có thể leo lên bằng một lối thoai thoải, chứ ngày xưa, hồi đánh nhau, nhất là về phía He Xanh thì dốc ngược và cao lắm. Sườn đồi ở đó nghiêng dựng đến nỗi đại bác quân Anh đặt ở đấy không trông thấy dưới chân mình cái nhà trại nằm giữa đáy thung lũng, chỗ trung tâm của trận đánh. Ngày 18 tháng sáu 1815, mưa lại xói lở thêm những sườn dốc khó khăn này. Lại thêm có bùn, nên leo càng khó, vì không chỉ có leo mà còn phải lội lầy nữa. Dọc theo mỏm có một thứ hào dài, từ xa khó mà đoán ra được.

Đường hào ấy là cái gì vậy? Xin nói ngay. Đây là đất Bỉ. Bơren Lalơ là một cái làng, Ohanh là một cái làng khác. Hai làng ấy đều ẩn mình trong những khuỷu đất thấp, có một con đường độ một dặm rưỡi nối liền nhau. Con đường này băng qua một cánh đồng nhấp nhô nên đây đó lại chui sâu vào các ngọn đồi như một rãnh cày, do đó, một đôi nơi, con đường thực chất là một hào sâu. Năm 1815 cũng như ngày nay, con đường ấy cắt ngang mỏm cao Mông Xanh Giăng ở quãng giữa hai con đường đi Giônáp và Niven. Chỉ có khác là ngày nay nó bằng mặt với cánh đồng, còn hồi đó nó là một đường trũng. Hai bờ cao của nó, về sau, người ta đã san đi để đắp vào cái nền đất kỷ niệm. Tuy vậy phần lớn con đường hãy còn là một con hào giao thông, có khi sâu đến hàng trượng, và hai bên bờ cao ngược rải rác lại sạt đổ, nhất là về mùa đông, khi trời mưa to. Tai nạn hay xảy ra các nơi đó. Đến cổng làng Bơren Lalơ, con đường quá hẹp, đến nỗi một người bộ hành đã bị một cái xe bò nghiến. Tấm bia đá dựng bên nghĩa địa đã ghi rõ tên họ người xấu số: *Ông Bécna đơ Bơri, nhà buôn ở Bơruxen*, cũng như ngày tháng xảy ra tai nạn: tháng hai 1637 (1).

(1) Bia đề: Đây là nơi yên nghỉ của ông Bécna đơ Bơri, nhà buôn ở Bơruxen bị xe cán chết, ngày (không rõ) tháng hai 1637 (chú thích ở nguyên bản).

Trên ngọn cao nguyên Mông Xanh Giăng, con đường lại đặc biệt sâu. một người nông dân, Machiơ Nikedơ bị đất trên bờ lở xuống, đã chết năm 1783, như có ghi trên một tấm bia khác. Tấm bia này, phần trên đã vùi lấp trong đất khi người ta vỡ hoang, nhưng phần đế bị lật ngược ngày nay hãy còn thấy trên sườn cỏ bên trái con đường lớn, giữa He Xanh và nhà trại ở Mông Xanh Giăng.

Con đường trũng men theo mỏm Mông Xanh Giăng ấy, cái rãnh sâu trên ngọn sườn đồi cao ấy, cái vệt lõm khuất trong đất ấy, chẳng có gì báo hiệu là có nó cả. Cho nên, trong trận đánh nhau trong đó, chẳng ai trông thấy nó, và vì thế nó trở thành một vật kinh khủng.

VIII

HOÀNG ĐẾ HỎI NGƯỜI DẪN ĐƯỜNG LACÔT

Thế là, sáng hôm đánh trận Oateclô, Napôlêông lấy làm vừa ý.

Như vậy là phải, vì kế hoạch trận đánh do ông phác ra, như trên đã nói, đúng là tuyệt diệu.

Trận đánh bắt đầu. Diễn biến thật phức tạp. Hugô-mông vẫn cố thủ. He Xanh chiến đấu kiên trì. Đôđuyanh chết, Phoa loại khỏi vòng chiến. Lữ đoàn Xoa tan nát trước một bức tường bất ngờ. Ghiơminô trong tay không pháo đùng, không thuốc súng, một sự dại dột tai hại. Các khẩu đội pháo sa lầy. Mười lăm khẩu thiếu bảo vệ bị địch đánh tơi bời trong một đoạn đường trũng. Đạn trái phá rơi vào giữa hàng ngũ địch, chui xuống đất nhão, khoét thành hố sâu làm cho bùn bắn ra tung

toé chứ chẳng có mảnh đạn nào. Pirê đem kỵ binh ra biểu diễn một cách vô ích ở Bơren Lalơ, làm cho cả đoàn người ngựa, mười lăm đại đội, gần như bị xoá sổ. Cánh phải quân Anh chưa có gì khiến nao núng, cánh trái chưa bị tiêu hao đáng kể. Việc hiểu lầm của Nê thật kỳ lạ: đáng lẽ phải rải ra thì lại cho cả bốn sư đoàn của quân đoàn số 1 dàn trận đông đặc. Những đội hình hai mươi bảy hàng dày bít, những trận tuyến hai trăm người san sát, cứ thế mà nộp mình cho đạn ghém của địch, cứ thế mà để cho đạn đại bác khoét những lỗ trống kinh khủng. Hàng ngũ các đội xung kích rời rạc. Khẩu đội bắn chéo vào sườn giặc bỗng dưng bị phát hiện. Buôcgioa, Đôngdơlô và Đuyrét lâm nguy. Kiô bị đẩy lui. Trung uý Viơ, nhà lực sĩ tốt nghiệp trường bách khoa bị thương trong lúc đang vác búa phá cửa ở He Xanh, vì quân địch bắn từ trên chiến luỹ chắn ngang khuỷu đường từ Giơnáp đi Bơruxen. Sư đoàn Maccônhê bị kẹp giữa bộ binh và kỵ binh địch, một đằng bị quân bộ của Bet và Păc núp trong ruộng lúa bắn gần sát nách, một mặt bị quân kỵ của Pônxônbi chém. Công tước Xắcxơ Vâyma vẫn chiến đấu và giữ vững khi đội pháo bảy khẩu của ông bị hóc, mặc dù bá tước Đeclông, Phơritsơmông và Xmôhanh tấn công mãnh liệt. Lá cờ của trung đoàn 105 bị mất, lá cờ của trung đoàn 45 cũng bị cướp. Cái tên kỵ binh Phổ, mặc quân phục đen, bị lính gác của đoàn cơ động ba trăm người đi sục giữa Vavơrơ và Polăngxơnoa bắt được. Những điều nó khai ra thật đáng lo. Gơruxi đến chậm quá. Một nghìn năm trăm người chết trong vườn quả Hugômông trong non một giờ. Một nghìn tám trăm người ngã chung quanh He Xanh trong một thời gian ngắn hơn. Tất cả những

sự kiện bão táp ấy diễn qua trước mắt Napôlêông như những đám mây vần của trận đánh. Nó chỉ làm cho mắt rồng hơi mờ đi một thoáng, nhưng không hề làm cho lòng tin sắt đá ấy lung lay. Ông đã quen nhìn thẳng vào chiến tranh. Ông không bao giờ đem từng chi tiết mà cộng lại. Con số không quan trọng lắm, chỉ cốt nó đưa đến tổng số cuối cùng là chiến thắng. Cho dù những bước đầu có chuệch choạc, ông cũng chẳng vì thế mà lo ngại, vì ông tin chắc mình nắm đích cuối cùng. Ông biết chờ đợi, coi mình như ở ngoài vòng số mệnh, và ngang tầm với số mệnh. Có vẻ như ông nói với nó: "Mày đừng hòng".

Napôlêông là nửa ánh sáng nửa bóng tối. Ông cảm thấy phía tốt thì mình được bảo vệ, còn phía xấu thì mình được khoan dung. Không biết đó là điều có thật hay là ông tin như thế, nhưng sự thật, có thể nói là mọi sự việc đều như đồng mưu với ông, về hùa với ông, cho nên ông mới có cái mà thời cổ gọi là tính bất khả xâm phạm.

Tuy nhiên, khi người ta đã từng trải qua Bêrêdina, Laixích, Phôngtenbơlô, thì lẽ ra người ta cũng có thể hoài nghi Oateclô. Trên cõi cao thâm nghìn trùng, đã gợn một nét cau mày huyền bí.

Lúc Oenlintơn cho quân lùi lại, Napôlêông thấy người mình rung động. Cao nguyên Mông Xanh Giăng trong giây lát đã vắng bóng quân lính và trận tuyến quân Anh biến mất. Địch tập hợp lại nhưng đồng thời cũng lẩn tránh. Napôlêông gần như nhổm người đứng lên bàn đạp. Trong giây lát chiến thắng như một tia chớp vụt hiện trong mắt ông.

Oenlintơn mà bị đẩy lùi đến rừng Xoanhơ và bị tiêu diệt, tức nước Anh bị nước Pháp quật ngã một cách vĩnh viễn. Đó là những thảm bại Cơrêxi, Poachiê, Manpơlakê, Ramidi được phục thù. Các điều khoản Adanhcua, người anh hùng Marăngô sẽ xóa sạch.

Vừa nhẩm trong óc giai đoạn ghê gớm ấy, Napôlêông vừa đưa ống nhòm nhìn khắp một lượt cuối cùng tất cả các vị trí trên chiến trường. Đoàn quân cận vệ, súng chống xuống đất, sẵn sàng ở đằng sau, phía dưới thấp, theo dõi các cử chỉ của ông, trong bụng tin như tin ở Chúa. Ông suy nghĩ, ông quan sát các sườn đồi, để ý các đường dốc, nhìn xoi mói các bụi cây, các thửa ruộng mạch, các đường hẻm, có cảm tưởng ông tò mò đếm từng bụi gai. Ông nhìn khá chăm chú các chiến lũy của địch trên hai con đường lớn. Hai chiến luỹ, hai đống cây chồng chất lên nhau, khá rộng. Cái trên đường Giơnáp, phía trên He Xanh, có hai khẩu đại bác; trong toàn bộ pháo binh địch chỉ hai khẩu này là chĩa tới được phía cuối của chiến trường. Cái trên đường Niven thì sáng loáng những lưỡi lê của lữ đoàn Hà-lan do Satxê chỉ huy. Ông cũng chú ý đến ngôi nhà thờ cổ Xanh Nicôla bên cạnh, quét vôi màu trắng, ở góc đường tắt ngang đi Bơren Lalơ. Ông nghiêng mình thì thầm với người dẫn đường Lacôt. Tên này lắc đầu ra hiệu là không có gì, chắc chắn là nó xảo quyệt.

Napôlêông ngồi thẳng người lại, trầm ngâm. Oenlintơn đã lùi. Chỉ còn đè bẹp hắn ta luôn một thể.

Đột nhiên Napôlêông quay lại đằng sau, ra lệnh cho một chiến sĩ liên lạc phi ngựa cấp tốc về Pari báo tin chiến thắng.

Napôlêông vốn là một trong những thiên tài gây ra bão táp.

Ông vừa tìm ra được đòn sấm sét của mình.

Ông xuống lệnh cho kỵ binh thiết giáp của Milô đánh chiếm cao nguyên Mông Xanh Giăng.

IX

ĐIỀU BẤT NGỜ

Đoàn quân ấy gồm ba nghìn năm trăm người dàn thành một hàng trận dài một phần tư dặm. Người hộ pháp, ngựa khổng lồ. Tất cả là hai mươi sáu đại đội kỵ binh. Họ có sư đoàn của tướng Lephe, Đênuet làm

hậu thuẫn, lại thêm một trăm linh sáu cấm vệ quân ưu tú, một nghìn một trăm chín mươi bảy khinh kỵ binh và tám trăm tám mươi kỵ binh xử trường thương trong đội quân cận vệ. Họ đội mũ không có lông và mặc giáp sắt, súng ngắn gài bên yên, gươm dài đeo lủng lẳng. Buổi sáng hồi chín giờ khi họ tiến ra mặt trận, đội ngũ hùng dũng, cờ mở trống gióng, nhạc binh cử bài *Bảo vệ đế quốc*, một đội trọng pháo bên sườn, một đội ở trung tâm, toàn quân trầm trồ khen ngợi. Đoàn quân xếp rải ra hai hàng, giữa hai con đường Giơnáp và Phơrítmông ở trong trận tuyến thứ hai dũng mãnh mà Napôlêông đã bố trí một cách rất khoa học, bên trái có đoàn giáp binh của Kenlécman, bên phải có đoàn giáp binh của Milô, như hai cái cánh sắt.

Sĩ quan cần vụ Bécna mang lệnh của Napôlêông đến cho họ. Tướng Nê vung gươm xông lên trước. Cả đoàn quân rầm rộ tiến theo.

Một cảnh tượng hùng vĩ diễn ra.

Tất cả đoàn kỵ binh, gươm vung cao, cờ bay phấp phới, kèn trống vang vang. Nghìn người như một phi ngựa từ trên đồi Benlaliăng, chính xác và mãnh liệt lao xuống cái thung lũng khủng khiếp đã chôn vùi bao nhiêu chiến binh, khuất hẳn sau làn khói đạn rồi lại xuất hiện phía bên kia thung lũng, đội ngũ vẫn khép chặt thành một khối chắc nịch, ngựa phi dưới làn mưa đạn, leo lên sườn đồi Mông Xanh Giăng lầy lội ghê gớm. Đoàn kỵ binh xông lên oai nghiêm, dữ dội, không nao núng; tiếng vó ngựa ầm ầm giữa những đợt súng trường và đại bác. Hai sư đoàn như hai mũi dùi tiến lên, sư đoàn Vachiê bên phải, sư đoàn Đơlo bên trái, trông xa tưởng hai con rắn thép khổng lồ trườn lên đỉnh đồi và băng qua chiến trường như một điều kỳ diệu.

Sau đợt xung phong kinh khủng của đội kỵ binh đánh chiếm chiến luỹ bờ sông Matxcơva trước kia, thật chưa từng thấy một cuốc tấn công nào ghê gớm như thế này. Vắng mặt Muyra nhưng còn có Nê (1). Đoàn quân biến thành một con quái vật, tất cả chỉ có một linh hồn. Những đội quân dâng lên như sóng trào, cuồn cuộn như con bạch tuộc uốn mình sau làn khói mù mịt rách toang ở đôi chỗ. Mũ, gươm quay đảo, mông ngựa chồm chồm trong tiếng hò hét, tiếng đại bác, tiếng kèn, gây nên một cảnh náo động dữ dội và có kỷ luật ghê rợn. Trên tất cả cái khối chuyển động ấy nổi bật những mảnh giáp sắt, như vẩy trên mình con rắn khổng lồ.

Cảnh tượng thật là hùng vĩ như ở thời cổ đại xa xôi, trong những truyền thuyết hoang đường, những đoàn quân khổng lồ mặt người mình ngựa xông lên núi Ôlanhpơ, những đoàn quân kinh khủng, vĩ đại, bất tử, nửa thần linh nữa dã thú.

Một sự ngẫu nhiên: hai mươi sáu đại đội kỵ binh chờ đón hai mươi sáu đại đội kỵ binh. Bên kia đỉnh đồi, nấp sau những cỗ pháo ngụy trang, bộ binh Anh bố trí thành mười ba đội hình vuông, mỗi đội hình vuông gồm hai đại đội, dàn thành hai hàng trận, bảy ô hàng thứ nhất, sáu ô hàng thứ hai, súng kề vai, nòng chĩa thẳng về phía trước mặt, chờ đón quân thù sắp đến, bình tĩnh, im lặng. Họ không trông thấy đoàn giáp binh, đoàn giáp binh cũng không trông thấy họ. Họ nghe đoàn kỵ binh phi ngựa tới như sóng triều dâng, tiếng vó ngựa dồn dập, nhịp nhàng càng ngày càng rõ, ba nghìn con ngựa đang phi nước đại, tiếng áo giáp, tiếng gươm loảng soảng, và một hơi thở lớn

(1) Murat và Ney là hai trong số những tướng ưu việt nhất của Napôlêông. Cả hai đều nổi tiếng trong việc chỉ huy kỵ binh. Murat là em rể Napôlêông, được ông cho làm vua ở Náplơ, lúc này đang bị nghĩa quân Ý đánh.

thật là ghê rợn. Một phút im lặng kinh hãi, rồi đột nhiên trên đỉnh đồi xuất hiện một hàng cánh tay vung gươm, mũ sắt nhấp nhô, kèn đồng sáng loáng, cờ phấp phới, ba nghìn cái đầu, ba nghìn bộ ria mép xám cùng kêu lên: Hoàng đế vạn tuế ! Tất cả đoàn kỵ binh xông lên, mặt đồi rung chuyển như một cơn động đất. Rồi bỗng nhiên ở phía tả quân Anh, ở phía hữu quân ta, những hàng kỵ binh đầu chồn lại và thét lên một tiếng rùng rợn.

Họ đã xông lên đến ngọn đồi, máu sôi sục muốn tiêu diệt ngay quân thù, xéo bẹp những hàng bộ binh và pháo binh của giặc, bỗng nhiên một cái vực thẳm hiện ra giữa họ và quân Anh: chính là con đường trũng Ohanh.

Giây phút kinh khủng. Vực thẳm bất ngờ hiện ra trước mặt, ngay dưới chân ngựa, sâu hai sải, miệng toang hoác. Đoàn kỵ binh xô nhau xuống vực, hàng thứ hai xô hàng thứ nhất, hàng thứ ba xô hàng thứ hai, ngựa chồm lên, ngã ngửa, giơ bốn vó rồi cứ thế tuột xuống vực đè lên những người kỵ binh; không sao giữ lại được; đoàn kỵ binh xông lên như vũ bão, tưởng đè bẹp quân Anh, lại xéo lên quân Pháp. Phải lấy đầy cái vực ác nghiệt ấy thì cái vực mới để cho quân Pháp vượt qua, người ngựa cứ xô nhau xuống đè bẹp lẫn nhau, nghiến nát lẫn nhau thành một khối thịt kinh khủng. Khi vực đã lấp đầy, những hàng kỵ binh sau xéo lên người, ngựa mà tiến. Gần một phần ba lữ đoàn Đuyboa bị vùi dưới vực. Thua trận bắt đầu từ đấy.

Người địa phương truyền lại, chắc có phần nào ngoa ngoắt, hai nghìn ngựa, một nghìn năm trăm kỵ binh bị chôn dưới con đường trũng Ohanh này. Con số đó có lẽ gồm cả những xác chết ngày hôm sau người ta vứt xuống đấy.

Cũng nên nhắc lại rằng chính lữ đoàn Đuyboa, thất bại nặng nề ở đây, một giờ trước tai nạn, đã tấn công quân địch và giật lá cờ của tiểu đoàn Luynơbua.

Napôlêông trước khi ra lệnh xung phong cho đoàn kỵ binh Milô đã thăm dò địa hình, nhưng không nhìn thấy trên mặt đồi một dấu vết gì của con đường trũng Ohanh. Cái nhà thờ trắng nhỏ ở góc đường Niven cũng đã khiến ông nghi ngờ, ông đã hỏi người dẫn đường Lacôt, chỗ ấy có chướng ngại gì không. Người dẫn đường trả lời không có gì. Cái lắc đầu của một người nông dân đã làm sụp cả cơ đồ của Napôlêông, nói như vậy cũng không ngoa lắm.

Nhiều vận nạn khác còn đến tiếp.

Có thể nào Napôlêông thắng được trận này không? Chúng tôi nói: Không. Vì sao? Tại Oenlintơn? Tại Bơluyse? Không. Do Chúa mà ra cả.

Bônapac mà thắng trận ở Oateclô thì điều đó không hợp với quy luật của thế kỷ mười chín nữa. Rất nhiều sự kiện mới đang chuẩn bị xuất hiện, nhưng Napôlêông không có chỗ đứng trong đó nữa. Từ lâu đã có dấu hiệu việc chẳng chiều người. Đã đến lúc con người to rộng ấy phải sụp đổ.

Con người ấy đè nặng quá đáng lên vận mệnh nhân loại làm lệch mọi thế cân bằng. Riêng một mình ông mà chấp cả vũ trụ. Tất cả sinh lực tràn trào của loài người tập trung vào một đầu óc, cả thế giới như dâng lên trí tuệ một con người, nếu tình hình đó mà kéo dài thì văn minh có cơ tiêu diệt mất. Đã đến lúc luật công lý không gì suy suyển nổi ở trên cao phải chú ý. Bởi vì chắc hẳn bao nhiêu nguyên tắc, bao nhiêu lực lượng điều khiển mọi sự vận động bình thường trong lĩnh vực tinh thần cũng như trong lĩnh vực vật chất, đã lên tiếng phàn nàn. Máu thành sông,

xương thành núi, tiếng khóc mất con, mất chồng, còn có những lời kêu ca nào đáng sợ hơn! Khi mặt đất rên xiết dưới một ách quá nặng nề, thì từ bóng đêm cũng có những lời rên rỉ huyền bí vang đến cao xanh lồng lộng.

Napôlêông đã bị tố cáo trước đất trời và sự sụp đổ của ông đã được quyết định.

Bởi vì ông làm rầy chúa.

Cho nên Oateclô nào phải là một trận đánh, đó là cảnh tượng đất trời ngả về phía khác.

X

CAO NGUYÊN MÔNG XANH GIĂNG

Cùng lúc với cái hào sâu, các khẩu đội pháo cũng xuất hiện.

Sáu mươi cỗ đại bác và mười ba đội hình vuông nổ súng như sấm sét vào đoàn giáp binh, gần ngay như sát nách. Tướng Đơlo gan dạ, đưa tay lên chào pháo Anh theo kiểu nhà binh.

Tất cả pháo binh cơ động của địch đều phóng nhanh trở vào giữa các đội hình vuông. Giáp binh không có lấy một lúc được ngừng lại để chỉnh đốn. Tai hại ở đường trũng có làm cho họ thiệt hại nhiều, nhưng không làm cho họ ngã lòng. Đó là những con người, còn ít bao nhiêu càng dũng cảm bấy nhiêu.

Chỉ một mình đội ngũ của Vachiê lâm vào tai họa. Còn đội ngũ của Đơlo, thì hình như Nê linh cảm sẽ có cạm bẫy, nên cho tiến tạt qua bên trái, do đó đã đến nơi nguyên vẹn.

Họ phi ngựa nhẩy xổ vào các đội quân địch. Người nằm rạp trên lưng ngựa, ngựa buông lỏng hết cương; gươm sẵn sàng, súng lăm lăm.

Lâm trận có những lúc mà tinh thần của người lính làm con người họ rắn lại như tượng đồng, như sắt đá. Đó là các tiểu đoàn quân Anh, bị tấn công một cách điên cuồng, nhưng vẫn trơ trơ.

Cảnh tượng thật kinh khủng.

Các đội vuông Anh đều bị tấn công bốn mặt một lúc. Chung quanh họ, người ngựa, gươm giáo quay lộn cuống cuồng. Nhưng họ vẫn lạnh lùng, hàng ngũ chỉnh tề. Hàng thứ nhất, quì xuống, chĩa lê ra đằng trước, chờ giáp binh xông tới, trong khi hàng thứ hai nhằm bắn. Sau hàng thứ hai các pháo thủ nạp đạn vào pháo; nạp xong, đàng trước dãn ra cho một loạt đạn ghém bắn vãi ra rồi lại khép lại. Giáp binh đáp lại bằng cách cho ngựa xéo lên người họ. Các con ngựa to lớn chồm lên, nhảy qua các hàng người, phóng lên trên các dãy lê rồi cả khối người ngựa khổng lồ đổ sầm xuống giữa bốn bức tường người. Đạn pháo chọc thủng từng lỗ trong hàng ngũ giáp binh, giáp binh phá vỡ từng mảng các đội hình vuông. Từng dãy người biến mất, ngã lăn, bị nghiền nát dưới chân ngựa. Nhiều lưỡi lê cắm lút vào bụng những người-ngựa ấy. Các vết thương do đó cũng kỳ dị, không đâu có. Giáp binh đánh như điên như dại, các đội vuông có bị sứt mẻ, nhưng chỉ thu hẹp lại chứ không lay chuyển. Đạn ghém của họ cứ liên tục nổ vào giữa đoàn người tấn công. Quang cảnh trận đánh thật kỳ quái. Các đội vuông chẳng còn là binh lính nữa, mà là những núi lửa; các đội giáp binh chẳng còn là quân kỵ mã nữa, mà là một trận bão. Mỗi một đội hình vuông là một núi lửa bị một đám mây tấn công; phún thạch đánh nhau với sấm sét.

Đội hình vuông bên cực hữu, ở vào vị trí trống trải nhất nên bị tiêu diệt gần hết ngay từ những hiệp đầu. Đó là những binh lính của trung đoàn 75 ở vùng núi Êcốt. Trong lúc tứ phía mọi người đâm chém nhau thì anh chàng quân nhạc tay ôm kèn, ngồi trên cái trống của mình, vẫn lơ đễnh đưa cặp mắt nhớ rừng nhớ suối nhìn vào chỗ xa xôi, dạo lên mấy điệu núi rừng. Dân Êcốt chết vẫn nhớ đất Ben Lôtiăng của họ cũng như dân Hy-lạp lìa đời vẫn nghĩ đến vùng Acgốt của mình. Một lưỡi gươm kỵ binh đã chém đứt cả cánh tay lẫn cây kèn, giết chết nhạc công, cắt ngang luôn khúc nhạc.

Quân số đoàn kỵ binh vốn đã ít lại giảm đi rất nhiều sau tai nạn ở đường trũng, phải đương đầu gần như với toàn bộ quân đội Anh, nhưng được cái họ hăng lên gấp bội, một người như nhân thành mười. Trong lúc ấy thì một số tiểu đoàn Hanôvơrơ núng thế. Oenlintơn trông thấy, liền nghĩ đến kỵ binh của mình. Giá Napôlêông lúc ấy, cũng nghĩ đến bộ binh thì có lẽ ông đã giành phần thắng. Nhưng ông đã quên, cái quên đó là một lầm lỗi lớn dẫn đến tai họa không tài nào tránh khỏi.

Đoàn giáp binh đang ở thế tiến công, đột nhiên cảm thấy như bị phản kích. Kỵ binh địch đã ở sau lưng. Thế là mặt trước có các đội hình vuông, mặt sau có Xômơcxet với một nghìn bốn trăm kỵ binh cận vệ. Ông ta còn có bên phải đội khinh kỵ Đức của Đoócbéc, bên trái đội khinh kỵ Bỉ của Tơríp. Giáp binh như thế là bị bộ binh và kỵ binh đánh tứ phía, phải chống đỡ cả bốn mặt. Chẳng sá gì! Cả đoàn trở thành một cơn lốc. Tinh thần anh dũng của họ thật không lời nào tả xiết.

Lại thêm, sau lưng, pháo binh vẫn nhằm họ mà nổ không ngớt. Vì thế họ bị thương từ sau lưng! Trong mớ

hiện vật gọi là bảo tàng Oateclô còn giữ một bộ giáp của họ, bị thủng ở bả vai bằng một viên đạn súng cỡ to ấy.

Chống lại những con người Pháp như vậy, tất phải có những con người Anh cũng như vậy.

Vì thế cũng không còn là một cuộc hỗn chiến nữa, mà là một cuộc vật lộn tối trời đen đất, một cuồng nộ, một cơn bốc đồng ghê người của tâm hồn và can đảm, một trận sấm sét súng chớp gươm. Chỉ trong chốc lát từ một nghìn tư kỵ binh cận vệ Anh chỉ còn tám trăm. Trung tá Pholơ bị giết. Nê dẫn đội kỵ binh của Lơphe, Đênuet xông tới. Cao nguyên Mông Xanh Giăng giành đi giật lại với địch đến lần thứ hai. Giáp binh đánh với bọn kỵ binh rồi lại quay đánh với bọn bộ binh. Hay, nói đúng hơn, cả đám người ngựa loạn xạ này quấp chặt lấy nhau, không bên nào chịu rời bên nào. Giáp binh đã xung phong mười hai lần. Nê mất đến con ngựa thứ tư bị giết dưới đùi mình. Một nửa giáp binh nằm lại trên đồi. Nhưng các đội hình vuông quân Anh vẫn đứng vững. Cuộc chiến đấu kéo dài hai tiếng đồng hồ.

Đạo quân Anh bị lung lay một cách nghiêm trọng. Thật chẳng còn nghi ngờ gì nữa, nếu đoàn kỵ binh thiết giáp mà không yếu đi vì cái tai họa ở con đường trũng, thì họ đã đánh tan mặt giữa đạo quân Anh, và quyết định thắng lợi. Chính đoàn kỵ binh thần kỳ này đã làm cho Cơlintơn, con người đã từng chứng kiến các trận Talavêra và Bađagiô; phải ngây người khâm phục. Còn Oenlintơn xem như ba phần tư thua trận, vẫn trầm trồ một cách anh hùng: "Tuyệt vời!" (1)

Giáp binh đã tiêu diệt bảy trong số mười ba đội hình vuông, chiếm và phá hỏng sáu mươi khẩu trọng pháo,

(1) *Splendid*! nguyên văn (chú thích ở nguyên bản).

cướp của các trung đoàn địch sáu lá cờ và cho ba giáp binh và ba kỵ binh cận vệ mang về cho Napôlêông trước trại ở Benlaliăng.

Tình thế của Oenlintơn đã xấu đi. Trận chiến kỳ lạ này giống như một cuộc đọ sức giữa hai người đã bị thương, nhưng vẫn quyết liệt, bên nào cũng vừa đánh vừa cố hết sức nên dần dần máu ra gần hết. Bên nào sẽ ngã xuống trước ?

Cuộc vật lộn trên cao nguyên vẫn tiếp diễn.

Đoàn giáp binh đã tiến đến đâu? Không ai có thể biết rõ. Điều chắc là hôm sau trận đánh, người ta tìm thấy một giáp binh, cả người lẫn ngựa chết trong cái giàn cân xe ở Mông Xanh Giăng, đúng chỗ bốn con đường Niven, Giơnáp, Lahuyn và Bơruxen gặp nhau và cắt nhau. Anh giáp binh ấy đã chọc thủng hàng trận của quân địch. Một trong mấy người kéo xác anh ta ra, hiện còn sống ở Mông Xanh Giăng, tên là Đơhadơ. Hồi ấy ông ta mười tám tuổi.

Oenlintơn cảm thấy thế trận của mình không đứng nổi nữa. Tan vỡ đến nơi rồi.

Đoàn giáp binh chưa đạt được mục tiêu, vì chưa chọc thủng được mặt giữa. Hai bên cùng có mặt, trên cao nguyên Mông Xanh Giăng chứ chưa bên nào chiếm được. Nói cho đúng thì phần lớn còn ở trong tay quân Anh. Oenlintơn giữ khu làng và cánh đồng trên cao. Nê chỉ chiếm mỏm và sườn thấp. Cả hai bên đều như cắm rễ xuống mảnh đất ghê rợn này.

Tuy nhiên sự suy yếu của quân Anh xem chừng không cứu chữa nổi. Đạo quân đã thiệt hại ghê gớm quá. Ở cánh trái, tướng Căm đòi viện binh. Oenlintơn đáp: "*Không có. Bảo ông ấy tử thủ thôi* !" Gần như cùng lúc ấy, Nê cũng xin hoàng đế cho bộ binh chi viện. Napôlêông kêu lên: "*Bộ*

binh! Lấy đâu ra bộ binh: Họa là bảo ta đẻ ra !". Trùng hợp ngẫu nhiên và kỳ lạ, nhưng thật ra đó chỉ là tình trạng bên nào cũng kiệt sức.

Tuy nhiên, phía bên Anh nghiêm trọng hơn. Những đợt xung phong dữ dội của các đại đội giáp thép ngực đồng ấy đã nghiền nát bộ binh địch. Có chỗ đóng một trung đoàn nay chỉ còn mấy người chung quanh một lá cờ. Có tiểu đoàn chỉ còn một đại úy hoặc một trung úy chỉ huy. Sư đoàn Onten ở He Xanh đã bị đánh tơi tả thì này hầu như bị tiêu diệt. Lữ đoàn Bỉ dũng cảm của Văng Cơludơ xác nằm ngổn ngang trong ruộng mạch trên đường đi Niven. Lính pháo thủ Hà-lan, hồi 1811 cùng đứng trong hàng ngũ quân ta ở Tây-ban-nha đánh Oenlintơn, thì nay, 1815 lại theo quân Anh đánh lại Napôlêông, họ gần như không còn sót lại được người nào. Sĩ quan hao hụt nhiều quá. Huân tước Uýchbơrít bị vỡ đầu gối, hôm sau đem chôn ống chân mình. Trong cuộc tấn công của giáp binh, nếu bên Pháp, Đơlo Lêrichiê, Cônbe, Nốp, Tơrave và Bơlăngsa bị loại ra ngoài vòng chiến thì phía Anh, Onten bị thương, Bác bị thương, Đilanxê chết, Văng Mócläng chết, Omtêda chết, toàn bộ ban tham mưu của Oenlintơn bị tổn thất nặng nề. Trong cuộc chia máu này bên Anh chịu phần nặng hơn. Trung đoàn số 2 vệ binh bị mất năm trung tá, bốn đại úy và ba sĩ quan cầm cờ; tiểu đoàn 1 của trung đoàn 30 bộ binh mất hai mươi bốn sĩ quan và một trăm mười hai lính, trung đoàn 79 sơn binh có hai mươi bốn sĩ quan bị thương, mười tám sĩ quan chết, bốn trăm năm mươi lính chết. Kỵ binh Hanôvơrơ của Cơmbơclen, cả một trung đoàn, quay lui trước trận đánh và chạy về phía rừng Xoanhơ, rồi rút lui tan vỡ về tận Bơruxen. Viên đại tá chỉ huy là Hắccơ, về sau bị đưa ra toà án va cách chức. Các đoàn hậu cần, kéo pháo, chở hàng, tải thương, thấy quân Pháp tiến dần và nhích gần đến khu rừng, liền kéo

nhau chạy ùa vào đó. Quân Hà-lan, bị kỵ binh Pháp phang sả, thét lên: cứu! cứu! Từ Vecucu đến Gôrônenđaen, trên một quãng gần hai dặm đi về phía Bơruxen, theo lời những người chứng kiến hồi đó, quân lính chen nhau chạy trốn. Tình trạng hoảng hốt ấy ghê gớm đến nỗi lây đến cả hoàng thân Công đê ở Malin và Lui XVIII ở Găng. Oenlintơn coi như không còn kỵ binh nữa, trừ số dự trữ yếu ớt đóng rải sau trạm quân y ở nhà trại Mông Xanh Giăng, và mấy lữ đoàn Vayviên và Văngđơlơ phụ vào cánh trái. Rất nhiều khẩu đội, nằm bẹp hư hỏng. Những tình hình này đều do Xibooc thú nhận. Còn Pơringơn thì phóng to sự thiệt hại, đến mức cho rằng đạo quân Anh-Hà chỉ còn ba vạn tư. Quận công - thép (1) vẫn giữ vẻ bình tĩnh, nhưng đôi môi đã tái nhợt, Vanhxăng ủy viên Áo, Alava, ủy viên Tây-ban-nha, có mặt trong trận đánh bên cạnh bộ tham mưu, tưởng Oenlintơn nguy đến nơi. Năm giờ chiều, ông rút đồng hồ xem và lẩm bẩm một câu não nuột: Bơluyse, hoặc là đêm tối!

Vừa lúc ấy một hàng lưỡi lê nhấp nhánh đằng xa, trên các ngọn đồi phía Phơrítsơmông.

Giai đoạn kết thúc của tấn kịch khổng lồ này bắt đầu.

XI

HƯỚNG ĐẠO CỦA NAPÔLÊÔNG TỐI, HƯỚNG ĐẠO CỦA BUYLÔ TỐT

Mọi người đều biết Napôlêông đã lầm lẫn đau xót như thế nào. Chờ Gơrusi thì Bơluyse lại đến, mong cái sống thì

(1) Tên hiệu danh dự người ta dùng để gọi quận công Oenlintơn. Tiếng Anh: *Iron duke*; tiếng Pháp: *Duc-de-fer*.

cái chết lại tới. Cuộc đời có những cái oái oăm như vậy. Định làm bá chủ thiên hạ, không ngờ lại nhìn thấy Xanh Hêlen.

Giá như thằng bé chăn cừu làm hướng đạo cho Buylô, tướng của Bơluyse, khuyên ông ta đổ ra cánh đồng bên kia theo con đường rừng phía trên Phơrítsơmông chứ không phải ở phía dưới Pơlăngxơnoa, thì hình thể của thế kỷ XIX có lẽ đã khác nay. Napôlêông có lẽ đã thắng ở Oateclô. Bởi vì bất kỳ con đường nào khác ở trên Pơlăngxơnoa đều dẫn đến một dòng khe sâu, pháo binh không tài nào qua nổi, và như thế Buylô không đến kịp.

Như tướng Muýpphơlin trong quân Phổ tuyên bố, nếu Bơluyse mà đến chậm một giờ thì, Oenlintơn đã không còn trụ nổi nữa, trận đánh thua mất rồi. Như vậy là Buylô đến rất đúng lúc. Sự thực, ông ta đã gặp nhiều trở ngại không thì đã đến sớm hơn thế. Đêm trước ông đóng dã ngoại ở Điông lơ Mông và sáng sớm đã ra đi. Nhưng đường xấu quá, các sư đoàn đều mắc phải lầy, không tiến được. Các cỗ pháo ngập bùn đến nửa bánh xe. Lại phải vượt sông Đilơ bằng mỗi cái cầu hẹp ở Vavơrơ. Đường lên cầu lại bị quân Pháp đốt, nhà cửa hai bên đường còn đang cháy. Vì thế các hòm đạn, các xe cộ của pháo binh phải chờ cho lửa tắt mới dám đi qua. Mãi đến trưa mà tiền đạo của Buylô vẫn chưa tới Xanh Lambe.

Trận đánh nếu bắt đầu hai giờ sớm hơn, thì đến bốn giờ có lẽ đã xong, và dù Bơluyse có đến thì cũng đến vào lúc Napôlêông đã thắng trận. Những điều ngẫu nhiên lớn lao như vậy thật là sự tính toán của cõi vô biên nào, ta không tài gì hiểu nổi.

Từ trưa, Napôlêông là người đầu tiên, nhìn thấy qua ống nhòm ở phía cuối chân trời, một cái gì là lạ làm ông để ý. Ông nói: "Ta thấy đằng xa kia có một đám bụi hình như

là quân đội". Ông lại hỏi quận công Đanmaxi: "Xu, ông thấy gì phía Xanh Lambe không?" Thống chế Xu đưa ống kính của mình về phía đó, đáp lại: "Tâu bệ hạ, có đến bốn hay năm nghìn người, chắc chắn là quân của Gorusi". Nhưng đám bụi cứ im lìm trong sương mù. Tất cả các ống nhòm của bộ tham mưu đều theo dõi quan sát cái "đám bụi" Napôlêông đã phát hiện. Có người cho đó là những đoàn quân đang nghỉ. Phần lớn đều nghĩ rằng đó chỉ là những đám cây. Trên thực tế đám bụi ấy đứng im thật. Napôlêông đã phái đoàn khinh kỵ của Đômông đi trinh sát về phía cái chấm mờ mờ ấy.

Đúng là Buylô dừng lại, im lìm. Tiền đạo của ông ta mong manh lắm, không thể làm được gì. Phải chờ đại quân đến. Và, ông đã được lệnh tập kết rồi mới bước vào trận. Nhưng đến năm giờ, thấy tình hình nguy ngập của Oenlintơn, Bơluyse ra lệnh cho Buylô tấn công. Ông ta đã nói một câu dí dỏm:

- Phải hà hơi cho quân Anh.

Một lúc sau, các sư đoàn Lôthin Hile, Hắccơ và Rítxen triển khai trước phòng tuyến của Lôbô, kỵ binh của Hoàng thân Ghiôm nước Phổ từ khu rừng Pari cũng đổ ra, Pơlăngxơnoa nổi cháy và trọng pháo quân Phổ bắt đầu rót như mưa vào tận các hàng cận vệ dự bị đóng sau lưng Napôlêông.

XII

ĐOÀN CẬN VỆ

Tình hình diễn biến như thế nào, mọi người đều biết: một đạo quân thứ ba đột nhiên xuất hiện. Trận địa vỡ lở. Tám mươi sáu khẩu trọng pháo nổ đồng loạt. Piếc đệ nhất đùng đùng hiện ra với Buylô. Kỵ binh do đích

thân Bơluyse chỉ huy. Quân Pháp bị đẩy lùi khắp nơi. Macônhe bị quét khỏi đồi Ohanh, Đuyruýt phải bỏ Papơlôt. Đôndơlô và Kiô rút lui. Lôbô bị đánh vỗ vào sườn. Nghĩa là một trận đánh mới ào ào đổ lên đầu các trung đoàn đã tả tơi của quân ta, vào lúc trời tối. Thừa thế, quân Anh trên khắp các mặt trận lại trở lại tấn công, lao về phía trước. Trận tuyến quân Pháp bị chọc thủng một quãng to. Quân Anh, quân Phổ trợ lực cho nhau, đạn to đạn nhỏ, vãi ra như mưa, tha hồ mà tiêu diệt. Thế là tan vỡ, tan vỡ mặt trước, tan vỡ bên sườn. Trước tình hình sụp đổ kinh khủng ấy, đoàn cận vệ bước vào chiến đấu.

Biết thế nào rồi cũng chết, họ thét to: "Hoàng đế vạn tuế!". Thật xưa nay không có gì cảm động bằng cảnh tượng đoàn quân sắp chết đó còn vùng lên hoan hô như vậy.

Suốt ngày hôm ấy trời đầy mây. Bỗng nhiên, đúng vào lúc ấy -bấy giờ đã tám giờ tối- mây ở chân trời vén ra. Xuyên qua các vòm cây trên đường đi Niven loang loáng ánh sáng đỏ bầm, ghê rợn của mặt trời đang lặn. Người ta nhớ cũng mặt trời ấy đã mọc lên ở Austéclít.

Trong trận giải kết này, mỗi tiểu đoàn quân cận vệ được một vị tướng chỉ huy. Phơriăng, Misen, Rôghê, Háclê, Malê, Moócvăng đều có mặt. Khi các đội ưu binh cận vệ xuất hiện giữa chiến trường mù mịt, với những chiếc mũ cao, những huy chương chim ưng, hàng ngũ chỉnh tề, cân đối, lặng lẽ, rực rỡ, quân địch tưởng như trông thấy uy phong của cả nước Pháp nên cảm thấy phải kính nể. Hình như tất cả các chiến thắng xưa nay đang xoè rộng đôi cánh tiến ra chiến trường cùng một lúc, cho nên, những kẻ đang chiến thắng bỗng dưng coi mình như thua trận, và lùi lại. Nhưng Oenlintơn thét to: "*Vệ binh, đứng lên và nhằm cho đúng* !" Trung đoàn vệ

binh quân phục đỏ, đang nằm phục sau các hàng giậu, bỗng đứng lên. Một loạt đạn như mưa bắn vào lá cờ ba sắc đang rùng mình chung quanh bầy chim ưng của chúng ta. Rồi tất cả lao tới trước. Cuộc chém giết cuối cùng bắt đầu.

Trong bóng tối, đoàn cận vệ cảm thấy tất cả hàng ngũ chung quanh núng thế và khắp nơi đều có dấu hiệu lung lay muốn tan vỡ. Họ nghe tiếng hô mạnh ai nấy chạy! Thay vào tiếng hô vạn tuế! Mặc cho những kẻ bỏ chạy sau lưng, họ vẫn tiếp tục tiến lên. Mỗi bước tiến lên họ lại bị bắn thêm nhiều hơn và bị chết thêm nhiều hơn. Nhưng không hề có một ai ngập ngừng hoặc e ngại. Lính cũng như tướng trong đoàn quân này tất cả đều anh hùng như nhau. Chẳng một ai chịu thiếu mặt trong giờ tựu nghĩa này.

Giữa cơn bão táp như thế, Nê cuống cuồng nhưng hùng vĩ trong cử chỉ sẵn sàng hy sinh, đưa mình đón tất cả gươm súng của quân địch. Con ngựa thứ năm đã chết dưới người ông. Nê mồ hôi ướt đầm, cặp mắt đỏ lửa, miệng sùi bọt, quân phục bật tung, một bên cầu vai bị một tên giữ ngựa chém sả lòng thòng, chiếc huân chương đệ nhất đẳng bội tinh bị đạn bắn núng lên, toàn thân đầy máu, đầy bùn, nhưng đẹp tuyệt vời! Ông vung lưỡi gươm đã gãy lên, thét: "*Mở mắt mà xem một thống chế Pháp chết ở chiến trường như thế nào* !". Nhưng vô ích, ông không chết. Ông phờ phạc, và phẫn uất. Ông quay thét hỏi Đoruê Đeclông: "*Còn anh, anh không chết hả ?*". Giữa những tiếng nổ của pháo địch dồn vào băm nát một nhúm người, ông thét lên: "*Sao không dành phần cho ta! Trời ơi! Ta chỉ muốn tất cả bom đạn vào hết trong bụng này* !"

Không đâu, con người bất hạnh, số phận đã dành anh cho những viên đạn Pháp đấy ! (1)

XIII

ĐỔ VỠ

Đằng sau đội cận vệ tình trạng tan vỡ thật thê thảm.

Cả đội quân xiêu ngã đột ngột cùng một lúc ở khắp nơi, ở Hugômông, ở He Xanh, ở Papơlot, ở Pơlăngxơnoa. Tiếng thét nổi lên: "Bị phản rồi! Bị phản rồi!" Tiếp theo là tiếng kêu: "Chạy! Chạy!" Một đạo quân bỏ chạy thì chẳng khác gì băng tan. Tất cả đều chông chênh, rạn nứt, lềnh bềnh, răng rắc, rồi lăn lóc, đổ vỡ, xô vào nhau, chồm lên nhau. Tan rã chưa từng thấy. Nê mượn một con ngựa, phóc lên, không mũ, không áo, tay không, đứng chặn ngang giữa đường đi Bơruxen, ngăn lại không cho chạy cả quân Pháp lẫn quân Anh. Ông hết gọi lại mắng, cố sức giữ quân đội lại, cố sức ngăn cản không cho nó tan rã. Nhưng sức ông không xuể. Quân lính chạy xa ông, vừa chạy vừa kêu: "*Thống chế Nê muôn năm* !" Hai trung đoàn của Đuyruýt chạy tới chạy lui, hoảng hốt, như bị hất đi hất lại giữa làn gươm của kỵ binh Phổ và họng súng của các sư đoàn Căm, Bết, Pắc và Ryläng. Tan vỡ là cuộc ẩu đả tồi tệ nhất! Cùng một bên nhưng cứ giết nhau để thoát, tiểu đoàn kỵ binh, tiểu đoàn bộ binh xô lẫn vào nhau rồi cùng tan ra từng mảng, như bọt bèo. Đầu này Lôbô, đầu kia Rây, hai cánh đều bị cuốn vào dòng thác lũ. Napôlêông một mình, với chỗ cận vệ còn lại, cố sức làm những bức tường ngăn,

(1) Thống chế Ney bị toà án tối cao của Lui XVIII xử bắn mấy tháng sau.

nhưng ông chỉ đem các tiểu đoàn trực chiến của ông thử cố gắng một lần cuối cùng, chứ chẳng được gì. Kiô lùi trước Vayviên, Kenlécman trước Văngđơlơ, Lôbô trước Buylô, Môrăng trước Piếc, Đômông và Xuybecvic trước hoàng thân Ghiôm. Guyô dẫn đầu các tiểu đoàn kỵ binh cận vệ của Napôlêông tiến lên xung phong, đã ngã xuống dưới chân ngựa quân Anh. Napôlêông phi ngựa đuổi theo binh lính bỏ chạy, kêu gọi, thúc giục, đe dọa, van lơn. Cũng những con người ấy, sáng nay thét to "hoàng đế vạn tuế", nhưng bây giờ thì hoá hốc mồm không đáp lời nào, và nhìn cũng khó nhận ra họ nữa. Trong lúc đó thì kỵ binh Phổ mới tới, sung sức, xô tới, bay vào vùn vụt, chém, chặt, bửa, giết, diệt. Các cỗ pháo ngựa kéo lồng lên, bỏ chạy; lính tiếp đạn bỏ các xe đạn lại, tháo ngựa cưỡi trốn; nhiều xe tải thương đổ nhào, bốn bánh chổng ngược, ngáng cả lối đi, tạo cơ hội cho quân địch ùa đến tàn sát. Người ta giẫm lên nhau, đè bẹp nhau, bước bừa lên cả người chết lẫn người sống, tay chân cuống cuồng như điên như dại. Bốn vạn người chạy trốn một lần! Đường to, ngõ hẻm, nào cầu, nào ruộng, nào đồi, bao nhiêu lũng, bao nhiêu rừng, đâu đâu người cũng đông nghịt, hốt hoảng, cuống cuồng. Kêu khóc, thở than, xắc, súng vứt vào ruộng mạch, chém giết để mở lối, hết bạn hết bè, hết tướng hết tá. Kinh khủng không tả xiết. Nước Phổ cứ gươm mà chém nước Pháp tha hồ. Sư tử đã trở thành hươu non. Cảnh tan vỡ này là như vậy.

Đến Giơnáp, người ta cố đứng lại, lập thành trận tuyến, cản quân địch. Lôbô tập họp được ba trăm người, cùng nhau chặn cổng làng lại. Nhưng nếm loạt đạn đầu tiên của quân Phổ, mọi người lại bỏ chạy. Lôbô bị bắt. Ngày nay còn thấy vết đạn ấy trên nóc một ngôi nhà gạch bên đường, về phía tay phải, một quãng trước khi vào Giơnáp. Quân Phổ nhảy vào Giơnáp, tức giận sao chiến

thắng chỉ có thế. Họ đuổi theo một cách điên cuồng và Bơluyse ra lệnh tiêu diệt một cách man rợ. Rôghê đã từng nêu một cái gương thảm hại là hễ lính Pháp nào mang đến cho hắn một tù binh Phổ thì hắn dọa đem bắn. Nhưng Bơluyse bây giờ còn vượt xa hơn. Tướng Đuyhêm trong đội thanh niên Cận vệ, bị dồn đến trước cửa một quán cơm ở Giơnáp, ông trao thanh gươm cho một tên kỵ binh Phổ, tên này cầm lấy gươm và giết luôn người tù binh. Người ta kết thúc chiến thắng bằng cách giết hại những người thua trận. Cho nên phải nói lên lời phê phán của chúng ta, vì chúng ta là lịch sử: tướng Bơluyse đã tự bôi nhọ mình.

Sự man rợ ấy làm cho cuộc đổ vỡ càng thêm khủng khiếp. Binh lính thất trận, tan vỡ tuyệt vọng, cứ thế cắm đầu chạy, qua Giơnáp, qua ngã tư, qua Gốtxơli, qua Phơran, qua Sáclơroa, qua Tuyanh, đến tận biên giới mới dừng lại. Mà than ôi! Kẻ chạy là ai? Chính lại là đạo quân vĩ đại.

Cái tinh thần anh dũng tuyệt vời của đạo quân đã từng làm cho lịch sử kinh ngạc, bỗng dưng sụp đổ tan tành như vậy, kinh hoàng, khủng khiếp như vậy, phải đâu không có nguyên nhân? Không. Bóng đen của một đường thẳng khổng lồ đã chiếu xuống Oateclô. Đó là ngày của số mệnh. Một sức mạnh trên con người, đã tạo ra ngày hôm đó. Do vậy mà mọi vầng trán đều có nếp nhăn, mọi tâm hồn cao cả kia phải hàng phục. Những người đã từng chiến thắng cả châu Âu, đành ngã xuống, chẳng nói chẳng rằng, vì đã cảm thấy đâu trong bóng tối có một cái gì ghê gớm. Ngày hôm ấy, bộ mặt nhân loại đã thay đổi. Oateclô coi như là bản lề của thế kỷ mười chín. Con người vĩ đại ấy biến đi là cần thiết cho thế kỷ vĩ đại ra đời. Một kẻ nào đó đứng trên tất cả mọi người đã phụ trách xếp đặt tất cả các công việc

ấy. Bây giờ thì hiểu được vì đâu có sự hoảng loạn trên kia. Trong trận Oateclô không phải chỉ có mây mà còn có cả điềm trời. Chúa đã có mặt.

Chập choạng tối, trong một cánh đồng gần Giônáp, một người bị cuốn theo dòng thác tan vỡ, vừa xuống ngựa, dáng bơ phờ, trầm ngâm, âm thầm dữ tợn. Người ấy kẹp cương ngựa dưới nách, rồi một mình, ngơ ngác, đi trở về phía Oateclô. Bấy giờ Becna và Bectơrăng mới đưa tay nắm lấy vạt áo người đó giữ lại. Đó là Napôlêông đang cố sức tiến về phía trước, một kẻ mộng du to lớn trong giấc mộng vừa đổ vỡ tan tành.

XIV

ĐỘI HÌNH VUÔNG CUỐI CÙNG

Như những hòn đá giữa dòng nước chảy, một số đội hình vuông của đoàn cận vệ vẫn đứng im trong làn sóng tan vỡ, và giữ vững cho đến tối. Đêm đến, cái chết cũng đến, họ chờ cả hai, và để cho cả hai vây phủ lấy mình, không lay chuyển. Chẳng còn liên lạc gì với cả quân đội đã tan vỡ khắp nơi, mà cũng cách biệt nhau mỗi trung đoàn một nơi, nên mỗi đơn vị chỉ còn biết mình chiến đấu cho mình. Để làm được việc đó, một số bố trí trên các ngọn đồi ở Rôtxôm, một số giữa đồng bằng Mông Xanh Giăng. Ở đấy, bị bỏ rơi, thua trận, những đội hình vuông dữ tợn ấy đã chết dần một cách âm thầm nhưng thật vĩ đại. Cùng với họ hình như Uynm, Vagơram, Iêna, Phơrietlăng (1) cũng chết theo.

(1) Những chiến thắng lẫy lừng trước của Napôlêông, trong đó đội Cận vệ lập công lớn.

Đến tối, vào quãng chín giờ, dưới chân cao nguyên Mông Xanh Giăng, còn một trong số các đội hình vuông ấy. Nó chiến đấu trong cái thung lũng nhỏ ấy, ở cuối cái sườn đồi trước đây giáp binh đã chiếm được, nhưng bây giờ thì đầy quân Anh, nó đứng dưới tầm pháo tập trung, và dưới làn đạn dày đặc của quân địch chiến thắng. Người chỉ huy của họ là một sĩ quan chẳng tiếng tăm gì, tên là Căngbơrôn. Quân địch bắn họ một loạt, một số trong bọn họ ngã xuống, nhưng họ cũng bắn trả lại. Có điều súng họ nhỏ hơn, ít hơn. Và họ phải luôn luôn thu hẹp bốn mặt tường của họ. Quân lính chạy trốn xa xa, có lúc mệt quá dừng lại, vẫn nghe trong đêm tối tiếng súng của họ thưa dần.

Đến lúc đoàn quân ấy chỉ còn một nhúm người, lá cờ của họ chỉ còn là một miếng vải rách, súng hết đạn của họ chỉ là những que củi, xác người chết chất cao hơn người còn sống, trong hàng ngũ những kẻ chiến thắng như có một thứ hoảng sợ thiêng liêng trước những người dũng cảm tuyệt vời này. Pháo binh Anh dừng lại lấy hơi, bỗng dưng im bặt. Đó là một thứ nghỉ ngơi. Những người chiến sĩ đó nhìn thấy chung quanh mình không biết bao nhiêu là bóng ma, những hình người cưỡi ngựa, bóng đen của các khẩu trọng pháo, màu mây bạc nhìn qua bánh xe và chuôi pháo, cái đầu khổng lồ của cái chết mà các chiến sĩ anh hùng đã luôn luôn nhìn thấy trong khói đen ở cuối trận địa, cái đầu ấy đang tiến về phía họ và trừng trừng nhìn họ. Trong bóng tối, họ cũng nghe được tiếng trọng pháo nạp đạn, thấy rõ được các ngòi lửa giống như những mắt hổ trong đêm, đang vây quanh đầu họ, và những que lửa nhích gần đến nòng pháo. Vào lúc đó, một viên tướng Anh, có người nói là Convin, có kẻ cho là Métlen, đang nắm trong tay mình cái giây phút cuối cùng lơ lửng trên đầu họ, bỗng thấy động lòng, bèn cất tiếng kêu gọi: "Hỡi

những người Pháp anh dũng, hãy hàng đi!" Căngbơrôn đáp lại: "Cục cứt!"

XV

CĂNGBƠRÔN

Độc giả Pháp ai cũng muốn được tôn trọng. Cho nên, mặc dù lời ấy là lời đẹp nhất mà một người Pháp đã nói, cũng không thể lặp lại với họ. Thói thường không được đặt cái cao siêu vào trong lịch sử. Nhưng chúng tôi xin được vi phạm điều đó và gánh lấy tất cả trách nhiệm.

Trong hàng ngũ những hộ pháp ấy lại có một khổng lồ, đó là Căngbơrôn. Nói lời nói kia ra rồi chết. Còn gì lớn hơn! Bởi vì, ông đã muốn chết, thì phải coi như ông đã chết rồi. Còn mặc dù bị bắn như vãi đạn ông ta cũng không chết thì đâu phải lỗi tại ông ta!

Người thắng trận Oateclô, cố nhiên không phải là Napôlêông bị tan vỡ, cũng không phải là Oenlintơn, vì hồi bốn giờ Oenlintơn núng thế và đến năm giờ ông tuyệt vọng, cũng không phải Bơluyse vì Bơluyse chẳng đánh chác gì. Người thắng trận Oateclô là Căngbơrôn.

Đập lại cái sấm sét giết mình bằng lời nói ấy, có nghĩa là chiến thắng.

Đó là đáp lại cuộc đổ vỡ. Đó là nói với số mệnh, đó là đặt nền bệ cho con sư tử dựng làm kỷ niệm về sau. Đó là câu trả lời cho gió mưa đêm tối, cho bức tường phản bội của lâu đài Hugômông, cho con đường trũng Ohanh, cho sự chậm trễ của Gơrusi, cho sự kịp thời của Bơluyse. Đó là cười đùa trong cõi chết, đứng dậy sau khi đã ngã xuống.

Đó là dìm trong vài chữ cả cái liên minh của châu Âu, dâng lên cho vua chúa những bồn xia mà họ từng biết. Đó là đưa cái chữ bẩn nhất trong ngôn ngữ lên thành chữ đẹp nhất bằng cách pha lẫn vào đó cái tinh thần sấm chớp của nước Pháp. Đó là kết thúc Oateclô một cách ngạo mạn bằng một giây phàm tục, bổ sung cho Lêôniđa bằng Rabôle, tóm tắt chiến thắng này trong một lời cuối cùng khó nói. Đó là mất đất đai nhưng giữ được lịch sử, là sau cuộc chém giết kinh khủng lại tranh thủ được những kẻ biết cười. Thật là vô cùng vĩ đại!

Nó ngạo mạn cả với sấm sét, nó có tầm hùng tráng như bi kịch Étsin.

Câu nói của Căngbơrôn có tác dụng làm gãy xương. Đó là cú đấm của khinh bỉ làm gãy xương ngực. Chết đến nơi nhưng ức quá nên mới nổ ra lời. Kẻ nào đã thắng? Có phải Oenlintơn không? Không. Bởi vì không có Bơluyse thì ông ta đã thua. Có phải Bơluyse không? Cũng không. Không có công Oenlintơn trước đó thì Bơluyse cũng chẳng làm được trò trống gì. Anh chàng Căngbơrôn kia chỉ là một kẻ bộ hành giờ chót, một người lính vô danh, một hạt bụi trong cuộc chiến. Anh cảm thấy ở đây có cái gì dối trá, mà dối trá trong một cuộc đổ vỡ gớm ghê như thế kia thì bị đát thành hai. Thế mà đến khi anh đã sôi sục phẫn uất thì kẻ kia lại dám bảo anh bám lấy cái sống vô nghĩa! Hỡi ai không nổi khùng?

Tất cả vua chúa của châu Âu, tất cả tướng lĩnh may mắn, tất cả những kẻ làm mưa làm gió trong thiên hạ đều có mặt. Mười vạn binh lính thắng trận, và theo gót mười vạn ấy là trăm vạn khác, súng chĩa ra đằng trước, đạn lên nòng, sẵn sàng, dữ tợn. Chúng đã giẫm lên đoàn quân cận vệ và đại quân của Napôlêông và đè bẹp ông ta. Chỉ còn

sót có mỗi một Căngbơrôn. Chỉ còn mỗi một con giun quèn này để phản kháng. Và nó đã phản kháng thật. Anh tìm chữ nghĩa như người ta tìm một lưỡi gươm. Và anh đã tìm thấy nó trong bọt bèo, bọt bèo chính là nó. Đứng trước trận chiến thắng lạ thường mà tầm thường, trận thắng không có người thắng này, con người tuyệt vọng kia đã vùng dậy. Anh ta bị cái to lớn của nó nghiền nát, nhưng anh vẫn thấy nó là vô nghĩa. Có nhổ vào mặt nó cũng chưa đủ. Dưới sự bức bách của số đông sức mạnh và của vật chất anh tìm thấy cho tinh thần mình một tiếng nói, thứ bẩn thỉu nhất để bày tỏ thái độ mình. Xin nói lại điều này: nói được như thế, làm được như thế, tìm được như thế, tức là chiến thắng.

Những sự kiện hệ trọng trong đời thường có tinh thần riêng của nó. Tinh thần ấy đã nhập vào con người vô danh này trong giây phút khủng khiếp kia. Căngbơrôn đã tìm ra lời nói của mình về Oateclô cũng như Rugiê đờ Lin đã tìm ra được bài *La Mácxâyde*, đó là nhờ có ngọn gió thiêng liêng thổi xuống. Một làn gió từ khối bão tố của trời cao, thổi qua những tâm hồn này, làm họ rùng mình, kẻ thì hát lên bài hát tuyệt vời, người thì ném ra tiếng thét dữ dội. Lời khinh bỉ mênh mông ấy Căngbơrôn không phải chỉ nhân danh đế chế mà văng vào châu Âu, vì như thế còn ít; ông còn vì cách mạng văng vào quá khứ. Người ta đã nghe thấy lời nói ấy, và người ta đã nhận thấy tinh thần các nhân vật khổng lồ ngày xưa như nhập vào con người ấy. Có cảm tưởng như đó là Đăngtông đang nói hoặc Cơlêbe đang gầm.

Tiếp theo tiếng thét của Căngbơrôn, giọng người bên Anh đáp: "Bắn!" Các khẩu pháo bùng lửa sáng rực, quả đồi rùng mình. Một loạt đạn khủng khiếp vụt ra từ các họng thép. Một đám khói to cuồn cuộn lan ra, trăng trắng

dưới ánh trăng vừa lên mờ mờ. Khi làn khói tan xong thì không còn gì nữa. Đám người anh hùng còn lại đã bị quét sạch. Đoàn cận vệ hoàn toàn bị tiêu diệt. Bốn bức tường của cái công sự bằng người đều ngã rạp dưới đất, nhìn kỹ mới thấy thấp thoáng có chút cựa quậy trong đám xác chết. Thế là các đoàn cận vệ Pháp, anh hùng hơn các đoàn quân La-mã nhiều, đã tắt thở ở Mông Xanh Giăng, trong những ruộng lúa âm u, trên mặt đất dầm mưa và đẫm máu. Chỗ đó, ngày nay, cứ bốn giờ sáng, anh chàng Giôdép, phụ trách chuyến xe thư Niven, lại cho xe mình đi qua, vừa giơ roi quất vào mông ngựa vừa huýt sáo vui vẻ.

XVI

BAO NHIÊU QUYỂN SÁCH TRONG TÂM HỒN (1) ?

Trận Oateclô là một điều khó hiểu. Đối với người thắng cũng như đối với kẻ bại, nó đều mù mờ. Trong trí Napôlêông đó là một phút hoảng loạn (2); Bơluyse mù mịt; còn Oenlintơn cũng chẳng hiểu sao. Hãy đọc các báo cáo mà xem. Những bản tin rối mù, những lời bình luận lúng túng. Kẻ ấp a, người ấp úng. Giômini thì phân trận đánh ra làm bốn bước; Mơpphơling thì cắt làm ba giai đoạn; chỉ có Sarát, tuy ở một đôi điểm cách đánh giá có khác chúng tôi, nhưng đã nắm được trong một cái nhìn cao điệu những nét lớn, tiêu biểu của cuộc đổ vỡ này, cuộc đổ vỡ của thiên tài con người đối chọi với ngẫu nhiên của trời

(1) Nguyên văn la-tinh: *Quot libras in duce?*

(2) Một trận đánh đã kết thúc, một ngày đã qua, một số chủ trương sai lầm đã sửa đổi, nhiều thắng lợi to lớn hơn đã chắc chắn giành được cho tương lai. Vậy mà tất cả đều hỏng hết chỉ vì một phút hoảng loạn. (Napôlêông, đọc cho người chép ở Xanh Hêlen). Chú thích ở nguyên bản.

đất. Còn tất cả các nhà sử học khác đều như bị lóa mắt, cho nên phải mò mẫm. Sự thật đó cũng là một ngày sấm chớp, một ngày mà bá quyền quân sự đổ và cuốn theo các ngai vàng khác khiến cho vua chúa sửng sốt; đó là ngày sức mạnh phải nhào đổ và chính chiến tranh lại bại trận. Trong sự kiện lịch sử này, dấu ấn của siêu phàm rất đậm, nên phần của con người thật chẳng có ý nghĩa gì.

Cất cái vinh quang chiến thắng Oateclô đối với Oenlintơn và Bơluyse thì nước Anh, nước Đức có mất gì không? Không. Nước Anh danh tiếng cũng như nước Đức tôn nghiêm, không nước nào liên quan trong vấn đề Oateclô. Ơn trời, các dân tộc được vĩ đại không phải là nhờ những phiêu lưu quân sự, thê thảm. Nước Đức, nước Anh, nước Pháp, chẳng nước nào vận mệnh lại nằm trong một vỏ gươm cả. Ngay thời mà gươm đao khua vang ở Oateclô, trên Bơluyse nước Đức có Gơt, và trên Oenlintơn, nước Anh có Bairơn. Thời đại chúng ta đánh dấu bằng một cuộc trỗi dậy rộng lớn về tư tưởng, và nước Anh, nước Đức đều có phần ánh sáng rực rỡ của mình trong buổi bình minh ấy. Các dân tộc ấy uy nghi vì những tư tưởng của họ. Trình độ văn minh được nâng lên là đóng góp của bản thân, do sức họ làm ra chứ không phải nhờ một chuyện ngẫu nhiên. Thế kỷ mười chín, họ có lớn lên được chỗ nào thì đó không phải bắt nguồn từ Oateclô. Chỉ có những dân tộc dã man mới nổi lên đột ngột sau một trận chiến thắng. Nhưng đó chẳng qua là cơn nước lũ sau trận mưa dông, khoa trương ồn ào trong chốc lát. Còn những dân tộc văn minh, nhất là trong thời đại ngày nay, thì không bao giờ vì sự rủi may của một tướng cầm quân mà giá trị mình lại tăng lên hay giảm xuống. Vị trí của họ trong nhân loại được qui định bởi một cái gì khác hơn một cuộc chiến đấu. Danh dự của họ, phẩm chất của họ, ánh sáng tài ba trí tuệ của họ, ơn Chúa! Đâu phải là những quân bài mà kẻ

anh hùng, người chinh phục đem đặt vào cuộc đỏ đen của các trận đánh. Nhiều lúc trận mạc thì thua, mà văn minh lại có tiến bộ. Vinh quang có giảm nhưng tự do được tăng. Trống trận im lặng, thì lẽ phải lên tiếng. Ở đây người thua lại là người được. Cho nên phải nói về Oateclô từ cả hai phía với cái nhìn thật khách quan. Cái gì thuộc ngẫu nhiên, xin trả về cho ngẫu nhiên, cái gì của Chúa, xin dâng lại Chúa. Vậy Oateclô là gì? Một chiến thắng? Không. Một số độc đắc.

Châu Âu trúng số độc đắc, nước Pháp là người trả tiền.

Đặt một con sư tử vào đấy để làm gì! Oateclô chỉ là một cuộc gặp gỡ kỳ lạ bậc nhất trong lịch sử. Napôlêông và Oenlintơn, hai người ấy không phải là kẻ thù, mà là những người trái ngược nhau. Trên trời vốn thích đối chọi, nhưng chưa bao giờ làm được một sự đối lập sắc sảo, một sự đối chiếu lạ lùng như thế. Một bên là cái gì cũng chính xác, cũng đoán trước nhìn sau, cũng ngang ngay sổ thẳng, cũng thận trọng, cũng cẩn mật tính chuyện tiến thoái an toàn, cũng dè dặt sử dụng lực lượng dự bị. Thêm vào đó là một nghị lực sắt đá, một ý thức phương pháp không lay chuyển, một chiến lược khéo léo biết lợi dụng địa thế địa hình, một chiến thuật biết quân phân các đội ngũ. Rồi đến chém giết cũng là kẻ mực dăng dây, chiến đấu mà tính toán từng giờ từng phút, chẳng chịu bỏ sót chút gì cho rủi may. Đó là tinh thần dũng cảm cổ điển, sự đúng đắn tuyệt đối. Còn bên kia là trực giác, là thần đoán, là kỳ tài quân sự, là linh khiếu siêu phàm, là con mắt nẩy lửa, là cái nhìn sắc như chim ưng, và giáng mạnh như sấm sét. Kèm theo là một nghệ thuật tuyệt vời, một tác phong sôi nổi, coi thường mọi khó khăn, tất cả những bí ẩn của một tâm hồn sâu sắc, một uy quyền tuyệt đối như điều khiển cả chiến trường, lôi cả số mệnh, núi sông, đồng bằng, rừng

rậm về phía mình, buộc chúng phải tuân theo, và cuối cùng là lòng tin ở thời vận cộng với khoa học quân sự, làm cho khoa học này thêm lớn lên nhưng đồng thời cũng làm cho nó thêm băn khoăn. Tóm lại Oenlintơn là một chiến tướng mực thước, sách vở, còn Napôlêông lại là một nghệ sĩ thiên tài trong nghệ thuật chiến tranh. Và lần này, con người thiên tài đã bị con người tính toán đánh bại.

Bấy giờ cả hai phía đều đợi viện binh. Napôlêông đợi Gơrusi, Gơrusi không đến. Oenlintơn đợi Bơluyse, Bơluyse đến kịp thời. Người tính toán giỏi đã thắng.

Oenlintơn đã giành lại thế thắng cho chiến tranh cổ điển. Hồi mới xuất hiện, Bônapac đã gặp nó ở Ý, và đã đánh bại nó một cách oanh liệt. Voi non ra mặt, trâu già chạy dài. Chiến thuật cũ như bị sét đánh, mất tinh thần. Cái anh chàng người Coócxơ hai mươi sáu tuổi ấy, cái chú dốt kiêu hùng ấy là quái gì mà dám đem một nhúm người, không lương thực, không đạn dược, không trọng pháo, không giày dép, chẳng ra quân đội binh lính gì, cứ thế tay không nhảy vào hàng trận đầy đủ mọi thứ của tất cả châu Âu liên kết lại. Thế mà anh ta đã chiến thắng vô lý trong những điều kiện không sao có thể chiến thắng được, làm cho người ta không tài nào hiểu nổi. Cái anh chàng cuồng tử ấy lại cùng với nhúm người đó, chẳng kịp nghỉ ngơi gì, liên tiếp nghiền nát năm đạo quân của hoàng đế Đức, đuổi dồn tướng Bôliơ lên lưng tướng Avanhdi, xô Uômxơ vào Bôliơ, đẩy Mêlát lên Uômxơ, và dồn cục Mắc vào Mêlát ([1]) cái anh chàng ấy ở đâu ra thế? Cái anh chàng chân ướt chân ráo trong nghiệp chinh chiến mà sáng rỡ như sao đó là ai? Trường phái cổ điển về khoa học quân sự chịu thua anh ta nhưng chẳng thừa nhận anh ta. Có lẽ từ đó mà

(1) Tên những tướng Áo bị Bônapac đánh bại trong chiến dịch Ý nổi tiếng (1796).

những người theo đường lối quân sự cũ, nề nếp, chân phương, tính toán, thận trọng, sinh ra căm hờn không đội trời chung với đường lối chiến thuật mới, ào ạt, nẩy lửa, linh hoạt, thần tình. Ngày 18 tháng sáu 1815, mối căm hờn ấy đã được rửa sạch và dưới Lôđi, Môngtôbenlô, Môngtonốt, Măngtu, Marănggô, Accôn, nó đã ghi chữ Oateclô. Những kẻ tồi đã thắng, đa số lại được yên lòng. Khôi hài thật, nhưng số mệnh lại đồng tình. Vào lúc mạt vận của mình, Napôlêông đã gặp lại Uômxơ hồi trẻ. Chỉ cần nhuộm trắng đầu Oenlintơn là chúng ta có Uômxơ.

Oateclô là một trận đánh vào loại một mà kẻ chiến thắng lại là một tướng cầm quân loại hai.

Trong trận Oateclô, đáng khâm phục là nước Anh, là lòng cương nghị Anh, chí kiên quyết Anh, là dòng máu Anh; cái rực rỡ nhất ở đây nói hơi thất lễ, chính là bản thân nước Anh. Không phải là người chỉ huy, mà là quân đội Anh.

Oenlintơn, trong một bức thư gửi cho huân tước Bathớt, tuyên bố rằng đạo quân của ông, đạo quân đã chiến đấu ngày 18 tháng sáu 1815, là "một đạo quân đáng ghét". Không hiểu sao ông lại bạc bẽo kỳ lạ đến thế. Những đống xương vô định còn vùi dưới ruộng đồng Oateclô, đống xương ấy nghĩ như thế nào về câu nói kia?

Nước Anh đã quá khiêm tốn. Đề cao Oenlintơn đến thế là hạ thấp nước Anh. Ông ta chỉ là một người dũng cảm như muôn nghìn người khác. Những người lính Êcốt quân phục xám, những kỵ binh cận vệ, những trung đoàn Metlen, Mitsen, bộ binh của Pắc, của Căm, kỵ binh của Pônxônbi, của Xômơcxét, những người lính vùng núi thổi kèn dưới lửa đạn, những tiểu đoàn của Rilan, những lính mới vừa biết cầm súng mà đương đầu với đoàn quân già dặn từng đánh nhau ở Etlin, ở Rivôli, tất cả những con

người ấy mới vĩ đại. Oenlintơn được cái kiên trì, cái đó là ưu điểm của ông ta, không bàn cãi làm gì, nhưng bất kỳ anh lính bộ binh nào, anh lính kỵ binh nào cũng đã kiên trì như ông. Quân thép cũng xứng với "quận công thép". Nhưng đối với chúng tôi, chúng tôi giành cho người lính Anh, cho quân đội Anh, cho nước Anh tất cả lời ca ngợi của chúng tôi. Nếu quả có một giải chiến thắng thì giải ấy phải trao cho nước Anh. Ở đài kỷ niệm Oateclô giá người ta xây tượng một dân tộc, chứ đừng xây tượng một người, thì có lẽ đúng hơn.

Nhưng nước Anh vĩ đại sẽ phật ý vì điều chúng tôi nói đây.

Sau cách mạng 1688 và cách mạng 1789, nước Anh vẫn còn ảo mộng phong kiến. Nó tin tưởng vào dòng giống và tôn ti trật tự. Dân tộc này, không ai qua nổi về mặt vinh quang và quyền lực, tự hào là một quốc gia hơn là tư cách một dân tộc. Là dân tộc thì nó sẵn sàng chịu phụ thuộc và nhận một nhà quí tộc làm thủ lĩnh. Làm thuê thì người ta khinh cũng được, đi lính thì người ta đánh cũng xong. Trong trận Inkécman, người cứu nguy cho cả đạo quân hình như là một trung sĩ, điều đó mọi người còn nhớ. Nhưng tên người trung sĩ ấy không hề được huân tước Ragơlan kể ra, vì theo tục lệ thứ bậc trong quân đội, người ta không cho phép tuyên dương trong báo cáo một người anh hùng cấp bậc dưới sĩ quan.

Ở một cuộc đọ sức như kiểu Oateclô, trong tất cả mọi sự, chúng tôi khâm phục nhất là những cái ngẫu nhiên sao lại được xếp đặt khéo léo, thần tình đến thế! Mưa suốt đêm, bức tường ở Hugômông, con đường trũng Ohanh, Gơrusi nghe tiếng súng mà như điếc, Napôlêông bị hướng đạo lừa, Buylô được hướng đạo chỉ đúng đường, tất cả đều

hình như được đạo diễn một cách tuyệt diệu trong cuộc đại biến này.

Tính chung, phải nói Oateclô là một cuộc tàn sát hơn là một trận đánh.

Trong tất cả các trận đánh có dàn trận, Oateclô là nơi có chiến tuyến ngắn nhất so với số quân tham dự. Bên Napôlêông, ba phần tư dặm, bên Oenlintơn nửa dặm, mà mỗi bên bảy vạn hai chiến sĩ. Đông đặc đến thế thì tàn sát là dễ hiểu.

Người ta đã tính toán và xác định những tỉ số sau đây. Về số tử vong: ở Austéclít, Pháp, mười bốn phần trăm; Nga, ba mươi phần trăm; Áo bốn mươi tư phần trăm. Ở Vagơram: Pháp, mười ba phần trăm; Áo: mười bốn. Ở Matxcơva, Pháp: ba mươi bảy phần trăm; Nga: bốn mươi tư. Ở Bốtden, Pháp: mười ba phần trăm; Nga và Phổ: mười bốn. Ở Oateclô, Pháp: năm mươi sáu phần trăm; đồng minh: ba mươi mốt. Tổng cộng ở Oateclô, bốn mươi mốt phần trăm. Mười bốn vạn bốn nghìn người chiến đấu, có sáu vạn chết.

Ngày nay cánh đồng Oateclô trông chẳng khác gì mọi cánh đồng. Nó vẫn có cái yên tĩnh của đất đai, nguồn nuôi nấng, chở che cho con người, nhưng lạnh lùng trước mọi cuộc bể dâu.

Nhưng ban đêm một làn sương mù ma quái như bốc lên từ lòng đất. Bây giờ có khách vãng cảnh nào dạo qua, quan sát, lắng nghe, hoặc mơ màng như Viếcgin trước cánh đồng Philip, chắc chắn người ấy sẽ có cái ảo tưởng thấy hiện lên trước mắt mình bóng ma của trận đổ vỡ năm xưa. Quang cảnh hãi hùng của ngày 18 tháng sáu sống lại. Cái gò giả đắp làm kỷ niệm biến đi, con sư tử vô

nghĩa ấy cũng mờ tan, và canh thực của chiến trường diễn lại. Từng đoàn bộ binh nhấp nhô trên cánh đồng. Nhiều vó ngựa hùng hổ vụt qua chân trời. Và người khách mơ màng như trông thấy gươm vung lấp loáng, lưỡi lê chạm nhau nẩy lửa, đạn pháo sáng loà, sấm chớp đan nhau kỳ quái. Người ấy như nghe có tiếng reo hò xa xôi của trận chiến ma. Đây là bóng ưu binh cận vệ, kia là ánh lửa giáp binh. Bộ xương này là Napôlêông, bộ xương kia là Oenlintơn. Tất cả chỉ là những bóng ma, nhưng họ vẫn xô vào nhau, đâm chém nhau. Khe sâu đỏ ngầu, ngàn cây rung chuyển, sát khí bừng bừng đến tận mây xanh. Và trong bóng tối, Mông Xanh Giăng, Hugômông, Phơrítsơmông, Papolốt, Pơlăngxơnoa, hết thảy những ngọn đồi dữ dội ấy đều hiện ra, mờ mờ, đầy dẫy những bóng ma quay cuồng, đâm chém, tiêu diệt lẫn nhau.

XVII
CÓ NÊN CHO OATECLÔ LÀ TỐT KHÔNG ?

Có một trường phái tự do đáng kính tỏ ra chẳng có ác cảm gì đối với Oateclô. Chúng tôi không thuộc trường phái ấy. Chúng tôi coi Oateclô chỉ là ngày ngạc nhiên của tự do. Trứng như thế mà nở ra phượng hoàng như thế, thì rõ là bất ngờ thật.

Đứng trên chót vót của vấn đề mà xét thì Oateclô là một chiến thắng phản cách mạng, theo chủ tâm của nhiều người. Đó là cả châu Âu chống lại nước Pháp, đó là Pêtécbua, Béclanh, Viên chống lại Pari. Đó là tư tưởng bảo thủ chống lại tư tưởng tiến bộ, là tinh thần ngày 14 tháng bảy 1789 bị tấn công vào ngày 20 tháng ba 1815, đó là tất cả các nền quân chủ nổi kèn xung phong chống

lại phong trào vùng lên vô địch của nhân dân Pháp. Ước mơ của các thế lực ấy là dập tắt phong trào cách mạng sôi nổi của dân tộc Pháp từ hai mươi sáu năm nay. Cho nên các dòng họ Bơrănguých, Nátxô, Rômanốp, Hôlendôlec, Hápxbua mới liên kết với dòng họ Buôcbông, Oateclô, vì thế, có nghĩa là quân chủ thẩm quyền được khôi phục. Nói cho đúng, nền đế chế trước kia chuyên chế, thì nền quân chủ sau đó, do phản ứng tự nhiên, bắt buộc phải tự do, và ngược lại ý muốn của bọn chiến thắng, một nền trật tự có hiến chương miễn cưỡng ra đời sau Oateclô. Như thế nghĩa là cách mạng thật sự không thể nào bị đánh bại, và do hợp ý trời và nhất định phải xảy ra, nên nó phải xuất hiện. Trước Oateclô nó xuất hiện trong Napôlêông, người đã xô đổ tất cả các ngai vàng xưa cũ. Sau Oateclô nó lại hiện ra trong Lui XVIII -khi ông này ban cho dân bản hiến chương nhưng đồng thời phải phục tùng hiến chương ấy. Bônapac cất nhắc một anh đánh xe lên ngôi vua ở Náp và một anh đội trưởng lên làm vua Thụy Điển; lấy cái bất bình đẳng chứng minh cho cái bình đẳng. Lui XVIII phải duyệt ký ở Xanh Uăng bản tuyên ngôn nhân quyền. Muốn hiểu cách mạng là gì? Hãy gọi nó là Tiến bộ. Rồi muốn hiểu Tiến bộ là gì thì coi nó là Tương lai. Tương lai nhất định làm theo sứ mệnh của nó, không gì ngăn cản nổi, và nó làm ngay từ bây giờ. Nó cũng luôn luôn đạt được mục đích, một cách kỳ lạ. Nhờ tay Oenlintơn nó biến Phoa từ một anh lính thành một nhà hùng biện, làm cho con người ngã xuống ở

Hugômông ấy lại được đứng dậy ở diễn đàn. Đó. Tiến bộ đã làm như vậy. Đối với anh thợ ấy, không dụng cụ nào không dùng được. Cho nên, anh ta sử dụng vào công việc thiêng liêng của mình chẳng chút lúng túng, con người đã từng nhảy qua núi Anpơ lẫn ông cụ già ốm đau, khập khểnh ở cung Êlidê. Anh ta dùng cả ông cụ thấp khớp lẫn nhà chinh phục, nhà chinh phục vào công việc bên ngoài, ông cụ thấp khớp vào công việc bên trong. Oateclô, chấm dứt đột ngột việc phá hoại các ngai vàng châu Âu bằng súng gươm, cũng chỉ làm cho cách mạng tiếp tục ở một phương diện khác. Sứ mệnh của súng gươm đã hết, sứ mệnh của những nhà tư tưởng bắt đầu. Cái thời đại mà Oateclô muốn ngăn lại, đã giẫm lên nó và tiếp tục con đường của mình. Cái chiến thắng đáng buồn ấy đã bị tự do đánh bại.

Tóm lại, cái điều rõ ràng không sao chối cãi nổi là, những kẻ đã chiến thắng ở Oateclô, đã núp sau Oenlintơn mà mỉm cười sung sướng, đã phong cho ông ta tất cả các danh hiệu thống chế châu Âu, kể cả thống chế Pháp như người ta nói, những kẻ đã vui sướng đẩy các xe đất đầy xương khô để đắp cái gò sư tử, đã đề một cách đắc ý vào chân đài kỷ niệm cái thời điểm *18 tháng sáu 1815*, đã khuyến khích Bơluyse chém giết bừa bãi những người thua trận, và đứng trên Mông Xanh Giăng đã dòm xuống nước Pháp như dòm một miếng mồi, những kẻ ấy là bọn phản cách mạng. Chính bọn phản cách mạng đã thì thầm với nhau công việc ghê tởm là chặt nước Pháp ra từng mảnh. Nhưng đến Pari thì chúng thấy miệng núi lửa gần kề một bên, đất đá hình như cháy bỏng dưới chân, nên chúng tỉnh lại. Chúng đành ấp úng bằng một cái hiến chương.

Chỉ nên nhìn nhận trong Oateclô cái gì có trong Oateclô. Chủ tâm nó muốn đem lại tự do ư, không đời nào. Phản cách

mạng đã miễn cưỡng tán thành tự do, cũng như, theo một hiện tượng tương tự, Napôlêông đã phải bất đắc dĩ cách mạng. Ngày 18 tháng sáu 1815, Rôpetxpie ngồi trên mình ngựa đã bị hất ngã xuống đất.

XVIII
QUÂN QUYỀN THẦN THÁNH LẠI ĐƯỢC ĐỀ CAO

Độc tài chấm dứt. Cả một hệ chế châu Âu sụp đổ.

Đế chế tan tành, thiên hạ rơi vào một thời kỳ tăm tối như hồi đế quốc La-mã suy tàn. Cuộc đời lại đầy hang sâu vực thẳm như thời các bộ lạc dã man. Có điều, cái dã man của năm 1815, mà phải gọi bằng tên cúng cơm của nó là phản cách mạng, vì ít hơi sức, nên mau thở dốc và chẳng làm gì được nữa. Phải nói thật là đế chế chết đi có nhiều người thương tiếc và toàn là những người anh dũng. Nó đã đi từ một lưỡi gươm đến ngai vàng và nếu như thế là vinh quang thì đế chế đích là vinh quang đấy. Nó đã reo rắc trên đời tất cả ánh sáng mà một chế độ bạo tàn có thể ban phát ra. Đành rằng là thứ ánh sáng âm u, có thể nói thêm, là sáng nhưng mà tối. So với ban ngày rực rỡ, nó là đêm tối, nhưng cái đêm tối ấy mất đi thì cũng như đêm trăng bỗng dưng có nguyệt thực.

Lui XVIII trở lại Pari. Bao nhiêu nhiệt tình phấn khởi ngày 20 tháng ba bị những cuộc nhảy múa trên vỉa hè xóa sạch. Trong ngôn ngữ, anh Coócxơ bị đem ra đối lập với chàng Bêácne (1). Ngọn cờ trên vòm mái điện Tuylơri bây giờ màu trắng. Những kẻ trốn ra nước ngoài hồi Cách mạng nay trở về trị vì. Cái bàn gỗ bách của Hacoen đặt trước chiếc ghế trổ hoa huệ của Lui XIV. Câu chuyện Buvin, Phôngtơnoa (2)

(1) Napôlêông người đảo Coócxơ; tổ tiên của Lui XVIII là người Bêacne.

(2) Những trận chiến thắng lớn thời quân chủ, trước chiến công Austéclít của Bônapac nhiều.

thuở nào mà cứ nói như mới xảy ra hôm qua, còn Austéclít thì đã thành cũ rích. Ngôi vua và nhà thờ bắt tay nhau một cách oai vệ. Một trong những hình thức tổ chức xã hội được công nhận ở thế kỷ mười chín được thiết lập ở Pháp và nhiều nước khác trên lục địa. Cả châu Âu dùng phù hiệu màu trắng. Tơrétxtaiông đâm nổi tiếng. Khẩu hiệu "*đệ nhất thiên hạ*" (1), lại xuất hiện trên bức chạm đá khắc hình mặt trời tỏa sáng, đặt trước cửa doanh trại ở bờ Oócxê. Chỗ trước kia quân cận vệ đóng thì bây giờ là một đồn cảnh sát. Đài chiến thắng Caruxen, có lẽ mang nhiều chiến công quá mà sinh ra lạc lõng giữa bao nhiêu thứ mới mẻ. Hình như nó cũng hơi xấu hổ với các vũ công Marănggô và Accôn, nên đã xoay xở với cái tượng của quận công Ăngguiêm. Nghĩa địa Mađolen là cái hố chung ghê gớm hồi 93, bây giờ đều xây đá hoa, đá vân cả vì ở đấy vốn có hài cốt của Lui XVI và Mari Ăngtoanet. Ở Vanhxen, một cái tháp được xây lên trên mồ quận công Ăngganh, nhắc lại rằng quận công bị giết ngay trong tháng Napôlêông làm lễ đăng quang. Giáo hoàng Pi VII đã cử hành lễ đăng quang gần với ngày công tước Ăngganh chết, thì bây giờ lặng lẽ cầu phúc về sự sụp đổ cũng như trước kia ông đã ban phúc cho bước đi lên. Ở Sônbơrơn có một em nhỏ bốn tuổi, mong manh như một cái bóng, ai gọi em là vua La-mã thì cũng như là phiến loạn. Ấy, cuộc đời cứ như thế, tất cả các vị vua chúa các nơi đều trở lại ngôi cũ, còn người làm bá chủ châu Âu thì nay đã ở trong tù. Chế độ cũ bây giờ trở thành chế độ mới, trên khắp mặt đất chỗ tối đã thành sáng, và chỗ sáng đã thành tối. Tất cả đều chỉ vì, một buổi chiều mùa hè nọ, một chú chăn cừu đã nói ở trong rừng với một người Phổ: đi lối này chứ đừng đi lối kia!

(1) Nguyên văn la-tinh.

Cái năm 1815 ấy quả như một đầu xuân ảm đạm. Những thực tế dơ bẩn, độc địa của một chế độ già nua bỗng khoác lên mình một chiếc áo mới. Lừa dối khoác áo cách mạng 1789. Quân quyền thiêng liêng đeo một cái mặt nạ là bản hiến chương. Những cái bịa đặt cũng vỗ ngực ta đây là hợp hiến. Bao nhiêu thành kiến, mê tín, mưu toan đều tâm tâm niệm niệm cái khoản 14 và phủ lên mình lớp sơn của chủ nghĩa tự do. Thật chẳng khác gì loài rắn thay da.

Napôlêông đã làm cho con người lớn lên nhưng đồng thời cũng bé nhỏ lại. Lý tưởng, ở vào cái thời vật chất huy hoàng làm chúa tể ấy, được tặng cái tên lạ lùng là hệ ý thức. Con người anh hùng đó đã dại dột chế nhạo tương lai. Nhưng nhân dân khắp nơi, dù có phải làm bia đỡ đạn, cũng cứ say mê con người cầm súng ấy, và thâm tâm hằng mong đợi. Ông ấy đang ở đâu? Đang làm gì? Một người qua đường nói với một thương binh đã từng tham dự các trận Marănggô và Oateclô: "Napôlêông chết rồi". Người lính ấy liền cãi lại: "*Người mà chết à! Anh biết người rồi chứ* !" Trong trí tưởng tượng của quần chúng, con người bị quật đổ ấy đã trở thành bất tử. Sau Oateclô, cảnh trời châu Âu như tối sầm lại. Napôlêông biến đi, để lại rất lâu một khoảng trống mênh mông.

Bọn vua chúa nhảy vào chỗ trống ấy. Các chế độ già cỗi của châu Âu lợi dụng cơ hội vực nhau đứng dậy. Một liên minh thần thánh được hình thành. "Liên minh hẩu" thì đúng hơn. Cánh đồng Oateclô tai ác đã báo trước điều đó bằng cái tên một quả đồi của mình (1).

Châu Âu cổ đang hồi phục. Đứng trước tình hình đó, một nước Pháp mới được phác ra trên những nét lớn. Tương lai mà trước kia Napôlêông hay chế giễu, bắt đầu

(1) Đồi Ben Laliăng, tên Pháp, có nghĩa là "Liên minh hẩu".

xuất hiện, trên trán đeo một ngôi sao, sao Tự do. Các thế hệ trẻ đều nhiệt liệt hướng về ngôi sao ấy. Điều lạ là họ vừa mê tương lai, là Tự do, lại vừa tiếc cái quá khứ, là Napôlêông. Cuộc bại trận ai ngờ đã làm cho kẻ thua trận lớn lên. Bônapac ngã xuống lại có vẻ cao hơn Napôlêông đang đứng. Do đó, những kẻ chiến thắng sinh lo ngay ngáy. Nước Anh cắt Hốtxơn Lô coi giữ, nước Pháp cho Môngsơnuy rình mò. Con người khoanh hai tay trước ngực lại là một mối lo ngại cho các bậc vua chúa. Alêcdăng coi ông ta là mối lo mất ngủ của mình. Thật ra tất cả sự hãi hùng kia sở dĩ có là do ông đã chất chứa trong mình một khối lượng cách mạng quá lớn. Điều đó cũng cắt nghĩa cái chủ nghĩa tự do Bônapac, vừa cắt nghĩa và cũng vừa tha thứ. Cái bóng ma ấy vì thế cứ làm cho cả thế giới cũ run sợ. Còn cái mỏm đá Xanh Hêlen thấp thoáng ở chân trời thì vua chúa đều như nhấp nhổm ngồi không yên trên các ngai vàng.

Napôlêông mòn mỏi dần ở Lôngut thì sáu vạn người ngã xuống ở chiến trường Oateclô cũng yên lặng mà trở thành tro bụi. Chút ít yên tĩnh của họ đã lan tỏa vào cuộc đời. Hội nghị Viên tiếp thu cái yên tĩnh ấy làm thành các hiệp định năm 1815. Cả châu Âu gọi đó là Phục hưng.

Đấy, Oateclô là như thế đấy.

Nhưng cái đó có nghĩa lý gì đối với vô biên vô tận? Đứng trước mênh mông một con bọ nhảy từ lá cỏ này sang lá cỏ kia, có khác gì con chim phượng hoàng bay từ tháp chuông này qua tháp chuông nọ cho đến các tháp cao của nhà thờ Đức Bà. Cho nên tất cả các thứ bão tố, mây mù, chiến tranh, hòa bình, bóng tối kia cũng chẳng làm mờ nổi một phút ánh mắt của vô biên !

XIX

CHIẾN TRƯỜNG BAN ĐÊM

Cuốn sách này cần nên chúng ta hãy trở lại bãi chiến trường này một tí.

Đêm 18 tháng sáu 1815, trăng tròn vành vạnh. Trăng soi đường cho đoàn quân của Bơluyse truy kích và chém giết tàn bạo, trăng soi tỏ dấu vết người trốn chạy, trăng như nộp đám tàn quân ấy cho đoàn kỵ binh say máu kia và giúp một tay vào cuộc thảm sát. Ban đêm thường có những lúc tỏ ra đồng tình với tai họa một cách kinh khủng như vậy đó.

Phát đại bác cuối cùng im rồi, cánh đồng Mông Xanh Giăng lại mênh mông lặng ngắt.

Thói thường, đã thắng thì phải có gì tỏ là mình thắng, cho nên quân Anh chiếm lấy trại của quân Pháp, để ngủ ngay trên giường kẻ bại trận. Họ đi quá Rốtxôm một tí và đóng dã ngoại lại đấy. Quân Phổ bận đuổi theo tàn quân Pháp, còn đang tiến về phía trước. Oenlintơn bèn vào làng Oateclô để viết báo cáo gửi về cho huân tước Bathơt.

Nếu câu "cú kêu ma ăn" mà dùng được thì áp dụng vào trường hợp làng Oateclô này thật đúng quá. Làng Oateclô chẳng có liên quan gì, còn cách chỗ đánh nhau đến nửa dặm. Mông Xanh Giăng bị pháo dập, Hugômông, Papơlốt, Pơlăngnoa đều bị đốt cháy. He Xanh thì xung phong mới chiếm được, còn Ben Laliăng thì mục kích hai đội quân chiến thắng ôm chầm nhau. Thế mà các tên này người ta chỉ mang máng, còn Oateclô chẳng có vai trò gì trong trận đánh này lại chiếm tất cả vinh dự.

Chúng tôi chẳng phải là người nói tốt cho chiến tranh. Có dịp, chúng tôi cũng nói lên những sự thật. Chiến tranh có những vẻ đẹp quá ư đau xót, điều đó chúng tôi không hề giấu; nhưng cũng xin công nhận là nó cũng có điều ghê tởm. Một điều lạ lùng nhất là chiến thắng xong thì quần áo đồ đạc trên người chết cũng bị lột xong, và thông thường thì hôm sau mặt trời mọc lên trên những xác chết đã trần truồng như nhộng.

Ai làm cái trò đó? Kẻ nào đã trát dơ lên chiến thắng như vậy? Bàn tay bẩn thỉu nào đã lần vào túi người ta lanh lẹ như vậy? Quân trộm cắp nào đã dám chơi cái mẻ ấy ngay sấp lưng chiến thắng? Một đôi triết gia, trong đó có Vônte, khẳng định đó chính là những kẻ thắng trận. Họ nói rằng chính những kẻ còn đứng cướp người đã nằm chứ còn ai vào đó, vì có ai đến thay họ đâu. Ban ngày họ là chiến sĩ anh hùng nhưng ban đêm họ là con yêu hút máu. Xét cho cùng, đã giết được người thì kể cũng có quyền tước lấy một ít đồ đạc chứ! Nhưng riêng phần chúng tôi, chúng tôi không nghĩ như thế. Ai lại cũng con người ấy mà khi thì dũng cảm xông lên hái hoa chiến thắng, khi lại đi lột giày móc túi những xác chết. Không thể được. Điều chắc chắn là đi theo sau đội quân chiến thắng thường là những kẻ trộm cướp. Nhưng ở đây cũng nên trừ người quân nhân, nhất là người quân nhân hiện đại ra, vì họ không liên quan gì.

Mỗi đạo quân đều kéo theo một cái đuôi, chính đó là chỗ đáng buộc tội. Thôi thì đủ loại: những quân ăn sương, nửa bồi hầu nửa trộm cướp, đủ loại dơi loại vạc ăn nhờ vào bóng tối của chiến tranh, những tên mặc quân phục mà chẳng đánh đấm gì, những tên giả ốm, giả đau, những tên đi thì chậm nhưng cướp giật thì nhanh, những tên bán căng-tin lậu chuyên ăn cắp rồi đem bán lại có khi có cả vợ đi theo, lích kích trong những xe bò nho nhỏ, những kẻ

hành khất tình nguyện dẫn đường cho các sĩ quan, những tên lưu manh, trộm cắp. Chúng tôi không nói đến quân đội thời nay, ngày xưa một đạo quân đi đường kéo theo tất cả các loại người ấy, đến nỗi trong thuật ngữ có cái tên riêng cho nó là "đoàn quân lếch thếch". Chúng đi như vậy, nhưng chẳng đạo quân nào, chẳng nước nào chịu trách nhiệm về chúng cả. Có khi chúng nói tiếng Ý nhưng đi theo quân Đức, có khi chúng nói tiếng Pháp nhưng lại đi theo quân Anh. Chính hầu tước Đơ Phécvacơ đã bị một tên khốn nạn như thế, đi theo quân Tây-ban-nha, lừa phỉnh bằng mấy tiếng Pháp trời ơi, nên nhận nó là người bên ta, để bị nó giết chết và cướp ngay trên chiến trường, trong đêm tiếp liền chiến thắng Xơridôn.

Trộm cắp đẻ ra bọn chuyên trộm cắp. Ai đã đặt ra câu tục ngữ đáng ghét: *bên địch phục dịch bên ta* ? Chính câu ấy đã đẻ ra cái dịch trộm cắp mà chỉ có một kỷ luật thật vững mới có thể ngăn chặn nổi. Có những danh vọng không xứng đáng. Người ta không hiểu vì sao một số tướng lĩnh được lòng người đến thế. Thật ra họ cũng có tài, nhưng đó là chuyện khác. Tuyren (1) chẳng hạn, Tuyren được binh sĩ yêu mến vì ông ta cho phép họ tha hồ cướp bóc. Cho phép làm điều xằng bậy cũng là tốt bụng. Cho nên ông ta tốt đến nỗi cho quân lính của mình làm cỏ cả xứ Palatina. Nói cho đúng thì đi theo đạo quân có ít hay nhiều kẻ cắp là tùy người chỉ huy nghiêm hay không nghiêm. Đối với hai tướng quân Hôtsơ và Macxô (2) thì không có "quân lếch thếch" nào đi theo cả. Còn Oenlintơn thì nói cho công bằng cũng không có bao nhiêu.

(1) Turenne: danh tướng triều Lui XIV.

(2) Hoche (1768-1797), Marceau (1769-1796): hai danh tướng thời cách mạng Pháp, nổi tiếng về tài chỉ huy, ý chí cách mạng, tính liêm chính và lòng công minh. Đều xuất thân bình dân và bắt đầu cuộc đời lính với cách mạng 1789.

Tuy vậy, đêm 18 rạng 19 tháng sáu, người ta cứ cướp bóc đồ đạc của người chết. Oenlintơn thật ra rất cứng rắn. Ông đã ra lệnh kẻ bị bắt quả tang sẽ bị đem ra xử bắn. Nhưng thói trộm cướp vẫn lì lợm. Đàng kia có xử bắn cũng mặc kệ, ở đây cứ cuỗm cái đã.

Đêm ấy, mặt trăng trên cánh đồng trông thật ghê rợn.

Khoảng giữa đêm, một người đàn ông lần mò, hay nói cho đúng bò về phía con đường trũng Ohanh. Chắc hẳn là một loại người như đã mô tả trên kia. Không phải người Pháp, không phải người Anh, không phải nông dân, không phải lính, hình như là ma chứ không phải người, đánh hơi thấy người chết, lấy trộm cắp làm chiến thắng, mò đến tước đoạt Oateclô. Hắn mặc một cái áo ngoài giống như một cái áo khoác, dáng điệu vừa táo tợn vừa lo sợ; vừa tiến về phía trước, vừa nhìn lại phía sau. Hắn là ai? Có lẽ đêm tối biết lịch sử của hắn nhiều hơn là ban ngày. Hắn không mang cái bị nào nhưng bên trong cái áo khoác của hắn chắc có những cái túi rộng. Thỉnh thoảng hắn đứng lại, nhìn cánh đồng chung quanh như xem có ai theo dõi mình không; đột nhiên hắn cúi rạp xuống đất, lật lên một vật gì yên lặng không cử động, rồi lại nhổm dậy lẩn đi chỗ khác. Trông điệu bộ hắn, cái dáng vội vàng, bí mật của hắn tưởng như những bóng ma lúc hoàng hôn hiện lên ở các nơi cổ tích điêu tàn trong truyền thuyết ngày xưa. Những con cò, con vạc ăn đêm trên đầm, ruộng cũng có những hình bóng như vậy.

Trong đám sương mù người tinh mắt để ý sẽ thấy gần đấy có cái gì giống một toa xe của người bán ăn nhỏ, mái đan mây sơn hắc ín, đỗ đằng sau cái lều ở góc đường Niven và đường Mông Xanh Giăng đơ Bơrennơlalơ. Xe dóng một con ngựa đói, có hàm thiếc, đang gặm cỏ. Trong xe có một người đàn bà ngồi trên một đống những hòm và

bao bị. Cái toa xe này và tên ăn đêm kia chắc không xa lạ nhau.

Đêm quang, trời không có một gợn mây. Mặt đất thì đỏ lòm nhưng trăng vẫn bạc. Trời vẫn thường thờ ơ như vậy. Trên cánh đồng, những cành cây bị đạn bắn gẫy, nhưng còn vướng trên thân cây, đu đưa nhè nhẹ theo ngọn gió đêm thanh. Hình như có một luồng hơi thở làm chuyển các bụi cây. Cỏ rùng mình như có những linh hồn bay đi. Xa xa nghe mơ hồ tiếng động của những toán quân tuần phòng chung quanh dinh trại quân Anh.

Xóm Hugômông và He Xanh vẫn còn bốc cháy, một ở phía đông, một ở phía tây; giữa hai ngọn lửa ấy những đốm lửa của dinh trại quân Anh giống như một chuỗi hồng ngọc nối liền hai bông hoa tai thành một đường bán kính mênh mông trên những ngọn đồi phía chân trời.

Chúng tôi đã nói đến cái tai họa ở chỗ con đường trũng Ohanh. Cái chết rùng rợn của bao nhiêu chiến sĩ dũng cảm, cứ nghĩ đến cũng thấy kinh khủng.

Nếu có một cái gì đáng ghê sợ, một sự thật nào kinh khủng hơn ác mộng thì là điều này: đang sống dưới ánh trời chói lọi, đang sống cường tráng lành mạnh, tươi vui, nụ cười luôn luôn ngạo nghễ trên môi, đang tiến lên giành lấy quang vinh ngay trước mặt, đang thấy trong lồng ngực buồng phổi thở căng, trái tim đập mạnh, ý chí sáng suốt, đang nói, đang nghĩ, đang yêu, đang có một người mẹ, một người vợ, một đàn con, đang sống tràn trề ánh sáng, thế rồi bỗng nhiên, chỉ kịp kêu lên một tiếng, không đầy một phút, lộn nhào xuống vực thẳm, chồng chất đè lẫn nhau; nhìn thấy bông lúa, thấy hoa, thấy lá, thấy cành mà chẳng bám víu được vào đâu, thấy thanh gươm của mình vô dụng, thấy trên mình là một đống người, dưới

mình là một đống ngựa, cựa quậy vô ích, nghe thấy xương gãy dưới móng ngựa trong bóng tối, thấy như một gót giầy giẫm lòi mắt, cắn điên cuồng những móng sắt ngựa, ngạt thở, cố hét lên, quằn quại dưới cái đống kinh khủng, và nghĩ rằng: Vừa mới đây, ta là một người cường tráng.

Ở cái chỗ chết hại thảm khốc mới đây còn vang tiếng rên rỉ, bây giờ hoàn toàn yên lặng. Con đường trũng ngập đầy những người và ngựa, dằng dịt lấy nhau, hỗn độn, ghê gớm, không còn thấy hai bên bờ nữa, xác người và ngựa đã lấp phẳng con đường ngang với mặt cánh đồng như một đấu thóc gạt sát miệng, một núi thây ở phía trên, một sông máu ở phía dưới, đó là cảnh tượng con đường ấy trong đêm hôm 18 tháng sáu năm 1815. Máu chảy đến tận đường Niven, loang ra như một cái ao trước một đống cây chặn ngang đường mà bây giờ dân địa phương còn chỉ được. Mọi người còn nhớ, đoàn giáp binh đã sa hố ở chính chỗ đối diện với đống cây này, về phía con đường đi Giơnáp. Con đường trũng sâu bao nhiêu thì đống xác chết dày bấy nhiêu. Đến khúc giữa đường gần phẳng, chỗ sư đoàn Đơlo tiến lên, đống xác mỏng đi một chút.

Người ăn đêm kia đi về phía ấy. Hắn nhìn cái mồ kinh khủng, hắn nhìn chăm chăm như điểm một đoàn tử thi quân ghê rợn. Chân hắn bước trong vũng máu. Bỗng hắn đứng lại. Trước mặt hắn cách vài bước, chỗ mép đống xác người và ngựa, có một bàn tay mở dưới ánh trăng. Chiếc nhẫn vàng óng ánh trên một ngón tay. Người ăn đêm cúi xuống, ngồi xổm một lát, rồi nhổm dậy. Cái nhẫn vàng đã biến mất. Hắn không đứng dậy hẳn, hắn quỳ, hai đầu gối, hai ngón tay trỏ tì xuống đất, hắn lom khom như một con thú dữ rình mò, lưng quay về đống xác, đầu ngẩng nhìn phía trên bờ con đường trũng.

Rồi như đã cả quyết, hắn đứng dậy.

Bỗng nhiên hắn giật mình, hắn thấy như có ai giữ lấy hắn.

Hắn ngoảnh lại; cái bàn tay mở lúc nãy đã khép lại và nắm lấy vạt chiếc áo ngoài của hắn.

Một người lương thiện chắc phải hoảng sợ, nhưng hắn thì hắn bật cười:

- A ra cái xác chết. Ma thì vẫn thích hơn là sen đầm.

Cái bàn tay đuối sức buông hắn ra. Người đã nằm dưới mồ thì còn mấy hơi sức!

Tên ăn đêm lại nói:

- Ái chà! Cái người chết này còn sống chăng? Xem thử nào.

Hắn lại cúi xuống, bới đống xác, gạt những cái gì vướng ở trên, nắm lấy cánh tay, bới được cái đầu lên, lôi được cái thân ra và một lát sau hắn kéo vào bóng tối con đường trũng một thân người không động đậy, đã chết ngất. Người ấy là một giáp binh, một sĩ quan, có lẽ một sĩ quan cao cấp; một chiếc ngù vàng lớn lòi ra dưới áo giáp, viên sĩ quan không còn mũ, một nhát gươm dữ dội chém ngang mặt người ấy, mặt chỉ thấy đầy máu. Chân tay hình như không bị gãy, có lẽ một sự ngẫu nhiên may mắn -ở đây mà cũng còn có thể gặp may mắn được thì cũng lạ!- đã khiến những xác chết chồng chất lên người ấy không đè xuống mà lại chống đỡ cho người ấy. Hai mắt người này nhắm nghiền. Trên áo giáp có chiếc huân chương bắc đẩu bội tinh bạc.

Thằng ăn đêm rứt chiếc huân chương bạc đút thêm vào trong túi áo khoác của hắn. Rồi hắn lần túi áo viên sĩ quan, lấy một chiếc đồng hồ quả quít, móc túi áo gi-lê lấy được một cái ví tiền hắn đút ngay vào túi hắn.

Khi hắn "cứu chữa" người hap hối đến đoạn ấy thì người đó bỗng mở mắt và nói se sẽ:

- Cám ơn ông.

Người ấy vì bị lôi kéo, giật mạnh, vì được thở tự do, vì khí trời mát lạnh ban đêm kích thích nên đã tỉnh lại.

Thằng ăn đêm không trả lời; hắn ngẩng đầu lên. Xa xa nghe thấy tiếng chân người đi, chắc là một đội tuần phòng đang tiến lại gần.

Viên sĩ quan nói thì thầm, giọng còn như là của người hấp hối:

- Ai thắng trận?

Thằng ăn đêm trả lời:

- Quân Anh.

Viên sĩ quan nói tiếp:

- Ông xem trong túi tôi có một chiếc đồng hồ và một cái ví tiền. Ông cầm lấy.

Việc này hắn đã làm xong. Nhưng hắn cũng làm trò theo lời viên sĩ quan bảo và nói:

- Chẳng có gì.

- Họ đã đánh cắp của tôi. Giận thật. Đáng lẽ để biếu ông.

Tiếng bước chân đội tuần tiễu nghe càng rõ.

- Họ đến đấy.

Tên ăn đêm vừa nói vừa sửa soạn chuồn đi.

Viên sĩ quan cố nhấc cánh tay lên giữ hắn:

- Ông đã cứu sống tôi. Ông là ai?

Tên ăn đêm nói sẽ và vội vàng:

- Tôi cũng như ông, ở trong quân đội Pháp. Thôi tôi phải đi đây, nếu chúng nó bắt được chúng nó sẽ bắn chết tôi. Tôi đã cứu sống ông rồi, bây giờ ông liệu lấy!

- Ông đóng lon gì?

- Đội trưởng.

- Tên ông là gì?

- Tênacđiê.

Viên sĩ quan nói:

- Tôi sẽ không bao giờ quên cái tên ấy. Ông cũng nhớ lấy tên tôi: Pôngmécxi.

QUYỂN II

CHIẾC TÀU ÔRIÔNG

I

SỐ 24.601 TRỞ THÀNH SỐ 9.430

Giăng Vangiăng đã lại bị bắt.

Bạn đọc sẽ lấy làm hài lòng khi thấy chúng tôi lướt qua các chi tiết đau thương. Chúng tôi chỉ xin chép ra đây hai mẩu thời sự đăng trên các báo ngày ấy, mấy tháng sau khi xảy ra những sự việc lạ lùng ở Môngtơrơi Xuya Me.

Những bài báo ấy hơi sơ lược. Chúng ta nhớ rằng thời ấy chưa có *Tư pháp nhật báo.*

Chúng tôi lấy bài thứ nhất ở tờ *Lá cờ trắng,* số ra ngày 25 tháng bảy năm 1923:

"Ở một quận thuộc tỉnh Pa-đơ-Cale vừa xảy ra một việc lạ thường. Một người không phải nguyên quán ở đấy tên là ông Mađơlen, mấy năm nay nhờ những phương pháp mới đã chấn hưng một nền công nghiệp vốn có sẵn ở địa phương, là nghề làm đồ huyền và đồ thuỷ tinh đen. Nhờ thế hắn đã làm giàu và phải nói cũng làm giàu cho cả quận. Để tưởng lệ công lao, người ta đã cử hắn làm thị trưởng. Gần đây sở cảnh sát phát hiện cái ông Mađơlen ấy chính là một tên tù khổ sai trốn quản thúc, tên là Giăng

Vangiăng, bị kết án năm 1796 về tội trộm. Giăng Vangiăng hiện đã bị tống lao lại. Hình như trước khi bị bắt, hắn đã kịp đến nhà ngân hàng Laphít rút ra số tiền hơn năm mươi vạn gửi tại đó; nói cho đúng thì số tiền ấy hắn kiếm được rất chính đáng trong kinh doanh, người ta bảo thế. Không ai biết khi bị bắt giam lại vào ngục Tulông, Giăng Vangiăng đã giấu số tiền ấy ở đâu".

Bài báo thứ hai, nhiều chi tiết hơn một chút, trích ở tờ *Pari nhật báo*, cũng ngày ấy:

"Một tên tội phạm đã được phóng thích tên là Giăng Vangiăng vừa mới phải ra trước tòa đại hình hạt. Và trong những trường hợp khá ly kỳ. Tên đại bợm này đã lừa bịp được cả con mắt tinh tế của sở cảnh sát; hắn đổi tên và tìm cách xoay được chân thị trưởng ở một thành phố nhỏ miền Bắc. Hắn lại đặt được một cơ sở kinh doanh khá lớn ở thành phố ấy. Nhưng cuối cùng, nhờ sự mẫn cán không mệt mỏi của công tố viên, hắn đã bị lột mặt nạ và bị bắt. Hắn có một con vợ không cưới xin, nguyên là một gái giang hồ; lúc chồng bị bắt thì con vợ sợ quá mà chết! Tên khốn kiếp ấy, khoẻ như vâm, đã tìm cách trốn thoát nhà giam nhưng chỉ ba, bốn hôm sau, cảnh sát lại bắt được hắn, ở ngay Pari, giữa lúc nó sắp sửa đáp một chiếc xe nhỏ chạy con đường từ thủ đô đến làng Môngphecmây (tỉnh Xen-ê-Oadơ). Người ta đồn rằng hắn lợi dụng ba, bốn ngày được tự do ấy để rút một số tiền to gửi ở một nhà ngân hàng lớn tại thủ đô. Số tiền ấy ước có đến sáu, bảy mươi vạn phơrăng. Theo bản cáo trạng thì hắn đã chôn số tiền ấy ở một nơi chỉ mình hắn biết, vì thế, chưa lọt vào tay cảnh sát. Dù sao, tên Giăng Vangiăng cũng vừa bị truy tố trước toà đại hình hạt Va; hắn bị khép vào tội cướp đường có vũ khí, xảy ra khoảng tám năm về trước; nạn

nhân là một đứa trẻ lương thiện trong đám thiếu niên đã được "Lão trượng Phécnê"[1] diễn tả trong lời thơ bất hủ:

Các em từ đất Xavoa
Hàng năm trở lại, đi qua vùng này
Các em đưa nhẹ bàn tay
Chùi lau ống khói bám đầy muội đen.

Tên tướng cướp ấy đành cam không chối cãi. Viện công tố đã khôn khéo và hùng hồn chứng tỏ rằng Giăng Vangiăng ăn cướp có tùng đảng và hắn có chân trong một ổ trộm cướp ở miền Nam. Do đó, toà tuyên bố Giăng Vangiăng là tội phạm và khép án tử hình. Tên tội phạm ấy không xin chống án lên toà phá án. Hoàng thượng đã lấy lượng khoan hồng như trời bể mà ban đặc ân cho được đổi thành án khổ sai chung thân. Lập tức Giăng Vangiăng bị giải ra nhà lao Tulông".

Người ta không quên rằng khi ở Môngtơrơi Xuya Me, Giăng Vangiăng đã tỏ ra mộ đạo. Cho nên một vài tờ báo, trong đó có tờ *Lập hiến* trình bày việc chuyển giảm tội hình này như là một thắng lợi của phái công giáo.

Vào nhà lao, Giăng Vangiăng đổi số hiệu. Bây giờ tên hắn là 9.430.

Cũng nên nói ngay điều này để khỏi phải trở lại: Mất ông Mađơle, thị trấn Môngtơrơi Xuya Me cũng mất cảnh phồn vinh. Tất cả những điều ông ta dự đoán trong đêm thao thức và lên cơn sốt đã xảy đến: Mất ông, thị trấn đã *mất cái linh hồn*. Ông sụp đổ thì ở thị trấn cũng xảy ra việc chia của ích kỷ, việc xâu xé thầm lặng những phồn vinh sau khi cái cuộc đời lớn sụp đổ. Đó là điều tất nhiên

(1) Mệnh danh của nhà văn và nhà triết học tiến bộ Pháp Vônte (Voltaire) thế kỷ XVIII. Phécnê (Ferney) một thị trấn ở sát Thuỵ - sĩ, nơi Vônte cư trú 20 năm lúc về già.

trong cộng đồng nhân loại, tuy lịch sử chỉ nói đến có một lần vì nó diễn ra sau khi Alêcxăng[1] chết. Tướng lĩnh xưng vương sau khi hoàng đế băng hà, đốc công cũng tự tôn làm nhà sản xuất sau khi ông chủ qua đời. Sự cạnh tranh đố kỵ diễn ra. Các xưởng thợ rộng lớn đóng cửa, các toà nhà đổ nát. Thợ thuyền phân tán, người bỏ xứ, kẻ bỏ nghề. Từ đấy chỉ có sản xuất nhỏ, không còn nền công nghệ qui mô ngày trước. Người ta sản xuất vụ lợi chứ không vì lợi ích công cộng. Không có trung tâm, đâu đâu cũng chỉ có cạnh tranh, cạnh tranh khốc liệt. Ngày xưa ông Mađơlen ở trên tất và điều khiển tất. Ông đổ xuống, mỗi người đều cố kéo mối lợi về mình. Óc đấu đá chiếm chỗ của óc tổ chức, lòng hám lợi thay lòng nhân ái. Ngày xưa ông chủ sáng lập ân cần sốt sắng với tất cả mọi người, ngày nay mọi người thù hằn nhau. Những chỉ buộc của ông Mađơlen ngày xưa bây giờ rối mù và đứt tung. Người ta làm gian dối trong sản xuất, làm mất phẩm chất của sản phẩm, do đó không được khách hàng tín nhiệm nữa. Người mua ít đi, đơn đặt hàng giảm sút. Tiền công bớt. Các xưởng hết việc. Rồi phá sản. Không còn phúc lợi gì cho kẻ khó nữa. Tất cả đã tan như mây khói.

Nhà nước cũng nhận thấy có ai bị đè chết ở đâu đây. Không đầy bốn năm sau khi toà đại hình thẩm định ông Mađơlen và tên tù khổ sai Giăng Vangiăng chỉ là một và tống người ấy vào nhà lao, thì ở quận Môngtơrơi Xuy Me, phí tổn thu thuế cũng tăng lên gấp đôi. Ông Đơ Vilen đã nhận xét điều đó trên diễn đàn nghị viện vào hồi tháng hai năm 1827.

(1) Alexandre, vua xứ Maxêđoan, sống vào thế kỷ thứ II trước công nguyên. Là nhà quân sự thiên tài, ông đã chinh phục một đế quốc rộng lớn bao gồm Hy Lạp, Tây Á, Ba Tư, một phần Ấn Độ. Các tướng lĩnh của ông đánh nhau dữ dội để giành đất đai ngay sau khi ông chết.

II

NƠI CÓ HAI CÂU THƠ CÓ LẼ LÀ CỦA QUỈ SỨ

Trước khi kể tiếp, cũng nên nhắc lại có chi tiết một chuyện lạ lùng xảy ra ở Môngphecmây cũng dạo ấy, câu chuyện này có lẽ không phải là không ăn khớp với mấy điều phỏng đoán của viện công tố.

Ở vùng Môngphecmây có một điều mê tín từ lâu đời, kỳ thú và quí báu bởi vì một điều mê tín dân gian tồn tại ở gần Pari cũng hiếm có như cây cúc mốc ở Tây-bá-lợi á. Chúng tôi thuộc hạng người qúi trọng tất cả những gì như loại cây hiếm có. Cho nên cái điều mê tín ở Môngphecmây là thế này: Người ta cho là từ đời hồng hoang, qủi sứ đã chọn rừng để giấu của. Những bà cả tin nói quyết rằng nhiều lần người ta bắt gặp lúc hoàng hôn, ở những quãng vắng trong rừng, một người đen đủi, có vẻ là một anh đánh xe tải hay là một anh đốt than, đi guốc, mặc quần áo vải, rất dễ nhận diện vì đầu chẳng có mũ nón gì, chỉ có hai cái sừng dài. Đúng là dấu hiệu đó dễ nhận ra thật. Người ấy thường mải đào lỗ. Gặp vậy, có ba lối thoát. Cách thứ nhất là đến hỏi han người ấy. Bấy giờ sẽ nhận thấy đó chỉ là một nông dân, đen đủi vì lúc ấy trời nhá nhem y không đào lỗ mà chỉ cắt cỏ cho bò; cái tưởng là sừng thì chỉ là một cái chĩa hai để xới phân đeo ở lưng; hai cái răng sắt như từ đầu mọc lên vì nhìn trong bóng tối. Thế là khi về nhà, người ta chết nội trong tuần lễ. Cách thứ hai là cứ quan sát, chờ nó đào xong lỗ, lấp lại và đi khỏi. Bấy giờ hãy chạy nhanh đến lỗ, bới đất lên và cuỗm ngay cái kho của mà con người đen đủi tất phải chôn. Trường hợp này,

người gặp sẽ chết trong tháng. Cách thứ ba là đừng nói năng gì với nó hết, đừng nhìn nó, cứ việc vắt chân lên cổ mà chạy tránh. Như thế thì sẽ chết trong năm.

Vì ba phương pháp đều lưu hại cả cho nên người ta thường chọn cách thứ hai vì ít ra nó cũng mang đến cho vài cái lợi, đặc biệt là cái lợi có một kho của, dù chỉ có tạm trong vòng một tháng. Vì thế, những người bạo gan chỉ thích thử thời vận, nghe nói họ thường bới cái hố của người đen đủi ra và thử đánh cắp quỉ sứ. Hình như kết quả cũng tầm thường thôi. Ít ra, đó cũng là điều mà truyền thuyết khẳng định. Đặc biệt người ta thấy ý nghĩa đó trong hai câu thơ bí ẩn bằng tiếng la-tinh cổ lỗ do một tu sĩ hổ mang kiêm phù thuỷ người xứ Nórmăngđi tên là Tơriphông để lại. Mộ tên Tơri-phông ấy ở tu viện Xanh Giórgiơ Bôsecvin, gần thành Ruăng. Cóc sinh sôi trên mộ ấy.

Người ta hì hục - những hố quỉ chôn của ấy thường sâu lắm - người ta đổ mồ hôi, người ta đào bới, người ta vất vả trọn một đêm - công việc ấy làm vào đêm thôi - người ta làm, ướt cả sơ-mi, hết cả nến, mẻ cả cuốc. Cuối cùng, khi đào đến đáy hố, khi vớt tới "kho của", thì người ta tìm thấy gì? "kho của"quỉ sứ là gì? Một đồng xu, đôi khi một đồng êquy hoặc một hòn đá, một bộ xương người, một xác chết còn chảy máu: có khi đó là một con ma gấp tư như một tờ giấy gấp để trong ví da, cũng có khi không có gì cả. Đó là những cái mà mấy câu thơ của Tơriphông có vẻ báo cho bọn hiếu kỳ tò mò biết:

Nó đào lên và ở dưới hố tối đen, nó giữ những kho tàng.

Tiền đồng, tiền bạc, đá, xác chết, tượng và mọi thứ linh tinh (1).

Ngày nay, hình như cũng có khi người ta tìm thấy hoặc một bọc thuốc súng và đạn, hoặc một cỗ bài cũ vàng ố và nhầy mỡ, chắc chắn là của lũ quỉ dùng để chơi với nhau. Tơriphông không ghi hai vật này, vì lẽ dễ hiểu là Tơriphông sinh sống ở thế kỷ XII, và không có vẻ gì là quỉ sứ đã tài tình phát minh ra thuốc súng trước Rôgie Bacon, bài Tây trước Sáclơ VI.

Cần phải nói thêm là ai đem bài đó ra đánh thì thua tất cả gia tài, còn thuốc súng trong bọc đó, nếu đem bắn thì y như rằng nó làm nổ toác súng vào mặt anh.

Ít lâu sau cái ngày viện công tố tưởng rằng tên phạm nhân Giăng Vangiăng trong mấy ngày trốn thoát ra ngoài, đã lảng vảng ở quanh Môngphecmây, thì người ta để ý đến, ở ngay làng đó, những hành tung bí mật trong rừng của một người phu lục lộ già, tên là Bulatơruyen. Dân làng có nghe nói tên này trước cũng phải tù, bây giờ vẫn bị cảnh sát theo dõi; nhưng vì hắn không tìm ra việc làm, nên nhà nước phải mượn hắn làm phu lục lộ với đồng lương rẻ mạt để hắn trông nom con đường tắt từ Ganhi sang Lanhi.

Cái lão Bulatơruyen ấy không được người địa phương đánh giá tốt. Lão lễ phép quá, khiêm nhường quá, gặp ai cũng giở mũ, đứng trước cảnh sát thì vừa run sợ vừa cười nhăn nhở. Người ta nói lão có chân trong các đảng trộm cướp và nghi lão thường núp rình ở xó rừng vào lúc nhá nhem. Điều duy nhất có thể thanh minh cho lão là lão nghiện rượu.

Đây là những điều người ta cho là đã nhận thấy:

(1) Nguyên văn: Fodit, et in fossa thesauros condit opeca, As, nummos, lapides, cadaver, simulacra, nihilque.

Ít lâu nay, Bulatoruyen nghỉ việc hàng ngày rất sớm và vác cuốc đi vào rừng. Người ta gặp lão vào đêm ở những quãng rừng thưa vắng nhất hoặc rậm rạp nhất, dáng bận tìm kiếm một cái gì, một đôi khi đang đào lỗ. Gặp hắn, lúc đầu các bà tưởng là Bendêbuýt, sau nhận ra là Bulatoruyen thì cũng chả yên tâm hơn chút nào. Những cuộc gặp gỡ ấy có vẻ làm cho hắn ta rất khó chịu. Rõ ràng là lão muốn trốn con mắt thiên hạ và trong hành động của lão có cái gì bí ẩn đây.

Dân làng khảo nhau: "Rõ ràng là quỉ đã hiện. Bulatoruyen đã trông thấy quỉ cho nên hắn sục sạo. Hiển nhiên là hắn mà ôm được cái kho của Chúa quỉ thì coi như mệnh hắn đi đứt". Bọn hoài nghi nói thêm: "Chẳng biết ai lừa ai, Bulatoruyen lừa quỉ hay quỉ lừa Bulatoruyen?" Các bà già thì luôn tay làm dấu thánh giá.

Nhưng rồi Bulatoruyen cũng thôi không vào ra sục sạo trong rừng nữa, và lại làm việc đều đặn. Người ta cũng không bàn tán về việc ấy nữa.

Tuy nhiên cũng còn mấy kẻ tò mò. Họ nghĩ rằng trong chuyện này có lẽ không có những kho của dị thường nói trong truyền thuyết, mà hẳn là một món bở gì thiết thực hơn và đáng giá hơn những giấy bạc của quỉ sứ. Chắc là lão phu chữa đường đã khám phá được một phần điều bí mật đó. Ông Lương sư và anh chủ quán Tênacđiê là những người "băn khoăn" nhất, Tênacđiê thân với tất cả mọi người, kể cả Bulatoruyen. Hắn nói:

- Bulatoruyen đã làm khổ sai trên tàu biển ư? Ối dào! Biết ai đã ở đó, biết ai sẽ đến đó!

Một buổi tối, ông hương sư nói rằng giá ngày trước thì toà án đã điều tra xem Bulatơruyen đi vào làm gì trong rừng ấy và chắc là hắn ta phải khai ra. Nếu cần thì người ta tra khảo và hắn là Bulatơruyen không chịu nổi ngón đòn tàu lặn.

- Thôi thì ta dùng đòn rượu đi - Tênađiê nói.

Thế là họ cố chạy vạy để mời rượu lão phu lục bộ già. Bulatơruyen uống rất nhiều mà nói rất ít. Với một nghệ thuật đáng khâm phục, lão điều hoà sự đói khát của một đứa phàm phu với tính kín đáo của một quan toà, theo một tỉ lệ khoa học. Tuy nhiên, nhờ tấn công ráo riết và đối chiếu, vắt nắn những lời lẽ mập mờ lão buột miệng nói ra, Tênacđiê và ông giáo cũng đoán được những điều sau đây:

Một hôm, sáng tinh mơ, Bulatơruyen đi làm như thường lệ, chợt thấy ở một xó rừng, trong bụi rậm, một cái xẻng và một cái cuốc, hình như có ai giấu ở đấy. Song, hắn nghĩ là có lẽ cái xẻng, cái cuốc ấy là của lão gánh nước thuê Xíchphua, nên cũng chẳng để ý làm gì. Nhưng chiều tối hôm ấy, hắn thấy "một người lạ, không phải là người làng, mà hắn thì hắn biết rõ lắm"; người ấy rẽ từ đường đi sâu vào trong rừng nơi rậm nhất; chắc chắn là người kia không trông thấy hắn, bởi vì có một gốc cây che khuất. Người lạ mặt mang một gói gì vuông vuông hình như là một cái hộp lớn hay một cái hòm nhỏ. Bulatơruyen ngạc nhiên hết sức; mãi bảy, tám phút sau hắn mới nảy ra ý nghĩ theo dõi "kẻ lạ". Nhưng chậm quá rồi; kẻ lạ đã ở trong rừng sâu mà trời lại sập tối, nên theo không kịp. Thế là hắn đành đứng rình ở bìa rừng. Trăng sáng. Hai ba tiếng đồng hồ sau, Bulatơruyen mới thấy kẻ lạ kia từ rừng sâu đi ra, tay xách một xẻng và một cái cuốc chứ không phải cái hòm nhỏ như lúc nãy. Hắn để mặc người kia đi chứ không dám gọi lại hỏi; hắn nghĩ là người ấy đã

khoẻ gấp ba hắn, lại có cuốc trong tay, người kia mà nhận ra được hắn và biết mình đã bị lộ mặt thì thế nào hắn cũng bị đánh chết. Nhưng cái xẻng và cái cuốc đã soi cho hắn một tia ánh sáng: hắn chạy đến chỗ bụi rậm ban sáng thì chẳng thấy cuốc với xẻng đâu cả. Hắn kết luận rằng kẻ lạ vào rừng chỉ là để lấy cuốc đào hố chôn cái hòm và lấy xẻng lấp đi. Cái hòm nhỏ quá, không bỏ vừa một xác chết, vậy chỉ là hòm đựng tiền. Thế là hắn ra công dò tìm. Bulatơruyen sục sạo, thăm dò, chui rúc khắp cả khu rừng, chỗ nào đất có vẻ mới đào lên là hắn xục tới. Nhưng không ăn thua gì.

Hắn chẳng "kiếm" được gì hết. Ở Môngphecmây, không ai nghĩ đến cái chuyện ấy nữa. Chỉ vài mụ lắm mồm miệng có gan nói: "Hãy cứ tin rằng lão phu lục lộ Ganhi ấy chẳng dại hành thân hoại thể như vậy để mà chơi. Chắc chắn là có quỉ sứ hiện".

III

XIỀNG SẮT MÀ ĐẬP MỘT BÚA ĐÃ GÃY TAN THÌ CHẮC ĐÃ CÓ KẺ CHUẨN BỊ BẺ TỪ TRƯỚC

Vào khoảng cuối tháng mười cũng năm 1823 đó, nhân dân thành phố Tulông thấy chiếc tàu biển Ôriông vừa qua một cơn bão táp ngoài biển, cập bến để sửa chữa mấy chỗ hư hỏng. Chiếc tàu này về sau dùng làm tàu huấn luyện thủy quân ở Bơrét, nhưng lúc ấy, tàu thuộc hạm đội Địa-trung-hải.

Chiếc tàu chiến bị sóng giập gió dồi đã trở nên quặt quẹo, nhưng nó vẫn làm cho người ta chú ý. Nó kéo cờ tướng lệnh gì không biết mà được chào bằng mười một phát đại bác nghi lễ và cũng đáp lại với số tương đương

thành ra đã có tất cả là hai mươi hai tiếng đại bác rền lên khi tàu cập bến. Người ta tính ra cứ mỗi ngày đêm, thế giới văn minh bắn mất mười lăm vạn phát thuốc súng đại bác vô ích về những việc chào mừng, những nghi lễ đế vương và quân sự, những trao đổi lễ nghĩa, những hiệu lệnh, những nghi thức nhập cảng, nhập thành, những lễ chào mặt trời mọc, mặt trời lặn ở tất cả các thành trì và chiến hạm, những lễ đóng cửa thành, mở cửa thành và những việc phù phiếm khác. Cứ cho là mỗi phát tiêu tốn sáu phơrăng, thì mỗi ngày có chín mươi vạn, mỗi năm ba trăm triệu thực sự tan thành khói. Một khoản nhỏ nhặt thôi mà! Trong khi đó thì người nghèo cứ chết đói.

Năm 1823 là năm mà nền quân chủ phục hưng gọi là "thời kỳ chiến tranh Tâybannha".

Cuộc chiến tranh ấy gồm nhiều biến cố chứa đựng trong một biến cố duy nhất và vô số những điều đặc biệt. Một việc gia đình lớn trong dòng họ Buôcbông; chi Buôcbông ở Pháp viện trợ và che chở cho chi Buôcbông ở Mađrít, nghĩa là nó thực hiện nghĩa vụ huynh trưởng; một sự phục hồi những truyền thống dân tộc có lẫn khuynh hướng phục tùng và phụ thuộc đường lối của các nội các phương bắc; công tước Ăngguleme, mà các tờ báo tự do mệnh danh là *Người anh hùng Ăngđuygia*, công tước Ăngguleme đang dồn ép chủ nghĩa khủng bố thực sự của nhà thờ, chủ nghĩa khủng bố này xung đột với chủ nghĩa khủng bố huyền ảo của phái tự do, nhưng dáng điệu đắc thắng không hợp với vẻ mặt hiền hoà của công tước; những người cộng hoà phục sinh dưới danh hiệu *đêcamixađô* khiến cho những bà quả phụ hưởng quyền thừa kế đâm ra lo sợ; chủ nghĩa quân quyền coi sự tiến

hoá là hỗn loạn và ngăn trở nó: những nguyên lý của cách mạng 89 bị gián đoạn đột ngột trong cơn bão táp; châu Âu hô "Họ!" với tư tưởng Pháp đang chạy vòng quanh quả đất; bên cạnh đại tướng tổng tư lệnh người Pháp, hoàng thân Carinhăng, sau này là Sáclơ Anbe, đầu quân trong đạo thập tự viễn chính của vua chúa chống nhân dân các nước, dưới danh nghĩa là một lính pháo thủ tình nguyện, ngù vai bằng len đỏ; lính của hoàng đế lại ra trận sau tám năm nghỉ ngơi, nhưng bây giờ già cả, buồn bực, chiến đấu dưới cờ hiệu trắng; cờ tam tài thì bây giờ chỉ có một dúm nhỏ người Pháp anh dũng nhất ở nước ngoài, cũng như cờ trắng ở Côblăng ba mươi năm trước; tu sĩ chen lẫn trong binh lính ta; tư tưởng tự do và tân tiến bị lưỡi lê khuất phục; nguyên tắc bị đạn đại bác vùi giập; nước Pháp dùng vũ khí huỷ hoại những gì nó đã xây dựng bằng tư tưởng. Ngoài ra còn có sự mua chuộc những tướng lĩnh phía thù, sự do dự của binh lính, những thành phố bị vây hãm bằng tiền ức bạc triệu. Không có những hiểm hoạ chiến trường nhưng cũng có những vụ bùng nổ, như trong hầm mỏ; ít đổ máu, ít vinh dự, nhục nhã cho vài người và không vinh quang cho ai cả. Đó, cái trận chiến tranh do các vua chúa cháu chắt của Lui XIV gây nên, và các tướng lĩnh mà Napôlêông đào tạo tiến hành. Buồn làm sao! Nó không khiến cho người ta nghĩ đến những cuộc chiến lớn hay những sự kiện chính trị lớn.

Cũng có đôi chiến tích quan trọng. Chẳng hạn việc hạ Trôcađêrô là một chiến công xuất sắc. Nhưng chung quy, chúng tôi lặp lại, những loa, còng của cuộc chiến tranh này nghe như có tiếng rạn. Toàn cuộc có cái gì đáng ngờ, nước Pháp nuốt có phần nghẹn ngào cuộc chiến thắng

giả này và lịch sử cũng đồng tình vậy. Hình như một số chỉ huy Tây-ban-nha có nhiệm vụ kháng chiến đã chịu thua một cách quá dễ dàng, cho nên khái niệm mua bán cứ phảng phất trong danh từ chiến thắng. Hình như người ta đã mua được hơn là đánh được các tướng lĩnh bên thù. Giờ khải hoàn mà người lính chiến thắng lại cảm thấy bị nhục. Đúng là một chiến tranh làm bé mình đi, một cuộc chiến tranh mà trong những nếp của quân kỳ, người ta đọc thấy chữ *Ngân hàng Pháp quốc.*

Nhiều cựu binh năm 1808, mà thân xác xuýt bị vùi trong cảnh sụp đổ dữ dội của thành Xaragôtxơ, đã cau mày trước những thành trì dễ dàng mở cửa cho họ vào năm 1823. Họ đâm ra, tiếc rẻ Palaphôtx. Cái tính khí Pháp là như vậy; thà đối địch với Rôtxtôpkin (1) chứ không thiết có kẻ thù là Banlexterotx.

Còn có một điểm quan trọng hơn mà chúng ta cũng cần phải chú ý. Cuộc chiến tranh ấy, đã làm tổn thương tinh thần thượng võ nước Pháp còn bôi nhọ tinh thần dân chủ. Đó là một công cuộc nô dịch hóa người ta. Người lính Pháp, do chế độ dân chủ đẻ ra, thế mà mục tiêu của họ trong trận này là giành cho được một cái ách cho vai cổ nhân dân một nước khác. Một phản nghĩa ghê tởm! Nước Pháp sinh ra để thức tỉnh các dân tộc chứ không phải để bóp nghẹt họ. Từ năm 1792, tất cả những cuộc cách mạng ở châu Âu đều là cách mạng Pháp. Tự do toả sáng từ Pháp. Đó là một hiện tượng nhật quang. Chỉ có kẻ mù mới không nhìn thấy! Chính Bô-napac đã nói điều đó.

Chiến tranh 1823 là một xúc phạm đối với dân tộc

(1) Rostopkine: tổng đốc thành Mạc tư khoa, đã đốt cháy thành phố để cho đội quân xâm lược của Napôlêông bị đói, rét (1812).

Tây-ban-nha hào hiệp, cũng đồng thời là một xúc phạm đối với cách mạng Pháp. Vụ hành hung quái gở và to tát ấy chính là do nước Pháp làm ra. Bằng bạo lực. Bởi vì trừ những cuộc chiến tranh giải phóng, thì những gì quân đội làm, họ đều làm bằng bạo lực. Danh từ *Phục tùng thụ động* chứng tỏ điều đó. Một đạo quân là một công trình tổ hợp kỳ quặc và tuyệt diệu trong đó sức mạnh nảy sinh từ một tổng số những bất lực. Đó là sự giải thích về chiến tranh, do nhân loại tiến hành chống nhân loại, bất chấp nhân loại.

Về phần dòng họ Buốcbông thì chiến tranh 1823 đã làm hại họ. Họ tưởng đó là một thắng lợi. Họ có thấy đâu sự nguy hiểm gây ra do dùng mệnh lệnh mà giết tư tưởng. Họ ngây thơ đến độ đem sự suy yếu lớn do tội ác gây nên làm nhân tố hùng mạnh của chế độ. Tư tưởng đánh úp len vào đường lối chính trị. 1830 nảy mầm ở 1823. Trong các hội nghị của họ, chiến dịch Tây-ban-nha trở thành một luận cứ để bảo vệ những bạo hành và những cuộc hành quân vì quyền vị thiêng liêng. Nước Pháp đã phục hồi nhà vua (1) ở Tây ban nha, thì cũng có thể phục hồi nền quân chủ chuyên chế ở nước mình. Dòng họ Buôcbông phạm một sai lầm ghê ghớm là lẫn lộn sự phục tùng của người lính với sự đồng ý của quốc gia. Tin tưởng như vậy thì mất ngôi dễ như chơi. Không nên ngủ dưới bóng cây Măngxơniliê (2) cũng như dưới bóng quân đội.

Chúng ta hãy trở lại với chiếc tàu Ôriông.

Trong những chiến dịch do hoàng thân tổng tư lệnh chỉ huy có một hạm đội tuần hành trong Địa trung hải.

(1) Nguyên văn: *el rey neto*

(2) Nguyên văn: *mancenillier*; một loại cây có quả độc và nhựa độc đến nỗi người ta tin rằng ngủ dưới bóng nó cũng đủ chết.

Chúng ta đã nói chiến hạm Ôriông ở trong hạm đội ấy và nó chạy vào cảng Tulông là do bão biển làm hư hỏng.

Chiến hạm mà vào đỗ ở cảng thì quần chúng kéo đến xem và mải miết với nó. Bởi vì nó lớn mà quần chúng thì thích cái lớn.

Một đại chiến hạm là sự phối hợp kỳ diệu của thiên tài con người với sức mạnh hùng hậu của thiên nhiên.

Một đại chiến hạm là sự hợp nhất của cái gì nặng nhất với cái gì nhẹ nhất bởi vì nó quan hệ song song với ba hình thái của vật chất: thể rắn, thể lỏng và thể hơi và đồng thời phải đối phó với ba hình thái ấy. Nó có mười một bộ vuốt sắt để bám đá dưới đáy biển và còn có nhiều cánh, nhiều râu hơn loại bọ để hứng gió trên tầng mây. Hơi thở của nó thoát ra từ một trăm hai mươi họng đại bác, như từ những cái kèn khổng lồ và dõng dạc trả lời cho sấm sét. Đại dương muốn cho nó lạc lẻo trên mặt nước với ngàn vạn đợt sóng giống nhau kinh khủng, nhưng nó có một linh hồn, đó là cái la bàn để hướng dẫn và luôn chỉ hướng Bắc cho nó. Trong những đêm tối, đèn hiệu của nó thay thế sao trời. Như thế là chống với gió, tàu có dây và vải, chống với nước thì có gỗ, với đá thì có sắt, đồng và chì, chống với bóng tối, có ánh đèn, chống với mênh mông, có một cái kim.

Ai muốn có một ý niệm về những kích thước khổng lồ làm nên một đại chiến hạm thì hãy vào trong một thân tàu sáu tầng được che đậy ở cảng Bơretx hoặc cảng Tulông. Chiến hạm được đóng ở đấy có thể nói là đang đặt trong một cái chuông. Chiếc đòn khổng lồ này là một trục buồm: cái trụ gỗ to tướng nằm dưới đất dài như vô tận ấy

là cái cột buồm cái. Nếu tính từ gốc ở đáy tàu lên tận đỉnh chót vót trên mây, thì cột buồm cao ngót một trăm hai mươi mét, đường kính ở gốc là một mét. Cột buồm cái Ăng-lê ngất ngưởng bảy mươi mét trên mặt nước. Hải quân của ông cha ta dùng dây cáp, hải quân ngày nay dùng xích sắt. Riêng đống xích của một hạm trang bị một trăm đại bác đã cao một mét tư, rộng bảy mét, sâu hai mét rưỡi. Cần bao nhiêu gỗ để đóng chiếc tàu ấy? Ba nghìn mét khối. Cả một khu rừng nổi.

Nên chú ý đây là mới nói đến chiếc tàu chiến bốn mươi năm về trước, tức là chiếc tàu buồm. Lúc bấy giờ hơi nước còn đang ở bước đầu. Từ ấy đến nay hơi nước đã đưa thêm vào chiếc tàu chiến tuyệt với nhiều điều kỳ diệu mới. Chẳng hạn, hiện nay chiếc tàu chân vịt hỗn hợp là một cỗ máy lạ lùng chịu sức đẩy đưa của một bộ buồm rộng tổng cộng ba nghìn mét vuông và một nồi hơi mạnh hai nghìn năm trăm ngựa.

Không nói đến những kỳ quan mới ấy, chiếc tàu của Cơrixtôphơ Côlông và Ruyle xưa kia cũng đã là một kiệt tác vĩ đại của loài người. Sức mạnh của nó vô tận cũng như gió trong cõi vô biên. Nó chứa gió trong buồm, nó tiến tới chính xác trên những giàn sóng dàn trải bao la, nó bềnh bồng nhưng nó ngự trị.

Tuy nhiên, có một giờ phút nào đó bão tố bẻ gãy cái trục buồm hai mươi mét đó như một cọng rạ, gió uốn cong như một cây lau cái cuột buồm một trăm hai mươi mét, chiếc neo một vạn cân gập cong trong họng súng cũng như cái lưỡi câu trong mồm con cá quả, những cỗ đại bác

khổng lồ gầm lên thảm thương vô ích, tiếng gào thét cứ theo gió biệt tăm vào đêm tối và khoảng không, tất cả sức mạnh và oai hùng của con tàu trong giờ phút ấy bị huỷ hoại bởi một sức mạnh và oai hùng cao hơn.

Khi một sức mạnh vô tận triển khai để đi đến một sự suy yếu vô cùng, nó thường bắt con người phải suy nghĩ. Do đó mà có sự tụ tập của những người tò mò quanh những công cụ chiến tranh và hàng hải ấy, tuy họ không hiểu thật rõ ràng họ đến vì lẽ gì.

Ngày nào cũng vậy, từ sớm đến chiều, các đê, các bờ bến đều chật ních những kẻ vô công rồi nghề, những người lêu lổng - như ở Pari người ta gọi - họ chỉ có mỗi một việc là đến xem chiếc tàu Ôriông.

Tàu Ôriông là một chiếc tàu bệnh hoạn từ lâu. Trong những hành trình trước đây, nhiều lớp hà dày cộm đã bám lên vỏ tàu, đến nỗi làm mất một nửa tốc độ. Năm trước, người ta đã kéo tàu lên cạn để cạy hà, sau đó cho đi biển lại. Nhưng việc cạy hà cũng làm thương tổn đến hệ bù-loong ở vỏ tàu. Đến ngang quần đảo Balêa, sườn tàu mỏi mệt đã long lở thời bấy giờ, vỏ tàu chưa được bọc bằng tôn cho nên nước đã lọt vào. Một cơn gió mạnh tiết thu phân thổi đến đã làm vỡ mũi tàu bên trái cùng với một cửa sổ và làm hư hại bộ dây buồm mũi. Sau những hư hại đó, tàu Ôriông trở về Tulông.

Tàu bỏ neo ở gần Binh công xưởng thuỷ quân. Tàu đang trang bị và được đem chữa. Vỏ tàu về phía bên phải không có chỗ nào hỏng, nhưng theo lệ thường người ta tháo mấy cái nẹp sắt ra để lùa không khí vào trong sườn tàu.

Một buổi sáng, đám người đi xem tàu được chứng kiến một tai nạn.

Bọn thuỷ thủ đang buộc buồm vào trục. Bỗng người thuỷ thủ phụ trách cầm mép buồm vuông bên hữu mất thăng bằng. Anh ta lảo đảo. Đám người tụ tập ở bến Binh công xưởng hét lên một tiếng. Anh ta lộn cổ xuống, quay một vòng quanh trục buồm, tay buông thõng xuống vực thẳm. Anh ta vội giơ một tay, rồi hai tay nắm được cái bậc thang giả và cứ thế người treo lủng lẳng. Bên dưới anh ta là biển sâu thăm thẳm. Cái bậc thang giả bị và mạnh, đu đưa như một cái đu. Người ấy cứ lủng lẳng đưa đi đưa lại ở đầu dây, chẳng khác gì hòn đá ở cái dây bắn đá.

Trèo lên để cứu anh ta là một việc nguy hiểm ghê người. Bọn thuỷ thủ toàn là dân chài mới tuyển mộ, thế mà không một người nào dám mạo hiểm. Lúc ấy, người thủy thủ bất hạnh đã mệt mỏi lắm; tuy không thấy được nét mặt khiếp đảm của anh ta, nhưng cứ trông cái chân, cái tay cũng biết là anh ta đã kiệt sức. Hai cánh tay bị kéo căng thẳng ghê gớm. Mà mỗi lần cố co tay leo lên thì cái bậc thang lại đu mạnh thêm. Anh ta không kêu, sợ mất sức. Ai cũng chỉ còn chờ cái giây phút anh phải buông tay và chốc chốc người ta ngoảnh mặt đi để khỏi phải trông thấy cảnh tượng anh rơi xuống. Có những lúc một mẩu dây thừng, một con sào, một cành cây là cả sự sống, cho nên thật là khủng khiếp phải trông một sinh mệnh từ đấy rơi xuống như một quả chín muồi.

Bỗng thấy một người leo lên cái dây gò cột buồm, nhanh thoăn thoắt như một con mèo rừng. Người ấy mặc quần áo đỏ, vậy ra là một tên tù khổ sai, hắn lại đội một

cái mũ vải xanh, vậy ra là một tên tù chung thân. Hắn leo đến tầng trên cột buồm thì gió đánh bạt chiếc mũ, để lộ một cái đầu bạc phơ; vậy ra không phải là một thanh niên.

Đúng thế, một tên tù khổ sai, cùng làm trên tàu với cả bọn tù nhân, ngay từ phút đầu đã chạy đến chỗ viên sĩ quan trực nhật, xin phép được liều mình cứu anh thuỷ thủ, giữa lúc mọi người luống cuống chưa biết làm thế nào, giữa lúc mọi thuỷ thủ đều run sợ và chịu bó tay. Viên sĩ quan vừa gật đầu thì người ấy lấy búa đập một nhát gãy ngay chiếc xiềng xích chân rồi vơ lấy một cuộn thừng và leo lên dây buồm. Lúc ấy, chẳng ai để ý xem tại sao chiếc xiềng lại dễ gẫy thế. Mãi sau người ta mới nghĩ đến chuyện ấy.

Trong nháy mắt, người ấy đã lên đến tận trục buồm. Hắn dừng lại vài giây, hình như để lấy mắt ước lượng dài ngắn thế nào. Trong lúc thân người thuỷ thủ treo lủng lẳng ở đầu dây, gió đưa đi đưa lại, thì vài giây đồng hồ ấy, người đứng nhìn ở dưới thấy lâu như hàng mấy thế kỷ. Sau cùng, hắn ngước mắt nhìn trời rồi bước lên một bước. Ai nấy đều thở phào. Rồi thấy hắn chạy trên trục. Đến đầu trục. Đến đầu trục, hắn lấy ra cuộn thừng đem theo lúc nãy, buộc một đầu vào trục và thả đầu kia xuống; hắn lấy tay bám dây thừng tụt xuống; thật là vô cùng khủng khiếp, vì bây giờ không phải chỉ có một người treo lơ lửng trên vực thẳm nữa, mà là hai người.

Trông hệt như một con nhện sắp bắt một con ruồi, nhưng đây là con nhện mang lại cái sống chứ không phải cái chết. Hàng vạn con mắt chăm chăm nhìn hai người đó. Không một tiếng kêu, không một lời nói, cơn hồi hộp

chung khiến họ nhíu cả lông mày lại. Ai nấy đều nín thở, tưởng như sợ rằng hơi thở ở miệng mình góp thêm sức cho gió đu đưa hai kẻ khốn cùng.

Thế nhưng, tên tù cũng lần được xuống tới gần người thuỷ thủ. Vừa kịp! Giá chậm một phút thì người kia kiệt sức và tuyệt vọng sẽ buông tay cho rơi người xuống vực. Tên tù một tay bám dây thừng, một tay lấy thừng buộc chặt người kia lại. Rồi người ta thấy hắn leo lên trục, kéo cả người thuỷ thủ lên và đặt anh ta ở đó; hắn nâng đỡ anh ta một lát để anh ta lấy lại sức, xong lại cắp lấy anh ta mà mang từ đầu trục đến chốt cột buồm, rồi lại từ chốt cột buồm đến tận chỗ sàn tầng trên; bấy giờ hắn mới giao anh thuỷ thủ cho các bạn anh.

Công chúng vỗ tay vang dậy; có những anh lính già coi tù ứa nước mắt trên bến, các bà ôm lấy nhau mà hôn. Muôn miệng nhất loạt thét to, tiếng thét vừa dữ dội vừa xúc động: "Ân xá cho người ấy!".

Tên khổ sai lúc ấy vội vã xuống ngay để trở về với công việc khổ dịch. Hắn bám vào dây buồm tụt xuống cho nhanh, rồi chạy trên cái trục dưới. Bao nhiêu con mắt đều nhìn theo hắn. Đến một lúc, mọi người sợ hãi thấy hắn ngập ngừng rồi lảo đảo: Chắc là hắn mệt quả hoặc choáng váng. Bỗng mọi người kêu thét lên: hắn vừa rơi xuống biển!

Tên tù khổ sai xấu số rơi vào một chỗ quá nguy hiểm. Hắn lọt xuống giữa hai chiếc tàu chiến: tàu Ôriông và tà Angiêdira đậu cạnh nhau. Chỉ sợ hắn ngụp xuống dưới bụng của một trong hai chiếc tàu. Bốn người vội vàng nhảy xuống một chiếc xuồng. Dân chúng cổ vũ họ. Sự hồi hộp lo âu lại trở về. Không thấy hắn nổi lên mặt nước.

Hắn chìm xuống biển như rơi xuống một thùng dầu, không một vết sóng gợn. Người ta thăm dò, người ta lặn kiếm. Vô hiệu. Tìm mãi đến tối cũng không thấy xác hắn.

Hôm sau tờ nhật báo Tulông đăng mấy dòng sau đây: "17 tháng mười một 1823 - Hôm qua, một tên tù làm việc khổ dịch trên tàu Ôriông, sau khi cứu được một thuỷ thủ, đã ngã xuống biển chết đuối. Không tìm thấy xác hắn. Người ta đồn rằng hắn bị mắc vào hàng cọc ở chỗ mỏm gần Bình công xưởng. Tên tù ấy số 9.430, tên là Giăng Vangiăng".

QUYỂN III

GIỮ LỜI HỨA VỚI NGƯỜI ĐÃ KHUẤT

I

VẤN ĐỀ NƯỚC ĂN TẠI MÔNGPHECMÂY

MÔNGPHECMÂY ở vào giữa Livơri và Senlơ, bên rìa phía nam cao nguyên ngăn đôi triền sông Uốc và sông Mácnơ. Ngày nay Môngphecmây là một thị trấn khá lớn; những biệt thự bằng đá trắng tô điểm cho thị trấn quanh năm và cứ ngày chủ nhật thì nó lại được điểm tô thêm bằng những ông thị dân mặt mày nở nang rạng rỡ. Nhưng năm 1823 thì Môngphecmây làm gì có nhiều nhà trắng xoá như thế, nhiều kẻ sung sướng như thế! Nơi ấy hồi đó chỉ là một cái làng miền rừng. Rải rác cũng có dăm ba biệt thự xây từ thế kỷ trước, nhờ vẻ đường bệ mà dễ nhận ra, có bao lớn bằng sắt uốn, có cửa sổ cao lấp lánh những miếng kính đủ các màu xanh trên nền trắng của những cửa đóng gỗ đóng im ỉm. Tuy vậy Môngphecmây cũng không hơn gì một thôn xóm. Những tay buôn len dạ về vườn và những thày cò thày kiện đi nghỉ mát chưa tìm ra nơi này. Đây là một khu tĩnh mịch và xinh xắn, không nằm trên con đường nào hết. Đời sống quê mùa, dễ dàng,

có đủ thứ và rất rẻ. Chỉ có khoản nước là khan hiếm, vì là đồi cao.

Phải đi khá xa mới kiếm được nước. Đầu làng về phía Ganhi thì lấy nước ở các hồ ao rất đẹp trong rừng. Cuối làng, mấy xóm quanh nhà thờ, về phía Senlơ, phải xuống tận lưng chừng đồi, gần đường cái, đi mất khoảng mười lăm phút, mới có một con suối nhỏ có nước ăn.

Vì vậy, nhà nào cũng thấy việc đi lấy nước là một công việc khó nhọc. Những nhà giàu có, những nhà quí phái, quán hàng Tênacđiê cũng trong số ấy, phải thuê gánh nước, cứ mỗi thùng một đồng lia; lão gánh nước thuê cho các nhà ở Môngphecmây mỗi ngày kiếm được tám xu; nhưng về mùa hạ, lão chỉ làm đến bảy giờ, về mùa đông thì đến năm giờ, cho nên lúc trời đã tối, cửa ngõ mọi nhà đã đóng, nhà lão hết nước phải tự đi lấy hoặc nhịn uống đến hôm sau.

Con bé Côdét rất sợ cái nạn ấy, chắc độc giả chưa quên con bé đáng thương. Vợ chồng Tênacđiê nuôi con Côdét được hai cái lợi, mẹ thì trả tiền, con thì hầu hạ chúng nó. Đến khi mẹ nó không có tiền trả nữa, vì có gì đã nói ở các chương trên, vợ chồng Tênacđiê vẫn giữ đứa bé; nó làm thay đứa ở. Vì là đứa ở nên khi cần thì nó phải đi lấy nước. Hễ nghĩ đến việc đi lấy nước ban đêm là nó khiếp sợ, nên không bao giờ nó dám để trong nhà phải thiếu nước.

Ngày lễ Giáng sinh năm 1823 ở Môngphecmây đặc biệt vui vẻ. Đầu mùa đông, tiết trời dễ chịu, chưa có hôm nào đóng băng hay mưa tuyết. Đám phường trò ở Pari đã được phép ông thị trưởng cho cất rạp ở ngay phố chính trong làng. Bọn bán hàng rong cũng tha hồ được dựng

quán ở sân nhà thờ và đến tận cả ngõ Hàng Bánh; chắc độc giả còn nhớ ngôi hàng của vợ chồng Tênacđiê cũng ở ngõ này. Quán ăn, quán rượu chật ních. Những khách hàng; cái làng thường ngày. tĩnh mịch này bỗng trở thành ồn ào, vui vẻ. Để làm một sử gia trung thành, chúng tôi cần phải nói là trong mọi cái lạ tai lạ mắt phô bày giữa thiên hạ, còn có một gánh xiếc thú rong mà những diễn viên là những người bẩn thỉu, rách rưới, không biết từ đâu lại. Từ năm 1823, họ đã trưng bày cho nông dân Môngphecmây xem một con kên kên Braxin khủng khiếp mà viện sinh vật hoàng gia của chúng ta mãi đến 1845 mới có. Loại kên kên này có con mắt màu cờ tam tài. Hình như các nhà sinh vật học gọi con chim đó là Caracara Pôlybôruýtx, loại ăn thịt, giống kên kên. Một vài cựu binh chất phác thuộc.phái thân Bônapac đến chiêm ngưỡng con vật ấy một cách tín mộ. Bọn làm xiếc thì khoa trương cái màu cờ trong con mắt chim đó là một hiện tượng hãn hữu mà Chúa nhân từ bày ra để giúp đỡ gánh xiếc của họ.

Đêm lễ Giáng sinh, vô số người, nào phu đánh xe, nào phu tải vào hàng Tênacđiê ăn ăn uống uống, xúm quanh bốn hay năm ngọn nến ở gian phòng tầng dưới. Gian phòng này cũng giống như ở mọi quán rượu khác, lủng củng những bàn, những hũ rượu bằng thiếc, những chai lọ, những người uống rượu, người hút thuốc lá. Ánh sáng thì ít mà tiếng ồn ào thì nhiều. Hai vật thời thượng của tầng lớp thị dân nằm trên một chiếc bàn, chứng tỏ rõ ràng chúng ta đang ở năm 1823: đó là một ống kính vạn hoa và một cây đèn sắt tây màu gợn sóng. Mụ Tênacđiê đang chăm nom các món ăn xèo xèo trên lò lửa cháy đượm; lão chồng uống rượu và nói chuyện thời thế với khách hàng.

Ngoài các câu chuyện thời sự mà những chủ đề chính là chiến tranh Tây-ban-nha và công tước Ăngguylem, trong tiếng ồn ào chung, người ta nghe đây đó những mẩu chuyện địa phương đại loại: "Vùng Năng-te và Xuyrên nho được rượu quá, cứ dự tính mười thùng thì được những mười hai. Cho vào bàn ép mới thấy nho lắm nước. - Như thế là nho chưa chín chăng? - Ở vùng ấy không ai chờ nho chín mới hái, nếu cất rượu bằng nho chín thì rượu bị lềnh ngay vào xuân. - Thế là rượu tiểu thủ công, rượu địa phương? - Còn địa phương hơn ở đây nữa. Phải hái nho xanh" v.v...

Có lúc một anh thợ xay thét:

- Làm sao đổ tội được cho chúng tôi về những gì nằm trong các bao lúa? Chúng tôi tìm thấy cả một xứ những hạt kia hạt nọ, hơi sức đâu mà nhặt, cho nên cứ phải để vậy mà đổ vào cối. Nào là cỏ kiệu, cỏ gấu, cỏ may, cỏ chỉ, cỏ mật, lùng, nàn nàn và khối những vị khác, không kể những hòn cuội nhan nhản trong lúa một đôi vùng, đặc biệt là vùng Brơtanhơ. Tôi chẳng hứng mấy tí khi xay lúa Brơtanhơ, cũng như bọn thợ cưa không thích xẻ những khúc gỗ có đanh. Cứ thử nghiệm xem cái bụi đá ấy mà trộn lẫn trong bột thì còn ra gì. Rồi thì người ta kêu bột thế nọ, bột thế kia. Họ nói bậy suốt. Chúng tôi chẳng có lỗi gì nếu bột xấu.

Ở khoảng cách giữa hai cửa sổ, một anh cắt cỏ ngồi uống rượu với một điền chủ. Người điền chủ đang mặc cả giá cắt một đám cỏ cần tiến hành vào xuân. Anh cắt cỏ bảo: "Cỏ ướt cũng không sao. Càng dễ cắt. Sương là tốt đấy, ông chủ ạ. Bù vào cái cỏ ấy, cỏ của ông non khó xơi lắm: nó mềm quá, cứ oằn xuống tránh lưỡi hái" v.v..

Con Côdét vẫn ở chỗ thường ngày, nó ngồi trên cái thang ngang dưới gầm bàn bếp, kê cạnh lò sưởi. Quần áo

nó rách tả tơi; chân không bít tất xỏ một đôi guốc gỗ; bên ánh lửa lờ mờ, nó đang đan bít tất len dành cho mấy đứa con nhà Tênacđiê. Một chú mèo con đùa giỡn dưới gầm ghế, có tiếng mấy đứa trẻ, con Êpônin và con Adenma, cười nói bi bô ở gian bên.

Ở góc bệ sưởi, có cái roi da treo vào một chiếc đanh. Thỉnh thoảng lại có tiếng một đứa rất bé đặt nằm. Chỗ nào không biết khóc thét lên giữa cảnh ồn ào trong quán. Mụ Tênacđiê đẻ thằng bé này vào một mùa đông trước; mụ thường bảo "không biết tại sao lại đẻ ra nó, chắc là tại trời rét" - thằng bé đã được hơn ba tuổi. Mẹ nó vẫn nuôi nó, nhưng không ưa. Khi thằng bé kêu khóc dữ qúa, làm mọi người khó chịu, thằng chồng mới bảo mụ vợ: "Thằng nhãi lại oe oé kia, xem nó đòi gì". Con mụ đáp : " Chào! Bực cả mình với thằng ranh". Đứa bé bị bỏ mặc vẫn la khóc trong bóng tối.

II

HOÀN THÀNH HAI BỨC CHÂN DUNG

Trên đây ta mới được biết chân dung vợ chồng Tênacđiê nhìn nghiêng; đã đến lúc cần đi quanh đôi vợ chồng này để thấy đủ mọi mặt.

Thằng chồng vừa mới chẵn năm mươi tuổi; con vợ thì gần bốn mươi, nhưng là đàn bà, kể cũng như năm mươi; như thế là vợ chồng vừa tuổi nhau.

Chắc độc giả còn nhớ cái bóng dáng đầu tiên của mụ Tênacđiê: mụ cao lớn, tóc vàng, da đỏ, béo nung núc những thịt, vuông người, phục phịch mà nhanh nhẹn; như chúng tôi đã nói, mụ thuộc cái hạng nữ khổng lồ man rợ ở các phiên chợ, tóc đeo nhiều tảng đá, đứng tấn cho người

ta xem. Mụ làm mọi việc trong nhà: dọn giường, lau buồng, giặt giũ, bếp nước, làm mưa làm gió, tác yêu tác quái. Trong nhà chỉ có mỗi một con ở là con Côdét. Rõ ràng một con chuột nhắt hầu một con voi. Tiếng mụ nói làm rung cả cửa kính, đồ đạc và làm mọi người run lên. Cái mặt phèn phẹt đầy những chấm đỏ, trông như cái môi hót canh. Mụ có râu. Rõ là một anh phu khuân vác đầu chợ, mặc quần áo đàn bà. Mụ chửi rủa ra tuồng; mụ khoe chỉ đấm một cái là vỡ tan quả hạnh đào. Giả sử không có những cuốn tiểu thuyết mụ đã được đọc, thỉnh thoảng lại làm hiện ra một cách kỳ quái bóng dáng cô ả mỹ miều trong cái lốt con quỉ cái, thì không bao giờ ai có ý nghĩ gọi mụ là một người đàn bà. Mụ giống như một tiểu thư ghép vào một mụ hàng tôm hàng cá. Nghe tiếng mụ nói, người ta bảo: một tên sen đầm; nhìn mụ uống, người ta bảo: một bác phu xe bò; thấy mụ hành hạ con Côdét, người ta bảo: một tay đao phủ. Lúc mụ nghỉ ngơi, vẫn thấy sát khí đằng đằng!

Thằng cha Tênacđiê người bé nhỏ, gầy gò, xanh xao, góc cạnh, xương xương, khẳng kheo, trông như ốm thế mà mạnh khỏe ra dáng; nó xảo trá ngay từ hình dáng. Nó quen mỉm cười để đề phòng; nó hầu như lễ phép với hết thảy mọi người với cả đứa ăn mày mà nó không thí cho được một đồng lia. Mắt nó như mắt giống cầy nhưng vẻ mặt nó là vẻ mặt một nhà văn. Trông nó, giống như các bức chân dung của ông thầy tu Đơlin. Chỗ hãnh diện của nó là ngồi uống rượu với bọn phu tải. Chưa ai làm cho nó uống đến say bao giờ; nó hút một cái tẩu to tướng. Nó mặc áo choàng ngoài một bộ quần áo đen đã cũ. Nó sính nói văn chương và duy vật luận. Lúc nó nói cái gì ra vẻ quan trọng, nó thường kể nào là Vônte, là Raynan, là Pácni, và

có cái lạ là cả Thánh Ôguytxtanh nữa. Nó tự xưng có "một học thuyết". Học thuyết của quân kẻ cắp. Đúng là một nhà "đạo tặc-đạo", một danh từ có ý nghĩa riêng (1). Ta còn nhớ nó khỏe đã từng đi lính; nó kể lể không dè sẻn là ở trận Oateclô, nó đóng đội trong đạo khinh kỵ thứ sáu hay thứ chín gì đó, một mình nó đương đầu với cả một tiểu đoàn kỵ binh quyết tử và đã lấy thân che kín và cứu sống "một vị tướng bị trọng thương" giữa mưa đạn. Do câu chuyện ấy mới có cái biển loè loẹt treo trên tường và trong làng ai cũng gọi quán ăn của nó là "quán đội trưởng Oateclô". Nó tự nhận thuộc phái tự do, cổ điển và đế chính. Nó đã quyên tiền lập Phế binh viện. Dân làng đồn rằng nó đã từng đi học để làm cố đạo.

Chúng tôi thì nghĩ rằng nó chỉ có học cái nghề bán hàng cơm ở Hà-lan. Có lẽ đúng là loại tứ chiếng ấy: ở xứ Phơlăngđrơ thì nó là người Phơlăngđrơ của thành phố Lilơ, ở Pari thì là người Pháp, ở Bơruxen thì là người Bỉ, hai chân ở hai biên giới, khai vào chỗ nào cũng tiện. Nó dũng cảm ở Oateclô như thế nào thì ta đã biết rồi. Đấy, nó phóng đại ra một chút như thế. Đời nó khúc khuỷu, phiêu lưu, lúc lên voi lúc xuống chó; lương tâm đã rách nát thì cuộc đời cũng chắp vá thôi; hình như trong cái thời gian bão táp ngày 18 tháng sáu 1815, Tênacđiê thuộc vào loại những kẻ vừa làm nghề bán căngtin vừa ăn cắp trong quân đội, như đã nói ở trên; chúng đi đến đâu là sục sạo đến đấy, bán hàng cho người này, đánh cắp của kẻ kia, cả bầu đoàn thê tử trên một chiếc xe lăn khắp khểnh theo

(1) Nguyên văn "*Un filousophe*" (*filou*: tên trộm cắp; *sophe*: người có lý thuyết, có khoa học) một danh từ tác giả mới tạo, phỏng âm danh từ *philosophe* (nhà triết học) để nói đây là một tay trộm cắp có lý luận.

các cuộc hành quân, dựa vào bản năng để bao giờ cũng theo bên thắng. Sau chuyến đó, sẵn có ít "vốn" (1) nó bèn về mở quán hàng ăn ở Môngphecmây.

Cái vốn ấy là những túi tiền, đồng hồ, nhẫn vàng, huy chương bạc gặt được trong vụ mùa trên những luống cày gieo bằng xác chết; cái vốn ấy chẳng to gì nên tên bán hàng trong quân đội ấy lúc trở về mở cái quán tồi tàn này chứ cũng chẳng làm nên trò trống gì hơn. Cứ chỉ Tênacđiê mang một nếp cứng rắn riêng. Nếp cứng rắn ấy cộng với thói quen nguyền rủa là nếp của trại lính, cộng với dấu chữ thập, là nếp của nhà tu. Nó ăn nói hoạt bát. Nó để cho người ta đồn rằng nó học thông. Tuy vậy thầy giáo làng vẫn thấy nó "hớ" luôn. Nó kê hóa đơn cho khách hàng một cách rất thạo. Nhưng người tinh ý nom vào thì thấy có lỗi chính tả. Tênacđiê là đứa thâm hiểm, háu ăn, la cà, lanh lợi. Nó chẳng từ con sen con ở, nên mụ vợ không mượn người giúp việc nữa. Con voi nan ấy mà ghen tuông. Mụ tưởng như tất cả đàn bà con gái ai cũng muốn chim cái lão bé choắt, còm nhom, vàng ễnh đó.

Nổi bật hơn hết, Tênacđiê là một thằng lưu manh thuộc loại ôn hòa, nó là một đứa giảo hoạt và tỉnh táo. Loại này mới thật là nguy hiểm nhất: đã lưu manh, lại đạo đức giả.

Không phải là có lúc Tênacđiê không biết nổi nóng; ít ra nó cũng nóng bằng con vợ nó; nhưng họa hoằn thôi; lúc ấy thì nó thù ghét tất cả nhân loại, lòng nó chứa chất cả một lò lửa căm thù; nó giống như những người suốt đời chỉ lo trả thù trả oán, những người động một tí là buộc tội tất cả mọi vật xung quanh, rồi lúc nào cũng lăm le chỉ

(1) Nguyên văn *"du quibus"*.

muốn nhẩy xổ vào kẻ nào chẳng may chợt qua đấy: kẻ đó tức là thủ phạm chính thức gây ra tất cả những thất vọng, những tai họa, những bất hạnh trong đời nó; bấy giờ nó giống như có men rượu bốc trong người, sôi sục trong mồm, trong mắt, thế là nó trở thành ghê gớm. Vô phúc cho kẻ nào chợt đến lúc nó hung hãn như thế.

Ngoài những năng khiếu khác, Tênacđiê lại còn được cái nết ý tứ và sâu sắc, biết lựa lúc mà im lặng hay ba hoa, nhưng dù lúc nào, nó cũng tỏ ra thông minh rất mực. Nó có cái nhìn của người thủy thủ quen nheo con mắt trước ống kính viễn vọng. Tênacđiê làm một chính khách vậy.

Kẻ nào mới đến quán ăn này lần đầu, thấy mụ Tênacđiê cũng phải bảo: "Hẳn đây là chủ nhà". Lầm to. Mụ cũng chẳng là bà chủ nữa. Chính thằng chồng mới vừa là ông chủ vừa là bà chủ. Thằng chồng sắp đặt công việc, con vợ cứ thế làm. Nó điều khiển tất cả bằng một thứ điện lực vô hình và thường xuyên. Chỉ một tiếng, hay có khi chỉ cần một dấu hiệu, thế là con voi cái tuân lệnh. Thằng Tênacđiê, đối với con vợ, vô tình đã là một đấng đặc biệt quyền uy vô thượng. Thái độ ấy âu cũng là một đức tính riêng của mụ. Nói thí dụ, - ấy là thí dụ thôi, chứ chẳng bao giờ lại có thế, - nếu có điều gì không đồng ý với "ông Tênacđiê" thì dù là việc gì đi nữa, mụ cũng không đổ cho chồng là sai trước mặt mọi người. Có "người lạ", không bao giờ mụ phạm lỗi ấy, cái lỗi này, nhiều bà mắc phải, và thường gọi là: vạch áo cho người xem lưng. Tuy cái cảnh thuận vợ thuận chồng chỉ là để làm việc độc ác, nhưng sự phục tùng của mụ Tênacđiê vẫn có một cái gì tôn nghiêm. Cả cái núi thịt suốt ngày ầm ỹ ấy chuyển động theo ngón tay bé nhỏ của tên bạo chúa lẻo khoẻo kia.

Đây là chuyện vật chất bái phục tinh thần, một chân lý lớn lao và phổ biến biểu hiện ở một sự việc bé nhỏ và buồn cười. Bởi vì một đôi cái xấu xí dị dợm vẫn có cơ sở tồn tại ở sâu ngay trong cái đẹp vĩnh cửu. Ở Tênacđiê có một cái gì thuộc cõi bất khả tri. Dó đó hắn có quyền uy tuyệt đối với vợ. Có những lúc mụ ta thấy hắn như một ngọn nến sáng trưng; nhiều lúc khác mụ cảm thấy hắn là một cái vuốt nhọn.

Người đàn bà ấy là một sinh vật ghê gớm chỉ biết yêu con và sợ chồng. Mụ sở dĩ có con là vì mụ thuộc loài có vú. Tuy nhiên tình mẹ con cũng chỉ trùm lên hai đứa con gái là hết, mụ không yêu gì những đứa con trai, sau này ta sẽ rõ. Còn thằng chồng, nó có độc một tư tưởng: làm giàu.

Nhưng nào có được. Cái tài ba lỗi lạc ấy không có đất dụng võ. Ở Môngphecmây, Tênacđiê sa sút mãi, - ấy là tạm dùng chữ sa sút vì đến đấy Tênacđiê cũng chỉ có hai bàn tay trắng. Giả sử nó ở Thụy-sĩ hay ở Pyrênê, chắc cái thằng kiết xác ấy đã trở thành triệu phú. Nhưng số mệnh đã buộc chặt thằng chủ quán ở đâu thì nó đành phải gặm ở đấy.

Chủ quán ở đây dùng theo nghĩa hẹp không mở rộng đến cả giai cấp.

Đúng vào cái năm 1823 ấy, Tênacđiê mắc nợ chừng ngàn rưỡi phơrăng, đều là những món vay nóng, nên nó, có bề no lắng.

Số mệnh dù đối với hắn khe khắt một cách kiên trì. Tênacđiê vẫn là một trong những con người hiểu sâu sắc và mới mẻ nhất cái nghĩa vụ đối với khách trọ. Cái nghĩa chủ khách đó ở các dân tộc dã man là một đức tính cao

quí, ở các dân tộc văn minh, đó là một món hàng bán mua. Ngoài ra hắn còn là một tay săn bắn trộm tài tình, đường đạn tin ai cũng ca ngợi. Tiếng cười của nó lạ lắm, lạnh lẽo và ôn hoà nhưng rất thâm hiểm.

Một đôi khi những lý thuyết làm chủ quán từ óc nó bật ra như những tia chớp. Các giáo điều nghề nghiệp ấy hắn cài vào trí óc vợ nó. Một hôm nó hung hăng nói nhỏ với vợ: "Bổn phận người chủ quán là bán cho người bước vào cửa hàng cái ăn, cái ngủ, cái ánh sáng, cái lửa sưởi, chăn đệm bẩn, cô hầu phòng, rận rệp và nụ cười; là bắt cóc kẻ qua đường, là trút những túi nhẹ, làm nhẹ những túi nặng một cách lương thiện; là cung kính chứa trọ những gia đình đi đường xa, là nạo ông, vặt bà, lột da cô, cậu; là định giá tất cả: nào cửa mở, cửa đóng, bệ sưởi, ghế bành, ghế tựa, ghế đẩu, ghế con, nệm lông chim, nệm bông, ổ rơm; là phải biết bóng người làm mòn gương soi bao nhiêu để tính tiền: là... nghĩa là, mẹ kiếp! Phải biết tính tiền đủ các thứ để bắt khách hàng trả, đến những con ruồi mà chó họ ngáp phải cũng phải biết tính!".

Người đàn ông ấy với người đàn bà ấy là xảo quyệt và điên cuồng kết hôn, một đôi hợp phối gớm ghiếc và đáng sợ.

Thằng chồng thì âm thầm nghĩ ngợi, tính toán; còn con vợ thì chẳng thèm nghĩ gì đến bọn chủ nợ không có ở đấy; nó chẳng lo gì về ngày hôm qua, cũng chẳng màng đến ngày mai; nó sống hăng tiết, sống tất cả trong giờ phút hiện tại.

Đấy, hai con người ấy là như thế. Côdét sống giữa chúng nó, chịu đựng sức ép của cả hai đứa, giống như kẻ

vừa bị tảng cối xay nghiến, vừa bị kìm xé thịt. Thằng chồng và con vợ, mỗi đứa một cách đối xử: Côdét bị đánh đập tơi bời là do con vợ ; nó đi chân không mùa rét, là do thằng chồng.

Con bé hết lên lại xuống, nào là giặt giũ, cọ chải, lau chùi, quét tước, vừa đi vừa chạy, vừa làm vừa thở, chuyển những đồ vật nặng; tội nghiệp con bé gầy còm như thế mà phải làm những công việc rất nặng nhọc. Chẳng ai thương hại nó; một bà chủ dữ tợn, một ông chủ thâm độc. Cái cửa hàng của Tênacđiê giống như cái lưới nhện. Côdét mắc vào đó, run rẩy. Cái lối hà hiếp người trong cảnh ở tớ thảm đạm này thật là một cảnh điển hình. Đó là kiếp con ruồi làm tôi cho con nhện.

Tội nghiệp cho con bé đành ngậm miệng mà chịu đựng.

Vừa từ cõi Chúa xuống, trần trụi, bé bỏng bước vào bình minh của cuộc sống mà gặp phải người đời như vậy, thử hỏi cái linh hồn trong trắng ấy nghĩ gì?

III

PHẢI CÓ RƯỢU CHO NGƯỜI, NƯỚC CHO NGỰA

Lại bốn khách đi đường nữa vào hàng.

Côdét buồn rầu nghĩ ngợi; vì tuy mới tám tuổi đầu, nó đã chịu bao đau xót, nên nó ngồi nghĩ vơ vẩn với dáng điệu một bà cụ già thảm hại.

Một bên mắt nó tím bầm, vì một quả đấm của mụ Tênacđiê, đã thế thỉnh thoảng mụ còn nói:

- "Gớm! Con mắt sưng húp của nó sao mà xấu thế!"

Côdét nghĩ ngợi: đêm thì tối đen như mực, đột nhiên lại phải múc nước để đầy các bình, các chai trong buồng bọn khách chợt đến, và ngoài bể lại chẳng còn hột nước nào.

Nó còn yên tâm đôi tí là ở nhà hàng Tênacđiê này, người ta không uống nhiều nước lắm. Chẳng thiếu gì người khát: nhưng thật là khát cái vò rượu chứ không phải khát cái vại nước. Ở đây, trước một cái bàn la liệt cốc rượu, ai mà gọi một cốc nước thì chẳng khác gì người man rợ. Vậy mà đã có lúc con bé phải run sợ: mụ Tênacđiê mở vung một cái xoong đang sôi trên bếp lửa, rồi cầm lấy cái cốc đi vội ra bể nước. Mụ vặn vòi nước; con bé ngẩng đầu lên và nhìn theo từng cử chỉ của mụ. Một tia nước nhỏ chảy từ vòi nước, chỉ được có lưng cốc. Mụ bảo: "Ồ! hết sạch nước rồi!"; mụ đứng im một lát. Con bé nín thở. Mụ Tênacđiê xem lại lưng cốc nước, lại nói: - "Chà, thôi thế này cũng đủ".

Côdét lại cắm cúi làm, nhưng đến hơn mười lăm phút đồng hồ , nó thấy tim nó nhảy trong lồng ngực, bồng bềnh tựa như bông.

Nó đếm từng phút trôi qua như vậy và mong cho chóng đến sáng hôm sau.

Thỉnh thoảng lại có khách đang uống rượu nhìn ra đường, kêu lên: - "Tối như hũ nút" hoặc : "Giờ này có họa là mèo mới ra đường không đèn đuốc gì". Côdét rùng mình.

Bỗng một ông khách trọ buôn hàng chuyến bước vào sừng sộ nói:

- Ngựa tôi không được uống nước!

Mụ Tênacđiê bảo:

- Cho uống rồi đấy chứ.

Tên lái buôn đáp:

- Cái chị này! Tớ bảo không mà lị.

Côdét chui ở dưới gầm bàn ra, nói:

- Thưa ông, có mà! Ngựa uống rồi, nó uống ở thùng, nó uống một thùng đầy cơ đấy; thì tay cháu mang nước cho nó, cháu lại còn nói chuyện với nó nữa.

Chuyện không có như thế. Côdét đã nói dối. Ông lái quát:

- Con ranh bé bằng nắm tay mà nói điêu to như hòn núi. Tao bảo nó chưa uống là nó chưa uống, nhóc cái ạ! Lúc nó khát thì nó thở thế nào, tao biết chứ.

Côdét cố cãi; nó hoảng quá, giọng thều thào nghe không rõ:

- Nó uống no nê là khác!

Tay lái buôn cả giận mắng:

- Thôi đừng nói láo. Cho ngựa uống nước đi, rồi xếp, không đôi co gì nữa.

Côdét lại chui vào gầm bàn. Mụ Tênacđiê bảo:

- Phải, phải rồi. Ngựa chưa được uống thì phải cho nó uống chứ.

Rồi mụ nhìn quanh.

- Kia, cái con kia đâu rồi?

Mụ cúi xuống, thấy Côdét ngồi thu hình mãi cuối bàn, gần ngay dưới chân khách uống rượu. Mụ thét:

- Mày có ra ngay không:

Côdét từ xó ẩn chui ra. Mụ Tênacđiê tiếp:

- Mời cô Chó Vện đi lấy nước cho ngựa uống đi.

Côdét trả lời khe khẽ:

- Nhưng, thưa bà, nước hết rồi ạ.

Mụ Tênacđiê mở toang cửa ra đường:

- Hết thì đi mà xách về chứ!

Côdét cúi đầu vào lấy cái thùng không ở góc lò sưởi.

Cái thùng to hơn cả nó, con bé nó ngồi hẳn vào trong cũng còn rộng chán.

Mụ lại đến ngồi cạnh bếp lò, cầm cái môi gỗ nếm thử món ăn nấu ở trong xoong, mồm lẩm bẩm:

- Nước ở ngoài suối chứ còn ở đâu. Có khó gì. Ồ! Giá mình tán hành ra thì hơn.

Rồi mụ lục cái ngăn kéo đựng cả xu, cả hồ tiêu, cả tỏi. Mụ tiếp:

- Này cô Cóc, lúc về vào hàng bánh mua cho tôi một cái bánh to. Đồng mười lăm xu đây này.

Côdét mặc cái tạp dề có túi con ở một bên; nó lẳng lặng cầm đồng hào bỏ vào túi.

Rồi nó đứng im, tay xách thùng, trước cái cửa mở toang. Hình như nó đợi có người đến cứu nó. Mụ Tênacđiê thét:

- Đi đi chứ!

Côdét đi ra. Cánh cửa đóng lại.

IV

MỘT CON BÚP BÊ LÊN SÂN KHẤU

Ta còn nhớ, cái dãy cửa hàng giữa trời chạy từ nhà thờ đến tận cái quán ăn Tênacđiê. Những quán ấy chờ bọn nhà giàu đi dự lễ nửa đêm đi qua, nên quán nào quán nấy đều nến thắp sáng trưng trong những cái phễu bằng giấy; cảnh ấy trông như "cảnh thần tiên", theo lời ông thầy giáo trong làng, lúc ấy đang ăn uống trong quán Tênacđiê. Trái lại trên trời không có lấy một ông sao.

Cái quán cuối dãy dựng lên ngay trước mặt cửa hàng nhà Tênacđiê; hàng bán đồ chơi, lấp la lấp lánh những giấy trang kim, những đồ thủy tinh,những đồ bằng

sắt tây rất đẹp. Bên ngăn ngoài, ở ngay đằng trước, bày một con búp bê lót trên một lượt khăn bông trắng nõn. Con búp bê thật lộng lẫy, cao tới gần bảy mươi phân, mặc một cái áo nhiễu màu hồng, đầu cài những bông lúa vàng, tóc như tóc thật, mắt thì bằng men sứ. Suốt ngày những khách tí hon dưới mười tuổi qua lại đều ngây người ra mà ngắm cái kỳ quan ấy. Ở Môngphecmây tìm đâu ra bà mẹ có đủ tiền hay thừa tính tiêu hoang mà mua cho con cái của ấy. Con Epônin và con Adenma cứ đứng hàng giờ mà ngắm con búp bê; cả con Côdét nữa cũng cả gan lấm la lấm lét nhìn trộm búp bê.

Lúc Côdét bước ra ngoài, tay xách thùng, mặt rầu rĩ và khổ sở như thế, mà nó cũng không nhịn được, phải ngước mắt nhìn con búp bê kỳ diệu ấy, nhìn "cái bà quí phái ấy", như nó nói. Con bé khốn nạn đứng đờ người ra. Chưa lần nào nó được nhìn gần như thế. Nó tưởng gian hàng như một cái cung điện nào; còn con búp bê thì không phải là con búp bê, mà là một nàng tiên hiển hiện. Con người bé nhỏ đáng thương ấy đang chìm sâu trong cảnh ảm đạm lạnh lẽo bỗng nhiên thấy đứng trước một cảnh vui vẻ, lộng lẫy, giàu có, hạnh phúc thoáng hiện ra như trong một luồng ánh sáng ảo mộng. Côdét lấy cái trí thông minh thơ ngây nhưng đáng buồn của nó để ước lượng cái hố sâu thăm thẳm phân cách nó với con búp bê này. Nó cho rằng phải là một bà hoàng hậu hay ít ra là một nàng công chúa mới mua được "cái của ấy". Nó ngắm nghía cái áo hồng tươi đẹp, mớ tóc mượt, bụng nghĩ thầm: "Con búp bê này, chắc nó sung sướng lắm nhỉ!". Mắt nó không thể rời cái cửa hàng huyền diệu ấy. Càng nhìn càng thấy loá mắt. Nó tưởng như được thấy thiên đường. Những con búp bê bày phía sau con búp bê to, tưởng như tiên nữ, thánh

thần cả. Còn cái ông bán hàng đi đi lại lại sau quầy thì nó mường tượng như Đức Chúa Trời vậy.

Mải chiêm ngưỡng, nó quên hết; quên cả cái nhiệm vụ phải làm. Bỗng nhiên tiếng gắt của mụ Tênacđiê gọi nó trở về thực tế:

- Ô kìa, con ranh, mày chửa đi à? Cứ đứng đấy, tao ra đây! Không biết nó còn đứng đấy làm gì kia chứ! Đồ quỉ quái, đi đi!.

Thì ra mụ Tênacđiê vừa nhìn ra đường thấy Côdét đang say sưa ngắm nghía.

Côdét vội vàng xách thùng lủi đi, cố hết sức bước những bước thật dài.

V

MỘT MÌNH CON BÉ

Quán Tênacđiê ở phía đầu làng, khu xóm nhà thờ, nên con Côdét phải đi lấy nước ở mãi tận cái suối trong rừng về phía Senlơ.

Nó đi thẳng, không nhìn đến hàng nào nữa. Lúc còn ở ngõ Hàng Bánh và trong khu vực nhà thờ thì còn đèn nến sáng trưng trong các cửa hiệu soi rõ lối đi; nhưng chẳng bao lâu, ánh đèn cửa hiệu cuối cùng mờ hẳn. Con bé con ở trong bóng tối. Nó cứ đi sâu vào bóng tối. Trong bụng đã thấy sờ sợ, nó vừa đi vừa hết sức vung vẩy cái quai thùng cho kêu lên; tiếng khua động như là người bạn cùng đi với nó.

Càng đi bóng tối càng dày đặc. Ngoài đường, không còn lấy một bóng người. Thế nhưng nó cũng gặp một bà thấy nó thì đứng lại nhìn theo, miệng lẩm bẩm: "Đứa bé

nào đi đâu thế này? Hay là ma quỉ gì đây? - Bà nhận ra Côdét: - À! Ra con Sơn ca!".

Cứ thế, Côdét lần mò qua những phường phố khúc khuỷu, quanh co và vắng lặng ở cuối làng Môngphecmây về phía Senlơ. Còn thấy có bóng nhà hay chỉ những bức tường hai bên vệ đường, con bé còn mạnh dạn mà đi. Chốc chốc còn được thấy ánh đèn le lói lọt qua khe cửa; ánh sáng đấy, sự sống đấy, còn có người đấy, nó còn được vững dạ. Nhưng càng đi, bước chân nó cứ tự nhiên chầm chậm lại. Lúc nó vừa qua cái góc nhà cuối cùng, nó dừng lại. Đi quá cái cửa hàng cuối cùng đã là khó rồi; đi quá cái nhà cuối cùng này thì không thể được nữa. Nó đặt cái thùng xuống đất, thò tay lên đầu gãi gãi; đó là cử chỉ đặc biệt của con trẻ lúc kinh sợ và ngần ngừ. Không còn là làng Môngphecmây nữa; chỉ còn đồng không mông quạnh. Trước mắt nó, không gian đen ngòm, vắng lặng. Nó nhìn bóng tối tuyệt vọng; không còn lấy một bóng người, chắc có thú dữ, có cả ma nữa cũng nên. Nó cố nhìn, nó nghe thấy tiếng những con vật đi trong cỏ, nó thấy rõ ràng những con ma ngó ngoáy trong lùm cây. Thế là sợ quá hoá liều, nó vớ lấy cái thùng , miệng nói: - "Chà! Cứ bảo là hết nước rồi!" Rồi nó quả quyết quay trở về Môngphecmây.

Song, được độ trăm bước, nó lại đứng lại và lại gãi đầu. Bây giờ thì là hình ảnh mụ Tênacđiê hiện ra: mụ Tênacđiê với cái mõm sói cầy, con mắt giận dữ nảy lửa. Con bé nhìn trước nhìn sau thảm hại. Làm thế nào bây giờ? Rồi sẽ ra sao? Biết đi đâu? Đằng trước, bóng con quỉ cái Tênacđiê. Đằng sau, tất cả những ma quái của đêm tối và rừng rậm. Nhưng mà trước mặt đã có mụ Tênacđiê thì phải lùi. Thế là nó lộn trở lại con đường ra suối và đâm đầu chạy. Nó chạy ra khỏi làng, nó chạy vào rừng, chẳng

còn nhìn gì, chẳng còn nghe thấy gì hết. Mãi đến lúc đứt cả hơi thở nó mới thôi chạy, nhưng cứ đi mãi. Nó cứ tiến đi, hết cả hồn cả vía.

Nó vừa chạy vừa muốn oà lên khóc.

Cảnh rừng rậm ban đêm rì rào vây bọc lấy nó. Nó không nghĩ gì nữa mà cũng chẳng nhìn thấy gì. Một đứa bé nhỏ xíu trước đêm tối bao la. Một bên là tất cả bóng tối; một bên là một hạt bụi li ti.

Từ cửa rừng vào đến suối, đi chỉ mất bảy, tám phút. Côdét ban ngày vẫn thường đi nên thuộc đường. Có điều lạ là đêm tối như thế, hãi hùng như thế mà nó vẫn không lạc. Hãy còn chút bản năng đưa đường cho nó. Nó có dám đưa mắt nhìn sang hai bên đâu, sợ nhỡ trông thấy cái gì ở trên cành cây hay ở trong bụi rậm. Cứ thế mà nó đến được suối.

Đây là một cái lòng chảo thiên nhiên nhỏ, do nước xói mãi vào đất sét; vũng sâu chừng sáu mươi phân, chung quanh, rêu và cỏ mọc, thứ cỏ cao, hoa tròn, thường gọi là "cỏ cổ áo vua Hăngri IV". Giữa mấy viên đá tảng, một dòng suối róc rách chảy lặng lờ.

Côdét không kịp thở nữa. Trời tối đen như mực, nhưng nó đã quen con suối này rồi. Tay trái nó quờ quạng trong bóng tối tìm cây sồi nhỏ mọc ngả xuống suối, thường ngày nó vẫn vịn vào đấy mà múc nước; nó nắm được một cành, bám chặt lấy, cúi xuống và vục thùng xuống múc. Lúc ấy nó hăng hết sức nên khoẻ gấp ba mọi ngày. Lúc cúi xuống, nó không để ý đến cái túi tạp dề đang dốc ngược. Đồng mười lăm xu rơi xuống nước, Côdét không trông thấy và cũng không nghe thấy tiếng rơi. Nó kéo cái thùng nước gần đầy lên rồi đặt xuống bãi cỏ.

Xong xuôi, nó mới thấy đã kiệt hơi. Nó cũng muốn về ngay nhưng nó đã dùng hết sức lực để múc nước nên lê không nổi nữa. Nó đành phải ngồi nghỉ. Nó gieo phịch người xuống rồi ngồi xổm luôn trên bãi cỏ.

Nó nhắm mắt lại, rồi lại mở mắt ra, không hiểu tại sao, mà cũng chẳng làm khác được.

Bên cạnh, nước trong thùng sóng sánh vẽ thành những vòng tròn trông như những con rắn bạc long lanh.

Trên đầu, bầu trời phủ đầy mây đen bát ngát, trông như từng mảng khói. Cái khuôn mặt thê thảm của bóng tối như nghiêng xuống đứa trẻ này.

Sao Mộc đang lặn ở phương xa thăm thẳm.

Con bé kinh hoàng nhìn ngôi sao to, lạ lùng kia. Ngôi sao lúc ấy đang đến sát chân trời, xuyên qua làn sương đêm dày đặc, trông đỏ đồng đọc. Sương mù nhuốm một màu đỏ ghê rợn làm cho ngôi sao to thêm ra. Giống như một vết loét ngời sáng.

Gió lạnh từ đồng thổi vào. Rừng tối om! Không một tiếng lá sột soạt, không một gợn sóng, thứ ánh sáng mờ mờ, mát mẻ những đêm mùa hạ. Các cành cây to dựng đứng trông gớm chết. Mấy bụi cây gầy guộc, hình thù kỳ quặc đang rít gió ở ven rừng. Đám cỏ cao vú nhung nhúc dưới làn gió thổi, như một đàn lươn. Những cây gai vặn vẹo như những cánh tay dài nghêu có vuốt đang giơ ra bắt mồi; mấy cành khô gió thổi cuốn nhanh qua như kinh hãi chạy trốn cái gì sắp tới. Tứ bề toàn là cảnh mênh mông kinh khủng.

Bóng tối làm cho choáng váng. Con người cần có ánh sáng. Kẻ nào đi vào chỗ không phải là ánh sáng sẽ thấy

lòng hồi hộp. Hễ mắt thấy mù mịt thì trí óc cũng thấy bàng hoàng. Trong nguyệt thực, trong đêm đen, trong cảnh u ám khói muội, người bạo nhất cũng có phần ngại ngùng. Không ai đi trong rừng đêm mà không run rẩy. Bóng đêm và cây cối là những khối dày đáng sợ. Một hiện thực kỳ ảo mọc ra từ cõi mập mờ sâu thẳm. Cái không tưởng tượng được sẽ hình thành cách anh mấy bước rõ ràng như bóng ma. Anh sẽ thấy lung linh trong không gian hay trong đầu óc, một cái gì mập mờ vô định như những đoá hoa nhìn thấy trong mơ. Phía chân trời có những bóng dáng dữ tợn. Anh hít thở từng luồng gió từ khoảng không đen tối. Anh thấy sợ và muốn nhìn ra phía sau. Những hốc đêm, những đồ vật trở nên bơ phờ, những hình bóng lặng lẽ tan biến khi anh bước tới, những dáng điệu rũ rượi lờ mờ, những bụi bờ giận dữ, những đầm vũng nhờ nhờ, hình ảnh ảm đạm phản chiếu trong cảnh tang ma, cảnh vắng lặng mênh mông của hầm mộ, những sinh linh bí ẩn, những cành lá huyền bí nghiêng mình, những thân cây dễ sợ, những bụi cỏ rùng mình mãi không thôi. Trước tất cả những cái ấy, anh không có gì che chở, gan lì mấy cũng không tránh khỏi giật mình, cũng thấy mình sắp hoảng loạn. Anh cảm thấy có cái gì gớm ghiếc như thể linh hồn anh nhập vào bóng tối. Trạng thái nhập vào bóng tối đó rất thảm hại đối với trẻ con.

Cảnh rừng là cảnh tận thế. Và cái đập cánh của một linh hồn bé bỏng dội lên như một tiếng hấp hối dưới vòm cây lá bao la.

Côdét không hiểu được cái cảm giác của mình lúc ấy, nhưng nó cảm thấy cả cái khối to lớn, đen ngòm của vũ

trụ đang túm chặt lấy nó. Không phải nó chỉ thấy khủng khiếp, nó thấy cái gì khủng khiếp hơn cả sự khủng khiếp. Nó rùng mình. Một cái rùng mình lạ lùng lạnh thấu tâm can, không chữ nào tả xiết. Con mắt nó hãi hùng. Nó như cảm thấy cũng đến giờ này ngày hôm sau nó không thể nào không trở lại chỗ này được.

Bấy giờ, như có một thứ bản năng xui khiến để thoát khỏi cái trạng thái dị kỳ, khó hiểu mà nó khiếp sợ đó, nó bèn cất tiếng rõ to đếm một, hai, ba, bốn đến mười; đếm xong, nó lại đếm nữa. Lúc ấy nó mới hoàn hồn, nhận rõ sự vật quanh mình. Nó thấy tay nó lúc múc nước bị ướt nên rét cóng. Nó đứng dậy. Nó lại thấy sợ, cái sợ tự nhiên, không sao tránh được. Nó chỉ có một ý nghĩ là chạy trốn; ba chân bốn cẳng mà chạy, chạy qua rừng, qua cánh đồng, một mạch đến tận nơi có nhà, có cửa sổ, có đèn thắp sáng. Nó chợt nhìn thấy, cái thùng nước trước mặt. Nghĩ đến mụ Tênacđiê, nó lại sợ hơn, không dám bỏ thùng nước đấy mà chạy. Nó phải lấy cả hai tay mà nắm quai thùng. Thùng nước nặng, ì ạch mãi mới xách nổi.

Đi được hơn chục bước, nó lại phải đành lòng đặt thùng nước xuống đất; thùng đầy nước, nặng quá. Nó đứng thở một lát, rồi lại nhấc thùng lên, lại đi: lần này thì được một thôi dài hơn. Nhưng rồi lại phải dừng lại nữa. Nghỉ vài giây, lại đi. Trông nó như một bà già, đi thì còng về đằng trước, đầu cúi xuống. Thùng nước nặng quá, cánh tay gầy gò cứ thẳng căng và cứng đờ ra. Cái quai sắt làm cóng nốt hai bàn tay nhỏ bé ướt đẫm nước. Chốc chốc nó lại phải đứng lại; mỗi lần đứng lại thì nước lạnh trong thùng lại sóng ra, chảy vào hai chân giẫm đất. Giữa rừng thẳm, giữa đêm tối, mùa rét, xa con mắt của mọi người và

đứa bé mới lên tám tuổi đầu. Lúc ấy, hoạ chăng có trời mới nhìn thấy cái cảnh bi thảm ấy.

Và, than ôi! Có lẽ cả vong hồn mẹ nó nữa.

Vì ở đời có những cảnh ngộ làm cho người chết ở dưới mồ cũng phải mở mắt ra mà nhìn.

Nó thở như rên siết, nghe đau đớn lắm. Tiếng khóc dâng lên nghẹn cổ; nhưng nghĩ đến mụ Tênacđiê, nó không dám khóc to, dù mụ không có đấy. Lúc nào nó cũng tưởng như mụ Tênacđiê ở ngay trước mặt.

Cứ thế, nó không đi được bao đường đất; nó đi chậm lắm. Lúc nghỉ thì nghỉ rõ ít, mà đi thì đi rõ lâu; nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Có lẽ phải hơn tiếng đồng hồ mới đến Môngphecmây rồi thế nào mụ Tênacđiê cũng đánh đòn; nghĩ thế, nó càng khiếp. Đã khiếp lại thêm hoảng sợ, một thân trơ trọi ban đêm giữa rừng sâu. Nó đã mệt lử người mà vẫn chưa ra khỏi rừng. Đến gần một gốc cây dẻ cổ thụ nó quen lắm, nó dừng lại lâu hơn mọi lần để nghỉ một lần cuối cùng cho thật khoẻ, rồi nó thu hết sức lực, xách lấy thùng nước, lại can đảm bước đi. Tuy vậy, con người bé bỏng tuyệt vọng ấy không khỏi buột miệng kêu lên: "Trời ơi là trời!".

Đúng lúc ấy, nó thấy thùng nước tự nhiên nhẹ bổng đi. Một bàn tay có lẽ to lớn lắm vừa nắm lấy quai thùng và nhấc lên rất mạnh. Nó ngẩng đầu lên. Một bóng đen to lớn, đứng thẳng, đang đi bên nó, trong bóng tối. Người ấy là một người đàn ông, đi sau nó, đến gần nó lúc nào nó không biết. Người ấy chẳng nói chẳng rằng, nắm lấy quai thùng nó đương xách.

Trên đời, mỗi lần gặp gỡ, vận có cái linh tính nó báo trước dữ lành. Con bé không thấy sợ.

VI

CÓ LẼ BULATƠRUYEN CŨNG THÔNG MINH THẬT

Xế chiều ngày lễ Giáng sinh năm 1823, có một người tha thẩn rất lâu ở quảng đường vắng vẻ đại lộ Nhà thương ở Pari. Người ấy như muốn tìm một chỗ ở thuê và hình như có ý chọn những nhà nào tầm thường nhất ở xóm ngoài vùng ngoại ô Xanh Mácxô.

Đoạn sau ta sẽ biết, người ấy đã thuê được một căn buồng ở cái xóm hẻo lánh này.

Trông cánh ăn mặc và bộ điệu, có thể thấy người ấy là hình ảnh của hạng ăn mày tử tế, nghèo xác xơ nhưng vẫn cố giữ được hết sức tinh tươm. Người ấy là một người rất nghèo khổ, lại là người biết giữ tư cách, hai điều đó khiến cho những kẻ thông minh đĩnh ngộ phải thêm phần kính trọng. Người ấy đội một cái mũ tròn rất cũ và chải rất kỹ, mặc một cái áo khoác bằng da thô đã sờn đến tận lần trong, màu vàng gạch, là màu quen mắt thủa ấy; một cái gi-lê rộng, túi may kiểu rất xưa, cái quần đen, hai đầu gối đã bạc phếch, đôi bít tất len đen và đôi giày thô cài khuy đồng. Nom như một gia sư cũ ở nhà quý phái mới hồi cư. Cứ nhìn mái tóc bạc phơ, cái trán nhăn nheo, hai môi tái ngắt, khuôn mặt nhọc nhằn, chán nản sự đời, người ta đoán có lẽ lão ta đã ngoài sáu mươi. Song nhìn

cái dáng đi tuy chậm chạp nhưng chắc chắn, những điệu bộ mạnh mẽ lạ thường, thì người ta đồ chừng lão ta chỉ mới độ năm mươi. Mấy nếp nhăn trên trán thật đúng chỗ, khiến ai nhận xét kỹ lão cũng phải nể. Môi thì mím lại thành một nếp kỳ lạ, vừa nghiêm nghị vừa khiêm nhường. Con mắt nhìn thì trong suốt mà não nùng. Người ấy tay trái xách một gói nhỏ buộc trong chiếc khăn mùi soa, tay phải chống một cái gậy chặt ở một hàng cây làm rào. Cái gậy gọt đẽo cẩn thận, trông không đến nỗi tồi lắm: các đốt đều được sửa cho đẹp thêm, chỗ nắm tay thì bằng xi đỏ giả san hô; chính ra là cái dùi cui, nhưng ra vẻ một cái gậy.

Con đường này vốn vắng người qua lại, nhất là về mùa rét. Người ấy hình như còn cố ý tránh mọi người chứ không muốn gần một ai.

Thuở ấy, vua Lui XVIII ngày nào cũng xa giá tới Soadilơroa; ngài lại ưa đi con đường này. Cứ vào hai giờ chiều, ít khi sai, thì xa giá và đoàn kỵ mã phóng nhanh trên đường phố Nhà thương.

Các chị dân nghèo trong khu phố, nhờ thế mà biết giờ khắc. Các chị bảo nhau:

- Hai giờ rồi đấy, người ta đi về điện Tuylơri kìa.

Người này chạy đến, kẻ kia tránh đi. Một nhà vua đi qua bao giờ chẳng gây một sự náo động. Vả lại vua Lui XVIII hiện ra hay biến đi cũng có ảnh hưởng phần nào đối với đường phố Pari. Đoàn xa giá đi qua rất nhanh, nhưng uy nghi đường bệ. Ông vua bại liệt ấy lại thích phi nước đại. Không bước được, ngài chỉ muốn chạy. Tuy què liệt, ngài muốn đằng vân. Hiền hoà, nghiêm trang, ngài lướt

qua cùng với một rừng gươm tuốt vỏ. Cỗ loan xa nặng thiếp vàng, điểm hoa huệ, lăn đi rầm rộ. Người ta chỉ kịp nhìn thoáng qua một cái. Trong góc xe bên phải, một người ngồi tựa chồng gối bọc xa-tanh trắng, mặt to, chắc, hồng hào, trán tươi mát điểm phấn, con mắt tự phụ, tinh vi mà vô tình, nụ cười học giả, hai vai có hai ngù lớn toả tua xuống bộ áo quần không loè loẹt, trên ngực có đủ huân chương và bội tinh cao cấp, một cái bụng phệ có băng choàng xanh vắt ngang. Vua đấy. Ra khỏi Pari thì ngài lấy mũ xuống để trên đầu gối, mũ ngài cắm lông vũ trắng, chân ngài mang giầy ghệt Anh cao. Vào thành thì ngài đội mũ, nhưng ít khi chào. Ngài nhìn dân chúng lạnh lùng, lạnh lùng dân chúng nhìn lại ngài. Khi ngài xuất hiện ở khu phố Xanh Mắcxô lần đầu, uy tín của ngài tóm tắt trong câu của anh dân ngoại ô này nói với bạn: "Cái ông béo phị ấy là cả triều đình đó".

Xa giá nhà vua cứ đúng giờ ấy đi qua phố Nhà thương, ngày nào dân phố cũng quen lệ ấy.

Người đi dạo mặc áo vàng hẳn không phải là người khu này, và có lẽ không phải là người Pari, nên không biết việc trên. Lúc hai giờ, khi xa giá có đoàn thị vệ cưỡi ngựa vây quanh, từ Xanpêtơriê rẽ vào đường này thì người ấy có vẻ ngạc nhiên và gần như sợ hãi. Bên lề đường chỉ độc có lão; lão vội núp sau một bức tường, nhưng công tước Đavrê cũng kịp trông thấy. Vì là chỉ huy trưởng trực ban của đội cấm quân, công tước ngồi đối diện nhà vua. Ông nói: "Tên kia khả nghi". Những viên cảnh sát đi dẹp đường cũng để ý đến lão; một người được lệnh theo dõi.

Nhưng người lạ mặt đã lẩn vào những phố vắng vẻ trong khu; lúc ấy trời bắt đầu tối nên người cảnh sát đành để mất hút.

Ngay tối hôm đó người ta gửi báo cáo lên bá tước Ăngglетx, bộ trưởng bộ an ninh về việc ấy.

Khi người mặc áo vàng đánh lạc đường viên cảnh sát rồi, lão bèn rảo cẳng đi, chốc chốc lại ngoái cổ nhìn lại xem có ai theo mình không. Đến bốn giờ mười lăm, tức là lúc trời đã tối hẳn, lão đi qua rạp hát cuả ô Xanh Mactanh hôm ấy diễn kịch *Hai tên tù khổ sai*. Tờ quảng cáo để ngay dưới ngọn đèn rạp hát làm lão phải chú ý; tuy đang vội đi, lão cũng dừng lại để đọc. Một lát sau, lão đi vào cái ngõ cụt Lapơlăngsét, tìm đến quán "Cái đĩa thiếc" là nơi bấy giờ đặt buồng giấy của hãng xe chạy Lanhi. Đến bốn rưỡi thì xe chạy. Ngựa đã đóng cương đâu đấy; nghe tiếng người đánh xe gọi, hành khách hấp tấp leo lên chiếc thang cao bằng sắt.

Người ấy hỏi:

- Còn chỗ không bác?

Người đánh xe đáp:

- Chỉ còn một chỗ thôi, ngồi cạnh tôi đây này.

- Được, để cho tôi.

- Lên ngay đi.

Nhưng, trước khi xe chạy, người đánh xe đưa mắt nhìn bộ quần áo tồi tàn của khách và cái gói nhỏ xíu rồi đòi tiền. Anh ta hỏi:

- Ông đi tận Lanhi chứ?

- Phải.

Khách trả lời rồi trả tiền xe đến Lanhi.

Xe chạy. Qua cửa ô rồi, người đánh xe thử bắt chuyện, nhưng khách chỉ trả lời gióng một. Anh ta đành huýt sáo miệng và cứ quất ngựa chạy.

Người đánh xe trùm kín áo tơi. Trời lạnh. Khách hình như không lưu ý tới. Cứ thế, xe chạy qua Guôcnay và Nơixuya Mác.

Độ sáu giờ tối thì đến Senlơ. Người đánh xe cho xe dừng lại để ngựa nghỉ ngơi; xe đỗ trước cửa quán ăn của phu xe tải, nguyên trước kia là nhà tu kín. Người lạ mặt bảo:

- Tôi xuống đây.

Rồi cầm lấy cái gói và cái gậy, nhảy xuống đất!

Chỉ một lát là lão biến mất!

Lão không vào hàng ăn.

Mấy phút sau, xe lại chạy trên con đường đi Lanhi, nhưng cũng không thấy lão ở phố chính thành Senlơ.

Người đánh xe quay lại nói với hành khách ngồi trong xe:

- Lão ấy không phải người vùng này, nếu phải tôi đã biết. Coi bộ không có một xu thế mà chả thiết gì đến tiền. Trả thì trả đến tận Lanhi, mà đến Senlơ đã xuống. Khuya rồi, nhà nào nhà nấy đóng cửa im lìm thế mà lại không vào hàng trọ, và cũng chẳng thấy đâu cả. Thế thì chẳng độn thổ thì còn đi đâu.

Khách không độn thổ mà lại đã vội vã đi qua phố chính thành Senlơ, trong đêm tối; rồi chưa đến nhà thờ đã rẽ sang trái, tạt vào con đường hẻm đi Môngphecmây, y như một người đã quen vùng này lắm và đã đến đấy nhiều lần rồi.

Khách đi rất nhanh. Lúc đến chỗ ngã tư, nơi con đường hẻm gặp con đường cũ đi từ Ganhi đến Lanhi, hai bên có cây, lão nghe có tiếng người đang đi lại. Lão vội

vàng núp xuống cái rãnh, đợi cho bọn kia đi khuất. Kể cẩn thận như thế cũng là thừa vì đêm nay là đêm tháng chạp, trời đen như mực. Trên trời thấp thoáng chỉ hai ba ông sao.

Chỗ ấy bắt đầu lên cái đốc khu đồi. Lão không rẽ vào con đường đi Môngphecmây; lão quặt sang tay phải, đi tắt qua quãng đồng và vội vã vào khu rừng.

Vào đến rừng, lão đi chậm lại; lão nhìn kỹ từng gốc cây, đi từng bước một như tìm kiếm và đi theo một con đường bí mật chỉ một mình lão biết. Có lúc hình như lão lạc mất hướng nên đứng lại, tần ngần. Sau cùng, lần mò mãi mới tới một khu rừng thưa có một đống đá lớn trăng trắng. Lão vội vã đến gần đống đá, xem xét kỹ lưỡng qua làn sương đêm, như để điểm qua từng hòn một. Cách đống đá chừng mấy bước, có một gốc cây lớn vỏ xù xì những mấu. Lão đến gần gốc cây, lấy tay lần trên vỏ như để nhận ra và đếm từng mấu sùi trên thân cây.

Cây ấy là cây tần; trước mặt, có một cây dẻ có chỗ bong vỏ nên người ta phải lấy miếng kẽm đóng vào để băng bó. Lão kiễng chân lên rồi lấy tay sờ miếng kẽm.

Lão lấy chân giậm khoảng đất giữa gốc cây và đống đá một lúc như là để xem xét có ai mới đào bới gì chỗ ấy lên không.

Xong xuôi, lão định lại phương hướng rồi lại xuyên rừng mà đi.

Người ấy là người vừa gặp con Côdét.

Thì ra lúc người ấy len lỏi qua rừng đi về phía Môngphecmây, chợt trông thấy một cái bóng bé nhỏ vừa

nhúc nhích đi vừa rên rỉ rồi đặt cái gì nặng xuống đất, lại xách lấy, lại đi. Người ấy tiến đến gần, nhận ra là một đứa bé tí teo mà lại xách một cái thùng to tướng. Người ấy bèn đến gần đứa bé, lẳng lặng xách lấy quai thùng nước.

VII

CÔDÉT ĐI CẠNH NGƯỜI LẠ TRONG BÓNG TỐI

Như trên đã nói, Côdét không sợ.

Người ấy bắt chuyện với nó; ông nói khẽ, hầu như thầm thì:

- Này cháu, cháu xách cái này chắc nặng lắm nhỉ?

Côdét ngẩng đầu lên đáp:

- Thưa ông, vâng.

Người ấy lại tiếp:

- Đưa đây, ông mang đỡ cho.

Côdét buông tay ra. Người kia đi từ từ bên cạnh, nói khe khẽ:

- Nặng thật.

Rồi người ấy bảo:

- Cháu lên mấy?

- Thưa ông, lên tám.

- Cháu đi từ đâu, có xa không?

- Cháu ở suối về, trong rừng kia.

- Nhà cháu còn xa không?

- Đi độ mười lăm phút nữa thì đến.

Người lạ mặt im lặng một lúc rồi đột nhiên hỏi:

- Thế cháu không còn mẹ ư?

Đứa bé trả lời:

- Cháu không biết.

Không đợi người kia kịp nói, nó tiếp luôn:

- Hình như không có. Đứa nào cũng có mẹ mà cháu thì không có.

Một lát sau, nó lại nói:

- Hình như trước kia cũng không có.

Người lạ dừng lại, đặt thùng nước xuống đất, cúi xuống rồi đặt hai tay lên vai con bé: người ấy cố nhìn kỹ nó, nhìn tận mặt nó trong bóng tối.

Khuôn mặt gầy gò, quắt queo của Côdét mờ mờ dưới ánh sáng nhợt nhạt của bầu trời. Người kia hỏi:

- Tên cháu là gì?

- Côdét.

Người ấy như bị điện giật: lão nhìn kỹ nó lượt nữa rồi tay buông vai con bé, lại xách thùng nước cất bước đi.

Một lúc sau lão hỏi:

- Bé này, nhà cháu đâu?

- Ở Môngphecmây, ông có biết không?

- Bây giờ cháu về đấy phải không?

- Thưa ông, vâng.

Ngừng một lát, lão lại hỏi:

- Ai sai cháu vào rừng lấy nước khuya thế này?

- Bà Tênacđiê ạ.

Người lạ cố hết sức lấy giọng tự nhiên mà hỏi, song nghe như có vẻ run run khác thường:

- Bà Tênacđiê nhà cháu làm gì?

Con bé đáp:

- Bà ấy là bà chủ cháu. Nhà bán quán.

- Quán à? Thế thì ta lại đấy trọ đêm nay. Cháu dẫn ta lại nhé.

-Đi đường này đấy ạ.

Người lạ đi khá nhanh. Côdét nhanh nhẹn theo sau. Nó không thấy mệt nữa. Thỉnh thoảng nó lại ngước mắt nhìn người ấy, ra vẻ bình tĩnh và tin cậy vô cùng. Chưa ai dạy nó ngước lên Chúa và cầu nguyện bao giờ. Thế mà lúc này nó cảm thấy có cái gì giống như niềm hy vọng và nỗi sung sướng được hướng về Thượng đế.

Mấy phút trôi qua. Người kia lại hỏi:

- Nhà bà Tênacđiê không mượn người ở à?

- Thưa không ạ.

- Chỉ có một mình cháu thôi ư?

- Vâng ạ.

Lại im lặng. Côdét lên tiếng:

- Cũng còn hai đứa con gái nữa.

- Hai đứa nào?

- Con Pônin với con Denma.

Côdét gọi gọn như vậy hai cái tên đặc tiểu thuyết mà mụ Tênacđiê đặt cho con.

- Pônin với Denma là ai?

- Là hai cô nhà bà Tênacđiê. Con gái bà chủ đấy.

- Hai cô ấy làm gì?

- Ấy, các cô có những con búp bê đẹp ghê, cả những vật có vàng nữa, bao nhiêu thứ. Các cô ấy được chơi, được nô đùa.

- Cả ngày à?

- Vâng ạ.

- Thế cháu?

- Cháu thì bận, cháu làm việc.

- Suốt ngày à?

Con bé ngước đôi mắt to, long lanh giọt nước mắt, tối quá không trông thấy. Nó dịu dàng đáp:

- Vâng ạ.

Lặng im một lát, nó lại tiếp:

- Cũng có khi làm lụng xong xuôi đâu đó mà được phép thì cháu cũng chơi.

- Cháu chơi gì?

- Chơi gì thì chơi. Người ta mặc cháu. Nhưng làm gì có lắm đồ chơi mà chơi. Con Pônin và con Denma không cho cháu chơi chung búp bê. Cháu chỉ có một thanh gươm bằng chì, dài bằng này.

Con bé xòe ngón tay út ra.

- Thế không cắt được chứ?

- Có ông ạ... Cắt được lá rau và đầu ruồi.

Đã đến đầu làng. Côdét dẫn người kia qua các phố. Qua cửa hàng bánh nhưng Côdét quên bẵng phải mua bánh về cho mụ chủ. Người lạ không hỏi chuyện nó nữa, cứ lầm lì đi. Vừa đi khỏi nhà thờ, người ấy thấy tất cả những quán dựng ngoài trời, liền hỏi Côdét:

- Ở đây mở chợ phiên đấy à?

- Không ạ. Lễ giáng sinh đấy ạ.

Gần đến quán ăn, Côdét khẽ khẽ sờ tay người kia:

- Thưa ông ...

- Gì thế cháu?

- Gần đến nhà rồi.

- Thế thì làm sao?

- Bây giờ ông cho cháu xin lại cái thùng nước.

- Sao thế?

- Cháu chỉ sợ bà cháu trông thấy có người xách hộ, cháu lại phải đòn.

Người kia đưa thùng cho nó. Chỉ một lát sau đã đến cửa hàng ăn.

VIII

PHẢI TIẾP TRONG NHÀ MỘT KẺ NGHÈO MÀ CÓ LẼ GIÀU THÌ THẬT PHIỀN

Côdét không thể không đưa mắt liếc con búp bê to vẫn bày bán ở cửa hàng bán đồ chơi, rồi mới gõ cửa. Mụ Tênacđiê ló ra, tay cầm ngọn đèn:

- Ra con ranh! Gớm nhỉ, đi sao mà lâu thế! Chắc là còn la cà chơi đâu, con nỡm!

Côdét run lẩy bẩy đáp:

- Thưa bà, có ông này hỏi trọ.

Mụ Tênacđiê mặt đang hầm hầm liền nhăn nhở lấy lòng khách: thói thường đám nhà hàng ăn xưa nay vẫn đổi thay như thế. Mụ hau háu con mắt tìm xem ai đến. Mụ hỏi:

- Ông này phải không?

Người lạ để tay lên mũ đáp:

- Thưa bà, vâng.

Khách giàu làm gì có người lễ phép đến thế. Cứ cái cử chỉ ấy và quần áo cùng hành lý của khách, mụ Tênacđiê chỉ thoáng nhìn một lượt là đổi ngay nét mặt đon đả trở lại hầm hầm giận dữ. Mụ nhạt nhẽo nói:

- Ông già, vào đi.

"Ông già" bước vào. Mụ Tênacđiê đưa mắt nhìn lượt thứ hai. Mụ đặc biệt nhìn kỹ cái áo khoác ngoài đã sờn hết, cái mũ đã bẹp; rồi mụ hất đầu, nhăn mũi và nháy mắt ra hiệu hỏi ý chồng; gã Tênacđiê vẫn đang ngồi uống rượu với bọn phu xe. Hắn trả lời bằng cách máy máy nhẹ

ngón tay trỏ, môi thì phều ra một tí, có nghĩa là: khách kiết. Thấy vậy, mụ bèn lên tiếng:

- À, thế này, bác ạ, thật không phải, nhà hết cả chỗ rồi.

- Tôi nằm đâu cũng được, có chỗ gác xép hay ngoài chuồng ngựa cũng được; rồi tôi cũng cứ trả như trả một phòng.

- Bốn mươi xu cơ đấy.

- Bốn mươi xu. Được.

- May chưa!

Một người phu xe nói khẽ với mụ Tênacđiê:

- Bốn mươi xu cơ à? Tưởng chỉ hai mươi xu thôi chứ?

Mụ cũng khẽ đáp:

- Hắn thì bốn mươi xu. Hạng nghèo không bao giờ tôi lấy kém.

Thằng chồng nhẹ nhàng nói thêm:

- Ấy, chứa những đồ ấy chỉ tổ bẩn nhà.

Khách để khăn gói và cái gậy xuống ghế dài rồi ngồi vào bàn; con Côđét vội vàng đem đến một chai rượu vang và một cái cốc. Người lái buôn đòi nước lúc nãy tự tay xách thùng nước cho ngựa uống. Côđét lại chui xuống gầm bàn bếp, ngồi đan.

Khách rót rượu ra cốc nhưng chỉ nhấp có một tí rồi chăm chú nhìn con bé.

Côđét trông xấu quá. Giá mà nó được sung sướng, chắc nó cũng xinh. Chúng tôi đã phác qua cái khuôn mặt âu sầu bé nhỏ ấy. Côđét gầy và xanh; nó lên tám mà nom như mới lên sáu. Mắt nó to, sâu lõm vào; nó khóc lắm nên mắt dại hẳn đi. Hai bên mép có nếp nhăn, dấu hiệu của sự khủng khiếp thường xuyên, thường thấy ở những kẻ tù tội

hoặc những kẻ ốm đau đã tuyệt vọng. Hai bàn tay thì nứt nẻ. Ánh lửa lúc này chiếu vào nó, làm nổi rõ những đầu xương, thân hình gày guộc của nó càng thêm ghê sợ. Lúc nào nó cũng rét run cầm cập, nên hai đầu gối nó ép sát vào nhau đã thành thói quen. Quần áo thì độc một manh, mà đã rách nát, mùa nực trông rất thương tâm, mùa rét thì đến phát khiếp. Không một mụn len, rặt những mảnh vải rách mướp. Hở cả da cả thịt từng quãng, trông rõ cả những vệt đen, vệt tím do những trận đòn của mụ Tênacđiê để lại. Hai cẳng khẳng khiu và mẩn đỏ chẳng có gì che đậy. Hai vai gầy lõ xương, trông đến rớt nước mắt. Tất cả người con bé ấy, từ cách đi đứng, dáng điệu, đến giọng nói, lời nói ấp a ấp úng, con mắt nhìn, sự im lặng, cử chỉ rụt rè, tất cả đều nói lên và diễn tả một điều: sự sợ hãi.

Sợ hãi thấm đầy người nó, trùm lên nó. Sợ hãi như có sức gì khép chặt khuỷu tay nó vào hai đùi, thu gót chân nó vào trong váy, co rúm người nó lại cho khỏi tốn chỗ, nín hơi không dám thở mạnh; nó sợ quá, nên nó đã nhiễm cái thói quen ấy, mỗi ngày một co rúm thêm. Trong khoé mắt, còn có một tia kinh sợ.

Nó sợ quá, đến nỗi về đến nhà, ướt át là thế mà nó cũng không dám lại gần lửa mà hơ; nó lẳng lặng bắt tay vào việc. Nó mới lên tám tuổi đầu, mà con mắt nhìn lúc nào cũng âm thầm, đôi khi sầu thảm quá, nên có lúc tưởng như nó sắp hoá dại hay thành con quái vật.

Như ta đã biết, bình sinh nó chưa hề biết cầu nguyện là thế nào, chưa từng bước chân vào nhà thờ bao giờ. Mụ Tênacđiê thường bảo: "Thời giờ đâu?".

Người mặc áo khoác vàng vẫn đăm đăm nhìn Côđét.

Bỗng mụ Tênacđiê tru tréo:

- Ơ kìa, thế bánh đâu?

Cứ quen lệ, mỗi lần mụ Tênacđiê the thé lên tiếng, con bé lại chui cho nhanh ra khỏi gầm bàn.

Nó quên khuấy việc mua bánh; nó lại dùng đến cái kế của những đứa trẻ lúc nào cũng khiếp sợ. Nó nói dối:

- Thưa bà, hiệu bánh đóng cửa rồi ạ.

- Phải đập vào cửa ấy chứ.

- Thưa bà con có đập.

- Thế sao?

- Người ta không mở.

- Để mai tao hỏi xem có thật không. Mày mà nói dối thì liệu hồn. Bây giờ hãy trả tao đồng mười lăm xu đây.

Côdét thọc tay vào cái túi tạp-dề; bỗng nó tái xanh người. Mất đồng mười lăm xu rồi. Mụ Tênacđiê bảo:

- Hừ, tao bảo gì, mày có nghe thấy không?

Côdét lộn túi áo, chẳng có gì. Không biết tiền nó đi đằng nào? Khốn nạn, con bé không còn biết nói sao. Nó ngây như phỗng.

Mụ Tênacđiê rên lên:

- Mày đánh mất đồng mười lăm xu rồi à? Hay là mày định ăn cắp của tao, con kia?

Vừa nói, mụ vừa giơ tay với cái roi da treo trên lò sưởi.

Trông thấy mụ hùng hổ như thế, Côdét bật kêu lên:

- Con lạy bà, con lạy bà, bà tha cho con, con chừa rồi.

Mụ Tênacđiê tháo cái roi ra.

Lúc ấy, người mặc áo khoác vàng móc tui áo gi-lê mà không ai để ý tới. Vả lại những người khác còn mải uống rượu, đánh bài, có ai để ý đến cái gì đâu.

Côdét khiếp đảm thu hình lại, ở góc lò, co rúm chân tay trần trụi lại, hòng giấu đi. Mụ Tênacđiê vừa giơ roi thì người kia nói:

- Xin lỗi bà. Lúc nãy tôi vừa thấy cái gì ở túi con bé rơi ra rồi lăn vào đây. Hay là đồng hào đấy.

Vừa nói, khách vừa cúi xuống, vờ tìm dưới đất một lúc, rồi ngẩng lên:

- Đúng rồi. Đây bà này.

Rồi ông ta đưa một đồng hào cho mụ Tênacđiê.

Mụ nói:

- Phải, phải rồi.

Nhưng nào có phải, đồng này là đồng hai mươi xu; nhưng mụ thấy có lời. Mụ bỏ đồng tiền vào túi đành quắc mắt lườm con bé mà bảo:

- Dù vậy, từ giờ cũng phải chừa, nghe không?

Côdét lại chui vào cái chỗ mụ Tênacđiê gọi là "ổ chó"; mắt nó mở to nhìn mãi người khách lạ; con mắt bắt đầu như có một ánh gì lạ lùng từ xưa chưa từng có. Mới chỉ là một nỗi ngạc nhiên thơ ngây nhưng có lẫn một niềm tin thảng thốt.

Mụ Tênacđiê hỏi khách;

- Này bác, bác có ăn tối không?

Khách không trả lời, hình như đang mải mê nghĩ ngợi gì. Mụ lẩm bẩm:

- Hạng người gì thế này? Chắc là một gã kiết xác. Làm quái gì có tiền mà ăn. Chẳng biết có tiền mà trả tiền trọ không. Nhưng cũng may mà hắn không nổi lòng tham mà ăn cắp đồng tiền rơi dưới đất.

Lúc ấy, cửa bên mở. Epônin và Adenma chạy vào.

Hai đứa bé gái đẹp thật; chúng nó ra vẻ thành thị chứ không quê mùa, rất xinh; một đứa tóc tết chải bóng

màu hạt dẻ; một đứa tóc đen nhánh tết đuôi sam, bỏ xoã sau lưng; cả hai đứa đều nhanh nhẹn, sạch sẽ, mũm mĩm, tươi tắn, khỏe mạnh, nhìn rất thích mắt. Hai đứa cùng mặc áo rất ấm, nhưng nhờ có bàn tay khéo léo của người mẹ, nên vải tuy dày mà mặc vẫn sát sóng và duyên dáng. Mặc phòng đông mà vẫn không mất vẻ xuân tươi. Hai con bé như toả ra ánh sáng. Chúng nó lại còn cái vẻ trị vì nữa. Cứ trông bộ cánh, cách nô đùa ầm ĩ cũng đủ thấy chúng nó là những bà chúa trong nhà. Thấy con chạy vào, mụ Tênacđiê mắng yêu chúng nó:

- "À! ra hai cô đấy ư?".

Rồi mụ kéo từng đứa một vào lòng, lấy tay vuốt tóc chúng nó, buộc lại cái băng cho chúng nó, rồi buông chúng nó ra, vừa buông vừa đẩy một cách ấu yếm, miệng nói: - "Các con tôi ăn với mặc lôi thôi quá!".

Hai đứa nhỏ đến ngồi bên cạnh bếp lửa. Chúng nó có một con búp bê đặt trên đùi, hết lật qua lại lật lại, bi bô với nhau rất vui vẻ. Côđét thỉnh thoảng bỏ đan ngẩng lên nhìn hai đứa, nét mặt thiểu não.

Epônin và Adenma thì không nhìn đến Côđét. Chúng nó coi Côđét cũng như con chó trong nhà. Cả ba đứa cộng tuổi lại chưa đầy hai mươi tuổi, nhưng tiêu biểu được cho tất cả xã hội loài người; một bên là thèm muốn, một bên là khinh rẻ.

Con búp bê của hai chị em nó đã cũ, bạc phếch cả ra, già nua, còm cõi, những Côđét vẫn thấy đẹp lắm; cả đời, nào nó có được một con búp bê, một *con búp bê thật* bao giờ - ấy là chúng ta dùng cái tiếng của trẻ con, đứa nào cũng hiểu.

Bất chợt mụ Tênacđiê đang đi đi lại lại trong nhà trông thấy Côdét lơ đãng nhìn hai đứa bé kia chơi, bỏ cả việc. Mụ thét:

- À, quả tang nhé. Mày làm ăn thế à? Để tao quất cho mấy roi vào xác rồi mới chịu làm, hả!

Khách lạ vẫn ngồi yên trên ghế, quay lại mụ Tênacđiê mỉm cười có vẻ rụt rè và nói:

- Chà! Thưa bà, cứ để cho cháu nó chơi.

Giá mà câu nói ấy là ở miệng một ông khách đã gọi một khoanh đùi lợn và hai chai rượu vang, mà đừng có cải vẻ *kiết xác* thì đã là một cái lệnh đấy. Nhưng đằng này, một người đội cái mũ như thế kia lại dám muốn thế này thế khác, một người mặc cái áo khoác không ra áo khoác như thế kia lại dám yêu cầu này nọ thì mụ Tênacđiê chịu sao nổi. Mụ gay gắt đáp:

- Nó ăn thì nó phải làm chứ. Ai nuôi không nó được?

- Thế cháu nó làm gì đấy ạ?

Giọng khách nói ôn tồn, trái hẳn lại với bộ đồ ăn mày và cái dáng vai u thịt bắp của mình.

Mụ Tênacđiê hạ cố trả lời:

- Đan bít tất đấy, chứ còn làm gì. Đan cho hai con tôi; hai đứa không có bít tất, lúc nãy chả đi chân không đấy thôi.

Khách nhìn xuống đôi chân mẩn đỏ của Côdét, lại hỏi:

- Đôi này, cháu nó đan bao giờ mới xong?

- Nó lại không dây ra ba, bốn ngày nữa à, cái con lười ấy!

- Thế đan xong thì một đôi giá độ bao nhiêu?

Mụ Tênacđiê nhìn khách ra vẻ khinh bỉ:

- Rẻ ra cũng phải ba mươi xu.

- Năm phơräng bà có bán không?

Một người phu xe nghe chuyện phá lên cười:

- Ái chà! Năm phơräng ấy à? Bán phứt đi chứ lị! Năm phên kia mà!

Thằng chồng thấy cần phải lên tiếng:

- Thưa ông, vâng. Ông có thích thì nhà cháu để lại hầu ông, năm phơräng đấy. Nhà hàng chúng cháu bao giờ cũng chiều khách.

Mụ Tênacđiê giở cái giọng ăn chắc và gọn quen thuộc:

- Mua thì trả tiền ngay đây.

- Được, tôi mua đôi tất này.

Khách vừa nói vừa móc túi lấy đồng năm phơräng, đặt lên bàn:

- Tiền đây.

Rồi quay lại Côđét:

- Giờ thì đôi tất con đan là của ta. Cho con chơi đi.

Người phu xe thấy đồng bạc thích quá, bỏ cả cốc rượu, chạy lại nhìn kỹ rồi reo lên:

- Ồ mà thật này! Cả một cái bánh hậu! Bở thật! Không phải bạc giả đâu,

Thằng Tênacđiê đến gần và lẳng lặng bỏ đồng bạc vào túi.

Mụ Tênacđiê không còn nói vào đâu được. Mụ cắn môi, ra dáng tức tối lắm.

Côđét sợ run lên. Nó đánh liều hỏi:

- Thưa bà, có thật không? Con chơi có được không ạ?

Mụ Tênacđiê gầm lên:

- Thì chơi!

- Cảm ơn bà.

Miệng nó nói cảm ơn mụ Tênacđiê nhưng tấm lòng thơ của nó thì cảm ơn khách.

Thằng Tênacđiê lại ngồi uống rượu. Vợ nó ghé vào tai, khẽ hỏi:

- Cái thằng cha áo vàng ấy là người thế nào?

Tênacđiê trả lời như phán:

- Ta từng thấy chán nhà triệu phú ăn mặc như thế.

Côdét không đan nữa nhưng chưa chui ra khỏi gầm bàn. Nó vẫn thường ít động đậy. Nó thò tay ra sau lưng lấy ở trong hộp ra mấy mụn giẻ cũ và cái gươm nhỏ bằng chì.

Con Epônin với con Adenma chẳng để ý đến cái gì cả. Chúng nó vừa làm được một việc trọng đại; chúng nó bắt được con mèo. Chúng vứt búp bê xuống đất, rồi con Epônin là con chị lấy áo quần, tã lót xanh đỏ quấn cho con mèo con, tha hồ cho nó kêu gào giãy giụa. Nó vừa làm cái công việc quan trọng và khó khăn đó, vừa thủ thỉ với con em; giọng con trẻ nghe êm ái, dễ thương lạ, đẹp như cánh bướm huy hoàng, và cũng như cánh bướm vừa định ghì lấy, đã bay mất!

- Em nom mà xem, con búp bê này thích bằng mấy con búp bê kia. Nó biết động đậy, nó biết kêu, người nó lại ấm cơ. Đấy! em nom mà xem, chúng mình chơi với nó nhé. Giả vờ nó là con gái chị; chị thì vờ làm một bà. Chị đến chơi với em rồi em nhìn nó, rồi em thấy nó có râu, em lạ quá. Rồi thì em lại thấy cái tai nó, rồi lại cái đuôi, em lại lạ quá. Thế rồi em bảo: Trời ơi, kìa! Chị mới bảo em: Thưa bà, vâng, con cháu tôi nó như thế đấy. Bây giờ thì bọn con gái, đứa nào cũng thế cả.

Adenma ngây người ra mà nghe Epônin nói.

Lúc ấy, bọn [illegible] uống rượu đang hát một bài hát tục tĩu rồi cười vang, làm rung trần nhà. Tênacđiê cũng hát theo để kích thích thêm.

Cũng như giống chim bạ cái gì cũng tha về làm tổ được, bọn trẻ con thì cái gì cũng làm được búp bê. Hai chị em Epônin và Adenma còn mải quấn cho con mèo thì Côdét cũng quấn cho cái gươm. Quấn xong, nó bế lên tay và khe khẽ ru.

Búp bê là một đòi hỏi bức bách của các em bé gái và đó là biểu hiện đáng yêu của nữ tính ở tuổi trẻ con. Chăm sóc, vá may, trang điểm, thay áo quần, dạy dỗ mắng mỏ chút ít, ru ẵm, vỗ về, dỗ ngủ, coi một đồ vật là một sinh linh, tương lai của người đàn bà là ở đấy. Em bé gái lúc mơ tưởng líu lo, lúc vá may quần áo hay tã lót nhỏ xíu, lúc may cái áo ngoài, cái yếm, cái áo lót mình xinh xinh. Cứ vừa làm như thế mà đứa trẻ dần dần trở thành một cô gái nhỏ, cô gái nhỏ thành cô gái lớn, cô gái lớn trở thành người thiếu phụ. Đứa con đầu lòng sẽ thay chân cho con búp bê cuối cùng.

Một đứa bé gái thiếu búp bê thì cũng khổ sở gần như người đàn bà không con và cũng là chuyện vô lý.

Vì thế, Côdét lấy thanh gươm làm con búp bê.

Còn mụ Tênacđiê thì mon men lại gần *người áo vàng*. Mụ nghĩ thầm:

- Chồng mình nói phải, hay đây là ông chủ ngân hàng Laphit? Có những nhà giầu cứ hay bông phèng như thế.

Mụ đến bên bàn khách, tỳ tay, nói:

- Thưa ông...

Thấy tiếng "ông", khách quay lại. Từ nãy mụ chỉ một giọng gọi khách là "bác" hay "ông-già". Giờ thì mụ cố làm ra dáng dịu dàng, nhưng cái dịu dàng của mụ còn khả ố hơn cái nanh ác lúc nãy.

- Thưa ông, ông xem, tôi có cấm đoán nó đâu, nó chơi thì chơi. Có chơi cũng chỉ lần này thôi. Thật nể ông tốt quá. Ông xem, nó trơ thần xác ra, có gì đâu. Nó phải làm chứ!

Khách hỏi:

- Cháu nó không phải là con bà ư?

- Rõ khốn nạn! Thưa ông, tôi đâu có thứ con ấy. Nó là con nhà túng đói, chúng tôi đem về nuôi làm phúc. Nó đần độn lắm cơ. Đầu nó dễ thường chỉ toàn là nước. Ông xem, đầu nó to thế kia mà. Chúng tôi cũng làm hết sức mình vì cháu, nhưng nhà nghèo lắm. Chúng tôi đã gửi thư về quê quán, mà sáu tháng nay chẳng được tin tức gì cả. Chắc là mẹ cháu chết rồi.

- Thế à?

Khách nói xong lại trầm ngâm nghĩ ngợi.

Mụ Tênacđiê nói tiếp:

- Mẹ nó cũng chẳng ra quái gì. Mang con bỏ chợ.

Lúc hai người nói chuyện thì Côdét như có linh tính báo cho nó biết hai người đang nói chuyện nó; nó không rời mắt nhìn mụ Tênacđiê. Nó nghe bập bõm, câu được câu chăng.

Bọn khách đã say mềm vẫn hát mãi cái bài hát thô tục của họ, càng ngày càng ầm ĩ. Đó là một bài hát chúa tục trong đó có nói đến đức Nữ Đồng trinh và ấu chúa Giê-su. Mụ Tênacđiê đã chạy đến chia phần vui nhộn. Côdét vẫn ngồi dưới bàn nhìn đăm đăm ngọn lửa và ngọn

lửa thì phản chiếu long lanh trong mắt nó. Nó lại ru nựng cái quấn tã nó vừa làm ra, vừa nựng vừa hát khe khẽ: *Mẹ em chết rồi! Mẹ em chết rồi! Mẹ em chết rồi.*

Bà chủ hiệu mời mọc mãi, nhà "triệu phú"mới chịu ăn tối.

- Thưa ông, ông dùng gì?

- Bánh mì và pho mát - khách nói.

"Rõ ràng là một tên kiết xác", mụ Tênacđiê nghĩ vậy.

Bọn say vẫn hát bài hát tục tĩu của chúng. Côdét thì cứ hát ru bài hát riêng của mình.

Bỗng Côdét im bặt. Nó vừa quay lại và thấy con búp bê của chị em nhà Tênacđiê vứt chỏng dưới đất, gần cái bàn bếp, để chơi con mèo. Thế là nó buông thanh gươm quấn giẻ xuống, vì nào có ra búp bê; rồi nó thong thả nhìn quanh phòng một lượt. Mụ Tênacđiê đang mải nói thầm với chồng, tay thì đếm tiền; Epônin với Adenma bận chơi con mèo; khách thì nào ăn, nào uống, nào hát; không ai nhìn nó cả. Con bé thừa cơ hội, tức khắc ở trong bàn bò ra, nhìn quanh lượt nữa xem có ai rình nó không, rồi nhanh nhẹn trườn ra chỗ con búp bê mà nhặt lấy. Thoáng một cái, nó đã ngồi vào chỗ cũ, không nhúc nhích, quay lưng lại để cho con búp bê vào chỗ bóng tối; nó bế con búp bê thật nên nó thấy sung sướng hết sức.

Ngoài người khách lạ đang thong thả ăn bữa ăn xoàng kia, không ai trông thấy nó cả.

Con bé vui được đến gần mười lăm phút.

Song mặc dầu Côdét đã hết sức cẩn thận, nó không ngờ một chân con búp bê vẫn thò ra ngoài, ánh lửa rực rỡ trong lò soi vào. Bỗng con Adenma nhìn thấy cái chân hồng hồng và sáng chói ấy thò ra ngoài bóng tối. Nó bảo

Epônin: "Kìa! Chị!". Hai đứa bé ngừng chơi, ngẩn người ra: Con Côdét cả gan lấy búp bê của chúng nó!

Epônin đứng dậy, tay vẫn ôm con mèo, đến gần mẹ nó, kéo váy. Mẹ nó bảo:

- Yên nào! Cái gì thế?

- Mẹ ơi! Trông kìa!

Miệng nói tay trỏ con Côdét.

Côdét mải mê con búp bê, không nom thấy gì và cũng không nghe thấy gì hết.

Nét mặt mụ Tênacđiê biến sắc! Mụ có cái vẻ đặc biệt của bọn nặc nô, chẳng có gì cũng giơ nanh dẩu mỏ.

Lần này mụ bị bẽ mặt nên càng giận dữ. Côdét không coi ai ra gì. Côdét dám phạm đến con búp bê của "các cô chiêu" ấy.

Giả thử một bà hoàng hậu nước Nga mà thấy một tên nông nô dám khoác thử cái băng huân chương nhất đẳng của đông cung hoàng thái tử thì vẻ mặt phẫn nộ cũng chỉ đến thế là cùng.

Mụ thét lên, giọng khản đi vì uất ức:

- Côdét!

Côdét cầm con búp bê khẽ đặt xuống đất, vừa nâng niu quý trọng vừa ngao ngán thất vọng. Mắt nó vẫn nhìn con búp bê, hai tay nó chắp lại; rồi nó lại vặn tay trông mới thảm chứ, con bé ngần ấy tuổi đầu! Qua bao cơn sợ hãi ngày hôm đó, nào là lặn lội trong rừng, nào là xách thùng nước nặng, nào là đánh mất tiền, nào là cái roi da, nào là những lời độc địa của mụ Tênacđiê nói lúc nãy, mà cũng chẳng hề gì, thế mà lúc này nó khóc. Nó khóc nức nở. Người khách đứng dậy hỏi mụ Tênacđiê:

- Cái gì thế bà?

Mụ Tênacđiê trỏ cái tang vật còn nằm sóng sượt dưới chân con bé.

- Không trông đấy ư?

- Thế thì làm sao?

- Con ăn mày dám sờ vào búp bê của trẻ tôi!

- Chỉ có thế mà cũng ầm lên à? Thế nó chơi búp bê đó thì đã sao?

- Tay bẩn thế kia mà dám mó vào, tay thật là tởm,

Côdét càng nức nở khóc. Mụ quát:

- Cô câm họng ngay không?

Người khách đi thẳng ra phía cửa, mở cửa và ra ngoài.

Thấy khách đi khỏi, mụ Tênacđiê thừa dịp thò chân vào gầm bàn đạp mạnh cho nó một cái, làm nó phải kêu lên mấy tiếng.

Cửa lại mở, người khách trở về, hai tay ôm con búp bê kỳ diệu đã nói ở trên, con búp bê mà tất cả trẻ con trong làng ngắm nghía từ sáng. Người ấy đặt con búp bê đứng ngay trước mặt Côdét nói:

- Này, của con đây.

Chắc là người ấy lúc ngồi nghĩ ngợi vẩn vơ có đến hơn một tiếng đồng hồ cũng thoáng thấy cửa hàng bán đồ chơi rực rỡ những đèn nến, trông qua cửa kính hàng ăn như một ánh sáng thần tiên.

Côdét nhìn lên, thấy người ấy mang búp bê đi về phía mình thì nó tưởng như thấy mặt trời tiến đến; rồi nó nghe thấy câu nói lạ lùng: *của con đây*; nó liền chậm chậm lùi lại, lùi vào tận chỗ cuối bàn, nơi xó tường mà núp.

Nó không khóc nữa, nó không kêu nữa, nó như không dám thở nữa.

Mụ Tênacđiê, Epônin, Adenma sừng sững như ba pho tượng. Bọn khách cũng phải ngừng cả lại. Trong quán tự nhiên im lặng, trang nghiêm.

Mụ Tênacđiê đứng trơ như phỗng và ngậm câm: mụ lại băn khoăn: cái lão già này là người thế nào? Một kẻ nghèo? Hay là một nhà triệu phú? Có lẽ cả hai, tức là một thằng kẻ cướp.

Mặt thằng chồng nhăn nhíu lại. Cái nhăn đó phản ánh rõ dục vọng bên trong, đó là cái nhăn trên mặt người khi bản năng thú tính nổi dậy thôi thúc. Tên chủ quán hết ngắm con búp bê lại ngắm người khách ; nó đánh hơi ông ta như đánh hơi một túi bạc. Như thế chỉ thoáng qua như một tia chớp. Rồi nó đến gần vợ thầm thì:

- Cái này rẻ cũng phải ba mươi quan. Đừng có dại dột nhé. Hãy qùi mọp trước mặt hắn.

Những kẻ vũ phu cũng giống như những người thơ ngây, thường hay thay đổi đột ngột. Mụ Tênacđiê cố lấy cái giọng ngọt ngào - ngọt mà chua như giấm của bọn đàn bà cay nghiệt - bảo Côdét:

- Kìa, Côdét, ông cho, sao con không cầm lấy?

Côdét khiếp sợ nhìn con búp bê kỳ lạ. Mặt nó còn ròng ròng nước mắt, nhưng hai con mắt đã ngời lên những tia sáng lạ lùng vì sung sướng, tựa như bầu trời lúc bình minh. Lúc ấy nó có cảm tưởng như có người đột nhiên bảo nó: "Cô bé, cô là hoàng hậu nước Pháp".

Nó tưởng như nó mà mó vào con búp bê thì sấm sét sẽ nổ ra. Cái đó cũng có phần đúng, vì nó nghĩ mụ Tênacđiê sẽ mắng nó, - rồi đánh nó.

Song nó ham thích quá, nó liền sán đến gần rồi quay lại mụ Tênacđiê, rụt rè khẽ hỏi:

- Thưa bà, con xin, có được không ạ?

Không có chữ nào tả được cái vẻ vừa liều lĩnh, vừa khiếp sợ, vừa hân hoan ấy. Mụ Tênacđiê nói sõng;

- Được chứ! Của mày đấy. Ông cho mày mà lị.

- Thưa ông, có thật không? Có thật "bà lớn" này là của con không ?

Khách như muốn ứa nước mắt. Khách cảm động quá, khống nói vì sợ tiếng nói sẽ bật thành tiếng khóc. Khách nhìn Côdét gật đầu rồi tay cầm búp bê đặt vào tay Côdét.

Côdét vội rụt ngay tay lại như mó phải lửa và cúi gầm mặt xuống đất. Phải nói thêm rằng lúc ấy nó thè lưỡi dài ra. Rồi nó quay phắt lại, ôm chầm lấy con búp bê. Nó nói:

- Cháu đặt tên nó là Catơrin.

Cái lúc quần áo tả tơi của Côdét chạm vào và quấn quít với những dải là áo lượt màu hồng của con búp bê, thật là giây phút lạ lùng. Nó hỏi:

- Thưa bà, con đặt nó lên ghế có được không?

- Được, con ạ.

Giờ thì lại đến lượt Epônin và Adenma đứng nhìn Côdét mà thèm.

Côdét đặt búp bê trên ghế rồi ngồi bệt xuống đất ngay trước mặt, ngồi yên, không nói không rằng trong dáng điệu chiêm ngưỡng. Khách lạ bảo nó:

- Côdét, con chơi đi.

- Ồ! con chơi chứ.

Cái người lạ mặt ấy hình như Trời sai xuống để thăm Côdét thì mụ Tênacđiê lại căm ghét nhất thiên hạ. Nhưng phải nén giận. Mặc dầu lâu nay mụ đã quen nhất

cứ nhất động đều học đòi chồng, không bao giờ để lộ nỗi vui giận, lúc này mụ không sao nhịn được tức. Mụ vội cho hai con đi ngủ, mụ lại *xin phép* người áo vàng cho Côdét cũng được đi ngủ; mụ nói thêm, ra vẻ thương yêu nó lắm: "*Hôm nay cháu nó chả mệt*". Côdét hai tay ôm búp bê đi ngủ.

Chốc chốc, mụ lại đến chỗ cuối phòng là nơi chồng ngồi để "khai uất". Mụ thì thào nói với chồng; nhưng càng không dám nói to, giọng lại càng hằn học:

- Cái con khỉ già! Không biết bụng dạ nó nghĩ thế nào! Đến mà làm rầy người ta! Nó lại muốn cho con quỷ con chơi! Lại cho nó cả búp bê nữa! Con búp bê những bốn mươi phơrăng, lại đem cho cái con chó ghẻ có bán xác đi cũng chỉ được bốn mươi xu. Không khéo lại đến nước lão ta "bẩm công nương" với nó như bẩm với Beri quận chúa chắc! Không biết nó có tỉnh táo không. Cái thằng già bí mật này, dễ nó hoá rồ!

Thằng chồng cự lại:

- Sao lại rồ? Có gì là lạ. Người ta thích thế thì sao! Mẹ mày thì mẹ mày thích bắt con bé phải làm, người ta thì người ta thích cho con bé chơi. Người ta có quyền của người ta. Khách trọ muốn làm gì thì làm, miễn là trả tiền. Lão ấy là kẻ hay thương người thì bận gì đến mẹ mày? Còn như lão ta gàn dở thì cũng chẳng can gì đến mẹ mày. Người ta có tiền thì mặc người ta, việc gì mà cứ nói mãi?

Trước cái giọng dứt khoát của ông chủ và cái lý lẽ chủ quán ấy, cũng hết ngõ trả lời.

Người khách lạ chống tay xuống bàn, ngồi trầm ngâm. Bọn lái buôn và bọn phu xe lảng dần, thôi không

hát nữa. Họ ngồi xa mà nhìn ông ta, ra vẻ kính sợ. Người ta ăn mặc tồi tàn thế mà không coi tiền bạc vào đâu, lại vứt tiền ra mà mua những con búp bê to tướng cho những đứa trẻ bẩn thỉu rách rưới, chắc hẳn phải là bậc phú quí, có quyền thế lắm.

Mấy tiếng đồng hồ trôi qua. Lễ nửa đêm đã xong, tiệc đêm Giáng sinh đã tàn, khách khứa cũng đã ra về; cửa hàng ăn đã đóng; cái gian phòng dưới vắng ngắt, đèn lửa đã tắt. Người khách lạ vẫn ở nguyên chỗ cũ, vẫn dáng ngồi như trước. Thỉnh thoảng mới đổi khuỷu tay chống nẹ. Chỉ có thế. Từ lúc Côdét đi khỏi, khách không hề nói một lời.

Chỉ còn hai vợ chồng Tênacđiê ở lại trong phòng, vì lẽ nghĩa cũng có, vì tò mò cũng có. Mụ vợ càu nhàu: "Dễ thường cứ ngồi thế suốt đêm chắc". Lúc chuông đồng hồ đánh hai giờ sáng, mụ đành chịu thua, bảo chồng: "Tôi đi ngủ đây, mặc mình làm gì người ta thì làm". Thằng chồng đến ngồi ở cái bàn nơi xó buồng, thắp một cây nến rồi giở tờ *Tin tức nước Pháp* ra đọc.

Một tiếng đồng hồ nữa trôi qua. Ông chủ quán đáng kính ấy ít nhất cũng đã đọc tờ *Tin tức nước Pháp* đến ba lần, từ chỗ đề ngày tháng đến tên nhà in. Khách vẫn không nhúc nhích.

Tênacđiê cựa mình, ho, khạc, sỉ mũi, khua bàn ghế. Khách vẫn yên như không. Tênacđiê nghĩ thầm: "Hay là ngủ rồi". Khách không ngủ, nhưng không tài nào đánh thức được.

Sau cùng, Tênacđiê bỏ mũ, khẽ lại gần khách, đánh liều hỏi:

- Thưa ngài, ngài chưa đi nghỉ?

Nói là *chưa đi ngủ* sợ hơi nặng và suồng sã. *Đi nghỉ* nghe lịch sự và kính trọng hơn. Những tiếng ấy sáng hôm sau có tác dụng huyền diệu là thổi phồng to những con số trên đơn tính tiền. Một cái buồng cho khách *ngủ*, chỉ trả hai mươi xu; một cái buồng cho khách *nghỉ* thì phải hai mươi phơrăng.

Khách đáp:

- Ừ nhỉ! Ông nói phải. Chuồng ngựa đi đàng nào?

Tênacđiê mỉm cười:

- Thưa ngài, để tôi đưa ngài.

Nó cầm một cây nến, khách lấy khăn gói và cái gậy. Tênacđiê dẫn khách vào một cái phòng ở trên gác, rất lộng lẫy, đồ đạc toàn bằng gụ, có giường khung buông màn điều.

Khách hỏi:

- Sao lại thế này?

- Đây là buồng cưới của vợ chồng nhà cháu ngày xưa. Bây giờ chúng tôi ở phòng khách, một năm chỉ vào phòng này ba, bốn lần.

Khách nói sẵng:

- Tôi thì chuồng ngựa cũng thế thôi.

Tênacđiê vờ như không nghe thấy câu nói khiếm nhã ấy!

Nó thắp hai cây nến còn mới tinh trên lò sưởi. Trong lò, lửa cháy khá đượm.

Trên lò sưởi, có một cái khăn trùm phụ nữ dệt bằng chỉ bạc kết hoa cam đặt dưới một cái bình.

Khách hỏi:

- Còn cái này là cái gì?

- Thưa ngài, cái khăn cưới của mẹ cháu.

Khách nhìn vật đó như có ý bảo: Hoá ra con quỷ cái ấy cũng có lúc là gái đồng trinh kia đấy.

Tênacđiê nói láo: khi nó thuê cái nhà này để mở hàng ăn thì đã có sẵn y nguyên cái phòng và những đồ đạc này rồi, nó mua lại đồ đạc ấy và đổi chác ở đâu được cái khăn hoa cam, cho người ta tưởng rằng trước đây vợ nó cũng có cái vẻ mỹ miều và nhà nó có vẻ lịch sự một tí.

Lúc khách quay lại thì chủ quán đã biến mất. Tênacđiê khéo lủi ra ngoài lúc nào; nó không dám cáo từ sợ có tỏ ra quá thân thì thất lễ với kẻ mà nó định bụng sáng hôm sau sẽ thẳng tay cắt cổ.

Chủ quán về phòng riêng. Mụ vợ đã đi nằm nhưng chưa ngủ. Nghe tiếng chân chồng vào, mụ quay lại bảo:

- Mình ạ, mai tôi tống con Côdét ra khỏi cửa.

Tênacđiê nhạt nhẽo đáp:

- Mình hăng nhỉ!

Hai vợ chồng không nói gì nữa, mấy phút sau thì tắt đèn.

Về phần khách, khách cất gậy và khăn gói vào một xó.

Lúc chủ quán đã ra ngoài, khách mới ngồi xuống cái ghế bành và nghĩ ngợi một lúc. Rồi khách tháo giầy, cầm một cây nến, còn cây kia thì tắt đi, rồi đẩy cửa ra ngoài; khách nhìn quanh như người tìm cái gì. Ông ta đi qua hành lang, đến đầu cầu thang. Đến đây, nghe tiếng thở rất khẽ, như tiếng trẻ con thở. Lần theo tiếng thở ấy mà đến một cái hốc góc thụt vào dưới cầu thang; chỗ ấy chính là cái gầm cầu thang. Nhìn vào thấy ngổn ngang những sọt cũ, chai lọ vỡ, bụi bặm và mạng nhện chăng đầy; ở giữa có một cái giường. Gọi là giường nhưng thật ra chỉ là

một cái ổ rơm cũ thủng lòi cả rơm ra ngoài, lại có cả một cái chăn rách giơ cả lõi. Làm gì có khăn trải. Ổ rơm đặt ngay trên mặt đất. Giường ấy là giường của Côdét.

Khách đến gần nhìn con bé.

Côdét ngủ say. Nó để nguyên cả quần áo mà ngủ. Mùa rét, nó không dám cởi bớt áo, sợ lạnh.

Nó ôm chặt lấy con búp bê; hai mắt búp bê mở to, lóng lánh trong đêm tối. Chốc chốc nó lại thở dài như sắp tỉnh dậy rồi lại ôm ghì lấy con búp bê. Bên cạnh giường chỉ có một chiếc guốc.

Bên kia cái cửa cạnh giường Côdét là một cái buồng khá rộng tối om. Khách vào xem.. Qua lần cửa kính, khách thấy ở cuối buồng hai cái giường nhỏ trắng tinh kê song song. Giường ấy là giường Adenma và Epônin. Phía sau, có một cái nôi bằng mây không có màn; chính thằng bé kêu khóc suốt lúc tối ngủ đấy.

Khách đoán là buồng này thông sang buồng của vợ chồng Tênacđiê. Vừa định quay ra thì chợt thấy cái lò sưởi; một thứ lò sưởi nơi quán trọ vừa to vừa rộng, lúc nào cũng có một ngọn lửa heo hắt về mùa đông, trông chỉ thấy lạnh. Nhưng lò này lại không thấy lửa, tro tàn cũng không. Khách chú ý nhìn hình như có vật gì; thì ra hai chiếc giầy trẻ nhỏ rất xinh, chiếc to, chiếc nhỏ. Ông nhớ ra cái tục đáng mến lưu lại từ xưa là cứ ngày lễ Giáng sinh đến thì trẻ con lại để giày vào lò sưởi để chờ nàng tiên đêm đến sẽ cho một món quà sáng chói. Epônin và Adenma không quên tục ấy, nên mỗi đứa đã đem một chiếc giày để trong lò sưởi.

Khách cúi xuống nhìn.

Nàng tiên, tức là người mẹ, đã qua thăm rồi, nên trong mỗi chiếc giày thấy một đồng mười xu mới, lấp lánh.

Khách đứng dậy toan ra thì lại thấy ở phía trong, chỗ xó tối nhất trong lò, còn một vật gì. Nhìn kỹ thì ra một chiếc guốc, một chiếc guốc bằng gỗ xấu xí đã mòn vẹt cả, nhơ nhớp những tro cùng bùn đóng khô lại. Guốc ấy là guốc của Côdét. Thì ra mặc dù luôn luôn bị đánh lừa, lòng trẻ con vẫn luôn luôn tin tưởng, nên Côdét cũng để chiếc giày của mình bên trong lò sưởi.

Thấy một đứa bé chỉ gặp toàn điều thất vọng mà còn biết hy vọng thì thật phấn khởi và thú vị.

Guốc chẳng có gì.

Khách lục túi áo gi-lê, cúi xuống để vào guốc của Côdét một đồng lu-i vàng.

Rồi ông rón rén trở về buồng mình.

IX

TÊNACĐIÊ GIỞ THỦ ĐOẠN

Sáng hôm sau, còn đến ít ra là hai giờ đồng hồ nữa mới sáng rõ, đã thấy Tênacđiê ngồi ở bàn nơi phòng thấp dưới cửa hàng, bên ngọn nến, tay cầm bút; nó đang sáng chế cái đơn tiền trọ của ông khách áo vàng. Mụ vợ đứng cạnh khom khom cúi xuống nhìn chồng viết. Hai vợ chồng không nói với nhau một lời. Một đằng thì suy nghĩ trầm ngâm, một đằng thì chiêm ngưỡng một kỳ công của tài trí con người đang hình thành và ra ánh sáng. Trong nhà có tiếng động: Côdét đang quét cầu thang.

Sau mười lăm phút và mấy lần gạch xoá, Tênacđiê hoàn thành kiệt tác sau đây:

Đơn kê tiền trọ của ông khách phòng số 1:

Bữa ăn tối	3 phơrăng	
Tiền buồng	10	--
Nến	5	--
Tiền củi sưởi	4	--
Hầu hạ	1	--
	Cộng 23 phơrăng.	

Trong đơn, có nhiều lỗi chính tả.

Mụ vợ thấy thế thích trí reo lên, tuy còn ngài ngại:

- Hai mươi ba phơrăng!

Thằng chồng vẫn chưa được vừa ý, cũng như các bậc nghệ sĩ đại tài vậy. Nó "phừ" một tiếng.

Ấy, lúc ông Cátstơnrít kê khoản đài thọ của nước Pháp ở Hội nghị Viên, ông cũng "phừ" như vậy (1).

Mụ vợ nghĩ đến con búp bê ông khách cho Côdét trước mặt hai đứa con gái mình. Mụ khẽ nói:

- Mình ạ, mình tính phải đấy, trả thế là phải. Đúng thì đúng nhưng sợ hơi nhiều. Chỉ sợ nó không chịu trả.

Tênacđiê lạnh lùng cười:

- Nó trả thôi!

Cái cười ấy là cái cười của kẻ cả, có uy thế tuyệt đối. Nó có ý nghĩa : cứ yên trí, đã nói sao thì được vậy. Mụ vợ không bàn thêm. Mụ đi thu dọn lại bàn ghế. Thằng chồng đi đi lại lại trong phòng. Một lát sau nó nói:

- Tao còn nợ một món nghìn rưỡi phơrăng kia mà!

Nó đến bên lò sưởi ngồi xuống, chân gác trên đống tro còn ấm, đang nghĩ ngợi. Mụ vợ lại nói:

- À này, hôm nay là tôi tống cổ con Côdét đi đấy nhé. Con ôn! Nghĩ đến con búp bê là tôi lộn cả ruột. Thà rằng

(1) Hội nghị Viên 1814 - 1815, sau cuộc đại trận của Napôlêông; Hội nghị này bắt nước Pháp phải bồi thường cho các nước liên minh.

lấy vua Lu-i XVIII(1) còn hơn là phải chứa thêm nó một ngày trong nhà.

Tênacđiê châm ống điếu hút, rồi phì khói mà bảo vợ:

- Chốc đưa cái giấy này cho người ta.

Xong, hắn đi ra.

Hắn vừa ra khỏi thì người khách bước vào.

Tênacđiê lập tức quay trở vào, theo sau lưng khách đứng yên chỗ ngoài cửa hé mở, chỉ có mụ vợ là trông thấy.

Người mặc áo vàng tay xách gậy và khăn gói. Mụ Tênacđiê nói:

- Ngài dậy sớm thế ạ? Ngài định đi ngay, không để chúng tôi hầu hạ nữa sao?

Vừa nói mụ vừa lúng túng mân mê cái đơn trả tiền, ngón tay gấp gấp tờ giấy. Nét mặt đanh đá của mụ có một vẻ khác thường, nửa như rụt rè, nửa như băn khoăn.

Hình như mụ thấy đưa một cái đơn tiền trọ như vậy cho một người có vẻ "kiết xác" thế kia, thì cũng khó chịu.

Khách hình như lơ đãng, óc còn bận nghĩ ngợi điều gì. Khách đáp:

- Thưa bà vâng, tôi đi bây giờ.

- Thế ngài không có việc gì ở Môngphecmây ạ?

- Không. Tôi chỉ đi qua đây. Thế thôi. Thưa bà, tôi phải trả bao nhiêu nhỉ?

Mụ Tênacđiê chìa tờ giấy ra, không nói gì.

Người kia mở giấy nhìn qua, tâm trí còn để tận đâu đâu.

- Thưa bà, nhà ta mở hàng ở đây có khá không?

Mụ Tênacđiê kinh ngạc thấy không bùng nổ ra

(1) Vua Lu-i XVIII béo, xấu, không được lòng dân.

chuyện gì cả, mụ đáp:

- Cũng nhì nhằng thôi ạ.

Rồi mụ đổi giọng nỉ non than vãn:

- Thưa ngài, thời buổi khó khăn quá! Vùng này lại ít nhà có của. Ngài xem, toàn hạng xuềnh xoàng cả. Giá một đôi khi không được những vị khách hào phóng, dư dật như ngài thì cũng... Chúng tôi lại lắm gánh nặng. Đấy, như cái con bé ấy, thật đến róc tuỷ róc xương với nó.

- Con bé nào?

- Kìa, cái con ấy, con Côdét ấy ạ, con Sơn Ca ấy mà, vùng này cứ quen gọi nó là con Sơn Ca.

- À, à!

Mụ lại tiếp:

- Người nhà quê kể ngốc thật, không biết sao lại đặt nó là Sơn Ca: trông nó như con dơi thì có. Thưa ngài, chúng tôi chẳng muốn ăn xin ai, nhưng cũng chẳng có của đâu mà làm phúc cho ai được. Lời lãi chẳng có gì, mà đóng góp thì vô số. Nào môn bài, nào thuế nọ thuế kia, thuế cửa lớn, thuế cửa sổ, thuế phụ thu. Chắc ngài cũng thừa biết nhà nước đang thu tiền khiếp lắm. Chúng tôi lại còn con cái nữa chứ. Hoài công mà nuôi con người.

Khách cố lấy giọng tự nhiên, nhưng vẫn có vẻ cảm động:

- Thế ngộ có ai rước nó đi thì bà nghĩ sao?

- Rước ai? Con Côdét ấy à?

- Vâng.

Cái mặt đỏ gay, dữ tợn của mụ chủ quán bỗng rạng hẳn lên, trông ghê tởm:

- Trời ơi, thưa ngài, ngài phúc đức quá! Ngài vào mà nhận nó đi, ngài giữ lấy nó, dắt nó đi, mang nó theo,đem

nó đi mà nâng niu, mà chiều chuộng nó. Đức Mẹ Đồng trinh và thần thánh trên thiên đường phù hộ cho ngài!

- Được rồi.

- Thật ư? Ngài đem nó đi thật ư?

- Tôi đem nó đi.

- Đem ngay?

- Ngay bây giờ. Bà gọi con bé ra đây.

Mụ Tênacđiê gọi:

- Côđét!

- Bây giờ tôi hãy trả tiền bà đã. Hết bao nhiêu nhỉ! Khách liếc qua tờ giấy, không khỏi lộ vẻ ngạc nhiên:

- Hai mươi ba phơrăng!

Ông ta nhìn mụ chủ quán, nhắc lại:

- Hai mươi ba phơrăng kia à?

Cùng một câu nói, nhưng câu trước thì tỏ vẻ ngạc nhiên, câu sau là một câu hỏi.

Mụ Tênacđiê đã có thời giờ chuẩn bị đối phó. Mụ trả lời chắc nịch:

- Thưa ông, vâng, đúng hai mươi ba phơrăng.

Khách đặt năm đồng năm phơrăng xuống bàn, nói:

- Tìm con bé cho tôi.

Vừa lúc ấy, Tênacđiê tiến vào giữa phòng, bảo:

- Thưa ngài, ngài chỉ phải trả hai mươi sáu xu thôi.

Mụ vợ kêu lên:

- Sao lại hai mươi sáu xu!

Tênacđiê lạnh lùng đáp:

- Tiền buồng hai mươi xu, bữa ăn tối sáu xu. Còn chuyện con bé thì tôi cần thưa với ông đây vài lời. Mình để mặc ông với tôi.

Mụ Tênacđiê loá mắt vì thiên tài đã xuất hiện. Mụ biết là người diễn viên ưu tú đang lên sân khấu.Mụ đi ra, không cãi nửa lời.

Còn lại hai người, Tênacđiê đưa ghế mời khách ngồi. Khách ngồi xuống, còn nó, nó vẫn đứng, bộ mặt làm ra vẻ hiền lành, ngay thật. Nó nói:

- Thưa ngài, để tôi xin thưa chuyện. Tôi thì tôi quý con bé ấy lắm.

Khách nhìn nó chằm chằm:

- Con bé nào kia?

Nó vẫn nói:

- Cũng lạ thật. Hai bố con mến nhau đáo để. Tiền gì thế này? Ngài cất những đồng năm phorăng này đi. Con bé, tôi quý nó lắm.

Khách lại hỏi:

- Ai cơ chứ?

- Kia, con bé cháu Côdét ấy mà! Ngài chả định đem nó đi là gì? Đây, tôi xin nói thật. Ngài là người đứng đắn thế nào thì tôi nói cũng thật như thế; tôi không thuận để cho nó đi. Thiếu nó tôi không chịu được. Tôi nuôi nó từ tấm bé. Đành rằng nuôi nó thì tốn kém thật. Đành rằng nó lắm tật xấu, đành rằng chúng tôi chẳng dư dật gì, đành rằng nó chỉ ốm một trận cũng đủ thuốc thang đến bốn trăm phorăng. Nhưng ăn ở cũng phải cho phúc đức. Nó bồ côi bồ cút, tôi đã nuôi nó. Tôi còn đủ cơm nuôi miệng tôi, nuôi miệng nó. Thật thế, tôi mến nó lắm. Ngài hiểu cho, bấy nhiêu lâu, làm gì không quyến luyến nhau. Tôi quê mùa cứ nói thật, không lý luận gì cả. Con bé ấy, tôi quý nó lắm. Vợ tôi phải cái nóng nảy nhưng cũng thương cháu lắm. Ngài xem đấy hai vợ chồng chúng tôi coi cháu như con đẻ. Có nó thì vui cửa vui nhà.

Khách vẫn nhìn nó chằm chằm. Nó lại tiếp:

- Ngài thứ lỗi, nói thế này thì cũng có phần không phải: Ai lại đem con mà cho khách qua đường như thế. Nói thế có phải không ạ? Nhưng nghĩ lại, ngài thì giàu có,

lại ra người phúc hậu, thôi cũng vì hạnh phúc của cháu, có phải không ạ? Nhưng phải xem thế nào. Giả dụ tôi hy sinh mà cho cháu theo ngài, thì tôi cũng phải biết là cháu đi đâu chứ, tôi không thể để cho cháu biệt tăm biệt tích; tôi còn muốn biết cháu nó ở nhà ai để thỉnh thoảng còn đi lại thăm nom; cháu cũng cần biết bố nuôi cháu vẫn ở đây, lúc nào cũng chú ý đến cháu. Tóm lại không thể như thế được ạ. Ngay quý danh, tôi cũng chưa tường. Ngài mang nó đi rồi , tôi chỉ còn có biết kêu: Con ơi, Sơn Ca ơi, con đi đâu rồi? Ít ra cũng phải xem một mẩu giấy tờ lăng nhăng gì, một mẩu giấy thông hành chẳng hạn!

Khách vẫn giương mắt nhìn; cái nhìn như thấy suốt tận tâm can nó, rồi trả lời, giọng nghiêm nghị và dõng dạc:

- Ông Tênacđiê ạ, từ Pari đến đây có năm dặm, thì ai mà lấy giấy thông hành. Tôi có đem con Côdét đi là tôi cứ đem, thế thôi. Ông không được biết tên tôi, ông không được biết nơi tôi ở, ông không được biết nó sẽ ở đâu và ý tôi thì tôi muốn từ nay, suốt đời nó, nó sẽ khỏi cái nhà này. Ông có ưng thế không? Ưng hay không thì ông nói.

Ma quỷ, thần thánh chỉ cần thấy một vài dấu hiệu là nhận ngay ra được một bậc thượng đẳng thần; Tênacđiê cũng vậy, nó biết ngay là nó gặp một tay ghê gớm. Giống như một thứ trực giác vậy; vốn nó tinh nhạy, sắc sảo nên nó hiểu ngay. Hôm trước, lúc ngồi uống rượu với bọn phu xe, lúc hút thuốc, lúc hát nhảm nhí, nó không rời mắt nhìn người khách lạ suốt một buổi tối, rình người kia như mèo rình, nghiên cứu người kia như một nhà toán học. Nó vừa rình như thế vì quyền lợi riêng, vì nó ham thích như vậy và bản năng nó như vậy; nó vừa dò xét tuồng như được ăn tiền để mà dò xét. Nó không bỏ qua

một cử chỉ, một dáng điệu nào của người khách mặc áo vàng. Ngay trước khi khách tỏ vẻ rõ rệt là đặc biệt chú ý đến con Côdét, nó đã đoán biết rồi. Nhiều lần nó bắt gặp con mắt sâu sắc của ông già nhìn con bé. Sao lại có cái cảm tình đặc biệt như vậy? Người này là ai? Tại sao trong bọc lắm của như vậy, lại ăn mặc bẩn thỉu thế kia? Biết bao nhiêu câu hỏi nó tự đặt ra, mà không tài nào trả lời được, nó càng thêm tức tối. Nó nghĩ ngợi suốt đêm. Tất không phải là bố con Côdét. Hay là ông nội, ông ngoại? Thế thì sao không xưng ra ngay có được không? Bao giờ người ta có quyền thì người ta cũng nói ngay chứ. Hẳn là người này không có quyền gì về con Côdét cả. Thế thì nó là ai? Tênacđiê nghĩ mãi đâm quẩn. Càng đoán càng mờ mịt. Mặc dù vậy, lúc mới nói câu chuyện, nó biết chắc là có sự gì bí ẩn, mà biết chắc là người kia muốn giữ kín tiếng, nó thấy nó ở thế mạnh. Nhưng nghe câu trả lời dứt khoát cứng cỏi của khách, nó thấy người khách này bí mật chỉ là vì bí mật, thế thôi, lúc ấy, nó lại thấy nó ở thế yếu. Nó không ngờ câu chuyện lại xoay ra thế. Bao nhiêu điều ức đoán đều vứt đi cả. Nó bèn tập trung ý nghĩ lại. Nó cân nhắc chỉ trong nháy mắt. Tênacđiê là đứa chỉ cần liếc mắt đã nhận định được tình thế. Nó biết lúc này cần đi thẳng vào vấn đề và quyết định ngay. Cũng như những vị danh tướng cầm quân biết giờ phút nào quyết định vận mệnh của trận đánh. Tênacđiê liền nổ súng. Nó nói:

- Thưa ngài, phải đúng nghìn rưỡi quan.

Khách móc cái túi bên, lấy ra một chiếc ví da đen đã cũ, mở ví rút ra ba tờ giấy bạc đặt lên bàn. Khách lấy ngón tay cái chặn lên mấy tờ giấy bạc, bảo tên chủ quán:

- Cho gọi con Côdét ra đây.

Lúc ấy, con Côdét làm gì?

Côdét vừa dậy đã vội chạy ra tìm chiếc guốc. Nó thấy có đồng tiền vàng. Đây không phải là đồng vàng Napôlêông. Đây là một đồng vàng hai mươi phơrăng mới toanh, thời quân chủ phục hưng mà trên mặt khắc nổi một hình khác đã thay hình vòng nguyệt quế. Con bé hoa cả mắt. Nó như bắt đầu say sưa với thời vận. Nó chưa hề biết đồng tiền vàng ra thế nào, có bao giờ nó thấy đâu. Nó vội vàng giấu ngay vào túi như vừa đánh cắp ở đâu vậy. Song, nó cảm thấy đồng tiền này là của nó, nó đoán biết ai đã cho nó. Tuy nhiên nó mừng mà vẫn sợ. Nó sung sướng lắm. Nhưng nó kinh ngạc nhiều hơn.

Nó không dám tin là những cái tươi đẹp như thế lại có thật được. Thấy con búp bê, nó sợ; thấy đồng tiền vàng, nó cũng sợ. Thấy những vật mỹ lệ như thế, bụng nó run run thấp thỏm. Duy có ông khách là nó không sợ. Trái lại, nó thấy vững tâm. Từ tối hôm qua, qua bao chuyện lạ lùng, rồi cả trong giấc ngủ, lúc nào hình ảnh người kia cũng vẩn vơ trong khối óc bé nhỏ của nó; người ấy ra vẻ già nua, nghèo khổ, rầu rĩ, thế mà nhiều tiền, nhân đức đến thế. Từ lúc gặp ông già ấy ở trong rừng, nó thấy cuộc đời nó như biến đổi.

Côdét không được như con chim én bé nhỏ trên trời, nó chưa hề biết cái hạnh phúc được ẩn nấp dưới bóng mẹ, được ủ trong cánh mẹ. Từ năm năm nay, nghĩa là từ ngày nó bắt đầu nhớ được, khốn nạn, con bé chỉ rặt một màu những run cùng sợ. Đời nó như thể trần trụi trong cơn gió bấc cắt da của cảnh khổ ải; bây giờ thì nó như được tấm áo che thân. Xưa, tâm hồn nó giá lạnh, bây giờ, tâm hồn nó ấm áp. Nó không khiếp sợ mụ Tênacđiê như trước nữa. Nó không cô độc nữa; đã có ai ở bên mình.

Hôm ấy, vừa thức dậy nó đã tất tả làm mọi việc như mọi sáng. Đồng tiền vàng nằm trong cái túi áo tối hôm

qua có đồng hào mười lăm xu rơi ra. Đồng vàng ấy đã cho nó nhiều phút lý thú. Nó không dám mó tới, nhưng cứ chốc chốc nó lại ngắm nghía, lưỡi thì cứ thè dài. Nó quét cầu thang, tỉnh thoảng lại ngừng tay, ngây người nhìn ngôi sao lấp lánh trong đáy túi, quên cả chổi và vũ trụ bên ngoài.

Đương lúc nó mải mê ngắm đồng tiền thì mụ Tênacđiê chợt vào. Có điều lạ lùng là mụ không phát nó cái nào mà cũng không chửi. Mụ lại có vẻ ngọt ngào bảo:

- Côdét, ra ngay đây nhé.

Một lát sau, Côdét ra cái phòng thấp bên ngoài.

Người khách cầm cái gói mở ra. Trong gói có một cái áo len dài trẻ con, một cái tạp dề, một cái áo vải bông, một cái váy, một cái khăn quàng, một đôi tất len, một đôi giày, đủ một bộ quần áo con gái lên tám. Toàn quần áo đen cả. Khách bảo con bé:

- Con mang quần áo này vào trong nhà mặc nhanh lên.

Lúc trời sáng rõ, các nhà ở Môngphecmây mở cửa sớm đều trông thấy ở phố Pari một ông già ăn mặc tồi tàn dắt một đứa bé gái mặc toàn đồ tang, tay ôm một con búp bê to màu hồng. Hai ông cháu đi về phía Livơry.

Hai người ấy là người khách trọ và Côdét.

Không ai quen biết người ấy cả; mà con Côdét không ăn mặc rách rưới nữa, nên nhiều người không nhận được nó.

Côdét ra đi. Với ai? Nó không biết! Đi đâu? Nó cũng chẳng hay. Chỉ biết một điều là nó đã thoát khỏi cái hàng ăn nhà Tênacđiê. Chẳng ai hơi đâu mà từ biệt nó mà nó cũng chẳng thiết từ biệt ai. Nó bước ra đi, rời khỏi cái nhà nó thù oán và cũng oán thù nó.

Đứa trẻ nhỏ đáng thương, lòng vẫn bị dồn ép từ trước đến giờ.

Nó đi nghiêm chỉnh lắm, hai mắt mở to nhìn trời. Nó đã bỏ đồng tiền vàng vào túi chiếc tạp dề mới. Thỉnh thoảng nó cúi nhìn đồng tiền rồi lại ngẩng nhìn ông già. Nó tưởng như nó ở bên cạnh chúa Trời phúc hậu.

X

THAM THÌ THÂM

Mụ Tênacđiê vẫn theo thường lệ để mặc chồng giải quyết mọi việc. Mụ hy vọng sẽ có những biến cố lớn lao. Lúc người khách với Côdét đi khỏi, Tênacđiê ngồi yên đến mười lăm phút không nói gì, rồi mới gọi vợ ra một chỗ và chìa cho xem số tiền nghìn rưỡi phơrăng . Mụ bảo:

- Có thế thôi à?

Từ thuở lấy nhau, lần này là lần đầu mụ dám chê ông gia trưởng.

Quả là có hiệu lực. Thằng chồng nói:

- Ừ, mình nói phải. Thật ngốc quá. Đưa mũ đây...

Nó gấp ba tờ giấy bạc lại, nhét vào túi rồi vội vàng chạy đi. Nhưng lại đi lầm đường: thoạt đầu nó rẽ tay phải. Sau, hỏi thăm mấy người hàng phố mới biết con Sơn Ca và người kia đi về phía Livory. Nó theo lối ấy vừa rảo cẳng vừa nói một mình:

- Người ấy chắc phải là một tay triệu phú, giả khoác cái áo vàng còn mình thì là một con lợn. Lúc đầu bỏ ra hai mươi xu, sau năm phơrăng, rồi năm mươi phơrăng, rồi đến nghìn rưỡi mà lúc nào cũng dễ như bỡn. Nó có thể trả

đến vạn rưỡi phơrăng cũng nên. Nhưng thế nào cũng đuổi kịp.

Lại còn cái gói quần áo may sẵn cho con bé! Toàn là chuyện lạ lùng. Chắc là có chuyện gì bí mật lắm. Nắm được điều bí mật, ai lại thả ra bao giờ. Mà điều bí mật của bọn có của lại là những nắm bọt rong biển thấm đầy vàng; phải khôn khéo mà vắt. Những ý nghĩ ấy cứ quay cuồng trong đầu óc Tênacđiê. Nó nói một mình:

- Mình là con lợn.

Ra khỏi Môngphecmây, đến chỗ quặt sang con đường đi Livory, ta thấy con đường chạy dìa tăm tắp trước mặt trên cao nguyên. Đến đây, nó đinh ninh là sẽ trông thấy người kia và con bé. Nó phóng tầm mắt rõ xa, nhưng chẳng thấy gì. Nó lại phải hỏi thăm. Thành ra lại mất thêm thời giờ. Mấy người đi đường mách cho nó biết người khách và con bé đã đi vào khu rừng phía Ganhi. Nó chạy về nẻo ấy.

Tuy hai người có đi trước nó, nhưng đứa bé ắt đi chậm, còn nó thì đi nhanh. Và nó thuộc hết đường đất vùng này.

Chợt nó đứng dừng lại, tay đập vào trán như người quên một cái gì cần thiết và sẵn sàng quay trở lại. Nó tự bảo:

- Đáng lẽ mang súng!

Tênacđiê thuộc hạng người lưỡng diện, lắm khi đi qua giữa chúng ta mà chúng ta không biết rõ, rồi biến mất đi chúng ta cũng không tường, bởi vì cuộc đời dun dủi nó chỉ hiện ra dưới mắt ta ở một phía. Số kiếp của nhiều người là như vậy đấy, là sống chìm ngập hết nửa người. Ở cảnh ngộ bình an, ổn định, Tênacđiê có đủ điều kiện để làm - chúng tôi không nói để là - một nhà buôn lương

thiện, một anh tư sản đủ đối, theo quan niệm của người đời. Trong lúc ấy, khi có những sự kiện nào đó, khi xảy ra những biến động làm dậy bản chất của hắn thì hắn lại có đủ khả năng, để là một tay vô lại. Đó là một tay chủ quán có nuôi trọ trong người mình một con quỉ quái. Chắc chúa quỉ Xa-tăng đã nhiều lúc ngồi xổm ở một xó nào đó trong cái nhà hát của tên Tênacđiê và mơ màng nghĩ về cái công trình kiệt tác đó của mình.

Lưỡng lự một lát, nó nghĩ thầm:

- Chà! thế thì chúng nó có đủ thì giờ thoát mất.

Thế là nó lại đi, rảo cẳng tiến lên phía trước, có vẻ chắc ăn: trông nó tinh ranh như con cáo đánh hơi thấy một đàn gà gô.

Quả nhiên, lúc nó vượt khỏi khu ao đầm và tắt ngang qua quãng rừng thưa ở bên phải con đường Benvuy, và đến cái lối đi đầy cỏ mọc lượn quanh đồi rồi vượt qua vòm con sông đào cũ gần nhà tu Senlơ, thì nó chợt nhìn thấy một cái mũ nhô lên khỏi một bụi rậm. Cái mũ ấy đã làm nó tốn công phu xây dựng bao nghiêu ức đoán. Mũ ấy là mũ của người khách. Bụi cây không cao lắm. Tênacđiê nhận ra người khách và Côđét đang ngồi nghỉ. Không nhìn thấy con bé vì nó bé quá, nhưng nhìn thấy cái đầu búp bê.

Tênacđiê không lầm. Người khách đã ngồi lại để cho Côđét nghỉ chân.

Tênacđiê đi vòng quanh bụi rậm, đột nhiên xuất hiện trước mặt hai người. Nó vừa thở vừa nói:

- Thưa ngài, ngài tha lỗi cho, xin trả lại ngài nghìn rưỡi quan của ngài.

Vừa nói thế, nó vừa chìa ra ba tờ giấy bạc. Người khách ngước mắt nhìn lên:

- Thế này là thế nào?

Tênacđiê lễ phép đáp:

- Là thế này, tôi xin bắt con Côđét lại, thưa ngài.

Côđét rúng mình, nép vào người ông già.

Ông ta nhìn thẳng vào mắt Tênacđiê, nói dằn từng tiếng:

- Ông - bắt - con - Côđét - lại?

- Thưa ngài, vâng, tôi bắt nó lại. Tôi xin nói rõ. Tôi đã nghĩ kỹ. Thực ra, tôi không có quyền giao nó cho ngài. Tôi là người đứng đắn, ngài xem. Con bé này có phải là con tôi đâu; nó còn mẹ nó. Mẹ nó gửi nó cho tôi, tôi chỉ được quyền trả lại cho mẹ nó mà thôi. Chắc ngài bảo: Mẹ nó chết rồi. Được. Thế thì tôi chỉ có thể giao nó cho người nào có giấy tờ của mẹ nó ký và bảo là phải giao cho người ấy. Rõ ràng là như thế.

Người khách chẳng nói chẳng rằng, lục tìm trong túi; Tênacđiê thấy ông ta lấy ra cái ví đựng tiền lúc nãy. Tên chủ quán mừng run lên. Nó nghĩ thầm:

- Được, phải vững vàng. Mình sắp được mua chuộc đây.

Trước khi mở ví, người khách còn đưa mắt nhìn chung quanh, nơi này vắng tanh vắng ngắt. Trong rừng, dưới lũng không một bóng người. Ông ta mở ví, lấy ra một mảnh giấy con, - chứ nào đâu có phải là nắm giấy bạc như Tênacđiê đang mong chờ! Ông ta mở to tờ giấy, đưa cho Tênacđiê rồi bảo:

- Ông nói phải. Đọc đi.

Tênacđiê cầm lấy đọc:

Môngtơrơi Xuya Me, ngày 25 tháng ba, 1823.

"Gửi ông Tênacđiê,

"Ông giao Côđét cho người này. Bao nhiêu khoản chi phí lặt vặt, người này sẽ trả đủ cho ông.

"Kính chào ông.

"Phăngtin"

Người kia nói tiếp:

- Ông biết chữ ký này chứ?

Đích thực là chữ ký của Phăngtin. Tênacđiê nhận ra ngay.

Chẳng còn cãi vào đâu được nữa. Nó bị hai cái bẽ bàng: một là tưởng được đấm mõm lại hoá suông, hai là bị đuổi lý. Người khách lại bảo:

- Ông cứ giữ lấy giấy này làm bằng.

Tênacđiê ngoan ngoãn thu quân. Nó lẩm bẩm:

- Chữ ký bắt chước kể cũng khéo. Thôi, được!

Nó đã tuyệt vọng, nhưng còn cố vớt vát:

- Thưa ngài, thế cũng được. Ngài là người ấy. Nhưng phải trả cho tôi các khoản chi phí lặt vặt. Khoản ấy cũng to.

Ông già đứng phắt dậy, lấy tay phủi bụi trên cái ống tay áo đã sờn, miệng nói:

- Ông Tênacđiê này, ngày tháng giêng, mẹ con bé tính còn thiếu ông một trăm hai mươi phơrăng, thế mà tháng hai, ông gửi giấy đòi năm trăm phơrăng; hồi cuối tháng hai ông đã nhận ba trăm phơrăng, đầu tháng ba lại ba trăm phơrăng nữa. Từ dạo ấy đến nay được chín tháng, mỗi tháng đã thỏa thuận là mười lăm phơrăng, vị chi một trăm ba mươi lăm phơrăng. Trước ông nhận dôi ra một trăm. Tính thế, còn phải trả ông ba mươi lăm phơrăng thôi. Thì vừa đây tôi đưa ông những nghìn rưỡi quan.

Tênacđiê có cảm giác như một con chó sói mắc cạm bị cái hàm thiếc cắn vào chân. Nó nghĩ bụng:

- Thằng quỷ này là thằng nào?

Rồi, làm như con chó sói, nó giãy một cái. Đã một lần nó liều mà hoá được. Nó vứt bỏ cái giọng lễ độ đi, sừng sộ nói:

- Này ông cha căng chú kiết kia ơi, một là tôi bắt lại con Côdét, hai là đưa ngay một nghìn ê quy đây.

Ông già bình tĩnh nói:

- Côdét, đi, con.

Rồi tay trái, ông dắt đứa bé, tay phải, ông nhặt cái gậy ở dưới đất.

Tênacđiê nhận thấy cái gậy quá to và quãng rừng vắng ngắt.

Ông già đi thẳng vào rừng sâu với con bé, để mặc tên chủ quán đứng ngây chỗ cũ.

Trong khi họ đi xa dần, Tênacđiê nhìn theo hai vai rộng còng còng và hai nắm tay to tướng của ông già.

Nó nhìn lại nó, hai cánh tay khẳng khiu, hai bàn tay còm nhom. Nó nghĩ bụng: - Đã đi săn lại quên mẹ nó cả súng. Quả ta là một thằng ngốc.

Song tên chủ quán vẫn chưa chịu buông mồi. Nó nói:

- Để xem nó đi đâu.

Rồi nó theo hút đằng sau, cách xa xa. Trong tay chỉ còn hai thứ, một trò cười: tức là cái mảnh giấy nát có chữ ký *Phăngtin*, và một niềm an ủi tức là nghìn rưỡi quan.

Người khách dắt Côdét đi về nẻo Livơry và Bôngdy. Ông ta đi thong thả, đầu cúi gằm, ra vẻ nghĩ ngợi, buồn rầu. Về mùa đông rừng thưa lá, nên tuy Tênacđiê đã cách khá xa mà vẫn nhìn thấy hút hai người. Thỉnh thoảng người khách lại quay lại nhìn xem có ai theo sau không. Chợt ông thấy Tênacđiê. Ông vội lôi Côdét đi vào một khu rừng rậm hơn, trong đó Tênacđiê dễ mất dấu họ.

- Chó quá!

Nói xong, Tênacđiê rảo cẳng tiến lên.

Rừng chỗ này rậm nên nó phải theo gần sát. Đến quãng rừng rậm nhất, ông già quay đầu lại. Nó cố núp vào chỗ cành cây nhưng vô hiệu, ông già đã trông thấy nó. Ông lo ngại nhìn nó rồi hất đầu một cái, lại đi. Tên chủ quán lại đi theo. Đi như thế, được độ hai ba trăm bước. Bỗng ông già quay lại lượt nữa. Vẫn thấy tên chủ quán. Lần này ông trừng mắt nhìn nó, nên nó thấy có theo nữa, cũng "vô ích". Tênacđiê bèn quay trở về.

XI

CON SỐ 9.430 LẠI XUẤT HIỆN CÔĐÉT TRÚNG SỐ ẤY

Giăng Vangiăng chưa chết.

Lúc ngã xuống biển, nói cho đúng, lúc nhảy xuống, thì như ta đã biết, Giăng Vangiăng không còn xiềng xích trên người nữa. Ông bơi giữa hai con nước, đến tận dưới lườn một cái tàu đậu bến; một chiếc thuyền con buộc bên cạnh tàu. Ông tìm cách núp trong thuyền đến tận tối. Vào đêm, ông lại nhảy xuống nước bơi vào bờ, chỗ gần mỏm Bơroong. Đến đây, tiền sẵn nên cũng dễ kiếm được quần áo. Quanh vùng Balaghiê có một cửa hàng chuyên bán quần áo cho bọn tù vượt ngục, nghề này kể cũng tươm. Giăng Vangiăng cũng như mọi kẻ đi trốn tránh đáng thương khác, phải tìm cách mà thoát khỏi con mắt cú vọ của luật pháp, thoát khỏi cái xã hội ác nghiệt, Giăng Vangiăng lần theo một hành trình tối tăm và lắt léo. Chặng thứ nhất thì nghỉ lại ở Pơrađô, gần Bốtxê. Rồi đi về phía Gơrăng Vila, gần Briăngxông, thuộc quận Thượng

Ampơ. Thật là một cuộc trốn tránh mò mẫm, đầy lo âu: đường thì rặt những đường nhánh tối om, không biết đâu mà mò. Sau này, có tìm được một vài vết tích của Giăng Vangiăng ở vùng xứ Anh, thuộc địa phận Xivơriô, ở Accông, một nơi gọi là Grăng-giơ đơ Đuméc, trong dãy núi Pirênê, gần thôn Savay. Rồi ở vùng lân cận xứ Pêrigơ, làng Bruyni, tổng Sapen Gônaghe. Ông lên Pari. Vừa rồi ta gặp ông ở Môngphecmây.

Đến Pari, việc đầu tiên là mua quần áo tang cho một em bé gái bảy, tám tuổi, rồi tìm một chỗ ở. Làm xong hai việc đó, ông đi Môngphecmây.

Chúng ta vẫn nhớ rằng lần vượt ngục trước, ông ta đã bí mật đến đấy hay vùng chung quanh đấy, và toà án cũng đã có chút ít ánh sáng về hành trình đó.

Ai cũng tưởng ông chết rồi, vì thế hành tung càng thêm tối tăm, mù mịt. Ở Pari, có lần ông được xem tờ báo tường thuật việc ông ngã xuống biển. Ông cảm thấy bớt lo, gần như yên ổn, như là đã chết rồi thực.

Ông trở về đến Pari ngay tối hôm giành được Côdét khỏi nanh vuốt vợ chồng Tênacđiê. Ông cùng con bé đi lối cửa ô Môngxô mà vào Pari, lúc chập tối. Rồi lên xe độc mã, và chỗ sân Thiên văn đài. Ông xuống trả tiền xe rồi lại dắt Côdét cứ thế mò mẫm trong đêm tối qua các phố vắng gần Uốcxin và La Glaxie rồi đến đường Nhà-thương.

Ngày hôm ấy là ngày Côdét cảm thấy rất lạ và đầy những xúc động. Đến bữa thì ông già mua bánh và pho mát ở những quán hàng kl.uất nẻo rồi mang ra sau bụi cây hàng rào mà ăn; đi đường thì đổi xe luôn: chốc lại đi bộ một quãng. Nó mệt lắm nhưng không kêu ca gì. Ông già thấy tay nó cứ co trîu mãi xuống, biết là nó mệt, ông liền cõng nó. Côdét tay vẫn không rời Catơrin, ngả đầu trên vai Giăng Vangiăng, ngủ thiếp.

QUYỂN IV
CĂN NHÀ NÁT GORBÔ

I
ÔNG BIỆN LÝ GORBÔ

Bốn mươi năm trước, khi người đi dạo chơi một mình đưa chân vào những vùng hẻo lánh khu nhà thương Xanpêtơrie và đi ngược lên dọc theo đại lộ đến tận cửa ô Itali, thì sẽ tới một khu mà người ta có thể nói rằng không còn là Pari nữa. Không phải là nơi hoang vắng, ở đây có người qua lại; không phải là nông thôn vì ở đây có nhà và đường phố; không phải là thành thị vì đường phố có những vết xe lõm sâu, đầy cỏ mọc, như ở trên những đường trường; không phải là xóm làng vì nhà cửa quá cao. Thế thì là cái gì vậy? Là một khu dân cư mà không có ai ở, là một vùng vắng tanh mà lại có bóng người; là một đại lộ của thủ đô, một phố của Pari, ban đêm ghê sợ hơn là ở giữa rừng, ban ngày buồn thảm hơn là một bãi tha ma.

Đây là cái khu phố cũ chợ ngựa.

Người đi dạo chơi ấy nếu dấn bước xa hơn bốn bức tường cổ khu chợ ngựa, nếu hắn ưng đi qua phố Pơti Băngkiê sau khi đã đi qua một mảnh vườn nhà quê ở bên tay phải, có tường cao quây bốn phía, một bãi cỏ có mấy đống vỏ sồi bao sừng sững như những cái lều của giống hải ly khổng lồ, rồi qua một khu đất rào kín, ngổn ngang những thanh giầm, rui, mới xẻ, những đống gỗ đầu mẩu, những đống mùn cưa và vỏ bào, có một con chó đứng trên

sủa inh ỏi, rồi lại qua một bức tường thấp đã đổ nát với một cái cổng đen ảm đạm, rêu phủ kín, và khi mùa xuân đến thì lại đầy hoa, rồi đến cái quãng vắng nhất, sẽ thấy một cái nhà ghê tởm, điêu tàn, với trên tường một dòng chữ lớn: "Cấm dán yết thị" sau đó người đi dạo chơi không mục đích ấy sẽ tới góc phố Vinhơ Xanh Mácxen, một vùng ít người biết đến. Ở đây, gần một xưởng máy, và giữa hai bức tường của hai khu vườn, hồi bấy giờ người ta thấy một cái nhà nát, lúc mới trông thì chỉ bé như một cái nhà gianh nhưng thực ra nó to như một cái nhà thờ. Ngoài đường chỉ trông thấy một đầu hồi, do đó mà tưởng nó nhỏ. Gần toàn bộ cái nhà khuất mắt mọi người. Người ta chỉ trông thấy cái cửa ra vào và một cái cửa sổ.

Cái nhà nát ấy chỉ có một tầng gác. Nhìn kỹ cái nhà, thoạt đầu phải để ý chi tiết nổi bật này: cái cửa ra vào chỉ có thể là của một nhà tồi tàn, còn cửa sổ nếu đục trong đá hoa chứ không phải trong đá xây cất thường thì phải là cửa sổ của một toà lâu đài. Cánh cửa thì chỉ là mấy tấm ván đã mọt, ghép với nhau bằng mấy cái dóng ngang, trông chẳng khác gì thanh củi. Cửa mở ngay sát một cái cầu thang gác dựng đứng với những bậc cao đầy bùn, vôi tường và bụi, cũng rộng bằng bề rộng cái cửa ngoài phố trông chẳng khác gì một cái thang dựng đứng mất hút giữa hai bức tường. Bên trên cánh cửa là một cái khung cửa méo mó, có một tấm ván che, ở giữa đục một cái lỗ hổng hình tam giác. Khi cánh cổng đóng thì cái lỗ hổng này vừa là cái cửa sổ con trên trần nhà, vừa là cái lỗ dòm ở cửa. Phía trong cửa, một cây bút vẽ đã vạch bằng mực hai nét thành con số 52, và ở cái tấm ván bên trên cửa, cũng cái bút vẽ ấy đã vạch con số 50. Thành ra người ta

phân vân. Cái nhà số mấy đây? Bên trên cửa thì bảo là số 50, bên trong cửa thì cãi lại: đây là số 52. Những mảnh giẻ lau bụi rủ xuống từ cái khung nhỏ tam giác như là những tấm màn cửa.

Cái cửa sổ thì rộng, khá cao, có cửa chớp và cửa kính với những ô kính to. Chỉ phải cái là những ô kính ấy mang những thương tích đa dạng, có những băng giấy khéo dán muốn che đậy cái thương tích nhưng cũng làm cho người ta để ý các vết thương, còn cánh cửa chớp, lỏng lẻo như răng bà lão, thì đe dọa người ngoài đường hơn là che giữ người trong nhà. Những thanh ván ngang cửa chớp đã mất ở vài chỗ và được thay thế bằng những mảnh ván đóng đanh, theo chiều dọc, thành ra vừa là cửa chớp, vừa là cửa ván.

Cái cổng có vẻ ghê tởm ấy và cái cửa sổ có vẻ tử tế ấy, tuy rằng mục nát kề sát nhau trên cùng một căn nhà, trông như hai kẻ hành khất rách rưới cùng đi với nhau, sát cánh nhau với hai vẻ mặt khác nhau trong những tấm giẻ rách như nhau, một kẻ từ xưa vẫn là hành khất, một kẻ đã từng là một nhà quí phái.

Cầu thang dẫn lên một gian nhà rất rộng, trông giống như một cái kho mà người ta chữa thành nhà ở. Gian nhà ấy nối với một đường ống, đó là một hành lang dài, bên phải bên trái có những buồng lớn, bé, không đều, cũng không thể ở được, giống như những cửa hàng thợ hơn là những buồng ở. Những buồng ấy có cửa sổ trông ra những khu đất hoang ở xung quanh. Tất cả tối tăm, trông khó chịu, mờ nhạt, buồn bã, có vẻ tha ma, và qua những kẽ hở ở trên mái và ở cửa, có những tia sáng lạnh lọt xuống hay nhưng ngọn gió rét lùa vào. Một nét đặc biệt

đáng chú ý và kỳ thú ta thường gặp trong những loại nhà này, ấy là những con nhện khổng lồ.

Bên trái cửa ra vào, nhìn ra mặt đường, cao ngang đầu người, có một cửa tò vò mà người ta đã bít lại còn như một cái ổ vuông đầy những hòn đá mà trẻ con khi qua lại ném vào.

Một phần căn nhà này gần đây đã bị phá huỷ. Phần còn lại cũng có thể giúp ta mường tượng được trước kia cả cái nhà ấy như thế nào. Toàn bộ cái nhà ấy tuổi chưa ngoài một trăm. Một trăm năm đối với một nhà thờ là tuổi trẻ, nhưng là tuổi già đối với một nhà ở. Hình như nhà ở của người đời cũng ngắn ngủi như đời người, còn nhà của Chúa thì cũng vĩnh cửu như Chúa.

Những người phát thư của bưu điện gọi cái nhà nát ấy là nhà số 50-52. Nhưng ở trong khu này người ta quen gọi nó là nhà ông Gorbô.

Hãy kể xem vì đâu nó mang cái tên đó.

Những kẻ thích cóp nhặt các sự việc nhỏ và xếp lại như một tập mẩu thực vật, đã ghim vào ký ức họ những niên đại thoáng qua, chắc biết rằng ở thế kỷ trước, vào khoảng những năm 1770 có hai ông biện lý ở toà án Satơlê, một ông tên là Corbô (1), một ông tên là Rơna (2). Hai cái tên đó La Phôngten(3) trước kia đã nói đến. Cơ hội quả thật là rất tốt để cho giới tư pháp tha hồ cười cợt. Thơ, vè chế nhạo, xuất hiện ngay tức khắc và truyền đi trong những toà án ở Pari. Có những câu thơ ít nhiều khập khiễng:

---

(1) *Corbeau*: Con quạ.

(2) *Renard*: Con cáo.

(3) *La Fontaine*: nhà ngụ ngôn nổi tiếng nước Pháp, thế kỷ 17. Mấy câu thơ cuối nhại đoạn đầu là bài ngụ ngôn "Cáo và quạ" của ông.

Trạng sư Quạ đỗ trên giấy má
Ngậm trong mồm một lá tịch biên
Đánh hơi trạng Cáo tới liền
Múa môi uốn lưỡi bẩm lên: "Thưa ngài v.v..."

Những câu chế giễu làm cho hai vị biện lý khó chịu và những tiếng cười khúc khích đuổi theo họ, làm cho họ khó ngẩng cao đầu. Họ quyết định tâu lên vua, nhờ nhà vua can thiệp. Họ dâng sớ lên Lui XV, đúng vào ngày, giờ mà sứ thần của Giáo hoàng một bên và đức giáo chủ Đơ La Rôsơ Aymông một bên, đang quỳ gối một cách kính cẩn nâng hai chiếc hài xỏ vào hai bàn chân trần của bà Đuy Bari vừa ngủ dậy. Nhà vua đang cười lại được dịp cười thêm. Mặc hai vị giám mục, hoàng thượng quay về hai ngài biện lý và cho phép hai ông thày kiện ấy đổi tên hay sửa tên một chút. Ông Corbô được phép nhà vua thêm một cái đuôi vào chữ đầu tiên của ông và trở thành Gorbô (1). Ông Rơna thì không được may mắn bằng vì chỉ được phép cho thêm chữ P ở trước chữ R của mình và mang tên mới là Prơna, khiến cho cái tên sau này cũng tiêu biểu cho ông chẳng kém cái tên trước (2).

Theo người khu phố ấy truyền lại thì ông biện lý Gorbô là chủ cái nhà mang số 50-52 ở đại lộ bệnh viện này. Chính ông ấy cũng là người đã trổ cái cửa sổ đồ sộ kia.

Dó đó mà cái nhà nát bây giờ có cái tên nhà ông Gorbô.

(1) C thành G.(Corbeau đổi: Gorbeau).
(2) Rena (cáo:renard) tiêu biểu cho xảo quyệt. Prơna (Prenad) vốn không có chữ, nhưng nếu có thì có nghĩa là tên trộm cắp đục khoét (theo phép chiết tự).

Ngay trước cửa số nhà 50-52, giữa những cây cối trên đại lộ có một cây du đã chết đến ba phần tư. Hơi chếch cửa nhà này một chút là phố cửa ô Gôbơlanh, lúc bấy giờ chưa có nhà ở, chưa có đá lát, cây trồng không hàng lối, xanh tươi hay bẩn lấm tuỳ mùa, phố này dẫn thẳng đến hàng thành bao quanh Pari; một xưởng máy gần đó bốc lên qua mái một mùi diêm sinh.

Cửa ô ở ngay gần đấy. Năm 1845 tường thành vẫn còn.

Chính cái cửa ô này gợi ra trong đầu óc những hình ảnh thê thảm. Nó là con đường dẫn đến Bixetơrơ. Chính qua cửa ô ấy, dưới thời đế chế và thời phục hưng, những tù tử hình được đưa về Pari ngày họ bị hành hình. Chính ở đây vào khoảng năm 1829 đã xảy ra vụ ám sát mệnh danh là "Vụ ám sát cửa ô Phôngtenơblô" mà công lý đã không tìm ra được những thủ phạm. Vấn đề bi thảm không được đưa ra ánh sáng, bí mật ghê sợ không được khám phá. Tiến thêm vài bước nữa bạn sẽ tới cái phố tai họa Cơrulơbácbơ nơi mà Uynhasơ đã đâm chết cô gái chăn dê ở Yvơry, giữa tiếng sấm rền như ở trong một vở bi kịch. Đi vài bước nữa bạn sẽ tới những cây du, ghê tởm, bị chặt ngọn của cửa ô Xanh Giacơ. Đây là mưu mẹo của các nhà ái quần; muốn che giấu cái máy chém ở nơi pháp trường ti tiện và nhục nhã của một xã hội con buôn và thị dân. Cái xã hội đó đã lùi bước trước cái án tử hình, không dám huỷ bỏ nó một cách đại lượng, cũng không dám duy trì nó một cách oai nghiêm.

Ba mươi bảy năm trước nếu không kể đến cái quảng trường cửa ô Xanh Giacơ lúc nào cũng ghê rợn này mà số

phận đã định thì cái nơi vắng vẻ, thê thảm nhất của cái vùng thê thảm này, đúng là cái nơi mà bây giờ cũng chẳng vui hơn tí nào, cái nơi ta thấy ngôi nhà nát 50-52.

Những ngôi nhà thị dân mới bắt đầu xuất hiện ở đây khoảng hai mươi nhăm năm sau đó. Cái khu này vẫn u ám. Qua những ý nghĩ chết chóc mà cái khu này khêu gợi, người ta cảm thấy mình đứng giữa cái vòm mái của bệnh viện Xanpêtơrie (1) và cửa ô Bixetơrơ mà người ta nhìn thấy ẩn hiện cái hàng rào. Nghĩa là giữa cái điên dại của phụ nữ và cái điên dại của đàn ông.

Phóng tầm mắt nhìn ra xa nhất cũng chỉ thấy những lò sát sinh, bức tường thành và vài ba mặt tiền nhà máy hiếm hoi, giống như những trại lính hay những tu viện. Đâu cũng thấy những túp lều gỗ ván, những đống vôi gạch đổ nát, những bức tường cổ, đen như những tấm vải liệm người, những bức tường mới trắng như những bức lụa phủ mặt. Khắp nơi những hàng cây song hành, những ngôi nhà thẳng tắp kẻ chỉ, những kiến trúc bằng phẳng, những đường thẳng dài, lạnh lẽo và những góc vuông buồn bã thê thảm. Không có một cái mô cái gò nào, không có một nét kiến trúc tài tử nào, không có một nếp gợn nào. Cả một khối lạnh lẽo như băng giá đều đặn, xấu đến kinh khủng. Không có gì làm cho trái tim ta đau thắt lại như cái cân đối. Bởi vì cân đối là chán ngán và chán ngán là gốc rễ của tang tóc. Tuyệt vọng biểu lộ bằng cái ngáp dài. Người ta có thể tượng tượng một cái gì ghê rợn hơn cõi địa ngục làm người ta chịu đau khổ, ấy là cái địa ngục làm cho người ta buồn chán. Nếu cái địa ngục ấy có

(1) *La Salpêtơrie*: là một bệnh viện cứu tế của nhà thờ đón những phụ nữ già bệnh tật, và cả những phụ nữ mắc bệnh thần kinh.

thật thì đoạn đường này của đại lộ Bệnh viện có thể là con đường dẫn đến đó.

Khi đêm bắt đầu xuống, khi ánh ngày bắt đầu đi, nhất là về mùa đông khi gió lạnh hoàng hôn làm rung những lá hung đỏ cuối cùng của những cây du, khi bóng tối dày đặc, không có một ánh sao hay là khi mặt trăng và gió chọc thủng những đám mây, thì cái đại lộ này bỗng trở nên kinh khủng. Những đường nét thẳng đâm sát vào đêm tối và mất hút đi như những khúc đường của vô tận. Người qua đường không thể không nghĩ tới những cảnh treo cổ quen thuộc của vùng này. Cái vắng vẻ của một nơi đã xảy ra bao nhiêu tội ác, thật có một cái gì ghê rợn. Trong cái bóng tối đen này, người ta cảm thấy có những cạm bẫy, tất cả những hình dáng mơ hồ của bóng tối đều đáng nghi đáng sợ và những khoảng vuông trống rỗng ở giữa bóng cây có vẻ là những huyệt chôn người. Ban ngày thì xấu xa, chiều lại thê thảm, đến đêm quả ghê rợn.

Mùa nực, lúc sẩm tối, người ta thấy ở một vài chỗ những bà già ngồi dưới gốc cây du hay trên những tấm ghế dài mốc meo vì dầm mưa. Những bà già ấy đôi khi cũng ngửa tay xin tiền.

Nhưng cái khu phố có vẻ xưa chứ không cổ ấy bây giờ mỗi ngày một thay đổi. Ngay hồi bấy giờ ai muốn biết cái khu phố ấy thì phải đến mau. Mỗi ngày một nét của cái khu phố cũ ấy mất đi. Và bây giờ thì hai mươi năm rồi, cái "bến" xe lửa đi Oóclêăng đã đặt tại đây, bên cạnh khu phố ngoại thành cũ và nhào gọt cho nó thay đổi. Ở rìa một thủ đô, chỗ nào đặt một bến xe lửa thì ở chỗ đó khai tử

một khu ngoại ô và khai sinh một thành phố. Hình như xung quanh những trung tâm hoạt động của các dân tộc, trong tiếng sấm rền của những cái máy cực kỳ mạnh ấy, trong hơi thở của những con ngựa quái đản của văn minh ngốn than và phun lửa, lòng đất *đầy mầm sống* rung động và mở ra để nuốt những chỗ ở cũ của con người và làm hiện lên những chỗ ở mới. Những nhà cũ đổ xuống và những nhà mới mọc lên.

Từ khi nhà ga Orlêăng lấn chiếm đất đai của khu Xanpêtơrie, những phố cũ chật hẹp ở gần những phố Xanh Vichto và vườn Bách thảo, rung chuyển mỗi ngày ba, bốn lần, vì những đoàn xe ngựa chở khách, xe ngựa con, xe buýt chạy xuyên qua, và trong một thời gian nhất định làm cho hai dãy nhà bên trái bên phải lùi lại. Có nhiều sự việc nói ra thì lạ lùng nhưng lại rất chính xác, cũng như có thể nói rất đúng, trong các thành phố lớn mặt trời làm cho các mặt nhà quay về phía nam như sống dậy và lớn lên, cũng rất có thể nói rằng việc qua lại thường xuyên của xe cộ làm cho các đường phố rộng ra. Những triệu chứng của một cuộc sống mới thật rõ rệt. Trong cái khu phố tỉnh nhỏ có những ngõ ngách hoang vu nhất này, nền đường bắt đầu bày ra, vỉa hè bắt đầu bò và kéo dài, ngay ở những chỗ chưa có ai qua lại. Một buổi sáng, một buổi sáng đáng ghi nhớ vào tháng 7 năm 1845, bỗng nhiên người ta thấy những cái nồi nấu nhựa đường bốc khói. Ngày hôm ấy người ta có thể nói rằng văn minh đã đi đến phố Luôcxinơ và Pari đã đi vào ô Xanh Mácxô.

II

TỔ DÀNH CHO CÚ VÀ BẠC MÁ

Giăng Vangiăng dừng lại ở trước chính cái nhà nát Gorbô ấy. Cũng như loại chim dữ, ông ta đã tìm chỗ xa vắng nhất để làm tổ.

Ông lục túi áo gi-lê, lấy một chiếc chìa khoá loại vạn năng mở cửa, đi vào rồi đóng lại cẩn thận và leo lên thang gác, lưng vẫn cõng con Côdét.

Lên hết cầu thang, ông móc túi lấy ra một chiếc chìa khoá khác và mở một cửa khác. Cái phòng ông vừa vào là một gian phòng tồi tàn nhưng khá rộng, về đồ đạc chỉ có một tấm nệm đặt dưới đất, một chiếc bàn và mấy cái ghế tựa. Một lò sưởi đặt ở góc, đang cháy, từ ngoài nhìn thấy than hồng. Ngọn đèn đường soi lờ mờ cảnh nhà nghèo nàn ấy. Cuối phòng, có một cái buồng đặt một chiếc giường giát cứng. Giăng Vangiăng mang con bé đặt nằm lên chiếc giường đó, nó vẫn không tỉnh dậy.

Ông bật máy lửa đốt cây nến. Máy lửa, nến đều đặt sẵn trên bàn từ trước. Cũng như tối hôm qua, Giăng Vangiăng ngắm Côdét với đôi mắt say sưa trong đó vẻ nhân từ và niềm âu yếm hầu như đến mức điên dại. Con bé bình tĩnh tin cậy như người khoẻ tuyệt đối hoặc như kẻ yếu vô cùng, trước đây đã ngủ thiếp đi mà không cần biết ngủ trên vai ai thì giờ đây vẫn tiếp tục ngủ không cần biết mình đang ở nơi nào.

Giăng Vangiăng nghiêng mình hôn tay con bé đó.

Chín tháng trước, ông đã hôn tay người mẹ, lúc đó cũng vừa ngủ.

Một niềm đau thương lẫn kính cẩn thắt gan ruột tràn ngập lòng ông.

Ông quỳ xuống bên cạnh giường Côdét.

Trời đã sáng rõ mà con bé còn ngủ. Ánh sáng nhợt nhạt mặt trời tháng chạp xuyên qua cửa sổ, in lên trần nhà những vệt dài. Thình lình, một chiếc xe chở đá chất nặng đi qua đại lộ làm chuyển căn nhà như một tiếng sấm trời giông và làm rung động nó từ nền đến mái. Côdét bừng tỉnh, kêu:

- Vâng, thưa bà! Con đây! Con đây!

Và nó nhảy từ giường xuống, mắt còn nửa nhắm nửa mở vì ngái ngủ. Nó đưa tay vào góc buồng, miệng nói:

- Chao ôi ! Cái chổi của tôi đâu rồi?

Nó mở hẳn đôi mắt và trông thấy gương mặt tươi cười của ông Giăng. Nó nói:

- Ồ! Này, mà thật! Con chào ông.

Khi niềm vui và hạnh phúc đến thì trẻ con tiếp tục nhận ngay, tiếp nhận không kiểu cách bởi vì chính chúng là niềm vui và nguồn hạnh phúc.

Côdét nhìn thấy Catơrin ở cuối giường và vồ lấy. Nó vừa chơi vừa hỏi ông Giăng trăm câu hỏi.

- Đây là đâu? Pari có lớn không? Bà Tênacđiê có quả là ở xa không? Bà có trở về không? v.v... Đột nhiên, nó kêu: - Chao ôi! Ở đây xinh quá!

Thật ra đây là căn nhà tồi tàn xấu xí. Nhưng mà nó cảm thấy tự do. Lát sau nó nói tiếp:

- Con phải quét nhà không?

- Con chơi đi - Giăng Vangiăng nói.

Ngày hôm đó trôi qua như vậy. Không cần tìm hiểu gì hết, Côdét cảm thấy sung sướng không xiết kể giữa con búp bê đó và ông già kia.

III

HAI BẤT HẠNH HỢP THÀNH HẠNH PHÚC

Hôm sau, tảng sáng, Giăng Vangiăng vẫn còn ngồi bên giường Côdét. Ông ngồi lặng yên, chờ con bé dậy.

Một cái gì mới lạ nảy nở trong tâm hồn Giăng Vangiăng.

Ông chưa từng biết yêu bao giờ. Hai mươi lăm năm nay, một thân ông trơ trọi trên đời. Ông chưa hề làm cha, làm người yêu, làm chồng, làm bạn. Trong tù thì xấu tính xấu nết, lầm lì, trai giới, dốt nát, dữ tợn. Tấm lòng người tù già ấy còn lắm điều trinh khiết. Người chị và mấy đứa cháu chỉ còn là những hình ảnh phai mờ, xa xôi, hầu như không còn gì nữa. Ông đã hết sức thăm dò tìm kiếm mà không thấy, nên rồi cũng quên mất. Con người vẫn thế. Những kỷ niệm êm đềm thời niên thiếu, nếu có đi nữa, cũng đã chìm trong vực thẳm.

Lúc thấy Côdét, lúc bắt nó mang về, lúc giải thoát được cho nó, ông thấy lòng mình bồi hồi xúc động.

Những tình cảm thiết tha, trìu mến thức dậy trong lòng, trút cả vào con bé. Ông lại gần giường nó ngủ, run run sung sướng. Ông thấy lòng quặn đau như lòng người

mẹ, mà không biết đó là cái gì. Trái tim lúc bắt đầu yêu có những xúc động lớn lao, lạ lùng; thật là huyền bí, êm đềm.

Thương thay, tấm lòng già còn thơ dại.

Nhưng vì ông đã năm mươi lăm tuổi mà Côđét mới lên tám nên tất cả yêu đương mà trái tim ông suốt đời có thể chứa đựng được đã hoà tan thành một nguồn ánh sáng êm đềm không sao tả được.

Đây là lần thứ hai trong đời Giăng Vangiăng được thấy màu trắng hiển hiện. Trước kia, ông giám mục đã làm thức tỉnh đạo đức, rạng rỡ như buổi bình minh, bây giờ Côđét thức tỉnh tình yêu trong lòng ông, như buổi bình minh thứ hai.

Những ngày đầu trôi qua trong cảnh xán lạn đó.

Về phần Côđét cũng vậy, Côđét cũng biến đổi, nhưng tội nghiệp, nào nó có biết đâu. Nó xa mẹ từ ngày còn bé tí, nay không còn nhớ gì nữa. Côđét cũng như mọi trẻ khác, giống như cành nho con, gặp gì cũng quấn lấy, nó tìm để mà yêu. Nhưng nào có được. Ai ai cũng ruồng rẫy nó, từ vợ chồng Tênacđiê, đến hai đứa con, cả trẻ khác nữa. Nó mới yêu con chó thì con chó lăn ra chết. Chẳng ai thèm chơi với nó, cái gì cũng muốn xa nó. Như đã nói ở trên, mà nói ra thì thật là bi thảm, con bé mới tám tuổi đầu mà lòng đã nguội lạnh. Có phải lỗi ở nó đâu, đâu có phải con bé không biết yêu, song, có ai đâu để mà yêu chứ. Thành ra ngay từ hôm đầu, nó thương yêu ông già thắm thiết. Nó có một cảm giác lạ lùng chưa từng thấy bao giờ; lòng nó như bừng nở.

Mắt nó nom ông già không thấy già nua, nghèo khổ. Nó thấy Giăng Vangiăng đẹp, tựa như nó thấy căn nhà này xinh vậy.

Đó là những ảo ảnh mà bình minh, ngày thơ ấu, tuổi thanh xuân, hạnh phúc đem lại. Cảnh vật mới mẻ, cuộc sống mới mẻ cũng có phần tác động nữa. Không có gì đẹp bằng những màu sắc long lanh của hạnh phúc trong một gian nhà tiều tuỵ. Trong quá khứ, mỗi chúng ta đều có một cái ổ xanh tươi.

Thiên nhiên, cái khoảng cách dài năm mươi năm đã đào một cái hố sâu giữa Giăng Vangiăng và Côdét. Cái hố ngăn cách ông đã được số mệnh lấp bằng. Số mệnh đã đột ngột gắn liền với một sức mạnh không gì ngăn cản nổi, hai cuộc đời bật rễ, khác nhau về lứa tuổi mà giống nhau về tóc tang. Cuộc đời này bổ sung cho cuộc đời kia. Bản năng dẫn Côdét đi tìm một người cha, bản năng dẫn Giăng Vangiăng đi tìm một người con. Gặp nhau là đã tìm thấy nhau rồi. Khi hai cái bàn tay của họ chạm vào nhau thì tức khắc đã gắn liền với nhau, cùng trong một phút giây huyền bí. Khi hai tâm hồn ấy trông thấy nhau thì đã nhận ra nhau, người nọ nhận ra ở người kia con người mà họ đang cần; và họ đã ôm chặt lấy nhau.

Dùng danh từ với cái nghĩa dễ hiểu nhất và tuyệt đối nhất, ta có thể nói rằng, cách biệt với tất cả cuộc đời như giữa những bức tường của nhà mồ, Giăng Vangiăng là người đàn ông goá bụa, Côdét là đứa trẻ mồ côi. Trong hoàn cảnh ấy Giăng Vangiăng đã trở thành một cách thiêng liêng, người cha của Côdét.

Thực ra cái cảm giác huyền bí mà Côdét thấy trong rừng sâu, khi bàn tay Giăng Vangiăng nắm tay em trong

bóng tối, không phải là một ảo tưởng mà là một điều có thực. Giăng Vangiăng đến với em bé ấy tức là Chúa đã đến với em.

Giăng Vangiăng đã khéo chọn được nơi này mà ẩn náu. Hình như được hoàn toàn yên thân.

Căn buồng mà ông cùng với Côdét ở, có cửa sổ trông ra phố. Cả nhà chỉ có độc cái cửa sổ này, nên không sợ có kẻ nào nhòm nom vào được, cả hai bên hay từ trước mặt cũng thế.

Tầng dưới ngôi nhà số 50-52 là một cái kho đổ nát, dùng làm nơi chứa xe của bọn hàng rau, nhà dưới không có lối nào lên tầng trên được. Sàn gác không đục cửa, không có cầu thang, thành thử tầng trên tầng dưới cách biệt hẳn nhau như có một cái màng ngăn vậy. Tầng trên có nhiều buồng và mấy gian gác xép, bà già gúp việc Giăng Vangiăng ở một gian, còn thì bỏ không cả.

Bà già này gọi là người thuê nhà chính cho đẹp, chứ thật ra chỉ có nhiệm vụ gác cổng. Bà ấy đã cho Giăng Vangiăng thuê lại cái buồng, đúng hôm lễ Giáng sinh. Ông tự xưng là một nhà tư sản bị khánh kiệt trong vụ quốc trái Tây-ban-nha, nên ông đến đây ở với đứa cháu gái. Ông trả tiền nhà trước sáu tháng và nhờ bà già sắm cho ít đồ đạc bày biện trong buồng như ta vừa thấy. Bà ấy đã chu đáo đốt lò và sửa soạn mọi thứ, tối hôm ông đưa đứa nhỏ về..

Mấy tuần lễ qua. Hai con người ấy sống sung sướng trong căn nhà khốn khổ.

Vừa bảnh mắt đã thấy Côdét cười, nói bi bô, ca hát. Trẻ đứa nào sáng dậy chả hát như chim hót. Đôi khi

Giăng Vangiăng cầm cái bàn tay nhỏ tím bầm, nứt nẻ và nâng lên môi hôn. Đứa trẻ xưa nay chỉ biết có roi vọt không hiểu gì cả và bẽn lẽn chạy ra.

Cũng có lúc em nghiêm nghị ngắm nhìn cái áo dài đen của em. Côdét không mặc áo rách nữa mà bận đồ tang. Em đã ra khỏi cảnh nghèo khổ và bước vào cảnh đời.

Giăng Vangiăng bắt đầu dạy chữ cho Côdét. Thỉnh thoảng khi dạy Côdét đánh vần ông nhớ lại đã tập đọc ở nhà lao với ý định là để làm điều xấu, nay hoá ra để dạy một đứa trẻ học, và người tù khổ sai già mỉm cười cái nụ cười trầm tư của thiên thần.

Ông cảm thấy có sự xếp đặt trước của bề trên, một ý muốn không phải của người đời và ông đắm đuối trong mơ mộng. Những ý tốt lành cũng sâu thẳm như những mưu đồ xấu xa.

Bấy giờ hầu như tất cả cuộc đời của Giăng Vangiăng chỉ là để dạy Côdét học và cho Côdét chơi. Ông lại còn đem chuyện mẹ nó kể cho nó nghe và bảo nó cầu kinh.

Nó gọi Giăng Vangiăng là *cha*; nó không biết ông còn tên gì khác.

Ông ngồi ngắm nó hết mặc áo rồi lại cởi áo cho búp bê, nghe nó nói rúc ra rúc rích hàng giờ không chán. Từ nay, ông thấy cuộc đời đầy ý nghĩa, người đời ai cũng tử tế công bằng; troug thâm tâm ông không oán trách gì ai cả. Bây giờ, có con bé ấy nó yêu mến ông, thì chẳng tội gì mà không sống rõ lâu nữa. Côdét như một luồng ánh sáng êm dịu rọi vào tương lai ông. Người ta tốt đến đâu cũng không tránh khỏi những ý nghĩ ích kỷ. Đôi khi ông có ý mừng khi thấy Côdét sau này sẽ chẳng nhan sắc gì.

Sau đây chỉ là một ý kiến riêng. Để nói hết, thì chúng tôi nghĩ rằng từ khi Giăng Vangiăng đem lòng thương yêu Côdét như thế, thì mối tình ấy là khoản viện trợ giúp cho ông tiếp tục sống một đời sống nhân hậu. Ông vừa được thấy lòng độc ác của người đời, cái xã hội khốn nạn, dưới những khía cạnh mới: những khía cạnh này chưa đầy đủ và chỉ biểu hiện một mặt của sự thật: số phận người đàn bà trong hình ảnh Phăngtin, quyền lực của nhà nước trong nhân vật Giave. Ông lại phải vào tù, lần này vào tù vì một điều thiện. Cuộc đời lại tràn ngập những nỗi đắng cay. Ông lại chán nản, ngã lòng. Đôi khi, hình ảnh ông giám mục cũng bị che lấp, tuy sau này lại hiện lên, rực rỡ, vinh quang; nhưng dù sao hình ảnh thiêng liêng ấy cũng mờ yếu dần. Biết đâu Giăng Vangiăng chẳng sắp nản lòng và sa ngã lượt nữa? Nhưng ông yêu, nên lòng thêm mạnh mẽ. Lúc bấy giờ than ôi, ông cũng đương bước cao bước thấp chẳng kém gì Côdét. Ông che trở cho Côdét, Côdét làm cho lòng ông thêm vững vàng. Ông dắt Côdét đi trên đường đời, và nhờ Côdét, ông mạnh bước vào con đường đạo đức. Côdét nương tựa vào ông, còn ông, ông tựa vào Côdét mà sống. Số phận con người điều hoà như vậy, thật là bí ẩn huyền diệu vô cùng.

IV

NHỮNG NHẬN XÉT CỦA BÀ CHÁNH TRƯƠNG

Giăng Vangiăng cẩn thận không ra khỏi nhà ban ngày bao giờ. Chiều nào cũng đợi lúc nhá nhem tối ông mới đi chơi độ một, hai tiếng đồng hồ, đôi khi đi một mình, nhưng thường thì dắt Côdét đi theo; có đi cũng chọn những con đường phụ bên cạnh đại lộ, rất vắng vẻ, hoặc

vào các nhà thờ lúc tối mịt; ông ưa nhất vào nhà thờ Xanh Mêđa là nhà thờ gần nhất. Khi ông đi một mình thì Côdét ở nhà với bà già. Nó thích được đi chơi với ông hơn; ngay những lúc rủ rỉ rất lý thú với Catơrin nó cũng không thích bằng. Ông dắt tay nó, vừa đi vừa kể những câu chuyện vui vui.

Côdét sống những ngày vui vẻ.

Bà già thì làm việc nhà, nấu ăn và đi chợ.

Đời sống đạm bạc, như của người túng bấn, tuy trong nhà bao giờ cũng đốt ngọn lửa nhỏ trong lò sưởi. Đồ đạc vẫn y nguyên như ngày đầu; duy chỉ có cái cửa ngăn phòng Côdét bằng kính thì ông thay bằng cửa gỗ bịt kín.

Ông vẫn mặc cái áo khoác vàng, cái quần chẽn màu đen, vẫn đội cái mũ dạ cũ. Ra đường, ai cũng tưởng ông là kẻ nghèo khó. Có khi có những bà hảo tâm quay lại cho ông một xu. Giăng Vangiăng nhận tiền rồi kính cẩn vái chào. Cũng có khi ông gặp một người rách rưới đi ăn xin; thế là ông nhìn phía sau xem có ai trông thấy mình không, rồi rón rén đến gần, dúi cho một đồng tiền, thường là một đồng hào bạc, và rảo cẳng bước đi cho nhanh. Làm thế cũng có điều bất lợi. Trong xóm nhiều người bắt đầu biết ông và gọi ông là *kẻ ăn mày hay bố thí*.

Bà già thuê chung nhà, vốn là người quàu quạu, lúc nào cũng chỉ rình rình ghen tị kẻ khác; mụ thường dò xét Giăng Vangiăng luôn mà ông không hề biết. Mụ hơi nghễnh ngãng, nên lại càng bép xép tợn. Dĩ vãng còn để lại cho mụ hai cái răng, một cái ở hàm trên, một cái ở hàm dưới, lúc nào cũng cộc vào nhau. Mụ hỏi dò Côdét; con bé

chẳng biết gì nên cũng chẳng nói được gì, ngoài cái chuyện nó ở Môngphecmây lên đây. Một buổi sáng, mụ thấy Giăng Vangiăng vào một căn buồng bỏ không, coi có vẻ khác ý. Mụ vội rón rén đi theo, như con mèo già; mụ nhòm qua khe cửa nhìn ông mà ông không biết. Ý chừng ông cũng đề phòng cẩn thận nên quay lưng ra phía cửa. Mụ thấy ông lục túi lấy ra một cái bao có cái kéo và sợi chỉ; ông tháo lần lót ở vạt bên cái áo khoác, lôi ra một mảnh giấy vàng vàng rồi mở ra. Mụ nhận ra là tờ giấy bạc một ngàn quan, mụ choáng váng cả người. Từ thuở cha sinh mẹ đẻ, lần này là lần thứ hai, thứ ba gì đó mụ mới được trông thấy tờ giấy bạc một ngàn. Mụ hãi quá, chạy biến đi.

Một lát sau, Giăng Vangiăng tìm mụ nhờ đi đổi hộ tờ giấy bạc một ngàn, nói là tiền lời tiết kiệm mới lĩnh ngày hôm qua. Mụ nghĩ bụng: - Lĩnh ở đâu? Mãi sáu giờ tối lão ta mới đi, mà kho bạc nhà nước đâu có mở vào giờ ấy. Mụ đi đổi tờ giấy và cứ phỏng đoán thế này thế khác. Tờ giấy bạc một ngàn được bàn tán và nhân lên thành đầu đề của vô số những câu chuyện kinh ngạc trong đám đàn bà rồi mồm ở phố Vinhơ Xanh Mácxen.

Mấy hôm sau, chợt có lần Giăng Vangiăng cởi áo khoác ra cưa gỗ ở ngoài hành lang. Mụ già thì quét dọn ở trong buồng có một mình; lúc ấy Côdét mải thích thú ngắm nhìn những mảnh gỗ vừa xẻ. Mụ thấy cái áo khoác mắc trên một cái đinh; mụ nhìn kỹ: chỗ lót đã khâu kín lại. Mụ già nắn rõ kỹ thì hình như thấy hai bên vạt áo và

những chỗ lót cồm cộm những giấy. Thôi chắc toàn là giấy bạc một ngàn rồi!

Mụ còn thấy ở túi áo vô khối thứ: ngoài kéo, kim, chỉ đã nom thấy hôm nọ, còn có một cái ví lớn, một con dao to tướng và mấy bộ tóc giả các màu, cái đó mới đáng nghi. Mỗi túi áo ra vẻ là một cái cẩm nang để đề phòng những việc bất trắc.

Ngày qua tháng lại, chẳng mấy chốc mà mùa đông đã tàn.

V

MỘT ĐỒNG NĂM PHORĂNG RƠI XUỐNG ĐẤT KÊU THÀNH TIẾNG

Gần nhà thờ Xanh Mêđa, thường có một người nghèo khó ngồi co ro trên bờ giếng công cộng nay đã bỏ không; Giăng Vangiăng hay cho người ấy tiền, không mấy khi đi qua mà không cho vài xu. Đôi khi còn hỏi chuyện nữa. Những kẻ ghen ghét người ăn mày kia thường bảo lão ta là đồ mật thám. Trước kia lão ta quét dọn nhà thờ, nay đã bảy mươi lăm tuổi lúc nào miệng cũng lẩm bẩm cầu kinh.

Một tối, Giăng Vangiăng đi qua chỗ ấy một mình không dắt theo Côđét; ông vẫn thấy người ăn mày ngồi chỗ cũ, dưới cột đèn vừa mới thắp. Cũng giống như mọi ngày, người lão khom xuống, và hình như vẫn cầu kinh. Giăng Vangiăng đến gần, đưa tiền bố thí vào tận tay lão. Lão vụt ngước mắt lên, nhìn chòng chọng Giăng Vangiăng, rồi lại vội cúi đầu xuống. Thật nhanh như chớp.

Giăng Vangiăng giật bắn mình. Dưới ánh đèn, hình như ông thoáng thấy một cái mặt ghê gớm, quen quen, chứ không phải cái mặt lờ đờ, ngớ ngẩn của lão quét dọn nhà thờ. Ông có cảm giác như người ở trong bóng tối bỗng chạm trán một con cọp. Ông hết vía lùi lại, người ngây đờ ra, không dám thở, không dám nói, đứng lại cũng không dám mà chạy trốn cũng không; ông nhìn kỹ người ăn mày đã cúi gằm xuống, đầu che một mảnh giẻ, làm như không biết có ông đứng đấy nữa. Giây phút lạ lùng ấy, linh tính, có lẽ là bản năng sinh tồn, xui ông không nên hé môi nói một lời. Người ăn mày, vẫn cái tầm vóc ấy, vẫn bộ quần áo tả tơi, vẫn hình dáng mọi ngày. Giăng Vangiăng tự bảo: - Quái! Mình điên à! Mê ngủ rồi! Vô lý!

Hôm ấy ông về nhà, lòng vô cùng bối rối.

Ông không dám quả quyết với mình rằng cái mặt ông vừa thoáng thấy là mặt thằng Giave.

Đêm ấy nghĩ ngợi mãi, ông tiếc sao không hỏi chuyện người kia để bắt nó phải ngẩng mặt lên lượt nữa.

Chập tối hôm sau, ông lại ra chỗ ấy. Người ăn mày vẫn ngồi nguyên chỗ cũ. Giăng Vangiăng cho lão một xu và quả quyết nói: "Chào ông lão". Người ăn mày ngẩng đầu lên, rầu rĩ đáp: "Xin đa tạ ông" Đúng là lão quét nhà thờ.

Giăng Vangiăng thấy hoàn toàn yên dạ. Ông cười một mình nghĩ thầm: Thế quái nào hôm qua lại trông ra thằng Giave được? Không biết mình có quáng gà không đây. Rồi ông không nghĩ đến chuyện ấy nữa.

Mấy hôm sau, lúc ấy vào khoảng tám giờ tối, ông đang ở trong buồng dạy Côđét tập đánh vần lên thành

tiếng thì nghe thấy cửa dưới nhà mở ra rồi đóng lại. Ông lấy làm lạ. Nhà chỉ có độc một bà già: mụ cứ chập tối là đi ngủ để khỏi tốn nến. Ông ra hiệu cho Côdét im tiếng. Có tiếng người lên thang gác. Cùng lắm, có thể là mụ già giở giời làm sao mà đi mua thuốc về. Giăng Vangiăng lắng tai nghe. Tiếng chân bước nghe nặng nề, lộp cộp như chân đàn ông; nhưng mụ già vẫn đi thứ giày to và bước chân bà già thì rất giống với bước chân đàn ông. Tuy vậy, ông cũng tắt phụt cây nến.

Ông cho Côdét đi ngủ, khẽ dặn: - Con im lặng ngủ đi nhé. Lúc ông ôm hôn trán nó thì tiếng đi bên ngoài cũng ngừng lại. Ông ngồi yên, không nhúc nhích, không lay động chiếc ghế, lưng quay ra phía cửa, không dám thở mạnh. Được một lúc khá lâu, không thấy gì ông mới khẽ quay đầu nhìn ra phía cửa: ở lỗ khoá có ánh sáng, trông như một ngôi sao quái gở mọc giữa khoảng tối đen của cánh cửa và bức tường. Đích là có người cầm nến nghe ngóng bên ngoài.

Mấy phút sau, cái ánh sáng ấy bỏ đi chỗ khác. Nhưng tuyệt không nghe thấy tiếng động; tức là người đến nghe trộm ngoài cửa đã tháo giày ra.

Giăng Vangiăng để nguyên cả quần áo vật mình nằm trên giường, suốt đêm không chợp mắt.

Lúc rạng sáng, ông mệt quá thiếp đi thì có tiếng kẹt cửa ở mãi căn buồng cuối hành lang; ông tỉnh dậy. Vẫn tiếng chân người lên cầu thang tối hôm qua. Tiếng chân tiến lại gần. Ông nhảy xuống đất, áp mắt vào lỗ khoá, cũng khá to, định bụng xem người ấy là ai mà đêm hôm lại vào nhà mình mà nghe trộm như thế. Quả nhiên thấy một người đàn ông đi qua, nhưng lần này thì không dừng lại ở trước cửa buồng nữa. Ngoài hành lang, lúc bấy giờ

còn tối, không trông được rõ mặt. Nhưng khi người ấy đến đầu cầu thang thì có ánh sáng bên ngoài chiếu vào, làm nổi rõ cái bóng đen đang đi: Giăng Vangiăng nom rõ phía sau lưng. Người ấy cao lớn, mặc một cái áo khoác dài, nách cắp một cái dùi cui. Đích thị là cái thân hình vạm vỡ của Giave.

Giăng Vangiăng có thể ra cửa sổ trông ra đường, nhìn lại cho rõ. Nhưng lại phải mở cửa, ông không dám.

Tất nhiên người ấy phải có chìa khoá riêng nên mới ra vào tự nhiên như ở nhà mình như thế. Chìa khoá ấy ai cho? Thế này là thế nào?

Đến bảy giờ sáng, bà già vào buồng dọn dẹp; Giăng Vangiăng nhìn mụ như muốn thăm dò, nhưng không lên tiếng hỏi. Bà già vẫn bình thường như mọi ngày. Vừa quét nhà mụ vừa bảo:

- Chắc đêm qua ông cũng nghe thấy có người vào nhà chứ?

Đến tuổi ấy mà lại ở cái phố ấy thì mới tám giờ tối cũng đã gọi là đêm sâu rồi. Ông cố lấy giọng điềm tĩnh trả lời:

- Ừ, có. Ai thế?

- Một người thuê nhà mới nữa.

- Tên là gì?

- Cũng chả nhớ. Cái ông Đuymông hay là Đômông gì đó, cũng chẳng biết. Đại khái như thế.

- Thế ông Đômông ấy làm gì?

Bà già ranh mãnh nhìn ông, đáp:

- Ấy, cũng sống về lợi tức tiết kiệm như ông đấy.

Có lẽ mụ chẳng có ác ý gì. Nhưng Giăng Vangiăng thì đem lòng ngờ vực.

Khi mụ ra khỏi, ông mở tủ lấy ra số tiền một trăm phơrăng có trong tủ, cuộn lại rồi bỏ vào túi. Mặc dầu ông

đã rất gượng nhẹ chân để người ngoài khỏi nghe thấy tiền xủng xẻng, một đồng một trăm xu cũng lọt tay rơi xuống rồi lăn leng keng trên sàn gạch.

Trời nhá nhem, ông xuống nhà, nhìn tứ phía rất cẩn thận. Không một bóng người. Đường vắng tanh vắng ngắt. Duy chỉ sợ có người nào nấp sau cây.

Ông lại lên gác, bảo Côdét:

- Đi, con.

Ông dắt tay con bé, hai người bước ra đường.

QUYỂN V
ĐÀN CHÓ PHẢI THẦM LẶNG TRONG CUỘC SĂN ĐUỔI TỐI TĂM

I
CHIẾN LƯỢC QUANH CO

Bạn đọc nên chú ý một điểm trước khi đọc những trang tới và nhiều trang về sau nữa.

Tác giả rất tiếc là phải nói đến bản thân mình, nhưng thấy cần phải nói. Đã bao năm nay, tác giả xa Pari. Từ độ ấy, Pari có nhiều thay đổi. Pari ngày nay là một thành phố mới, đối với tác giả hầu như xa lạ. Tác giả không cần nói mình yêu Pari. Pari đã là quê hương tinh thần của tác giả. Pari đã qua bao nhiêu sự phá hoại, bao nhiêu sự kiến thiết, cái thành phố Pari thời tươi trẻ của mình, cái thành phố Pari mà mình kính cẩn mang hình ảnh bên lòng, Pari ấy giờ đây là một Pari của dĩ vãng. Bạn đọc hãy cho phép tác giả nói đến cái Pari xưa ấy như là nó đương còn hiện tại. Có khi tác giả đưa bạn đến một khu vực nào đó và nói: "Ở con đường phố ấy có ngôi nhà thế kia" thì ngày nay phố chẳng có, mà nhà cũng không. Bạn đọc sẽ soát lại xem nơi kia nơi nọ có còn như cũ không, nếu chịu mất công. Riêng về phần tác giả, tác giả

không quen thuộc với Pari mới. Tác giả viết chuyện này với ảo ảnh của Pari ngày xưa trước mắt, một ảo ảnh muôn phần đáng quí. Thật dễ chịu biết bao nhiêu khi tác giả mơ tưởng là giờ đây, vẫn còn dấu vết của những sự vật mình đã trông qua trong những ngày còn ở quê cha đất tổ, là không phải mọi vật đều đã tan biến như mây khói. Ngày nào còn đi đi lại lại ở quê hương thì anh còn tưởng rằng những con đường phố ấy, những mái nhà, những cánh cửa ấy chẳng dính dáng gì đến anh, những bức tường ấy xa lạ với anh, những cây cối ấy giống như muôn nghìn cây cối khác, những ngôi nhà anh không bước chân vào ấy chẳng có ích lợi gì cho anh, những phiến đá lát đường anh giẫm chân lên chỉ là những phiến đá. Đến khi anh xa quê hương, anh mới nhận thấy những con đường kia là thân thiết, anh nhớ những mái nhà, những cánh cửa ấy, anh thấy những bức tường kia cần cho đời anh, những cây cối kia là bạn lòng của anh; những ngôi nhà anh không đặt chân đến, bây giờ anh thấy thật ra anh đã vào ra hàng ngày, và những phiến đá lát đường, anh đã trải ruột gan, anh đã gội máu nóng của con tim anh lên trên ấy. Đối với hình ảnh những nơi ấy mà anh không đến nữa, - có lẽ không bao giờ anh còn được đến lại nữa, - đối với những hình ảnh ấy say mê một cách xót xa. Những hình ảnh ấy đã đến mãi với anh, rầu rầu như một bóng mơ, nó làm cho quê hương thiêng liêng hiển hiện trước mắt. Có thể nói đó là hình dung của nước Pháp, anh yêu những hình ảnh ấy, anh gợi nó lên nguyên hình, như hệt ngày xưa, anh bám chặt lấy nó, anh không muốn thay đổi một tí gì cả, bởi vì anh quí chuộng vẻ mặt tổ quốc cũng như vẻ mặt mẹ anh.

Bởi thế, tác giả xin phép được nói về sự vật quá khứ như còn hiện tại, bạn đọc nhớ cho, và cho phép tác giả kể tiếp.

Giăng Vangiăng rời bỏ ngay đại lộ và đi vào các đường phố. Ông cố rẽ ngoặt rất nhiều bận, một đôi khi ông quay trở lại một quãng, đột ngột, để xem cho chắc là không ai đuổi theo mình.

Đó là mánh khoé của con nai bị săn đuổi. Cách ấy có nhiều cái lợi, cái thứ nhất là nó đánh lừa người đi săn và chó săn bằng những vết chân chồng dấu ở những chỗ đất mềm. Gặp trường hợp như thế, trong đạo săn bắn, người ta gọi lóng là con nai đã *trườn*.

Đêm hôm ấy là một đêm trăng tròn. Giăng Vangiăng thấy như thế rất lợi bởi vì mặt trăng còn thấp, trong các đường phố bóng tối và ánh sáng in thành hai mảng: Vangiăng có thể tiến men theo các dãy phố, bên phía bóng tối và nhìn rõ ra phía sáng trăng. Ông quen nghĩ rằng như thế thì ông cũng chẳng thấy gì bên phía bóng tối. Và ông tin chắc rằng không có ai lần mò theo ông trong các ngõ ngách quanh phố Pôlivô.

Côdét không hỏi một câu nào cả, lặng lẽ đi theo. Sáu năm đau khổ trong tuổi thơ ấu đã rèn luyện cho nó một tâm hồn cam chịu. Vả lại nó đã làm quen với tính kỳ quặc của Vangiăng, nó cũng quen thấy những cái bất ngờ của số mệnh. Hơn thế, có Vangiăng, thì Côdét chẳng thấy có gì đáng sợ nữa.

Giăng Vangiăng cũng không hơn gì Côdét, ông không biết mình đi đâu. Ông tin cậy Chúa cũng như

Côdét tin cậy ông. Ông cảm thấy bàn tay ông cũng đương ở trong tay một người lớn hơn, một người vô hình, người ấy đương dắt dẫn ông đi. Ông không có ý định, không có chương trình, không dự tính. Ông cũng chưa tin chắc rằng đó là Giave. Mà nếu có là Giave thì chắc gì Giave đã nhận ra Giăng Vangiăng? Ông không cải trang là gì? Người ta cho là ông đã chết rồi kia mà! Nhưng mấy ngày gần đây có những hiện tượng không bình thường. Thế là đủ cho Giăng Vangiăng quyết định không trở về nhà Gorbô nữa. Ông tìm một cái hốc để trốn tạm như một con thú bị đuổi khỏi hang, trong khi chưa tìm ra một xó nào để ở.

Giăng Vangiăng qua lại lui tới quanh co trong khu phố Muphơta. Hàng phố ngủ sớm cả, im lìm, như còn đương sống trong pháp chế trung cổ với những cái luật giới nghiêm khắc nghiệt. Ông qua lại nhiều đường phố chằng chịt, theo những chiến thuật cao kỳ. Có những nhà trọ đây đó nhưng ông không vào vì nhà trọ không thích hợp với ông. Ông tin chắc rằng nếu vạn nhất có người nào theo dấu ông thì người ấy cũng chưa mất dấu đâu.

Ông đi qua phố Pôngtoa, ngang đồn cảnh sát ở số nhà 14, khi đồng hồ nhà thờ Đuy mông đổ mười một tiếng. Mấy phút sau vẫn theo linh tính ông quay mặt lại. Nhờ ánh đèn trước cửa đồn cảnh sát, ông trông thấy rõ ràng có ba người theo chân ông, lần lượt đi qua dưới ánh đèn, về phía bóng tối của đường phố. Một người trong bọn đi vào cổng đồn. Người đi đầu trông dáng rất khả nghi. Ông bảo với Côdét:

- Đi đây con.

Rồi ông vội vã rời bỏ phố Pôngtoa.

Ông mở một con đường cung đi vòng cổng Patoriắc đã đóng, bước sải qua phố Êpê Đơ Boa và phố Acbalét và tiến vào phố Pốt.

Ở chỗ ấy có một ngã tư ngày nay có trường Rônlanh. Phố mới Xanhtơ Giơnơvievơ bắt đầu từ ngã tư này. (Chẳng cần phải nói là phố mới Xanhtơ Giơnơvievơ là một phố cổ, và đến mười năm cũng không có một chuyến xe chạm qua phố Pốt. Cái phố Pốt này hồi thế kỷ 13 có những người làm đồ gốm và chính tên của nó là phố Pô(1).

Trăng rằm giội ánh vằng vặc xuống ngã tư. Vangiăng nấp vào một cái cửa. Ông đồ rằng nếu như bọn chúng còn theo dõi ông thì khi chúng đi qua dưới ánh trăng, ông sẽ trông thấy chúng rõ mồn một.

Đúng như ông đoán, không đầy ba phút sau, bọn ấy hiện ra, bây giờ là bốn người chứ không phải ba nữa. Tên nào cũng cao lớn, cũng mặc áo khoác đen dài, đầu đội mũ tròn, tay cầm gậy lớn. Hình vóc cao lớn và bàn tay hộ pháp của chúng trông cũng dễ sợ như dáng đi hắc ám của chúng, chúng có vẻ là bốn con ma hoá trang làm người thành thị.

Chúng dừng lại giữa ngã tư và chụm đầu như để hội ý. Chúng có vẻ do dự. Cái tên ra dáng cầm đầu quay lại và chỉ rất nhanh về hướng Vangiăng đi. Một tên khác có vẻ nhất quyết chỉ hướng ngược lại. Khi tên thứ nhất quay lại thì ánh trăng rọi ngay vào mặt nó. Giăng Vangiăng nhận ra quả thị là Giave.

(1) Pô: *pot*, tiếng Pháp chỉ các thứ bình, lọ, vại bằng đất nung hay bằng sắt - Pốt: *postes*, tiếng Pháp nghĩa là trạm bưu điện.

II

MAY MÀ CẦU AUSTÉCLIT CÓ XE CỘ ĐI LẠI

Giăng Vangiăng không còn phân vân gì nữa. Nhưng cũng may chính bọn chúng thì còn đương do dự. Vangiăng lợi dụng do dự của chúng. Những phút chúng mất đi vì do dự như thế lại rất có lợi cho ông. Ông ra khỏi chỗ nấp và tiến sâu vào phố Pốt, hướng về khu vườn Bách thảo mà đi. Côdét bắt đầu đuối sức, ông phải ẵm nó trong tay và cứ thế đi. Ngoài đường không một bóng người qua lại. Trời sáng trăng, người ta cũng không đốt đèn phố.

Vangiăng rảo bước đi lên.

Chỉ mấy sải chân ông đã đến trước xưởng gốm Gôbơlê. Ánh trăng chiếu rõ những câu chiêu hàng từ xưa khắc ở trước cửa xưởng:

Đây là xưởng gốm
Của Gôbơlê con,
Hãy đến mua cong,
Chậu, bô và hũ.
Cái gì cũng đủ:
Ống máng, gạch hoa...
Khách hàng gần xa,
Đều tiếp niềm nở.

Ông đi qua phố Cơlê, đi khỏi giếng máy XanhVíchto, theo những phố thấp dọc vườn Bách thảo và đến bờ sông. Đến đây ông dừng lại, quay đầu trông. Bờ sông vắng vẻ, phố xá không bóng người. Đằng sau ông không có ai cả, ông thở ra nhẹ nhõm.

Ông tiến đến cầu Austéclit.

Thuở ấy thuế cầu chưa bỏ.

Ông đến buồng người thương binh thu thuế, đưa một xu.

Người ấy bảo:

- Phải hai xu mới được. Ông bế một đứa bé đi đã thạo nên cứ phải trả hai suất.

Ông trả ngay hai xu và lấy làm bực dọc vì có người để ý.

Đã đi trốn thì phải trót lọt trơn tru, không va vấp vào đâu.

Một cỗ xe tải to đi qua cầu sông Xen một lần với Vangiăng, và cũng đi sang bờ bên phải. Cái đó có lợi cho ông, ông lẩn trong bóng xe mà đi qua cầu.

Đến giữa cầu Côdét thấy tê chân, đòi xuống đi. Ông để nó xuống và cầm tay nó dắt. Ông vượt khỏi cầu thì thấy về bên phải có mấy công trường. Ông nhằm hướng đó mà đi. Muốn đến khu vực công trường, phải liều lĩnh đi qua một khoảng trống sáng ngời ánh trăng, nhưng ông không ngần ngại. Bọn người đuổi theo ông chắc chắn là mất dấu rồi. Ông cho là đã thoát nạn. Ông tin là chúng có sục tìm, nhưng không theo dõi được nữa.

Một đường phố nhỏ là phố Sơmanh Ve Xanh Angtoan chạy dài giữa hai công trường bọc vách. Phố ấy hẹp và tối tăm, tuồng như xây dựng sẵn để chờ ông. Trước khi tiến vào, ông ngoái nhìn lại đằng sau.

Ở vị trí ông có thể trông rõ suốt chiều dài cầu Austéclit. Ông thấy có bốn bóng đen vừa đi lên cầu. Bốn bóng đen ấy quay lưng về phía vườn Bách thảo, và đi sang bờ phải.

Bốn bóng đen ấy chính là bốn tên đã đuổi theo ông, Giăng Vangiăng rùng mình kinh hãi y như con thú chạy sổng vừa bị bắt gặp lại.

Ông còn một hy vọng là lúc ông dắt tay Côdét đi qua khoảng đất trống vắng vặc ánh trăng, có lẽ bọn ấy

chưa lên cầu, và như thế thì vẫn chưa nhìn thấy ông. Trong trường hợp ấy, nếu ông đi vào con đường phố nhỏ trước mặt, nếu ông đến được khu vực công trường rồi vùng ao đầm, vườn tược và những khoảnh đất chưa có nhà thì ông thoát nạn.

Ông cảm thấy đi vào cái phố nhỏ lặng lẽ ấy có thể yên thân được. Ông đi vào phố.

III

XEM BẢN ĐỒ PARI NĂM 1727

Đi độ ba trăm bước, Giăng Vangiăng đến một chỗ rẽ. Đường phố chia làm hai, một trệch về bên trái, một trệch về bên phải như hai nhánh của một chữ Y. Chọn đường nào?

Ông không do dự, rẽ về bên phải.

Tại sao vậy?

Là vì nhánh trái đi về ngả ngoại ô, tức là khu vực có người, còn nhánh phải đưa về cánh đồng vắng.

Vangiăng và Côdét không đi nhanh được nữa. Bước đi của Côdét làm chậm chân Vangiăng. Ông lại ẵm nó. Nó gục đầu vào vai ông không nói một tiếng.

Chốc chốc ông ngoái cổ nhìn lại: ông vẫn chú ý đi về mé bóng tối. Đằng sau ông, con đường phố thẳng tuột, mấy lần nhìn lại, ông vẫn không thấy bóng dáng ai. Vẫn yên tĩnh hoàn toàn, ông cũng có phần yên dạ. Nhưng khi ngoảnh lại lần sau cùng, thình lình ông thấy như có vật gì động đậy ở đằng xa trong bóng tối. Ông không đi nữa, ông lao mình lên phía trước. Ông hy vọng tìm thấy một lối ngang để lẩn vào và làm cho bọn săn người phải lạc hướng một lần nữa.

Cuối phố, ông gặp một bức tường.

Nhưng bức tường không chắn lối đi lên của ông. Bức tường ấy nằm dọc theo một ngõ phố ngang ở cuối con đường phố ông vừa đi qua.

Đến đây cũng phải dứt khoát chọn đường một lần nữa: đi bên phải hay bên trái?

Ông nhìn về bên phải. Ngõ phố chạy dài một đoạn giữa những nhà xe và vựa lúa rồi hết lối. Ông nhìn thấy rõ ràng bức tường trắng nằm cuối ngõ.

Ông nhìn sang bên trái. Ngõ phố bên ấy thông. Cách chỗ ông đứng chừng vài trăm bước, nó đổ ra một phố to như một chi lưu đổ về sông cái. Lối thoát là ở phía ấy.

Vangiăng vừa định rẽ sang bên trái để cố đi đến con đường phố lớn lờ mờ đầu kia thì cũng vừa thấy ở góc phố ấy một vật gì lù lù như một pho tượng đen không nhúc nhích.

Đó hẳn là một người nào người ta vừa cắt ra gác ở đấy. Người ấy đón lối đi và chờ Vangiăng tới.

Giăng Vangiăng lùi lại. Cái nơi mà Giăng Vangiăng đang đứng, giữa ô Xanh Angtoanơ và khu La Rapê là một khu vực Pari bị đảo lộn hoàn toàn trong những cuộc xây dựng mới, người thì cho là xấu đi, người thì cho là đẹp hẳn lên.

Đất trồng trọt, xưởng gỗ đá, những ngôi nhà cũ đã biến hết. Bây giờ là những phố lớn mới, những rạp hát ngoài gtrời, rạp xiếc, trường đua ngựa, những ga xe lửa, một cái nhà tù Mada. Bộ mặt của tiến bộ như ta thấy đấy, cùng với món vạ của nó.

Cách đây nửa thế kỷ, trong ngôn ngữ bình dân thông dụng, người ta cứ nhất định gọi Viện khoa học là

"Nhà tứ tộc", Nhạc hí viện là Viện Phâyđô. thì cái nơi mà Giăng Vangiăng vừa tới thì được gọi là Pơti Pichpuýt. Cổng Xanh Liacơ, cổng Pari, cửa ô Xecgiăng, Lê Poocsơrông, La Galiôtơ, Lơ Xêlextanh, Lê Capuyxanh, Lơ Mêla, La buốcbơ, Lácbơrơ đơ Cơracôvi, La Pơtitơ, Pôlônhơ, Lơ Pơti Pichpuýt. Đó là những tên của Pari cổ, nổi lềnh bềnh trên Pari mới. Ký ức của nhân dân còn bám vào những tàn tích của thời xưa.

Khu phố Pơti Pichpuýt thực ra cũng chưa bao giờ thành hình hẳn hoi. Nó có cái vẻ mặt tu viện của một thành phố Tây-ban-nha. Đường ít lát đá, phố xá lơ thơ. Ngoài hai ba phố mà chúng tôi sẽ nói đến, toàn là tường cao và bãi vắng. Không có cửa hàng, không có xe cộ. lác đác một ngọn đèn trong khung cửa sổ. Đèn lửa tắt hết từ mười giờ đêm. Vượn tược, tu viện, xưởng gỗ đá, đầm, đìa, một vài cái nhà thấp, rất hiếm và những bức tường lớn cao bằng nhà.

Đó là bộ mặt của khu phố ấy một thế kỷ trước. Cách mạng đã bạc đãi nó, viên chức cộng hòa của thành phố đã phá hủy, chọc chỗ này, đục chỗ kia. Gạch ngói, vôi vữa phá hủy dồn đống đây đó.

Cách đây nửa thế kỷ, khu phố cũ không còn gì mấy dưới những đường vạch ngang dọc của nhà cửa mới. Ngày nay thì nó đã được xoá hẳn. Những bản đồ mới bây giờ không còn ghi dấu vết của khu Pơti Pichpuýt, nhưng bản đồ năm 1727 của nhà xuất bản Đơni Chiery ở Pari phố Xanh Liacơ, đối diện với phố Đuy Pơlatơrơ, và bản đồ của nhà xuất bản Giăng Giranh ở Lyông, phố Mecxierơ, ở La Pơruyđăngxơ, vẫn còn ghi rõ rệt khu phố này. Khu Pơti Pichpuýt như chúng tôi đã nói có một phố chữ Y, gồm phố

Sơmanh và Xanh Ăngtoanơ, tách ra thành hai nhánh, nhánh trái tên là phố nhỏ Pichpuýt, nhánh phải là phố Pôlôngxô. Hai cái nhánh chữ Y ấy nối với nhau trên ngọn bằng một cái gạch ngang, ấy là phố Đơroamuyrơ. Phố Pôlôngxô đến đây thì hết, còn phố nhỏ Pichpuýt thì đi xa hơn nữa, ngược lên chợ Lơnoa. Người đi từ bờ sông Xenơ tới đầu phố Pôlôngxô sẽ thấy phố Đơroamuyrơ ở bên tay trái; và đi ngoặt thước thợ sẽ thấy bức tường dài của phố ấy trước mặt và bên phải thêm một khúc cụt của phố Đơroamuyrơ, không có lối thoát, gọi là ngõ cụt Giăngrô.

Giăng Vangiăng đang ở chỗ ấy.

Như chúng tôi vừa nói ở trên, khi nhìn thấy cái bóng đứng gác ở góc phố Đơroamuyrơ và phố nhỏ Pichpuýt, Giăng Vangiăng lùi lại. Chắc chắn là cái bóng đen ấy đang rình ông.

Làm thế nào bây giờ?

Quay trở lại thì không kịp nữa. Cái vật động đậy trong bóng tối ở đàng sau ông mấy phút trước đây, bây giờ ông đoán ra là Giave và đồng đội. Khi Vangiăng đến đầu này đường phố, có lẽ Giave đã vào đầu kia. Cứ như thế thì chắc Giave rất thuộc cái khu phố mắc cửi này, và hắn đã cắt người chắn lối thoát rồi. Những điều ức đoán chắc nịch ấy quay cuồng trong đầu óc khổ sở của Vangiăng, như một nắm bụi tung trong gió lốc. Ông nhìn kỹ ngách Giăngrô; ngách bị nghẽn thật sự. Ông nhìn ngõ phố Pichpuýt. Ở đấy có một người canh. Bóng sẫm của người canh nằm sóng sượt trên mặt đường giãi ánh trăng. Đi lên tức là va vào người ấy. Quay trở lại sẽ rơi vào tay Giave. Giăng Vangiăng thấy mình như sa vào một cái lưới đương từ từ thắt lại.

Thất vọng, ông ngẩng lên nhìn trời.

IV

MÒ MẪM ĐỂ TRỐN

Để hiểu những điều xảy ra sau này, phải hình dung một cách chính xác cái ngõ Đơroamuyrơ và đặc biệt cái góc tường ở bên tay trái. Khi người ta đi từ phố Pôlôngxô để vào cái ngõ này. Ngõ Đơroamuyrơ, bên tay phải, cho đến cái phố nhỏ Pichpuýt, hoàn toàn chỉ có những ngôi nhà trông có vẻ nghèo, xấu, bên tay trái thì chỉ có một ngôi nhà trông nghiêm nghị, gồm nhiều nhà ở, cứ cao dần lên, một , hai tầng gác chọ đến phố nhỏ Pichpuýt, như thế là ngôi nhà này rất cao về phía phố nhỏ Pichpuýt, còn về phía phố Pôlôngxô thì lại khá thấp và đến chỗ ấy, chỗ cái góc tường mà chúng tôi đã nói đến, nó hạ thấp đến mức chỉ còn có một bức tường. Bức tường này không chạy thẳng ra phố, nó thành một cái vách lùi vào trong mà hai góc tường nhô ra, che nó khuất đi, khiến cho hai người quan sát ở phố Pôlôngxô và ở phố Đơroamuyrơ không trông thấy nó được.

Từ hai góc tường này, bức tường kéo dài ra phố Pôlôngxô đến ngôi nhà số 9 và ra phố Đơroamuyrơ, những đoạn tường này ngắn hơn nhiều, đến một ngôi nhà tối tăm mà chúng tôi đã nói đến, ở một đầu hồi của nhà này, thành ra lại có một góc tường lõm vào ở đây. Cái đầu hồi này trông u ám, chỉ có một cái cửa sổ, hay nói cho đúng hơn, hai cánh cửa sổ bọc một tấm kẽm và lúc nào cũng đóng kín.

Tình hình những địa điểm mà chúng tôi mô tả ở đây hoàn toàn chính xác và chắc chắn phải gợi cho những người đã ở khu này trước kia một kỷ niệm rất rõ rệt.

Toàn bộ bức vách lùi vào kia bị che bởi một cái gì như một cánh cổng lớn tiều tụy. Đó là những tấm ván ghép vuông góc một cách thô sơ không ra hình thù gì, ván phía trên rộng hơn ván phía dưới , bằng những nẹp sắt ngang. Bên cạnh có một cái cổng cho xe ra vào, kích thước bình tường, mới đục ra, chắc chưa quá năm mươi năm.

Một cây bồ đề xoè cành lá trên vách tường, và phía phố Pôlôngxô, lại có cây leo phủ kín.

Trong giây phút nguy hiểm đang đe doạ Giăng Vangiăng, ngôi nhà tối tăm có vẻ hoang vắng này hấp dẫn ông. Ông nhìn thoáng tất cả ngôi nhà và tự bảo, nếu vào được ngôi nhà này thì có thể thoát nạn. Ông vụt nghĩ như vậy và hy vọng. Lưng chừng bề mặt ngôi nhà quay ra phố Đơroamuyrơ này, ở tất cả các cửa sổ các tầng gác, đều có những chậu hình phẫu bằng chì. Một cái ống chính chia thành nhiều nhánh dẫn đến những chậu kia, như hình một cái cây. Những ống ấy với hàng trăm nhánh cong queo của nó giống như những cành nho già trụi lá quằn quèo trước cửa những vườn trại cũ.

Cái cây kỳ quặc mọc trên tường ấy với những cành bằng tôn và bằng sắt là vật đầu tiên đập vào mắt Giăng Vangiăng. Ông đặt Côđét dựa vào một cái trụ bên đường, dặn em bé ngồi im lặng, và chạy tới chỗ cái ống sà xuống mặt đất. May ra có thể leo lên từ đó và trèo vào trong nhà. Nhưng cái ống đã nát không dùng được nữa, và gắn rất lỏng lẻo vào tường. Vả lại tất cả những cửa sổ của ngôi nhà im lặng này đều bịt dóng sắt dày, cả những cửa sổ sát mái cũng vậy. Và ánh trăng đang dọi vào mặt này của ngôi nhà ấy, người theo dõi ở đầu phố đàng kia có thể nhìn thấy Giăng Vangiăng trèo lên đấy. Rồi con Côđét thì làm sao? Làm thế nào đẩy Côđét lên mái một nhà gác ba tầng.

Giăng Vangiăng đành bỏ ý định leo lên theo cái ống kia và ông đi men tường để trở về phố Pôlôngxô.

Khi đi tới cái vách tường lùi vào, nơi ông đã đặt Côdét, ông nhận ra rằng ở đó không ai có thể nhìn thấy ông. Như chúng tôi đã giải thích ở trên, ở chỗ này không ai có thể nhìn thấy Giăng Vangiăng, dù người ấy đứng ở đâu. Thêm vào đó ông ta lại ở trong bóng tối. Và ở đó có hai cái cửa, may ra có thể xô hai cái cửa ấy mà vào. Bức tường trên có cây bồ đề và cây leo chắc là giáp với một cái vườn mà ông có thể ẩn mình được, tuy rằng lúc này cây chưa có lá, và ông có thể ở đấy cho đến hết đêm.

Thời gian trôi qua, cần phải hành động nhanh. Ông đẩy thử cái cổng xe và nhận ngay ra là nó bị chặn ở cả phía trong và phía ngoài. Ông lại gần cổng lớn với nhiều hy vọng hơn. Cái cổng đã mục nát, rất tồi tàn và vì nó rộng quá cho nên lại càng không chắc, các tấm ván đã mục, các nẹp sắt - chỉ có ba nẹp thôi - đã rỉ hoen cả. Ông tin là có thể chọc thủng cái cổng mọt ấy. Nhưng xem kỹ ông thấy cái cổng ấy không phải là một cái cổng. Không có chốt, không có nẹp sắt, không có khoá không có kẽ hở ở giữa. Những nẹp sắt chạy ngang cả mặt cổng, không có chỗ nao đứt quãng. Qua những chỗ hổng của những tấm ván ấy, nhìn thấy những viên đá to, đá nhỏ gắn xi măng một cách sơ sài mà người qua đường cách đây mười năm còn trông thấy. Cuối cùng ông kinh hoàng nhận ra rằng cái hình thức cổng ấy chỉ là cái vỏ bên ngoài bằng gỗ của một bức tường xây. Có thể dễ dàng dứt đi một tấm ván, nhưng người ta sẽ chạm trán với một bức tường.

V

NẾU ĐƯỜNG PHỐ THẮP ĐÈN KHÍ THÌ KHÔNG THỂ THẾ ĐƯỢC

Bây giờ có tiếng động nặng nề, nhịp nhàng từ xa dội lại. Giăng Vangiăng ló đầu ra ngoài góc phố nhìn thử thì thấy bảy tám tên lính xếp thành đội ngũ tiến vào phố Pôlôngxô. Lưỡi lê sáng loáng, chúng tiến lên phía ông. Tên đi đầu vóc dáng cao lớn nom đúng là Giave. Chúng đi chậm chạp và thận trọng. Chúng thường hay đứng lại. Rõ ràng là chúng soát xét từng nếp tường, từng hốc cửa, từng ngõ ngách.

Đây hẳn là một đội lính tuần tra mà Giave gặp và trưng tập, điều ức đoán này chắc không sai.

Hai tên tuỳ tùng của Giave cũng đi trong hàng lính.

Tiến theo cái đà ấy và hay đứng lại như thế thì cũng phải mất mười lăm phút chúng mới đến chỗ Giăng Vangiăng. Giây lát ấy thật là hãi hùng. Chỉ còn mấy phút là Giăng Vangiăng lại sa vào vực thẳm ghê rợn một lần thứ ba. Lần này thì vào ngục không phải chỉ là vào ngục, mà còn có nghĩa là mất Côdét, là sống cái đời sống tối tăm cô quạnh như ở trong mồ.

Chỉ còn một cách khả dĩ thoát thân.

Giăng Vangiăng có cái này là đặc biệt: có thể nói ông có hai bị, một bị đựng những ý nghĩ hiền từ của một vị thánh, một bị nhốt những ngón hay tài lạ ghê gớm của một tên tù khổ sai. Tùy lúc mà ông lục tìm trong bị này hay bị nọ.

Một trong những ngón hay ấy là ngón leo trèo. Nhờ nhiều lần vượt ngục Tulông, ông đã trở nên một tay thánh

trong cái thuật leo khó tưởng tượng ấy, là leo độc bằng gân cốt, không dây, không thang, không mấu. Ở một góc tường nào đấy, ông chỉ vận dụng vai, gáy, hông và gối, thỉnh thoảng mới nương vào một mảnh đá họa hoằn nhô ra, cứ thế nếu cần, ông leo lên tầng thứ sáu của một ngôi lầu, theo cái thuật đã làm góc sân nhà tù La Côngxiecgiơri ở Pari nổi tiếng và đáng sợ vì ở đó hai mươi năm trước tên tù Batơmôlơ đã vượt ngục.

Trên bức tường trước mặt, một cây bồ đề toả cành lá. Giăng Vangiăng nhìn tường, ước lượng chiều cao khoảng sáu mét. Tường đâm vào chái của một ngôi nhà lớn, làm thành một hình góc khay, nhưng người ta đã xây bịt đoạn dưới góc tường ấy bằng một trụ vôi hình tam giác, có lẽ để cho bọn lang thang nghèo hèn khỏi vào ẩn náu. Cách bít góc tường chống bọn lang thang như thế là chuyện thường ở Pari.

Cái trụ vôi cao độ trên một mét rưỡi. Từ đỉnh trụ lên đến ngọn tường, khoảng cao chỉ còn hơn bốn mét.

Trên tường có một tảng đá bằng phẳng. Cái khó khăn là Côdét. Côdét trèo tường thế nào được? Bỏ nó lại ư? Vangiăng không bao giờ tính đến chuyện ấy. Mang nó đi thì leo làm sao! Leo tường theo kiểu lạ lùng ấy, leo một mình đã phải dùng hết sức lực rồi. Nếu thêm một sức nặng nào nữa, trọng tâm sẽ chệch ra ngoài và người leo sẽ nhào xuống.

Có một cái dây thì giải quyết được, nhưng Vangiăng không có! Tìm đâu cho ra một mẩu dây lúc nửa đêm ở phố Pôlôngxô? Lúc ấy Vangiăng sẵn sàng đổi cả một vương quốc để lấy một sợi dây.

Trong cảnh cùng đồ, có những tia chớp có khi làm loà mắt ta, có khi rọi sáng trí ta. Con mắt tuyệt vọng của Vangiăng bắt gặp cây trụ đèn ở ngách Giăngrô.

Thuở ấy đường phố chưa có đèn khí, đêm đến người ta thắp đèn lồng cách từng quãng; đèn lồng buộc vào dây để kéo lên kéo xuống; dây chạy luồn vào một cái rãnh khoét trong một giá tra vào trụ đèn và nằm ngang qua đường. Trục quay dây đặt vào một hòm bằng sắt nhỏ dính liền với trụ, chìa khoá do người thắp giữ. Cái dây cũng luồn trong một ống bằng kim khí.

Giăng Vangiăng vận dụng hết nghị lực trong cuộc chiến đấu quyết liệt. Ông nhảy phóc qua đường vào ngách Giăngrô, lấy mũi dao nhọn cạy hòm sắt ở trụ đèn. Một lát sau ông trở lại chỗ Côdét với một cuộn dây. Các bác thánh xoay này, khi các bác đương đầu với số mệnh thì các bác nhanh tay khiếp lắm!

Chúng tôi đã nói là đêm ấy đèn đường không thắp. Đèn lồng ở ngách Giăngrô tất nhiên cũng không thắp như mọi đèn khác, cho nên dù có đi sát một bên trụ đèn cũng không ai thấy đèn treo không đúng chỗ.

Canh khuya, cảnh lạ, bóng đêm mờ tối, Vangiăng bận rộn lo âu và có những cử động dị kỳ. Côdét trông thấy cảnh tượng ấy bắt đầu lo lắng. Một đứa trẻ khác thì đã kêu khóc từ lâu rồi, nhưng Côdét thì chỉ kéo áo Vangiăng. Đội tuần tra đến gần, tiếng đi nghe càng rõ, Côdét khe khẽ nói:

Cha ơi! Con sợ quá. Ai đi đấy?

- Im! Mụ Tênacđiê đấy.

Côdét rùng mình. Vangiăng nói tiếp:

- Đừng nói gì cả. Để mặc cha. Mụ Tênacđiê chực bắt con đấy, nếu con kêu khóc thì mụ ấy biết ngay.

Thế rồi Vangiăng cởi cà vạt buộc quanh mình Côdét, phía dưới nách. Ông rất cẩn thận để khỏi trượt da con bé. Rồi ông buộc múi vào đầu sợi dây, theo kiểu nút én của người đi biển. Xong ông cắn đầu dây kia, cởi giày và bít tất ném qua đường rồi trèo lên trụ vôi và bắt đầu leo lên tường vững vàng, chắc chắn như có nấc thang để bước và để bám vào tay. Mọi công việc ông làm không vội vàng hấp tấp, nhưng mỗi việc làm rồi là rồi, không làm lại. Trong giờ phút nguy nan như thế, khi đội tuần tra của Giave có thể xuất hiện lúc nào không biết, sự tỉnh táo, sự nhanh nhẹn và chính xác của ông thật là đáng phục. Không đầy nửa phút sau ông đã quỳ trên ngọn tường.

Côdét không nói không rằng, kinh ngạc nhìn lên. Cái tên Tênacđiê và lời dặn bảo của Vangiăng làm cho em khiếp đảm.

Thình lình nó nghe Vangiăng gọi nho nhỏ trong họng:

- Côdét, lại tựa lưng vào tường.

Côdét ngoan ngoãn làm theo.

- Đừng nói gì cả, đừng sợ.

Thế là Côdét thấy người nhấc bổng lên khỏi mặt đất. Chưa hiểu đầu đuôi ra sao, em đã lên đến ngọn tường.

Vangiăng cõng Côdét sau lưng, dùng bàn tay trái giữ hai tay nó. Ông nằm bẹp trên ngọn tường và trườn đi cho đến chỗ có mảnh tường xẻ. Như ông đã đoán, ở đấy có một mái nhà đi từ ngọn hàng rào gỗ, nằm là là cành lá

cây bồ đề, và xuống thoai thoải đến cách mặt đất không cao lắm. Rất may là ngọn tường về phía này cao hơn về phía ngoài phố nhiều. Giăng Vangiăng nhìn thấy mặt đất rất sâu ở dưới chân tường.

Vangiăng chuyền qua mái nhà, tay chưa rời khỏi mặt tường thì đã nghe tiếng la ó của đội tuần tra. Giọng Giave vang dội:

- Soát cái ngách cụt này. Phố Đơroamuyrơ đã bị chắn, phố nhỏ Pichpuýt cũng thế. Tôi cam đoan hắn ở trong ngách này.

Bọn lính xông vào ngách Giăngrô.

Trong khi ấy Giăng Vangiăng theo mái nhà tụt xuống, tay vẫn giữ Côdét. Đến cây bồ đề, ông bám lấy nhảy xuống đất. Từ đầu, Côdét không nói một tiếng, không biết vì gan góc hay vì quá sợ hãi. Tay nó hơi bị trầy da.

VI

BÍ MẬT BẮT ĐẦU

Giăng Vangiăng như lọt vào một khu vườn rộng, cảnh tượng trông lạ lùng, buồn bã, một thứ vườn hình như xếp đặt để ngắm, vào những đêm trường hay ngày đông tháng giá. Vườn hình bầu dục, phía sau có một hàng bạch dương. Ở mấy góc vườn có những lùm cây đại thụ khá cao lớn, ở giữa có một khoảng thoáng. Trong khoảng ấy có một cây cổ thụ lẻ loi, rất lớn và vài cây ăn quả, quằn quẹo và xù xì như những bụi rậm, mấy khoảnh rau, một bể chứa cũ, một đám dưa bở, lồng bọc dưa loang loáng dưới ánh trăng. Đây đó có vài chiếc ghế đá mốc thếch như

rêu. Hàng cây nhỏ thẳng đuột và đen sẫm đứng hai bên các lối đi một nửa phủ cỏ, một nửa phủ rêu xanh.

Vangiăng đã leo qua mái nhà để xuống đất. Cái nhà ấy bây giờ đứng lù lù bên cạnh ông cùng với một đống củi bó. Sau đống củi có một pho tượng đá tựa vào tường, mặt mũi sứt mẻ lờ mờ hiện ra trong bóng đêm.

Cái nhà hình như đổ nát, các gian phòng đã dỡ ván. Có một gian chừng để dùng làm nhà xe, bề bộn đồ đạc.

Mặt sau tòa nhà phố Đơroamuyrơ mở vào vườn thành hai mặt châu vào nhau hình thước thợ. Mặt sau còn ảm đạm hơn mặt trước nữa. Bao nhiêu cửa sổ đều chắn song sắt. Không có ánh đèn. Ở các tầng trên có những lồng cu như ở nhà pha. Bóng một mặt nhà ngả phủ lên mặt nhà kia và trải xuống đất như một tấm dạ đen.

Không thấy có nhà nào khác nữa: Phía đằng sau vườn mờ mịt trong sương mù và đêm tối. Nhưng người ta cũng nhìn thấy lờ mờ có những bức tường ngang dọc, tuồng như đằng sau tường có trồng trọt những thứ gì nữa. Phía sau tường, san sát những mái nhà thấp thấp ở phố Pôlôngxô.

Không thể tưởng tượng có một cảnh nào cô quạnh và rợn người hơn cảnh vườn ấy. Không có bóng người thì đã đành, vì khuya khoắt như thế ai còn đi lại làm gì. Nếu chỉ vắng bóng người thì cũng không cần nói, đằng này, hơn thế, người ta có cảm giác là chỗ ấy không phải là chỗ để cho con người qua lại, dù là qua lại giữa ban trưa.

Việc đầu tiên của Giăng Vangiăng là tìm giầy mang vào, rồi cùng Côdét đi lẩn vào nhà xe, bởi vì người đi trốn không bao giờ cho rằng mình trốn đã kín. Côdét thì cứ nghĩ sợ mụ Têmacđiê nên cũng đồng tình chịu trốn. Nó

run sợ và nép người vào Vanggiăng. Đội tuần tra đương sục sạo tìm kiếm trong ngách Giăngrô. tiếng huyên náo dội vào trong vườn. đó là tiếng báng súng giộng vào đá. tiếng Giave thét gọi bọn mật thám đứng gác và tiếng hấn nguyền rủa lầm bầm cái gì nghe không rõ.

Mười lăm phút sau. cơn náo động bắt đầu xa dần. Từ lâu Vanggiăng nín thở và để nhẹ bàn tay lên miệng Côdét.

Tuy vậy, cảnh vắng vẻ ở đây hoàn toàn, sự náo động khủng khiếp bên ngoài dù gần cũng không làm cho ai chột dạ. Tuồng như những bức tường kia xây bằng thứ đá điếc mà kinh Thánh đã nói đến.

Bỗng nhiên lại có tiếng vọng lên trong vắng lặng. Một thứ tiếng cao cả, thiêng liêng, huyền diệu, nó làm cho lòng người say sưa, cũng như tiếng động lúc nãy làm cho lòng người kinh rợn. Đây là một bản hợp tụng trong bóng tối, một bài kinh nhạc mê hồn trong cảnh vắng lặng của đêm sâu. Giọng tụng này là giọng phụ nữ, nó là sự hoà hợp giữa giọng trong trẻo của những người đồng trinh với giọng thơ ngây của các em bé. Thứ tiếng ấy không phải là tiếng ở thế gian này, nó giống thứ tiếng mà trẻ sơ sinh hãy còn nghe thấy và người sắp nhắm mắt cũng bắt đầu nghe. Tiếng ấy vọng ra từ ngôi nhà tăm tối. Có lẽ đây là khúc hợp xướng của thiên thần dịch lại trong bóng đêm để thay cho tiếng náo động của lũ quỷ vừa bay xa.

Côdét và Giăng Vangiăng vội vàng quì xuống.

Họ không biết tiếng ấy là tiếng gì, họ không biết chỗ này là chỗ nào. Tuy vậy người luống tuổi hối lỗi ấy và em bé trong trắng này, cả hai đều cảm thấy phải quì xuống kính cẩn.

Tiếng ấy vẫn không làm cho ngôi nhà bớt vắng lặng; nó là một khúc hát thiên đường trong một tòa nhà không người ở.

Trong khi nghe hát, Giăng Vangiăng quên hết mọi ưu phiền. Ông không thấy đêm tối, ông chỉ thấy trời xanh. Ông cảm thấy hình như đôi cánh thiên thần ở trong người ông từ từ mở ra.

Tiếng hát dứt. Khúc hát ngân lên đã lâu chưa, Vangiăng không nói được. Những giờ ngây ngất đắm say chỉ ngắn bằng giây phút.

Quang cảnh đã trở lại yên lặng. Không còn gì ngoài phố, không còn gì trong vườn nữa. Mối đe dọa, niềm an ủi cũng đều tan biến hết. Gió thổi trên ngọn tường, mấy cây cỏ khô cọ vào nhau phát ra một tiếng động nhè nhẹ, thê lương.

VII

BÍ MẬT CÒN TIẾP

Gió đêm thổi lên hây hẩy, nghĩa là có thể đã đến một, hai giờ khuya. Con bé Côdét vẫn im lặng. Em ngồi xuống bên cạnh Vangiăng. Vangiăng tưởng em đã ngủ, cúi xuống nhìn. Nhưng không, Côdét vẫn mở mắt thao láo. Vẻ mặt ưu tư nghĩ ngợi của em làm cho Vangiăng thấy nhói trong tim. Em vẫn còn run bần bật.

- Con có buồn ngủ không?

- Con rét quá.

Một lát sau em hỏi:

- Bà ấy vẫn còn ở đây ư?

- Bà nào?

- Bà Tênacđiê ấy mà.

Giăng Vangiăng đã quên bẵng cái chuyện đem mụ Tênacđiê dọa cho Côdét im lặng.

- Ồ! Mụ ấy đi rồi. Con đừng sợ gì nữa.

Côdét thở ra nhẹ nhõm, như cất một gánh nặng trên ngực.

Đất ẩm ướt, nhà xe trống trải, gió đêm càng khuya càng lạnh. Vangiăng cởi áo khoác ngoài phủ lên mình Côdét.

- Thế này con có thấy đỡ rét không?

- Ồ, đỡ lắm cha ạ.

- Bây giờ hãy đợi đây, cha đi một lát lại về ngay.

Ông ra ngoài, đi men theo tòa nhà lớn để tìm một chỗ trú tốt hơn. Ông thấy nhiều cửa, nhưng đều đóng cả. Ở các cửa sổ tầng dưới, cửa nào cũng có song sắt.

Khi ông đi khỏi góc nhà, thì thấy có những cửa sổ cuốn có ánh đèn, ông kiễng chân dòm vào. Tất cả các cửa sổ cuốn ấy là của một gian nhà rộng, lát đá tảng to, đầy những vòm cuốn và cột trụ. Ánh sáng heo hắt làm cho từng mảng bóng tối lay động trên nền, trên vách. Ánh sáng tỏa ra từ một chiếc đèn chong ở một xó. Không một dáng người, không một tiếng động, gian phòng hoàn toàn vắng lặng.

Nhìn mãi Vangiăng thấy ở nền nhà có vật gì như một hình người đắp vải liệm. Hình ấy nằm sấp, mặt úp xuống đất, tay dang chữ thập, trong có cái dáng bất động của người chết. Trên nền nhà, một vật gì ngoằn ngoèo, hình như cái hình thù ghê rợn ấy có dây ở cổ.

Cảnh rùng rợn càng tăng vì cả gian phòng chập chờn trong lù mù của ánh sáng.

Về sau, Vangiăng thường nói là trong đời, ông đã thấy nhiều cảnh ghê rợn, nhưng ông không bao giờ thấy có cái gì ghê rợn và kinh khủng bằng cái hình thù bí mật đương thực hiện một phép huyền bí gì trong gian phòng mập mờ đêm hôm ấy. Nghĩ rằng đó là người chết đã là khủng khiếp, nghĩ rằng có lẽ là người sống lại càng khủng khiếp hơn.

Vangiăng mạnh dạn dòm sát vào cửa kính để rình xem hình thù ấy có động đậy không. Ông đứng một thời gian chừng như lâu lắm mà vẫn không thấy nó cử động.

Thình lình ông cảm thấy khiếp sợ quá, vội bỏ chạy. Ông chạy một mạch về phía nhà xe, không dám ngoái cổ lại. Ông có cảm giác là nếu ông quay đầu lại, ông sẽ thấy cái thây ma ấy sải bước đuổi theo ông, hai tay ve vẩy.

Giăng Vangiăng về đến nhà xe, thở hổn hển. Đầu gối ông muốn gấp lại, mồ hôi đầm đìa sau lưng.

Nơi này là nơi nào? Ai tưởng tượng được giữa Pari lại có một thứ mộ địa kiểu ấy? Cái nhà kỳ quái này là nhà gì? Nó đầy rẫy những nhà bí ẩn của bóng đêm. Nó đem giọng thiên thần kêu gọi linh hồn người ta trong đêm tối, rồi khi người ta đến, nó lại cho người ta xem một cảnh tượng ghê rợn như thế kia. Nó hứa hẹn mở cửa thiên đình xán lạn, nhưng nó lại mở cửa mộ địa tối tăm. Ấy thế mà rõ ràng là một ngôi nhà nhìn ra đường có mang biển số. Đâu có phải là một giấc mơ! Giăng Vangiăng phải sờ đến các phiến đá xây ngôi nhà ấy mới tin là mình không mơ ngủ.

Vừa rét, vừa sợ, vừa lo, lại luôn luôn bị xúc động mạnh từ ban tối, Giăng Vangiăng thấy như trong người

lên cơn sốt và các ý nghĩ trên kia quay cuồng trong đầu óc ông.

Ông lại gần Côdét. Côdét đã ngủ.

VIII

BÍ MẬT CÀNG TĂNG

Côdét gối đầu lên một phiến đá và ngủ thiếp từ bao giờ.

Giăng Vangiăng ngồi xuống bên cạnh ngắm nhìn nó. Càng nhìn, ông càng thấy trí óc dần dần bình tĩnh và ông điềm nhiên suy nghĩ.

Ông tìm thấy một sự thật, là Côdét mà còn ở đấy, còn ở bên cạnh ông, thì ông có cần cái gì cũng là vì Côdét mà cần, có sợ cái gì cũng là vì Côdét mà sợ. Nó là ý nghĩa của đời ông. Bỏ áo ra để đắp cho Côdét, ông vẫn không thấy rét, mặt dù trời rét.

Trong cơn suy nghĩ miên man, ông nghe văng vẳng một tiếng gì là lạ. Nó như một tiếng nhạc rung từ trong vườn lại, nghe rất rõ, tuy chỉ văng vẳng thôi. Nó giống như tiếng nhạc đồng buộc cổ những con cừu, con dê ăn đêm trên đồng cỏ.

Ông ta quay lại. Nhìn ra, ông thấy có bóng ai trong vườn.

Một sinh vật giống hình người đương đi giữa các luống dưa. Nó ngẩng lên, cúi xuống, dừng lại đều đều như kéo một vật gì hay trải cái gì dưới đất. Hình như nó thọt chân.

Vangiăng rùng mình. Lúc nào ông cũng run sợ như tất cả mọi người cùng khổ. Cái gì đối với họ cũng là thù

nghịch và khả nghi. Họ ngại ban ngày vì ban ngày dễ bị nom thấy; họ ngại ban đêm vì ban đêm họ có thể bị tóm mà không hay. Lúc nãy, Giăng Vangiăng rùng mình vì cảnh vườn vắng vẻ, bây giờ ông rùng mình vì vườn có bóng người.

Hết lo sợ vì tưởng tượng, ông lại lo sợ vì thực tại. Ông cho là bè lũ Giave còn lẩn quất đâu đây và có lẽ chúng có cắt người ở lại quan sát. Cái người đi trong vườn này mà thấy Vangiăng tất sẽ kêu có trộm và ông sẽ bị lộ. Nghĩ thế, Vangiăng se sẽ ẵm Côdét lên, mang ra sau đống bàn ghế cũ nát ở xó nhà khuất nhất. Côdét không cựa.

Từ trong xó ấy, Vangiăng theo dõi hành tung người kia và thấy có điều rất lạ là tiếng nhạc rung theo cử động của hắn. Hắn lại gần, tiếng nhạc nghe gần, hắn ra xa, tiếng nhạc ngân xa. Khi hắn cử động nhanh thì cả một tràng nhạc rung theo cử động. Khi hắn đứng lại, tiếng nhạc cũng im bặt... Thật quá rõ là người ấy đeo nhạc trên người. Thế là thế nào? Người ấy là người gì mà đeo nhạc y như con bò, con chiên vậy.

Vangiăng vừa tự hỏi như thế vừa sờ tay Côdét. Tay em bé lạnh ngắt, Vangiăng buột miệng kêu: "Trời ơi!" - Ông gọi khe khẽ:

- Côdét, con!

Côdét không mở mắt. Ông lay mạnh con bé. Em bé vẫn không thức giấc.

Vangiăng lẩm nhẩm:

- Có lẽ nó chết chăng!

Ông đứng phắt lên, toàn thân rung động.

Ông liên miên nghĩ đến những điều rủi ro rùng rợn. Có những lúc những phỏng đoán ghê rợn nhất như một

đoàn cuồng quỉ bao vây và đột ám vào trí óc ta. Với những người ta yêu quí, ta quá lo xa cho nên tưởng tượng ra những điều điên dại.

Ông sực nhớ là người ngủ ngoài trời một đêm rét có thể chết được.

Con Côdét xanh xao lại ngã sóng sượt dưới đất bên chân ông, không động đậy.

Vangiăng cố nghe hơi thở của Côdét. Em vẫn thở, nhưng ông tưởng thấy hơi thở mỏng mảnh như một sợi tơ và sắp đứt.

Làm thế nào sưởi cho nó ấm lại? Làm thế nào cho nó tỉnh. Vangiăng chỉ lo có chừng ấy, mọi nỗi lo ngại khác đã bay biến. Hoảng quá, ông bổ nhào ra khỏi nhà xe.

Phải làm thế nào cho Côdét có giường nằm, có lửa sưởi trong mười lăm phút!

IX

NGƯỜI ĐEO NHẠC

Giăng Vangiăng đi xăm xăm lại chỗ có người lạ. Ông rút cuộn bạc giấy trong túi áo gilê ra, cầm lăm lăm trong tay.

Người kia đương cúi, không trông thấy ông lại gần. Ông sải mấy bước đã đến bên hắn ta. Ông hét:

- Một trăm phơrăng.

Người kia giật mình đánh thót một cái, ngẩng nhìn lên.

Vangiăng tiếp:

- Cho tôi trọ đêm nay, tôi biếu một trăm quan.

Trăng soi ngời ngợi vẻ mặt hoảng hốt của Vangiăng.

- Ô kìa! Bác Mađơlen!

Con người xa lạ trong đêm tối ở cái nơi không quen thuộc này, sao lại gọi lên cái tên ấy? Vangiăng lùi lại.

Ông đã dự kiến hết, nhưng việc này thật quá bất ngờ!

Người kia là một ông già còm và thọt, ăn mặc tựa tựa như nông dân, ở đầu gối trái của lão, có một tấm da bọc gối, trên ấy treo lủng lẳng một chiếc nhạc. Mặt lão khuất bóng đêm, trông không rõ.

Lão cất mũ run rẩy kêu:

Trời đất ơi! Làm sao bác lại ở đây, hở bác Mađơlen? Lạy chúa! Bác vào bằng cái ngõ nào thế? bác từ trên trời rơi xuống đấy ư? Cái đó cũng không lạ, bác mà rơi thì tất phải là từ trên trời rơi xuống. Ôi chao ơi! Sao bác ra cơ sự thế kia? Bác không có cà-vạt, không có mũ, không có áo ngoài. Bác có biết là tướng bác trông dễ sợ lắm không, ai không quen bác mà gặp bác hôm nay tất phải chết khiếp. Chúa cao cả ôi! Phải chăng là những bậc thánh ngày nay đều hoá điên cả? Thế nhưng bác làm thế nào mà vào lọt chỗ này mới được chứ?

Lời tiếp lời không ngớt, ông già ba hoa như một người nông dân nhưng không lộ ý gì đáng ngại. Trong giọng nói của ông có sự kinh ngạc lẫn vẻ niềm nở thật thà. Vangiăng hỏi:

- Ông là ai? Nhà này là nhà gì?

- Ôi chao ôi! Cái này mới thật là kì quặc! Tôi là người bác đưa vào làm ở đây, và nhà này là nhà bác đưa tôi vào làm, chứ còn người nào, người nào nữa! Mà thật vậy ư? Bác không nhận ra tôi thật ư?

- Không. Còn ông thì tại sao mà ông biết tôi?

- Bác đã cứu sống tôi.

Ông già ngoái đầu, ánh trăng soi rõ sống mặt. Vangiăng nhận ra ông già Phôsơlơvăng.

- Ô hay! Bác đấy ư? ờ phải, tôi nhận ra bác rồi.

- Quý hoá chưa! - Ông già nói có vẻ trách móc.

- Thế bác làm gì ở đây?

- Thì đấy! Tôi che dưa bở.

Quả vậy, ông Phôsơlơvăng đương lấy tranh rạ đậy lên mấy luống dưa. Từ lúc ra vườn dưa đến giờ, ông đã trải được một số tranh rồi. Những cử động lạ lùng Vangiăng đã trông thấy, chính là công việc che dưa.

Ông Phôsơlơvăng nói tiếp:

- Tôi tự bảo: trăng sáng thế này chắc là sắp rét giá, dưa sẽ bị lạnh, dễ ta phải mang áo ra cho chúng.

Ông Phôsơlơvăng vừa nhìn Vangiăng vừa cười hà hà nói tiếp:

- Gặp phải bác, chắc bác cũng làm thế thôi! Nhưng bác làm thế nào mà vào được đây?

Thấy ông già Phôsơlơvăng biết mình, dù là chỉ biết với cái tên Mađơlen, Giăng Vangiăng cũng trở nên dè dặt thận trọng. Ông hỏi han ông già dồn dập. Vai trò thay đổi, chính người khách lạ lại chất vấn chủ nhân:

- Bác đeo cái nhạc gì ở đầu gối thế?

- Nhạc này ư? Ấy, để cho họ biết mà tránh tôi.

- Thế nào? Để cho họ tránh bác?

Ông Phôsơlơvăng nheo mắt một cách khó tả:

- Ấy! Ở trong nhà này chỉ có đàn bà, phần nhiều là thiếu nữ. Hình như họ cho gặp tôi là nguy hiểm thế nào ấy. Cho nên tôi phải đeo cái nhạc này để báo hiệu cho họ biết: Nghe tôi đến thì họ lẩn tránh đi.

- Nhà này là nhà gì?

- Ô hay! Bác biết lắm chứ.

- Không, tôi không biết.

- Bác giới thiệu cho tôi đến đây coi vườn mà lị!

- Bác cứ coi như là tôi chưa biết gì hết và trả lời cho tôi.

- Thế thì đây là nhà tu kín Pơti Pichpuýt.

Vangiăng lần hồi nhớ lại việc cũ. Sự tình cờ, nghĩa là bàn tay Chúa đã ném ông vào chính cái tu viện mà hai năm trước, ông đã giới thiệu ông lão Phôsơlơvăng vào làm, sau khi lão này trở nên tàn tật vì xe kẹp. Ông lẩm nhẩm như nói một mình:

- Tu viện Pơti Pichpuýt!

- Mà này, Bác Mađơlen, bác làm thế quái nào mà vào được tu viện này? Bác thì là bậc thánh đấy, nhưng bác vẫn là đàn ông, mà đàn ông thì không được vào đây.

- Chứ còn bác thì sao?

- Chỉ có mình tôi đặc cách.

- Thế mà tôi cứ phải ở lại trong này đấy!

- Ôi trời! - Phôsơlơvăng kêu.

Giăng Vangiăng nhích lại một bên ông già, nghiêm trang bảo:

- Ông Phôsơlơvăng, tôi đã cứu ông.

- Ấy tôi nhớ ra chuyện ấy trước bác kia.

- Ngày nay ông có thể cứu tôi cũng như tôi đã cứu ông ngày trước.

Ông Phôsơlơvăng đưa hai bàn tay nhăn nheo nắm lấy bàn tay rắn chắc của Vangiăng, nghẹn ngào không nói. Mãi sau, ông mới kêu:

- Ôi ! Tôi mà báo bổ được phần nào thì quả thật là ơn Chúa. Tôi cứu được ông ư, ông thị trưởng? Nếu thế ông cứ sai bảo lão già này đi.

Nét mặt ông Phôsơlơvăng trở nên rạng rỡ lạ thường. Ông hỏi:

- Bác định khiến tôi làm gì đây?

- Tôi sẽ nói kỹ. Hiện giờ thì tôi muốn biết bác có một căn buồng không?

- Tôi có một cái nhà nhỏ trơ trọi ở đầu kia, trong góc khuất đằng sau cái nhà đổ nát ấy. Nhà có ba buồng.

Thật vậy, cái nhà nhỏ này khuất sau cái nhà cũ kỹ kia, không ai trông thấy. Vì thế Vangiăng không biết có nó.

- Tốt lắm. Bây giờ tôi nhờ bác hai việc.

- Việc gì, ông thị trưởng?

- Thứ nhất, bác không nói gì với ai hết về tung tích của tôi. Thứ hai là bác cũng đừng tìm hiểu gì thêm về tôi.

- Được rồi. Tôi tin là bác làm việc gì cũng là việc lương thiện cả. Bao giờ bác cũng là người con của Chúa nhân hậu. Với lại chính bác đã đưa tôi vào làm ở đây. Đây là việc của bác. Bác cứ sai khiến.

- Được rồi. Bây giờ thì bác đi với tôi, đến tìm đứa bé.

- Ô! Có một đứa bé!

Ông không nói thêm gì nữa, chỉ lủi thủi bước theo Giăng Vangiăng như chó theo chủ.

Côdét được sưởi lửa, đôi má lại hồng hào và nửa giờ sau, em ngủ yên trên giường ông lão. Giăng Vangiăng thì đã buộc lại cà-vạt và mặc áo khoác. Chiếc mũ cũng đã tìm thấy. Phôsơlơvăng cởi cái nịt gối đeo nhạc, mắc lên cạnh một chiếc giỏ treo, như một vật trang trí trên tường. Hai người chống tay lên bàn ngồi sưởi lửa. Phôsơlơvăng đem ra một ít bánh khô, một miếng bánh sữa, một chai rượu với hai cái cốc. Ông để tay lên đùi Giăng Vangiăng, nói:

- Bác Mađơlen ơi! Mãi bác mới nhìn ra tôi! Bác cứu sống người ta, rồi bác quên người ta đi. Bậy thật! Người ta thì vẫn nhớ bác. Bác là một người bội bạc!

X

VÌ SAO GIAVE ĐI KHÔNG VỀ RỒI

Những sự việc - mà chúng ta vừa được thấy như là cái phía sau đó - đã xảy ra một cách rất dễ hiểu.

Đêm hôm sau cái hôm Giave bắt Giăng Vangiăng bên cạnh thi thể của Phăngtin, Vangiăng vượt ngục Mông - tơrơi. Sở cảnh sát dự đoán là anh ta vào Pari. Pari là một cái vực xoáy trên cạn, một cái rốn xã hội, cái gì cũng chìm đắm, cũng mất tăm ở đấy như trong rốn bể. Không có khu rừng nào che giấu con người ta kín đáo bằng cái đám người đông đặc ấy. Những kẻ đào tị bất kỳ loại nào, cũng đều biết như thế. Họ tìm đến Pari để trầm mình vào trong ấy vì có khi trầm mình là sống. Cảnh sát cũng biết như thế, cho nên mất gì ở đâu, họ cũng vào Pari mà tìm. Cứ thế họ tìm ông nguyên thị trưởng Môngtơrơi. Giave được gọi về Pari để giúp các cuộc lùng xét. Quả Giave đã giúp

một tay đắc lực vào việc nã bắt Vangiăng. Nhờ thông minh và mẫn cán, Giave được ông bí thư sở cảnh sát là Sabuiê chú ý. Ông này là bí thư thời bá tước Ăngơlet làm giám đốc. Vả lại ông Sabuiê cũng đã che chở cho Giave từ lâu. Ông thuyên chuyển viên thanh tra Môngtơrơi về sở cảnh sát Pari. Ở Pari, Giave đã tỏ ra là người hữu ích trong loại công việc này cũng lạ lùng.

Giave không nghĩ đến Vangiăng nữa. Đối với bọn chó săn nhà nghề ấy, con sói đánh hơi được hôm nay át mất hơi bám con sói ngày hôm qua. Tháng chạp năm 1823, tình cờ Giave đọc một tờ báo, mặc dầu ít khi hắn đọc báo. Lần này Giave đọc báo là vì hắn là một người bảo hoàng, hắn muốn biết chi tiết cái việc "hoàng thân đại tướng" vào thành phố Bêiôn một cách vinh quang như thế nào. Đọc xong bài báo ấy, Giave để ý đến một tên người ở cuối trang. Tên người ấy là Giăng Vangiăng , tin báo nói tên tù khổ sai Giăng Vangiăng chết. Lời báo rõ ràng, dứt khoát khiến Giave không nghi ngại gì hết. Hắn chỉ nói: "Nhà giam ấy mới thật là *một nhà giam chắc chắn*". Rồi hắn vứt tờ báo và không nghĩ đến chuyện ấy nữa.

Cách đấy ít lâu, sở cảnh sát Pari nhận được một báo cáo của sở cảnh sát quận Xen về việc một đứa bé ở làng Môngphecmây bị bắt đi mất một cách rất lạ. Báo cáo nói có một đứa bé độ bảy tám tuổi bị bắt trộm mang đi; trước đây mẹ đứa bé gửi nó cho một người chủ quán nuôi hộ. Tên nó là Côdét, mẹ nó tên là Phăngtin; nghe nói Phăngtin chết ở nhà thương phúc, không biết lúc nào và ở đâu. Giave thấy báo cáo ấy đâm ra nghĩ ngợi.

Hắn rất quen cái tên Phăng-tin. Hắn nhớ ra hắn đã phì cười khi nghe Giăng Vangiăng xin khoan cho ba ngày để đi mang đứa con của con đĩ ấy về; hắn cũng nhớ Vangiăng bị bắt ở Pari đúng khi đáp chuyến xe đi Môngphecmây. Hơn nữa có nhiều triệu chứng là Vangiăng đi Môngphecmây lần ấy là lần thứ hai, đêm trước hắn đã đi Môngphecmây, nhưng chỉ lùng quanh làng chứ chưa vào. Hắn ta đi Môngphecmây làm gì, người ta không đoán ra. Bây giờ đây Giave mới hiểu: con của Phăngtin ở đấy, Vangiăng đến tìm nó. Thế mà ngày nay con của Phăngtin bị một người lạ mặt mang đi. Người lạ mặt là Giăng Vangiăng chăng? Nhưng không, Vangiăng đã chết rồi. Tuy vậy Giave cũng đáp xe đi Môngphecmây, chẳng nói cho ai biết.

Hắn đi là để cho biết rõ đầu đuôi; đến đây hắn lại càng mù tịt.

Sự thật, những ngày đầu, vợ chồng Tênacđiê mất ăn nổi cáu có nói lung tung. Việc mất con Sơn Ca thế là đồn đại xa gần. Có nhiều giả thuyết tung ra, thuyết cuối cùng là Sơn Ca bị bắt cóc. Vì thế nên đã có bản báo cáo của quận cảnh sát. Tuy vậy qua cơn giận dữ lúc đầu, linh khiếu của Tênacđiê báo cho hắn biết rằng động đến ông biện lý chẳng bao giờ có lợi. Hắn mà rêu rao kia nọ thì chỉ làm cho con mắt sáng quắc của công lý trước hết đâm vào nhiều công việc mờ ám của chính hắn ta. Loại cú trước hết sợ ánh đèn người ta mang tới. Việc này mà động đến sở cảnh sát thì món tiền nghìn rưỡi quan ấy nuốt cũng không trôi, đừng có nói gì chuyện khác. Hắn cắt đứt ngay câu chuyện, và cấm vợ mách lẻo. Hắn làm bộ ngạc nhiên

khi người ta nói đến việc *mất* con Sơn Ca. Hắn nói hắn thật không hiểu. Ừ thì lúc đầu hắn cũng có phàn nàn làm sao người ta vội "bắt" con bé yêu đi như thế. Trìu mến con bé đã quen, hắn cũng muốn giữ lại thêm vài ba hôm. Nhưng chính là "ông" con Côdét thân đến đem nó về thì bảo làm sao được! Cái tiếng "ông con Côdét" thế mà có hiệu lực, nó làm cho ai cũng tưởng thật. Đến Mông phecmây, Giave nghe được chuyện này. "Ông con Côdét" đã đánh tan sự nghi ngờ của Giave về Giăng Vangiăng .

Nhưng Giave cũng hỏi Tênacđiê một đôi câu thăm dò ý tứ. Ông con Côdét là ai, tên là gì? Rất tự nhiên, Tênacđiê đáp: Một phú nông. Tôi có xem giấy thông hành của ông ấy. Tôi nhớ như tên là Guyôm Lămbe.

Lămbe là một cái tên hiền lành. Giave yên tâm trở về Pari. Hắn tự bảo:

- Thằng cha Giăng Vangiăng ấy đã chết đứt đi rồi. Mình quả là ngớ ngẩn.

Hắn lại quên câu chuyện.

Vào tháng ba năm 1824, một hôm hắn nghe nói đến một nhân vật kỳ quặc. Nhân vật ấy ở trong giáo khu Xanh Mêđa. Người ta gọi hắn là "người ăn mày hay bố thí". Họ nói hắn sống về lợi tức công thải. Không ai biết tên hắn, hắn ở một mình với một con bé tám tuổi, con này cũng chỉ biết một điều là nguyên từ Môngphecmây đến. Môngphecmây! Cái tên này vẫn lởn vởn trong trí óc Giave và làm cho hắn vểnh tai cảnh giác. Một người hành khất già kiêm mật thám, nguyên là lao công trong nhà thờ thường xin tiền của nhân vật ấy, cho Giave biết thêm một vài chi tiết. Người ấy bảo cái nhân vật này khó lại gần

lắm, tối đến hắn mới ra phố. Hắn không nói chuyện với ai, trừ một đôi khi trao đổi với người nghèo đói. Không ai bắt chuyện với hắn được. Hắn mặc một chiếc áo khoác vàng xấu xí nhưng đáng giá mấy triệu vì khâu đầy giấy bạc. Chi tiết này làm cho Giave hết sức chú ý. Muốn cho nhân vật kỳ quái ấy khỏi kinh sợ để xem cho rõ mặt, một hôm Giave mượn bộ đồ rách của ông hành khất già mặc vào mình, ngồi thay vào chỗ ông. ở chỗ ấy, lão hành khất già kiêm mật thám đêm đêm vẫn tụng và nọm dòm những người qua lại.

Đúng như dự đoán, nhân vật khả nghi đến gần Giave và bố thí cho hắn. Lúc ấy Giave ngẩng lên: Giăng Vangiăng nhận ra Giave giật mình. Giave cũng giật mình vì nhận ra Giăng Vangiăng.

Nhưng Giave nghĩ rằng mình có thể nhận lầm. Cái tin Giăng Vangiăng chết đã chính thức kia mà. Giave là người thận trọng, khi còn nghi ngại, Giave chẳng bắt ai.

Hắn theo con mồi cho đến nhà Górbô. Hắn gợi chuyện với bà già nấu ăn cho Vangiăng. Bà già cũng bảo là chiếc áo khoác có khâu bạc triệu và kể luôn câu chuyện cái giấy bạc một nghìn phơrăng chính mắt mụ đã nhìn thấy, tay mụ cũng đã mó vào! Giave thuê gian buồng bên cạnh và ngay tối ấy hắn dọn đến. Hắn nghiêng tai bên cửa Vangiăng để chờ nghe giọng nói của ông. Nhưng qua lỗ khoá, Vangiăng trông thấy ánh đèn của hắn, cho nên không nói một tiếng. Giave chờ hoài công.

Ngày hôm nay, Vangiăng dọn đi. Nhưng tiếng rơi của đồng năm phơrăng làm cho bà già chú ý. Bà nghe tiếng

tiền leng keng, đoán là Vangiăng chuyển đi, vội vã báo với Giave. Đêm đến, lúc Vangiăng ra đi, Giave đem theo hai người, cùng đứng rình sau bóng cây.

Giave đã xin người ở sở cảnh sát, nhưng hắn không nói là để bắt ai! Hắn giữ bí mật vì ba lý do: trước hết nếu lộ một tí gì, Vangiăng sẽ đề phòng : sau nữa bắt được một tên khổ sai lâu năm vượt ngục mà ai cũng đinh ninh là chết rồi, một tên tội phạm mà hồ sơ tư pháp liệt kê vào *hạng nguy hiểm nhất*, bắt được một nhân vật như thế là một kỳ công mà chắc chắn là bọn cảnh sát cũ ở đây không để dành cho một tên mới đến như Giave; Giave rất sợ người ta phỗng tay trên con mồi của hắn; lý do cuối cùng là Giave như một nghệ sĩ, hắn thích chuyện bất ngờ. Hắn chúa ghét những thành tích không còn sốt dẻo vì bị người ta kháo trước nhiều quá. Hắn ưng xây dựng tác phẩm trong bóng tối để rồi cuối cùng kéo bức màn cho tác phẩm hiện ra thình lình trước mắt công chúng.

Giave lần mò từ gốc cây nọ qua gốc cây kia, từ góc phố này đến góc phố khác để đuổi theo Vangiăng. Không một phút nào hắn mất dấu con mồi. Ngay những lúc mà Vangiăng tưởng là yên ổn nhất, Vangiăng cũng vẫn ở trong tầm con mắt vọ của Giave.

Tại sao Giave không bắt Giăng Vangiăng? Tại vì hắn còn nghi ngại.

Bạn đọc nên nhớ rằng thuở ấy cảnh sát rất lúng túng. Quyền tự do báo chí làm rầy cho họ lắm. Báo chí đã tố cáo một vài **vụ** bắt bớ vô nguyên tắc, làm chấn động các nghị viện, do đó sở cảnh sát đâm ra rụt rè.

Vi phạm quyền tự do cá nhân bị coi là một sai lầm nghiêm trọng. Vì thế, người lính cảnh sát rất sợ nhầm. Ông giám đốc sẵn sàng trách cứ họ, hễ nhầm lẫn là tức khắc bị cách. Hãy tưởng tượng tiếng dội của một tin ngắn như thế này mà một tờ báo đăng tin, tức khắc hai mươi tờ đăng lại: "Hôm qua một ông cụ già tóc bạc bị bắt giải về trại giam của sở cảnh sát trong khi ông đi chơi với một em bé tám tuổi, cháu ông. Người ta bảo ông là một tên khổ sai vượt ngục. Thật ra thì ông là một người tử tế, sống bằng lợi tức công thải."

Cũng nên nhớ rằng Giave còn có những nỗi băn khoăn của riêng lòng mình. Những lời dặn dò của lương tâm cộng vào với những lời dặn dò của ông cảnh sát trưởng. Thật tình là hắn còn nghi ngại lung lắm.

Giăng Vangiăng quay lưng lại, bước đi trong bóng tối.

Dáng đi của Giăng Vangiăng rất không bình thường chính Vangiăng cũng không biết. Đó là vì ông buồn, ông lo, ông sợ hãi, ông chán nản, ngoài ra còn cái đau xót phải đương đêm trốn đi, nỗi lo lắng tìm đâu ra một chỗ tạm trú, sự cần thiết phải bước hết sức chậm để cho Côdét theo kịp. Tất cả những thứ ấy làm cho người Vangiăng còm xuống, già cọm hẳn đi, đến nỗi Giave là hiện thân của cảnh sát cũng phải nhầm. Giave thì không thể đến quá gần, mà bộ áo quần thầy giáo già luân lạc của Vangiăng, cái việc Tênacđiê nói quả quyết người mang Côdét đi là ông nội của nó, sau hết cái tin Vangiăng đã chết, tất cả cái ấy càng làm cho đầu óc Giave hoang mang.

Có một lúc hắn nảy ra cái ý hỏi giấy Vangiăng đột ngột. Nhưng cũng không lợi. Nếu người ấy không phải là Giăng Vangiăng, cũng không phải là một ông già nhàn nhã lương thiện, thì tất phải là một tên đầu trộm đuôi cướp, dính dáng trong cái mạng nhện tội ác của thành phố Pari, một tên trùm lưu manh, đi bố thí cho người nghèo để che mắt thiên hạ, một trò cũ rích. Hắn nó phải có những tòng phạm, những tay chân, những nhà phòng hờ để lẩn tránh khi cần đến. Cách nó tìm những đường phố quanh co mà đi, đủ chứng tỏ nó không phải là một anh già chất phác. Như thế thì bắt nó quá sớm cũng bằng " giết thịt con gà đẻ trứng vàng". Chờ một tí nữa thì có mất gì? Tên gian phi thoát lưới làm sao được!

Giave vừa đi vừa suy nghĩ lung tung và đặt rất nhiều câu hỏi về con người bí mật ấy.

Mãi sau, nhờ ánh đèn rất sáng của một quán rượu phố Pôngtoa, Giave mới nhìn ra đúng là Giăng Vangiăng. Trên đời này có hai sinh vật có cái rung động ghê gớm: người mẹ tìm thấy con và con hổ bắt lại được mồi. Giave thấy toàn thân rung động như thế. Chạm trán một người nguy hiểm như Vangiăng hắn thấy bọn hắn có ba người là quá ít, hắn bèn xin thêm người ở đồn cảnh sát phố Pôngtoa. Trước khi mó vào một cái cây gai góc, phải mang găng tay mới xong.

Việc dừng lại xin người cùng với việc hội ý ở ngã tư suýt nữa làm cho chúng mất dấu Vangiăng, Giave cúi đầu suy nghĩ như con chó săn dí mũi xuống lối đi để đánh hơi con vật. Bản năng của hắn thật là linh diệu. Hắn đoán ngay ra Vangiăng thế nào cũng vượt qua cầu để lấy con sông

chắn những người đuổi theo mình. Hắn đến thẳng cầu Austéclít. Chỉ hỏi người gác cầu một câu thôi là hắn rõ sự thật: "Bác có thấy một người đi qua cầu với một con bé không ?"- "Tôi vừa bắt hắn ta trả hai xu đấy !". Giave lên cầu kịp lúc ở bờ bên kia, Vangiăng dắt Côdét đi qua khoảng trống vắng vặc ánh trăng. Hắn thấy Vangiăng vào Xanh Angtoan; hắn nghĩ đến ngõ cụt Giăngrô nằm ở đó sẵn sàng như một cái bẫy và cái lối thoát độc nhất từ phố Đơroamuynơ ra ngõ phố Pichpuýt. Hắn lo *đón ngách* như những người săn: hắn vội phái một tên thuộc hạ đi tắt đến chắn lối đi ra phố Đơroamuynơ. Hắn trưng tập một đội tuần tra trên đường về Binh xưởng và dắt theo hắn. Trong những ván bài như thế, lính là con chủ. Vả lại muốn hạ một con lợn rừng, phải có cả cái thông thạo của người thợ săn lẫn răng móng của một đàn chó.

Xếp đặt xong đâu vào đấy, Giave yên trí rằng Vangiăng thế là bị nghẽn đường, ở bên phải vấp vào ngách cụt Giăngrô, bên trái gặp người của hắn, đằng sau lưng thì có chính hắn. Giave đương đuổi tới. Khoan khoái, Giave hít một hồi thuốc lá.

Rồi hắn muốn đùa giỡn một tí; giờ phút ấy là giờ phút khoái trá tàn ác nhất của hắn. Hắn cứ để cho con mồi lao tới trước. Hắn biết là hắn đã nắm chắc con mồi, nhưng hắn muốn hãy hoãn lại cái phút đưa tay ra tóm lấy nó. Biết nó đã bị bắt mà còn thấy nó tung tăng hắn lấy làm sung sướng - Con nhện để cho con ruồi vùng vẫy, con mèo để cho con chuột chạy đi, con nhện, con mèo kia có những khoái cảm gì thì Giave có những khoái cảm đó. Những cái vùng vẫy, những cử động không đưa đến đâu hết của con

vật bị bắt là nguồn nhục cảm gớm ghiếc cho móng vuốt của lũ ăn thịt. Còn gì làm cho chúng say sưa bằng sự vùng vẫy ngột ngạt ấy.

Giave rất khoái. Mắt lưới của hắn hết sức chắc, thắng lợi đã rõ ràng, chỉ còn mỗi việc nắm bàn tay tóm cổ con mồi.

Giave cho rằng dù Vangiăng rất khoẻ, dù Vangiăng cả gan và tuyệt vọng, Vangiăng cũng không thể chống cự được, vì hắn có đông tuỳ tùng đến vậy.

Giave tiến từng bước, hắn thăm dò soát xét mỗi một ngóc nghách nhỏ như lục túi một thằng ăn cắp.

Thế mà lúc đến giữa rốn lưới, hắn không tìm thấy con ruồi nữa.

Hãy tưởng tượng xem Giave tức tối thế nào!

Hắn tra hỏi người thuộc hạ canh giữ ở góc phố Pichpuýt. Người ấy vẫn canh giữ vị trí, nhưng không thấy Vangiăng đi qua.

Trong đạo đi săn, cũng có lúc cả đàn chó đeo bên chân con nai mà nai vẫn cứ chạy thoát, khiến những tay săn bạc đầu trong nghề cũng không còn biết nói sao. Cả Đuyviviê, Linhivin và Đêpơrê cũng bó tay. Trong một trường hợp không may như vậy . Actônggiơ đã kêu lên:

"Phải đâu là nai, nó là một con tinh đấy!"

Giave cũng rất muốn kêu như thế.

Hắn thất vọng gần như phát cuồng lên.

Napôlêông đã phạm lầm lỗi trong chiến dịch đánh Nga, Alêchxăng trong cuộc viễn chinh Ấn-độ, Xêda trong việc xâm lược châu Phi, Xiruýt trong chiến tranh Xiti: Giave

cũng có lầm lỗi trong trận đánh Giăng Vangiăng. Lúc đầu, không quyết đoán người đi trốn là Giăng Vangiăng là sai. Đúng lý ra, nhìn thấy lần đầu là phải cầm chắc! Không bắt Vangiăng ngay trong nhà là sai. Ở phố Pôngpoa, Giave biết đích xác là Vangiăng rồi mà không bắt tức tốc là sai. Hội ý với người thuộc hạ giữa ngã tư, dưới ánh trăng vằng vặc cũng là sai. Đã đành rằng hỏi han người thuộc hạ là tốt, cũng như người đi săn thường tìm hiểu ý những con chó đuổi hay; nhưng người đi săn lành nghề cũng không nên quá cẩn thận khi đuổi những con thú đa nghi như con sói hoặc thằng tù khổ sai. Vì quá chăm cho đàn chó đuổi theo đúng dấu, Giave đã làm cho con mồi đánh hơi được đoàn săn và phóng mất. Cái sai lầm nghiêm trọng nhất của Giave là khi đã tìm lại được dấu của Vangiăng trên cầu Austéclit, hắn còn muốn bố trí cái trò mèo bắt chuột ghê gớm mà thơ ngây ấy. Hắn đánh giá tài năng của hắn quá cao, tưởng bắt hổ dễ như bắt chuột. Đồng thời hắn cũng có phần tự ti: ấy là lúc hắn xin viện trợ. Cẩn thận đến nước ấy thì thật là tai hại, là làm mất bao nhiêu thời giờ vàng ngọc. Giave phạm những lầm lỗi ấy, nhưng Giave vẫn là người thám tử thông thạo và hợp cách nhất từ xưa đến nay. Đúng hắn là một con *chó hay*, như người ta thường gọi trong săn bắn.

Ai mà toàn thiện, toàn mỹ được? Những nhà thao lược thiên tài nhất trong lịch sử cũng còn có lúc lú lẫn.

Những điều ngu muội lớn nhất thường cũng như những cái dây thừng to, tết bằng vô số sợi nhỏ. Tách cái dây thừng ra từng sợi, tách rời những nhân tố nhỏ bé và quyết định, bạn có thể biết được chúng rất dễ từng cái một và bạn sẽ bảo: Chỉ thế thôi ư! Nhưng bện nó lại, quấn nó lại, nó sẽ ghê gớm. Đó là chuyện Atila do dự giữa Macxiêng ở

đông và Valăngtiniêng ở tây, chuyện Aniban la đà ở Capu, Đăngtông ngủ quên ở Acxi xuya ôbơ.

Mặc dù thế nào, khi thấy Vangiăng mất tích, Giave vẫn không rối trí. Hắn tính chắc là Vangiăng còn lẩn quẩn đâu đấy chứ chưa dễ cao bay xa chạy. Hắn bố trí người rình, gác, hắn tổ chức những bẫy sập, hắn lùng ngang dọc trong khu phố suốt đêm. Trước hết hắn nhận thấy chiếc đèn lồng nằm không đúng chỗ, dây treo đèn bị cắt... Đó là một tang chứng quý báu thật, nhưng cái tang chứng ấy lại làm cho Giave lạc hướng.

Hắn chăm chăm tìm tòi lục soát quanh ngách Giăngrô. Ở trong ngách ấy, có những bức tường thấp, sau tường là vườn tược; qua khỏi các khu vườn này thì đến nhiều đám đất mênh mông bỏ hoang. Thật vậy, nếu trước đấy, Vangiăng tiến sâu vào ngách Giăngrô thì hắn ông đã chạy về hướng ấy, và bây giờ đã bị nguy rồi. Bởi vì Giave thăm dò các khoảnh vườn và các đám đất quanh đấy tỉ mỉ như tìm một cây kim rơi.

Sáng sớm hôm sau, Giave đặt hai thuộc hạ khôn ngoan quan sát ở đấy, còn hắn thì lui về sở, xấu hổ như một anh thám tử bị kẻ trộm lừa.

QUYỂN VI

NHÀ TÙ PƠTI PICHPUÝT

I

NGÕ PICHPUÝT, SỐ 62

Cái cổng lớn số nhà 62, trong ngõ Pichpuýt, cách đây nửa thế kỷ, cũng giống như mọi cổng lớn khác. Thường ngày, cổng vẫn hé mở, khiến ai cũng phải nhòm vào; nhìn vào cũng không có gì thảm đạm lắm: một cái sân có tường bao quanh, phủ đầy lá nho xanh, một khuôn mặt bác gác cổng đang đi thơ thẩn. Phía trong cùng, những chòm cây to vươn lên khỏi bờ tường. Những khi vườn hé chút ánh nắng hay khuôn mặt bác gác tươi cười vì có chút hơi men thì khách qua đường, ai cũng cảm thấy lòng vui phơi phới. Thế mà ngôi nhà số 62 là một nơi vô cùng u uất, mà chúng ta đã được nhìn qua.

Ngoài cửa thì vui tươi, trong nhà thì chỉ nghe thấy tiếng cầu kinh và tiếng khóc.

Nào mấy ai đã qua được bác gác mà vào nhà; muốn qua được bác, phải biết một câu thần chú như kiểu "úm ba la mở cửa ta vào"; khi qua được bác, ta thử rẽ vào căn phòng nhỏ ở phía tay phải; một cái thang gác chật hẹp giữa hai bức tường, chỉ vừa đủ một người đi; màu vôi vàng sẫm thật dễ sợ; cầu thang đánh bóng, mầu nâu. Nếu ta có gan mạo hiểm leo lên, ta sẽ qua chỗ quặt đầu tiên, chỗ quặt thứ hai, rồi ta đến một cái hành lang; vẫn cái màu

vàng đùng đục, vẫn cái chân tường màu sô-cô-la theo dõi ta. Hai cái cửa sổ xinh đẹp chiếu sáng xuống cầu thang và chiếu vào hành lang. Đến một chỗ quặt thì hành lang tối sầm lại. Nếu ta cứ bước thêm vài bước nữa, ta sẽ thấy một cái cửa rất bí mật, bí mật chính bởi vì nó không đóng lại. Đẩy cửa vào thì là một căn buồng chừng ba mét vuông, lát đá hoa, lau chùi sạch sẽ, lạnh lẽo: tường trải thứ giấy hoa xanh mười lăm xu một cuộn. Bên trái, choán hết chiều ngang cái buồng, một cái cửa kính ô nhỏ để lọt vào một thứ ánh sáng nhàn nhạt. Mắt nhìn không thấy một bóng người; tai nghe không thấy một bước chân đi, không một tiếng thì thào. Tường trần trụi không bọc gì, buồng không có đồ đạc, đến một cái ghế cũng không.

Nhìn mãi mới thấy ở bức tường trước mặt một cái lỗ hình vuông, độ ba tấc vuông, chăng một hàng chấn song sắt màu đen, đan chéo nhau, sần sùi, chắc chắn. Các song sắt ngang dọc làm thành những hình vuông có thể nói những mắt lưới vuông đường huyền năm sáu phân. Những bông hoa vẽ màu xanh trên tường cứ thản nhiên và đều đặn kéo đến gần những ô sắt, không tỏ vẻ gì khiếp sợ và rối loạn. Ta có thể tưởng tượng một con người gầy đét dù lọt ra, hay lọt vào qua cái ô vuông ấy, thì những cái gióng sắt kia sẽ cản lại. Nó không để thân thể lọt qua, nhưng để cho mắt lọt, nghĩa là tinh thần. Hình như người ta đã nghĩ đến điều đó vì ta thấy họ đã đóng thêm một tấm thiếc vào tường ở phía sau một ít, tấm thiếc đục hàng ngàn lỗ nhỏ li ti, nhỏ hơn lỗ muỗi hớt bọt.

Ở phía dưới tấm thiếc có đục thủng một khe nhỏ như miệng hòm thư. Bên phải cái khe, treo thòng lọng một mẩu dây để kéo chuông.

Cầm dây giật, tức thì một tiếng nói ngay sát đấy làm ta phải rùng mình.

- Ai đấy?

Tiếng ấy là tiếng đàn bà, một tiếng nói nhẹ nhàng vì nhẹ nhàng quá nên nghe ra thảm đạm.

Nơi này, cũng phải biết một câu thần chú thì cửa mới mở. Nếu không, tiếng nói sẽ lại câm lặng, bức tường im lìm, tưởng như phía bên kia tường chỉ có bóng tối khủng khiếp nơi mộ địa.

Nếu ta biết câu bí mật, tiếng nói kia sẽ tiếp:

- Rẽ sang tay phải.

Nhìn sang bức tường phía tay phải, đối diện với cửa sổ, ta thấy một cái cửa lắp kính, sơn màu xám, bên trên là một khung kính. Nhấc cái chốt bước qua cửa, ta có cảm tưởng hệt như khi ta bước chân vào cái buồng con ở rạp hát khi chấn song chưa hạ xuống và đèn chưa thắp lên. Buồng này quả giống như một buồng con trong rạp hát, chỉ có ánh sáng phía cửa kính tỏa xuống mờ mờ, hẹp, kê hai cái ghế cũ và một cái đệm rơm đã xơ xác, đúng như một cái buồng rạp hát, phía trước có một cái bàn nhỏ bằng gỗ đen. Phòng đó tứ bề có chấn song, nhưng không phải thứ chấn song bằng gỗ thếp vàng trong rạp Ôpêra ở Pari, mà lại là một thứ chấn song sắt khủng khiếp chằng chịt, đóng vào tường bằng những chốt to tướng trông như những nắm tay.

Mấy phút qua, khi mắt đã quen với thứ bóng tối mờ mờ như ở dưới hầm ấy, ta thử đi quá lớp chấn song; nhưng được vài bước, lại có một hàng cửa ván đen ngòm chắn ngang trước mặt. Cửa thì đầy những then ngang màu

vàng sẫm chằng chịt choán hết bề ngang của hàng chấn song và lúc nào cũng đóng im ỉm.

Một lát sau, một tiếng nói từ sau cửa vọng ra gọi khách và hỏi:

- Tôi đây, người cần gì ở tôi?

Tiếng nói ấy là tiếng nói của một người thân mến, nhiều khi là tiếng nói của người yêu. Không thấy bóng người yêu. Đến một hơi thở cũng không nghe thấy. Hình như hồn ma nào từ dưới mồ vọng lên chuyện trò với khách.

Có khi, trong những trường hợp hiếm hoi, một cánh cửa mở ra trước mặt khách, hồn ma ấy hiển hiện lên. Sau lưới sắt, bên trong cửa sổ, có một cái đầu, nhưng chỉ nhìn thấy miệng và cằm, còn thì là một cái khăn voan đen kín mít. Thấp thoáng một cái yếm đen, một hình người phủ mảnh vải liệm đen. Cái đầu ấy nói chuyện với khách, nhưng không nhìn khách và chẳng bao giờ hé một nụ cười.

Ánh sáng từ phía cửa sổ soi vào, khiến khách thấy cái đầu ấy trắng xoá, còn khách chỉ là một cái bóng đen ngòm. Ánh sáng ấy có một ý nghĩa tượng trưng.

Qua lỗ hổng, mắt khách chăm chăm nhìn vào khoảng tối âm u, tĩnh mịch. Tứ bề xung quanh cái hình người mặc đồ tang, chỉ là một thứ không khí mơ hồ thăm thẳm. Mắt khách chăm chú tìm tòi xem trong khoảng mơ hồ ấy có nhận được vật gì, ngoài bóng ma không. Một lát sau mới nhận ra là chẳng trông thấy gì hết. Chỉ thấy đêm tối, khoảng không trống rỗng, bóng đen mù mịt, một thứ sương mù quyện với hơi sương lạnh lẽo ngoài bãi tha ma; và yên lặng ghê người, không thấy gì hết, không có cả đến

hơi thở dài não ruột; toàn là bóng tối, không thấy cả đến bóng ma vơ vẩn.

Nơi ấy là một nhà tu kín.

Nhà tu ảm đạm, khắc khổ này thuộc dòng thánh Becna, gọi là nhà tu "Chầu mình Thánh hằng ngày". Cái "buồng xem hát" vừa rồi, là phòng tiếp khách; tiếng nói đầu tiên với khách là tiếng nói của một tu nữ giữ cửa, lúc nào cũng ngồi lặng thinh, ở phía tường bên kia, gần cái cửa vuông nhỏ có hàng chấn song sắt và tấm thiếc đục nhiều lỗ bảo vệ đến hai lần.

Cái phòng khách bịt lưới sắt tối om, vì chỉ có một cửa sổ để lọt ánh sáng từ ngoài vào, còn phía nhà tu thì không có. Con mắt trần tục không được nhìn vào nơi thiêng liêng kia.

Tuy đây là bóng tối, nhưng bên kia vẫn còn ánh sáng: Trong cõi chết này vẫn có một cuộc sống. Nhà tu này là nhà tu kín cổng cao tường nhất, nhưng ta cứ thử vào và đưa bạn đọc vào để xem đời sống bên trong ra sao, và thuật lại có chừng mực những điều xưa nay chưa ai từng thấy, do đó cũng chưa kể bao giờ.

II
TIỂU TU VIỆN CỦA MACTANH VÉCGA

Cái tiểu tu viện ấy, hồi 1824 đã có từ lâu ở ngõ Pichpuýt, là một tu viện của các nữ tu sĩ Becnađin, thuộc dòng của Mactanh Vécga.

Như thế là những nữ tu sĩ ấy không phụ thuộc vào tu viện Cơlécvô như những nam tu sĩ Becnađanh mà phụ

thuộc vào Xitô như tu sĩ dòng Bênêđichtanh, nói khác đi là họ không thờ thánh Xanh Becna mà thờ thánh Xanh Bơnoa.

Ai đã đọc một ít bộ sách lớn đều biết rằng Mactanh Vécga năm 1425 đã sáng lập một giáo hội nữ tu sĩ becnađin-bênêđichtin mà tu viện chính là Xalamăngcơ, và tu viện phụ là Ancala.

Hội nữ tu sĩ ấy đã phát triển chi nhánh khắp các nước châu Âu theo đạo Giatô.

Ghép một dòng tu này với một dòng tu khác là việc thường diễn ra trong nhà thờ latinh. Chỉ kể dòng thánh Bơnoa nói đến ở đây, phụ thuộc vào dòng ấy, ngoài hội của Mactanh Vécga còn bốn giáo hội nữa: hai ở Ý, giáo hội Mông Caxanh và giáo hội nữ thánh Giuyxtin đơ Pađu; hai ở Pháp, giáo hội ở Cơluyni và giáo hội Xanh Môrơ và chín nhánh nữa: Valôngbơrôda, Gơramông, Xêlextanh, Camăngđan, Sáctơrơ, Uymiliê, Ôlivatơ, Xinvextơranh, cuối cùng là Xitô, bởi vì chính cả Xitô, thân cây trổ ra nhiều nhánh, cũng chỉ là một nhánh đối với thánh Bơnoa. Xitô được sáng lập từ thánh Rôbe, giáo sĩ ở Môlexmơ, trong khu Lăngrơ, năm 1098. Chính là từ 529 con quỷ ác, về ẩn ở xa mạc Xuybiacô (quỷ già, hắn muốn làm nhà ẩn dật chăng?), đã bị đuổi khỏi đền thờ cũ của Apôlông bởi thánh Bơnoa, lúc bấy giờ mới mười bảy tuổi.

Sau luật khổ hạnh của nữ tu sĩ dòng Cácmêlít, đi chân đất, đeo một tấm giáp mây trước ngực và không bao giờ ngồi, luật khổ hạnh nghiêm khắc nhất là luật của dòng nữ tu sĩ becnađin-bênêđichtin của Mactanh Vécga. Họ mặc

áo đen với một cái yếm cứng lên đến tận cằm, theo đúng quyết nghị của thánh Bơnoa. Một cái áo dài xecgiơ, ống tay rộng, một vuông len che mặt lớn, cái yếm cứng lên đến tận cằm và xén thẳng ngang ngực, cái băng trán che đến sát mắt, đó là y phục của họ. Tất cả đều đen, trừ chiếc băng trán là trắng. Nữ tu sĩ tập sự cũng mặc như thế, nhưng màu trắng. Những nữ tu sĩ đã tuyên thệ đeo thêm một chuỗi tràng hạt bên hông.

Nữ tu sĩ Becnađin-Bênêđichtin của Mactanh Vécga thực hành "Chầu mình thánh hàng ngày", cũng như những nữ tu sĩ becnađin mang tên là nữ tu sĩ "Thánh thể"; đầu thế kỷ này ở Pari có hai tu viện, một ở khu Tăngpơlơ, một ở phố Nơvơ Xanhtơ Giơnơvievơ. Vả lại những nữ tu sĩ Becnađin-Bênêđichtin của tu viện Pơti Pichpuýt thuộc một dòng khác hẳn các nữ tu sĩ "Thánh thể" trong những nhà tu kín ở phố Nơvơ Xanhtơ Giơnơvievơ và ở khu Tăngpơlơ. Có nhiều chỗ khác nhau trong kỷ luật, khổ hạnh. Trong y phục, các nữ tu sĩ Becnađin-Bênêđichtin ở Pơti Pichpuýt mặc yếm đen, các nữ tu sĩ theo "Thánh thể" ở phố Nơvơ Xanhtơ Giơnơvievơ mặc yếm trắng và ở trên ngực còn đeo một cái mình thánh, cao tám phân, bằng bạc mạ vàng hay bằng đồng mạ vàng. Nữ tu sĩ ở Pơti Pichpuýt không đeo mình thánh. Việc Chầu mình thánh hàng ngày là một kỷ luật chung của tu viện Pơti Pichpuýt và tu viện Tăngpơlơ, còn ngoài ra hai dòng hoàn toàn khác nhau. Chỉ có sự giống nhau ấy trong kỷ luật hành lễ giữa các nữ tu sĩ Thánh thể và các nữ tu sĩ Becnađin của Mác tanh Véc ga, cũng như có sự giống nhau trong học tập và ngợi ca những tín điều thuộc thuở thơ ấu, đời sống và cái chết của Giêđu Cơrít và thuộc

về Đức mẹ đồng trinh giữa hai dòng rất xa nhau và có khi thù địch nhau: phái Nhà nguyện Itali do Philip đơ Nêri lập ở Phơlorăngxơ. và Nhà nguyện Pháp do Pie đơ Bruyn lập ở Pari. Dòng Nhà nguyện Pari tự cho là đứng trên, vì Philip đơ Nêri chỉ là Thánh, còn Bêruyn là giáo chủ.

Ta hãy quay về cái kỷ luật khổ hạnh Tây-ban-nha của Mactanh Vécga.

Các bà becnađin- bênêđichtin của dòng này cả năm đều kiêng thịt, nhịn ăn những ngày tuần chay, và nhiều ngày khác do họ định riêng; đêm đêm sau giấc ngủ đầu tiên, họ thức dậy từ một giờ cho đến ba giờ để đọc kinh và tụng bài kinh sớm. Bốn mùa họ nằm trên ổ rơm, đắp chăn len thô, không tắm, không đốt lò sưởi, mỗi thứ sáu tự lấy roi vọt đánh mình, giữ kỷ luật im lặng, chỉ nói với nhau trong những giờ giải lao ngắn ngủi, mặc áo lót thô, suốt sáu tháng, từ ngày 14 tháng chín là ngày suy tôn Thánh giá, cho đến ngày lễ Phục sinh. Sáu tháng thế là đã giảm nhẹ rồi, kỷ luật bắt cả năm; nhưng cái áo lót mình thô ấy, trong những ngày hè nóng bức, không sao chịu nổi, nổ gây sốt và động kinh, nên đã phải hạn chế việc mặc. Tuy có sự châm chước, ngày 14 tháng chín, khi các nữ tu sĩ bắt đầu mặc cái áo ấy, họ cũng lên cơn sốt ba bốn ngày. Phục tùng, nghèo khó, trinh bạch, suốt đời sống giữa bốn bức tường, đó là những lời nguyện của họ mà kỷ luật còn làm nặng nề thêm nhiều.

Mẹ nhất ba năm một lần được bầu lên bởi các mẹ gọi là "mẹ tư vấn" bởi vì các mẹ ấy được có ý kiến, có thẩm quền. Mẹ nhất chỉ được bầu lại hai lần, như thế nghĩa là quyền hành của mẹ chỉ lâu nhất là chín năm.

Họ không bao giờ được nhìn linh mục chủ lễ, có một tấm màn xecgiơ cao hơn hai mét rưỡi che khuất. Khi giảng đạo, linh mục giảng đạo ở trong nhà nguyện, các mẹ phải buông tấm khăn che mặt. Lúc nào cũng phải nói khẽ, đi thì mắt luôn nhìn xuống và đầu cúi. Chỉ có một người đàn ông được vào trong tu viện, đó là vị tổng giám mục địa phận.

Cũng có một người đàn ông nữa, đó là người làm vườn. Nhưng người ấy bao giờ cũng là một ông già, và để lúc nào ông già ấy cũng trơ trọi một mình ở trong vườn và để các nữ tu sĩ biết trước mà tránh lão, người ta buộc vào đầu gối lão một chiếc nhạc con.

Các bà phải phục tùng mẹ nhất một cách tuyệt đối và thụ động. Đó là sự phục tùng theo phép đạo với tất cả tinh thần nhẫn nhục của nó. Như phục tùng lệnh của Chúa Cơrít(1), tuân theo cử chỉ, theo dấu hiệu, phục tùng tức khắc, một cách hân hoan, một cách kiên nhẫn, hầu như một cách nhắm mắt, như cái dũa trong tay người thợ, không được đọc, không được viết một tí gì nếu không được phép rõ rệt.

Lần lượt mỗi bà phải làm cái họ gọi là *đền tội*. Đền tội tức là cầu nguyện để chuộc tất cả các tội, tất cả các lỗi, tất cả các sự rối trật tự, tất cả các sự vi phạm, tất cả các sự bất công, mà loài người đã phạm phải trên trái đất này. Suốt 12 giờ liền, từ 4 giờ chiều đến 4 giờ sáng, hay từ 4 giờ sáng đến 4 giờ chiều, bà phước *đền tội* quỳ trên phiến đá, trước thánh thể, chắp hai tay và cổ buộc chiếc dây thừng;

(1) Từ đây đến hết đoạn tác giả có chua thành ngữ la-tinh bên cạnh tiếng Pháp.

khi mệt mỏi không chịu được nữa thì họ nằm rạp xuống, mặt áp đất, hai cánh tay giang chữ thập, chỉ làm thế thôi để đỡ mệt mỏi. Trong cái tư thế như vậy họ cầu nguyện cho tất cả những người phạm tội trong vũ trụ. Thật là cao cả đến tuyệt vời.

Vì lễ cầu nguyện ấy tiến hành trước một cái cột, trên có thắp một cây nến, nên người ta gọi là lễ *đền tội* cũng được, hay *đứng cột* cũng được. Các bà vì tinh thần tự hạ, lại thích cách gọi sau này hơn vì nó có hàm ý chịu tội, ý xả thân.

Đền tội là một hành vi thu hút tất cả tâm hồn. Dù sấm nổ sau lưng , bà phước đứng cột cũng không quay đầu lại.

Ngoài ra lúc nào cũng có một nữ tu sĩ quỳ trước Thánh thể. Mỗi người quỳ như thế một tiếng đồng hồ và thay phiên nhau như lính thay phiên gác. Đó là lễ Chầu mình thánh hàng ngày.

Các mẹ nhất và các mẹ hầu hết mang những cái tên có một ý nghĩa nghiêm trang đặc biệt, gợi lại không phải những vị thánh hay các vị tử vì đạo, mà nhắc lại những giai đoạn trong cuộc đời của Giêdu Cơrít, như mẹ Giáng Sinh, mẹ Đồng Trinh, mẹ Tiến Dâng, mẹ Thương Khó. Tuy vậy cũng không cấm mang tên các vị nữ thánh.

Khi ta nhìn họ thì bao giờ cũng chỉ nhìn thấy cái mồm. Răng ai cũng vàng cả. Không bao giờ có một cái bàn chải răng được vào trong tu viện. Đánh răng là bậc thang trên cùng của một cái thang mà bậc cuối cùng là: mất linh hồn.

Họ không bao giờ bảo *của tôi*. Họ không có cái gì riêng, và cũng không được gắn bó với cái gì cả. Cái gì họ cũng bảo là *của chúng tôi*, thí dụ như cái màn che mặt *của chúng tôi*, cái chuỗi hạt *của chúng tôi*; giá nói đến cái áo lót mình họ cũng sẽ bảo: cái áo lót mình *của chúng tôi*. Đôi

khi họ cũng quyến luyến một cái gì nho nhỏ. Quyển Kinh nhật khoá, một thánh tích, một cái ảnh thánh. Nhưng khi họ bắt đầu thấy họ quyến luyến vật ấy thì họ đem cho đi ngay. Họ vẫn nhớ câu nói của thánh Têredơ trả lời một bà mệnh phụ, bà này khi sắp đi theo dòng tu của thánh Têredơ, đã thưa: "Cho phép con sai người đi mang đến cho con quyển thánh kinh mà con thích lắm". *"Thế à! Thế ra bà còn thích một cái gì à. Thế thì bà đừng vào đây với chúng tôi"*.

Cấm không ai được ở riêng ra một mình, có một *chỗ ở riêng*, một *phòng riêng*. Tuy phòng họ lúc nào cũng mở cửa. Khi họ gặp nhau, một người nói: *Ngợi khen thờ kinh Thánh thể rất thiêng liêng*, người kia trả lời: *Đời đời*. Khi họ gõ cửa buồng nhau cũng vậy. Vừa thấy tiếng gõ nhẹ, phía trong đã nghe một giọng êm dịu, vội vàng nói: *Đời đời*. Với thói quen, điều này trở thành một việc làm như máy. Đôi khi người này chưa kịp nói cái câu khá dài *Ngợi khen và thờ kinh Thánh thể rất thiêng liêng* thì người kia đã vội đáp *Đời đời*.

Với dòng tu Vidităngđin, thì người gõ cửa nói *Ave Maria*, người trong buồng nói: *Đầy duyên phúc*. Đó là lời chào của họ, cũng "đầy duyên"(1) phúc thật.

Mỗi giờ chuông tu viện, sau hồi chuông báo giờ, lại đánh thêm ba tiếng. Nghe hiệu tiếng ấy, tất cả mọi người: mẹ nhất, các mẹ tư vấn, các bà đã khấn nguyện, các bà phục vụ, các bà tập sự, các bà còn đợi vào dòng, tất cả đang nói gì, đang làm gì đều ngừng cả lại và tất cả đồng thanh nói, thí dụ nếu là năm giờ: *Lúc năm giờ và tất cả mọi giờ, ngợi ca và thờ kinh Thánh thể rất thiêng liêng*.

(1) Chữ grâce tiếng Pháp có hai nghĩa: Ơn phúc và xinh đẹp, duyên dáng. Tác giả dùng nghĩa thứ hai ở đây (N.D.).

Nếu là tám giờ: *Lúc tám giờ và tất cả mọi giờ* v.v...và cứ thế, tuỳ theo mỗi giờ.

Cái tập tục nhằm mục đích bất cứ lúc nào, cũng cắt đứt dòng tư tưởng, để quy nó về với Chúa, trong nhiều dòng tu đều có, chỉ có lời tụng là thay đổi, thí dụ như dòng tu Giêdu Hài đồng thì người ta nói: *Ở giờ này và ở tất cả mọi giờ lòng tôi luôn nghĩ đến Chúa Giêdu!*

Những bà Bechađin-Bênêđichtin dòng Mactanh Vécga từ năm mươi năm nay ở trong nhà tu kín Pơti Pichpuýt, đều hát theo một điệu nguyện kinh trầm, điệu hát hành lễ cổ truyền, lúc nào cũng đều đều, suốt các buổi lễ. Mỗi khi trong sách hát có một sấu sao, họ đều dừng lại một lát và nói sẽ: *Giêdu, Maria, Giôdep.* Lễ cầu hồn người chết, họ hát giọng thấp đến mức ít có giọng nữ nào thấp đến thế và tạo ra một cảm giác xúc động và thê thảm.

Các nữ tu sĩ Pơti Pichpuýt xây một cái hầm mộ ngay dưới nền bàn thờ chính để chôn người chết của họ. Nhưng *chính phủ*, như họ nói, không cho phép đặt quan tài dưới đó. Vì vậy khi họ chết cũng phải đưa xác ra ngoài tu viện. Điều đó làm họ buồn và kinh sợ như phạm một tội nặng.

Họ xin được chôn vào một giờ riêng trong nghĩa địa cũ Vôgira, ở một miếng đất xưa kia là của dòng họ. Tuy nhiên ân huệ đó cũng chẳng an ủi họ được mấy.

Thứ năm họ nghe lễ lớn, kinh chiều và các lễ khác, cũng như ngày chúa nhật. Họ còn làm đầy đủ tất cả mọi lễ khác mà người ngoài đời hầu như hoàn toàn không biết, những lễ mà trước kia nhà thờ Pháp đặt ra rất nhiều, nay ở Tây-ban-nha và ở Ý vẫn còn giữ. Thì giờ họ ở trong nhà nguyện thật là vô tận, còn số kinh họ nguyện và thời gian

mỗi lần họ nguyện kinh chúng tôi chẳng có thể nào nói đúng hơn là lời nói hồn nhiên của một người trong bọn họ: " Những bà tập sự nguyện kinh thì thật là ghê sợ, những bà mới vào dòng càng ghê sợ hơn, và những bà đã khấn thì càng ghê sợ hơn nữa."

Mỗi tuần một lần, tập hợp tất cả tu viện. Mẹ nhất chủ toạ, các "mẹ tư vấn" tham dự. Mỗi bà phước, lần lượt ra quỳ trên phiến đá và trước mặt cả mọi người, cất tiếng to xưng thú tất cả các lầm lỗi, các tội đã phạm trong tuần. Các "mẹ tư vấn" trao đổi với nhau sau mỗi lời thú tội và cất tiếng tuyên bố những hình phạt.

Ngoài việc thú tội công khai rộng rãi như vậy dành cho các lỗi hơi nặng, còn những lỗi nhẹ thì có hình thức khác gọi là làm *cunpơ*. Làm *cunpơ* là quỳ áp bụng xuống đất suốt buổi lễ, trước mặt mẹ nhất, cho đến khi mẹ nhất- mà bao giờ cũng phải gọi là *mẹ chúng tôi*- gõ một tiếng nhỏ vào tay chiếc ghế ngồi của mẹ, báo cho kẻ thú tội biết là được đứng dậy. Một tí gì cũng phải làm *cunpơ*. Đánh vỡ một cái cốc, làm rách một khăn che mặt, vô tình đến dự lễ chậm vài giây, hát sai một nốt ở nhà thờ v.v... thế là đủ để làm *cun- pơ*. Làm *cunpơ* là việc tự nhiên tự phát, chính người phạm tội (dùng theo nghĩa từ nguyên của chữ *cunpơ*) tự xét xử mình và tự trừng phạt mình. Những ngày lễ và ngày chủ nhật, có bốn mẹ hát nguyện trước một cái giá sách bốn ngăn. Một hôm một mẹ xướng một bài tụng bắt đầu bằng chữ *Exê*, nhưng mẹ lại không nguyện *Exê* mà lại hát to ba nốt nhạc *ut, si, sol*. Vì sự lơ đãng ấy, mẹ phải làm *cunpơ* suốt buổi lễ. Lỗi càng thêm nặng vì cả tu viện đã cười ồ.

Khi một nữ tu sĩ được gọi lên phòng khách, dù là mẹ nhất, cũng phải buông khăn che mặt để người ta chỉ trông thấy cái miệng thôi, như ta đã biết.

Chỉ có mẹ nhất được tiếp xúc, nói chuyện với người ngoài. Những bà khác chỉ được gặp người thật thân cận trong gia đình mình, và cũng rất ít khi thôi. Nếu ngẫu nhiên một người ngoài đến xin gặp một nữ tu sĩ mà họ đã biết hay đã yêu ngoài đời, thì phải qua cả một cuộc thương thuyết. Nếu là một phụ nữ thì đôi khi còn được phép. Nữ tu sĩ ấy đi ra và người đến thăm chỉ được nói chuyện qua khung cửa, cánh cửa chỉ mở cho mẹ hay chị thôi. Tất nhiên không bao giờ người ta cho phép một người đàn ông vào.

Đó là kỷ luật của thánh Bơnoa, và thánh Vécga đã làm cho thêm nghiêm ngặt.

Những nữ tu sĩ này không vui tươi, hồng hào như ở các dòng tu khác. Họ xanh xao và nghiêm nghị. Từ 1825 đến 1830 có ba người đã hoá điên.

III

NHỮNG ĐIỀU NGHIÊM KHẮC

Đợi được vào dòng ít nhất phải hai năm , nhiều khi bốn năm; thời gian tập sự phải bốn năm. Rất hiếm có những bà được khấn nguyện trước tuổi hăm ba, hăm bốn. Dòng tu Becnađin-Bênêđichtin của Mactanh Vécga không nhận vào dòng mình những phụ nữ goá chồng.

Ở trong tu phòng, họ tự dằn vặt, tự đầy đoạ xác thịt một cách lạ lùng mà không bao giờ nói với ai cả. Ngày

được chính thức khấn nguyện người nữ tu sĩ mặc những quần áo đẹp nhất, đầu chít một vành hoa hồng trắng; người ta chải dầu thơm và tết tóc cho bà, rồi bà quỳ xuống; người ta phủ lên mình bà một tấm màn đen và hát bài cầu hồn. Bấy giờ các tu sĩ phân ra làm hai hàng, một hàng đi sát bà và nói với một giọng rầu rĩ " *Người chị em của chúng ta đã chết*" và hàng người kia trả lời với một giọng âm vang " *Sống trong lòng Giêdu Cơrit*".

Thời kỳ xảy ra câu chuyện này, trong tu viện có một nhà lưu trú. Nhà lưu trú dành cho các con gái quý tộc, phần lớn là giàu; trong số đó có tiểu thư Xanhtơ Olerơ, tiểu thư Đơ Bêlixen và một cô gái người Anh, mang cái tên nổi tiếng trong giới công giáo là Tanbô. Những cô gái được các tu sĩ nuôi dạy trong bốn bức tường kín, lớn lên với lòng ghê sợ xã hội và ghê sợ cuộc đời: một cô trong số đó có lần nói với chúng tôi: "*Chỉ nhìn thấy cái lề đường cũng đủ làm cho tôi ghê sợ rùng mình từ gáy đến chân*". Các cô gái ấy mặc quần áo màu xanh, đội mũ chụp trắng và mang một hình Chúa Thánh Thần bằng bạc hay đồng mạ vàng trước ngực. Vào một số ngày lễ lớn, đặc biệt là vào ngày lễ Xanhtơ Mactơ, tu viện cho phép họ, coi như là một đặc ân và một hạnh phúc lớn lao, mặc áo như các nữ tu sĩ, đi dự lễ và thực hiện mọi phép tắc của thánh Bơnoa suốt một ngày. Lúc đầu các tu sĩ cho họ mượn quần áo đen của mình. Nhưng như thế có phần phàm tục nên mẹ nhất cấm. Chỉ có các tu sĩ mới nhập dòng mới được phép mượn quần áo. Đáng chú ý là những chuyện ấy, có lẽ được xem như bình thường và được khuyến khích ở trong tu viện vì một nhiệt tình truyền đạo và để cho các cô gái nhỏ ấy sớm ưa thích cái bộ áo thiêng liêng, lại là một hạnh phúc thực

sự và một điều giải trí đối với họ. Các cô gái nhỏ ấy vui thích một cách hồn nhiên. *Đó là một cái mới lạ, nó làm cho họ thay đổi.* Thật là những lý do thơ ngây của tuổi trẻ, không thể làm cho chúng ta, những người lớn, trải đời, hiểu được cái sung sướng được cầm cái cần rẩy nước thánh và đứng hàng giờ, tay bốn cùng hát tụng trước giá Kinh.

Những nữ sinh lưu trú này, trừ phần kỷ luật khắc khổ, cũng phải theo hết các tập tục của tu viện. Có cô đã trở về nhà và đi lấy chồng mấy năm rồi mà vẫn chưa bỏ được thói quen nói vội vàng "*đời đời*" khi nghe có tiếng người gõ cửa. Cũng như các nữ tu sĩ, những cô gái lưu trú chỉ được gặp người nhà ở phòng khách. Những bà mẹ của họ cũng không được phép ôm hôn con. Đây là một ví dụ chứng tỏ sự nghiêm ngặt ấy có thể đến mức thư thế nào. Một hôm một cô gái có người mẹ đến thăm, đi cùng với em gái cô, mới ba tuổi. Em bé khóc và muốn ôm hôn chị. Không thể được. Cô gái lưu trú chỉ xin phép cho em cô đưa bàn tay nhỏ qua chấn song để cô có thể hôn bàn tay em. Điều này cũng bị từ chối gần như tàn nhẫn.

IV
NHỮNG NIỀM VUI

Tuy vậy những cô gái lưu trú ấy cũng đã để lại trong nhà tu nghiêm nghị này những kỷ niệm tươi vui.

Có những lúc tuổi trẻ chói sáng ngời ngời trong nhà tu kín này. Giờ ra chơi vừa điểm. Một cánh cửa quay trên bản lề. Chim trên cành bảo nhau: Đây! Các bạn nhỏ đây! Tuổi trẻ vui tươi bỗng như nước phun lên, tràn ngập cái vườn có cây thập tự giống như một tấm vải liệm. Những

khuôn mặt rạng rỡ, những vầng trán trắng tinh, những cặp mắt ngây thơ đầy ánh sáng tươi vui, tất cả các thứ ánh bình minh toả ra giữa bóng đêm đen tối ấy. Sau những giờ nguyện kinh, những tiếng chuông, những hồi chuông gọi, những tiếng chuông báo tử, những buổi lễ, bỗng nhiên nổ tung ra cái tiếng ồn ào của các cô gái nhỏ, êm ái hơn cả tiếng ong. Cái tổ ong của tươi vui mở ra, và mỗi con ong mang mật của nó đến. Chơi đùa, gọi nhau, túm năm, tụm ba, chạy nhảy, những hàng răng ngọc ngà xinh xắn, bi bô ở từng góc. Những tấm màn che mặt, từ đằng xa giám sát các tiếng cười, bóng tối đang rình tia sáng. Nhưng mặc kệ, các em vẫn tươi vui, sáng rỡ, nói nói cười cười. Bốn bức tường thê thảm ấy có những phút sáng ngời.

Như được ánh chói của bao nhiêu vui tươi làm cho trắng lên, chúng đứng chứng kiến những đàn ong kia bay lượn êm đềm. Đúng là một trận mưa hoa hồng đổ xuống một cảnh tang tóc. Các em gái nhỏ bay lượn dưới con mắt của các bà tu sĩ. Cái nhìn của nghiêm túc tuyệt đối không làm cho ngây thơ phải lúng túng. Nhờ có những em gái nhỏ ấy mà giữa bao nhiêu giờ phút nghiêm khắc kia có một giờ thơ ngây. Các em gái bé nhảy nhót, các em gái lớn nhảy múa. Ở nhà tu kín này trong nô đùa của trẻ nhỏ như có trời xanh. Không gì tươi sáng và huy hoàng, đường bệ, như những linh hồn tươi mát như hoa nở ấy. Omerơ(1) cũng muốn đến đây cười đùa với Perô(2) trong cái vườn

(1) *Homère*: nhà thơ thời cổ đại Hy-lạp, tác giả những thiên hùng ca Iliat và Ođixê nổi tiếng.

(2) *Perrault*: nhà thơ Pháp thế kỷ 17, tác giả những truyện thần tiên nổi tiếng viết cho trẻ con như truyện *Em bé tí hon* v.v..

đen tối này có tuổi trẻ , có lành mạnh, có tiếng động, có tiếng kêu, có sự quay cuồng vui nhộn, có thú vui, có hạnh phúc, có thể làm cho tất cả những bà cố của anh hùng ca, của cổ tích, của ngai vàng, phải vui cười, giảm hết vết nhăn trên mặt.

Trong cái nhà này, có lẽ hơn bất cứ ở đâu, người ta được nghe nhiều những lời trẻ con lúc nào cũng ý nhị làm cho mọi người cười và mơ mộng. Chính ở giữa bốn bức tường ảm đạm này, một em gái nhỏ năm tuổi một hôm thốt lên câu này:" Mẹ ơi! Một chị lớn vừa bảo con rằng con chỉ còn phải ở đây 9 năm 10 tháng nữa thôi. Sung sướng quá nhỉ!"

Cũng ở đây người ta đã được nghe những câu đối thoại đáng ghi nhớ mãi mãi này:

Một mẹ tư vấn:- Con ơi sao con khóc?

Em gái nhỏ (sáu tuổi) nức nở: Con bảo Alixơ rằng con thuộc lịch sử Pháp. Alixơ cứ bảo là con không thuộc, thế mà con thuộc thật.

Alixơ(em lớn, chín tuổi): Không, nó không thuộc đâu.

Mẹ: Con ơi! Thế nào là nó không thuộc?

Alixơ: Nó bảo con là cứ mở quyển sử ra, bất cứ trang nào và hỏi nó một câu có ở trong sách, nó sẽ trả lời được cho coi.

- Thế rồi sao?

- Nó không trả lời được.

- Xem nào, con hỏi nó câu gì?

- Con đã mở quyển sách như nó bảo và con đã hỏi nó câu hỏi đầu tiên con thấy.

- Thế câu hỏi ấy là câu hỏi gì?

- Như thế này: *Sau đó thì thế nào*?

Cũng ở đây, ta nghe thấy một lời nhận xét sâu sắc về một con vẹt hơi tham ăn của một bà lưu trú:

- Con vẹt mới ngộ chứ. Nó ăn cái phần nhân trên bánh, như là người ấy.

Cũng ở trên một viên đá lát nhà tu kín ấy, người ta đã nhặt được những lời thú tội sau đây của một kẻ phạm tội lên bảy tuổi chép trước vào giấy để khỏi quên.

" - Thưa cha, con tự thú đã mắc tội hà tiện.

"- Thưa cha, con tự thú đã mắc tội ngoại tình.

" - Thưa cha, con tự thú đã mắc tội ngửa mặt lên nhìn đàn ông".

Cũng ở trên một chiếc ghế đá trong vườn này, một cái miệng hồng sáu tuổi đã đặt ra câu chuyện nhỏ này mà những cặp mắt xanh bốn, năm tuổi nghe chăm chú:

- Ngày xưa có ba con gà sống ở một xứ có nhiều hoa. Chúng nó hái hoa bỏ vào túi. Xong rồi chúng nó hái lá và để vào đồ chơi của chúng. Trong xứ ấy có một con chó sói và ở đấy có nhiều rừng; con chó sói thì ở trong rừng. Và con soi đã ăn thịt mấy con gà sống nhỏ.

Và còn bài thơ nhỏ này nữa:

" Xảy ra câu chuyện đánh một gậy.

" Ấy là Pôlisinen đã đánh cho con mèo một gậy.

" Chuyện ấy không tốt cho Pôlisinen, chuyện ấy đã làm hại nó.

" Thế là một bà lớn bắt Pôlisinen bỏ tù.

Ở đấy có một em bé gái bị bỏ rơi, được tu viện nhặt nuôi làm phúc. Khi nghe các bạn khác nói đến mẹ các bạn

ấy, em ngồi trong xó thì thầm câu nói hiền dịu và xót xa này:

- *Em thì khi em ra đời, mẹ em không có ở đây.*

Có một nữ tu sĩ phụ trách liên lạc với người ngoài to béo. Lúc nào người ta cũng thấy bà lật đật - ở các hành lang với chùm chìa khoá, tên bà là Agatơ. Các em gái lớn, hạng mười tuổi trở lên, đặt cho bà ấy cái tên Agatôcơlê.(1)

Nhà ăn, một gian rộng, vuông, ánh sáng chỉ lọt qua một hành lang có cột, liền ngay với vườn tu viện, thì lúc nào cũng tối và ẩm, và như lời các trẻ nhỏ vẫn nói: đầy những sâu bọ. Tất cả các góc nhà xung quanh đều có sâu bọ bò đến, do đó mỗi góc có một cái tên riêng tiêu biểu trong ngôn ngữ của các cô gái nhỏ: có góc nhện, góc sâu, góc bò cạp, góc dế; góc dế thì gần bếp và các em gái nhỏ rất thích góc ấy. Ở đấy không lạnh bằng các chỗ khác. Những tên ấy, từ nhà ăn đã lan sang nhà lưu trú và được dùng để phân biệt bốn " dân tộc" như ở trường Madaranh cũ. Mỗi em gái đều thuộc một trong bốn "dân tộc" ấy tuỳ theo góc phòng em vẫn ngồi bữa ăn. Một hôm Đức Tổng giám mục, trong một cuộc kiểm tra, thấy một em gái xinh, hồng hào, với một bộ tóc vàng tuyệt đẹp, đi vào trong lớp ngài đang thăm. Ngài hỏi một em gái lưu trú xinh xắn khác tóc đen, đang ngồi cạnh ngài:

- Em gái nào đấy?
- Thưa Đức giám mục, đấy là một con nhện.
- Thế à, còn em kia?
- Một con dế.

(1) Agathôclès: đồng âm với Agathe aux clés: Agatơ chữa khoá.

- Và em này?

- Một con sâu.

- Thực ư; thế còn cháu?

- Thưa Đức giám mục, cháu là một con bọ cạp.

Mỗi một tu viện như tu viện này đều có những nét riêng biệt của nó. Đầu thế kỷ này, Ecuen là một trong những cái nhà ấy, xinh tươi và nghiêm nghị, ở đó các cô gái nhỏ lớn lên, dưới một bóng mát thiêng liêng. Ở Ecuen, những cô gái được xếp hàng vào đám rước Mình Thánh, chia ra những "cô gái đồng trinh", những "cô gái hoa". Rồi còn những " cô gái lọng", những " cô gái bình hương" là những cô cầm đài lọng, những cô đốt hương trước Mình Thánh. Hoa thì các cô " gái hoa" được quyền giữ lấy. Bốn "cô gái đồng trinh" đi đàng trước. Buổi sáng ngày lễ lớn ấy, người ta thường nghe thấy ở trong phòng ngủ các em gái hỏi nhau:

- Đứa nào trinh đấy?

Bà Căngpăng nhắc lại lời một em nhỏ bảy tuổi nói với một em lớn mười sáu tuổi, cô lớn đi đầu đám rước, còn cô nhỏ đứng ở đàng đuôi:

- Chị thì trinh, còn em thì không trinh.

V

NHỮNG TRÒ GIẢI TRÍ

Phía trên cửa vào phòng ăn, có viết bằng chữ lớn màu đen bài Kinh này mà người ta gọi là *Patonôtơrơ trắng*, nó có cái mầu nhiệm đưa thẳng người ta lên thiên đường:

" Patonôtơrơ trắng nhỏ, mà Chúa làm, mà Chúa đọc, mà Chúa đặt lên thiên đường. Buổi tối tôi đi nằm, tôi trông thấy(*nguyên văn*) ba thiên thần nằm "ngị" ở giường tôi, một ở chân giường, một ở đầu giường và ở giữa là Đức Mẹ đồng trinh Maria. Đức mẹ bảo tôi cứ nằm "ngị" ở giường và đừng nghĩ "ngị" gì. Chúa là cha tôi, Đức mẹ đồng trinh là mẹ tôi, ba đấng tông đồ là anh tôi, ba nữ đồng trinh là chị tôi. Chiếc áo lót đỡ mình Chúa khi Chúa ra đời bao học thân tôi. Thập tự giá Xanhtơ Mácgiơritơ vẽ trên ngực tôi. Đức Mẹ đồng trinh đi ra đồng, Chúa khóc lóc tìm " thấy" ngài Xanh Giăng. Ngài Xanh Giăng, ngài ở đâu đến đấy? Tôi ở lễ *Avê Xaluyxơ* đến. Ngài có trông "thấy" Chúa không? Có không? Chúa ở trong cây thập tự, hai chân buông thõng, hai tay đóng đanh, một chiếc mũ gai nhọn trắng trên đầu. Ai đọc ba lần lời cầu nguyện này buổi chiều, ba lần buổi sớm, sẽ lên thiên đường chắc chắn.

Năm1827 lời nguyện ấy đã biến mất dưới ba lần vôi trắng. Bây giờ lời nguyện ấy cũng đang mờ dần trong ký ức của vài người, hồi ấy là thiếu nữ, bây giờ là bà già.

Một cây thập tự lớn treo ở tường, hoàn thành việc trang trí phòng ăn này, mà cái cửa sổ ra vào duy nhất, như chúng tôi đã nói, mở ngay ra vườn. Hai chiếc bàn hẹp với mỗi bên có ghế dài gỗ, làm thành hai dãy dài song hành, đi từ đầu đến cuối phòng ăn. Tường trắng, bàn đen; chỉ có hai màu tang đó thay đổi nhau trong các tu viện. Các bữa cơm cũng có vẻ khắc khổ và thức ăn chính cho các trẻ lưu trú cũng khan khổ. Một món thôi; thịt trộn rau, hay cá muối,, thế là sang đấy. Cái thực đơn thường ngày ngắn

ngủi ấy dành riêng cho các cô gái lưu trú, cũng là một biệt lệ. Các em nhỏ ăn và im lặng, dưới sự canh gác của một mẹ trực tuần; nếu có một con ruồi vô cớ bay vo ve trái phép tắc thì mẹ ấy mở và đóng ồn ào một quyển sách bìa gỗ. Cái im lặng ấy có pha thêm những đoạn sự tích các vị thánh, đọc to, trên một cái bản nhỏ, ở dưới chân cây thánh giá. Người đọc là một học trò lớn trực tuần. Từng quãng, từng quãng, đặt trên bàn không có khăn phủ, những cái chậu đất đánh bóng để học trò rửa bát đĩa, hay đôi khi vứt thức ăn bỏ đi, miếng thịt rắn hay miếng cá ươn. Làm như thế là bị trừng phạt. Người ta gọi những cái chậu đất ấy là những " khoanh nước".

En nào làm ồn phải thực hiện " chữ thập lưỡi". Ở đâu? Ở dưới đất. Em đó liếm đất. Cát bụi, kết thúc mọi vui sướng trên đời, có trách nhiệm trừng phạt những chiếc lá nhỏ đáng thương của cánh hồng vì phạm tội líu lo.

Ở trong tu viện có một quyển sách xưa nay chỉ in có một bản, mà người ta cấm đọc. Đó là cuốn Kỷ luật của thánh Bonoa. Thâm cung mà không con mắt ngoài đời nào được dòm ngó tới *"Nemo regulas seu consti- tutionés nostras, externis communicabit* (1)".

Thế mà các cô gái lưu trú một hôm lấy trộm được quyển sách ấy, và họ đọc ngốn ngấu, đọc liên tục, thỉnh thoảng phải dừng lại và đóng sập quyển sách vì sợ bị bắt chợt. Tuy nhiên sự nguy hiểm lớn lao đó chỉ đem lại cho họ một sự thích thú xoàng. Vài trang rất tối nghĩa về

(1) Châm ngôn la-tinh có nghĩa là: "Không ai có quyền công bố cho nước ngoài biết hiến pháp, luật lệ của ta".

những tội của các cậu trai trẻ tuổi, đó là những điều *"lý thú nhất"* mà các cô gái nhỏ này đọc được.

Họ chơi đùa trên một lối đi trong vườn, hai bên có hàng cây ăn quả, khẳng khiu. Mặc dù có sự canh gác rất nghiêm ngặt và những sự trừng phạt rất nặng nề, khi gió mạnh rung cây, họ cũng có thể nhặt được một quả táo xanh, một quả mơ thối hay một quả lê sâu. Bây giờ tôi nhường lời cho một bức thư mà tôi đang có ở trước mắt, một bức thư viết cách đây đã 25 năm, của một cô gái lưu trú, bây giờ là bà công tước..., một trong những phụ nữ lịch sự nhất ở Pari. Tôi xin kể nguyên văn: "Chúng tôi cất giấu quả lê hay quả táo bằng mọi cách. Khi lên gác đeo màn che mặt để chuẩn bị ăn tối, chúng tôi giấu nó dưới gối, đến lúc đi ngủ thì đem ra ăn trong giường. Nếu không làm thế được thì ăn trong lúc đại tiểu tiện". Đó là một niềm khoái chá lớn nhất của họ.

Một lần, cũng trong một dịp Đức Tổng giám mục đến thăm tu viện, một thiếu nữ, tiểu thư Busa, có một chút máu Monmôrăngxy đánh cuộc rằng sẽ xin Đức Tổng giám mục cho nghỉ phép một ngày. Đó là một chuyện quái gở trong một tu viện nghiêm ngặt như vậy. Người ta nhận cuộc, nhưng không một ai tin cả. Đến giây phút quyết định, khi Đức Tổng giám mục đi qua mặt các cô gái lưu trú, tiểu thư Busa, trước sự hãi hùng của tất cả các bạn, ở trong hàng tiến ra và nói: " Thưa Đức Tổng giám mục, con xin phép một ngày". Tiểu thư Busa, tươi trẻ và cao, có gương mặt hồng hồng xinh nhất trên đời. Đức Tổng giám mục Đơ Kêlen cười và nói: *"Con yêu quý của cha, thế nào, một ngày thôi à! Cho con nghỉ ba ngày, con bằng lòng chứ? Cha cho con nghỉ ba ngày"*. Mẹ nhất không biết nói năng làm sao cả khi Đức Tổng giám mục đã phán. Thật là một sự đảo lộn kỳ quặc trong tu viện. Nhưng các cô gái

lưu trú thì vui sướng hết sức. Ta hãy tưởng tượng cảnh xúc động.

Nhà tu kín khắc khổ như thế mà bốn bức tường cũng vẫn không đủ kín để cho những đam mê ngoài đời, những bi kịch, những tiểu thuyết không thể thâm nhập vào đây. Để chứng minh điều này, chúng tôi chỉ ghi nhận ở đây và kể ngắn gọn một sự việc thực, không ai phủ nhận được. Tuy nhiên, bản thân sự việc cũng không có một quan hệ gì, một dính líu, dây dợ gì với câu chuyện kể trong bộ sách này. Chúng tôi chỉ kể lại sự việc để độc giả hình dung được đầy đủ bộ mặt của tu viện này.

Thời kỳ ấy, trong tu viện có một nhân vật bí mật không phải là tù sĩ, nhưng được đối xử một cách rất kính trọng. Người ấy tên là bà Anbectin. Người ta không biết gì về bà cả, chỉ biết là bà ấy điên và ở ngoài đời thì người ta coi bà ấy như đã chết rồi. Trong uẩn khúc của việc này, theo dư luận thì có những sự xếp đặt cần thiết để tiến hành một cuộc hôn nhân lớn.

Người phụ nữ ấy chưa đầy 30 tuổi, da hơi nâu, khá đẹp, hai mắt đen to, nhìn lúc nào cũng mơ màng. Bà ấy có trông thấy gì không? Không chắc đã trông thấy gì. Bà lướt nhẹ qua hơn là bước chân đi. Bà không bao giờ nói một lời. Người ta không biết chắc là bà có thở hay không. Đôi cánh mũi sát vào nhau xanh xao như người mới tắt thở. Cầm tay bà như mó vào tuyết lạnh. Bà có cái dáng xinh đẹp lạ kỳ của một bóng ma. Bà bước chân vào đâu thì người bỗng thấy lạnh lạnh. Một hôm một bà phước thấy bà đi qua, nói với một bà phước khác: - Bà ấy đi như người chết rồi. Bà kia trả lời:- Có lẽ thế thật.

Người ta khảo về bà ta hàng trăm chuyện.Bà ấy là điều tò mò vô tận của các cô gái lưu trú. Ở trong nhà nguyện có một chỗ ngồi trên cao gọi là *cửa mắt bò*. Chúng ở chỗ ấy,

chỉ có một cái lỗ hổng tròn, *một mắt bò*, bà ta vẫn ngồi một mình để dự các buổi lễ, điều cấm đối với các bà xơ khác trong tu viện. Một hôm có một linh mục cao cấp trẻ đến thuyết giáo: Công tước Rôăng, nghị sĩ thượng viện Pháp, sĩ quan ngự lâm pháo thủ đỏ hồi năm 1815, khi ông còn là hoàng thân Lêông, chết năm 1830 với chức hồng y giáo chủ và tổng giám mục địa phận Bơdăngxông. Hôm ấy là lần đầu tiên ngài Đơ Rôăng truyền đạo ở tu viện PơtiPichpuýt. Thường thường bà Anbectinơ vẫn dự các buổi thuyết giáo một cách bình thản và im lặng hoàn toàn. Hôm ấy khi trông thấy ngài Đơ Rôăng, bà nhổm người dậy và nói to trong cái yên lặng của nhà nguyện: *"Kìa Ôguyxtơ!"*: Tất cả mọi người ngạc nhiên quay nhìn về phía bà. Người giảng đạo ngước mắt lên, nhưng bà Anbectinơ lại ngồi xuống và trở về với cái im lặng thường ngày của bà. Một hơi gió nhẹ của cuộc đời, một tia sáng của sự sống thoáng qua giây lát trên khuôn mặt đã tắt và lạnh như băng, thế rồi tất cả lại tan biến và người đàn bà điên ấy lại trở lại là một cái xác chết.

Nhưng hai tiếng kia đã làm cho tất cả những ai có thể nói được trong tu viện đều bàn tán. Bao nhiêu điều trong hai tiếng " *Kìa Ôguyxtơ*" ấy, bao nhiêu bí ẩn phơi bày. Ngài Đơ Rôăng, tên tục là Ôguyxtơ thật. Và chắc là bà Anbectinơ thuộc một tầng lớp rất cao sang, bởi vì bà quen ngài Đơ Rôăng, và riêng bà cũng có một địa vị cao sang, vì bà gọi một cách thân mật thế một vị quý tộc lớn như vậy. Giữa bà và ngài Đơ Rôăng chắc có một dây liên lạc, có thể là họ hàng, và chắc chắn là gần gụi lắm, và bà biết cả tên " cúng cơm" của ngài Đơ Rôăng.

Hai bà công tước nghiêm nghị, bà công tước Soađơn và bà công tước Xêrăng thường đến thăm tu viện mà hai bà

được vào vì có cái đặc quyền " Magnatesmulieres" (1). Hai bà đến làm cho các cô gái lưu trú rất sợ hãi. Khi hai bà già ấy đi qua, những cô gái nhỏ đáng thương kia run lên và cúi gầm mặt.

Ngài Đơ Rôăng vô tình không biết là các cô gái lưu trú thường để ý đến ngài. Lúc bấy giờ, trong khi chờ đợi được phong giám mục, ngài mới được cử làm phụ tá cho Đức Tổng giám mục Pari . Ngài Đơ Rôăng thường hay đến hát tụng trong các buổi lễ trong nhà nguyện của tu viện Pơti Pichpuýt. Không một cô gái lưu trú nào được thấy mặt ngài Đơ Rôăng vì tấm màn xécgiơ che khuất. Nhưng ngài có một giọng nói êm dịu, thanh thanh mà các cô gái ấy có thể nhận ra và phân biệt được. Ngài đã là một ngự lâm pháo thủ; người ta kể rằng ngài khéo làm dáng, với bộ tóc đẹp, màu hung hạt dẻ uốn thành cuốn xung quanh đầu, ngài có một cái dây lưng rộng, đen, rất đẹp và cái áo choàng đen của ngài may khéo đẹp nhất đời. Cho nên trí suy tưởng của các cô gái nhỏ mười sáu tuổi ấy luôn luôn vấn vương hình ảnh ngài.

Không có một tiếng động nào bên ngoài vọng vào trong tu viện. Thế mà có một năm một tiếng sáo đã len lỏi vào đây. Thật là một biến cố và các cô gái lưu trú hồi ấy còn nhớ đến nay.

Có một người thổi sáo ở quanh gần đấy. Cây sáo luôn luôn thổi một điệu, một điệu ngày nay đã xa xưa lắm: "*Nàng Đêtuynbê của ta ơi! hãy đến đây ngự trị trên tâm hồn ta*". Một ngày hai ba lần điệu sáo ấy véo von.

(1) Quyền của những bà lớn (N.D.).

Suốt mấy tháng trời, các cô gái trẻ chú ý nghe tiếng sáo hàng giờ, các mẹ thì xôn xao, các bộ óc làm việc mạnh, các hình phạt đổ xuống như mưa. Các cô gái lưu trú ít nhiều ai cũng mê chàng thổi sáo bí mật. Mỗi cô đều mơ mình là nàng Đêtuynbê. Tiếng sáo từ phía phố Đơroamuyrơ vọng tới. Các cô gái sẵn sàng cho tất cả, làm tất cả mọi việc phiêu lưu, thử mọi biện pháp, để có thể trông thấy, dù chỉ một giây thôi, hoặc thoáng thấy "Chàng trai trẻ" chơi sáo tài tình như vậy. "Chàng trai trẻ" chơi sáo cũng đã vô tình rơn với tất cả các tâm hồn ấy. Có cô gái lẻn ra ngoài, qua cái cổng sau và leo lên gác ba trông ra phố Đơroamuyrơ để nhìn qua những kẽ hở gần mái. Cũng chẳng thấy gì. Một cô gái giơ cánh tay lên trên đầu, qua song sắt cửa, và phất một chiếc khăn tay trắng. Hai cô gái táo bạo hơn nữa đã tìm cách trèo được lên mái nhà, liều mạng và cuối cùng nhìn thấy "Chàng trai trẻ" ấy. Đó là một ông quý tộc già, xuất cảnh trở về(1) nay mù và sạ sút. Ông ta thổi sáo trong cái gác xép, sát mái nhà để giải muộn.

VI
TU VIỆN NHỎ

Trong phạm vi của tu viện Pơti Pichpuýt có ba ngôi nhà riêng biệt hẳn với nhau: đại tu viện các nữ tu sĩ ở, nhà lưu trú của các cô học trò nhỏ và ngôi nhà vẫn gọi là *tiểu tu viện*. Đây là ngôi nhà có vườn, trong đó ở chung đụng tất cả các nữ tu sĩ già của nhiều dòng tu, những

1)Trong thời kỳ cách mạng 1789, giới quý tộc chống cách mạng bỏ nước Pháp sang sống lưu vong ở các nước phong kiến khác ở châu Âu (N.D.)

người còn sót lại của các nhà tu kín mà Cách mạng đã xoá bỏ. Một tập hợp xáo trộn của tất cả các màu đen, xám, trắng của tất cả các dòng hội, tất cả các loại có thể có, mà người ta có thể gọi - nếu được phép ghép hai chữ này- một thứ tu viện áclơcanh(1).

Từ ngày thành lập Đế chế, những nữ tu sĩ phân tán, lạc loài đáng thương này đã được trở về đây ẩn náu dưới cánh của các bà Bônêđichtin- becnađin. Nhà nước cho họ một phụ cấp nhỏ. Các bà Pơti Pichpuýt đã sốt sắng đón họ về. Thật là một sự pha trộn kỳ lạ. Mỗi người theo kỷ luật riêng của dòng mình. Đôi khi các cô học trò lưu trú được phép, coi như một buổi giải trí lớn, đến thăm họ, vì vậy mà ký ức của các cô gái trẻ này còn nhớ với nhiều kỷ niệm khác, kỷ niệm của các mẹ Xanh Badin, mẹ Xanhtơ Scôlaxtin và mẹ Giacốp.

Một trong những người ở đậu ấy đã gần như trở về nhà mình, đó là một nữ tu sĩ dòng Xanhtơ Orơ, người duy nhất của dòng này còn sót lại. Tu viện Xanhtơ Orơ, từ đầu thế kỷ mười tám chính là cái nhà Pơti Pichpuýt này, về sau trở thành sở hữu của các bà bênêđichtin của Mactanh Vécga. Con người rất ngoan đạo này tiều tụy, nghèo khổ, nên không mặc bộ áo trắng rực rỡ với cái yếm đỏ của dòng tu nữa, mà chỉ giữ bộ áo đó mặc cho một người gỗ mà đôi khi bà vui vẻ phô cho mọi người xem, và khi chết bà để lại cho tu viện. Năm 1824, cả dòng tu ấy chỉ còn một người, ngày nay chỉ còn lại một con nộm.

Ngoài các mẹ đáng kính ấy, một vài phụ nữ già ngoài đời, cũng như bà Anbecti, đã được phép mẹ nhất vào ngụ trong tiểu tu viện. Trong số những người này có bà Bôpho

(1) *Arlequin*: tên một vai hề trên sân khấu nước Ý ngày xưa, vẫn mặc một cái áo, may bằng các mụn vải nhiều màu chắp lại.

Đôpun và bà nam tước Đuyphơrên. Một bà nữa mà ở tu viện người ta chỉ biết vì cái tiếng ồn ào khi bà xỉ mũi. Các cô học trò đã đặt cho bà cái tên "Xỉ mũi to".

Vào những năm 1820 hay 1821 bà Gienlixơ, hồi đó bà đang biên tập một tập san định kỳ tên là *Dũng cảm*, cũng xin vào lưu trú ở tu viện Pơti Pichpuýt. Công tước Đooclêăng, giới thiệu bà. Cái tổ ong xôn xao lên; các mẹ tư vấn cũng run sợ. Vì bà Gienlixơ đã từng viết tiểu thuyết. Nhưng bà bảo rằng bà là người đầu tiên ghét những tiểu thuyết của bà, vả lại bà đã đến một cái tuổi say mê đạo ghê ghớm. Chúa phù hộ và nhờ ông hoàng kia nữa, bà được nhận vào ở tu viện. Nhưng chỉ sáu tháng hay tám tháng sau bà xin ra, với lý do là vườn tu viện ít bóng mát. Các bà tu sĩ thì rất mừng. Tuy đã rất già, bà Gienlixơ vẫn chơi thụ cầm và chơi rất hay.

Khi ra đi bà còn để lại dấu vết của bà trong phòng. Bà Gienlixơ mê tín và giỏi chữ la-tinh. Hai nét đó phác hoạ hình ảnh bà khá tốt. Chỉ cách đây vài năm, người ta còn thấy dán ở trong một cái tủ nhỏ ở phòng bà, cái tủ bà vẫn cất tiền và đồ trang sức, năm câu thơ chữ la-tinh này mà chính tay bà đã viết bằng mực đỏ trên giấy vàng, năm câu thơ mà bà cho là có phép làm cho kẻ trộm sợ hãi.

Những tội khác nhau treo trên ba thân cây.
Dismas và Gesmas quyền phép Chúa đứng trung gian
Xét xử cả Dismas kiêu hãnh và Gesmas thấp hèn
Quyền phép tối cao gìn giữ chúng ta và lợi ích chúng ta
Hiến dâng những thứ đó phải đâu là mất mát thiệt thòi(1).

(1) Nguyên văn la-tinh như sau:

Imparibus meritis pendent tria corpora ramis
Dismas et Gesmas, media est divina potestas
Alta petit Dismas, infelis, imfima, Gesmas
Nos et res nostras conservet summa potestas
Nos versus dicas, ne tu furto tua perdas.

Những câu thơ ấy viết theo tiếng la-tinh thế kỷ thứ sáu nêu lên một vấn đề: có phải hai tên kẻ trộm trên núi Canve tên là Dismas và Gesmas hay là Dismas và Gestas, như thông thường người ta nói: cái chính tả mới này có thể không vừa ý ngài tử tước De Gestas thế kỷ trước. Ngài tự xưng mình là dòng dõi của tên ăn trộm xấu xa kia. Ngoài ra cái phép mầu nhiệm của những câu thơ ấy là một điều tin tưởng chắc chắn đối với dòng cứu tế.

Nhà thờ của tu viện, xây dựng đặc biệt để ngăn cách hẳn đại tu viện với nhà lưu trú, tất nhiên là nhà thờ chung của đại tu viện, tiểu tu viện và của nhà lưu trú. Cả người ngoài cũng có thể vào lễ ở nhà thờ này bằng một lối cửa riêng mở ra ngoài phố. Nhưng nhà thờ đã được xếp đặt để không một người nào trong tu viện có thể nhìn được mặt một người ở ngoài. Ta hãy hình dung một cái nhà thờ mà sàn hát bị một bàn tay khổng lồ kéo lên và gấp lại, nên không như ở trong các nhà thờ thường là một gian tiếp sau bàn thờ, mà là một cái buồng hay một hang tối ở bên tay phải người đứng làm lễ. Gian buồng ấy được che lại bởi cái màn cao hơn hai mét đã nói ở trên; trong bóng tối của cái màn ấy, hãy dồn xếp trên những chiếc ghế ghỗ, các bà tu sĩ hát kinh ở bên trái, những cô gái lưu trú ở bên phải, rồi những bà phục vụ, những bà mới vào dòng ở trong cùng, thế là bạn có một hình ảnh những nhà tu hành trong tu viện Pơti Pichpuýt trong một buổi lễ thánh. Cái hang tối ấy, mà người ta vẫn gọi là sàn hát, thông sang nhà tu kín bằng một dãy hành lang. Nhà thờ chỉ có cửa nhìn ra vườn. Mỗi lần các bà tu sĩ dự lễ, mà kỷ luật

bắt buộc phải im lặng, thì người ngoài chỉ có thể biết sự có mặt của họ qua tiếng va chạm của cái gờ gỗ dưới ghế nhô lên hay hạ xuống.

VII
VÀI HÌNH DÁNG CỦA CÁI BÓNG TỐI ẤY

Trong khoảng thời gian sáu năm, từ năm 1819 đến năm 1825, mẹ nhất của tu viện là Tiểu thư Đơ Bơlơmơ, mà tên đạo là mẹ Inôxăngtơ. Mẹ thuộc dòng họ Magơrít đơ Blơmơ, tác giả quyển sách: *Sự tích các thánh dòng Xanh Bơnoa*. Mẹ đã được tái cử. Mẹ trạc sáu mươi, người thấp béo, "hát như một cái chĩnh rè"; như nói trong một bức thư mà chúng tôi đã nhắc đến; ngoài ra thì rất tốt, người duy nhất vui tính trong tu viện mà cũng vì thế mà được kính mến.

Mẹ Inôxăngtơ thừa hưởng cái thông thái của bà tổ trong họ Magơrit, bà Đaxiê (1) của dòng tu. Mẹ giỏi văn chương, uyên thâm, bác học, hiểu biết nhiều, lại là một sử gia kiểu riêng, một bồ chữ la-tinh, một bồ chữ Hy lạp, một bồ chữ Hêbrơ, nên bà là một bênêđichtanh (2) hơn là một bênêđichtin.

Mẹ nhì là một bà tu sĩ già, người Tây ban nha, hầu như lòa, gọi mẹ là Xinêredơ.

Những mẹ tư vấn đáng kể là mẹ Xanhtơ Ônôrinơ thủ quỹ, mẹ Xanhtơ Gietơruyđơ, giáo nhất của các bà mới

(1) Anne Lefebvre Dacier, một phụ nữ thông thái giỏi tiếng Hy lạp và tiếng La-tinh, đã dịch các tác phẩm Iliade và Odyssée (1656-1720).

(2) Những tu sĩ bênêđichtanh (nam) có truyền thống uyên thâm bác học

nhập dòng, mẹ Xanhtơ Anggiơ, giáo nhì, mẹ Anông-Xiaxiông, giữ kho đồ lễ của nhà thờ, mẹ Xanhtơ Ôguy-xtanh y tá, người duy nhất độc ác ở trong tu viện; rồi đến mẹ Xanhtơ Mêchtinđơ (tiểu thư Gôvanh), rất trẻ, có một giọng hát tuyệt hay, mẹ Đêđăngiơ (tiểu thư Đơruê) trước đã ở tu viện Phiơ Điơ và tu viện Tơrêđo, giữa hai tỉnh Gido và Manhi; mẹ Xanh Giôđép (tiểu thư Côgôluydo); mẹ Xanhtơ Adêlaiđơ (tiểu thư Đôvecnay); mẹ Midêricoócđơ (tiểu thư Đơ Xiphuyantơ bị lôi cuốn bởi khổ hạnh); mẹ Côngpaxiông (tiểu thư Minchierơ, sáu mươi tuổi còn được nhập dòng, tuy là trái với điều lệ, rất giàu); mẹ Pơrêvidăngxơ (tiểu thư Đơ Lôđinierơ); mẹ Pơrêđăngtaxiông (tiểu thư Đi Xighenda) năm 1847 là mẹ nhất; và cuối cùng mẹ Xanhtơ Xêlinhơ (chị của nhà điêu khắc Xêraki), sau hoá điên; và mẹ Xanhtơ Săngtan (tiểu thư Đơ Xuydông) cũng hoá điên.

Trong số những bà đẹp nhất còn có một thiếu nữ hăm ba tuổi rất xinh, người ở đảo Buốcbông, con cháu của Hiệp sĩ Rôđơ, nhưng ở đây tên là mẹ Axônxiông.

Mẹ Xanhtơ Mêchtinđơ phụ trách việc hát và đoàn hợp xướng của nhà thờ, thường huy động các cô học trò lưu trú. Thường mẹ huy động cả một nhóm đầy đủ nghĩa là bảy em, từ 10 đến 16 tuổi thôi, giọng hát và tầm vóc hợp nhau, mẹ bảo đứng hát, xếp hàng cạnh nhau, theo lứa tuổi, từ cô bé nhất đến cô lớn nhất, như là một bộ sáo thiếu nữ, một thứ sáo sống của thần Păng, xếp bằng những thiên thần.

Trong số các bà phục vụ, những người mà các cô học trò lưu trú quí nhất là bà Xanhtơ Ôphoradi, bà Xanhtơ

Magorito. bà Xanhtơ Mactơ, có bệnh thần kinh và bà Xanh Misen, có một cái mũi dài làm các cô học trò cười.

Tất cả các bà đều rất hiền dịu đối với các em gái nhỏ ấy. Họ chỉ nghiêm khắc đối với bản thân họ. Chỉ nhà lưu trú mới đốt lửa sưởi. Món ăn hàng ngày của nhà lưu trú so với bữa ăn của tu viện là món ăn sang. Thêm vào đó trăm sự săn sóc khác . Nhưng khi một em nhỏ đến gần một nữ tu sĩ và nói với bà, thì không bao giờ bà trả lời.

Cái kỷ luật im lặng ấy đã đem lại hậu quả là trong tu viện người ta lấy mất tiếng nói của con người và trao cho những vật vô tri vô giác. Khi thì quả chuông của nhà thờ lên tiếng, khi thì chiếc nhạc của người làm vườn. Một cái chuông rất kêu, đặt bên cạnh bà gác, và có thể nghe thấy bất cứ ở đâu trong tu viện, với những nhịp khác nhau như qua một thứ máy viễn thoại, báo tất cả mọi hoạt động trong sinh hoạt vật chất của tu viện. Nó cũng có thể dùng để gọi, khi cần, người này hay người khác lên buồng khách; mỗi người, mỗi vật đều có tín hiệu riêng. Mẹ nhất là một một. mẹ nhì là một và hai, sáu năm là giờ lên lớp. Thành ra học trò không bao giờ bảo: vào lớp học, mà chỉ nói: đi sáu năm. Bốn bốn là tín hiệu của bà Đơ Gienlixơ. Tín hiệu này nghe thấy luôn. Những người nào không phúc hậu, thương người thì bảo: Đồ quỷ bốn! Mười chín tiếng báo hiệu một sự việc lớn lao, đó là việc mở cái cổng khoá, một tấm sắt ghê rợn lô nhô những chốt, chỉ quay trên bản lề khi nào Đức Tổng giám mục đến tu viện.

Trừ Đức Tổng giám mục và người làm vườn như chúng tôi đã nói, không có một người đàn ông nào vào được tu viện. Các cô gái lưu trú còn được thấy hai người nữa: cha tuyên uý, giáo sĩ Banexơ, già và xấu, mà các em có thể nhìn thấy trên sàn hát, qua một chấn song sắt; người nữa là thầy dạy vẽ, ông Anxiô, mà bức thư chúng tôi sơ lược nhắc đến đã gọi là ông Anxiô và đặt tên là *lão già còng kinh tởm.*

Rõ ràng là những người đàn ông này đều đã được chọn lọc.

Đó là cái nhà tu kỳ lạ ấy.

VIII

SAU QUẢ TIM ĐÁ (1)

Sau khi đã mô tả cái vẻ mặt tinh thần, cũng nên nói vài lời về hình dáng vật chất của tu viện Pơti Pichpuýt. Độc giả cũng đã mường tượng được ít nhiều.

Tu viện Pơti Pichpuýt Xanh Angtoanơ chiếm hầu hết diện tích cái hình thang tạo nên do các phố Pôlôngxô, Đơroamuyrơ, phố nhỏ Pichpuýt và cái ngõ cụt còn thấy ghi tên Ômare trong các bản đồ cũ. Bốn phố này bao quanh cái hình thang ấy, như một cái hào. Tu viện gồm có mấy toà nhà và một cái vườn. Ngôi nhà chính, nhìn toàn diện là sự nối tiếp của nhiều ngôi nhà lai tạp, nếu đứng trên cao nhìn xuống thì những ngôi nhà đó vẽ thành hình một cái giá treo cổ đặt nằm trên mặt đất. Gọng lớn của giá treo cổ này là cả cái khúc nằm dài theo phố Đơroamuyrơ, từ phố nhỏ Pichpuýt đến phố Pôlôngxô; gọng

(1) Nguyên văn La-ting: Post corda lapides.

nhỏ của cột treo cổ là cái mặt tiền của một nhà cao, màu xám, trông nghiêm nghị, có dóng sắt nhìn ra phố nhỏ Pichpuýt: cái cổng lớn số nhà 62 ở cuối cái gọng nhỏ này. Vào khoảng giữa mặt tiền ngôi nhà có một cái cửa cũ thấp, hình tò vò, bụi tro đã làm bạc màu, đầy mạng nhện, chỉ mở một hai tiếng đồng hồ ngày chủ nhật và trong những trường hợp hãn hữu đưa quan tài một nữ tu sĩ, ra ngoài tu viện. Đó là cái cổng ra vào công khai của nhà thờ. Cái khuỷu của giá treo cổ là một gian buồng vuông, nơi làm lễ mà các bà xơ gọi là *Đêpăngxơ*. Cái gọng dài là phòng ở của các mẹ, các bà và khu các bà mới vào dòng. Gọng ngắn là nhà bếp, nhà ăn, song song với nhà tu kín và nhà thờ. Giữa cổng số nhà 62 và góc ngõ cụt Ômare là nhà lưu trú của các cô gái nhỏ mà ngoài đường không trông thấy được. Diện tích còn lại của hình thang là khu vườn, thấp hơn mặt đường phố Pôlôngxô rất nhiều, thành ra những bức tường bao quanh nhìn từ bên trong cao hơn là từ bên ngoài. Mặt vườn hơi nhô lên một ít ở giữa một mô đất, trên mô đất có một cây thông đẹp, nhọn, hình chóp nón; từ cây thông ấy, như từ cái núm tròn của một cái mộc, xuất phát bốn lối đi lớn và tám lối đi nhỏ, cứ hai lối nhỏ nằm giữa hai lối lớn, thành ra nếu tu viện hình tròn thì bản đồ các lối đi sẽ là hình một cái thập tự đặt trên một bánh xe. Các lối đi dài ngắn đều dẫn tới các bức tường lô nhô, không đều, bao quanh khu vườn. và đều có trồng phúc bồn tử. Cuối vườn có một lối đi lớn trồng những cây bạch dương to, chạy từ ngôi nhà nát của tu viện cũ ở góc phố Đơroamuyrơ đến ngôi nhà của tiểu tu viện, ở góc phố Ômare. Trước mặt tu viện nhỏ có một khu

vườn vẫn gọi là vườn nhỏ. Thêm vào đấy một cái sân và tất cả những góc, những xó hình thành giữa các ngôi nhà, những bức tường nhà giam, thêm vào toàn bộ viễn cảnh và xung quanh, cái dẫy mái nhà đen, bên kia phố Pôlôngxô, thì có thể hình dung được trọn vẹn nhà tu Pơti Pichpuýt của các bà Bênêđichtin cách đây bốn mươi lăm năm: Cái nhà tu thiêng liêng này đã được dựng trên một bãi đánh cầu nổi tiếng từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XVI mang cái tên: *Sòng bạc của mười một ngàn con quỉ.*

Tất cả những phố ấy là những phố cổ nhất của Pari. Những cái tên Đơroamuyrơ, Ômare rất xưa; những đường phố mang những cái tên ấy lại còn xưa hơn. Ngõ Ômare trước đã mang tên ngõ Môgu; phố Đơroamuyrơ từng mang tên phố Êglăngchiê(1), vì Chúa đã làm cho nở hoa trước khi con người đẽo đá.

IX

MỘT THẾ KỶ SAU TẤM MẠNG

Vì chúng tôi đang kể lại một số chi tiết về lịch sử của tu viện Pơti Pichpuýt và đã mạnh dạn trổ một cái cửa sổ để nhìn vào cái nhà kín đáo này, chúng tôi cũng tin độc giả cho phép kể một chuyện nhỏ nữa, không liên quan đến cuốn sách này, nhưng tiêu biểu và bổ ích vì chuyện ấy cho chúng ta hiểu rằng nhà tu kín này cũng có những nhân vật độc đáo của nó.

Ở trong tu viện ngày trước có một bà già một trăm tuổi ở nhà tu Phôngtơvơrô đến. Trước Cách mạng bà đã sống trong xã hội thượng lưu. Bà thường nhắc đến ngài Đơ Mirơmexnin, thượng thư bộ Tư Pháp dưới triều vua Lui

(1) *Eglantiers*: tầm xuân.

XVI, và một bà Chánh án mà bà rất quen thuộc. Điều thích thú và tự hào của bà là luôn nhắc đến hai cái tên ấy trong bất cứ câu chuyện nào. Bà nói rặt những điều kỳ diệu về tu viện Phôngtơvorô, bà bảo nó như là một thành phố và ở trong tu viện có cả những đường phố.

Bà nói giọng Pica làm cho các cô lưu trú buồn cười. Năm nào bà cũng khấn nguyện lại một lần, và khi làm lễ khấn nguyện, bà nói với vị linh mục chủ lễ :"Đức cha Xanh Phơrăngxoa đã trao cho Đức cha Xanh Giuyliêng, Đức cha Xanh Giuyliêng đã trao cho Đức cha Xanh Ôdebơ, Đức cha Xanh Ôdebơ đã trao cho Đức cha Xanh Pơrôcôpơ vân vân... vân vân... và như thế con xin trao cho cha". Các cô gái lưu trú tha hồ mà cười, không phải cười thầm, mà cười sau tấm mạng che mặt. Những tiếng khúc khích đáng yêu nén lại khiến các mẹ tư vấn cau mày.

Một lần khác bà lão trăm tuổi ấy kể lại chuyện xưa. Bà bảo khi bà còn trẻ, *các tu sĩ dòng Benađanh chẳng chịu thua bọn lính ngự lâm pháo thủ*. Thật là một thế kỷ ồn ào, nhưng đó là thế kỷ 18. Bà kể cái tục của xứ Săngpanhơ và xứ Buôcgônhơ uống bốn thứ rượu. Trước cách mạng khi một nhà quyền quí, một vị thống chế,một ông hoàng, một công tước, một ông nghị đi ngang qua một thành phố xứ Buôcgônhơ hay xứ Săngpanhơ, thì phái đoàn thành phố đến chúc mừng và dâng rượu trong bốn cái bát hình con thuyền bằng bạc, đựng bốn thứ rượu khác nhau. Bát thứ nhất ghi *Rượu khỉ*, bát thứ hai: *Rượu sư tử*, bát thứ ba: *Rượu cừu* và bát thứ tư: *Rượu lợn*. Bốn chữ ghi chú đó nói lên bốn bậc thang mà người say rượu lần lượt tụt xuống. Độ say thứ nhất làm cho người ta vui cười, độ say thứ hai làm cho người ta tức giận, độ say thứ ba làm cho người ta đần độn, độ say thứ tư làm cho người ta hóa súc vật.

Bà giấu ở trong một cái tủ luôn luôn khóa một vật bí mật mà bà quý lắm. Kỷ luật nhà tu Phôngtơvơrô không cấm điều đó. Bà không cho ai xem vật quý ấy. Bà đóng của phòng, kỷ luật của dòng tu cho phép, và bà giấu mọi người, mỗi khi bà muốn ngắm vật ấy. Nếu ngoài hành lang có tiếng người đi, tức thì bà đóng cửa tủ hết sức nhanh với đôi bàn tay già yếu của bà. Nếu ai nhắc đến vật đó, thì bà im lặng ngay, tuy bà xưa nay vẫn hay nói. Những người tò mò nhất cũng đành chịu thua trước sự im lặng của bà và những người bền bỉ nhất cũng phải lùi trước quyết tâm của bà. Chuyện ấy cũng là đầu đề bàn tán của tất cả những ai vô công rồi nghề, hay buồn chán trong tu viện. Vật quý báu và bí mật ấy, cái kho tàng của bà lão trăm tuổi ấy là cái gì? Chắc là một quyển thánh kinh, một chuỗi tràng hạt đặc biệt, một thánh tích nào chăng? Người ta tha hồ phỏng đoán. Khi bà lão chết, người ta chạy vội đến cái tủ, vội vượt cả lễ độ, người ta mở tủ và tìm thấy vật đó, bọc trong ba lần vải như một hình thánh. Nó là một cái đĩa Phaăngda có vẽ hình những thần ái tình bay bổng lên trời và bị một đoàn lực sĩ đuổi theo với những ống tiêm khổng lồ. Cuộc săn đuổi này điểm xuyết không ít vẻ mặt cau có và nhiều dáng điệu khôi hài: Một thần ái tình xinh xắn đã bị xiên thủng giữa giụa, đập đôi cánh nhỏ, cố chạy thoát. Nhưng thằng hề kia cười một cách quỷ quái, ghê rợn! Ý nghĩa: ái tình thua cơn đau bụng. Cái đĩa ngộ nghĩnh này, cái đĩa có lẽ đã gợi cho Môliơrơ một màn hài kịch năm 1845, vẫn hãy còn bày bán ở cửa hàng bán đồ cũ phố Bômacse.

Bà ấy không muốn tiếp khách nào bên ngoài, *bởi vì,* theo ý bà, *cái phòng tiếp khách buồn quá.*

X

NGUỒN GỐC DÒNG "CHẦU MÌNH THÁNH HẰNG NGÀY"

Vả lại cái phòng khách gần như nhà mộ ấy mà chúng tôi đã phác họa, chỉ là một đặc điểm riêng của tu viện này: phòng nói chuyện của các tu viện khác không nghiêm nghị như vậy. Đặc biệt ở tu viện phố Tăngpơlơ, thực ra thì thuộc một dòng tu khác, cửa ván đen được thay thế bằng những màn cửa màu nâu, và cả phòng nói chuyện nữa là một phòng khách có sàn gỗ, cửa sổ có viền sa tanh trắng, và ở trên tường có đủ tất cả các thứ khung ảnh, một chân dung của một bà bênêđichtin mặt không có mạng che, những tranh hoa sơn dầu và cả cái "Đầu Thổ" (1) nữa.

Tu viện phố Tăngpơlơ này trước là tu viện của các bà bênêđichtin dòng tu "Chầu mình Thánh hằng ngày", khác các bà bênêđichtin thuộc phái Xitô. Dòng tu "Chầu mình Thánh hằng ngày" không lâu đời lắm, lịch sử của nó không quá hai trăm năm. Năm 1649 Thánh thể bị xúc phạm hai lần, chỉ cách nhau vài ngày ở trong hai nhà thờ thành phố Pari , nhà thờ Xanh Xuynpixơ và nhà thờ Xanh Giăng Gơrevơ, một sự xúc phạm ghê gớm và hiếm thấy làm cho nhân dân cả thành phố xúc động. Đức giám mục Xanh Giécmanh đê Pơrê đã phải ra lệnh tổ chức một đám rước thánh trọng thể có đủ mặt tất cả các giáo sĩ địa hạt ngài và có Đức cha sứ thần tòa thánh làm lễ. Nhưng sự chuộc tội ấy, đối với hai bà ngoan đạo đáng kính, bà Cuôctanh, hầu tước ĐơBuc, và bà hầu tước Satôviơ thì vẫn không đủ. Việc xúc phạm đến "Thánh thể rất thiêng

(1) Dụng cụ thể thao hình đầu một người Thổ-nhĩ-kỳ, có lò xo, để đo sức đập của cánh tay.

liêng", tuy rằng chốc lát, vẫn luôn luôn ám ảnh linh hồn mộ đạo của hai bà. Đối với hai bà tội ấy chỉ có thể chuộc lại với một sự "Chầu mình Thánh hằng ngày" trong một tu viện nữ: Cả hai bà, một bà năm 1652, một bà năm 1653, đã tặng cho mẹ Catơrin đơ Bar, còn gọi là mẹ Thánh thể, nữ tu sĩ dòng bênêđichtin, những số tiền lớn để lập, với mục đích sùng đạo ấy, một tu viện dòng Xanh Bơnoa. Lệnh đầu tiên cho phép mẹ Catơrin đơ Bar lập tu viện do Đức cha Đơ Mê, viện trưởng tu viện Xanh Giécmanh ký với điều kiện là những cô thiếu nữ "chỉ được vào tu viện này nếu đem tới một lợi tức ba trăm phơräng", nghĩa là phải có một cái vốn sáu ngàn phơräng. Sau lệnh của Đức cha Xanh Giécmanh thì có sắc chỉ cho phép của nhà vua và tất cả hiến chương, quy chế của tu viện với sắc chỉ của nhà vua đều đã được đăng ký năm 1654 ở Viện quản lý tài chính quốc gia trong Pháp viện nhà vua.

Đó là nguồn gốc và sự công nhận chính thức của tu viện "Chầu mình Thánh hằng ngày" ở Pari . Tu viện thứ nhất của dòng này được xây dựng hoàn toàn mới ở phố Caxetơ với tiền của hai bà Đơ Buc và Đơ Satôviơ.

Dòng tu này, như người ta biết, không phải cùng một dòng với các bà bênêđichtin gọi là dòng Xitô. Dòng này thuộc tu viện trưởng Xanh Giécmanh đê Pơrê, cũng như các bà Xacơre Cơ thuộc sự chỉ huy của các bề trên Giêduytơ và các bà phúc thiện thuộc sự chỉ huy của các bề trên dòng Ladarixtơ.

Dòng này cũng khác hẳn dòng các bà becnađin của tu viện Pơti Pichpuýt mà chúng tôi vừa phác họa cảnh bên trong. Năm 1657 giáo hoàng Alêcxăndơrơ VII đã cho phép, trong một thông lệnh đặc biệt, các bà becnađin ở tu

viện Pơti Pichpuýt "Chầu mình Thánh hằng ngày" như các bà bênêđichtin dòng "Thánh thể". Tuy vậy hai dòng tu này vẫn đứng riêng rẽ.

XI

TU VIỆN PƠTI PICHPUÝT KHÔNG CÒN NỮA

Đầu thời kỳ quân chủ phục hưng, tu viện Pơti Pichpuýt suy tàn, trong sự suy tàn chung của cả dòng tu này sau thế kỷ 18, cùng với tất cả các dòng tu công giáo nói chung. Chiêm ngưỡng cũng như cầu nguyện trời là một nhu cầu tinh thần của nhân loại; nhưng cũng như tất cả cái gì mà cách mạng đã tác động đến, nhu cầu này cũng sẽ thay đổi, và từ chỗ chống lại sự tiến bộ xã hội, nó đã thở thành thuận lợi cho sự tiến bộ ấy.

Tu viện Pơti Pichpuýt vắng vẻ đi rất nhanh. Năm 1840 tu viện nhỏ không còn nữa. Nhà lưu trú cũng không còn. Không còn những bà già, cũng không còn những cô gái bé. Loại này thì chết. Loại kia thì đi. *Volaverunt*([1]).

Kỷ luật của dòng " Chầu mình Thánh hằng ngày" khắc khổ quá làm cho mọi người sợ: người ta ngại không muốn vào dòng. Dòng không thêm được tín đồ. Năm 1848, đây đó còn một vài bà phục vụ, nhưng xướng thánh kinh thì không còn ai. Trước đây bốn mươi năm, còn gần một trăm bà, cách đây mười lăm năm chỉ còn hai mươi tám. Bây giờ còn được bao nhiêu? Năm 1847, mẹ nhất còn trẻ, điều này chứng tỏ là phạm vi những người được chọn rút hẹp đi. Mẹ nhất chưa đầy bốn mươi tuổi. Càng vắng thì càng mệt nhọc; công việc của mỗi người nặng nhọc hơn. Bây giờ người ta thấy đã đến gần cái thời kỳ chỉ còn độ mươi mười

(1) Họ đã bay đi.

hai đôi vai đau khổ và cúi khom để gánh vác cái kỷ luật nặng nề của Xanh Bơnoa. Cái gánh nặng khắc nghiệt ấy vẫn nguyên vẹn khi tu viện vắng vẻ cũng như lúc đông người. Nó nặng trĩu, nó đè bẹp con người cho nên họ chết dần. Khi tác giả cuốn sách này còn ở Pari, hai bà đã chết, một người hai mươi lăm tuổi, một người hai mươi ba tuổi. Bà này có thể nói cái lời của Giuylia Anpinuyla:

"Tôi nằm đây, tôi đã sống hai mươi ba năm tròn" (1).

Vì sự suy đồi ấy mà tu viện đã thôi không đảm nhận việc giáo dục các cô gái nhỏ.

Chúng tôi không thể đi qua cái nhà kỳ lạ này, cái nhà không ai biết, tối tăm, mà không vào, không dắt theo những người cùng đi với chúng tôi, những người đang nghe chúng tôi kể câu chuyện buồn thảm của Giăng Vangiăng, chắc cũng có một vài bạn thấy là bổ ích cho họ. Chúng ta đã nhìn qua vào cái tu viện đầy rẫy những tục hành đạo cũ kỹ mà rất mới lạ đối với chúng ta bây giờ. Đó là cái vườn cấm: *Hortus conclusus*(2). Chúng ta đã kể chi tiết của nơi này một cách tỉ mỉ và kính cẩn, trong chừng mực kính cẩn và tỉ mỉ có thể dung hòa nhau được. Chúng tôi không hiểu được tất cả mọi điều, nhưng chúng tôi không thoá mạ cái gì. Chúng tôi đứng ở giữa, cùng cách xa cái tung hô của Giôdép đơ Mextơrơ, dẫn tới thần thánh hóa kẻ đạo phủ, và cái cười ngạo ngễ của Vonterơ chế giễu cả cây thập tự.

Lý luận không hợp lý của Vonterơ, nói qua một chút thôi; bởi vì Vonterơ cũng có thể bào chữa cho Giêsu như đã bào chữa cho Calaxơ; và đối với cả những ai không tin

(1) *Hie Jaceo, vixi annos viginti et tres.*

(2) Vườn cấm, vườn kín.

tưởng ở những chuyện đầu thai của thần thánh thì ý nghĩa của thập tự giá là gì? Là bậc hiền bị giết hại.

Ở thế kỷ XIX ý thức tôn giáo trải qua một cuộc khủng hoảng. Người ta quên đi nhiều chuyện, như thế là đúng, quý hồ là khi quên cái này thì học được cái khác. Đừng để chỗ hổng trong trái tim con người. Có phá đổ, đó cũng là một việc tốt, nhưng với điều kiện phải có xây dựng tiếp theo.

Trong khi chờ đợi, ta hãy nghiên cứu những cái không còn nữa. Cần phải hiểu những cái đó, dù chỉ để tránh những cái đó thôi. Những cái bắt chước quá khứ mang những tên giả và dễ dàng tự nhận là tương lai. Cái bóng ma hiện về ấy là quá khứ đã trình giấy thông hành giả. Chúng ta phải thấy cái bẫy đó và phải đề phòng. Quá khứ có một bộ mặt: sự mê tín, và một cái mặt nạ là sự giả dối. Ta hãy vạch rõ bộ mặt kia, và hãy giật bỏ cái mặt nạ nọ.

Còn các tu viện, đó là một vấn đề phức tạp. Vấn đề văn minh: văn minh kết án các tu viện; vấn đề tự do; tự do bảo vệ các tu viện.

QUYỂN VII

TRONG DẤU NGOẶC ĐƠN

I

NHÀ TU, Ý NIỆM

Quyển sách này là một tấm thảm kịch mà nhân vật thứ nhất là vô biên.

Con người là nhân vật thứ hai.

Thế rồi, vì trên con đường của chúng ta có một nhà tu, chúng ta đã phải đi vào nhà tu ấy. Vì sao? Bởi vì nhà tu, phương đông có, phương tây có, ngày xưa có, ngày nay cũng có, đạo thiên nhiên, đạo Phật, đạo Hồi cũng như đạo Giatô cũng có. Nhà tu là một bộ máy quang học mà con người dùng để soi vào vô biên.

Đây không phải là chỗ khai triển quá mức độ một vài ý niệm, tuy vậy, mặc dầu gìn giữ triệt để sự dè dặt, những giới hạn và cả niềm công phẫn, chúng tôi phải nói rằng, mỗi khi gặp trong một con người cái vô biên, được hiểu đúng hay hiểu sai, chúng tôi cũng cảm thấy một niềm tôn kính. Ở trong nhà thờ Do thái, trong thánh thất đạo Hồi, trong chùa Phật, trong miếu mạo của người da đỏ, ở đâu cũng có một mặt xấu xa mà ta ghê tởm, và một mặt cao siêu mà ta tôn thờ. Một sự chiêm ngưỡng cho trí tuệ, một sự mơ mộng vô biên: Ánh sáng phản chiếu của Chúa, trên cái bức tường nhân loại!

II

NHÀ TU, SỰ KIỆN LỊCH SỬ

Đứng về phương diện lịch sử, phương diện lý trí và chân lý, chế độ nhà tu đều bị kết án.

Các nhà tu, khi quá đông trong một nước, là những cái nút làm nghẽn giao thông, những tổ chức kềnh càng vướng víu, những trung tâm lười biếng ở những chỗ phải có những cơ sở lao động. Những nhà tu đối với tập thể rộng lớn của xã hội cũng như tầm gửi mọc trên cây sồi, như cái mụn cóc mọc trên thân người. Nó mà phát triển, phình ra, thì xã hội nghèo khổ đi. Chế độ nhà tu, tốt trong thời kỳ phát triển đầu tiên của các nền văn minh, cần thiết để làm giảm bớt bằng tinh thần cái phần tàn bạo man rợ, trở thành có hại cho các dân tộc đang thời tráng kiện. Và đến lúc nó đã lỏng lẻo và đi vào thời kỳ rời rã, vô kỷ luật, mà vẫn được coi là những tấm gương, thì nó trở thành xấu xa vì tất cả những lý do đã khiến nó có lợi ích trong thời kỳ trong sáng của nó.

Cái tục tu kín đã hết thời. Các nhà tu kín, có ích trong giai đoạn sơ khai của công việc giáo dục trong nền văn minh hiện đại, đã trở thành trở ngại cho sự lớn mạnh và có hại cho sự phát triển của văn minh. Đứng về mặt tổ chức xã hội và phương thức đào tạo con người, những nhà tu có ích hồi thế kỷ thứ X, đã trở thành phải ngờ vực ở thế kỷ XV và đến thế kỷ XIX thì đáng ghét. Cái bệnh phong nhà tu ấy đã gặm gần đến tận xương tủy hai quốc gia rực rỡ: nước Ý và nước Tây ban nha, một nước là ánh sáng, một nước là vinh quang chói lọi của cả Châu Âu trong

nhiều thế kỷ. Thế mà ngày nay hai quốc gia nổi tiếng này mới bắt đầu hồi phục nhờ cái chế độ điều dưỡng tốt lành và mạnh mẽ của 1789 (1).

Nhà tu kín, đặc biệt nhà tu nữ ngày xưa, như người ta còn thấy đầu thế kỷ này ở nước Ý, nước Áo, nước Tây ban nha, là một hiện thân đen tối nhất của thời kỳ trung cổ. Nhà tu kín, thứ nhà tu kín ấy, là chỗ gặp nhau của các sự khủng khiếp. Nhà tu kín của đạo Giatô chính cống chứa đầy tia tối của cái chết.

Đặc biệt nhà tu Tây ban nha thì thật thê thảm. Trong bóng tối, dưới những vòm đầy sương mù, những mái tròn đầy bóng đen, sừng sững những bàn thờ đồ sộ như tháp Baben, cao như những nhà thờ; trong nhà tu ấy có những dây xích lủng lẳng trong bóng tối với những thập tự giá trắng khổng lồ; trong nhà tu ấy những tượng Giêdu lớn, bằng ngà voi, trần truồng nằm trên gỗ mun đen; không chỉ rớm máu mà đầm đìa máu; vừa ghê rợn, vừa huy hoàng, với khuỷu tay giơ xương, với bánh chè chằng chịt, với những vết thương giơ thịt, đầu đội mũ gai bạc, đóng đanh vàng, với những giọt máu trên trán bằng ngọc hồng bảo và trong mắt những giọt nước mắt bằng kim cương. Những hạt kim cương, những hạt hồng bảo như ướt, khiến cho những con người, mặt che mạng, quỳ ở dưới, khóc trong bóng tối, những con người mà lưng, sườn thâm tím bởi những mũi nhọn của chiếc dây lưng, của chiếc roi da, mà đôi vú ép nát dưới mảnh giáp mây đan, đầu gối loét vì mãi quỳ cầu nguyện. Những người phụ nữ ấy tưởng mình là vợ, những bóng ma tưởng mình là thiên thần. Những người phụ nữ ấy có suy nghĩ không? Không. Có ước

(1) Cách mạng Pháp 1789.

muốn không? Không. Có yêu thương không? Không. Có sống không? Không. Thần kinh của họ đã trở thành những khúc xương; xương của họ đã trở thành đá. Mạng che mặt của họ đan bằng bóng đêm dày đặc. Hơi thở của họ dưới tấm mạng tương tự như hơi thở bi thảm của cái chết. Mẹ nhất, một hồn ma, thần thánh hoá họ và khủng bố họ. Tinh thần trinh khiết của chúa ở đó, cứng nhắc dữ dội: Những nhà tu xưa của Tây ban nha là thế đó. Hang ổ của sự tín ngưỡng kinh khiếp. Hang hầm của gái đồng trinh, những chốn những nơi hung dữ.

Tây ban nha gia tô còn la-mã hơn chính La mã. Nhà tu kín Tây ban nha là nhà tu thuần tuý Gia tô. Người ta thấy ở đó hơi hướng của phương đông. Đức Tổng giám mục là một thứ kislar-aga của trời. Khoá chặt và rình mò cả cái cung cấm giam giữ những linh hồn dành cho Chúa. Cô mụ là cung nữ, giáo sĩ là hoạn quan. Trong mơ những cô gái sùng đạo được chọn hầu chăn gối chúa. Ban đêm, người thanh niên trẻ, đẹp, trần truồng, từ trên thập tự giá bước xuống và làm cho cả phòng tu kín khoái lạc. Những bức tường cao ngăn cách nàng vương phi mộ đạo kia-mà chúa thượng là người bị đóng đanh trên cây thánh giá với mọi lạc thú của cuộc đời. Một cái nhìn lọt ra ngoài là một sự thất tiết. Cái *in paxơ* (1) thay thế cho cái bọc da. Ở phương đông người ta ném xuống biển, ở phương tây người ta vùi xuống đất. Cả hai nơi, người phụ nữ quờ quạng đôi cánh tay: người này dìm giữa dòng, người kia vùi trong hố. Đây người chết chìm, kia người chết chôn. Một cảnh song hành kinh khủng.

Những kẻ bào chữa cho quá khứ, ngày nay không thể

(1) *In pace*: Chỉ cái hầm ngầm dưới đất trong các tu viện để cầm cố tu sĩ phạm trọng tội. Nghĩa đen: nằm yên (N.D.).

chối cãi những điều đó, đã giả tảng cười xoà. Người ta đã phổ biến một biện pháp tiện lợi, và lạ lùng, là bưng bít, thủ tiêu tất cả những phát hiện của lịch sử, phủ nhận những điều bình luận của triết học, lẩn tránh tất cả những sự việc làm cho họ lúng túng và tất cả những chuyện đen tối. Một số người tinh ranh bảo: "*chỉ để khoa trương*". Một số thằng khờ lặp lại: "Khoa trương". Giăng Giắc Rutxô: khoa trương. Điđorô: khoa trương. Vonterơ nói về Calaxơ, La Barơ và Xiêcven: khoa trương. Tôi không biết đây ai đã chứng minh rằng Taxitơ là một kẻ khoa trương, rằng bạo chúa Nêrông là một nạn nhân, và nhất là bảo phải rỏ nước mắt xót xa cho số phận "của gã Hôlôphecnơ đáng thương".

Những sự việc không phải dễ đảo ngược, sự việc cứ kiên trì tự báo. Người viết quyển sách này, chính mắt đã trông thấy cách Bơruyxen tám dặm- nơi đó là dấu vết của thời kỳ trung cổ mà ai cũng có thể mó tay được, ở nhà tu Đơvilơ, những cái hố "bỏ quên" giữa cánh đồng cỏ, trước đây là sân nhà tu, và ở trên bờ sông Đilơ, bốn cái hầm đá, nửa ngầm sâu dưới đất nửa dưới mặt nước. Đó là những *in pace* (1). Mỗi cái hầm ấy còn một mảnh cửa sắt, một hố xí và một cái cửa sổ có dóng sắt, bên ngoài cao hơn mặt nước sáu tấc, bên trong cao hơn mặt đất hai mét. Gần mét rưỡi nước chảy bên ngoài tường. Đất lúc nào cũng ẩm ướt. Người ở trong cái *in pace* nằm ngay trên mặt đất ẩm ấy. Trong một cái hầm có một khúc gông gắn vào tường, trong một cái hầm khác có một thứ hộp vuông làm bằng bốn tấm đá, ngắn không đủ để nằm, thấp không đủ để đứng. Người ta bỏ vào đó một con người và đậy lên một nắp đá. Tất cả cái đó có thực, sờ sờ trước mắt, dưới tay. Có thực,

(1) Nguyên văn La-tinh: nơi yên nghỉ.

những cái *in pace* ấy, những cái hầm ấy, những cái bản lề sắt, những chiếc cùm, những cái cửa sổ cao, nước sông chảy bên cạnh ngang tầm, cái hòm đá với nắp đá đóng kín như một cái mồ, chỉ khác ở chỗ xác ma ở đây là người sống-cái đất bùn ấy, cái hố tiêu ấy, những bức tường rỉ nước ấy "khoa trương làm sao!".

III

TÔN TRỌNG QUÁ KHỨ VỚI ĐIỀU KIỆN NÀO

Nhà tu, như trước kia ở Tây ban nha và bây giờ ở Tây tạng, đối với văn minh là một thứ bệnh lao. Nó chặn đứng mạch sống. Nó làm cho dân số sụt hẳn đi, làm vẫn người đi. Vào nhà tu kín cũng như bị hoạn. Nhà tu kín đã là một tai hoạ ở Châu Âu. Phải thêm vào đó tất cả những áp bức kiềm chế lương tri, những vụ khấn nguyện miễn cưỡng, chế độ phong kiến dựa vào chế độ nhà tu kín, chế độ trưởng nam dốc vào trong nhà tu kín cái số con thừa trong gia đình, những cảnh tàn bạo ta vừa nói đến, các cái *in pace*, những cái miệng gắn xi, những bộ óc bưng kín, bao nhiêu trí tuệ thông minh xấu số bị giam giữ trong lời khấn nguyện vĩnh viễn, cái trò "mặc áo dòng" chôn sống những linh hồn đang sống. Cộng những nhục hình cá nhân vào những suy đồi dân tộc, thì bất cứ bạn là người thế nào, bạn sẽ phải rùng mình ghê tởm trước cái áo thầy tu và cái màn che mặt, hai tấm vải liệm do con người sáng chế ra.

Thế mà ở một vài điểm, ở một vài nơi, bất chấp triết học, bất chấp sự tiến bộ, cái tinh thần nhà tu kín vẫn tồn tại dằng dai, giữa thế kỷ XIX và một sự tái khởi kỳ quặc

của khuynh hướng khổ hạnh đang làm cho xã hội văn minh phải lạ lùng. Cái ngoan cố của những chế độ cổ hủ cứ muốn tồn tại mãi mãi giống như lọ nước hoa đã trở mùi vẫn đòi được thoa vào mái tóc, con cá ươn vẫn muốn được người ăn, chiếc áo trẻ con vẫn đòi mặc vào cho người lớn, và sự âu yếm của những xác chết muốn trở về ôm hôn người sống.

Chiếc áo cũ bảo: Đồ vô ơn, ta đã che chở cho người trong những ngày gió mưa, lạnh rét, sao bây giờ người không thèm nhờ ta nữa? Con cá bảo: Ta từ biển khơi về đây. Mùi hương hả bảo: Xưa ta là hoa hồng. Xác chết bảo: Ta đã yêu dấu các người. Tu viện nói: "Ta đã làm cho các người văn minh hơn".

Chỉ có một câu trả lời cho tất cả những câu hỏi ấy: "Vâng, xưa kia!".

Mơ ước sự tồn tại vô tận của những cái đã chết và quyền thống trị của những xác ướp, khôi phục lại những nguyên lý đã tàn tạ, thếp vàng lại những cái khung đã nhạt, tô đắp lại những nhà tu kín, ban phúc lại những hộp thánh vật, trang hoàng lại cho những tà giáo, tiếp sức cho những cuồng tín, tra cán lại cho những cần rẩy nước thánh và những thanh gươm, khôi phục chế độ nhà tu kín và chế độ quân phiệt, tin tưởng rằng càng nhiều kẻ ăn bám thì xã hội loài người sẽ được cứu vớt, đặt cái ách của quá khứ lên cổ hiện tại, thật là kỳ lạ. Thế mà cũng có những lý thuyết gia bảo vệ những lý thuyết ấy. Họ cũng là những người thông thái, trí tuệ lớn, họ sử dụng một

biện pháp rất đơn giản: họ quét lên quá khứ một nước sơn mà họ gọi là trật tự xã hội, quyền của Chúa , đạo lý, gia đình, tôn kính tổ tiên, uy quyền xưa, truyền thống thiêng liêng, tôn giáo, và họ bô bô lên khắp nơi: Hãy coi đây, hỡi những người lương thiện, những người hiểu biết, hãy dùng cái này. Cái kiểu lý luận ấy đã cũ rích. Những thầy cúng la-mã vẫn dùng, họ quét vôi lên mình một con bò cái đen và tuyên bố: Đây con bò cái trắng! *Boc cretatus*(1).

Về phần chúng tôi, đôi khi ở nơi này, ở nơi khác, chúng tôi tôn trọng quá khứ, và bất cứ ở đâu chúng tôi cũng giữ gìn không động chạm đến quá khứ, chỉ cần là quá khứ đã chết thì cứ nằm yên. Nếu nó cứ muốn sống lại, thì chúng tôi đả phá nó và chúng tôi cố gắng giết chết nó.

Dị đoan, mê tín, nước đôi, giả đạo đức, thành kiến, những con trùng ấy mặc dù là trùng, vẫn cố bám lấy cuộc sống, những cái hình dáng hơi khói ấy có cả nanh và cả vuốt. Phải vật lộn với chúng, tuyên chiến với chúng và đánh chúng không ngừng, vì đây là một cái tai hoạ oan nghiệp của nhân loại: là mãi mãi phải đánh với những bóng ma. Bóng ma thì khó mà tóm được cổ, khó mà quật ngã.

Một nhà tu kín ở nước Pháp, giữa cái giờ chính ngọ của thế kỷ 19, đó là một đàn cú đối đầu với ánh sáng ban ngày. Một nhà tu kín, một tội phạm quả tang về khổ hạnh giữa cái xã hội của 89 của 1830 và 1848 (1). La Mã nở rộ

(1) Tiếng La-tinh.

giữa Pari , quả là một điều lầm lẫn về thời đại. Bình thường, để làm tan một lầm lẫn về thời đại, chỉ cần bảo nhắc lại cái số nghìn trong niên đại thôi. Nhưng chúng ta không sống trong thời bình thường.

Hãy chiến đấu!

Chiến đấu nhưng có phân biệt. Bản chất của chân lý là không bao giờ cực đoan. Chân lý có cần gì phải cường điệu. Có cái phải tiêu diệt, có cái chỉ cần soi sáng và nhìn vào. Nhìn nghiêm chỉnh và độ lượng, có sức mạnh nào bằng! Không phải đem lửa đến nơi chỉ cần có ánh sáng soi rọi.

Vậy nên, vì sống ở thế kỷ 19, nói chung, chúng tôi phản đối chế độ tu kín khổ hạnh bất cứ ở một dân tộc nào, bất cứ ở Châu Á, ở Châu Âu, ở Ấn Độ hay ở nước Thổ. Nói nhà tu nghĩa là nói ao đầm lầy lội. Uế khí ở đấy là dĩ nhiên và ao tù là hại vệ sinh; hơi nước bốc men làm các dân tộc lên cơn sốt, khô héo dần, những nhà tu lan tràn khắp nơi trở thành mụn nhọt Ai cập. Chúng ta không thể không rùng mình kinh sợ khi nghĩ đến những nước mà bọn thầy tu, phakia, và đecviso nhung nhúc như là sâu bọ.

Nói như vậy xong, vẫn có vấn đề tôn giáo. Vấn đề này có những mặt huyền bí hầu như ghê gớm. Ta hãy nhìn thẳng vào vấn đề ấy.

IV

NHÀ TU VỀ PHƯƠNG DIỆN NGUYÊN TẮC

Nhiều người họp nhau và sống chung với nhau. Căn cứ trên quyền gì? Quyền tự do lập hội. Họ đóng cửa ở trong nhà của họ. Theo quyền gì? Quyền của mọi người mở hay

(1) Cách mạng 1789, 1830 và 1848.

đóng cửa nhà mình.

Họ không đi ra ngoài. Theo quyền gì? Quyền tự do đi lại, trong đó vô hình trung có quyền ở trong nhà họ.

Ở đấy, ở trong nhà họ, họ làm gì?

Họ nói sẽ, họ luôn luôn nhìn xuống, họ lao động, họ từ bỏ cuộc đời xa hoa, từ bỏ thành thị, những cái vui thể xác, lạc thú, hư danh, kiêu hãnh, quyền lợi riêng. Họ mặc đồ len gai hay đồ vải thô. Không một ai trong họ có cái gì là của riêng. Khi vào đấy, kẻ giàu trở thành nghèo, của riêng họ có, họ đem cho mọi người. Kẻ mà người ta vẫn gọi là quý phái, quý tộc, ngài lãnh chúa phong kiến, ở đây bình đẳng với người nông dân.

Buồng tu của mọi người đều giống nhau. Mọi người đều húi tóc, đều mặc một thứ áo tu, đều ăn một thứ bánh đen, ngủ trên một thứ ổ rơm và chết trên cùng một thứ tro. Cùng một cái bị trên lưng, cùng một sợi dây thừng quanh cật. Nếu kỷ luật là đi đất, tất cả mọi người đều đi đất. Có thể có một ông hoàng trong bọn họ, ông hoàng ấy cũng là cái bóng âm thầm như những cái bóng người khác. Không còn tước vị gì nữa. Tên họ cũng mất, chỉ còn có tên riêng thôi. Tất cả mọi người cúi đầu như nhau, dưới những cái tên rửa tội bình đẳng. Họ đã thủ tiêu cái dây họ hàng ruột thịt và dựng nên trong tập thể của họ cái dây họ hàng tinh thần. Họ không có họ hàng nào ngoài loài người nói chung. Họ cứu giúp người nghèo, họ trông nom người ốm. Họ bầu lên những người điều khiển họ. Họ xưng hô với nhau: anh tôi.

Bạn ngắt lời tôi và kêu lên: Thế là một nhà tu lý tưởng rồi.

Chỉ cần là một nhà tu thôi, cũng đủ cho tôi phải chú ý rồi. Vì thế cho nên trong quyển trên của bộ sách này tôi đã nói đến một nhà tu một cách kính cẩn. Nếu ta không nói đến thời kỳ trung cổ, không nói đến Châu Á không bàn đến vấn đề lịch sử và chính trị, nếu chỉ nhìn vấn đề về phương diện thuần túy triết học, bỏ tất cả những truyện tranh cãi, vận động, và với điều kiện là nhà tu dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự giác, và chỉ có những người tự nguyện gia nhập, thì tôi luôn luôn nhìn tập thể nhà tu đó với một sự chú ý nghiêm chỉnh và kính cẩn về vài phương diện. Ở đâu có sự sống chung là có công xã; và ở đâu có công xã là có công quyền. Nhà tu là sản phẩm của công thức: Bình đẳng, Bác ái. Chao ôi! Tự do sao mà vĩ đại thế! Ôi! sự biến hoá huy hoàng biết bao! Chỉ cần Tự do là đủ để biến nhà tu thành một chính thể cộng hòa.

Tạ hãy bàn tiếp:

Những người đàn ông ấy, những người đàn bà ấy, sống bên trong bốn bức tường này, họ mặc quần áo len thô, họ bình đẳng, họ gọi nhau là "anh em". Hay lắm. Nhưng họ còn làm cái gì khác nữa chứ?

Phải.

Cái gì?

Họ nhìn ngắm bóng tối.Họ quỳ gối xuống.Họ chắp tay lại.

Thế là nghĩa lý gì?

V
SỰ CẦU NGUYỆN

Họ cầu nguyện.

Cầu nguyện ai?

Chúa Trời.

Cầu nguyện Chúa Trời. Câu ấy có ý nghĩa gì?

Có cái vô biên ở ngoài chúng ta không? Cái vô biên ấy có phải là nhất thể không, có tự nó tồn tại không. Có vĩnh cửu không? Có phải nhất định nó có thể chất bởi vì nó là vô biên, và nếu nó thiếu thể chất thì nó bị giới hạn ở đấy? Có phải nhất định nó có trí tuệ bởi vì nó là vô biên, và nếu nó thiếu trí tuệ thì nó bị giới hạn ở đấy? Cái vô biên ấy có gợi trong đầu óc ta ý niệm bản chất, trong khi ta chỉ cho ta có ý niệm hiện tồn thôi không ? Nói cách khác, có phải nó là cái tuyệt đối mà ta là cái tương đối của cái tuyệt đối ấy?

Trong khi có cái vô biên ở ngoài chúng ta, có một cái vô biên ở trong chúng ta không? Hai cái vô biên ấy (ôi, cái số nhiều kinh khủng) có chồng khít lên nhau không? Cái vô biên thứ hai có phải nằm liền sát dưới cái vô biên thứ nhất không? Nó có phải là tấm gương, phản ảnh, tiếng vang, vực thẳm đồng tâm của một cái vực thẳm khác không? Cái vô biên thứ hai có trí tuệ như cái vô biên thứ nhất không? Nó có tư duy không? Nó có yêu không? Nó có ý chí không? Nếu cả hai cái vô biên đều có trí tuệ, mỗi cái đều có một cái nguyên tố tự quyết, và có một cái "tôi" trong cái vô biên ở trên cũng như một cái "tôi" trong cái vô biên tầng dưới. Cái "tôi" tầng dưới là linh hồn, cái tôi tầng trên là Chúa. Thông qua tư duy, làm cho cái vô biên tầng dưới tiếp xúc với cái vô biên tầng trên, thế là cầu nguyện.

Ta đừng tước đi của trí tuệ con người một cái gì cả... Hủy bỏ đi là không tốt. Phải cải tạo và cải biến. Có những năng khiếu của con người hướng về Cõi vô tri: Tư duy, mơ mộng, cầu nguyện. Cõi vô tri là đại dương. Lương tri con người là cái gì? Là địa bàn trong Cõi vô tri. Tư duy, mơ mộng, cầu nguyện, đó là những tia huyền bí. Hãy tôn

trọng những tia ấy. Những tia huy hoàng ấy của linh hồn đi tới đâu? Tới bóng tối, nghĩa là tới ánh sáng.

Cái vĩ đại của chế độ dân chủ là không phủ định, không phủ nhận cái gì của nhân loại. Bên cạnh quyền. Người, ít ra có quyền của Linh hồn.

Chà đạp những tín ngưỡng cuồng điên, và tôn sùng vô biên, đó là luật đời. Chúng ta không tự giới hạn chúng ta ở việc quỳ gối trước cái gốc cây "Tạo hoá" và chiêm ngưỡng những cành lá mênh mông, đầy tinh tú của nó. Chúng ta có một bổn phận: rèn cặp linh hồn con người bảo vệ cái huyền bí chống cái "phép màu", tôn thờ cái điều ta không thể hiểu và gạt bỏ cái vô lý, chỉ thừa nhận là không thể lý giải được cái gì cần thiết, làm cho tín ngưỡng trở nên lành mạnh, dọn sạch hết mê tín dị đoan chồng chất lên tôn giáo. Tóm lại bắt sâu cho cây của Chúa.

VI

CẦU NGUYỆN LÀ MỘT ĐIỀU HAY TUYỆT ĐỐI

Còn cách thức cầu nguyện, mọi cách thức đều tốt quý hồ là chân thành. Có thể mở ngược sách nhưng hãy đi vào vô biên.

Chúng ta biết là có một thứ triết học phủ nhận cái vô biên. Cũng có một thứ triết học, xếp vào loại bệnh tật, phủ nhận mặt trời, cái triết học ấy tên gọi là mù.

Đem một giác quan ta không có dựng lên thành một nguồn chân lý, chỉ người mù mới có cái tự tin lạ lùng ấy. Kỳ lạ là cái triết học mò ấy lại lấy những dáng điệu kiêu ngạo, trịch thượng và thương hại người ta, khi đứng trước

cái triết học nhìn thấy Chúa. Người ta tưởng như nghe thấy một con chuột chũi kêu to: "Ôi! Thương hại thay bọn họ với cái mặt trời của họ".

Chúng ta biết có những nhà triết học vô thần nổi tiếng và có uy thế mạnh. Những con người này, nhờ cái sức mạnh tư duy của họ đã trở lại được với chân lý. Thực ra họ cũng chưa tin hẳn họ là vô thần. Đối với họ cũng vẫn chỉ là một vấn đề định nghĩa, và trong tất cả mọi trường hợp, nếu họ không tin Chúa, vì họ là những trí tuệ lớn, thì chính họ chứng minh là họ có Chúa.

Chúng ta nghiêng mình chào họ là những nhà triết học nhưng vẫn phê bình nghiêm khắc triết học của họ.

Ta hãy bàn tiếp.

Điều đáng phục nữa là họ dùng ngôn ngữ một cách rất tùy tiện. Một trường phái triết học phương Bắc, cũng hơi bị sương mù bao phủ, đã tưởng làm được một cuộc cách mạng trong sự hiểu biết của con người, bằng việc thay từ *Sức mạnh* bằng từ *ý muốn*.

Nói rằng: cái cây *muốn* mà không nói cái cây *lớn lên*, điều đó có vẻ như là sáng tạo phong phú thật nếu người ta nói thêm:Vũ trụ *muốn*. Vì sao? Bởi vì có thể rút ra điều này: cái cây *muốn* như thế nghĩa là cái cây có một "cái tôi", vũ trụ *muốn*, vậy thì có một Chúa.

Còn chúng tôi, khác hẳn với trường phái này, chúng tôi không gạt bỏ cái gì trước khi cân nhắc, đối với chúng tôi thì việc nhận là cái cây có ý chí, như trường phái ấy thừa nhận, còn khó hơn là nhận rằng vũ trụ có một ý chí, điều mà trường phái ấy phủ nhận.

Phủ nhận ý chí của vô biên. nghĩa là Chúa, điều này chỉ có thể ý niệm được với điều kiện là phủ nhận cái vô biên. Chúng tôi đã chứng minh điều đó.

Sự phủ nhận vô biên dẫn thẳng tới chủ nghĩa hư không. Tất cả trở thành một "khái niệm của trí tuệ".

Với chủ nghĩa hư không thì không thể bàn luận gì được. Bởi vì người theo chủ nghĩa hư không không tin rằng người đối thoại của mình có thực, và cũng không dám chắc chắn là mình có thực nữa.

Theo quan điểm ấy thì rất có thể rằng chính bản thân người ấy, đối với người ấy, cũng chỉ là một "khái niệm của trí tuệ của ngươi ấy" mà thôi!

Chỉ có một điều là người ấy không nhận ra rằng tất cả những điều người ấy phủ nhận thì người ấy lại thừa nhận gọn một cách *trọn vẹn*, bởi vì người ấy đã nêu lên cái danh từ "trí tuệ".

Nói tóm lại, không có một con đường nào mở ra cho tư tưởng, trong một thứ triết học đưa tất cả mọi vấn đề đến một chữ độc âm: *Không*.

Đối với chữ *không* ấy, chỉ có một tiếng trả lời: *Có*.

Chủ nghĩa hư không không có tác dụng gì.

Không có hư không. Con số "không" không có-Tất cả đều là một cái gì đó. Chẳng có cái gì lại không phải là gì cả. Con người sống bằng khẳng định hơn là sống bằng "bánh mì".

Nhìn ra và vạch rõ, cả như thế cũng chưa đủ. Triết học phải là một năng lực. Nỗ lực và kết quả của nó là cải thiện con người. Xôcrat phải nhập vào Adam và sản sinh ra Mác Oren. Nói cách khác là từ con người của hạnh phúc phải

làm nảy ra con người của sự hiểu biết. Phải đổi vườn Eden(1) thành Lixê(2)? Khoa học phải là một liều thuốc bổ. Hưởng thụ, ôi mục đích buồn thay và khát vọng yếu đuối thay! Con thú lo hưởng thụ. Tư duy, đó là thắng lợi thực sự của linh hồn. Đưa tư duy cho con người đang khát, trao cái khái niệm Chúa cho tất cả mọi người như một chất rượu bổ, làm cho lương tri và khoa học hòa hợp như anh em trong tâm hồn họ, làm cho họ trở nên nhân nên chính, bởi sự đối chiếu huyền bí ấy, đó mới là nhiệm vụ của triết học thực sự. Luân lý là sự khai hoa của những chân lý. Chiêm duy dẫn đến hành động. Cái tuyệt đối phải có tác dụng thực tế. Lý tưởng phải là cái gì thở được, uống được và ăn được cho trí tuệ con người. Chính lý tưởng mới có quyền nói: "*Hãy ăn đi! Đây là thịt của ta, đây là máu của ta*". Hiểu biết là một sự giao cảm thiêng liêng. Chỉ với điều kiện ấy nó mới không còn là một sự yêu say khoa học khô khan không kết quả, để trở nên một phương thức duy nhất và cao đẹp tập hợp, đoàn kết loài người, và từ một triết học trở thành một tôn giáo.

Triết học không nên là cái bao lơn, dựng trên huyền bí để nhìn vào huyền bí cho thoải mái, không có tác dụng gì khác hơn là tạo thuận lợi cho tính tò mò.

Về phần chúng tôi, chúng tôi chờ một dịp khác sẽ tiếp tục phát triển tư tưởng của chúng tôi. Chúng tôi chỉ giới hạn ở điểm là chúng tôi không quan niệm con người là

(1) *Eden*: vườn hạnh phúc, trong kinh thánh, nơi Chúa trời đã cho giáng sinh người đàn ông đầu tiên Adam và người đàn bà đầu tiên *Evơ(Eve)*.

(2) *Lycée*: nơi nhà triết học Hy lạp Aristote(Arixtôt) đến giảng dạy cho môn đồ ở thành Athènes (Á ten).

một khởi điểm, tiến bộ là mục đích nếu thiếu hai cái sức mạnh này là hai động lực: tin và yêu.

Tiến bộ là mục đích, lý tưởng là điển hình.

Lý tưởng là gì? Là Chúa.

Lý tưởng, Tuyệt đối, Hoàn chỉnh, Vô biên: những từ đồng nhất.

VII
PHẢI THẬN TRỌNG KHI CẢNH CÁO

Lịch sử và Triết học có những bổn phận muôn đời, đồng thời cũng là những bổn phận giản dị : đả kích Caiphơ giám mục, Đơracông quan toà, Tơrimanxion nhà lập pháp, Tiberơ hoàng đế; điều đó rõ ràng, trực tiếp và trong suốt, không có một chút bóng tối nào. Nhưng cái quyền sống riêng biệt, với tất cả những trở ngại và lạm hành của nó, cần được xét nhận và kiêng nể. Chế độ nhà tu là một vấn đề của con người.

Khi nói đến những nhà tu, những nơi trú ngụ của lầm lỗi, nhưng cũng là của thơ ngây trong trắng, của sai lạc nhưng cũng là của thiện chí, của ngu dốt, nhưng cũng là của tinh thần tận tụy hy sinh, của hình phạt, nhưng cũng là của tinh thần tử vì đạo, hầu như lúc nào cũng phải tỏ rõ tán thành hay phản đối.

Một nhà tu là một sự mâu thuẫn. Mục đích là cứu vớt, biện pháp lại là hy sinh. Nhà tu là sự ích kỷ tối cao dẫn tới sự nhẫn nhục tối cao. "Thoái vị để trị vì" hình như là châm ngôn của chế độ nhà tu.

Ở nhà tu kín người ta chịu đựng đau khổ để hưởng thụ, người ta ký một hối phiếu về cái chết. Người ta chiết khấu

ánh sáng trên thiên đường bằng đêm tối dưới mặt đất. Ở nhà tu người ta chịu đựng địa ngục để sớm lên thiên đường.

Nhận phủ màn che mặt hoặc khoác áo nhà tu là một sự tự sát được trả giá với một cuộc sống vĩnh viễn.

Chúng tôi nghĩ rằng đối với một vấn đề như thế, sự chế giễu không thích hợp chút nào. Tất cả ở đây đều là vấn đề nghiêm chỉnh, cái tốt cũng như cái xấu.

Người chính trực có thể cau mày nhưng không bao giờ mỉm nụ cười nhạo báng. Giận dữ ở đây có thể hiểu được, nhạo báng thì không.

VIII

LÒNG TIN, KỶ LUẬT

Xin nói thêm vài lời.

Chúng ta phê phán, kết án nhà thờ, khi nhà thờ đầy những mưu đồ ám muội; chúng ta khinh bỉ cái tinh thần còn ham say thế tục, nhưng ở đâu chúng ta cũng kính trọng con người suy tưởng.

Chúng tôi cúi chào con người quỳ gối cầu nguyện. Một lòng tin, đó là cái cần thiết cho con người. Tai họa cho ai không tin tưởng cái gì.

Không phải là vô công rồi nghề khi người ta tư lự. Có cái lao động trông thấy và cái lao động không trông thấy.

Chiêm duy là cày đất, tư duy là hành động. Khoanh tay cũng là lao động, chắp tay là hành động. Ngước nhìn trời cao là một sự nghiệp.

Talexơ bốn năm ngồi im. Ông đã xây dựng nền triết học.

Đối với chúng tôi tu sĩ không phải là những kẻ vô công rồi nghề, và người ẩn dật không phải là những kẻ lười biếng.

Suy nghĩ về bóng tối là một điều nghiêm chỉnh. Không phủ nhận một điều gì những cái chúng tôi vừa nói, chúng tôi nghĩ rằng luôn luôn nhớ tới nấm mồ là một điều cần thiết đối với người sống. Về điểm này vị linh mục và nhà triết học, nhất trí với nhau. *Con người phải chết*. Viện trưởng dòng Tơrapơ(1) đã trả lời đích đáng Oraxơ(2).

Để cho cái chết luôn luôn ít nhiều có mặt trong cuộc sống là kỷ luật của con người hiền triết và cũng là kỷ luật của người khổ hạnh. Về mặt này người tu khổ hạnh và nhà hiền triết gặp nhau.

Có sự lớn mạnh thể chất. Chúng ta muốn có sự lớn mạnh ấy. Cũng có sự cao cả tâm hồn. Chúng ta thiết tha với sự cao cả ấy.

Những người không suy nghĩ và nông nổi nói:

- Cần gì đến những bộ mặt bất động ấy bên phía tín điều; dùng họ làm gì? Họ làm được gì?

Than ôi! Đứng trước cái bóng tối bao bọc chúng ta và chờ đón chúng ta, không biết được sự phân tán mênh mông kia sẽ làm chúng ta thành cái gì, chúng ta trả lời: Có lẽ không có sự nghiệp nào cao cả hơn sự nghiệp của các linh hồn ấy. Và chúng ta nói thêm: có lẽ không có việc làm nào có ích hơn.

Phải có những con người luôn luôn cầu nguyện cho những con người không cầu nguyện bao giờ.

Đối với chúng tôi, vấn đề là có bao nhiêu tư duy hòa

(1) Dòng tu hết sức khổ hạnh (thế kỷ 12 - N.D.).

(2) *Horace*: nhà thơ La mã thế kỷ 1 trước công nguyên làm những bài thơ tươi vui ca ngợi hạnh phúc sống.

vào cầu nguyện.

Lephiđơ cầu nguyện, cái đó là vĩ đại. Vonte tôn sùng, cái đó là đẹp: *Deo erexit Voltaire*(1).

Chúng tôi tán thành tôn giáo và chống lại những tôn giáo.

Chúng tôi là những người cho những bài truyền đạo là nghèo nàn và tin ở tính cao cả của cầu nguyện.

Vả lại trong cái giờ phút mà chúng ta đang trải qua lúc này, giờ phút may thay sẽ không để lại hình dáng của nó trong thế kỷ XIX, trong cái giờ mà bao nhiêu người trán cúi thấp tâm hồn không vươn cao, giữa bao nhiêu người lấy hưởng thụ làm đạo lý, và luôn luôn bận rộn vì những cái nhất thời và quái dạng của vật chất, bất cứ ai lẩn tránh cuộc đời đều đáng kính. Nhà tu là một sự tự nguyện từ chối hưởng thụ. Hy sinh vì một mục đích sai lầm cũng vẫn là hy sinh. Làm bổn phận thì dù bổn phận đó có là một sai lầm cũng vẫn có cái vĩ đại nhất định.

Cứ xoay quanh chân lý, nhận xét một cách vô tư và triệt để tất cả mọi phương diện, ta phải thấy rằng nhà tu, nhìn riêng bản thân nó và trên lý tưởng, nhất là nhà tu nữ-vì trong xã hội chúng ta người phụ nữ phải chịu đau khổ nhất và trong cái cảnh tù đầy của nó, có hàm một sự phản kháng-nhà tu nữ có một vẻ uy nghiêm nào đó, không thể bàn cãi được.

Cuộc sống giam cầm khắc nghiệt và ảm đạm đến như thế, như chúng ta vừa mô tả một vài đoạn, không phải là sự sống nữa vì không phải là tự do; nó không phải là nấm mồ vì không phải là cảnh viên mãn tối hậu; nó là một nơi kỳ lạ, từ đó người ta nhìn thấy, như đứng trên một ngọn núi cao, một bên cái vực thẳm ta đang sống, một bên cái vực thẳm ta sẽ ở sau này; nó là cái ranh giới nhỏ hẹp, mờ sương chia cách hai thế giới, cái ranh giới vừa được chiếu sáng, vừa bị che tối vì cả hai cái thế giới ấy, ở đấy, ánh

(1) Vonte đã làm Chúa xúc động.

sáng yếu ớt của cuộc sống hòa lẫn với những tia lờ mờ của cái chết; đó là nơi tranh tối tranh sáng cạnh mồ.

Về phần chúng tôi, chúng tôi không tin tưởng những điều mà các người phụ nữ đó tin tưởng, nhưng như họ chúng tôi cũng sống với tín ngưỡng, chúng tôi không bao giờ không cảm thấy trong lòng một thứ ghê sợ thiêng liêng trìu mến, một niềm thương hại pha lẫn thèm muốn khi chúng tôi nghĩ đến những con người cúc cung tận tụy ấy, những con người vừa run sợ, vừa tin cậy, những linh hồn thấp bé và oai nghiêm, dám sống trên bờ của huyền bí, trong sự chờ đợi giữa cuộc đời đã đóng kín và cửa trời chưa mở, quay về một cái ánh sáng không trông thấy, chỉ được có cái hạnh phúc là nghĩ rằng họ biết họ đang ở đâu, khao khát mong đợi vực thẳm và huyền bí, mắt đăm đăm nhìn vào bóng tối yên lặng, quỳ gối, say mê, rung động cả tâm thần, đôi khi như được thấy luồng gió sâu xa của vĩnh cửu nhấc bổng người lên.

QUYỂN VIII
AI CHO CÁI GÌ, NGHĨA ĐỊA NHẬN CÁI ẤY

I
VÀO NHÀ TU BẰNG CÁCH NÀO?

Giăng Vangiăng đã "rơi từ trên trời xuống cái nhà tu này", như lời Phôsơlơvăng.

Ông đã vượt qua cái tường vườn nhà tu làm nên góc phố Pôlôngxô. Tiếng hát giữa đêm khuya mà ông tưởng tiếng hát của thiên thần, chính là tiếng hát chầu lễ sớm của nữ tu sĩ. Cái căn nhà lờ mờ trong bóng tối thực ra là nhà nguyện của nhà tu. Còn cái bóng ma nằm phủ phục trên mặt đất chỉ là một nữ tu sĩ đang đền tội. Tiếng nhạc lạ lùng chỉ là tiếng nhạc buộc vào đầu gối lão làm vườn Phôsơlơvăng.

Lúc Côdét đã ngủ yên, Giăng Vangiăng và Phôsơlơvăng uống một hớp rượu vang và ăn một miếng phó mát trước ngọn lửa rừng rực cháy; gian nhà chỉ có độc một cái giường Côdét nằm, nên mỗi người nằm phịch xuống một bó rơm. Trước khi nhắm mắt ngủ, Giăng Vangiăng nói với Phôsơlơvăng: "Từ nay, tôi phải ở lại đây với bác". Câu nói ấy cứ nhảy nhót trong đầu óc Phôsơlơvăng suốt đêm làm ông già không tài nào ngủ được.

Thực ra đêm ấy không ai chợp mắt lúc nào.

Giăng Vangiăng thấy mình đã lộ tung tích và Giave đang theo mình từng bước; ông nghĩ rằng không thể nào cùng Côdét trở về Pari được nữa, về thì nguy. Cơn gió số mệnh vừa qua đã thổi ông đến nhà tu này, ông chỉ còn một ý nghĩ, là ở lại đây. Đối với một con người khốn khổ trong hoàn cảnh này, nhà tu đây là một nơi nguy hiểm nhất mà cũng là một nơi trú chắc chắn nhất! Nguy hiểm nhất, bởi vì nơi này, không một người đàn ông nào được đặt chân tới, người ta mà bắt quả tang Giăng Vangiăng ở đây, thì từ nhà tu đến nhà tù, chỉ có một bước; chắc chắn nhất, bởi vì nếu được vào đây và được ở đây, thì ai còn đến đây tìm mình? Ở được một nơi không ai được ở, tất là thoát thân.

Về phần Phôsơlơvăng, ông cụ cũng suy nghĩ tợn. Thoạt tiên ông thú thật không thể nào hiểu được đầu đuôi ra sao cả. Ông thị trưởng Mađơlen làm thế nào mà vượt tường vào được đây? Không ai lại nhẩy qua tường nhà tu bao giờ? Làm sao lại đèo thêm cả một cọn bé nữa? Làm thế nào ôm một đứa bé mà leo được bức tường dựng đứng? Đứa bé ấy là ai? Hai người từ đâu lại? Từ ngày Phôsơlơvăng vào nhà tu, ông không nghe nói đến Môngtơrơi Xuya Me, ông không hề biết chuyện gì đã xảy ra ở đó nữa. Trông vẻ mặt ông Mađơlen, thấy cũng không nên hỏi chuyện gì thêm; vả lại ông cụ tự bảo: "Ai lại gạn hỏi một bậc thánh bao giờ!". Đối với ông cụ, ông Mađơlen vẫn là ông Mađơlen đầy đủ uy tín ngày xưa. Nhưng, nghe qua mấy tiếng Giăng Vangiăng buột miệng nói ra, ông cụ đoán là có lẽ gặp thời buổi khó khăn, ông Mađơlen đã phá sản, bị chủ nợ săn bắt; hoặc là ông can phạm chính trị, nên phải trốn tránh; nghĩ đến đấy, ông cụ thấy càng

thích, bởi vì ông cũng như nhiều nông dân miền Bắc trong thâm tâm vẫn có cảm tình với phái Bônapác. Ông Mađơlen muốn tìm đến nhà tu mà trốn tránh, nên ông có muốn ở lại đây, điều đó cũng dễ hiểu. Có điều không tài nào hiểu được, mặc dù lão đã nát óc suy nghĩ, là làm thế nào mà ông vào được đây, mà lại đèo thêm một đứa bé. Ông nhìn Giăng Vangiăng và con bé, mó vào người họ, chuyện trò với họ, thế mà vẫn không thể tin được là chuyện có thật. Cái vô lý vừa đột nhập vào túp nhà lão Phôsơlơvăng. Phôsơlơvăng cứ mò mẫm đoán mà vẫn thấy tối mò mò. Chỉ có một ý nghĩ này là rõ rệt: "Ông Mađơlen đã cứu sống ta". Chỉ một ý nghĩ xác đáng ấy cũng đủ để ông già quyết định. Ông tự bảo: "Lúc ông Mađơlen chui xuống dưới gầm xe để kéo mình ra, ông ấy có đắn đo như mình đâu!". Ông nhất quyết cứu cho được ông Mađơlen.

Mặc dù vậy, ông cụ vẫn tự đặt cho mình nhiều câu hỏi rồi lại tự trả lời mình: "Ông đã cứu sống mình như thế, nhưng nếu ông là một thằng trộm cướp thì mình có cứu không? Tất phải cứu. Nếu là một đứa giết người thì mình có cứu không? Cũng phải cứu. Ông đã là một bậc thánh thì mình có cần cứu không? Càng phải cứu".

Nhưng giữ ông Mađơlen ở lại trong nhà tu là một chuyện khó khăn quá! Trước cái dự định gần như ảo vọng ấy, Phôsơlơvăng không hề nao núng. Người nông dân đáng thương miền Picácđi ấy chỉ có cái thiện ý, một tấm lòng hy sinh tận tụy và chút ít, sự tinh ý cố hữu của nông dân, lần này dùng làm một việc hào hiệp. Ông quyết tâm khắc phục tất cả những khó khăn không bờ bến và vượt qua những kỷ luật khắt khe của nhà tu dòng thánh

Bơnoa. Ông ta vốn suốt đời ích kỷ, nhưng lúc trở về già gần kề miệng lỗ, lại què quặt, không còn sinh thú gì ở đời nữa, nên khi thấy một việc phúc đức thì lăn vào làm, như thể một người sắp chết thấy một cốc rượu ngon chưa hề được uống bao giờ thì hăm hở cầm lấy mà nốc một hơi. Vả lại, bao nhiêu năm trời, thở không khí trong nhà tu, ông ta như đã mất hết cả tính cố hữu, ông thấy cần phải ra tay làm một việc phúc đức.

Thế là ông cụ nhất quyết tận tụy hy sinh cho ông Mađơlen.

Chúng tôi đã gọi Phôsơlơvăng là một người nông dân đáng thương miền Picácđi. Gọi như thế đúng nhưng chưa đủ. Đến đây, tưởng cũng nên kể thêm chút ít về lai lịch lão. Vốn ở nhà quê, nhưng đã có lần ông làm lục sự, nên sẵn tinh ý, ông lại có mánh khóe; sẵn chất phác, ông lại thêm sâu sắc. Thế rồi, vì nhiều nguyên nhân, ông thất bại nhiều lần, từ chân lục sự, ông trở thành bác đánh xe ngựa; và lao động chân tay. Nhưng mặc dù mắng chửi ngựa, quất ngựa vun vút, vì ngựa cần những thứ ấy, hình như ông vẫn giữ được cốt cách của một ông lục sự. Ông bẩm sinh khá thông minh; ông không ăn nói quê kệch như nông dân; ông lại có điều khác họ là hay vui miệng chuyện trò. Nhiều người khác vẫn bảo ông cụ ăn nói có vẻ như một ông tư sản. Phôsơlơvăng quả là thuộc cái hạng người mà mấy chục năm nay người ta thường gọi một cách hỗn xược, vu vơ là hạng người *nửa tỉnh nửa quê* mà những ẩn dụ của ngôn ngữ quý tộc đã ghi vào lý lịch người bình dân: *nửa nhà quê, nửa kẻ chợ, tiêu muối*. Phôsơlơvăng mặc dù

lăn lộn nhiều, thất bại lắm, bây giờ còn trơ cái xác không, nhưng vẫn giữ được cái tính hồn nhiên, phải gì làm nấy. Như thế là ông vẫn giữ được cái bản chất của con người tốt. Ông có những tật xấu này khác, nhưng chỉ ở bề ngoài; những ai biết xem tướng thì thấy nét mặt ông không có gì đáng ghê sợ. Khuôn mặt già nua của ông không có những nếp nhăn trên chỏm trán của hạng người độc ác hoặc ngu độn.

Sáng tinh mơ hôm ấy, sau khi đã nghĩ ngợi suốt một đêm ròng, ông Phôsơlơvăng mở mắt thì thấy ông Mađơlen ngồi trên đệm rơm nhìn Côdét đang ngủ. Ông đứng nhổm dậy nói:

- Bây giờ bác đã ở đây rồi, thì bác liệu làm thế nào mà vào đây được?

Câu nói đầy đủ ý nghĩa thức tỉnh Giăng Vangiăng đang mơ mơ màng màng.

Hai người bèn bàn luận với nhau. Phôsơlơvăng nói:

- Trước hết, bác đừng có bước chân ra khỏi cái buồng này. Cả cháu bé nữa. Bước một bước ra ngoài, tất chúng ta đi đời cả.

- Đúng thế.

- Bác Mađơlen ạ, bác đến vừa dịp may... nghĩa là không may cho nhà tu, là có một bà nữ tu sĩ ốm nặng. Thế là người ta ít nhòm ngó phía đằng này. Hình như bà ta sắp chết. Phải cầu kinh bốn mươi tiếng đồng hồ. Họ bận cả. Cái bà sắp đi là một bậc thánh. Thực ra ở đây chúng tôi là thánh hết! Chỉ có khác một điều là các bà ấy thì nói: cái buồng của chúng tôi, còn tôi tôi nói: túp lều của tôi. Người

ta sắp cầu nguyện cho người hấp hối, rồi cầu nguyện cho người chết. Thế là hôm nay ta có thể yên ổn được; nhưng mai thì không thể nói trước được.

- Thế nhưng cái nhà này ở một góc tường, trước mặt lại có cái đống gạch đổ nát, cây cối um tùm, trên nhà tu nhìn xuống làm sao được?

- Lại thêm các bà nữ tu sĩ không bao giờ đến gần đây.

- Thế thì?

Cái chấm hỏi đặt sau hai tiếng "thế thì" của Giăng Vangiăng có nghĩa: tôi tưởng như thế thì còn sợ gì nữa? Phôsơlơvăng trả lời đúng chỗ hỏi:

- Có lũ trẻ con

- Lũ trẻ con nào?

Phôsơlơvăng vừa há mồm định giải thích thì chuông nhà tu buông một tiếng. Ông nói:

- Bà ấy chết rồi. Tiếng chuông báo tử vừa đánh đấy.

Ông già ra hiệu cho Giăng Vangiăng chú ý nghe.

Chuông đánh tiếng thứ hai.

- Bác Mađơlen, tiếng chuông báo chết lần thứ hai. Trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ, cứ cách một phút, chuông lại đánh một tiếng, cho đến khi đưa xác ra khỏi nhà thờ. Bác nghĩ xem, đến giờ chơi, bọn chúng nô đùa ghê lắm. Chỉ cần một quả bóng lăn lại đây là bọn chúng xông vào tìm nhộn cả lên. Bọn thiên thần ấy nghịch như quỷ.

Giăng Vangiăng hỏi:

- Bọn nào thế bác?

- Bọn trẻ con. Đây, rồi chẳng mấy chốc, bác bị lộ ngay. Bọn chúng sẽ kêu lên: "A, có một người đàn ông!". Nhưng

hôm nay không có giờ chơi. Cầu kinh cả ngày. Bác nghe chuông mà xem, cứ mỗi phút một tiếng. Tiếng chuông báo tử.

- Tôi hiểu rồi bác Phôsolơvăng ạ, ở đây có trẻ ở ký túc.

Và Giăng Vangiăng nghĩ bụng:

- Thật tiện cho Côdét ăn học.

Phôsolơvăng kêu lên:

- Trời, bọn trẻ mà trông thấy bác, chúng sẽ thét lên mà chạy trốn cho mau. Ở trong này, làm người đàn ông thì cũng giống như mắc bệnh dịch hạch. Bác xem, tôi đeo ở chân một cái nhạc, chẳng khác gì một con thú dữ.

Giăng Vangiăng mỗi lúc một thêm suy nghĩ. Ông lẩm bẩm một mình: "Nhà tu này sẽ cứu được hai ông con mình". Rồi ông cất tiếng nói:

- Phải, cái khó là làm sao ở lại đây.

- Không, là ra khỏi đây.

Giăng Vangiăng cảm thấy như máu trào lên ngực:

- Ra khỏi đây!

- Vâng, phải ra khỏi đây rồi mới quay trở vào được.

Rồi Phôsolơvăng nói tiếp, sau một tiếng chuông rền rĩ bên ngoài.

- Không thể để người ta thấy bác lù lù ở đây được. Bác vào đường nào! Tôi biết bác lắm nên tôi cho là bác rơi ở trên trời xuống, chứ đối với các nữ tu sĩ thì họ cho là bác phải vào đằng cổng kia.

Bỗng một hồi chuông khá phức tạp của một chiếc chuông thứ hai. Phôsolơvăng nói:

- À, tiếng chuông gọi các mẹ tư vấn đi họp. Khi có người chết là họ họp. Bà ấy chết lúc sáng tinh mơ. Thường họ

chết vào lúc sang tinh mơ. Nhưng này, bác vào lối nào, thì nay bác có ra bằng lối ấy được không? Không phải hỏi để mà chơi đâu, bác vào lối nào chứ?

Giăng Vangiăng xám xanh mặt lại. Nghĩ rằng phải leo tường ra cái phố khủng khiếp kia, Giăng Vangiăng rùng mình ghê sợ. Ta vừa thoát khỏi một khu rừng đầy hùm beo, thử tưởng tượng nay lại có người bạn khuyên mình trở lại khu rừng đó. Giăng Vangiăng nghĩ đến một khu phố nhung nhúc những mật thám, những tên chỉ điểm đang rình mò, những lính tuần, những bàn tay khủng khiếp lúc nào cũng sẵn sàng tóm lấy cổ mình, còn Giave thì có lẽ đứng chờ ở một xó ngã tư đường. Ông nói:

- Không thể được. Bác Phôsolơvăng ạ, cứ coi như tôi rơi từ trên trời xuống.

- Tôi tin như vậy, tôi tin như vậy, bác chả cần nói. Đức Chúa Trời chắc muốn giữ lấy bác để ngắm cho kỹ rồi lại thả bác ra. Chúa muốn đặt bác vào một nhà tu nam. Nhưng rồi Chúa nhầm chỗ. Đấy, lại một tiếng chuông. Tiếng chuông này báo cho bác gác cổng đi báo tòa thị chính cử ông y sĩ coi việc người chết đến đây để chứng kiến. Đấy, lễ nghi cái chết phải như thế. Các bà ở đây nào có ưa cái việc khám xét ấy. Là y sĩ thì chẳng tin gì cả. Họ lật tấm vải phủ diện lên; có khi lật cả cái khác. Lần này, sao các bà ấy cho đi báo sớm thế. Chắc có việc gì.Cháu bé vẫn ngủ. Cháu tên là gì nhỉ?

- Côđét.

- Con bác à? Trông thì ai cũng bảo cháu gọi bằng ông, có phải không bác?

- Phải.

- Cho cháu ra khỏi đây cũng dễ. Tôi ra vào có cái cửa riêng ăn liền với sân trước. Cứ gõ cửa là bác gác mở. Tôi vẫn đeo cái giỏ đằng sau lưng: nhét cháu vào giỏ là xong. Thế là cứ việc đi ra. Ai chả bảo là lão già Phôsolovăng đeo giỏ ra phố. Bác nhớ dặn cháu đừng có cựa quậy. Tôi đậy tấm vải bạt lên trên. Đến nhà bà bạn bán hoa quả ở phố Somanhve, tôi sẽ gửi cháu ở đấy. Bà ấy điếc, nhà có một chiếc giường nhỏ. Tôi sẽ chõ vào tai bà mà thét nó là cháu gái tôi, nhờ bà trông hộ một hôm. Thế rồi bác sẽ lại đem cháu vào đây. Tôi sẽ tìm hết cách đưa bác vào. Nhưng bác có cách nào ra khỏi đây được không?

Giăng Vangiăng lắc đầu:

- Làm sao cho đừng một ai trông thấy tôi, có thế thôi. Bác thử xem có cách nào đưa tôi ra như đưa Côdét được không. Cũng nằm trong giỏ đậy bạt.

Phôsolovăng lấy ngón tay giữa gãi gãi dưới tai, tỏ vẻ vô cùng bối rối.

Một hồi chuông thứ ba làm câu chuyện đứt quãng.

- Đấy, ông bác sĩ đi rồi đấy. Ông ấy xem xong, nói: "Bà ấy chết rồi, được." Khi ông y sĩ đã chuẩn y tờ giấy thông hành lên thiên đường thì bọn tang tế mang áo quan đến. Nếu là một mẹ thì các mẹ liệm; nếu là một bà phước thì các bà phước liệm. Xong đâu đó đến lượt tôi đóng áo quan. Ấy, cũng là một phần việc làm vườn. Kẻ làm vườn cũng ít nhiều là người đào huyệt. Quan tài thì đặt trong một cái buồng thấp ngoài nhà thờ, trông ra phố. Trừ ông y sĩ, không một người đàn ông nào được bén mảng tới. Không kể tôi và những phu đòn, chúng tôi không được coi là đàn ông. Tôi đóng quan tài ở đấy. Phu đòn đến khiêng ra, thế là xe tang quất ngựa! Đấy, đường lên trời chỉ có thế. Lúc

mang đến thì hòm không, lúc mang đi thì hòm có. Đám ma là như thế, *De profundis*(1).

Một tia nắng sớm rọi ngang qua mặt Côdét đang ngủ say: miệng nó hé mở như một thiên thần đang uống ánh sáng. Giăng Vangiăng nhìn nó từ lâu. Ông không nghe Phôsơlơvăng nói nữa.

Không được nghe, đấy không phải là một lý do để người ta không nói nữa. Lão làm vườn trung hậu vẫn cứ việc lải nhải:

Đào huyệt ở nghĩa trang Vôgira. Cái nghĩa trang này, người ta bảo sắp bỏ đi. Nghĩa trang này cũ từ đời nào, không đúng luật lệ, không ra vẻ gì cả, sắp cho hưu đến nơi. Kể cũng tiếc, vì nó được cái tiện. Ấy tôi có một người bạn làm ở đấy, lão phu huyệt Métchiên ấy mà. Các bà nữ tu sĩ ở đây hưởng biệt đãi là được chôn cất vào lúc sẩm tối. Quận có cả một nghị định riêng cho các bà. Nhưng từ hôm qua đến nay, sao lắm chuyện thế! Mẹ Cơruyxiphixiông thì chết, ông Mađơ len thì...

- Thì đã chôn vùi.

Giăng Vangiăng vừa nói vậy, vừa mỉm cười buồn bã. Phôsơlơvăng lấy lại tiếng chôn vùi:

- Trời! Nếu bác ở hẳn đây thật thì cũng chẳng khác gì chôn vùi.

Hồi chuông thứ tư lại vang lên. Phôsơlơvăng vội vàng với cái đai bịt đầu gối có nhạc treo trên tường, buộc vào chân:

Lần này đến lượt tôi. Mẹ nhất gọi tôi đấy. Được, để còn buộc đã. Còn bác, bác chớ có đi đâu một bước đấy nhé, phải chờ tôi. Có cái gì lạ đây. Bác có đói thì lấy rượu, bánh

(1) Xin siêu độ (Tiếng La-tinh, đọc ở cuối kinh cầu hồn).

với phó mát mà ăn.

Rồi vừa đi ông già vừa nói: "Nào thì đi, nào thì đi".

Giăng Vangiăng thấy lão cố sức lê nhanh cái chân thọt qua vườn, mắt ghé nhìn mấy luống dưa.

Lão đi đến đâu, nhạc rung đến đấy, khiến các bà phước chạy tán loạn. Chưa đầy mười phút, lão đến một cái cửa, khẽ khẽ gõ một tiếng. Một giọng nói dịu dàng trả lời: *Đời đời, đời đời*. Nghĩa là *Cứ vào*.

Cái cửa này là cái cửa phòng dành riêng để tiếp lão làm vườn mỗi khi có việc. Phòng ấy giáp với phòng họp của các mẹ. Phòng chỉ có độc một cái ghế tựa. Mẹ nhất ngồi ghế đợi ông Phôsơlơvăng .

II

CỤ PHÔSƠLƠVĂNG ĐỨNG TRƯỚC KHÓ KHĂN

Có những người, khi gặp hoàn cảnh khó khăn thì nét mặt trở thành băn khoăn và nghiêm nghị, đó là do tính người như thế hoặc do nghề nghiệp, đặc biệt là ở những linh mục và tu sĩ. Khi Phôsơlơvăng vào thì mẹ nhất cũng đang ở tình trạng ấy. Nét mặt mẹ vừa băn khoăn vừa nghiêm nghị. Mẹ vốn có duyên và học thức rộng, thường ngày tươi cười. Mẹ chính là tiểu thư Đơ Bơlêmơ tức mẹ Inôxăngtơ.

Ông già làm vườn khúm núm chào và đứng lại ở cửa phòng. Mẹ nhất đang lần tràng hạt, bỗng ngước mắt nhìn lên, nói:

- À! Lão Phôvăng đấy à?

Trong nhà tu này, người ta quen gọi Phôvăng cho gọn.

Phôsơlơvăng chào lại một lần nữa.

- Lão Phôvăng ạ, tôi cho gọi lão.

- Bẩm mẹ, con đến hầu mẹ.

- Tôi cần nói chuyện với lão.

Phôsơlơvăng cố lấy giọng mạnh bạo và tự mình cũng đâm sợ sự mạnh bạo ấy:

- Còn con, con cũng định thưa với với mẹ tôn quí một việc.

Mẹ nhất nhìn lão:

- Thế ra lão cũng có một việc cần báo với tôi?

- Cần cầu xin với mẹ.

- Cứ nói đi.

Phôsơlơvăng, nguyên lục sự, thuộc vào hạng nông dân tự tin. Có khi dốt nát một cách khôn khéo lại là một sức mạnh. Người ta không ngờ vực mình, do đó mà dễ thành công. Hơn hai năm trời sống trong nhà tu, Phôsơlơvăng đã thành công. Suốt năm đơn độc, làm việc trong khoảnh vườn, ông chẳng còn việc gì khác ngoài việc tò mò tìm hiểu nhà tu. Nhìn xa những người đàn bà trùm khăn kín mít qua lại trước mặt, ông chỉ thấy như những bóng đen lảng vảng. Ông già cố sức chăm chú để tìm hiểu, nên những bóng ma ấy, dần dần lão đã thấy có da có thịt: những xác chết ấy có một đời sống. Ông giống như người điếc mắt càng trông xa, hay như người mù nghe rất thính. *Ông đã biết tường tận mỗi hồi chuông nói gì trong nhà tu*, bí mật, lặng lẽ này, nên ông thấy không có gì là lạ hết. Cái chuông ấy là một con nhân sư(1) rất khó hiểu nhưng

(1) Nhân sư (Sphinx), theo truyền thuyết Ai-Cập là một con quái vật thường ra câu đố khó giải cho khách qua đường (N.D.).

đối với ông thì ngày ngày nó thủ thỉ bên tai tất cả những điều bí mật trong tu viện. Biết bao nhiêu, ông càng giấu kín bấy nhiêu. Đấy, bí quyết nghệ thuật của ông là ở chỗ ấy. Cả tu viện tưởng ông ngây ngô, dần độn. Trong giáo hội, thì đây là một đức lớn. Các mẹ tư vấn quý ông. Rõ là một anh tọc mạch câm. Ai cũng tin ông. Vả ông luôn luôn tôn trọng nội quy, ông chỉ ra phố khi phải mua cái gì cần thiết lắm cho khu vườn quả hay vườn rau. Hành tung kín đáo ấy cũng được đánh giá tốt. Tuy nhiên ông vẫn khêu gợi cho hai người múa môi khua lưỡi: trong nhà tu thì là bác gác cổng, thế là ông biết mọi chuyện trong phòng tiếp khách; ngoài nghĩa trang thì là bác phu đào huyệt, thế là ông biết tất cả những chuyện lạ về việc tang ma. Như vậy, sống giữa những người tu hành, ông có hai nguồn ánh sáng, một soi vào cảnh sống, một soi vào cõi chết. Tuy biết vậy mà ông chẳng làm gì quá đáng bao giờ. Tất cả thánh hội đều tin ở ông. Ông vừa già lại què, mắt mờ, hình như lại nghễnh ngãng nữa, biết bao nết tốt! Khó lòng mà tìm được một người như ông Phôsdlơvăng.

Thế là hôm nay, trước mắt mẹ nhất, tự biết mình được mọi người tin cậy, ông già ấy mạnh sạn bắt đầu nói một câu chuyện quê mùa, dài dòng nhưng sâu sắc ý nghĩa. Ông kể lể mãi về việc tuổi ông đã già, lại mang tật nọ chứng kia: mỗi năm mỗi yếu đi, mà công việc vườn tược mỗi ngày một nhiều: nào vườn thì rộng, nào phải đêm hôm làm lụng, như đêm vừa qua, nhân có trăng, ông phải cặm cụi trải rơm che vườn dưa. Thế rồi ông kết thúc câu chuyện như sau: ông có một người em trai (mẹ nhất cựa mình)- người em đã có tuổi (mẹ nhất cựa mình lần thứ hai, nhưng cựa mình yên tâm)- nếu được phép, người em

sẽ đến cùng ở với ông để giúp việc làm vườn bởi vì hắn ta làm vườn rất giỏi,- thánh hội sẽ được công được việc. Còn như nếu thánh hội chối từ thì ông bắt buộc và hết sức lấy làm tiếc là phải xin nghỉ việc, bởi gì ông đã già nua lại tật bệnh,-người em ông lại có một đứa cháu gái nhỏ sẽ mang theo, đứa bé sẽ được giáo dục trong lòng Chúa và sau này biết đâu nó không trở thành một bà sơ trong nhà tu.

Ông vừa dứt lời thì mẹ nhất ngừng tay lần tràng hạt, bảo:

- Từ giờ đến chiều, lão có kiếm đâu được một thanh sắt to không?

- Để làm gì ạ?

- Để bẩy.

- Bẩm mẹ, được ạ.

Mẹ nhất liền đứng dậy, không nói thêm nửa lời- mẹ sang buồng bên cạnh là buồng họp hình như có các mẹ khác đang tu tập ở đây. Phôsolovăng còn lại một mình trong phòng.

III

MẸ INÔXĂNGTƠ

Mười lăm phút trôi qua. Mẹ nhất trở lại phòng, ngồi trên chiếc ghế.

Trong cuộc đối thoại, hai người đều có vẻ lo âu. Chúng tôi xin cố gắng ghi đúng câu chuyện trao đổi như sau:

- Lão Phôvăng ạ.

- Bẩm mẹ dạy gì?

- Lão biết nhà nguyện chứ?

- Hàng ngày con vẫn được lên cái buồng nhỏ để nghe kinh và xem lễ.

- Thế lão có vào sàn hát bao giờ không?

- Bẩm, con có vào vài ba lần.

- Phải bẩy một tảng đá.

- Bẩm có nặng không ạ?

- Tảng đá bên cạnh bàn thờ.

- Bẩm tảng đá đậy cái hầm ấy à?

- Phải.

- Giá được hai người đàn ông thì tốt quá.

- Mẹ Atxăngxiông sẽ giúp lão một tay, bà ấy khoẻ chẳng kém gì đàn ông.

- Đàn bà thì chẳng bao giờ khoẻ bằng đàn ông.

- Chúng ta chỉ có một phụ nữ để giúp lão thôi. Bà ấy sẽ cố gắng, làm được chừng nào hay chừng ấy. Linh mục Mabiông kể bốn trăm mười bảy thư cua thánh Bécna, còn Méclônuyt Hoócchiuyt chỉ được có ba trăm sáu mươi bảy, không vì thế mà tôi coi nhẹ Méclônuyt Hoócchiuyt.

- Con cũng vậy.

-Làm hết sức mình là đáng quí rồi. Nhà tu đâu có phải là công trường.

- Và đàn bà cũng chẳng phải là đàn ông. Chú em tôi nó khoẻ lắm.

-Lão còn có đòn để bẩy kia mà.

-Vâng, phải có thứ thìa khoá ấy mới mở nổi cái loại cửa ghê gớm kia.

- Tảng đá còn có cái vòng sắt nữa.

- Con sẽ luồn đòn bẩy qua cái vong ấy.

- Và tảng đá xoay được.

- Bẩm mẹ, được. Con sẽ mở hầm.
- Có bốn mẹ sẽ đỡ việc lão.
- Thế mở xong thì làm gì ạ?
- Rồi phải đóng lại.
- Thế là xong ạ?
- Chưa.
- Bẩm mẹ, xin mẹ cứ dạy.
- Lão Phôvăng ạ. Các mẹ tin lão lắm.
- Con xin làm tất.
- Và phải giữ kín tất.
- Bẩm vâng.
- Mở cửa hầm xong...
- Con sẽ đóng lại.
- Nhưng trước đó...
- Gì cơ ạ?
- Phải đưa xuống hầm một cái gì.

Im lặng một lát. Mẹ nhất, hơi bĩu môi dưới ra như ngập ngừng, rồi nói:

- Lão Phôvăng ạ.
- Bẩm mẹ dạy?
- Lão biết là có một mẹ vừa qua đời sáng nay chứ?
- Bẩm không.
- Thế lão không nghe thấy chuông báo à?
- Ở cuối vườn chỗ con, chẳng nghe thấy gì hết.
- Thật à?
- Con nghe được hồi chuông gọi con cũng đã khó nhọc lắm.
- Mẹ ấy tịch lúc sáng sớm.
- Vả lại sáng nay, gió không thổi về phía con.

- Đó là mẹ Coruyxiphixiông. Mẹ là một bậc thánh.

Mẹ nhất ngừng lại, môi hơi mấp máy như để khẽ cầu nguyện, rồi lại tiếp:

Ba năm trước đây, chỉ thấy mẹ Coruyxiphixiông cầu kinh thôi mà bà Đơ Bêtuym phải cải quy đạo Cơ đốc, trước bà ta theo phái Giăngxênit!

- Ái chà! Bẩm mẹ, bây giờ con mới nghe thấy chuông báo tử.

- Các mẹ đã khiêng mẹ Coruyxiphixiông sang buồng nhà xác, thông với nhà thờ.

- Bẩm vâng.

- Ngoài lão ra, không một người đàn ông nào được vào buồng ấy. Lão phải trông chừng đấy, một người đàn ông nào vào thì chả ra làm sao đâu!

- Hơn thế!

- Cái gì?

- Hơn thế.

- Lão nói gì vậy?

- Con bảo: Hơn thế.

- Hơn thế là hơn cái gì?

- Thưa mẹ bề trên, con không nói hơn thế cái gì. Con nói hơn thế.

- Ta chẳng hiểu lão nói gì cả. Tại sao lão nói hơn thế?

- Bẩm mẹ, để nói như mẹ.

- Ta không nói hơn thế.

- Mẹ không nói như thế, nhưng con nói như thế để nói như mẹ.

Lúc ấy chuông điểm 9 giờ.

Mẹ nhất cầu nguyện:

"Chín giờ sáng và tất cả mọi giờ, ngợi khen và thờ lạy thánh thể rất thiêng liêng".

- *Amen*, Phôsơlơvăng nói.

Chuông điểm đúng lúc, nó cắt đứt cái chuyện "Hơn thế" nếu không thì mẹ nhất và Phôsơlơvăng không làm thế nào gỡ được cái cuộn chỉ rối ấy.

Phôsơlơvăng lau mồ hôi trán.

Mẹ nhất lại lầm rầm khe khẽ trong miệng như khấn vái, rồi mẹ nói to:

- Lúc sinh thời, mẹ Cơruyxiphixiông cải tôn biết bao nhiêu người. Mất đi, chắc hẳn mẹ làm nhiều phép nhiệm mầu lắm.

- Bẩm, hẳn mẹ sẽ làm nhiều phép nhiệm mầu.

Phôsơlơvăng nói theo và cố gắng giữ hết sức để khỏi hớ lần nữa.

- Lão Phôvăng ạ, tất cả giáo hữu đã được ban phúc qua mẹ Cơruyxiphixiông. Nhất định không phải ai cũng được chết như giáo chủ Đơ Bêruyn trong lúc giảng kinh vă gửi hồn lên Chúa khi cầu nguyện *Hanc igitur oblationem*(1). Tuy không được hạnh phúc ấy, mẹ Cơruyxiphixiông cũng chết một cách quí hóa. Cho tới phút tắt thở mẹ vẫn tỉnh táo. Mẹ còn chuyện trò với chị em chúng ta, rồi mẹ còn cầu kinh nữa. Mẹ đã cho chị em chúng ta những mệnh lệnh cuối cùng. Giá lão là người sùng đạo hơn và giá lão cũng được vào buồng mẹ Cơruyxiphixiông lúc ấy, thì mẹ chỉ sờ vào chân lão, lão đã khỏi tật. Mẹ mỉm miệng cười, tựa như

(1) Vậy xin dâng của lễ này.

phục sinh trong lòng Chúa. Thật như có thiên đường trong cảnh chết ấy.

Phôsơlơvăng tưởng như nghe thấy bài kinh cầu siêu chấm dứt. Lão nói:

- *Amen*.

-Lão Phôvăng ạ, người chết muốn sao, ta phải làm như vậy.

Mẹ nhất lần tràng hạt. Lão Phôsơlơvăng im lặng.

Bà lại tiếp:

- Về vấn đề này ta đã xin ý kiến nhiều vị giáo sĩ phục vụ và lo về cuộc sống trong đạo, và đã đạt được những kết quả rất tốt đẹp.

- Thưa mẹ bề trên, ở đây nghe rõ tiếng chuông báo tử hơn là ở ngoài vườn.

- Vả chăng mẹ Gơruyxiphixiông không phải là một người quá cố bình thường, mẹ là một vị thánh.

- Bẩm cũng như mẹ.

- Từ hai mươi năm nay, mẹ vẫn nằm trong cái áo quan riêng của mẹ do giáo hoàng Pi VII cho phép.

- Người đã làm lễ đăng quang cho Hoàng... Buôn-apác.

Phôsơlơvăng vốn tinh ranh thế mà buột miệng nói theo điều ghi nhớ của mình như thế cũng thật rầy. Cũng may mẹ nhất đang bận suy nghĩ không nghe thấy gì.

Mẹ nói tiếp:

- Lão Phôvăng.

- Bẩm mẹ dạy?

- Thánh Điôđơrơ, tổng giám mục Capađôxơ, ngỏ ý muốn người ta chỉ ghi trên mộ mình một chữ này: *Acarus*, nghĩa là con giun đất. Người ta đã làm theo ý thánh như vậy, có phải không?

- Thưa mẹ vâng.

-Thánh Mêđôcanơ toàn thiện toàn phúc, viện trưởng ở Akila, muốn được chôn dưới một cái giá treo cổ. Điều đó đã được thực hiện.

- Thưa vâng.

- Thánh Têrăngxơ, giám mục địa phận Pô trên cửa sông Tibơrơ vùng bờ bể, muốn người ta khắc trên bia mình cái dấu ghi trên mả những đứa giết cha, mong rằng khách qua đường ai cũng nhổ nước miếng trên mả mình. Điều đó cũng được thực hiện. Phải tuân lệnh người chết.

- Cầu Chúa cho như thế.

- Thi hài của Becna Ghiđôni, sinh ở nước Pháp, gần Rôđơ Abây, đã được đưa vào nhà thờ dòng Đôminicanh ở Limôgiơ, theo lệnh của người và mặc dù vua Caxtiơ phản đối, tuy rằng Bécna Ghiđôni là giám mục Tuy ở Tây ban nha. Ai nói trái được.

- Nhất định không ạ. Bẩm mẹ.

- Điều này đã được Pơlăngtavít Đơla Phôxơ chứng thực.

Mẹ lại yên lặng lần thêm vài hạt nữa. Rồi mẹ nói tiếp:

- Lão Phôvăng ạ. Phải chôn mẹ Cơruyxiphixiông trong chiếc quan tài mẹ vẫn nằm từ hai mươi năm nay.

- Như thế là phải ạ.

- Vẫn là tiếp tục ngủ thôi.
- Con sẽ đóng quan tài ấy lại?
- Phải.
- Còn chiếc áo quan của sở thì để lại ạ?
- Đúng thế.
- Con xin tuân lời thánh hội muôn vàn tôn kính.
- Bốn mẹ trong ban đồng ca sẽ giúp lão.
- Giúp việc đóng quan tài ấy à? Bẩm mẹ chả cần ạ.
- Không. Là nói giúp việc đưa quan tài xuống cơ.
- Xuống đâu ạ?
- Xuống hầm.
- Hầm nào ạ?
- Hầm dưới điện thờ.
- Lão Phôsdlovăng giật nảy mình:
- Cái hầm dưới bàn thờ ấy à!
- Đúng, dưới bàn thờ.
- Nhưng...
- Có cái thanh sắt để bẩy mà.
- Vâng, nhưng...
- Luồn thanh sắt vào cái vòng mà bẩy.
- Nhưng...
- Phải tuân lệnh người đã chết. Mẹ Cơruyxiphixiông chỉ có một nguyện vọng lớn nhất là được chôn cất ở trong hầm mộ dưới bàn thợ nhà nguyện, không phải nằm nơi trần tục. Mẹ nuốn yên nghỉ ở nơi lúc sống mẹ thường vẫn cầu kinh. Mẹ đã nói thế, tức là lệnh của mẹ vậy.
- Nhưng, người ta cấm...
- Người trần cấm, nhưng Chúa ra lệnh.

- Nhỡ lộ việc thì sao?

- Chúng ta tin ở lão.

- Con thì sẽ lặng thinh như hòn đá trong vách này.

- Hội đồng đã họp. Các mẹ "tư vấn" đang bàn và ta cũng vừa hỏi ý kiến xong, các mẹ đã nhất quyết chôn mẹ Cơruyxiphixiông trong áo quan của mẹ, ở cái hầm mộ dưới bàn thờ. Lão Phôsơlơvăng này, hãy nghĩ xem, nếu phép nhiệm màu mà diễn ra ở đây thì thế nào! Vinh quang thay cho tu viện ta từ trong lòng Chúa Phép mầu từ mộ mà lên đấy.

- Nhưng, bẩm chỉ sợ nhân viên ban vệ sinh...

- Về việc mai táng, Thánh Bơnoa II đã chống lại hoàng đế Côngstăngtanh Pôgôna.

- Thế nhỡ ông cẩm...

- Một trong bảy ông vua Đức xâm nhập các xứ Gôlơ dưới triều vua Côngstăng là Cônôđơme đã chính thức công nhân quyền của người tu sĩ được chôn cất trong lòng đạo, tức là dưới bàn thờ.

- Nếu ông thanh tra quận..

- Trước thánh giá, người trần tục không có quyền gì hết. Máctanh, giáo trưởng thứ mười một dòng tu Sactơrơ, đã nêu cái phương châm này cho sòng tu của mình: *Stat crux dum volvitur orbis*(1).

Phôsơlơvăng cầu:

- *Amen*.

Đó là lối đối phó bất di bất dịch của lão mỗi khi nghe ai

(1) Tiếng La-tinh: cây thánh giá đứng yên trong lúc trái đất xoay vần.

đọc tiếng la-tinh.

Đối với một người đã im lặng quá lâu thì gặp bất cứ ai cũng là một dịp để nói những điều muốn nói. Nhà hùng biện Gimnatôrát hôm ở tù ra, trong người đầy ắp những lưỡng đoạn luận và tam đoạn luận bì nén, đứng lại trước gốc cây đầu tiên gặp trên đường và đem tất cả tài hùng biện ra để thuyết phục gốc cây đó. Mẹ nhất thường ngày bị kỷ luật im lặng khống chế, bụng đầy những giáo điều, đứng dậy và nói thao thao như mở cống:

- Bên phải ta là Bonoa, bên trái là Bécna. Bécna là ai? Là tu viện trưởng đầu tiên của Colécvô. Phôngtenơ đơ Buôcgônhơ là cái xứ sở được phúc Chúa vì là sinh quán của ngài. Cha ngài là Têxolanh và mẹ ngài là Aletơ. Ngài đã bắt đầu ở Xitô và sau ở Colécvô. Ngài đã được phong viện trưởng do giám mục Ghiômơ đơ Săngpô địa phận Saloong suya Xônơ, ngài có bảy trăm tu sĩ tập sự và đã dựng 160 nhà tu. Người đã đánh gục Abêla ở hội nghị Xăngxơ năm 1140, và Pierơ đơ Bơruy và Hăngri môn đệ của Pierơ đơ Bơruy và một loại lầm đường khác, bọn Apôxtôlic; ngài đã khuất phục Acnô đơ Bơrexơ, quật ngã như sét đánh linh mục Raun; tên đồ tể giết dân Do-thái; ngài khống chế cả hội nghị Ranhxơ năm 1148, ngài làm cho Ginbe đơ la Pôrê, giám mục Poachiê và Eông đơ Lêtôalơ bị kết án; ngài dàn xếp xích mích của các vua chúa, chỉ bảo cho vua Lui Lơ Giơnơ, làm cố vấn cho giáo hoàng Ơgienơ III, ghép vào quy chế giáo hội Lơtăngpơlơ, kêu gọi thập tự viễn chinh, làm 250 phép mầu trong đời mình và có lần 39 phép mầu trong một ngày. Bonoa là ai? Là thánh tổ của Mông Caxanh, là người sáng lập thứ hai của Tính thiêng của tu viện, là Badilơ của giáo hội phương

Tây. Dòng đạo của người đã sản sinh 40 giáo hoàng, hai trăm giáo chủ, năm mươi thánh tổ, một nghìn sáu trăm tổng giám mục, bốn nghìn sáu trăm giám mục, bốn hoàng đế, mười hai đế hậu, bốn mươi sáu vua, bốn mươi mốt hoàng hậu, ba nghìn sáu trăm vị được phong thánh, và tồn tại từ một nghìn bốn trăm năm nay. Một bên thánh Bécna, một bên viên chức vệ sinh, một bên thánh Bonoa, một bên viên thanh tra lục lộ. Nhà nước, sở lộ chính, sở tang lễ, luật lệ cơ quan hành chính,chúng ta không biết. Bao nhiêu người sẽ phẫn nộ trước sự đối xử với chúng tôi. Họ tước cả của chúng tôi các quyền hiến dâng cát bụi của chúng tôi cho Giêdu Cơrit! Vệ sinh của các anh là một bịa đặt của cách mạng. Chúa trời phụ thuộc viên cảnh sát trưởng! Thời thế như thế đấy. Im đi thôi, lão Phôvăng!

Dưới trận mưa rào ấy Phôsơlơvăng rất lúng túng. Mẹ nhất nói tiếp:

- Ai mà chối cãi được quyền chôn cất tu sĩ của các tu viện? Chỉ có bọn tà đạo và bọn lạc đường phủ nhận nó thôi. Chúng ta đang sống trong một thời đại hỗn loạn ghê gớm. Người ta không biết những điều phải biết mà lại biết những điều không nên biết. Ngu muội và vô đạo. Trong thời đại này có những người lầm vị thánh Bécna tối cao tối đại với Bécna gọi là "Bécna của những người Gia-tô Nghèo", một giáo sĩ hiền từ ở thế kỷ XIII. Có kẻ phỉ báng đến nỗi liên hệ máy chém chém Lui XVI với thập tự giá đóng đanh Giêdu Cơrit. Lui XVI chỉ là một ông vua. Phải coi chừng Chúa. Không còn cái gì là công bằng, cái gì là bất công nữa. Người ta biết tên Vonte mà không biết tên Xêda đơ Buy; thế mà Xêda đơ Buy là một bậc hằng phúc,

còn Vonte thì là một tên khốn khổ. Vị tổng giám mục cuối cùng, giáo chủ Pêrigo, không biết cả rằng Sáclơ đơ Gôngđơren đã kế tục Bêruyn. Buôcgoanh đã kế tục Gôngđơren. Giăng Phơrăngxoa Xơnôn kế tục Buôcgoanh và cha Xanhtơ Mácto kế tục Giăng Phơrăngxoa Xơnôn. Người ta nhớ tên linh mục Côtông, không phải vì ông là một trong ba người đã góp phần sáng lập dòng Oratoarơ, mà là vì vua đạo cải cách Hăngri IV đã hay văng tục với cái tên ông ấy. Còn Xanh Phơrăngxoa đơ Xan người đời thích vì ngài ấy hay gian lận trong cờ bạc. Người ta đả kích tôn giáo. Vì sao? Vì đã có những linh mục xấu, vì Xagite, giám mục Gap, là anh em của Xalôn, giám mục Ăngbơren, và cả hai đã đi theo Mommon. Điều đó có làm sao? Có phải vì thế mà Máctanh đơ Tua không phải là thánh và không cắt đôi tấm áo khoác cho một người nghèo? Người ta khủng bố các vị thánh, người ta nhắm mắt trước chân lý. Đêm tối đã thánh thói quen. Những con thú dữ tợn nhất là những con thú nù. Chẳng ai nghĩ vua bây giờ là lệnh cách mạng. Người ta không còn biết phải làm gì cho người sống, làm gì cho người chết. Cấm không được chết một cách tinh thành. Mồ mả là chuyện hành chính. Ghê tởm quá. Giáo hoàng Xanh LêôngII đã gửi hai thông điệp đặc biệt, một cho Pierơ Note, một cho vua của người Vidigốt, để phản đối và bác bỏ quyền hành của quan thái thú và quyền vô thượng của Hoàng đế trong vấn đề tang lễ. Côchiê, Giám mục Xalông, về vấn đề này đã đương đầu với Ôtông, công tước Buôcgonhơ. Các vị thẩm phán xưa cũng đồng tình. Ngày xưa chúng tôi có quyền phát biểu về cả việc đời. Viên trưởng tu viện Xitô,

trưởng dòng, là thẩm phán chỉ định của tòa thượng thẩm Buôcgônhơ. Chúng tôi được toàn quyền xếp đặt những người chết của chúng tôi. Cả thi hài của thánh Bơnoa chẳng chôn ở tu viện Phơlơry, còn gọi là Xanh Bơnoa Xuya Loarơ ở đất Pháp là gì, mặc dù ngài chết trên đất Ý, ở Mông Caxanh, ngày thứ bảy 21 tháng 3 năm 543? Tất cả những sự việc ấy là hiển nhiên không chối cãi được. Ta ghét những kẻ cầu nguyện giả dối, ta thù những quân tà đạo, nhưng ta còn thù ghét hơn kẻ nào nói trái những điều đó. Chỉ cần đọc lại Acnun Viêng, Gabơrien Buyxơlanh, Tơritemơ, Môrôliquyt và Luych Đasơri.

Mẹ nhất nghỉ để thở, rồi quay lại bảo Phôsơlơvăng:

- Lão Phôvăng, thế là được chứ?

- Bẩm mẹ, vâng, được ạ.

- Trông cả ở lão được chứ?

- Con xin tuân lệnh.

- Tốt lắm!

- Con xin hết lòng với tu viện.

- Được rồi. Lão đóng quan tài. Các bà khiêng quan tài vào nhà nguyện. Cầu kinh xong họ trở lại nhà tu. Khoảng giữa mười một giờ và nửa đêm, lão sẽ mang thanh sắt đến. Việc gì cũng tiến hành hết sức bí mật. Ở nhà nguyện chỉ có bốn mẹ trong ban đồng ca, mẹ Atxăngxông và lão thôi.

- Và bà xơ đứng cọc.

- Bà ấy không quay mặt lại.

- Bà sẽ nghe thấy.

- Bà ấy không lắng tai nghe. Vả lại điều nhà tu kín biết thì người đời không biết.

Mẹ nhất nghỉ một lần nữa rồi mới nói tiếp:

- Lão sẽ cởi bỏ chiếc nhạc. Không cần để cho bà đứng - cọc biết là có lão ở đấy.

- Bẩm mẹ rất kính...

- Gì thế?

- Ông y sĩ đã đến khám chưa ạ?

- Bốn giờ chiều hôm nay. Đã có hiệu chuông cho người đi báo. Thế ra lão không nghe tiếng chuông hiệu lệnh nào cả ư?

- Con chỉ chăm chú nghe hiệu chuông gọi con thôi.

- Cái đó tốt, lão Phôvăng ạ.

- Bẩm mẹ chắc phải kiếm cái đòn dễ đến vài mét.

- Kiếm đâu được?

- Có song sắt làm rào là có đòn. Ở góc vườn, con có chất cả một đống.

- Khoảng mười một giờ mười lăm, tối nay, chớ có quên.

- Bẩm mẹ rất kính...

- Gì?

- Nếu mẹ có công việc khác như thế này nữa thì chú em con rất khoẻ. Khoẻ như vâm!

- Lão phải lo làm hết sức nhanh, càng nhanh càng hay.

- Con không làm nhanh lắm được. Con có tật. Vì vậy nên cần có người giúp. Con thọt.

- Thọt không phải là một tội lỗi. Có khi là một điều phúc cũng nên. Hoàng đế Hăngri II, người đã chống lại ngụy giáo hoàng Gơrêgoa và khôi phục Bơnoa VIII, có hai biệt hiệu: vua thánh và vua thọt.

Phôsơlơvăng tai hơi nghễnh ngãng, lẩm bẩm:

- Đến hai áo khoác, tốt quá nhỉ.

- Lão Phôvăng này, ta đã nghĩ. Cho trọn một giờ đi. Không đến nỗi nhiều quá đâu. Lão hãy có mặt bên cạnh bàn thờ chính với cái thanh sắt vào 11 giờ. Buổi lễ bắt đầu lúc 12 giờ đêm. Mười lăm phút trước là phải xong xuôi hết cả.

- Con sẽ làm hết sức để tỏ lòng nhiệt thành của con với tu viện. Dứt khoát như thế. Con đóng nắp áo quan. Mười một giờ đúng con sẽ ở trong nhà nguyện. Các mẹ trong ban đồng ca ở đấy rồi. Mẹ Axăngxiông cũng có mặt. Giá được hai người đàn ông thì hay hơn. Nhưng thôi được, con sẽ mang thanh bẩy. Chúng con sẽ mở hầm mộ, đưa áo quan xuống, rồi đậy lại nắp nhà mồ. Thế là xong, không còn dấu vết gì nữa. Chính phủ sẽ không nghi ngờ gì được. Thôi mẹ tôn kính, thế là xong xuôi cả phải không ạ?

- Không.

- Còn gì nữa ạ?

- Còn cái quan tài trống.

Ngừng một lát, Phôsơlơvăng nghĩ ngợi. Mẹ nhất nghĩ ngợi.

- Lão Phôvăng này, làm thế nào với cái quan tài ấy?

- Cứ việc mang đi chôn.

- Khiêng trống không à?

Lại im lặng. Lão Phôsơlơvăng vẫy vẫy bàn tay trái như muốn xua đuổi một ý nghĩ gì làm cho lão lo sợ.

- Bẩm mẹ, tay con đã đóng quan tài ấy lại; có ai được vào đấy đâu; thế rồi con cứ phủ tấm vải che lên trên.

- Thế còn bọn phu đòn, lúc họ khiêng quan tài lên xe, rồi lúc hạ huyệt, họ thấy nhẹ không.

Ông Phôsơlơvăng bỗng rủa to:

- Ôi chao! Qu...!

Mẹ nhất giơ tay làm dấu thánh và đăm đăm nhìn Phôsơlơvăng. Ông nghẹn cổ, nuốt trở vào mấy âm *i sứ*.

Ông vội vàng nghĩ ra một mưu kế để đánh lảng câu nguyền rủa:

- Bẩm mẹ, con sẽ cho đất vào quan tài. Cũng sẽ nặng nặng như có người ấy.

- Phải đấy. Đất thì cũng như người thôi. Thế là lão sẽ thu xếp cho xong việc cái quan tài rỗng ấy nhé?

- Cứ để mặc con.

Nét mặt mẹ nhất từ nãy bối rối, lo âu bỗng trở nên sáng sủa. Bà ra hiệu cho kẻ bề dưới được ra ngoài. Phôsơlơvăng đi ra phía cửa. Ông vừa định bước chân ra, thì bà dịu dàng lên tiếng:

- Lão Phôvăng, tôi bằng lòng lắm. Ngày mai, sau khi đưa tang, lão dẫn người em lão đến đây, bảo mang cả con bé lại nữa.

GIĂNG VANGIĂNG CÓ VẺ ĐÃ ĐỌC LẦU ÔTSTANH CATSTILEGIÔ

Người thọt dẫu có bước nhanh thì cũng như người chột muốn liếc mắt nhìn ngang: không làm sao đến đích cho nhanh được. Vả lại, tâm thần Phôsơlơvăng rối tung. Phải đến mười lăm phút, ông mới lê được về đến căn nhà nơi góc vườn. Côdét đã dậy. Giăng Vangiăng đặt nó ngồi bên đống lửa. Vừa lúc Phôsơlơvăng bước vào nhà thì Giăng Vangiăng đang chỉ cái giỏ treo trên tường mà bảo:

- Con ạ, con nghe kỹ đây này. Bây giờ hai bố con mình phải ra khỏi nhà này: ra rồi lại trở vào, ở đây tha hồ sướng. Ông già này sẽ cho con vào giỏ để mang con ra. Con đợi bố ở nhà một bà quen biết. Bố sẽ đến đón. Nhớ kỹ, con phải vâng lời và nín thin thít không thì mụ Tênacđiê lại đến bắt cho mà xem.

Côdét nghiêm trang gật đầu.

Thấy tiếng Phôsơlơvăng đẩy cửa, Giăng Vangiăng quay lại:

- Thế nào bác?

- Xong xuôi cả, thế mà lại chưa đâu vào đâu. Đã được phép đưa bác vào ở đây. Nhưng phải đưa bác ra trước đã. Thế mới kẹt chứ! Cháu bé thì dễ lắm.

- Bác mang cháu đi à?

- Cháu có im được không?

-Bác cứ tin ở tôi.

-Thế còn bác, bác Mađơlen ơi?...

Sau một lát yên lặng nặng nề, ông Phôsơlơvăng kêu lên:

-Bác vào lối nào thì cứ lối ấy mà ra chứ sao!

Giăng Vangiăng chỉ trả lời gọn lỏn như lần trước: "Không thể được".

Phôsơlơvăng lầm bầm như muốn nói một mình chứ không phải nói với Giăng Vangiăng:

- Có một việc khác làm mình dằn vặt. Mình nói mình sẽ đổ đất vào. Ấy thế nhưng mà mình nghĩ lại thấy đất mà thay cho xác chết thì chẳng giống tí nào. Không ổn

đâu, đất xê dịch, đất động đậy, người khiêng sẽ nhận thấy điều đó. Bác Mađơlen hiểu chứ, bọn phu nhận thấy được, chính phủ cũng sẽ nhận thấy.

Giăng Vangiăng nhìn thẳng vào mắt lão và tưởng lão mê sảng.

Lão lại nói:

- Bác ra cách đ...ếch nào bây giờ? Mai là phải xong xuôi cả. Mai tôi phải dẫn bác vào đây rồi. Mẹ nhất chờ bác đấy.

Nói xong, ông cắt nghĩa cho Giăng Vangiăng biết là được như thế, bởi vì ông đã giúp giáo hội được một việc và người ta thưởng công cho ông ta; là ông cũng được dự phần chôn cất mẹ Cơruyxiphixiông; là ông đóng áo quan và giúp việc hạ huyệt. Còn mẹ Cơruyxiphixiông qua đời sáng nay, theo yêu cầu của mẹ, thì đặt trong quan tài riêng bà vẫn nằm và chôn ngay trong hầm mộ dưới bàn thờ ở nhà nguyện. Sở cảnh sát cấm ngặt việc này. Nhưng mẹ Cơruyxiphixiông thuộc loại nữ tu sĩ muốn gì cần phải được nấy. Mẹ nhất và các mẹ khác đều nhất định làm theo ý nguyện của người đã chết, còn thì mặc kệ chính phủ. Lão Phôsơlơvăng này sẽ đóng cái quan tài trong buồng riêng, rồi mở nắp hầm mộ ra mà chôn dưới hầm. Mẹ nhất đền ơn ông lão bằng cách, cho người em lão và đứa cháu gái được ở trong nhà tu , ông làm vườn, cháu đi học. Người em ấy, chính là ông Mađơlen, đứa cháu gái là Côđét. Mẹ nhất bảo chiều mai phải dẫn hai người vào, sau cuộc đưa ma giả. Nhưng làm thế nào để dẫn ông Mađơlen vào được, khi ông Mađơlen vẫn ở trong này. Đấy là điều lúng túng thứ nhất; thứ hai là còn chiếc quan tài rỗng.

Giăng Vangiăng hỏi:

- Cái quan tài rỗng là thế nào?

- Cái quan tài của nhà nước ấy mà.

- Quan tài nào? Nhà nước nào?

- Có một mẹ chết. Người y sĩ thành phố đến khám và bảo có một mẹ chết. Thế là chính phủ đưa một cái quan tài đến. Ngày hôm sau, chính phủ lại đưa xe và phu đòn đến để đưa ra nghĩa trang. Phu đến, khiêng quan tài lên, sẽ thấy nhẹ bỗng.

- Cứ nhét cái gì vào đấy.

- Một xác chết à? Tôi làm gì có.

- Không.

- Thế là cái gì?

- Một người sống.

- Ai cơ?

- Tôi.

Phôsơlơvăng giật bắn người đứng dậy, như thể có pháo nổ ngay dưới ghế.

- Bác ấy à?

- Chứ sao?

Giăng Vangiăng mỉm cười,- cái mỉm cười hãn hữu như một tia sáng trong bầu trời mùa đông.

- Bác Phôsơlơvăng này, bác chả vừa nói: Mẹ Cơruyxiphixiông chết, mà tôi chả nói thêm "còn lão Mađơlen thì phải chôn đi" à? Thế mà thành sự thật đấy.

- Bác chỉ hạy nói bông.

- Nói thật đấy chứ. Phải ra khỏi đây phải không?

- Vâng.

- Tôi đã bảo bác cũng phải kiếm cho tôi cái giỏ và tấm bạt.

- Thế sao?

- Giỏ thì giỏ gỗ thông, còn bạt thì là tấm chăn liệm đen.

- Không, khăn trắng chứ. Đám tang các nữ tu sĩ tuyền trắng hết.

- Ừ thì trắng.

-Bác Mađolen, bác thật khác người.

Thấy những điều tưởng tượng như vậy, những điều tưởng tượng đó vốn chỉ là những phát minh tự nhiên và táo bạo trong lao tù, vượt qua sự yên ổn thường nhật, can thiệp vào nề nếp của tu viện, đó là những điều khiến lão Phôsơlơvăng kinh ngạc, chẳng khác gì người qua đường nhìn thấy chim hải âu bắt cá trong rãnh nước phố Xanh Đơni. Giăng Vangiăng nói tiếp:

- Cần phải ra khỏi đây mà không bị lộ. Cách ấy cũng tiện. Nhưng tôi hỏi bác cái này. Công việc tiến hành thế nào? Cái quan tài ấy để đâu?

- Cái quan tài rỗng ấy à?

-Phải.

- Ở dưới kia dưới nhà xác. Quan tài đặt trên hai cái giá, phủ một cái chăn liệm.

- Quan tài dài bao nhiêu?

- Hai thước.

- Nhà xác là thế nào?

- Đấy là một buồng ở tầng nền, có một cửa sổ trông ra vườn, căng lưới sắt, muốn đóng cửa phải đứng phía ngoài

mà đóng; và có hai cửa ra vào, một thông với nhà tu, một thông với nhà thờ.

- Nhà thờ nào?

- Nhà thờ ngoài phố đấy, nhà thờ chung của dân.

- Bác có chìa khoá hai cửa ấy không?

- Không. Tôi chỉ giữ thìa khoá cửa vào nhà tu; còn thìa cửa kia thì bác gác giữ.

- Lúc nào thì bác gác mở cửa?

- Chỉ mở một lần cho phu đòn vào khiêng quan tài, xong lại đóng ngay.

- Ai đóng quan tài?

- Tôi.

- Ai phủ khăn liệm?

- Tôi.

- Chỉ có một mình bác?

- Phải, ngoài tôi và ông y sĩ của sở cảnh sát không người đàn ông nào được vào buồng ấy. Trên tường, có viết hẳn hoi như thế.

- Đêm nay, lúc nhà tu đã ngủ cả, bác có cách nào giấu tôi vào buồng ấy được không?

- Không; nhưng có một cái kho hẹp thông với nhà xác, để dụng cụ chôn cất; có thể giấu bác ở đấy được. Tôi giữ kho ấy, lại có chìa khóa.

- Mấy giờ mai xe tang đến đưa quan tài đi?

- Độ ba giờ chiều. Chôn ở nghĩa địa Vôgira, lúc sẩm tối. Cũng khá xa.

- Tôi sẽ trốn trong buồng kho suốt đêm nay và buổi sáng mai. Còn ăn uống thì thế nào? Bị đói mất.

- Tôi sẽ mang cái ăn đến cho bác.

- Thế là đến hai giờ trưa, bác đến đóng quan tài của tôi lại.

Phôsơlơvăng lùi lại một bước, bẻ khục tay kêu răng rắc.

- Không làm thế được.

- Có gì đâu, cứ việc cầm búa mà nện cho đinh ăn phập vào tấm ván mà!

Điều đối với Giăng Vangiăng thật giản dị thì Phôsơlơvăng lại thấy dị thường. Giăng Vangiăng đã từng gặp nhiều khúc eo nguy hiểm hơn. Đã ở tù thì ai cũng biết cái nghệ thuật tài tình là thu mình cho lọt tất cả những khe hở để mà trốn thoát. Kẻ tù nhân bao giờ cũng mong vượt ngục, cũng như người ốm tất gặp lúc lên cơn, một là sống hai là chết. Vượt ngục, tức là khỏi bệnh vậy. Muốn khỏi bệnh thì làm gì chẳng phải làm? Để người ta đóng đinh lên quan tài mình nằm, rồi để người ta khuân đi như khuân một kiện hàng, sống khá lâu trong cái hòm kín mít, thở trong một nơi không có không khí, biết cách hà tiện hơi thở trong mấy giờ liền, biết cách chịu ngạt mà không chết; đấy là tất cả tài nghệ não lòng của Giăng Vangiăng. Nhưng một cái áo quan đựng một người sống, mưu mẹo của một tù nhân khổ sai cũng là mưu mẹo của một vị hoàng đế. Nếu tin lời linh mục Ôtstanh Catstilêgiô, đây là cái mẹo của Saclơ Canh dùng sau khi ông đã thoái vị để gặp lại một lần cuối cùng La Pôlômbơ: bằng cách ấy người ta đã đưa nàng kia vào trong tu viện Xanh Giuyt, rồi lại đưa ra.

Phôsơlơvăng đã hơi hoàn hồn; ông nói:

- Làm thế nào để thở được?

- Tôi thở được.

-Trong cái hòm ấy à? Tôi chỉ nghĩ đến cũng đủ chết ngạt rồi.

- Chắc là bác có mũi khoan; bác khoan cho tôi mấy lỗ nhỏ quanh chỗ mồm, và lúc đóng ván thiên, bác chớ đóng khít quá.

- Được, thế nhỡ bác ho hay hắt hơi thì sao?

- Đã đi trốn thì không ho, cũng không hắt hơi.

Giăng Vangiăng lại nói thêm:

- Bác ạ, ta phải nhất quyết đi thôi: một là bị bắt ở đây hai là phải chui vào xe tang mà ra.

Chắc ai cũng nhận thấy giống mèo ưa cái thú dừng lại quẩn quanh giữa hai cánh cửa hé mở. Ai chả bảo con mèo: Thì mày vào đi. Người cũng vậy, có những kẻ đứng trước một khó khăn vừa chợt tới thì cũng hay lưỡng lự giữa hai thái độ, để đến nỗi có khi bị số mệnh chợt ập xuống nghiền nát mình và kết thúc sự kiện. Những kẻ quá thận trọng, mặc dù cẩn thận như mèo, và chính vì họ là mèo, đôi khi gặp nguy hiểm hơn là những kẻ táo bạo. Phôsơlơvăng thuộc vào hạng người hay lưỡng lự như thế. Nhưng dù sao, sự gan dạ của Giăng Vangiăng cũng thắng được ông. Ông lầm bầm:

- Ngoài cách ấy cũng không còn cách nào khác.

Giăng Vangiăng lại nói:

- Tôi chỉ ngại có một điều là ra ngoài nghĩa địa không biết công việc sẽ như thế nào.

- Ấy, cái ấy tôi lại không lo. Nếu bác biết cách nằm trong quan tài vô sự, thì tôi, chắc chắn là tôi sẽ lôi được bác lên khỏi huyệt. Cái lão đào huyệt, tôi quen thân, lúc nào cũng say bí tỉ. Lão Métchiên ấy mà. Lão đào huyệt bỏ người chết trong huyệt mà tôi thì tôi bỏ lão đào huyệt trong túi tôi. Công việc thế nào, để tôi nói bác rõ. Đến nghĩa trang lúc sắp tối, khoảng bốn mươi nhăm phút

trước khi nghĩa trang đóng cổng. Xe tang đi đến tận huyệt; việc của tôi là phải đi theo xe. Tôi sẽ bỏ túi một cái búa, một cái đục và một cái kìm. Lúc xe đỗ, bọn phu đòn lấy thừng buộc quan tài lại, hạ bác xuống huyệt. Linh mục cầu kinh, làm dấu, rẩy nước thánh rồi chuồn. Thế là chỉ còn tôi với lão Métchiên. Ấy, bạn nối khố đấy nhé. Chỉ có hai điều, một là hắn say tuý luý, hai là không say. Không say thì tôi chỉ bảo: "Này, quán *Bông-quăng* còn mở đấy, ra làm một tợp đi". Thế là cứ việc kéo hắn đi, rồi đổ rượu cho hắn say. Lão Métchiên thì chỉ một chốc là say mềm vì lúc nào hắn cũng đã sẵn ngà ngà. Lúc ấy tôi sẽ đặt hắn nằm xuống gầm bàn rồi lấy tấm thẻ của hắn để vào nghĩa trang một mình. Thế là chỉ còn một mình tôi với bác. Còn nếu hắn đã say sẵn thì chỉ việc bảo: "Thôi, cút đi, không ai khiến, mình làm hộ cho". Hắn đi là tôi cứ việc kéo bác ở dưới hố lên.

Giăng Vangiăng chìa bàn tay ra, ông Phôsơlơvăng ôm chầm lấy với tất cả tấm tình nồng nàn, chất phác.

- Cứ thế, bác Phôsơlơvăng nhé. Rồi ổn cả.

Phôsơlơvăng nghĩ thầm:

- Miễn là không gặp trở ngại gì. Không thì nguy lắm.

V
NGHIỆN RƯỢU CHƯA ĐỦ ĐỂ TRỞ THÀNH BẤT TỬ

Ngày hôm sau, vào lúc xế chiều, khách bộ hành thưa thớt trên đại lộ hạt Menmơ ngả mũ chào một chiếc xe tang kiểu cũ kỹ. Xe chạm trổ những đầu lâu, xương ống chân và những giọt lệ. Trong xe, đặt một cái quan tài phủ chăn trắng có một chữ thập đen lớn nằm dài trông như một xác chết, tay buông thõng. Theo sau là một cái xe song mã, có một linh mục bận áo lễ ngắn và một chú bé giúp lễ đội mũ

chụp màu đỏ. Hai người phu đòn bận đồ xám viền đen đi hai bên chiếc xe tang. Phía sau là một ông già mặc quần áo thợ đi khập khiễng. Đám tang đi về phía nghĩa trang Vôgira.

Ở túi áo ông già, thấy thò ra một cái cán búa, một lưỡi đục và hai cán kìm.

Nghĩa trang Vôgira là một nghĩa trang đặc biệt ở Pari. Nó có những tập tục riêng, lại có hai cổng, một cổng cho xe đi và một cổng xép. Trong xóm các cụ già cứ quen lối gọi cũ là cổng ngựa và cổng bộ. Các mẹ trong nhà tu Pơti Pichpuýt được chôn ở một khu riêng, chôn vào buổi tối. Khu này nguyên trước thuộc về giáo hội của họ. Bởi vậy, những phu đào huyệt ở nghĩa trang này có công việc phải làm thêm vào chiều tà nếu là mùa hè, vào đêm nếu là mùa đông, theo một kỷ luật riêng. Các nghĩa trang ở Pari thời ấy, cứ tối đến là đóng cổng: đấy là lệnh chung của thành phố nên nghĩa trang Vôgira cũng phải tuân theo. Cái cổng ngựa và cổng bộ đều là cổng sắt, giáp liền với nhau. Kế liền đó là một cái chòi do nhà kiến trúc Peronnê xây nên và để cho bác gác cổng ở. Cứ lúc mặt trời khuất sau nóc nhà điện Anhvalit thì cánh cổng sắt lại nhất thiết quay rít trên bản lề. Chẳng may lúc ấy có bác phu đào huyệt nào còn vẩn vơ trong nghĩa trang thì chỉ có một cách duy nhất để ra ngoài là trình tấm thẻ do cơ quan trông nom việc tang ma của nhà nước cấp phát. Có một cái hòm như hòm thư treo ở cửa sổ nhà bác gác. Bác phu cứ việc ném cái thẻ của mình vào hòm, tức thì bác gác nghe thấy, bác kéo cái dây và cổng bộ từ từ mở. Nếu có ai quên thẻ thì bác gác đôi khi đã vào ngủ liền trở dậy ra nhận mặt, rồi mở khoá cổng. Người phu quên thẻ được ra nhưng phải nộp mười lăm phơräng tiền phạt.

Cái nghĩa địa này với những cái độc đáo ngoại lệ không khớp với cảnh cân đối hành chính cho nên người ta đã huỷ

bỏ nó ít lâu sau 1830. Nghĩa địa Môngpácnaxơ, cũng gọi là nghĩa địa Nam, thay thế cho nó và thừa hưởng cái quán rượu nổi tiếng sát vách với nghĩa địa Vôgira. Quán rượu này trên mái có một quả thị vẽ sơn dầu trên một tấm ván. Quán này quay một phía ra các dãy bán rượu, một phía ra các hàng mồ mả, với một cái biển: *Quán Bông-quăng(1).*

Nghĩa trang Vôgira có thể gọi là một nghĩa trang đã đến lúc tàn, không hợp thời nữa. Cỏ hoa đã chết từ lâu chỉ còn rêu phong lan dần khắp chỗ. Những người có của chẳng thiết gì được chôn cất ở Vôgira. Vì nó mang cái dáng kẻ nghèo. Nghĩa trang Pe Lasedơ thì nói gì! Được Pe Lasedơ chẳng khác gì trong nhà có bàn ghế gụ. Thanh lịch gặp nhau ở đấy. Còn nghĩa trang Vôgira là một nơi cổ kính: vườn trồng theo kiểu cũ. Đường đi thẳng tắp, trồng nào hoàng dương, nào tùng, nào bách, nào ô-rô, với những ngôi mộ cổ dưới bóng thông già, cỏ mọc cao vút. Chiều đến thì phong cảnh thê lương, nổi lên những đường nét vô cùng ảm đạm.

Lúc xe tang phủ khăn trắng có chữ thập đen đi vào đại lộ nghĩa trang Vôgira thì mặt trời chưa khuất hẳn. Người khập khiễng sau xe tang chính là Phôsơlơvăng.

Việc chôn cất mẹ Cơruyxiphixiông nơi hầm mộ dưới bàn thờ, việc đưa Côđét ra ngoài, việc Giăng Vangiăng trốn vào nhà xác, tất cả mọi việc đều thực hiện trôi chảy, không gặp khó khăn gì.

Cũng nói qua rằng việc chôn cất mẹ Cơruyxiphixiông dưới bàn thờ của tu viện, chúng tôi coi là một điều vi phạm nhỏ thôi. Đây là một tội lỗi có vẻ như một nhiệm vụ. Các bà nữ tu sĩ đã làm như vậy không những không chút xao xuyến gì mà lại còn như được lương tâm tán thưởng.

(1) *Auboncoing*: quả mộc qua ngon.

Trong nhà tu kín, cái gọi là "Chính phủ" thì chỉ là một sự can thiệp vào quyền hành nhà tu, một sự can thiệp khó thừa nhận. Quy tắc trước đã, còn luật pháp thì hẵng hay. Các người hãy cứ làm ra luật này, luật khác tha hồ, nhưng hãy giữ những luật pháp ấy cho các người. Thuế qua đường trả cho nhà vua chỉ là phần thừa thuế nộp cho Chúa Trời. Một nguyên thủ không có nghĩa lý gì đối với một nguyên tắc.

Phôsơlơvăng kéo lê chân theo xe tang, lòng khấp khởi mừng thầm. Cả hai điều bí mật, cả hai vụ mưu mô song sinh-một về các mẹ, một về Giăng Vangiăng, một mang quyền lợi cho nhà tu, một chống lại kỷ luật nhà tu,- cả hai đều thành công. Giăng Vangiăng thì bình tĩnh, cái bình tĩnh mãnh liệt ấy lan sang lão làm vườn. Phôsơlơvăng chắc mẩm sẽ thành công đến đầu đến đũa. Chỉ còn một vài việc dễ như trở bàn tay. Hai năm nay, ông đã từng làm cho Métchiên say rượu đến hàng chục lần,-cái lão má phị, lành như cục đất, làm gì mà chẳng được, thật dễ như bỡn. Lừa thế nào mà Métchiên chẳng mắc. Như xỏ mũi mà dắt. Lão Phôsơlơvăng hoàn toàn yên tâm.

Lúc đám tang vừa rẽ vào đại lộ nghĩa trang, Phôsơ lơvăng sướng quá, nhìn xe tang rồi xoa xoa hai bàn tay thô kệch, nói một mình:

- Thật là một trò hề!

Bỗng xe dừng lại, đã đến cổng. Phải trình giấy tờ. Người trông nom đám ma nói gì với bác gác cổng. Trong lúc hai người nói chuyện với nhau, đám tang dừng lại một, hai phút, bỗng có ai, một người lạ mặt, tiến đến đứng ngay sát Phôsơlơvăng, đằng sau xe tang. Trông như một người thợ, hắn mặc một cái áo có túi to tướng, tay xách một cái cuốc.

Phôsơlơvăng nhìn kẻ lạ mặt, hỏi:

- Bác là ai nhỉ?

Người kia trả lời:

- Kẻ đào huyệt.

Phôsơlơvăng sửng sốt như kẻ vừa sống sót sau khi bị đạn đại bác bắn trúng ngực.

- Đào huyệt à?

- Phải.

- Bác ấy à?

- Phải.

- Ông Métchiên cơ mà!

- Trước thì thế.

- Trước là thế nào?

- Ông ấy chết rồi còn đâu!

Phôsơlơvăng ngờ gì thì ngờ, chứ không thể ngờ được rằng một kẻ chôn người mà cũng phải chết. Ấy, nhưng sự thật cứ thế; kẻ đào huyệt cũng chết như ai. Đào hố cho người mãi, rồi cũng đến lúc mở cái hố cho mình.

Phôsơlơvăng há hốc mồm. Ông cố lắp bắp mấy tiếng khe khẽ:

- Không thể như thế!

- Thế mà như thế đấy.

- Nhưng ông Métchiên mới là người đào huyệt cơ mà? Lão Phôsơlơvăng gắng gượng nói, gần như đuối hơi.

- Sau hoàng đế Napôlêông là vua Lui XVIII. Sau Métchiên là Gơribiê. Bác nhà quê này, tôi là Gơribiê.

Mặt Phôsơlơvăng xám xanh lại; ông nhìn kỹ anh chàng Gơribiê. Một người cao lêu nghêu gầy gò, xanh mét, thật là hình ảnh của tang ma. Hắn có vẻ một người thầy thuốc bất thành tài xoay ra đào huyệt.

Phôsơlơvăng bật cười:

- Lắm việc quái lạ thật. Lão Métchiên mà cũng chết.

Lão Métchiên chết nhưng lão Lơnoa vạn tuế! Bác biết lão Lơnoa là cái gì không? Cái vò vang đỏ thượng hảo hạng! Cái vò rượu Xuyrexnơ. chao ôi! Xuyrexnơ chính cống của Pari. ái chà! Lão Métchiên chết rồi à. Kể cũng tiếc. Lão biết cái thú sống ở đời lắm. Mà này bác. bác hẳn cũng biết cái thú nhậu nhẹt phải không? Chốc. hai chúng mình làm một hớp rượu nhé.

Người kia trả lời:

- Tôi chân học trò. tôi đã học hết năm thứ tư. Tôi không uống rượu bao giờ.

Cái xe tang lại từ từ lăn bánh trên con đường lớn trong nghĩa trang.

Phôsơlơvăng đi chầm chậm lại. Ông càng khập khiễng, vì lòng rối như tơ vò. chứ đâu chỉ vì chân mang tật.

Anh chàng Gơribiê đi phía trước.

Phôsơlơvăng lại ngắm kỹ cái thằng cha Gơribiê bất ngờ một lần nữa.

Hắn thuộc loại người còn trẻ nhưng đã có vẻ già, gầy nhưng rất khoẻ.

Phôsơlơvăng gọi:

- Ông bạn ơi!

Anh chàng quay lại.

- Tôi là người đào huyệt của nhà tu đây.

- Bạn đồng nghiệp của tôi-hắn đáp.

Tuy ông Phôsơlơvăng không có học thức nhưng ông rất tinh ý. Ông biết ngay là gặp phải một tay cừ khôi. một anh chàng lẽm miệng.

Ông lẩm bẩm:

- Thế là lão Métchiên chết rồi.

Anh chàng kia trả lời:

- Chết đứt rồi. Chúa Trời đã tra sổ thiên tào, đến lượt lão Métchiên mà lị. Lão Métchiên chết rồi.

Phôsolovăng nhắc lại như cái máy:

- Chúa Trời...

Anh kia nói dõng dạc:

- Chúa Trời. Các nhà triết học thì gọi là Thượng đế, các người Giacôbanh gọi là Đấng cao cả.

Phôsolovăng ấp úng:

- Chúng mình làm quen với nhau đi thôi chứ!

- Quen rồi còn gì. Ông là một nông dân. Tôi thì là người Pari.

- Chưa cùng nhau uống chén rượu thì gọi là quen biết làm sao được. Có cạn chén mới cạn lòng. Rồi bác cùng đi với tôi nhé. Chắc bác chẳng tiện từ chối.

- Nhưng làm xong việc đã.

Phôsolovăng nghĩ thầm: Chết bỏ mẹ rồi.

Chỉ còn một vài vành bánh xe nữa là đến con đường nhỏ đi vào khu mộ các mẹ.

Anh chàng Gôribiê nói:

- Bác ạ, tôi phải nuôi bảy đứa nhỏ. Chúng nó phải ăn, tất mình phải nhịn rượu.

Thế rồi hắn nói thêm, ra vẻ đắc ý vì đã tìm được một câu nói ý vị:

- Chúng nó no thì tôi khát, no, khát thù nhau.

Xe tang lượn quanh lùm cây trắc bá, rời con đường lớn, rẽ vào con đường nhỏ, rồi vào một khu những mộ đất đầy cỏ dại. Đã đến sát huyệt.

Phôsolovăng đi chậm lại, nhưng không sao giữ cái xe đi chậm lại được. Cũng may, đất thì xốp, mưa lại nhiều, nên bánh xe quánh những bùn, nặng nhọc lắm mới tiến lên được.

Ông già đến gần anh chàng kia, thì thầm:

- Có rượu Acgiăngtơi ngon lắm.

- Cái bác nhà quê này! Xin nhớ cái nghề chôn người này không phải là nghề tôi nhé. Ông cụ nhà tôi trước gác

cổng ở trường thiếu sinh quân. Ông cụ định cho tôi theo nghề văn. Nhưng chẳng may, nhà gặp nạn, bị thua lỗ ở Sở giao dịch. Thế là tôi bỏ nghề văn, nhưng vẫn viết mướn.

Phôsolơvăng thấy có cành cây mỏng mảnh có thể cứu mình, ông bám lấy:

- Thế bác không phải làm nghề đào huyệt à?

- Cả hai; ai cấm tôi kiêm nhiệm cả hai?

Ông Phôsolơvăng không hiểu "kiêm nhiệm" là gì. Ông nói:

- Đi uống rượu đi.

Cần phải chú ý điều này. Mặc dù Phôsolơvăng đang rối bời cả ruột gan, khi ông rủ anh chàng kia đi uống rượu, ông không nói rõ một điều là ai sẽ trả tiền. Cứ thói thường thì Phôsolơvăng là người rủ đi, còn Métchiên thì trả tiền. Bây giờ thì khác rồi. Người đào huyệt mới gây ra một tình thế mới do đó cần thiết phải mời rượu hắn. Nhưng tuy đứng ra mời, Phôsolơvăng cứ lờ tít cái khoản ai trả tiền đi. Xúc cảm thì xúc cảm, ông vẫn không thiết bỏ tiền ra trả bữa rượu.

Gơribiê nói tiếp, miệng mỉm cười ra vẻ đàn anh:

- Phải ăn đã chứ. Tôi xin vào kế vị cụ Métchiên. Khi đã được cấp quyển sách đến trường thì phải sống cho ra nhà triết học chứ. Ngoài việc viết mướn, tôi lại bắt cánh tay làm việc nữa. Cửa hàng viết của tôi ở ngoài chợ phố Xevơrơ. Bác biết chứ? Chợ Ô ấy mà. Các chị nấu bếp ở hội Hồng thập tự, chị nào cũng nhờ tay tôi cả. Các chị nhờ tôi thảo thư tình gửi cho các chú quyền ở doanh trại. Sáng viết thư tình, chiều đào huyệt. Đời là thế đấy, bác ạ.

Xe tang vẫn tiến. Phôsolơvăng vô cùng lo lắng, nhìn tứ phía chung quanh. Mồ hôi nhỏ giọt từ vầng trán.

Anh chàng kia lại tiếp:

- Thế nhưng bắt cá hai tay cũng không xong. Một là chọn quản bút, hai là cái cuốc. Cái cuốc làm bàn tay tôi hư đi.

Xe tang dừng lại.

Chú bé giúp lễ xuống trước, linh mục xuống sau.

Bánh xe trước đã leo lên đống đất sát liền ngay miệng hố trống hốc.

Phôsơlơvăng thất kinh, nhắc lại một câu nói trước.

- Thật là một trò hề!

VI
GIỮA BỐN TẤM VÁN

Ai nằm trong quan tài, ta đã biết: Giăng Vangiăng.

Giăng Vangiăng xoay xở để cố sống trong quan tài; ông thở tạm được.

Thật là lạ lùng, khi lòng người ta đã yên tĩnh thì mọi việc khác đều trôi chảy dễ dàng. Tất cả những mưu chước mà Giăng Vangiăng nghĩ ra, đến nay đều thực hiện xuôi thuận cả; từ hôm qua, mọi việc đều không vấp váp. Cũng như Phôsơlơvăng, ông trông ở lão Métchiên. Ông không nghi ngại gì về sự kết thúc cả. Hoàn cảnh thì vô cùng gay go mà tâm hồn ông lại vô cùng yên tĩnh.

Bốn tấm ván tỏa ra một thứ yên lành khủng khiếp. Giăng Vangiăng nằm yên lặng, tưởng như phảng phất một giấc yên nghỉ cuối cùng đang thấm dần vào người.

Nằm dưới đáy quan tài, ông đã theo dõi được tất cả những biến diễn của tấn kịch khinh khủng mà ông đóng cùng với cái chết.

Sau khi Phôsolơvăng đóng tấm ván thiên. Giăng Vangiăng cảm thấy người ta nhấc bổng mình lên, rồi lăn đi. Lúc ít xóc hơn, tức là xe đã bỏ con đường đá mà đi vào con đường đất, nghĩa là từ những phố nhỏ, rẽ ra đại lộ. Lúc nghe tiếng ù ù, ông đoán là người ta qua cầu Austéclit. Lần nghỉ đầu tiên là đã đến nghĩa trang; lần nghỉ thứ hai, ông tự bảo: Huyệt đây rồi.

Bỗng ông nghe có bàn tay giữ lấy quan tài, rồi một tiếng cọ soàn soạt vào ván; ông biết là người ta buộc dây thừng quanh quan tài để dòng xuống hố.

Thế rồi ông choáng váng cả người.

Có lẽ bọn phu đòn và người đào huyệt đang thòng dây hạ huyệt, đầu đưa xuống trước. Lúc đã thấy mình nằm thẳng lại, và nằm yên chỗ, ông mới lại tỉnh táo như trước. Đến đáy huyệt rồi.

Ông cảm thấy lạnh lạnh.

Một giọng nói trịnh trọng và lạnh toát ở trên. Ông nghe đọc thong thả, rõ mồn một những tiếng la-tinh mà không hiểu nghĩa.

- *Qui dormiunt in terroe pulvere, evigilabunt; alit in vitam oeternam, et alii in opprobrium, ut videant semper(1).*

Một tiếng trẻ con nói:

- *De profundis (2).*

Tiếng nói trịnh trọng tiếp:

- *Requiem oeternam dona ei, Domine (3).*

Tiếng nói trẻ cọn trả lời:

- *Et lux per petua luce t ei (4).*

Sau đó, ông nghe thấy trên tấm ván thiên mấy tiếng

(1) Tiếng la-tinh: Để luôn thấy rằng những ai ngủ trong bụi đất sẽ thức dậy, có người được hưởng sự sống vĩnh cửu và có kẻ bị sỉ nhục hổ thẹn.

(2) Từ vực sâu.

(3) Xin Chúa cho họ được nghỉ ngơi đời đời.

(4) Và được sự sáng chiếu soi mãi mãi.

lách tách như hạt mưa rơi. Có lẽ là nước thánh.

Ông nghĩ bụng: "Sắp xong rồi. Kiên nhẫn chút nữa thôi. Linh mục sắp về rồi. Bác Phôsơlơvăng sẽ dẫn Métchiên đi uống rượu. Còn lại một mình mình. Thế rồi bác ta trở lại một mình và ta sẽ chui ra. Chừng một tiếng đồng hồ nữa thôi".

Cái giọng trầm trầm lại cất lên:

- *Requisecat in pace (1).*

Và tiếng chú bé:

- *Amen.*

Giăng Vangiăng lắng tai nghe, thấy cái gì như bước chân xa dần, xa dần. Ông nghĩ thầm:

- Họ đi cả rồi. Còn trơ một mình mình.

Bất thần, ông nghe thấy ngay trên đầu một tiếng như sét đánh.

Đó là một xẻng đất hất lên trên quan tài.

Rồi một xẻng thứ hai rơi xuống.

Một cái lỗ thông hơi bị lấp kín.

Xẻng đất thứ ba rơi xuống.

Rồi xẻng thứ tư.

Có những thế lực ghê gớm thắng cả con người dũng mãnh nhất. Giăng Vangiăng ngất đi.

VII
NGUỒN GỐC THÀNH NGỮ: KHÔNG ĐỂ MẤT THẺ.

Đây là việc xảy ra bên trên chiếc quan tài của Giăng Vangiăng.

Lúc xe tang đã đi xa và thầy trò ông linh mục cũng đã

(1) Tiếng la-tinh: Cầu hồn yên nghỉ.

lên xe đi rồi, Phôsơlơvăng vẫn không rời mắt nhìn anh chàng Gơribiê. Ông thấy hắn cúi xuống, nắm lấy cán xẻng, lưỡi xẻng đã cắm phập vào ụ đất.

Thế là Phôsơlơvăng có một quyết định tối hậu. Ông đứng chắn giữa hắn ta và lỗ huyệt, tay khoanh lại và nói:

- Tôi trả tiền mà!

Anh chàng kia ngạc nhiên nhìn ông trả lời:

- Cái gì cơ?

Phôsơlơvăng nhắc lại:

- Tôi trả tiền mà!

- Tiền gì?

- Tiền rượu.

- Rượu nào?

- Rượu Acgiăngtơi.

- Rượu Acgiăngtơi ở đâu?

- Ở quán Bông Quăng.

- Thôi xê ra.

Hắn hất một xẻng đất xuống quan tài.

Một tiếng đùng đục ở dưới quan tài vọng lên. Phôsơ lơvăng lảo đảo, xuýt ngã chúi xuống huyệt. Ông thét lên, tiếng kêu khò khè như tắc thở:

- Bác ơi, quán Bông Quăng sắp đóng cửa rồi.

Anh chàng kia lại xúc đất vào xẻng. Phôsơlơvăng nói tiếp:

- Tôi trả tiền.

Rồi nắm lấy tay hắn ta:

- Bác ơi, bác nghe tôi. Tôi là người đào huyệt ở nhà tu. Tôi đến giúp bác một tay. Lấp cái huyệt này, để đến đêm làm cũng được. Hãy đi làm một tợp đã.

Vừa nói vậy, vừa khẩn khoản duy trì lời mời tha thiết tuyệt vọng ấy, ông vừa chợt thoáng có một ý nghĩ đen tối: Không biết uống vào hắn có say không chứ?

Anh chàng kia bảo:

- Cái bác này, nếu nhất định bắt uống thì uống, được. Nhưng chốc hẵng hay. Làm xong việc đã. Chưa xong thì chưa uống.

Thế rồi hắn vung xẻng đất. Phôsơlơvăng giữ tay hắn lại:

- Acgiăngtơi thượng hảo hạng.

- Úi cha! Cái bác này chỉ có mỗi nghề kéo chuông. Boong binh boong, bác chỉ biết từng ấy tiếng, bác đến rầy rà.

Rồi hắn hất xẻng đất thứ hai.

Phôsơlơvăng lâm vào tình trạng mình không còn biết mình nói gì nữa.

- Cứ đi đi, đã bảo tôi trả tiền mà lị.

- Phải cho trẻ ngủ đã.

Hắn hất xẻng thứ ba.

Rồi hắn lại cắm xẻng xuống đất, nói thêm:

- Bác xem đêm nay trời rét lắm; mình mà cứ bỏ mặc bà ấy ở đây không đắp cho bà ấy, rồi bà ấy oán chết.

Lúc ấy hắn cúi xuống xúc đất, túi áo hắn mở toang hoác.

Mắt Phôsơlơvăng đương lơ láo bỗng dán chằm chằm vào túi áo anh chàng Gơribiê.

Mặt trời chưa khuất hẳn! Hãy còn chút ánh sáng có thể nhận được vật gì trăng trắng trong cái túi đang há hốc miệng.

Con mắt Phôsơlơvăng ngời hẳn lên, như tất cả cái tinh anh của ông lão nông dân vùng Picacđi đều tập trung vào đấy. Một ý nghĩ vừa thoáng qua.

Ông thò tay vào túi hắn móc cái vật trăng trắng ở tít dưới đáy; hắn mải mê với xẻng đất không hay biết gì hết!

Anh chàng trút xẻng đất thứ tư xuống hố.

Lúc hắn quay lại để xúc xẻng thứ năm thì Phôsơ lơvăng điềm tĩnh nhìn hắn và bảo:

- Này bác tân binh kia, có mang thẻ không đấy?

- Thẻ gì.

- Mặt trời sắp lặn rồi.

- Lặn thì lặn, mặt trời cứ việc trùm chăn mà đi ngủ đi.

- Cổng nghĩa trang sắp đóng rồi đấy.

- Thế thì sao?

- Bác có mang thẻ không?

- À, cái thẻ ấy à?

Hắn lục túi áo.

Lục một túi, rồi lục hai túi. Cả túi gi-lê nữa; cái thì xem xét kỹ lưỡng, cái thì lộn hẳn ra. Hắn nói:

- Không, không mang. Quên rồi chắc.

- Mười lăm phơrăng phạt thôi.

Anh chàng xanh mặt lại. Những người nước da tái nhợt, khi họ tái mặt thì màu da hoá xanh lục.

Hắn kêu lên:

- Trời Ngọc hoàng thượng đế, nhật nguyệt hai vầng ơi! Mất toi mười lăm phơrăng phạt rồi còn gì!

- Ba đồng một trăm xu! - Phôsơlơvăng nói.

Anh chàng buông rơi cái xẻng.

Bây giờ mới đến lượt Phôsơlơvăng lên nước. Ông nói:

- Này chú lính mới, chớ có thất vọng. Chả nên tự tử chú ạ. Chả nên lợi dụng cái hố này. Mười lăm phơrăng chỉ là mười lăm phơrăng. Vả cũng còn có cách khỏi phải nộp phạt. Tôi thì đã già, bác thì mới vào làm. Tôi biết đủ các cái mánh, cái khoé, cái xoay, cái xở. Để tôi bảo giúp bác. Điều chắc là bây giờ mặt trời sắp lặn, mặt trời đã xuống đến mái điện Anhvalit, chỉ năm phút nữa là nghĩa trang đóng cổng.

- Đúng thế.

- Năm phút thì lấp thế đếch nào được, sâu bỏ mẹ ra ấy. Lại còn phải chạy từ đây ra cổng cho kịp.

- Đúng thế.

- Thế là cứ việc nộp phạt mười lăm phơrăng.

- Mười lăm phơrăng.

- Nhưng vẫn có thì giờ...Bác ở đâu nhỉ?

- Cách cửa ô hai bước. Đi mất mười lăm phút. Phố Vôgira, số nhà 87.

- Đủ thì giờ để vắt chân lên cổ mà chạy thì kịp ra cổng.

- Phải rồi.

- Ra khỏi cổng, bác phóng về nhà, lấy tấm thẻ rồi trở vào đây, lão gác sẽ mở cổng. Có thẻ thì chả phải nộp gì hết. Thế là bác tha hồ mà lấp đất đắp cho người chết. Còn tôi, tôi canh xác chết hộ bác, nhỡ nó chạy trốn thì phiền.

- Thật bác cứu sống tôi.

- Thôi cút đi cho nhanh.

Anh chàng vô cùng biết ơn, rung rung bàn tay ông Phôsơlơvăng rồi chạy biến.

Bóng hắn khuất sau bụi rậm. Ông Phôsơlơvăng đợi đến lúc không còn nghe tiếng bước chân nữa, mới cúi xuống huyệt khe khẽ gọi:

- Bác Mađơlen ơi!

Không có tiếng trả lời.

Phôsơlơvăng rùng mình. Lão trụt vội xuống hố, nhảy lên phía đầu cái quan tài và hét lên:

- Bác có đấy không?

Trong quan tài, im lặng.

Phôsơlơvăng run bắn lên đến không thở được nữa. Ông lấy cái đục và cái búa nậy tung nắp ván thiên lên. Khuôn mặt Giăng Vangiăng mờ mờ trong bóng chiều tà, xanh nhợt, mắt nhắm nghiền.

Tóc ông Phôsơlơvăng dựng đứng cả dậy. Ông đứng lên rồi khuỵu xuống, lưng tựa vào thành hố, xuýt gục xuống chiếc quan tài. Ông nhìn Giăng Vangiăng.

Giăng Vangiăng nằm sóng sượt, im lìm, da tím lại.

Phôsơlơvăng nói thầm, khe khẽ như một hơi thở:

- Thế là bác ấy chết rồi.

Ông đứng dậy, khoanh riệt hai tay lại đến nỗi nắm tay cụng vào vai rồi kêu lên:

- Đây tôi cứu bác ấy như thế này đây.

Rồi ông già chất phác nức nở. Ông nói một mình - nói một mình là một việc rất tự nhiên, ai cho độc thoại là giả tạo, chính là nói bậy - những cơn xúc động mãnh liệt thường tự thốt lên thành lời thành tiếng:

- Chỉ tại lão Métchiên thôi. Tại sao lão ta lại chết đi, cái lão ngốc ấy? Chưa chi đã vội toi xác, ai khiến? Chỉ tại

lão nên bác Mađơlen mới chết. Bác Mađơlen ơi! Bác nằm trong quan tài rồi. Người ta đã khiêng bác ra đây, đủ lễ rồi. Thế là hết. Đấy, đời là thế, còn có nghĩa lý gì. Trời ơi, bác Mađơlen chết rồi. Thế còn con bé, biết làm thế nào? Nói làm sao với bà hàng quả ấy bây giờ? Một người như thế lại chết như thế, có thể thế được không hả trời? Cứ nghĩ đến việc bác ấy chui xuống gầm cỗ xe ngựa! Bác Mađơlen ơi, bác Mađơlen ơi, tôi đã bảo là ngạt mất mà. Bác có nghe tôi đâu. Cái trò ác đã hoàn thành đẹp đẽ thật. Bác ấy chết rồi. Không ai tốt bụng tốt dạ như bác ấy trong số người nhân hậu của Chúa nhân từ. Còn đứa con bác. Thôi mình không về nhà đâu, mình cứ ở đây. Mình đã làm một việc tai hại như thế! Thật hai đứa già mà dại. Nhưng làm sao mà bác ấy vào được nhà tu chứ? Bắt đầu từ ấy đấy. Ai lại làm thế bao giờ! Bác Mađơlen ơi, bác Mađơlen ơi, ông Mađơlen ơi, ông thị trưởng ơi. Ông ấy có nghe thấy gì đâu. Làm thế nào đây trời!

Ông Phôsơlơvăng bứt đầu bứt tóc.

Phía xa xa, trong lùm cây, có tiếng rít ken két. Cổng nghĩa trang đã đóng. Ông Phôsơlơvăng cúi xuống nhìn Giăng Vangiăng, bỗng nảy người lên, lùi mãi về phía sau, đến tận cuối huyệt. Hai con mắt Giăng Vangiăng mở trừng trừng nhìn ông.

Trông thấy cái chết sợ thế nào thì trông thấy người sống lại cũng gần sợ như thế. Phôsơlơvăng toàn thân cứng như đá, da tái xanh lại, mắt lấm la lấm lét nhìn. Những xúc cảm mãnh liệt làm ông rối loạn cả tâm thần, ông không biết là ông đang đứng trước người sống hay người chết. Ông nhìn Giăng Vangiăng đang nhìn ông.

- Tôi vừa thiếp đi.

Giăng Vangiăng nói, rồi ngồi nhổm dậy.

Phôsơlơvăng ngã quị xuống:

- Lạy đức mẹ đồng trinh! Bác làm tôi sợ quá.

Rồi ông đứng dậy:

- Cảm ơn bác, bác Mađơlen!

Giăng Vangiăng chỉ ngất đi thôi. Ra ngoài không khí ông hồi tỉnh dậy.

Sau cơn khủng khiếp là nỗi vui tràn ngập. Cũng như Giăng Vangiăng, Phôsơlơvăng phải một lúc mới hoàn hồn.

- Thế ra bác chưa chết. Bác tinh khôn thật. Coi bác ghê lắm bác phải tỉnh lại đó. Lúc thấy bác nhắm nghiền mắt lại, tôi bảo: Bác bị chết ngạt rồi. Bác mà chết thật thì dễ tôi phát điên cuống điên cuồng lên, điên vào loại phải cùm kia đấy. Tưởng đến phải vào nhà thương điên thực sự. Bác mà chết thì không biết tôi sẽ ra sao. Còn con bé cháu nữa. Nhà bà hàng hoa quả rồi chẳng hiểu xơ múi thế nào. Vứt đứa bé vào tay người ta, rồi bảo ông nó chết rồi. Rõ chuyện! Trời đất thiên địa ơi, rõ chuyện! Bây giờ bác lại sống rồi, tuyệt quá.

Giăng Vangiăng bảo:

- Tôi thấy rét quá.

Câu nói của Giăng Vangiăng gọi Phôsơlơvăng trở về thực tế, thực tế khẩn cấp lúc ấy! Hai người tuy đã hoàn hồn tỉnh lại, nhưng tâm thần vẫn còn rối loạn.

Phôsơlơvăng nói to:

- Ra ngay, mau lên.

Ông già lục túi, lấy ra một cái bình:

- Làm một tợp rượu đã.

Lúc nãy, không khí làm cho Giăng Vangiăng hồi sinh, bây giờ men rượu làm cho ông tỉnh táo ra. Ông uống một ngụm rượu mạnh, sức khoẻ trở lại bình thường.

Ông chui ra khỏi quan tài rồi cùng với Phôsơlơvăng đóng ván thiên lại.

Ba phút sau hai người lên khỏi huyệt.

Phôsơlơvăng vẫn điềm tĩnh, dáng điệu thong thả. Cổng nghĩa trang đã đóng. Không sợ gì anh chàng Gơribiê trở lại nữa. Cái "chú lính mới" ấy đang ở nhà, tha hồ mà tìm thẻ, tìm làm sao được, nó đã nằm gọn lỏn trong túi áo Phôsơlơvăng. Không có thẻ, đừng có hòng vào được nghĩa trang.

Phôsơlơvăng cầm cái xẻng, còn Giăng Vangiăng cầm cuốc, hai người đắp mộ cho cái quan tài rỗng.

Xong đâu đấy, Phôsơlơvăng bảo Giăng Vangiăng:

- Thôi, ta đi thôi. Tôi cầm cái xẻng, bác giữ lấy cái cuốc.

Trời tối hẳn.

Giăng Vangiăng cử động và bước đi thấy vướng ngượng. Nằm trong quan tài, ông hoá cứng cả người và gần trở thành xác chết; ở giữa bốn tấm ván, các khớp xương dần dần cứng lại như người chết thật. Phải làm tan băng giá nơi mộ địa.

Phôsơlơvăng nói:

- Bác bị cóng rồi... Tiếc rằng tôi thọt. Nếu không chúng ta lê gót đi đều.

- Úi chào, đi mấy bước là dẻo chân ngay đấy mà!

Hai người lại đi những con đường xe tang đi lúc nãy.

Đến cổng sắt và cái chòi bác gác, Phôsơlơvăng tay cầm sẵn tấm thẻ của anh chàng kia, liền bỏ thẻ vào hòm. Bác

gác kéo sợi dây và cổng mở. Hai người ra ngoài. Phôsolơ văng bảo:

- Thế là tốt đẹp cả: mưu bác tài tình quá, bác Mađơlen ạ.

Họ vượt qua cửa ô Vôgira thản nhiên, giản dị như trăm ngàn người khác. Quanh nơi nghĩa trang, còn giấy thông hành nào hơn là cái xẻng và cái cuốc.

Phố Vôgira vắng tanh vắng ngắt.

Ông Phôsơlơvăng vừa đi vừa ngước mắt nhìn dãy nhà bên phố. Ông nói:

- Bác Mađơlen ạ, bác tinh mắt, bác chỉ cho tôi nhà số 87.

- Đây, vừa đúng nhà này.

- Phố chẳng có ai. Bác đưa tôi cái cuốc; đợi tôi vài phút nhé.

Phôsơlơvăng vào căn nhà số 87, đi thẳng lên gác, ông cứ đi thẳng lên tận gác trên cùng; bản năng bao giờ cũng chỉ cho người nghèo lên thẳng gác xép sát mái nhà. Trong bóng tối tò mò, ông gõ vào cánh cửa một căn gác hẹp. Có tiếng trả lời:

- Cứ vào.

Tiếng ấy là tiếng Gơribiê.

Phôsơlơvăng đẩy cánh cửa. Cái gian gác xép này cũng giống như tất cả những gian buồng tồi tàn khác, không có lấy một cái đồ đạc nào mà vẫn bề bộn. Một cái hòm đóng hàng, hay là một cái áo quan - dùng làm tủ; một cái hũ đựng bơ dùng để chứa nước; một cái ổ rơm làm giường; sàn gạch dùng thay bàn ghế. Trong một góc buồng, có một người đàn bà gầy gò và trẻ con nhung nhúc một đống, ngồi yên trên một manh tải rách, nguyên là mảnh thảm

cũ. Tất cả căn buồng tối tàn ấy còn giữ dấu vết một cuộc xáo lộn bừa bãi. Tưởng như riêng nơi đây vừa trải qua một cơn động đất. Nắp với vung bừa bãi; giẻ rách vứt tứ tung; bình xách nước thì vỡ; người đàn bà vừa mới khóc, trẻ thì hình như mới phải một trận đòn. Đấy là những dấu vết của một vụ soát xét kịch liệt, gắt gao. Rõ ràng là anh chàng đào huyệt đã ra công ra sức tìm cái thẻ và đổ tội cho tất cả, từ cái bình nước đến người vợ. Hắn có vẻ tuyệt vọng rồi.

Nhưng Phôsolovăng còn mải nghĩ đến kết quả tốt đẹp của công việc, nên chẳng để ý gì đến cái mặt không vui này của nó.

Ông bước vào và nói:

- Tôi mang trả bác cái cuốc với cái xẻng.

Goribiê sững sờ nhìn lão.

- Bác đấy à?

- Sáng mai, bác đến ông gác ở nghĩa trang mà nhận thẻ.

Rồi ông đặt xẻng cuốc xuống sàn.

Goribiê hỏi:

- Thế là thế nào?

- Nghĩa là bác đánh rơi thẻ, lúc bác về tôi nhặt được ở dưới đất; tôi đã chôn xong người ta, đắp đất tử tế rồi. Tôi làm giúp bác, ngày mai bác ra ông gác mà lấy thẻ, chả phải nộp phạt mười lăm phorăng đâu. Chỉ có thế thôi, chú tân binh ạ.

Goribiê sung sướng quá reo lên:

- Cám ơn bác quá. Lần sau để tôi trả tiền rượu.

VIII
VIỆC XÉT HỎI THÀNH CÔNG

Một tiếng đồng hồ sau, lúc trời đã tối như mực, hai người lớn và một đứa trẻ đến số nhà 62 phố Pícpuýt. Người cao tuổi nhất giơ cái búa, gõ cửa.

Ba người ấy là Phôsơlơvăng, Giăng Vangiăng và Côđét.

Hai người vừa đến nhà bà hàng hoa quả ở phố Sơmanhve, xin đón Côđét về; con bé gửi ở đấy từ hôm qua. Suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ, con bé chẳng hiểu đầu đuôi câu chuyện ra sao, nó chỉ ngấm ngầm run sợ. Cứ chưa khóc được là còn run. Nó chẳng ăn uống gì mà cũng không chợp mắt lúc nào. Bà hàng hoa quả đáng mến hỏi hàng trăm câu, nó cũng không trả lời một tiếng, nó chỉ rầu rĩ nhìn, lần nào cũng thế. Nó chẳng hé răng để lộ một tí gì về những việc nó đã nghe thấy, trông thấy từ hai hôm nay. Nó đoán là đang gặp một nạn lớn. Trong thâm tâm, nó cảm thấy rằng cần phải rất "ngoan". Ai chẳng biết sức tác động vô cùng to lớn của mấy tiếng nói như dọa nạt bên lỗ tai một đứa bé con nhỏ dại chỉ biết có run sợ: "Chớ nói gì hết". Sợ thì câm. Vả lại, ai mà giữ bí mật giỏi hơn con trẻ!

Sau hai mươi bốn giờ đồng hồ bi đát, khi nó lại được trông thấy Giăng Vangiăng, nó reo lên một tiếng vui mừng. Những ai hay suy nghĩ, nghe tiếng reo vô cùng hớn hở ấy sẽ đoán thấy đó là tiếng reo của kẻ vừa thoát khỏi vực sâu.

Phôsơlơvăng là người của nhà tu nên biết hết các ám hiệu. Mọi cửa đều mở.

Thế là đã giải quyết được hai việc ghê gớm: ra và vào.

Bác gác, đã được dặn dò từ trước, mở cái cổng dành riêng cho người nhà, - cửa này thông vào thẳng trong vườn; cách đây hai mươi năm, ở ngoài phố cũng trông thấy, nó ở bức tường cuối sân, đối diện với cổng lớn. Người gác cổng đưa cả ba qua cửa ấy để vào buồng khách đặc biệt mà tối hôm qua Phôsơlơvăng nhận mệnh lệnh của Mẹ nhất.

Mẹ nhất đợi họ, chuỗi hạt cầm trong tay. Một mẹ tư vấn, mặt phủ màn đứng bên cạnh. Một ngọn nến lờ mờ toả ánh sáng yếu ớt.

Mẹ nhất xem xét Giăng Vangiăng. Chả con mắt nào quan sát kỹ hơn con mắt nhìn xuống.

Xong bà hỏi Giăng Vangiăng:

- Bác là em à?

Phôsơlơvăng trả lời:

- Bẩm vâng ạ.

- Tên bác là gì?

- Bẩm Uyntim Phôsơlơvăng.

Ông ta quả có một người em tên là Uyntim, nay chết rồi.

- Bác ở đâu?

Phôsơlơvăng trả lời:

- Bẩm ở Píchkinhi, gần Amiêng.

- Bao nhiêu tuổi?

Phôsơlơvăng trả lời:

- Bẩm năm mươi ạ.

- Sinh sống nghề gì?

Phôsơlơvăng trả lời:

- Bẩm làm vườn.

- Có ngoan đạo không?

Phôsơlơvăng trả lời:

- Bẩm trong họ con, ai cũng ngoan đạo cả.

- Đứa bé này là người nhà bác?

Phôsơlơvăng trả lời:

- Bẩm mẹ, vâng.

- Con bác à?

Phôsơlơvăng trả lời:

- Bẩm cháu nội.

Mẹ tư vấn khe khẽ bảo mẹ nhất:

- Bác ấy ăn nói khá đấy ạ.

Giăng Vangiăng chưa hề nói một lời.

Mẹ nhất chăm chú nhìn Côdét rồi khẽ bảo bà mẹ bên cạnh:

- Ngày sau, con bé này sẽ xấu xí.

Hai mẹ thì thầm với nhau mấy phút trong góc phòng; rồi mẹ nhất quay lại nói:

- Lão Phôvăng ạ, phải kiếm một cái đai nhạc đầu gối nữa. Bây giờ cần hai cái.

Thế là ngày hôm sau, người ta nghe thấy tiếng hai chiếc nhạc trong vườn. Các nữ tu sĩ không thể không hé một góc tấm màn che mặt. ở cuối vườn, dưới lùm cây, hai người đàn ông đứng cạnh nhau đương đào đào xới xới; lão Phôsơlơvăng và một người lạ. Một việc trọng đại. Không khí im lìm bỗng xào xào những tiếng khẽ bảo nhau: một người phụ việc làm vườn.

Các mẹ tư vấn nói thêm: Em trai lão Phôvăng.

Giăng Vangiăng quả đã chính thức thụ chức; ông đeo một cái đai đầu gối bằng da và một chiếc nhạc; ông đã là người của nhà tu. Tên ông là Uyntim Phôsơlơvăng.

Cái nguyên nhân quyết định việc ông được vào làm ở nhà tu là câu nhận xét về Côdét của mẹ nhất: Con bé sẽ xấu xí.

Sau lời dự đoán ấy, mẹ nhất tỏ lòng quyến luyến ngay con bé; bà cho nó ở cùng với bọn trẻ làm phúc.

Việc ấy chẳng có gì là khó hiểu cả. Vốn dĩ trong nhà tu không có gương soi, nhưng đàn bà thì không cần gương cũng biết nét mặt của mình. Những cô gái có nhan sắc thì khó lòng mà tu được. Vốn từ xưa, càng xấu xí thì càng dễ tu, nên ở đây người ta trọng vào các cô xấu xí hơn là các cô xinh đẹp. Do đó mà có sự mến ưa đặc biệt những cô gái xấu xí.

Sau câu chuyện lạ lùng trên, uy tín Phôsơlơvăng tăng lên nhiều lắm. Thắng lợi về ba mặt: Giăng Vangiăng cảm kích vì được lão cứu sống và cho nơi trú thân; Gơribiê thì tự bảo mình: nhờ lão mà ta thoát khoản phạt; nhà tu thì chôn cất được xác mẹ Cơruyxiphixiông ở dưới bàn thờ, vừa trót lọt được vòng pháp luật vừa hợp ý Chúa.

Một áo quan có thi hài ở Pơti Pichpuýt, một áo quan rỗng ở nghĩa địa Vôgira. Trật tự xã hội đã bị đảo lộn ghê gớm, nhưng không hay biết gì. Còn tu viện thì biết ơn Phôsơlơvăng rất nhiều. Lão trở thành người phục vụ tốt nhất và người làm vườn quý nhất. Lần Đức Tổng giám mục đến thăm tu viện ngay sau đó mẹ nhất đã kể chuyện cho ngài nghe, thú tội thì ít mà khoe khoang thì nhiều. Đức Tổng giám mục ở tu viện về đã nói nhỏ với ý tán dương với ngài Đơ Latin, linh mục của đức ông, sau làm Tổng giám mục Ranhxơ và giáo chủ. Sự khâm phục lão Phôsơlơvăng đi rất xa, đến cả La-mã. Chúng tôi đã được đọc một lá thư nhỏ của Giáo hoàng Lêông XII đương vị gửi

cho một người bà con, sứ thần của Giáo hoàng ở Pari và cùng đội tên là Đơlagiăngga như ngài. Trong thư viết: "Hình như ở trong một tu viện ở Pari có một lão làm vườn tuyệt tốt, một con người có thánh chất, tên là Phôvăng". Nhưng cái vinh quang kia, lão Phôsơlơvăng ở trong túp lều của lão không hề hay biết gì. Lão vẫn ghép cây dẫy cỏ và che dưa, không biết gì về cái tuyệt diệu và cái thánh chất của lão. Lão không biết gì về cái vinh dự của lão cũng như con bò giống Đuyram hay Xuyray không hình dung được in trên tờ họa báo "Tin tức Luân đôn" với lời chú thích: "Con bò đã được giải thưởng cuộc thi các súc vật có sừng".

IX
NƠI CẤM ĐỊA

Ở nhà tu, Côdét vẫn im lặng không nói hở điều gì.

Côdét một cách tự nhiên tưởng mình là con gái Giăng Vangiăng. Nó chả biết gì hơn mà nói; vả lại ví dụ nó có biết gì nó cũng chẳng hé răng. Trẻ thơ đã qua bước khổ cực thì đố ai cạy răng nó ra được. Côdét cực khổ quá, nên cái gì nó cũng sợ, sợ cả nói, sợ cả thở. Nó đã từng thấy một lời nói cũng đủ làm cả một trận sấm sét lôi đình đổ vào đầu nó. Từ ngày ở với Giăng Vangiăng, nó mới bắt đầu hơi yên dạ. Nó cũng chóng quen với đời sống ở nhà tu. Nó chỉ tiếc con Catơrin, nhưng không dám nói. Một hôm nó bảo Giăng Vangiăng: - Giá biết thế này, thì con đã mang nó theo.

Được ăn ở trong nhà tu, Côdét phải mặc quần áo như các học sinh khác. Giăng Vangiăng xin được phép mang bộ quần áo cũ của Côdét về nhà. Bộ ấy là bộ đồ tang đen

nó mặc hôm rời bỏ quán ăn Tênacđiê ra đi. Chưa cũ lắm. Giăng Vangiăng tìm ở đâu được một cái vali, cốt để đựng bộ quần áo và đôi tất len với đôi giầy. Ông bỏ trong vali rất nhiều băng phiến và các thứ lá cây thơm chẳng thiếu gì ở các tu viện. Ông để vali trên một cái ghế bên cạnh giường nằm, thìa khoá lúc nào cũng đeo trên người.

Một hôm Côđét hỏi ông:

- Bố ơi cái hộp gì mà thơm thế?

Ông già Phôsơlơvăng, ngoài cái tiếng tốt với mọi người như vừa kể trên, mà chính ông cũng không biết còn được nhiều cái lợi khac: trước hết, lão thấy sung sướng trong lòng; sau là nhờ có Giăng Vangiăng đỡ tay nên công việc nhẹ hẳn đi; sau cùng, vốn nghiện thuốc lá, ngày nay lão hút gấp ba trước kia, mà khoái chá hơn vô kể, bởi vì tiền đã có ông Mađolen trả.

Các bà không thừa nhận cái tên Uyntim và gọi Giăng Vangiăng là lão Phôvăng kia.

Nếu các bà có con mắt như con mắt của Giave, hẳn các bà rồi cũng nhận thấy rằng cứ khi nào có việc chạy ra phố mua thức gì dùng vào việc vườn tược thì bao giờ cũng lão Phôsơlơvăng anh đi, lão Phôsơlơvăng già, lão Phôsơlơvăng có tật, lão què chân ấy. Nhưng hoặc vì các bà mải nhìn lên Thượng đế, nên không có con mắt của người thám tử, hoặc vì các bà thích rình mò nhau hơn, nên chẳng ai để ý đến việc ấy cả.

Thực ra Giăng Vangiăng cứ việc im tiếng, không động đậy thế mà tốt. Giave đã rình ở khu ấy hơn một tháng trường.

Bây giờ, cái nhà tu đối với Giăng Vangiăng như một hòn đảo, chung quanh là vực thẳm. Từ nay, bốn bức tường là cả một thế giới. Trên đầu khoảng trời xanh khá rộng

nên lòng ông trong sáng: bên mình có Côdét nên ông thấy sung sướng.

Đời ông lại bắt đầu êm ả.

Ông ở chung với Phôsơlơvăng trong túp lều ở cuối vườn. Lều xây bằng vôi gạch vụn, năm 1845 hãy còn, gồm ba buồng. buồng nào cũng trống trơ, chỉ có bốn bức vách. Phôsơlơvăng nhất định nhường gian buồng to nhất cho Giăng Vangiăng, Giăng Vangiăng từ chối thế nào cũng không được.

Trên tường gian phòng ấy, ngoài hai cái đanh để treo cái dây buộc nhạc và cái sọt, còn có một vật trang trí: đó là tờ tín phiếu của phe bảo hoàng hồi 1793, đóng vào tường bên trên lò sưởi, nguyên văn ghi như sau:

Quân đội công giáo hoàng gia
Theo chỉ dụ hoàng thượng
Tín phiếu mười đồng
Về quân nhu cung cấp cho bộ đội
Thanh toán ngày hoà bình
Đợt 3 STOFFET số10390

Các tín phiếu của quân Văngđêăng này đã được đóng trên tường do tay người làm vườn trước, nguyên là lính suăng: hắn đã chết trong tu viện và Phôsơlơvăng đã thay chân hắn.

Suốt ngày Giăng Vangiăng cặm cụi ở ngoài vườn, làm được vô khối việc có ích. Xưa ông làm nghề xén cây nên bây giờ làm vườn cũng thích. Ta còn nhớ, ông biết nhiều phương pháp và những bí mật nhà nghề của việc trồng trọt. Hầu hết các cây quả trong vườn trước mọc như cây

dại. Bây giờ, ông xén, ông ghép, nên cây nào cũng kết quả ngon lành.

Côdét hàng ngày được về chơi với ông một tiếng đồng hồ. Các bà thì buồn rười rượi, còn ông thì tốt, nên con bé cứ so sánh, lại càng thương yêu ông hơn. Đến giờ là nó chạy ngay về nhà. Con bé vừa bước chân vào nhà, căn nhà như rạng rỡ cảnh thiên đường. Giăng Vangiăng lòng tươi như hoa nở, ông càng cảm thấy đời sống đầy hạnh phúc vì Côdét cũng thấy được sung sướng bên ông. Nỗi vui sướng của người ta có cái đáng quý là nó không như ánh sáng phản xạ bao giờ cũng mờ nhạt đi: nó trở lại với chúng ta, rực rỡ hơn. Giờ chơi, Giăng Vangiăng nhìn Côdét chơi đùa, chạy nhảy; cứ nghe tiếng nó cười là ông nhận ra ngay.

Bởi vì bây giờ Côdét đã cười rồi.

Nét mặt nó cũng đổi khác. Nó không ủ ê như trước nữa. Tiếng cười cũng như mặt trời, đuổi tan giá lạnh trên nét mặt con người.

Côdét không đẹp nhưng dễ thương biết mấy. Nó nói những điều dễ nghe, giọng nó nói dịu dàng, thơ ngây.

Hết giờ chơi, Côdét về trường, Giăng Vangiăng nhìn cửa sổ lớp học; và ban đêm, thì ông trở dậy nhìn cửa sổ buồng ngủ.

Vả Chúa cũng có đường lối của Chúa. Tu viện cũng như Côdét duy trì và bổ sung trong lòng Giăng Vangiăng tác dụng của giám mục Mirien. Có một điều chắc là con đường của đạo đức có một lối dẫn tới kiêu ngạo. Ở đây có sẵn một chiếc cầu do quỉ dữ bắc. Giăng Vangiăng, vô tình, có lẽ đang ở khá gần cái lối này và cái cầu này khi trời xui

khiến ông rơi vào tu viện Pơti Pichpuýt. Khi trước, tự so sánh với giám mục ông thấy là không xứng đáng và đã rất khiêm tốn tự hạ mình, nhưng ít lâu sau ông so sánh mình với người thường và lòng kiêu ngạo nẩy nở. Biết đâu đấy ông sẽ không dần dà trở về với lòng hằn thù.

Tu viện đã giữ ông lại trên cái dốc ấy. Đây là nơi cấm cố thứ hai mà ông thấy. Hồi tuổi thơ, trong cái thời gian ông bước vào đời, và về sau mới gần đây ông đã biết một nới cấm cố khác, kinh khủng, ghê sợ, với những kỷ luật khắc nghiệt mà ông vẫn coi là những bất công của công lý và tội lỗi của luật pháp. Sau nhà tù khổ sai, bây giờ ông gặp nhà tu kín. Nghĩ rằng ông đã là một thành viên của nhà tù khổ sai và bây giờ ông đang chứng kiến cảnh nhà tu kín, ông đối chiếu hai nơi đó trong trí ông một cách tư lự hãi hùng.

Nhiều khi ông tựa vào cán mai, chìm đắm trong những uẩn khúc của mơ mộng không cùng.

Ông nhớ lại những người bạn tù ngày xưa. Họ khốn khổ quá chừng: vừa tinh mơ đã dậy, làm đến tối mịt mới về. Người ta có để họ chợp mắt được mấy chốc; ngủ thì ngủ trên mấy tấm phản, đệm lót mỏng dính, kê trong những gian buồng trống trải, suốt năm chỉ đốt củi vài tháng rét nhất. áo thì áo choàng màu đỏ trông gớm ghiếc. Nhờ ân trên, những ngày nóng nực, họ được mặc quần vải thô và những ngày đông tháng giá, họ được khoác một cái áo kiểu áo phu xe bằng len. Chỉ những ngày đi bệnh viện mới được hớp rượu, miếng thịt vào miệng. Họ không có tên nữa, cứ số mà gọi, họ hầu như chỉ còn là những con số. Họ

sống, mắt nhìn xuống, tiếng nói se sẽ, đầu trọc lốc, sống trong tủi thẹn, dưới đòn roi.

Thế rồi Giăng Vangiăng nghĩ đến những người hiện đang sống ở nhà tu, ngay trước mắt ông.

Những con người ấy cũng đầu trọc, mắt cúi gầm, tiếng nói se sẽ. Họ không sống trong tủi thẹn, nhưng sống giữa những lời nhạo báng của người đời; lưng họ không lằn vết gậy đòn, nhưng vai họ chín rạn vì những kỷ luật nặng nề. Đối với mọi người, tên tuổi họ cũng không còn nữa, chỉ còn những tên gọi khắc khổ. Họ không uống rượu, ăn thịt bao giờ; họ thường nhịn đói suốt từ sáng tinh mơ đến chiều. Họ không mặc áo đỏ, nhưng khoác cái khăn liệm bằng len màu đen, mùa hè thì loại nặng, mùa đông thì loại nhẹ; họ không có quyền thay đổi áo quần gì hết. Sáu tháng ròng, họ phải mặc cái áo trong bằng xécgiơ đến chết ngốt. Họ không ở những gian buồng đốt lửa mấy tháng buốt lạnh nhất; buồng họ không bao giờ có lửa. Giường họ không trải nệm mong manh mà trải rơm. Ngủ cũng không được ngủ; đêm đêm, sau một ngày mệt nhọc, vừa đặt mình, chưa ấm chỗ, vừa chập chờn thiếp đi trong giấc ngủ nặng nề, thì đã phải dậy, rồi vào nhà nguyện lạnh lẽo, âm u cầu kinh, hai chân quỳ trên nền đá. Có những ngày lần lượt mỗi người phải quỳ mười hai giờ liền trên nền đá hay phủ phục xuống đất, hai tay gấp hình chữ nhật.

Hạng người trên toàn là đàn ông; hạng dưới toàn đàn bà.

Bọn đàn ông đã làm gì? Họ cướp bóc, gian lận, đầu độc, đốt nhà, giết người, giết bố. Còn bọn đàn bà? Họ không làm gì hết.

Một bên giết người cướp của, gian lận, xảo trá, hung bạo, dâm dục, nghĩa là tất cả các tội ác, tất cả những hành động hại người; một bên là trong trắng chỉ có trong trắng mà thôi.

Vô tội hoàn toàn, như được nhấc bổng lên trong một cuộc thăng thiên huyền bí, phần đạo đức thì còn dính với đời, mà phần thiêng liêng thì đã vượt lên trời.

Một bên thì thầm với nhau những mưu mô tội lỗi, một bên mạnh dạn thú nhận những lầm lạc. Tội lỗi thì ghê gớm, lầm lạc thì chẳng có gì! Một bên là uế khí ghê tởm, một bên là mùi hương tuyệt vời. Một bên là dịch họa tinh thần, giam giữ, canh gác dưới những mũi súng đại bác, gặm tiêu dần những kẻ mắc bệnh; một bên là những linh hồn cùng cháy bùng thanh khiết trong một lò lửa. Kia là đêm tối dày đặc; đây là một bóng tối; nhưng một bóng tối đầy ánh sáng, những ánh sáng chói lọi hào quang.

Hai thế giới nô lệ. Một bên còn có cơ giải phóng: pháp luật còn có tháng ngày hạn định, lại còn có khả năng vượt ngục. Một bên là cả một cuộc đời vô cùng tận; trong tương lai xa vời, chỉ còn một chút ánh sáng le lói của niềm hy vọng về tự do là cái chết.

Những người thứ nhất chỉ có xiềng xích trói buộc. Những người sau, có lòng tín ngưỡng trói buộc.

Trong nhà tù, bốc lên cái gì? Một lời nguyền rủa tràn trề, tiếng răng nghiến lại, lòng căm thù, lòng hiểm độc tuyệt vọng, một tiếng kêu phẫn nộ chống lại xã hội loài người, một tiếng cười chua chát đắng cay hướng lên trời.

Còn ở nhà tu? Chỉ có lời khấn nguyện và tấm lòng yêu Chúa.

Hai nơi ấy thật giống nhau mà cũng thật khác nhau; hai hạng người khác nhau một vực một trời lại cùng chung một nhiệm vụ là chuộc tội.

Giăng Vangiăng hiểu vì sao những tù nhân phải chuộc tội, họ chuộc tội cho họ. Nhưng ông không hiểu vì sao những nữ tu sĩ phải chuộc tội; những con người ấy không tội tình gì, không một vết nhơ. Ông run sợ tự hỏi: Chuộc tội gì? Chuộc tội nào?

Ông như nghe thấy lương tâm ông trả lời: lòng nhân đạo thiêng liêng nhất, sự đền tội cho người.

Chúng tôi gạt bỏ ở đây mọi lý thuyết của riêng mình. Chúng tôi chỉ là người kể chuyện. Chúng tôi đứng ở quan điểm của Giăng Vangiăng và nói lên cảm tưởng của ông.

Ông được nhìn thấy cái đỉnh cao cả của nhẫn nhục, cái đỉnh cao nhất mà đạo đức có thể vươn tới được. Vô tội tha thứ tội lỗi cho người và đền tội thay cho người; sự chịu đựng, sự thừa nhận tra khảo, sự đòi hỏi hình phạt của những tâm hồn không hề sa ngã để cho những tâm hồn sa ngã thoát khỏi những đau khổ đó. Lòng yêu người hoà vào lòng kính Chúa, nhưng vẫn đứng riêng và khẩn cầu. Những con người yếu ớt mang cái khổ đau của kẻ bị trừng phạt và cái nụ cười của những người được ban thưởng. Và ông nhớ rằng đã có lúc ông dám kêu ca.

Có khi giữa đêm ông thức dậy để lắng nghe lời cầu nguyện tạ ơn Chúa của những con người vô tội ấy và bị đè nặng dưới bao nhiêu khắc khổ và ông thấy lạnh toát trong mạch máu khi nghĩ rằng những kẻ bị trừng phạt một cách

chính đáng chỉ cất tiếng nói lên để nguyền rủa trời và ông, một thằng khốn nạn, đã giơ nắm tay căm thù lên cho Chúa.

Điều nổi bật làm cho ông suy nghĩ sâu sắc như là một sự cảnh cáo thầm của trời: trèo tường, vượt rào, liều chết, bám, leo kinh khủng, ghê sợ, tất cả những cố gắng ấy để khỏi cái nơi đền tội kia, ông cũng đã phải làm để vào cái nơi đền tội này. Phải chăng là một biểu tượng của số mệnh?

Nhà tu này cũng là một nhà tù, cũng thê thảm như cái nhà tù ông trốn khỏi, nhưng ông không hề nghĩ rằng có sự giống nhau.

Giăng Vangiăng như trông thấy lại những bức rào, những cái khoá, những chấn song sắt để cầm giữ ai? Những thiên thần.

Những bức tường cao vót trước kia ông thấy giam cầm hùm beo; nay nó bao bọc đàn cừu vô tội.

Nơi đây, người ta chuộc tội, chứ không bị trị tội. Thế nhưng nó khắc khổ hơn, ảo não hơn, cay nghiệt hơn. Những cô trinh nữ còn bị đè nén nặng nề hơn bọn tù khổ sai. Trước kia, một cơn gió lạnh buốt xương đã làm tê cóng tuổi thanh niên của Giăng Vangiăng, cơn gió thổi qua cái hầm nuôi diều hâu căng lưới sắt, khoá xích sắt; bây giờ, một cơn gió bấc tàn nhẫn hơn, đau đớn hơn, thổi qua chuồng chim bồ câu.

Tại sao?

Nghĩ đến tất cả những việc trên, toàn bộ tâm trí Giăng Vangiăng như chìm vào một nơi cao siêu huyền bí.

Lòng kiêu ngạo tan đi trong những suy nghĩ ấy. Ông tìm mọi cách tự kiểm điểm mình: ông tự thấy yếu hèn và

nhiều lần ông đã khóc. Tất cả những gì đi vào cuộc đời của ông từ sáu tháng nay đưa ông trở lại những lời khuyên nhủ thiết tha của giám mục: Côdét dẫn dắt ông bằng tình thương, tu viện, bằng đức nhún nhường.

Đôi khi buổi chiều, lúc hoàng hôn, khi khu vườn vắng lặng, người ta thấy ông quỳ ở giữa lối đi, bên cạnh nhà nguyện, trước cái cửa sổ mà ông nhòm qua đêm ông mới vào đây. Ông quay mặt về phía bà đền tội đang phủ phục cầu nguyện, và quỳ gối trước bà ấy mà cầu nguyện.

Hình như ông không dám quỳ hẳn trước mặt Chúa.

Tất cả cảnh vật xung quanh, từ khu vườn yên tĩnh, đến những bông hoa thơm ngát, những đứa trẻ reo vui, những người đàn bà trang nghiêm, giản dị, nhà tu lặng lẽ, tất cả thấm dần vào người ông. Tâm hồn ông cũng lặng lẽ như nhà tu này, cũng thơm tho như những đoá hoa kia, cũng yên tĩnh như khu vườn, giản dị như các người đàn bà, vui tươi như đàn trẻ.

Và ông nghĩ là hai cái nhà của Chúa đã liên tiếp đón ông ở hai giai đoạn gay go của đời ông, giai đoạn đầu khi tất cả mọi cửa đóng chặt và xã hội loài người xua đuổi ông, giai đoạn thứ hai khi xã hội loài người lại lùng bắt ông và nhà tu khổ sai chờ ông. Không có cái nhà trước, ông sẽ lại rơi vào tội lỗi, không có cái nhà sau, ông lại rơi vào hình phạt. Cả trái tim ông dào dạt lòng biết ơn càng yêu người thêm hơn nữa.

Năm tháng cứ thế trôi qua. Côdét lớn dần. .

PHẦN THỨ BA

MARIUYTX

QUYỂN I

PARI XÉT QUA MỘT HẠT BỤI CỦA NÓ

I

PARVULUS(1)

Pari có đứa trẻ, trong rừng có con chim. Con chim là con chim sẻ, đứa trẻ là thằng "nhóc con".

Gắn hai ý niệm đó với nhau, một chứa đựng tất cả cái lò lửa hừng hực, một tất cả bình minh, làm cho hai tia lửa đó chạm nhau: Pari và tuổi trẻ, sẽ nẩy ra một sinh vật nhỏ mà Pơlôtơ(2) sẽ gọi là *Homuncio*(3).

Đứa bé ấy lúc nào cũng vui. Ăn thì ngày no, ngày đói, nhưng tối nào muốn đi xem hát cũng đi được. Người không bận áo, chân không vướng giày, đầu không có mái nhà, đứa bé ấy giống như những con chim con không có gì cả trên trời kia. Nó vào trạc từ bảy đến mười ba tuổi, tụm năm túm ba, lê la trên vỉa hè, trời là màn, đất là chiếu; quần của bố mặc dài quét đất, mũ của một bố khác, chụp quá mang tai, quần lủng lẳng chỉ còn một dải treo thế mà nó chạy lăng xăng cả ngày, dòm chỗ này, ngó chỗ khác, nhặt cái này, quơ cái kia, lê la hết giờ này qua giờ khác, phì phèo điếu thuốc, chửi rủa, văng tục như ma, vào ra

(1) Bé bỏng.

(2) *Palaute*: Nhà hát kịch La-mã, thế kỷ thứ ba trước công nguyên.

(3) *Homuncio*: Con người nhỏ.

quán rượu thậm thọt, quen kẻ cắp, mày tao với gái điếm, nói lóng, hát nhảm, thế mà chẳng có chút ác ý nào. Vì lòng nó chứa một hòn ngọc, hòn ngọc của tuổi thơ ngây, mà ngọc thì có ngâm dưới bùn cũng chẳng tiêu tan trong bùn. Chúa muốn rằng khi con người còn là trẻ con thì lòng phải ngây thơ vô tội.

Nếu người ta hỏi cái thành phố khổng lồ: "Thằng bé ấy là ai?" Nó sẽ trả lời: "Con tôi".

II

MỘT VÀI DẤU HIỆU ĐẶC BIỆT CỦA NÓ

Thằng nhóc Pari là đứa bé tí hon của mụ mẹ khổng lồ.

Ta cũng không nên cường điệu quá. Chú tiên đồng của hè rãnh ấy, mình đôi khi cũng có một cái sơ-mi, nhưng chỉ có một chiếc thôi; thỉnh thoảng chân cũng xỏ giầy, nhưng là đôi giầy không đế; hãn hữu nó cũng có nhà và nó yêu cái nhà ấy, bởi vì trong nhà có mẹ nó; nhưng nó thích hè phố hơn bởi vì ở đấy nó được tự do. Đứa bé ấy có những trò đùa nghịch, trò ác riêng của nó, nhằm vào bọn tư sản mà nó thù ghét. Nó cũng biết ví von: Chết thì nó bảo là: *ăn rau bồ công anh đằng rễ*; nó có nghề nghiệp riêng của nó: gọi xe, hạ bực lên xuống, đưa người qua đường trong những trận mưa rào để lấy thuế quá giang và gọi đó là: bắc những chiếc *cầu nghệ thuật*, rao những bài diễn văn của chính quyền cho nhân dân nghe, nạo đất giữa các viên đá rải đường: nó có tiền tệ của nó là tất cả những mảnh đồng nho nhỏ như kiểu đồng tiền mà nó nhặt được ngoài đường. Cái thứ tiền kỳ lạ mang tên là lôcơ(1) có một thị giá cố định và được ấn định rất chặt chẽ trong cái xã hội tí hon lang thang này.

(1) *Loque*: mảnh.

Nó cũng có cái thế giới súc vật riêng của nó mà nó quan sát một cách chăm chú trong các góc, các xó: con bọ rùa, con bọ xanh hình đầu lâu, con nhện cỏ, con "quỉ", con sâu đen cuốn cái đuôi có hai sừng để dọa kẻ thù. Nó cũng có một con quái vật thần thoại của nó, có vẩy dưới bụng mà không phải là con thằn lằn, có mụn sù sì trên lưng mà không phải là con cóc, nằm trong những lỗ các lò vôi bỏ trống và những giếng những cống nước khô, đen sì, lông lá nhầy nhụa, con vật ấy bò đi khi thì nhanh, khi thì chậm, không có tiếng kêu, nhưng mà nhìn người ta, con vật dễ sợ đến mức chưa ai từng thấy. Nó gọi con quái vật ấy là "thằng điếc". Tìm thằng điếc dưới đá là một thú vui vào cái loại thú vui kinh hoàng. Một thú vui khác... đột nhiên lật một viên đá lát đường để tìm những con bọ cạp. Mỗi khu ở Pari đều nổi tiếng với những con vật kỳ thú có thể tìm thấy. Có những con "chọc tai" ở những công trường Uyếcxuylinơ, có những con cuốn chiếu ở điện Păngtêông, có những con nòng nọc ở quảng trường Săng đơ Mácxơ.

Còn cái vốn từ ngữ thì thằng bé ấy chẳng kém Tânlêrăng: hắn chẳng kém trắng trợn nhưng mà hắn lương thiện hơn. Tính hắn vui, hài hước bất ngờ, cái cười rộ, cười điên của nó làm cho các chủ hiệu phải ngẩn ngơ, cái cười vui nhộn của nó rất phong phú, đi từ hài kịch cao cấp xuống tận trò hề.

Một đám ma đi qua. Trong số những người đi đưa có một ông thầy thuốc. Một thằng nhóc con kêu to: "Các thày lang bàn giao công trình của họ từ bao giờ thế?".

Một thằng nhóc khác đứng trong đám đông. Một vị trưởng giả nghiêm nghị, mang kính và giây đồng hồ, quay lại phẫn nộ: "Đồ khốn kiếp, mày vừa "quàng lưng" vợ tao."

- Thưa ngài, tôi! Xin ngài cứ khám người tôi xem(1).

(1) Chú nhóc con này chơi chữ Prendre la taille: Nghĩa bóng là ôm lấy người ta; Prendre nghĩa đen là cầm, nhón lấy cái gì (N.D.).

III

NÓ THẬT DỄ THƯƠNG

Buổi tối, chỉ với vài xu, lúc nào cũng có thể kiếm được, thằng bé ấy (1) đi xem hát. Vừa bước vào cái ngưỡng cửa thần kỳ ấy, nó cải hoá hoàn toàn. Nó không còn là thằng nhóc nữa mà là chú bé titi. Những rạp hát là những con tàu thủy đặt ngược, đáy lộn lên trên. Chính ở cái đáy ấy mà cái đám titi này chồng chất. Thằng ti ti đối với thằng nhóc, cũng như con bướm đối với con sâu. Cũng một con vật ấy nhưng không bò lê mà bay lượn. Chỉ cần có mặt nó với những tia sáng tươi vui mà nó phát ra, với cái độ nồng nhiệt hào hứng của nó, với những cái vỗ tay giống như vỗ cánh, đủ khiến cho cái đáy thuyền chật hẹp, hôi hám, tối đen, tiều tuỵ, bẩn thỉu, xấu xa, ghê tởm ấy mang tên là "Thiên đường".

Hãy cho một đứa trẻ những cái vô ích và tước hết những cái cần thiết, nó sẽ thành thằng "nhóc con".

Thằng nhóc con thế mà cũng có khiếu văn chương. Xu hướng văn chương của nó chúng tôi nói điều này mà có phần tiếc không phải là xu hướng cổ điển. Theo bản chất của nó, nó rất ít mô phạm. Đơn cử một thí dụ: cái lừng lẫy của nữ nghệ sĩ Mácxơ(2) vào trong đám công chúng những đứa trẻ bão táp ấy liền được điểm thêm một chút gia vị hài hước. Thằng nhóc con gọi cô Mácxơ là cô Muysơ.

Nhân vật ấy nói bô bô, chế nhạo mỉa mai, ẩu đả, quần áo tã như một đứa trẻ con và bệ rạc như một nhà triết học. Câu cá ở cống, săn ở rãnh, biến rác rưởi thành vui

---

(1) Nguyên văn La-tinh: homuncio.

(2) Mas thường gọi là cô Mars, nữ nghệ sĩ sân khấu nổi tiếng của nước pháp, đầu thế kỷ 19, đóng rất tài tình những nhân vật của Molière và Marivaux (1779 - 1847).

tươi, la hét, quát tháo ở góc phố, đầu đường, vừa cười, vừa cắn, huýt sáo chế nhạo và hát ca, hoan hô và đả đảo, dung hòa bài ca ngợi của chúa Alêluya với điệu khôi hài Matăngtuyluyretơ, tung tất cả các điệu nhạc thơ từ điệu *De profundis* đến điệu Siêngli, chẳng tìm mà vẫn thấy, biết cái nó không biết, tự nghiêm khắc với mình mà vẫn ăn cắp vặt, điên rồ mà vẫn khôn ngoan, trữ tình mà vẫn thô tục, ngồi xổm trên đỉnh núi Ôlanhpơ (1), lăn lộn trong đống phân mà đứng dậy người đầy sao sa. Thằng nhóc Pari là Rabơle (2) cỡ nhỏ.

Quần nó mà không có túi đựng đồng hồ thì nó không bằng lòng.

Nó ít khi ngạc nhiên, càng không hay sợ, chế giễu kẻ mê tín, xì hơi những kẻ bốc đồng, nhạo báng những chuyện thần bí, đùa nhạo cả ma, làm cho kẻ say sưa vỡ mộng, đưa những nét châm biếm vào những phóng đại hùng ca. Không phải vì nó thô lậu, nhưng vì nó muốn thay thế những viễn cảnh trang nghiêm bằng một bức tranh sặc sỡ phường chèo. Nếu Ađamxto (3) hiện ra nó sẽ bảo: "Ô kìa? Ngoáo ộp!".

IV
NÓ CŨNG CÓ THỂ CÓ ÍCH

Pari bắt đầu bằng anh chàng vô công rồi nghề và kết thúc ở chú nhóc con, hai nhân vật mà không một thành thị nào có được: ở đây là sự thừa nhận thụ động tự thỏa mãn bằng việc nhìn ngó, ở đấy là sáng kiến vô tận: anh chàng Pơruđom và chú Phuiu. Chỉ có Pari mới có những loại ấy trong lịch sử sinh vật của nó. Tất cả trật tự quân

(1) *Olympe*: tên một ngọn núi ở Hy lạp. Theo thần thoại Hy lạp, núi này là nơi ở của các vị thần.

(2) *Rabelais*: nhà văn nổi tiếng thế kỷ 16 nước Pháp, hiện thực và trào phúng.

(3) *Adamastor*: thần khổng lồ làm bão tố.

chủ là dựa vào anh chàng vô công rồi nghề, và thằng nhóc con là tất cả cái vô chính phủ.

Đứa trẻ xanh xao vùng ngoại ô Pari sống và phát triển, "thắt nút" và "cởi nút" trong nghèo khổ đau đớn, trước thực tế xã hội và những sự việc của con người, nó là một nhân chứng tư lự. Nó tưởng nó vô tư lự, vô tình, thực ra nó không như thế. Nó trông nhìn, sẵn sàng để cười đùa; nhưng cũng sẵn sàng để làm việc khác nữa. Dù anh là ai, mang tên là Thành kiến, Những lạm, Ô nhục, Áp bức, Vô lý, Độc đoán, Bất công, Cuồng tín, Bạo ngược, thì hãy coi chừng thằng nhóc con há hốc miệng ấy.

Thằng bé ấy sẽ lớn dần.

Thứ đất thó nào đã nặn thành nó? Đất bùn nào cũng được. Một nắm bùn, một hơi thở thổi vào, thế là thành Adam. Chỉ cần có một thần thiêng thổi qua. Lúc nào cũng có một thần thiêng đi qua con người thằng nhóc con. May rủi tạo nên con người bé nhỏ ấy. May rủi đây chúng tôi hiểu na ná như phiêu lưu. Con người tí hon ấy nặn bằng cái thứ đất chung của mọi người: dốt nát, mù chữ, ngơ ngẩn, thô tục, là một dân Iôni (1) hay một dân Bêôxi (2)? Hãy chờ đây: *Currit rota*(3). Cái tinh thần của Pari, con quái vật đẻ ra những đứa trẻ con từ ngẫu nhiên và những con người từ số phận, trái với người thợ gốm la-tinh, từ một cái vại thô đã làm nên một cái bình quý.

V
BIÊN GIỚI CỦA NÓ

Thằng nhóc con yêu thành thị, đô hội, nó cũng thích nơi vắng vẻ quạnh hiu. *Urbis amator* (4) như Phuyquyxơ; *rurus amator*(5) như Phơlaquyxơ.

(1) Ionie: một miền Cận Đông Cổ, có dân Hy lạp ở, nổi tiếng là thông minh (N.D.).

(2) Beotie: một miền Hy lạp cổ, dân mang tiếng là ngu dốt (N.D.).

(3) Tiếng la-tinh, nghĩa: bánh xe luân chuyển.

(4) Người ham mê thành thị.

(5) Người ham mê nông thôn.

Lang thang mà suy nghĩ, tức là đi thơ thẩn, là một cách dùng thì giờ tốt của nhà triết học, nhất là ở cái vùng nông thôn hơi dở dang khá xấu xí nhưng lạ lùng và bao gồm hai thứ cảnh vật, cái vùng bao quanh một số thành phố lớn, đặc biệt là Pari. Quan sát vùng ngoại ô là quan sát cái lưỡng thể. Hết ngọn cây, bắt đầu mái ngói, hết bãi cỏ, bắt đầu đường đá, hết luống cày, bắt đầu các dãy hàng hiệu, hết những vết rãnh bánh xe, bắt đầu những đam mê, hết tiếng rì rào thần tiên, bắt đầu tiếng ồn ào của con người, do đó mà có một lý thú đặc biệt.

Vì thế cho nên những vùng ít hấp dẫn này mà người qua đường kêu là buồn, đã trở thành những con đường dạo chơi, có vẻ như không mục đích của con người thơ thẩn.

- Người viết những dòng này, trong nhiều năm tháng đã quen đi dạo các vùng cửa ô Pari, nơi đã để lại những kỷ niệm sâu sắc. Những bãi cỏ sát đất, những lối đi gồ ghề đá, những đá vôi, đất vôi, thạch cao, những vùng rộng bỏ hoang hẳn, hay bỏ hoá một vụ, những cây rau đầu mùa của các nhà trồng rau đột nhiên hiện ra ở cuối một khu đất, cái hỗn hợp cảnh hoang vu và thành thị, những khu rộng vắng tanh mà tiếng trống trại lính bỗng rộn lên, như tiếng bập bẹ của chiến trận, những cảnh vắng lặng ban ngày, trộm cướp ban đêm, cái cối xay rã cánh còn quay trước gió, những cái bánh xe trong các mỏ đá cũ, những quán rượu ở bên cạnh nghĩa địa, sự hấp dẫn huyền bí của những bức tường đen tối, chia cắt những bãi rộng mênh mông, hoang vắng, tràn ngập ánh sáng và đầy cánh bướm, tất cả những cái đó đã làm tôi say mê.

Hầu như không có ai trên trái đất này biết các khu hẻo lánh lạ lùng ấy: La Gơlaxie, la Quynetơ, cái bức tường Gơrơnelơ ghê tởm, lỗ chỗ đầy vết đạn, ngọn đồi Môngpácnaxơ, cái hố Phôxơôlu, khu Ôbiê trên bờ sông Mácnơ, Môngxuri, la Tôngbơ Ixoarơ, la Pierơ Pơlatơ. Satiông nơi có một cái mỏ đá cũ đã hết đá nay chỉ dùng để trồng nấm, miệng mỏ có một cái nắp đậy bằng những tấm gỗ mục. Vùng ngoại ô Rômơ có ý nghĩa của nó, vùng ngoại ô Pari cũng có ý nghĩa riêng của nó. Đứng trước một cảnh vật mà nhìn thấy những cánh đồng, những nhà cửa, những cây cối, mới chỉ là nhìn thấy bề mặt; tất cả những cái vẻ bên ngoài của sự vật đều là những ý nghĩ của Chúa. Cái nơi mà một cảnh đồng quê tiếp giáp với một thành phố bao giờ cũng nhuốm một nỗi buồn man mác và thấm thía. Thiên nhiên và nhân loại đều muốn tâm sự với ta. Những nét độc đáo của địa phương thể hiện rõ ở đây.

Ai đã đi dạo như chúng tôi trong những khu vắng vẻ tiếp giáp vùng ngoại ô, mà người ta có thể gọi là những vườn trẻ của Pari, cũng thoáng thấy đây đó, ở những nơi vắng nhất, vào một giờ bất ngờ nhất, đằng sau một cái hàng rào thưa, hay trong một góc tường ảm đạm những trẻ em, túm tụm, ồn ào, xanh xao, bùn dây, bụi bám, rách rưới, đầu tóc lởm chởm, quần hoa dua xanh đang chơi đánh chắn vòng gạch. Chúng đều là những trẻ em nghèo. Những phố xá, ngoại thành này là môi trường dễ thở của chúng, vùng ngoại ô là của chúng. Chúng luôn luôn đến nơi này để lang thang. Chúng tha hồ hát, một cách hồn nhiên, những bài hát bậy bạ nhất. Chúng ở đây hay nói đúng hơn, chúng sinh sống ở đây, không có con mắt ai dòm ngó, trong ánh nắng êm dịu tháng năm hay tháng

sáu, quỳ lổm ngổm xung quanh một cái lỗ sâu, bắn bi với ngón tay cái, tranh giành nhau từng đồng kẽm, chẳng lo sợ ai trách cứ, như con chim sổ lồng cất cánh bay, thả dây, sung sướng. Khi thoáng thấy bóng người lớn, chúng sực nhớ rằng chúng cũng có nghề nghiệp và cũng phải kiếm ăn, chúng liền mời bạn mua một chiếc bít tất đen đầy những bọ dừa hay là một chùm hoa soan. Những đám trẻ con kỳ lạ ta gặp như thế là một trong những thú mê người của vùng ngoại ô Pari. Nhưng sự gặp gỡ ấy cũng làm ta se lòng.

Thỉnh thoảng trong đám con trai nhỏ ấy có những em gái nhỏ-có phải là chị em của bọn con trai kia không?-gần như là thiếu nữ rồi, gầy còm, xanh mét, bàn tay sạm nắng, mặt lỗ chỗ những nốt đỏ, tóc chít những vành hoa lúa mạch hay hoa mào gà, vui tươi, ngơ ngác, đi chân đất. Có khi gặp các cháu gái ấy nhằn những trái anh đào trong đám lúa. Buổi chiều thường nghe thấy tiếng các em cười. Những nhóm trẻ ấy, giữa nắng ấm ban trưa, hay mờ thoáng trong bóng hoàng hôn, làm cho người đi dạo chơi thơ thẩn phải suy nghĩ nhiều, và hoà vào giấc mơ đang diễn ra trong trí.

Pari: tâm điểm, ngoại ô, chu vi; thế là tất cả thế giới rồi, đối với các trẻ nhỏ ấy không bao giờ, không bao giờ chúng đi quá ra ngoài khu vực ấy. Chúng không thể ra khỏi cái vùng khí quyển của Pari, cũng như cá không thể ra khỏi nước. Đối với chúng, qua cửa ô hai dặm là không có gì nữa cả. Ivơry, Giăngchii, Accơi, Belơvilơ, Ôbeviliê, Mêninmôngtăng, Soadilơroa, Biăng-cua, Môđông, Ixi, Văngvơ, Xevơrơ, Puytô, Nơii, Gienơviliê, Côlôngbơ, Rô manhvilơ, Satu, Axơnierơ, Bungivan, Năngte, Ângganh, Noadilơxêch, Nôgăng, Guốcnay, Đơrăngxi, Gônexơ (1), những nơi đó là tận cùng vũ trụ.

(1) Tất cả đều là các vùng ngoại ô của thủ đô Pari (N.D.).

VI
MỘT ÍT LỊCH SỬ

Vào thời ấy cũng sát vào thời kỳ này rồi, thời xảy ra câu chuyện kể trong bộ sách này, chưa có như bây giờ một viên cảnh sát của thành phố ở mỗi góc đường (chưa phải lúc nên bàn hơn thiệt về sự tốt đẹp này). Những trẻ con lang thang đầy cả Pari. Thống kê bấy giờ cho một con số trung bình là 260 trẻ không nhà cửa, nhặt được mỗi năm trong các cuộc đi tuần của cảnh sát trong các khu đất hoang, trong những ngôi nhà đang xây dựng và dưới gầm cầu. Một trong những cái tổ ấy đã trở thành nổi tiếng, đã sản sinh ra "những con chim én cầu Accolơ". Chuyện đó là một triệu chứng xã hội tai hại nhất. Tội ác của người lớn bắt đầu từ cuộc sống lang thang của trẻ con.

Tuy vậy phải loại trừ Pari. Trong một chừng mực tương đối, và mặc dầu thực tế cũ chúng tôi đã vừa nhắc lại, việc loại trừ ấy rất xác đáng. Trong khi ở bất cứ một thành phố lớn nào khác, một đứa trẻ lang thang sẽ là một người lớn hư hỏng, trong khi ở hầu hết khắp nơi, một đứa trẻ không ai chăm sóc như là đã dành sẵn và giao phó cho những tật xấu thói hư của xã hội nhận chìm như có định mệnh, làm tiêu tan cả tính lương thiện và lương tri, thì trái lại thằng nhóc của Pari-ta hãy nhấn mạnh vào điểm này-dù xù xì và sứt mẻ rất nhiều ngoài da, bên trong vẫn còn nguyên bản chất. Một điều cao đẹp đáng nhìn, hiện rõ tính thanh liêm sáng ngời trong các cuộc cách mạng quần chúng, đó là cái tính ngay thật không mua chuộc được, xuất phát từ ý niệm tiềm tàng trong bầu không khí của Pari, như muối tiềm tàng trong nước bể. Hít thở Pari là giữ gìn tâm hồn trong sạch.

Điểm chúng tôi nói trên đây không tránh cho chúng tôi khỏi se lòng mỗi khi gặp một trẻ nhỏ mà xung quanh người như thấy bay lơ lửng những sợi chỉ gia đình đã bị đứt đứt. Trong nền văn minh hiện đại-hãy còn xa mới hoàn chỉnh này-những gia đình đổ vỡ, tiêu tan trong bóng tối không phải là hiếm có, bất thường, những gia đình không còn biết con cái mình đã ra sao, những gia đình đã bỏ vãi ruột rà của mình trên đường phố. Do đó mà có những số phận con người mờ mịt. Cái đó đã được mệnh danh-cái thực tế đáng buồn ấy đã đi vào ngôn ngữ-là "bị vứt ra mặt đường Pari".

Nhân đây cũng phải nói là những chuyện đem con bỏ chợ ấy, chế độ quân chủ cũ không ngăn cấm. Một ít cái cảnh "xã hội Ai-cập" hay "bôhêm" ấy, trong những tầng lớp dưới của xã hội cũng là một điều tiện lợi cho cái tầng lớp trên và "được việc" cho nhà quyền thế. Thù ghét việc cho con em nhân dân đi học vẫn là một giáo điều kinh viện. "Hay chữ lỏng" thì ích lợi gì? Đó là khẩu hiệu. Mà đứa trẻ lang thang là kết quả tất nhiên của đứa trẻ ngu dốt.

Vả lại triều đình đôi khi cần trẻ con, lúc ấy họ cho đi hớt trẻ của Pari.

Dưới triều vua Lui XIV-để khỏi phải đi ngược thời gian xa hơn-nhà vua muốn lập một đội hải thuyền. Việc ấy chính đáng, ý kiến tốt. Nhưng hãy xét xem biện pháp thế nào? Không thể có hải thuyền, nếu bên cạnh thuyền buồm mà gió muốn đưa đi đâu thì đưa, và để khi cần kéo những thuyền buồm này, không có những con thuyền muốn đi

đâu cũng được, hoặc bằng mái chèo, hoặc bằng hơi nước. Những thuyền có người chèo (1) trong hải quân lúc bấy giờ, cũng như bây giờ những tàu thủy chạy bằng hơi nước. Vậy thì phải có những *galerơ*, nhưng thuyền *galerơ* chỉ có thể đi lại khi có những người *galêriêng*. Vậy thì phải có những *galêriêng*. Thủ tướng Conbe ra lệnh cho các quan đầu tỉnh và các toà án địa phương kết án khổ sai càng nhiều người càng hay. Và các vị thẩm phán đã hết sức tích cực trong việc này. Một người không ngả mũ khi một đám rước thánh đi qua, thế là có thái độ "tín đồ cải cách", phải đi tù khổ sai. Gặp một đứa trẻ ở ngoài đường phố, miễn nó 15 tuổi rồi và không có chỗ ngủ, thế là cho đi khổ sai. Triều đại lớn! Thế kỷ lớn! (2).

Dưới triều vua Lui XV, không còn bóng trẻ con ở Pari, cảnh sát hốt chúng đi, không biết để làm chuyện bí mật gì. Người ta thì thầm một cách kinh hãi, những ức đoán quái gở về cái nước tắm đỏ của nhà vua. Bácbiê kể những chuyện đó một cách tự nhiên. Có trường hợp bọn cảnh sát không tìm đủ trẻ em vô thừa nhận, bắt cả trẻ em có bố. Bố chúng thất vọng, xông vào đánh cảnh sát. Trong trường hợp ấy toà án can thiệp và bắt treo cổ. Treo cổ ai? Bọn bắt người à? Không, những người bố nọ.

---

(1) Nguyên văn *galères* - thường thường họ bắt người tù khổ sai chèo. Do nguồn gốc lịch sử ấy mà chữ galères trong tiếng Pháp không những chỉ những chiếc hải thuyền lớn có người chèo mà còn chỉ tội hình khổ sai chung thân nữa.

Galérien: người tội phạm bị bắt chèo thuyền.

(2) Lịch sử Pháp gọi vua Lui XIV là Lui Đại Đế, và thế kỷ 17 là thế kỷ lớn (N.D.).

VII

BẦY "NHÓC CON" CÓ THỂ CÓ VỊ TRÍ TRONG BẢNG PHÂN LOẠI TẦNG LỚP XÃ HỘI Ở ẤN ĐỘ

Loại nhóc con của Pari hình như là một tầng lớp xã hội. Người ta có thể nói: không phải dễ ai cũng được ở trong các tầng lớp ấy.

Từ "nhóc con" (gamin) được in trên sách lần đầu tiên và từ ngôn ngữ bình dân bước vào ngôn ngữ văn học năm 1834. Chính trong một quyển sách nhỏ nhan đề là "Côlôđơ, anh nghèo kiết" (1) mà danh từ đó xuất hiện. Việc đó làm nhiều người bất bình nhưng danh từ đó đã lọt.

Những yếu tố của sự quý trọng trong giới nhóc con rất đa dạng, phong phú. Chúng tôi đã biết và quen một chú nhóc con rất được kính trọng và khâm phục vì chú này đã được trông thấy một người ngã từ trên tháp của nhà thờ Đức bà xuống; một chú nữa vì đã lẻn được vào sân sau của điện Anhvalidơ, nơi mà các bức tường của vòm điện được cất tạm và đã "thó" một ít chì của các tượng đó; một chú thứ ba vì đã trông thấy một chiếc xe hòm chở khách đổ, một chú nữa vì chú này "thân" với một anh lính đã tí nữa chọc thủng mặt một gã tư sản.

Vì thế cho nên ta hiểu được câu than thở này của một chú nhóc con Pari, một lời tổng kết sâu sắc, khiến người tầm thường cười mà chẳng hiểu gì: "Trời ơi trời! Số mình đen đủi thay! Mình chưa được trông thấy một gã nào ngã từ gác năm xuống hè mới khổ chứ!".

Câu nói sau này hẳn là một câu nói ý vị của nông dân: "Này ông kia! Bà nhà ông chết vì bệnh, sao ông không đi

(1) "Claude Gaeux" nhan đề một cuốn tiểu thuyết của Victo Huygô xuất bản năm 1834.

mời thày thuốc cho bà ấy?-chao ôi! Thưa ngài những kẻ nghèo chúng tôi chết một mình được".- Nhưng nếu tất cả bẩm tính thụ động và nhạo báng của nông dân nằm trong câu nói kia thì chắc chắn tất cả cái tự do tư tưởng, vô chính phủ của chú bé ngoại ô lại ở trong câu nói này: một tử tù trên chiếc xe đưa hắn ra pháp trường đang lắng nghe cha giải tội. Chú bé Pari kêu to: "Hắn nói với cha cố của hắn đấy, ôi thằng *cáy*".

Về mặt tín ngưỡng thì thái độ táo bạo làm tăng giá trị của chú "nhóc con". Không tín ngưỡng rất là quan trọng.

Dự những vụ hành hình là một nhiệm vụ, chúng chỉ máy chém cho nhau xem và cười. Chúng đặt cho nó tất cả các thứ tên cúng cơm: "Thế là hết xúp", "Tên cảu nhảu", "Bà mụ Thiên Thanh", "Miếng ngoạm cuối cùng" v.v... v.v... Để nhìn cho kỹ, không bỏ sót tí nào, chúng trèo tường, leo lên ban-công, trèo lên ngọn cây, đu người trên cánh cổng sắt, bám vào ống khói lò sưởi. Chú nhóc con bẩm sinh là thợ lợp mái cũng như là thủy thủ. Hắn chẳng sợ mái nhà cũng như cột buồm. Không có đình đám nào vui hơn là đến pháp trường Gơrevơ. Xamxông và linh mục Mông texơ là những cái tên đại chúng nhất. Họ la ó kẻ tử tội để cho hắn bạo hơn. Có khi họ khâm phục tù nhân ấy: chú nhóc Laxơnerơ thấy tên Đôtông ghê gớm chết một cách dũng cảm quá, đã phải thốt ra câu nói này, câu nói chứa đựng cả một tương lai: "Mình ghen với hắn ta".

Cái giới "nhóc con" ấy không biết Vonterơ nhưng mà biết Papavoanơ. Trong những chuyện đặt ra họ để lẫn lộn

những "chính khách" với những sát nhân. Họ ghi nhớ và truyền lại về sau các trang phục cuối cùng của tất cả các nhân vật đó. Họ biết là Tolôrông đội một cái mũ sốp-phơ. Avơrin có một cái mũ lưỡi trai da rái cá. Luven có một cái mũ tròn, ông già Đơ Lapooctơ hói và đi đầu trần, Caxtanh thì hồng hào và rất xinh. Bori có một bộ râu rômăng tích(1). Giăng Mắc-tanh vẫn giữ đai quần. Locuphê và mẹ hắn cãi nhau; một chú nhóc con nói xen vào: "Thôi đừng trách móc oán giận cái sọt của anh". Một chú khác bé quá, muốn nhìn rõ Đơbácke khi hắn đi qua, đã chọn được một cái cột đèn treo trên bờ sông và leo lên đó. Một cảnh binh đứng gác chỗ ấy, cau mày trợn mắt nhìn chú. Chú nhóc vội nói: "Thưa ngài cảnh binh, cứ cho tôi trèo" và để cho chính quyền cảm động, chú nói thêm: "Cháu không ngã đâu". Người cảnh binh trả lời: "Mày ngã thì mặc xác mày chứ việc gì đến tao".

Trong giới nhóc con, một tai nạn lớn lao là một việc rất đáng kể. Người ta sẽ được trọng vọng cao độ nhất nếu đã bị đứt tay, đứt chân đến "tận xương".

Quả đấm không phải là yếu tố tầm thường của sự trọng thị. Một câu mà các chú nhóc thường thích nói là: "Ta cũng khá khoẻ đấy chứ!". Thuận tay trái là một điều nhiều chú thèm; lác mắt cũng là một điều quý.

VIII
CÂU NÓI LÝ THÚ CỦA ÔNG VUA VỪA QUA

Mùa nực chú nhóc hóa thành con ếch; buổi chiều khi trời sẩm tối, trước các cầu Austéclit và Iêna, từ trên những thuyền than và những thuyền giặt, chú lao đầu

(1) *Romantique*: lãng mạn. Danh từ lãng mạn đã đi vào ngôn ngữ thông thường của tiếng Pháp (N.D.).

nhảy xuống sông Xen và nhảy vào tất cả các sự vi phạm luật phong hoá và trật tự thành phố. Thế mà các cảnh binh thành phố vẫn canh gác cẩn mật, do đó mà nẩy ra một hoàn cảnh rất bi kịch, đã sản sinh ra một lời báo hiệu rất huynh đệ và rất đáng ghi nhớ: cái lời nói ấy nổi tiếng vào khoảng 1830 là một lời báo hiệu có tính chất chiến lược, chú này báo cho chú khác, ngâm nga như một câu thơ của Hôme, với một cách điệu khó diễn đạt, như là một nhạc điệu Elơđixơ của các thần Panatênê và người ta cảm thấy ở đó có Evôhê thời cổ xưa. Lời ám hiệu ấy như sau: "Ơ này Titi, ơ này! Có cọp đấy, có cú đấy, dọn hàng và xéo đi, chuồn cống ấy".

Đôi khi cái con ruồi ấy-các chú thường gọi nhau như thế-biết đọc; đôi khi biết viết, nhưng chú nào cũng biết vẽ bôi vẽ bác. Các chú không ngần ngại gì tự trang bị cho nhau, không biết bằng một cách bồi dưỡng bí mật lẫn cho nhau nào, tất cả những tài năng cần thiết cho lợi ích công cộng. Từ 1815 đến 1830 các chú bắt chước tiếng kêu của gà tây, từ 1830 đến 1848 các chú vẽ hôi những quả lê trên tường. Một buổi chiều mùa hè vua Lui Philip (1) đi bộ về cung, bắt gặp một chú nhóc, tí xíu, cao bằng chừng này, đang cố nghển lên, mồ hôi, mồ kê nhễ nhại, để vẽ một quả lê khổng lồ, bằng than trên trụ cổng Nơiy. Vua Lui Philip với cái vui tính thừa hưởng của vua Hăngri IV đã giúp cho chú nhóc con vẽ xong quả lê rồi cho chú một đồng Lui vàng và bảo chú: "Trên đồng tiền này cũng có quả lê đấy!".

Chú nhóc con rất ưa thích huyên náo. Cái trạng thái bạo động rất phù hợp với chú. Chú rất ghét các cha cố. Một hôm giữa phố Uynivecxitê, một chú trong nhóm trẻ

(1) Những người phản đối vua Lui Philip vẽ những hình biếm họa, biến mặt sau vua thành một quả lê (N.D.).

buồn cười này để tay lên mũi, làm dấu nhạo trước cái cổng lớn của số nhà 69. Một người qua đường hỏi: "Sao mày lại làm cái trò ấy ở cái cổng này?". Đứa trẻ trả lời: "Trong ấy có một cha xứ". Thật vậy, nhà ấy là dinh của vị khâm mạng tòa Thánh. Tuy vậy mặc dầu cái tính ngạo mạn kiểu Vonte ấy đến mức độ nào, nếu có dịp chú nhóc con được mời tham gia tốp đồng ca trong nhà thờ, chú nhóc cũng có thể nhận và khi ấy chú phục vụ buổi lễ một cách rất nghiêm trang. Có hai chuyện mà chú nhóc khao khát như Tăngtalơ(1), chú luôn luôn mơ ước mà không đạt được: đó là lật đổ chính phủ và khâu lại cái quần dài của chú.

Chú nhóc hoàn chỉnh là chú nắm được lý lịch của tất cả cảnh binh thành phố Pari, và mỗi khi gặp một cảnh binh bao giờ chú cũng có thể trông mặt chỉ tên một cách đích xác. Chú đếm tên bọn họ trên đầu ngón tay, nghiên cứu tác phong của họ và có những ghi chú đặc biệt về mỗi một tên cảnh binh ấy. Chú đi guốc vào bụng những nhân viên của sở cảnh sát. Chú có thể nói với bạn, nói ngay, không cần suy nghĩ và nói mạnh dạn: Tên này là một tên phản bội; - tên này rất ác; - tên này to kếch; - tên này lố bịch (tất cả các từ ấy: phản bội, ác, to kếch, lố bịch trong miệng của chú có những ý nghĩa đặc biệt); - tên này tưởng Pôngnôp là nhà riêng của hắn và cấm không cho người ta

(1) *Tantale*: nhân vật trong thần thoại Hy lạp bị thần Giuypite bắt chịu tội hình đứng trong dòng nước mà chịu khát, dưới những trái cây chín trên cành mà chịu đói (N.D.).

dạo mát trên rìa cầu ở ngoài lan can: - tên kia có cái thói "kéo tai các vị" v.v...

IX
HỒN XƯA CỦA XỨ GÔLƠ (1)

Có một phần chú bé ấy trong Pôcơlanh(2), đứa con của chợ Pari, và một phần trong Bômácse. Tính nhóc con là một sắc thái của tinh thần Gôloa. Nó làm cho người biết phải trái có thêm sức mạnh cũng như cồn làm rượu vang thêm mạnh. Đôi khi cái tính ấy cũng là một khuyết điểm. Hôme cũng có lúc rườm rà, đúng, và có thể nói là Vonte cũng "nhóc". Đêmulanh là dân ngoại ô. Săngpiône, người vẫn đả kích những phép màu của thánh, cũng từ hè phố Pari sinh ra; ngày bé, ông đã từng tè trên các cửa nhà thờ Xanh Giăng đơ Bôvê và Xanh Têchiên đuy Mông; ông đã nhạo báng khá nhiều lần cái hòm thánh tích của nữ thánh Giơnơvievơ cho nên sau này có thể ra mệnh lệnh cho cái lọ đựng máu của thánh Giăngviê.

Chú nhóc Pari biết tôn kính, biết mỉa mai và biết ngỗ ngược. Răng của chú rất tởm vì chú ăn đói và đau dạ dày, nhưng chú có đôi mắt đẹp bởi vì chú thông minh. Ngay cả trước mặt Chúa trời Giêôva, chú cũng có thể nhảy lò cò trên những bậc thềm đưa đến thiên đường. Chú có những cái đá khá mạnh. Lúc nào chú cũng có thể trỗi dậy, lớn lên. Chú lê la ở cống rãnh, nhưng vùng đứng lên ngay khi có cuộc khởi nghĩa, chú vẫn ngỗ ngược cả trong mưa đạn.

---

(1) *Gaule*: tên của nước Pháp thời cổ đại.

(2) *Poquelin*: tên thực của Môlie (Molière).

lúc nãy là một thằng nhãi, bây giờ là một anh hùng! Như em nhỏ thành Tebơ, chú dám vuốt râu sư tử. Bara đánh trống là một nhóc của Pari. Chú hô to: Tiến! Như con ngựa của kinh thánh nói: Đi! Và trong một phút từ một trẻ nhỏ chú đã trở thành một người khổng lồ.

Đứa con của vũng bùn ấy cũng là đứa con của lý tưởng. Bạn hãy đo cái tầm rộng đôi cánh từ Môliero đến Bara (1).

Nói tóm lại, để rút tất cả vào một câu, chú nhóc là một trẻ nhỏ vui đùa vì chú nghèo khổ.

X

PARI ĐÂY, NGƯỜI ĐÂY

Cũng để tóm tắt tất cả một lần nữa, chú nhóc của Pari, ngày nay, cũng như chú Graquyluyxơ thành Rômơ xưa, đó là hình ảnh nhân dân trẻ con mang trên trán vết nhăn của thế giới già cỗi.

Chú nhóc là một vẻ đẹp của quốc gia nhưng cũng là một bệnh tật. Bệnh tật này phải chữa. Chữa cách nào? Bằng ánh sáng.

Ánh sáng làm cho mọi vật lành mạnh.

Ánh sáng làm cháy sáng.

Tất cả những ánh sáng tốt lành của xã hội đều bắt nguồn từ khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục. Hãy đào tạo những con người, hãy đào tạo những con người. Hãy làm cho họ sáng lên để họ toả hơi nóng làm ấm chúng ta. Sớm muộn vấn đề giáo dục toàn dân rực rỡ sẽ được đề ra với uy lực không gì cản nổi của chân lý tuyệt đối, thực sự và lúc bấy giờ những kẻ lãnh đạo, dưới ánh sáng của tư

---

(1) *Bara*: thiếu niên anh hùng trong cách mạng Pháp 1789. Một mình bị vây, bị buộc phải hô: "Nhà vua muôn năm" nếu muốn được tha, em đã hô "Cộng hoà muôn năm" và bị giết chết.

tưởng Pháp sẽ phải chọn một trong hai điều này: những thiếu niên của nước Pháp, hay những nhóc của Pari, những ngọn lửa trong ánh sáng hay những bóng ma trơi trong đêm dày.

Chú nhóc biểu hiện Pari và Pari biểu hiện thế giới.

Vì Pari là một số tổng hợp, Pari là đỉnh của loài người. Tất cả cái thành phố kỳ diệu ấy là một sự rút ngắn tất cả những nếp sống đã chết đi và những nếp sống hiện hành. Ai nhìn Pari tưởng nhìn thấy cả những tầng sâu của tất cả lịch sử, và giữa những tầng đó là những bầu trời và những ngôi sao. Pari có đền Capi tolơ, toà Thị sảnh, có một đền Péctênông, nhà thờ Đức bà, có một đồi Avăngtanh, ngoại ô Xanh Ăngtoanơ, có một Adinariom, một trường Xoócbon, một đài phong thần Păngtêông, một con Đường Thiêng tức đại lộ Italiêng, một Phong tháp tức là dư luận quần chúng: và Pari thay cái tội bêu thây bằng cái lố bịch. Anh magiò(1), của Pari là chàng pharô(2), người tơrăngxtêvêranh(3) là dân phôbuariêng(4), anh haman(5) của nó là chú phođơ-lahan(6), anh ladarônê(7) là bọn Pegơrơ(8), chàng coc-nây(9) cà lậu găngđanh(10). Tất cả cái gì ở xứ khác có, Pari cũng có. Chị hàng cá Poaxécđơ của Đuymácse có thể sánh với chị hàng lá của

(1) Majo: chàng công tử Tây ban nha.
(2) Faraud: chàng công tử Pari.
(3) Transtévérin: dân ngoại ô thành La-mã.
(4) Faubourie: dân ngoại ô Pari.
(5) Hammal: phu khuân vác ở các nước Hồi giáo.
(6) Fort de la halle: phu khuân vác chợ ở Pari.
(7) Lazzarone: dân lang thang, lưu manh ở Ý
(8) Pègre: dân lưu manh du côn ở Pari.
(9) Cockney: hạng ăn chơi ở thành Luân-đôn.
(10) Gadin: chàng công tử bột ở Pari.

Oripiđơ: anh ném đĩa Vêgianuyxơ sống lại với anh leo giây Phôriôđô: Têrapôngtigômuyxơ Milexơ có thể khoác tay anh lính thủ pháo Vađơbông cơ: Đamadipơ với gánh hàng tạp hoá của anh sẽ sung sướng ngồi cùng các hàng xén. Lâu đài Vanhxen có thể giam Xôcơratơ, như Agôra giam Điđơro. Grimô đơ la Rây niơrơ đã nghĩ ra món thịt bò rán mỡ như Quyêc tiuyxơ món thịt dim quay. Chúng ta thấy xuất hiện lại dưới mái Ac đơ Lêtoilơ anh đu dây của Pơlôtơ: gã ăn gươm ở Pơxilơ mà Apuylê gặp, thì bây giờ là gã nuốt kiếm trên Pôngnợp; cháu ông Ramô và Quyarơ quyliông ăn bám là một cặp đôi rất tương xứng; Ecgađilơ có thể nhờ Đegơrơphơi giới thiệu đến gặp Căngbaxêrex; bốn chàng Muyxcađanh ở Rômơ: Anxêmac xuyxơ, Phơđơ rômuyxơ, Điabôluyxơ và Acgiripơ từ trên Lacuốctiơ đi xuống trong chiếc xe trạm của Labatuy: Ôluygielơ cũng chẳng đứng lâu trước Công ggriô hơn là Saclơ Nôđiê trước Pôlikinen; Mácton g không phải là một con hổ cái nhưng Pacdalixca cũng không phải là một con rồng; anh hề Păngtôlabuyxơ nói nhạo chàng ăn chơi Nômăngtanuyxơ ở tiệm cà phê Anh; Ecmôgiennơ là ca sĩ giọng cao ở Săng Êlidê và bên cạnh chàng, Tơradiuyxơ khố rách, mặc như anh hề Bôl esơ, cầm rá xin tiền. Anh chàng quấy rầy níu khuy áo bạn trước cung Tuylơri làm bạn phải nhắc lại sau hai nghìn năm câu hỏi của Texpơriông: "Tôi đang vội, ai níu áo tôi?". Rượu vang ở Xuyrexnơ nhại rượu vang ở Anbơ- Cái ly đỏ vành của Đêdôgiê cân xứng với cái cốc lớn của Balatơrông. Nghĩa trang Perơ Lasedơ trong đêm mưa bốc lên những ánh ma trơi như nghĩa trang Exkili và cái

hố của người nghèo mua năm năm cũng ngang với chiếc quan tài thuê của người nô lệ.

Bạn thử xem có cái gì ở trên đời mà Pari không có. Cái thùng rượu của Tơrôphôniuyxơ không chứa đựng cái gì mà cái thùng của Mexme không có. Ecgaphilaxơ sống lại với Cagôliôxtơrô; thầy tu Vadaphăngta hiện hình với bá tước Xanh Giecmanh; nghĩa trang Xanh Mêđa cũng có nhiều phép mầu nhiệm như chùa hồi giáo ở Đamaxơ.

Pari có một Edôpơ là Mayơ, một Căngđiđơ là tiểu thư Lơnoócmăng. Pari cũng sửng sốt như Đenphơ trước những cảnh ảo hóa hiện ra trước mắt chói loà; nó cũng làm bàn quay như Đôđonơ làm quay những chiếc ghế ba chân. Nó đặt cô gái lẳng lơ lên ngai vàng cũng như Rômơ đặt kỹ nữ lên ngai vàng và nói chung nếu Lui XV tồi tệ hơn Cơlôđơ thì bà Đuy Bari còn khá hơn Mexalinơ. Pari đã hoà trong một điển hình kỳ dị chưa từng thấy, một điển hình đã sống và chúng ta đã từng sát cánh, cái trần truồng của Hylạp, cái ung thối của Hêbrơ và cái trào phúng của xứ Gaxônhơ. Nó trộn lẫn Điôgen, Giôb và Payaxơ, khoác cho một cái bóng ma những số báo cũ của tờ *Lập hiến* và thành nhân vật Côđơruych Đuycơlơ.

Mặc dù Pơluytacơ nói: "Bạo chúa không già đi" Rômơ, với Xila cũng như với Đômixiêng, đã phải chịu nhẫn lại và pha thêm nước cho rượu vang loãng đi. Sông Tibơrơ(1) cũng là một sông Lêtê(2) nếu ta tin lời ca tụng hơi giáo điều của Varuyxơ Vibixquyxơ: "Chúng tôi chiếm sông Tibơrơ chống lại Gơraquyxơ uống nước sông Tibơrơ thì quên đấu tranh chống phiến loạn" (3). Pari một ngày uống

(1) *Tibre*: Sông chảy qua thành La- mã.

(2) *Léthé*: trong thần thoại Hy lạp, con sông âm phủ Léthé có nghĩa là "Quên". Những người chết uống nước sông này, quên hết chuyện cũ trên trần.

(3) Nguyên văn La-tinh: *Contra Gracchos Tiberim habenus. Bibere Tiberim, id est seditionem oblivisci.*

một triệu lít, nhưng không vì thế mà khi cần, Pari không gióng trống trận và đánh mõ ầm ĩ.

Nhưng ngoài những cái đó thì Pari rất hiền lành. Cái gì nó cũng bằng lòng. Pari không khó tính lắm về sắc đẹp. Thần vệ nữ của nó là người da đen; quỷ hồ làm cho nó vui cười là nó tha thứ hết; xấu làm cho nó vui; quái gở làm cho nó cười; tật xấu là trò vui giải trí; bạn cứ lố bịch là bạn làm cho mọi người cười; cả sự giả dối nữa, cái thứ trắng trợn tối đa ấy, cũng không làm cho nó công phẫn. Nó văn nghệ đến mức không bịt mũi trước Badilơ và lời cầu Chúa của Táctuyphơ không làm cho nó chướng tai, cũng như Hôraxơ không thấy cái nấc của Priapơ là khó chịu. Không có nét nào của bộ mặt loài người lại thiếu trên cái mặt của Pari. Cuộc khiêu vũ Mabiơ không phải là cuộc múa pôlimniêng của Gianiquylơ, nhưng mụ mua bán đồ trang sức cũng nhìn soi mói ả lẳng lơ như mụ mối Xtaphila dòm ngó cô gái trinh nữ Pơlanêdiom. Cửa ô đánh vật không phải là một Côlidê, nhưng người ta cũng hung dữ như có con mắt của Xêda. Mụ chủ tiệm người Xiri có duyên dáng hơn mụ Xaghê, nhưng cũng như Viêcgilơ lui tới quán rượu ở Rômơ thì Đavit Đăngiê, Bandắc và Salê cũng thường ngồi chén chú chén anh ở tiệm rượu Pari. Luôn luôn Pari ngự trị, những nhân tài chói loà ở đó và những cái đuôi đỏ cũng đầy dẫy ở đó: Chúa Adônai rong qua Pari trên chiếc xe mười hai bánh sấm chớp; thần Xilenơ tuý luý bước vào Pari trên thùng rượu khổng lồ. Xilenơ ở đây tức là Răngpônô.

Pari đồng nghĩa với vũ trụ. Pari là Atenơ, là Rômơ, là Xibarixơ, là Giêruydalem, là Păngtanh. Tất cả các nền

văn minh đều được cô đúc ở đây, tất cả các chế độ mọi rợ cũng ở đây. Pari mà không có một cái máy chém thì cũng sẽ rất bực mình.

Có một ít quảng trường Grevơ(1) cũng tốt. Tất cả cái hội hè đình đám triền miên ấy sẽ là gì nếu không có thứ gia vị kia? Luật pháp của chúng ta đã chuẩn bị chu đáo cho điều đó và nhờ có luật pháp, cái lưỡi dao kia mới rỏ máu trên đám hội ngày thứ ba béo ấy.

XI
NHẠO BÁNG, TRỊ VÌ

Có cái gì hạn chế được Pari không? Không. Không có một thành phố nào thống trị người ta mà đôi khi lại phỉ báng người ta. Ngày xưa Alêchxanđơrơ nói với dân thành phố Aten: "Hỡi người Aten! Làm vừa lòng được các người!". Pari không những làm ra luật, Pari còn làm ra "mốt". Pari không những làm ra mốt, Pari còn làm ra "lề thói". Khi nó muốn, Pari có thể ngớ ngẩn được: đôi khi nó cũng làm cái trò ấy, và lúc bấy giờ thì cả vũ trụ cũng ngớ ngẩn theo nó, nhưng rồi Pari thức tỉnh, giụi mắt và nói: "Ơ! sao mình ngu xuẩn thế!" và cười rộ vào mặt cả loài người: Một thành phố như vậy, quả là một kỳ quan! Thật là một điều kỳ dị, khi cái vĩ đại ấy và cái lố bịch ấy chung đụng với nhau. Khi tất cả cái đường bệ ấy không hề bị trò đùa nhại kia làm mất vẻ oai nghiêm, và cũng một cái miệng ấy có thể hôm nay thổi vào cái kèn của ngày phán xét cuối cùng và ngày mai thổi vào cái ống sáo củ tỏi. Cái vui nhộn của Pari ngự trị! Cái vui của Pari tựa như lôi

(1) Một pháp trường ở Pari.

thần; cái nhộn của Pari mang ấn kiếm. Một cái chau mày của Pari đôi khi làm nổi dậy dông tố. Những cuộc bùng nổ, những ngày lịch sử, những kiệt tác, những việc phi thường, những hùng ca của Pari đi đến tận cùng vũ trụ và cả những câu chuyện cóc nhảy của nó đang đi xa như vậy. Cái cười của Pari là một miệng núi lửa phun khắp trái đất. Những lời cười cợt của nó là những đốm lửa. Nó truyền cho cả nhân loại những tranh biếm họa của nó cũng như lý tưởng của nó, những lâu đài đồ sộ nhất của nền văn minh nhân loại cũng để cho nó giễu cợt và sẵn sàng làm cho những trò nghịch ngợm của nó thành bất diệt. Pari thật tuyệt vời, nó có một 14 tháng Bảy phi thường, giải phóng cả trái đất; nó khiến cho tất cả các quốc gia dân tộc phải thề cái lời thề "Giơ đơ Pômơ"(1); đêm 4 tháng 8 của nó thủ tiêu trong ba tiếng đồng hồ một nghìn năm phong kiến. Nó làm cho lôgic của nó trở thành bắp thịt của ý chí tất cả mọi người, nó tự nhân lên trăm, ngàn lần, với tất cả những hình thức của cao cả. Nó chiếu rọi ánh sáng của nó vào Oasinhtơn, Kôxiuyxkô, Bôliva, Bôtdarixơ, Riêgô, Bem, Manim, Lôpedơ, Giôn Brao, Gari banđi. Chỗ nào tương lai sáng lên là có nó: nó ở Bơxtơn năm 1779, ở đảo Lêông năm 1820, ở Pextơ năm 1848, ở Palecmơ năm 1860. Nó nói vào tai các người Mỹ chống chế độ nô lệ tập hợp ở bến sông Harpơxơ Pheri, và vào tai những nhà ái quốc Ăngcônơ hợp nhau trong bóng tối của Arơsi, trước quán Gôdi trên bờ biển, cái khẩu hiệu mãnh liệt *Tự do*. Nó làm nên Canarixơ, nó làm nên Kirôga; nó

(1) Serment du jeu de Paume: lời thề của đẳng cấp bình dân ngày 20 - 6 - 1789 họp ở phòng Giơ đơ Pômơ quyết định không giải tán trước khi lập được một hiến pháp cho nước Pháp (cách mạng 1789).

làm nên Pidacanơ: nó tỏa cái vĩ đại khắp nơi trên trái đất. Đi theo phía ngọn gió nó thổi. Bairơn đã hy sinh ở Mixôlôngghi và Madê, ở Bacxơlon. Nó là cái bục diễn thuyết dưới chân Mirabô, là miệng núi lửa dưới chân Rôbexpierơ. Sách của nó, sân khấu của nó, nghệ thuật của nó, khoa học của nó, văn học của nó, triết học của nó, là sách giáo khoa của nhân loại. Nó đã có Paxcan, Rênhiê, Coócnây, Đêcactơ, Giăng Giăc, Vonterơ cho mỗi phút một, và Môlierơ cho mọi thế kỷ. Nó làm cho cả nhân loại nói tiếng nói của nó, và tiếng nói ấy đã trở thành Tiếng trí tuệ; nó xây dựng cho tất cả mọi tinh thần cái ý niệm Tiến bộ; và những nguyên lý giải phóng loài người mà nó đã đúc nên là những thanh gươm gối đầu giường của tất cả các thế hệ, và chính tâm hồn của các nhà tư tưởng và các nhà thơ của nó từ 1789 đã làm nên những anh hùng của tất cả các dân tộc. Thế mà tất cả những cái đó không ngăn cản nó nghịch ngợm. Cái thiên tài vĩ đại mà người ta gọi là Pari, vừa thay đổi cả bộ mặt của thế giới với ánh sáng của nó, vừa bôi nhọ cái mũi của Buginiê trên tường đền thờ Têđê và viết: "Cơrêđơvio ăn cắp!" trên Kim tự tháp.

Pari, bao giờ cũng nhe răng; khi nó không gầm thét thì nó cười.

Pari là như thế đó. Những ngọn khói trên các mái nhà của nó là những luồng tư tưởng của vũ trụ. Bảo nó là một đống bùn và một đống gạch đá cũng được, nhưng trên hết, nó là một tinh thần. Nó không phải chỉ to lớn, nó mênh mông vô tận. Vì sao! Vì nó dám nghĩ, dám làm.

Dám nghĩ dám làm, chỉ như thế mới tiến bộ được.

Tất cả những chinh phục diệu kỳ đều là phần thưởng của táo bạo. Muốn có cách mạng không phải chỉ có

Môngtexkiơ tiên đoán, Điđơrô tuyên truyền, Bômácse báo trước, Côngđoócxê tính toán, Aruê chuẩn bị, Ruxô suy nghĩ mà đủ. Phải có Đăngtông dám làm.

Tiếng kêu: "Táo bạo!" là lời "ánh sáng hãy hiện ra!"(1). Muốn cho nhân loại tiến lên, luôn luôn ở trên những đỉnh cao phải có thường xuyên những bài học hiên ngang nêu gương dũng cảm. Những hành động táo bạo làm cho lịch sử chói ngời và là một trong những nguồn ánh sáng lớn lao của con người. Bình minh đã dám khi bình minh lên. Thử làm, mạnh bạo làm, cứ làm, kiên trì làm, chung thuỷ với bản thân mình, vật lộn với số phận, khinh thường tai họa đến mức làm cho tai họa phải ngạc nhiên, khi thì đương đầu với cường quyền, khi thì vào mặt sự đắc thắng say sưa, đứng vững, đối đầu; đó là tấm gương mà các dân tộc cần có, đó là ánh sáng truyền điện lực vào cho họ. Cùng một tia chớp ghê gớm đã đi từ ngọn đuốc của Pơrômêtê tới cái điếu của Căngbơron.

XII

TƯƠNG LAI TIỀM TÀNG TRONG QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN

Còn nhân dân Pari, dù đã là người lớn vẫn cứ là chú nhóc con. Miêu tả em bé Pari tức là miêu tả thành phố Pari. Vì vậy chúng tôi đã nghiên cứu con chim ưng kia ở trong con chim sẻ tự do này.

Ta hãy nhấn mạnh điểm này, là cái giống thuần tuý của Pari xuất hiện nhiều nhất ở vùng ngoại ô. Đó mới là Pari chính cống, đó mới là bộ mặt thực của Pari, ở đó dân Pari lao động và đau khổ mà đau khổ vào lao động là hai

(1) Nguyên văn La-tinh: Fiat Lux.

bộ mặt của con người. ở đó lúc nhúc nhiều vô kể những con người vô danh, đầy dẫy những điển hình kỳ lạ nhất, từ bác phu dỡ hàng ở La Bapê, đến anh đồ tể ở Môngphôcông. Xixêrôn nói "cặn bã thị thành" (1). Bơckơ, công phẫn nói thêm "Dân hạ lưu"(2). Bùn rác, quần chúng, dân hèn, nói như thế cũng dễ thôi. Nhưng cũng được. Có quan trọng gì? Nếu họ đi chân đất thì có làm sao? Họ không biết đọc? cũng có cần. Có phải vì thế mà ta bỏ rơi họ không? Ta có quyền rủa cảnh buồn khổ của họ không? ánh sáng có thể chiếu rọi vào tận đám quần chúng đó không? Ta hãy trở lại cái tiếng kêu gọi: Ánh sáng! và kiên trì kêu gọi: Ánh sáng! Ánh sáng! Biết đâu đấy, những khối u minh dầy đặc ấy lại không trở thành trong suốt. Những cuộc cách mạng chẳng phải là những cuộc thay hình đổi dạng là gì? Hãy tiến lên! Hỡi các nhà triết học, hãy giảng dạy, hãy soi rọi, hãy đốt sáng, hãy nghĩ thành tiếng, hãy nói to lên, hãy vui vẻ chạy tới mặt trời bao la, hãy hoà mình vào những quảng trường, hãy báo những tin vui, hãy phổ biến chữ cái, hãy tuyên bố những pháp quyền, hãy hát những khúc hát Mácxâyedơ, hãy gieo niềm phấn khởi, hãy hát những cành sồi xanh. Hãy làm cho tư tưởng dậy lên như gió lốc. Cái đám quần chúng kia có thể trở nên phi thường, tuyệt vời. Ta hãy biết khai thác các đám cháy mênh mông những nguyên lý, những đạo đức đôi khi toé lửa, chói loà, rung động trong những giờ phút nào đó. Những bàn chân không ấy, những cánh tay trần ấy, những giẻ rách ấy, những ngu độn ấy, những

(1) Tiếng La-tinh: Fex urbis.
(2) Tiếng La-tinh: Mob

ô nhục ấy, những bóng tối ấy có thể dùng để chinh phục lý tưởng. Hãy nhìn qua dân chúng, bạn sẽ nhìn thấy chân lý. Cái thứ cát ô uế mà bạn xéo dưới chân, hãy ném nó vào lò nấu, hãy để nó chảy ra, hãy để nó sôi lên, nó sẽ trở thành pha-lê rực rỡ. Chính nhờ cái pha-lê ấy mà Galilê và Niutơn phát hiện những vì sao.

XIII
CHÚ BÉ GAVƠRỐT

Tám hay chín năm sau những sự việc kể trong phần thứ hai của câu chuyện này, người ta thường thấy trên đại lộ Tăngpơlơ và ở trong vùng Satôđô, một em trai nhỏ khoảng mười một, mười hai tuổi, có thể coi là ứng đáp đúng các lý tưởng chú "nhóc" phác họa trên kia, nếu với cái cười của tuổi em trên môi, trái tim em không hoàn toàn âm u và trống rỗng. Em bé đó cũng mặc một cái quần dài, nhưng lại không phải của cha em, một cái áo cánh ngắn, nhưng không phải của mẹ em: những người từ thiện nào đó đã cho em quần áo ấy. Thế mà em cũng có cha và có mẹ. Nhưng cha em không nghĩ đến em và mẹ em không yêu em. Em bé ấy là một trong những em nhỏ đáng thương hơn cả, có cha, có mẹ mà lại mồ côi.

Em bé ấy không ở đâu khoan khoái bằng ở ngoài đường. Những viên đá lát đường không rắn bằng trái tim mẹ em. Với một cái đá, bố mẹ em đã vứt em vào cuộc đời, và thế là em đã bay đi.

Đó là một chú bé vui nhộn xanh xao, nhanh nhẹn, tinh khôn, ưa chế giễu, có vẻ mặt hoạt bát mà ốm yếu. Chú đi, chú lại, chú hát, chú cười, chú mò rãnh, ăn cắp vặt một tí,

nhưng vui vẻ như con mèo hay con chim sẻ; chú cười khi người ta gọi chú là "nhãi ranh" nhưng tức giận khi người ta gọi là "mất dạy". Chú không có nhà ở, không có bánh ăn, không có lửa sưởi, không có ai yêu, nhưng chú vui sướng vì chú tự do.

Khi những em nhỏ đáng thương ấy trở thành người thì hầu hết bị cái cối xay của trật tự xã hội bắt gặp và nghiền nát nhừ, nhưng khi các em còn nhỏ, thì các em thoát khỏi được vì các em bé bỏng, chỉ một cái lỗ hổng nhỏ cũng đủ cứu được các em.

Nhưng dù bị cha mẹ mang con bỏ chợ như vậy, đôi khi cứ cách hai hay ba tháng, em lại nói: "Chà! Mình phải viếng thăm bà bô một chút chứ!", thế là em rời đại lộ, bỏ rạp xiếc, ô Xanh Máctanh, đi xuống bờ sông, qua cầu, ra ngoại ô, đến khu Xanpêtơrie, rồi đến đâu? Đến đúng cái số nhà đôi 50-52 mà bạn đọc đã biết, đến cái nhà nát Gorbô.

Cái nhà nát số 50-52 thường vắng vẻ bỏ không và luôn luôn mang cái biển: "có phòng cho thuê"; hồi ấy, thật là hãn hữu, lại có mấy người ở, và những người này, như lệ thường ở Pari - hoàn toàn không quen thuộc nhau, không có quan hệ gì với nhau. Tất cả bọn họ đều thuộc cái giai cấp nghèo khổ, bắt đầu với anh tiểu tư sản túng thiếu nhất và nối tiếp qua từ tầng nghèo này đến một tầng nghèo khổ hơn, cho đến tầng đáy cùng cực của xã hội, đến hai nhân vật đón nhận tất cả những cái rác rưởi vật chất của văn minh, người phu dọn cống và kẻ bới rác.

Người trương nhà hồi Giăng Vangiăng ở đã chết rồi và người thay thế cũng giống hệt. Tôi không biết nhà triết học nào đã nói: "Không bao giờ thiếu các mụ già".

Mụ già mới này tên là bà Buyêcgông. lý lịch của mụ không có gì đáng chú ý. ngoài cái "triều nhà vẹt" ba đời của mụ, ba con vẹt đã lần lượt trị vì trên tâm hồn mụ.

Những kẻ nghèo khốn nhất trong đám những người ở thuê này là một gia đình bốn mạng: một người bố, một người mẹ và hai cô con gái đã khá lớn, cả bốn đều ở trong một cái buồng tiều tụy, một trong những gian phòng mà chúng tôi đã nói đến.

Cái gia đình ấy thoạt nhìn không có gì đặc biệt ngoài sự túng thiếu cùng cực. Người bố khi thuê buồng này bảo tên là Giôngđơret: ít bữa sau buổi dọn nhà mà chẳng dọn gì đến cả ấy - theo cách nói đáng ghi nhớ của mụ trương nhà này, cũng kiêm gác cổng và quét cầu thang chung như mụ trương nhà trước - lão Giôngđơret ấy đã nói với mụ:

- Bà này! Nếu có ai đến hỏi một người Balan, một người ý hoặc một người Tây ban nha ở đây, thì là tôi đấy nhé.

Gia đình này là gia đình chú bé khốn khó và vui vẻ ấy. Chú trở về đây và lại thấy cái nghèo khổ, cái tiều tụy thảm hại, và đáng buồn hơn nữa, không có một nụ cười: Bếp lò lạnh tanh, lòng người cũng lạnh tanh. Khi chú bước vào buồng thì người ta hỏi: "Mày ở đâu về?" Chú trả lời: "Ở ngoài đường". Khi chú đi thì nhà lại hỏi: "Mày đi đâu?". Chú trả lời: "Đi ra đường". Mẹ chú lại bảo: "Mày đến đây làm gì?".

Chú bé sống không chút tình thương yêu cũng như đám cỏ nhợt mọc trong hầm tối. Chú không thấy thế là đau khổ mà cũng chẳng trách ai. Chú cũng chẳng biết đúng một người bố, một người mẹ thì như thế nào.

Ấy thế mà mẹ lại rất yêu hai đứa chị của chú.

Chúng tôi quên không nói rằng ở đại lộ Tăngpơlơ, người ta gọi chú là chú bé Gavơrốt. Cái tên ấy ở đâu ra? Chắc cũng như cái tên Giôngđơret của bố chú.

Có những gia đình cùng khổ thường thay tên đổi họ như vậy để không ai biết được tung tích.

Cái buồng của Giôngđơret ở cuối hành lang. Cái buồng bên là buồng của một chàng thanh niên rất nghèo tên là ông Mariuyt.

Ta hãy giới thiệu ông Mariuyt.

QUYỂN II

NHÀ ĐẠI TƯ SẢN

I

CHÍN MƯƠI TUỔI VỚI BA MƯƠI HAI CHIẾC RĂNG

Phố Busơra, phố Nơrmăngđi và phố Xanhtông ngày nay còn vài người dân cũ nhắc đến một cụ già tên là Gilơnormăng, nhắc đến một cách thích thú. Khi họ còn là thanh niên thì ông lão này đã già rồi.

Đối với những ai bùi ngùi nhìn về cái quá khứ rộn ràng những bóng dáng lờ mờ thì cái hình ảnh ấy hãy còn chưa mất hẳn trong những đường sá chằng chịt như mạng nhện gần khu Tăngpơlơ.

Thời vua Lui XIV, các đường phố ấy mang tên tất cả các tỉnh nước Pháp, giống như bây giờ ở khu Tivôili, người ta lấy tên của tất cả các thủ đô châu Âu mà đặt cho các phố. Nhân tiện nói qua: đấy là một sự tiến lên, dấu hiệu của tiến bộ.

Năm 1831 lão Gilơnormăng vẫn còn khoẻ mạnh như mọi người. Lão đã thành ra một nhân vật rất lạ mắt chỉ vì sống lâu quá và kỳ dị, vì không giống một ai bây giờ nữa, tuy ngày xưa lão cũng giống tất cả mọi người. Thật là một ông già đặc biệt, người của một thời đại khác, một người tư sản hoàn chỉnh và hơi kiêu hãnh của thế kỷ mười tám, một người mang cái dòng dõi tư sản của mình với vẻ của các vị hầu mang tước hầu của họ. Lão đã ngoài chín mươi

tuổi nhưng lưng vẫn chưa còng, nói vẫn sang sảng, rượu vẫn đánh tì tì, mắt vẫn sáng, ăn vẫn khoẻ, ngủ vẫn ngáy vang. Lão vẫn còn nguyên ba mươi hai cái răng. Khi đọc sách lão mới cần kính. Vẫn đa tình, nhưng thường nói rằng từ mươi năm nay đã dứt khoát không bén mảng đến đàn bà nữa. Lão bảo rằng: không thể làm cho đàn bà cảm được nữa; lão không bảo vì lão già khọm, nhưng lão bảo vì lão đã nghèo rồi. Lão nói: "Nếu ta không bị sa sút thì... hừ... hừ...!".

Lão chỉ còn một số lợi tức chừng mười lăm nghìn phơrăng. Điều ước mơ của lão là gom góp một cái gia tài lớn, có được một trăm nghìn phơrăng lợi tức để bao được vài mụ nhân tình.

Người ta thấy rõ lão không phải thuộc lớp người tám mươi gầy còm, ốm yếu, lúc nào cũng khặc khừ sắp chết như ông Vonte, không phải cái thứ tuổi thọ hom hem rạn nứt, lão già cứng cáp này vẫn luôn luôn mạnh khoẻ.

Nhận thức của lão nông cạn, vội vàng, lão tính hay cáu bẳn, nổi nóng luôn một cách vô lý. Khi người ta nói trái ý lão, lão vung cái gậy lên; lão đánh đập người ta như hồi "thế kỷ lớn" trước. Lão có một cô con gái năm mươi tuổi không chồng, mà lão mắng và đánh như đánh mắng một đứa trẻ lên tám. Lão tát người ở ra trò và chửi luôn mồm: Đồ chết giẫm! Lão quen rủa: Ôi cái quân giầy rách, cái quân giầy rách này! Lão có những thói thường kỳ lạ: hàng ngày lão để một người thợ cạo, trước kia đã mắc bệnh điên, cạo mặt cho lão; người thợ cạo ghét lão lắm, hắn ghen với lão vì vợ hắn xinh và lẳng lơ. Lão tự phụ mình biết phán đoán mọi điều và tự hào là rất tinh ý. Lão thường nói: "Kể ra mình cũng là một người sâu sắc; một

con rận đốt, mình có thể đoán là con rận ấy của mụ đàn bà nào lây sang".

Những lời mà lão thường nhắc là *con người có cảm xúc* và *thiên nhiên*. Lão không hiểu cái từ thứ hai này với cái khái niệm lớn lao mà thời đại chúng ta đã trả lại cho nó. Lão dùng theo kiểu của lão, trong những chuyện châm biếm bên cạnh lò sưởi. Lão nói: "Muốn làm cho văn minh cái gì cũng có nên thiên nhiên cho ta cả những cái mẫu man rợ rất ngộ nghĩnh. Châu Âu có những tiêu bản thu nhỏ lại của châu Á và châu Phi. Con mèo là con hổ phòng khách, con thằn lằn là một con cá sấu bỏ túi, các vũ nữ rạp Ôpêra là những cô gái rừng da hồng. Các cô ấy không ngoạm mà gặm các chàng trai. Hay là các mụ phù thủy! Các mụ biến họ thành những con sò và nuốt chửng họ. Người mọi Caraibơ ăn thịt người để lại xương, các cô ấy để lại vỏ. Phong tục của ta là như thế. Chúng ta không ngốn, chúng ta nhấm. Chúng ta không tiêu diệt một lúc, chúng ta xé dần".

II

NGƯỜI LÀM SAO, NHÀ LÀM VẬY

Lão ở khu Mare, phố Phidơ đuy Canven, số nhà 6. Nhà đó của lão. Cái nhà đó đã dỡ đi và xây lại, số nhà có lẽ đã đổi rồi, ở Pari thường có những cuộc "cách mạng" số nhà luôn. Lão ở một gian buồng rộng và cũ kỹ trên tầng thứ nhất, một mặt nhìn ra phố, một mặt quay vào vườn; buồng căng đến tận trần những tấm thảm Bôbơlanh và Bôve rất lớn dệt những cảnh diễm tình cổ xưa; mấy chiếc ghế dựa cũng chạm trổ những hình đó thu nhỏ. Lão che cái giường nằm của lão bằng một cái bình phong chín

cánh sơn Côrômăngđen. Cửa sổ che những màn dài có nếp gấp rất đẹp mắt. Ngay dưới một cửa sổ có khoảnh vườn liền với cái cầu thang mười hai hay mười lăm bậc, lão lên xuống son són. Bên cạnh buồng ngủ của lão có một phòng sách; lão còn dành riêng một cái buồng nhỏ rất xinh, có treo một tám thảm rất đẹp bằng rơm kết hoa và dệt hình hoa huệ, những tù khổ sai ở dưới chiến thuyền của vua Lui XIV đã dệt tấm thảm này cho một nhà quý tộc để hắn tặng nhân tình của hắn. Lão Gilơnormăng quý cái buồng ấy và dùng làm nơi tiếp nhân tình. Lão thừa hưởng tấm thảm của một bà dì họ ngoại, cũng thọ đầy trăm tuổi. Lão từng có hai vợ. Lão có cái phong thái của hạng người nửa triều thần tuy chưa hề chầu vua, nửa quan án, điều mà lão có thể làm. Khi nào lão vừa ý, lão cũng vui vẻ và trìu mến. Thuở còn trẻ, lão thuộc các loại đàn ông bị vợ lừa dối, nhưng được nhân tình gắn bó, vì lão là một người chồng rất cau có và một người tình nhân rất âu yếm. Lão rất sành về hội họa. Trong phòng lão có một bức truyền thần tuyệt diệu không biết vẽ ai, của họa sĩ Giórđăng, nguệch ngoạc rất nhiều nét rườm rà như cây rừng. Bộ áo của lão Gilơnormăng không phải kiểu Lui XV cũng không phải kiểu Lui XVI, mà là kiểu Anhcơroayap (1) thời kỳ đốc chính. Hồi đốc chính lão cho lão còn trai trẻ lắm và ăn mặc rất đúng thời trang. Bộ áo của lão bằng dạ mỏng, ve áo rộng, đuôi áo như đuôi cá thu, khuy lớn bằng thép. Quần ngắn và giầy có khoá. Lão luôn luôn bỏ tay vào túi áo gi-lê. Lão nói một cách dõng dạc:

- *Cách mạng Pháp là một lũ côn đồ.*

(1) Tên của một nhóm bảo hoàng, ăn mặc đồng phục rất lố lăng.

III

LUC - EXPRI

Hồi mười sáu tuổi, một buổi tối, ở rạp Ôpêra, hắn đã được cái vinh dự một lúc hai mỹ nhân đứng tuổi và nổi danh mà Vonte ca ngợi, nàng Camagô và nàng Xalê, cùng một lúc chĩa ống nhòm vào hắn. Bị hai phía lửa kẹp lại, lão đã rút lui một cách anh dũng về phía một cô vũ nữ nhỏ tên là Naăngri, cũng mười sáu tuổi, tối tăm, không ai biết, như một con mèo. Lão mê cô bé ấy. Một lần lão kêu lên khoái chá: Úi chà! Sao mà nó đẹp thế, cô bé Ghimarơ, Ghimarơđini, Ghimarơđinetơ, lần vừa qua mà tôi gặp nó, tóc uốn kiểu "tình cảm lâu bền" với những chiếc hoa tai "đến đây mà xem" bằng ngọc bích, chiếc áo dài màu "những người mới đến", chiếc bao tay lông thú "khuấy động"! Đương tuổi thanh niên hắn đã mặc một chiếc áo kiểu Nanh Lôngđơranh mà hắn thường nhắc tới một cách say sưa: "Tôi trang phục như một người Thổ chính cống của phương đông chính cống". Bà Buphơle, ngẫu nhiên gặp hắn một lần khi hắn 20 tuổi đã gọi hắn là một "chàng trai mê hồn". Tất cả tên các nhân vật trong chính giới đang cầm quyền, hắn đều cho hèn mọn và tư sản. Đọc báo chí, mà hắn gọi là những tờ "tin tức" những "gadetơ", hắn luôn luôn phì cười. Hắn nói: "Úi chao! Những anh chàng ấy là ai thế? Cơrơbie! Huyman! Cadimia Pêriê! Cái trò ấy mà là thượng thư! Tôi hình dung đọc tin này trên một tờ báo Ông Gilơnormăng thượng thư! Buồn cười quá nhỉ. Nhưng chẳng sao, họ ngu đần lắm, cho nên rồi cũng yên cả". Hắn ngang nhiên gọi mọi việc bằng cái tiếng chính xác, hay tục tĩu, không cần giữ ý tứ gì cả trước mặt phụ nữ. Hắn nói thô, văng tục, trâng tráo một cách bình

tĩnh, ngang nhiên, theo phong cách lịch sự ngày trước. Đó là cái kiểu thoải mái, không câu nệ của thế kỷ của hắn. Ta cũng nên nhớ rằng thời kỳ thơ cầu kỳ tao nhã cũng là thời kỳ văn xuôi sống sượng thô tục. Người cha đỡ đầu của hắn đoán rằng hắn sẽ là một thiên tài và đã đặt cho hắn cái tên có ý nghĩa này: Luc Expri.

IV

CON NGƯỜI GẦN TRĂM TUỔI

Trong những năm thơ ấu, ở trường trung học Mu-lanh, nơi quê hương của hắn, hắn đã được tặng nhiều giải thưởng. Hắn đã được chính công tước Nivécne, mà hắn vẫn gọi là công tước Nơve tuyên dương. Cả Quốc hội Công ước, cả cái chết của vua Lui XVI, cả Napôlêông, cả ngay dòng họ Buôcbông trở về, tất cả những biến cố ấy không xoá được trong ký ức của hắn kỷ niệm của ngày tuyên dương ấy. Công tước Nơve đối với hắn là nhân vật tiêu biểu của thế kỷ. Hắn vẫn nói: "Ôi chao! Thật là một vị vương công đường bệ, xinh đẹp làm sao nhất là với chiếc băng xanh của ngài". Đối với lão Gilơnormăng thì nữ hoàng Catơrin đệ nhị đã đến bồi lại cái tội chia cắt nước Ba lan khi nữ hoàng đã mua với giá ba ngàn rúp cái công thức bí mật về liều thuốc vàng của Bêtuyxep. Nói đến chuyện này thì hắn say sưa. Hắn nói: Liều thuốc vàng, cái thuốc nước màu vàng của Bêtuyxep, những giọt thuốc của tướng Lamôtơ ở thế kỷ 18, giá một Lui vàng một lọ nửa phân khối, là thứ thuốc trị tất cả những tai họa của tình yêu, thứ thuốc bách giải, chống thần Vệ nữ. Vua Lui XV đã gửi tặng giáo hoàng hai trăm lọ. Hắn sẽ phát khùng, nếu người ta bảo hắn rằng liều thuốc vàng này chỉ là một thứ muối pecclôruya sắt mà thôi. Lão Gilơnormăng tôn

sùng dòng họ Buôcbông và kinh tởm cách mạng 1789. Lão luôn luôn kể lại cho người ta nghe hắn đã làm thế nào để thoát khỏi khủng bố và hắn đã phải mất bao nhiêu vui vẻ, lạc quan, bao nhiêu thông minh để khỏi bị chặt đầu. Nếu một người trẻ tuổi nào lại đi ca ngợi chế độ cộng hòa trước mặt hắn thì hắn sẽ giận xám ngắt người đi đến chết ngất. Đôi khi hắn nhắc đến cái tuổi 90 của hắn và nói: Tôi hy vọng sẽ không chứng kiến hai lần 93 (1). Khi khác thì hắn nói với mọi người rằng hắn sẽ sống 100 tuổi.

V

BAXCƠ VÀ NICÔLÉT

Lão có những học thuyết của lão. Thí dụ như học thuyết này: "Khi một người đàn ông yêu say mê đàn bà, mà lại có một người vợ mà hắn ít chú ý đến, xấu xí, cáu bẳn, vợ chính thức, đầy đủ quyền hạn, ngồi bệ vệ trên bộ luật, và khi cần cũng biết ghen tuông, thì chỉ có một cách giải quyết để được yên ổn, là để cho bà vợ giữ tay hòm chìa khoá. Sự thoái vị ấy sẽ đem lại cho hắn tự do. Lúc bấy giờ thì bà vợ sẽ bận rộn, sẽ say mê đếm tiền đến hoen rỉ cả tay, lo đào tạo tá điền, buộc trại trưởng vào khuôn phép, triệu tập các đại tụng, chủ tọa khi họp các viên thừa phát, giải thích cho những phụ tá của thừa phát, thăm các thầy cãi, quan tòa, hầu kiện, thảo hợp đồng, quyết định những khế ước, thấy mình là bà chủ toàn quyền, bán, mua, xếp đặt, ra lệnh này, ra lệnh khác, hứa và rút lời hứa, cam kết và huỷ bỏ, nhượng đi rồi nhượng lại, dàn xếp thế này, đảo lộn thế kia, thu vén, phung phí; mụ làm

(1) Năm 1793 là năm Cách mạng Pháp đấu tranh dữ dội nhất chống thù trong giặc ngoài.

những điều ngu xuẩn mà lấy làm sung sướng, thích thú, thế là mụ được an ủi. Trong khi bị chồng khinh bỏ thì mụ sung sướng phá hoại cơ nghiệp của chồng". Cái học thuyết ấy, lão Gilonormăng đã thực hiện cho chính bản thân lão và nó đã trở thành lịch sử cuộc đời lão. Vợ lão, người vợ thứ hai, đã sử dụng cơ nghiệp của lão khôn khéo đến mức khi nào goá vợ, lão chỉ còn vừa đủ để tiêu dùng, bằng cách đem gửi hầu hết gia tài theo kiểu thực lợi chung thân, chỉ được lĩnh khoảng mười lăm ngàn phơrăng lợi tức mỗi năm mà ba phần tư sẽ bị cắt khi lão chết. Lão đã không ngần ngại, vì lão không nghĩ gì đến việc để lại gia tài cho con cháu. Vả lại lão đã thấy rằng những gia tài cũng gặp lắm chuyện bất ngờ, thí dụ đã biến thành của công; lão đã được thấy cái chuyện chiết giảm một phần ba gia tài và lão không tin tưởng lắm ở quyển sổ cái. "Cũng chuyện phố Canhcăngpoa thôi!". Lão thường nói thế. Cái nhà đang ở, trong phố Phiơ đuy Canve, như chúng tôi đã nói, là nhà của lão.

Lão Gilonormăng có hai người ở "một đực và một cái": khi nuôi một người ở mới, lão có thói quen đặt tên lại, người ở trai thì quê ở tỉnh nào lão lấy tên tỉnh ấy mà gọi, thí dụ như Nimoa, Côngtoa, Poatơvanh, Pica. Người ở trai cuối cùng đương làm cho lão là một người to lớn, sù sì, đã năm mươi lăm tuổi không tài nào chạy được hai mươi bước, nhưng vì hắn sinh ở Bayon nên lão Gilonormăng đặt tên hắn là Batsccơ (1). Còn người ở gái thì ai lão cũng đặt cho một tên duy nhất là Nicôlét (cả mụ Manhông sẽ nói đến sau đây). Một lần một mụ đầu bếp rất lành nghề, dòng dõi gác cổng gia truyền, đến xin việc. Lão hỏi: "Mụ muốn xin mỗi tháng bao nhiêu lương?" - "Thưa ba mươi

(1) Người miền núi Pirênê, phía nam nước Pháp, có tiếng là can đảm, lanh lợi (N.D.).

phơrăng" - "Tên mụ là gì?" - "Thưa là Ôlanhpi" - "Ta cho mụ năm mươi phơrăng và mụ sẽ đổi tên là Nicôlét".

VI
THOÁNG BÓNG MỤ MANHÔNG VÀ HAI ĐỨA TRẺ

Lão Gilơnormăng khi có gì buồn bực là phát khùng, khi thất vọng thì lão điên tiết lên. Đầu óc lão đầy thành kiến và lão lại rất tự do bừa bãi. Một điều lão thích nhất là làm ra vẻ ta đây vẫn trẻ trai tình tứ, và lão muốn mọi người tin như vậy. Lão bảo thế mới là "lừng danh công tử"; cái "lừng danh công tử" ấy lắm lúc cũng làm cho lão mang vạ một cách kỳ khôi. Một hôm người ta vứt vào nhà lão một cái giỏ như giỏ hến, đựng một đứa con trai sơ sinh, khóc oai oái và bọc chặt tã lót mà một mụ người ở bị lão đuổi sáu tháng trước đổ cho là con lão. Lão Gilơnormăng lúc bấy giờ đã chẵn tám mươi tư tuổi. Mọi người xung quanh lấy làm bất bình và la lối. Cái con mụ quạ mổ ấy đánh lừa ai được chứ? Sao nó lại táo bạo thế, lại dám vu oan giá họa đểu giả như thế? Lão Gilơnormăng không tỏ vẻ giận giữ gì cả. Lão nhìn đống tã lót, mỉm cười có vẻ khoái chí và bảo mọi người: "Gì kia chứ? Có gì lạ? Các người ngạc nhiên? Y như những kẻ ngu độn. Công tước Ăngguleme, con hoang của Hoàng đế Saclơ IX, tám mươi lăm tuổi còn cưới một cô ả mười tám; ngài Viêcginan tức hầu tước Đaluy, anh em của đức giáo chủ Đơxuốcđi, tổng giám mục xứ Borcđo, tám mươi ba tuổi, ngủ với con thị tỳ của bà chánh án Giăccanh, còn sinh được một đứa con trai thật

khâu khỉnh, và viện trưởng Tabarăng, một vĩ nhân của thời đại, ra đời khi thân phụ ông đã tám mươi bảy tuổi. Những chuyện như vậy có gì là lạ. Còn chuyện trong Kinh thánh nữa! Nhưng về cái ông nhỏ này thì nó không phải là con ta. Tuy vậy cũng phải trông nom cho nó. Không phải lỗi tại nó". Lão giải quyết một cách thật dễ dàng kẻ cả. Nhưng mụ Manhông năm sau lại gửi đến cho lão một đứa con trai nữa. Lần này lão mới chịu thua. Lão cho đem trả mụ Manhông hai đứa trẻ và hứa gửi cho chúng mỗi tháng tám mươi phơrăng với điều kiện là mụ Manhông không được làm như thế nữa. Lão còn dặn thêm: "Ta muốn mẹ chúng nó phải trông nom chúng nó cẩn thận, thỉnh thoảng ta sẽ đến thăm chúng". Và lão đến thăm hai đứa trẻ thật.

Lão có một ông em, làm linh mục giữ chức giám đốc trường Đại học Poachiê và chết năm bảy mươi chín tuổi. Lão bảo: *em tôi mất sớm*. Người em lão là một anh hà tiện, nhưng vì làm linh mục, hắn thấy có nhiệm vụ phải bố thí cho người nghèo, hắn chỉ cho những mảnh chinh, mảnh kẽm không tiêu được nữa. Hắn đã tìm được đường xuống địa ngục bằng lối thiên đường. Trái lại lão Gilơnormăng anh thì lại hào phóng, bố thí ra trò, bốc tiền không đếm. Nếu lão giàu có thì lão còn bố thí đế vương hơn nữa. Lão muốn cái gì lão làm, cái gì dính dáng đến lão cũng phải đường hoàng lớn lối mới được, cả khi người ta đánh lừa đánh cắp của lão. Một lần trong một vụ chia gia tài, lão bị một tên biện sự ăn bớt của lão một cách thô bỉ và vụng về, lão trịnh trong tuyên bố: "Hừ! Hạng bần tiện qúa! Nó làm

cho ta cũng phải xấu hổ. Thế kỷ này cái gì cũng suy đồi cả rồi, ăn cắp cũng không ra trò nữa. Hừ! Đánh cắp của hạng này thì cũng phải đánh cắp cho ra vẻ chứ! Ta đã bị mất cướp như ở trong rừng, nhưng hắn ăn cướp một cách kém cỏi quá. *Sylvoe sint consule dignoe!*

Lão có hai vợ, độc giả đã biết: vợ trước sinh được một gái, nay là gái già, vợ sau cũng được một gái đến độ ba mươi tuổi thì chết, cô gái này chẳng biết vì đâu, vì tình yêu hay ngẫu nhiên, đã lấy một anh chàng trong quân đội cộng hòa và đế chế, được tặng huân chương trong trận Austeclit và được phong đại tá ở trận Oateclô. Lão Gilonormăng vẫn bảo: "Quả là một sự bêu diếu cho gia đình nhà ta". Lão nghiện thuốc lá rất nặng và hay lấy tay vò một cách duyên dáng cái yếm đăng ten trước ngực. Lão không tin Chúa lắm.

VII
NGUYÊN TẮC CHỈ TIẾP KHÁCH BUỔI TỐI

Đó là chân dung lão Luc Expri Gilonormăng, lão vẫn còn nguyên tóc, mới ngả màu xám, chưa trắng bạc và lúc nào cũng uốn theo kiểu tai chó. Nói chung vẫn có vẻ đáng kính với tất cả những điều đó.

Lão mang tính chất của thế kỷ 8, phù phiếm mà vĩ đại.

Những năm đầu thời kỳ quân chủ phục hưng, lão Gilonormăng còn trẻ - năm 1814, lão mới có bảy mươi tư tuổi - lão ở khu ngoại thành Xanh Giécmanh, phố Secvăngđôni, gần Xanh Suynpit. Lão mới về khu Mare khi lão thôi không giao thiệp nữa, lúc ấy lão đã ngoài tám mươi tuổi.

Rút lui khỏi xã hội rồi, lão cũng rút lui vào những thói quen bất di bất dịch của lão. Cái điều mà lão cố giữ nhất, là không bao giờ mở cửa ban ngày, không tiếp ai ban ngày: dù việc gì, dù ai, cũng đến chiều tối mới mở cửa. Lão ăn cơm lúc năm giờ chiều, sau đó thì mở cửa tiếp khách: đó là tục lệ của thời đại lão, lão nhất định không thay đổi. Lão bảo: "Ban ngày bẩn thỉu lắm! Không đáng mở cửa. Khi sao trên trời lấp lánh thì tâm hồn người quân tử mới ngời sáng".

Lão nhất định không mở cửa tiếp ai ban ngày dù người ấy là đức vua. Một kiểu cách của thời đại lão.

VIII
HAI MÀ KHÔNG NÊN CẶP

Hai người con gái của lão Gilonormăng, chúng ta đã nói đến. Chị hơn em mười tuổi. Từ thuở nhỏ, hai chị em đã chẳng giống nhau chút nào, từ mặt mũi đến tính tình, họ không có vẻ gì là chị em cả.

Người em là một tâm hồn đáng yêu, quay về phía ánh sáng, say hoa lá, thơ, nhạc, nhẹ nhàng, bay bổng, đầy nhiệt tình, từ thuở nhỏ đã đính ước trong lý tưởng với hình ảnh lờ mờ của một chàng trai dũng cảm.

Người chị cũng có cái ước vọng của mình: một ông chồng trong mơ chủ thầu hay lái súng giàu sụ, ngu đần cũng được, quý hồ là một đống tiền hoặc một ông tỉnh trưởng. Những buổi chiêu đãi ở dinh tỉnh trưởng, những cuộc dạ hội của chính quyền, một nhân viên tiếp tân với cái dây chuyền đeo cổ, những bài diễn thuyết ở thị sảnh, cái danh hiệu: bà lớn tỉnh trưởng, tất cả những mơ ước ấy

quay lộn trong trí tưởng tượng của cô chị. Mỗi cô theo đuổi giấc mộng riêng của mình như vậy, ngày từ hồi còn là những cô gái nhỏ. Mỗi cô có một đôi cánh mộng: cô em bay bổng với đôi cánh thiên thần, cô chị lặc lè với đôi cánh ngỗng.

Những ước vọng của người ta có bao giờ được thoả mãn hoàn toàn ở dưới cõi trần này, ở thời đại chúng ta, có cái thiên đường nào ở dưới hạ giới đâu. Cô em đã gặp được người chồng mơ ước, nhưng cô em lại chết. Cô chị thì đến bây giờ vẫn chưa chồng.

Cô chị bây giờ là điển hình của những cô gái già mô phạm, một mụ đàn bà trinh chánh tiết hạnh cổ lỗ với cái mũi dài nhọn hoắt, và một bộ óc tối tăm, thô thiển bậc nhất. Có một điều đặc biệt, ngoài những người ruột thịt trong gia đình, chưa ai hề biết tên thật của cô chị. Người ta vẫn gọi cô là cô Gilơnormăng-chị.

Cô Gilơnormăng-chị có thể thi với các cô tiểu thư Anh về khoản e lệ. Cô là sự đoan trang khắc khổ đến đen tối. Cô nhớ mãi một điều làm cô ghê tởm nhất trong đời: có hôm một người đàn ông đã trông thấy cái nịt bít tất của cô.

Càng già cô càng quá quắt. Cái yếm ngực của cô không bao giờ đủ dày, không bao giờ đủ cao. Nào cặp, nào ghim. Bất cứ chỗ nào cũng có, cả những chỗ mà không ai nghĩ đến dòm ngó. Cắt rất nhiều lính canh cho một pháo đài không bị đe dọa, âu cũng là thói quen của những cô tiết hạnh.

Thế mà có một điều lạ lùng khó hiểu, thuộc những bí ẩn của ngây thơ: cô lại ưa để cho một sĩ quan kỵ binh ôm hôn, đó là người gọi cô là bà cô, tên là Têôduyn.

Mặc dù có viên sĩ quan kỵ binh được ưu đãi kia, cái nhãn hiệu "tiết hạnh" mà chúng tôi đã dán cho cô vẫn rất thích hợp. Cô Gilơnormăng thuộc loại những tâm hồn tranh tối, tranh sáng. Cái tiết hạnh đó nửa là đức tốt, nửa là thói xấu.

Với cái tiết hạnh ấy, cô lại thêm rất sùng đạo. Cô ở trong hội Đức Mẹ đồng trinh, trong một vài ngày lễ cô mang một cái khăn choàng trắng, lẩm nhẩm những bài kinh đặc biệt. Cô tôn trọng "thánh huyết", tôn sùng "thánh tâm", chiêm ngưỡng hàng giờ trước một bàn thờ kiểu Dòng Tên cổ lỗ, trong một nhà nguyện mà tín đồ bình thường không vào được và để cho tâm hồn bay bổng giữa những đám mây bằng cẩm thạch và những tia hào quang khắc trên gỗ thếp vàng.

Cô có một bạn cùng đi xem lễ, gái già đồng trinh như cô, tên là tiểu thư Vôboa. Cô Vôboa đần độn, bên cạnh cô thì cô Gilơnormăng sung sướng thấy mình như một con phượng hoàng. Ngoài những lời cầu kinh *agnus dei* (1) và *ave maria* (2), cô Vôboa chỉ thạo làm các thứ mứt. Cô Vôboa là một con người hoàn toàn trong loại người như cô, cô là sự ngu độn toàn vẹn, không mảy may có dấu vết của sự thông minh.

Cũng nên nói rằng đối với cô Gilơnormăng thì càng già cô lại càng tiến. Những con người tiêu cực thường như thế. Cô ấy chưa bao giờ độc ác cả, thế cũng coi như là tương đối có hảo tâm; những góc cạnh mòn dần với năm tháng và tuổi tác đã làm cho con người dịu đi. Cô ấy buồn, buồn âm thầm, mà chính cô không hiểu vì sao. Cả con người của cô toả ra cái dáng ngơ ngác của một cuộc sống sắp tàn, mà

(1) *Agnus dei*: con chiên của Chúa.

(2) *Ave maria*: kính mừng Maria.

chưa bao giờ bắt đầu.

Cô Gilơnormăng-chị quản lý gia đình của bố. Lão Gilơnormăng có cô con gái cũng như đức cha Biêngvơnuy có cô em gái. Cái cảnh gia đình một ông lão già với một cô gái già như vậy cũng không phải là hiếm; hai cái già yếu nương tựa lẫn nhau, thật là cảm động.

Trong nhà, giữa ông lão già và cô gái già ấy còn có một đứa trẻ, một đứa con trai lúc nào cũng im lặng, run sợ trước mặt lão Gilơnormăng. Lúc nào nói chuyện với đứa bé lão cũng lớn tiếng, nghiêm nghị, hoặc giơ cao cái gậy - "Đến đây! Ông nhỏ!" - "Lại đây thằng nhãi, thằng oắt..." - "Nói đi, thằng khỉ" - "Đứng đây, đồ khốn!" v.v... nhưng mà lão rất yêu đứa bé.

Đứa bé ấy là cháu ngoại lão. Chúng ta sẽ gặp lại đứa bé ấy.

QUYỂN III
ÔNG VÀ CHÁU

I
MỘT PHÒNG KHÁCH NGÀY TRƯỚC

Khi lão Gilonormăng còn ở phố Xecvăngđôni, lão thường lui tới mấy phòng khách rất đứng đắn và rất quí phái. Tuy là tư sản, lão Gilonormăng cũng được tiếp đón. Vốn đã là người lịch thiệp, thông minh, lại được dư luận gán cho nhiều điều thông minh, lão hoá ra thông minh bội phần, cho nên lão được người ta tiếp rước niềm nở, mong đợi khao khát.

Chỉ nơi nào lão có thể thống trị được lão mới đến. Có những người muốn có ảnh hưởng, muốn được mọi người chú ý đến mình với bất cứ giá nào. Nếu không là người tiên tri thì làm thằng hề. Lão Gilonormăng không thuộc loại người này. Lão vẫn ngự trị trong các phòng khách bảo hoàng mà lão lui tới, nhưng vẫn giữ nguyên vẹn lòng tự trọng của lão, ở đâu lời nói của lão cũng có uy tín. Lão đã đối đáp với ông Đơ Bônan và cả ông Bănggi Puyvalê.

Vào khoảng 1817, thường lệ không mấy khi sai, mỗi tuần hai buổi chiều lão lại chơi nhà bà nam tước T... ở phố Phêru, gần nhà lão. Bà này là một người đứng đắn và đáng kính, chồng bà hồi sinh thời, dưới thời vua Luy XVI làm đại sứ nước Pháp ở Bá-linh. Nam tước Đơ T. thuở sinh bình say mê những chuyện viễn ảo thôi miên, đã chết trong khi bỏ nước Pháp ra ngoài, không còn chút gia sản

não ngoài mười cuốn sách chép tay, gáy da đỏ, in chữ vàng, những hồi ký rất lạ lùng về Mexme và cái thùng của ông ta.

Bà Đơ T... vì giữ phẩm giá của mình, nên đã không xuất bản những hồi ký đó và đã sống với một lợi tức công trái nhỏ còn rớt lại không biết vì sao. Bà T... xa lánh triều đình, nơi bà cho là phức tạp, bà sống trong một khung cảnh ẩn dật cao quý và thanh bạch. Vài người bạn mỗi tuần hai buổi đến họp trong phòng khách của bà quả phụ ấy; phòng khách này là một phòng khách bảo hoàng thuần tuý. Người ta uống trà, rồi tuỳ theo thời thượng thích ưu sầu hay sôi nổi, người ta hoặc thở than hay thốt lên những lời khinh tởm về thời đại, về hiến chương, về phái Bônapac, về cái băng xanh ban phí cho bọn tư sản dày vò, về xu hướng khuynh tả của vua Lui XVIII và người ta thì thầm với nhau về những hy vọng mà Đức ông, sau này là vua Saclơ X, nhẹn nhúm.

Ở đấy, người ta hoan nghênh một cách huyên náo và vui mừng những bài hát thô tục, trong đó Napôlêông được gọi là tên Nicôla. Cả những bà công tước tế nhị nhất và xinh đẹp nhất đời cũng say sưa hát những khúc hát sau đây, tặng cho phái liên hiệp:

Hãy nhét vào trong quần
Mẩu sơ-mi thòng lõng
Để người đừng kêu ầm:
Đỏ là lá cờ trắng
Mà bọn "yêu nước" giương.

Người ta thú vị với những trò chơi chữ lộn mà họ cho là ghê gớm, những cách chơi chữ ngây thơ mà họ coi là rất thâm độc, họ soạn những đoạn thơ tứ tuyệt, cả những cặp thơ đôi, thí dụ cặp thơ đôi về nội các Đêxon, một nội các ôn hòa có các ông Đơca và Đơxe tham gia:

Để củng cố ngai vàng lung lay gớm ghê
Phải thay cả xoong, thay cả ca, thay cả xe.

Hoặc người ta xếp đặt cả một danh sách các đại biểu của Viện nguyên lão "một viện tả khuynh kinh khủng", và người ta chép những tên để làm sao có những câu thế này chẳng hạn: "Đamat, Xabơrăng, Guviông Xanh Xia" (1). Họ làm thế một cách vui nhộn.

Trong cái môi trường ấy, người ta nhại diễu cách mạng. Họ có mưu mô như muốn mài cho nhọn những căm phẫn sẵn có trong nhân dân theo chiều ngược lại. Họ hát cái điệu hát: "Mọi việc rồi sẽ tốt":

Ờ! mọi việc, mọi việc, mọi việc rồi sẽ tốt!
Bọn buyônapactit sẽ bị treo cổ trên cột.

Những bài hát cũng như máy chém. Hôm nay nó chặt cái đầu này, ngày mai nó chặt cái đầu kia, thản nhiên như thường, chỉ như một đổi thay chi tiết.

Trong vụ án Phuyanđexơ, thời kỳ ấy, năm 1816, người ta bênh vực Baxtiđơ và Giôđiông, bởi vì Phuyanđexơ là bônapactit. Và người ta gọi những người theo xu hướng tự do là *bọn anh em và bằng hữu*; lúc bấy giờ, đó là cách chửi thậm tệ nhất.

Cũng như một số gác chuông nhà thờ, phòng khách của bà Nam tước T. có hai con gà trống. Một là lão

(1) Nguyên văn: Damas, Sabran, Gouvion Saint-Cyr.

Gilơnormăng, một là hầu tước Đơ Lamôtơ Valoa, người mà người ta thường giới thiệu thì thầm vào tai với một thái độ tôn trọng riêng: "Bạn biết không? Đấy là ngài Lamôtơ trong vụ án chuỗi hạt đấy". Trong đảng phái thường có những thứ "ân xá" lạ lùng như vậy.

Chúng tôi nói thêm: Trong giới tư sản những nhà danh giá nếu giao thiệp quá dễ dãi sẽ thấy danh giá nhà mình kém sút đi, cho nên phải chú ý tiếp ai, không tiếp ai. Đứng cạnh những người rét lạnh thì nhiệt độ của mình sẽ giảm, gần gũi những kẻ bị coi thường thì danh giá của mình cũng sút kém đi. Giới thượng lưu thế phiệt ngày trước đứng trên luật lệ đó cũng như tất cả những luật lệ khác. Marinhi, em mụ Pôngpađua (1) là khách của hoàng thân Đơ Xubidơ. Dù là? Không, bởi vì là. Đuy Bary, cha đỡ đầu của con mẹ Vôbécniê (2) được tiếp đón niềm nở, ở phòng khách thống chế Đơ Risơliơ. Thế giới đó là thiên đình. Meccuya và hoàng thân Ghêmênê vào ra ở đấy như ở nhà mình. Kẻ trộm cũng được tiếp nhận miễn nó là thần linh.

Bá tước Đơ Lamôtơ, năm 1815, là một ông già bảy mươi lăm tuổi. Không gì đáng chú ý ở ông ta ngoài cái dáng lặng lẽ và long trọng, cái khuôn mặt xương xẩu và lạnh lùng, cử chỉ rất lịch sự nhã nhặn, cái áo cài cúc đến tận cà vạt và đôi chân dài luôn luôn vắt chữ ngũ và cái quần dài rộng quá mức mầu đất sém. Mặt mày ông ta cùng màu với quần.

Cái ông Lamôtơ đó được coi trọng trong phòng khách do cái "tiếng tăm" của ông ta, và cũng lạ đấy nhưng mà đúng như thế, do cái tên Đơ Valoa.

---

(1) Nữ hầu tước Pôngpađua, nhân tình của Lui XV, xài phí công quỹ bị nhân dân khinh ghét.

(2) Tức nữ bá tước Đuy Bary, bị dân khinh ghét, chết trên đoạn đầu đài, năm 1793.

Về phần lão Gilonormăng thì lão được kính trọng là xứng đáng. Lão có uy tín vì lão có uy tín. Tuy sốc nổi, lão vẫn có một phong thái hiên ngang tự trọng, có nhân cách, có phần tự hào của giới tư sản, và cái đó cũng không làm thương tổn sự vui tính của lão. Cái tuổi già của lão lại càng tăng thêm vẻ bệ vệ cao quí ấy. Đã là cả một thế kỷ thì phải có cái gì khác chứ. Năm tháng chồng chất đã khiến cho mớ tóc trên đầu trở nên đáng sùng kính.

Lão lại thường có những lời nói rõ là những tia lửa của chất người ngày xưa. Thí dụ: Khi vua Phổ, sau khi khôi phục ngai vàng cho vua Lui XVIII, đến yết kiến vua Lui XVIII với danh hiệu là bá tước Ruypanh, thì người đích tôn của Lui XIV tiếp ngài với tí ngạo mạn tinh vi, coi ngài là hầu tước Brăngđơbua. Lão Gilonormăng rất tán thưởng thái độ của Lui XVIII.

- Tất cả những vua nào không phải là vua nước Pháp chỉ là vua địa phương thôi-lão nói.

Một hôm khác người ta đàm luận về tờ báo: Tin nước Pháp.

- Chủ bút tờ báo đó bị xử trí ra sao?

- Phải treo bút.

- Chữ bút ấy thừa (1).- Lão Gilonormăng nhận xét như thế.

Những lời như vậy xây dựng nên cả địa vị.

Trong buổi lễ nhà thờ mừng ngày kỷ niệm họ Buốc-bông được phục hồi, thấy ông Đơ Tanlêrăng đi qua, lão nói: "Kìa quan thượng ác"(2).

---

(1) Treo bút = suspendu, nói về báo chí, treo, tức treo cổ = pendu nói về tội xử người phạm tội nặng.

(2) Nguyên văn = son excellence (không viết hoa) le Mal vừa có nghĩa "tuyệt vời xấu", "tuyệt vời ác", vừa có nghĩa là cụ lớn xấu (hay ác). Son excellence viết tắt là S.E. dùng để xưng hô các quan thượng thư, các đại thần cũng như ta nói tướng công hay cụ lớn. Chúng tôi đành tạm dịch cùng với hai nghĩa như vậy.

Lão Gilonormăng thường đến phòng khách cùng đi với cô con gái lão, người cao như con sếu, trên bốn mươi tuổi mà trông già như năm mươi, và một đứa bé trai nhỏ, trạc bảy tuổi, trắng trẻo, hồng hào, tươi tắn, đôi mắt ngây thơ tin cậy. Mỗi khi đứa bé tới mọi người đều nhao nhao khen ngợi:

- Cháu bé xinh quá nhỉ! Tiếc quá! Tội nghiệp!

Đứa bé ấy là đứa bé đã nói qua trên kia. Người ta gọi nó là "thằng bé tội nghiệp" vì bố đứa bé là một "tên giặc cướp sông Loa".

"Tên giặc cướp sông Loa" ấy là rể lão Gilonormăng, độc giả đã biết cái người mà lão Gilonormăng vẫn gọi là "một sự bêu diếu cho gia đình nhà ta".

II

MỘT CÁI BÓNG MA ĐỎ HỒI ẤY

Hồi ấy nếu ai qua cái thị trấn Vécnông nhỏ bé và đi dạo chơi trên chiếc cầu đồ sộ-mà có lẽ chẳng bao lâu nữa người ta sẽ thay thế bằng một cái cầu dây sắt ghê tởm-đứng trên cầu nhìn xuống, sẽ thấy một người đàn ông cả ngày đi đi lại lại trong một khoảnh đất bốn phía bọc tường, trên tả ngạn sông Xen: dọc theo bờ sông là cả một dãy những khoảnh đất như vậy đầy hoa tươi, nếu to hơn nhiều thì gọi là vườn hoa, nhỏ hơn chút ít thì bảo là chùm hoa. Tất cả những khoảnh đất ấy một đầu thì sát mặt sông; một đầu thì giáp một gian nhà ở. Người đàn ông trạc năm mươi tuổi, đội một chiếc cát két da, mặc một cái quần và một cái áo dạ thô màu xám, có đính một mảnh băng trước kia màu đỏ, chân đi guốc, da sạm nắng, mặt gần như đen, tóc hầu bạc, một cái sẹo rộng từ trán kéo xuống tận má, lưng

khom khom còng như một người già trước tuổi, tay cầm một cái mai hay một cái kéo xén cây. Năm 1817 người đó ở cái khoảnh đất hẹp nhất và cái nhà tiều tụy nhất trong khu này. Người ấy ở một mình, cô đơn, thầm lặng và nghèo khổ, chỉ có một mụ giúp việc, không già không trẻ, không xấu không đẹp, không ra vẻ nông dân, không ra dáng thị thành. Cái vườn con của người đàn ông ấy nổi tiếng trong thị trấn về hoa đẹp. Chăm bón vun trồng hoa là công việc duy nhất của ông ta.

Cần cù, kiên nhẫn, chăm chú cả ngày vun tưới, ông ta đã tạo nên những giống hoa tuy-lip, hoa thược dược mà tạo hoá hình như chưa nghĩ ra. Ông ta rất tài giỏi, ông đã đi trước nhà bác học Xulănggiơ Bôđanh, nghĩ ra cách vun những mô đất mùn để trồng những giống cây quý và hiếm của châu Mỹ và Trung Quốc. Từ sáng tinh mơ, ông ta đã ở ngoài vườn chăm, tưới, cắt xén, đi lại giữa những bông hoa, vẻ trìu mến, hiền dịu và buồn buồn, có khi mơ mộng, yên lặng hàng giờ lắng nghe tiếng chim hót trên một cành cây, hay tiếng một em nhỏ líu lo trong một căn nhà, hay đăm đăm nhìn trên đầu ngọn cỏ một hạt sương long lanh dưới ánh mặt trời như một nụ hoa tai. Ông ta ăn uống thanh đạm, dùng sữa nhiều hơn uống rượu. Ông nhường nhịn cả những đứa bé, người ở của ông có khi gắt với ông. Tính ông rụt rè đến nỗi như e ngại tất cả mọi người; ông ít khi ra phố, chẳng gặp ai ngoài những người nghèo thường đến gõ kính cửa nhà ông, và cha xứ, viện trưởng Mabơp, một ông lão hiền lành. Nhưng nếu có ai ở trong thị trấn hay ở xa đến muốn xem những giống hoa hồng và hoa tuy-lip của ông, và gõ cửa nhà ông thì ông tiếp đón với nụ cười. Chính ông ấy là "tên giặc cướp sông Loa".

Người nào hay đọc những tập ký ức quân sự hồi đó, những tiểu sử quân nhân, tạp chí Mônitơ hay những tập kỷ yếu của quân đội chắc phải chú ý đến một cái tên thường trở đi trở lại: tên Gorgiơ Pôngmecxi. Hồi còn thanh niên anh Gorgiơ Pôngmecxi ở trong trung đoàn Xanhtông giơ. Cách mạng bùng nổ. Trung đoàn Xanhtônggiơ thuộc binh đoàn sông Ranh bởi vì các trung đoàn thời quân chủ vẫn giữ nguyên tên tỉnh của mình, cả cho đến khi nền quân quyền sụp đổ và chỉ được phiên chế lại từ năm 1794. Pôngmecxi đã chiến đấu ở Xpia, ở Orcmơ, ở Nơxtat, ở Tuyêckem, ở Andây; ở Mayăngxơ trong hậu đội của Husa, ông ta là một trong số hai trăm người đương đầu với cả một đạo quân của Hoàng thân Đơ Hét, đằng sau chiến luỹ Angđécnắc và chỉ rút lui theo đại quân khi đại bác địch đã phá tan chiến luỹ; ông đã chiến đấu trong đội quân của tướng Cơlêbe ở Mácsiên và ở trận Mông Palitxen, trận này ông bị đạn gãy cánh tay. Rồi ông được chuyển qua biên giới ý, và ở đấy ông vào số ba mươi lính thủ pháo đã giữ đèo Tăngđơ với Giube. Sau trận ấy, Giube được thăng thiếu tướng và Pôngmecxi, thiếu uý. Pôngmecxi ở bên cạnh Bechiê giữa mưa đạn, trong cái ngày Lôđi lịch sử mà Bônapac đã nói: Bechiê vừa là pháo binh, kỵ binh và lính thủ pháo. Ông nhìn thấy vị tướng cũ của mình, Giube, ngã xuống ở Nôvi, trong khi ông ta vung gươm thét: Tiến lên! Vì chiến dịch cần đến, đại đội của ông cùng với ông xuống một chiếc thuyền tải nhổ neo từ thành Giên để đi đến một hải cảng nhỏ nào đó không nhớ, ông lọt vào một ổ gồm bảy tám chiếc thuyền buồm Anh. Viên thuyền trưởng người Giên định vứt đại bác xuống biển, giấu quân trong khoang thuyền rồi nương bóng đêm mà chuồn, giả dạng

thuyền buôn, Pôngmecxi cho kéo cờ tam tài lên cột buồm và hiên ngang đi dưới đại bác của các chiến thuyền Anh quốc. Cách đó hai mươi dặm, càng táo bạo hơn, Pôngmecxi dùng chiếc thuyền tải của mình tấn công và bắt sống một chiếc thuyền vận tải lớn của Anh trên đường chở quân đến đảo Xixin. Thuyền chở người ngựa nhiều đến tràn be. Năm 1805, ông ở trong sư đoàn Male, cái sư đoàn đã đánh lấy thành Gôngxbua của đại công tước Phecđinăng. Ở Oêttenghen, đạn vãi như mưa trong khi ông đưa tay ôm lấy đại tá Môpơti chỉ huy trung đoàn kỵ binh số 9 bị tử thương. Ông đã tỏ ra xuất sắc ở Auxteclit trọng cuộc hành quân tiến hành dưới lưới lửa quân thù. Khi kỵ binh cận vệ của sa hoàng nghiền nát một tiểu đoàn của trung đoàn bộ binh số 4, Pôngmecxi ở trong số những người phục thù đã đánh cho bọn cận vệ đó thất điên bát đảo. Hoàng đế ân thưởng Bắc đẩu bội tinh cho ông. Pôngmecxi đã lần lượt chứng kiến tướng Uyêcmơxe bị bắt ở Măngtu, Mêlatx ở Alêchxăngđri, Mack ở Ulm. Ông ở trong binh đoàn thứ tám của đại quân đoàn mà tướng Morchiê chỉ huy, quân đoàn này đã đánh chiếm Hăngbua. Sau đó ông sang sư đoàn 55 bộ binh trước kia là trung đoàn Flăngđrơ. ở Ailao, ông chiến đấu trong nghĩa địa mà viên đại uý anh hùng Lui Hugo, chú của tác giả sách này, đã đơn độc với đại đội tám mươi ba đội viên của mình, chống trả cuộc tấn công của toàn bộ đạo quân địch trong hai tiếng đồng hồ. Pôngmecxi ở trong số ba người sống sót trong nghĩa địa ấy. Ông dự trận Fritlan. Rồi thì Môtxcu, rồi sông Bêreedina, rồi Luytden, Bôden, Đrexđơ, Oasao, Lai-xich và đèo Gienhauxen. Rồi đến Môngmiray, Satô Chieri, Craông, bờ sông Mác, bờ sông Enơ và các cứ điểm Laông

ghê gớm. Là đại uý, trong trận Acnêlơ-Đức, ông chém chết mười tên lính cô-dắc và cứu không phải vị tướng chỉ huy mà viên hạ sĩ của mình. Trong dịp ấy, ông ta hầu như bị băm vằm, và người ta lấy được hăm bảy mảnh xương vỡ chỉ riêng trong cánh tay trái. Tám hôm trước khi Pari đầu hàng, ông thuyên chuyển với một người bạn và trở thành kỵ binh. Ông ta có cái mà trong chế độ cũ, người ta gọi là "có đủ hai tay nghề", nghĩa là nếu là lính thì sử dụng gươm cũng tốt, súng cũng hay, nếu là sĩ quan thì cầm tiểu đoàn kỵ binh cũng sành, tiểu đoàn bộ binh cũng thạo. Khả năng ấy được sự huấn luyện quân sự làm cho hoàn chỉnh, đã làm nảy nở một số binh chủng đặc biệt, như binh chủng đầu rồng, nó vừa là kỵ binh vừa là bộ binh. Ông hộ giá Napôlêông ra đảo Enbơ. Ở Oateclô ông chỉ huy một tiểu đoàn kỵ binh trong lữ đoàn Đuyboa. Ông đã giật được lá cờ của tiểu đoàn Luynơbua. Ông đem lá cờ đến ném dưới chân Hoàng đế, người ông đầy máu. Khi giật lá cờ, ông bị một nhát kiếm chém ngang mặt. Hoàng đế thích chí phán truyền: Anh là đại tá, anh là Nam tước, anh được ban Bội tinh hạng tư đó! Pôngmecxi trả lời: Thần xin thay mặt quả phụ của thần cảm tạ Hoàng đế. Một giờ sau ông rơi xuống vực Ohanh. Người tên là Giorgiơ Pôngmecxi ấy là ai. Cũng là "tên giặc cướp sông Loa".

Chúng ta từng nghe ít nhiều về chuyện Pôngmecxi, chúng ta nhớ lại sau trận Oateclô, ông được người ta kéo ra khỏi khu vực Ohanh, rồi ông lại liên lạc được với đại quân, rồi từ trạm quân y này sang trạm quân y khác, ông trở về doanh trại bờ sông Loa.

Khi họ Buốcbông được khôi phục ông bị thải hồi, theo chế độ nửa lương, rồi sau phải quản thúc ở Vecnông. Vua Lui XVIII coi những việc quyết định trong thời kỳ Bách nhật (1) là không có giá trị, nên không thừa nhận chức đại tá, tước nam cũng như huân chương Bắc đẩu bội tinh hạng tư của Pôngmecxi. Nhưng ông ta thì không bao giờ quên ký tên: Đại tá nam tước Pôngmecxi. Ông chỉ có một chiếc áo xanh cũ, nhưng mỗi khi ra đường, không bao giờ ông quên cài vào áo cái phù hiệu Bắc đẩu bội tinh hạng tư. Ông biện lý đã cảnh cáo ông rằng công tố viện có thể truy tố ông về tội mang bội tinh đó một cách trái phép. Khi có người trung gian không chính thức báo cho ông biết chuyện ấy, ông trả lời với nụ cười chua chát: "Không biết tôi không nghe hiểu tiếng Pháp, hay là ông không biết nói tiếng Pháp nữa, nhưng sự thật thì tôi không hiểu ông muốn nói gì!". Rồi tám hôm liền ông ra phố với cái phù hiệu ấy, mà chẳng ai dám hỏi gì ông cả. Hai ba lần ông thượng thư bộ binh và viên tướng chỉ huy đạo quân trong tỉnh viết thư cho ông với địa chỉ: *"Gửi thiếu tá Pôngmecxi"*. Ông gửi trả lại những bức thư đó, không thèm mở xem. Sống lâu dài với Napôlêông, Pôngmecxi đã-xin lỗi bạn đọc-lây cái hơi hám của vua mình, vì trong thời gian đó Napôlêông cũng gửi trả lại những bức thư Huychxơn Lô gửi cho *tướng Bônapactơ*.

Ngày xưa ở La-mã, một số tù binh Cáctaginoa cũng nhất định không chào Flaminuyt. Những người lính đó đã có chút ít tâm hồn Anniban.

(1) Cent-jous: Thời kỳ Napôlêông từ cù lao Enbơ trở về nước Pháp cướp lại chính quyền, làm vua được một trăm ngày, trước khi bại trận hẳn ở Oateclô.

Một buổi sáng ông ta gặp viên biện lý ngoài phố Vecnông. ông tiến đến trước mặt y và hỏi: Ngài biện lý. tôi có quyền mang vết thương trên mặt không?

Tất cả nguồn lợi của ông chỉ là cái bán bổng thiếu tá ít ỏi. Ông đã tìm thuê căn nhà nhỏ nhất ở Vecnông và sống một mình. sống như thế nào, ta đã biết. Dưới thời kỳ đế chế, giữa hai chiến dịch, ông ta đã kết hôn với cô Gilơ normăng-em. Ông lão tư sản trong lòng căm phẫn lắm nhưng cũng đành ưng thuận, chỉ biết thở dài tự an ủi: "Bao nhiêu đại gia đình quí tộc cũng đã phải chịu như vậy mà!". Năm 1815 bà Pôngmecxi, một người vợ đáng phục về mọi mặt, cao quí hiếm có và rất xứng đáng với chồng, bà đó qua đời để lại một đứa con trai nhỏ. Đứa con nhỏ đó tất nhiên phải là nguồn hạnh phúc của đại tá Pôngmecxi trong cảnh cô đơn. nhưng ông cụ ngoại nhất định bắt đứa cháu ngoại về, và doạ rằng nếu không thì sẽ từ đứa cháu, và tước hết quyền thừa kế của nó. Người cha đành phải nhượng bộ vì quyền lợi của con; mất con, ông yêu hoa vậy.

Ông đã thoát ly cuộc đời, không hoạt động, không tham gia âm mưu chính trị nào. Ông chỉ nghĩ đến những việc vô hại ông đang làm và những việc lớn ông đã làm. Ngày này đến ngày khác ông chờ đợi một bông hoa cẩm chướng hoặc là hồi tưởng trận Austeclit.

Lão Gilơnormăng không hề đi lại với con rể. Đối với lão, đại tá Pôngmecxi là một tên giặc cướp; đối với đại tá, lão là một anh già vô nghĩa lý. Không bao giờ lão Gilơnormăng nhắc đến đại tá Pôngmecxi nếu không phải là để chế giễu cái nam tước của ông. Lão đã giao ước với Pôngmecxi là không bao giờ ông ta được gặp mặt con, nói

chuyện với con, nếu không thì đứa bé sẽ phải trao trả lại cha nó và bị tước quyền thừa kế. Đối với gia đình lão Gilonormăng, Pôngmecxi chẳng khác gì một thằng hủi. Họ muốn nuôi dậy đứa bé hoàn toàn theo ý họ. Đại tá Pôngmecxi có lẽ đã tính lầm khi nhận những điều kiện ấy, nhưng ông ta nhẫn nhục chỉ vì cho rằng làm như vậy là phải và chỉ có ông là người hy sinh. Gia tài lão Gilonormăng cũng chẳng là mấy, nhưng gia tài của cô Gilonormăng chị thì rất lớn. Người dì không có chồng ấy có phần thừa kế rất lớn của bên ngoại, đứa cháu con người em bà tự nhiên là người thừa kế của bà.

Đứa trẻ tên là Mariuytx biết là mình có bố, nhưng chỉ biết thế thôi. Không hề có ai nói chuyện với nó về bố nó. Nhưng ở những nơi ông nó thường dẫn nó đến, những chuyện xì xào, to nhỏ, úp mở dần dần cũng làm cho đứa bé hiểu lờ mờ, và vì chịu sự thẩm lậu và xâm nhập của cái môi trường sống ấy của nó, dần dần nó cũng thấy xấu hổ và đau xót khi nghĩ đến bố nó.

Đứa bé này càng lớn: trong thời gian ấy, đại tá Pôngmecxi cứ hai ba tháng lại lên Pari, như một tội nhân lẩn trốn và đứng chờ ở trước cửa nhà thờ Xanh Xuynpit đón bà dì Gilonormăng dẫn cháu đi lễ. Đứng khuất sau một cái cột, sợ bà dì quay lại trông thấy, ông nín thở, nhìn con. Người chiến sĩ mang thương tật trên mặt ấy sợ mụ gái già.

Vì những chuyến đi ấy mà ông ta quen biết cha xứ Vecnông tức là viện trưởng Mabơp.

Ông linh mục đáng kính ấy là anh em của vị quản lý tài sản nhà thờ Xanh Xuynpit. Ông này đã nhiều lần bắt gặp người đàn ông đứng nhìn đứa trẻ, ông đã để ý đến vết

gươm chém trên má và giọt nước mắt trong mi. Con người có vẻ đàn ông đàng hoàng ấy mà lại khóc như một mụ đàn bà, đã làm cho ông linh mục chú ý đặc biệt. Hình ảnh con người ấy in sâu trong trí ông. Một hôm đến Vecnông thăm em, ông ta lại gặp đại tá Pôngmecxi và nhận ra người đứng ở nhà thờ Xanh Xuynpit. Ông ta nói chuyện với em và cả hai người mượn một cớ nào đó đến thăm đại tá. Thăm một lần rồi lần la nhiều bận khác; đại tá Pôngmecxi lúc đầu còn giữ ý, sau cởi mở lòng mình, và hai anh em ông linh mục đã hiểu hết chuyện đại tá Pôngmecxi và biết đại tá hy sinh hạnh phúc của mình để bảo đảm tương lai của con như thế nào.

Cha xứ vì vậy mến phục ông và ông đại tá cũng quí mến vị cha xứ. Một linh mục già, và một quân nhân già, khi họ đều chân thành và hiền hậu, thì họ hiểu nhau và hoà cảm với nhau không ai bằng. Vả lại hai người ấy cũng chỉ như là một người thôi: một người hy sinh cho Tổ quốc hạ giới, một người cho Tổ quốc thiên đình, cũng chẳng khác gì nhau.

Một năm hai lần, ngày 1 tháng giêng và ngày Xanh Giorgio, Mariuytx viết chiếu lệ những bức thư cho bố, những bức thư do cô Gilonormăng đọc cho viết, như những bức thư mẫu trong tập mẫu thư từ. Lão Gilonormăng chỉ cho phép viết thế thôi: trái lại người cha viết trả lời cho con những bức thư thật âu yếm mà lão Gilonormăng vò bỏ vào túi, không đọc.

III

HỌ YÊN NGHỈ RỒI (1)

Phòng khách của bà Đờ T, đó là tất cả sự hiểu biết của Mariuytx Pôngmecxi về cuộc đời. Mariuytx chỉ nhìn đời qua cái cửa sổ ấy; cái cửa sổ ấy thật là tối tăm, nhìn qua chỉ thấy đêm, ít khi thấy ngày, chỉ thấy hơi lạnh, ít thấy khí ấm. Đứa trẻ khi chưa bước chân vào nơi đó thì tươi sáng, thơ ngây, ở nơi đó, nó trở thành buồn bã và thật là trái ngược với tuổi thơ ấu, lại nghiêm nghị nữa. ở giữa rặt những con người bệ vệ, kỳ dị ấy, đứa bé ngơ ngác, trang nghiêm. Tất cả chung quanh đều dồn lại làm tăng cái ngơ ngác ấy.

Trong phòng khách của bà T. có những bà già quí tộc rất đáng kính trọng, như các bà Matăng, Nôê, Lêvixơ mà người ta gọi là Lêvi, Căngbixơ mà người ta gọi là Căngbidơ. Những khuôn mặt cổ kính ấy, những cái tên như tên trong kinh thánh ấy, trong trí của đứa bé lẫn lộn với kinh Cựu ước mà em học thuộc lòng; và khi tất cả các bà ấy, ngồi đông đủ quây tròn xung quanh một cái lò sưởi sắp tàn, dưới ánh sáng mờ tối của chiếc đèn phủ mạng xanh, với những vẻ mặt nghiêm trang, những mái tóc xám tro hay trắng toát, những chiếc áo dài thượt của một thời cũ mà người ta chỉ nhìn thấy rõ những màu ảm đạm, thỉnh thoảng mới nói một lời đường bệ và nghiêm khắc, cậu Mariuytx bé nhỏ nhìn họ với con mắt ngơ ngác, hãi hùng tưởng chừng đó không phải là những người đàn bà, mà là những lão trượng, những đạo sĩ, không phải là

(1) Nguyên văn la-tinh: Requiescant.

những con người thật, mà là những bóng ma.

Cùng với những bóng ma ấy, có thêm một số giáo sĩ, khách quen của phòng khách cổ này và vài nhà quý tộc: hầu tước Xaxonây, bí thư của bà Đơ Beri, tử tước Valôri, đã xuất bản dưới bí danh Saclơ Ăngtoan So những bài ca độc vận, hoàng thân Bôphôrơmông, tuy còn trẻ mà tóc đã hoa râm, với bà vợ xinh đẹp và thông minh, mặc áo nhung đỏ tươi, tua kim tuyến, cổ rất rộng làm cho những bóng tối âm u kia phải hoảng hốt khó chịu, hầu tước Đơ Côriôlixơ Đétxpinudơ, con người sành nhất nước Pháp về cái thứ "lễ độ tương xứng", bá tước Đamăngđơrơ, người có vẻ mặt ân cần và hiệp sĩ Đơ Pođoghi, trụ cột của thư viện Cuvơrơ, còn gọi là phòng làm việc của nhà vua. Ông Đơ Pođoghi hói, dáng hom hem chứ chưa phải già thực, kể chuyện rằng năm 1793, hồi mười sáu tuổi ông đã bị tống vào nhà lao khổ sai vì phản động và bị xiềng chung với một ông già tám mươi tuổi, giám mục Mirơpoa, cũng phản động, nhưng là giáo sĩ phản động, còn ông thì là quân nhân phản động. Bấy giờ là ở nhà lao Tulông. Nhiệm vụ của hai người ấy là cứ đêm đến thì ra nơi máy chém nhặt những đầu lâu và thi thể những người bị chém ban ngày; họ vác trên lưng những thân người đầm đìa máu chảy, và sau gáy họ, chiếc áo khoác đỏ tù khổ sai của họ, có một lớp máu, buổi sáng thì khô, buổi tối thì ướt. Những câu chuyện bi thảm, ghê gớm ấy, người ta thường kể nhiều trong phòng khách của bà T. Vì nguyền rủa Mara nhiều quá, người ta hoá ra hoan nghênh Tơristayvông. Một vài nghị sĩ vào loại "không kiếm được" (1) đến đây chơi bài. Ông Tibô đuy Salarơ, ông Lơmácsăng Đơ Gômicua và kẻ

(1) Nghị viện hồi ấy (1815-1816) được mệnh danh là "Viện không kiếm được" (Chambre introuvable) vì nó bảo hoàng cực đoan.

trào phúng nổi tiếng của cánh hữu, ông Coócnê Đanhcua. Ông thẩm phán Đơ Phe-ret, với chiếc quần ngắn và bộ chân gầy, thỉnh thoảng tạt vào phòng khách này khi đi đến ông Tanlêrăng. Ông đã là bạn chơi của bá tước Đactoa, và ngược lại với Arixtôtơ đã bò cho Căngpaspơ cưỡi, ông đã khiến cho ả Ghima bò dưới đất, và như thế đã tỏ cho cổ kim biết một vị thẩm phán đã trả thù cho một nhà triết học.

Còn các giáo sĩ thì có linh mục Anma, người đã được nghe ông Larôđơ, cộng tác viên của ông ở báo *Tiếng sét* nói với mình: "Chà, ai mà không năm mươi tuổi, trừ mấy thằng nhãi con thôi!", viện trưởng Lơtuôcnơ, người giảng đạo của nhà vua, viện trưởng Phơrayxinu, lúc ấy chưa là bá tước, chưa là giám mục, chưa là thượng thư, chưa là nguyên lão nghị viên, và lúc nào cũng mặc một cái áo thầy tu cũ, đã mất khuy, và viện trưởng Keravơnăng, cha xứ ở Xanh Giécmanh đê Pơrê: thêm vào đó có đức khâm mạng của giáo hoàng hồi đó là Đức cha Măcsi, tổng giám mục Nidibixơ sau này là giáo chủ, đáng chú ý vì cái mũi dài có dáng nghĩ ngợi của ngài. Còn một đức cha Panmiơri, linh mục ở triều đình giáo hoàng, một trong bảy vị tham nghị, cai quản nhà thờ vòng ngoài, biện hộ sư của các vị thánh (1) là người trông coi các vấn đề phong thánh, gần như là công cáo viên về ban thiên đường. Sau nữa có hai giáo chủ, đức cha Đơ Laluydecnơ và đức cha Đơ Clecmông Tônerơ. Đức giáo chủ Đơ Laluydecnơ là một nhà văn và vài năm sau được vinh dự là ký giả những bài báo trong tờ "Người bảo thủ" bên cạnh những bài của Satôbriăng. Đức

(1) Có chua tiếng la-tinh: Postulatore di santi.

cha Đơ Clecmông Tônerơ là tổng giám mục Tuludơ và thường về nghỉ ở Pari với cháu là hầu tước Đơ Tônerơ, trước là thượng thư bộ Hải quân và bộ Chiến tranh. Giáo chủ Đơ Clecmông Tônerơ là một ông già nhỏ bé, vui vẻ, thường để lộ những đôi bít tất đỏ khi ngài kéo chiếc áo nhà tu lên. Đặc điểm của ngài là căm ghét bộ Bách khoa và say mê chơi bi-a. Người qua đường hồi ấy, những buổi chiều mùa hè, đi qua phố bà Hoàng, nơi có dinh của Clecmông Tônerơ, thường đứng lại để nghe tiếng các hòn bi va chạm vào nhau và tiếng nói lanh lảnh của giáo chủ nói với linh mục đi theo ngài ở hội nghị bầu giáo hoàng, là đức cha Côtơrê, giám mục miền Carixtơ: "Ghi điểm đi linh mục, ta trúng hai viên". Giáo chủ Đơ Clecmông Tônnerơ đã được giới thiệu đến phòng khách của bà T. bởi người bạn thân nhất của ông, đức cha Đơ Rôcolôrơ, nguyên là giám mục Xănglixơ và là một trong bốn mươi vị hàn lâm. Ông Đơ Rôcolôrơ đáng chú ý bởi cái tầm vóc cao lớn của ông và sự có mặt thường xuyên của ông ở viện Hàn lâm: qua cửa kính của một gian phòng bên cạnh thư viện, nơi viện Hàn lâm; thường họp, những người tò mò, mỗi thứ năm vẫn thường ngắm vị cựu giám mục Xănglixơ, thường đứng, tóc mới rắc phấn, bít tất tím, quay lưng ra phía cổng như để cho người ta trông thấy cái cổ áo giám mục của ông. Tất cả các giáo sĩ ấy, mặc dầu phần lớn vừa là nhân vật trong triều vừa là nhân vật giáo hội, vẫn làm tăng thêm cái vẻ nghiêm trang của phòng khách bà T., trong đó có năm vị nguyên lão nghị viên của nước Pháp, hầu tước Đơ Vibơray, hầu tước Đơ Talaruy, hầu tước Đecbuviơ, tử tước Đăngbơray và công tước Đơ Valăngti

noa, làm rõ thêm dáng công khanh thế phiệt của nơi ấy. Công tước Đơ Valăngtinoa đây, tuy là ông Hoàng Mônacô, tức là hoàng thân quốc trưởng nước ngoài, đánh giá nước Pháp và viện nguyên lão Pháp cao đến mức coi đó là hai tiêu chuẩn để ông so sánh mọi điều. Chính ông đã nói: *"Các vị giáo chủ là các vị nguyên lão Pháp ở Rômơ; các lorơ là những nguyên lão Pháp ở Anh"*. Dẫu sao- vì trong thế kỷ này, Cách mạng phải có mặt ở khắp nơi, cái phòng khách phong kiến này, như chúng tôi đã nói, cũng bị thống trị bởi một nhân vật tư sản. Lão Gilơnormăng ngự trị ở đó.

Đó là tinh hoa, tinh hoa thuần khiết của cái xã hội Pari trắng. Tất cả những gì danh tiếng lừng lẫy, dù là thuộc ý thức bảo hoàng, cũng đều bị gạt ra. Trong cái tiếng tăm lừng lẫy luôn có một thứ tự do vô chính phủ. Satôbriăng mà đến cái phòng khách này thì người ta cũng có cảm tưởng như là lão Đuysen thôi. Cũng có một vài nhân vật qui phục Cách mạng được châm chước tiếp nhận trong giới bảo hoàng chính thống này. Bá tước Bơnhô được đón tiếp có mức độ trong phòng khách.

Những phòng khách "quí tộc" ngày nay không giống những phòng khách ấy. Ngoại ô Xanh Giécmanh ngày nay có màu tà giáo. Những người bảo hoàng ngày nay là những người mị dân, nói thế để khen họ đấy.

Ở nhà bà T., khách lui tới là những người thượng lưu, thị hiếu của họ tao nhã và kiêu hãnh, với một nề nếp lịch sự trang trọng. Những tập quán ở đây có nhiều sắc thái tinh vi, không cố ý, nó là tất cả chế độ cũ, đã chôn vùi rồi,

nhưng vẫn sống. Một vài thói quen ấy, nhất là về ngôn ngữ, có vẻ rất lạ lùng. Những kẻ "sành sỏi" mà hời hợt có thể cho là quê mùa, những cái thực ra chỉ là cổ kính. Người ta gọi một phụ nữ là bà tướng, người ta cũng có khi gọi bà Đại tá. Bà Đơ Lêông xinh đẹp, có lẽ vì tưởng nhớ các bà công tước Đơ Lônggơvin và Đơ Sơvơrơdơ, nên thích cách gọi như thế hơn được gọi là bà Hoàng; bà hầu tước Đơ Lơrêki, cũng thích người ta gọi là bà Đại tá.

Chính cái giới nhỏ mà lớn ấy đã đặt ra ở cung điện Tuylơri cái kiểu cách trong khi được hầu chuyện thân mật với vua, dùng ngôi thứ ba gọi vua là *nhà vua*, chứ không dùng "Vôtrơ magiextê" (1). Tiếng "Vôntrơ magiextê" đã bị "tên tiến đoạt làm cho ô uế".

Ở đó người ta phê phán mọi sự việc và mọi nhân vật. Người ta chế nhạo cả thời đại, như thế đỡ phải tìm hiểu thời đại. Người ta giúp nhau nhìn thấy những sự lạ và truyền cho nhau cái phần ánh sáng họ có trong trí tuệ của họ. Matuydalem báo tin mới cho Epimênidơ. Anh điếc làm cho anh mù hiểu biết thời đại. Người ta tuyên bố cả thời gian từ Côblendơ(2) trở đi là không có. Cũng như họ nói Lui XVIII, ơn Chúa, đang ở năm thứ 25 của triều đại mình, các quý tộc bỏ nước, có quyền tính tuổi thanh niên của họ là hai mươi nhăm.

Tất cả đều hài hoà; không có cái gì sống mãnh liệt quá, lời nói chỉ thoảng như một hơi thở, nhật báo cũng cùng

(1) Votre Majesté: tiếng xưng hô đối với vua để tỏ ý sùng kính, dùng ở ngôi thứ hai.

(2) *Coblenz*: thành phố ở nước Đức, nơi năm 1792, bọn quí tộc xuất cảnh tập họp thành lập đạo quân chống nước Pháp cách mạng.

một kiểu với phòng khách, chỉ như là một tờ giấy lặng lẽ. Cũng có thanh niên nhưng họ gần như chết. Ngoài hành lang, đồng phục bọn tôi tớ kiểu xưa. Những con người ấy, hoàn toàn qúa vãng, cũng có những kẻ hầu người hạ như họ. Tất cả đều có vẻ đã sống mãn số từ lâu rồi, nhưng vẫn không chịu xuống mồ. Bảo thủ, sự việc bảo thủ, người bảo thủ, thế là gần hết cuốn tử điển họ dùng. Phải ngửi được là vấn đề chính ở đây. Chính kiến cũng xông hương trong cái nhóm người cổ kính này và tư tưởng ở đây cũng có mùi hương bài. Đấy là cả một thế giới xác ướp. Chủ thì ướp hương, người ở thì độn rơm.

Một bà hầu tước già, trước lưu vong và nay sa sút, chỉ còn có một người bõ già, vẫn cứ nói: "Bọn gia nhân của tôi".

Nhóm người ấy làm gì ở cái phòng khách của bà Đơ T. Họ là "uyntơra" (1).

"Uyntơra": cái từ ấy, tuy rằng khái niệm nó biểu hiện chưa mất hẳn, nhưng ngày nay không có nghĩa nữa. Ta hãy giải thích cái từ ấy.

Uyntơra tức là đi quá giới hạn. Là lấy danh nghĩa ngai vàng mà công kích nhà vua, lấy danh nghĩa thờ Chúa mà công kích cái mũ của các vị giám mục; là đánh đập cái vật mà mình kéo theo mình; là cất vó đá hậu khi cùng đứng trong cỗ xe với ngựa khác; là phê phán cái đống lửa thiêu chưa thiêu chín kẻ tà đạo; là trách cái thần tượng còn ít tôn sùng thần tượng; là chửi rủa vì quá tôn kính; là bảo giáo hoàng không trọng đầy đủ toà thánh, nhà vua còn ít bảo hoàng, đêm còn quá nhiều ánh sáng; là nhân danh

(2) *Ultra* tức *ultraroyaliste:* bảo hoàng cực đoan.

màu trắng mà chê tuyết bạch ngọc, lông thiên nga, cánh hoa huệ; là ủng hộ một cách nhiệt tình đến mức thành kẻ thù; là tán thành mãnh liệt đến mức phản đối.

Tinh thần uyntơra là đặc điểm tiêu biểu của giai đoạn đầu thời kỳ quân chủ phục hưng.

Trong lịch sử không có thời kỳ nào giống thời gian bắt đầu từ 1814 và kết thúc vào khoảng 1820, lúc ông Vilelơ, con người thực tế của phái hữu, lên nắm quyền. Sáu năm ấy là một giai đoạn lạ thường, vừa ồn ào, vừa buồn tẻ, vừa vui vẻ, vừa tối tăm, sáng tỏ như dưới ánh bình minh đồng thời bao phủ bóng tối của những tai họa lớn còn tràn ngập chân trời và đang dần dần chìm sâu vào quá khứ.

Trong cái ánh sáng và cái bóng tối ấy, có cả một tiểu thế giới vừa mới vừa cũ, vừa khôi hài vừa buồm thảm, vừa trẻ trung vừa già cỗi đang giụi mắt; trở về giống hệt như trở dậy, không có gì giống nhau hơn thế. Một bọn người nhìn nước Pháp một cách bực dọc, hậm hực, và nước Pháp nhìn lại họ một cách mai mỉa, những con cú già hầu tước đầy đường, bọn đã trở về, bọn đang trở về, những "tên nguyên là..." (1) kinh ngạc trước mọi việc, những nhà quí tộc lưu vong, thiện tâm, thiện chí, vừa mỉm cười vừa rơi lệ sung sướng được thấy lại Tổ quốc, thất vọng không được trông thấy lại chế độ quân chủ của họ; lớp quí tộc thập tự viễn chinh phỉ nhổ lớp quí tộc thời đế chế, tức là lớp võ quan quí tộc; những dòng giống lịch sử đã mất ý thức lịch sử; những đứa con các chiến hữu của Saclơmanhơ khinh miệt những chiến hữu của Napôlêông. Những lưỡi gươm

(1) Ci-devant: danh từ dùng trong các bản án thời Cách mạng Pháp để gọi các tên quí tộc và thầy tu phản động trước khi nêu tên và chức vị cũ của chúng.

như chúng tôi vừa nói chửi lại những lưỡi gươm. Lưỡi gươm Fôngtơnoa chỉ là một trò cười, một lưỡi gươm rỉ; lưỡi gươm Marăngggô thì bị căm ghét và bị coi là một mã tấu. *Ngày xưa* phủ nhận *Hôm qua*. Người ta không còn có ý thức về cái lớn lao, cũng như không ý niệm thế nào là lố bịch. Có kẻ gọi Bônapactơ là Xcapanh. Cái thế giới ấy không còn nữa. Ngày nay không còn tí gì nữa, ta hãy nhắc lại điều đó. Khi chúng tôi nêu lên một hình ảnh nào đó và chúng tội muốn làm nó sống trở lại trong trí tưởng thì thấy nó lạ lùng như ở thời kỳ tiền hồng thủy. Quả thực nó cũng đã bị nhận chìm bởi một trận hồng thủy. Nó đã biến hẳn với hai cuộc cách mạng. Tư tưởng là những đợt sóng hùng mạnh biết bao! Nó vùi lấp rất nhanh chóng những cái nó có nhiệm vụ phá huỷ và chôn vùi, nó đào nhanh chóng những cái vực sâu khủng khiếp.

Đó là bộ mặt của những phòng khách của thời kỳ xa xôi và ngây thơ ấy mà ông Mactanhvilơ có nhiều trí tuệ hơn Vonte.

Những phòng khách ấy có một thứ văn học và một thứ chính trị của họ. Fiêvê ở đấy là thần thánh. Ông Agiê ngự trị. Ở đấy người ta bình luận sách của Connê, ký giả và người bán sách cũ ở bờ sông Malake. Napôlêông thì hoàn toàn là con yêu tinh đảo Corxơ. Về sau đưa cái tên hầu tước Đơ Buônapactê, tổng tư lệnh quân đội nhà vua vào lịch sử là một nhượng bộ đối với xu hướng của thời đại.

Những phòng khách ấy không giữ được tính chất thuần tuý của nó lâu dài. Ngay từ 1818 một vài lý thuyết gia đã bắt đầu xuất hiện, đó là một điều đáng lo ngại. Cái kiểu của họ cũng là bảo hoàng đấy, nhưng mà lại cứ thanh

minh. Cái chỗ mà những phần tử uyntơra rất kiêu hãnh tự hào, thì những nhà bảo hoàng lý luận này có vẻ lấy làm xấu hổ phần nào. Họ thông minh, họ biết im lặng, những nguyên lý chính trị của họ có tráng thêm một cái vỏ kiêu hãnh vừa phải. Tất họ sẽ thành công. Họ thắt ca-vát trắng rất to, áo cài khuy rất nghiêm chỉnh; cái này cũng có lợi cho họ. Cái sai lầm hay cái tai hại của phái bảo hoàng lý luận này là họ tạo nên một thế hệ thanh niên ông cụ. Họ có những dáng điệu hiền triết. Họ mơ mộng ghép vào cái nguyên lý tuyệt đối và quá trớn của nền quân chủ một chính quyền ôn hoà; họ đem chủ nghĩa tự do bảo thủ đối lập với chủ nghĩa tự do phá hoại, nhiều khi một cách rất thông minh. Họ tuyên bố: "Đừng kết án chủ nghĩa bảo hoàng. Nó đã làm được khá nhiều việc. Nó đã phục hồi truyền thống, nhà thờ, tôn giáo, sự kính trọng. Nó chung thủy, dũng cảm, hiệp sĩ, yêu thương, tận tụy. Nó đem hòa hợp, dù rằng có ít nhiều miễn cưỡng, những vinh dự lớn lao mới của dân tộc với những cái vĩ đại truyền thống của nền quân chủ. Nó có sai lầm là không hiểu cách mạng, không hiểu đế chế, không hiểu vinh quang, tự do, những tư tưởng trẻ, những thế hệ trẻ, không hiểu thời đại. Nhưng cái lỗi của nó đối với ta, ta há không phạm đối với nó một đôi khi hay sao? Cách mạng mà chúng ta thừa kế phải thông hiểu tất cả. Công kích chủ nghĩa bảo hoàng là làm trái ngược chủ nghĩa tự do. Sai lầm lớn và mù quáng làm sao! Nước Pháp cách mạng không tôn trọng đúng mức nước Pháp lịch sử, nghĩa là thiếu tôn trọng mẹ mình, thiếu tôn trọng bản thân mình.

Sau ngày 5 tháng 9, người ta đối xử với những lớp quí tộc của nền quân chủ cũng như sau ngày 8 tháng 7 người ta đối xử với những lớp quí tộc của thời đế chế. Họ đã bất công đối với con chim phượng hoàng, chúng ta bất công đối với bông hoa huệ. Lúc nào cũng cần phải có cái gì để cấm chỉ ư? Bóc lớp vàng bọc cái mũ niệm của vua Lui XIV, cạo cái huy hiệu của vua Hăngri IV, cái đó có ích lợi gì? Chúng ta cười giễu ông Đơ Vôblăng đã xoá tất cả các chữ N trên cầu Iêna. Ông ấy đã làm việc gì thế? Làm cái việc chúng ta làm thôi. Buvinơ là của chúng ta cũng như Marăngô. Những bông hoa huệ là của chúng ta cũng như những chữ N. Đó là di sản chung của chúng ta. Sao lại làm nó tiêu hao đi? Không được phủ nhận tổ quốc trong quá khứ cũng như trong hiện tại. Tại sao không ôm hết tất cả lịch sử? Tại sao không yêu tất cả nước Pháp?".

Những nhà bảo hoàng lý thuyết phê phán và bảo vệ chủ nghĩa bảo hoàng như thế đấy, còn chủ nghĩa bảo hoàng lại bất bình khi bị phê phán và giận dữ khi được bảo vệ.

Phái uyntơra tiêu biểu cho giai đoạn đầu của chủ nghĩa bảo hoàng, phái liên hiệp tiêu biểu cho giai đoạn thứ hai. Thái độ khôn khéo thay thế cho thái độ sôi sục. Ta hãy tạm giới hạn việc phác họa này ở đây.

Trong quá trình kể lại câu chuyện ở bộ sách này tác giả đã gặp cái khoảnh khắc kỳ lạ này của lịch sử hiện đại. Tác giả đã phải nhìn lướt qua vào đó và phác họa một vài khâu của cái xã hội ngày nay không ai còn biết nữa. Nhưng tác giả phác qua vội vàng và không có ý đắng cay,

hay giễu cợt gì. Những kỷ niệm trìu mến và tôn kính và dính líu đến mẹ tác giả, gắn bó chặt chẽ tác giả với quá khứ ấy. Vả lại cũng cần phải nói là cái xã hội nhỏ bé ấy cũng có cái lớn lao của nó. Người ta có thể cười nó một chút, nhưng không thể khinh nó, ghét nó. Đó là nước Pháp ngày xưa.

Mariuytx Pôngmecxi học hành đại khái như tất cả những đứa trẻ khác. Rời khỏi tay bà dì Gilonormăng, nó được ông ngoại giao phó cho một giáo sư đáng kính thuộc loại kinh viện ngây thơ nhất. Cái tâm hồn tươi trẻ đang mở ra ấy bị chuyển từ tay một mụ đàn bà khắc khổ qua tay một anh đồ gàn. Rồi Mariuytx học trung học, xong vào trường đại học luật khoa. Anh bảo hoàng, cuồng tín và khắc khổ. Anh không yêu ông ngoại mấy vì sự vui vẻ và trắng trợn của ông ta làm anh khó chịu. Về cha anh thì anh tỏ ra âm thầm.

Dù sao Mariuytx cũng là một cậu bé nhiệt tình nhưng bình tĩnh, cao quí, quảng đại, kiêu hãnh, tín ngưỡng, say sưa. Tự trọng đến mức sắt đá, trong sạch đến mức thô lỗ.

IV

NGÀY CUỐI CÙNG CỦA TÊN GIẶC CƯỚP

Khi Mariuytx học xong trung học thì lão Gilonormăng cũng không lui tới ở xã hội thượng lưu nữa. Lão rời bỏ khu ngoại thành Xanh Giécmanh và phòng khách của bà nam tước T. đến ở khu Mare, trong căn nhà phố Phidơ đuy Cahve. Gia nhân của lão, ngoài người gác cổng, có mụ hầu buồng Nicôlét, vào thế chân cho mụ Manhông, và lão Batscơ thở hổn hển, nặng nề đã nói đến trên kia.

Năm 1827 Mariuytx vừa mười bảy tuổi. Một buổi chiều về nhà, anh thấy lão Gilơnormăng tay cầm một bức thư:

- Mariuytx, ngày mai cháu đi Vecnông.

- Có việc gì ạ?

- Gặp cha cháu.

Mariuytx rùng mình. Anh có thể chờ đợi mọi việc, nhưng có việc này anh không ngờ, là phải gặp cha anh. Không có gì đột ngột, bất ngờ, và nói trắng ra là khó chịu đến như việc ấy. Muốn xa mà phải gần. Không phải chỉ là một điều buồn bực, thật là một việc khổ dịch.

Ngoài mâu thuẫn về xu hướng chính trị, Mariuytx còn tin chắc rằng, cha anh, mà lão Gilơnormăng khi hiền dịu gọi là tay đao phủ, không yêu anh; chắc chắn như thế, vì nếu có chút tình cha con thì hắn đã chẳng bỏ con cho người khác như vậy. Thấy cha không yêu anh, anh cũng không yêu cha, anh nghĩ cũng chẳng có gì lạ.

Mariuytx kinh ngạc đến nỗi không hỏi gì được nữa. Lão Gilơnormăng nói thêm:

- Hình như hắn ốm. Hắn muốn gặp cháu.

Yên lặng một lát, lão tiếp:

- Sáng mai đi sớm. Hình như ở bãi Fôngten có xe khởi hành lúc sáu giờ sáng, chiều tới nơi. Đi ngay chuyến ấy. Hắn bảo là kíp lắm.

Rồi lão vò nát lá thư và nhét vào túi. Mariuytx có thể đi ngay tối hôm ấy và sáng sớm hôm sau có thể tới gặp cha. Một chiếc xe ngựa ở phố Bulô hồi ấy thường đi Ruăng ban đêm và qua Vecnông. Cả lão Gilơnormăng, cả Mariuytx không ai nghĩ đến hỏi xem chuyến xe ấy.

Ngày hôm sau, sẩm tối, Mariuytx đến Vecnông. Đèn phố đã bắt đầu sáng. Anh hỏi người qua đường đầu tiên mà anh gặp nhà ông Pôngmecxi. Trong tư tưởng, anh tán thành chính quyền phục hưng, không thừa nhận chức đại tá và tước nam của cha anh.

Người ta chỉ nhà cho anh. Anh giật chuông. Một người đàn bà cầm chiếc đèn con ra mở cửa.

- Ông Pôngmecxi?

Người đàn bà đứng im.

- Có phải đây không?

Người đàn bà gật đầu.

- Tôi có thể nói chuyện với ông ấy không?

Người đàn bà lắc đầu.

- Nhưng mà tôi là con ông ấy. Ông ấy đợi tôi.

- Ông ấy không đợi anh nữa.

Bây giờ anh mới thấy người đàn bà ấy khóc.

Người ấy chỉ tay vào một cái buồng thấp, anh bước vào. Căn phòng có cây nến soi sáng, đặt trên bệ lò sưởi, có ba người đàn ông, một người đứng, một người quỳ và một người mặc sơ-mi, nằm sóng sượt trên nền gạch. Người nằm dưới đất là đại tá Pôngmecxi.

Hai người kia một là thầy thuốc, một là cha xứ đang cầu nguyện.

Từ ba hôm trước, đại tá Pôngmecxi bị sốt vì đau óc. Lúc mới ốm ông đã e ngại có chuyện không hay, viết thư cho lão Gilơnormăng để gọi con đến. Bệnh càng trầm trọng. Buổi chiều ngày Mariuytx đến Vecnông đại tá bị cơn mê sảng, ông đang nằm trên giường bỗng đứng hẳn dậy, người ở gái ngăn cản không được. Ông thét:

- Con tôi không đến, tôi phải đi đón con tôi.

Thế rồi ông đi ra khỏi phòng và ngã vật trên nền gạch hành lang. Khi Mariuytx đến, ông vừa tắt thở.

Người ta đi gọi thầy thuốc và cha xứ. Thầy thuốc đến chậm quá, cha xứ đến chậm quá, cơn ông cũng đến chậm quá.

Dưới ánh nến lờ mờ, ông nằm sóng sượt, người ta nhìn thấy trên má nhợt nhạt của ông một giọt nước mắt lớn chảy từ con mắt đã chết. Mắt đã đục tròng, nhưng giọt nước mắt chưa khô. Giọt nước mắt đã chảy vì con ông đến chậm.

Mariuytx nhìn người anh gặp lần đầu tiên mà cũng là lần cuối cùng, cái diện mạo đáng kính, cương nghị, hai con mắt mở mà không nhìn gì nữa, mớ tóc bạc, hai cánh tay cứng cỏi chằng chịt những vết xám là những vết gươm chém và những chấm đỏ như ngôi sao là những vết đạn. Anh nhìn cái vết gươm ghê gớm chém ngang mặt, làm cho cái diện mạo trời sinh hiền từ ấy có một vẻ anh dũng lạ thường. Anh nghĩ rằng người ấy là cha anh, và người ấy đã chết, nhưng anh vẫn lạnh lùng.

Anh cũng thấy buồn, nhưng là cái buồn khi đứng trước bất cứ một người chết nào.

Một vẻ tang tóc xót xa bàng bạc cả gian phòng. Người ở gái rền rĩ ở một góc, cha xứ cầu nguyện, người ta nghe thấy tiếng ông thổn thức, thầy thuốc lau mắt. Cả cái xác chết cũng khóc.

Ông thầy thuốc, vị linh mục và người ở gái nhìn Mariuytx qua mối buồn của họ và không nói lời nào. Anh ta mới là người lạ. Maryuytx thẹn thùng, lúng túng vì thấy mình lạnh nhạt. Tay anh cầm mũ, anh để cho chiếc

mũ rơi xuống đất, làm như anh cảm động không cầm được nữa.

Lúc ấy anh thấy hối hận và tự thấy mình đáng khinh. Nhưng có phải lỗi tại anh đâu. Anh không yêu cha anh thì biết làm thế nào!

Đại tá Pôngmecxi không để lại cái gì. Đồ đạc trong nhà bán đi chỉ vừa đủ chi tiêu vào đám tang. Người ở gái tìm thấy một mảnh giấy đem giao cho Mariuytx.

Chính tay đại tá Pôngmecxi đã viết:

"- *Gửi cho con tôi*- Hoàng đế đã phong tước nam cho ta trên chiến trường Oateclô. Vì chính quyền phục hưng không thừa nhận cái tước vị mà ta đã trả bằng máu của ta, con ta sẽ thừa hưởng và mang chức tước ấy. Chắc hẳn là con ta sẽ xứng đáng..."

Mặt sau, đại tá ghi thêm:

"Cũng ở trận Oateclô này một viên đội đã cứu sống ta. Viên đội ấy tên là Tênacđiê. Gần đây hình như ông ta mở một quán ăn nhỏ trong một xóm gần Pari, ở Sen-lơ hay ở Môngphécmầy. Nếu con ta gặp ông ấy thì sẽ hết sức giúp đỡ ông ta".

Không phải vì kính trọng cha, nhưng vì sự kính cẩn trước cái chết, rất tự nhiên và mạnh mẽ trong lòng người, Mariuytx cầm mảnh giấy và cất đi.

Chẳng còn dấu vết gì của đại tá Pôngmecxi. Lão Gilonormăng bán cho hàng đồ cũ thanh gươm và bộ nhung phục của ông. Về mảnh vườn thì những người hàng xóm nhổ hết cây, bẻ hết hoa quí, chẳng bao lâu mảnh vườn của ông mọc đầy gai góc.

Mariuytx chỉ ở lại Vecnông có bốn mươi tám giờ. Sau tang lễ, anh trở về Pari và lại tiếp tục học luật và cũng

quên cả cha anh, như là không có cha anh vậy. Hai ngày thì chôn cất xong, ba ngày thì người ta quên.

Mariuytx có một miếng nhiễu đen trên mũ, thế thôi.

V
ĐI LỄ NHÀ THỜ LẠI CÓ LỢI ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÁCH MẠNG

Mariuytx vẫn giữ những thói quen tín ngưỡng như thuở nhỏ. Một ngày chủ nhật nọ, anh đến nghe giảng kinh ở nhà thờ Xanh Xuympit trước bàn thờ Đức mẹ, nơi anh và dì anh xưa vẫn thường dắt anh đến. Mariuytx hôm ấy vơ vẩn đãng trí hơn mọi ngày, anh đến quỳ đằng sau một cái cột, trên một chiếc ghế bọc nhung lưng ghế có ghi: *Ông Mabớp, sự lý giáo hội.*

Buổi giảng kinh vừa bắt đầu thì một ông già đến, nói với Mariuytx:

- Thưa ông, chỗ này của tôi.

Mariuytx vội vàng lùi ra, ông già quỳ xuống ghế.

Buổi giảng kinh xong, thấy Mariuytx vẫn đứng nghĩ ngợi thẫn thờ ở cách mấy bước, ông già lại gần nói:

- Tôi xin lỗi đã làm phiền ông lúc nãy và còn làm phiền ông bây giờ nữa, chắc ông cũng cho tôi là nhiễu sự, tôi phải nói để ông rõ.

- Thưa ông, không cần thiết ạ.

- Cần lắm chứ! Tôi không muốn ông hiểu lầm tôi. Ông xem, tôi quí cái chỗ này. Hình như quỳ trên ghế ấy thì nghe giảng kinh thấm thía hơn. Vì sao? Tôi sẽ nói chuyện ông rõ. Chính ở chỗ này, trong bao nhiêu năm, cứ hai ba tháng một lần, tôi đã thấy một người bố đáng quí đến chờ để nhìn thấy đứa con của mình, đứa con mà ông ta không có cách nào khác gặp được, không có lúc nào khác gặp

được, vì những sự thu xếp gia đình thế nào đấy đã cấm đoán ông ta. Ông ta đến đúng lúc mà người ta đưa con ông đi lễ. Đứa trẻ không ngờ có cha nó ở đấy; có lẽ đứa bé ngây thơ đó cũng không biết nó có một người cha nữa! Người cha đứng khuất đằng sau cột để người ta khỏi trông thấy. Ông ta nhìn đứa con và khóc. Ông ta yêu quý đứa trẻ quá, tội nghiệp! Tôi đã trông thấy thế, nên cái chỗ này là một chỗ quý báu đối với tôi, tôi đã quen xem lễ ở chỗ này. Tôi thích chỗ này hơn chỗ ghế chính thức mà tôi có quyền giữ với tư cách là sự lý. Tôi cũng đã quen chút ít người cha đau khổ ấy. Ông ta có một người bố vợ, một bà cô giầu có, cũng gọi là họ hàng, nhưng họ dọa sẽ tước quyền thừa kế của con ông, nếu ông đến tìm gặp nó. Ông ta đã hy sinh để cho đứa trẻ sau này giầu có, sung sướng. Người ta chia rẽ cha con ông vì một lý do chính trị. Chắc chắn là tôi tán thành những xu hướng chính trị, nhưng có những người làm quá trớn. Lạy chúa! Không nên vì người ta đã ở trận Oateclô mà đi coi người ta như một con quái vật. Không phải vì thế mà có thể chia rẽ được cha con người ta. Ông ta là một đại tá của Bônapác. Hình như ông ta chết rồi. Ông ta ở Vecnông, em tôi là cha xứ ở đó, tên ông ta là Pôngmari hay Môngpecxi gì ấy.

- Pôngmecxi.

Mariuytx nói và mặt anh bỗng nhiên tái lại.

- Đúng rồi, Pôngmecxi. Hay là ông cũng quen biết ông ta?

- Thưa ông, ông ấy là cha tôi.

Ông quản lý nhà chung già chắp hai tay kêu lên:

- A, thế ông là đứa trẻ ấy. Phải rồi, đúng rồi, cậu bé ấy bây giờ chắc đã trưởng thành rồi. Con ơi! Con có thể sung sướng tự hào là đã có một người cha yêu con hết sức.

Mariuytx đưa tay dìu ông lão về tận nhà.

Ngày hôm sau anh thưa với lão Gilơnormăng:

- Cháu đã sắm sửa đi săn cùng với vài người bạn. Ông cho cháu đi ba ngày nhé.

- Bốn ngày cũng được. Đi cho thỏa thích cháu ạ.

Lão Gilơnormăng nhay nháy mắt ra hiệu bảo bà con gái:

- Hẳn có trò yêu iếc gì đây!

VI

GẶP MỘT ÔNG QUẢN LÝ NHÀ CHUNG THÌ CÓ TÁC DỤNG GÌ?

Mariuytx đi đâu, sau này ta sẽ biết.

Mariuytx vắng mặt ba ngày, rồi anh lại trở về Pari, đi thẳng tới thư viện trường luật, hỏi lấy bộ tạp chí Mônitơ. Anh đọc bộ Mônitơ, xem tất cả những sách về thời kỳ Cộng hòa và đế chế, xem tập ký ức ở đảo Xanh Êlen, tất cả các tập ký ức, báo tập san, tuyên cáo; anh đọc ngốn ngấu hết. Lần đầu tiên anh thấy tên cha anh trong kỷ yếu của Đại quân, anh phát sốt cả một tuần lễ. Anh đến tìm gặp các vị tướng cũ của cha anh, trong đó có bá tước H. Cố Mabơp mà anh đến thăm, đã kể lại quãng đời cha anh ở Vecnông, nơi ẩn dật, cái vườn hoa và cảnh cô đơn của cha anh. Mariuytx dần dần hiểu rõ cha anh, một con người hiếm có, cao cả mà dịu hiền, vừa là con sư tử vừa là con chiên non.

Say mê trong việc nghiên cứu ấy, nó chiếm cả thời giờ, cả tư tưởng của anh, anh không năng gặp ông anh và dì anh nữa. Chỉ thấy mặt anh lúc giờ ăn rồi anh lại biến mất. Người dì càu nhàu, lão Gilơnormăng thì tủm tỉm: Hừ, hừ, đúng là cái tuổi mê gái. Thỉnh thoảng lão lại nói:

Chà, lão tưởng là chuyện phơ phất, thế mà hoá ra chuyện say mê.

Chuyện say mê thật. Mariuytx đang say sưa sùng kính chấ anh.

Một sự biến đổi lớn lao đang diễn ra trong tư tưởng anh. Sự biến đổi ấy gồm rất nhiều giai đoạn nối tiếp nhau. Đây cũng là trường hợp chung của nhiều tâm hồn trong thời đại chúng ta, vì vậy nên chúng tôi thấy cần nhắc lại tất cả những giai đoạn ấy.

Mariuytx sửng sốt ngạc nhiên trước những trang lịch sử ấy.

Kết quả đầu tiên là anh choáng mắt.

Chế độ Cộng hòa và Đế chế, trước đây đối với anh chỉ là những danh từ ghê tởm: chế độ cộng hòa, một cái máy chém dựng trong hoàng hôn; đế chế, một lưỡi gươm vung trong đêm tối. Anh đã trông thấy rõ, nơi trước đây anh chỉ thấy hỗn loạn đen tối, bây giờ anh ngạc nhiên, vừa vui mừng, vừa hoảng sợ thấy sáng ngời những ngôi sao: Mirabô, Vecnhiô, Xanh Giuyt, Rôbetspie, Cami Đêmu lanh, Đăngtông và chói lọi một mặt trời: Napôlêông. Anh ngạc nhiên không biết đứng trước cái thực tế nào nữa. ánh sáng làm anh loá mắt, lùi bước. Dần dần anh hết ngạc nhiên, quen với cái hào quang rực rỡ ấy, anh hết choáng váng khi nhận định những sự việc vĩ đại ấy, anh không còn hãi hùng đứng trước những nhân vật lớn lao ấy. Cách mạng và Đế chế chói loà ánh sáng hiện lên trước cặp mắt say sưa của anh. Anh thấy rõ rệt những sự việc và những nhân vật của hai thời đại ấy kết tinh lại trong hai hiện thực vĩ đại: Chế độ cộng hòa kết tinh trong sự khôi phục chủ quyền của quần chúng nhân dân, Đế chế kết tinh

trong bá quyền của ý thức hệ Pháp trên toàn cõi châu Âu. Anh thấy rõ cách mạng xây dựng hình ảnh vĩ đại của nhân dân, và Đế chế, hình ảnh vĩ đại của nước Pháp. Trong thâm tâm, anh thấy tất cả cái đó là tốt đẹp.

Cái choáng ngợp ấy, trong nhận thức quá chung chung ban đầu, bỏ qua nhiều điều mà chúng tôi không thấy cần thiết nói đến ở đây. Chúng tôi chỉ kể lại tình trạng một tâm hồn đang trong quá trình tiến tới. Những tiến bộ không cùng xảy ra một lúc. Chúng tôi nói thế một lần thôi, đối với chuyện kể trước và kể sau này nữa.

Chúng tôi tiếp tục:

Anh sực thấy rằng từ trước đến nay anh đã không hiểu Tổ quốc anh cũng như không hiểu cha anh. Anh không biết Tổ quốc, không biết cha anh, một thứ bóng đêm dày đặc đã che phủ mắt anh, thế mà anh tự nguyện để như thế. Bây giờ anh mới thấy rõ. Một mặt anh thán phục, một mặt anh quí yêu.

Anh hối hận, thương tiếc, anh tuyệt vọng khi nghĩ rằng bây giờ tất cả tâm hồn anh, anh chỉ có thể bày tỏ với một nấm mồ. Trời! Nếu cha anh còn sống, nếu anh còn cha anh, nếu Chúa Trời hiền từ và thương người làm cho cha anh sống lại, anh sẽ nhảy bổ vào lòng cha anh, anh sẽ kêu lên: "Cha ơi! Con đây, con của cha đây, trái tim của con cũng là trái tim của cha". Anh sẽ ôm hôn mớ tóc bạc để nước mắt chan hoà trên mớ tóc ấy, chiêm ngưỡng cái vết gươm trên mặt, nắm chặt tay cha anh, vuốt ve quần áo, ôm hôn chân cha anh. Trời ơi! Sao người cha ấy lại chết sớm thế, chết khi chưa đáng tuổi chết, chết khi công lý chưa trở lại, khi con chưa trở về với tình yêu mến cha.

Trái tim của Mariuytx luôn luôn thổn thức và luôn luôn kêu: "Hỡi ôi!". Bây giờ anh mới trở thành thực sự nghiêm nghị, thực sự đúng đắn, vững chắc trong tín ngưỡng và trong tư tưởng. Cứ mỗi lúc, mỗi lúc những tia sáng mới của chân lý lại làm cho lý trí anh thêm sáng tỏ. Hình như anh thấy anh trưởng thành dần trong tư tưởng. Anh thấy như anh tự nhiên lớn thêm lên nhờ hai hiện tượng rất mới đối với anh: cha anh và Tổ quốc.

Như khi người ta có một cái chìa khoá, tất cả đều rộng mở: anh cảm thông những cái anh đã căm thù, anh thấm thía những điều anh đã oán ghét. Bây giờ anh thấy rõ ràng cái ý nghĩa cao cả, thiêng liêng, nhân bản của những sự việc lớn lao mà người ta đã dạy anh phải ghét, những nhân vật vĩ đại mà người ta đã dạy anh phải thù. Khi anh nghĩ lại những quan niệm cũ của anh, quan niệm mới ngày hôm qua thôi, mà anh tưởng đã lâu lắm rồi, anh căm phẫn và mỉm cười khinh bỉ.

Từ chỗ khôi phục lại thanh danh của cha anh, anh tiến tới khôi phục thanh danh của Napôlêông.

Nhưng việc sau không phải là dễ dàng.

Từ thuở thơ ấu, người ta đã nhồi vào đầu óc anh những nhận xét của phái bảo hoàng 1814 về Bônapác. Tất cả những thành kiến, những quyền lợi riêng, những ác cảm tự nhiên của phe bảo hoàng tập trung lại để xuyên tạc, bôi nhọ hình ảnh của Napôlêông. Họ còn căm thù Napôlêông hơn là căm thù Rôbetspie. Họ đã lợi dụng sự mệt mỏi của nhân dân, sự thù oán của các bà mẹ. Đối với họ, Bônapác đã trở thành một con quái vật dị kỳ. Để miêu tả Bônapác cho hợp với trí tưởng tượng của nhân dân - như chúng tôi nói vừa rồi, trí tưởng tượng của quần chúng giống trí

tưởng tượng của trẻ con - đảng phái bảo hoàng hồi 1814 đeo cho ông liên tiếp tất cả những mặt nạ ghê gớm từ kinh khủng nhưng lớn lao đến ghê gớm mà lố bịch, từ bạo chúa Tibe đến con ngoáo ộp. Như vậy, khi nói đến Bônapác, người ta có thể tha hồ oán khóc hay là phì cười quý hồ là vẫn căm thù. Từ trước đến bây giờ về "con người ấy" - người ta vẫn gọi Bônapác như thế - Mariuytx không có ý kiến nào khác. Những thành kiến ấy đã gắn liền với cái bản tính kiên nghị của anh. Ở trong anh có một chú bé cứng đầu oán ghét Napôlêông. Tất cả tấm màn đen tối bao phủ Napôlêông trước mắt Mariuytx tan dần khi Mariuytx đọc lịch sử, nhất là khi nghiên cứu các sử liệu. Anh thoáng thấy một cái gì vĩ đại và ngờ ngợ rằng anh đã nhận định sai lầm về Bônapác cũng như về mọi việc khác. Mỗi ngày anh nhìn rõ hơn, anh leo dần dần những bậc thang tin tưởng. Lúc đầu còn hầu như miễn cưỡng, rồi sau thì say sưa như bị thu hút cám dỗ không sức nào cưỡng lại được. Những bậc thang đầu còn tối tăm, những bậc thang tiếp theo nhờ nhờ ánh sáng và cuối cùng là những bậc thang sáng rực, huy hoàng của lòng hưng phấn.

Một đêm, anh ngồi một mình trong gian phòng nhỏ sát mái nhà. Ngọn nến đang cháy, anh tì khuỷu tay xuống bàn đọc sách bên cạnh cửa sổ. Không gian từ bên ngoài lan vào trong tư tưởng anh làm anh nghĩ vơ vẩn liên miên. Quang cảnh đêm tối lạ lùng thay, những tiếng rầm rì không biết từ đâu, rộn đến, trên trời sao Thiên vương đỏ rực như cục than hồng, sao Thiên vương một nghìn hai trăm lần to hơn trái đất, đêm tối đen, sao lấp lánh, thật là hùng vĩ.

Mariuytx đọc những tập kỷ yếu của Đại quân, những đoạn hùng ca viết ngay trên chiến trường; thỉnh thoảng

anh đọc thấy tên cha anh, còn tên Hoàng đế thì luôn luôn trở lại trên mặt giấy. Tất cả thời kỳ Đế chế vĩ đại hiển hiện, anh thấy như cả ngọn nước thủy triều dâng lên trong lòng anh, anh thấy hình như cha anh đôi lúc lướt qua bên anh như ngọn gió và tiếng nói cha anh vẳng bên tai. Dần dần anh trở nên khác lạ. Anh tưởng nghe thấy tiếng trống trận, tiếng đại bác, tiếng kèn, tiếng bước chân nhịp nhàng của từng đoàn quân, tiếng vó ngựa phi xa xa của các đoàn kỵ binh; thỉnh thoảng anh ngước mắt lên trời nhìn, những chùm sao khổng lồ chói sáng trong cao thẳm vô tận, rồi mắt ánh nhìn xuống sách và ở đấy anh lại thấy những sự việc vĩ đại biến chuyển rầm rầm. Trái tim anh thắt lại. Người anh run lên, ngất ngây, hồi hộp hứng khởi, rồi bỗng nhiên, không hiểu vì sao, dưới áp lực gì, anh đứng nhổm lên, giơ hai cánh tay ra ngoài cửa sổ, nhìn chăm chăm vào bóng đêm yên lặng, vùng đen tối không cùng, cõi mênh mông vô tận và thét to lên: Hoàng đế muôn năm!...

Từ giờ phút ấy tất cả đã rõ rệt. Con yêu tinh đảo Corxơ, tên cướp ngôi - tên bạo chúa - con quái vật loạn luân với lũ em nó - thằng hề đi học Tanma - kẻ đầu độc nhân dân Giapha - con hổ - tên Buyônapactê, tất cả tan biến và được thay thế trong trí óc của anh bằng một hào quang mờ ảo rực rỡ, với trên đỉnh cao không với tới cái bóng ma mờ cẩm thạch của vị hoàng đế tướng quân. Hoàng đế, đối với cha anh, mới chỉ là người chỉ huy rất thân yêu mà quân sĩ kính phục và sẵn sàng hy sinh vì Người. Đối với Mariuytx thì còn hơn thế. Hoàng đế là người xây dựng cái hệ của nước Pháp, tiếp tục cái hệ La-mã để thống trị hoàn

cầu, là vị kiến trúc sư kỳ diệu của một cuộc sụp đổ, là người tiếp nối Saclơmanhơ, Lui XI, Hăng ri IV, Risơliơ, Lui XIV và Uỷ ban Cứu quốc. Cũng có vết bẩn, cũng có lầm lỗi, có tội ác nữa nghĩa là vẫn là con người; nhưng lầm lỗi mà uy nghiêm, vết bẩn mà chói ngời, tội ác mà oai hùng. Ông là con người tiền định, đã bắt buộc các quốc gia phải gọi nước Pháp là: đại cường quốc. Còn hơn nữa, ông là hiện thân của nước Pháp, chinh phục cả châu Âu bằng lưỡi kiếm cầm trong tay và cả loài người bằng ánh mắt ông chiếu rọi. Bônapác đối với Mariuytx là bóng sáng ngời sẽ đứng lên trấn giữ biên giới, bảo vệ tương lai. Chuyên chế đấy, nhưng độc tài; chuyên chế bắt nguồn từ một chế độ cộng hòa và tóm tắt một cuộc cách mạng. Đối với anh, Napôlêông trở thành con-người-của-nhân-dân, như Giêđu là con-người-của-Chúa.

Như mọi tín đồ mới tin đạo, sự giác ngộ của anh làm cho anh say sưa, anh lao mình vào tin tưởng, và anh đi quá xa. Bản tính của anh như vậy, đã lao xuống một cái dốc, anh không kìm được đà nữa. Cái cuồng tín ở lưỡi gươm lôi cuốn anh và làm cho thêm phức tạp cái nhiệt tình vì lý tưởng. Anh không nhận ra rằng anh đang sùng bái lẫn lộn cả thiên tài và bạo lực, nghĩa là anh sùng bái một bên là cái thần thánh, một bên là cái gì thú vật. Từ cái sai lầm nọ anh rơi vào cái sai lầm kia về nhiều phương diện. Anh hoan nghênh tất cả. Trên con đường đi tới chân lý cũng có thể gặp sai lầm. Lòng tin tưởng quá mạnh của anh làm cho anh đã tin là tin toàn bộ. Trên con đường mới lúc phê phán những sai lầm của chế độ quân chủ cũng như lúc đánh giá cái oanh liệt của Napôlêông, anh không kể gì đến những trường hợp giảm khinh.

Dù sao anh đã bước một bước vĩ đại. Ở năm tháng mà ngày trước anh thấy chế độ quân chủ sụp đổ, thì ngày nay anh thấy nước Pháp mới xuất hiện. Phương hướng của anh đã thay đổi hẳn, trước là phía mặt trời lặn, bây giờ là phía mặt trời mọc. Anh đã quay hẳn mặt lại.

Những cuộc cách mạng xảy ra trong tư tưởng anh, gia đình anh không hề biết tới.

Trong sự cải tạo huyền bí ấy, khi anh đã trút hẳn cái da bảo hoàng, cực đoan, quý phái, khi anh đã trở thành hoàn toàn cách mạng, dân chủ triệt để và gần như cộng hòa, anh đến một cửa hiệu khắc chữ ở phố Orphevơrơ trên bờ sông và đặt một trăm tấm thiếp mang danh hiệu: Nam tước Mariuytx Pôngmecxi.

Đó cũng chỉ là kết quả tất nhiên của sự thay đổi trong tâm tư anh, sự thay đổi biến diễn chung quanh một điểm trung tâm: cha anh. Nhưng anh chẳng quen thuộc ai, chẳng có thể đưa cho bất cứ người gác cổng nào nên anh đành bỏ những tấm danh thiếp ấy vào trong túi.

Một kết quả khác cũng tất nhiên là anh càng gần cha, càng gần những điều mà vì đó cha anh đã chiến đấu hai mươi lăm năm, anh lại càng xa ông anh. Chúng ta đã biết từ trước tính tình của lão Gilơnormăng không hợp với anh. Có những lủng củng giữa một thanh niên nghiêm nghị và một ông già phất phơ. Cái vui nhộn của Giêrôngtơ (1) làm chướng tai gai mắt cái u buồn của Vecte(2). Khi còn chung xu hướng chính trị, chung tư tưởng, Mariuytx cùng lão Gilơnormăng gặp nhau như cùng đi trên một cái

(1) Giêrôngtơ: nhân vật điển hình ông già bướng bỉnh, ngớ ngẩn trong hài kịch Pháp. Môlie đã chế giễu nhân vật ấy trong hài kịch của ông.

(2) Vecte: nhân vật lãng mạn, chán đời trong tác phẩm của Gơttơ.

cầu. Khi cái cầu đó đổ, vực thẳm ngăn cách hai người. Thêm vào đấy Mariuytx hết sức căm phẫn khi nghĩ rằng chính lão Gilơnormăng đã vì những lý do ngu xuẩn dứt tình cha con anh, làm cho cha mất con, con mất cha.

Kính yêu cha quá, anh dần dần đi đến chỗ gần như căm ghét ông.

Nhưng bề ngoài vẫn không ai thấy gì. Mariuytx chỉ càng ngày càng thêm lạnh lùng. Bữa ăn thì ít nói, ngoài hai bữa ăn ít khi ở nhà. Khi dì anh trách anh, anh trả lời dịu dàng và viện cớ bận học, đi nghe giảng, học thi, nghe thuyết trình, v.v... Ông anh thì vẫn đinh ninh chẩn đoán: mê gái, ta biết tỏng rồi.

Thỉnh thoảng Mariuytx lại đi vắng.

- Nó đi đâu thế nhỉ? Bà dì thắc mắc như vậy.

Một lần, cũng trong một cuộc đi vắng ngắn ngày như vậy, theo lời giới của cha anh, anh đã đến Môngphécmây tìm người đội Oateclô tức là người chủ quán Tênacđiê. Nhưng Tênacđiê đã vỡ nợ, hàng quán đóng cửa, không ai biết vết tích hắn ở đâu nữa. Lần đi tìm Tênacđiê ấy, Mariuytx vắng nhà bốn hôm.

Ông già Gilơnormăng bảo:

- Thằng bé chịu khó chạy thật!

Ở nhà cũng thấy hình như anh đeo trên ngực, bên trong áo sơ mi một vật nhỏ gì buộc vào một sợi băng đen.

VII

CHIẾC VÁY NÀO ĐÂY

Chúng ta đã nói đến một viên sĩ quan kỵ binh. Đấy là một người cháu họ bên nội của lão Gilơnormăng, hàng chắt. Người thanh niên ấy sống xa gia đình, ở ngay trong

doanh trại. Trung uý Têôđuyn Gilơnormăng quả là một sĩ quan xinh xắn: Người thon thon như con gái, hắn có một cái kiểu kéo lê thê thanh gươm như người chiến thắng, râu mép vểnh lên. Hắn rất ít về Pari nên Mariuytx chưa gặp hắn bao giờ. Hai chú cháu họ ấy chỉ biết tên nhau thôi. Têôđuyn là cháu cưng của bà cô Gilơnormăng, hình như chúng tôi đã nói: bà ấy ít gặp hắn vì vậy nên càng yêu; không năng gặp người thì dễ tưởng người ta có đủ thứ ưu điểm.

Một buổi sáng, bà Gilơnormăng về phòng riêng, rất xúc động tuy xưa nay bà bình thản. Mariuytx lại vừa xin phép ông đi vắng ít ngày và xin đi ngay buổi chiều hôm ấy.

- Được cứ đi.

Lão Gilơnormăng đã trả lời như vậy và nhướng đôi lông mày nghĩ thầm:

- Ấy nó lại ngủ lang lần nữa!

Bà Gilơnormăng rất thắc mắc, bà vừa lên cầu thang để về buồng mình, vừa đặt cái chấm than: "Quá quắt thật!" rồi lại cái chấm hỏi: "Nó đi đâu mới được chứ?". Bà phỏng đoán một mối tình có lẽ bất chính, một người đàn bà trong bóng tối, một cuộc hẹn hò, một sự bí mật, và bà cũng lấy làm thích thú muốn chĩa đôi mục kính của bà vào đó. Thưởng thức một bí mật cũng thích như biết trước tiên một việc tai tiếng. Những tâm hồn hiền đức không ghét những chuyện ấy. Sùng đạo thì sùng đạo, nhưng người ta vẫn thầm kín ham biết những vụ tai tiếng càn dỡ.

Bà Gilơnormăng đang thèm muốn biết một chuyện bí mật.

Để khuây khỏa mối thèm khát bất thường đó, bà ta đem cuộn sợi ra thêu những kiểu thêu thời đế chế và quân chủ phục hưng, thêu rất nhiều những chiếc bánh xe. Bà đang miễn cưỡng làm cái việc bất đắc dĩ ấy thì bỗng nhiên

cửa mở. Bà ngước mũi lên. Trung uý Têôđuyn đứng trước mặt bà và chào lối nhà binh. Bà reo lên sung sướng. Bà già, bà khắc khổ, bà ngoan đạo, bà là bà cô, nhưng thấy một sĩ quan trai trẻ vào phòng mình, bà cũng thích. Bà reo:

- Cháu Têôđuyn về đấy à?

- Cháu đi qua thôi cô ạ.

- Hôn cô đi chứ!

- Đây.

Têôđuyn ôm hôn bà cô. Bà cô đi ra phía ngăn tủ con, mở tủ.

- Cháu ở đây hết tuần chứ?

- Thưa cô, chiều nay cháu phải đi ngay.

- Không được!

- Phải vậy, như toán ấy.

- Cháu Têôđuyn, cô van cháu! ở lại đây.

- Lòng thì muốn ở, nhưng kỷ luật không cho phép. Chuyện dễ hiểu thôi. Chúng cháu phải chuyển doanh trại từ Mơlon, nay đến Gayông. Phải đi qua Pari. Cháu nghĩ: ta phải tạt vào thăm cô ta đã.

- Nào để thưởng công khó của cháu đây.

Cô dí vào tay cháu mười đồng Lui. Têôđuyn bảo:

- Công khó gì đâu, cô yêu quí, cô định nói cái thú đến thăm cô ấy à?

Têôđuyn ôm hôn cô lần nữa; bà cô khoan khoái bị cái quân hàm sướt chút ít da cổ.

- Cháu có đi ngựa cùng với trung đoàn không?

- Không cô ạ. Cháu định thăm cô, cháu có giấy phép riêng. Hầu ngựa của cháu dắt ngựa đi. Cháu đi xe hàng. À, nhân nói xe hàng, cháu hỏi cô cái này.

- Cái gì cháu?

- Thế chú Mariuytx Pôngmecxi cũng đi xa à!

- Sao cháu biết?

Bà Gilonormăng bỗng như được gãi vào chỗ ngứa của mình.

- Lúc đến Pari, cháu đi thẳng ra trạm xe ngựa để giữ chỗ.

- Thế sao?

- Đã có người giữ một chỗ ở dãy trên rồi. Cháu thấy ghi tên trên giấy.

- Tên gì?

- Mariuytx Pôngmecxi.

Bà cô kêu lên:

- Thằng hư! Thằng chú của cháu không nết na đứng đắn như cháu đâu. Hừ, ngủ đêm trên xe ngựa!

- Cháu cũng ngủ đêm trên xe.

- Cháu thì vì nhiệm vụ, hắn thì vì lêu lổng bừa bãi.

- Gớm!

Lúc này một biến cố đã xảy ra, cô Gilonormăng đã nghĩ được một điều - nếu là đàn ông thì bà đã vỗ trán - bà gọi Têôđuyn:

- Cháu có biết là chú cháu không biết mặt cháu không?

- Không. Cháu thì cháu đã thấy mặt chú ấy, nhưng chú ấy thì chưa bao giờ thèm nhìn cháu.

- Thế là hai chú cháu cùng đi một chuyến xe à?

- Chú ấy ngồi ghế trên, cháu ngồi trong xe.

- Xe đi đâu?

- Đến Ăngđơlix.

- Mariuytx đến đó à?

- Trừ phi chú ấy cũng xuống giữa đường như cháu. Cháu thì đến Vecnông cháu xuống để đáp xe thư đi Gayông. Cháu chẳng biết Mariuytx đi đâu.

ai, cháu viết thư kể chuyện cho cô. Ông cũng thích biết chuyện ấy lắm.

Têôđuyn không lấy làm thích thú lắm với cái việc do thám ấy, nhưng mười đồng Lui đã quyến rũ anh, anh hy vọng có thể có những khoản tiếp theo. Anh nhận lời và nói:

- Cháu sẵn sàng làm vui lòng cô.

Và anh tự bảo:

- Thế là mình thành bảo mẫu (1).

Bà Gilonormăng ôm hôn cháu:

- Chắc chắn Têôđuyn thì chẳng bao giờ bừa bãi như thế. Cháu tôn trọng kỷ luật, cháu phục tùng lệnh trên, cháu tôi là người thận trọng, có trách nhiệm, chắc cháu chẳng bao giờ bỏ nhà đi với một ả nào.

Têôđuyn nhăn nhở đắc ý như tên tướng cướp Cáctút được khen là người lương thiện.

Chiều cái hôm Têôđuyn và bà Gilonormăng gặp nhau ấy, Mariuytx lên xe, không một chút nghi ngờ có người theo dõi mình. Còn người có nhiệm vụ theo dõi, thì việc đầu tiên sau khi lên xe là ngủ khì. Giấc ngủ rất ngon lành đầy đủ như người có nhiệm vụ ngủ. Anh canh gác Acguytx này ngáy cả đêm.

Sáng tinh sương, người lái xe hô to:

- Vecnông. Trạm Vecnông - Ai đi Vecnông thì mời xuống.

Trung uý Têôđuyn bừng tỉnh giấc và càu nhàu, còn ngái ngủ:

---

(1) Chữ *duègne* có nghĩa là một mụ già, gia nhân trong một nhà quí tộc, có nhiệm vụ theo hầu và giữ gìn một thiếu nữ, thiếu phụ quí tộc.

Tiếng Việt không có danh từ tương xứng nên chúng tôi tạm dịch là bảo mẫu.

- Được rồi, tôi xuống đây.

Rồi trí nhớ dần dần trở lại, khi tỉnh ngủ, hắn nghĩ đến cô hắn, mười đồng Lui, và nhiệm vụ tường thuật lại hành tung của Mariuytx. Hắn bật cười:

- Có lẽ hắn không còn ở trên xe nữa.

Hắn vừa cài lại cúc áo quân phục vừa nghĩ thầm:

- Có lẽ hắn đã xuống Poatxi, hoặc xuống Tơrien; nếu không xuống Mơlăng thì có thể đã xuống ở Măngtơ, hay nếu không thế thì phải xuống ở Rolơhoa, hay là đi tới Paxi rồi hoặc rẽ tay trái về Evơrơ hay tay phải về Larốtsơ Guyông. Cô ơi! Cô đuổi theo hắn vậy. Viết cái quái gì về cho bà già nhỉ?

Lúc bấy giờ, ở trong hòm xe nhìn qua khung kính, Têôđuyn thấy một quần đen bước từ trên ghế đàng trước xuống xe, Têôđuyn nói một mình:

- Hay là Mariuytx?

Đúng là Mariuytx thật.

Một người đàn bà nhà quê bé nhỏ, đứng bên cạnh xe, xen vào giữa những con ngựa và người đánh xe, đang mời khách mua hoa. Chị rao:

- Mời quí vị mua hoa tặng các bà, nào!

Mariuytx đến bên chị, chọn những bông đẹp nhất. Têôđuyn thấy vậy nhảy phắt từ trên xe xuống và nói:

- Thế này thì cũng đáng chú ý thật. Hắn tặng những bông hoa đẹp ấy cho ai? Chắc là cô ả phải đẹp lắm mới xứng với bó hoa quí kia. Ta phải xem mặt cô ả mới được.

Bấy giờ thì không phải là theo uỷ nhiệm nữa mà chính Têôđuyn cũng tò mò muốn biết như con chó săn không săn cho chủ mà săn cho mình. Têôđuyn theo dõi Mariuytx.

Mariuytx thì không để ý gì đến Têôđuyn. Những thiếu phụ lịch sự trên xe bước xuống, Mariuytx chẳng để ý đến ai, hình như anh không nhìn thấy gì chung quanh mình.

Têôđuyn nghĩ:

- Say mê đến thế thì thôi!

Mariuytx đi thẳng về phía nhà thờ.

Têôđuyn nghĩ:

- Đúng lắm! Nhà thờ, phải rồi. Cuộc gặp gỡ mà có thêm chút kinh kệ thì thật là thú vị. Chẳng gì đẹp bằng một khoé mắt đưa tình qua cửa Chúa.

Đến nhà thờ, Mariuytx, không vào, quay về cuối nhà thờ, rồi biến mất sau một góc tường bên.

Têôđuyn nói:

- Hẹn nhau ở ngoài nhà thờ. Nào ta đi xem mặt cô ả.

Rồi anh rón rén đi về góc tường chỗ Mariuytx ngoặt. Đến đó Têôđuyn đứng lại sửng sốt.

Mariuytx đang quỳ trên đám cỏ, trước một nấm mộ, hai tay ôm trán. Anh đã rắc những cành hoa trên mộ. ở đầu nấm mộ, chỗ đất đắp nhô lên, chỗ đầu người chết, có một chiếc thập tự gỗ sơn đen với mấy chữ trắng: *Đại tá nam tước Pôngmecxi*. Nghe tiếng Matiuytx khóc nức nở.

Cô gái tơ ấy hoá ra là một nấm mồ.

VIII
CẨM THẠCH CHỌI HOA CƯƠNG

Lần đầu tiên khi rời khỏi Pari, Matiuytx cũng đã đến đây. Mỗi lần lão Gilonormăng bảo: Thằng nhãi lại ngủ lang, thì đúng là Mariuytx đến đó.

Trung uý Têôđuyn ngẩn ngơ khi bất ngờ chạm trán một nấm mồ. Anh rất khó chịu. Anh có một cảm giác bực bội lạ lùng, không sao phân tích được: lòng tôn kính một nấm mồ xen lẫn lòng tôn kính một đại tá. Têôđuyn rút lui, để lại Mariuytx một mình trong nghĩa địa, anh lùi ra như theo một quân lệnh. Cái chết hiện lên với những lon

đại tá, anh chào gần như theo kiểu nhà binh. Không biết viết gì cho bà cô nên anh không viết thư nữa, và câu chuyện Têôđuyn theo dõi mối tình của Mariuytx sẽ im lìm không tăm hơi gì nếu không có một việc ngẫu nhiên khác theo một sự xếp đặt huyền bí đã xảy ra ở Pari như là một tiếng dội của câu chuyện ở Vecnông.

Ba ngày sau, Mariuytx ở Vecnông trở về Pari, sáng sớm anh về nhà ông. Sau hai đêm trên xe ngựa không ngủ anh thấy cần phải đi bơi một giờ cho tươi tỉnh lại nên vội về phòng, cởi áo ngoài đi đường, bỏ cái dây đen quàng ở cổ và vội vàng đi tắm.

Lão Gilơnormăng dậy rất sớm, như các ông già mạnh khoẻ; nghe tiếng Mariuytx về, với tất cả cái sức già của lão, lão vội vàng leo rất nhanh cầu thang lên phòng Mariuytx ở sát mái nhà để hôn cháu và hỏi xem nó ở đâu về.

Nhưng anh chàng trai trẻ xuống thang nhanh hơn là ông già leo lên, khi lão Gilơnormăng vào phòng thì Mariuytx không còn đấy nữa.

Giường vẫn nguyên nếp, trên giường sờ sờ cái áo ngoài và cái dây đeo cổ.

- Thế này càng hay.

Lão Gilơnormăng nói thế và một lát sau, lão vào phòng khách; cô Gilơnormăng đã ngồi đó, đang thêu những bánh xe độc mã.

Lão vào phòng hớn hở, thắng lợi. Một tay cầm ái áo, một tay cầm sợi dây đeo cổ và nói to.

- Thắng lợi rồi! Bí mật sắp khám phá đây. Kín đáo tinh vi gì rồi ta cũng biết, xem nó bừa bãi như thế nào, cái thằng nhãi tâm ngẩm này. Ta đang lật một cuốn tiểu thuyết đây! Ta có chân dung đây!

Chiếc dây đeo cổ có buộc một cái hộp xinh xinh bọc da đen như là một cái huy chương.

Ông lão già cầm cái hộp, ngắm nghía một lúc với cái khoái chá, cái say sưa và cái tức tối của một người đói bụng, nhìn thấy diễu qua trước mặt một mâm cơm ngon lành nhưng không phải dành cho mình.

- Chắc đây là một cái ảnh. Cái món này thì lão biết. Chúng thường âu yếm đeo trên trái tim. Lũ ấy dại lắm! Chắc là một cô ả nhà quê trông mà rùng mình, cái bọn thanh niên ngày nay chẳng còn biết đẹp là gì.

- Cha mở xem nào!

Bấm một cái chốt lò xo thì nắp hộp mở ra, nhưng chỉ thấy một mảnh giấy gấp cẩn thận.

Lão Gilơnormăng bật cười nói:

- Của chị gửi cho anh đây. - Lão biết thóp rồi, một mảnh thư tình.

- À, đọc xem nào, bà cô nói.

Bà Gilơnormăng miệng nói, tay đeo kính lên mắt; cả hai người mở mảnh giấy ra và đọc:

"*Gửi cho con tôi* - Hoàng đế đã phong tước nam cho ta trên chiến trường Oateclô. Vì chính quyền phục hưng không thừa nhận cái tước vị mà ta đã trả bằng máu của ta, con ta sẽ thừa hưởng và mang tước ấy. Chắc hẳn là con ta sẽ xứng đáng".

Sự xúc động của cha con lão Gilơnormăng thực không sao tả được. Họ thấy lạnh toát người như mắc phải lãnh khí từ một chiếc đầu lâu thổi đến. Hai bố con không nói một lời. Nhưng lão Gilơnormăng nói thầm một mình:

- Chữ viết của tên đao phủ.

Bà Gilơnormăng thì lật đi lật lại mảnh giấy, mân mê mãi rồi lại để vào trong hộp.

Cũng lúc ấy một gói vuông bọc giấy màu xanh ở trong túi áo ngoài rơi ra. Bà Gilơnormăng nhặt lấy mở ra xem. Đấy là gói danh thiếp một trăm chiếc của Mariuytx. Bà đưa một chiếc cho bố. Lão Gilơnormăng đọc thấy mấy chữ:

"Nam tước Mariuytx Pôngmecxi"

Lão già bấm chuông. Nicôlet vào. Lão cầm cái dây đeo cổ, cái hộp và chiếc áo, ném tất cả xuống đất ở giữa phòng khách và bảo:

- Mang trả những thứ giẻ này đi.

Một không khí yên lặng nặng nề kéo dài suốt một tiếng đồng hồ. Ông lão già và cô gái đều ngồi xuống, xây lưng vào nhau, mỗi người theo đuổi ý nghĩ của mình, nhưng có lẽ cùng một tâm tư. Cuối cùng cô Gilơnormăng nói:

- Đẹp chưa?

Mấy phút sau Mariuytx vào. Anh vừa tắm về. Chưa bước qua bậc cửa buồng anh đã thấy ông anh cầm một cái danh thiếp của anh; thấy anh, lão Gilơnormăng cười gằn mà nói với cái dáng trịch thượng của người tư sản thường trấn áp được người ta:

- Hừ, hừ, hừ, hừ! Cậu cả bây giờ là nam tước rồi. Tôi chúc mừng cậu nhé. Thế là nghĩa gì?

Mariuytx hơi đỏ mặt, trả lời:

- Thế nghĩa là tôi là con bố tôi.

Lão Gilơnormăng không cười nữa, quát lên.

- Bố mày là tao!

Mariuytx nói tiếp ý anh, mắt nhìn xuống, vẻ nghiêm nghị:

- Bố tôi là một người tầm thường nhưng anh dũng đã phụng sự một cách vinh quang chế độ cộng hòa và nước Pháp, là một nhân vật lớn lao trong cái lịch sử lớn lao nhất mà loài người đã làm nên, đã sống một phần tư thế

kỷ trên chiến trường, ban ngày dưới làn mưa đạn, ban đêm trên bãi tuyết, trong vũng bùn, dưới trời mưa, đã giật hai lá cờ của địch, đã nhận hai mươi vết thương, đã chết trong lãng quên, trong ruồng bỏ, và chỉ có một khuyết điểm là đã quá yêu hai kẻ vong ân: Tổ quốc và tôi.

Thật quá sức chịu đựng của lão Gilonormăng.

Khi nghe chữ *chế độ cộng hòa*, lão đứng dậy, nói vùng lên thì đúng hơn. Mỗi lời nói của Mariuytx quất vào mặt lão như những luồng gió trong ống bễ lò rèn thổi vào đống than hồng. Mặt lão lúc đầu sầm tối, sau đỏ hồng rồi đỏ như gấc, rồi đỏ rực lên.

Lão gào thét:

- Mariuytx! Thằng trời đánh. Tao không biết cha mày là ai, tao không muốn biết, tao không thèm biết, tao chỉ biết là cả cái bọn ấy đều là đồ khốn nạn, đồ khố dây, đồ sát nhân, đồ mũ đỏ, đồ ăn cắp. Tất cả, tất cả, tao chả thèm biết riêng đứa nào, tất cả, nghe chưa, Mariuytx! Mày biết không! Cái nam tước của mày như chiếc dép của tao ấy. Tất cả đều là bọn kẻ cướp đã theo Rôbetspie, những quân lục lâm đã theo Buyônapáctê (1) tất cả là một lũ phản nghịch đã phản bội, phản bội, phản bội, nghe chưa! Phản bội đức vua chính thống; tất cả đều là những quân hèn nhát đã chạy trốn trước quần Phổ và quân Anh ở Oateclô. Đó, đó, ta biết rõ như thế đó. Nếu ngài bố mày cũng ở trong đám ấy, thì - tao có biết đâu! - Thì cũng buồn đấy, nhưng kệ kiếp mày. Hân hạnh thưa ngài!

Đến lượt Mariuytx là hòn than đỏ, mà lão Gilonormăng

(1) Bọn bảo hoàng quen đọc tên tục của Napôlêông như vậy có dụng ý mỉa mai khinh rẻ. Đây là cách phát âm theo tiếng Ý.

là cái ống bễ. Cả người anh run lên, anh không biết sẽ làm gì, đầu anh bốc nóng, anh như người linh mục thấy người ta ném tất cả bánh thánh của mình đi, người pha-kia thấy người ta nhổ vào thần tượng của mình. Không thể để cho người ta vô tội vạ nói những lời như vậy trước mặt anh. Nhưng làm thế nào? Người thóa mạ cha anh, lại là ông anh. Làm thế nào trả thù cho cha mà không xúc phạm đến ông? Không thể thóa mạ ông mà cũng không thể không trả thù cho cha. Một bên là một nấm mồ thiêng, một bên là một mái tóc bạc. Một hồi lâu, anh như say lảo đảo, đầu óc quay cuồng, rồi anh ngước mắt, nhìn thẳng vào mặt ông và thét lên như sấm:

- Đả đảo họ Buôcbông, đả đảo con lợn ỷ Lui XVIII!

Lui XVIII đã chết được bốn năm, nhưng điều đó không quan trọng.

Mặt lão già đương đỏ tía, bỗng trắng nhợt đi như mái tóc lão. Lão quay lại trước một bức tượng bán thân của Quận công Beri để trên bệ lò sưởi và cúi rạp đầu chào một cách đặc biệt trịnh trọng. Rồi lão đi lại hai lần, chậm bước, im lặng, từ lò sưởi ra cửa sổ, rồi từ cửa sổ về lò sưởi, suốt cả gian buồng, bước nặng chình chịch, sàn buồng kêu răng rắc như dưới những gót chân của một tượng đá. Lần thứ hai lão nghiêng đầu về phía con gái, bà con gái yên lặng, ngơ ngác như một con chiên già trước cảnh xung đột ấy. Lão cười một cách khá bình tĩnh và nói:

- Một vị nam tước như ngài đó và một anh tư sản như tôi không thể cùng sống với nhau trong một nhà.

Rồi đứng thẳng người lên, run cầm cập, mặt tái mét, dữ dội, lão chỉ thẳng tay vào Mariuytx quát:

- Bước!

Mariuytx bỏ nhà đi.

Ngày hôm sau lão Gilơnormăng bảo bà con gái:

- Cứ sáu tháng một, bà gửi sáu mươi pitstôn cho thằng khát máu ấy và đừng bao giờ nói chuyện nó với tôi.

Mối giận còn sôi sục mãi, không làm sao tiêu hết, trong suốt hơn ba tháng lão vẫn cứ gọi cô con gái là bà.

Về phần Mariuytx, anh ra đi căm phẫn. Có một việc xảy ra càng làm anh căm phẫn thêm. Thường thường có những việc khó tránh làm cho các tấn bi kịch gia đình trở nên bi đát thêm. Vì những việc ấy, người ta có nhiều cớ để giận nhau hơn, tuy rằng lỗi của mỗi người không có gì nặng hơn. Mụ Nicôlét khi theo lệnh chủ mang vội những "thứ giẻ" của Mariuytx vào buồng anh, đã vô tình đánh rơi cái hộp da con đựng mảnh giấy của đại tá Pôngmecxi, có lẽ đánh rơi trên cầu thang lên gác xép, chỗ đó rất tối. Cái hộp và mảnh giấy ấy mất hẳn. Mariuytx đinh ninh rằng "ông Gilơnormăng" - từ hôm ấy anh chỉ gọi lão như thế thôi - đã vứt cái chúc thư của cha anh vào bếp lửa. Anh vẫn thuộc lòng những lời di chúc ấy, nghĩa là lời di chúc ấy không mất. Nhưng mảnh giấy, bút tích của cha anh, cái kỷ niệm thiêng liêng ấy, tất cả trái tim anh, người ta đem làm gì rồi?

Mariuytx ra đi chẳng bảo ai anh đi đâu, mà cũng không biết mình sẽ đi đâu, trong túi chỉ có ba mươi phơrăng, một chiếc đồng hồ và vài cái quần áo trong một cái túi. Anh lên một chiếc xe ngựa, thuê giờ và đi liều tới xóm la-tinh.

Mariuytx sẽ ra sao?

QUYỂN IV

NHỮNG NGƯỜI BẠN CỦA NHÓM A.B.C

I

MỘT NHÓM SUÝT CÓ TÊN TUỔI TRONG LỊCH SỬ

Thời kỳ ấy, bề ngoài có vẻ bình thản, có một luồng cách mạng chuyển qua. Những luồng gió từ thời 89 và 92 (1) xa xôi đã trở về, phảng phất trong không khí. Có thể nói lớp thanh niên hình như đang lột xác. Thời gian trôi qua, con người thay đổi, mà không ngờ là mình thay đổi. Cái kim chạy trên mặt đồng hồ cũng chạy cả trong lòng người. Mỗi người đều tiến bước. Bọn bảo hoàng trở thành tự do, bọn tự do thành dân chủ.

Thật như một ngọn nước thủy triều dâng lên kèm theo nghìn ngọn triều xuống nhỏ nhỏ. Tính chất của triều xuống là nhào trộn; do đó có những sự hỗn hợp rất kỳ dị về xu hướng: người ta vừa tôn sùng Napôlêông vừa tôn sùng tự do. Chúng tôi kể lịch sử thôi. Những thứ ấy là những ảo ảnh của thời đại. Dư luận đang chuyển qua nhiều giai đoạn; có thứ chủ nghĩa bảo hoàng kiểu Vonte, một thứ xu hướng lạ lùng, thì thứ chủ nghĩa tự do sùng Bônapac cũng chẳng lấy gì làm kỳ dị.

(1) 1789-1792, những năm sôi nổi nhất của Cách mạng Pháp (ND).

Có những nhóm khác đứng đắn hơn, nhóm này đi sâu vào nguyên lý, nhóm kia chú trọng pháp quyền. Người ta say mê tư tưởng tuyệt đối, người ta thấy trước những thực hiện vô cùng vô tận. Quan niệm tuyệt đối, chính vì nó cứng rắn, đẩy tư tưởng người ta bay vút lên trời xanh, lửng lơ trong cõi vô biên. Chẳng cái gì làm cho người ta mơ mộng bằng một giáo lý tuyệt đối. Không tưởng ngày hôm nay, ngày mai sẽ thành xương thịt.

Những tư tưởng tiến bộ như những cái hòm hai đáy. Một cái gì kín kín đe dọa "trật tự hiện hành", cái trật tự khả nghi và xảo trá. Dấu hiệu rõ rệt của cách mạng. Dã tâm thống trị chạm trán với dự định cách mạng của nhân dân, cùng ở chỗ âm mưu lật đổ. Những cuộc bạo động đương thai nghén là sự trả lời xứng đáng cho những âm mưu toan đảo chính của bọn cầm quyền.

Ở nước Pháp hồi ấy chưa có những tổ chức bí mật rộng lớn như tổ chức *tughenbun* (1) của Đức và tổ chức *cácbônari* (2) của Ý; nhưng rải rác mọi nơi có những cơ sở bí mật đâm trồi nẩy nhánh. Ở tỉnh Exơ có nhóm Cuguốc đương thành hình; ở Pari trong số những tổ chức loại ấy, có hội những người bạn của ABC.

Những người bạn của ABC là gì? Bề ngoài là một hội

(1) Tugendbund: tổ chức bí mật của sinh viên Đức chống lại quân Pháp xâm lược Đức đầu thế kỷ XIX.

(2) *Carbonari*: tổ chức bí mật rộng lớn của nhân dân Ý đầu thế kỷ XIX đấu tranh cho tự do và thống nhất của dân tộc Ý.

nhằm mục đích giáo dục nhi đồng, bên trong là một tổ chức để cải tạo con người.

Họ tự nhận là những người bạn của ABC. Abetxê (1) tức là người dân. Họ muốn nâng người dân dậy. Một cách chơi chữ, nhưng không phải là một trò chơi đáng cười.

Có những cách chơi chữ, về chính trị, đôi khi rất quan trọng; thí dụ: *Castratus ad castra* (2) đã làm cho Nácxetxơ thành một đại tướng và *Barbari et barbarini* (3) và *Fueros y Fuegos* (4), và *Tu es Petrus et superhanc petram* (5) v.v...

Những người bạn của ABC không nhiều. Đây mới chỉ là một cái mầm tổ chức bí mật, có thể gọi là một bè, nếu một bè cũng có thể tạo nên những anh hùng được. Họ thường hội họp ở hai nơi trong thành phố Pari, gần khu chợ, trong một tiệm rượu tên là Côranhtơ, sẽ nói đến sau này, và gần đến Păngtêông trong một tiệm cà phê nhỏ ở quảng trường Xanh Misen, tiệm cà phê Muydanh, bây giờ đã phá hủy rồi; nơi hội họp thứ nhất gần khu thợ thuyền, nơi hội họp thứ hai gần khu sinh viên.

Những cuộc thảo luận của nhóm bạn ABC thường là ở gian buồng bên trong tiệm cà phê Muydanh. Buồng đó, cách cửa hàng khá xa bằng cả một cái hành lang dài, có hai cửa sổ và một cái cầu thang kín đi ra phố Gơre. Họ hút thuốc, uống rượu, nói cười nhộn nhịp. Họ nói bô bô tất cả mọi chuyện, nhưng họ thì thầm với nhau một chuyện riêng. Trên tường treo một tấm bản đồ cũ nước Pháp thời

(1) Nguyên văn tiếng Pháp: *Abaissé* đọc gần như A.B.C. - cái gì bị hạ xuống, người bị chà đạp, vùi dập.

(2) Lại điều tới danh trại.

(3) Người man rợ và dòng dõi "man rợ". (Giáo hoàng Uybain VIII thuộc dòng họ Barbarini).

(4) Luật và lửa.

(5) Phêrô nghĩa là đá và trên nền đá này (ta xây dựng giáo hội). Trong những câu la-tinh và Tây Ban Nha trên đây có những cách chơi chữ mà chúng tôi không dịch.

kỳ cộng hòa. Chỉ cái đó cũng đủ làm một tên thám tử chú ý.

Phần lớn những người bạn của ABC là sinh viên, đoàn kết mật thiết với mấy người thợ. Đây là những nhân vật chính, một phần nào họ đã trở thành những nhân vật lịch sử: Ănggiônrátx, Côngbơphe, Giăng Pơruve, Phơiy, Cuôcphêrăc, Bahôren, Letsgơlơ hay Legơlơ, Giôly Gơrăngte.

Bọn thanh niên ấy thân thiết với nhau như cùng chung một gia đình. Tất cả bọn, trừ Legơlơ, đều là người miền Nam.

Thật là một nhóm người đặc biệt. Tên tuổi họ nay đã tan mờ trong quá khứ sâu thẳm, nhưng đến đoạn này của tấn bi kịch, thiết tưởng cũng nên chiếu rọi một chút ánh sáng để nhìn thấy rõ những nhân vật thanh niên đó trước khi họ chìm đắm trong bóng tối của một tấn kịch bi hùng.

Ănggiônrátx mà chúng tôi nói đến trước hết, bạn đọc sau này sẽ hiểu vì sao, là con một và con nhà giàu.

Ănggiônrátx là một thanh niên dễ ưa, nhưng cũng có thể trở nên đáng sợ. Chàng đẹp như một thiên thần. Đó là Ăngtinuxơ man dã. Nhìn ánh mắt tư lự của chàng, người ta có thể tưởng trong một kiếp trước anh đã từng trải qua một cuộc đấu tranh cách mạng, đảo điên, nghiêng ngửa. Chàng có một truyền thống, một nếp cách mạng như là đã thực sự chứng kiến cách mạng. Chàng biết tất cả những tiểu tiết của cái đại sự ấy. Một tính cách vừa là thánh vừa là tướng, khá lạ lùng đối với một thanh niên. Vừa là giáo sĩ, vừa là chiến sĩ; trước mắt là chiến sĩ của nền dân chủ;

vượt lên trên phong trào hiện đại là giáo sĩ của lý tưởng. Con người mắt sâu thẳm, mi mắt hơi đỏ, môi dưới dày và dễ dàng khinh mạn, trán cao. Một khuôn mặt có nhiều trán, cũng như một khung cảnh có nhiều trời. Cũng như một số thanh niên của đầu thế kỷ này và cuối thế kỷ trước, sớm nổi tiếng, chàng rất trẻ, tươi thắm như một thiếu nữ, tuy rằng cũng có những giờ phút xanh xao tư lự. Đã trưởng thành rồi nhưng vẫn có vẻ trẻ con. Hai mươi hai tuổi của chàng tưởng như là mười bẩy. Chàng nghiêm nghị, hình như chàng không biết ở trên trái đất này có một sinh vật gọi là phụ nữ. Chàng chỉ có một say mê: pháp quyền; một tư tưởng: lật đổ chướng ngại. Ở trên núi Avăngtanh, chàng sẽ là Gơraquyxơ; trong thời kỳ Quốc ước chàng sẽ là Xanh Giuyxôtơ. Chàng ít ngắm hoa hồng, chàng không biết mùa xuân, chàng không nghe chim hót. Bộ ngực trần của nàng Evanê cũng không làm chàng xúc động hơn Arixtôgitông; đối với chàng, như đối với Acmôđiuyxơ, hoa chỉ có tác dụng để che lưỡi gươm. Trong những giờ phút vui cười chàng cũng vẫn nghiêm nghị. Trước tất cả cái gì không phải là chế độ cộng hòa, chàng cúi mặt nghiêm trang. Chàng là người tình nhân lạnh như đá của thần Tự do. Ngôn ngữ của chàng như có hồn thiêng và rung động như ngôn ngữ một thần tụng. Chàng có những phút giây đột ngột, mở rộng mênh mông đôi cánh. Không may cô gái nào đến gần chàng! Nếu một thiếu nữ lẳng lơ của quảng trường Căngbơre hay phố Xanh Giăng đơ Bôve, bắt gặp khuôn mặt mới ra trường Trung học đó, cái lưng kiếm đồng xinh xắn đó, những

hàng mi dài hung hung đó với đôi mắt xanh lơ, với mái tóc bù phất phơ trước gió, với đôi má hồng tươi, đôi môi trinh bạch, hàm răng ngon lành, mà đâm ra thèm muốn cái bình minh ấy, và định lấy sắc đẹp của mình nhử chàng, tức khắc một cái nhìn lạ lùng và dữ tợn sẽ chỉ cho cô nàng trông thấy ngay cái vực chia cách, và dạy cho cô nàng chớ lầm tiên đồng lẳng lơ của Bômácse với tiên đồng ghê gớm của Edêsien.

Bên cạnh Ăngginônrátx, đại diện cho lôgich của cách mạng, Côngbơpherơ là triết lý của Cách mạng. Giữa lôgich của Cách mạng và triết lý của Cách mạng có cái điều khác nhau là cái lôgich kia có thể kết thúc bằng chiến tranh, còn triết lý của Cách mạng thì ngược lại chỉ có thể dẫn tới hòa bình. Côngbơpherơ bổ xung và điều chỉnh Ăngginônrátx. Côngbơpherơ không cao bằng Ăngginônratx nhưng rộng hơn. Anh muốn người ta bồi dưỡng cho trí tuệ những nguyên lý rộng rãi của những ý niệm khái quát. Anh nói: Cách mạng nhưng mà văn minh; và xung quanh cái đỉnh cao chót vót, anh mở ra chân trời xanh rộng. Do đó mà những quan điểm của Côngbơpherơ người ta có thể dễ dàng đi tới được và thực hiện được. Cách mạng với Côngbơpherơ dễ thở hơn là với Ăngginônrátx. Ăngginônrátx biểu đạt cái quyền thiên phú của Cách mạng, còn Côngbơpherơ cái quyền tự nhiên, người thứ nhất gần với Rôbexpierơ, người thứ hai sát với Côngđorxe. Hơn Ăngginônrátx, Côngbơpherơ sống cuộc đời của tất cả mọi người. Nếu hai người thanh niên ấy lưu danh lại được cho lịch sử, một người sẽ là chính nhân, một người sẽ là hiền nhân, Ăngginônrátx kiên cường hơn, Côngbơpherơ nhân từ hơn. *Homô* (1) và *vir* (2), đúng là hai

(1) *Homo*: người bình thường.
(2) *Vir*: người cương nghị.

chỗ khác nhau của hai người ấy. Cũng như Ăngginônrátx nghiêm nghị, Côngbơpherơ hiền dịu một cách tự nhiên theo thiên tính của mình. Anh ưa cái từ "công dân", nhưng anh thích từ "con người" hơn. Anh sẵn sàng nói: "*Hombre*" như người Tây Ban Nha. Anh đọc tất cả mọi thứ sách, đi xem hát, đi nghe những lớp giảng công cộng, học lý thuyết phân cực ánh sáng của Aragô, say mê nghe bài giảng của Giôpphơroa Xanhtilerơ giải thích hai chức năng của động mạch cổ ngoài và động mạch cổ trong: một làm ra cái mặt và một làm ra bộ óc. Anh theo dõi thời sự khoa học từng bước, đối chiếu Xanh Ximông với Phuariê, tìm đọc loại chữ tượng hình Ai Cập cổ đại đập vỡ những hòn cuội nhặt được và bàn về địa chất học, vẽ theo ký ức một con ngài, vạch ra những sai lầm về tiếng Pháp trong Từ điển của viện Hàn lâm, nghiên cứu Puyxêguya và Đơlơđơ, không khẳng định cái gì, kể cả những phép mầu của thánh, không phủ nhận cái gì kể cả chuyện ma, giở đọc tập báo Lơ Mônitơ, suy nghĩ. Anh tuyên bố rằng tương lai ở trong tay người thầy giáo và chú ý đến những vấn đề giáo dục. Anh muốn rằng xã hội luôn luôn nâng cao trình độ trí thức và đạo đức, lưu hành khoa học như tiền tệ, làm tư tưởng được lưu thông, làm trí tuệ của thanh niên lớn lên: anh sợ rằng sự nghèo nàn hiện tại của các phương pháp, sự cùng quẫn của quan điểm văn học thu hẹp trong hai ba thế kỷ cổ điển, cái giáo điều tàn bạo của những kẻ sính chữ gắn nhãn hiệu nhà nước, những thiên kiến kinh niên, và những nếp bảo thủ, cuối cùng sẽ biến trường học thành những bể nuôi trai sò nhân tạo. Anh uyên bác, trong sáng, chính xác, bách khoa, cần cù và đồng thời mơ mộng đến mức "ảo tưởng viển vông", như các bạn anh vẫn nói. Anh tin tưởng vào tất cả những mơ mộng ấy: đường sắt, mổ không đau, in hình trong buồng tối, dùng điện truyền tin, điều khiển khinh khí cầu. Mặt khác anh không sợ những thành luỹ chống lại loài người dựng lên khắp nơi

bởi mê tín, bởi chuyên chế và thành kiến. Anh thuộc số những người tin rằng khoa học cuối cùng sẽ đi bọc qua những thành lũy ấy. Ăngiônrátx là một chỉ huy, Côngbơpherơ là một người hướng đạo. Người ta muốn là chiến hữu của người này và là bạn đồng hành của người kia. Không phải Côngbơpherơ không có khả năng chiến đấu; anh không từ chối vật lộn với chướng ngại, đấu tranh với nó mãnh liệt và sôi nổi; nhưng dần dần đem giáo dục những chân lý cơ bản, và ban hành những luật pháp thực tế, làm cho loài người hòa hợp với số phận của họ, thì Côngbơpherơ ưa thích hơn. Nếu phải chọn giữa hai thứ ánh sáng, thì chiều hướng của anh là chiếu rọi hơn là đốt cháy. Một đám cháy có thể tạo ra một bình minh, đã đành rồi, nhưng tại sao không đợi mặt trời mọc. Một ngọn núi lửa chiếu sáng, nhưng bình minh chiếu sáng tốt hơn. Côngbơpherơ có lẽ ưa cái màu trắng của cái đẹp hơn là cái rực sáng của Cao cả. Một thứ ánh sáng có khói mù làm vẩn đục, một sự tiến bộ mua bằng bạo lực, chỉ thỏa mãn một nửa cái trí tuệ đa cảm và nghiêm túc ấy; một dân tộc từ trên cao đâm đầu vào chân lý, một 93, làm anh hoảng sợ. Tuy vậy tù hãm, đọng, trệ làm cho anh ghê tởm hơn, anh ngửi thấy mùi thối rữa chết chóc. Dẫu sao anh cho bọt sủi vẫn hơn là hôi thối, anh thích suối đổ hơn là ao tù và thích thác Niagara hơn là đầm Môngphôcông. Nói tóm lại anh không muốn ngừng chân mà cũng không muốn bước vội. Trong khi những người bạn sôi nổi của anh say mê cái tuyệt đối một cách hiệp sĩ, tôn thờ và kêu gọi những cuộc phiêu lưu cách mạng huy hoàng thì Côngbơpherơ có xu hướng để cho tiến hóa làm

việc, cái tiến hóa thực thà, có lẽ lạnh lùng nhưng trong sáng, không có chút gì đáng trách; phớt như tiền, nhưng không gì làm xao xuyến. Côngbơpherơ có thể quỳ gối chắp tay, cầu xin cho tương lai đến với tất cả cái vẻ trong trắng của nó và để cho không có cái gì khuấy vẩn bước tiến hóa mênh mông về phía đạo đức của các dân tộc. Anh thường nhắc luôn là *cái tốt phải trong trắng*. Thật vậy, nếu cái vĩ đại của Cách mạng là nhìn thẳng vào lý tưởng chói lòa và bay tới đó, qua sấm sét, với lửa và máu dính vào móng vuốt, thì cái đẹp của Tiến hóa là không bị dây một vết bẩn nào. Giữa Oasinhtơn tiêu biểu cho cái này và Đăngtông hiện thân cho cái kia, có cái khác biệt phân cách thiên thần có đôi cánh thiên nga với thiên thần mang cánh chim ưng vậy.

Giăng Pruve lại còn có một tính cách ôn hòa êm dịu hơn Côngbơpherơ nữa. Tên anh trước là Giơăng, với kiểu phát âm đặc biệt một thời ngắn ngủi phù hợp với cái phong trào mãnh liệt và sâu xa đã dẫn tới việc nghiên cứu rất cần thiết cái thời kỳ trung cổ. Giăng Pruve có một người yêu, trồng một chậu hoa, chơi sáo, làm thơ yêu nhân dân, xót thương số phận phụ nữ, thương khóc trẻ em, cùng tin tưởng Tương lai và Chúa và phê phán Cách mạng về việc đã làm rơi một cái đầu đế vương tức là đầu Ăngđrê Sơniê[1]. Anh có cái giọng nói bình thường êm dịu nhưng đột ngột có thể biến thành cương nghị; thông thạo văn học đến mức uyên bác, hầu như là một nhà đông phương học. Hơn cả, anh rất hiền; và đây là một điều rất

(1) *André Chenier*: nhà thơ trữ tình lớn của nước Pháp cuối thế kỷ mười tám. Bị cách mạng xử tội tử hình vì chống lại Cách mạng (ND).

giản dị đối với ai hiểu rằng cái hiền rất gần với cái cao cả, về mặt thơ anh ưa thích cái mênh mông. Anh biết tiếng Ý, tiếng la tinh, tiếng Hy Lạp và tiếng Hêbrơ; do đó anh chỉ đọc có bốn nhà thơ là Đăngtơ, Giuyvênan, Esylơ và Ixai. Về thơ Pháp anh thích Cornây hơn Raxin, và Agripa Đôbinhê hơn Cornây. Anh thích dạo chơi lang thang trong cánh đồng lúa mạch hoang dại và hoa mua xanh, theo dõi mây trời như theo dõi thời sự. Trí tuệ của anh có hai thái độ, một ngả về phía con người, một ngả về phía Chúa. Anh nghiên cứu học tập hoặc là chiêm ngưỡng. Cả ngày anh đào sâu các vấn đề xã hội: vấn đề tiền lương, tư bản tín dụng, hôn nhân, tôn giáo, tự do tư tưởng, tự do luyến ái, giáo dục, hình án, cùng khổ, lập hội, quyền sở hữu, sản xuất và phân phối, cái huyền bí trên trần đang trùm bóng đêm lên cái tổ kiến loài người; và buổi chiều anh ngắm các vì sao, những con vật to lớn ấy. Anh cũng là con một và con nhà giàu như Ăngginônrátx. Anh nói năng dịu dàng, hơi nghiêng đầu, cúi mặt, cười nói một cách lúng túng, ăn mặc xoàng, có dáng điệu vụng về, hơi một tí là đỏ mặt, rất nhút nhát. Nhưng rất dũng cảm.

Phơiy là một người thợ làm quạt, mồ côi cả cha mẹ, làm chật vật mới được ba phơräng một ngày và chỉ có một tư tưởng: giải phóng thế giới. Anh còn có một sự lo lắng nữa: học tập mà anh cũng gọi là tự giải phóng. Anh đã tự dạy anh đọc và viết; tất cả những cái anh hiểu biết, anh đều tự học lấy cả. Phơiy có một tấm lòng rộng lượng. Tim anh mở rộng mênh mông ôm lấy tất cả. Chàng thanh niên mồ côi ấy đã nhận các dân tộc làm gia đình của mình. Không có mẹ, anh đã nghĩ đến Tổ quốc. Anh không muốn ở trên mặt đất này có một người không có Tổ quốc. Anh ấp ủ trong lòng anh, với cái linh tính sâu xa của người bình dân, cái mà ta gọi bây giờ là "ý niệm về dân tộc". Anh đã

có ý học lịch sử để công phẫn có ý thức. Trong cái tao đàn thanh niên không tưởng, chăm chú vào công việc nước Pháp, anh đại diện cho những cái gì ở bên ngoài. Anh chuyên tìm hiểu Hy Lạp, Balan, Hungari, Rumani, Ý. Anh luôn luôn nói đến những cái tên ấy, có khi đúng lúc có khi không, với tính kiên trì của pháp lý. Nước Thổ xâm chiếm đảo Cretơ và Texali, nước Nga chà đạp Vacxôvi, nước Áo xâm lược Vơnidơ, những sự xâm phạm bức hiếp ấy làm anh tức tối không chịu được. Trong tất cả những việc đó hành động bạo lực lớn năm 1772 làm anh phẫn nộ tột bậc. Không có cái gì hùng hồn hơn là sự công phẫn đúng đắn. Cái hùng hồn của anh là loại hùng hồn ấy, anh không bao giờ ngừng nói đến cái niên đại nhục nhã ghê tởm ấy: 1772 về cái dân tộc cao quý và anh dũng đã bị thủ tiêu vì phản bội, cái tội ác tay ba ấy, cái vụ phục kích khổng lồ ấy, điển hình và mẫu mực của tất cả những vụ thủ tiêu một quốc gia. Từ ngày đó nhiều vụ khác đã xảy ra đối với nhiều dân tộc cao quí, xóa mất giấy khai sinh của các dân tộc ấy. Tất cả những vụ hành hung, sát hại dân tộc ngày nay đều xuất phát từ vụ chia chiếm nước Balan. Vụ chia chiếm nước Balan là một định lý mà các vụ xâm phạm chính trị ngày nay là những hệ luận. Từ gần một thế kỷ nay, không có một tên độc tài, một tên phản bội nào không thông qua, phê chuẩn, dự ký, không sai một chữ (1) cái văn bản phân chia nước Balan. Khi người ta nghiên cứu hồ sơ các vụ phản bội hiện đại, vụ phản bội này là vụ đầu tiên. Hội nghị Viênnơ đã tham khảo cái tội ác này trước khi hoàn tất cái tội ác của nó. 1772 là tiếng kèn xua chó săn, 1815 là tiệc bầy chó chia ruột thú. Đó là bài nói thường xuyên của Phơiy. Người công nhân nghèo

(1) Tiếng la-tinh trong nguyên bản: *Je varietur*.

ấy tự nhận là người đỡ đầu của Công lý và Công lý đã cho anh cái phần thưởng là làm cho anh trở nên cao cả. Ấy cũng bởi là trong pháp quyền có cái phần vĩnh cửu. Vacxôvi không thể là tac-ta, cũng như Vơnidơ không thể là Đức. Các vua chúa muốn làm cho được như vậy chỉ mất công và mất danh dự. Sớm hay muộn tổ quốc bị dìm xuống dưới nước sẽ lại nổi và hiện lên mặt nước. Hy Lạp vẫn trở lại là Hy Lạp, Ý trở lại là Ý. Sự phản kháng của pháp quyền chống hành động xúc phạm tồn tại mãi mãi? Tội cướp đoạt một quốc gia không có kỳ hạn miễn tố. Những vụ cướp bóc lừa đảo cao cấp không có tương lai. Người ta không thể xóa dấu ấn của một quốc gia như cái nhãn hiệu của một chiếc khăn tay.

Cuốcphêrắc có một người cha mà mọi người gọi là ông Đơ Cuốcphêrắc. Một trong những tư tưởng sai lầm của giai cấp tư sản dưới thời quân chủ phục hưng về vấn đề thế gia và quý tộc là tin vào giá trị của cái từ "đơ". Người ta biết rằng cái từ "đơ" ấy không có ý nghĩa gì; nhưng những tư sản thời báo La Minecvơ đề cao cái từ "đơ" ấy, đề cao quá đến nỗi người ta tự thấy bắt buộc phải gạt bỏ nó đi. Ông Đơ Sôvơlanh bảo người ta gọi ông là ông Sôvơlanh, ông Đơ Cômáctanh là ông Cômáctanh, ông Côngxtăng đơ Rơbeccơ là ông Bengiamanh Côngxtăng, ông Đơ Laphayetơ là ông La Phayetơ. Cuốcphêrắc không muốn đi chậm đằng sau và tự gọi mình gọn lỏn là Cuốcphêrắc.

Về Cuốcphêrắc, chúng tôi hầu như có thể nói thế thôi, còn về các mặt khác thì chỉ cần nói rằng: Cuốcphêrắc à? Thì xem Tôlômiét là đủ.

Thật vậy, Cuốcphêrắc có cái ngôn ngữ của tuổi trẻ mà người ta có thể gọi là cái đẹp của ma quái trí tuệ. Về sau thì cái xinh đẹp ấy mất đi như cái xinh đẹp của con mèo con, và

tất cả cái duyên dáng ấy, đứng trên hai chân, sẽ trở thành anh tư sản, và trên bốn chân sẽ trở thành con miu miu.

Cái thứ trí tuệ ấy, những thế hệ thanh niên của cái trường học, những lớp trẻ tiếp nhau lớn lên, truyền lại cho nhau, trao tay cho nhau, gần như là ý nguyện, cho nên như chúng tôi vừa nói, một người lạ mới đến năm 1828, nếu nghe Cuốcphêrắc tưởng là nghe Tôlomiét năm 1817. Chỉ khác Cuốcphêrắc là một thanh niên trung thực. Dưới cái vẻ ngoài giống nhau của trí tuệ trên bề mặt, sự khác nhau giữa Tôlômiét và Cuốcphêrắc rất lớn. Con người tiềm tàng bên trong rất khác nhau giữa anh thứ nhất và anh thứ hai. Ở Tôlômiét có một viên biện lý và ở Cuốcphêrắc có một hiệp sĩ.

Ăngglônrátx là người cầm đầu, Côngbơpherơ là người hướng đạo, Cuốcphêrắc là trung tâm. Những người khác thì cho nhiều ánh sáng, Cuốcphêrắc thì tỏa nhiều nhiệt lượng. Thực tế thì anh có tất cả tính chất của một trung tâm : sự tròn trịa và tính tỏa nhiệt.

Baoren có mặt trong cuộc hành động đổ máu hồi tháng 6 năm 1822, nhân dịp đám tang của anh thanh niên Lalơmăng.

Baoren là một con người vui tính nhưng lại khó chơi, dũng cảm, tiêu pha vô độ, hoang phí và có khi rộng rãi, ba hoa và có khi hùng hồn, bạo dạn và có khi trâng tráo. Một bản chất quỷ quái nhất có thể có được. Anh có những chiếc áo gilê táo bạo và những quan điểm đo chót; thích huyên náo to nghĩa là thích gây ồ, càng thích hơn nữa là nổi loạn và trên nổi loạn là cách mạng. Lúc nào anh cũng sẵn sàng đập một miếng kính, rồi nạy một viên đá lát đường, rồi lật đổ một chính phủ để xem hiệu quả ra sao. Sinh viên năm thứ 11. Anh đánh hơi ngành luật, nhưng không học luật. Châm ngôn của anh là: *Thầy kiện ư ? Không bao*

giờ, và gia trưng là: một cái bàn con trên đó có một cái mũ vuông. Mỗi khi anh đi qua trường luật, ít khi anh đi như thế lắm, anh cài kín cái cổ áo ngoài của anh, thời đó chưa có áo khoác, và anh đề phòng lây bệnh. Nhìn cái cổng trường luật anh bảo: Đẹp lão quá! Thấy ông khoa trưởng, ông Đenvanhcua, anh kêu: Chao ôi! Cái di tích đồ sộ nhỉ! Những bài giảng trong trường đối với anh là đề mục để làm những bài ca chế giễu và các giáo sư là những mẫu để biếm họa tốt. Anh chẳng làm gì, chỉ ngồi không ăn một món lợi tức khá to là 3000 phơrăng. Bố mẹ anh là những nông dân mà anh đã tập cho biết kính trọng con mình.

Anh nói về bố mẹ anh: các cụ là nông dân chứ không phải là tư sản, vì thế các cụ có trí thông minh.

Baoren vốn tính phù phiếm. Sống tản mạn ở mấy tiệm càphê; bạn khác thường đến đâu thì quen tới đó, anh thì không có thói quen. Anh thơ thẩn khắp nơi. Lang thang là tính người, thơ thẩn là tính người Pari. Thực chất anh sâu sắc và anh suy nghĩ lắm chứ không như cái vẻ bên ngoài mà người ta thấy. Anh giữ mối liên lạc giữa nhóm bạn của ABC và các nhóm khác chưa thành hình rõ rệt, nhưng sau này sẽ hiện rõ.

Trong cái hội nghị của các đầu trẻ này có một hội viên đầu hói.

Hầu tước Đavơray, mà vua Lui 18 đã phong công tước vì đã đỡ cho ngài trèo lên một chiếc xe độc mã ngày vua bỏ nước, kể chuyện rằng năm 1814, khi vua Lui 18 về nước và lên bộ ở Cale, một người đến trình với vua một lá đơn. Vua hỏi: Ngươi muốn xin gì? -Tâu bệ hạ một chức trưởng trạm.- Tên ngươi là gì? -L'Aigle (1).

(1) *L'aigle*: (Đọc là Legulơ) chim phượng hoàng, cũng có người gọi ó hay ưng. Chim phượng hoàng là quốc huy thời Đế chế. Nhà thơ và triều thần cũng thường gọi Napôlêông là chim phượng hoàng.

Vua cau mày nhìn chữ ký trên lá đơn và thấy tên viết thế này: *Lesgle* ([1]). Cách viết không thân Bônapac ấy làm vua cảm động và ngài bắt đầu mỉm cười. Người đưa đơn nói tiếp: - Tâu bệ hạ, tổ tiên của hạ thần là một quan hầu trông coi chó săn được người ta mệnh danh là Lesgueules ([2]). Cái tên hiệu ấy đã thành tên của hạ thần. Hạ thần tên là Lesgueules, giảm âm tiết đi thành Lesgle, và thoái hóa thành L'aigle. Câu chuyện ấy làm cho vua cười. Sau này vua ban cho người ấy cái trạm Meaux ([3]) không biết cố ý hay vô tình.

Hội viên đầu hói của nhóm là con của ông Lesglơ và ký tên là Leglơ (đơ Mô). Các bạn của anh đã gọi tắt anh là Bôtxuyê. Bôtxuyê là một thanh niên vui tính nhưng thường không gặp may. Sở trường của anh là không bao giờ thành công trong bất cứ việc gì. Nhưng trái lại cái gì anh cũng cười cợt. Hai mươi nhăm tuổi, đầu anh đã hói. Cha anh cuối cùng đã tậu được một cái nhà và một cánh đồng, nhưng đứa con ấy đã vội vã làm mất tong cánh đồng và ngôi nhà ấy trong một vụ kinh doanh thất bại. Anh mất hết chẳng còn gì. Anh có kiến thức và thông minh nhưng anh thua non mãi. Cái gì cũng bỏ anh, cái gì cũng lừa anh. Cái anh xây dựng lên đổ sập xuống đầu anh. Nếu anh bổ củi thì anh đứt tay. Nếu anh có một cô nhân tình thì anh thấy bỗng nhiên mình cũng có một người bạn trai. Lúc nào cũng có một đau khổ xảy ra cho anh, vì thế mà anh hóa ra vui. Anh bảo: Tôi ở dưới một mái nhà mà ngói luôn luôn rơi. Anh không ngạc nhiên vì đối với anh, tai nạn là điều dự kiến. Anh nhìn một cách thanh thản những cái không mảy may xảy đến và mỉm cười với những trớ trêu của số phận như một người quen nghe những điều

(1) Cũng đọc như *L'aigle*.

(2) *Lesgueules* đọc là Lêgơlơ là viết liền hai từ *Les gueules* (những cái mõm).

(3) *Meaux* (đọc là Mô): Nhà văn, nhà hùng biện Bôtxuyê được mệnh danh là chim phượng thành Mô vì ông là giám mục địa phận Meaux.

đùa rỡn. Anh nghèo nhưng cái túi vui tính của anh thì không bao giờ vợi. Anh thường phải tiêu đến đồng xu cuối cùng nhưng không bao giờ dùng đến tiếng cười cuối cùng. Khi khổ nghèo đến nhà anh, anh chào hỏi một cách thân mật người bạn quen ấy, anh vỗ vào bụng các thảm họa. Anh quen thân với Vận Hạn đến mức gọi nó với cái tên cúng cơm của nó: Chào anh! Anh Ghinhông!

Những dày vò của số phận đã làm cho anh hóa nên tháo vát, đầy sáng kiến. Anh rất nhiều mưu mẹo. Anh không có tiền, nhưng anh vẫn có cách, khi anh muốn "tiêu phá giời" một chuyến. Một lần anh đã tiêu trong một đêm một trăm phơrăng trong một bữa cơm đãi một cô gái tầm thường; khiến cho anh trong giữa cuộc truy hoan ấy nói lên một câu đáng ghi nhớ: "Hỡi cô gái năm đồng vàng, hãy cởi giầy cho ta!" ([1]).

Bôtxuyê không vội vàng, anh chậm rãi tiến tới cái nghề luật sư của anh. Anh học luật theo kiểu Baoren. Ít khi Bôtxuyê có ở nhà, nhiều khi anh sống lang thang, khi ở nhà bạn này, khi ở nhà bạn khác, thường là ở nhà Gioly. Gioly học thuốc và kém Bôtxuyê hai tuổi.

Gioly là anh bệnh tưởng trẻ. Ở trường y, anh học làm bệnh nhân có kết quả hơn là làm thầy thuốc. Mới 23 tuổi mà anh tưởng là đã già khọm và cả ngày anh chỉ thè lưỡi

(1) Nguyên văn: *Fille de cinq louis*, nghĩa như đã dịch, nhưng có sự chơi chữ không dịch được. *Cinq Louis* đồng âm với *Saint Louis* (Thánh Louis) mỹ hiệu của một vua hiền nước Pháp ngày xưa. Câu của Bôtxuyê hàm nghĩa khoác lác là bắt một công chúa (con gái vua Saint Louis) cởi giầy cho mình (đồng vàng gọi là louis vì có khắc hình vua).

soi trong gương. Anh khẳng định rằng con người cũng nam châm hóa như một cái kim và trong buồng anh, anh đặt cái giường anh nằm đầu quay về phương nam và chân về phương bắc, để cho ban đêm sự tuần hoàn của máu anh không bị cản trở bởi luồng từ trường lớn của trái đất. Khi có dông, anh bấm tay xem mạch đập. Tuy vậy anh vui nhộn hơn tất cả. Tất cả những điều rắc rối trái ngược ấy: trẻ trung, gàn dở, mảnh khảnh, vui nhộn, sống chung với nhau một cách hòa thuận, tạo nên một con người kỳ quặc mà dễ ưa, mà những bạn anh, rất phung phí những phụ âm có cánh, gọi là Gio-lllly–Giăng Pruve bảo anh: Mày có thể bay lên với bốn *l* (1) đấy.

Gioly có thói quen lấy đầu gậy gãi mũi: triệu chứng của một trí tuệ tinh tường.

Tất cả những thanh niên rất khác nhau ấy -mà chúng ta phải nói đến một cách nghiêm túc, đều có chung một tín ngưỡng: sự Tiến bộ.

Tất cả đều là con của cách mạng Pháp. Những người vô tâm nhất trong bọn họ, khi nhắc đến năm 89 cũng trở nên trịnh trọng. Cha đẻ của họ trước có xu hướng ôn hòa, hoặc bảo hoàng, hoặc tự do tín điều; không hề chi, cái đó đã qua rồi, họ mới lớn lên, không dính dáng gì đến họ. Nguyên lý cách mạng thuần túy chảy trong mạch máu họ.

Họ gắn với Nhân quyền bất khả xúc phạm và Nhiệm vụ tuyệt đối, không có màu sắc quá độ nào.

Giữa những tâm hồn say mê ấy, đầy tin tưởng ấy, có một kẻ hoài nghi. Sao hắn lại ở trong đám người ấy được?

(1) L: chữ *l* đồng âm với chữ *aile*: cánh.

Do liên hệ. Người hoài nghi ấy là Grăngte. Hắn thường ký R, theo kiểu chơi chữ (1). Grăngte không tin gì cả. Nhưng anh là một trong những sinh viên đã học được nhiều nhất ở Pari. Anh biết cà phê ngon nhất là ở hiệu cà phê Lămblanh, bàn bi-a tốt nhất ở hiệu cà phê Vonte, bánh ngon gái đẹp ở quán Ecmita, đại lộ Đuymen, gà mái ghẹ nấu ngon nhất ở hàng mụ Xaghê, cá ngon nhất ở cửa ô Quynét và rượu vang trắng ở cửa ô Côngba khá lắm. Tóm lại, anh biết tất cả những chốn ăn chơi. Ngoài chuyện đấm đá, nhậu nhẹt, anh còn biết vài điệu vũ và mê đánh gậy. Trên hết là nát rượu. Người anh rất xấu trai. Cô thợ giầy đẹp nhất thời ấy, Iêcma Boácxy, bất bình về sự xấu xí của anh, đã phán: *Grăngte là một sự vô lý*. Nhưng vốn khoác lác, Grăngte không lấy thế làm điều. Anh nhìn đăm đăm và âu yếm tất cả những phụ nữ anh gặp, với vẻ như nói: "*Nếu ta muốn thì được ngay*"; anh tìm cách làm cho bạn bè tin rằng anh được đông đảo phụ nữ ham muốn.

Tất cả những danh từ dân quyền, nhân quyền, khế ước xã hội, cách mạng Pháp, cộng hòa, dân chủ, nhân đạo, văn minh, tín ngưỡng, tiến hóa đối với Grăngte hình như không có nghĩa lý gì, chỉ làm cho anh mỉm cười. Hoài nghi là thứ bệnh còi của trí tuệ, hoài nghi không để cho một ý niệm nào nguyên vẹn trong đầu óc anh. Anh mỉa mai cuộc sống. Châm ngôn của anh là: Không có cái gì là chân lý ngoài cốc rượu đầy của ta. Anh cười cợt tất cả những hy sinh trong tất cả những đảng phái, cười người anh cũng như cười người cha, cười Rôbetxpie em cũng như Loadơrôn. Anh kêu: "Họ chết thì được gì chứ!" Anh nói về cây thánh giá: "Đó là một cái giá treo được việc!" - Đi đêm, chơi bời, phá giới, thường say sưa, anh thường làm cho

(1) R: ta gọi là R hoa, Pháp gọi *grand R* (R lớn), cũng đọc như *Grantaire* (Grăngterơ).

những chàng hay nghĩ ngợi kia khó chịu với câu hát luôn luôn lặp lại: *Ta say gái đẹp, ta thích rượu ngon.* Theo điệu: *Hăngri đệ tứ muôn năm.*

Nhưng người hoài nghi ấy lại có một cuồng tín, anh không cuồng tín ở một lý tưởng, một giáo lý, một nghệ thuật, một khoa học; anh cuồng tín một con người; con người ấy là Ăngginônrátx. Grăngte phục, yêu, sùng bái Ăngginônrátx. Người hoài nghi, vô tổ chức ấy gắn bó với ai trong đám người cực đoan ấy? Gắn bó với người cực đoan nhất. Ăngginônrátx cám dỗ Grăngte bằng cái gì? Bằng lý luận chăng? Không! Bằng tính tình. Cũng là một hiện tượng khá phổ biến. Cũng như quy luật màu sắc bổ sung. Cái gì ta thiếu ắt ta thèm. Ai yêu mê ánh sáng bằng người mù. Cô gái lùn mê anh quân nhạc trưởng cao lênh khênh. Con cóc lúc nào cũng ngước mắt nhìn trời; để làm gì? Để nhìn con chim bay. Hoài nghi bò lết trong người Grăngte cho nên Grăngte thích nhìn đức tin bay lên cao vút ở nơi Ăngginônrátx. Anh thấy không thể thiếu Ăngginônratx được. Anh không nhận thấy rõ -và cũng không cần tìm hiểu vì sao- con người trong trắng, lành mạnh, cương quyết, thẳng thắn, cứng rắn, ngây thơ ấy đã làm anh say mê. Tự nhiên anh mến phục con người trái ngược với anh. Những tư tưởng mềm yếu, nghiêng ngả, rã rời, ốm o, vô hình của anh bám lấy Ăngginônrátx như bám vào một cái xương sống, dựa vào cái xương sống ấy. Đứng cạnh Ăngginônrátx thì Grăngte lại trở thành một con người, một cá tính. Tâm hồn của anh cũng có hai nhân tố có vẻ mâu thuẫn: vừa mỉa mai vừa thân ái. Trong cái vẻ lạnh nhạt của anh có bao nhiêu tình cảm thiết tha. Lý trí của anh không cần tin tưởng, nhưng tâm hồn anh không thể thiếu tình bạn. Thật là một sự trái ngược lớn, vì tình yêu lại là

tin tưởng. Bản tính của Grăngte là như vậy. Có những con người bẩm sinh là trang sau, lấ phía sau, là mặt trái của một cái gì chính: như Pôluych, Patơrôcơlơ, Niduyt, Ôdamiđat, Ephettiông, Pêchmêgia (1). Họ cần phải dựa vào một kẻ khác mới sống được. Tên họ đi theo với một tên khác, tên họ đàng trước có một chữ và, họ không có một cuộc đời riêng. Đời họ là mặt trái của một cuộc đời khác. Grăngte thuộc loại người ấy. Anh là mặt trái của Ăngginônrátx.

Hầu như có thể nói rằng những mối tương đắc bắt đầu từ những chữ cái. Trong bản chữ cái, O và P không tách rời nhau được. Ta có thể tùy ý đọc O và P hay Oret và Pilát (2).

Grăngte như là một vệ tinh của Ăngginônrátx. Anh ở cùng với nhóm thanh niên ấy. Anh sống ở đấy và chỉ ưa sống ở đấy; anh theo họ bất cứ ở đâu. Thích thú của anh là luôn luôn nhìn thấy hình bóng họ đi lại trong cảnh trời quay tít cung thang. Người ta cũng chịu đựng anh vì anh vui tính.

Ăngginônrátx, con người đầy tin tưởng, khinh anh chàng hoài nghi ấy; Ăngginônrátx, con người thanh đạm, khinh anh chàng say rượu ấy. Đối với Grăngte, Ăngginônrátx chỉ dành cho một chút tình thương ban ơn. Grăngte như một Pilát ép uổng. Lúc nào cũng bị Ăngginônrátx xua đuổi, gắt gỏng. Bị xua đi, anh vẫn trở lại; lúc nào anh cũng tấm tắc ca ngợi Ăngginônrátx: Chao ! Pho tượng cẩm thạch, đẹp làm sao!

(1) Tên những nhân vật bạn của một số anh hùng trong thần thoại hoặc truyện cổ Hy-La.

(2) *Oreste* và *Pylate*: đôi bạn thân nổi tiếng trong lịch sử cổ đại Hy lạp.

II

BÔTXUYÊ ĐỌC VĂN TẾ BƠLÔNGĐÔ

Một buổi trưa, cũng có quan hệ với những sự việc kể trước kia như bạn đọc sẽ thấy, Legolơ đang khoái chá tựa vào khung cửa tiệm cà phê Muydanh, để mơ màng; anh giống một pho tượng chống đỡ mái nhà đang đứng nghỉ; anh chỉ đỡ cái mơ mộng của anh thôi. Anh nhìn ra quảng trường Xanh Misen. Đứng tựa lưng cũng là một cách ngủ đứng mà những con người mơ mộng rất ưa. Legolơ thành Mô đang nghĩ vơ vẩn nhưng không bùi ngùi đến một chuyện không mấy vừa xảy ra cho anh hai hôm trước ở trường Luật nó đã thay đổi cả kế hoạch tương lai của anh, tuy rằng kế hoạch ấy cũng còn rất lờ mờ.

Anh đang mơ màng, nhưng một chiếc xe ngựa vẫn chạy qua trước mặt anh, và anh cũng trông thấy nó. Hai con mắt mơ hồ của anh qua tấm màn mơ mộng nhìn thấy một chiếc xe hai bánh đi trên quảng trường, đi từ từ như phân vân vô định. Chiếc xe ấy muốn tìm ai? Sao lại đi bước một thế? Anh nhìn vào trong xe. Trong xe, bên cạnh người đánh xe có một chàng thanh niên trước mặt chàng có một cái túi to. Trên mặt túi có một dòng chữ đen lớn viết trên một tấm thiếp khâu vào vải: *Mariuytx Pôngmecxi*.

Cái tên ấy làm Legolơ thay điệu bộ. Anh đứng thẳng dậy và gọi to người thanh niên trong xe:

- Ông Mariuytx Pôngmécxi!

Thấy có người gọi, chiếc xe dừng lại.

Người thanh niên, cũng có vẻ đang suy nghĩ lung lắm, ngước mắt lên và hỏi:

- Gì?

- Ông là Mariuytx Pôngmécxi?

- Chính thế.

Legơlơ nói tiếp:

- Tôi đang tìm ông.

- Lạ nhỉ? Mariuytx hỏi.

Người thanh niên trên xe chính là Mariuytx, anh vừa bỏ nhà ông ra đi; người hỏi anh đó bây giờ anh mới trông thấy lần thứ nhất.

- Tôi chưa được quen ông.

Legơlơ trả lời:

- Tôi cũng vậy, tôi không biết ông.

Mariuytx tưởng là một anh hề nào, một anh chàng muốn chộ người giữa phố; anh chau mày cau có vì anh đang khó chịu sẵn.

Legơlơ vẫn bình thản nói tiếp:

- Hôm kia anh không đến lớp ?

- Hình như thế.

- Đúng rồi còn gì.

- Anh cũng là sinh viên ? -Mariuytx hỏi.

- Phải, cũng như anh, hôm kia tình cờ tôi đến lớp, anh cũng biết, thỉnh thoảng cao hứng người ta mới đến lớp. Giáo sư đang điểm danh. Anh biết những lúc ấy là họ lo lắm. Gọi tên ba lần không trả lời là họ xóa tên. Thế là sáu mươi phơrăng vứt xuống biển.

Mariuytx bắt đầu chú ý. Legơlơ nói tiếp:

- Bữa đó lão Bơlôngđô điểm danh. Anh biết lão chứ! Cái mũi nhọn hoắt và ranh mãnh! Lão khoái trá đánh hơi những anh chàng vắng mặt. Hôm ấy lão quỉ quyệt bắt đầu ngay với chữ P. Tôi không để ý nghe vì tôi không liên can gì chữ ấy. Việc điểm danh tiến hành trôi chảy. Không xóa sổ được ai cả vì toàn thế giới đều có

mặt. Bơlôngđô buồn. Tôi nghĩ thầm: chàng Bơlôngđô yêu dấu ơi! Hôm nay anh chẳng chặt được cái đầu nhỏ xíu nào cả. Bỗng nhiên Bơlôngđô gọi đến tên Mariuytx Pôngmécxi. Chẳng ai trả lời, Bơlôngđô hí hửng gọi lại to hơn: Mariuytx Pôngmécxi và lão cầm lấy cái bút. Anh này, tôi nghe động thiện tâm, tôi nghĩ: một anh chàng lương thiện sắp bị gạch tên. Cần chú ý! Anh tướng này chính là một con người không cần đúng giờ, đúng khắc. Không phải một cậu sinh viên gương mẫu, chỉ biết học, học mòn đũng quần, một cậu oắt con bẻm chữ, giỏi khoa học, giỏi văn chương, giỏi giáo lý, giỏi triết lý, một con người ngu ngốc, mà đàng hoàng, gấp nếp làm tư, mỗi góc người ngồi ở một trường đại học. Đây chắc là một anh chàng lười đáng kính, biết dạo chơi, biết nghỉ ngơi, biết dạo theo gái, biết tán tỉnh, và có lẽ bây giờ đang tán cô ả của mình cũng nên. Phải cứu anh chàng này. Cho Bơlôngđô chết! Bơlôngđô đã chấm cái ngòi bút đen sì vì cả gạch tên vào lọ mực và đưa đi đưa lại con mắt cú vọ nhìn khắp lớp học, rồi gọi lần thứ ba: Mariuytx Pôngmécxi!

Tôi trả lời: Có mặt! Thế là anh không bị gạch tên.

Mariuytx cảm động nói:

- Anh!

Legơlơ nói thêm:

- Còn tôi thì tôi bị xóa sổ.

Mariuytx bảo:

- Tôi không hiểu anh nói gì.

Legơlơ nói tiếp:

- Có gì rắc rối đâu! Tôi ngồi gần bàn của giáo sư, để khi gọi tên thì trả lời nhanh, và cũng ngồi gần cửa để chuồn

cho chóng. Giáo sư nhìn tôi chằm chằm. Bỗng nhiên lão ta nhảy sang chữ L. chữ đầu tên của tôi. Tôi ở tỉnh Mô và tên là Legolơ. Mariuytx ngắt lời:

- Legolơ! Cái tên đẹp nhỉ.

- Vâng! Lão Bơlôngđô gọi đến cái tên đẹp ấy, lão hét: Legolơ! Tôi trả lời: Có mặt!

Lão Bơlôngđô bấy giờ nhìn tôi với cái vẻ dịu dàng của con hùm, mỉm cười và bảo:

- Nếu anh là Pôngmécxi thì anh không phải là Legolơ (1). Cậu ấy chắc có làm phật lòng anh phần nào nhưng đối với tôi thì nó mới thật là thảm hại. Nói câu ấy xong, lão gạch tên tôi.

Mariuytx kêu:

- Thưa anh ! Tôi ân hận quá.

Legolơ ngắt lời:

- Trước hết tôi muốn xông hương ướp xác lão Bơlôngđô, bằng mấy lời ca tụng, coi như lão chết rồi. Chẳng có gì khác đối với con người gầy như que củi, trắng bệch, lạnh ngắt, cứng đờ, và hôi hám ấy. Tôi nói: *Erudimini qui judicatis terram* (2). Đây là mồ mả Bơlôngđô, Bơlôngđô ông Mũi, Bơlôngđô Nadica, con bò kỷ luật, *bos disciplinoe* (3), con chó canh gác, ông thần điểm danh, thủơ sinh thời ngay thẳng, vuông vắn, đúng đắn, cứng rắn, lương thiện và khả ố. Chúa trời đã gạch tên lão như lão đã gạch tên tôi.

Mariuytx nói tiếp:

- Tôi thật buồn...

(1) Chơi chữ: *Laigle* đồng âm với *L'aigle* (chim phượng hoàng, chim ưng). Hiểu theo nghĩa mỉa mai thì: Nếu anh là Pôngmécxi thì anh không phải là loài phượng.

(2),(3) Nguyên bản có chua chữ la-tinh.

- Anh bạn trẻ ơi! Anh nên coi đó là một bài học. Về sau thì đến lớp cho đều.

- Tôi thành thật xin lỗi anh.

- Anh đừng làm cho người khác bị gạch tên nữa.

- Tôi lấy làm khổ tâm...

Legơlơ bỗng bật cười:

- Tôi thì lại rất khoái chí! Tôi sắp phải làm luật sư! Bị gạch tên thế là thoát. Tôi không màng những vinh quang của nghề ấy. Tôi không phải bênh vực người vợ góa, không phải công kích trẻ mồ côi. Hết áo thụng, hết tập sự. Thế là tôi được xóa tên. Ông Pôngmécxi, nhờ ông đó. Tôi muốn đến thăm ông một cách long trọng để cám ơn ông. Ông ở đâu xin cho biết.

- Ở trong xe này -Mariuytx trả lời.

Legơlơ vẫn bình tĩnh:

- Dấu hiệu giầu sang đây. Thành thực mừng ông. Đây là một chỗ ở chín nghìn phơrăng tiền trọ một năm.

Ngay lúc đó Cuốcphêrắc ở trong tiệm cà phê đi ra. Mariuytx buồn bã mỉm cười:

- Tôi mới ở đấy được hai giờ, và tôi muốn tìm đường dọn đi. Nhưng đó là cả một đại sự. Tôi không biết đi đâu bây giờ.

Cuốcphêrắc mời Mariuytx:

- Thế mời ông đến đằng tôi.

Legơlơ nói xen:

- Đáng lẽ tôi được ưu tiên mời, nhưng tôi lại không có cái "đằng tôi" đó.

Cuốcphêrắc bảo Legơlơ:

- Im đi, Bôtxuyê.

Mariuytx ngạc nhiên:

- Bôtxuyê à? Hình như anh tên là Legolơ.

- Vâng, Legolơ tỉnh Mô. theo ẩn dụ là Bôtxuyê. Legolơ trả lời.

Cuốcphêrắc leo lên xe:

- Anh đánh xe, đến khách sạn Poóc Xanh Giắc.

Và ngay chiều hôm ấy Mariuytx có chỗ ở hẳn hoi trong một gian phòng khách sạn Poóc Xanh Giắc, ngay bên cạnh Cuốcphêrắc.

III

NHỮNG SỰ NGẠC NHIÊN CỦA MARIUYTX

Qua vài ngày thôi, Mariuytx trở thành bạn thân của Cuốcphêrắc. Thanh niên là cái tuổi dễ thân và những vết thương mau hàn gắn. Ở với Cuốcphêrắc, Mariuytx thấy thoải mái, trước nay anh chưa hề thấy dễ chịu như vậy. Cuốcphêrắc không hỏi gì Mariuytx. Anh thấy không cần thiết hỏi gì. Đối với tuổi thanh niên cứ nhìn mặt nhau là hiểu cả. Không cần lời nói. Thậm chí có người bộc lộ tất cả trên vẻ mặt. Trông nhau là hiểu nhau rồi.

Tuy vậy, một buổi sáng Cuốcphêrắc đột ngột hỏi Mariuytx:

- À ! Chính kiến của anh thế nào ?

Mariuytx hầu như có lấy làm phật ý.

Cuốcphêrắc hỏi lại:

- Anh là ai ?

- Dân chủ Bônapác.

Cuốcphêrắc bảo:

- Thế ra là màu xam xám của con chuột vừa hết sợ.

Ngày hôm sau Cuốcphêrắc dẫn Mariuytx đến tiệm cà phê Muydanh và anh mỉm cười nói thầm với Mariuytx: "Tôi phải giới thiệu anh với Cách mạng", và Cuốcphêrắc đưa Mariuytx vào gian buồng nhóm bạn của ABC. Anh giới thiệu Mariuytx với các đồng chí khác bằng một tiếng giản dị nói khe khẽ mà Mariuytx không hiểu: Một học trò.

Mariuytx rơi vào một cái tổ ong trí tuệ. Tuy tính ít nói và trầm tĩnh, anh cũng không phải là tay vừa.

Xưa nay sống cô đơn, Mariuytx đã có thói quen suy nghĩ một mình, chỉ thích mình nói với riêng mình, vì vậy anh cũng e ngại rụt rè trước đám thanh niên mau mồm mau miệng này. Những cái mới lạ khác ở họ lôi kéo anh và cũng làm anh day dứt. Tất cả những khối óc phóng khoáng và luôn luôn hoạt động ấy làm cho ý nghĩ của anh quay cuồng; nhiều khi trong rối loạn, nó bay khá xa anh, phải khó nhọc lắm mới tìm lại được mối; có khi anh không nhớ lại được mình nghĩ gì nữa. Họ bàn luận với nhau về triết lý, văn chương, nghệ thuật, lịch sử, tín ngưỡng một cách rất bất ngờ, anh thoáng thấy những khía cạnh lạ lùng, anh không sắp xếp những cái đó cho nên anh tưởng như còn hỗn loạn. Khi cắt đứt với ông và theo chính kiến cha, anh cho rằng tư tưởng của anh đã có một cơ sở vững chắc; bây giờ thì anh ngờ ngợ rằng anh chưa nắm được gì, anh lo lắng và không dám tự thú nhận như vậy. Góc độ anh đứng để nhìn sự vật lại bắt đầu di chuyển. Những chân trời tư tưởng của anh hình như nghiêng ngả, thật là

một cuộc xáo lộn lạ lùng. Anh thấy trong lòng gần như đau khổ.

Đối với những người thanh niên ấy, hình như không có cái gì mà họ cho là "đã cố định". Về bất cứ vấn đề nào anh cũng nghe thấy những câu nói lạ lùng anh chưa quen nghe nên lấy làm khó chịu.

Một tờ quảng cáo rạp hát rao một vở bi kịch cổ điển, Bahôrac kêu:

- Đả đảo thứ bi kịch cổ điển thích thú của bọn tư sản.

Nhưng Mariuytx lại thấy Côngbơphê nói:

- Anh lầm rồi! Bahôren ạ. Bọn tư sản thích kịch cổ điển thì mặc họ thích. Bi kịch cổ điển với những nhân vật mang tóc giả cũng có lý do tồn tại của nó, tôi không phải vì Etsin mà phủ nhận nó. Trong giới tự nhiên có những giống chưa hoàn thành, những mẫu hình bắt chước: một cái mỏ không ra cái mỏ, cánh không ra cánh, vây chẳng ra vây, chân chẳng ra chân, với tiếng kêu thảm thiết làm cho người ta phì cười, con vịt đấy. Bên cạnh chim có gà vịt, thì tại sao không có bi kịch cổ điển bên cạnh bi kịch cổ đại ?

Cũng có hôm tình cờ, Mariuytx qua phố Giăng Giắc Rutxô cùng với Ăngginônratx và Cuốcphêrắc. Cuốcphêrắc nắm cánh tay Mariuytx bảo:

- Chú ý, đây là phố Polatorie, nay cải tên là phố Giăng Giắc Rutxô vì khoảng sáu mươi năm trước đây có một cái gia đình kỳ dị đã ở phố này. Cái gia đình Giăng Giắc và Têredơ. Thỉnh thoảng gia đình ấy sinh con: Têredơ thì cho ra đời còn Giăng Giắc thì cho vào cô nhi viện.

Nhưng Ăngginônratx cự Cuốcphêrắc:

- Không được nói gì đến Giăng Giắc. Con người ấy đáng phục. Ông ta bỏ con mình, phải, nhưng ông đã nhận nhân dân làm con.

Không một ai trong nhóm thanh niên ấy nói đến tiếng hoàng đế. Chỉ có Giăng Pruve thỉnh thoảng gọi Napôlêông; mọi người khác đều gọi Bônapác. Ăngguiônrátx gọi: Buônapác.

Mariuytx có phần ngạc nhiên. Bước đầu của sự hiểu biết ([1]).

IV

BUỒNG TRONG CỦA TIỆM CÀ PHÊ MUYDANH

Một trong những buổi tranh luận giữa những người thanh niên ấy mà Mariuytx vẫn dự, có khi cũng có ý kiến, đã tác động rất mạnh đến tinh thần anh.

Buổi tranh luận ấy cũng ở buồng trong tiệm cà phê Muydanh. Nhóm bạn của ABC hôm đó có mặt gần đông đủ cả. Ngọn đèn dầu thắp sáng trưng. Họ nói chuyện này, chuyện khác, ồn ào nhưng không say sưa. Trừ Ăngguiônrátx và Mariuytx yên lặng, mỗi người đều có ít nhiều diễn thuyết vu vơ. Những cuộc nói chuyện giữa đồng chí thường có những lúc ồn ào vô hại như vậy. Tranh luận mà cũng như trò đùa lộn xộn thôi. Người ta tranh cãi, người nói đi, kẻ nói lại bốn phía.

Không có người phụ nữ nào được vào trong gian buồng ấy, trừ Luidông, chị rửa bát trong tiệm, thỉnh thoảng đi qua buồng từ chỗ rửa bát sang nhà bếp.

(1) Nguyên bản tiếng la-tinh: *Initium sapientioe.*

Grăngte say mềm ba hoa làm ồn cả một góc buồng. Hắn nói phải, hắn nói trái ầm ĩ. Hắn thét:

- Ta khát, hỡi những người trần gian, ta nằm mơ thấy cái thùng rượu Heđenbe bị ứ máu não lăn ra và ta là một trong mười hai con đỉa để chích máu hắn. Ta muốn uống. Ta muốn quên cuộc đời. Đời là một chuyện bịa đặt ghê tởm, ai đã đặt bày nó ra. Chẳng được bao lâu, chẳng quí giá gì. Sống cho được phải bươu đầu sứt trán. Đời là một bức phòng, không có được mấy cảnh có thật. Hạnh phúc là một cái khung tranh cổ lỗ sơn có một mặt. Êchelêdiát(1) nói: "Tất cả là phù phiếm!". Ta cũng nghĩ như ông lão này, cái ông lão có lẽ không có thực bao giờ. Con số không, vì không muốn trần truồng, đã khoác cái áo phù phiếm. Ôi! Phù phiếm! Người khoác cho tất cả mọi vật những tiếng thật kêu. Cái xó bếp gọi là một phòng thí nghiệm, gã múa may là một giáo sư, một anh chàng làm xiếc góc chợ là một huấn luyện viên thể dục, một anh đấm bậy là một nhà quyền thuật, một anh bán thuốc là nhà hóa học, một anh cắt tóc là một nghệ sĩ, một anh xúc bùn là một kiến trúc sư, một thằng dô kề là một nhà thể thao, một con mọt đất là một con long trùng. Phù phiếm có mặt trái, mặt phải; mặt phải thì ngu, đó là anh da đen với những vòng, nhẫn, hoa thủy tinh; mặt trái thì ngốc, đó là nhà triết học với bộ quần áo tã. Anh thứ nhất làm ta khóc thương, anh thứ hai làm ta cười rộ. Cái mà người ta vẫn gọi là những vinh dự và những phẩm giá, hay là vinh dự và phẩm giá nữa, thường là vàng giả. Bọn vua chúa chơi đùa với lòng kiêu ngạo của con người. Caliguyla phong cho một con

(1) *Ecclésiaste*: một bộ sách trong thánh kinh của đạo Gia-tô.

ngựa làm đại thần, Saclơ II phong một miếng thịt bò làm hiệp sĩ. Anh hãy sánh vai với đại thần Anhxitatuyt và tiểu nam tước Thăn bò".

Còn chân giá trị của con người cũng chẳng đáng quý gì hơn. Hãy nghe những hàng xóm láng giềng nói nhau. Trắng nói về trắng, thật là hung dữ, bông huệ muốn vùi dập con bồ câu trắng, mụ đi lễ dè bỉu mụ đi vái, độc địa hơn con rắn lục hay con hổ mang xanh. Tiếc là tôi dốt quá, nếu không tôi có thể vạch ra một trăm chuyện, nhưng tôi chẳng biết gì cả. Chẳng hạn tôi vẫn tinh khôn. Hồi tôi là học trò họa sĩ Gơrô, tôi không bôi bác những bức tranh nhỏ mà đi xoáy táo. Rapanh là giống đực của rapinơ (1). Đấy là nói tôi. Còn các bạn thì cũng chẳng hơn tôi. Tôi cóc cần những đức tốt của các bạn, những ưu điểm, những tính ưu việt của các bạn. Mỗi tính tốt gắn liền với một tính xấu: cần kiệm đi với hà tiện, rộng rãi đi với hoang phí, can đảm gần với táo tợn, mộ đạo quá cũng là giả dối. Cái áo của Điôgienơ thủng bao nhiêu lỗ thì trong đạo đức có bấy nhiêu tính xấu. Anh phục ai, kẻ bị giết hay người giết? Xêda hay Bruytuytx? Thường là người ta đứng về phía kẻ giết người. Bruytuytx muôn năm! Bruytuytx đã giết! Đạo đức là thế. Đạo đức? Đồng ý, nhưng cũng là điên rồ. Những vĩ nhân ấy mang những vết bẩn kỳ lạ. Bruytuytx, người giết Xêda, lại mê một cái tượng trẻ con. Tượng đó do nhà điêu khắc Hy Lạp Stơrôngyliông tạc, người cũng đã tạc một bức tượng nữ kỵ sĩ gọi là Chân đẹp, Echnơmôxơ, mà Nêrông

(1) *Rapin:* học trò hội họa.
Rapine: việc trộm cướp.

mang theo trong các cuộc hành trình của ông. Nhà điêu khắc Strôngyliông chỉ để lại có hai pho tượng ấy, hai pho tượng đã làm cho Bruytuytx và Nêrông hòa hợp với nhau. Bruytuytx mê cái tượng này. Nêrông mê cái tượng kia. Lịch sử chỉ là một sự nhai lại. Thế kỷ này đánh cắp thế kỷ khác. Trận Marănggô sao chép trận Pitna. Trận Tônbiăc của Clôvitx và Auxteclitx của Napôlêông giống nhau như hai giọt máu. Tôi chẳng quí trọng chiến thắng. Chẳng có gì ngớ ngẩn hơn là chiến thắng. Thuyết phục mới thực là vinh quang. Nhưng anh hãy thử chứng minh một cái gì xem có được không nào? Các anh chỉ muốn thành công, ôi, tầm thường biết bao! Các anh chỉ muốn chinh phục, ôi bần tiện biết bao! Than ôi ! Bất cứ ở đâu cũng là hư danh và hèn nhát. Tất cả đều phục tùng. Thắng lợi, cả ngữ pháp nữa. *Si volet usus* (1) như Horaxơ nói. Tóm lại tôi khinh rẻ loài người. Ta có đi xuống từng phần không? Các anh muốn tôi kính phục các dân tộc ư? Kính phục dân tộc nào, theo ý các anh? Có phải dân tộc Hy Lạp không? Dân Aten, những dân Pari thuở trước, đã giết Phôxiông như Côlinhi của ta và nịnh nọt những bạo chúa đến mức Anaxêphorơ bảo: Mùi nước đái của Pidixtơratơ thu hút loài ong. Con người vĩ đại nhất của Hy Lạp, trong thời gian 50 năm, là nhà ngữ pháp học Philêtat, bé nhỏ đến mức phải lấy chì đụp vào đế giày để khỏi bị gió cuốn đi. Trên quảng trường rộng nhất của Côranhtơ, có một pho tượng do Xilaniông

(1) Nếu muốn thì dùng.

tạc, mà Plinơ đã xếp loại. Đó là tượng Êpixtatơ. Êpixtatơ đã làm gì? Epixtatơ đã đặt ra cái món võ ngáng chân. Thế là tóm tắt cả Hy Lạp và vinh quang. Sang các dân tộc khác. Phục nước Anh chăng? Phục nước Pháp chăng? Phục nước Pháp, tại sao? Tại Piri chăng? Tôi vừa nói ý kiến của tôi về Aten. Phục Anh chăng? Vì sao? Vì Lôngđơrơ ư? Tôi ghét Cactagiơ. Vả lại Lônđơtơ, thủ đô của xa hoa, cũng là thủ đô của bần cùng. Chỉ trước cửa nhà thờ Sarin Crôxơ, mỗi năm có một trăm người chết đói. Anbiông như thế đấy. Tôi thêm nữa cho đủ, tôi đã trông thấy một cô gái. Anh múa với một vành hoa hồng và một đôi kính xanh. Thế là một cái mặt lợn cho nước Anh. Không phục Giôn Buyn, có phục người anh em Gônatăng không? Tôi không ưa lắm người anh em chủ nô ấy. Cắt cái khẩu hiệu *Time is money* (1) thì nước Anh còn gì? Cắt cái khẩu hiệu: *Cotton is king* (2) thì nước Mỹ còn gì? Nước Đức là màu trắng, nước Ý là mật đắng. Ca ngợi nước Nga chăng? Vonte phục nước Nga, Vonte phục cả Trung Quốc. Tôi đồng ý là nước Nga có những cái đẹp của nó, chẳng hạn cái chế độ độc đoán mạnh của nó. Nhưng tôi thương hại những kẻ độc đoán. Họ có một sức khỏe mong manh. Alêxi mất đầu, Pie bị đâm chết, Pôn phải thất cổ, một Pôn khác bị xéo chết dưới đế giầy, mấy Ivăng bị cắt tiết, một lô Nicôna và Badin bị đầu độc. Rõ ràng là cung điện của Nga hoàng xấu xa bẩn thỉu quá. Tất cả các dân tộc văn minh chỉ bày ra trước mắt các nhà tư tưởng cái chi tiết: chiến tranh.

(1) Tiếng Anh: thì giờ là tiền bạc.
(2) Tiếng Anh: bông vải là vua.

Chiến tranh văn minh đã sử dụng triệt để và tổng hợp tất cả các loại cướp bóc, từ lối cướp đường của dân Tơrabuykerơ trong những hẻm núi Giaxa đến cách ăn cắp của người Da đỏ Cômăngsơ trong cái Hẻm Khả Nghi. Các anh sẽ bảo: châu Âu vẫn hơn châu Á chứ? Tôi đồng ý châu Á là trò đùa; nhưng tôi không hiểu vì lẽ gì các anh cười ông Đại latma, các anh, những dân tộc phương Tây, đã đem những cái rác rưởi của vua chúa, từ cái áo lót mình dơ bẩn của hoàng hậu Idaben đến cái ghế thủng đít của Hoàng thái tử làm thành kiểu cách thời thượng và thanh tân? Các con người ơi! Tôi xin bảo các ngài, thôi đi, ở Bơruyxen, các người uống nhiều bia nhất, ở Xtôckôm nhiều rượu mạnh nhất, ở Mađơrit ăn nhiều sôcôla nhất, ở Angxtécđam nhiều rượu đỗ tương nhất, ở Lôngđơrơ nhiều rượu vang nhất, ở Côngxtăngtinôplơ nhiều cà phê nhất, ở Pari nhiều rượu khổ ngải nhất. Đấy là tất cả những điều bổ ích cần biết. Nói tóm lại thì Pari hơn cả. Ở Pari những người nhặt giẻ cũng tế nhị như người Xibaritơ. Điôgien có lẽ muốn là một người nhặt giẻ ở quảng trường Mobe hơn là một nhà triết học ở Pirê. Các anh nên biết thêm rằng những tiệm rượu của người nhặt giẻ gọi là bibinơ; những tiệm nổi tiếng nhất là La Caxơron và Labatoa. Nào đâu tất cả các quán rượu, quán trà, tiệm ăn, rạp hát, các chai to, chai nhỏ, thùng lớn, thùng bé, bibinơ của những người nhặt giẻ và lữ quán của các vị quốc vương phương Đông, tôi chứng nhận với các ngài tôi là một gã ăn chơi hưởng lạc, mỗi bữa ăn của tôi ở

tiệm Risa là 40 xu, tôi cần có những tấm thảm Ba-tư sang trọng đến mức hoàng hậu Clêôpatrơ trông thấy phải lăn mình loã lồ trên đó. Nhưng Clêôpatrơ đâu ? A! Em Luidông đấy ư? Chào em!

Thao thao bất tuyệt, Grăngte say túy lúy, đang ba hoa trong cái góc của chàng ở buồng trong tiệm cà phê Muydanh, và kéo tay chị rửa bát đĩa vừa đi qua.

Bôtxuyê giơ tay ra định bắt anh thôi nói, nhưng Grăngte lại càng ba hoa hơn.

- Con phượng hoàng Mô, bỏ tay xuống. Cậu chẳng làm cóc gì được tôi với cái dáng điệu Ipôcratơ không nhận lễ Actaxéc. Tớ miễn cho cậu cái nhiệm vụ can mình. Vả lại mình đang buồn. Các anh muốn mình nói gì? Con người xấu lắm, con người chẳng ra hình thù gì. Con bươm bướm là vật hoàn mỹ. Con người là phế phẩm. Chúa đã nặn hỏng con vật này. Quần chúng là một mớ xấu xa chọn lọc. Kẻ nào cũng khốn nạn hết. Đàn bà vần với xấu xa. Phải, tôi chán chường, lại thêm buồn bã, thêm nhớ nhung, u uất và tôi cáu, tôi gắt, tôi ngáp, tôi ngán, tôi đập tôi, tôi quấy tôi. Chúa! Hãy xéo đi !

Bôtxuyê lại kêu:

- Im đi thôi R.hoa!

Bôtxuyê đang tranh luận với một nhóm khác về một điểm pháp luật và đang sa lầy vào một câu đầy tiếng lóng tư pháp.

- Còn tôi, tôi chỉ là một nhà luật học nửa mùa, giỏi lắm là một ông biện lý tài tử, tôi khẳng định điều

này: theo tập quán của xứ Noócmăng đi vào dịp lễ Xanh Misen, mỗi năm phải nộp cho lãnh chúa một món thuế nếu không được miễn, tất cả mọi người và mỗi người, những chủ sở hữu, những kẻ bị tịch biên di sản, về tất cả các hợp đồng, trường kỳ tô tá, khế ước cho thuê, thế tập tài sản, hợp đồng về tài sản công cộng, cầm đồ thế sự.

Grăngte ngâm nga:

- Thế sự nhân tình ôi a!

Bên cạnh Grăngte có một cái bàn con với một tờ giấy, một lọ mực, một cái bút với hai ly rượu. Chắc chắn họ đang thai nghén một vở hài kịch. Chuyện lớn này phải bàn nhỏ và hai cái đầu đang chụm vào nhau làm việc:

- Hãy chọn tên nhân vật, khi có tên nhân vật, sẽ có chủ đề.

- Đúng rồi, đọc đi, mình ghi.

- Ông Đôrimông.

- Một lão sống về lợi tức?

- Đúng rồi.

- Con gái lão Xêlextinơ.

- ... tinơ. Gì nữa?

- Đại tá Xanhvan.

- Xanhvan, cổ lắm. Nên gọi là Vanxanh.

Bên cạnh nhóm kịch tác gia tập sự, một nhóm khác thừa lúc ồn ào, thầm thì bàn với nhau chuẩn bị một cuộc đấu kiếm. Một chàng già, 30 tuổi khuyên một gã trẻ, 18, và nói cho anh này biết rõ đối thủ của anh là ai.

- Chà ! Phải đề phòng đấy! Một mũi kiếm cừ khôi đấy. Đường kiếm rất gọn, tấn công mạnh, không có miếng trá đao nào thừa, cổ tay dẻo, hoa nhanh, đánh như chớp, đỡ tài, phản công chính xác, hừ, thế mà lại còn cầm kiếm tay trái nữa chứ!

Ở góc đối lập với Grăngte, Gioly và Bahôren chơi đôminô và nói chuyện nhân ngãi. Gioly bảo:

- Cậu sướng nhé. Cô ả của cậu lúc nào cũng cười.

- Cô ta cười là sai lầm đấy. -Bahôren đáp- Nhân tình của ta mà cười là sai lầm, vì họ cười cũng như khuyến khích mình lừa họ. Thấy họ cười mình chẳng còn hối hận, nếu cô ả buồn, mình mới thấy áy náy.

- Đồ bạc bẽo! Một phụ nữ lúc nào cũng cười là rất quý! Không bao giờ có chuyện xô xát!

- Đó là do cái hiệp ước chúng mình đã ký với nhau. Khi làm cuộc liên minh thần thánh nhỏ đó, chúng mình đã quy định biên giới của mỗi bên, không bên nào được vượt qua. Phía gió bấc là xứ Vô, phía gió nam là xứ Gex. Do đó mà có hòa bình.

- Hòa bình là hạnh phúc đang tiêu hóa.

- Còn cậu Giolli, ra sao rồi, cuộc xích mích của cậu với ả... cậu biết mình nói ai rồi chứ ?

- Cô ả vẫn làm mày làm mặt với mình một cách kiên trì, ác độc.

- Nhưng cậu vẫn là một gã tình nhân đáng thương cảm vì gầy guộc.

- Chao ôi!

- Ở địa vị cậu thì mình phớt, mặc cô ta đấy.

- Nói thì dễ.

- Làm cũng dễ. Có phải cô ả tên là Muysisetta không ?

- Phải, úi chà! Cậu Bahôren ơi! Một cô ả tuyệt vời, có khiếu văn thơ, chân nhỏ, tay xinh, ăn mặc bảnh, nõn nà, tròn trịa, đôi mắt tình tứ mơ mộng. Mình như say như dại.

- Thế thì cậu ạ, phải chiều cô ta thôi, diện sang, khéo điệu bộ. Đến cửa hàng Stôp sắm một chiếc quần len da bảnh. Ăn tiền đấy.

- Bao nhiêu? Grăngte thét.

Ở góc thứ ba họ đang tranh luận về thơ ca. Thần thoại Hy Lạp tranh chấp với thần thoại Gia-tô. Các thần Ơlanhpơ được Giăng Pruve bảo vệ, với xu hướng lãng mạn của anh. Giăng Pruve chỉ nhút nhát lúc nghỉ ngơi. Khi đã bị kích thích, thì anh hùng hồn và trong sự hưng phấn có cái vui tươi. Lúc ấy, Giăng Pruve vừa vui vẻ vừa trữ tình.

- Ta chớ có chửi rủa thần thánh. Có lẽ thần thánh vẫn còn sống. Giupite với tôi không phải đã chết. Các anh bảo thần thánh là ảo mộng. Thế mà trong thiên nhiên, thiên nhiên nguyên vẹn như bây giờ, khi tất cả những ảo tưởng đó đã biến mất rồi, người ta vẫn còn tìm thấy tất cả những thần thoại lớn. Cái núi kia trông như một pháo đài, như ngọn Vinhơmalơ chẳng hạn, với con mắt tôi, vẫn là cái mũ của thần Xibelơ. Ai bảo rằng thần Păng đêm đêm không đến thổi vào thân cây liễu rỗng và lấy các ngón tay lần lượt bịt, mở các lỗ trên thân cây. Và tôi vẫn thấy phảng phất bóng dáng nàng Iô trong cái thác Pixơvaxơ ([1]).

(1) Iô: nữ thần bị Giuypite biến thành bò cái. Thác Pissevache dịch ra là thác Bò đái. *Vache* là bò.

Trong góc cuối cùng họ bàn chính trị. Người ta mạt sát cái hiến chương do vua ban bố. Công bơpherơ bênh vực yếu ớt, còn Cuôcphêrắc thì đập tơi bời. Chẳng may trên bàn lại có một bản hiến chương của Tukê, Cuôcphêrắc nắm lấy nó và mồm thì thao thao lý lẽ, tay thì vung vẩy tờ giấy.

- Thứ nhất, tôi không thích có vua. Dù chỉ xét về mặt kinh tế, tôi cũng không muốn có vua. Vua là một kẻ ăn bám. Vua không phải là một của cho không. Hãy nghe đây: sự đắt đỏ của vua chúa. Khi vua Phơrăngxoa I chết, quốc trái của nước Pháp là ba mươi ngàn livơrơ; khi Lui XIV băng, nợ lên tới hai tỷ sáu trăm triệu với giá hai mươi tám livơrơ một mác, nghĩa là theo giá tiền 1760 với sự tính toán của Đêmarê, bốn tỷ năm trăm triệu, và theo tiền bây giờ là mười hai tỷ. Thứ hai, dù Công bơpherơ không vừa ý, phải nói rằng một hiến chương do vua ban bố là một thủ đoạn văn minh không tốt. Bảo vệ cái quá độ, làm êm dịu bước chuyển tiếp, làm nhẹ bớt sự rung chuyển, chuyển cả dân tộc một cách yên lặng từ chế độ quân chủ sang chế độ dân chủ, bằng những cái ảo tưởng lập hiến này, không có lý lẽ nào đáng ghét hơn. Không! Không! Đừng bao giờ đưa cho nhân dân một ánh sáng giả tạo. Các nguyên lý tàn lụi, vàng vọt đi trong cái hầm tối lập hiến của các anh. Không, không cho thoái hóa, không có thỏa hiệp nào cả. Không có cái gì do vua ban cho dân cả. Trong tất cả những sự ban ơn ấy, đều có cái điều khoản 14. Tay này đưa cho, vuốt kia nắm lại. Tôi cương quyết từ chối cái hiến chương của các anh. Một hiến chương là một cái mặt nạ, ở dưới là dối trá. Một dân tộc thừa nhận một hiến chương là đã thoái vị. Dân quyền chỉ là dân quyền khi nó trọn vẹn. Không ! Không hiến chương gì cả.

Trời đang mùa đông, hai khúc củi đang cháy trong lò sưởi. Cám dỗ quá, Cuôcphêrắc không giữ tay nổi. Anh vò nát cái hiến chương Tukê tội nghiệp và ném vào đống lửa. Giấy cháy bùng. Côngbơpherơ như một nhà triết học, nhìn cái kiệt tác của vua Lui 18 cháy và chỉ nói vài lời:

- Hiến chương hóa kiếp thành ngọn lửa.

Rồi thì chế nhạo, châm biếm, chơi chữ, giễu cợt, tất cả cái gọi là vui nhộn Pháp, là hài hước Anh, cái thanh nhã, cái thô kệch, những lý lẽ chính đáng, những lý lẽ bậy bạ, tất cả những tràng pháo vang rộn ràng trong đối thoại, từ mọi chỗ nổ tung lên một lúc, chằng chịt trên đầu mọi người như một cuộc bùng nổ vui vẻ.

V

CHÂN TRỜI MỞ RỘNG

Những sự va chạm của các đầu óc trẻ với nhau có cái tuyệt là không thể tiên đoán được cái tia lửa và ước phỏng cái ánh chớp. Cái gì sẽ bùng ra lát nữa. Không thể biết được. Cái bật cười xuất phát từ sự cảm động. Giữa khi đùa cợt cái nghiêm túc lại có thể hiện ra. Những động lực thúc đẩy bật ra từ một lời, một tiếng ngẫu nhiên. Tài hùng biện của mỗi người ngự trị. Một lời châm biếm có thể đưa đến những sự bất ngờ. Đó là những cuộc thảo luận có những bước ngoặt đột ngột, và viễn cảnh thay đổi thình lình. Ngẫu nhiên là người dàn cảnh trong những cuộc tranh luận này.

Trong những cuộc đấu khẩu ồn ào giữa Grăngte, Bahôren, Pruve, Bôtxuyê, Côngbơpherơ và Cuôcphêrắc, bỗng nhiên một tư tưởng nghiêm chỉnh xuất hiện rất lạ lùng.

Không biết vì sao một lời nói đột ngột tự nhiên được thốt ra, nổi bật lên, làm cho mọi người chú ý. Chẳng ai biết được, như chúng tôi đã nói. Đang lúc ồn ào, Bôtxuyê kết thúc một câu nói với Côngbơpherơ bằng cái ngày lịch sử.

- 18 tháng sáu năm 1815: Oateclô.

Mariuytx đang ngồi cạnh một cốc nước, cầm tỳ vào bàn tay, khuỷu tay chống trên mặt bàn. Nghe tiếng Oateclô anh bỗng bỏ tay ngẩng đầu lên và nhìn chăm chú bọn người đang tranh luận.

- Chúa ôi! Cuôcphêrắc kêu (lúc này *Trời ôi* đã quá mốt).

- Con số 18 ấy thật kỳ dị buộc tôi phải chú ý. Con số định mệnh của Bônapác. Đặt chữ Lui trước số 18 và chữ Bơruyme sau số 18 thì chúng ta đã tóm tắt cả số phận của con người ấy với cái đặc điểm đầy ý nghĩa này là số 18 đặt sau thúc bách số 18 đặt trước ([1]).

Ăngginôrátx, từ đầu vẫn yên lặng bỗng nói với Cuôcphêrắc:

- Anh muốn bảo rằng đền tội theo sát ngay tội ác phải không ?

Mariuytx đã rất xúc động vì bất ngờ thấy gợi đến Oateclô, khi đến cái danh từ *tội ác* thì anh không giữ được bình tĩnh nữa.

Anh đứng dậy, từ từ đi về phía cái bản đồ nước Pháp treo trên tường, trên bàn đồ ở góc dưới trong một ô riêng

(1) Bônapác làm đảo chính để cầm quyền ngày 18 tháng Sa mù năm 1799 (18 Brumaire) và sau này bị Lui 18 thay thế hắn, năm 1815.

có vẽ một hòn đảo. Mariuytx để ngón tay trên cái ô riêng ấy và nói:

- Đảo Corxơ. Một hòn đảo nhỏ đã làm cho nước Pháp thành một nước rất lớn.

Lời nói của Mariuytx như một luồng gió lạnh vút qua. Mọi người ngừng hẳn lại. Người ta cảm thấy một việc nghiêm trọng sắp xảy ra.

Bahôren cãi nhau với Bôtxuyê, định uốn người cho ra vẻ như anh thường làm, cũng bỏ ý định ấy và ngồi yên để lắng nghe.

Ănggiônrátx, không nhìn ai, con mắt xanh của chàng như đăm đăm nhìn không gian, trả lời Mariuytx:

- Nước Pháp không cần có hòn đảo Corxơ nào mới lớn. Nước Pháp lớn vì là nước Pháp *Quia nominor leo*.

Mariuytx không chịu chùn bước. Anh quay về phía Ănggiônrátx, và như rung động từ đáy lòng, anh cất cao tiếng nói:

- Tôi không hề có ý muốn làm giảm giá trị nước Pháp nhưng ghép tên Napôlêông với nước Pháp đâu có phải là làm xấu nước Pháp. Cũng phải nói rõ ý kiến của tôi. Tôi mới đến, xa lạ với các anh, nhưng tôi phải thú thật là các anh làm tôi ngạc nhiên. Chúng ta bàn chuyện gì? Chúng ta là người thế nào? Các anh là người thế nào? Ta phải nói rõ quan niệm của chúng ta về hoàng đế. Các anh gọi Buyônapáctơ, đọc chữ *u* chẳng khác gì bọn bảo hoàng. Cũng cần phải nói là ông tôi còn tệ hơn nữa: ông lão vẫn gọi: Buyônapáctê. Tôi vẫn tưởng các anh là những người thanh niên. Lòng hăng hái của các anh ở đâu? Và các anh hăng hái về cái gì chứ? Nếu không khâm phục hoàng đế thì khâm phục ai? Còn đòi gì hơn nữa? Nếu một vĩ nhân như thế còn không vừa lòng các anh thì các anh còn muốn

vĩ nhân nào khác nữa? Hoàng đế có tất cả. Hoàng đế hoàn toàn. Trong óc Người chứa đựng toàn bộ khả năng của con người. Người làm những bộ luật như Giuytxtiniêng, đọc chỉ dụ như Xêda, những lời nói của Người như chớp của Patscan lẫn sấm sét của Taxitơ. Người làm lịch sử và viết sử, thông cáo của Người là những bản anh hùng ca. Người phối hợp con số của Niutơn với mỹ từ của Mahômét, người để lại ở phương Đông những lời nói hùng vĩ như Kim tự tháp, ở Tinxít Người dạy cho bọn đế vương thế nào là đường bệ, ở Hàn lâm viện khoa học Người đối đáp với Lapơlátxơ, ở hội đồng Quốc gia Người tranh cãi với Méclanh. Người làm cho hình học của người này và pháp lý của kẻ khác có một linh hồn. Người là pháp lý với các luật gia, là tinh đẩu với các nhà thiên văn học, như Cơrômuen, khi có hai cây nến sáng thì thổi bớt một cây. Người cần kiệm mặc cả một cái núm màn cửa. Người thấy cả, biết cả, nhưng vẫn có một nụ cười hồn nhiên, chất phác bên nôi đứa con nhỏ. Đùng một cái, cả châu Âu hãi hùng lắng tai nghe từng đạo quân rầm rộ xông lên, từng bãi đại bác chuyển động, những chiếc cầu phao mọc dài ra trên các mặt sông, những đoàn kỵ binh như mây cuộn phi trong dông bão, tiếng hò la, tiếng kèn trống vang dội các ngai vàng rung chuyển, bờ cõi các quốc gia di động trên bản đồ, người ta nghe tiếng một lưỡi gươm thần rút ra khỏi vỏ, người ta thấy Hoàng đế đứng hiên ngang giữa chân trời, bàn tay sáng rực, đôi mắt chói lòa, trong sấm chớp. Người giương hai cánh rộng là Đại quân và đội Cận vệ bách chiến và lúc ấy Người là vị thần chiến tranh.

Tất cả mọi người im lặng. Ăngginônrátx cúi mặt. Nín lặng thì bao giờ cũng có vẻ như là đồng tình hoặc là bị dồn vào chân tường. Mariuytx hầu như không kịp thở, nói tiếp hăng hái hơn:

- Các bạn ơi! Chúng ta phải công bằng. Là đế quốc của một vị đế vương như thế, thật là một số phận vinh quang cho một dân tộc, nhất là dân tộc ấy lại là dân tộc Pháp, dân tộc đã đem thiên tư của mình thêm vào thiên tư của con người ấy! Xuất hiện là trị vì, tiến lên là chiến thắng, mỗi trạm hành quân là một thủ đô, đem lính thủ pháo của mình đặt lên các ngai vàng, ra sắc dụ chấm dứt những triều đại, thay đổi bộ mặt của Âu châu theo bước chân xung kích, khi cảnh cáo thì tưởng như tay nắm chuôi gươm của Chúa trời, trong một người mà là cả Anniban, Xêda và Saclơmanhơ, là thần dân của một vĩ nhân mỗi buổi bình minh đem lại một tin chiến thắng vang dội, lấy tiếng súng thần công điện Anhvalit làm chuông báo thức, ném vào trong ánh sáng chói lòa những tên muôn đời rực rỡ: Macănggô, Accôn, Auxteclit, Iêna, Vagơram, luôn luôn tung những chùm sao chiến thắng trên vòm trời nghìn thuở, làm cho đế quốc Pháp huy hoàng như đế quốc La Mã, là một đại cường quốc với một đại hùng quân, tung những đội binh hùng dũng đi khắp trái đất như những con chim phượng hoàng từ đỉnh núi tung bay khắp nơi, chiến thắng, làm bá chủ, chớp nhoáng đánh gục thiên hạ, làm một dân tộc vàng son rực rỡ vì vinh quang, đi xuyên lịch sử với tiếng kèn vang rộn của một đội nhạc thiên binh, chinh phục thế giới hai lần, bằng sức mạnh chinh phục và ánh sáng quang vinh thật là hùng vĩ. Còn có cái gì vĩ đại hơn?

- Có! Tự do - Công bơpherơ trả lời.

Đến lượt Mariuytx cúi mặt. Cái tiếng giản dị, lạnh lùng ấy xuyên qua luồng cảm hứng hùng tráng của Mariuytx như một lưỡi thép và anh thấy như cả cái hứng khởi của

anh tan biến đi. Khi anh ngẩng mặt lên thì Côngbơpherơ không còn đấy nữa. Côngbơpherơ hình như khoái chí đã phá ngang chương tụng của Mariuytx nên bỏ đi, cả những người khác cùng đi theo anh, trừ Ăngguiônrátx. Gian buồng trống rỗng. Còn một mình Ăngguiônrátx với Mariuytx: anh nhìn Mariuytx một cách nghiêm nghị. Mariuytx hình như đã tập trung lại được ý nghĩ, có vẻ chưa chịu thua; còn một chút sôi nổi trong lòng, Mariuytx định biến thành những tam đoạn luận để trả thù vào Ăngguiônrátx, nhưng ngoài cầu thang bỗng có tiếng người vừa hát vừa đi ra phố. Đó là Côngbơphêrơ. Anh hát:

Nếu Xêda cho ta

Vinh quang và chinh chiến

Mà bắt ta phải xa

Mẹ ta,

Thì ta sẽ bảo Xêda:

Trả ngài ngai vàng và xe trận,

Mẹ ta ta yêu hơn, tình tính tang!

Mẹ ta ta yêu hơn.

Giọng hát vừa âu yếm vừa dữ dội của Côngbơpherơ làm cho bài hát có một vẻ hùng dũng lạ lùng. Mariuytx suy nghĩ, mắt nhìn lên trần nhà, và tự nhiên nhắc lại: Mẹ ta?...

Bỗng nhiên anh thấy Ăngguiônrátx nhẹ nhàng đặt tay trên vai anh:

- Công dân Mariuytx, mẹ ta là nước cộng hòa.

VI

GIA TÀI CHẲNG CÓ GÌ (1)

Sau buổi chiều ấy Mariuytx thấy tâm hồn lay chuyển và một mối buồn u ám. Cái cảm giác của anh có lẽ cũng như của mặt đất khi người ta lấy lưỡi sắt rạch ra để vùi một hạt thóc giống: mặt đất như chỉ cảm thấy vết thương; cái xao xuyến khi hạt giống nảy mầm và niềm vui khi cây lúa nở bông sau này mới đến.

Mariuytx không vui. Anh vừa tìm được một tín ngưỡng chả lẽ lại bỏ ngay đi. Anh muốn cả quyết là không. Anh tự bảo, không nên hoài nghi, nhưng anh vẫn thấy bắt đầu hoài nghi. Ở giữa hai tín ngưỡng: một tín ngưỡng chưa thoát, một tín ngưỡng chưa thành thật là day dứt khó chịu; cái bóng hoàng hôn ấy chỉ những tâm hồn như con dơi thích thú. Con mắt của Mariuytx quen nhìn thẳng, cần có ánh sáng thực sự. Cái hoài nghi mập mờ làm cho anh đau khổ. Mặc dù anh muốn đứng yên chỗ cũ, giữ nguyên tin tưởng cũ, anh thấy bắt buộc phải tiếp tục, phải tiến, phải nhận xét, suy nghĩ, phải đi xa hơn.

Sẽ đi đến đâu? Anh lo lắng là sau khi đã tiến được bao nhiêu bước đến gần cha anh, bây giờ anh lại phải đi những bước xa ra. Anh càng nghĩ, càng thấy bứt rứt. Chung quanh anh như toàn đèo dốc. Anh không đồng ý với ông anh, cũng không đồng ý với các bạn anh; đối với ông thì anh là táo bạo, nhưng đối với bạn, họ coi ông là lạc hậu, anh thấy cô đơn cả về hai phía: phía đối với người tuổi già và phía đối với người tuổi trẻ. Anh không đến tiệm cà phê Muydanh nữa.

Trong lúc tâm hồn hoang mang như vậy, anh không

(1) Nguyên văn: *Res angusta.*

nghĩ đến những vấn đề thực tế của cuộc sống nữa. Nhưng thực tế không để cho ai quên mình được, nó trở lại bất ngờ và anh chạm trán với nó.

Một buổi sáng, người chủ khách sạn vào phòng Mariuytx:

- Ông Cuôcphêrắc đã nhận bảo đảm cho ông.
- Phải.
- Nhưng tôi cần tiền.
- Ông bảo ông Cuôcphêrắc đến cho tôi gặp.

Cuôcphêrắc đến, người chủ khách sạn đi ra. Mariuytx bây giờ mới nói với Cuôcphêrắc điều mà anh trước kia chưa muốn nói: là anh chẳng khác gì người một thân một mình, không có bà con họ hàng gì.

- Thế rồi anh sẽ ra thế nào?
- Tôi chẳng biết.
- Anh sẽ làm gì?
- Cũng chẳng biết nữa.
- Anh có tiền không?
- Có mười lăm phơrăng.
- Anh có muốn vay tiền tôi không?
- Không bao giờ.
- Anh có bộ áo nào không?
- Đây.
- Anh có đồ vàng bạc không?
- Một cái đồng hồ.
- Bạc?
- Vàng, đây.
- Tôi biết một người buôn áo quần sẽ mua cái áo ngoài và một cái quần của anh.
- Tốt lắm.
- Anh sẽ chỉ còn một cái quần, một gi-lê, một cái mũ và một áo ngoài.

- Còn đôi giầy ống nữa.
- Ồ! Anh không đi đất à? Sang trọng nhỉ!
- Thế cũng đủ.
- Cổ người thợ đồng hồ sẽ mua chiếc đồng hồ quả quít của anh.
- Tốt.
- Không, chưa tốt đâu, sau đó anh sẽ làm gì?
- Làm gì cũng được, quý hồ là việc lương thiện.
- Anh biết tiếng Anh không?
- Không.
- Tiếng Đức?
- Không.
- Thôi được!
- Tại sao?
- Tôi có một người bạn, chủ hiệu sách, muốn làm một thứ bách khoa từ điển, nếu biết tiếng Đức, tiếng Anh, anh có thể dịch cho hắn những mục tiếng Đức hay tiếng Anh. Cũng chẳng được mấy, nhưng đủ sống.
- Tôi sẽ học tiếng Anh và tiếng Đức.
- Còn trong khi chờ đợi?
- Chờ đợi thì tôi gặm dần bộ quần áo và chiếc đồng hồ.

Người buôn quần áo đến, mua bộ quần áo hai mươi phơrăng. Mang cái đồng hồ đến người chữa đồng hồ, hắn mua bốn mươi nhăm phơrăng.

Mariuytx khi trở về khách sạn, bảo Cuôcphêrắc:

- Cũng khá đấy, với mười lăm phơrăng của tôi nữa thế là tám mươi phơrăng.
- Thế còn món nợ khách sạn? -Cuôcphêrắc nhắc.
- Chết, mình quên bẵng đi mất.

- Khốn! Anh ăn hết năm phơrăng thì học xong tiếng Anh, năm phơrăng nữa thì học xong tiếng Đức. Như thế

hoặc là anh có tài ngốn một ngoại ngữ nhanh quá hoặc một đồng trăm xu chậm quá.

Bà Gilonormăng vốn là một con người khá tốt trong những hoàn cảnh đau buồn. Bà đã lần mò tìm ra chỗ ở của Mariuytx. Một buổi sáng, Mariuytx ở lớp về thấy bức thư của bà dì và món tiền sáu chục đồng pistôn, nghĩa là sáu trăm phơrăng tiền vàng trong một cái hộp gắn xi.

Mariuytx gửi trả lại bà dì số tiền ấy kèm một bức thư kính cẩn, báo với dì là anh có kế sinh sống và kiếm đủ chi dùng. Lúc ấy anh còn đúng ba phơrăng.

Bà dì không nói gì với ông lão Gilonormăng, sợ ông lão càng thêm bực dọc. Ông lão đã chẳng bảo rằng đừng có ai nhắc đến cái thằng khát máu ấy hay sao?

Mariuytx không muốn mang nợ, rời bỏ khách sạn Poóc Xanh Giắc.

QUYỂN V

NGHÈO KHỔ LẠI HÓA HAY

I

MARIUYTX TÚNG QUẪN

Cuộc đời hóa nên khắc nghiệt đối với Mariuytx. Gặm quần áo và cái đồng hồ chưa thấm vào đâu, Mariuytx còn phải nuốt bao nhiêu những thức cay đắng của đời anh. Thật là ghê rợn: ngày không có cái ăn, đêm không nhắm mắt, tối không đèn, lò không lửa, hàng tuần không có việc làm, tương lai không hy vọng, áo rách khuỷu, cái mũ nát làm bọn con gái chê cười; buổi chiều về nhà thì cửa đóng vì thiếu tiền nhà, người gác cổng láo xược, anh chủ quán vô lễ, láng giềng khinh rẻ, mọi thứ nhục nhã, phẩm giá tiêu ma, bất cứ việc gì cũng phải nhận làm, chán ngán, chua cay, ê chề. Mariuytx hiểu ngậm đắng nuốt cay là thế nào, mà ngoài những cái cay đắng ấy thì nhiều khi cũng chẳng có cơm cháo gì mà nuốt nữa. Giữa cái tuổi mà người thanh niên cần tự trọng, vì cần được yêu, Mariuytx thấy mình bị chế giễu vì rách rưới, thấy mình bị khinh rẻ vì nghèo túng. Giữa tuổi thanh niên đầy kiêu hãnh nhiều khi anh cúi mặt nhìn đôi giầy thủng, và anh phải chịu những hổ thẹn bất công, những tủi nhục thấm thía của

nghèo khổ. Thật là những thử thách tốt và đáng sợ qua đó người hèn yếu trở thành xấu xa, nhưng người cương nghị trở nên cao cả. Số mệnh ném con người vào cái lò đun ấy mỗi khi muốn có một thằng đểu cáng hay muốn tạo nên một bậc vĩ nhân.

Trong những cuộc vật lộn nhỏ bé thường nảy ra những hành động lớn lao. Có những thứ dũng cảm bền bỉ và âm thầm bảo vệ từng tấc đất trong bóng tối chống với sự đe dọa khắc nghiệt của túng thiếu và tai họa. Thắng lợi cao cả và huyền bí, không ai hay, không tên tuổi, không kèn trống. Cuộc sống, đau khổ, cô đơn, lạc lõng, nghèo đói là những chiến trường sản sinh ra anh hùng, những anh hùng vô danh có khi vĩ đại hơn những anh hùng lừng lẫy.

Những con người cương nghị và cao quí đã được đào tạo như vậy. Cảnh bần cùng thường như mẹ ghẻ, nhưng đôi khi cũng là mẹ thật. Tâm trí con người trở nên dũng mãnh trong túng thiếu, cảnh bi đát làm người ta kiêu hãnh, đau khổ như dòng sữa mạnh nuôi dưỡng những tâm hồn lớn lao.

Trong cuộc đời của Mariuytx, có một lúc anh phải tự quét lấy cửa phòng, phải mua một xu phó mát Bơri của cô hàng hoa quả, đợi sẩm tối lần vào hàng bánh mua một chiếc bánh mì, len lét mang về cái gác xép như một thằng ăn cắp. Đôi khi ta thấy một anh thanh niên vụng về, rụt rè, bực tức cắp mấy quyển sách lách vào cửa hàng thịt ở góc phố, giữa đám chị bếp giẽu cợt chen lấn; anh bước vào cửa hàng, nhấc mũ để lộ cái trán đẫm mồ hôi, kính cẩn chào chị hàng thịt ngơ ngác, chào anh pha thịt, hỏi mua một miếng sườn cừu sáu bảy xu, lấy giấy bọc và cắp vào nách

giữa hai quyển sách rồi bước ra. Chính anh thanh niên ấy là Mariuytx.

Anh mang miếng sườn ấy về tự nấu, và ăn được ba ngày: ngày đầu ăn thịt, ngày thứ hai ăn mỡ, ngày thứ ba gặm xương.

Bà dì Gilonormăng mấy bận lần mò gửi đến cho anh món tiền sáu chục đồng pistôn, lần nào anh cũng gửi trả lại và bảo rằng anh không thiếu gì.

Anh hãy còn để tang cha anh khi sự chuyển biến cách mạng mà chúng ta vừa kể xảy ra trong tư tưởng anh. Từ lúc ấy anh không rời bộ quần áo đen. Nhưng quần áo lại bỏ anh mà đi. Đến lúc, anh không có áo ngoài. Cái quần còn mặc tạm được. Làm thế nào? Có lần anh cũng giúp được Cuôcphêrắc đôi việc. Cuôcphêrắc cho anh một cái áo ngoài cũ. Mariuytx nhờ một người gác cổng lộn lại, mất ba mươi xu, thế là được một cái áo mới. Nhưng áo lại màu xanh, từ đấy Mariuytx đợi trời tối mới ra phố cho áo thành ra đen. Muốn để tang mãi, anh dùng đêm tối làm màu tang.

Trong lúc ấy, anh được nhận làm luật sư. Anh lấy địa chỉ ở phòng Cuôcphêrắc cho ra vẻ. Cuôcphêrắc có một cái tủ sách đựng một số sách luật; tủ sách có vẻ đầy đủ vì được bổ sung với một số cuốn tiểu thuyết đã nát. Quy chế của nghề luật sư bắt buộc phải có một tủ sách. Thư từ của anh đều gửi đến chỗ Cuôcphêrắc.

Khi anh làm luật sư, anh gửi một bức thư lạnh lùng nhưng kính cẩn cho ông. Lão Gilonormăng tay run run cầm thư mở đọc rồi xé làm tư, vứt vào sọt. Hai ba hôm sau bà dì Gilonormăng nghe thấy ông bố nói một mình ở trong phòng, lão thỉnh thoảng cũng nói một mình như vậy khi có việc gì xúc động. Bà Gilonormăng lắng tai, nghe thấy lão đang nói:

- Nếu mày không là một thằng ngốc thì mày phải biết là một nam tước không thể đồng thời là một luật sư.

II

MARIUYTX NGHÈO

Nghèo túng cũng như mọi cái khác, lâu dần rồi cũng chịu được và cũng quen. Cuối cùng rồi cảnh nghèo túng cũng ổn định. Sống lay lứt, nghĩa là héo hắt, cằn cỗi nhưng vẫn là sống. Cuộc sống của Mariuytx đã được xếp đặt như thế này: Mariuytx đã qua được chỗ eo hẹp nhất; cái hẻm núi đã mở rộng ra được một chút. Cần cù, can đảm, nhẫn nại, cương quyết, anh đã kiếm được vào khoảng bảy trăm phơrăng một năm. Anh đã học được tiếng Anh và tiếng Đức. Nhờ Cuôcphêrắc giới thiệu với người bạn bán sách, Mariuytx có vai trò khiêm tốn là người *hữu ích* trong ngành văn-học-thư-quán ấy. Việc làm cũng tạp nham: viết quảng cáo, dịch báo, chú thích những tác phẩm xuất bản, sưu tầm tiểu sử, v.v... Khi hơn khi kém đổ đồng bảy trăm phơrăng một năm. Sống tạm đủ. Như thế nào?

Chúng tôi xin nói: Mariuytx ở trong cái nhà nát Gorcbô, một gian buồng tồi tàn, không lò sưởi, chỉ có một vài thứ đồ gỗ cần thiết, mệnh danh là phòng luật sư, một năm thuê ba mươi phơrăng. Những đồ gỗ ấy là của anh. Anh thuê ba phơrăng mụ trương nhà để mụ quét dọn buồng và sáng sáng mang cho anh một ít nước nóng, một quả trứng tươi và một xu bánh. Trứng với bánh ấy là bữa sáng của anh. Mỗi bữa mất từ hai đến bốn xu tùy trứng đắt hay rẻ. Sáu giờ chiều anh xuống phố Xanh Giắc ăn cơm chiều ở hàng cơm Rutxô, đối diện cửa hàng bán tranh

Bátxê phố Matuyranh. Anh không ăn xúp. Anh lấy một đĩa thịt sáu xu, nửa đĩa rau ba xu, và một món tráng miệng ba xu. Thêm ba xu nữa thì có bánh ăn tùy thích. Nước lọc thay rượu. Khi trả tiền ở quầy của bà Rutxô, hồi đó bà ta vẫn béo tốt và còn có vẻ tươi tắn, anh cho người hầu bàn một xu, bà Rútxô bệ vệ đằng sau quầy cho anh một nụ cười. Mất mười sáu xu anh được một nụ cười và một bữa ăn.

Ở cái hàng ăn Rutxô ấy người ta dốc nhiều nước mà ít rượu, cái hàng ấy làm cho đỡ dạ hơn là no lòng. Ngày nay, cái hàng cơm ấy không còn nữa. Chủ hàng lúc bấy giờ được tặng một cái danh hiệu khá đẹp: *Lão Rutxô ở nước*.

Sáng ăn bốn xu, chiều ăn mười sáu xu, mỗi ngày Mariuytx ăn mất hai mươi xu, một năm là ba trăm sáu mươi nhăm phơrăng. Cộng với ba mươi phơrăng tiền nhà, ba mươi sáu phơrăng cho mụ già trương nhà, và vài món chi tiêu lặt vặt thành bốn trăm năm mươi phơrăng, thì Mariuytx có chỗ ở, ăn và người quét dọn. Quần áo ngoài mỗi năm may độ một trăm phơrăng, quần áo lót năm mươi phơrăng, tiền giặt năm mươi phơrăng, tất cả không quá sáu trăm năm mươi phơrăng. Còn thừa năm mươi phơrăng. Thế là Mariuytx giàu rồi. Khi bạn cần, anh có thể cho mượn mươi phơrăng. Cuôcphêrắc, có lần vay được của anh sáu mươi phơrăng. Còn củi sưởi, vì buồng không có lò sưởi nên Mariuytx giảm được món tiêu ấy.

Mariuytx có hai bộ quần áo: một bộ cũ mặc thường ngày, một bộ mới tinh dành cho những buổi long trọng. Cả hai bộ đều đen. Anh chỉ có ba cái sơ mi:

một chiếc mặc, một chiếc để trong tủ, một chiếc ở nhà thợ giặt. Khi rách nát thì lại may. Sơ mi của anh thường rách, nên bao giờ anh cũng cài khuy áo ngoài lên đến tận cổ.

Muốn sống tươi như vậy, Mariuytx đã phải trải qua những năm dài gay go, khó nhọc, có khi vất vả lắm mới vượt nổi. Nhưng không bao giờ anh chùn bước. Anh đã chịu đựng mọi thiếu thốn, khổ cực. Anh đã làm tất cả, trừ có vay nợ. Anh có thể tự hào là không bao giờ thiếu ai một xu. Anh cho rằng mang nợ là bắt đầu làm nô lệ, anh tự bảo là chủ nợ còn ghê hơn là chủ nô, chủ nô chỉ là chủ cái thân thể của mình, chủ nợ trong tay cả cái phẩm giá con người của mình, và có thể xúc phạm nó. Thà anh nhịn đói chứ không vay nợ. Anh đã nhiều ngày nhịn đói. Hiểu rằng cùng cực này liền với cùng cực khác, rằng nếu người ta không cẩn thận thì sự sa sút tiền tài sẽ đưa đến sự sa đọa về tâm hồn, nên Mariuytx, hết sức giữ gìn phẩm giá của mình. Một lời nói, một cử chỉ lúc khác thì biểu lộ sự kính vì nhưng lúc này anh cho là hèn hạ, anh hết sức tránh, anh ngẩng cao đầu lên. Anh không làm gì phiêu lưu vì không muốn lùi. Sắc mặt anh lúc nào cũng ửng một màu đỏ nghiêm lạnh. Anh rụt rè đến mức thành ra nghiêm khắc.

Trong tất cả những thử thách ấy, anh thấy như có một lực lượng bí mật, thầm kín nào trong lòng anh, khuyến khích, nâng đỡ anh. Tâm hồn nâng đỡ xác thịt, có lúc như nhấc bổng nó lên. Chỉ có thứ chim ấy là nâng được cái lồng nhốt mình.

Trong tâm khảm của Mariuytx, bên cạnh tên cha anh, có ghi tên một người nữa: Tênácđiê. Bản chất nồng nhiệt

và nghiêm túc, Mariuytx coi cái tên Tênácđiê, tên người đội trưởng dũng cảm đã cứu sống đại tá cha anh giữa chiến trường Oateclô, trong khói đạn, như một cái tên rực rỡ hào quang. Anh không bao giờ quên tên người đó mỗi khi tưởng nhớ đến cha anh, anh kết hợp hai cái tên đó trong sự ngưỡng mộ của anh. Một tín ngưỡng, hai bàn thờ: bàn thờ lớn cho đại tá Pôngmecxi, bàn thờ nhỏ cho Tênácđiê. Biết Tênácđiê đang lâm vào cảnh cùng khổ, lòng nhớ ơn của anh càng thấm thía. Mariuytx đến Môngphécmây đã biết người chủ hàng ăn sa sút, vỡ nợ như thế nào. Từ ngày ấy, anh lặn lội khắp nơi để tìm dấu vết của Tênácđiê, cố tìm đến chỗ cùng cực tối tăm mà hắn đang chìm đắm. Anh đã lùng khắp vùng ấy: nào Senlơ, nào Bôngđê, nào Guốcnay, nào Nôgiăng, nào Lanhi. Ba năm ròng anh tìm kiếm mài miệt, dành dụm được ít tiền là tiêu vào việc đó hết. Chẳng ai cho anh biết được tung tích của Tênácđiê. Người ta ngờ hắn đã đi ra nước ngoài. Chủ nợ của hắn cũng lùng hắn chẳng kém gì Mariuytx tuy không thương mến bằng, nhưng cũng không nắm được hắn. Mariuytx cho là anh có lỗi, và hầu như tự trách mình sao không thành công trong cuộc tìm kiếm đó. Cha anh chỉ để lại cho anh một món nợ duy nhất ấy, anh quyết trả cho xong, đó là món nợ danh dự. Anh nghĩ: Vô lý! Khi cha ta nằm hấp hối giữa bãi chiến trường, Tênácđiê đã tìm được cha ta trong khói đạn mịt mù và xốc cha ta lên vai, cứu sống cha ta, mà Tênácđiê có mang ơn gì cha ta đâu! Còn ta bây giờ chịu ơn nặng với Tênácđiê như vậy mà sao ta lại không tìm được ra Tênácđiê trong chỗ nghèo khổ tối tăm mà ông ta cũng đang chới với, tìm được và cứu ông ta thoát khỏi cái chết như ông ta đã cứu cha ta. Không thể

thế được, nhất định phải tìm cho ra -Mariuytx, có thể hy sinh đứt một cánh tay để tìm thấy Tênácđiê, đổ cả máu anh để cứu Tênácđiê khỏi chỗ cùng khổ. Tìm thấy Tênácđiê, giúp đỡ Tênácđiê, nói với Tênácđiê: ông không biết tôi, nhưng tôi, tôi biết ông. Tội đây, ông muốn gì tôi cũng xin tuân theo - đó là cái ước mơ êm ái nhất mà cũng huy hoàng nhất của Mariuytx.

III

MARIUYTX TRƯỞNG THÀNH

Bấy giờ Mariuytx hai mươi tuổi. Anh đã xa rời ông anh ba năm. Quan hệ giữa hai người không có gì thay đổi, không ai nghĩ đến chuyện hòa hợp, đến chuyện tìm gặp nhau. Vả lại gặp nhau để làm gì? Để rồi lại xung đột hay sao? Ai sẽ thắng ai? Mariuytx là cái lọ đồng, nhưng lão Gilonormăng là cái bình sắt.

Nhưng phải nói là Mariuytx không hiểu lòng ông anh. Anh cho rằng ông anh chưa bao giờ yêu anh, cái con người cộc lốc, phũ phàng, cười cợt, luôn mồm văng tục, la hét, giận dữ, luôn luôn giơ gậy chực đánh người ta, chỉ có thể có cái cảm tình hời hợt và khắc khổ của những lão Giêrôngtơ hài kịch. Nhưng Mariuytx lầm. Có những người cha không yêu con, không có người ông nào không yêu cháu.

Thực ra, như chúng tôi đã nói, lão Gilonormăng yêu say mê Mariuytx nhưng yêu theo cái lối của lão: vừa yêu vừa mắng mỏ, có khi đánh đập nữa. Đứa cháu đi mất, lão thấy trong lòng một lỗ hổng tối đen. Lão cấm không ai được nói đến thằng cháu ấy, nhưng lão lại tiếc là mọi người tuân lệnh lão triệt để quá. Lúc đầu lão nghĩ rằng

cái thằng tín đồ của Buyônapáctơ ấy, cái thằng Giacôbanh, cái thằng khủng bố, cái thằng sát nhân tháng chín ấy sẽ trở lại. Nhưng hết tuần này đến tuần khác, hết tháng này đến tháng khác, hết năm này đến năm khác, lão Gilonormăng thất vọng thấy cái thằng khát máu không trở về. Lão bảo: "Ta cũng không thể nào không đuổi nó đi được", và lão tự hỏi: "Nếu phải làm lại như thế, ta có đuổi nó nữa không?". Lòng tự ái bảo ngay lão: đuổi; nhưng cái đầu bạc phơ của lão lắc bảo: không. Nhiều lúc lão thấy chán nản. Lão thiếu Mariuytx. Người già cần sự trìu mến quấn quít như cần ánh nắng. Sự trìu mến cũng nóng ấm. Mặc dầu bản chất lão vững chãi, sự vắng mặt của Mariuytx cũng làm lão thay đổi trong người. Lão thề nhất định không tự mình dịch đến cái "thằng nhãi kỳ quặc" ấy, nhưng lão đau khổ. Lão không hỏi thăm tin tức cháu, nhưng lão luôn nghĩ đến cháu. Càng ngày lão càng sống riêng lẻ, xa mọi người, trong cái nhà ở xóm Mare. Lão vẫn vui tính và vẫn cộc cằn như xưa, nhưng cái vui của lão có cái gì cứng rắn bất thường như bên trong có lẫn đau khổ, giận dữ và mỗi khi gắt gỏng xong lão lại chán nản, âm thầm. Thỉnh thoảng lão nói: hừ nếu thằng nhãi ấy mà về đây thì phải xem cái tát của ta !

Còn bà dì, bà này có suy nghĩ gì đâu mà biết yêu cho lắm. Đối với bà, Mariuytx chỉ còn là một cái bóng đen mờ mờ, bà nghĩ đến con mèo, con vẹt mà chắc bà có nuôi, nhiều hơn là nghĩ đến Mariuytx.

Mối đau buồn kín đáo của lão Gilonormăng càng tăng vì lão chất chứa bên trong, không để lộ cho ai biết tí gì. Nỗi buồn của lão như những cái lò mà người ta mới chế, đốt luôn cả khói. Thỉnh thoảng có người quan tâm một cách vô duyên nhắc đến Mariuytx và hỏi: ông cháu cụ bây

giờ ra sao, hay bây giờ làm gì? Ông lão tư sản già ấy gặp lúc đang buồn, thì thở dài mà trả lời, gặp lúc muốn làm ra vẻ vui thì vừa búng tay áo vừa nói: -Ngài nam tước Pôngmécxi đang làm thầy cò thầy kiện ở một xó nào đấy.

Trong khi ông lão hối tiếc thì Mariuytx lại vui thích. Đối với những con người tốt, sự đau khổ làm cho lòng bớt hờn oán. Anh nghĩ đến ông mà không giận, nhưng anh đã quyết định không nhận một xu nào của con người đã *xử tệ với cha anh:* Cái phẫn uất lúc đầu của anh đã dịu đi chỉ còn thế thôi. Hơn nữa, anh thấy vui thích trong sự đau khổ và muốn đau khổ nữa. Đau khổ vì cha anh. Anh thỏa mãn và thích thú sống kham khổ như vậy. Anh vui vẻ, tự nhủ rằng *thế là còn ít đấy*; rằng đó là một cách chuộc tội, và nếu không chịu đau khổ như vậy, thì sau này anh sẽ bị trừng phạt cách khác vì anh đã thờ ơ bội bạc với cha anh, một người cha như vậy. Không lý nào cha anh phải chịu tất cả đau khổ, còn anh thì thảnh thơi sung sướng! Việc làm của anh, sự thiếu thốn của anh thấm vào đâu so với cuộc đời anh dũng của cha anh? Chỉ có một cách gần gụi được tâm hồn của cha anh, giống cha anh, là dũng cảm chống với nghèo khổ như cha anh đã anh dũng chống kẻ thù. Chắc cha anh cũng đã nghĩ như vậy khi giới lại cho anh: *Con tôi sẽ xứng đáng*. Những lời nói ấy, Mariuytx vẫn mang ở trong lòng, tuy anh không đeo ở trên ngực cái bút tích của cha anh đã bị mất.

Cái ngày ông anh đuổi anh, anh còn là một đứa trẻ, bây giờ anh đã là người lớn. Anh cảm thấy như thế. Sự nghèo khổ đã giúp ích cho anh. Nghèo khổ trong tuổi trẻ có cái tốt là hướng tất cả nghị lực vào sự cố gắng và làm cho tâm hồn vươn lên. Nghèo khổ bóc trần cuộc sống vật chất ra trước mắt, làm cho người ta thấy nó là xấu xa và

do đó cũng làm cho người ta khao khát cuộc sống lý tưởng. Người thanh niên giàu có sẵn trăm trò tiêu khiển sang trọng và thô bỉ: đua ngựa đi săn, nuôi chó đẹp, hút thuốc lá, cờ bạc, tiệc tùng và tất cả những cái khác nữa, thỏa thích cái phần thấp kém của tâm hồn và làm hại cái phần cao quí thanh tao. Anh thanh niên nghèo khổ kiếm bữa ăn đã nhọc nhằn, ăn xong chỉ còn có cái thú mơ mộng. Anh đi dự những cuộc giải trí mà Chúa cho không phải mất tiền: anh nhìn trời xanh, không gian, trông sao, ngắm hoa, nhìn những đứa trẻ thơ, nhìn loài người trong đó có anh đau khổ, nhìn thiên nhiên trong đó anh được thảnh thơi. Nhìn mãi nhân loại thấy được lòng người, nhìn mãi thiên nhiên thấy được Chúa. Anh mơ mộng và cảm thấy mình lớn lao, anh lại mơ mộng nữa và cảm thấy lòng dạt dào tình cảm. Từ cái ích kỷ của người đau khổ tiến lên chỗ cảm thông của người suy tưởng. Một mối tình cảm cao quý nảy nở trong tâm hồn anh: quên mình và thương xót mọi người. Anh nghĩ đến những thích thú vô cùng mà thiên nhiên dành cho, phung phí cho những tấm lòng rộng mở và không ban cho những tâm hồn khép kín và người triệu phú tinh thần ấy đâm ra thương hại những kẻ triệu phú tiền bạc. Ánh sáng tràn vào trí tuệ đến đâu thì căm hờn tan dần đến đấy. Vả lại anh có khổ thật không? Không. Cái cảnh nghèo khổ của một thanh niên không bao giờ là sự khốn khổ đáng thương. Bất cứ một người trai trẻ nào, dù nghèo khổ đến đâu, với thân thể cường tráng, lành mạnh, bước chân nhanh nhẹn, cặp mắt tinh anh, dòng máu sôi nổi, mớ tóc đen nhánh, đôi má mơn mởn, miệng cười hồng tươi, hàm răng trắng ngà của anh, cũng làm cho vị hoàng đế già nua cần cỗi phải thèm thuồng. Mỗi ngày anh mỗi làm việc để kiếm bữa ăn cho ngày ấy; bàn tay anh càng lao động để có ăn chừng nào thì sống lưng anh càng đứng thẳng lên kiêu hãnh, khối óc anh giàu

thêm tư tưởng chừng ấy. Công việc làm xong, tâm hồn anh lại chơi vơi trong nguồn vui vô tận của thiên nhiên, lại mơ tưởng, chiêm ngưỡng những cảnh đẹp, lòng vui không tả được. Chân anh bước trong đau khổ, khó khăn, trên gạch đá, *trên* chông gai, có khi trong bùn thối, nhưng đầu anh vươn lên trong ánh sáng. Anh cương nghị, thanh thản, êm ái, dịu hiền, nghiêm nghị, thoải mái, dễ dàng, rộng lượng. Và anh cảm tạ Chúa đã ban cho anh hai nguồn phong phú mà kẻ giàu không có được: lao động làm cho con người tự do và tư tưởng làm cho con người xứng đáng.

Đó là những điều đã xảy ra đối với Mariuytx. Nói cho đúng, anh cũng hơi quá trầm tư. Từ ngày sinh kế của anh đã có phần chắc chắn, anh không làm hơn nữa, anh thấy rằng thiếu thốn một chút cũng hay, anh làm ít đi để suy nghĩ nhiều hơn. Nghĩa là có những khi cả ngày anh tư lự, trầm ngâm để tâm hồn chìm đắm say sưa trong cõi mênh mông của nội tâm. Anh đã đặt vấn đề đời anh như thế này: làm công việc cụ thể ít nhất để làm những việc vô hình nhiều nhất, nói cách khác là chỉ dành cho cuộc đời thực tại vài giờ còn tất cả để mơ tưởng trong vô tận. Anh cho rằng anh không thiếu gì và không nhận ra rằng mơ mộng kiểu như vậy chung quy chỉ là một hình thức lười biếng, rằng anh mới chỉ khắc phục những yêu cầu đầu tiên của cuộc sống, đã muốn nghỉ ngơi sớm quá.

Nhưng đối với tâm hồn cương nghị và giàu tình cảm của Mariuytx, tình trạng ấy chỉ là chốc lát thôi, khi gặp những rắc rối tất yếu của số mệnh, anh sẽ tỉnh dậy ngay.

Tuy là luật sư anh không biện hộ cho ai cả, cũng không làm thầy cung thầy cò cho ai cả như lão Gilonormăng tưởng. Anh còn mải mơ mộng. Gặp gỡ bọn thầy cò, ra tòa án, tìm khách hàng, anh chán những

việc ấy lắm. Để làm gì? Không có lý do gì để thay đổi công ăn việc làm cả. Cái cửa hàng sách không tên tuổi kia đã cho anh một việc làm chắc chắn, một việc làm nhẹ nhàng mà anh cho là đủ rồi.

Một trong các chủ hiệu sách đã giao công việc cho Mariuytx là ông Maginen, ngỏ ý muốn Mariuytx đến ăn ở nhà ông ta, ông sẽ có công việc đều đặn cho Mariuytx làm và trả một nghìn năm trăm phơrăng một năm. Có nhà ở hẳn hoi, lại một nghìn năm trăm phơrăng một năm. Đành là tốt! Nhưng mất tự do! Làm một anh làm công! Một văn sĩ làm mướn! Mariuytx nghĩ rằng nhận lời thì đời sống sẽ được khá hơn nhưng cũng hèn hơn, thêm no đủ nhưng bớt phẩm giá. Đem cái đời nghèo khổ trọn vẹn và đẹp đẽ mà đổi lấy một cuộc sống lúng túng xấu xa, khả ố; tựa như một người mù mà hóa chột. Anh không nhận.

Mariuytx sống cô đơn. Anh vốn thích không dính líu đến cái gì và cũng vì bất ngờ, bỡ ngỡ, anh quyết định không gia nhập nhóm Ăngguônrátx. Nhưng họ vẫn là những người bạn tốt sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau. Mà cũng chỉ có thế thôi. Mariuytx có hai người bạn thân: một trẻ là Cuôcphêrắc, một già là ông Mabớp. Anh ưa ông Mabớp hơn. Nhờ ông mà có sự biến đổi cách mạng trong người anh, nhờ ông mà anh biết và yêu cha anh. Anh bảo rằng ông Mabớp đã *chữa anh khỏi bệnh thong manh*.

Cái ông quản lý nhà chung ấy thực đã có tác dụng quyết định.

Tuy nhiên ông cũng chỉ là con người thừa hành bình thản, yên lặng, ý đồ của thượng đế. Như một cái đèn có người mang đến, ông đã soi cho Mariuytx thấy những điều đó mà ông không ngờ; ông là cái đèn chứ không phải người cầm đèn.

Còn sự biến đổi chính trị trong con người Mariuytx ông Mabớp không thể hiểu được, ông cũng không thể muốn được như vậy và lái đi như vậy.

Sau này ta còn gặp ông Mabớp, cho nên cũng cần nói vài lời về ông ta.

IV

ÔNG MABỚP

Cái ngày ông Mabớp bảo Mariuytx: *"Chắc chắn là tôi tán thành những xu hướng chính trị"* ông đã nói thật cái tâm trạng ấy của ông. Ông bàng quan với tất cả các xu hướng chính trị, ông tán thành tất cả, không phân biệt gì, quý hồ là ông được yên tĩnh, cũng như những người Hy lạp xưa gọi các vị nữ thần Phẫn nộ là những thần *Ơmêniđơ*, nghĩa là những "nữ thần đẹp tốt và xinh". Còn xu hướng chính trị của ông Mabớp là yêu say mê cây cối và nhất là yêu sách. Ông cũng có cái hậu tố *ixtơ*, không có nó thì không ai có thể sống được trong cái thời đại của ông, nhưng ông không phải là *royalixta* (1) không phải là *bônapáctixtơ* (2) không phải là *sactixtơ* (3), cũng không phải là *oóclêanixtơ* (4); ông là *bukinixtơ* (5).

Ông không hiểu được vì sao con người ta có thể căm thù nhau vì những chuyện viển vông như là hiến chương dân chủ, chính thống, quân chủ, cộng hòa, v.v... trong khi trên

(1) *Royaliste*: bảo hoàng.

(2) *Bonapartiste*: phái bônapactơ theo Napôlêông.

(3) *Chartiste*: phái hiến chương.

(4) *Orléaniste*: phái bảo hoàng theo dòng họ Oóclêăng.

(5) *Bouquiniste*: theo nghĩa của tác giả muốn giữ các hậu tố *iste*: phái yêu sách vở.

đời có bao nhiêu loài rêu, loài cỏ, loài cây để cho người ta ngắm nghía và bao nhiêu sách in gấp 2 đến gấp 32, mà người ta có thể giở. Nhưng ông luôn luôn muốn làm được việc có ích: giữ sách nhưng mà cũng đọc sách, là nhà thực vật học, nhưng vẫn làm vườn. Khi quen ông Pôngmécxi, giữa ông và ông đại tá, có một mối đồng cảm vì ông Pôngmécxi chăm các cây hoa, còn ông thì chăm các cây quả. Ông Mabớp đã trồng được những cây lê giống hạt mà quả ngon như lê Xanh Giecmanh, nhờ ông phối hợp cây mà đã tạo được giống mận tháng mười, ngày nay nổi tiếng, thơm ngon chẳng kém mận mùa hè. Ông đi lễ Chúa vì ưa thích sự êm dịu hơn là vì mộ đạo, cũng bởi vì yêu nét mặt con người, nhưng ghét tiếng ồn ào của họ, chỉ có ở nhà thờ ông mới thấy người tập họp đông mà im lặng.

Hiểu rằng phải có một chức vụ gì của Nhà nước, ông đã chọn cái chức vụ quản lý nhà thờ. Và ông cũng không bao giờ yêu được một người đàn bà bằng một củ tuynipơ, hay một người đàn ông bằng một cây endêvia. Ông đã quá sáu mươi tuổi từ lâu, khi có người hỏi ông: - Ông đã lấy vợ bao giờ chưa?- Tôi quên mất rồi -ông đáp. Cũng có đôi khi -ai chẳng có lúc ước mơ như vậy- ông ước: -Giá ta giàu có! Ấy không phải là lúc ông đang nhòm một cô gái xinh, như lão Gilơnormăng, nhưng là đang ngắm một cuốn sách cũ quí giá. Ông sống một mình, có một người ở gái già. Ông mắc bệnh thống phong tuy nhẹ. Khi ông ngủ những ngón tay già tê thấp của ông còng khoằm dưới tấm chăn ông đắp. Ông đã soạn và in được một bộ "Thực vật vùng Côtơrê", với những tranh phụ bản in màu khá được người đọc ưa thích, bản khắc đồng ông giữ và sách tự ông bán lấy. Một ngày hai ba lần có người đến kéo chuông nhà ông ở phố Mêdie để mua sách. Mỗi năm ông thu được hai ngàn phơrăng cũng là gần tất cả gia tài của ông. Tuy

nghèo, nhưng với thời gian, với sự kiên trì, thắt lưng buộc bụng, ông đã tập hợp được một tủ sách quí đủ loại. Ông ra phố bao giờ cũng cắp trong tay một quyển sách và khi về thường cắp hai. Chỗ ở của ông gồm bốn gian buồng ở tầng nền với một mảnh vườn. Vật trang trí chỉ có những tranh bách thảo lồng khung và những bức danh họa cổ. Nhìn thấy một thanh gươm, một khẩu súng làm ông đủ lạnh toát người. Suốt đời ông không đến cạnh một cỗ đại bác, dù là đại bác trưng bày ở điện Anhvalit. Ông có một bộ máy tiêu hóa bình thường, một người anh là cha sứ. Tóc ông đã bạc, không còn răng trong mồm và trong trí tuệ, người lúc nào cũng run run, giọng nói xứ Pica, một nụ cười của trẻ con, ông dễ sợ hãi và hiền như một con cừu già. Ngoài ra ông không có bạn bè, không có chỗ quen nào khác trong xã hội người sống, trừ một ông lão bán sách tên là Roayôn ở cửa ô Xanh Giắc. Ông mơ ước du nhập giống cây chàm vào nước Pháp. Người ở gái già của ông cũng là một loại người ngây thơ nữa. Bà già ấy vẫn là một cô gái đồng trinh. Con mèo của bà, bà gọi là Xuyntăng, nó có thể meo meo bản "Xin thương" của Alêgri ở nhà nguyện Xichxtin, đủ chiếm tất cả trái tim bà và thỏa mãn tất cả yêu cầu tình cảm của bà. Tất cả những ước mơ của bà chưa bao giờ hướng tới một người đàn ông, không bao giờ bà vượt quá con mèo của bà. Bà cũng có râu như con mèo đó. Tất cả tự hào của bà là ở cái mớ mũ chụp của bà, lúc nào cũng trắng tinh. Ngày chủ nhật đi lễ về, bà kiểm điểm lại quần áo của bà trong hòm và giải ra trên giường những áo dài bà mua, những cái áo đã cắt nhưng chưa bao giờ đưa may. Bà biết đọc. Ông Mabốp đã đặt tên cho bà là mụ Pluytác (1).

(1) *Plutarque:* nhà viết sử nổi tiếng của cổ Hy lạp, thế kỷ thứ nhất sau công nguyên.

Ông Mabớp ưa Mariuytx vì Mariuytx trẻ và hiền làm cho tuổi già ông thêm ấm áp và cái tính nhút nhát của ông không bị kinh động. Tuổi trẻ và tính hiền dịu đối với ông già như ánh nắng mà không gió. Khi Mariuytx đã ngợp cả lòng về chiến công, vinh quang, thuốc súng, hành quân tới lui và tất cả những trận đánh kỳ diệu, mà cha anh đã giáng và bị trả những nhát kiếm ghê gớm, thì anh đến thăm ông Mabớp và ông Mabớp kể chuyện người anh hùng trong việc trồng hoa.

Người anh ông, linh mục Mabớp, chết hồi 1830, tức thì như khi đêm đến, cả chân trời tối sầm lại trước mắt ông. Viên chưởng khế của ông vỡ nợ, thế là ông mất hết cả món tiền mười nghìn phơrăng gia tài của anh ông và của ông góp lại. Cách mạng tháng bảy đưa ngành sách vào một cuộc khủng hoảng. Trong thời kỳ eo hẹp kinh tế, sách Thực vật là loại hàng người ta ít mua nhất. Tập *Thực vật vùng Côtơrê* ế hẳn. Hàng tuần không có một khách mua. Đôi khi ông Mabớp rùng mình sung sướng nghe thấy tiếng chuông. Mụ Pluytác buồn bã bảo: "Thưa ông người gánh nước đấy ạ". Rốt cuộc, một hôm ông Mabớp rời cái phố Mêdie, từ chức quản lý nhà thờ, bỏ Xanh Xuynpixơ, bán một phần, không phải sách mà những bức họa của ông - cái mà ông thiết tha ít hơn - và đến ở một cái nhà ở đại lộ Môngpácnaxơ. Ông cũng chỉ ở đấy có ba tháng vì hai lý do: một là cái tầng dưới và cái vườn một tháng phải trả ba trăm phơrăng, mà ông thì không dám chi quá hai trăm vào khoản tiền thuê nhà; hai là nhà ở gần trường bắn Phatu, cả ngày nghe tiếng súng ông không chịu nổi.

Ông dọn quyển thực vật, các bản khắc đồng, các tập bách thảo sưu tầm, các tập tài liệu và sách, và đến ở gần khu Xanpêtric, trong một cái nhà tranh ở làng Austeclit,

tiền nhà năm mươi êquy một năm. Nhà có ba buồng, một cái vườn, một hàng rào, có giếng nước. Nhân dịp dọn nhà này, ông bán hết cả đồ đạc của ông. Hôm dọn đến chỗ ở mới này, ông rất vui và chính tay ông đóng lên tường chiếc đanh treo các bản khắc và các tập bách thảo. Hôm đó còn thì giờ, ông cuốc vườn và buổi chiều thấy mụ Pluytác ủ rũ và nghĩ ngợi, ông vỗ vai, mỉm cười bảo: "Ái chà! Chúng ta có cây chàm kia mà!".

Chỉ có hai người khách, ông lão bán sách ở cổng Xanh Giắc và Mariuytx, được tiếp ở túp lều làng Austeclit (1), cái tên quá huyên náo làm ông khó chịu.

Vả lại, như chúng tôi vừa mới chỉ ra, những khối óc quá đam mê một đạo đức hay một cuồng vọng, hoặc cũng thường cả hai, thì rất khó thấm những chuyện thực tế ở đời. Cả số phận của họ, họ cũng không để ý tới. Những sự chuyên chú ấy, đẻ ra một thái độ tiêu cực rất giống như là một triết lý sống nếu là có ý thức. Bóng xế dần, xuống dần như nước trôi đi, rồi người ta sụp đổ mà không biết. Cuối cùng thì người ta cũng thức tỉnh, nhưng muộn màng. Trong khi chờ đợi, người ta hình như giữ thái độ trung lập trong cuộc thách thức giữa hạnh phúc của họ và tai họa của họ. Chính bản thân họ là món đặt cược, thế mà họ lại thờ ơ.

Chính vì thế mà trong khi tất cả hy vọng tắt dần trong cái bóng tối bao phủ xung quanh ông, ông Mabớp vẫn bình thản, cái bình thản có vẻ ngây ngô nhưng rất sâu sắc. Nếp sống tinh thần của ông đều đặn như cái quả lắc đồng hồ đung đưa: khi một ảo tưởng đã lên giây cái đồng hồ thì quả lắc cứ chạy rất lâu, cả khi ảo tưởng đã mất. Đồng hồ không đứng lại tức khắc khi người ta đánh mất cái chìa khóa.

(1) *Austerlitz*: trận chiến thắng lớn nhất của Napôlêông, thắng liên quân Nga-Áo (1805).

Ông Mabớp có những sự giải trí ngây thơ, những giải trí rẻ tiền và bất ngờ, do những chuyện tình cờ mang đến. Một hôm mụ Pluytác đọc một quyển truyện trong một góc buồng. Mụ đọc to, y như đọc to thì hiểu hơn ấy. Đọc to tức là khẳng định cho mình là mình đọc đấy. Có những người đọc rất to như cam đoan với mình những điều mình đang đọc.

Mụ Pluytác đang đọc với tất cả cái năng lực ấy cuốn truyện mụ cầm trên tay. Ông Mabớp nghe lơ đãng.

Đây là chuyện một sĩ quan khinh kỵ binh với một cô gái. Mụ Pluytác đọc đến câu này: "... người yêu phật ý, và sĩ quan đầu rồng"... (1). Rồi mụ ngừng đọc để lau kính.

Ông Mabớp nhắc lại nho nhỏ:

- Phật và rồng, đúng rồi, ngày xưa có một con rồng, từ đáy hang của nó phun lửa ra đốt cháy cả trời. Nhiều ngôi sao đã bị thiêu cháy. Con quái vật này lại có vuốt như vuốt hổ. Phật đã vào trong hang con rồng và đã giác ngộ được con quái vật. Mụ đang đọc một quyển sách hay đấy, mụ Pluytác ạ. Chẳng có chuyện thần thoại nào hay hơn.

Thế rồi ông để trí ông chìm đắm trong một giấc mơ êm ái.

V
NGHÈO, LÁNG GIỀNG GẦN CỦA KHỔ

Mariuytx có nhiều cảm tình đối với ông già chất phác ấy. Ông lão mỗi ngày một thêm nghèo túng và ông bắt đầu lấy làm lạ, ngày càng lấy làm lạ, tuy vậy cũng chưa buồn phiền. Mariuytx thỉnh thoảng gặp Cuốcphêrắc và

(1) Chữ "dragon" trong quân đội Pháp chỉ binh chủng khinh kỵ binh, lại có nghĩa thường là "con rồng".

tìm đến ông Mabớp. Tuy vậy mỗi tháng cũng chỉ đôi lần.

Mariuytx thích đi dạo chơi lâu một mình ở những đại lộ phía ngoài trung tâm thành phố hay ở quảng trường Săng đơ Mác, hay ở những đường vắng người vườn Luychxămbua. Có khi cả buổi anh đứng ngắm một cái vườn rau, những luống xà lách, đàn gà bới đống phân hay nhìn một con ngựa kéo xe nước. Người qua đường ai cũng phải để ý đến anh, có người thấy anh khả nghi, có dáng đen tối. Chỉ là một chàng thanh niên nghèo đứng vơ vẩn đó thôi.

Một hôm dạo chơi như vậy anh tìm thấy căn nhà Gorcbô. Cái nhà hẻo lánh và rẻ tiền ấy hợp ý anh, anh đến ở đấy. Những người ở cùng nhà chỉ biết anh là ông Mariuytx.

Một vài vị tướng chỉ huy cha anh, một vài bạn cũ của cha anh khi biết anh thì mời anh đến chơi. Mariuytx nhận lời ngay, anh không bỏ lỡ một dịp nào để nhắc đến cha anh; thỉnh thoảng anh đến thăm bá tước Pagiôn, tướng Benlavenơ, tướng Phơririông, điện Anhvalit, cùng ca nhạc và khiêu vũ với họ. Những buổi tối ấy, Mariuytx mặc cái áo mới; nhưng anh chỉ đến các buổi dạ hội, các buổi vũ ấy những ngày giá buốt vì không có tiền đi xe và chỉ muốn đến với đôi giầy bóng như gương.

Anh thường nói giọng không có ý gì chua chát:

- Con người ta như vậy, trong một phòng khách, khắp cả người anh có thể vấy bùn, nhưng đôi giầy thì chớ. Ở đấy, muốn được tiếp đón niềm nở, chỉ cần có một điều đừng để ai chê: Lương tâm ư? Không, đôi giầy.

Khi người ta mơ mộng thì quên cả mọi thứ say mê, trừ có chuyện lòng thôi. Những cơn sốt chính trị của Mariuytx

đã tan biến trong mơ màng. Những ngày cách mạng 1830 đã làm cho anh thỏa mãn, anh dịu đi và cũng giúp vào đó một phần. Anh vẫn giữ nguyên xu hướng của anh nhưng nó êm dịu đi. Nói cho đúng thì anh cũng chẳng còn xu hướng gì rõ rệt, chỉ là một thứ cảm tình thôi. Anh chẳng ở đảng phái nào, đảng phái của anh là đảng nhân loại. Trong nhân loại anh hướng về nước Pháp, trong nước Pháp anh hướng về nhân dân, trong nhân dân anh thiên về phụ nữ. Tất cả lòng thương xót của anh dành cho phụ nữ. Anh ưa lý tưởng hơn hành động, thích một nhà thơ hơn một anh hùng, phục một quyển sách kiệt tác như Giốp hơn một sự kiện như Marănggô.

Hơn nữa sau một ngày trầm tư, khi anh trở về nhà, đi dọc các đại lộ nhìn qua những cành lá, anh thấy không gian vô tận, những ánh sáng không tên, vực thẳm, bóng tối, huyền bí, anh cảm thấy tất cả những gì không thuộc về con người đều thật là nhỏ bé.

Anh tin - và có lẽ được như thế - là anh đã đạt tới sự thật về cuộc đời và triết học của con người, và bây giờ anh chỉ nhìn trời, cái duy nhất mà chân lý có thể nhìn thấy từ đáy giếng. Tuy vậy anh vẫn xây dựng hết kế hoạch này đến mưu đồ khác, những kiến thiết này đến những dự định tương lai khác. Trong trạng thái mơ mộng của Mariuytx ấy, nếu con mắt nào có thể nhìn được vào lòng anh thì sẽ bị chói lòa bởi cái trong sáng của tâm hồn ấy. Thật vậy nếu những con mắt thịt của chúng ta có thể nhìn vào ý thức của người khác, thì ta có thể đánh giá đúng một con người qua những ước mơ hơn là qua ý nghĩ của người ấy. Trong suy nghĩ có ý chí, trong ước mơ thì không có. Ước mơ, điều rất hồn nhiên bao giờ cũng giữ nguyên hình dạng của tâm hồn ta, cả trong cái lớn lao và

trong cái lý tưởng, không có cái gì xuất phát trực tiếp và chân thật nhất từ đáy lòng ta hơn là những khao khát tự nhiên, không suy nghĩ và vô biên vô tận, tới những ánh sáng huy hoàng của số phận. Chính ở những khát vọng ấy hơn là ở những ý nghĩ thận trọng, có lý lẽ và hệ thống, mà người ta nhận thức được bản lĩnh của mỗi người. Ảo vọng của chúng ta giống chúng ta nhất. Mỗi người ước mơ cái không biết được, cái không thể làm được, theo bản chất của mình.

Vào khoảng giữa năm 1831, mụ già giúp việc quét dọn của Mariuytx kể với anh rằng người ta sắp đuổi vợ chồng Giôngđơrét, cái gia đình nghèo khổ ở ngay sát vách buồng của anh. Mariuytx hàng ngày vắng nhà từ sáng đến tối cũng không hay rằng có cái gia đình ấy là hàng xóm của anh. Anh hỏi mụ già:

- Sao người ta lại đuổi họ đi?

- Vì họ thiếu tiền nhà, họ thiếu hai kỳ rồi.

- Hai kỳ là bao nhiêu tiền?

- Hai mươi phơräng.

Mariuytx có ba mươi phơräng để dành trong ô kéo.

- Này bà, hai mươi nhăm phơräng đây, bà trả tiền nhà cho họ và cho họ năm phơräng, nhớ đừng bảo là của tôi.

VI

NGƯỜI THAY CHÂN

Tình cờ cái trung đoàn của trung uý Têôđuyn về đóng ở Pari. Việc ấy làm cho bà dì Gilơnormăng nảy ra một sáng kiến thứ hai. Lần trước bà ta đã nghĩ ra việc nhờ Têôđuyn theo dõi Mariuytx, lần này bà âm mưu đem Têôđuyn thế chân Mariuytx.

Cầu may và phòng khi người ông muốn cần một gương mặt trẻ trong nhà -những tia sáng bình minh đôi khi cũng êm ái giữa cảnh hoang tàn đổ nát- cũng nên có một Mariuytx khác. Cô Gilonormăng nghĩ: Thế cũng hay, một sự đính chính như trong các cuốn sách mình vẫn thấy: Mariuytx, xin đọc là Têôđuyn.

Cũng là cháu cả, cháu gọi bằng ông cụ thì cũng gần như cháu ngoại, không có thằng cháu luật sư thì có thằng cháu khinh kỵ binh cũng chẳng sao.

Một buổi sáng khi lão Gilonormăng đương đọc một tờ báo, hình như là tờ Côtiđiêng, bà con gái vào và nói với giọng êm ái nhất, vì nói về đứa cháu nuông của bà:

- Thưa cha, sáng nay Têôđuyn sẽ đến thăm chào cha.

- Têôđuyn, ai thế?

- Têôđuyn, cháu gọi cha là ông cụ đó mà.

Lão Gilonormăng mới nhớ ra:

- A.

Rồi lão lại đọc báo, mà chẳng nghĩ gì đến người cháu Têôđuyn nào ấy nữa; mỗi khi đọc báo, lão thường hay bực tức. Tờ báo lão đang đọc là một tờ báo bảo hoàng - tất nhiên rồi- đăng tin rằng ngày hôm sau sẽ có một buổi họp của sinh viên trường thuốc và trường luật ở quảng trường Păngtêông, vào giữa trưa. Sinh viên sẽ thảo luận về vấn đề những cỗ pháo của đội cảnh vệ quốc gia, bàn về mâu thuẫn giữa ông thượng thư bộ binh và "Thành đội dân quân" về vấn đề những cỗ súng đại bác đặt ở trong sân điện Lơ Luvrơ. Sinh viên phải thảo luận về vấn đề này. Cái tin như vậy đủ làm cho lão Gilonormăng nổi nóng.

Lão nghĩ đến Mariuytx. Mariuytx cũng là sinh viên, chắc Mariuytx cũng sẽ đến "thảo luận giữa trưa ở quảng trường Păngtêông".

Lão Gilonormăng đang tưởng tượng cái điều buồn bực ấy thì trung uý Têôđuyn vào. Anh mặc thường phục kiểu thị dân, để cho vừa mắt lão; bà cô nhẹ nhàng dẫn cháu vào. Chàng trung uý nghĩ thầm: Lão trượng không đặt hết tiền vào quỹ thực lợi chung thân, thỉnh thoảng hóa trang như thế này cho vừa ý lão cũng có khi lợi.

Bà cô Gilonormăng cất cao tiếng, nói với cha:

- Cháu Têôđuyn của cha đây.

Và bà nói nhỏ với Têôđuyn:

- Cứ tán thành tất nhé!

Rồi bà trở ra.

Trung úy Têôđuyn không quen có những cuộc gặp gỡ trịnh trọng như vậy, rụt rè nói:

- Lạy ông ạ.

Và chào, bắt đầu theo kiểu nhà binh, kết thúc theo kiểu thị dân.

- À, cháu đấy à, được, cháu ngồi chơi, lão Gilonormăng nói.

Lão nói thế rồi quên phắt thằng cháu kỵ binh.

Têôđuyn ngồi xuống, lão Gilonormăng đứng lên. Lão đi đi lại lại trong phòng, hai tay bỏ túi, nói oang oang một mình, những ngón tay bứt rứt luôn luôn mân mê hai chiếc đồng hồ ở trong hai cái túi con.

Hừ, cái bọn nhãi ranh ấy! Cái ngữ ấy mà họp nhau ở quảng trường Păngtêông! Bọn nhãi nhép hôm qua

hãy còn ôm vú mẹ! Giá bóp mũi chúng thì sữa lại toài ra! Thế mà ngày mai lại họp hội nghị thảo luận giữa trưa! Thế này rồi sẽ đến đâu? Sẽ đến đâu? Rõ ràng là đến vực thẳm! Đó bọn tháng Mười đã đưa chúng ta đến đó. Pháo binh nhân dân! Bàn về pháo binh nhân dân, ra giữa quảng trường thảo luận về những tiếng đì đẹt của quốc dân quân! Bàn với ai? Chủ nghĩa Giacôbanh dẫn người ta đến chỗ ấy đấy, thấy không? Tôi dám đánh cuộc một triệu đổi một cọng rác là ở đó chỉ có bọn đầu trộm đuôi cướp, bọn khổ sai mãn hạn. Cộng hòa và tù khổ sai cũng như mũi với khăn tay. Cácnô hỏi: Mi muốn ta đi đâu? Quân phản bội! Phousê đáp: Mi muốn đi đâu thì đi, đồ ngu! Đấy bọn cộng hòa là như thế đấy.

- Thưa ông đúng thế.

Lão Gilonormăng khẽ quay đầu, nhìn Têôđuyn rồi lại tiếp:

- Nghĩ đến cái thằng ngốc đi theo bọn cộng hòa mà tức! Sao lại bỏ nhà tao mà đi? Để làm một tên cộng hòa à? Chào! Dân chúng có ưa gì cái cộng hòa ấy, dân chúng đứng đắn, dân chúng thừa biết rằng bao giờ cũng có vua, dân chúng biết rằng dẫu sao mình chỉ là dân, họ thiết gì cái thứ cộng hòa của chúng mày, đồ ngốc, nghe chưa. Ghê tởm chưa! Cái trò chơi ấy. Mê lão Đuysênơ (1). Liếc mắt đưa tình cho cái máy chém, đàn và hát dưới bao lơn của 93, ta muốn phỉ nhổ vào cái bọn nhãi ranh ấy. Sao chúng nó ngu xuẩn thế! Chúng nó đều đi đến đấy cả, không đứa nào thoát! Chỉ thở cái không khí ngoài đường là chúng mày đủ hóa rồ rồi. Cái thế kỷ XIX này rất độc. Thằng nhãi con nào cũng để cái

(1) *Le père Duchesne*: tên một tờ báo cực tả hồi cách mạng Pháp 1789. Trong cách mạng 1848 và 1871 (Công xã Pari) cũng có những tờ báo lấy tên này.

kiểu râu dê già ấy, rồi cho là mình ghê lắm, rồi chẳng kể gì cái thứ cha mẹ già này. Thế là cộng hòa đấy, thế là lãng mạn đấy. Lãng mạn là cái gì, anh hãy bảo hộ tôi lãng mạn là cái gì? Tất cả mọi thứ điên cuồng. Một năm trước họ đổ xô đi xem kịch Hecnani (1). Hecnani là cái kịch gì hử! Những phản đề, những ngu xuẩn cũng không phải viết bằng ngôn ngữ của nước Pháp nữa. Rồi lại súng đại bác ở trong sân điện Lơ Luvrơ. Đấy thời đại này những chuyện cướp đường như thế đấy.

- Thưa ông, ông nói rất phải - Têôđuyn nói xen vào.

Lão Gilonormăng tiếp:

- Đại bác ở trong sân viện Bảo tàng! Hừ! Thưa để làm gì? Ông Súng, ông đến đây làm gì? Để bắn vào tượng Apôlông Benvêđe (2) à? Còn các ống thuốc súng thì có việc gì với nàng Vênuytx đời Mêđixi (3) chứ? Cái bọn thanh niên ngày nay, thật là quân kẻ cướp. Còn ai vô nghĩa lý bằng cái tên Bengiamanh Côngxtăng của chúng! Cái bọn chúng không vô lại thì là ngốc! Chúng tự làm cho xấu đi, quần áo lôi thôi lốc thốc, không ra hình người, trông thấy phụ nữ thì mất vía, ve gái thì như van xin làm cho các cô ả không nín cười được. Đúng là những thằng mê gái thiểu não. Chẳng ra cái dáng dấp gì, và cũng ngu đần như nhau, nên bổ sung cho nhau. Chúng luôn mồm nhắc những trò chơi chữ của Tiexôlăng và Pôchiê, khoác những cái áo thùng thình, những chiếc gi-lê của mã phu, áo sơ-mi vải thô, những quần dạ thô, những giầy da thô, người làm sao thì chiêm bao làm vậy, lời ăn tiếng nói của chúng có thể lấy để thay những đế giầy tã của chúng. Thế mà tất cả cái bọn nhãi ranh ấy lại làm chính trị. Phải cấm hẳn không cho chúng có chính kiến. Chúng nó bịa đặt những

(1) Kịch lãng mạn của tác giả (xem phần tiểu sử) chung quanh kịch này có những cuộc tranh luận kịch liệt.

(2), (3) Những tượng thần nổi tiếng để ở viện bảo tàng Lơ Luvrơ.

lý thuyết này nọ, chúng muốn thay đổi xã hội, chúng muốn tiêu diệt chế độ quân chủ, chúng vứt bỏ cả luật pháp, chúng đảo lộn tất cả, đầu xuống đít, đít lên đầu, cho thằng gác cổng làm vua. Chúng xô đẩy cả châu Âu, chúng muốn nhào nặn lại trái đất, mỗi khi nhìn trộm được hai cái bắp chân của những ả thợ giặt đang trèo lên xe bò thì chúng cho đó là những hạnh ngộ về ái tình. Chao! Mariuytx, cái thằng khố rách đi hò hét giữa đường. Rồi thảo luận, rồi quyết nghị những biện pháp! Chúng gọi những cái đó là biện pháp, quỷ thần ơi! Cái hỗn độn cũng thấp bé đi rồi và trở thành ngu ngốc rồi. Lão đã từng thấy hỗn độn, bây giờ lão thấy tường nát đây. Bọn trẻ ranh thảo luận về đội cảnh vệ quốc dân quân, bọn mọi ôgibêva và cadôđaxơ cũng không làm thế! Bọn mọi rợ trần truồng đội cái mũ như quả cầu bông, một cái chùy buộc vào cẳng, cũng không ngu độn như những cậu tú tài ấy! Những đồ nhãi đáng 4 xu, mà nào "xét rằng" nào "quyết nghị" và thảo luận, cái lẽ! Trời sắp đổ sụp, đến lúc tận thế rồi! Cái trái đất khốn khổ này sắp chết. Phải có một cơn nấc lên, chính nước Pháp đương thở cái hơi thở dốc cuối cùng ấy. Thảo luận, cứ thảo luận nữa đi các con ạ. Chúng còn đọc báo dưới vòm nhà hát Ôđêông thì chúng còn thảo luận. Chúng mất một xu thôi và mất cả lẽ phải, mất cả lương tri, mất cả lý trí, cả tình cảm, cả tâm hồn, mất cả gia đình. Báo chí toàn là đồ thổ tả, cả tờ *Cờ trắng* (1) nữa. Thực ra Máctanhvin là một tên giacôbanh. Trời ơi! Mariuytx, mày có thể đi khoe khoang rằng mày đã làm cho ông mày thất vọng.

- Thật đúng quá. -Têôđuyn nói.

Trong khi lão Gilơnormăng còn phải ngừng lại để lấy

(1) Báo bảo hoàng nhưng theo Gilơnormăng thì chưa bảo hoàng đúng mức.

hơi, chàng khinh kỵ binh lợi dụng thời cơ dõng dạc nói tiếp:

- Phải cấm hết tất cả các tờ báo, chỉ để *Mônitơ* và chỉ cho đọc một quyển sách: quyển *Niên biểu nhà binh*.

Lão Gilonormăng nói tiếp:

- Cũng như cái thằng cha Xiêdét của chúng. Giết vua để rồi làm một nguyên lão nghị viên. Bọn chúng rồi thế cả. Mày, tao, đồng chí, rồi cuối cùng lại: thưa ngài bá tước. Ngài bá tước to bằng cánh tay, bọn sát nhân tháng chín! Nhà triết học Xiêdét! Lão phải công bằng với chính mình để nói rằng chẳng bao giờ lão coi những triết học của tất cả bọn triết gia ấy hơn cặp kính của tên hề ở Tivôli. Ta đã thấy trên bến Malake bọn nguyên lão nghị viên mặc áo khoác nhung tím thêu ong, với những cái mũ kiểu Hăngri IV. Thật là dị hợm. Có thể nói đó là những chú khỉ ở triều đình cọp. Các ngài công dân này, lão tuyên bố cái tiến bộ của các anh là điên cuồng, nhân đạo của các anh là mơ mộng, cách mạng của các anh là tội lỗi, cộng hòa của các anh là một con quái vật, nước Pháp non trẻ đồng trinh của các anh từ nhà thổ mà ra. Dù các anh là nhà báo, là nhà kinh tế, nhà luật pháp, nhà gì đi nữa, dù các anh có lầu thông về tự do, bình đẳng, bác ái hơn cái lưỡi máy chém, ta cũng nói thẳng vào mặt các anh như thế. Các anh nghe chưa.

Chàng trung úy hô to lên:

- Chao ôi! Thật là tuyệt, thật là chân lý rực rỡ.

Lão Gilonormăng bỗng dừng cánh tay đương ra bộ, quay lại, nhìn vào mắt chàng khinh kỵ binh và nói:

- Anh là một thằng ngốc!

QUYỂN VI

HAI NGÔI SAO GẶP NHAU

I

BIỆM DANH: CÁCH HÌNH THÀNH CỦA TÊN TỘC HỌ

Mariuytx hồi ấy là một chàng trai xinh đẹp, người tầm thước, tóc dày và đen nhánh, trán cao và thông minh, hai lỗ mũi rộng, say sưa, vẻ chân thật và bình tĩnh; tất cả diện mạo tỏa ra một tinh thần tự cao, trầm tưởng và ngây thơ. Trông nghiêng thì đường nét của chàng tròn trịa nhưng vẫn rắn rỏi. Gương mặt chàng có cái dáng hiền dịu. Nhật-nhĩ-man đã qua con đường Andát Lôren mà thấm vào vẻ mặt Pháp. Gương mặt đó không mang góc cạnh, khiến người ta dễ nhìn ra người Nhật-nhĩ-man giữa những người La-mã và đó cũng là điểm khác nhau giữa giống sư tử và giống phượng hoàng. Chàng đang ở cái mùa đời mà trí tuệ của con người có suy nghĩ gồm cả hai phần sâu sắc và thơ ngây bằng nhau. Gặp việc quan trọng, chàng dễ ngớ người ra; nhưng khi quay được cái chìa khóa giải quyết, thì chàng có thể trở thành rất cao sâu. Cử chỉ của chàng dè dặt, lạnh lùng, lễ phép, ít cởi mở. Vì miệng chàng rất có duyên, môi thắm nhất, răng trắng nhất thiên hạ, cho nên nụ cười của chàng sửa chữa được

vẻ nghiêm nghị trên mặt. Có lúc cái nụ cười say đắm ấy, phản lại một cách lạ lùng vầng trán trắng trong. Mặt chàng nhỏ, nhưng cái nhìn thật lớn.

Trong thời kỳ túng thiếu nhất, chàng thấy mỗi khi chàng đi qua, con gái ngoảnh lại nhìn, thế là chàng rảo bước đi nhanh hay trốn tránh, lòng tê tái; chàng cho rằng họ cười bộ quần áo cũ của chàng; sự thực thì những cô gái ấy nhìn chàng vì thấy chàng xinh trai và mơ ước thầm trong lòng.

Sự hiểu lầm thầm lặng về những cô qua đường xinh xắn ấy làm cho chàng lạnh lùng, khó tính; chàng không để ý đến một phụ nữ nào vì lẽ rất dễ hiểu là chàng lẩn tránh tất cả. Cuộc sống ấy cứ kéo dài mãi, Cuốcphêrắc cho chàng là ngu độn.

Cuốcphêrắc còn bảo chàng: - Thôi mày đừng làm ra vẻ mô phạm nữa (họ đã bắt đầu gọi nhau mày tao biểu hiện của tình bạn trẻ trung). Tao khuyên mày bớt vùi đầu vào sách vở, hãy ngẩng nhìn bọn con gái một chút, họ cũng có lắm cái hay, Mariuytx ạ. Cứ đỏ mặt và lẩn trốn hoài rồi mày đến thành đần độn mất.

Nhiều khi Cuốcphêrắc gặp chàng chào:

- Kính chào ông tu viện trưởng.

Mỗi khi Cuốcphêrắc nói với Mariuytx tương tự như thế thì Mariuytx tám ngày liền tránh không gặp một người đàn bà nào, trẻ hay già cũng vậy, và càng tránh Cuốcphêrắc.

Nhưng dưới gầm trời mênh mông, có hai người đàn bà mà Mariuytx không tránh mặt và cũng không để ý tới. Đáng ra nếu ai bảo đó là đàn bà thì chắc Mariuytx rất ngạc nhiên. Một người là mụ già có râu vẫn quét dọn

buồng chàng -Cuốcphêrắc thường nói đùa: thấy mụ người ở mang râu rồi, Mariuytx không mang nữa- Người kia là một cô gái nhỏ mà Mariuytx gặp luôn nhưng không nhìn bao giờ.

Từ hơn một năm nay, Mariuytx thấy trong vườn Luychxămbua, ở cái lối đi vắng vẻ nhất, dọc theo bờ tường khu Ươm cây, một người đàn ông và một cô gái nhỏ, lúc nào cũng ngồi với nhau trên một chiếc ghế dài ở đầu đường ít người qua lại, về phía phố Uét. Mỗi lần đi chơi ở vườn Luychxămbua, ngẫu nhiên - sự ngẫu nhiên của những người đi dạo để trầm tư - mà Mariuytx bước chân vào cái lối đi ấy, bao giờ chàng cũng gặp hai người đó. Người đàn ông trạc độ sáu mươi tuổi, có vẻ buồn rầu và nghiêm nghị, với cái vóc dáng khỏe mạnh và mệt mỏi của con nhà lính đã giải ngũ; giá có đeo một cái huy chương thì Mariuytx tin chắc là một sĩ quan về hưu. Trông ông ra vẻ hiền lành, nhưng khó đến gần, ông không để mắt nhìn một ai cả. Ông mặc một cái quần xanh, một cái áo dài xanh, đội một cái mũ rộng vành, lúc nào cũng như mới cả, một cái cà vạt đen và một cái sơ mi của người quê-cơ (1) nghĩa là trắng toát nhưng bằng vải thô. Một cô ả lẳng lơ một hôm qua đấy nói: Ông lão góa này trông cũng sạch mắt đấy. Tóc ông đã bạc cả.

Lần đầu tiên Mariuytx gặp cô gái đến cùng ông già ngồi trên chiếc ghế quen thuộc của họ thì cô bé mới trạc độ mười ba, mười bốn tuổi, gầy gầy đến nỗi trông ra xấu, vụng về, chẳng có ý vị gì, chỉ có đôi mắt hứa hẹn sẽ khá đẹp. Nhưng đôi mắt đó lúc nào cũng mở to nhìn không

(1) Tiếng Anh *quaker*: giáo sĩ của một giáo phái đạo Tin lành thịnh hành ở Mỹ, Anh.

chút e lệ cho nên khó chịu. Quần áo thì nửa là bà già, nửa là trẻ con, kiểu quần áo của con gái ở nhà tu, cái áo dài len thô màu đen, may cắt vụng. Hai người có vẻ là hai bố con.

Hai ba hôm Mariuytx để ý nhìn hai bố con người ấy, người bố tuy già nhưng chưa ra vẻ ông lão, cô con gái thì chưa ra vẻ người lớn. Về sau chàng không để ý đến họ nữa. Còn hai người đó thì hình như không trông thấy Mariuytx, họ nói chuyện với nhau bình tĩnh, thản nhiên. Cô bé thì cười nói luôn mồm, ông già nói ít, thỉnh thoảng đăm đăm nhìn cô bé với tất cả lòng trìu mến khó tả của một người cha.

Theo thói quen, Mariuytx luôn luôn dạo chơi ở lối đi ấy. Không lần nào chàng không gặp hai cha con ông già.

Sự việc diễn ra thế này:

Mariuytx thường hay đi từ đầu cái lối đi mà ở cuối lối có ghế họ vẫn ngồi. Anh đi suốt dọc lối đó, qua mặt họ, rồi lại quay trở lại cho đến nơi xuất phát, và cứ thế làm lại. Trong mỗi cuộc đi dạo chơi, anh đi đi lại lại như vậy năm sáu lần, và mỗi tuần anh đi dạo năm sáu bận. Nhưng chưa bao giờ anh với họ trao đổi một lời chào hỏi. Nhân vật ấy và người con gái, mặc dù có vẻ tránh con mắt mọi người, hoặc giả chính vì thế cũng nên, vẫn được năm sáu sinh viên tự nhiên chú ý, những sinh viên thỉnh thoảng đi dạo chơi dọc lối khu Ươm, bọn chăm học thì sau buổi lên lớp, bọn khác thì sau cuộc bi-a. Cuốcphêrắc ở trong số những anh ham chơi, có quan sát họ một độ, sau thấy cô bé xấu xí, thì vội vàng và cẩn thận lảng đi. Anh chạy trốn như người kỵ sĩ, dùng chước đà đao, phóng lại một cái tên chế giễu. Cuốcphêrắc chú ý cái áo dài đen của cô bé và mái tóc bạc của ông già, nên gọi cô gái là cô La Noa và ông

già là ông Lơ Blăng ([1]); không ai biết tên họ hai cha con người ấy, cái tên biếm La Noa và Lơ Blăng thành ra tên của họ. Bọn sinh viên bảo nhau: -Ồ! Ông Lơ Blăng đã đến ngồi ghế rồi- Mariuytx cũng thuận mồm gọi ông già không quen ấy là ông Lơ Blăng.

Chúng tôi cũng theo họ gọi là ông Lơ Blăng cho tiện kể.

Hầu như hôm nào cũng vậy, Mariuytx gặp họ vào một giờ bất di dịch ở cái ghế ấy, suốt năm đầu. Chàng thấy ông già người cũng dễ ưa, nhưng cô bé mặt mày khó mến.

II

ÁNH SÁNG ĐÃ ĐẾN ([2])

Năm thứ hai, là lúc câu chuyện của chúng ta đến quãng này, tự nhiên Mariuytx không đi dạo chơi ở vườn Luychxămbua nữa. Chàng cũng chẳng biết vì lẽ gì có sự thay đổi ấy. Sáu tháng liền chàng không để chân trên cái lối đi cũ trong vườn. Nhưng một hôm, một buổi sáng hè tươi đẹp chàng lại tới đó. Mariuytx thấy lòng vui vẻ trước cảnh trời tươi đẹp. Lòng chàng rộn rã những tiếng chim hót trên cành và tươi sáng như những mảnh trời xanh sau kẽ lá.

Chàng tiến thẳng đến lối cũ của mình, đến cuối đường chàng lại thấy, cũng trên cái ghế cũ, hai người quen thuộc. Đi gần đến nơi chàng nhận rõ vẫn ông già ấy, không thay đổi gì, nhưng cô gái thì hình như không phải cô bé năm trước. Cô gái bây giờ là một cô gái lớn và đẹp, có cái hình dáng xinh xắn của người đàn bà mà vẫn còn vẻ

(1) *La Noire*: cô Đen; *Le Blanc*: ông Trắng.

(2) Nguyên văn la-tinh "*Lux facta est*".

ngây thơ của tuổi nhỏ, nàng đang ở cái tuổi dậy thì thoáng qua, trong sáng: cái tuổi mười lăm. Mái tóc nàng hung nâu đẹp vô cùng với những đường vân vàng óng ả, trán nàng trắng như cẩm thạch, má mơn mởn như cánh hồng, thắm nhạt và trắng mượt mà, miệng xinh nở nụ cười trong sáng, giọng nói êm như tiếng đàn, cái đầu đáng làm mẫu cho Raphaen vẽ Maria đặt trên cái cổ mà Giăng Gugiông ưng tạc cho Vênuytx. Để tăng thêm vẻ hấp dẫn cho bộ mặt xinh tươi ấy, cái mũi không đẹp nhưng mà xinh, cái mũi không thẳng, không cong, không giống mũi người Ý cũng chẳng giống mũi người Hy, cái mũi của người thiếu nữ thủ đô thông minh, thanh tao, trong trẻo và không mẫu mực làm cho họa sĩ thất vọng và nhà thơ say mê.

Khi Mariuytx đi qua gần nàng, chàng không nhìn thấy mắt nàng, vì mắt nàng luôn luôn nhìn xuống. Chàng chỉ trông thấy hàng mi hung nâu kín đáo và e lệ.

Nhưng người thiếu nữ vẫn mỉm cười nghe ông già tóc bạc nói chuyện; không gì đẹp bằng nụ cười khi đôi mắt e lệ nhìn xuống.

Lúc đầu Mariuytx cho rằng thiếu nữ là một cô con gái khác của ông già, chắc hẳn là chị cô bé năm trước. Nhưng theo thói quen đi dạo, Mariuytx lần sau lại đến gần chiếc ghế, chàng nhận rõ vẫn là cô bé năm trước. Sáu tháng qua, cô gái nhỏ đã thành một thiếu nữ, thế thôi. Chuyện cũng rất thường. Có lúc những cô gái nhỏ nở bừng ra như những đóa hồng. Hôm qua còn là trẻ con, hôm nay đã làm cho người ta bối rối. Cô gái không những lớn lên, còn duyên dáng xinh đẹp lên nữa. Tiết tháng tư, chỉ cần ba hôm là

một cái cây phủ đầy hoa, sáu tháng đủ cho cô kia khoác một lốt đẹp.

Một đôi khi có những người nghèo khổ, hèn mọn bỗng nhiên như bừng tỉnh, từ nghèo hèn trở thành sang trọng, tiêu tiền như nước, rộng rãi, huy hoàng. Đó là vì họ đã lĩnh được lợi tức. Kỳ lĩnh đến hôm qua. Cô thiếu nữ này cũng vậy. Cô đã lĩnh được khoản lục cá nguyệt bổng.

Không phải là cô nữ sinh ký túc với cái mũ nhung xù, cái áo len thô, đôi giầy học trò, và hai bàn tay đỏ nữa. Nàng đẹp ra và lại thêm ý nhị, ăn mặc thanh nhã, sang mà giản dị, không kiểu cách, nàng mặc một cái áo nhiễu đen, một cái áo khoác cùng một thứ hàng, mũ trắng cũng bằng nhiễu. Đôi găng trắng để lộ rõ bàn tay búp măng, đang mân mê một cái cán dù bằng ngà Trung Hoa, đôi giầy lụa nhỏ che đôi chân xinh xắn. Người nàng tỏa một mùi hương trẻ trung và thấm thía.

Còn ông già thì vẫn không thay đổi gì.

Lần thứ hai, Mariuytx đến gần nàng, người thiếu nữ ngẩng mặt lên; mắt nàng xanh thăm thẳm như da trời, nhưng trong cái màu trời xanh che đậy đó vẫn còn ánh của tuổi thơ. Nàng thản nhiên nhìn Mariuytx cũng như nhìn đứa bé đang chạy chơi dưới hàng cây sung hay chiếc bình cẩm thạch in bóng trên ghế nàng ngồi; còn Mariuytx thì vẫn bước đi thơ thẩn nghĩ đến chuyện khác.

Chàng đi qua như vậy bốn năm lần nữa trước ghế của nàng, nhưng chẳng hề quay đầu nhìn.

Những ngày sau chàng vẫn dạo chơi ở vườn Luych xămbua, vẫn gặp "ông bố và cô gái" nhưng không để ý đến nữa. Chàng không để ý đến người thiếu nữ đẹp

bây giờ cũng như không để ý đến cô gái nhỏ xấu trước kia. Chàng vẫn theo thói quen đi gần sát chiếc ghế.

III
VÌ MỘT NGÀY XUÂN

Một hôm trời ấm, vườn Luychxămbua đầy bóng râm và ánh nắng, trời trong vắt như có một toán thiên thần đã rửa sạch lúc sớm mai. Chim hót ríu rít trong cành cây dẻ. Mariuytx mở rộng tâm hồn chào đón cảnh vật, chàng không tư lự gì, hồn nhiên hít thở và tận hưởng cuộc sống. Chàng đi qua gần chiếc ghế quen. Thiếu nữ ngẩng đầu nhìn chàng, hai cặp mắt gặp nhau.

Ánh mắt của thiếu nữ lần này ngụ ý gì? Mariuytx không sao nói được. Không ngụ ý gì mà cũng là tất cả. Thật là một tia chớp lạ lùng.

Nàng cúi mặt, còn chàng thuận bước cứ đi.

Cặp mắt chàng vừa thấy không phải là cặp mắt thơ ngây chất phác của trẻ con, nhưng là một cái vực thẳm huyền bí thoáng mở ra rồi khép lại.

Trong đời mỗi thiếu nữ đều có một lần đôi mắt nhìn như vậy. Tai họa cho người nào đứng đó.

Cái khóe mắt đầu tiên của một tâm hồn còn tự tìm mình ấy chẳng khác gì ánh bình minh trên trời, một cái gì chói lọi và bí ẩn đang dâng lên. Không sao tả được cái vẻ quyến rũ nguy hiểm của tia sáng bất ngờ vừa rọi trên những bóng tối êm ái đáng yêu, sức quyến rũ của một thứ tình hôm nay còn thơ ngây nhưng ngày mai sẽ say đắm.

Đó là một thứ trìu mến mơ hồ, ngẫu nhiên nảy nở và chờ đợi, là một cạm bẫy vô tình của tuổi thơ, không chủ tâm bẫy những trái tim mà cũng không hay rằng có những trái tim đã vướng mắc. Một cô gái đồng trinh với cái nhìn của một thiếu phụ.

Một khóe mắt như vậy rơi vào đâu chẳng khỏi gây nên mơ mộng. Tất cả trong trắng, tất cả say mê, chung đúc trong các tia sáng thần tiên có sức quyến rũ mãnh liệt ấy, hơn tất cả những khóe mắt đưa tình tinh luyện của những ả lẳng lơ, có phép nhiệm mầu làm bừng nở trong đáy lòng người bông hoa ngào ngạt hương thơm mà cũng ngấm ngầm chất độc: bông hoa tình ái.

Chiều hôm ấy, trở về gian phòng tồi tàn, Mariuytx nhìn lại quần áo của mình và lần đầu tiên, chàng nhận thấy sao chàng lại có thể thô tục, vô ý, ngớ ngẩn đến mực ấy, đi dạo chơi ở vườn Luychxămbua với bộ áo "hàng ngày" ấy, một cái mũ nát, một đôi giầy phu xe, một cái quần đen bạc thếch ở đầu gối, một cái áo đen khuỷu đã phai màu.

IV
BẮT ĐẦU TƯƠNG TƯ

Ngày hôm sau, đến giờ thường lệ, Mariuytx mở tủ lấy chiếc áo mới, chiếc quần mới, chiếc mũ mới và đôi giầy mới, mặc tất cả bộ đồ đầy đủ ấy, đeo găng tay, xa xỉ phẩm bậc nhất của chàng và đi đến vườn Luychxămbua.

Giữa đường chàng gặp Cuốcphêrắc nhưng làm như không nhìn thấy. Cuốcphêrắc về nhà nói với bạn: tao vừa gặp cái mũ mới, chiếc áo mới của Mariuytx, và hắn ta ở

trong đó. Chắc Mariuytx đi dự một kỳ thi, trông nó đến ngớ ngẩn.

Đến vườn Luychxămbua, Mariuytx dạo một vòng xung quanh bể nước, nhìn những con thiên nga lượn trên mặt nước, rồi đứng trầm ngâm rất lâu trước một pho tượng đầu đen những mốc và đã mất một bên hông. Gần bể nước có một người tư sản trạc bốn mươi tuổi, bụng phệ, dắt tay một đứa nhỏ chừng năm tuổi, ông ta bảo con: -"Con hãy nhớ phải tránh những điều quá trớn, nên ở lưng chừng giữa chuyên chế và vô chính phủ". Mariuytx để ý nghe người tư sản nói rồi chàng lại đi vòng bể nước một lần nữa. Cuối cùng chàng tiến về phía cái "lối đi của chàng", lững thững, như có ý e ngại, hình như có cái gì lôi kéo chàng đi mà cũng có cái gì cản chàng lại. Chàng vô tình không nhận thấy gì và tưởng rằng cũng đi như mọi ngày thôi.

Bước vào lối đi, chàng thấy ở đầu kia, trên cái ghế quen thuộc, ông Lơ Blăng và thiếu nữ. Chàng cài khuy áo lên đến tận cổ, ưỡn ngực cho áo phẳng không nếp nhàu, nhìn khoái chá hai ống quần óng ánh tuyết len và tiến về phía chiếc ghế dài. Cái dáng tiến lên của chàng như có vẻ tấn công và muốn chinh phục; có thể nói chàng tiến đến chiếc ghế như Anniban tiến vào La-mã.

Nhưng chàng vẫn bước đi tự nhiên như vậy, óc nghĩ đến những công việc đang làm. Chàng nghĩ đến quyển sách *Khóa trình tú tài*, chàng cho là quyển sách thật ngớ ngẩn, những người soạn sách chắc ngu dốt đặc biệt vì họ phân tích coi đó là kiệt tác của nhân loại ba bi kịch của Raxin và độc một hài kịch của Môlie thôi. Đi gần đến chiếc

ghế, chàng ưỡn ngực cho căng thẳng nếp áo và đăm đăm nhìn thiếu nữ. Hình như tất cả một đầu lối đi vì nàng mà sáng rực lên một ánh sáng lam mờ.

Càng tiến đến gần, chàng càng bước chậm lại. Đến một quãng, cách cuối lối còn khá xa, chàng đứng lại và cũng không biết vì sao, chàng quay trở lại. Chàng cũng không hề tự nhủ chàng đừng đi đến cuối lối. Thiếu nữ mới thoáng thấy chàng ở xa, và thoáng thấy cái vẻ lịch sự của chàng trong bộ áo mới. Còn chàng thì bước đi rất ngay ngắn để cho ra vẻ, phòng khi có ai ở đằng sau chú ý nhìn theo mình.

Mariuytx đi tới đầu kia lối đi, rồi quay trở lại và lần này tiến đến gần chiếc ghế hơn. Chàng đến chỉ còn cách ba gốc cây, nhưng đến đấy chàng bỗng thấy không thể tiến xa hơn nữa, và chàng do dự. Chàng thấy hình như thiếu nữ nghiêng mặt về phía chàng. Chàng gắng hết nghị lực, khắc phục do dự, cương quyết tiến lên phía trước. Vài giây sau chàng đi qua chiếc ghế, ngay ngắn, nghiêm nghị, đỏ mặt tía tai, không dám nhìn ngang, nhìn ngửa, tay đút trong ngực áo như một chính khách. Khi chàng đi ngang qua "khẩu đại bác ở quảng trường", chàng thấy tim đập một cách dễ sợ. Thiếu nữ vẫn mặc chiếc áo nhiễu và đội cái mũ nhiễu như hôm trước. Chàng nghe thấy giọng nói êm ái vô cùng chắc phải là "tiếng của nàng". Nàng nói chuyện tự nhiên như không có gì. Nàng xinh quá, Mariuytx cảm thấy như vậy tuy chàng không dám nhìn nàng. Chàng chợt nghĩ chắc nàng không thể không đem lòng mến yêu và kính trọng chàng, nếu nàng biết rằng chính chàng là

người đã làm bài nghị luận về Maccôt Ôbơrêgông đơ la Rôngđa mà ông Phrăngxoa đơ Đơnơsatô đã để ở đầu bàn Gin Bơlát và ký tên ông (1).

Chàng vượt qua chiếc ghế, đi tới đầu lối đi cũng gần đấy, rồi quay lại và lại đi qua trước mặt người đẹp. Lần này mặt chàng tái hẳn đi. Chàng thấy trong người rất khó chịu. Chàng bước xa chiếc ghế, xa thiếu nữ, quay lưng lại nàng, nhưng ngờ rằng nàng đang nhìn theo chàng, chàng bối rối, bước thấp bước cao.

Chàng không muốn đến gần chiếc ghế nữa. Đến khoảng giữa lối đi, chàng đứng lại, và ngồi xuống, chưa bao giờ chàng ngồi như vậy, chàng nhìn ngang và mơ hồ nghĩ từ trong đáy lòng rằng người mũ trắng và áo đen mà chàng ngầm khen ngợi không thể không để ý đến chiếc quần còn óng ánh tuyết và chiếc áo mới của chàng.

Mười lăm phút sau chàng đứng dậy như sắp lại đi về phía chiếc ghế bao phủ hào quang, nhưng chàng đứng yên lặng. Đã mười lăm tháng rồi, lần đầu tiên bây giờ Mariuytx mới nghĩ rằng có lẽ ông già hàng ngày vẫn ngồi trên ghế kia với cô gái chắc cũng phải để ý đến chàng; chắc ông phải lấy làm lạ rằng chàng luôn luôn qua lại nơi này như vậy.

Cũng lần đầu tiên chàng cảm thấy sự bất kính của mình đối với ông già lạ ấy khi gọi ông, tuy rằng chỉ gọi thầm, với cái tên hiệu ông Lơ Blăng.

Chàng đứng như vậy mấy phút liền cúi đầu nhìn xuống, tay cầm chiếc gậy nhỏ vẽ vẽ trên mặt cát. Rồi

(1) *Gil Blas*: tiểu thuyết phong tục nổi tiếng của nhà văn Pháp Lesage (thế kỷ XVII, XVIII).

chàng ngoắt hẳn lại phía đối lập chỗ ông Lơ Blăng và con gái, đi thẳng về nhà.

Hôm ấy chàng quên đi ăn, tám giờ tối chàng mới nhớ đến bữa, vì muộn rồi không xuống phố Xanh Giắc được, chàng chỉ ăn một miếng bánh mì.

Chải xong chiếc áo ngoài, gấp cẩn thận rồi chàng mới lên giường ngủ.

V

SÉT NỔ TRÊN ĐẦU MỤ BUGÔNG

Ngày hôm sau mụ Bugông kinh ngạc thấy Mariuytx lại mặc bộ áo mới đi ra phố. Tên mụ trương nhà chính kiêm gác cổng, kiêm làm bếp ở cái nhà nát Goócbô, là Buyêcgông, nhưng cái ông mãnh Cuốcphêrắc chẳng tha ai, đã xuyên tạc tên mụ và gọi là mụ Bugông.

Mariuytx lại đến vườn Luychxămbua nhưng chàng có rời ghế cũng không đi quá quãng giữa lối đi. Chàng ngồi xuống ghế như hôm trước và từ xa chàng vẫn nhìn thấy rõ ràng cái mũ trắng, cái áo đen và nhất là cái ánh sáng xanh lam. Chàng không đi đâu cả và cứ ngồi đó cho đến lúc người ta đóng cổng vườn Luychxămbua mới đứng dậy ra về. Chàng không thấy ông Lơ Blăng và cô con gái đi về. Chàng đoán là họ đã ra về phía cổng phố Uet. Mấy tuần lễ sau, chàng không nhớ chiều hôm ấy chàng ăn ở đâu.

Ngày hôm sau một tiếng sét nữa lại nổ trên đầu mụ Bugông. Mariuytx lại mặc bộ áo mới ra phố. Mụ kêu lên:

- Ba ngày liền!

Mụ cố theo dõi Mariuytx, nhưng Mariuytx đi nhanh và bước rất dài. Đúng con hà mã đuổi theo con sơn dương.

Chỉ hai phút là mất hút Mariuytx, mụ trở về thở hết hơi, hen suyễn nổi lên, mụ căm giận lắm lẩm bẩm một mình: ngày nào cũng diện áo mới và để cho người ta đuổi theo bở hơi tai thế này thì quả là mất hết lương tri.

Mariuytx đến vườn Luychxămbua.

Thiếu nữ đang ngồi với ông Lơ Blăng. Mariuytx cố lại gần hết sức, làm bộ cầm quyển sách đọc, nhưng chàng cũng còn ở khá xa, rồi lại quay về ngồi ở chiếc ghế cũ; chàng ngồi liền trong bốn tiếng đồng hồ nhìn những con chim sẻ nhảy nhót như có ý chế giễu chàng.

Nửa tháng qua như vậy. Mariuytx đến vườn Luychxămbua không phải để dạo chơi nữa nhưng để ngồi ở chỗ cũ, chàng cũng chẳng biết ngồi đấy để làm gì.

Đến đấy, là chàng ngồi yên đấy, không cử động nữa. Sáng nào chàng cũng thắng bộ áo mới nhưng không chường mặt, hết ngày này sang ngày khác.

Quả thật là nàng rất đẹp. Chỉ có một nhận xét có thể coi như một lời phê bình là miệng nàng cười tươi mà cặp mắt thì lại buồn, làm cho vẻ mặt có phần nào lạc điệu, thành đôi khi diện mạo hiền từ ấy có vẻ lạ lùng tuy vẫn đẹp tươi.

VI

THÀNH TÙ BINH

Một ngày cuối tuần thứ hai, Mariuytx như thường lệ ngồi trên chiếc ghế dài, tay cầm quyển sách mở rộng, đã hai tiếng đồng hồ, chàng chưa lật một trang. Bỗng nhiên chàng giật mình. Một biến cố đã xảy ra ở cuối lối đi. Ông Lơ Blăng và cô con gái đã đứng dậy đi từ từ về phía giữa lối đi, chỗ cái ghế của Mariuytx, cô con gái nắm cánh tay

ông lão. Mariuytx gấp sách rồi lại mở, cố đọc. Chàng run. Vừng hào quang đang tiến về phía chàng. Chàng nghĩ thầm: trời hại mình, ngồi đứng thế nào bây giờ cho trông được. Ông lão tóc bạc và thiếu nữ cứ tiến lại gần. Chàng thấy cái giây phút ấy lâu như một thế kỷ. Người ta lại đây làm gì? Nàng sẽ qua trước mặt! Chân nàng sẽ bước trên mặt cát này, trên lối đi này, ngay sát mặt ta! Chàng thấy bối rối, chàng muốn mình thật đẹp, muốn mang một huân chương. Chàng nghe thấy những bước chân êm đềm và nhịp nhàng tiến tới. Chàng hình dung như ông Lơ Blăng đang nhìn chàng giận dữ. Ông ta sẽ hỏi gì ta chăng? Chàng cúi đầu, khi ngẩng lên thì hai người đã đến sát chàng. Thiếu nữ đi qua và nhìn chàng. Nàng nhìn chàng chăm chú với một vẻ mặt trầm ngâm êm ái làm cho chàng rung động từ đầu đến chân. Chàng cho rằng khóe mắt ấy như muốn trách móc chàng sao bấy lâu không đến với nàng, hình như nàng bảo: "Em đến tìm anh đây". Mariuytx thấy trước đôi mắt sáng ngời và sâu thẳm của nàng.

Đầu óc chàng nóng như than hồng. Nàng đã đến bên chàng! Diễm phúc nào bằng! Nàng nhìn ta, trìu mến làm sao! Chưa bao giờ nàng đẹp như bây giờ! Đẹp kiều mị, đẹp thần tiên, đẹp cái đẹp tròn vẹn có thể khiến Pêtrác ca ngợi và Đăngtơ phủ phục. Chàng thấy mình đang chơi vơi trong khoảng trời xanh. Nhưng chàng lại ngượng nghịu vô cùng thấy đôi giày bám bụi.

Chàng chắc rằng nàng để ý đến cả đôi giày của chàng.

Chàng nhìn theo thiếu nữ mãi cho đến khi nàng đi khuất. Rồi chàng đi lại trong vườn Luychxămbua, như điên dại. Hình như có lúc chàng nói nói cười cười

một mình. Chàng đi gần những chị giữ trẻ, vẻ mặt quá mơ màng, khiến chị nào cũng tưởng anh chàng mê mình.

Chàng ra khỏi vườn Luychxămbua, mong gặp lại nàng ngoài phố.

Chàng gặp Cuốcphêrắc dưới cổng rạp Ôđêông:

- Đi ăn với mình đi.

Mariuytx kéo Cuốcphêrắc đến tiệm ăn Rútxô, hai người ăn hết sáu phơrăng. Mariuytx ăn như hùm. Chàng thưởng cho đứa trẻ hầu bàn sáu xu. Khi ăn tráng miệng chàng hỏi Cuốcphêrắc:

- Đã đọc nhật báo chưa? Bài diễn văn của Đơ Puyravô tuyệt nhỉ!

Mariuytx yêu như si như dại.

Ăn xong chàng bảo Cuốcphêrắc:

- Tao thết mày một tối xem hát.

Hai người đến rạp Poóctơ Xanh Mactanh xem tài tử Phêđêrich trong vở Ôbecgiơ đê Ađơrê. Mariuytx thích thú hết sức.

Nhưng Mariuytx đồng thời cũng trở nên khó tính. Ở rạp hát ra, gặp một cô thợ may áo kiểu bước qua cái rãnh nước để lộ đùi, chàng ngoảnh mặt không nhìn và gần như tởm khi nghe Cuốcphêrắc bảo: *Cô ả này đáng được vào kho tao.*

Ngày hôm sau Cuốcphêrắc lại rủ Mariuytx đi ăn sáng ở tiệm Vonte. Mariuytx ăn nhiều hơn hôm trước. Chàng nghĩ ngợi nhiều và rất vui, nghe cái gì cũng bật lên cười được; anh trìu mến ôm choàng lấy một ông quê ở tỉnh nhỏ vừa được người ta giới thiệu. Một đám sinh viên tụm lại

chung quanh bàn ăn, bàn tán xôn xao về việc chính phủ vứt tiền để cho mấy ông giáo sư ba hoa vớ vẩn trên bục trường Xorcbon, rồi lại bàn đến những sai lầm và thiếu sót trong những tự điển và sách âm luật của nhà xuất bản Kisora. Mariuytx ngắt lời mọi người và nói to lên:

- Thế mà có một chiếc huân chương cũng vẫn thú.

Cuốcphêrắc bảo thầm Giăng Pruve:

- Sao nó ngớ ngẩn thế ?

- Không ngớ ngẩn đâu. Nghiêm trọng đấy.

Nghiêm trọng thật. Mariuytx đang bước vào những giờ phút say mê, kích động, bắt đầu một mối tình sâu sắc.

Tất cả chỉ vì một khóe mắt.

Khi mìn đã nhồi thuốc, đám cháy đã sẵn sàng, thì chẳng còn khó khăn gì. Một khóe mắt là tia lửa châm ngòi. Thế là xong. Mariuytx đã yêu một người đàn bà. Cuộc đời chàng đi vào chỗ vô tri vô định.

Ánh mắt phụ nữ như một bộ phận bánh xe trong máy móc, có vẻ yên lặng mà ghê gớm. Ngày ngày anh đi bên cạnh rất bình yên, không xảy ra việc gì, không nghi ngờ gì. Thậm chí lâu dần anh đến quên là có cái máy ấy ở đấy. Anh đi, anh lại, anh mơ màng, anh cười nói. Thình lình anh thấy mình bị tóm. Thế là hết. Bánh xe nắm anh, khóe mắt giữ anh. Nó tóm anh không biết do chỗ nào, bằng cách nào, chắc do một bộ phận tư tưởng lê la, hoặc vì một phút lơ đãng. Nhiều lực lượng kết hợp và bí ẩn chiếm giữ anh. Anh vùng vẫy vô ích. Không có sức lực trần gian nào có khả năng cứu anh. Anh sắp rơi từ khớp bánh xe này đến khớp bánh xe khác, từ khắc khoải này đến khắc khoải khác, từ dày vò này đến dày vò khác; người anh, trí tuệ anh, gia sản anh, tương lai anh, cả

linh hồn anh cũng bị cuốn vào đó. Và tùy theo anh ở dưới quyền lực của một nhân vật độc ác hay thanh cao, anh chỉ thoát khỏi cỗ máy ghê gớm ấy hoặc là xấu xí đi vì nhơ nhuốc, hoặc là đẹp đẽ hẳn lên vì tình yêu.

VII

CHUYỆN CỦA CHỮ U THEO PHỎNG ĐOÁN

Cuộc đời cô đơn, thoát ly tất cả, bản tính kiêu hãnh ưa độc lập, yêu cảnh vật thiên nhiên, sự rỗi rãi hàng ngày, lối sống thầm lặng, những khao khát thầm kín của thể xác, lòng say mê trước Tạo hóa, tất cả những cái đó đã tạo cho Mariuytx một tâm hồn sẵn sàng đón nhận một tình yêu đam mê. Lòng sùng bái người cha ngày càng tôn nghiêm như một tín ngưỡng và dần dần ẩn sâu vào tận đáy tâm hồn như mọi tín ngưỡng. Phải có gì chiếm lĩnh cõi ngoài của lòng chàng. Tình yêu đã đến chiếm cứ phần tâm hồn ấy.

Một tháng ròng trôi qua, không ngày nào Mariuytx không đến vườn Luychxămbua. Đúng giờ thì đi, không gì ngăn giữ được chàng. Cuốcphêrắc thường nói: "Mariuytx đi làm đấy". Mariuytx sống tràn trề, say sưa. Chắc hẳn là thiếu nữ đã nhìn chàng.

Mariuytx dần trở nên mạnh dạn hơn, chàng tiến lại gần chiếc ghế. Nhưng tính rụt rè và thận trọng của người si tình khuyên chàng chớ nên đi ngang qua trước mặt nàng. Chàng nghĩ không nên để người cha chú ý tới. Chàng tính toán rất khôn khéo để đứng ở chỗ nào, đằng sau những gốc cây, những chân tượng nào để người cha ít trông thấy chàng, nhưng để thiếu nữ trông được chàng rõ nhất. Có lúc hàng nửa tiếng đồng hồ liền chàng đứng yên

lặng dưới bóng một pho tượng Lêôniđát hay một pho tượng Spacticuýt, tay cầm một quyển sách, mắt ngẩng lên dịu dàng nhìn về phía thiếu nữ, thiếu nữ ngoảnh mặt xinh tươi nhìn chàng với một nụ cười mơ hồ. Vừa nói chuyện rất thản nhiên với ông lão tóc bạc, nàng vừa gửi qua cặp mắt trinh bạch và say mê tất cả những mơ ước của lòng nàng cho Mariuytx: lối đưa tình trao duyên từ ngàn xưa của nàng Evơ ngày khai thiên lập địa và của mỗi người đàn bà từ buổi đầu yêu đương. Miệng nàng trả lời cho cha, mắt nàng trả lời cho Mariuytx.

Chắc rằng ông Lơ Blăng mãi rồi cũng phải nghi ngờ điều gì vì nhiều khi thấy Mariuytx tới, ông đứng dậy đi lại. Ông đã rời bỏ chiếc ghế cũ và đến ngồi chiếc ghế ở đầu kia lối đi, bên cạnh pho tượng người Lực sĩ La-mã, hình như ông lão thử xem Mariuytx có theo không. Mariuytx không đoán ra dụng ý của ông. Chàng cũng theo đến phía ấy. Thế là một lần hớ. Ông già không đến đều đều tất cả mọi ngày nữa, và nhiều khi không dắt cô con gái theo. Có khi ông đến một mình. Hôm ấy Mariuytx không ở lại vườn Luychxămbua. Thế là hai lần hớ.

Mariuytx không để ý đến những triệu chứng ấy. Từ giai đoạn e dè, chàng đã bước sang giai đoạn mù quáng, sự tiến hóa ấy là tất nhiên không sao tránh được. Mối tình ngày càng mạnh. Không đêm nào chàng không mơ tưởng. Lại thêm một sự may mắn không ngờ, như dầu đổ vào lửa, càng khiến chàng mù quáng: Một buổi chiều, trời đã nhá nhem tối, chàng nhặt được trên chiếc ghế ông Lơ Blăng và cô con gái vừa rời bỏ một chiếc khăn tay. Một chiếc khăn giản dị, không thêu thùa gì, nhưng rất trắng, rất nhỏ sợi, chàng thấy đượm một mùi hương khó tả.

Chàng hối hả nhặt lấy. Chiếc khăn có hai chữ U.F. Mariuytx không biết gì về thiếu nữ xinh đẹp ấy, không biết tên, biết họ, biết nhà, hai chữ tắt này là điều đầu tiên chàng được biết về nàng; bao nhiêu ức đoán bắt đầu được xây dựng về hai cái chữ đáng yêu này. Chắc hẳn U là Uyếcxuyn, tên riêng, cái tên sao mà dịu dàng thế! Chàng đưa chiếc khăn tay lên môi hôn, hít hương thơm, ấp chiếc khăn trên tim, trên da thịt ban ngày, và ban đêm chàng nằm ngủ, chiếc khăn trên môi. Mariuytx sung sướng reo lên:

- Cả tâm hồn thơm ngát của nàng ở đây!

Chiếc khăn ấy chỉ là của ông lão để rơi.

Những ngày sau hôm nhặt được chiếc khăn tay, chàng đến vườn Luychxămbua, không lúc nào rời chiếc khăn, đưa lên môi hôn và ấp trên trái tim. Thiếu nữ xinh đẹp không hiểu ra sao và ra hiệu kín đáo với chàng.

Mariuytx nghĩ thầm:

- Trời ! E lệ dễ thương chưa?

VIII

THƯƠNG BINH CŨNG CÓ THỂ SUNG SƯỚNG

Vì chúng tôi đã nói đến tiếng *e lệ* và chúng tôi không giấu giếm gì, cho nên chúng tôi phải nói là cũng có một lần nàng Uyếchxuyn của Mariuytx đã làm cho chàng giận dữ khi chàng đang mê mải say sưa. Hôm ấy nàng bảo ông Lơ Blăng đứng dậy đi dạo chơi trên lối đi. Một làn gió mạnh cuối xuân làm xao động những ngọn cây ngô đồng. Ông cha và cô con gái cắp tay nhau đi qua chiếc ghế Mariuytx ngồi. Mariuytx bàng hoàng đứng dậy nhìn theo bóng hai người.

Bỗng nhiên một luồng gió mạnh như vui vẻ làm sứ giả cho mùa xuân thổi lên từ phía vườn Ươm, thổi vào lối đi, bọc người thiếu nữ trong một luồng rung động thần tiên, và lật cái áo dài thiêng liêng lên đến giữa vế; một cái đùi nõn nà hiện ra. Mariuytx nhìn thấy, chàng bực tức và giận dữ.

Thiếu nữ đã vội vàng kéo vạt áo xuống bằng một cử động bẽn lẽn đẹp như thần tiên. Nhưng Mariuytx vẫn phẫn uất. Có một mình chàng ở lối đi đã đành thế. Nhưng cũng có thể có người khác; nếu có người khác thì làm sao? Chịu sao nổi được một chuyện như vậy! Cái việc nàng vừa làm thật là ghê tởm. Nhưng nàng có làm gì đâu, tội phạm chỉ là luồng gió thôi.

Nhưng tên Bácthơlô ([1]) lờ mờ đã gầm gừ trong lòng chủ tiểu thiên thần, Mariuytx dứt khoát lấy làm bất bình và đang ghen bóng ghen gió. Sự ghen tuông xốn xang và lạ lùng của xác thịt nổi dậy trong lòng người và ngự trị lắm khi không hợp pháp như thế đấy. Tuy nhiên, ngoài chuyện ghen tức, cái đùi xinh xắn kia chẳng gợi cho Mariuytx một cảm hứng gì: được nhìn thấy chiếc bít tất trắng của bất kỳ một phụ nữ nào, chàng còn lấy làm thú vị hơn.

Khi nàng Uyếcxuyn của chàng đi hết lối đi rồi quay trở lại cùng với ông Lơ Blăng, đi qua chiếc ghế Mariuytx, chàng nhìn nàng với con mắt bất bình, giận dữ. Thiếu nữ nẩy người nhẹ nhẹ ra phía sau, mắt ngước lên, như có ý hỏi: Sao? Có chuyện gì thế?

---

(1) *Barthelo*, nhân vật ghen tuông trong vở kịch "Anh phó cạo thành Xêvin" nổi tiếng của Bômacse (thế kỷ XVIII).

Đây là lần xung đột đầu tiên giữa hai người.

Mariuytx vừa tỏ ý giận dữ với nàng như vậy thì có một người đi qua. Đấy là một ông lão thương binh: lưng còng, mặt giăn gieo, tóc râu trắng xóa, mặc binh phục kiểu Lui XV, trên ngực đeo cái huy chương chiến binh Xanh Lui bằng miếng da hình bầu dục thêu hai chiếc gươm chéo. Ông lão thương binh cụt một tay mang hàm giả và chân gỗ. Mariuytx thấy ông lão thương binh ra vẻ thỏa mãn lắm. Hình như cái ông già khập khiễng ấy nháy nháy mắt thân mật và vui vẻ với Mariuytx, như hai người đã đồng mưu và vừa vớ được một món bở gì. Cái "lão tướng võ tàn phế" ấy có cái gì mà vui vẻ thế. Cái chân gỗ này với cái đùi kia có liên can gì với nhau chăng? Lòng ghen tức của Mariuytx lên đến cao độ. Lão ta cũng ở đây lúc nãy chăng? Chắc lão đã trông thấy...! Mariuytx muốn đập chết lão thương binh.

Nhưng rồi thời gian cũng làm mòn tất cả những mũi nhọn. Lòng ghen tức của Mariuytx đối với Uyếcxuyn tuy có lý và chính đáng nhưng rồi cũng nhạt dần và mất đi. Cuối cùng chàng tha thứ, tuy rằng không phải dễ dàng lắm đâu. Chàng đã giận dỗi ba ngày liền. Qua những cái đó và vì những cái đó mối tình càng sâu nặng thêm đã trở thành tình si.

IX
MẤT HÚT

Ta vừa thấy Mariuytx khám phá, hoặc tưởng đã khám phá, tên Nàng cách thế nào.

Biết được tên người yêu đã là nhiều lắm rồi. Nhưng quen mui bén mùi, Mariuytx hãy còn chê ít. Chỉ sau ba

hay bốn tuần lễ chàng ngốn hết cái diễm phúc đó nên muốn được cái may mắn khác. Chàng muốn biết nàng ở đâu.

Mariuytx đã hớ một lần: đó là việc rơi vào cái bẫy ở chiếc ghế bên cạnh pho tượng Lực sĩ; chàng lại hớ lần thứ hai: không ở lại vườn Luychxămbua khi ông Lơ Blăng đến một mình. Chàng lại hớ lần thứ ba, hớ to lắm: chàng đi theo "Uyếcxuyn".

Nàng ở phố Uet, ở quãng vắng vẻ nhất trong một cái nhà mới ba tầng, một cái nhà có vẻ tầm thường.

Từ đó Mariuytx không những được diễm phúc gặp nàng ở vườn Luychxămbua, chàng còn được theo nàng đến tận nhà.

Càng ăn càng thấy đói. Biết tên, tuy chưa biết họ, một cái tên rất xinh đẹp, rất phụ nữ, biết chỗ ở; bây giờ chàng lại muốn biết nàng là ai.

Một buổi chiều, theo nàng về đến tận nhà, thấy hai người đi khuất vào trong cổng rồi, chàng theo vào và đánh bạo hỏi người gác cổng:

- Ông già ở tầng một vừa về phải không bác?

Người gác cổng trả lời:

- Ông già ở tầng ba chứ?

Thế là biết thêm một tí. Mariuytx mạnh dạn hỏi thêm:

- Đàng trước phải không?

- Rõ hay chửa, làm gì có gác sau.

Mariuytx lại hỏi tiếp:

- Ông lão làm gì nhỉ?

- Tiêu tiền lợi tức quốc trái. Ông lão hiền lành lắm, không giàu nhưng hay làm phúc.

Mariuytx hỏi thêm:

- Tên ông lão là gì?

Người gác cổng ngẩng đầu lên nói:

- Ông là mật thám đấy à?

Mariuytx lảng đi, bẽn lẽn, nhưng rất sung sướng. Có tiến bộ. Chàng nghĩ thầm: nàng là Uyếcxuyn, nàng là con một người sống về lợi tức quốc trái, nàng ở phố Uet, tầng ba.

Ngày hôm sau ông Lơ Blăng và cô con gái chỉ đến vườn Luychxămbua có một lát, trời còn sớm đã về. Mariuytx đi theo như mọi ngày đến phố Uet. Đến cổng ông Lơ Blăng để con gái vào trước, đứng lại ở ngưỡng cửa, rồi bỗng nhiên quay lại và nhìn thẳng vào mặt Mariuytx.

Ngày hôm sau, hai người không đến vườn Luychxămbua nữa. Mariuytx đợi cả ngày chẳng thấy.

Đến tối chàng tới phố Uet, thấy cửa sổ tầng ba có ánh đèn. Chàng đi đi lại lại dưới cửa sổ ấy cho đến khi đèn trên gác tắt.

Ngày sau nữa, không ai đến vườn Luychxămbua, Mariuytx chờ hết ngày, rồi lại đến "gác đêm" dưới cửa sổ cho đến mười giờ khuya, không kể gì đến bữa cơm tối. Người sốt không biết đói, người yêu quên ăn.

Tám hôm liền, ông Lơ Blăng và cô con gái không đến vườn Luychxămbua. Mariuytx hết đoán thế này lại đoán thế khác, những điều phỏng đoán đều buồn. Chàng không dám rình mò trước cửa nhà nàng ban ngày, chỉ buổi tối chàng mới đến dưới cửa sổ, ngắm nhìn qua những khung cửa kính có ánh sáng đo đỏ. Thỉnh thoảng chàng nhác thấy những bóng thấp thoáng lại qua, ngực chàng đánh trống.

Ngày thứ tám, khi đến chàng không thấy ánh đèn ở cửa sổ nữa. Chàng ngạc nhiên: "Chưa thắp đèn à? Trời tối lâu rồi kia mà! Hay là đi vắng? " Chàng đợi đến mười giờ

đêm, đến nửa đêm, đến một giờ sáng vẫn không có ánh đèn lóe lên trên cửa sổ tầng ba, và cũng không có ai về cả. Chàng bỏ đi, rầu rĩ.

Ngày hôm sau, - Mariuytx chỉ sống vì ngày hôm sau chứ ngày hôm nay không có nghĩa gì với chàng- ngày hôm sau vẫn không ai đến vườn Luychxămbua, chàng cũng chắc mẩm như thế rồi. Trời tối, chàng lại đến phố Uet. Cửa kính vẫn tối om, cửa chớp đóng im ỉm... Tầng ba tối đèn.

Mariuytx gõ cổng vào nhà và hỏi người gác cổng:

- Ông già tầng ba có nhà không?

- Dọn đi rồi.

Mariuytx lảo đảo một lát, nói không ra tiếng:

- Từ bao giờ?

- Hôm qua.

- Dọn đi đâu ?

- Ai biết được.

- Ông ấy không để địa chỉ mới lại à ?

- Không.

Người gác cổng ngẩng đầu lên nhận ra Mariuytx:

- À ! Lại cái anh này, anh này là "cớm" thật.

HẾT TẬP II

MỤC LỤC

Trang

- Lời giới thiệu 5

PHẦN THỨ NHẤT

PHĂNGTIN

QUYỂN I

Một chính nhân quân tử

1. Ông Mirien 19
2. Ông Mirien thành Đức Cha Biêngvơnuy 23
3. Giám mục giỏi thì địa phận khó 30
4. Nói sao làm vậy 33
5. Đức Cha Biêngvơnuy dùng áo lâu quá 43
6. Ông Mirien giao nhà cho ai giữ 47
7. Cơravat 54
8. Triết lý sau bữa ăn 59
9. Cô em tả ông anh 65
10. Ông giám mục đứng trước một ánh sáng khác lạ 70
11. Một điểm giới hạn 89
12. Sự cô quạnh của Đức Cha Biêngvơnuy 95
13. Ông tin gì 99
14. Ông nghĩ gì 105

QUYỂN II

Sa ngã

1. Sau một ngày đường 110
2. Khuyên người hiền phải đề phòng 127

3. Dũng cảm nhắm mắt vâng lời 132
4. Chi tiết về những xưởng phó mát ở Pôngcacliê 140
5. Tĩnh mịch 144
6. Giăng Vangiăng 146
7. Bên trong tuyệt vọng 153
8. Biển cả và đêm tối 164
9. Lại gặp bất công 167
10. Thức dậy 169
11. Hành động 172
12. Ông giám mục làm việc 177
13. Bé Giecve 182

QUYỂN III

Trong năm 1817

1. Năm 1817 195
2. Hai bộ tứ 203
3. Tay tư và tay tư 209
4. Tôlômiet vui quá hát một bài hát Tây-ban-nha 215
5. Ở quán Bôngbacđa 219
6. Thương yêu nhau 223
7. Triết lý của Tôlômiet 225
8. Ngựa chết, hết chuyện 234
9. Cuộc vui tàn trong cảnh vui vẻ 238

QUYỂN IV

Gửi trứng cho ác

1. Một người mẹ gặp một người mẹ 243
2. Vài nét phác họa đầu tiên và hai bộ mặt khả nghi 255
3. Sơn ca 257

QUYỂN V

Xuống dốc

1. Quá trình cải tiến nghề làm thủy tinh đen 262
2. Ông Mađơlen 264
3. Tiền gửi ngân hàng Laphit 269
4. Ông Mađơlen để tang 273

5. Chân trời có dạng chớp 276
6. Cụ Phôsơlơvăng 284
7. Phôsơlơvăng thành người làm vườn ở Pari 288
8. Mụ Vituyêcniêng tiêu ba mươi lăm phơrăng về khoản đạo đức 290
9. Mụ Vituyêcniêng thành công 293
10. Hậu quả của thành công 297
11. Chúa giải thoát chúng ta 304
12. Gã Bamataboa vô công rồi nghề 306
13. Giải quyết mấy vấn đề cảnh sát thành phố 309

QUYỂN VI
Giave

1. Bắt đầu yên nghỉ 324
2. Thế nào mà Giăng lại hóa ra Săng 329

QUYỂN VII
Vụ án Săngmachiơ

1. Bà xơ Xempơlit 343
2. Sự tinh ý của người chủ xe Xcôphơle 347
3. Một trận bão táp trong đầu 354
4. Những hình thái của khổ đau trong giấc ngủ 379
5. Gậy chọc bánh xe 383
6. Bà xơ Xempơlit được thử thách 399
7. Vừa đến đã chuẩn bị đi ngay 408
8. Đặc cách được vào 414
9. Nơi người ta đã bắt đầu tin chắc 418
10. Phương pháp chối cãi 427
11. Săngmachiơ mỗi lúc một thêm ngạc nhiên 436

QUYỂN VIII
Hậu quả

1. Ông Madơlen nhìn tóc mình ở cái gương nào 443
2. Phăngtin sung sướng 447

3. Giave đắc ý 452
4. Người cầm quyền khôi phục uy quyền 457
5. Chỗ chôn thích đáng 462

PHẦN THỨ HAI

CÔDÉT

QUYỂN I

Oateclô

1. Người ta thấy gì khi đi từ Niven đến 471
2. Hugômông 473
3. Ngày 18 tháng sáu 1815 481
4. A 485
5. Trận đánh có điểm mờ mịt 487
6. Bốn giờ chiều 492
7. Napôlêông vui vẻ 495
8. Hoàng đế hỏi người dẫn đường Lacôt 502
9. Điều bất ngờ 505
10. Cao nguyên Mông Xanh Giăng 510
11. Hướng đạo của Napôlêông tồi, hướng đạo của Buylô tốt 516
12. Đoàn cận vệ 518
13. Đổ vỡ 521
14. Đội hình vuông cuối cùng 524
15. Căngbơrôn 526
16. Bao nhiêu quyển sách trong tâm hồn 529
17. Có nên cho Oateclô là tốt không 536
18. Quân quyền thần thánh lại được đề cao 539
19. Chiến trường ban đêm 543

QUYỂN II

Chiếc Tàu Oriông

		Trang
I.	Số 24.601 trở thành số 9.430	552
II.	Nơi có hai câu thơ có lẽ là của quỷ sứ	556
III.	Xiềng sắt mà đập một búa đã gẫy tan thì chắc đã có kẻ chuẩn bị bẻ từ trước	561

QUYỂN III

Giữ lời hứa với người đã khuất

I.	Vấn đề nước ăn tại Môngphecmây	573
II.	Hoàn thành hai bức chân dung	577
III.	Phải có rượu cho người, nước cho ngựa.	584
IV.	Một con búp bê lên sân khấu	587
V.	Một mình con bé	589
VI.	Có lẽ Bulatơruyen cũng thông minh thật	596
VII.	Codét đi cạnh người lạ trong bóng tối	602
VIII.	Phải tiếp trong nhà một kẻ nghèo mà có lẽ giàu thì thật phiền	606
IX.	Tênacđiê giở thủ đoạn	627
X.	Tham thì thâm	637
XI.	Con số 9.430 lại xuất hiện, Côđét trúng số ấy	643

QUYỂN IV

Căn nhà nát Gorbô

I.	Ông biện lý Gorbô	645
II.	Tổ dành cho cú và bạc má	654

III. Hai bất thành hợp thành hạnh phúc 656
IV. Những nhận xét của bà chánh trương 661
V. Một đồng năm phoràng rơi xuống đất kêu thành tiếng 664

QUYỂN V

Đàn chó phải thầm lặng trong cuộc săn đuổi tối tăm

I. Chiến lược quanh co 669
II. May mà cầu Auxtéclit có xe cộ đi lại 674
III Xem bản đồ Pari năm 1727 676
IV. Mò mẫm để trốn 680
V. Nếu đường phố thắp đèn khí thì không thể thế được 683
VI. Bí mật bắt đầu 687
VII. Bí mật còn tiếp 690
VIII. Bí mật càng tăng 693
IX. Người đeo nhạc 695
X. Vì sao Giave đi không về rồi 700

QUYỂN VI

Nhà tù Pơti Pichpuyt

I. Ngõ Pichpuyt, số 62 712
II Tiểu tu viện của Mactanh Vécga 716
III. Những điều nghiêm khắc 725
IV. Những niềm vui 727
V. Những trò giải trí 732

VI. Tu viện nhỏ 739
VII. Vài hình dáng của cái bóng tối ấy 743
VIII. Sau quả tim đá 746
IX. Một thế kỷ sau tấm mạng 748
X. Nguồn gốc dòng "Chầu mình Thánh hằng ngày" 751
XI. Tu viện Pơti Pichpuyt không còn nữa 753

QUYỂN VII

Trong dấu ngoặc đơn

I. Nhà tu, ý niệm 756
II. Nhà tu, sự kiện lịch sử 757
III. Tôn trọng quá khứ với điều kiện nào 761
IV. Nhà tu về phương diện nguyên tắc 764
V. Sự cầu nguyện 766
VI. Cầu nguyện là một điều hay tuyệt đối 768
VII. Phải thận trọng khi cảnh cáo 772
VIII. Lòng tin, kỷ luật 773

QUYỂN VIII

Ai có cái gì, nghĩa địa nhận cái ấy

I. Vào nhà tu bằng cách nào? 777
II. Cụ Phôsơlơvăng đứng trước khó khăn 787
III. Mẹ Inôxăngtơ 790
IV. Giăng Vangiăng có vẻ đã đọc lầu Ôstanh Catstilegiô 805
V. Nghiện rượu chưa đủ để trở thành bất tử 813
VI. Giữa bốn tấm ván 821

VII. Nguồn gốc thành ngữ: không để mất thẻ 823
VIII. Việc xét hỏi thành công 834
IX. Nơi cấm địa 838

PHẦN THỨ BA

MARIUYTX

QUYỂN I

Pari xét qua một hạt bụi của nó

I. Parvulus 849
II. Một vài dấu hiệu đặc biệt của nó 850
III. Nó thật dễ thương 852
IV. Nó cũng có thể có ích 853
V. Biên giới của nó 854
VI. Một ít lịch sử 858
VII. Bầy "nhóc con" có thể có vị trí trong bảng phân loại tầng lớp xã hội ở ấn Độ 861
VIII. Câu nói lý thú của ông vua vừa qua 863
IX. Hồn xưa của xứ Gôlơ 866
X. Pari đây, người đây 867
XI. Nhạo báng, trị vì 872
XII. Tương lai tiềm tàng trong quần chúng nhân dân 875
XIII. Chú bé Gavơrốt 877

QUYỂN II

Nhà đại tư sản

I.	Chín mươi tuổi với ba mươi hai chiếc răng	881
II.	Người làm sao nhà làm vậy	883
III.	Lúc expri	885
IV.	Con người gần trăm tuổi	886
V.	Baxcơ và Nicôlet	887
VI.	Thoáng bóng mụ Manhông và hai đứa trẻ	889
VII.	Nguyên tắc chỉ tiếp khách buổi tối	891
VIII.	Hai mà không nên cặp	892

QUYỂN III

Ông và cháu

I.	Một phòng khách ngày trước	896
II.	Một cái bóng ma đỏ hồi ấy	901
III.	Họ yên nghỉ rồi	909
IV.	Ngày cuối cùng của tên giặc cướp	921
V.	Đi lễ nhà thờ lại có lợi để trở thành người cách mạng	926
VI.	Gặp một ông quản lý nhà chung thì có tác dụng gì	928
VII.	Chiếc váy nào đây	936
VIII.	Cẩm thạch chọi hoa cương	943

QUYỂN IV

Những người bạn của nhóm ABC

I.	Một nhóm suýt có tên tuổi trong lịch sử	950

II. Bôtxuyê đọc văn tế Bôlôngđô 970
III. Những sự ngạc nhiên của Mariuytx 975
IV. Buồng trong của tiệm càphê Muydanh 978
V. Chân trời mở rộng 989
VI. Gia tài chẳng có gì 995

QUYỂN V

Nghèo khổ lại hoá hay

I. Mariuytx túng quẫn 999
II. Mariuytx nghèo 1002
III. Mariuytx trưởng thành 1006
IV. Ông Mabốp 1012
V. Nghèo, láng giềng gần của khổ 1017
VI. Người thay chân 1020

QUYỂN VI

Hai ngôi sao gặp nhau

I. Biệm danh: cách hình thành của tên tộc họ 1027
II. áng sáng đã đến 1031
III. Vì một ngày xuân 1034
IV. Bắt đầu tương tư 1035
V. Sét nổ trên đầu mụ Bugông 1039
VI. Thành tù binh 1040
VII. Chuyện của chữ U theo phỏng đoán 1044
VIII. Thương binh cũng có thể sung sướng 1046
IX. Mất hút 1048

NHỮNG NGƯỜI KHỐN KHỔ
TẬP I
(Trọn bộ hai tập)
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN VĂN LƯU
Biên tập nội dung:

Trình bày bìa: ĐẠI THẮNG
Sửa bản in: THANH TRÀ

In 600 cuốn khổ 13x19 cm. Tại Số 2 Phạm Ngũ Lão, XN In 15
Số XB : 20/526 CXB
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2001.

VICHTO HUYGÔ

NHỮNG NGƯỜI KHỐN KHỔ

TIỂU THUYẾT

TẬP 1



NHÀ SÁCH
30 HÀN THUYÊN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI
ĐT: 04.8246272